KINH TĂNG CHI BỘ (Aṅguttara Nikāya)

Kinh Tăng Chi Bộ (VNC PHVN, 2021)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ Yỉhât nhât thân, xứ xứ chuyên

T pháp luârỉ"5 nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ5 tinh thân chuyên bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh diển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguôn gôc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác... Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh diển, nhà Phật thường có câu: “D7 Thảnh giáo vỉ minh cảnh chiêu kiên tự tâm, dĩ tự tâm vi trỉ đăng chiêu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp
làm tâm gương sáng soi vào tự tâm, lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện5 thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó5 mỗi hành giả có được cách tiếp cận5 tu tập5 thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh diển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt5 đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tOc.” Chính vì vậy5 những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc “kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Vlll

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT." Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa binh, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng B6-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phi dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Nanf\ vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam"\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Dại tạng kinh" chí đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý9 trong khi khái niệm “Tam tạng Thánh điển Phật giáo” có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vỉnaya Pltaka, H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pitaka, H.,Lu2n tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathã). Văn học Phụ chú giải (P Tĩkã). Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ? Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

X

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhamma. s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vỉnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhỉdharma, H.V6 tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pãli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lưu truyên đên ngày nay. Hai tác phâm Đảo sử (Dĩpavamsa) và Đại sử (Mahãvamsa) đêu ghi nhận răng trong triêu đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pãli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa? đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá5 khắc trên gỗ? và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở

Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ9 người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mât dân vị trí ngôn ngữ chính thông. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mói, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngimg hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nôi bật trong việc phiên dịch kinh điên từ Hán cô sang tiêng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm. Đại Bảo Tích. Niết-bàn, Pháp Hoa); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hàm), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ9 Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm, Tạp A-hàrrỉ), v.v...

XI

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pãli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pãli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Păli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pãli. Gân đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pãli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tải bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã djch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ? có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn Pháp bảo Đại tạng kỉnh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới5 với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ? Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời5 Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc5 Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên

dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển Păli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượiig đã dịch và ấn hành Kỉnh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập kinh Trung bộ: 1973 (tập I), 1974 (tạp II, III). 2 Còn thiếu 5 quyển trong Kỉnh Tiểu bộ: Diễn giải, Phân tích Đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng.

Xll

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kỉnh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh (),có cấu trúc mục lục khác với
các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó5 các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dầu tiên được thực hiện từ năm 1637
đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (? 1924-1934) do
các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tap, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó? 55 tập đầu gồm Kinh, Luật? Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hâu hêt các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyên đặc thù? vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa5 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm? Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tât một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thê tiêp cận lời Phật dạy băng tiêng Việt, nhăm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapanna, Văn tuệ)5 trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintãmayapannã.

Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhãvanãmayapannã, Tu tuệ). Đê tạo nên bản săc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giáo Vỉệt Nam. góp phàn phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

Xlll

Phật giáo Việt Nam. Đông thòi, tôi tha thiêt kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài đê công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tbm tợng Thánh điên Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam không chỉ là niêm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật5 tu Phật bằng tiếng Việt? để diệt trừ tham ái5 sân hận9 si mê5 chấp thủ5 vốn là nhân khổ đau? đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bên vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giói, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ? càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thơi khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ

đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần r y . 7 ọ r

kêt tập đâu tiên, Thánh điên được trùng tụng, chuân y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện? trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saôghamittã của vương triều này đã truyền

XVI

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thê kỷ sau, dưới triêu đại nhà Vua Tích Lan Vattagamam Abhaya. Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở An Độ5 lân kêt tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuôi thê kỷ thứ I đên đâu thê kỷ thứ II, Thánh điên được viêt xuông băng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy? cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyên sang thê giới phương Tây sớm nhât. Tạng Pãli do : . y X

Hoàng tử Mahinda khởi động truyên bá từ An Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagãmanĩ Abhaya vào thế kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihãra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thông Nam truyên như An Độ, Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pãli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh diển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pãli) ra đời với mục tiêu là biên tập5 ấn hành nguyên bản Pâli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pãli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V. Ngoài tạng Pãli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền5 cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thông lâu đời? bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nôi tiêng với trên 81.000 phiên gô? khăc vào thê kỷ thứ XI, đang được bảo tôn cân trọng tại Hải An tự. Nhật Bản tiêp nhận suôi nguôn Phật giáo khá trê? có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (Taishõ Shinshũ Daizõkyõ.)do

Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tap, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

XVII

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rât lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phân: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm I3ll (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nôi tiêng cũng xuât hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phâm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thông, Nam truyên hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhimg không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối vơi Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật5 Luận, Sớ giải.

XV111

Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra5 còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác phâm kinh điên do những thê hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nôi kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý? nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam lên một tâm cao mới, đặt một dâu ân cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bí, đồng thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ*, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó9 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pãli cũng không ngoại lệ5 khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời dại, hầu hết y : 9

những rào cản đêu đã được vượt qua và phản ánh trong Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn câu? nguôn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học5 nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phâm hậu kỳ như tóm tăt, tân giải, đô giải hay làm tiên đê cho những công trình hô trợ tiện ích theo sau: Tông mục lục, Đại từ điên Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam. Ngoài ân bản mang tính thiêng liêng của hiện tiên Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chât liệu cao cap, thiêt kê mâu mực, kỹ thuật in ân tiên tiên, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ? lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

XIX

Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ su, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả5 nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhăc từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch9 bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy dủ” một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy

thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ân bản Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam lân này thật bât khả tư nghi. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ5 ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo VỉệtNam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ su, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"Kỉnh Tăng chi bộ (như tên đã chỉ dẫn) là một bộ kinh được sắp đặt theo pháp số5 từ một pháp lên đến 11 pháp, cứ mỗi chương tăng thêm một pháp đến SÔ 11 pháp. Trong Chương Một pháp (Ekanipãla), gôm các kinh đê cập đên một pháp. Trong Chương Hai pháp (Dvenipãla) gôm các kinh đê cập đên hai pháp và tuần tự lên đến 11 pháp (Ekãdasanipãỉa). số kinh được ghi nhận là hơn 2.308 kinh, nhưng con số này không được chính xác vì số kinh phân biệt không được rõ ràng. Kỉnh Tăng chi bộ được chia làm 11 chương, từ "Chương Một pháp” cho đến "Chương Mười một pháp59 và phân thành năm tập/5 ẾCBỘ Kinh Tăng chi bộ Pãli có bộ chữ Hán tương đương là bộ Tăng nhất A-hàm. do Ngài Tăng-già-đề-dà dịch? tức là Ngài Samghadeva, cùng một dịch giả với bộ Trung A-hàmy “Nhu các kinh trước, nay chúng tôi chỉ lo dịch cho xong, dịch cho đủ và dịch cho chính xác, chứ không có thể làm gì hơn, vì không có thì giờ9 và không có người phụ giúp. Chúng tôi chưa thể giới thiệu về nội dung được vì các vấn đề được đề cập rất là phong phú5 dồi dào và không được phân loại theo những tiêu chuẩn nhất định? chỉ sau khi dịch xong trọn bộ mới có thể đi sâu vào nội dung và phân loại các vân đê được đê cap." "Chúng tôi cũng chưa làm được các bảng mục lục về tên kinh, tên người, các địa danh, các giáo lý được đề cập, các ví dụ, vì không có thì giờ, và không có người phụ tá. Những việc này thật sự không có gì khó khăn, chỉ cần kiên trì, chịu khó và có thì giờ. Ngoài ra, có vấn đề tự điển Pãli-Việt, Việt-Pãli, vấn đề này làm tương đối dễ dàng, vì dịch xong hai ba bộ kinh thì có thể làm được. Nhimg dịch là cả một vấn đề uyển chuyển và linh động. Cũng một danh từ, nhimg có đoạn phải dịch khác, với nghĩa khác. Cũng như có những đoạn tương tự, nhimg khi djch, các danh từ dùng lại khác nhau. Cho nên, phải chờ dịch xong cả năm bộ kinh, rồi làm một sự chọn lọc tổng quát các danh từ, các câu văn, thời khi ấy công trình làm tự điển Pãli-Việt5 Việt-Pãli mới có thể hoàn thành tốt đẹp. Một vấn đề nữa cũng làm chúng tôi bận tâm là tìm những kinh, những đoạn văn tương đương giữa Kinh tạng Pãli và Kinh tạng A-hàm chữ Hán. Chúng tôi tin răng hai tạng kinh có những đoạn giông nhau, có nhiêu đoạn bô túc cho

nhau, có những đoạn soi sáng cho nhau. Nhưng muốn khai thác những điểm này cho được chính xác, cần phải dùng nhiều thì giờ và nhiều dụng công và như vậy có trở ngại cho sự phiên dịch hiện tại. Do vậy5 chúng tôi quyết định? phải tạm gác vấn đề đối chiếu hai tạng một bên? hoặc chờ sau khi phiên dịch năm bộ Kinh tạng Pãli rồi sẽ làm; hay chờ một vị nào khác làm cho vấn đề này." (Lời Giới thiệu Kinh Tăng chi bộ^ tập 1,1980) "Một điều kỳ diệu nữa trong lời dạy của đức Phật là đối tượng thuyết pháp của Ngài không có xa lạ gi, chính là cái thân dài mấy tầm này, cái thân gọi là năm uẩn, không phải cái thân thuộc 2525 năm về trước, mà chính là cái thân hiện tại của chúng ta, với sắc tướng như thế này, với cảm thọ như thế này, với tưởng tượng như thế này, với các hành như thế này? với các thức như thế này. Chính trên cái thân có mấy tầm này, có tư tâm sở (Cetanã: Hành uẩn) làm chủ yếu. Với tư tâm sở? thân làm điều ác? miệng nói điều ác5 ý nghĩ ác, thời cảnh giới địa ngục, súc sanh hiện ra. Nếu với tư tâm sở? thân làm điều lành, miệng nói lời lành? ý suy nghi lành, thời thế giới chư thiên hiện ra ngay trong hiện tại. Với tư tâm sở ây, nêu chúng ta sát sanh, lây của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo, uống rượu men rượu nấu, chúng ta trở thành đê tiện nam, đê tiện nữ. Trái lại, chúng ta giữ trọn năm ệiới cấm, chúng ta trở thành thiên nam, thiên nữ. Cũng chính với cái thân mây tâm này, chúng ta sông lành mạnh, chí thiện, hành trì Bốn thiền, Hiện tại lạc trú, hướng đến Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, thời chính cái thân này của chúng ta tỏa rộng ra Giới hương, Định hương, Tuệ hương, Giải thoát hương, Giải thoát tri kiến hương. Lời dạy của đức Phật chỉ cho chúng ta rõ đâu là con đường ác càn phải từ bỏ, đâu là con đường thiện cần phải thực hành, đâu là Giới Định Tuệ can phải tu tập để hướng tiến trên con đường đạo. Với sự giải thoát và giác ngộ của Ngài, những lời dạy của Ngài bao giờ cũng thấm nhuần giải thoát và giác ngộ, cũng là những sức mạnh hướng dẫn đến giác ngộ giải thoát. Viện Phật học Vạn Hạnh chúng tôi với tâm niệm đề cao và phổ biến Chánh pháp, luôn luôn cố gắng để phiên dịch Kinh tạng Pãli, xuất bản và phát hành dịch tạng này trong các ngày Lễ lớn, đặc biệt là ngày Phật đản. Những Kinh tạng này được sưu tầm và phổ biến trước khi đạo Phật chia thành Nam tông và Bắc tông, Đại thừa và Tiểu thừa, chứa đựng những lời dạy thật sự nguyên thủy, không rơi vào những chia ly của các học phái, những phát triển của Luận tạng. Chúng tôi có thể nói sự chia rẽ thành các học phái khác biệt như Thượng Tọabộ, Đại Chúng bộ9 Nhất Thiết Hữu bộ5 v.v... Nam tông5 Bắc t6ng, v.v... bắt nguồn từ Văn học Jataka (Bổn sanh), Văn học Luật tạng (VinaycT) và Văn học Luận tạng (Abhidhamma), Do vậy Kinh tạng (Suttanta) nay đã được thế giới học Phật xem là những giáo lý căn bản chung cho tất cả các học phái, chung cho cả Nam tông5 Bắc tông, chung cho cả Đại thừa và Tiểu thừa." (Lời Giới thiệu Kinh Tăng chi bộ. tập IIA, 1981)

XX111

uĐiêu nôi bật trong các kinh này là nói lên được trí tuệ vô thượng của đức Phật, những điều Ngài dạy liên hệ đến con người chúng ta, đến đời sống hàng ngày của con người. Ngài khuyên chúng ta nên nhìn thẳng vào thực trạng cuộc đời, nhìn vấn đề sanh, lão5 bệnh, tử, đang chi phối con người chúng ta, nhìn mà không hốt hoảng, lo sợ9 than khóc

như kẻ phàm phu, nhìn mà không kiêu mạn trong tuổi trẻ5 trong sức khỏe, trong sự sống và làm các hành động bất thiện thuộc tham, sân5 si như một số người đã làm. Đức Phật khuyên các Thánh đệ tử có học, có trí, nhìn thẳng vào thực trạng sanh, lão9 bệnh, tử của con người, • ĩ ĩ ỉ -T ĩ k

và khi sanh đên5 già đên, bệnh đên? chêt đên5 không có hôt hoảng, không có lo sợ5 không có than khóc, nhìn thẳng vào đời để tìm thấy con đường đưa đến diệt tận khổ đau. Các kinh như Kinh Kakudha thuộc chương V (kinh 100), hay Kỉnh Đem lại An lạc thuộc chương V (kinh 104) giới thiệu cho chúng ta rõ năm bậc đạo su, và đức Phật là vị Đạo sư có giới thanh tịnh5 có sanh mạng thanh tịnh, có tri kiến thanh tịnh và đức Phật đích thực là một Đạo sư đem lại an lạc của Sa-môn cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn. Một số kinh cũng giới thiệu cho chúng ta rõ vai trò quan trọng của Chánh pháp (Dhamma) và đức Phật đã cung kính Pháp như thế nào, đã thuyết pháp cẩn thận như thế nào cho các loài chúng sanh và các loài hữu tình. Chính nghe pháp, thẩm sát ý nghĩa pháp được tuyên dạy đã giúp cho Thánh đệ tử đoạn được năm hạ phần kiết sử, đạt được vô thượng đoạn diệt sanh y, đưa đến chấm dứt sanh, lão, bệnh5 tử, chấm dứt trọn vẹn khổ dau.” (Lời Giới thiệu Kinh Tăng chi bQ, tập IIB, 1981)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Anguttara Nỉkãya (Kỉnh Tăng chi bộ)
AA. Anguttara Nikãya Atthakathã (Chủ giải Kinh Tăng chi bộ)
Ap. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)
ApA. Apadãna Atthakathã (Chú giải Thảnh nhân kỷ sự)
Asl. Atthasãlinĩ {Chú giải Pháp tụ)
Bv. Buddhavamsa (Phật sử)
BvA. Buddhavamsa Atthakathã (Chủ giải Phật sử)
CNỈd. CũỊanỉddesa (Tiểu nghĩa thích)
Cp. Cariyãpitaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyãpitaka Atthakathã (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. CũỊavamsa (Tiểu sử)
D. Dĩgha Nỉkãya (Kinh Trường bộ)
DA. Dĩgha Nỉkãya Atthakathã (Chú giải Kinh Trường bộ)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cú)
DhA. Dhammapada Atthakathã (Chú giải Kinh Pháp cú)
Dhs. Dhammasariganĩ (Pháp tụ)
Dpvs. Dĩpavamsa (Đảo sử)
Găt. Gãtha (Thera và Therĩ): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ
It. Itivuttaka (Kinh Phật thuyết như vậy)
J. Jataka (Chuyện tiền thân của đức Phật)

Kh, Khuddakapãtha (Tiểu tụng)
Kkvt. Kankhãvitarariĩ (Giải nghi)
9
Kvu. Kathãvatthu (Luận sự / Những điêm dị biệt)

XXVI

M. Majjhima Nikãya (Kỉnh Trung bộ)
MA, Majjhima Nikãya Atthakathã (Chủ giải Kinh Trung bộ)
Mhbv, Mahãbodhivamsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)
Mhvs. Mahãvamsa (Đại sử)
Miln. Mỉlỉndapanha (Mi-tiên vấn đáp)
MNid. Mahãniddesa (Đại nghĩa thích)
MT. Majjhima Nỉkãya Tĩkã (Phụ chú giải Kỉnh Trung bộ)
Mv. Mahãvagga (Đại phầm)
Nd. Niddesa (Nghĩa thích)
NdA. Niddesa Atthakathã (Chủ giải Nghĩa thích)
Netti. Nettipakarana (Đạo luận)
Patth. Patthãna (Luận Duyên hệ)
Pe. Petakopadesa {Chủ thích kinh tạng)
Ps. Patisambhidãmagga (Vô ngại giải đạo)
PsA. Patỉsambhidãmagga Atthakathã (Chú giải Vô ngại giải đạo)
Pug. Puggalapannatti {Nhân thi thiết luận)
PugA. Puggalapannatti Atthakathã (Chú giải Nhân thỉ thiết luận)
Pv. Petavatthu (Ngạ quỷ sự) s. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ)
SA, Samyutta Nikãya Atthakathã (Chú giải Kỉnh Tương ưng bộ)
Sn. Suttanipãta (Kinh tập)
SnA. Suttanipãta Atthakathã (Chú giải Kinh tập)
Sum. Sumangalavỉlãsỉnĩ (Chú giải Kinh Trường bộ)
Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ)
ThagA. Theragãthã Atthakathã (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)
Thĩg. Therĩgãthã (Trưởng lão Ni kệ)
ThĩgA, Therĩgãthã Atthakathã (Chủ giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũp. Thũpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud Udãna (Cảm hứng ngữ)
UdA, Udãna Atthakathã (Chú giải Cảm hứng ngữ)
Upãsakạịanãlankãra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vỉbhanga (Phân tích)
XXV11

VbhA, Vibhanga Atthakathã (Chú giải Phân tích)

Vin. Vinaya Pỉtaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathã (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Visuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo luậrỉ)
Vv. Vimănavatthu (Thiên cung sự)
VvA. Vimãnavatthu Atthakathã (Chú giải Thiên cung sự)
Yam. Yamaka (Luận Song đổí)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Divyãvadãna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahãvastu (Đại sự) r
MPS. Mahãparinirvãnasũtra (Kỉnh Đại Bát-niêt-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasãsana Samỉti edition of the Majjhima Nỉkãya (Kinh Trung bộ, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasãsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India {Phật giáo Ân Đọ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm lỷ Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yêu triêt họcf Tóm tăt và giải thích bộ Abhidhammatthasangahă) DB. Dialogues of the Buddha (Kỉnh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chỉ bộ) KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Mỉlỉnda (Mi-tiên vấn đáp) PC. Points of Controversy (Những đỉêm dị biệt) Pss. Breth, Psalms of the Brethern (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giáo)

XXV111

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCĩ/Đcà/T Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh ()
N. Nam truyền Đại tạng()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()
Tăng. Tăng nhất A-hàm kinh ()
Tạp. Tạp A-hàm kinh ()
Trung. Trung A-hàm()
Trường. Trường A-hàm kinh ()
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit lai tạo) CPD. Critical Pãli Dictionary (Từ điển Biện giải Pãlí) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pãlí) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. Englỉsh-Pãli Dictionary (Từ điển Anh - Pãỉỉ) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pãli-English Dictionary (Từ điển Pãli - Anh)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pãli) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển Pãlĩ) JRAS. Journal of the Royal Asiatic Society (Tạp chí Hội Hoàng gia A châtì) VRI. Vipassana Research Institute (Viện

Nghiên cứu Thiền quán)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt s. Tiếng Sanskrit p. Tiếng Pãli H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch TL. Tây lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà Xuất bản

XXIX

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư sc. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) etc. (et cetera) vân vân...(V.V...) f./ ff. (following pages) trang kê tiêp/ các trang kê tiêp ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn/ như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/pages) trang/ các trang tr.(by) dịch bởi trans. bản dịch V. (verse) câu ke, bài thơ vol./ vols. {volume! volumes) tap, quyên/ các tap, các quyên

DẪN LUẬN KINH TẢNG CHI Bộ

Tăng chỉ bộ (Anguttara Nikãya) là bộ kinh thứ tư trong năm bộ thuộc hệ thống Kinh tạng Nikãẏa của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravãda). Theo tác phẩm Diệu pháp yếu lược {Saddhammasangahă) của Ngài Dhammakitti Mahãsãmi, việc giữ gìn và truyền tụng Tăng chỉ bộ là do Tôn giảAnuruddha và Tăng chúng thuộc nhóm của Ngài thực hiện. Trong Tông quan vê 5 bộ kinh Pali, Ngài An Thuận chủ trương răng cả 5 bộ kinh này? trong đó có Tăng chỉ bộ. được bảo tồn và lưu truyền bởi Đồng Diệp bộ.12Chi tiết hơn, Ngài Ấn Thuận trích dẫn theo Ngài Buddhaghosa về việc có 4 hệ thống phụ trách 4 bộ kinh chính như sau: (1) Hệ thống Ãnanda phụ trách Trường bộ; (2) Hệ thống Sãriputta phụ trách Trung bộ; (3) Hệ thống Mahãkassapa phụ trách Tương ưng bộ; (4) Hệ thống Anuruddha phụ trách Tăng chi bộ. Tăng chỉ bộ có một câu trúc rât đặc thù vì bộ kinh vừa giông như một bản khái quát cô đọng5 tóm tắt những giáo lý cơ bản, những đề tài quan trọng đã được trình bày rộng rãi ở trong Trường bộ (Dĩgha Nikãya) và cả Trung bộ {Majjhima Nikãya). Không những vậy5 Tăng chi bộ còn chuyển tải những nội dung vừa phong phú vừa rất mực chi tiết về những điều khoản giống với Luật tạng như vân đê Tám pháp trọng yêu (Atthagarudhamma) của Tỳ-kheo-ni. Tương tự truyền thống pháp số đi từ thấp lên cao như hai bản kinh cuối cùng trong Trường bộ^ Tăng chỉ bộ có cấu trúc từ Một pháp (Ekakanipãta) cho đến Mười một pháp (Ekãdasakanipãtă). cấu trúc này cũng được thiết lập trong bộ kinh Hán tạng tương đương là Tăng nhất A-hàm (Ekottarĩkãgamă), tuy nhiên trật tự pháp số cũng như sự sắp xếp về nội dung giữa hai bộ kinh này có nhiều điểm khác biệt nhau. Tăng nhấtA-hàm được Ngài Samgharaksa (Tăng Hộ) khẩu truyền cho Ngài Samghadeva (Tăng-già-đề-bà) và được dịch sang tiếng Hán vào năm 397-98. Cả hai Ngài đều là người Kasmir (Kế-tân). Khi phiên dịch, dường như Ngài Samghadeva cũng sử dụng một phiên bản xưa hơn 1 uNăm bộ bằng tiếng Pãli được bảo tồn một cách hoàn chỉnh do Đồng Diệp bộ (Tãmrasãtĩyã) lưu truyền. Đây là việc làm hy hữu, không thê bỏ qua không tìm hiêu. Đông Diệp bộ là một bộ phái của hệ Phân Biệt Thuyêt (Vibhajyavada), thuộc hệ Thượng Tọa bộ (Sthavira).,, Hòa thượng Thích Ãn Thuận, Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giảo Nguyên thủy (Thích Phước Sơn và các dịch giả khác), NXB. Phương Đông,

2015, tr. 681. 2 D. 33, Sangĩtỉ Sutta (Kinh Phúng tụng) và D. 34, Dasuttara Sutta (Kỉnh Thập thượng).

XXX11

do Ngài Dharmanandi (Đàm-ma-nan-đê) người Tokharian (Khương-cư) truyên khẩu lại. Rất tiếc, những bản gốc tiếng Sanskrit đều không còn, ngoài những bài kinh rời tìm được ở miền Đông Thổ Nhĩ Kỳ (Turkestan).3 Truyền thống thiết lập nội dung dựa trên trật tự pháp số trong Tăng chi bộ cũng như Tăng nhất A-hàm là một trong những phương cách phổ biến để ghi nhớ và truyền bá kinh điển. Vì lẽ5 trong thư tịch cổ văn của Ấn Độ5 vấn đê này còn được phát hiện trong tác phẩm kinh điến Sthãnãngasũtra và Samavãyãnga4 của Kỳ-na giáo ựaỉrỉ) và cả trong chương Udyoga Parva của trường ca Mahabharata.5 Điều khác biệt là những nhà biên tập Tăng chi bộ cũng như Tăng nhất A-hàm đã đưa truyền thống pháp số vốn có trong nền văn học cổ đại Ấn Độ làm cấu trúc chủ đạo, xuyên suốt và chi phối toàn bộ.6 Vấn đề số lượng các kinh trong Tăng chỉ bộ cũng là một vấn đề nan giải, vì mãi đên hôm nay vân chưa có được một con sô thông nhât. Quan điêm truyên thông dựa trên tuyên bô của Ngài Dhammakitti Mahãsãmi viêt trong tác phâm Diệu pháp yêu lược cho răng có 9.557 kinh. An bản hiện có của Tam tạng Tích Lan (Sri Lanka Tipitaka) chỉ ghi nhận có 8.777 kinh.7 Trong tác phẩm Phân tích Kinh tạng Pali (An Analysis of the Pãỉỉ Canon), tác giả Russell Webb đã thống kê có 3.208 kinh.8 Trong bản dịch Tăng chi bộ từ Pãli sang Anh ngữ với tên gQÌ The Numerical Discourses of the Buddha, Bhikkhu Bodhi đã đem được tổng số là 8.122 kinh. Trong số đó5 có 4.250 kinh bị trùng lặp, thế nên thực tế chỉ có 3.872 kinh.9 Con số tối thiểu mà học giả Maurice Wintemitz đưa ra là 2.308 Cách tính của Edmund Hardy lại cho ra con số 2.344,11 con số này được kinh.1011 Bách khoa Từ điển Phật giáo (Encyclopaedia of Buddhism) xuất bản tại Tích Lan tiếp nhận.12 Trong bản dịch tiếng Việt Tăng chỉ bộ của Hòa thượng Thích Minh Châu5 chúng tôi đếm được 7.231 kinh. Trên thực tế chỉ có 2.202 kinh, còn lại là những kinh giống như kinh trước nhưng chỉ khác một thuật ngữ hoặc một khái niệm nhỏ. Truyền bản Tăng chi bộ được ghi lại đầu tiên bằng ngôn ngữ Sinhala do một nhóm các vị Tỳ-kheo tại Alu Vihãra gần Mãtale thực hiện vào năm 454 sau khi đức Phật nhập Niết-bàn (35-32 BC.).13 Đến cuối thế kỷ XIX, vào năm 1885,

3 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. I (The Government of Ceylon, 1961-65), p, 630. 4 Maurice Wintemitz, A History ofIndian Literature, vol. 2 (Delhi: Motilal Banarsidass, 1993), p. 63. 5 Oskar von Hinuber, Handbook ofPali Literature (Berlin: Walter de Gruyter, 1996), p. 40. 6 Op. cit.

8 Russell Webb, An Analysis of the Pali Canon (Kandy: Buddhist Publication Society, 1975), p. 26. 9 Bhikkhu Bodhi, The Numerical Discourses of the Buddha (Somerville, Massachusetts: Wisdom Publications, 2012), p. 18. 10 Op. cit., tr. 58. 11 Kanai Lal Hazra, Pali Language and Literature, vol. 1 (New Delhi: D. K. Printword Pvt. Ltd., 1994), p. 250. 12 G. p. Malalasekera (ed.), op. cit., tr. 629. 13 Etienne Lamotte, History ofIndian Buddhism (Paris: Institut Orientaliste Louvain La-Neuve, 1988), p. 558.

Hội Thánh điển Pali (PTS) đã tổ chức ấn hành bản Tăng chi bộ từ ngôn ngữ Pãli chuyển thể sang mẫu tự La-tinh do Richard Morris (1833-1894) biên tập. Sau đó? Hội PTS đã lần lượt ấn hành bản dịch Anh ngữ Tăng chi bộ với tựa đề The Book of the Gradual Sayings do tác giả F. L. Woodward (1871-1952) dịch tập I, tap II tap V vàtác giaE. M. Hare (1893-1955) dịch tập III và tập IV. Den nam 2012, Bhikkhu Bodhi đã dịch lại Tăng chỉ bộ từ Pãli sang Anh ngữ với tựa đề The Numerical Discourses of the Buddha. Vào năm 2018, Bhikkhu Sujato dịch bản kinh này từ Pãli sang Anh ngữ với tựa đề Numerical Discourses. Bách khoa Từ điển Phật giáo tại Tích Lan cho rằng những tựa đề trên đều xuất phát từ tựa đề rất dài mà Max Míiller trước kia đã sử dụng Collection ofDiscourses ỉn Divisions the Length of Which Increases by One}4 Tính đến ngày nay, Tăng chỉ bộ đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ trên thế giới như Pháp5 Bức, V, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Nga, Hoa, Thái Lan, Indonesia... và gồm cả tiếng Việt. Tăng chi bộ gôm những bài kinh ngăn và rât ngăn, tuy nhiên, cũng có nhiêu bài kinh dài, thường được hỗ trợ bởi các đoạn kệ tụng.14 15 Tất cả những bài kinh dù ngắn hay dài đều được sắp xếp theo hệ thống một cách cẩn thận.16 Bimala Chum Law cho rằng5 bộ kinh này từ Trường bộ và Trung bộ chia nhỏ mà có. Nhờ ngắn gọn nên có tác dụng giúp ích cho việc ghi nhớ5 thuận tiện cho việc đọc tụng cũng như truyền dạy từ thầy xuống trò. Mặt khác, nhờ ngắn gọn nên từng đề tài nhỏ trong kho tàng giáo pháp được nhấn mạnh đầy đủ,17 cụ thể như trường hợp mỗi một triền cái trở thành đề tài của một bài kinh. Nội dung của Tăng chỉ bộ vô cùng đa dạng, phong phú, ngoài giáo pháp còn có những mảng liên quan đến triết học, đạo đức học518 văn hóa, luật pháp19 và Tăng chi bộ không chỉ hàm chứa nội dung có giá trị rất riêng, công ích xã hội.2021 soi sáng về lịch sử phát triển của Phật giáo,21 mà còn có nhiều nội dung tương thông với Luật tạng, nhât là với Suttavibhafiga22 và Luận tạng, đặc biệt với bộ Puggalapannatti (Nhân chế định),23 nhưng nhiều nhất vẫn là sự tương thông với các bộ kinh khác, về mặt ngôn ngữ và văn phong, Tăng chỉ bộ gần như không có gì khác biệt với 3 bộ kinh trước vì cả 4 bộ kinh này đều có chung một nguồn tư liệu là nền văn học Phật giáo Nguyên thủy24 trong dạng truyền khẩu. Ngài Ản Thuận đã liệt kê 215 trường hợp của Tăng chi bộ có cùng nội dung với

14 Op. cỉt. 15 Maurice Wintemitz, A History ofIndian Literature, vol. 2 (Delhi: Motilal Banarsidass, 1993), p. 59. 16 Kanai Lal Hazra, Pali Language and Literature, vol. 1 (New Delhi: D. K. Printword Pvt. Ltd., 1994), p. 250. 17 Bimala Chum Law, A History ofPali Literature (Varanasi: Indica Books, 2000), p. 203. 18 Op. cit., p. 252. 19 Bimala Chum Law, op. cit., p. 203. 20 Op. cit. 21 Op. cit. 22 Op. cit., pp. 202-03. Kanai Lal Hazra, op. cit., p. 251. 23 Bimala Chum Law, op. cit., p. 203. 24 G. p. Malalasekera (ed.) op. cit., p. 630. Kanai Lal Hazra, op. cit., p. 251.

Trung A-hàm kinh.25 Nhiều trường hợp khác, Tăng chi bộ có cùng nội dung với Tăng nhất A-hàm kinh, Như thị ngữ kỉnh và Bổn sự kinhĩ6 Cả Bimala Chum Law và Kanai Lal Hazra27 đều chia sẻ một bản liệt kê giống nhau về việc phân bố của các phần

(nipãta), phẩm (vagga), quyển (nikãya) và trang của ấn bản PTS như sau: Stt Phần Phẩm Quyển Trang 1 Một pháp 21 I 01-46 2 Hai pháp 16 I 47-100 3 Ba pháp 16 I 101-304 4 Bốn pháp 26 II 01-257 5 Năm pháp 26 III 01-278 6 Sáu pháp 12 III 279-452 7 Bảy pháp 09 IV 01 - 149 8 Tám pháp 09 IV 150-350 9 Chín pháp 09 IV 351 -466 10 Mười pháp 22 V 01-310 11 Mười một pháp 03 V 311-361 Bản dịch tiếng Việt Tăng chi bộ do Hòa thượng Thích Minh Châu thực hiện vào năm 1976 và đã ấn hành lần đầu tiên vào năm 1980 trong hình thức lưu hành nội bộ. Trải qua nhiều lần hiệu đính được thực hiện bởi chính dịch giả và các vị được giao phó, Tăng chi bộ trong bản in năm 2020 có bổ sung một số phụ chú tham chiêu Pali, Hán cô và bản tiêng Anh mà Ngài đã sử dụng tham khảo trong quá trình dịch thuật. Ấn bản lần này gom thành 1 tập và có số phẩm, số trang như sau: Stt Phần Phẩm Trang 1 Một pháp 20 01-47 2 Hai pháp 19 49-92 3 Ba pháp 18 93 — 267 4 Bốn pháp 28 269-497 5 Năm pháp 29 499-710 6 Sáu pháp 13 711-827 7 Bảy pháp 11 829- 929 8 Tám pháp 11 931 - 1053

25 Ấn Thuận, Lịch sử Biên tập Thảnh điển Phật giáo Nguyên thủy (TP. HCM: NXB. Phương Đông, 2015), tr. 984-87* 26 Ấn Thuận, op. cit., tr. 1044-46. 27 Bimala Chum Law, op. cit., p. 192. Kanai Lal Hazra, op. cit., p. 253.

XXXV

9 Chín pháp 10 1055- 1131 10 Mười pháp 23 1133-1319 11 Mười một pháp 04 1321 - 1350 Nội dung của Tăng chi bộ được tóm tăt như sau: 1. Chương Một pháp (Ekakanỉpãta) gồm những chủ đề: Sức mạnh và tai hại của ngũ dục; Các trạng thái thiền định; Bản chất và sức mạnh của tâm khi được tu tập cũng như xác định đúng hướng và ngược lại; Những thành tựu đúng nghĩa và những mất mát vô nghĩa; Những lợi ích và bất lợi; Những bậc Thánh tiêu biểu trong giáo pháp, từ đức Phật đến Thánh chúng và các vị cư sĩ tại gia; Những sự kiện không xảy ra và có xảy ra; Sự đặc thù của chánh kiến và tà kiến; Sức mạnh của không phóng dật, tinh tấn và thiền định. “Tân này, này các Tỷ-kheof là sáng chói, nhưng tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào" (A. I. 10). 2. Chương Hai pháp (Dukanipãta) gồm những chủ đề: Nhân quả và tội báo; Nền tảng đạo đức; Hai loại sức mạnh; Hai cách thuyết pháp; Vai trò của văn cú và nội dung ý nghĩa; Tri ân và báo ân; Định danh Trưởng lão; Các loại hội chúng; Các loại hỷ lạc; Các loại hy vọng; Các loại bố thí; Bậc Thánh và sự giác ngộ; Thanh tịnh thì không sợ hãi; Hiền trí và kẻ ngu; Thiền định và các tâm hộ trì; Phẫn nộ và hiềm hận; Nguyên nhân chế giới. “Hai pháp trăng nàyf này các Tỷ-kheo, che chở cho thê giới. Thê nào là hai? Tàm và quỹ' (A. I. 51). 3. Chương Ba pháp (Tikanipãta) gồm những chủ đề: Kẻ ngu và người trí; Ba thời điểm cần ghi nhớ; Bài học từ người đóng bánh xe; Bài học từ người buôn bán; Những loại người xuất hiện trên đời5 những loại người nên và không nên gần gũi; Nghệ thuật giao tiếp; Con cái tôn kính cha mẹ như Phạm thiên; Thế nào gọi là an lạc; Gia đình hiền thiện; Điều kiện sống của đức Phật trước khi xuất gia; Ba minh của Bà-la-môn và Ba minh của bậc Thánh; Ba loại thần thông; Biện minh về tạo hóa; Sư tử và dã can; Tự biết rõ rồi hãy tin; Sơ khởi về Nhân minh luận; Các loại trai giới; Các loại hương; Tăng thượng tam học; Vải thô và lụa là; Nắm muối và chén nước; Lọc tâm như lọc vàng; Ba hạng Đạo sư; Tự ngã thối nát; Ba loại chữ viết; Chiến sĩ và

Tỳ-kheo; Tam pháp ấn; Thuần hóa ngựa rừng; Các loại đạo lộ. “Như vậy, này Ẫnanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướf (À. I. 223). 4. Chương Bốn pháp (Catukkanipãta) gồm những chủ đề: Giới, Định, Tuệ và Giải thoát; Bậc trí tuệ và đa văn như vàng ròng ở cõi Diêm-phù; Bốn vô sở úy; Bốn chánh cần; Tôn trọng và nương tựa pháp; Bốn pháp tác thành bậc Trưởng lão; Mục đích của Phạm hạnh; Bốn Thánh chủng; Bốn nhiếp pháp; Đức Phật là ai; Bốn cách trả lời; Nguồn cội của phước đức; Bốn cách sống chung;

XXXVI

Bốn pháp bố thí; Bổn phận của cư sĩ; Pháp rải tâm từ; Sự vi diệu của Như Lai; Cách thức thuyết pháp; Đạo lộ tu hành; Cơ sở xác định giáo pháp; Lắng nghe, tụng đọc, suy m cách thức để thể nhập pháp; Hiểu rồi hãy nên tin; Nguyên nhân đẹp và xâu; Bốn loại nghiệp; Bốn quả Sa-môn. "Cũng vậy, này Bà-la-môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-ỉa-môn, Ta là Phậtf hãy như vậy thọ trr (A. II. 37). 5. Chương Năm pháp (Pancakanipãta) gồm những chủ đề: Năm sức mạnh; Dạy bảo cứng răn; Biêt sông hòa hợp; Uê nhiêm của tâm; Năm xứ giải thoát; Lợi ích của kinh hành; Công đức bố thí; Pháp của nàng dâu; Ý nghĩa sinh con trai; Phương cách gầy dựng tài sản; Bố thí vật khả ý; Năm loại Thánh tài; Mũi tên sâu muộn; Năm chướng ngại bao phủ tâm; Xuất gia khi tuôi xê chiêu; Sống theo pháp; Năm hạng chiến sĩ; sống ở trong rừng; Trưởng lão kỳ cựu; Mất thần thông vì danh lợi; Phương thức của kẻ trộm; sống theo Giới bổn; Chăm sóc bệnh; Phương pháp gia tăng tuổi thọ; Tội ngũ nghịch; Tổn thất và thành tựu; Bậc Chuyển Luân Vương; Con voi của nhà vua; Bố thí của bậc Chân nhân; Diệu pháp hỗn loạn; Cách thức thuyết pháp; Trừ khử hiềm hận; Kẻ bị vất bỏ; Năm việc không kinh doanh; Hạng người sống ở rừng; Cựu pháp của Bà- la-môn; Các hạng Bà-la-môn; Bà-la-môn và chú thuật; Giấc mộng của Bồ-tát; Năm tính chất của lời nói; Lợi ích của cháo; Lợi ích của tăm xỉa răng; Thuyết pháp với giọng ca; Tham luyến trú xứ. "Nói đúng thờif nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm" (A. III. 243). 6. Chương Sáu pháp (Chakkanipãta) gồm những chủ đề: Cung kính bậc đáng cung kính; Các căn và các lực; Con ngựa của nhà vua; Sáu nguyên tắc sống chung; Giáo giới khi lâm chung cho hàng cư sĩ, Tỷ-kheo; Nghề nghiệp và ác nghiệp; Tu tập niệm chết; Thời gian thích hợp để tu hành; Sáu chỗ tùy niệm; Sáu pháp minh phần; Vô nhân luận của Bà-la-môn; Nguyên nhân để Diệu pháp tồn tại; Trú xứ mà Phật hoan hỷ; Xác tín về quả Dự lưu; Đau khổ của kẻ nghèo khổ; Bình đẳng tư duy; Phòng hộ các căn; Không phóng dật; Đồng Phạm hạnh phải kính trọng nhau; Tiếng đàn của Sona; Đoạn trừ lậu hoặc; Hoàn tục và xuất gia; Con đường đi đến bờ kia; Pháp môn quyết trạch; Sáu lực của Như Lai; Điều kiện để chứng quả Bat lai và A-la-hán; Điều kiện đế an trú Sơ thiền; Thành tựu sự thanh lương; Quyết định tánh của sự nghe pháp; Hành động của người có chánh kiến; Chứng quả Dự lưu. “Khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tỉnh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhdc" (Ả. III. 375). 7. Chương Bảy pháp (Sattakanipătă) gồm những chủ đề: Bảy tài sản của bậc Thánh; Phiền não tiềm phục; Điều kiện trở thành gia đình thuần lương; Ví dụ người và nước; Bảy pháp bất thối của một quốc gia và của vị Tỳ-kheo; Bảy

XXXV11

giác chi; Lời nói vắn tắt nhưng ý nghĩa rộng lớn; Những điều kiện để trở thành bạn tốt; Điều kiện đạt được bốn vô ngại giải; Thiện xảo trong thiền định; Bảy chô thức trú; Bảy loại lửa và lợi ích của chúng; Bảy loại tưởng; Thê nào là sông Phạm hạnh; Pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy; Bố thí với ý nghĩa lớn; Nguồn gốc của sự hồi hướng công đức; Những sự kiện Như Lai không trả lời; Bảy sanh thú của loài người; Ket quả hiện tại của sự bố thí; Như Lai không che đậy và không phạm lỗi; Những phương pháp ngăn ngừa buồn ngủ; Bảy hạng vợ; Ước muốn của kẻ thù địch; Tàm quý và cơ sở để chế ngự các căn; Bảy mặt trời; Phòng hộ vững chãi như thành trì ngoài biên ải; Bảy pháp cần thắng tri; Cây Trú Độ của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba; Tỳ-kheo phải kính trọng ai; Tùy thuận tu tập; Sự nguy hiểm của cung kính và lợi dưỡng; Ngoại đạo ly tham Araka dạy đệ tử; Để xứng đáng là bậc trì Luật; Bảy pháp diệt trừ sự tranh cãi; Người xứng đáng được cung kính. "Như giọt sương là đời sống loài người, nhỏ bẻf không đáng kểf nhiều khổ đau, nhiều ưu não" (A. IV. 136). 8. Chương Tám pháp (Atthakanipãta) gồm những chủ đề: Lợi ích của lòng từ; Tám nhân duyên thành tựu Phạm hạnh; Tám pháp xoay chuyển thế gian; Khi tâm bị chinh phục; Những phẩm hạnh của Tôn giả Nanda; Tỳ-kheo giả dạng; Các triết phái công kích đức Thế Tôn; Tướng quân Sĩha quy y với Thế Tôn; Con ngựa thuần phục, con ngựa chưa được điều phục và các hạng Tỳ-kheo; Vô minh và cấu uế; Điều kiện để trở thành sứ giả; Sự trói buộc giữa nam và nữ; Tám tính chất của biển và giáo pháp; Điều kiện để Bố-tát; Ugga và Hatthaka, những cư sĩ lý tưởng; Định nghĩa về cư sĩ; Tám sự kiện phi thời cho đời sống Phạm hạnh; Tư niệm về pháp của Tôn giả Anuruddha; Những lý do phải bố thí và làm phước; Thửa ruộng và vị Tỳ-kheo; Tám nguồn nước công đức; Quả dị thục của hành động ác; Tám chi trai giới và công đức thực hành; Tám pháp để nữ nhân sanh thiên; Các pháp giúp người phụ nữ sống tự chủ; Sự thành lập Ni đoàn và tám pháp trọng yêu; Những điêu kiện đê người cư sĩ sống hạnh phúc, an lạc ngay trong hiện tại và tương lai; Đạo và Quả của bậc Thánh; Điều kiện cần của vị giảng sư; Giao thiệp với chư thiên; Tám thắng xứ; Tám giải thoát; Tám Thánh ngôn; Hội chúng của đức Phật; Lời hứa của đức Phật; Lòng tin; Tu tập niệm chêt; Chô dựa của biêng nhác và tinh tân; Cội rê của sự vật; Pháp của kẻ trộm; Các tên gọi khác của Như Lai; Trú xứ được đức Phật khen ngợi; Pháp trách phạt cư sĩ; Pháp yết-ma cử tội; Các nữ cư sĩ tiêu biểu. “Trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình' (A. IV. 197). 9. Chương Chín pháp (Navakanipãta) gồm những chủ đề: Chín pháp y cứ để thành tựu Chánh giác phần; Các pháp đưa đến tâm giải thoát; Nghe pháp đúng thời và đàm luận pháp đúng thời; Thành tựu bốn sức mạnh; Pháp cần phải thân cận và không cần phải thân cận; Bậc A-la-hán không còn lỗi lầm; Chín hạng người; Phẩm hạnh của Tôn giả Sãriputta; Những lý do để sống Phạm hạnh;

XXXV111

Hỏi đáp với Tôn giả Samiddhi; Thân thể như ung nhọt; Chín loại tưởng; Những gia đình vị Tỷ-kheo nên đến và không nên đên; Tám pháp trai giới và bôn tâm vô lượng; Sự hoi hận của chư thiên; Phân biệt bố thí; Chín chỗ cư trú của loài hữu tình; Tâm vững chãi

như trụ đá; Chín cách nghĩ gây xung đột và cách điều phục; Đoạn diệt và an trú tuân tự; Niêt-bàn là an lạc; Trí tuệ thê nhập và khởi xuat thiên chứng; Đúng sai và hý luận; Trận chiến giữa chư thiên và a-tu-la; Hạnh sống độc cư thiền tịnh của vị Tỷ-kheo; Thế nào là an tịnh?; Trói buộc và giải thoát; Thế nào gọi là thân chứng? tuệ giải thoát và giải thoát cả hai phần; Năm hạ phần kiết sử và năm thượng phân kiêt sử; Năm tâm hoang vu và bôn niệm xứ. "Pháp là chỉnh thực mình thấy, pháp là thiết thực hiện tạC (A. IV. 453). 10. Chương MưM pháp (Dasakanỉpãtd) gồm những chủ đề: Sự phát triển tuần tự của thiện pháp; Hữu diệt là Niết-bàn; Trú xứ lý tưởng; Năm tâm hoang vu và năm tâm triền phược; Không phóng dật là chỗ quy tụ của thiện pháp; Mười bậc xứng đáng được cúng dường; Mười chỗ cư trú của bậc Thánh; Mười lực và mười trí như thật của Như Lai; Mười đề mục (biến xứ) để tu thiền; Tối thượng và hạ liệt; Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) tán thán đức Thế Tôn; Mười lý do chế giới; Người hòa giải; Tư cách làm Thầy; Phá hòa hợp Tăng; Cội gốc của tranh luận; Quán sát kỹ rôi hãy buộc tội; Nguy hiêm khi thân cận vương quyên; Tự soi sáng tâm mình; Các pháp lấy Niết-bàn làm cứu cánh; Mười tưởng và việc trị bệnh; Thức ăn của VO minh và minh; Giải thích thêm về bốn bậc Thánh; Ước nguyện đúng pháp; Tiếng ồn là cây gai của thiền định; Hạnh nghiệp và nơi tái sinh; Con quạ và vị Tỳ-kheo; Mười hạng người hưởng dục; Chấp thủ của ngoại đạo; Rừng núi làm loạn tâm vị Tỳ-kheo chưa chứng thiền định; Định nghĩa về tẩy trần; Thuốc xổ của bậc Thánh; Ngày xuất ly của Bà-la-môn và của bậc Thánh; Tịnh hạnh và bất tịnh hạnh; Cúng cho người chết; Pháp môn quanh co và pháp môn Chánh pháp. "Vớỉ nệười sốn^ Phạm hạnh, thân cận với phụ nữ là cây gai. Với n^ười chứng Thiền thứ nhất, tiếng ồn là cây gai. Với người chứng Thiền thứ haif tầm tứ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ baf hỷ là cây gai Với người chứng Thiền thứ tư, hơi thở là cây gaù Với người đã đạt được Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ là cây gai. Tham là cây gai. Sân là cây gai. Si là cây gar (Ả, V. 133). 11. Chương MưM một pháp (Ekãdasakanipãtd) gồm những chủ đề: Sự sinh khởi tuân tự các thiện pháp; Những tai họa khi xúc phạm bậc Thánh; Tác ý và không tác ý; Thiền tư thuần thục; Bậc Minh Hạnh Tròn Đầy; Các pháp tùy niệm; An trú với lòng tin và những pháp liên hệ; Những lợi ích khi tu tập lòng từ; Cánh cửa bất tử; Pháp của người chăn bò; Các trạng thái thiền định; Thắng tri tham ái. “Sdt-ìy, chúng tối thắng. Với người tin chủng tánh. Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ. Tối thắng giữa nhân, thiên" (A. V. 326).

XXXIX

Kết luận •

Với điều kiện không có nhiều tùy chọn trong việc ghi nhớ và giữ gìn lời dạy của đức Phật, thì việc săp xêp nội dung theo pháp sô tăng dần của Tăng chỉ bộ là một kết cấu đặc thù, đã góp phân gìn giữ được sự toàn vẹn của giáo pháp. Mặc dù cách trình bày mang tính văn tăt, cô đọng nhimg Tăng chi bộ đã chuyên tải được rất nhiều nội dung quan trọng trong giáo lý Phật giáo. Ngoài những quy định chi tiết, cụ thể như các điều luật dành cho giới xuất gia và cư sĩ tại gia, cho đến những phân tích sâu xa về sự vận hành của tâm thức, bản kinh này đặc biệt chứa dựng nhiêu nội dung rât thiêt thực, liên quan đên người cư sĩ lý tưởng trong việc sông có đạo đức, cách tạo dựng tài sản? xây

dựng gia đình, xã hội lành mạnh, phụng sự Tam bảo và tha nhân. Những vân đê này có ý nghĩa vô cùng thực tiễn, có giá trị ứng dụng vượt thời gian và không gian, nhất là trong thời đại hiện nay, cuộc sống muôn màu, muôn vẻ. về phương diện pháp hành, Tăng chi bộ chứa đựng rất nhiều phương pháp hành trì mà đức Phật đã giảng dạy. Từ những cách thức tu tập đơn giản nhât như tụng kinh, niệm Phật, hồi hướng công đức cho đến những pháp hành mang tính phổ quát như thiền Tứ niệm xứ? thiền Chánh niệm... người học Phật nếu có đủ trí tuệ và đủ duyên vẫn có thể tự mình trải nghiệm và thành tựu được những pháp tu này, sau khi đã đọc kỹ và chiêm nghiệm Tăng chi bộ. Xét về phương diện lịch sử? văn hóa5 bản dịch tiếng Việt Tăng chi bộ của Hòa thượng Thích Minh Châu là một đóng góp to lớn và có ý nghĩa về nhiều mặt. Ở dây, việc giữ gìn và lưu bố bản kinh này, không những là một việc làm nhằm thể hiện lòng tri ân đối với các bậc tiền nhân mà còn là bổn phận và trách nhiệm đối với tương lai của Phật giáo Việt Nam. Mặc dù cách thời đức Phật đã xa nhưng khi khảo cứu về phương diện lịch sử truyền thừa, có thể thấy rằng5 lời dạy của đức Phật trong Tăng chỉ bộ vẫn còn giữ được nguyên vẹn tính chân thực. Bởi lẽ5 những lời dạy đó hoàn toàn phù hợp và trùng khớp khi so sánh với Pháp và Luật được trình bày trong các kinh.

TP. Hồ Chí Mỉnhf tháng 3 năm 2020

Cẩn soạn

TT. TS. THÍCH MINH THÀNH

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐÀU..... XV TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU..... xxi BẢNG VIẾT TẮT..... *..... XXV

DẪN LUẬN KINH TẢNG CHI BỘ..... xxxi

CHƯƠNG I - MỘT PHÁP I. PHẨM SẮC..... 1 II. PHẨM ĐOẠN TRỪ TRIỀN CÁI..... 3 III. PHẨM KHÓ SỬ DỤNG ..... 5 IV. PHẨM KHÔNG ĐIỀU PHỤC ..... 7 V. PHẨM ĐẶT HƯỚNG VÀ TRONG SÁNG..... 8 VI. PHẨM BÚNG NGÓN TAY..... 10 VII. PHẨM PHÁT KHỞI TINH TẤN .....12 VIII. PHẨM LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU..... 14

IX. PHẨM PHÓNG DẬT..... 16 X. PHẨM PHÓNG DẬT THỨ HAI..... 18 XL PHẨM PHI PHÁP ..... 20 XII. PHẨM KHÔNG PHẠM ..... 21 XIII. PHẨM MỘT NGƯỜI ..... 23 XIV. PHẨM NGƯỜI TỐI THẮNG..... 25 XV. PHẨM KHÔNG THÊ CÓ Được..... 30 XVI. PHẨM MỘT PHÁP..... 33 XVII. PHẨM PHÁP TÁC TỊNH..... 40 XVIII. PHẨM BÚNG NGÓN TAY KHÁC..... 41 XIX. PHẨM THÂN HÀNH NIỆM..... 44 XX. PHẨM BẤT TỬ..... 46

CHƯƠNG II - HAI PHÁP I. PHẨM HÌNH PHẠT ..... 49 II. PHẨM TRANH LUẬN ..... 53 III. PHẨM NGƯỜI NGU ..... 58 IV. PHẨM TÂM THĂNG BẰNG..... 60

V. PHẨM HỘI CHIJNG.....67 VI. PHẨM NGƯỜI..... 72 VII. PHẨM LẠC ..... 75 VIII. PHẨM TƯỚNG..... 77 IX. PHẨM CÁC PHÁP ..... 78 X. PHẨM KẺ NGƯ..... 79 XI. PHẨM HY VỌNG KHÓ TỪ BỎ..... 81 XII. PHẨM HY CẦU ..... 83 XIII. PHẨM BỐ THÍ..... 85 XIV. PHẨM ĐÓN CHÀO..... 86 XV. PHẨM NHẬP ĐỊNH ..... 87 XVI. PHẨM PHẪN NỘ LƯỢC THUYẾT.....88 XVII. PHẨM BẤT THIỆN Lược THUYẾT ..... 89 XVIII. PHẨM GIỚI LUẬT LƯỢC

THUYẾT..... 90 XIX. PHẨM THAM Lược THUYẾT..... 91

CHƯƠNG III BA PHÁP I. PHẨM NGƯỜI NGU..... 93 II. PHẨM NGƯỜI ĐÓNG XE ..... 98 III. PHẨM NGƯỜI.....108 IV. PHẨM THIÊN SỨ ..... 120 V. PHẨM NHỎ ..... 137 VI. PHẨM CÁC BÀ-LA-MÔN.....142 VII. PHẨM LỚN ..... 160 VIII. PHẨM ÃNANDA..... 196 IX. PHẨM SA-MÔN..... 208 X. PHẨM HẠT MUỐI .....217 XI. PHẨM CHÁNH GIÁC..... 231 XII. PHẨM ROI VÀO ĐỌA xứ..... 237 XIII. PHẨM KUSINÃRA ..... 244 XIV. PHẨM NGƯỜI CHIẾN sĩ..... 253 XV. PHẨM CÁT TƯỜNG..... 261 XVI. PHẨM LÕA THÊ..... 263 XVII. PHẨM HÀNH NGHIỆP Lược THUYẾT ..... 265 XVIIL PHẨM THAM Lược THUYẾT 267

CHƯƠNG IV - BỐN PHÁP I. PHẨM BHANDAGÃMA ..... 269 II. PHẨM HÀNH.....281 III. PHẨM ƯRUVELÃ.....288 IV. PHẨM BÁNH XE 300

V. PHẨM ROHITASSA..... 312 VI. PHẨM NGUỒN SANH PHƯỚC..... 323 VII. PHẨM NGHIỆP CÔNG ĐỨC.....333 VIII. PHẨM KHÔNG

HÝ LUẬN..... 344 IX. PHẨM KHÔNG CÓ RUNG ĐỘNG..... 350 X. PHẨM A-TƯ-LA.....
357 XI. PHẨM MÂY MƯA.....366 XII. PHẨM
KESI.....374
XIII. PHẨM SỢ HÃI..... 383 XIV. PHẨM LOÀI NGƯỜI .....
393 XV. PHẨM HÀO QUANG..... 398 XVI. PHẨM CÁC CĂN .....
400 XVII. PHẨM ĐẠO HÀNH ..... 407 XVIII. PHẨM Tư TÂM SỞ.....415 XIX. PHẨM BÀ-LA-MÔN.....
426 XX. PHẨM LỚN..... 439 XXL PHẨM BẬC CHÂN NHÂN.....467
XXII. PHẨM HỘI CHÚNG .....472 XXIII. PHẨM ÁC HẠNH ..... 475 XXIV. PHẨM NGHIỆP 477
XXV. PHẨM SỢ HÃI PHẠM TỘI..... 483 XXVI. PHẨM THẮNG TRÍ.....489 XXVII. PHẨM NGHIỆP ĐẠO ..... 494 XXVIII. PHẦM THAM Lược THUYẾT 496

CHƯƠNG V NĂM PHÁP I. PHẨM SỨC MẠNH HỮU HỌC.....499 II. PHẨM SỨC MẠNH.....505 III. PHẨM NĂM PHẦN.....
509 IV. PHẨM SƯMANÃ ..... 521 V. PHẨM VUA MUNDA ..... 533 VI. PHẨM TRIỀN CÁI .....548 VII. PHẨM TƯỞNG 560
VIII. PHẨM NGƯỜI CHIẾN sĩ ..... 564 IX. PHẦM TRƯỞNG LÃO..... 583 X. PHẨM

KAKƯDHA..... 589 XI. PHẨM AN ỐN TRÚ..... 595 XII. PHẨM ANDHAKAVINDA ..... 602 XIII. PHẨM BỆNH ..... 607 XIV. PHẨM VUA ..... 611 XV. PHẨM TIKANDAKI..... 624

XVI. PHẨM DIỆU PHÁP ..... 632 XVII. PHẨM HIỀM HẬN..... 640 XVIIL PHẨM NAM cư sĩ..... 652 XIX. PHÀM SỐNG Ở RÙNG..... 664 XX. PHẨM BÀ-LA-MÔN ..... 666 XXL PHẨM KIMBILA.....682 XXII. PHẨM MẮNG NHIẾC ..... 686 XXIII. PHẨM Dư HÀNH DÀI..... 690 XXIV. PHẨM TRÚ TẠI CHỖ..... 694 XXV. PHẨM ÁC HÀNH ..... 699 XXVI. PHẨM CỤ TÚC GIỚI..... 703

CHƯƠNG VI SÁU PHÁP NĂM MƯƠI KINH THỨ NHẤT I. PHẨM ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG..... 711 II. PHẨM CẦN PHẢI NHỚ..... 717 III. PHẨM TRÊN TẤT CẢ ..... 730 IV. PHẨM CHƯ THIÊN..... 742 V. PHẨM DHAMMIKA ..... 753 NẢM MƯƠI KINH THỨ HAI VI. PHẨM LỚN..... 776 VII. PHẨM CHƯ THIÊN..... 807 VIII. PHẨM A-LA-HÁN..... 812 IX. PHẨM MÁT LẠNH..... 816 X. PHẨM LỢI ÍCH..... 820 XI. PHẨM BA PHÁP..... 823 XII. PHẨM SA-MÔN..... 825 XIII. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT

..... 827

CHƯƠNG VII BẢY PHÁP I. PHẨM TÀI SẢN..... 829 II. PHẨM TÙY MIÊN..... 835 III. PHẨM VAJJI..... 841 IV. PHẨM CHƯ THIÊN ..... 851 V. PHẨM ĐẠI TỂ ĐÀN ..... 858 VI. PHẨM KHÔNG TUYÊN BỐ ..... 874 VII. PHẨM LỚN..... 897 VIII. PHẨM VỀ LUẬT.....922 IX. PHẨM SA-MÔN..... 925 X. PHẨM ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG..... 927 XL PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT..... 929

CHƯƠNG VIII TÁM PHÁP I. PHẨM TỪ TÂM ..... 931 II. PHẨM LỚN..... 944 III. PHẨM GIA CHỦ ..... 966 IV. PHẨM BỐ THÍ..... 982 V. PHẨM NGÀY TRAI GIỚI..... 991 VI. PHẨM GOTAMĨ..... 1002 VII. PHẨM ĐẤT RÚNG ĐỘNG ..... 1014 VIII. PHẨM SONG ĐÔI ..... 1028 IX. PHẨM NIỆM..... 1044 X. PHẨM TƯƠNG Tự..... 1051 XI. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT..... 1052

CHƯƠNG IX CHÍN PHÁP I. PHẨM CHÁNH GIÁC..... 1055 II. PHẨM TIẾNG RỐNG sư TỬ..... 1069 III. PHẨM CHỖ Cư TRÚ CỦA HỮU TÌNH..... 1084 IV. PHẨM LỚN.....1095 V. PHẨM TƯƠNG Tự .....1119 VI. PHẨM AN

ỒN ..... 1123 VII. PHẨM NIỆM XỨ..... 1125 VIII. PHẨM CHÁNH CẦN ..... 1128 IX. PHẨM BỐN NHƯ Ý TÚC..... 1130 X. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT 1131

CHƯƠNG X - MƯỜI PHÁP I. PHẨM LỢI ÍCH.....1133 II. PHẨM HỘ TRÌ.....1140 III. PHẨM LỚN..... 1153 IV. PHẨM UPÃLI.....1175 V. PHẨM MẮNG NHIẾC..... 1181 VI. PHẨM TÂM CỦA MÌNH.....1191 VII. PHẨM SONG ĐÔI .....1203 VIII. PHẨM ƯỚC NGUYỆN..... 1212 IX. PHẨM TRƯỞNG LÃO..... 1225 X. PHẨM ƯPÃLI .....1241 XI. PHẨM SA-MÔN TƯỞNG..... 1262 XII. PHẨM ĐI XUỐNG.....1268 XIII. PHẨM THANH TỊNH..... 1278 XIV. PHẨM TỐT LÀNH..... 1281 XV. PHẨM THÁNH ĐẠO..... 1283

XVI. PHẨM NGƯỜI..... 1284 XVII. PHẨM JANUSSONI..... 1285 XVIII. PHẨM TỐT LÀNH ..... 1297 XIX. PHẨM THÁNH ĐẠO ..... 1300 XX. PHẨM CÁC HẠNG NGƯỜI ..... 1302 XXL PHẨM THÂN DO NGHIỆP SANH ..... 1303 XXII. PHẨM TƯƠNG Tự..... 1315 XXIII. PHẨM THAM Lược THUYẾT 1319

CHƯƠNG XI MƯỜI MỘT PHÁP I. PHẨM Y CHỈ..... 1321 II. PHẨM TÙY NIỆM..... 1330 III. PHẨM TƯƠNG Tự..... 1348 IV. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT..... 1350

PHỤ LỤC1..... 1351 PHỤ LỤC 2..... 1357 SÁCH DẪN..... 1361

CHƯƠNG I MỘT PHÁP (EKAKANIPÃTA)

L PHẨM SẮC (RŨPĂDIVAGGAŸ (Â. L 1)

1. Tôi nghe như vầy. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anãthapindika. Tại đây5 The Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng5 bạch Thể Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: —Ta không thây một săc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo5 sắc của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. 2. Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo9 xâm chiếm và ngự trị tâm12 người đàn ông như tiếng của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo5 tiếng của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. 3. Ta không thấy một hương nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như hương của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, hương của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. 4. Ta không thây một vị nào khác, này các Tỷ-kheo5 xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn ông như vị của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, vị của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. 5. Ta không thây một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo5 xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn ông như xúc của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo5 xúc của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. 6. Ta không thây một săc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn bà như sắc của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, sắc của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

1 Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (tò l10) được trình bày liên tục với tên nhóm: Form and the Rest, nghĩa là Sac và phần còn lại. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.9.7. 0563al3); Tăng.(r02. 0125.9.8. 0563a27). 2 Cỉttamarỉyãdãya titthati. Xem s. II. 235; KS. III. 17ff.

2 KINH TĂNG CHI BỘ

7. Ta không thây một tiêng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn bà như tiếng của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, tiếng của người đàn ông xâm

chiếm và ngự trị tâm người đàn bà. 8. Ta không thây một hương nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn bà như hương của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, hương của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà. 9. Ta không thây một vị nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn bà như vị của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, vị của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà. 10. Ta không thây một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiêm và ngự trị tâm người đàn bà như xúc của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, xúc của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

n. PHẨM ĐOẠN TRỪ TRIỀN CÁI (NlVARANAPPAHÃNAVAGGAỶ (A. I. 3)

11. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? dẫn đến dục tham34 chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như tịnh tướng (subhanimittam). Tịnh tướng, này các Tỷ- kheo5 nếu không như lý tác ý, thời dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 12. Ta không thấy một pháp nào khác9 này các Tỷ-kheo, đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ- kheo5 như đối ngại tướng (patighanimittam). Đối ngại tướng, này các Tỷ-kheo? nếu không như lý tác ý, thời sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 13. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 đưa đến hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi? hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như không hân hoan, biếng nhác, chán nản5 ăn quá no và tâm thụ động. Với người có tâm thụ độn^9 này các Tỷ- kheo, hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi5 hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 14. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đên trạo hôi chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hôi đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo5 như tâm không tịnh chỉ. Với người tâm không tịnh chí, này các Tỷ-kheo, trạo hôi chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hôi đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 15. Ta không thấy một pháp nào khác? này các Tỷ-kheo5 đưa đến nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo9 như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý9 này các Tỷ- kheo5 nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi? hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 16. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? đưa đến dục tham chưa sanh không sanh khởi, hay dục tham đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ- kheo? như bất tịnh tướng. Bất tịnh tướng, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý? thời dục tham chưa sanh không sanh khởi5 hay dục tham đã sanh được đoạn tận.

3 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.9.9-10. 0563bll-23). 4AA. I. 30 viết kãmacchanda (ham muốn hưởng dục) bao gồm kãmarãga (tham dục), kãmanandĩ(thích dục), kãmatanhã (khát dục).

4 KINH TẢNG CHI Bộ

17. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? đưa đến sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo? như từ tâm giải thoát. Từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý? thời sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận. 18. Ta không thấy một pháp nào khác5 này các Tỷ-kheo? đưa đến hôn trầm thụy miên chưa sanh không sanh khởi? hay hôn trầm thụy miên đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như tinh cần giới, tinh tấn giới, dõng mãnh giới.5 Đối với người tinh cân tinh tân, này các Tỷ-kheo, hôn trâm thụy miên chưa sanh không sanh khởi? hay hôn trầm thụy miên đã sanh được đoạn tận. 19. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến trạo hối chưa sanh không sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được đoạn tận9 này các Tỷ- kheo, như tâm tịnh chỉ. Đối với người tâm tịnh chỉ, này các Tỷ-kheo, trạo hối chưa sanh không sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được đoạn tận. 20. Ta không thấy một pháp nào khác9 này các Tỷ-kheo, đưa đến nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ- kheo, như như lý tác ý. Đối với người như lý tác ý? này các Tỷ-kheo, nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi5 hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận.

5 Ấrambhadhãtu nỉkkamadhãtu parakkamadhãtu. Xem KS. V. 54; Vỉsm. I. 131-33.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 5

IIL PHẨM KHÓ SỬ DỤNG (AKAMMANIY4K4GGA)6 ụ I 5)

21. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại khó sử dụng, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập? này các Tỷ-kheo, khó sử dụng. 22. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo9 lại dễ sử dụng, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập9 này các Tỷ-kheo, dễ sử dụng. 23. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn (anatthãya), này các Tỷ-kheo5 như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập, này các Tỷ-kheo, đưa đên bât lợi lớn. 24. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ"kheo? như tâm được tu tập. Tâm được tu tập5 này các Tỷ-kheo? đưa đến lợi ích lớn. 25. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho hiển lộ.7 Tâm không được tu tap, không được làm cho hiên lộ9 này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn. 26. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm cho hiển lộ. Tâm được tu tập, được làm cho hiên lộ9 này các Tỷ-kheo? đưa đên lợi ích lớn. 27. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn (abahuỉĩkatam). Tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn5 này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn. 28. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo5 như tâm được tu tập? được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo? đưa đên lợi ích lớn. 29. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 đem lại đau khổ? này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập5 không được làm cho sung mãn. Tâm không được tu tap, không được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo9 đem lại đau kho.

6 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.11.5-6. 0566c09-16). 7 Apãtubhũtam. Chủ giải giải thích rằng: t4Tâm bị ràng buộc thẹo vòng luân hồi, không thể vượt thoát khỏi, không thê được tự tại trong cảnh thanh tịnh như Đạo, Niêt-bàn." Chủ giải trích dân lời của Tôn giả Phusamitta: 4tTâm được tu tập trong Chánh pháp sẽ được làm cho hiển 1."

6 KINH TĂNG CHI BỘ

30. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đem lại an lạc, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tap, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo5 đem lại an lạc.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 7

IV PHẨM KHÔNG ĐIỀU PHỤC (ADANTAVAGGA) (Ả. I. 6)

31. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được điều phục. Tâm không được điều phục9 này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn. 32. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được điều phục. Tâm được điều phục, này các Tỷ-kheo? đưa đến lợi ích lớn. 33. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo5 như tâm không được hộ trì. Tâm không được hộ tri, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn. 34. Ta không thây một pháp nào khác5 này các Tỷ-kheo9 đưa đên lợi ích lớn, các Tỷ-kheo, như tâm được hộ trì. Tâm được hộ trì, này các Tỷ-kheo? đưa lợi ích lớn. 35. Ta không thấy một pháp nào khác5 này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn? này các Tỷ-kheo, như tâm không được phòng hộ. Tâm không được phòng hộ? này các Tỷ-kheo? đưa đến bất lợi lớn. 36. Ta không thấy một pháp nào khác? này các Tỷ-kheo5 đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được phòng hộ. Tâm được phòng hộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn. 37. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo? như tâm không được bảo vệ. Tâm không được bảo vệ5 này các Tỷ-kheo? đưa đến bất lợi lớn. 38. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo. như tâm được bảo vệ. Tâm được bảo vệ. này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn. 39. Ta không thấy một pháp nào khác? này các Tỷ-kheo? đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được điều phục, khônạ được hộ trì, không được phòng hkhông được bảo vệ. Tâm không được điêu phục, không được hộ trì, không được phòng hộ? không được bảo vệ, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn. 40. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo9 đưa đên lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo? như tâm được điều phục, được hộ trì, được phòng hộ? được bảo vệ. Tâm được điều phục, được hộ tri, được phòng hộ, được bảo vệ, này các Tỷ-kheo? đưa đến lợi ích lớn.

8 KINH TĂNG CHI Bộ

V PHẨM ĐẶT HƯỚNG VÀ TRONG SÁNG (PANIHITAACCHAVAGGAf (A. I 8)

41. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? sợi râu của lúa mì,8 hay sợi râu của lúa mạch 910 bị đặt sai hướng, khi tay hay chân đè vào, có thê bị đâm thủng, hay có thê làm đổ máu; sự tình này không xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu bị đặt sai hướng. Cũng

vậy5 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm bị đặt sai hướng, có thể đâm thủng vô minh5 làm minh sanh khởi5 có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này không xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm bị đặt sai hướng. 42. Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch được đặt đúng hướng, khi tay hay chân đè vào? có thể bị đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm cho đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ- kheo, vì sợi râu được đặt đúng hướng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo với tâm được đặt đúng hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi5 CÓ thê chứng đạt Niêt-bàn; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo? vì tâm được đặt đúng hướng. 43. Ở đây? này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta biết tâm một người là uế nhiễm, Ta rõ biết: “Nếu trong thời gian này, người này mệnh chung, người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục?910 Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm người ấy uế nhiễm. Cũng do tâm uế nhiễm làm nhân như vậy? này các Tỷ-kheo, một số loài hữu tình ở đời, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ9 địa ngục. 44. Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta biết tâm một người là thanh tịnh, Ta rõ biết: “Nếu trong thời gian này, người này mệnh chung, người như vậy tương xứng được sanh lên thiên gi&i." Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm người ấy thanh tịnh. Cũng do tâm thanh tịnh làm nhân như vậy, này các Tỷ-kheo9 một số loài hữu tình ở đời5 sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi thiện, cõi trời, cõi đời này.

8 Tham chiếu: Tg.(T.02. 0125.9.5. 0562c 18); Tdng.(r.02. 0125.9.6. 0563a01). Acchanna\ Không bị che phủ, chỉ cho nước không bị bọt nước che phủ. 9 Xemy V. 10. 10 ÀA. I. 57: Yathậbhatam nikkhittoti yathã ãharỉtvã thapỉto ("Tương xứng rơi xu6ng" nghĩa là khi mang theo [tâm uê nhiêm], phải bị rơi xuông [địa ngục]). Xem M. L 71.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 9

45. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước uế nhớp, bị khuấy động, đục bùn. Tại dấy, có người có mắt, đứng trên bờ? không thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại5 đứng yên.11 Vì cớ sao? Vì nước bị khuấy đục. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm bị khuấy đục12 biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người, hay biết được lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo5 vì rằng tâm vị ấy bị khuấy đục. 46. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một hồ nước trong, sạch, không bị khuấy dục, tại đấy, có người có mắt, đứng trên bờ, có thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại, đứng yên. Vì cớ sao? Vì nước không bị khuấy đục. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm không bị khuấy đục biết được lợi ích của minh, hay biết được lợi ích của người, hay biết được lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm vị ấy không bị khuấy đục. 47. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại cây gì5 cây Phandana13 được xem là tối thượng, tức là về nhu nhuyến và dễ sử dụng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một pháp nào khác lại nhu nhuyến và dễ sử dụng hơn một tâm được tu tập, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, là nhu nhuyến và dễ sử dụng. 48. Ta không thây một pháp nào

khác, này các Tỷ-kheo5 lại thay đôi nhanh chóng hơn tâm. Thật không dễ gì5 này các Tỷ-kheo, dùng một ví dụ để diễn tả sự thay đổi nhanh chóng của tâm. 49. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhimg tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào. 50. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào.

11 Xem D. I. 84. 12 Bởi năm triền cái. 13 Phandana'. Uyển chuyển, mềm mại. XemAA. I. 59.

10 KINH TĂNG CHI Bộ

VL PHẨM BÚNG NGÓN TAY (ACCHARÃSANGHÃTAVAGGA) (A. 1.11)

51. Tâm này? này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhung tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào. Kẻ phàm phu ít nghe, không như thật rõ biết tâm ấy, do vậy, Ta nói rằng tâm kẻ phàm phu ít nghe không được tu tập. 52. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng ch6i, và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào. Bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, như thật rõ biết tâm ấy, do vậy? Ta nói rằng tâm bậc Thánh đệ tử nghe nhiều có được tu tập. 53. Nếu chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khởi từ tâm; vị ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Tỷ-kheo trú thiền tịnh không có trống không,14 làm theo lời dạy của bậc Đạo su, là người làm theo lời giáo giới, ăn đồ ăn khất thực của xứ không có uổng phí.15 Còn nói gì những người làm cho sung mãn từ tâm ấy! 54-55. Nêu chỉ trong khoảnh khăc búng ngón tay, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ- kheo tu tập từ tâm, tác ý từ tâm; vị ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Tỷ-kheo trú thiền tịnh không có ứống không, làm theo lời dạy của bậc Đạo su, là người làm theo lời giáo giới? ăn đô ăn khât thực của xứ không có uông phí. Còn nói gì những người làm cho sung mãn từ tâm ấy! 56. Phàm những pháp nào, này các Tỷ-kheo, là bât thiện, thuộc thành phân bất thiện, đứng yề phía bất thiện, tất cả các pháp ấy đều có ý đi trước. Y khởi trước các pháp ấy, các pháp bất thiện theo sau.16 57. Phàm những pháp nào, này các Tỷ-kheo, là thiện, thuộc thành phần thiện, đứng vê phía thiện, tât cả các pháp ây đêu có ý đi trước. Y khởi trước các pháp ấy, các pháp thiện theo sau. 58. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận? này các Tỷ-kheo5 như phóng dật. Với người phóng dật? này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. 59. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các

14 AA{ I. 71: Arittąjjhãnotỉ atucchcyjhano aparỉccattąjjhãno vã ("Thiền không có trống không,, nghĩa là thiền không có vô ích). 15 Amogha. Xem Dh. V. 308; It. 90. 16Xem Dh. V. 1, 2.

pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo5 như không phóng dật. Với người không phóng dật9 này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 60. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? do pháp ây, các pháp bất

thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo? như biếng nhác. Với người biếng nhác, này các Tỷ-kheo? các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

12 KINH TĂNG CHI Bộ

VIL PHẨM PHÁT KHỞI TINH TẤN (yĨRIYẴRAMBHẴDIVÂGGA)1 (A. 1.12)

61. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo9 do pháp ây, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận? này các Tỷ-kheo, như phát khởi tinh tấn. Với người phát khởi tinh tấn, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 62. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ây, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi5 hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo5 như dục lớn. Với người có dục lớn, này các Tỷ-kheo5 các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. 63. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-ỉdieo, do pháp ây, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận? này các Tỷ-kheo, như ít dục. Với người có ít dục, này các Tỷ-kheo? các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi5 và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 64. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? do pháp ấy5 các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khỏi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. này các Tỷ-kheo5 như không biết vừa đủ. Với người không biết vừa đủ. này các Tỷ-kheo, các pháp bât thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. 65. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi? hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như biết vừa đủ. Với người biết vừa dủ, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 66. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như không như lý tác ý. Với người không như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo5 các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. 67. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được

17 Xem A. I. 4; s. V. 64. Vĩriyãrambha = Vĩrỉya (tinh tấn) + ãrambha (phát khởi).

đoạn tận5 này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Với người có như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo5 các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 68. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo5 như không tỉnh giác. Với người không tỉnh giác, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. 69. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi5 hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo,

như tỉnh giác. Với người có tỉnh giác, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 70. Ta không thấy một pháp nào khác? này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi? hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo. như ác hữu với ác. Với người ác hữu với ác, này các Tỷ- kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

14 KINH TĂNG CHI BỘ

Vin. PHẨM LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (KALYÂNAMITTẪÌ)IK4GGA) (Ã.l. 14)

71. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi5 hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận9 này các Tỷ-kheo9 như làm bạn với thiện hữu.18 Với người làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 72. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo? như chuyên tâm hành các pháp bất thiện19 và không chuyên tâm hành các pháp thiện. Do chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ-kheo, do không chuyên tâm hành các pháp thiện, nên các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi5 và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận. 73. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo5 như chuyên tâm hành các pháp thiện và không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Do chuyên tâm hành các pháp thiện, này các Tỷ-kheo, do không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, nên các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 74. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? do pháp ấy, các giác chi chưa sanh không sanh khởi, hay các giác chi đã sanh không được tu tập cho viên mãn5 này các Tỷ-kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo, các giác chi chưa sanh không được sanh khởi, và các giác chi đã sanh không được tu tập cho viên mãn. 75. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các giác chi chưa sanh được sanh khởi5 hay các giác chi đã sanh được tu tập cho viên mãn9 này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Do như lý tác ý? này các Tỷ-kheo? các giác chi chưa sanh được sanh khởi9 và các giác chi đã sanh được tu tập cho viên mãn. 76. ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những mất mát này5 như mất mát bà

18 Xem y V. 29-35. 19 Anuyogo akusalãnaĩn dhammãnam.

con. Điều này là khốn cùng20 giữa các mất mát? này các Tỷ-kheo? tức là mất mát trí tuệ. 77. It có giá trị5 này các Tỷ-kheo5 là những tăng trưởng này, như tăng trưởng bà con. Điều này là tối thượng (etadaggarrỉ) giữa các tăng trưởng, này các Tỷ- kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ. Do vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tue." Như vậy? này các Tỷ-kheo9 các ông cần phải học tập. 78. It có giá trị5 này các Tỷ-kheo, là những mât mát này5 như mât mát tài

sản. Điều này là khốn cùng giữa các mất mát, này các Tỷ-kheo5 tức là mất mát trí tuệ. 79. ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những tăng trưởng này5 như tăng trưởng tài sản. Điêu này là tôi thượng giữa các tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ.59 Như vậy, này các Tỷ- kheo, các ông càn phải học tập. 80. It có giá trị? nàỵ các Tỷ-kheo, là những mât mát này, như mât mát danh tiêng. Điêu này là khôn cùng giữa các mât mát, này các Tỷ-kheo5 tức là mât mát trí tuệ.

20 04 I. 82: Etampatikitthanti etampacchimam etam lãmakam ("Diều này là khốn cùng,, có nghĩa là điều này là thấp nhất, điễu này là tồi tệ).

16 KINH TĂNG CHI Bộ

IX. PHẢM PHÓNG DẬT (PAMẴDẴDĨVAGGA)2i (A. I. 16)

81. ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những tăng trưởng này, như tăng trưởng danh tiếng. Điều này là tối thượng giữa các tăng trưởng, này các Tỷ-kheo? tức là tăng trưởng trí tuệ. Do vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tue." Như vậy? này các Tỷ- kheo? các ông cần phải học tập. 82. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 có thể đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo9 như là phóng dật. Phóng dật, này các Tỷ-kheo5 đưa đến bất lợi lớn. 83. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 có thể đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo? như là không phóng dật. Không phóng dật, này các Tỷ-kheo? đưa đến lợi ích lớn. 84. (Như số 82,chỉ thay thế "nhu là biếng nhác"). 85. (Như số 83,chỉ thay thế "nhu là tinh cần tinh tấn"). 86. (Như số 82,chỉ thay thế "nhu là nhiều dục^,). 87. (Như số 83,chỉ thay thế "nhu là ít due99). 88. (Như số 82,chỉ thay thế "nhu là không biết dỉT). 89. (Như số 83,chỉ thay thế "nhu là biết díi"). 90. (Như số 82,chỉ thay thế "nhu là không như lý tác y"). 91. (Như số 83,chỉ thay thế "nhu là như lý tác y"). 92. (Như số 82,chỉ thay thế "nhu là không tỉnh giác"). 93. (Như số 83,chỉ thay thế "nhu là tỉnh giác"). 94. (Như số 82,chỉ thay thế "nhu là làm bạn với ác hữu,,). 95. (Như số 83,chỉ thay thế "như là làm bạn với thiện hữu"). 96. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? có thể đưa đến bất lợi lớn? này các Tỷ-kheo? như là chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện. Chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

21 Bản tiếng Anh của PTS: Earnestness, nghĩa là Tỉnh cần.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 17

97. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo? như là chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bât thiện? này các Tỷ-kheo? đưa đên lợi ích lớn.

18 KINH TĂNG CHI BỘ

X. PHẢM PHÓNG DẬT THỨ HAI (PUTIYAPAMÃDẴDIVAGGAÝ2 (A. 1.16)

98. Đứng về phương diện nội phần, này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy? này các Tỷ-kheo5 như phóng dật. Phóng dật5 này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn. 99. Đứng về phiĩơng diện nội phần? này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy5 này các T-kheo, như không phóng dật. Không phóng dật, này các Tỷ-kheo5 đưa đến lợi ích lớn. 100. (Như số 98, chỉ thay thế "biếng nhac^). 101. (Như số 99, chỉ thay thế "tinh cần tinh tấn"). 102-109. (Như trên, tuần tự thay thế "dục lớn, ít dục... không biết đủ5 biết đủ... không như lý tác ý? như lý tác ý... không tỉnh giác, tỉnh giác.. 110. Đứng về phương diện ngoại phần5 này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, này các Tỷ-kheo9 như làm bạn với ác hữu. Làm bạn với ác hữu, này các Tỷ-kheo? đưa đến bất lợi lớn. 111. Đứng về phương diện ngoại phần5 này các Tỷ-kheo5 Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy? này các Tỷ-kheo9 như làm bạn với thiện hữu. Làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo5 đưa đến lợi ích lớn. 112. Đứng về phương diện nội phần5 này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy5 này các Tỷ-kheo? như chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện. Chuyên tâm hành các pháp bất thiện5 không chuyên tâm hành các pháp thiện, này các Tỷ- kheo, đưa đến bất lợi lớn. 113. Đứng về phương diện nội phần5 này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy? này các Tỷ-kheo5 như chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ- kheo, đưa đến lợi ích lớn. 114. Ta không thấy một pháp nào khác? này các Tỷ-kheo, khiến Diệu pháp bị lu mờ5 bị biên mât như vậy? này các Tỷ-kheo, như phóng dật. Phóng dật, này các Tỷ-kheo9 đưa đến Diệu pháp bị lu mờ và bị biến mất.

22 Bản tiếng Anh của PTS chia 42 kinh (từ 98-139) thành 2 chương. Chương X. a. gồm 34 kinh, với tên nhóm: In a Fourfold Way, nghĩa là Trong con đường bốn ngành. Chương X. b. gôm 10 kinh, với tên nhóm: Not Dhamma, nghĩa la Phỉ pháp.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 19

115. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? khiến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất như vậy5 này các Tỷ-kheo, như không phóng dật. Không phóng dật, này các Tỷ-kheo? đưa đến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất. 116. (Như số 114, chỉ thay thế "biếng nhác"). 117. (Như số 115, chỉ thay thế "tinh cần tinh tấn"). 118-128. (Như trên, chỉ tuần tự thay thế "dục lớn, ít dục... không biết đủ5 biết đủ... không như lý tác ý9 như lý tác ý... không tỉnh giác, tỉnh giác... ác hữu với ác, thiện hữu với thiện... chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện,,). 129. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, khiến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ? không bị biến mất như vậy5 này các Tỷ-kheo? như chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biên mất. 130. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo5 nêu rõ phi pháp2 là pháp, sở

hành của những vị ấy, này các Tỷ-kheo? đem lại bất hạnh cho đa số5 bất lạc cho đa s6, bât lợi cho đa sô5 đưa đên bât hạnh, đau khô cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo? những Tỷ-kheo ây tạo điêu vô phước và khiên cho Diệu pháp biến mất. 131. Những Tỷ^-kheo nào, này các Tỷ-kheo5 nêu rõ pháp là phi pháp, sở hành của những vị ây, này các Tỷ-kheo? đem lại bât hạnh cho đa sô, bât lạc cho đa sô? bât lợi cho đa s6, đưa đên bât hạnh, đau khô cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất. 132-139. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi luật là luật... nêu rõ luật là phi luật... điều Như Lai không nói lên, tuyên bố là Như Lai có nói lên, không tuyên bố là Như Lai không nói lên... điều Như Lai có nói lên5 tuyên bố là Như Lai không nói lên, không tuyên bố là Như Lai có nói lên... điều Như Lai không thực hành9 tuyên bố là Như Lai có thực hành... điều Như Lai thực hành, tuyên bố là Như Lai không thực hành... điều Như Lai không chế đặt? tuyên bố là Như Lai có chế đặt... điều Như Lai có chế đặt, tuyên bố là Như Lai không chế đặt, sở hành của những vị ấy, này các Tỷ-kheo5 đem lại bất hạnh cho đa sô5 bât lạc cho đa sô9 bât lợi cho đa sô9 đưa đên bât hạnh, đau khô cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

23 Adhammo.Chú giải dàph nhiều đoạn để miêu tả pháp bị hiểu lầm như thế nào và các kinh điển nào theo thứ tự dần dần bị biến mất. Xem Anãgatavamsa trong Buddhism ỉn Translations (Các dịch phẩm Phật giáo), 481.

20 KINH TĂNG CHI BỘ

XI. PHẨM PHI PHÁP (ADHAMMAK4GGA) (Â. L 19)

140. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi pháp là phi pháp5 những Tỷ-kheo ấy, sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo5 đem lại hạnh phúc cho đa sô, an lạc cho đa s6, lợi ích cho đa s6, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo9 những Tỷ-kheo ây tạo điêu phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú. 141. Những Tỷ-kheo nào? này các Tỷ-kheo, nêu rõ pháp là pháp, những Tỷ- kheo ấy, sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo9 đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa sô, lợi ích cho đa sô? đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo ây tạo điêu phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú. 142-149. Những Tỷ-kheo nào? này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi luật là phi luật... luật là luật... điều Như Lai không nói lên5 tuyên bố là Như Lai không nói lên... điều Như Lai có nói lên9 tuyên bố là Như Lai có nói lên... điều Như Lai không thực hành, tuyên bố là Như Lai không thực hành... điều Như Lai có thực hành, tuyên bố là Như Lai có thực hành... điều Như Lai không chế đặt? tuyên bố là Như Lai không chế đặt... điều Như Lai có chế đặt, tuyên bố là Như Lai có chế đặt, những Tỷ-kheo ây, sở hành như vậy5 này các Tỷ-kheo9 đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số5 lợi ích cho đa số5 đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo? những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 21

XIL PHẨM KHÔNG PHẠM (ANÃPATTIVAGGA) (A. 1.20)

150. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo. nêu rõ không phạm là có phạm, những Tỷ-kheo ây9 với sở hành như vậy5 này các Tỷ-kheo? đem lại bât hạnh cho đa sô5 bât lạc cho đa số? bât lợi cho đa sô, đem lại bât hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất. 151. Những Tỷ-kheo nào? này các Tỷ-kheo, nêu rõ có phạm là không phạm? những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy5 này các Tỷ-kheo? đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số? đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất. 152-159. Những Tỷ-kheo nào5 này các Tỷ-kheo, nêu rõ tội nhẹ là tội nặng (garukam ãpattim)... tội nặng là tội nhẹ (ỉahukã ãpattĩtĩ)... tội thô trọng (dutthullam ãpattim) là tội không thô trọng (adutthullã ãpattĩti)... tội không thô trọng là tội thô trọng... tội có dư tàn (sãvasesã ãpattĩtí) là tội không dư tàn (anavasesã ãpattĩtĩ)... tội không dư tàn là tội có dư tàn... tội có thể sám hối (sappatikammam ãpattim) là tội không thê sám hôi (appatikammam ãpatíim)... tội không thế sám hối là tội có the sám hối, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đem lại bất hạnh? đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo9 những Tỷ-kheo ây tạo điêu vô phước và khiên cho Diệu pháp biến mất. 160. Những Tỷ-kheo nào? này các Tỷ-kheo? nêu rõ không phạm tội là không phạm tội, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo? đem lại hạnh phúc cho đa số? an lạc cho đa số? lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa? này các Tỷ-kheo? những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú. 161. Những Tỷ-kheo nào5 này các Tỷ-kheo, nêu rõ phạm tội là phạm tội? những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa sô9 an lạc cho đa số? lợi ích cho đa số? đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú. 162-169. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ tội nhẹ là tội nhẹ... tội nặng là tội nặng... tội thô trọng là tội thô trọng... tội không thô trọng là tội

không thô trọng... tội có dư tàn là tội có dư tàn... tội không dư tàn là tội không dư tàn... tội có thể sám hối là tội có thể sám hối... tội không thể sám hối là tội không thê sám hôi, những Tỷ-kheo ây, với sở hành như vậy5 này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa sô, lợi ích cho đa sô9 đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 23

XIIL PHẨM MỘT NGƯỜI (EKAPUGGALAK4GGA) 24 (A. L 22)

170. Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời? sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số5 an lạc cho đa số5 vì lòng thương tưởng cho đời? vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì

an lạc cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác. Chính người này? này các Tỷ-kheo? khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số9 an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. 171. Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Sự xuất hiện của một người nào? Đó là sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo? khó gặp được ở đời. 172. Một người, này các Tỷ-kheo? khi xuất hiện ở(tòi, là sự xuất hiện của một người vi diệu. Người ấy là ai? Chính là Như Lai? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở dời, là sự xuất hiện của một người vi diệu. 173. Sự mệnh chung của một người, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc. Sự mệnh chung của một người nào? Đó là sự mệnh chung của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự mệnh chung của một người này, này các Tỷ-kheo5 được đa số thương tiếc. 174. Một người, này các Tỷ-kheo5 khi xuất hiện ở đời? là sự xuất hiện của một người, không có một người thứ hai, không có đông bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đôi phân, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.25 Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Người này, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của một người, không có một người thứ hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang băng, không có đặt ngang băng5 bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.26

24 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.8.2. 0561a08); Tăng.(T.02. 0125.8.7. 0561b26). 25 Dvỉpadãnam aggo. Xem s. I. 6. 26 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.8.4. 0561b01); Tăng.(T.02. 0125.8.10. 0561c24).

175-186. Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của Mắt lớn, là sự xuất hiện của Đại quang, là sự xuất hiện của Đại minh, là sự xuất hiện của Sáu vô thượng,27 là sự chứng ngộ Bốn vô ngại giải,28 là sự thông đạt nhiều Giới,29 là sự thông đạt các Giới sai biệt,3031 là sự chứng ngộ Minh và Giải thoát,31 là sự chứng ngộ quả Dự lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất lai, là sự chứng ngộ quả Bất lai, là chứng ngộ quả A-la-hán. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ- kheo, là sự xuất hiện của Măt lớn, là sự xuất hiện của Đại quang... là sự chứng ngộ quả A-la-hán. 187. Ta không thấy một người nào khác? này các Tỷ-kheo, có thể chơn chánh chuyển vận vô thượng pháp luân do Như Lai chuyển vận, này các Tỷ- kheo? như Sãriputta. Sãriputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển vận vô thượng pháp luân do Như Lai chuyển vận.

27 Anuttarỉya'. Thù thắng về thấy, nghe, sở hữu, giáo dục, phục vụ, niệm.

28 Patỉsambhidã: về ý nghĩa, nhân duyên, định nghĩa và trí tuệ.

29 A nekadhãtupatỉvedha.

30 Nãnãdhãtupatỉvedha.

31 Vìjjãviinuttỉphalasacchikỉrỉyã.

XIV PHẨM NGƯỜI TÓI THẮNG (ETADAGGAVAGGA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (PaḶhamavagga)3233 (4 I. 23) 34 188. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta nhiều hạ lạp,33 này các Tỷ-kheo? tối thắng là Annakondafina. 189. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có đại trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sãriputta. 190. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thần thông, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Mahãmoggallãna. 191. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta hành trì hạnh Đầu-đà, này các Tỷ- kheo? tối thắng là Mahãkassapa. 192. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có Thiên nhãn5 này các Tỷ-kheo, tối thắng là Anuruddha. 193. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuộc gia đình quý tộc? này các Tỷ- kheo, tối thắng là Bhaddiya KãḶigodhãyaputta. 194. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có âm thanh vi diệu, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Lakuntaka (người lùn) Bhaddiya. 195. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta rống tiếng rống sư tử, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Pindolabharadvaja. 196. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Punna Mantãniputta. 197. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết giảng rộng rãi những điều được nói lên một cách văn tắt, này các Tỷ-kheo? tôi thăng là Mahãkaccãna. II. PHẨM THỨ HAI (Dutìyavagga) (A. I. 24) 198. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ- kheo, tối thắng là CũḶapanthaka. 199. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về tâm thắng tiến,34 này các Tỷ-kheo, tối thắng là CũḶapanthaka.

32 Tên phẩm này và 3 phẩm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Pre-Eminent Ones, nghĩa là Người tối thắng nhất. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.4.1-10. 0557al7-0558c07). 33 Rattannunam'. Bậc Trưởng lão (hiểu biết sự việc trong nhiều năm). 34 Cetovỉvaịta. Xem Ps. I. 108.

200. Trong các yị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về tưởng thắng tiến, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahãpanthaka. 201. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta sống không có sự chống đối, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Subhũti. 202. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Subhũti. 203. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tu ở rừng, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Revata Khadiravaniya. 204. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo cửa Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Kaồkhãrevata. 205. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sona KoḶivisa. 206. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta khéo nói5 này các Tỷ-kheo? tối thăng là Sona Kutikanna. 207. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta được cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sĩvali. 208. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có tín thắng giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Vakkali. III. PHẨM THỨ BA (Tatiyavagga) (A. I. 24) 209. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta ưa thích học tap, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Rãhula. 210. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta xuất gia vì lòng tin, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Ratthapãla. 211. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đàu tiên có thẻ nhận thức ăn cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kundadhãna. 212. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có trí thông minh, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là

Vaồgĩsa. 213. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta dễ mến toàn diện, này các Tỷ-kheo, tối thắng là upasena Vaốgantaputta. 214. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Dabba Mallaputta. 215. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta được chư thiên ái mộ? này các Tỷ- kheo, tối thắng là Pilindavaccha. 216. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thắng trí mau lẹ, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Bãhiya Dãrucĩriya. 217. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết giảng vi diệu, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Kumăra Kassapa. 218. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được vô ngại giải5 này các Tỷ- kheo, tối thắng là Mahãkotthita.

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 27

IV. PHẨM THỨ Tư (Catutthavagga) (4 I. 24) 219. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ãnanda. 220. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ ức niệm, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Ãnanda. 221. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ cử chỉ tốt đẹp5 này các Tỷ- kheo5 tối thắng là Ãnanda. 222. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ sự kiên tri, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ãnanda. 223. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta làm thị giả, này các Ty.kheo, tối thắng là Ãnanda. 224. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có hội chúng lớn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uruvela Kassapa. 225. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta làm cho các gia đình hoan hỷ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là KãỊudãyĩ. 226. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta không có bệnh hoạn? này các Tỷ- kheo, tối thắng là Bãkkula. 227. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta nhớ đên các đời sông quá khứ, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Sobhita. 228. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta trì Luật, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Upăli. 229. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta giáo giới Tỷ-kheo-ni, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Nandaka. 230. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta hộ trì các căn môn5 này các Tỷ- kheo, tối thắng là Nanda. 231. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta giáo giới Tỷ-kheo? này các Tỷ- kheo? tối thắng là Mahãkappina. 232. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về hỏa giới, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Sãgata. 233. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta năng khởi biện tài, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Rãdha. 234. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mogharãjã. V. PHẨM THỨNẢM (Pancamavaggăỷ5 (4 I. 25) 235. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta nhiều hạ lạp, này các Tỷ- kheo? tối thắng là Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ.

35 Bản tiếng Anh của PTS: Women Disciples, nghĩa là Nữ đệ tử. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.5.1-5. 0558c21-0559b22).

28 KINH TẨNG CHI BỘ

236. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có đại trí tuệ, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Khemã. 237. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có thần thông, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Uppalavannã. 238. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta trì Luật5 này các Tỷ-kheo, tối thắng là Patãcãrã. 239. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Dhammadinnã. 240. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nandã. 241. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta tinh cần tinh tấn, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Sonã. 242. Trong

các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có Thiên nhãn, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Bakulã. 243. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có thăng trí mau lẹ9 này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddã Kundalakesã. 244. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta nhớ đên các thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddã Kãpilãnĩ. 245. Trong các yị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta đã chứng đạt đại thắng trí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhadda Kaccãnã. 246. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Kisãgotamĩ. 247. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta đầy đủ tín thắng giải5 này các Tỷ-kheo, tối thắng là Siỏgãlakamãtã. VI. PHẨM THỨ SÁU (Chatthavagga)36 (A. I. 25) 248. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta quy y đầu tiên, này các Tỷ-kheo, tối thắng là các người buôn bán Tapassu Bhallikã. 249. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là gia chủ Sudatta Anâthapindika. 250. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Citta Macchikãsandika. 251. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta nhiếp phục hội chúng nhờ Bốn nhiếp pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Hatthaka ÃỊavaka. 252. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí các món ăn thượng vị5 này các Tỷ-kheo, tôi thăng là Mahãnãma Sakka. 253. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí các món đồ khả ý, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là gia chủ Ugga Vesãlika.

36 Bản tiếng Anh của PTS: Lay-Followers, Men, nghĩa là Nam cư sĩ.

254. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta hộ trì Tăng chúng, này các Tỷ- kheo, tối thắng là Hatthigãmaka Uggata. 255. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta có lòng tịnh tín bất động, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Sũra Ambattha. 256. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta được dân chúng kính mến, này các Tỷ-kheo? tối thắng là Jĩvaka Komãrabhacca. 257. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta nói chuyện một cách thân mật, này các Tỷ-kheo? tối thắng là gia chủ Nakulapitã. VII. PHẨM THỨ BẢY (Sattamavaggay1 (4 I 26) 258. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta đi đến quy y đầu tiên9 này các Tỷ- kheo, tối thắng là Siýãtã Senãnĩdhĩtă. 259. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta bố thí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Visãkhã Migãramãtã. 260. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta nghe nhiêu, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là Khujjuttara. 261. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta an trú từ tâm5 này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sãmãvatĩ. 262. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là Uttarã Nandamãtã. 263. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta bố thí các món ăn thượng Vnày các Tỷ-kheo5 tối thắng là Suppavãsã Koliyadhĩtã. 264. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta chăm sóc người bệnh, này các Tỷ- kheo, tối thắng là nữ cư sĩ Suppiyã. 265. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta có lòng tịnh tín bất động, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kãtiyãnĩ. 266. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta nói chuyện một cách thân mật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là nữ gia chủ Nakulamãtă. 267. Trong các vị nữ cư sĩ đệ tử của Ta có lòng tịnh tín đôi với lời đôn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là KãỊĩ5 nữ cư sĩ ở Kulagharikã.37

37 Bản tiếng Anh của PTS: Lay-Followers, Women, nghĩa là Nữ cư sĩ.

XV PHẨM KHÔNG THẺ CÓ ĐƯỢC (ATTHÂNA)3S

I. PHẨM THỨ NHẤT (Pathamavagga) (A. I. 26) 268. Sự kiện này không xảy ra9 này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiên có thê chập nhận các hành là thường còn, sự kiện này khônệ xảy ra. Nhimg sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là thường còn5 sự kiện này có xảy ra. 269. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo5 không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra? này các Tỷ-kheo? kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là lạc5 sự kiện này có xảy ra. 270. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này không xảy ra. Nhimg sự kiện này có xảy ra5 này các Tỷ-kheo5 kẻ phàm phu có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này có xảy ra. 271-276. Sự kiện này khônệ xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu... có thể phá hòa hợp Tăng... có thể tuyên bố theo một vị Đạo sư khác, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu... có thê phá hòa hợp Tăng... có thê tuyên bô theo một vị Đạo sư khác, sự kiện này có xảy ra. 277. Sự kiện này không xảy ra5 này các Tỷ-kheo, không thể có được: Trong một thế giới, hai vị A-la-hán3839 Chánh Đẳng Giác, không trước không sau (apubbam acarỉmam\ xuất hiện một lần5 sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo5 trong một thế giới9 chỉ có một vị A-la- hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

II. PHẨM THỨ HAI (Dutiyavagga) (A.L 28) 278. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Trong

38 Bn tiếng Anh của PTS trình bày liên tục Chapter XV. The Impossible, nghĩa là Không thể có được gồm 28 kinh (từ 268-295). 39 Không phải nghĩa A-la-hán là vị chứng quả Thánh thứ tư thông thường mà là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giac.

một thế giới, CÓ hai Chuyển Luân Vương, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ- kheo, trong một thê giới, chỉ có một Chuyên Luân Vương xuất hiện, sự kiện này có xảy ra. 279. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo5 không thể có được: Một phụ nữ có thê là bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện nàỵ có xảy ra, này các Tỷ-kheo, người đàn ông có thể là bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, sự kiện này có xảy ra. 280. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thê có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo5 một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra. 281-283. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế-thích (Sakka)... là Ác ma... là Phạm thiên, sự kiện này không xảỵ ra.

Nhưng sự kiện này có xảy ra? này các Tỷ-kheo? một người đàn ông có thê là vị Đê-thích... là Ac ma... là Phạm thiên, sự kiện này có xảy ra. 284. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của thân làm ác có thê là khả lạc, khả hỷ? khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra5 này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của thân làm ác là không khả lạc, không khả hỷ? không khả ý; sự kiện này có xảy ra. 285-286. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo5 không thể có được: Là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác có thể là khả lạc, khả hỷ5 khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhimg sự kiện này có xảy ra? này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này có xảy ra. III. PHẨM THỨ BA (Tatiyavagga) (A. I. 28) 287. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của thân làm thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo5 là quả dị thục của thân làm thiện là khả lạc? khả hỷ9 khả ý; sự kiện này có xảy ra. 288-289. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của miệng nói thiện... của ý nghĩ thiện có thê là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của miệng nói thiện... của ý nghĩ thiện là khả lạc, khả hy, khả ý; sự kiện này có xảy ra. 290. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là người đầy đủ thân làm ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành5 cõi trời5 cõi đời này; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo9 là người đầy đủ thân làm ác, do nhân ây, do duyên ây, sau khi thân hoại mệnh chung, có thê sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này có xảy ra.

291-292. Sự kiện này không xảy ra5 này các Tỷ-kheo? không thể có được: Là người đầy đủ miệng nói ác... ý nghĩ ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ ý nghĩ ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ? địa ngục; sự kiện này có xảy ra. 293. Sự kiện này không xảy ra5 này các Tỷ-kheo5 không thể có được: Là người đây đủ thân làm thiện, do nhân ây5 do duyên ây, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này không xảy ra. Nhxmg sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân làm thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này; sự kiện này có xảy ra. 294-295. Sự kiện này không xảy ra5 này các Tỷ-kheo5 không thể có được: Là người đầy đủ miệng nói thiện... ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cối dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo5 là người đầy đủ ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành5 cõi trời, cối đời này; sự kiện này có xảy ra.

XVI. PHẨM MỘT PHÁP (EKADHAMMA)

L PHẨM THỨ NHẤT (Pathamavagga)4() (A. I. 30) 296. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đên nhât hướng nhàm chán (ekantanibbidãyd), ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí? giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật. Chính một pháp này5 này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ? Niết-bàn. 297. Có một pháp, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đên nhât hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thăng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Pháp... niệm Tăng... niệm giới... niệm thí... niệm thiên... niệm hơi thở vô hơi thở ra... niệm chết... niệm thân... niệm an tịnh. Chính một pháp này, này các Tỷ-kheo? được tu tập? được làm cho sung mãn5 đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh? thắng trí, giác ngộ9 Niết-bàn. II. PHẨM THỨ HAI (Dutiyavaggă)^ (4 I. 31) 298. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy5 các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo5 như tà kiến. Với người có tà kiến, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi5 và các pháp bất thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 299. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng dại, này các Tỷ-kheo, như chánh kiên. Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo5 các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi5 và các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. 300. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh khônẹ sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, như tà kiên. Với người có tà kiên, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn diệt. 301. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các pháp bât thiện chưa sanh không sanh khởi, hay các pháp bât thiện đã sanh bị

40 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVI. The One Thing, nghĩa là Một pháp. 41 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVII. The Seed, nghĩa là Chủng tử.

đoạn diệt, này các Tỵ-kheo5 như chánh kiên. Với người có chánh kiên, này các Tỷ-kheo? các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi5 và các pháp bất thiện đã sanh bị đoạn diệt. 302. Ta không thấy một pháp nào khác? này các Tỷ-kheo? do pháp ấy, tà kiến chưa sanh được sanh khởi5 hay tà kiến đã sanh được tăng trưởng, này các Tỷ-kheo? như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Tỷ-kheo? tà kiến chưa sanh được sanh khởi, và tà kiến đã sanh được tăng trưởng. 303. Ta không thấy một pháp nào khác, nàỵ các Tỷ-kheo, do pháp ấy, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, hay chánh kiên đã sanh được tăng trưởng, này các Tỷ-kheo5 như như lý tác ý. Do như lý tác ý? này các Tỷ-kheo, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi? và chánh kiến đã sanh được tăng trưởng. 304. Ta không thây một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo? do pháp ây, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, này các Tỷ-kheo? như tà kiên. Các chúng sanh có đây đủ tà kiên, này các

Tỷ-kheo, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. 305. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 do pháp ấy, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào cõi lành, thiên giới, cõi đời này, này các Tỷ-kheo5 như chánh kiến. Các chúng sanh có đầy đủ chánh kiến, này các Tỷ-kheo, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. 306. Đôi với người có tà kiên5 này các Tỷ-kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn theo tà kiến, phàm mọi khẩu hành... phàm mọi ý hành hoàn toàn theo tà kiến, phàm có tư tâm sở nào...phàm có quyết định nào...5 phàm có ước nguyện nào..., và phàm có các hành nào...5 tât cả pháp ây đưa đên không khả lạc, không khả hỷ5 không khả ý, đưa đến bất hạnh, đau khổ. Vì cớ sao? Vì tánh ác của tà kiến, này các Tỷ-kheo. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây nimba,42 hay hạt giống cây kosãtaki (một loại cây leo), hay hạt giống cây mướp dắng, được gieo vào đất ướt. Phàm vị gì nó lấy lên từ dất, phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đều đưa đến tánh đắng, tánh cay, tánh không lạc của nó. Vì cớ sao? Vì tánh ác của hạt giống, này các Tỷ-kheo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? đôi với người có tà kiên5 này các Tỷ-kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn... (như trên)... Vì tánh ác của tà kiến, này các Tỷ-kheo. 307. Đối với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo5 phàm mọi thân hành hoàn toàn theo chánh kiến, phàm mọi khẩu hành... phàm mọi ý hành hoàn toàn theo chánh kiến, phàm có tư tâm sở nào...9 phàm có quyết định nào..., phàm có ước nguyện nào..., và phàm có các hành nào..tất cả pháp ấy đưa đến khả

42 Nimba: Một loại cây gỗ cứng và lá đắng. Xem 4 I. 32; V. 212; J. II. 105, 106; DhA. I. 52; Vin. I. 152.

lạc, khả hỷ, khả ý5 đưa đến hạnh phìic, an lạc. Vì cớ sao? Vì tánh hiền thiện của chánh kiến, này các Tỷ-kheo. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây mía, hay hạt giống cây lúa (sãlíỵ hay hạt giông cây nho (muddỉkã) được gieo vào đất ướt. Phàm vị gì nó lây lên từ dât, phàm vị gì nó lây lên từ nước, tât cả vị ây đêu đưa đên tánh ngọt5 thích ý, tánh ngon ngọt (asecanaka) của nó. Vì cớ sao? Vì tánh hiền thiện của hạt giông, này các Tỷ-kheo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 đối với người có chánh kiến, này các Tỷ- kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn... Vì tánh hiên thiện của chánh kiên5 này các Tỷ-kheo. III. PHẨM THỨ BA (TatiyavaggaỴ3 (4 I. 33) 308. Có một người, này các Tỷ-kheo? khi xuât hiện ở đời, sự xuât hiện đem lại bất hạnh cho đa s6, bất lạc cho đa số? bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Người có tà kiến, người có điên đảo kiên. Người ây làm cho nhiêu người xa lìa Diệu pháp, an trú phi pháp. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuât hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại bât hạnh cho đa sô, bât lạc cho đa s6, bât lợi cho đa sô, đưa đên bât hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. 309. Có một người, này các Tỷ-kheo, khi xuât hiện ở đời, sự xuât hiện đem đên hạnh phúc cho đa s6, an lạc cho đa sô, lợi ích cho đa sô? đưa đên hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Người có chánh kiến, người không có điên đảo kiến. Người ây làm cho nhiêu người xa lìa phi pháp, an trú Diệu pháp. Chính một người này, này các Tỷ-kheo5 khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện

đem đến hạnh phúc cho đa số? an lạc cho đa số? lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. 310. Ta không thấy một pháỊ) nào khác, này các Tỷ-kheo, lại phạm tội lớn, này các Tỷ-kheo, như tà kiến. Tối thắng tà kiến, này các Tỷ-kheo5 là phạm tội lớn nhất. 311. Ta không thấy một người nào khác, này các Tỷ-kheo, mà tuân theo sẽ đem lại bất hạnh cho đa s6, bất lạc cho đa sô9 bất lợi cho đa sô? đưa đên bất hạnh? đau khổ cho chư thiên và loài người, này các Tỷ-kheo, như kẻ ngu si Makkhali.434445 Ví như, này các Tỷ-kheo? tại cửa sông có đặt một cái nơm bẫy cá,45 đem lại bất hạnh, đau khổ5 tổn thương, tổn hại cho nhiều cá. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo? kẻ ngu si Makkhali xuất hiện ở dời, Ta nghi rằng như là một cái nơm bây cá cho loài người, đem đến bât hạnh, đau khô, tôn thương, tổn hại cho nhiều loại hữu tình.

43 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVIII. Makkhaỉi, nghĩa là Ngoại đạo sư Makkhalỉ. 44 Makkhalỉ Gosãỉa: Một trong sáu ngoại đạo sư có chủ trương Ahetuvãda (Vô nhân). 45 Khỉpam = Kummarn. Theo Chủ giải, đó có thể là một loại giỏ mây lừa cá vào rồi ra không được. Xem AA. II. 28.

36 KINH TẨNG CHI Bộ

312. Ai khuyến khích chấp nhận một Pháp, Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, thời người khuyến khích (samãdapetỉ) và người được khuyến khích tuân hành như vậy9 tất cả đều đem lại nhiều tổn phước. Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết. 313. Ai khuyến khích chấp nhận một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo5 thời người khuyến khích và người được khuyến khích tuân hành như vậy, tất cả đều đem lại nhiều phước đức. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết. 314. Trong một Pháp5 Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo. ước lượng46 của sự bô thí, do nạười cho biêt? chớ không phải do người nhận. Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết. 315. Trong một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ước lượng của sự bố thí, do người nhận biết5 không phải do người cho. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết. 316. Trong một Pháp, Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo? người tinh cần Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết. tinh tấn, sống đau khổ.4748 317. Trong một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, người biếng nhác sống đau khổ. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết. 318. Trong một Pháp? Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo5 ai sống biếng nhác, người ấy sống an lạc. Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết. 319. Trong một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống tinh cần tinh tấn5 người ấy sông an lạc. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết. 320. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một ít phân có mùi hôi thối. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về sự hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay. 321. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? một ít nước tiểu có mùi hôi thối... một ít nước miếng có mùi hôi thối... một ít mủ có mùi hôi thối... một ít máu có mùi hôi thôi. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán vê sự hiện hữu dầu cho có ít thôi? cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay. IV. PHẨM THỨ TƯ (Catutthavaggd)^ (4 I. 35) 322. Ví như, trong cõi Jambudipa (Diêm-phù"đê) này, sô ít là các khu vườn VTiS QI pop Kila ai, vav K11U nVno* kha QI lullg Kila pop Uav X7T1TÌ VUIlg ơ at pop Ual Kila tu, Kila alj I1U aO lóhA vav hA QI • vOll lUllvU nTil All

hơn là các chỗ đất cao đất thấp, các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những gậy gộc, gai góc. các núi non lởm chởm. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sanh trên đất liền; còn nhiều hơn là các chúng sanh sanh ở trong nước.

46 Mattã. Theo AA. II. 29, trong Pháp và Luật vụng thuyết, người cho cần biết nên cho nhiều ít. Nhimg trong Pháp ỵà Luật thuyết chơn chánh, người nhận tự biết bằng lòng nếu có nhận ít và dùng vừa đủ nếu có nhận nhiều. 47 Chỉ cho những người tu khổ hạnh. 48 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XIX (a). 1, 2. Trifling, nghĩa là số ỉt.

CHƯƠNG L MỘT PHÁP 37

323.. .. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh được tái sanh ra ngoài loài người. ... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 số ít là các chúng sanh được tái sanh ở trung tâm các quốc độ; còn nhiều hơn là các chúng sanh phải tái sanh ở các quốc độ biên địa9 giữa các loài man rợ không biết nhận thức.49 324. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 sô ít là các chúng sanh có trí tuệ5 nhanh trí, không điếc, kh6ng câm? có khả năng suy xét ý nghĩa của những lời khéo thuyết hay vụng thuyễt; còn nhiều hơn là các chúng sanh có ác trí tuệ, chậm trj5 điếc và câm,50 không có khả năng suy xét ý nghĩa của những lời khéo thuyêt hay vụng thuyết. 325.. .. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh đầy đủ cặp mắt trí tuệ của bậc Thánh; còn nhiều hơn là các chúng sanh bị chìm đăm trong vô minh, si ám. 326.. .. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được thấy Như Lai; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được thấy Như Lai. 327.. .. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được nghe Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được nghe Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. 328.. .. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 số ít là các chúng sanh sau khi nghe, thọ trì pháp; còn nhiêu hơn là các chúng sanh, sau khi nghe, không thọ trì pháp. 329.. .. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 số ít là các chúng sanh quán sát ý nghĩa các pháp, họ học thuộc lòng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không quán sát ý nghĩa các pháp mà họ đã học thuộc lòng. 330. ... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? sô ít là các chúng sanh sau khi hiêu được ý nghĩa, sau khi hiểu được pháp, thực hành đúng theo pháp và tùy pháp;51 còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi hiêu được ý nghĩa, sau khi hiêu được pháp, không thực hành đúng theo pháp và tùy pháp. 331. ... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? sô ít là các chúng sanh được khích động52 bởi những vấn đề đáng được khích động; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được khích động bởi những vân đê đáng được khích động. 332. ... Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? sô ít là các chúng sanh sau khi được khích động, như lý tinh tấn; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi được khích động, không như lý tinh tấn. 333. ... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi từ bỏ pháp sở duyên, không được định9 không được nhât tâm.

49 Mỉlakkha: Những người không phải bậc Thánh (Ạrỉyari). Xem s. V. 466. 50 EỊamũgã. AA. II. 28 giải thích là khi nói, nước miếng trong miệng chảy ra. 51AA. II. 39: Anulomapatipadam pũrentỉ (Hoàn thành việc thực hành thuận theo thứ lớp). 52 AA. II. 39: Samyeianĩyesu thãnesũtỉ saụivegạianakesu kãranesu (tcở các vấn đề đáng được

kích ng" tức là nói đên những nguyên nhân tạo ra sự kích động).

334. ... Cũng vậy. này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được đồ ăn tối thăng, được vị ăn tôi thăng; còn nhiêu hơn là các chúng sanh không được đô ăn tôi thăng, không được vị ăn tôi thăng, chỉ nuôi sông với các áo và đô ăn lượm lặt. .. 335.. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? sô ít là các chúng sanh đã được vị ngọt của mục dích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được vị ngọt của mục đích5 vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta thoát.5354 sẽ là những người được vị ngọt của mục đích9 vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát.,, Như vậy? này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. 336-338. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 trong cõi Diêm-phù-đề này5 số ít là các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các vùng đất khả ái, các hồ ao khả ái; còn nhiêu hơn là các chô đât cao đât thâp5 các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những gậy gộc9 gai góc, các núi non lởm chởm. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 số ít là chúng sanh sau khi chết từ loài người được tái sanh trong loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ loài người bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.M 339-341.... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ loài người được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ loài người bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 342-344. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? số ít là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 345-347. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? số ít là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 348-350.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sô ít là các chúng sanh sau khi chêt từ địa ngục được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 351-353.... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh lên chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cối địa ngục bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 354-356.... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? sô ít là các chúng sanh sau khi chêt từ loài bàng sanh được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng

53 Chỉ cho bốn Đạo, bốn Quả, Niết-bàn. 54 Xem s. V. 466.

sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cối ngạ quỷ. 357-359.... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, sô ít là các chúng sanh sau khi chêt từ các loài bàng sanh được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 360-362.... Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 sô ít là các chúng sanh sau khi chêt ở cõi ngạ ạuỷ được tái sanh giữa loài người; còn nhiêu hơn là các chúng sanh

sau khi chết ở cõi ngạ quỷ bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ. 363-365.... Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết ở cõi ngạ ạuỷ được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết ở cõi ngạ quỷ bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

40 KINH TĂNG CHI BỘ

XVIL PHẨM PHÁP TÁC TỊNH (B4SẴDAKARADHAMMAE4GGA)55 (A. I. 38)

366-381. Thật sự56 điều này là một trong những điều lợi ích, này các Tỷ- kheo, tức là sông trong rừng... sông khất thực... mang y phân tảo... chỉ mang bay... thuyết Pháp... trì Luật... biết nhiều về sự thật... đã lâu ngày là vị trưởng lão57 ...có oai nghi nghiêm chỉnh... có được hội chúng quy tụ58 ...có hội chúng lớn đoanh vây... con gia đình tốt đẹp... diện mạo đoan chánh... ngôn ngữ hòa nhã (kalyãnavãkkaranatã)... thiếu dục...bệnh hoạn.

55 Bảntiếng Anh của PTS: Chapter XX. On Musing (a), nghĩa là Thiền định (a). Bản Hán: Tĩnh lự phẩm (AÚ9. 0007.1. 0049a06). 56 AA. II. 40: Addhamỉdantỉãdĩsu addhạntỉ ekamsadhivacanametam, ạddhã ỉdam lãbhãnam. ekamso esa lãbhãnantỉ vuttam hotỉ ("That sự điều này, v.v..nghĩa là chắc chằn sự chỉ định này thuộc về điều lợi ích). 57 AA. II. 40: Thãvareỵyantỉ cỉrapabbcỳỉtattã thãvarappattabhãvo ("Vj trưởng lo" nghĩa là vị xuất gia đã lâu, bậc trưởng lão). 58 AA. II. 40: Parỉvãrasampadã = Sucỉparỉvãratã (được vây quanh bởi hội chúng thanh tịnh).

CHƯƠNG I. MỘT PHÁP 41

XVHL PHẨM BÚNG NGÓN TAY KHÁC (APARAACCHARÃSANGHÃTAVAGGAỷ9 (Ả. I. 39)

382. Nếu chỉ trong thời gian búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Thiền thứ nhất, vị này, này các Tỷ-kheo? được gọi là vị Tỷ-kheo an trú thiền không phải uổng phí, đã làm theo lời dạy bậc Đạo sư? là vị chịu nghe lời giáo giới, ăn đồ ăn khất thực của xứ không có uổng phí. Còn nói gì vị ấy làm cho sung mãn thiền ấy. 383-389. Neu chỉ trong thời gian búng ngón tay, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ- kheo tu tập Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Từ tâm giải thoát... Bi tâm giải thoát... Hỷ tâm giải thoát... Xả tâm giải thoát... 390-393. Nếu vị ấy trú quán thân trên thân,59 60 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm5 nhiếp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác9 chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời. 394-397. Đối với các pháp ác9 bất thiện chưa ganh, khởi lên ý muốn kh6ng cho sanh khởi, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các pháp ác, bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận5 tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần tinh tân, quyêt tâm, cô găng. Đôi với các pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muôn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập9 làm cho viên mãn9 tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. 398-401.... Tu tập như ý túc61 câu hữu với dục định tinh can hành... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành... câu hữu với tâm định tinh cần hành... câu hữu với tư duy định tinh cần hành. 402-406.... Tu tập tín căn62... tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn... 407- 411. ...Tu tập tín lực...

tu tập tân lực... tu tập niệm lực... tu tập định lực... tu tập tuệ lực... 412-418.... Tu tập niệm giác chi63... tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh

59 Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XX. On Musing (a), nghĩa là Thiền định (a)

60 Xem s. V. 9.

61 Bốn như ý túc. Xem s. V. 263.

62 Năm căn và năm lực. Xem s. V. 197.

63 Bảy giác chi. Xem s. V. 63.

tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi... 419-426. ... Tu tập chánh tri kiến6465 ... tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định... 427-434.... Quán tưởng nội sắc,65 thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp? xấu, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy...” ... Quán tưởng nội săc, thây các loại ngoại săc vô lượng, đẹp5 xâu, vị ây nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..." ... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm5 thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy...” ... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy...55 ... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm? thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng săc xanh, hình săc xanh, ánh sáng xanh. Vị ây nhận thức răng: "Sau khi nhiêp thắng chúng, ta biết, ta thấy...’ ... Quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc màu vàng5 tướng săc vàng, hình săc vàng, ánh sáng vàng. Vị ây nhận thức răng: “Sau khi nhiêp thắng chúng, ta biết, ta thấy...” ... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ5 hình sắc đỏ5 ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy...” ... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng săc trăng, hình săc trăng, ánh sáng trăng. Vị ây nhận thức răng: “Sau khi nhiêp thắng chúng, ta biết? ta thấy..." 435-442. ... Tự mình có săc5 thây các săc. Quán tưởng nội săc là vô săc, thấy các loại ngoại sắc... quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy... vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối9 không suy tư đến các tưởng khác biệt5 với suy tư: “Hu không là vô biên,\ chứng và trú Không vô biên xứ... vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư: "Thức là vô biOn”, chứng và trú Thức vô biên xứ... vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư: "Không có vật gì,5, chứng và trú Vô sở hữu xứ... vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định... 443-452. ... Tu tập địa biến xứ... tu tập thủy biến xứ... tu tập hỏa biến xứ... tu tập phong biến xứ... tu tập xanh biến xứ... tu tập vàng biến xứ... tu tập đỏ biến xứ... tu tập trắng biến xứ... tu tập hư không biến xứ... tu tập thức biến xứ...

64 Tám Thánh đạo. Xem s. V. I. 65 Tám thắng xứ (abhibhãyatanà).. .

453-462. ... Tu tập tưởng bất tịnh... tu tập tưởng về chết... tu tập tưởng ghê tởm đối với các món ăn... tu tập tưởng không hỷ lạc đối với tất cả Cá thế giới... tu tập tưởng vô thường... tu tập tưởng khổ trên vô thường... tu tập tưởng vô ngã trên khổ... tu tập tưởng đoạn tận... tu tập tưởng ly tham... tu tập tưởng đoạn diệt... 463-472.... Tu tập tưởng vô thường... tu tập tưởng vô ngã... tu tập tưởng về chết... tu tập tưởng ghê tởm đối với các món ăn... tu tập tưởng không hỷ lạc đối với tất cả thế giới... tu tập tưởng hài cốt... tu tập tưởng bị trùng bọ ăn... tu tập tưởng bị xanh bâm... tu tập tưởng bị đây những lô hông... tu tập tưởng bị simg phồng lên... 473-482. Tu tập niệm Phật... tu tập niệm Pháp... tu tập niệm Tăng... tu tập niệm giới... tu tập niệm thí... tu tập niệm thiên... tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra... tu tập niệm chết... tu tập thân niệm... tu tập an tịnh niệm... 483-492. Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập tấn căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập niệm căn đồnệ với Thiền thứ nhất... tu tập định căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập tuệ căn đong với Thiền thứ nhất... tu tập tín lực... tu tập tấn lực... tu tập niệm lực... tu tập định lực... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thư nhất... 493-562. Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ hai... tu tập tuệ lực đồng với Thi

Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ ba... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thứ ba... Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ tư... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thứ tư... Tu tập tín căn câu hữu với từ... tu tập tuệ lực câu hữu với từ... Tu tập tín căn câu hữu với bi... tu tập tuệ lực câu hữu với bi... Tu tập tín căn câu hữu với hỷ... tu tập tuệ lực câu hữu với hỷ... Tu tập tín căn câu hữu với xả... tu tập tuệ lực câu hữu với xả... Nêu tu tập tín căn... nêu tu tập tân căn... nêu tu tập niệm căn... nêu tu tập định căn... nêu tu tập tuệ căn... nêu tu tập tín lực... nêu tu tập tân lực... nêu tu tập niệm lực... nếu tu tập định lực... nếu tu tập tuệ lực.., vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là một Tỷ-kheo an trú thiền không phải u6ngphí, đã làm theo lời dạy bậc Đạo su, là vị chịu nghe lời giáo giới, ăn đô ăn khât thực của xứ không có uổng phí. Còn nói gì vị ấy làm cho sung mãn thiền ấy!

44 KINH TĂNG CHI Bộ

XIX. PHẨM THÂN HÀNH NIỆM (KÃYAGATÃSATIVAGGAý6 (Ả. L 44)

563. Như một ai, này các Tỷ-kheo, với tâm biên mãn cùng khăp biên lớn, có thể bao gồm tất cả con sông bé nhỏ đổ vào biển cả; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai tu tập5 làm cho sung mãn Thân hành niệm5 cũng bao gôm tât cả thiện pháp, gồm những pháp thuộc về minh phần.66 67 564-570. Có một pháp, này các Tỷ-kheo9 khi được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến cảm hứng lớn5 lợi ích lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, chánh niệm tỉnh giác, đưa đên chứng đăc Tri kiên, đưa đên hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn... đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. 571. Có một pháp, này các Tỷ-kheo? khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được tịnh chí, toàn bộ các pháp thuộc vê minh phân đi đên tu tập, làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này

các Tỷ-kheo, khi được tu tap, làm cho sung mãn5 thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được tịnh chí, toàn bộ các pháp thuộc vê minh phân đi đên tu tập, làm cho viên mãn. 572. Có một pháp, này các Tỷ-kheo? khi được tu tập, được làm cho sung mãn5 các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Ty.kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn5 các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi5 và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. 573. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn? các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tap, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh... được tăng trưởng, quảng đại.

66 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XXL On Musing (b), nghĩa là Thiền định (b). Bản Hán: Tình lự phẩm (N.19. 0007.1. 0058al4). 67 Xem A. III. 334.

574. CÓ một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập5 được làm cho sung mãn5 vô minh bị đoạn tận5 minh sanh khỏi, ngã mạn (asmimãno) bị đoạn tận, các tùy miên bị nhổ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh bị đoạn tận... các kiết sử bị đoạn tận. 575-576. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích của trí tuệ5 đưa đến Niết-bàn không có chấp thủ. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đên sự phân tích của trí tuệ... không có chấp thủ. 577-579. Có một pháp, này các Tỷ-kheo9 khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới sai biệt, đưa đến sự vô ngại giải của nhiều giới. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo5 khi được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đên sự thông đạt... sự vô ngại giải của nhiêu giới. 580-583. Có một pháp, này các Tỷ-kheo5 khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lira... đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất lai... đưa đến sự chứng ngộ quả Bất lai... đưa đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây la một pháp, này các Tỷ- kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu... quả A-la-hán. 584-599. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ968 đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ5 đưa đến viên mãn tăng trưởng trí tuệ, đưa đến đại trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi5 đưa đến quảng đại trí tuệ? đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ5 đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ5 đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đay là một pháp? này các Tỷ-kheo? khi được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ... đưa đến trí tuệ thể nhập.

68 Các đặc tánh này, Ngài Sāriputta có đủ. Xem KS. I. 87.

46 KINH TẢNG CHI BỘ

XX. PHẨM BẤT TỬ (AMATAK4GGA)69 (Ả. 1.45)

600. Những vị này không hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị không thực hiện Thân hành niệm. Những vị này hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị thực hành Thân hành niệm. 601. Những vị này không hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo5 là những vị không chia sẻ Thân hành niệm. Những vị này chia sẻ bất tử, này các Tỷ-kheo? là những vị chia sẻ Thân hành niệm. 602. Bất tử bị đoạn tận5 này các Tỷ-kheo? đối với những ai đoạn tận Thân hành niệm. Bất tử không bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo5 đối với những ai không đoạn tận Thân hành niệm. 603. Bất tử bị khiếm khuyết, này các Tỷ-kheo? đối với những ai khiếm khuyết Thân hành niệm. Bất tử được viên thành, này các Tỷ-kheo5 đối với những ai viên thành Thân hành niệm. 604. Bất tử bị xao lãng5 này các Tỷ-kheo, đối với những ai xao lãng Thân hành niệm. Bất tử không bị xao lãng, này các Tỷ-kheo? đôi với những ai không xao lãng Thân hành niệm. 605. Bất tử bị vong thất, này các Tỷ-kheo5 đối với những ai vong thất Thân hành niệm. Bất tử không bị vong thất, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không vong thất Thân hành niệm. 606. Bất tử không được thực hiện, này các Tỷ-kheo5 đối với những ai không thực hiện Thân hành niệm. Bất tử được thực hiện, này các Tỷ-kheo5 đôi với những ai thực hiện Thân hành niệm. 607. Bất tử không được tu tập, này các Tỷ-kheo, đôi với những ai không tu tập Thân hành niệm. Bất tử được tu tập? này các Tỷ-kheo? đối với những ai tu tập Thân hành niệm. 608. Bất tử không được làm cho sung mãn5 này các Tỷ-kheo5 đối với những ai không làm cho sung mãn Thân hành niệm. Bất tử được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đối với những ai làm cho sung mãn Thân hành niệm. 609. Bất tử không được thắng tri, này các Tỷ-kheo5 đối với những ai không thắng tri Thân hành niệm. Bất tử được thắng tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thắng tri Thân hành niệm.

69 Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XXL On Musing (b), nghĩa là Thiền định (b).

CHƯƠNG

CHƯƠNG II HAI PHÁP (PUKANIPẴTA)

L PHẨM HÌNH PHẠT (KAMMAKARANAVAGGA)

I. KINH TỘI (Vajjasuttd)x (Ắ. L 47) 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Anăthapindika. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Bạch Thế Tôn. rT-1 9 1 1 4 rr^i FT^ /V rr^i fTi Ạ . _ f * . _ i, __ Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Có hai loại tội, nàỵ các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội có kết quả ngay trong hiện tại và tội có kết quả trong đời sau. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tội có kết quả ngay trong hiện tại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thấy vua chúa bắt được người ăn trộm, kẻ vô loại, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác.12 Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy? họ đánh bằng côn534họ chặt

tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu họ dùng hình phạt bối đầu hình5 (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò)5 họ dùng hình phạt la-hầu khẩu hình6... hỏa man hình7 (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... đốt tay8... khu hành hình9 (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình10 (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương

1 Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 1-10) được trình bày liên tục với tên nhóm: Punishments, nghĩa la Nhiều hỉnh phạt. 2 Kammakãranã'. Hình phạt. Xem M. I. 87. 3 Addhadandaka'. Cây gậy ngắn. 4 Bỉlarigathãlỉkam'. Theo Chủ giải, đó là cách khoét lỗ trên đỉnh đầu, thả viên sắt nướng đỏ vào làm não sôi lên. 5 Sankhamundikam: Lấy sạn cát chà trên đầu cho đến khi trơn láng như vỏ ốc. 6 Rãhumukham: Dùng kềm mở miệng nạn nhân, đổ dầu và cắm tim rồi thắp. 7 Jotimãlỉkam\ Tẩm dầu khắp thân rồi đốt cháy.

8 Hatthapajjotikam: Tay bị làm như ngọn đuốc với giẻ tẩm dầu quấn tay rồi đốt.

9 Erakavattỉkam'. Da bị lột từ cổ trở xuống, cột lại dưới háng và treo lên. 10 Cĩrakavăsikam'. Da bị cắt thành từng đường dài, và cột lại như một loại quần áo.

hình11 (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình12 (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình13 (cắt thịt thành đồng tiền)... khối chắp hình14... chuyển hình15... cao đạp đài16...., họ tưới bằng dầu sôi5 họ cho chó ăn? họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Người ấy thấy vậy5 suy nghĩ như sau: "Do nhân các ác nghiệp như vậy5 vua chúa bắt được kẻ ăn trộm, kẻ vô loại, áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi... họ lấy gươm chặt đầu. Nếu ta làm các ác nghiệp như vậy5 vua sẽ bắt ta và áp dụng các hình phạt như vậy.^, Người ấy sợ hãi phạm tội ngay trong hiện tại, không cướp phá tài sản của những người khác. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tội có kết quả ngay trong hiện tại. Và này các Tỷ-kheo thế nào là tội có kết quả trong đời sau? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người suy xét như sau: "Quả dị thục của thân làm ác trong đời sau là ác và khổ. Quả dị thục của miệng nói ác trong đời sau là ác và khô. Quả dị thục của ý nghĩ ác trong đời sau là ác và khô. Nêu thân ta làm ác, nói lời ác, nghĩ việc ác, ta có thể, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.^, Người ấy sợ tội có kết quả trong đời sau, từ bỏ thân làm ác, tu tập thân làm thiện, từ bỏ miệng nói ác, tu tập miệng nói thiện, từ bỏ ý nghĩ ác? tu tập ý nghĩ thiện, và giữ cho mình (attãnam pariharatí) thật thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tội có kết quả trong đời sau. Này các Tỷ-kheo, trên đây là hai loại tội. Do vậy, này các Tỷ-kheo? cần phải học tập như sau: "Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả hiện tại. Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả trong đời sau. Chúng ta phải tránh xa các tội (vajjabhiruno). Chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm của các toi." Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Đối với ai tránh xa các tội9 này các Tỷ- kheo5 đối với ai thấy rõ sự nguy hiểm của các tội, thời được chờ đợi rằng người ấy sẽ được giải thoát tất cả tội.

IL KINH TINH CẦN (Padhãnasutta) (A. I. 49) 2. Có hai sự tinh cần? này các Tỷ-kheo, rất khó thực hiện ở đời. Thế nào là hai? Sự tinh cần của các gia chủ ở nhà với mục đích bố

thí các vật dụng như đồ ăn khất thực, các sàng tọa? các dược phẩm trị bệnh? và sự tinh cần của các người xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Hai sự tinh cần này, này các Tỷ-kheo9 rất khó thực hiện ở đời. Trong hai tinh cần này, này các Tỷ-kheo5 tối thắng là tinh cần với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Do vậy, này các Tỷ-kheo9 các ông cần phải học tập như sau:

11 Eneyyakam: Nạn nhân bị trói chặt lại, dùng cây sắt đâm ngang, đính vào đất và nướng sống. 12 BaIisamamsikam: Bị lột da với móc câu. 13 Kahãpanỉkam: Lột từng miếng thịt bằng đồng tiền. 14 Khărăpatacchỉkam: Thân bị đập với cây côn, và lấy vôi đắp vào vết thương. 15 Palỉghaparỉvattỉkam'. Đóng đinh thân trên đất ngang qua hai lỗ tai, rồi nắm chân xoay vòng tròn. 16 Palãỉapĩthakam\ Thân bị đập cho đến khi các xương bị bể nát và thân bị mềm sụn như tấm nệm.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 51

"Ta sẽ Cố gắng tinh cần để từ bỏ tất cả sanh y.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. III. KINH LÀM CHO NUNG NẤU (Tapanĩyasutta) (Ắ. I. 49) 3 Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người thân làm ác, thân không làm thiện; miệng nói lời ác, miệng không nói lời thiện; ý nghĩ ác, ý không nghĩ thiện. Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã làm ác" Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã không làm thien." Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã nói lời ác." yị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Mieng ta đã kh6ng nói lời thien.” Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "V ta đã nghĩ C."Vị ay bị nung nau với ý nghĩ: ta đã không nghĩ thiên.” Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, làm cho nung nấu. IV. KINH KHÔNG LÀM CHO NUNG NẤU (Atapantyasutta) (4 I. 50) 4. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo5 không làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây5 có người thân làm thiện, thân không làm ác; miệng nói lời thiện, miệng không nói lời ác; ý nghĩ thiện, ý không nghĩ ác. Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã làm thiện.95 Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: “Thân ta đã không làm 9c." Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã nói lời thiện.Vị ấy khôn^bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã không nói lời C.” yị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: “V ta đã nghĩ thiện?9 Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: “V ta đã không nghĩ ác." Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 không làm cho nung nấu.

V KINH ĐÃ BIẾT ĐƯỢC (Upaỉỉnãtasutta) (A. I. 50) 5. Có hai pháp5 này các Tỷ-kheo, Ta đã học được5 biết được. Thế nào là hai? Không biết đủ đối yới thiện pháp và không có thối chuyển đối với tinh cần. Không có thối chuyển, này các Tỷ-kheo? Ta cố gắng như sau: “Ta sẵn sàng, dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo? mong rằng sẽ tinh tấn kiên trì để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ sức mạnh của Ta, nhờ tinh tấn của Ta, nhờ cần dõng của Ta. Ta nhờ không phóng dật, chứng được Chánh giác; nhờ không phóng dật, chứng được vô thượng an ôn khỏi các khổ ách.” Và này các Tỷ-kheo5 nếu các ông không có thối chuyển, cố gắng như sau: "Ta sẵn sàng, dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong răng sẽ tinh tân kiên trì đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc9 nhờ sức mạnh của ta, nhờ tinh tân của ta, nhờ cân dõng của ta", thời không bao lâu? này các Tỷ-kheo, các ông sẽ đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình5 sống

không gia đình. Đó chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, các ông với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an tru. Do vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Không có thôi chuyên, chúng ta cô gắng, chúng ta sẵn sàng, dầu chỉ còn da, gân và xương, dâu thịt và máu trên thân bị khô héo. mong răng sẽ có tinh tân, kiên trì đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc? nhờ sức mạnh của chúng

ta, nhờ tinh tấn của chúng ta, nhờ cần dõng của chúng ta." Như vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. VI. KINH KIẾT SỬ (Samyojanasutta) (A. 1.51) . r . r 6. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thê nào là hai? Thây vị ngọt trong các pháp có thể làm khởi lên kiêt sử, và thây nhàm chán trong các pháp có thê làm khởi lên kiêt sử. Ai sông thây vị ngọt trong các pháp có thê làm khởi lên kiêt sử, này các Tỷ-kheo, tham không đoạn tận, sân không đoạn tận5 si không đoạn tận; do tham không đoạn tận, sân không đoạn tận, si không đoạn tận, nên không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ đau. Ai sống thấy nhàm chán trong các pháp có thể làm khởi lên kiết sử, này các Tỷ-kheo, tham được đoạn tận5 sân được đoạn tận? si được đoạn tận; do tham được đoạn tận, sân được đoạn tận9 si được đoạn tận, nên được giải thoát khỏi sanh, già, chêt, sâu, bi, khô, ưu, não; Ta nói răng người ây giải thoát khỏi khổ đau. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai pháp. VII. KINH PHÁP ĐEN (Kanhasutta) (A. L 51) 7. Hai pháp, này các Tỷ-kheo5 là pháp đen.17 Thế nào là hai? Không tàm và không quý. Các pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai pháp đen. VIII. KINH PHÁP TRẮNG (Sukkasuttă) (A. L 51) 8. Hai pháp, này các Tỷ-kheo, là pháp trắng. Thế nào là hai? Tàm và quý. Các pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai pháp trắng.

IX. KINH HẠNH (Cariyasuttà) (A. 1.51) 9. Hai pháp trắng, này các Tỷ-kheo5 che chở cho thế giới. Thế nào là hai? Tàm và quý. Nếu hai pháp trắng này không che chở cho thế giới? thời không thể chỉ được đây là mẹ hay đây là cô di, hay đây là vợ của anh hay em, hay đây là vợ của Thầy, hay đây là vợ của các vị Tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa các loài dê, loài gà vịt, loài heo, loài chó? loài dã can. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho thế giới? nên mới có thể chỉ được đây là mẹ hay đây là cô dì, hay đây là vợ của anh hay em, hay đây là vợ của Thầy, hay đây là vợ của các vị Tôn trưởng. X. KINH AN CƯ MÙA MƯA (Vassũpanãyikasutta) (A. L 52) 10. Có hai thời kỳ an cư mùa mưa? này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tiền an cư và hậu an cư. Các pháp này? này các Tỷ-kheo? là hai thời kỳ an cư mùa mưa.

17 Kanhã (pháp đen) và sukkã (pháp trắng). Xem M. I. 389; Dh. V. 87; It. 36; Mỉln. 200; Asl. 129, 389.

IL PHẢM TRANH LUẬN (ADHIKARANA^AGGA) (Ã. L 52)

11. Có hai sức mạnh, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Sức mạnh tư sát18 và sức mạnh tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tư sát? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người tư sát như sau: “Vói thân làm ác, quả dị thục là ác ngay hiện tại và trong đời sau.

Với miệng nói ác, quả dị thục là ác ngay trong hiện tại và trong đời sau. Với ý nghĩ ác, quả dị thục là ác ngay trong hiện tại và trong đời sau." Vị ấy tư sát như vậy? từ bỏ thân làm ác, tu tập thân làm thiện; từ bỏ miệng nói ác, tu tập miệng nói thiện; từ bỏ ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ thiện; và giữ cho mình thật thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là sức mạnh tư sát. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo? sức mạnh tu tập tức là sức mạnh của người Hữu học (Sekhãnấ), Do sức mạnh tu tập, vị ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si. Sau khi từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, vị ấy không làm các điều bất thiện, không phục vụ các điều ác. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai sức mạnh. 12. Này các Tỷ-kheo, có hai sức mạnh. Thê nào là hai? Sức mạnh tư sát và sức mạnh tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là sức mạnh tư sát?... (như trên). Này các Tỷ- kheo, đây gọi là sức mạnh tư sát. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là sức mạnh tu tập? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chii9 liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh. 13. Này các Tỷ-kheo? có hai sức mạnh... (như sô 11). Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo ly dục? ly bất thiện pháp5 chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái

18 AA. II. 97: Patỉsankhãnabala = Paccavekkhanabala (sức mạnh của việc tư duy quán sát). 19 Xem 5. V. 63.

hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba; xả lạc xả khổ? diệt hỷ tru đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc? xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai sức mạnh. 14. Có hai cách thuyết pháp này của Như Lai, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lược thuyết và quảng thuyết. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai cách thuyết pháp của Như Lai. 15. Trong bất cứ tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội5 không tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ đưa đên kéo dài, gay găt5 ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống không được an lạc. Và trong bất cứ cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, tự mình khéo quán sát lây minh, thời tranh tụng ây, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ không đưa đên kéo dài, gay gắt, ác liệt? và các Tỷ-kheo sẽ sống được an lạc. Và này các Tỷ-kheo; thế nào là Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội? khéo tự mình quán sát lấy mình? Ở đay5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo phạm tội quán sát như sau: "Ta phạm một tội bất thiện về thân. Tỷ-kheo ấy đã thấy ta phạm tội bất thiện về thân. Neu ta không phạm tội bất thiện về thân, Tỷ-kheo ấy sẽ không thấy ta phạm tội bất thiện về thân. Do vì ta có phạm một tội

bất thiện về than, Tỷ-kheo ấy thấy ta có phạm tội bất thiện về thân. Do thấy ta có phạm tội bất thiện về thân, Tỷ-kheo ay không được hoan hỷ. yì không hoan hỷ9 Tỷ- kheo ấy nói với ta lời không hoan hỷ. Vì ta bị Tỷ-kheo ấy nói lời không hoan hỷ nên ta không hoan hỷ. Do ta không hoan hy, ta nói cho các người khác biết. Như vậy9 ở đây tội đã phạm chinh phục ta20 như trường hợp người phải trả thuế hàng hóa của mình.^, Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo phạm tội, khéo tự mình quán sát lấy mình. Và thế nào, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo buộc tội5 khéo tự mình quán sát lấy mình? Ở đây, nàỵ các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo buộc tội quán sát như sau: "Ty- kheo phạm một tội bất thiện về thân. Ta đã thấy Tỷ-kheo ấy phạm một tội bất thiện ve thân. Neu Ty-kheo ay không phạm tội bat thiện ve than, thời ta đã không thấy Tỷ-kheo ấy phạm tội bất thiện về thân. Do vì Tỷ-kheo ấy có phạm một tội bất thiện về thân, do vậy Ta thây Tỷ-kheo ây phạm tội bât thiện vê thân. Và sau khi thấy Tỷ-kheo ấy phạm tội bất thiện về thân, ta không hoan hy. Do ta không hoan hỷ5 ta nói với Tỷ-kheo ấy lời không hoan hỷ. Vì Tỷ-kheo ấy bị ta nói lời không hoan hỷ nên không hoan hỷ. Vì không hoan hỷ? vị ấy nói cho các người khác biết. Như vậy, ở đây, tội đã phạm chinh phục ta, như trường hợp người phải trả thuế hàng hóa của mình.^, Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là Tỷ-kheo buộc tội? khéo tự mình quán sát lấy mình. Trong bât cứ tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo

20 Accayo accagamã. Xem s. II. 127.

buộc tội, không tự mình khéo ạuán sát lấy minh, thời tranh tụng ấy, này các Tỷ- kheo5 được chờ đợi là sẽ đưa đên kéo dài9 gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống không được an lạc. Và trong bất cứ cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội5 tự mình khéo quán sát lấy minh, thời tranh tụng ẩy, này các Tỷ-kheo, có thể sẽ không đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt? và các Tỷ-kheo sẽ sông được an lạc. 16. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói len những lời chào đón hỏi thăm thân hữu5 liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn ấy bạch r I lí A /y Thê Tôn: —Do nhân gì5 thưa Tôn giả Gotama, do duyên gi, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Do nhan phi pháp hành và bất bình đẳng hành5 này Bà-la-môn9 như vậy? ở đây? một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân gì9 thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới? cõi đời này? Do nhân pháp hành và bình đăng hành? này Bà-la-môn5 như vậy ở đây9 một sô chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuông5 phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày5 giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm

đệ tử, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. 17. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: —Do nhân gi, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gi, ở đây một sô chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Do vì có làm, này Bà-la-môn? do vì không làm, như vậy5 ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Do nhân gi, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gi, ở đây một sô chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này? Do vì có làm, này Bà-la-môn? do vì không làm, như vậy? ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

56 KINH TĂNG CHI Bộ

-Thưa Tôn giả Gotama, con không được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt không giảng rộng của Tôn ệiả Gotama. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho con đê con có thê hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt không giảng rộng của Tôn giả Gotama! Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý9 Ta sẽ nói. Bà-la-môn Janussoni vâng đáp Thế Tôn: Thưa vâng, Tôn giả. Thế Tôn nói như sau: —Ở đây9 này Bà-la-môn5 có người thân làm ác9 thân không làm thiện; miệng nói ác, miệng không nói thiện; ý nghĩ ác5 ý không nghĩ thiện; như vậy, này Bà- la-môn? do làm và do không làm như vậy? ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ5 địa ngục. Lại nữa, ở đây9 này Bà-la-môn, có một số chúng sanh thân làm thiện, thân không làm ác; miệng nói thiện, miệng không nói ác; ý nghĩ thiện, ý không nghĩ ác; như vậy? này Bà- la-môn, do làm và do không làm như vậy5 ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. 18. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Thê Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngôi xuông một bên: -Ta tuyên bồ

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 57

làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy thời có những lợi ích gì được chờ đợi? Vì rang, này Ananda, Ta đã tuyên bô một cách dứt khoát răng thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Neu làm những điều nên làm ấy thời có những lợi ích như sau được chờ đợi: Tự mình không chê trách mình; sau khi biêt được, người trí tán thán; tiêng lành đôn xa; không bị mê ám khi mệnh chung; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới5 cõi đời này. Vì thê, này Ananda, Ta đã tuyên bô một cách dứt khoát răng

thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy thời có những lợi ích như vậy được chờ đợi. 19. Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện. Này các Tỷ-kheo9 từ bỏ bất thiện có thể làm được. Nếu từ bỏ bất thiện không thể làm được thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện.,, Vì rằng, này các Tỷ-kheo5 từ bỏ bất thiện có thế làm được? do vậy Ta mới nói rang: “Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện.,^ Và nếu, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thời Ta không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo5 hãy từ bỏ bất thiện/5 Và này các Tỷ-kheo5 vì từ bỏ bât thiện đưa đên hạnh phúc, an lạc nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo? hãy từ bỏ bất thiện.,, Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện. Này các Tỷ-kheo5 tu tập thiện có thể làm được. Nếu tu tập thiện không thể làm được, này các Tỷ-kheo5 thời Ta đã không nói như sau: 66Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện.,, Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thê làm được, do vậy Ta mới nói răng: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện.^ Và nếu, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ? thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện.,, Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, vì tu tập thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc nên Ta đã nói như sau: uNày các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện.,^ 20. Hai pháp, này các Tỷ-kheo5 đưa đến sự hỗn loạn [mê mờ] và biến mất của Diệu pháp. Thế nào là hai? Văn cú bị đảo ngược21 và ý nghĩa bị hiểu lầm. Nếu văn cú bị đảo ngược thời ý nghĩa bị hiểu lầm. Những pháp này? này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đên hôn loạn và biên mât của Diệu pháp. 21. Hai pháp, này các Tỷ-kheo5 đưa đên an trú, không hôn loạn, không biên mất của Diệu pháp. Thế nào là hai? Văn cú được sử dụng chơn chánh và ý nghĩa được hiểu chơn chánh. Neu văn cú được sử dụng chơn chánh thời ý nghĩa được hiểu chơn chánh. Những pháp này? này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến an trú, không hỗn loạn, không biến mất của Diệu pháp.

21 Xem 4 II. 147;.21.

58 KINH TĂNG CHI BỘ

in. PHẨM NGƯỜI NGU (BÃLAVAGGA) (A. I. 60)

22. Này các Tỷ-kheo? có hai loại người ngu này. Thế nào là hai? Người có phạm tội nhimg không thấy có phạm tội; và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ-kheo9 có hai loại người ngu này. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội thấy là có phạm tội; và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí này. 23. Này các Tỷ-kheo9 có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.22 Thế nào là hai? Người độc ác với tâm đầy sân hận; và người có lòng tin với tà kiến. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. 24. Này các Tỷ-kheo5 có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai không nói5 không thuyêt; và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyêt là Như Lai có nói, có thuyết. Này các Tỷ-kheo5 có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Này các Tỷ-kheo5 có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói? có thuyêt là Như Lai có nói, có thuyêt; và người nêu rõ Như Lai không nói? không thuyết là Như Lai không nói5 không thuyết. Này các

Tỷ-kheo5 có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. 25. Này các Tỷ-kheo5 có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa, và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa. Này các Tỷ-kheo, hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. 26. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa; và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa. Này các Tỷ-kheo5 hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. 27. Với người có hành động che đậy?23 này các Tỷ-kheo5 một trong hai sanh thú được chờ đợi: Địa ngục hay bàng sanh. Với người không có hành động che đậy5 này các Tỷ-kheo5 một trong hai sanh thú được chờ đợi: Chư thiên hay loài người.

22 Xem Vìn. II. 249. 23 Xem 4 II. 239.

28. Với người có tà kiến, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: Địa ngục hay bàng sanh. 29. Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo5 một trong hai sanh thú được chờ đợi: Chư thiên hay loài người. 30. Người theo ác giới5 này các Tỷ-kheo? có hai sanh thú đang chờ đợi (patiggãhayạ Địa ngục hay bàng sanh. Người đầy đủ thiện giới, này các Tỷ- kheo, có hai sanh thú đang chờ đợi: Chư thiên hay loài người. 31. Do quán thấy hai lợi ích, này các Tỷ-kheo5 Ta đi đến các khu rừng hẻo lánh, các trú xứ xa văng. Thê nào là hai? Thây tự mình hiện tại lạc trú, và có lòng thương tưởng đến những chúng sanh về sau. Do quán thấy hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nên Ta đi đến các khu rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng. 32. Có hai pháp, nảy các Tỷ-kheo5 thuộc thành phần minh. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Chỉ được tu tap, này các Tỷ-kheo, có lợi ích gì? Tâm được tu tập. Tâm được tu tập? có lợi ích gì? Cái gì thuộc về tham được đoạn tận. Quán được tu tập, này các Tỷ-kheo? có lợi ích gì? Tuệ được tu tập. Tuệ được tu tập5 có lợi ích gì? Cái gì thuộc vô minh được đoạn tận. Bị tham làm uế nhiễm, này các Tỷ- kheo, tâm không thể giải thoát. Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập. Do vậy, do ly tham, tâm giải thoát. Do đoạn vô minh, tuệ giải thoát.

IV PHẨM TÂM THĂNG BẢNG (SAMACITTAK4GGA)24 (Ả. I. 62)

33. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về địa vị bậc không phải chân nhân25 và địa vị bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Ty-kheo ay vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo? thê nào là địa vị bậc không phải chân nhân? Người không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo, không biêt ơn, không nhớ ơn. Đôi với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị của kẻ không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo5 tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Còn bậc chân nhân5 này các Tỷ-kheo, là biết ơn, nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến? này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị của bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo? tức là biết ơn, nhớ ơn. 34. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo5 Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha.

Nếu một bên vai cõng mẹ5 này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai cõng cha5 làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm b6p, thoa xức, tắm rửa, xoa gội5 và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện5 như vậy5 này các Tỷ-kheo5 cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí mẹ cha vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy5 này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì răng, này các Tỷ-kheo, mẹ cha đã làm nhiêu cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.2627 Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn? an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ? khuyên khích, hướng dân, an trú các vị ây vào trí tuệ. Cho đên như vậy? này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha.27

24 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.20.5. 0600a05). 25 AA. II. 121: Ạsappurỉsabhũmĩtỉ asappurisãnam patitthanatthanam ("Dja vị bậc không phải chân nhân,, tức nói đến nơi chốn, vị trí của người không phải bậc chân nhân). 26 Dassetãro. Xem 4 I. 132. 27 Tham chiếu: Tăng.(r.O2. 0125.20.11. OÓOlalO).

35. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Bà-la-môn ấy nói với Thê Tôn: -Tôn giả Gotama đã nói gì, đã thuyết gì? —Này Bà-la-môn, Ta thuyết về hành động và Ta thuyết về không hành động. Như thế nào5 Tôn giả Gotama thuyết về hành động và thuyết về không hành động? Ta thuyết về không hành động, này Bà-la-môn5 đối với thân làm ác, miệng nói ác5 ý nghĩ ác. Ta thuyết không hành động đối với nhiều loại pháp ác5 bất thiện. Ta thuyết hành động? nàỵ Bà-la-môn, đối với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Ta thuyết hành động đối với nhiều loại pháp thiện. Như vậy5 này Bà-la-môn, Ta thuyết về hành động và Ta thuyết về không hành động. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín5 chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. 36. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên? gia chủ Anãthapindika bạch Thê Tôn: -Có bao nhiêu người, bạch Thế Tôn, đáng được cúng dường ở đời? Và chỗ nào cần phải bố thí cúng dường? -Có hai hạng người? này gia chủ, đáng được cúng dường ở đời: Hữu học và Vô học.28 Đối với hai hạng người này? đáng được cúng dường ở đời, này gia chủ, ở đây cân phải bô thí cúng dường. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo sư lại nói thêm: Hữu học và Vô học, Cả hai ở trong đời5 Đều đáng được

cúng dường, Đôi với người dâng lê. Họ giữ thân chánh trực, Cả lời nói ý nghĩ,

28 Xem Pug. 22. Hạng đầu là hạng đã đoạn tận 5 hạ phần kiết sử ở dục giới. Hạng thứ hai là hạng đã đoạn tận 5 thượng phan kiết sử ở sắc giới và vô sắc giới.

Phước điền người dâng cúng, Đây thí có quả lớn.29 37. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn ở tại Sãvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sãriputta trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên5 nơi lâu đài của mẹ Migãra. Tại đấy5 Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: - Này chư Hiền Tỷ-kheo! -Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: —Này chư Hiên, tôi sẽ giảng vê người bị nội kiêt sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói. Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này chư Hiên, thê nào là người bị nội kiêt sử trói buộc? ơ đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (Pãtỉmokkhă). đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào một trong các thiên giới. Sau khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy trở lui lại làm người, trở lại thê giới này. Vị này, này chư Hiên, được gọi là người bị nội kiêt sử trói buộc, người trở lui, trở lại trạng thái này.30 Này chư Hiền, thế nào là người bị ngoại kiết sử trói buộc? Ở đây, này chư Hiên, Tỷ-kheo có giới hạnh, sông hộ trì với sự hộ trì của Giới bôn, đây đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy chứng đạt và an trú an tịnh tâm giải thoát. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ây sanh vào một trong các thiên giới. Sau khi từ chô ấy mệnh chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị ngoại kiết sử trói buộc, không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới hạnh, sông hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh5 thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, r -t • A 7 • châp nhận và học tập trong các học giới. Vị ây thực hiện sự yêm ly, ly tham, đoạn diệt các dục vọng. Vị ấy thực hiện sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt các hữu.31 Vị ây thực hiện sự đoạn diệt khát ái. Vị ây thực hiện sự đoạn diệt tham. Vị ây, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào một trong các thiên giới.32 Sau

29 Tham chiếu: Phước điền kỉnh (T.01 0026.127. 0616a05); Tạp.(7.02. 0099.992. 0258cll). 30 Itthattam ithabhãvam: Trong trường hợp này không có nghĩa là "nhu vay" mà là chỉ cho ÍCđời nay?,. Xem 4 II 160;II 265;.1.31, M Cả dục giới, săc giới và vô săc giới. 32 Chú giải'. Cảnh giới Tịnh Cư thiên.

khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Vị này5 này chư Hiền, được gọi là người bị ngoại kiết sử trói buộc, không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Rồi một số đông chư thiên với tâm thăng bằng33 đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, chư thiên ấy

bạch Thế Tôn: -Tôn giả Sãriputta này, bạch Thế Tôn, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migãra, thuyết pháp về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hội chúng rất hoan hỷ? bạch Thế Tôn. Lành thay! Bạch Thế Tôn? nếu The Ton VI long từ man di den Ton giả Sãriputta. Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại5 hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Thắng Lâm, hiện ra tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migãra, trước mặt Tôn giả Sãriputta. Thế Tôn ngoi xuống trên cho đã soạn sẵn. Tôn giả Sãriputta đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Săriputta đang ngồi một bên: Ở dây, này Sãriputta, có một số đông chư thiên, với tâm thăng bằng, đi đến Ta; sau khi đên5 đảnh lê Ta rôi đứng một bên. Đứng một bên? chư thiên ấy thưa với Ta: "Tôn giả Sãriputta này, bạch Thế Tôn, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migãra, thuyết pháp về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hội chúng rất hoan hỷ5 bạch Thế Tôn. Lành thay! Bạch Thế T6n, _ _ rT^-i Ấ rnp __ AE_ J.* 4- Ắ _ rr\ 1 \ _ Cm __ J A .___ _ • 2_____ _____ " XT J J _ _ 1____ J 1 _ • /X neu The Ton VI long từ man di đen Ton giả Sãriputta. Nay Sariputta. chư thiên ây tuy con sô đên mười5 hai mươi, ba mươi5 bôn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không có chen lấn nhau. Này Sãriputta, ong có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn, tại chỗ kia34 [trên thiên giới] chư thiên ấy đã tu tập, nhờ vậy, chư thiên ấy, tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đàu một cây kim, không có chen lấn nhau." Này Sãriputta, ỗng chớ có thấy như vậy. Chính tại dây, này Sãriputta, chư thiên ấy đã tu tập tâm, nhờ vậy5 chư thiên ấy tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi5 bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhimg cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không chen lấn nhau. Do vậy, này Sãriputta, cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ có các căn an tịnh, các ý an tjnh." Này Sãriputta, cần phải học tập như vậy. Với những ai có các căn an tịnh, này Sãriputta, với những ai có các ý an tịnh5 thời thân nghiệp cũng sẽ được an tịnh, khâu nghiệp được an tịnh? ý nghiệp được an tịnh. "Chúng ta sẽ đem tặng cho các vị đồng Phạm hạnh một quà tặng an tjnh", này Sãriputta, các ông cần phải học tập như vậy. Các du sĩ ngoại đạo nào, này Sãriputta, không được nghe pháp môn này, họ sẽ bị thiệt hại.35

33 AA. II. 136: Samacittã devatãtỉ cỉttassa sukhumabhãvasamatãya samacỉttã ("Chu thiên với tâm thăng bằng?, nghĩa là tâm như nhau, tâm bình đẳng). Bản tiếng Anh của PTS viết: They were not (born so'but had created an appearance resembling their state of mind, nghĩa là họ không được sinh ra như vậy nhưng hình thức bên ngoài được tạo ra tương ứng với trạng thải tâm của họ (GS. I. 63). 34 Tattha trong trường hợp này nghĩa là phải tu tập ngay trong đời hiện tại. 35 Tham chiếu: Đẳng tâm kỉnh (roi. 0026.21. 0448cl6).

64 KINH TẢNG CHI BỘ

38. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna ở tại Varanã, trên bờ sông Kaddamadaha. Rôi Bà-la-môn Arãmadanda đi đên Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đên5 nói lên với Tôn giả Mahãkaccãna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói

lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Ãrãmadanda thưa với Tôn giả Mahãkaccãna: -Do nhân gì? thưa Tôn giả Mahãkaccãna, do duyên gì các người Sát-đế-lỵ tranh chấp với các người Sát-đế-lỵ? các người Bà-la-môn tranh chấp với các người Bà-la-môn5 các gia chủ tranh chấp với các gia chủ? - Do nhân thiên chấp, do bị trói buộc9 do bị đắm say, do bị xâm chiếm, do bị đắm trước (ajjhosana) bởi các dục tham, này Bà-la-môn, nên các người Sát- đế-lỵ tranh chấp với các người Sát-đế-lỵ? các người Bà-la-môn tranh chấp với các người Bà-la-môn, các người gia chủ tranh chấp với các người gia chủ. —Do nhân gi, thưa Tôn giả Mahãkaccãna, do duyên gì các Sa-môn tranh chấp với các Sa-môn? Do nhân thiên chấp, do bị trói buộc, do bị đắm say, do bị xâm chiếm, do bị đắm trước bởi các kiến tham, này Bà-la-môn? nên các Sa-môn tranh chấp với các Sa-môn. —Nhimg thưa Tôn giả Kaccãna, có người nào ở đời có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này? Có nệười ở đời này? này Bà-la-môn, có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đăm say, sự xâm chiêm, sự đăm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này. Vị ấy là ai, này Bà-la-môn, có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc? sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này? Ở quốc độ phương Đông, này Bà-la-môn5 có một thành phố tên là Sãvatthi. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay đang cư trú. Vị Thế Tôn ấy, này Bà-la-môn, đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiển tham này. Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Ãrãmadanda từ chỗ ngồi đứng dậy,(tóp thượng y vào một bên vai, đâu gôi phía hữu quỳ trên đất, chắp tay hướng vê phía Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng như sau: -Kính lễ Thế Tôn ấy5 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Kính lễ Thế Tôn ấy? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Vị Thế Tôn ấy đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc? sự đắm say, sự xâm

chiếm, Sự đắm trước bởi các dục tham này; đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc? sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiên tham này. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Kaccãna! Thật hy hữu thay, thua Tôn giả Kaccãna! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, thưa Tôn giả Kaccãna. phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc? cũng vậy? Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccãna dùng nhiều pháp môn để giải thích. Thưa Tôn giả Kaccãna, con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo! Mong Tôn giả Kaccãna chấp nhận con làm cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.36 39. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna trú ở Madhurã, tại rừng Gundã. Rồi Bà-la-môn Kandarãyana đi đến Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đến9 nói lên với Tôn giả Mahãkaccãna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu;

sau khi nói lên với Tôn giả Mahãkaccãna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Kanặarãyana thưa với Tôn giả Mahãkaccãna: Tôi có nghe như sau, thưa Tôn giả Kaccãna: "Sa-m6n Kaccãna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão? các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi dời." Thưa Tôn giả Kaccãna, có phải sự tình là như yậy không? Nếu Tôn giả Kaccãna không kính lễ, không đứng dậy? không lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão5 các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời, sự tình như vậy, thưa Tôn giả Kaccãna, là không được tốt đẹp. Này Bà-la-môn, có Thế Tôn, bậc Tri Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố về địa vị của tuổi trưởng lão và về địa vị của tuổi trẻ. Vị trưởng lao, này Bà-la-m6n, tám mươi tuổi hay chín mươi tuổi5 hay một trăm tuôi dòi, nêu vị ây thọ hưởng các dục vọng, sông giữa các dục vọng, bị đôt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, bị nhai nghiến bởi các tầm tư dục vọng5 cố gắng tìm cầu các dục vọng; người như vậy được gọi là kẻ ngu, không phải là bậc trưởng lão. Dầu cho, này Bà-la-môn, một người còn trẻ, một thanh niên trẻ trung với tóc đen nhánh, đầy đủ tuổi trẻ hiền thiện trong thời sơ khởi của tuổi đời? mà người ấy không hưởng thọ các dục vọng5 không sống giữa các dục vọng5 không bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng? không bị nhai nghiến bởi các tầm tư dục vọng, không cô găng tìm câu các dục vọng; người như vậy được gọi là bậc có trí, bậc trưởng lão. Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Kandarãyana từ chô ngôi đứng dậy? đăp thượng y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân các Tỷ-kheo còn trẻ tuổi và nói: —Trưởng lão là chư Tôn giả, đã đứng trên địa vị trưởng lão. Trẻ tuổi là chúng con, đã đứng trên địa vị trẻ tuổi.

36 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.546. 0141b22).

66 KINH TẢNG CHI Bộ

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Kaccãna... Mong Tôn giả Kaccãna chấp nhận con làm cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. 40. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người ăn trộm cường mạnh trong khi các vua chúa yếu đuối, trong khi ấy, thật không an toàn cho các vua chúa để đi qua lại, đi ra5 đi quan sát (anusannatum) các biên cương. Và trong khi ấy, thật không an toàn cho các Bà-la-môn9 các gia chủ để đi qua lại, đi ra, đi giám sát các công việc làm ở ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các ác Tỷ-kheo cường mạnh trong khi các thuần tịnh Tỷ-kheo yếu đuối, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo thuần tịnh giữ thái độ im lặng hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ-kheo, hoặc đi đến các quốc độ biên địa. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là bất hạnh cho đa số5 là bất lạc cho đa số5 là bất lợi cho đa số9 là bất hạnh5 đau khổ cho chư thiên và loài người. Khi nào, này các Tỷ-kheo5 các vua chúa cường mạnh trong khi các trộm cướp yếu đuối, trong khi ấy, thật an toàn cho các vua chúa để đi qua lại, đi ra, đi quan sát các biên cương. Và trong khi ấy, thật an toàn cho các Bà-la-môn9 các gia chủ để đi qua lại, đi ra9 đi giám sát các công việc làm ở ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các thuần tịnh Tỷ-kheo cường mạnh trong khi các ác Tỷ-kheo yếu đuối, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo5 các ác Tỷ-kheo giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ-kheo5 hoặc đi các chỗ khác. Và như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạnh phúc cho đa số5

là an lạc cho đa số, là lợi ích cho đa số5 là hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. 41. Ta không tán thán hai loại tà hạnh? này các Tỷ-kheo, ở người gia chủ hay ở người xuất gia.37 Người gia chủ hay người xuất gia theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo, do nhân duyên tà hạnh, không thể đem lại chánh lý5 thiện pháp. Ta tán thán hai loại chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, ở người gia chủ hay ở người xuất gia. Người gia chủ hay người xuất gia theo chánh hạnh, này các Tỷ- kheo, do nhân duyên chánh hạnh, có thể đem lại chánh lý? thiện pháp. 42. Những Tỷ-kheo nào? này các Tỷ-kheo, chặn đứng cả văn và nghĩa bằng cách nắm giữ sai lạc các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ- kheo ấy, này các Tỷ-kheo5 chịu trách nhiệm về bất hạnh cho đa số9 bất lạc cho đa số9 bất lợi cho đa số5 bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Ngoài ra? các Tỷ-kheo ây, này các Tỷ-kheo, chât chứa nhiêu điêu vô phước và khiên cho Diệu pháp biến mất. Những Tỷ-kheo nào5 này các Tỷ-kheo5 tùy thuận cả văn và nghĩa băng cách nắm giữ đúng đắn các kinh điển và những văn tự thích ứng. thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo5 chịu trách nhiệm về hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo5 chất chứa nhiều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

37 Xem M II. 197.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 67

V PHẨM HỘI CHÚNG (PARISAVAGGA) (A. I. 70)

43. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng nông nổi và hội chúng thâm sâu. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng nông nổi? Ở đây? này các Tỷ-kheo? tại hội chúng nào các Tỷ-kheo tháo động,38 kiêu căng, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hội chúng nông nổi. Và này các Tỷ"kheo? thế nào là hội chúng thâm sâu? Ở đây5 này các Tỷ- kheo? tại hội chúng nào các Tỷ-kheo không tháo động5 không kiêu căng, không dao động? không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, không thất niệm, tỉnh giác, có định tĩnh, có nhất tâm, có các căn được bảo vệ? này các Tỷ- kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu. Này các Tỷ-kheo5 có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này? này các Tỷ-kheo9 tức là hội chúng thâm sâu. 44. Này các Tỷ-kheo? có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng bất hòa và hội chúng hòa hợp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bất hòa? Ở đây? này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hội chúng bất hòa. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp? Ở đây, này các Tỷ-kheo? tại hội chúng nào các Tỷ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hội chúng hòa hợp. Này các Tỷ-kheo5 có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng hòa hợp. 45. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng không thù thắng và hội chúng thù thắng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không thù thắng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Trưởng lão Tỷ-kheo sống trong sự đầy đủ539 lười biếng,

dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có ra sức tinh tấn để đạt đến những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ; còn lớp hậu

38 Xem M. I. 32; s. 1.61; V. 269. 39 Bãhuỉikã. XcmA. II. 148; M. L 14.

nhân tùy thuận sở kiến của họ? sống trong sự đầy đủ. biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có ra sức tinh tấn để đạt được những gì chưa dạt, đê chứng được những gì chưa chứng, đê ngộ được những gì chưa ngộ, này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hội chúng không thù thắng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hội chúng thù thắng? Ở đây, này các Tỷ- kheo, tại hội chúng nào các Trưởng lão Tỷ-kheo không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có ra sức tinh tấn để đạt đến những gì chưa đạt5 để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ; còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ5 không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt? đê chứng được những gì chưa chứng, đê ngộ được những gì chưa ngộ, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thù thắng. 46. Này các Tỷ-kheo? có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng không phải Thánh và hội chung bậc Thánh. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hội chúng không phải Thánh? Ở dây, này các Tỷ-kheo? tại hội chúng nào các Tỷ- kheo không như thật rõ biết: "Đây là khổ^; không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập" không như thật rõ biết: 6CĐây là khổ diet"; không như thật rõ biết: “Dây là con đường đưa đên khô diet", này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không phải Thánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh? Ở dây, này các Tỷ- kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo như thật rõ biết: "E)ây là kh6”; như thật rõ biết: í6Đây là khổ tap" như thật rõ biết: 66Đây là khổ diet”; như thật rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet", này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hội chúng bậc Thánh. Này các Tỷ-kheo5 có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo? tức là hội chúng bậc Thánh. 47. Này các Tỷ-kheo? có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng cặn bã và hội chúng tinh ba. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hội chúng cặn bã? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo đi đến con đường dục540 đi đên con đường sân? đi đên con đường si, đi đên con đường sợ hai, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng cặn bã. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo không đi đến con đường dục? không đi đến con đường sân5 không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo? đây gọi là hội chúng tinh ba.

40 Chanda. Xem D III. 133.

không tôn trọng tài vật. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là hội chúng tôn trọng tài vật5 không tôn trọng Diệu pháp? Ớ dây, này các Tỷ-kheo5 tại hội chúng nào các Tỷ-kheo

trước mặt các gia chủ bận áo trắng, tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần; Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng; Tỷ-kheo này là bậc Kiên chí (Kiên đăc); Tỷ- kheo này là bậc Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành; Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành; Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp; Tỷ-kheo này là kẻ ác giới5 theo ác pháp." Do vậy5 họ được các lợi dưỡng. Sau khi được các lợi dưỡng5 họ thọ hưởng, bị trói buộc, mê say, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng Diệu pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng Diệu pháp, không tôn trọng tài vật? Ở đây? này các Tỷ-kheo9 tại hội chúng nào các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, không tự tán thán lẫn nhau như sau: C6Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần; Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng; Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí; Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành; Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành; Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp; Tỷ-kheo này là kẻ ác giới, theo ác phAp." Do vậy, họ được các lợi dưỡng. Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, không bị trói bug không bị mê say, không đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng Diệu pháp, không tôn trọng tài vật. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tôn trọng Diệu pháp? không tôn trọng tài vật. 50. Này các Tỷ-kheo5 có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng không đồng đẳng và hội chúng đồng đẳng. Và này các Tỷ-kheo. thế nào là hội chúng không đồng đẳng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào nghiệp phi pháp được thi hành, nghiệp đúng pháp không được thi hành; nghiệp phi luật được thi hành, nghiệp đúng luật không được thi hành; nghiệp phi pháp được phát huy, nghiệp đúng pháp không được phát huy; nghiệp phi luật được phát huy, nghiệp đúng luật không được phát huy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không đồng đẳng. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hội chúng đồng đẳng? Ở dây, này các Tỷ- kheo, tại hội chúng nào nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành; nghiệp đúng luật được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành; nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy; nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy, này các Tỷ-kheo? đây gọi là hội chúng đồng đẳng. Này các Tỷ-kheo5 có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo? tức là hội chúng đồng đẳng.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 71

51. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng phi pháp và hội chúng đúng pháp... (như trên). Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo5 tức là hội chúng đúng pháp. 52. Này các Tỷ-kheo5 có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng thuyết phi pháp và hội chúng thuyết đúng pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết phi pháp? Ở dây, này các Tỷ-kheo? tại hội chúng nào các Tỷ-kheo khởi sự tranh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tranh tụng ấy, họ không tin cho nhau biết và không tìm cách tin cho nhau biết; họ không hòa giải cùng nhau và không tìm cách đi

đến hòa giải; họ cương quyết không tin cho nhau biết; họ cương quyết không hòa giải với nhau; họ không từ bỏ tranh tụng ấy; họ kiên trì tranh tụng ấy, chấp thủ, thiên chấp và tuyên bố: "Chi có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư nguy", này các Tỷ-kheo? đây gọi là hội chúng thuyết phi pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 tại hội chúng nào các Tỷ-kheo khởi lên sự tranh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tranh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết; họ hòa giải cùng nhau và tìm cách đi đến hòa giải; họ cương quyết tin cho nhau biết và cươnệ quyết hòa ạiải với nhau; họ từ bỏ tranh tụng ay; họ không kiên trì tranh tụng ấy, không chap thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: "Chí có đây là sự thật, ngoài ra là hư nguy", này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thuyết đúng pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thuyết đúng pháp.

VI. PHẨM NGƯỜI (PUGGALAK4GGA) (A. I. 77)

53. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời? sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số5 an lạc cho đa số? lợi ích cho đa số; đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Những người nàỵ5 này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời5 sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa s6, an lạc cho đa số? lợi ích cho đa số; đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. 54. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo? khi xuất hiện ở đời5 là sự xuất hiện của những người vi diệu. The nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Bẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời? là sự xuất hiện của những người vi diệu. 55. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo5 khi mệnh chung, đem lại thương tiếc cho đa số. The nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khi mệnh chung, đem lại thương tiếc cho đa số. 56. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, xứng đáng để xây tháp. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng để xây tháp. 57. Có hai bậc Giác Ngộ, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Độc Giác Phật. Những vị này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc Giác Ngộ. 58. Có hai [sanh] loại, này các Tỷ-kheo5 không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con voi thuần chủng. Hai [sanh] loại này, này các Tỷ-kheo? không bị sét đánh làm cho sợ hãi. 59. Có hai [sanh] loại, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con ngựa nòi giống tốt. Hai [sanh] loại này, này các Tỷ-kheo5 không bị sét đánh làm cho sợ hãi. 60. Có hai [sanh] loại, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con sư tử, vua các loài thú. Hai [sanh] loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. 61. Do thấy hai lý do, này các Tỷ-kheo? các loài kimpurisa41 (phi nhân,

41 Kimpurisa. AA. II. 151 viết là Kinnarã (Kim Sí điểu), loại chim thần thoại với thân người đầu ngựa hay đau thú khác.

khẩn-na-la) không nói lên tiếng người. Thế nào là hai? "Chúng ta chớ có nói láo và chúng ta chớ có xuyên tạc người khác với điều không that." Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài kimpurisa không nói lên tiếng người. 62. Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn? chưa được vừa đủ. 63. Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo5 về sự cộng trú của người bất thiện và sự cộng trú của người thiện. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. Thưa vâng? bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là sự cộng trú của người bất thiện và thế nào là người bất thiện cộng trú với nhau? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão khồng nói với ta, vị trung niên không nói với ta, vị tân học không nói với ta. Và ta cũng không nói với vị trưởng lão5 ta cũng không nói với vị trung niên, ta cũng không nói với vị tân học. Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta, ta hãy nói6 không9 với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng; và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp. Nếu vị trung niên nói với ta... Nêu vị tân học nói với ta, vị ây nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta, ta hãy nói 'không9 với vị ấy, ta hãy làm cho vị ây phật lòng; và nếu thây vị ây nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp.,, Này các Tỷ-kheo? vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau... Này các Tỷ-kheo, vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau... Như vậy, này các Tỷ-kheo? là sự cộng trú của người bất thiện và như vậy là người bất thiện cộng trú với nhau. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cộng trú của người thiện và thế nào là người thiện cộng trú với nhau? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong răng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta. Và ta cũng sẽ nói với vị trưởng lão, cũng sẽ nói với vị trung niên, cũng sẽ nói với vị tân học. Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta5 ta sẽ nói: 'Lành thay!9 với vị ấy, ta sẽ không làm cho vị ấy phật lòng; và nếu thấy vị ấy nói đúng5 ta có đáp ứng thích hợp. Nêu vị trung niên nói với ta... Nêu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muôn làm hại ta, ta sẽ nói: 'Lành thay!' với vị ấy, ta sẽ không làm vị ây phật lòng; và nêu thấy vị ấy nói đúng? ta sẽ đáp ứng thích hợp." Này các Tỷ-kheo, vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau... Này các Tỷ-kheo5 vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta... và nếu thấy vị ấy nói đúng5 ta sẽ đáp ứng thích hợp.”

Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là sự cộng trú của người thiện và như vậy là người thiện cộng trú với nhau. 64. Trong cuộc tranh tụng nào? này các Tỷ-kheo, cả hai phía có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nội tâm không an tịnh, thời sự tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo9 được chờ đợi là sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, thô bạo,42 và các Tỷ-kheo sẽ sống không an lạc. Và này các Tỷ-kheo, trong

cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo? cả hai phía có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố5 với tâm hiềm hận5 ưu não? uất ức, nhưng nội tâm được an tịnh5 thời sự tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, có thể sẽ không kéo dài? không có gay gắt, không có thô bạo, và các Tỷ-kheo sẽ sống an lạc.

42 Xem41. 53.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 75

vn. PHẨM LẠC (SUKHAVAGGA) (Ã. I. 80)

65. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc tại gia và lạc xuất gia. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo5 tức là lạc xuất gia. 66. Có hai loại lạc5 này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Dục lạc và viễn ly lạc. Các pháp này? này các Tỷ-kheo5 là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo9 tức là viễn ly lạc. 67. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc sanh y và lạc không sanh y. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo5 tức là lạc không sanh y. 68. Có hai loại lạc9 này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc có lậu hoặc và lạc không có lậu hoặc. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai lạc. Tôi thăng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo5 tức là lạc không có lậu hoặc. 69. Có hai loại lạc5 này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc thuộc tài vật và lạc không thuộc tài vật. Các pháp này9 này các Tỷ-kheo5 là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo5 tức là lạc không thuộc tài vật. 70. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc bậc Thánh và lạc không phải bậc Thánh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này5 này các Tỷ-kheo, tức là lạc bậc Thánh. 71. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc thuộc thân và lạc thuộc tâm. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tôi thăng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo? tức là lạc thuộc tâm. 72. Có hai loại lạc5 này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc có hỷ và lạc không có hỷ. Các pháp này5 này các Tỷ-kheo5 là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc không có hỷ. 73. Có hai loại lạc5 này các Tỷ-kheo. Thê nào là hai? Lạc có hân hoan và lạc có xả. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này9 này các Tỷ-kheo, tức là lạc có xả. 74. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là . hai? __Lạc ỉ có r định và lạca không có định. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tôi thăng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc có định. 75. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc với sở duyên có hỷ

76 KINH TẢNG CHI Bộ

và lạc với sở duyên không có hỷ. Các pháp này? này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc với sở duyên không có hỷ. 76. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thê nào là hai? Lạc với sở duyên có hân hoan và lạc với sở duyên có xả. Các pháp này, này các Tỷ-kheo. là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo5 tức là lạc với sở duyên có xả. 77. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc với sở duyên thuộc săc và lạc với sở duyên thuộc vô săc. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc với sở duyên thuộc vô sắc.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 77

vm. PHẨM TƯỚNG (SANIMITTAVĂGGA) (A. I. 82)

78. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có tướng, không phải không có tướng. Do đoạn tận chính tướng ây, như vậy các pháp ác, bât thiện ây không có mặt. 79. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Do đoạn tận chính nhân duyên ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt. 80. Này các Tỷ-kheo5 các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân, không phải không có nhân. Do đoạn tận chính nhân ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt. 81. Này các Tỷ-kheo5 các pháp ác, bất thiện khởi lên có các hành, không phải không có các hành. Do đoạn tận chính các hành ây, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt. 82. Này các Tỷ-kheo5 các pháp ác, bất thiện khởi lên có duyên, không phải không có duyên. Do đoạn tận chính duyên ây, như vậy các pháp ác, bât thiện ấy không có mặt. 83. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có sắc, không phải không có săc. Do đoạn tận chính săc ây? như vậy các pháp ác5 bât thiện ây không có mặt. 84. Này các Tỷ-kheo5 các pháp ác, bất thiện khởi lên có thọ9 không phải không có thọ. Do đoạn tận chính thọ ấy? như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt. 85. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác9 bất thiện khởi lên có tưởng, không phải không có tưởng. Do đoạn tận chính tưởng ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt. 86. Này các Tỷ-kheo5 các pháp ác, bất thiện khởi lên có thức, không phải không có thức. Do đoạn tận chính thức ây, như vậy các pháp ác, bât thiện ây không có mặt. 87. Này các Tỷ-kheo5 các pháp ác, bất thiện khởi lên có sở duyên hữu vi, không phải không có sở duyên hữu vi. Do đoạn tận chính sở duyên hữu vi ấy, . M a J như vậy các pháp ác, bât thiện ây không có mặt.

78 KINH TĂNG CHI BỘ

IX. PHẨM CÁC PHÁP (DHAMMAVAGGA) (A. I. 83)

88. Này các Tỷ-kheo? có hai pháp này. Thế nào là hai? Tâm giải thoát và
Tuệ giải thoát. Các pháp này9 này các Tỷ-kheo, là hai pháp.
89. ... Tinh tấn và nhất tâm...
90.. .. Danh và sắc...
91.. .. Minh và giải thoát...
92. ... Hữu kiến và vồ hữu kiến...
93. ... Vô tàm và vô quý...
94.. .. Tàm và quý...
95. ... Khó nói và ác hữu...
96. ... Dễ nói và thiện hữu...
97. ... Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo...
98. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? Phạm thiện xảo và xuất phạm thiện xảo. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.
CHƯƠNG IL HAI PHÁP 79

X. PHẨM KẺ NGU (BẴLAVAGGA) (A. I. 85)

99. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người mang gánh nặng chưa đến và người không mang gánh nặng đã đến. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu. 100. Này các Tỷ-kheo5 có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người mang gánh nặng đã đến và người không mang gánh nặng chưa đến. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí. 101. Này các Tỷ-kheo5 có hai loại kẻ ngu này. Thê nào là hai? Người tưởng là hợp pháp (kappiyasafini) đối với việc không hợp pháp và người tưởng là không hợp pháp đối với việc hợp pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu. 102. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là không hợp pháp đối với việc không hợp pháp và người tưởng là hợp pháp đối với việc hợp pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo? là hai bậc hiên trí. 103. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là có phạm tội đối với việc không phạm tội và người tưởng là không phạm tội đối với việc có phạm tội. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu. 104. Này các Tỷ-kheo9 có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là không phạm tội đối với việc không phạm tội và người tưởng là phạm tội đối với việc có phạm tội. Hai người này, này các Tỷ-kheo? là hai bậc hiền trí. 105. Này các Tỷ-kheo? có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là đúng Pháp (Dhammasannĩ) đối với việc phi Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu. 106. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc phi Pháp. Hai người này. này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí. 107. Này các Tỷ-kheo? có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là đúng Luật (VinayasannT) đối với việc phi Luật và người tưởng là phi Luật đối với việc đúng Luật. Hai người này, này các Tỷ-kheo9 là hai kẻ ngu. 108. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là phi Luật đối với việc phi Luật và người tưởng là đúng Luật đối với việc đúng Luật. Hai người này, này các Tỷ-kheo? là hai bậc hiền trí. 109. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

80 KINH TẢNG CHI BỘ

Trong hai hạng người nào? Người lo lăng những việc không đáng lo lăng và người không lo lắng những việc đáng lo lắng. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. 110. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người không lo lắng những việc không đáng lo lắng và người lo lắng những việc đáng lo lắng. Trong hai hạng người này5 này các Tỷ-kheo5 các lậu hoặc không tăng trưởng. 111. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là hợp pháp đối với việc không hợp pháp và người tưởng là không hợp pháp đối với việc hợp pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc tăng trưởng. 112. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là không hợp pháp đối với việc không hợp pháp và người tưởng là hợp pháp đối với việc hợp pháp. Trong hai hạng người này5 này các Tỷ-kheo5 các lậu hoặc không tăng trưởng. 113. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc tăng

trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là có phạm tội đối với việc không phạm tội và người tưởng là không phạm tội đối với việc có phạm tội. Trong hai hạng người này? này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc tăng trưởng. 114. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là có phạm tội đối với việc có phạm tội và người tưởng là không phạm tội đối với việc không phạm tội. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc không tăng trưởng. 115. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Pháp đối với việc phi Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc đúng Pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. 116. Trong hai hạng người, này các Tỷ~kheo? các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc phi Pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. 117. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Luật đối với việc phi Luật và người tưởng là phi Luật đôi với việc đúng Luật. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. 118. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo9 các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Luật đối với việc đúng Luật và người tưởng là phi Luật đối với việc phi Luật. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo? các lậu hoặc không tăng trưởng.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 81

XI. PHẨM HY VỌNG KHÓ TỪ BỎ (ASADUPPAJAHAVAGGA) (Ả. I. 87)

119. Có hai hy vọng5 này các Tỷ-kheo? khó được từ bỏ. Thế nào là hai? Hy vọng được lợi dưỡng và hy vọng được sông. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai hy vọng khó được từ bỏ. 120. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo5 khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thi ân trước và người biêt nhớ ơn đã làm.43 Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. 121. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thỏa mãn và người làm người khác thỏa mãn.44 Hai hạng người này? này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. 122. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khó làm cho thỏa mãn. Thế nào là hai? Người cất chứa các lợi dưỡng và người phung phí các lợi dưỡng. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo? khó làm cho thỏa mãn. 123. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, dễ làm cho thỏa mãn. Thế nào là hai? Người không cất chứa các lợi dưỡng và người không phung phí các lợi dưỡng. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, dễ làm cho thỏa mãn. 124. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo5 khiến tham sanh khởi. Thế nào là hai? Tịnh tướng và không như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tham sanh khởi. 125. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến sân sanh khởi. Thế nào là hai? Chướng ngại tướng và không như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến sân sanh khởi. 126. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến tà kiến sanh khởi. Thế nào là hai? Tiêng nói của người khác45 và không như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi. 127. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến chánh kiến sanh khởi. Thế nào là hai? Tiêng nói của người khác và như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai duyên

khiến chánh kiến sanh khởi.

43 Katannũkatavedĩ. AA. II. 157 giải thích hạng người đầu xem như là một bổn phận phải làm; và hạng thứ hai xem như là một bổn phận phải trả ơn. 44 Tappetã. Đốc Giác Phật và các đệ tử của Như Lai là Tittã; và Như Lai, Chánh Đẳng Giác là Tappetã. Hạng người đâu thỏa mãn vì thây mình đã giải thoát; và hạng người thứ hai muôn làm các người khác thỏa mấi. Xem 44. II. 157; Pug. 27. 45 Parato caghoso được giải thích là tiếng từ thế giới khác đến chứ khồng phải tiếng người bạn, v.v... Xem M. I. 294.

82 KINH TĂNG CHI BỘ

128. Có hai loại tội phạm, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội phạm nhẹ và tội phạm nặng. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai loại tội phạm. 129. Có hai loại tội phạm, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội phạm thô trọng và tội phạm không thô trọng. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai loại tội phạm. 130. Có hai loại tội phạm? này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội phạm có dư tàn và tội phạm không có dư tàn. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai loại tội phạm.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 83

XILPHẢMHYCÀU (ÃYÃCANAVAGGA) (A. I. 89)

131. Tỷ-kheo có tín tâm, này các Tỷ-kheo5 nêu hy câu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "Mong rằng ta sẽ như Sãriputta và Moggall^na.” Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo5 đây là đo đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sãriputta và Moggallãna. 132. Tỷ-kheo-ni có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nêu hy câu một cách chơn chánh, sẽ hy càu như sau: "Mong rằng ta sẽ như Tỷ-kheo-ni Khemã và uppalavaụụ" Đây là cán cân5 này các Tỷ-kheo? đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemã và uppalavannã. 133. Cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nêu hy câu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka46 ở ÃỊavĩ.,, Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo? đây là đo đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở ÃỊavĩ. 134. Nữ cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo? nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ Khụjjuttarã và VeỊukandakiyã, mẹ của Nanda." Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo? đây là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttara và VeỊukandakiyã, mẹ của Nanda. 135. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu vụng vê? không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mât gốc5 bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là hai? Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán và chỉ trích người xứng đáng được tán thán. Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội? bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thành tựu hai pháp này5 này các Tỷ-kheo? bậc hiền trí khôn khéo5 bậc chân nhân5 tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là hai? Sau khi suy tư và thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán, và chỉ trích người đáng bị chỉ trích. Do thành

tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo? bậc hiền trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mât gôc? không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

46 Xem 41. 26.

84 KINH TĂNG CHI Bộ

136. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo? kẻ ngu vụng về5 không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc5 bị thương tích, phạm tội5 bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là hai? Không có suy tư, không có thâm sát, tự cảm thây tin tưởng đôi với những chô không đáng tin tưởng và tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng. Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 kẻ ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mât gôc? bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 bậc hiên trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc5 không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là hai? Sau khi suy tư và thâm sát, tự cảm thây không tin tưởng đôi với những chỗ không đáng tin tưởng, và tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng. Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 bậc hiền trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc9 không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. 137. Do tà hạnh đối với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng về... nhiều điều VÔ phước. Đôi với hai hạng người nào? Với mẹ và với cha. Do tà hạnh đôi với hai [hạng người] này? kẻ ngu vụng về... nhiều điều vô phước. Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào? Với mẹ và với cha. Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức. 138. Do tà hạnh đôi với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng vê... nhiêu điêu vô phước. Đôi với hai hạng người nào? Với Như Lai và với đệ tử của Như Lai. Do tà hạnh đối với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng về... nhiều điều vô phước. Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào? Với Như Lai và với đệ tử của Như Lai. Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức. 139. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Thanh tịnh tự tâm và không chấp thủ một cái gì ở đời. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là hai pháp. 140. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp. 141. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Nhiếp phục phẫn nộ và nhiêp phục hiêm hận. Các pháp này? này các Tỷ-kheo5 là hai pháp.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 85

XIII. PHẨM BỐ THÍ (DÂNAVĂGGA) (Ả. I. 92)

142. Này các Tỷ-kheo? có hai loại bố thí này. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bô thí pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại bô thí. Tôi thăng trong hai loại bố thí này? này các Tỷ-kheo, tức là bố thí pháp. 143. Này các Tỷ-kheo? có hai cúng dường này.

Thế nào là hai? Cúng dường tài vật và cúng dường pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại cúng dường. Tôi thăng trong hai loại cúng dường này, này các Tỷ-kheo? tức là cúng dường pháp. 144. Này các Tỷ-kheo, có hai loại thí xả này. Thế nào là hai? Thí xả tài vật và thí xả pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại thí xả. Tối thắng trong hai loại thí xả này5 này các Tỷ-kheo? tức là thí xả pháp. 145. Này các Tỷ-kheo, có hai loại biến xả này. Thế nào là hai? Biến xả tài vật và biến xả pháp. Hai pháp này5 này các Tỷ-kheo, là hai loại biến xả. Tối thắng trong hai loại biến xả này, này các Tỷ-kheo5 tức là biến xả pháp. 146. Này các Tỷ-kheo9 có hai loại tài sản này. Thế nào là hai? Tài sản tài vật và tài sản pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 là hai loại tài sản. Tối thắng trong hai loại tài sản này, này các Tỷ-kheo5 tức là tài sản pháp. 147. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tài sản thọ dụng chung này. Thế nào là hai? Tài sản thọ dụng chung về tài vật và tài sản thọ dụng chung về pháp. Hai pháp này5 này các Tỷ-kheo5 là hai loại tài sản thọ dụng chung. Tối thắng trong hai loại tài sản thọ dụng chung này, này các Tỷ-kheo9 tức là tài sản thọ dụng chung về pháp. 148. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tài sản thọ dụng đồng đẳng này. Thế nào là hai? Tài sản thọ dụng đồng đẳng về tài vật và tài sản thọ dụng đồng đẳnệ về pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tài sản thọ dụng đồng đẳng. Tối thắng trong hai loại tài sản thọ dụng đồng đẳng này, này các Tỷ-kheo5 tức là tài sản thọ dụng đồng đẳng về pháp. 149. Này các Tỷ-kheo, có hai loại nhiếp thọ này. Thế nào là hai? Nhiếp thọ tài vật và nhiếp thọ pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo. là hai loại nhiếp thọ. Tôi thăng trong hai loại nhiêp thọ này, này các Tỷ-kheo, tức là nhiêp thọ pháp. 150. Này các Tỷ-kheo5 có hai loại nhiếp ích này. Thế nào là hai? Nhiếp ích tài vật và nhiêp ích pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo. là hai loại nhiêp ích. Tôi thăng trong hai loại nhiêp ích này, này các Tỷ-kheo, tức là nhiêp ích pháp.

86 KINH TĂNG CHI Bộ

151. Này các Tỷ-kheo, có hai loại ai mẫn này. Thế nào là hai? Ai mẫn tài vật và ai mẫn pháp. Hai pháp này, này các T-kheo, là hai loại ai mẫn. Tối thắng trong hai loại ai mẫn này, này các Tỷ-kheo5 tức là ai mẫn pháp.

XIV PHẨM ĐÓN CHÀO (SANTHÃRAVAGGA) (A. I. 93)

152-163. (Như trên đối với các pháp sau đây: "B6n chào... đón tiếp... tầm cầu... tầm cầu cùng khắp... tầm hỏi... cúng lễ... chiêu đãi... phồn vinh... tăng trưởng... châu báu... tích tập... quảng dại...")

86 KINH TĂNG CHI Bộ

151. Này các Tỷ-kheo, có hai loại ai mẫn này. Thế nào là hai? Ai mẫn tài vật và ai mẫn pháp. Hai pháp này, này các T-kheo, là hai loại ai mẫn. Tối thắng trong hai loại ai mẫn này, này các Tỷ-kheo5 tức là ai mẫn pháp.

XIV PHẨM ĐÓN CHÀO (SANTHÃRAVAGGA) (A. I. 93)

152-163. (Như trên đối với các pháp sau đây: "B6n chào... đón tiếp... tầm cầu... tầm cầu cùng khắp... tầm hỏi... cúng lễ... chiêu đãi... phồn vinh... tăng trưởng... châu báu... tích

tập... quảng dại...")

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 87

XV PHẨM NHẬP ĐỊNH (SAMẴP4TTIK4GGA) (A. L 94)

164. Này các Tỷ-kheo? có hai pháp này. Thế nào là hai? Thiện xảo nhập định và thiện xảo xuất định. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.
165.. .. Chất trực và nhu hòa...
166.. .. Kham nhẫn và dịu hiền...
167.. .. Hòa thuận47 và đón tiếp...
168. ... Bất hại và thanh tịnh...
169. ... Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống...
170.. .. Hộ trì các căn và tiết độ trong ăn uống...
171.. .. Tư trạch lực và tu tập lực48...
172. ... Niệm lực và định lực...
173. ... Chỉ và quán...
174. ... Phá giới và phá kiến...
175.. .. Cụ túc giới và cụ túc kiên...
176.. .. Giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh...
177. ... Kiến thanh tịnh và tinh tấn như kiến...
178. ... Không biết đủ đối với các thiện pháp và thiên về tinh tấn...
179.. .. Thất niệm và không tỉnh giác...
180.. .. Niệm và tỉnh giác...
47 Xem 41. 52. 48 Xem s. IV. 240, v.v...

88 KINH TĂNG CHI BỘ

XVI. PHẨM PHẢN Nộ LƯỢC THUYẾT (KODHAPEYYẴLA)49 (Ả. L 95)

181. Có hai pháp5 này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... giả dối và não hại... tật đố và bỏn xẻn... man trá và phản trắc... không tàm và không quý. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo, là hai pháp. 182. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Không Ị)hẫn nộ và không hiềm hận... không giả dối và không não hại... không tật đố và không bỏn xẻn... không man trá và không phản trắc... tàm và quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp. 183. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, phải sống trong đau khổ. Thế nào là hai? Phân nộ và hiêm hận... giả dôi và não hại... tật đô và bỏn xẻn... man trá và phản trắc... không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo? phải sống trong đau khổ. 184. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo5 được sông trong an lạc. Thê nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... không giả dối và khorijg não hại... không tật đố và không bỏn xẻn... không man trá và không phản trăc... tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, được sống trong an lạc. 185. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo5 đưa đến đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là hai? Ph^ì nộ và hiềm hận... giả dối và não hại... tật đố và bỏn xẻn... man trá và phản trắc... không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo9 đưa

đến đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học. 186. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo? không đưa đến sự đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là hai? Khônệ phẫn nộ và không hiềm hận... không giả dối và không não hại... không tật đô và không bỏn xẻn... không man trá và không phản trắc... tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 không đưa đến đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học. 187. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... (như số 181)... không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. 188. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiem hận... (như số 182)... tàm và quý.

49 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVI. 1-17. Conditions, etc., nghĩa là Các điều kiện, v.v...

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 89

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giơi. 189. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây5 có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... (như số 181)... không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 ở đây9 có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. 190. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo5 ở đây5 có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới? cõi đời này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... (như số 182)... tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

xvn. PHẨM BẤT THIỆN LƯỢC THUYẾT (AKUSALAPEYYALA)5() (A. I. 97)

191-200. Thành tựu hai pháp bất thiện này... hai pháp thiện này... hai pháp có tội này... hai pháp không có tội này... hai pháp tăng khổ này... hai pháp tăng lạc này... hai pháp với quả dị thục là khổ này... hai pháp với quả dị thục là lạc này... hai pháp não hại này... hai pháp không não hại này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... không giả dối và không não hại... không tật đố và không bỏn xẻn... không man trá và không phản trắc... tàm và quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp không não hại.*

50 Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XVI. 1-17. Conditions, etc., nghĩa là Các pháp, v.v...

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 89

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giơi. 189. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây5 có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... (như số 181)... không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 ở đây9 có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú,

đọa xứ, địa ngục. 190. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo5 ở đây5 có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới? cõi đời này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... (như số 182)... tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

xvn. PHẨM BẤT THIỆN LƯỢC THUYẾT (AKUSALAPEYYALA)5() (A. I. 97)

191-200. Thành tựu hai pháp bất thiện này... hai pháp thiện này... hai pháp có tội này... hai pháp không có tội này... hai pháp tăng khổ này... hai pháp tăng lạc này... hai pháp với quả dị thục là khổ này... hai pháp với quả dị thục là lạc này... hai pháp não hại này... hai pháp không não hại này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... không giả dối và không não hại... không tật đố và không bỏn xẻn... không man trá và không phản trắc... tàm và quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp không não hại.*

50 Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XVI. 1-17. Conditions, etc., nghĩa là Các pháp, v.v...

xvm. PHẨM GIỚI LUẬT LƯỢC THUYẾT (yiNAyAPEYYÃLAýy (A. ỉ. 98)

201. Do thấy hai lợi ích này, Như Lai chế lập học giới cho các đe tử. Thế nào là hai? Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng... chế ngự các người ác và lạc trú cho thuân tịnh Tỷ-kheo... sự phòng hộ các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện ngay trong hiện tại, và sự ngăn chặn các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi5 các pháp bất thiện trong tương lai... lòng từ mẫn đối với các gia chủ và đoạn tuyệt các thành phần ác dục... đem lại tín tâm cho kẻ bât tín và làm tăng trưởng những người có tín tâm... cho Diệu pháp được an trú và để hộ trì giới luật. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai chế lập học giới cho các đệ tử. 202-230. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai chế lập Giới bổn (Pãtimokkha) cho các đệ tử (như trên)... tụng đọc Giới bổn... đình chỉ Giới bổn... Tự tứ... đình chỉ Tự tứ... sở tác cần phải quở trách51 ... sở tác cần phải y 5253 chí,53 sở tác cần phải tẩn xuất, sở tác cần phải xin lỗi54... sở tác cần phải nginig chức... cho phép biệt trú55... bắt làm lại từ đầu56... cho phép làm... được phục hồi địa vị cũ... được Ẹhục chức... cân phải xuât ly... cụ túc... bạch yêt-ma [lân đâu tiên]57... đưa ra biêu quyết lần thứ hai... đưa ra biểu quyết lần thứ tư... điều chưa được chế lập... thay đổi điều đã được chế lập... giải quyết với sự hiện diện của hai phe liên hệ... giải quyết theo ức niệm của đương sự phạm tội... giải quyết sau khi đương sự khỏi điên loạn... giải quyết theo sự chấp thuận của đương sự... giải quyết theo số đông... giải quyết tùy theo đương sự phạm tội... giải quyết như trải cỏ ra cho các đệ tử. Thế nào là hai? Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng... chế ngự các người ác và lạc trú cho thuần tịnh Tỷ-kheo... cho Diệu pháp được an trú và để hộ trì giới luật. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai đã chế lập... giải quyết như trải cỏ ra cho các đệ tử.

51 Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVII. 1-5. Results, nghĩa là Những thành quả. 52 Tajjariiyakammam: Bị chỉ trích vì nói lời thô lỗ. 53 Nỉyassakammam: Cử người y chỉ cho các Tỷ-kheo không đáng tin cậy. 54 Patỉsãraụĩyakammam: Một Tỷ-kheo làm phật lòng một cư sĩ, cần phải xin lỗi cư sĩ ấy. 55 Parỉvãsadãnarn'. Một Tỷ-kheo giấu tội của mình, bắt buộc phải sống một mình, không cho nhập chúng. 56 Mũlãya patikassanam\ Kẻ phạm tội phải bắt đầu lại hình phạt của mình, vì đã phạm tội trong khi chịu hình phạt. 57 AA. II. 165: Nattikammam nava thãnãnỉf gacchatĩtỉ evam navatthanikam nattikammam pannattam (Các Tăng sự mới sẽ được tiến hành bạch yết-ma. Nhưyậy, việc thiết lập bạch yết-ma là thuọc về Tăng sự mới). Lần đầu chỉ là tác bạch, lần 2, 3, 4 mới lây biêu quyêt.

CHƯƠNG II. HAI PHÁP 91

XIX. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RẢGAPEYYÂLA) 5^ (A. 1.100)

231. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo5 hai pháp này cần phải tu tập. Để biến tri tham5 này các Tỷ-kheo5 hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Đe biến tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến tận tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Đe biến tận tham, này các Tỷ-kheq, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn tận tham, này các Tỷ-kheo? hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn tận tham, này các Tỷ-kheo5 hai pháp này cần phải tu tập. Để trừ diệt tham, này các Tỷ-kheo5 hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để trừ diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để ly tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để ly tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để xả bỏ tham, này các Tỷ-kheo? hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để xả bỏ tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để từ bỏ tham, này các Tỷ-kheo5 hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để từ bỏ tham, này các Tỷ-kheo5 hai pháp này cần phải tu tập. 232-246. Để thắng tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... giả dối... não hại... tật đố... xan tham... man trá... phản trắc... cứng đầu... hung hăng... mạn... quá mạn... say đắm... phóng dật5 này các Tỷ-kheo? hai pháp này cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để thắng tri phóng dật, này các Tỷ- kheo5 hai pháp cần phải tu tập. Để biến tri phóng dật, này các Tỷ-kheo? hai pháp này cần phải tu tập. The nào là hai? Đe biến tri phóng dật, này các Tỷ- kheo? hai pháp này cần phải tu tập. Đê biên tận phóng dật? này các Tỷ-kheo? hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến tận phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn tận phóng dật9 này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn tận phóng dật5 này các Tỷ-kheo5 hai pháp này cần phải tu tập. Để trừ diệt phóng

58 Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XVII. 1-5. Results, nghĩa là Những thành quả.

dật5 này các Tỷ-kheo? hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để trừ diệt phóng dật5 này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến diệt phóng dật9 này các Tỷ-kheo9 hai pháp cân phải tu tập. Thê nào là hai? Chỉ và quán. Để biến diệt phóng dật? này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để ly phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để ly phóng dật? này các Tỷ-kheo5 hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp can phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để xả bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để xả bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo5 hai pháp này cần phải tu tập. Để từ bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để từ bỏ phóng dật, này các Tỷ~kheo5 hai pháp này cần phải tu tập.

CHƯƠNG III BA PHÁP (TIKANIPẴTA)

L PHẢM NGƯỜI NGU (BẴLAE4GGA)1

L KINH SỢ HÃI (Bhayasutta)2 (A. I. 101) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Ty-kheo ay vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: -Phàm có sự sợ hãi nào khởi lên5 này các Tỷ-kheo5 tất cả sự sợ hãi ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ n^ười hiền trí.3 Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ây khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những tai họa nào khởi lên? tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Ví như, này các Tỷ-kheo? ngọn lửa4 từ nhà bằng cỏ lau hay từ nhà bằng cỏ5 thiêu đôt các ngôi nhà có nóc nhọn9 các ngôi nhà có trét trong và trét ngoài, ngăn chặn được gi6, các ngôi nhà có chốt cửa đóng chặt (phusiíaggaỉãni), có các cửa đóng kín (pihitavãtapãnãní). Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 phàm có sự sợ hãi nào khởi lên, này các Tỷ-kheo, tất cả sự sợ hãi ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những tai họa nào khởi lên, tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên? tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Như vậy? này các Tỷ-kheo, người ngu có sợ hai, người hiền trí không sợ

1 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.22.6. 0607c24). 2 Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 1-10) được trình bày liên tục với tên nhóm: The Fools, nghĩa là Người ngu. 3 Bãlato uppcyjanti, no panditato. Xem M, III. 62. 4 Aggimukko. Xem M. III. 61.

hãi; người ngu có nguy hiểm, người hiền trí không có nguy hiểm; người ngu có tai họa, người hiền trí không có tai họa. Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi đến với người hiền trí, không có nguy hiểm đến với người hiền trí, không có tai họa đến với người hiền trí. Do vậy5 ở đây5 cân phải học tập như sau: "Thành tựu với ba pháp nào, một người ngu được biết là như vậy9 hãy từ bỏ ba pháp ấy; thành tựu với ba pháp nào, một người hiên trí được biêt là như vậy5 hãy châp nhận ba pháp ây và thực hành chúng.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo? cân phải học tập. II. KINH TƯỚNG (Lakkhanasutta) (Ả. I. 102) 2. Này các Tỷ-kheo, tướng của người ngu ở trong hành động [của mình]; tướng của người hiền trí ở trong hành động [của mình]. Trí tuệ chói sáng trong nếp sống [của mình]. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, một người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thành tựu với ba pháp này? này các Tỷ-kheo, một người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Này các Tỷ- kheo, thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Thành tựu với ba pháp nào, một người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; thành tựu với ba pháp nào5 một người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng?9 Như vậy, này các Tỷ-kheo5 cần phải học tập.

III. KINH SUY NGHĨ (Cintĩsutta)5 (A. I. 102) 3. Có ba pháp, này các Tỷ-kheo5 là đặc tánh của người ngu, là tướng trạng của người ngu, là ấn tích của người ngu. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo? kẻ ngu suy nghĩ ác, nói ác và làm ác. Neu người ngu này, này các Tỷ-kheo, không suy nghĩ ác, không nói ác và không làm ác, thời lấy gì người hiền trí biết được: ccNgười này là kẻ ngu, không phải là bậc chân nhân?" Vì rằn^, này các Tỷ-kheo, người ngu suy nghĩ ác5 nói ác và làm ác, nên các người hiên trí biêt được: "Người này là kẻ ngu? không phải là bậc chân nhân." Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người ngu, là tướng trạng của người ngu, là ấn tích của người ngu. Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của n^ười hiền trí, là tướng trạng của người hiền trí, là ấn tích của người hiền trí. The nào là ba? Ở dây, này các Tỷ-kheo? người hiền trí suy nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện. Neu người hiền trí này? này các Tỷ-kheo5 không suy nghĩ thiện? không nói thiện và không làm thiện, thời lấy gì người hiền trí biết được: uNgười này là người hiền trí5 là bậc chân nhân"? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền trí suy nghĩ thiện, nói

5 Xem M. 129, Bãlapandita Sutta (Kinh Hiền nguỴ M. III. 163.

thiện và làm thiện, nên các người hiền trí biết được: "Người này là người hiền trí, là bậc chân nhân.” Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người hiền trí, là tướng trạng của người hiền trí, là ấn tích của người hiền trí. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biêt đên9 hãy từ bỏ ba pháp ây; sở hữu với ba pháp nào, người hiên trí được biêt đên, hãy châp nhận ba pháp ấy và thực hành chiing." Như vậy? này các Tỷ-kheo, cân phải học tập. IV. KINH PHẠM TỘI (Accayasuttà) (A. I. 103) 4. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người

ngu được biết đến. Thế nào là ba? Phạm tội, không thấy là có phạm tội; phạm tội5 sau khi thấy là có phạm tội, không như pháp sám hối; được người khác phát lộ có tội, không như pháp chập nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo. người hiền trí được biết đến. Thê nào là ba? Phạm tội, thây là có phạm tội; phạm tội? sau khi thây là có phạm tội, như pháp sám hôi; được người khác phát lộ có tội, như pháp chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 người hiền trí được biết đến. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? cần phải học tập như sau: "S& hữu với ba pháp nào5 người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào9 người hiên trí được biết đên, hãy chập nhận ba pháp ấy và thực hành chiing." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập. V. KINH KHÔNG NHƯ LÝ (Àyonisosuttả) (A. L 103) 5. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo5 người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Không như lý suy tư, đặt câu hỏi; không như lý suy tư, trả lời câu hỏi; khi người khác như lý trả lời câu hỏi với những câu, những chữ vuông tròn, với những hành văn trơn tru chải chuốt, không có chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này5 này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Như lý suy tư, đặt câu hỏi; như lý suy tư, trả lời câu hỏi; khi người khác như lý trả lời câu hỏi với những câu, những chữ vuông tròn, với những hành văn trơn tru chải chuốt, liền chập nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo? người hiền trí được biết đển. Do vậy? này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "S& hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ây; sở hữu với ba pháp nào, người hiên trí được biêt đên? hãy châp nhận ba pháp ây và thực hành chúng.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, cân phải học tập. VL KINH BẤT THIỆN (Akusaỉasutta) (A. I. 103) 6. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo9 người ngu được biết đến.

96 KINH TĂNG CHI BỘ

Thành tựu với ba pháp này9 này các Tỷ-kheo? người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Thành tựu ba pháp này9 này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “S6 hữu với ba pháp nào, người ngu được biết dến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiên trí được biêt đên, hãy châp nhận ba pháp ây và thực hành chúng.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập. VII. KINH CÓ TỘI (Sữvạijasutta) (A. I. 104) 7. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm có tội, miệng nói có tội? ỵ nghi có tội. Thành tựu với ba pháp này? này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm không có tội, miệng nói không có tội? ý nghĩ không có tội. Thành tựu với ba pháp này? này các Tỷ-kheo9 người hiền trí được biết đến. Do vậy? này các Tỷ-kheo5 cân phải học tập như sau: "S& hữu với ba pháp nào5 người ngu được biêt đên5 hãy từ bỏ ba pháp ây; sở hữu với ba pháp nào? người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng.,^ Như vậy, này các Tỷ-kheo5 cần phải học tập. VIII. KINH CÓ NÃO HẠI (Sabyãbaịjhasutta) (A.

I. 104) 8. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm có não hại, miệng nói có não hại, ý nghĩ có não hại. Thành tựu với ba pháp này5 này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm không có não hại, miệng nói không có não hại, ý nghĩ không có não hại. Thành tựu với ba pháp này5 này các Tỷ-kheo5 người hiên trí được biết đến. Do vậy5 này các Tỷ-kheo5 cần phải học tập như sau: "S6 hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

IX. KINH MẤT GỐC (Khatasutta) (A. I. 105) 9. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo5 người ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội? bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. The nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Thành tựu với ba pháp này? này các Tỷ-kheo, người ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mât gôc? bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí không vụng về,

là bậc chân nhân? tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc/ không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệnẹ nói thiện, ý nghĩ thiện. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo? người hiền trí không vụng về? là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mât gôc5 không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

X. KINH CẤU UẾ (Malasutta) (A. I. 105) 10. Do thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo5 do không đoạn tận ba cấu uế, tương xứng như vậy bị quăng vào địa ngục. Thế nào là ba? Ác giới và cấu uế của ác giới không được đoạn tận; tật đố và cấu uế của tật đố không được đoạn tận; xan tham và câu uê của xan tham không được đoạn tận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo? do không đoạn tận ba câu uê này, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo? tương xứng như vậy được sinh lên cõi trời. Thế nào là ba? Có giữ giới và cấu uế của các giới được đoạn tận; không có tật đô và câu uê của tật đô được đoạn tận; không có xan tham và câu uê của xan tham được đoạn tận. Thành tựu với ba pháp này, đoạn tận ba câu uê này, tương xứng như vậy được sanh lên cõi trời.

6 Xem A. I. 88 (kinh 135 ở trước); A. I. 294 (kinh 154 ở sau).

n. PHẨM NGƯỜI ĐÓNG XE (RATHAKĀRAVĂGGA)

I. KINH DANH TIẾNG (Nãtasuttay (A. L 106) 11. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sông đem lại bât hạnh cho đa sô, bât lạc cho đa sô, bât lợi cho đa sô? đưa đên bât hạnh, đau khô cho chư thiên và loài người. Thê nào là

ba? Khuyên khích các thân nghiệp không tùy thuận, khuyến khích các ngữ nghiệp không tuỳ thuận,789 khuyến khích các pháp [ý nghiệp] khồng tùy thuận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại bất hạnh cho đa số9 bất lạc cho đa số? bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh? đau khổ cho chư thiên và loài người. Thành tựu với ba pháp này, này các Ty.kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại hạnh phúc cho đa số5 an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số? đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Khuyến khích các thân nghiệp tùy thuận? khuyến khích các ngữ nghiệp tùy thuận, khuyến khích các pháp [ý nghiệp] tùy thuận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại hạnh phúc cho đa số5 an lạc cho đa số5 lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

II. KINH ĐÁNG GHI NHỚ (Sãranĩyasuttẳỷ (Ắ. I. 106) 12. Ba pháp, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đê-lỵ đã làm lê quán đảnh cân phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba? Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo5 một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh được sanh ra; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ. Lại nữa, tại chỗ nào? này các Tỷ-kheo5 một vị vua Sát-đế-lỵ được làm lễ quán đảnh; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ. Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo5 một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh sau khi chiến thắng một trận, tại chỗ chiếm được? vị ấy như người đứng

7 Bản tiếng Anh của PTS: Three Qualities, nghĩa là Ba phẩm chất. 8 AA. II. 172: Ananuỉomỉketi sãsanassa na anulometĩtỉ ananulomikarn, tasmỉĩỴi ananulomỉke (t4Không tùy thuan" nghĩa là không thuận theo giáo pháp). Xem GS. I. 105. 9 Bản tiếng Anh của PTS: Three Places, nghĩa là Ba chỗ.

đâu trong cuộc chiên thăng; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 một vị vua Sát-đê-lỵ đã làm lê quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, có ba pháp này5 một Tỷ-kheo cân phải trọn đời ghi nhớ. The nào là ba? Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ- kheo? một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Dây là kh6", như thật rõ biết: "Đây là khổ tậpy, như thật rõ biết: "Đây là khổ diet", như thật rõ biết: “Bây là con đường đưa đến khổ diet"; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Lại nữa5 tại chỗ nào? này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại? tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba? này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Ba pháp này5 này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

III. KINH HY VỌNG (Ẅsamsasutta)^ (Ả. I. 107) 13. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo5 xuất hiện5 có mặt ở đời. Thê nào là ba? Không hy vọng, có hy vọng và ly hy vọng. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là người không hy vọng? Ở đây, này các Tỷ- kheo, có người được sanh trong một gia đình thấp kém5 gia đình một người đổ phân, hay gia đình một người thợ săn, hay gia đình một người đan tre, hay gia đình một người đóng xe5 hay gia đình một người quét rác, hay gia đình một người nghèo khổ, khó tìm được đồ ăn uống đê sông, khó tìm cho được đồ ăn5 đồ mặc... Và người ấy xấu xí, khó nhìn5 lùn, thấp, nhiều bệnh hoạn, đui một mắt, còm, què9 hay đi khập khiêng, không có được đô ăn? đô uông, đô mặc, xe cộ? vòng hoa, hương, phân sáp, chô năm, chô ở5 hay đèn. Người ây nghe nói như sau: uVị Sát-đế-lỵ tên như vậy đã được các Sát-đế-lỵ làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sat-de-ly." Người ấy không nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-lỵ mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế- ly?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo? được gọi là người không hy vọng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 trưởng nam của vua Sát-đế-lỵ xứng đáng để được làm lễ quán đảnh, đã đến tuổi thành niên10 11 nhưng chưa làm lễ quán đảnh. Người ấy nghe nói như sau: uVị Sát- đế-lỵ tên như vậy đã được các Sát-đế-lỵ làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của

10 Bản tiếng Anh của PTS: Three Persons, nghĩa là Ba hạng người. 11 Acalappatta'. Đã đến tuổi thành niên. Xem .II. 86.

các Sát-đế-lỵ.99 Người ấy suy nghĩ như sau: uKhông biết khi nào các Sát-đế-lỵ mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-lỵ?" Người như vậy? này các Tỷ-kheo, được gọi là người có hy vọng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là người ly hy vọng? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, có một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Vị vua ấy nghe nói như sau: uVị Sát-đế-lỵ tên như vậy đã được các Sát-đế-lỵ làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sát-dly.” Vị vua ấy không nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-lỵ mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của s-dểY?" Vì cớ sao? Hy vọng được làm lễ quán đảnh trước kia đã hoàn toàn chấm dứt khi vị vua ấy được làm lễ quán đảnh. Người như vậy? này các Tỷ-kheo, được gọi là người ly hy vọng. Ba hạng người, này các Tỷ-kheo9 xuất hiện, có mặt ở đời. Cũng vậy5 này các Ty.kheo, có ba hạng người xuất hiện? có mặt giữa các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không hy vọng, có hy vọng và ly hy vọng. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là người không hy vọng? Ở đây? này các Tỷ- kheo? có người ác giới, tánh tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhtrng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Người này nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy5 do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại5 tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.55 Người ấy không suy nghĩ như sau: “Dến khi nào5 do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?” Người như vậy5 này các Tỷ-kheo, được gọi là người không hy vọng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có hy vọng? Ở dây, này các

Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo giữ giới, tánh tình hiền thiện. Vị ấy nghe: 66Tỷ-kheo có tên như vậy5 do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Bến khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?95 Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có hy vọng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là người ly hy vọng? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 một vị A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Vị này nghe: 6CTỷ-kheo có tên như vậy, đã đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại? tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.95 Vị ấy không suy nghĩ như sau: "Đen khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Vì cớ sao? Hy vọng được giải thoát đã hoàn toàn chấm dứt khi vị ấy giải thoát. Người như vậy5 này các Tỷ-kheo5 được gọi là người ly hy vọng. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo5 xuất hiện5 có mặt giữa các vị Tỷ-kheo.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 101

IV KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (Cakkavattisutta) n (4 I. 109) - 14. Này các Tỷ-kheo5 phàm Vua Chuyển Luân nào đúng pháp, Pháp vương, vị ấy cũng chuyển bánh xe [cai trị]; không phải vị ấy không có một vị vua. Được nghe nói vậy? một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: -Bạch Thê Tôn, ai là vua cho Vua Chuyên Luân đúng pháp, Pháp vương? Đó là pháp, này Tỷ-kheo. Thê Tôn nói: -Ở dây, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân đúng pháp? Pháp vương, y cứ pháp, cung kính pháp5 kính trọng pháp, tôn kính pháp? lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ tri, che chở5 ủng hộ đúng pháp đôi với quân chúng. Lại nữa, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp9 cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp? lấy pháp làm tràng phan, lây pháp làm cờ xí9 lây pháp làm tôi thăng, ra lệnh hộ tri, che chở, ủiệ hộ đúng pháp đối với các Sát-đe-ly5 đối với các tùy tùng, đối với quân đội9 đoi với các Bà-la-môn và gia chủ? đôi với các thị trân và quôc độ? đôi với các Sa-môn5 Bà- la-môn, đối với các loài thú và các loài chim. Vua Chuyên Luân ây, này các Tỷ-kheo5 đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp? cung kính pháp5 kính trọng pháp, tôn kính pháp5 lấy pháp làm tràng phan, lay pháp làm cờ xí9 lấy pháp làm tối thắng, sau khi ra lệnh hộ tri, che chở5 ủng hộ đúng pháp đối với các Sát-đế-ly, đối với các tùy tùng, đối với quân đội5 đối với các Bà-la-môn và gia chủ, đôi với các thị trân và quôc độ, đôi với các Sa-môn? Bà-la-môn5 đối với các loài thú và các loài chim, chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn cản sự chuyển vận bởi bất cứ người nào hay bởi loài hữu tình thù nghịch nào. Cũng vậy5 này Tỷ-kheo5 Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm toi thắng, ra lệnh hộ tri, che chở5 ủng hộ đúng pháp đối với thân nghiệp, nghĩ rằng: "Thân nghiệp như vậy cần phải hành trì, thân nghiệp như vậy không được hành trì." Lại nữa, này Tỷ-kheo9 Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lây pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với khẩu nghiệp, nghĩ

rằng: "Khẩu nghiệp như vậy cân phải hành tri, khâu nghiệp như vậy không được hành tri".. đôi với ý nghiệp, nghĩ rằng: “V nghiệp như vậy cần phải hành tri, ý nghiệp như vậy không được hành trì.,, Như Lai, này Tỷ-kheo? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp

12 Bản tiếng Anh của PTS: Dhamma, nghĩa là Pháp.

làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, sau khi ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với thân nghiệp... đối với khẩu nghiệp... đối với ý nghiệp... chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn chặn sự chuyển vận bởi Sa-môn9 Bà-la-môn9 chư Thiên, Ac ma, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời. V. KINH SACETANA (Sacetanasutta)13 (A. I. 110) 15. Một thời, Thế Tôn ở tại Bãrãnasĩ, Isipatana, chỗ Vườn Nai. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: -Thuở xua, này các T-kheo, có vị vua tên là Sacetana.14 Rồi này các Tỷ- kheo, Vua Sacetana cho gọi người thợ đóng xe: Ế6Này người đóng xe, sau sáu tháng sẽ có trận chiên. Này người đóng xe, ông có thể làm cho ta một cặp bánh xe mới được khong?^ “Thua Đại vương, có thể dug” Người đóng xe trả lời cho Vua Sacetana. Rồi này các Tỷ-kheo, người đóng xe sau sáu tháng trừ sáu ngày5 làm xong một bánh xe. Rồi Vua Sacetana bảo người đóng xe: "Sau sáu ngày, này người đóng xe, sẽ có trận chiến. Đôi bánh xe mới có thể làm xong được kh6ng?" "Thua Đại vương, sau sáu tháng trừ sáu ngày, một bánh xe đã làm xong." Ế6Này người đóng xe, ông có thể, với sáu ngày [còn lại] này, làm xong bánh xe thứ hai?" "Thua Đại vương, con có thể làm được." Người đóng xe trả lời cho Vua Sacetana. Rồi này các Tỷ-kheo, người đóng xe trong sáu ngày, sau khi làm xong bánh xe thứ hai, cầm cặp bánh xe mới? đi đến Vua Sacetana; sau khi đến, thưa với Vua Sacetana: "Thua Đại vương, cặp bánh xe mới này đã làm xong cho ngài." “Này người đóng xe, cái bánh xe này làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày và cái bánh xe này làm xong trong sáu ngày, có cái gì sai khác giữa hai cái này, ta không thấy có cái gì sai khác hết." "C6 sự sai khác giữa hai cái này, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, hãy nhìn sự sai khác!” Rồi5 này các Tỷ-kheo, người đóng xe đẩy cho chạy bánh xe được làm xong

13 Pacetana = Sacetana. Bản tiếng Anh của PTS: The Wheelwright (or Pacetana), nghĩa là Người đóng xe (hay Pacetanã). 14 Xem D. I. 143; M. 81, Ghatĩkãra Sutta (Kinh Ghaịĩkãrà)} s. I. 35; KS. V. 125.

trong sáu ngày. Bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi xoay quanh vài vòng và rơi xuống đất. Rồi người đóng xe đẩy cho chạy bánh được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày. Bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại, rồi nó đứng lại như đang mắc vào trục xe. "Do nhân gì, này người đóng xe, do duyên gì cái bánh xe được làm xong trong sáu ngày tiêp tục chạy cho đên khi sức đây [ban đâu] còn tôn tại rôi xoay quanh vài vòng và rơi xuống đất? Do nhân

gi, này người đóng xe, do duyên gi cái bánh xe được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày tiếp tục chạy cho đên khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi nó đứng lại như mắc vào trục xe?" "Thua Đại vương, cái bánh xe này được làm xong trong sáu ngày, vành xe bị cong có chỗ hỏng, có khuyết điểm; các căm xe bị cong, có chỗ hỏng5 có khuyết điêm; trục xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm. Vì rằng vành xe bị cong, có chỗ hỏnệ9 có khuyêt điểm; vì răng các căm xe bị cong, có chỗ hảng, có khuyêt điêm; vì răng trục xe bị cong, có chô hỏng, có khuyêt điêm nên bánh xe ây tiên tục chạy cho đên khi sức đây [ban đâu] còn tôn tại, rôi xoay quanh vài vòng? rồi rơi xuống đất. Còn bánh kia, thưa Đại vương, được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày, vành xe ấy không bị cong, không có chỗ hỏng5 không có khuyết điểm; các căm xe không bị cong, không có chỗ hỏng5 không có khuyết điểm; trục xe ấy không bị cong5 không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm. Vì rằng vành xe không bị cong, không có chỗ hỏng9 không có khuyết điểm; vì rằng các căm xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; vì rằng trục xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm nên bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi nó đứng lại như đang mắc vào trục xe." Rất có thể, này các Tỷ-kheo? các ông nghĩ rằng trong thời ấy, người đóng xe ấy là một người khác. Này các Tỷ-kheo? chớ có nghĩ như vậy. Trong thời ấy, Ta chính là người đóng xe. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Ta khéo léo về chỗ cong của gỗ? về chỗ hỏng của gỗ5 về khuyết điểm của gỗ. Nay, này các Tỷ-kheo? Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khéo léo về chỗ cong của thân, về chỗ hỏng của thân, về khuyết điểm của thân; khéo léo về chỗ cong của lời n6i, về chỗ hỏng của lời nói, về khuyết điểm của lời nói; khéo léo về chỗ cong của ý5 về chỗ hỏng của ý5 về khuyết điểm của ý. Đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thân cong không có đoạn tận? thân hư hỏng, thân khuyêt điêm [không có đoạn tận]; lời nói cong không có đoạn tận? lời nói hư hỏng, lời nói khuyết điểm [không có đoạn tận]; ý cong không có đoạn tận, ý hư hỏng? ý khuyết điểm [không có đoạn tận]? như vậy, này các Tỷ- kheo, vị ấy rời khỏi Pháp và Luật này, ví như bánh xe ấy được làm xong trong sáu ngày. Đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thân cong được đoạn tận, thân hư hỏng, thân khuyết điểm [được đoạn tận]; lời nói cong... ý cong được đoạn tận, ý hư hỏng5 ý khuyết điểm [được đoạn tận], như vậy, này các Tỷ-kheo? vị ấy an

trú vững chắc trong Pháp và Luật này, ví như bánh xe được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày. Do vậy? này các Tỷ-kheo? hãy học tập như sau: "Chúng tôi sẽ đoạn tận thân cong5 thân hư hỏng9 thân khuyết điểm; chúng tôi sẽ đoạn tận lời nói cong, lời nói hư hỏng, lời nói khuyết điêm; chúng tôi sẽ đoạn tận ý cong, ý hư hỏng, ý khuyết điểm.,^ Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. VI. KINH KHÔNG CÓ LỖI LẦM (Apannakasutta)15 ụ. I. 113) 16. Thành tựu ba pháp5 này các Tỷ-kheo; Tỷ-kheo thực hành con đường không có lỗi lầm và có những căn bản thắng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. The nào là ba? Ớ đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo hộ trì các căn? tiết độ trong ăn uống và chú tâm cảnh giác. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được bảo vệ? khiến

tham ưu, các ác? bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ nhãn căn, thực hành phòng hộ nhãn căn. Khi tai nghe tiêng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không năm giữ tướng chung, không năm giữ tướng riên^. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được bảo vệ5 khiên tham ưu, các ác, bat thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ây5 phòng hộ ý căn, thực hành phòng hộ ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo hộ trì các căn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn? không phải để vui đùa5 không phải để đam mê5 không phải để trang sức, không phải đê tự làm đẹp mình mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để [thân này] khỏi bị thương hại, đê hô trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Nhu vậy? ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới? và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an 6îì." Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái; ban đêm trong canh một9 trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triên cái; ban đêm trong canh giữa, năm xuống như con sư tử về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng thức dậy; ban đêm trong canh cuôi, sau khi thức dậy? trong khi đi kinh hành và ngôi5 gột sạch tâm khỏi các triên cái. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo thực hành con đường không có lỗi lầm và có những căn bản thắng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

15 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.21.6. 0603cl8).

CHƯƠNG III. BA PHÁP 105

VII. KINH HẠI MÌNH, HẠI NGƯỜI, HẠI CẢ HAI (AttabyãbãdhasuttdỶ6 (A. I. 114) 17. Có ba pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến hại mình, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm ác5 miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 đưa đến hại minh, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai. Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 không đưa đến hại minh, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai. VIII. KINH THIÊN GIỚI (Devalokasutta) (A. L 115) 18. Nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Chu Hiền, có phải Sa- môn Gotama sống Phạm hạnh để được sanh lên cõi trời?" Này các Tỷ-kheo, được hỏi vậy, các ông có bực phiền, tủi nhục, chán ngấy hay không? —Thưa c6, bạch Thế Tôn. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông bực phiền, tủi nhục, chán ngấy đối với thiên thọ mạng; các ông bực phiền, tủi nhục, chán ngấy đối với thiên sắc, thiên lạc, thiên danh vọng, thiên thù thăng, còn nói gì, này các Tỷ-kheo9 đôi với thân làm ác, các ông bực phiền, tủi nhục, chán ngấy như thế nào; đối với miệng nói ác... đối với ý nghĩ ác, các ông cảm thấy bực phiền, tủi nhục, chán ngấy như thế nào. IX. KINH NGƯỜI BUÔN BÁN THỨ NHẤT (PaỊhamapãpanikasutta) (Ắ. I. 115) 19. Thành tựu ba chi phần, này các Tỷ-kheo5 một người buôn bán không thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và không tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở

đây? này các Tỷ-kheo5 người buôn bán vào buổi sáng không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi trưa không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc5 vào buổi chiều không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc. Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo5 một người buôn bán không thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và không tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thành tựu ba chi phân này, không thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và không tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. Thê nào là ba? ơ đây, này các Tỷ-kheo, vào buôi sáng không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi trưa không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng.16

16 Bản tiếng Anh của PTS: Three Qualities, nghĩa là Ba phẩm chất. Tham chiếu: Tạp.(T02. 0099.1245. 0341bl7).

106 KINH TĂNG CHI BỘ

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và không tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. Thành tựu ba chi phần, này các Tỷ-kheo5 một người buôn bán thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở dây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào công việc? vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào công việc. Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo thành tựu ba chi phần này, thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở dây, này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. X. KINH NGƯỜI BUÔN BÁN THỨ HAI (Dutìyapãpanikasutta) (Ắ. I. 116) 20. Thành tựu với ba chi phân, này các Tỷ-kheo? người buồn bán không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 người buôn bán có mắt, khéo phấn đấu và xây dựng được căn bản. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người buôn bán có mắt? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, người buôn bán biết các thương phẩm. Vật này, mua như vậy, bán như vậy sẽ đưa lại tiên như vậy9 tiên lời như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán có mắt. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phấn đấu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán khéo léo mua và bán các thương phẩm. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là người buôn bán khéo phấn đấu. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là người buôn bán xây dựng được căn bản? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán được các gia chủ hay con các gia chủ, được các nhà giàu, có tiền bạc lớn, có tài sản lớn biết đến như sau: "Người buôn bán này là người có mắt, khéo phấn đấu, có đủ sức cấp dưỡng vợ con và thường trả tiền lời cho chúng ta. Chúng ta trao hàng hóa cho người này: 'Này người bạn buôn bán, hãy lấy

tiền này, xây dựng tài sản để nuôi dưỡng vợ con và thường trả tiền lời cho chúng t6i."' Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán xây dựng được cơ bản. Thành tựu với ba chi phân này, này các Tỷ-kheo5 người buôn bán không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn.

Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 thành tựu với ba pháp, vị Tỷ-kheo không bao lâu đạt đến lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp. Thế nào là ba? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo có mắt, khéo phấn đấu và xây dựng được cơ bản. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có mắt? Ở đây? này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Dây là khổ"; như thật rõ biết: "Dây là khổ tậpy như thật rõ biết: "Bây là khổ diet"; như thật rõ biết: "Đay là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo có mắt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỵ-kheo khéo phấn đấu? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống tinh cần, tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, làm cho sanh khởi các thiện pháp. Vị ấy dõng mãnh, kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo phấn đấu. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm (Ẫgama). bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu (Mãtikãdharã), thường đến yết kiến, phỏng vấn, đặt các cau hỏi: "Thua Tôn giả? cái này là thế nào? Pháp này ý nghĩa gi?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác còn có những chỗ nghi ngờ5 các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp.

IIL PHẢM NGƯỜI (PUGGALAVĂGGA)

I. KINH SAVITTHA (Samiddhasutta)11 (4 I. 118) 21. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapiụdika. Rồi Tôn giả Savittha1718 và Tôn giả Mahăkotthika đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi dến, nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Savittha đang ngồi một bên: Có ba hạng người này, này Hiên giả Savittha, có mặt, xuât hiện ở đời. Thê nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, 1 thù diệu hơn? -Có ba hạng người này, thưa Hiền giả Sãriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này5 này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người Tín giải, hạng người này tôi chấp nhận là hy hữu hơn5 là thù diệu hơn. Vì cớ sao? Vì răng, thưa Hiên giả, với hạng người này, tín căn được tăng thượng. Rồi Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Mahãkotthika: Có ba hạng người này, này Hiên giả Kotthika, có mặt, xuât hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba

hạng người này, này Hiền giả, có mặt. xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiên giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn5 là thù diệu hơn? Có ba hạng người này, thưa Hiền giả Sãriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này? thưa Hiền gia, có mặt? xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người Thân chứng, hạng người này tôi châp nhận là hy hữu hon, là thù diệu hơn. Vì cớ sao? Vì rằng, thưa Hiền giả? với hạng người này5 định căn được tăng thượng. Rồi Tôn giả Mahãkotthika thưa với Tôn giả Sãriputta: Có ba hạng người này, thưa Hiền giả Sãriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, thưa Hiền

17 Bản tiếng Anh của PTS: Testifying with Body, nghĩa là Chứng thực với thân. 18 Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Savittha.

giả5 có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiên giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn9 là thù diệu hơn? Có ba hạng người này, này Hiên giả Kotthika, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người Kiên chí, hạng người này tôi châp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì cớ sao? Vì rằng, này Hiền giả, với hạng người này5 tuệ căn được tăng thượng. Rồi Tôn giả Sâriputta nói với Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahãkotthika như sau: Này các Hiền giả, tất cả chúng ta đã trả lời tùy theo biện tài của mình. Nàỵ các Hiền giả, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào9 chúng ta hãy như vậy thọ trì. Vâng, thưa Hiền giả. Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahãkotthika vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Rồi Tôn giả Sãriputta, Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahãkotthika đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện đã xảy ra với Tôn giả Savittha và Tôn giả MahakoUha. —Ở dây, này Sãriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người đó. Sự kiện này xảy ra? này Sãriputta, hạng người Tín giải là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người Thân chứng là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, và hạng người Kiến chí là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai. Ở dây, này Sãriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người đó. Sự kiện này xảy ra, này Sãriputta, hạng người Thân chứng là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người Tín giải là hạng người Nhât Lai hay Bât Lai, và hạng người Kiên chí là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai. Ở dây, này Sãriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người đó. Sự kiện này xảy ra, này Sãriputta, hạng người Kiến chí là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người Tín giải là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, còn hạng người Thân chứng là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai. Ở dây, này Sãriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều rằng hạng người nào là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba hạng người đó. II. KINH BỆNH (Gilãnasuttă) (A. I. 120) 22. Có ba hạng người bệnh5 này các Tỷ-kheo? có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Ở đây9 này

các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, dầu có được các món ăn thích hợp hay không được các món ăn thích hợp; dâu có được các thuôc men thích

hợp hay không được các thuốc men thích hợp; dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng vẫn không được bình phục, khỏi chứng bệnh ấy. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, dầu có được các món ăn thích hợp hay không được các món ăn thích hợp; dầu có được các thuốc men thích hợp hay không được các thuốc men thích hợp; dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng vẫn được bình phục từ chứng bệnh ấy. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người bệnh? có được các món ăn thích hợp, không phải không được; có các thuốc men thích hợp, không phải không được; có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được? được bình phục từ chứng bệnh ấy. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, hạng người bệnh này, có được các món ăn thích hợp, không phải không được; có được các thuôc men thích hợp, không phải không được; có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được, được bình phục khỏi chứng bệnh ây. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các món ăn [thích hợp] với người bệnh đã được chấp thuận; các thuốc men [thích hợp] với người bệnh đã được chấp thuận; sự chăm sóc [thích đáng] với người bệnh đã được châp thuận. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo5 các người bệnh khác cần phải được chăm sóc như vậy. Ba hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, xuất hiện ở đời5 có thể so sánh với ba hạng người bệnh này. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không có đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đôi với các thiện pháp. Ở đây? này các Tỷ-kheo5 có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyêt định? tánh chơn chánh đôi với các thiện pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người được thấy Như Lai, không phải không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không phải không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyết định5 tánh chơn chánh đối với các thiện pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo, hạng người này, được thấy Như Lai, không phải không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, kh6ng phải không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyêt định5 tánh chơn chánh đôi với các thiện pháp. Chính do duyên hạng người này5 này các Tỷ-kheo, thuyêt pháp được châp nhận; và chính do duyên hạng người này? này các Tỷ-kheo, pháp được thuyết giảng cho các người khác.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo5 có mặt, xuất hiện ở đời5 có thể so sánh với ba hạng người bệnh. III. KINH CÁC HÀNH (Sankhãrasutta)19 (A. I. 122) 23. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo5 có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? ơ dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chât chứa thân hành có não hại, chât chứa khẩu hành có não hại, chất

chứa ý hành có não hại. Sau khi chất chứa thân hành có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại, chất chứa ý hành có não hại, người ấy sanh trong thế giới có não hại. Vì phải sanh trong thế giới có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại. Do cảm giác các cảm xúc có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại, nhất hướng đau khổ như các chúng sanh ở trong địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chất chứa thân hành không có não hại, chất chứa khâu hành không có não hại, chất chứa ý hành không có não hại. Sau khi chất chứa thân hành không có não hại, chất chứa khẩu hành không có não hại, chất chứa ý hành không có não hại, người ấy được sanh trong thế giới không có não hại. Được sanh trong thế giới không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc không có não hại5 người ấy cảm giác các cảm thọ không có não hại, nhất hướng lạc như chư thiên ở Biến Tịnh thiên. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người chất chứa thân hành có não hại và không có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại và không có não hại? chất chứa ý hành có não hại và không có não hại. Sau khi chất chứa thân hành có não hại và không có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại và không có não hại, sau khi chất chứa ý hành có não hại và không có não hại, người ấy được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại. Được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại và không có não hại, xen lẫn lạc và khổ, ví như loài người, một loại chư thiên và một loại sanh trong đọa xứ. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo5 có mặt, xuất hiện ở đời.

IV KINH NHIỀU LỢI ÍCH (Bahukãrasutta) (Ả. I. 123) 24. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo5 làm nhiều lợi ích cho người khác. Thế nào là ba? Do người nào5 này các Tỷ-kheo, có người được quy y Phật, quy y Pháp? quy y Tăng, người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người này, người khác rõ biết: "Dây là khổv,

19 Bản tiếng Anh của PTS: Accumulation, nghĩa là Chất chứa.

rõ biết: "Đây là khổ tap", rõ biết: 6CĐây là khổ diet", rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet", người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo? do người này, người khác đoạn trừ các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại với thăng trí, tự mình chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo5 làm lợi ích nhiều cho người khác. Ta nói răng không có một người nào khác làm lợi ích nhiêu hơn cho người khác bằng ba hạng người này. Ta nói rằng một người không thể khéo trả ơn cho ba hạng người này như đảnh lễ, đứng dậy5 chắp tay, hành động thân thiện, bố thí các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 thuốc trị bệnh. V. KINH VÍ DỤ KIM CANG (Vaịừũpamasutta)20 (Ắ. I. 123) 25. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo5 có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với tâm được ví dụ như vết thương, với tâm được ví dụ như chớp sáng, với tâm được ví dụ như kim cang. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm

được ví dụ như vết thương? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người phẫn nộ5 nhiều hiềm hận. Dù chỉ bị nói chút ít, người ấy cũng tức tối5 phẫn nộ5 sân hận5 sừng sộ; người ấy biểu lộ sự phẫn nộ? sân hận và bực tức. Ví như một vết thương đang làm mủ, nếu bị cây gậy hay miếng sành đánh phải, liền chảy mủ nhiều hơn; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người phẫn nộ, nhiều hiềm hận. Dù chỉ bị nói chút ít, người ấy cũng tức tối5 phẫn nộ5 sân hận, sừng sộ; người ấy biểu lộ sự phẫn nộ9 sân hận và bực tức. Này các Tỷ~kheo5 đây gọi là hạng người với tâm được ví dụ như vết thương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật rõ biết: "Bây là kh&', như thật rõ biết: "Dây là khổ tập,\ như thật rõ biết: "Đây là khổ diet", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt?5 Ví như một người có mắt thấy các sắc trong đêm tối tăm mù mịt khi có chớp sáng; cũng vậy? này các Tỷ-kheo? ở đây có người như thật rõ biết: E)ây là kh6", như thật rõ biết: "Dây là khổ tap", như thật rõ biết: "Bây là khổ diet", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nhờ đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang.

20 Bản tiếng Anh của PTS: The Open Sore, nghĩa là vết thương ỉàm mủ. Xem Pug. 30; PugA. 212.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 113

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. VI. KINH CẦN PHẢI THÂN CẬN (Sevitabbasutta)21 (Ả. I. 124) 26. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo5 có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người, này các Tỷ-kheo? không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường; có hạng người, này các Tỷ-kheo5 nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường; có hạng người, này các Tỷ- kheo5 sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hàu hạ cúng dường. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người không nên gần gũi9 không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người thấp kém về giới, định? tuệ. Hạng người như vậy? này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi5 không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người đồng đẳng [với mình] về giới, định5 tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo5 nên gần gũi5 nên sông chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Với ý nghĩ: CÍ[Cả hai] thiện xảo về giới5 câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới5 được diễn tiến [lợi ích] cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chiing ta được an lạc; [cả hai] thiện xảo vê định? câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc vê định, được diên tiên [lợi ích] cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc; [cả hai] thiện xảo vê tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc vê tuệ5 được diên tiên [lợi ích] cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc", cho nên với hạng người

như vậy5 nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Và này các Tỷ-kheo9 thê nào là hạng người sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi5 nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở dây, này các Tỷ- kheo, có hạng người thù thăng về giới, định, tuệ. Hạng người ây, này các Tỷ-kheo. sau khi cung kính, tôn trọng, cân phải gân gũi, cân phải sông chung, Cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Với ý nghĩ: "Nhu vậy5 nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu giới được đầy dủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu định chưa đầy đủ5 ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu định được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu tuệ chưa đầy đủ9 ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu tuệ được đầy đủ9 ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ5\ cho nên? với hạng người như vậy? sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Người gần kẻ hạ liệt? Rồi cũng bị hạ liệt.

21 Xem Pug. 35.

Thân cận người đồng đẳng, Được khỏi bị thối đọa. Ai gần bậc ìhù thắng, Mau chóng được thăng tiến. Do vậy hãy sống chung, Bậc ưu thắng hơn mình. VII. KINH ĐÁNG GHÊ TỞM ụigucchỉtabbasuttă) (A. I. 126) 27. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Có hạng nguôi, này các Tỷ-kheo, cần phải nhìn một cách thản nhiên, không cân phải gân gũi, không cân phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo5 cần phải gần gũi, cân phải sông chung, cân phải hâu hạ cúng dường. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi5 không cân phải sống chung, không cân phải hầu hạ cúng dường? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 có hạng người ác giới, tính tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không sông Phạm hạnh nhưng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy những tham dục? tánh tình bất tịnh. Hạng ĩiệười như vậy9 này các Tỷ-kheo5 đáng ghê tởm, không cân phải gân gũi, không cân phải sông chung, không cân phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì rằng, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy. nhưng tiếng xấu bị đồn xa về người ấy là có bạn ác9 CÓ bằng hữu ác, là tôn sùng kẻ ác. Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 một con rắn đi vào trong đống phân5 dầu nó không cắn ai nhưng cũng bị [đống phân] làm cho ồ uế. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy? nhimg tiếng xấu bị đồn xa về người ấy là có bạn ác, có bằng hữu ác, là tôn sùng kẻ ác. Cho nên5 hạng người như vậy đáng ghê tởm, không càn phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cần phải nhìn một cách thản nhiên, không cần phải gần gũi? không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người phẫn nộ5 nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít cũng tức tối9 phẫn nộ, sân hận, sừng sộ? hiện rõ phẫn nộ? sân hận và bực tức. Ví như5 này các Tỷ-kheo, một vết thương làm mủ5 nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời chảy mủ ra nhiều hơn. Cũng vậy9

này các Tỷ-kheo, có hạng người phẫn nộ, nhiều hiềm hận5 dầu có bị nói chút ít cũng tức tối, phẫn nộ, sân hận, sừng sộ5 hiện rõ phẫn nộ? sân hận và bực tức. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một que lửa bằng gỗ tinduka, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời xịt lửa, xịt khói ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phẫn nộ, nhiều hiềm hận5 dầu có bị nói chút ít cũng tức tối? phẫn nộ, sân hận? sừng sộ5 hiện rõ phẫn nộ9 sân hận và bực tức. Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 một hố phân được cây gậy hay mảnh sành quật vào, thời mùi

hôi thôi lại càng nhiêu hơn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, có hạng người phân nộ5 sân hận và bực tức. Hạng người như vậy5 này các Tỷ-kheo? cân phải nhìn với cặp mắt thản nhiên, không cần phải gần gũi, không cần phải s6ng chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì nệhĩ rằng: "Người ây có thể nhục mạ ta. Người ây có thê chửi măng ta. Người ây có thê làm hại ta." Cho nên, hạng người như vậy cần phải nhìn một cách thản nhiên, không cần phải gần gũi5 không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Và như thê nào, này các Tỷ-kheo5 là hạng người cân phải gân gũi, cân phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 có hạng người giữ giới, tánh tình hiền thiện. Người như vậy? này các Tỷ-kheo5 cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì răng, dâu không thuận theo chút nào tri kiến của nguôi như vậy, nhmig tiếng tốt được đồn xa về người ấy là có bạn lành? là có bằng hữu lành, là tôn sùng kẻ lành. Cho nên5 hạng người như vậy, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt? xuất hiện ở đời. Người gần kẻ hạ liệt? Rồi cũng bị hạ liệt. Thân cận người đông đăng, Được khỏi bị thối đọa. Ai gần bậc Thù thắng, Mau chóng được thăng tiến. Do vậy hãy sống chung, Bậc ưu thắng hơn mình. VIII. KINH NGƯỜI NÓI NHƯ PHÂN (Gũthabhãnĩsutta)22 (A. I. 127) 28. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thê nào là ba? Hạng người nói như phân5 hạng người nói như hoa, hạng người nói như mật. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như phân? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? có hạng người khi đi vào hội trường, hay đi vào hội chúng, hay khi đi đên giữa các người bà con, hay khi đi đên giữa các người đông một tô hợp, hay đi đên giữa cung vua, hay bị dẫn đi như là người làm chứng, được nói: "Ngươi biết gì5 hãy nói lên.^ Người ấy không biết5 nói rằng: "Tôi có biết"; có biết, nói rằng: "T6i không biết"; không thấy, nói rằng: “T6i có thấy” có thấy, nói rằng: "Tôi không thấy." Do vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà cố ý nói láo, người như vậy, này các Tỷ-kheo? được gọi là người nói như phân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như hoa? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, có người khi đi vào hội trường, hay khi đi vào hội chúng, hay khi đi đên giữa các người bà con, hay khi đi đên giữa các người đồng một tổ hợp, hay

22 Bản tiếng Anh của PTS: Fair-Spoken, nghĩa là Nói như hoa.

đi đến giữa cung vua, hay bị dẫn đi như là người làm chứng, được nói: uNgươi biết gi, hãy nói lên.,, Người ấy không biết, nói rằng: "T6i không biết"; có biết, nói răng: Toi co biet ; khong thay9 noi rang: Toi không thây ; co thay, noi răng: "T6i có thây." Không vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà cố ý nói láo, người như vậy5 này các Tỷ-kheo5 được gọi là người nói như hoa. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người nói như mật? Ở dây, này các Tỷ-kheo. có người đoạn tận ác ngữ, từ bỏ lời nói ác ngữ. Lời nói của người ấy không hại5 tai ưa nghe, khả ái, đi thănậ đên tâm5 lê độ5 được nhiêu người ưa thích, được nhiều người thích ,người ây nói những lời như vậy. Này các Tỷ- kheo5 đây gọi là hạng người nói như mật. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. IX. KINH MÙ LÒA (Andhasutta)23 (A. I. 128) 29. Ba hạng người, này các Tỷ-kheo? có mặt, xuất hiện ở đời. Thê nào là ba? Người mù5 người có một mắt, người có hai mắt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người mù? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, có người không có măt đê có thê với măt như vậy5 thâu hoạch được tài sản chưa được thâu hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâu hoạch; không có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thăng, pháp thuộc thành phân đen và trăng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người mù. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người có một mắt? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có người có măt đê có thê với măt như vậy, thâu hoạch được tài sản chưa được thâu hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâu hoạch; không có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội? pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người có một măt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có hai mắt? Ở đây5 này các Tỷ- kheo, có người có măt đê có thê với măt như vậy, thâu hoạch được tài sản chưa được thâu hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâu hoạch; có mắt để có thể với mắt như vậy5 biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trăng. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người có hai mắt. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo5 có mặt, xuất hiện ở đời. Kẻ mù, mắt bị hư, Cả hai24 đều bất hạnh, Vừa không được tài sản, Vừa công đức không làm.

23 XemPug. 30. 24 A. II. 220: Ubhayattha kaỉiggãhotiy ỉdhạỉoke ca paraloke cãtỉ ubhạyasmimpi aparaddhaggãho, parậjayaggãho hotỉti attho ("Cả hai đều bất hạnh,, nghĩa là chịu sự thất bại ở đời này và đời khác). Xem Ã/. L 403.

Thứ đến là hạng người, . r
Được gọi là một măt?
Liên hệ25 pháp, phi pháp,
Tầm cầu các tài sản5
Với trộm và man trá,
Cùng với cả nói láo5
Vừa khéo góp tài sản9
Vừa giỏi hưởng dục lạc,
Từ đây đến địa ngục5

Người một mắt bị hại.
Còn vị có hai mắt,
Được gọi người tối thượng,
Thâu hoạch các tài sản,
Một cách đúng Chánh pháp,
Các tài sản đã c6,
Tăng r trưởng r đúng Chánh pháp,
BỐ thí ý tốt đẹp5
Không phân vân ngập ngừng,2627
Được sanh chỗ hiền thiện,
Đi chỗ ấy không sầu.
Vậy hãy tránh thật xa5
Người mù5 người một mắt,
Thân cận bậc hai mắt5
Bậc Tối thắng trượng phu.

X. KINH LỘN NGƯỢC (Avakujjasutta)21 (Ắ. I. 130) 30. Ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thê nào là ba? Hạng người với trí tuệ lộn ngược (avakujja panno). hạng người với trí tuệ bắp vế (ucchanga panno\ hạng người với trí tuệ rộng lớn (puthupanno). Và này các Tỷ-kheo? thế nào là người với trí tuệ lộn ngược? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá)9 thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, không có tác ý đến đoạn đâu9 không có tác ý đên đoạn giữa, không có tác ý đên đoạn cuôi. Và khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn dầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè bị lộn ngược, nước chứa trong ấy tuôn

25 AA. II. 201: Sathoti = Kerãtỉko (người không thành thật). 2644. II. 201: Abyagghamãnaso (không phân vân ngập ngừng) = Nỉbbỉcỉkicchacỉtto (tâm khồng nghi ngờ). 27 XcmPug. 31.

chảy, không có dừng lại. Cũng vậy5 ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đôi với bài thuyêt giảng ây, không có tác ý đên đoạn đâu, không có tác ý đên đoạn giữa, không có tác ý đên đoạn cuôi. Khi từ chô ngôi ây đứng lên. đôi với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người với trí tuệ lộn ngược. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người với trí tuệ bắp vế? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá),

thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện? có văn5 có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu? có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Nhưng khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên5 đôi với bài thuyêt giảng ây? người ây không có tác ý đên đoạn dâu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Ví như, này các Tỷ-kheo, r r • • zi 5 trên băp vê của một người, các loại đô ăn được chông lên như hạt mè9 hạt gạo, các loại kẹo và trái táo. Khi từ chỗ ngồi đứng lên5 vì vô ý5 người ấy làm đổ vãi tât cả. Cũng vậy9 ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người đi đên khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ây5 tại chô ngôi ây, đôi với bài thuyêt giảng ây, có tác ý đến đoạn dầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Nhưng khi từ chô ngôi ây đứng lên5 đôi với bài thuyêt giảng ây, người ây không có tác ý đến đoạn đầu? không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với trí tuệ bắp vế. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có trí tuệ rộng lớn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ây, tại chô ngôi ây, đôi với bài thuyêt giảng ây5 có tác ý đên đoạn đâu5 CÓ tác ý đên đoạn giữa5 có tác ý đên đoạn cuôi. Và khi từ chô ngôi ây đứng lên? đối với bài thuyết giảng ấy, vị ấy có tác ý đến đoạn đầu5 có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đên đoạn cuôi. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? một cái ghè được dựng dứng, nước chứa trong ấy được giữ lại, không có chảy đi. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chô ngôi ây? đôi với bài thuyêt giảng ây, có tác ý đên đoạn đâu, có tác ý đên đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Và khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên5 đối với bài

thuyêt giảng ây, vị ây có tác ý đên đoạn dâu, có tác ý đên đoạn giữa, có tác ý đên đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người với trí tuệ rộng lớn.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Hạng trí tuệ lộn ngược,
Không thông minh, không mắt,
Họ thường thường đi đến,
Đến gần các Tỷ-kheo5
Đoạn đầu của bài giảng?
Đoạn giữa và đoạn cuối,
Họ không học được gi,
Họ không có trí tuệ.
Hạng trí tuệ bắp vế,

Được gọi là tốt hơn,
Họ thường thường đi dến,
Đến gần các Tỷ-kheo9
Đoạn đầu của bài giảng,
Đoạn giữa và đoạn cuối?
Nệồi trên chỗ mình ngồi,
Nắm giữ được lời văn5
Đứng dậy không hiểu rõ5
Quên mất điều đã nắm.
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Được gọi tốt hơn cả?
Họ thường thường đi đến5
Đến gần các Tỷ-kheo5
Đoạn đầu của bài giảng,
Đoạn giữa và đoạn cuối,
Ngôi trên chô mình ngôi,
Nắm giữ được lời văn5
Thọ trì điều được nghe,
Suy tư điều tối thắng,
Với ý không dao động,
Là hạng người như vậy?
Thực hành pháp, tùy pháp,
Có thể đoạn khổ đau.
120 KINH TẢNG CHI Bộ

IV PHẨM THIÊN SỨ (PEVADŨTAVAGGA)

I. KINH NGANG BẢNG VỚI PHẠM THIÊN (Sabrahmakasutta) (4 I. 132) 31. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm thiên. Những gia đình nào, Này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào5 này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường. Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các Đạo sư thời xua, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo5 là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời. Mẹ cha gọi Phạm thiên, Bậc Đạo sư thời trước, Xứng đáng được cúng dường, Vì thương đến con cháu. Do vậy bậc hiền triết, Đảnh lễ và tôn trọng, Dâng đồ ăn đồ uống, Vải mặc và giường nằm, Thoa bóp [cả thân minh], Tăm rửa cả chân tay, Với sở hành như vậy5 Đối với mẹ và cha, Đời này người hiền khen, Đời sau hưởng thiên lạc. II. KINH ÃNANDA (Ẫnandasutta)2S (4 I. 132) 32. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ

Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Rất có thể, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo được định như vậy5 trong cái28

28 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099. 982. 0255bl5).

thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, n^ã mạn tuỳ miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tuỳ miên; và do chứng đạt, an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiên, ngã mạn tuỳ miên5 vị ây có thê chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy? Rât có thê, này Ananda, một Tỷ-kheo được định như vậy... có thê chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. - Như thế nào9 bạch Thế Tôn, rất có thể, một Tỷ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy? Ở đây5 này Ãnanda, vị Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Dây là an tịnh, đây là thù diệu, tức là chỉ tức tất cả hành, từ bỏ tất cả sanh y, đoạn tận tham, ly tham, đoạn diệt, NiOt-bàn." Như vậy5 này Ananda, rât có thê Tỷ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. Lại nữa, này Ãnanda, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là: "Những câu hỏi của Punnaka,\ trong chương Pãrãyana:2930 Do phân tích ở đời, Những vật cao và thấp, Với vị không dao động, Bởi vật gì ở đời, An tịnh5 không tối mil, Không phiên muộn, không câu, Ta nói người như vậy5 Đã vượt khỏi sanh già. III. KINH SÃRIPUTTA (Sãriputtasuttẳ^ (À. I. 133) 33. Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sãriputta đang ngồi một bên: Này Sãriputta, Ta có thể thuyết pháp một cách tóm lược. Này Sãriputta, Ta có thể thuyet pháp một cách rộng rãi. Này Sãriputta, Ta có thể thuyết pháp một cách tóm lược và rộng rãi. Và những người hiểu được thật là khó tìm! Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn; nay đã đến thời, bạch Thế Tôn, để Thế Tôn thuyết pháp một cách tóm lược, thuyết pháp một cách rộng rãi, thuyết pháp một cách tóm lược và rộng rãi. Sẽ có những người có thể hiểu rõ Chánh pháp. -Vậy này Sãriputta, hãy học tập như sau: "Trong cái thân có thức này5 sẽ không có ngã kiến, ngã sở kiến5 ngã mạn tùy miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, sẽ không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt5 an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, chúng tôi sẽ chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải

29 Xem/. II. 45; 199. 30 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099. 983. 0255cl6); Tạp A-hàm kỉnh (7.02. 0101.8. 0495al9).

thoát ây!" Như vậy5 này Sãriputta, các ông cân phải học tập. Khi nào Tỷ- kheo đối với thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt, an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, vị ấy chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. Người như vậy5 này Sãriputta, được gọi là Tỷ- kheo đã chặt đứt khát ái, đã cởi mở kiết sử, với chơn chánh hiện quán

kiêu mạn? đã đoạn tận khổ đau.31 Lại nữa, này Sāriputta, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là: “Những câu hỏi của Udaya", trong chương Pārāyana:32 Đoạn tận cả hai pháp, Dục tham và sân hận5 Và từ bỏ hôn trầm, Chặn đứng mọi trạo hối? Với xả niệm thanh tịnh, Tư duy trước các pháp, Ta nói trí giải thoát, Vô minh được phá tận. IV. KINH CÁC NGUYÊN NHÂN (Nidānasutta) (A. I. 134) 34. Có ba nguyên nhân, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Phàm nghiệp nào được làm vì tham, này các Tỷ-kheo5 sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ây, nghiệp ây được thuân thục. Chô nào nghiệp ây được thuân thục, chô ây quả dị thục của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa (pariyāye). Phàm nghiệp nào được làm vì sân, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ sân, duyên khởi từ sân9 tập khởi từ sân, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu5 tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thục. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thục, chỗ ấy quả dị thục của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì si, này các Tỷ-kheo5 sanh ra từ si, duyên khởi từ si, tập khởi từ si, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuân thục. Chô nào nghiệp ây được thuân thục5 chô ây quả dị thục của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa.

31 Xem M. I. 122; s. I. 12; IV. 205. UdA. 363. 32 Xem Sn 193.

Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hu, còn tươi tốt,33 được khéo gieo vào một đồng ruộng tôt? được trông vào đât khéo sửa soạn và được trời mưa xuông đêu đặn; các hạt giống ấy, này các Tỷ-kheo5 được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 phàm nghiệp nào được làm vì tham... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì sân... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì si... hay trong một đời sau nữa. Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo5 khởi lên các nghiệp. Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo5 khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Không tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Phàm nghiệp nào được làm từ không tham, này các Tỷ-kheo5 sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham; vì rằng tham được từ bỏ? như vậy5 nghiệp ấy được đoạn tận5 được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sāla5 được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không sân, này các Tỷ-kheo5 sanh ra từ không sân, duyên khởi từ không sân? tập khởi từ không sân; vì rằng sân được từ bỏ9 như vậy5 nghiệp ấy được đoạn tận? được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sāla5 được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không si, duyên khởi từ không si, tập khởi từ không si; vì rằng si

được từ bỏ5 như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận5 được cắt đứt từ gốc rễ5 được làm như thân cây Sãla5 được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này các Tỷ-kheo, các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn được tươi tốt, được khéo gieo và một người lấy lửa đốt chúng, sau khi lấy lửa đốt5 làm cho chúng thành tro, sau khi làm thành tro, quạt chúng trong gió lớn hay cho vào dòng nước sông chảy mạnh cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hạt giống ấy được đoạn tận? được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sãla5 được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo, phàm nghiệp nào được làm từ không tham... không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không sân... không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không si... không thể sanh khởi trong tương lai. Có ba nguyên nhân này5 này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp.

33 Sãrãdãnỉ. AA. II. 2\0: Sărãdãnĩti gahỉtasărãnỉ sãravantãnỉ na nỉssărãnỉ (í4Còn tươi t6t" nghĩa là phần cốt lõi được lấy, phần nhân, không phải là không có giá trị). Xem KS. III. 46; V. 329.

Phàm có hạnh nghiệp nào, Sanh từ tham, sân, si, Do kẻ vô trí làm, Dầu có ít hay nhiều, Tại đây được cảm thọ, Không phải tại chỗ khác. Do vậy, vị Tỷ-kheo, Từ bỏ tham, sân, si, Làm khởi lên minh trí, Từ bỏ mọi ác thú. V KINH HATTHAKA (Hatthakasutta)34 (4 I. 136) 35. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở ĂỊavĩ, tại Gomagga, trong rừng Simsapã, trên chỗ có trải lá. Rồi Hatthaka, người ĂỊavĩ, đang bộ hành du ngoạn, thấy Thế Tôn đang ngôi trên chô có trải lá trong rừng Simsapã ở Gomagga, thây vậy5 liên đi đên Thê Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Hatthaka, người ĂỊavĩ, bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống có an lạc không? -Phải, này Hoàng tử, Ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời? Ta là một trong số những người ấy. —Bạch Thế Tôn9 lạnh là đêm mùa đông, thời gian giữa những ngày thứ tám35 là thời gian tuyết rơi, cứng rắn là đất do trâu bò giẫm đạp,3637 mỏng manh là nệm làm bằng lá9 lưa thưa là những lá của cây, lạnh là tấm vải cà-sa, và lạnh là làn gió thổi. Rồi Thế Tôn nói như sau: -Dầu vậy, này Hoàng tử, Ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời5 Ta là một trong sô những người ây. Vậy nay, này Hoàng tử, ở đây Ta sẽ hỏi Hoàng tử, nếu có thể kham nhẫn? Hoàng tử hãy trả lời. Hoàng tử nghĩ thế nào5 này Hoàng tử, ở dây, người gia chủ hay con người gia chủ có nhà nóc nhon,37 với các tường trét trong trét ngoài, che chở khỏi gió, chốt cửa được khóa chặt, các cửa sổ được đóng kín. Trong ấy, có một chỗ nằm có trải tấm thảm len với lông dài, với tấm vải giường bằng len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da quý của con sơn dương kadali, tấm thảm có lọng che phía trên và gối nệm đỏ cả hai đầu, có đèn thắp đỏ và bốn bà vợ đẹp hầu hạ. Này Hoàng

34 Bản tiếng Anh của PTS: OfĂỊavĩ. Tham chiếu: Tăng.(7L02. 0125.28.3. 0650a20). 35 Antaratthaka'. Giữa những ngày thứ tám, tức là tám ngày trước và sau ngày rằm. 36 Gokantaka'. Móng chân của con bò. Xem Vin. I. 195. 37 Xem 2 I. 101; a I. 7.

tử, Hoàng tử nghĩ thê nào, người ây năm ngủ có an lạc không? Hay Hoàng tử nghĩ thế nào? —Bạch Thế Tôn? người ấy nằm ngủ an lạc. Nếu có những người cảm thấy an lạc ở đời, người ấy là một trong những người ấy. - Hoàng tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, với người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay về tâm? do tham ái sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không? -Thưa c6, bạch Thế Tôn. Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, cảm thấy đau khổ. Tham ái ấy, Như Lai đã đoạn tận5 cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla5 làm cho không thể hiện hữu5 làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Ta cảm thấy an lạc. Hoàng tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, với người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay tâm do sân sanh... do si sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, cảm thấy đau khổ. Si ẩy5 Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla, làm cho khôn^ thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy5 Ta cảm thấy an lạc. Luôn luôn được an lạc, Vị Phạm chí tịch tịnh5 Không bị dục uế nhiễm, Trong mát, không sanh y, Mọi tham trước dứt đoạn5 Nhiếp phục tâm sầu khổ? An tịnh, cảm thọ lạc, Với tâm đạt an tịnh. VI. KINH THIÊN sứ (Devadũtasutta)3S (4 L 138) 36. Có ba thiên sứ, này các Tỷ-kheo? thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người thân làm ác? miệng nói ác5 ý nghĩ ác. Sau khi thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, thân hoại mệnh chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Rôi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục, với hai cánh tay, bắt người ấy dẫn đến Vua Yama (Diêm Vương)38 39 và thưa:

38 Tham chiếu: Thế ký kỉnh (7.01. 0001.30. 0114b07); Tăng.(T.02. 0125.32.4. 0674bl6). 39 Xem M. II. 75; III. 180.

"Thưa Đại vương, người này không kính mẹ, không kính cha, không kính Sa-môn5 không kính Bà-la-môn, không tôn kính các bậc lớn tuổi trong gia dinh, Đại vương hãy trừng phạt Ĩ16!" Rôi Vua Yama chât vân người ây5 cật vân, nạn vân người ây vê thiên sứ thứ nhất: "Này người kia, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ nhất hiện ra giữa loài người kh6ng?" Người ấy trả lời: "Con không thấy, thưa ngài." Rôi này các Tỷ-kheo? Vua Yama nói với người ây: "Này người kia, ngươi có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi5 già yếu, lưng còm5 cong như nóc nhà, chống gậy? vừa đi vừa run rẩy, bệnh hoạn5 tuổi trẻ đã tận? răng rụng, tóc bạc hư rụng, sói đầu, da nhăn, đầu rung, tay chân da mồi? khôt?‘ Người ấy nói như sau: "Thua ngài, con có thấy.” Rồi này các Tỷ-kheo5 Vua Yama nói với người ấy như sau: "Này người kia, với ngươi là người có trí và lớn tuổi, ngươi có nghĩ rằng: 6 Ta rồi cũng bị già, ta không vượt qua tuổi già. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời n6i, về V? Người ấy nói như sau: "Không, thưa ngài, con không có làm. Thưa ngài,

con phóng dậty Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, chính vì do phóng dật? ngươi đã không làm các điều lành về thân, về lời nói5 về ý. Thật vậy5 này người kia, chúng sẽ làm cho ngươi, đúng theo sự phóng dật của ngươi. Ác nghiệp ấy của ngươi không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm? không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm5 không phải chư thiên làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm và ngươi sẽ thọ lãnh quả dị thục của ác nghiệp ấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama sau khi chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ây vê vị thiên sứ thứ nhât, liên chât vân, cật vân, nạn vân người ây vê vị thiên sứ thứ hai: "Này người kia, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ hai hiện ra giữa loài người kh6ng?" Người ấy trả lời:

40 Xem M. I. 88.

"Con không thấy, thưa ngai/9 Rôi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ây: "Này người kia, ngươi có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay một người đàn ông, bệnh hoạn, khổ não nguy kịch5 nằm ngủ lầy trong tiêu tiện, đại tiện của minh, cân người khác nâng dậy9 cân người khác dìu năm xuống?M1 Người ấy nói như sau: "Thua ngài, con có thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy như sau: “Này người kia, với ngươi là người có trí và lớn tuôi5 ngươi có nghĩ răng: 'Ta rồi cũng bị bệnh5 ta không vượt qua bệnh hoạn. Vậy ta hãy làm điều lành về thân, về lời nói, về V? Người ấy nói như sau: "Không, thưa ngài, con không có làm. Thưa ngài, con phóng dat." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, chính vì do phóng dật9 ngươi đã không làm các điều lành vê thân, vê lời nói, vê ý. Thật vậy, này người kia, chúng sẽ làm cho ngươi, đúng theo sự phóng dật của ngươi. Ác nghiệp ấy của ngươi không phải mẹ làm, không phải cha làm? không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư thiên làm, không phải Sa-môn5 Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm và ngươi sẽ thọ lãnh quả dị thục của các nghiệp ấy." Rôi này các Tỷ-kheo5 Vua Yama sau khi chât vân, cật vân5 nạn vân người ấy về vị thiên sứ thứ hai5 liền chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ ba: "Này người kia, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ ba hiện ra giữa loài người kh6ng?” Người ấy trả lời: "Con không thấy, thưa ngSi." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, ngươi có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay một người đàn ông chêt được một ngày, hay chêt được hai ngày, hay chêt được ba ngày, sưng phù lên, xanh xám lại và nát rữa ra?" Người ây nói như sau: "Thưa ngài, con có thấy." Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy như sau:

41 XemD II. 24; Vin. I. 301.

"Này người kia, với ngươi là người có trí và lớn tuôi, ngươi có nghĩ răng: "Ta rồi cũng bị chết, ta không thể vượt qua sự chết. Vậy ta hãy làm điều lành về thân, về lời nói, về y” Người ấy nói như sau: “Kh6ng, thưa ngài, con không có làm. Thưa ngài, con phóng

dat/9 Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy: “Này người kia, chính vì do phóng dật, ngươi đã không làm các điêu lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy; này người kia, chúng sẽ làm cho ngươi, đúng theo sự phóng dật của ngươi. Ac nghiệp ây của ngươi không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư thiên làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm và ngươi sẽ thọ lãnh quả dị thục của các nghiệp y." Rồi này các Tỷ-kheo9 Vua Yama sau khi chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ ba, rồi giữ im lặng. Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc. Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ây ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thông khô, khôc liệt. Nhưng người ây không thê mệnh chung cho đên khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy cái rìu chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau dớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo? rồi các người lính địa ngục dựng ngược người ấy, chân trên đầu dưới và lấy dao sắc chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn? cực khổ9 thống khổ9 khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục cột n^ười ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới5 kéo người ấy chạy lui trên đat được đốt cháy đỏ? cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau dớn, cực khổ? thống khổ, khốc liệt. Nhung người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo5 các người lính địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hừng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ? khốc liệt. Nhtmg người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo5 các người lính địa ngục nắm ngược người ấy, chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ9 cháy đỏ5 cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nâu với bọt nước sôi sùng sục5 khi thì trôi nôi lên, khi thì

chìm xuông đáy, khi thì trôi giạt ngang. Người ây ở đây thọ lãnh các cảm giác đau dớn, cực khổ9 thống khổ? khốc liệt. Nhimg người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo5 những người lính địa ngục quăng người ấy vào đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đại địa ngục ấy:

Có bốn góc5 bốn cửa,
Chia thành phần bằng nhau,
Xung quanh có tường sắt,
Mái sắt lợp lên trên,

Nền địa ngục bàng sắt,
Nung đỏ cháy đỏ rực,
Hơi nóng luôn phát ra9
Rộng một trăm do-tuần.42
Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo? Vua Yama suy nghĩ như sau: "Những ai làm ác nghiệp ở đời phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, ta có thế hau hạ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thế thông hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng.^,
Này các Tỷ-kheo5 điều Ta đang nói, không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; những điều Ta đang nói chỉ được Ta biêt mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.
Dầu thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật5
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây5 bậc chân nhân,
Được thiên sứ báo động5
Không bao giờ phóng dật?
Trong Diệu pháp bậc Thánh,
Thấy sợ trong chấp thủ5
Trong hiện hữu sanh tử,
Được giải thoát không thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh5
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua,
Mọi đau đớn khô sâu,
Thảy đều được siêu thoát.
42 M. III. 183 đề cập chi tiết hơn về các địa ngục.

130 KINH TĂNG CHI BỘ

VII. KINH BỐN BẬC ĐẠI VƯƠNG (Catumahãrãjasuttà)^ (4 I. 142) 37. Này các Tỷ-kheo5 trong ngày thứ tám của nửa tháng, các vị Đại thần cố vân cho Bôn Thiên Vương đi du hành trong thê giới này đê xem trong loài người phải chăng có nhiều người có hiếu với mẹ5 có hiếu với cha, có kính các Sa-môn5 Bà-la-môn? có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Bố-tát (Uposatha), có đề cao cảnh giác5 có làm các công đức. Này các Tỷ-kheo5 trong ngày mười bốn của nửa tháng, các Hoàng tử của Bốn Thiên Vương đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người phải chăng có nhiều người có hiếu với mẹ,

có hiếu với cha, có kính các Sa-môn9 Bà-la-môn5 có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức. Này các Tỷ-kheo, trong ngày rằm lễ Uposatha, Bốn Thiên Vương tự mình đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người phải chăng có nhiều người có hiếu với mẹ? có hiếu với cha, có kính các Sa-môn9 Bà-la-môn5 có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha. có đề cao cảnh giác, có làm các công đức. Nếu chỉ có ít người giữa loài người, này các Tỷ-kheo? có hiếu với mẹ? có hiếu với cha, có kính các Sa-môn5 Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha, có đề cao cảnh giác? có làm các công dức, thời này các Tỷ-kheo? Bốn Thiên Vương liền báo với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammã: "Thua chư vị5 có ít người giữa loài người có hiêu với mẹ5 có hiêu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha. có đề cao cảnh giác, có làm các công dức." Rôi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba không hoan hỷ và nói: "Thật vậy, thiên chúng sẽ bị tổn giảm và asura (a-tu-la) chúng sẽ được sung man.59 Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều người giữa loài người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn? Bà-la-môn5 có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha. có đề cao cảnh giác, có làm các công đức5 thời này các Tỷ-kheo5 Bốn Thiên Vương liền báo với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammã: "Thua chư vị5 có nhiều người giữa loài người có hiếu với mẹ5 có hiếu với cha, có kính các Sa-môn5 Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha. có đề cao cảnh giác, có làm các công dức." Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba hoan hỷ nói: "Thật vậy, thiên chúng sẽ được sung mãn, còn asura chúng sẽ bị tổn giảm.,,43

43 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.24.6. 0624Ồ19); Biệt Tạp.(r02. 0100.46. 0389al0).

Thuở xua, này các Tỷ-kheo5 Thiên chủ Sakka đang thuyết giảng cho chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, trong khi ấy, nói lên bài kệ như sau: Ngày mười bốn, ngày rằm, Ngày tám trong nửa tháng, Kể cả phần đặc biệt? Khéo đày đủ cả tám, Theo làm lễ Bố-tát?44 Vị ấy giống như ta. Bài kệ ấy5 này các Tỷ-kheo, đã bị Thiên chủ Sakka hát sai, không hát đúng; nói sai, không nói đúng. Vì cớ sao? Thiên chủ Sakka, này các Tỷ-kheo5 chưa ly tham, chưa ly sân, chưa ly si. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo5 là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuông, mục đích đã thành dạt, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Với vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo9 lời nói này mới là thích đáng: Ngày mười bôn9 ngày răm, Ngày tám trong nửa tháng, Kể cả phần đặc biệt, Khéo đầy đủ cả tám, Theo làm lễ Bố-tát, Vị ấy giống như ta. Vì cớ sao? Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo? đã ly tham, đã ly sân, đã ly si. VIII. KINH BỐN BẬC ĐẠI VƯƠNG THỨ HAI (Dutìyacatumahãrậịasutta)45 (A, I. 143) 38. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đang thuyết giảng cho chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, trong khi ấy, nói lên bài kệ như sau: Ngày mười bốn, ngày rằm,

Vị ấy giống như ta. Bài kệ ấy, này các Tỷ-kheo? đã bị Thiên chủ Sakka hát sai, không hát đúng... Vì cớ sao? Ta nói rằng Thiên chủ Sakka5 này các Tỷ-kheo, chưa giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não. Còn vị Tỷ-kheo5 này các Tỷ-kheo5 là bậc

A-la-hán... chánh trí giải thoát. Với vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo9 lời nói này mới là thích đáng: Ngày mười bốn5 ngày rằm,

Vị ấy giống như ta.

44 Xem s. L 208; Dh. V. 404; Thĩg. V. 31. 45 Bản tiếng Anh của PTS: Sakka, tức Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.24.6. 0624bl9); Biệt Tạp.(T.02. 0100.46. 0389al0). •

132 KINH TĂNG CHI BỘ

Vì CỚ sao? Ta nói rằng, vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo5 đã thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, giải thoát khỏi khổ đau. IX. KINH NUÔI DƯỠNG TẾ NHỊ (Sukhumãỉasutta)46 (A. L 145) 39. Này các Tỷ-kheo, Ta được nuôi dưỡng tế nhị5 tối thắng nuôi dưỡng tế nhị5 cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị. Này các Tỷ-kheo? trong nhà Phụ vương Ta, các hồ nước được xây lên, trong một hồ có hoa sen xanh, trong một hồ có hoa sen đỏ, trong một hồ có hoa sen trắng, tất cả phục vụ cho Ta. Khônẹ một hương Chiên-đàn nào Ta dùng5 này các Tỷ-kheo, là không từ Kãsi đến. Bang vải Kãsi là khăn của Ta, này các Tỷ-kheo. Bằng vải Kãsi là áo cánh, bằng vải Kãsi là nội y, bằng vải Kãsi là thượng y. Đêm và ngày, một lọng trắng được che cho Ta để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi? cỏ hay sương. Này các Tỷ-kheo? ba lâu đài được xây dựng cho Ta, một cái cho mùa đông5 một cái cho mùa hạ5 một cái cho mùa mưa.47 Và Ta, này các Tỷ-kheo, tại lâu đài mùa mua, trong bốn tháng mưa5 được những nữ nhạc công đoanh vây, Ta không xuống dưới lầu. Trong các nhà của người khác, các người đây tớ5 làm công được cho ăn cơm tấm và cháo chua. Trong nhà Phụ vương Ta, các người đây tớ9 làm công được cho ăn gạo, thịt và cơm nấu. Với Ta, này các Tỷ-kheo5 được đầy đủ với sự giàu sang như vậy5 được cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị như vậy5 Ta suy nghĩ rằng: ẾCKẻ vô văn phàm phu tự mình bị già, không vượt qua khỏi già, khi thấy người khác bị già, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm5 quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị già, không vượt qua khỏi già, sau khi thấy người khác già, Ta có thể bực phiền, hổ thẹn5 ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta." Sau khi quan sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo5 sự kiêu mạn của tuổi trẻ trong tuổi trẻ được đoạn trừ hoàn toàn. "Kẻ vô văn phàm phu tự mình bị bệnh5 không vượt khỏi bệnh, thấy người khác bị bệnh, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm5 quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị bệnh, không vượt qua khỏi bệnh, sau khi thấy người khác bị bệnh, Ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy5 thật không xứng đáng cho Ta.” Sau khi quan sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của không bệnh trong không bệnh được đoạn trừ hoàn toàn. “Kẻ vô văn phàm phu tự mình bị chêt9 không vượt khỏi chêt, thây người khác bị chết, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị chết, không vượt qua khỏi chết, sau khi thấy người khác chết, Ta có thể bực phiền, hổ thẹn5 ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta." Sau khi quan sát vê Ta như vậy5 này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của sự sông trong sự sống được đoạn trừ hoàn toàn.

46 Tham chiếu: Tăng, if (T.02. 0125.22.8. 0608b 16); Nhu nhuyễn kỉnh (roi. 0026.117. 0607c04). AA. II. 235: Sukhumãỉotỉ nỉddukkho (4íĐược nuôi dưỡng khéo 16o" tức là

không làm cho thương tổn, khổ não). 47 Xem D. II. 19.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 133

CÓ ba kiêu mạn này/8 này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Kiêu mạn của tuổi trẻ, kiêu mạn của không bệnh5 kiêu mạn của sự sống. Say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu làm các ác hành vê thân, làm các ác hành vê lời nói, làm các ác hành vê ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về y, sau khi thân hoại mệnh chung, kẻ ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú9 đọa xứ, địa ngục. Say sưa trong kiêu mạn của không bệnh5 này các Tỷ-kheo5 kẻ vô văn phàm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói? làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành vê thân, làm các ác hành vê lời nói, làm các ác hành vê ý, sau khi thân hoại mệnh chung, kẻ ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Say sưa trong kiêu mạn của sự sống, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói5 làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói? làm các ác hành về ý, sau khi thân hoại mệnh chung, kẻ ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ học pháp5 trở lui lại đời sống thế tục. Say sưa trong kiêu mạn của không bệnh, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Say sưa trong kiêu mạn của đời sống, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo từ bỏ học pháp5 trở lui lại đời sống thế tục. Bị bệnh và bị già, Lại còn phải bị chết, Kẻ phàm phu ghê tởm, Người khác bị như vậy. Nếu Ta cũng ghê tởm, Chúng sanh bị như trên, Không xứng đáng cho Ta, Với Ta được sống vậy. Nên Ta sống như thật, Biết pháp không sanh y, Sự say sưa không bệnh, Tuôi trẻ và sự sông. Tất cả Ta nhiếp phục, Thấy xuất ly an ổn5 Nơi Ta khởi tinh tấn, VìTathấyNiết-bàn. Ta không còn có thể, Thọ hưởng các dục vọng, Ta sẽ không trở lui, Đích Phạm hạnh Ta đến.48

48 Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là mục IX. Pride, nghĩa là Kiêu mạn.

134 KINH TĂNG CHI BỘ

X. KINH TẢNG THƯỢNG (Ẵdhipateyyasutta) (A, I. 147) 40. Này các Tỷ-kheo, có ba tăng thượng này. Thế nào là ba? Tự ngã tăng thượng, thế giới tăng thượng, pháp tăng thượng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tự ngã tăng thượng? Ở đây? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình5 sống không gia đình. Không phải vì món ăn khất thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, [nhưng với ý nghĩ như sau:] 'Nay ta bị rơi vào sanh, già5 chết, sầu5 bi, khổ, ưu, não; rơi vào khổ5 bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy5 sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên [cho ta]/Và ta đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, sau khi đã đoạn tận tất cả các dục vọng như vậy5 lại còn đeo đuôi các dục vọng như kia hay còn ác tệ hơn. Như vậy, thật không xứng đáng cho ta." Vị ây lại quán sát như sau: "Thăng tân là tinh tân của ta, không có thụ động; an trú là niệm [của ta], không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm [của ta], được nhất tâm.,, Vị ấy làm

cho tăng thượng tự ngã? từ bỏ bất thiện5 tu tập thiện; từ bỏ có tội5 tu tập không tội; gìn giữ cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tự ngã tăng thượng. Như thê nào? này các Tỷ-kheo5 là thê giới tăng thượng? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Không phải vì món ăn khât thực5 không phải vì sàng tọa9 không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia5 từ bỏ gia đình, sống không gia đình, [nhưng với ý nghĩ như sau:] 'Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu5 bi, khổ9 ưu, não; rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy? sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên [cho ta].5 Và ta đã xuất gia như vậy, lại có thể suy nghĩ về dục tầm hay có thể suy nghĩ vê sân tâm, hay có thê suy nghĩ vê hại tâm. To lớn là đại chúng này sông ở trong đời. Trong đại chúng sống ở đời9 có các vị Sa-môn? Bà-la-môn có thần thông, có Thiên nhãn thông, có Tha tâm thông. Các vị này có thể nhìn thấy từ xa, và dù họ ở gần nhưng không thể nhìn thấy họ được; và họ có thể biết tâm [ta] với tâm của họ. Các vị ây có thê biêt vê ta như sau: 'Hãy xem thiện nam tử này5 tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác9 bất thiện.9 Lại có các chư thiên có thần thông? có Thiên nhãn thông, có Tha tâm thông. Các vị này có thể nhìn thấy từ xa, và dù họ ở gần nhưng không thê nhìn thây họ được; và họ có thê biêt tâm [ta] với tâm của họ. Các vị ấy có thể biết về ta như sau: 'Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, nhimg sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện/

Vị ây lại quán sát như sau: "Thăng tân là tinh tân của ta, không có thụ động; an trú là niệm [của ta], không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm [của ta], được nhất tâm.,, Vị ấy làm cho tăng thượng thế giói, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện; từ bỏ có tội, tu tập không có tội; giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thế giới tăng thượng. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là pháp tăng thượng? o dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đên khu rừng hay đi đên gôc cây5 hay đi đến ngôi nhà trống rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo mà ta xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khất thực, không phải vì sàng tọa5 không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình5 [nhưng với ý nghĩ như sau:] 'Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não; rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy? sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên [cho ta] \ Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí có thể tự mình giác hiểu. Nay ta có những người đồng Phạm hạnh, họ biết và thấy. Vì ta đã được xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng như vậy? không lẽ ta lại có thể sống biếng nhác? phóng dật. Như vậy5 thật không xứng đáng cho ta.” Vị ây lại quán sát như sau: "Thăng tân là tinh tân của ta9 không có thụ động; an trú là niệm [của ta], không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm [của ta], được nhất tâm.,, Vị ấy làm cho tăng thượng pháp, từ bỏ bất thiện? tu tập thiện; từ bỏ có tội, tu tập không tội; giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là pháp

tăng thượng. Này các Tỷ-kheo9 có ba pháp tăng thượng này. Trên đời không giấu được549 Ác nghiệp tự mình làm, Ngã của ngươi ta biết, Là thật hay là giả. Ngươi thật khinh thiện ngã? Mặt giáp mặt chứng kiến, Muốn che giấu tự ngã, Điều ác tự ngã làm. Chư thiên và Như Lai, Thấy rõ ở trong đời, Sở hành của kẻ ngu5 Làm các hạng tà vạy, Vậy vị ngã tăng thượng. Sở hàiih phải chánh niệm, Vị thế giới tăng thượng,

49 Raho: Chỗ giấu kín. Xem JA. III. 19.

Hãy khôn khéo thiền tịnh,
Với vị pháp tăng thượng,
Hãy sống theo tùy pháp.
Đạo sĩ không thối thất,
Tinh cần theo chân lý5
Nhiếp phục được ma quân,
Chiến thắng được tử thần,
Với tinh cần tinh tấn,
Sanh đã được đoạn tận.
Bậc Đạo sĩ như vậy9
Hiểu thế gian Diệu trí,
Đối với tất cả pháp,
Không có gì xúc chạm.

V PHẨM NHỎ (CULAK4GGA)

I. KINH Sự CÓ MẶT (Sammukhĩbhãvasutta)50 (4 I. 150) 41. Do sự có mặt của ba pháp, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Thế nào là ba? Do sự có mặt của lòng tin, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của vật bố thí, này các Tỷ-kheo? một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của các vị xứng đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo5 một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

IL KINH BA Sự KIỆN (Tiịhãnasutta)51 (4 I. 150) 42. Do ba sự kiện, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba? Ưa thấy người có giới hạnh; ưa nghe Diệu pháp; với tâm ly cấu uế của xan tham, song trong nhà, bo thí rộng rai với ban tay sạch sẽ, ưa thích từ bo, san sàng để được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí.52 Do ba sự kiện này, này các Tỷ-kheo? một người được biêt là có lòng tin. Thích thấy người giới hạnh, Muốn được nghe Diệu pháp, Nhiếp phục uế xan tham, Vị ấy gọi có lòng tin. III. KINH ĐIỀU CÀN THIẾT (Atthavasasutta)5354 (41. 151) 43. Thấy rõ ba lợi ích, này các Tỷ-kheo, là cần thiết cho một người thuyết pháp cho người khác. Thế nào là ba? Người thuyêt pháp cân phải liêu giải nghĩa và cân phải liêu giải pháp?4

50 Tham chiếu:g.(7.02. 0125.24.7. 0626a25). 51 Bản tiếng^Anh của PTS: Characteristics, nghĩa là Cảc đặc tỉnh. Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.43. 0881c22). 52 Dãnasamvỉbhãgarato. Xem s. I. 228. 53 Bản tiếng Anh của PTS: Qualities, nghĩa là Các phẩm chất. 54 Xem A. I. 69. Attha'. Đầu tiên hay ý nghĩa nổi bật, chỉ cho pháp có ý nghĩa ứng dụng.

Người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Người thuyết pháp và cả người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Thấy rõ ba lợi ích này, này các Tỷ-kheo, là cần thiết cho một người thuyết pháp cho người khác. IV. KINH PHÁP THOẠI LỢI ÍCH (Kathãpavattìsutta)55 (A. I. 151) 44. Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, cuộc pháp thoại được diễn tiến5657 có lợi ích. Thế nào là ba? Người thuyết pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và liễu giải pháp. Người thuyết pháp và người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Có ba trường hợp này, này các Tỷ-kheo5 là cuộc pháp thoại được diễn tiến có lợi ích. V KINH BẬC HIỀN TRÍ (Panditasutta)51 (4 I. 151) 45. Ba pháp, này các Tỷ-kheo, được người hiên trí tuyên bô, được bậc chân nhân tuyên bố. Thế nào là ba? Bố thí, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Xuất gia, này các Tỷ-kheo5 được người hiền trí tuyên bố9 được bậc chân nhân tuyên bố. Hầu hạ cha mẹ, này các Tỷ-kheo5 được người hiền trí tuyên bô? được bậc chân nhân tuyên bô. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố5 được bậc chân nhân tuyên bố. Biết bố thí thiện sĩ, Bất hại, chế ngự căn, Tự điêu, hâu cha mẹ5 Các vị sống Phạm hạnh. Bổn phận kẻ thiện khen, Người hiền thực hiện chúng, Bậc Thánh thấy rõ vậy, Đạt được đời an lạc. VI. KINH BẬC GIỚI HẠNH (Sĩlavantasutta) (A. L 151) 46. Gân làng hay thị trân nào, này các Tỷ-kheo, các bậc xuât gia có giới hạnh trú ở tại chỗ ấy, các người nhờ ba sự kiện này được gặt nhiều công đức. Thế nào là ba? Bởi than, bởỉ lời nói? bởi ý. Gần làng hay thị trấn nào, này các Tỷ-kheo, các bậc xuất gia có giới hạnh trú ở tại chỗ ấy, các người nhờ ba sự kiện này được gặt nhiều công đức.

55 Bản tiếng Anh của PTS: Respects, nghĩa là Các trường hợp. 56 Pavattỉnĩ. Xem 4 I. 125. 57 Banjieng Anh của PTS: Duties, nghĩa là Các bốn phận. Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0Í50A.47. 0882c26).

VII. KINH TƯỚNG HỮU VI (Sankhatalakkhanasutta)5S (A. I. 152) 47. Có ba tướng hữu vi, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi. Thế nào là ba? Sanh được trình bày rõ5 diệt được trình bày rõ5 sự biến dị khi đang trú được trình bày rõ. Có ba tướng hữu vi này5 này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi. VIII. KINH TƯỚNG VÔ VI (Asankhatalakkhanasutta)58 59 (4 I. 152) 48. Có ba tướng vô vi, này các Tỷ-kheo9 cho các pháp vô vi. Thê nào là ba? Sanh không được trình bày rõ? diệt không được trình bày rõ? sự biến dị khi đang trú không được trình bày rõ. Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi. IX. KINH VUA TUYẾT SƠN (Pabbatarặịasutta)60 (Ả. L 152)

49. Dựa vào vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo5 các cây Sãla to lớn được lớn lên với ba sự tăng trưởng. Thế nào là ba? Chúng lớn lên vê cành, vê lá, vê toàn bộ lá cây; chúng lớn lên vê vỏ trong và vỏ ngoài hay mầm non; chúng lớn lên về giác cây và lõi cây. Dựa vào vua Tuyết Sơn5 này các Tỷ-kheo5 các cây Sãla to lớn được lớn lên với ba sự tăng trưởng này. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, dựa vào thiện nam tử có lòng tin, những người trong gia đình được lớn lên với ba sự tăng trưởng. Thê nào là ba? Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới, tăng trưởng về trí tuệ. Dựa vào thiện nam tử có lòng tin, này các Tỷ-kheo5 những người trong gia đình được lớn lên với ba sự tăng trưởng này. Như núi đá sừng sững, Trong rừng sâu, rừng rậm5 Các cây lớn dựa vào, A Lớn lên những thân rừng. Cũng vậy, thiện nam tử, Có lòng tin, giới đức5 Vợ con và gia quyến, Dựa vào để lớn mạnh5 Với tùy tùng bà con, Nhờ cậy để sinh sống. Thấy vị giới hạnh làm, Giới, bố thí, thiện hành, Nếu họ có mắt sáng, Họ làm theo vị ấy.

58 Bản tiếng Anh của PTS: Conditioned, nghĩa là Hữu vi. Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.22.5. 0607C13). 59 Bản tiếng Anh của PTS trình bày liên tục mục VII. Conditioned, nghĩa là Hữu vỉ. 60 Bản tiếng Anh của PTS: Mountain, nghĩa là Núi. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.50.7. 0812b 14).

Ở đây, làm đúng pháp, Con đường đến cõi lành5 Trong thiên giới hỷ lạc, Ước muốn được hoan hỷ.61 X. KINH NÊN NHIỆT TÂM LÀM (Ătappakarantyasutta)62 (A. I. 153) 50. Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Thế nào là ba? Các ác, bất thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cần phải làm mạnh đừng cho sanh; các thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cân phải làm mạnh đê cho sanh; đê chịu đựng các thân thọ đã sanh, khổ đau9 nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Có ba trường hợp này, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cần phải làm mạnh đừng để cho sanh; đối với các thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cân phải làm mạnh đê cho sanh; đê chịu đựng các thân thọ đã sanh, khổ đau, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú5 không thích ý? đoạt mạng sống, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị có nhiệt tình, thận trọng, chánh niệm để chơn chánh đoạn tận khổ đau. XI. KINH KẺ CƯỚP LỚN (Mahãcorasutta) (Ả, I. 153) 51. Do đầy đủ ba điều kiện, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đô ăn trộm, làm kẻ cướp một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp.63 Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở (yỉsamă), dựa vào rừng rậm, dựa vào kẻ có quyền lực. Và thê nào, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiêm trở? Ở dây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào con sông khó lội qua hay sự quanh co hiểm trở của núi non. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 tên cướp lớn dựa vào rừng rậm cỏ5 hay rừng rậm cây, hay khóm rừng, hay đám rừng rậm lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây, này

các Tỷ-kheo5 tên cướp lớn dựa vào vua hay các vị đại thân của vua và nghĩ như sau: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các vị đại thần của vua ấy sẽ

61 Kãmakãmỉno. Xem 4 II. 62; It. 112. 62 Bản tiếng Anh của PTS: Ardent Energy, nghĩa là Nhiệt tâm tỉnh tấn. 63 Parỉpanthepỉ titthati. Xem D. I. 52; s. III. 208; KS. IV. 25Iff.

giải thích, cứu thoát ta." Và thực sự là như vậy. Như vậy9 này các Tỷ-kheo5 là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyên lực. Do đầy đủ ba điều kiện này, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp một nhà5 làm kẻ đứng đường chặn cướp. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 vị ác Tỷ-kheo đầy đủ ba pháp, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm và dựa vào kẻ có quyền lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở? Ở dây, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo đầy đủ với thân hành quanh co hiểm trở, với ngữ hành quanh co hiểm trở? với ý hành quanh co hiểm trở. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là ác Tỷ-kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo có tà kiến, đầy đủ những tri kiến đi đến cực đoan. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 dựa vào các vua hay các đại thần của vua, ác Tỷ-kheo nghĩ răng: "Nêu có ai kêt tội ta, các vua ây hay các đại thân của vua ây sẽ giải thích, cứu thoát ta." Và thực sự là như vậy. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như một kẻ mất gốc5 bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước.

VI. PHẨM CÁC BÀ-LA-MÔN (BRẢHMANAVAGGA)

I. KINH HAI BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (Pathamadvebrãhmanasuttăýậ (Ả. I. 155) 52. Có hai vị Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời5 đã một trăm hai mươi tuổi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, những Ba-la-mon ây bạch The Tôn: -Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là64 65 những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn5 cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuôi nhưng chúng tôi không làm điêu lành, không làm điêu thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi.6667 Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi! Tồn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi! Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. —Thật vậy, các ông là những Bà-la-môn già yêu? trưởng lão, tuôi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời? đã một trăm hai mươi tuổi nhung các ông không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi. Thật vậy5 này các Bà-la-môn5 thế giới này đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn. Thế giới đã bị

già, bệnh, chết dắt dẫn như vậy, này các Bà-la-môn5 thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến cõi chết,67 phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn cù lao (hay ngọn đèn), là chỗ quy y và là đích xứ người ấy đến. Đời sống bị dắt dẫn, ỉ 9

Mạng sông chăng là bao,
Bị già kéo dẫn đi,
Không có nơi nương tựa.
Hãy luôn luôn quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,

64 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Two People, nghĩa là Hai người. Tham chiếu: Biệt Tạp.(r.02. 0100.86. 0403b10). 65 Assu\ Đây là một trợ từ nhấn mạnh, chỉ cho các Bà-la-môn, không phải người giai cấp khác. 66 Bhĩrụttãnã. Xem4 II. 174. AA. II. 255: Akatabhĩruttãnãtỉ = Akatabhayaparittãnã (không làm những điều để được an toàn, chấm dứt các sợ hãi). 67 Peta: Paralokarn gatassa (người đi qua thế giới bên kia, người đã mất). Xem AA, II. 255.

Hãy làm các công đức, Đưa đến [chơn] an lạc. Ở đây chế ngự thân, Chế ngự lời và ý; Kẻ ấy dầu có chết, Cũng được hưởng an lạc, Vì khi còn đang sống, Đã làm các công đức. n. KINH HAI BÀ-LA-MÔN THỮ HAI(Dutìyadvebrãhmanasuttă)6S (4 L 156) 53. Rồi hai vị Bà-la-môn già yếu, trưởng .lão,9 etuổi r r 9 * lớn, cuộc đời đã được r __ r _ trải qua, đã đên đoạn cuôi cuộc đời9 đã một trăm hai mươi tuôi5 đi đên Thê Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông _ c____ _ T" _ Ạ_ rr1!- Ò rri _ . một bên5 những Bà-la-môn ây bạch The Tôn: —Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuôi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đên đoạn cuôi cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi. Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi! Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi! Nhờ vậy? chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Thật vậy, các ông là những Bà-la-môn già yểu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi nhưng các ông không làm điêu lành, không làm điêu thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi. Thật vậy, này các Bà-la-môn, thế giới này đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn. Thế giới đã bị già, bệnh? chết dắt dẫn như vậy? này các Bà-la-môn, thời chê ngự thân, chê ngự lời n6i, chê ngự ý trong đời này, đôi với kẻ đã đi đên cõi chêt, phải là chô nương tựa, là hang trú ân, là hòn cù lao (hay ngọn đèn)5 là chỗ quy y và là đích xứ người ấy đến. Trong ngôi nhà bị cháy, Đồ đạc được đem ra, Đồ ấy lợi cho họ, Không phải đồ bị cháy. Cũng vậy đời bị cháy, Do già chết thiêu đốt, Nhờ bố thí tự cứu, IGiéo cứu, đồ bố thí. Ở dây, chế ngự thân, Chế ngự lời và ý5

68 Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.86. 0403bl0).

Kẻ ấy dầu có chết, Cũng được hưởng an lạc, Vì khi còn đang sống, Đã làm các công đức. III. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (Annatarabrahmanasutta) (Ả. I. 156) 54. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn: Pháp là thiêt thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đên như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu? Này Bà-la-môn5 một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại minh, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ? tâm ưu. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Bà-la-môn5 một người bị sân làm uê nhiêm, bị chinh phục5 tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi sân được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại minh, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Bà-la-môn, một người bị si làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại minh, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ? tâm ưu. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thua Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuông, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thây săc; cũng vậy9 pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. IV. KINH VỊ DU Sĩ (Paríbbājakasutta) (Ả. I. 157) 55. Rồi một Bà-la-môn du sĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón

hỏi thăm thân hữu5 liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la- môn du sĩ bạch Thê Tôn: Pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đên như thê nào5 thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu? Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiêm nên nghĩ đên hại minh, nghĩ đên hại người, nghĩ đên hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đên hại người, không nghĩ đên hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Này

Bà-la-môn5 một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời nói, làm ác hạnh về ý. Khi tham ái được đoạn trừ5 vị ấy không làm ác hạnh về thân, không làm ác hạnh về lời nói, không làm ác hạnh về ý. Này Bà-la-môn5 một người bị tham ái làm say đắm5 bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên không như thật rõ biết lợi ích của minh, không như thật rõ biết lợi ích của người, không như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy như thật rõ biết lợi ích của mình, như thật rõ biết lợi ích của người, như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Bà-la-môn, một người bị sân làm uê nhiêm... Này Bà-la-môn? một người bị si làm mê mờ? bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại minh, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Này Bà-la-môn5 một người bị si làm mê mờ, bị chinh phục9 tâm bị xâm chiêm nên làm ác hạnh vê than, làm ác hạnh vê lời nói5 làm ác hạnh vê ý. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không làm ác hạnh về thân, không làm ác hạnh về lời nói, không làm ác hạnh về ý. Này Bà-la-môn, một người bị si làm cho mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên không như thật rõ biết lợi ích của minh, không như thật rõ biết lợi ích của người, không như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Khi si được đoạn trừ, vị ây như thật rõ biêt lợi ích của minh, như thật rõ biêt lợi ích của người, như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Như vậy, này Bà-la-môn9 pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra

những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy? pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

V KINH TỊCH TỊNH (Nibbutasutta) (A. L 158) 56. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi dếĩi, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Niết-bàn là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Ton giả Gotama, Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu? -Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục5 tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại minh, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đên hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ? tâm iru; Như vậy5 này Bà-la-môn5 Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời

gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Bà-la-môn, một người bị sân làm uế nhiễm... Này Bà-la-môn5 một người bị si làm mê mờ5 bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình? không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ5 tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn5 Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Khi vị ấy, này Bà-la-môn5 cảm thọ tham ái được đoạn tận9 không có dư tàn; cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn; như vậy5 này Bà-la-môn, Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy? pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 147

VI. KINH HOẠI DIỆT (Paỉokasutta)69 (Ả. I. 159) 57. Rồi một Bà-la-môn giàu có lớn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Bà-la~môn giàu có lớn bạch Thế Tôn: Con có nghe, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn thuở xưa5 các trưởng lão lớn tuôi? bậc thây của các bậc thây nói răng: "Thuở xưa, thê giới này quá sung mãn với người? người ta nghĩ như một vực sâu không có sóng, các làng, các thị trấn, các kinh thành quá gần để một con gà trống có thể bước từ chỗ này qua chỗ kia." Do nhân gi, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì ngày nay loài người lại bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ? Ngày nay, này Bà-la-môn, loài người bị tham ái phi pháp làm cho say dắm, bị ác tham chinh phục và bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục và vì bị tà kiến chi phối, họ cầm gươm sắc bén sát hại lẫn nhau. Do vậy, nhiều người mệnh chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn9 đây là duyên vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố? các quốc độ trở thành không phải quốc độ. Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, bị ác tham chinh phục và bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say dắm, vì bị ác tham chinh phục và vì bị tà kiến chi phối? trời không mưa xuông đêu đặn. Vì vậy, bữa ăn khó tim, mùa màng hư mât, trăng xóa với côn trùng,70 chỉ còn lại cọng lép.71 Do vậy, nhiều người mệnh chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiêu trông rõ

như thê5 các làng trở thành không phải làng, các thị trân trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ. Lại nữa, này Bà-la-môn5 ngày nay loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm5 bị ác tham chinh phục và bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say dắm, vì bị ác tham chinh phục và vì bị tà kiến chi phối5 các loài

69 Bản tieng^Anh của PTS: The Rich Man, nghĩa là Người giàu có. Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.14. 0878a06). 70 Setaṭihỉkã. ẠA. II. 257 giải thích rằng khi lúa trổ hạt, các Ioại côn trùng bu tới để ăn. Viloài côn trùng quá nhiều nên đầu ngọn lúa bị nấm trắng. SA. III. 106 viết là setatfhika và giải thích là đầy những xương người chết. 71 Salãkãvutta. Xem KS. IV. 238. Ở đây, Chủ Ịĩiải giải thích khi gặt lúa xong, chỉ cọng rơm còn lại, không có hạt lúa; không phải phiêu lây đô ăn như có chô đã giải thích.

yakkha (dạ-xoa) thả ra các loài phi nhân dữ tợn. Do vậy, nhiều người mệnh chung. Đây là nhân5 này Bà-la-môn? đây là duyên vì sao ngày nay loài người bị tiêu diet, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng5 các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng nẹã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay câm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH VACCHAGOTTA (Vacchagottasutta)11 (A, I. 160) 58. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu9 liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 du sĩ Vacchagotta thưa với FT11 _ Á /X Thê Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, tôi có được nghe: "Sa-môn Gotama nói như sau: 'Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác; cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không càn phải bố thí cho đệ tử của những người khác; bố thí cho Ta có quả lớn5 bố thí cho những người khác không có quả lớn; bố thí cho các đệ tử của Ta có quả lớn, bố thí cho các đệ tử của những người khác không có quả l&n.'" Thưa Tôn giả Gotama, những ai nói rằng Sa-môn Gotama nói như sau: “cần phải bố thí cho Ta... không có quả l&n", những người nói như vậy có phải nói đúng lời nói của Tôn giả Gotama, không có xuyên tạc Tôn giả Gotama với điều không thật? Có phải họ nói như vậy là đúng pháp và thuận pháp? Và những ai là người đúng pháp5 nói lời đúng pháp và thuận pháp sẽ không có cơ hội để chỉ trích? Chúng tôi thật không muốn xuyên tạc Tôn giả Gotama. Này Vaccha, những ai nói răng: "Sa-môn Gotama nói như sau: 'Cân phải bo thí cho Ta, không can bo thí cho người khác; cần phải bo thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử của những người khác; bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn; bố thí cho các đệ

tử của Ta có quả lớn, bố thí cho các đệ tử của những người khác không có quả lớn'", những người ấy không nói đúng với lời nói của Ta, họ đã xuyên tạc Ta với điều không thật (asatã). họ đã nói láo. Này Vàccha, ai ngăn chặn người khác bố thí, người ấy tạo ra ba chướng ngại pháp và đánh mất ba vật. Thế nào là ba? Người ấy làm chướng ngại người cho được công đức; người ấy ngăn chặn người nhận được bố thí; và tự ngã người ấy trước đã mất gốc5 lại càng bị*

72 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.95. 0026a05); Biệt Tạp.(T.02. 0100.261. 0465c05).

thương tổn hơn. Này Vaccha, ai ngăn chặn người cho bố thí người khác5 tạo ra ba chướng ngại như vậy và đánh mất ba vật. Này Vaccha, Ta nói như sau: "Những ai đô đô phê thải trên mâm bàn, hay đô rửa chén bát vào hố phân? hay hố rác rưởi [với ý nghĩ] để các loài hữu tình trong ấy nhờ đấy được ăn để song/9 Do nhân duyên ấy, này Vaccha, Ta nói có đem lại công dức, còn nói gì đối với loài người. Lại nữa, này Vaccha, Ta tuyên bố rằng, bố thí cho người có giới hạnh được quả lớn, bố thí cho người hành ác giới không được như vậy. Người có giới hạnh là người đã đoạn tận năm pháp và đã đầy đủ năm pháp. Thế nào là năm pháp đã được vị ấy đoạn tận? Dục tham đã được đoạn tận9 sân đã được đoạn tận? hôn trâm thụy miên đã được đoạn tận? trạo hôi đã được đoạn tận, nghi đã được đoạn tận. Vị ấy đã đoạn tận năm pháp này. Thế nào là năm pháp vị ấy đã đầy đủ? Đầy đủ vô học giới uẩn, đầy đủ vô học định uân, đây đủ vô học tuệ uân5 đây đủ vô học giải thoát uân, đây đủ vô học giải thoát tri kiên uân. Vị ây đã đây đủ năm pháp này. ơ đây. Ta tuyên bô rằng, bố thí cho người đoạn tận năm pháp và đầy đủ năm pháp có quả lớn. Như trong một đàn bò,73 Có con đen? trắng, đỏ5 Màu hung hay có đốm, Có con màu bồ câu, Dầu con bò màu gì, Kiếm được con bò thuần, Con vật kéo sức mạnh, Đẹp, lanh và hăng hái, Mặc.\ kệ ỉ nó màu gì5 Liên măc vào gánh nặng. Cũng vậy giữa loài người, Dầu có sinh chỗ nào9 Hoàng tộc, Bà-la-môn, Thương gia hay nô bộc, Kẻ không có giai cấp, Hay hạ cấp đổ phân, Giữa những người như vậy, Ai điều phục thuần thục, Ngay thẳng, đủ giới đức, Nói thực, biết tàm quý, Sanh tử đã đoạn tận, Phạm hạnh được vẹn toàn, Gánh nặng đã hạ xuông,

73 Các bài kệ có trong A. III. 214.

Không còn bị trói buộc? Việc cần làm đã làm, Không còn bị lậu hoặc, Đã đến bờ bên kia, Không chấp pháp, tịch tịnh, Phước điền ấy vô cấu, Quả lớn đáng cúng dường. Như kẻ ngu không biết, Thiếu trí, ít nghe nhiều, Chỉ bố thí bên ngoài, Không đến gần kẻ thiện. Những ai gần kẻ thiện, Có tuệ? tôn bậc hiền,74 Họ tin bậc Thiện Thệ, An trú tạn gốc rễ. Sanh thiên hay ở đây, Được sanh gia đình tốt, Bậc trí tuần tự tiến, Chứng được cảnh Niết-bàn. VIII. KINH TIKANNA (Tikannasutta)15 (A. I. 163) 59. Rồi Bà-la-môn Tikanna đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn Tikanna, trước mặt Thế Tôn, tán thán các bậc Bà-la-môn có đầy đủ Ba minh. Phải, này Bà-la-môn, họ là bậc có Ba minh. Phải, các Bà-la-môn có Ba minh.

Cho đến như thế nào, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn? -Ở dây, thưa Tôn giả Gotama, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh74 76 cho đến bảy đời Tổ Ẹhụ, không bị một vết nhơ nào, 75 không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và các cổ truyện là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của các vị Đại nhân. Như vậy5 thưa Tôn giả Gotama, là các vị Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các vị Bà-la-môn. —Thật là khác, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn! Thật là khác Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Như thế nào? thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh?

74 Dhĩrasammate. Xem sãdhusammato trong D. I. 47; DA. I. 143. 75 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.884-885. 0223b03-12). 76 Samsuddhagahanika. XemZ). I. 113.

Lành thay nêu Tôn giả Gotama thuyêt pháp cho chúng tôi vê Ba minh trong Luật của bậc Thánh! -Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. Thưa vâng, Tôn giả. Bà-la-môn Tikanna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Ở đây5 này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly due, ly ác, bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, vị ây chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ây chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Xả lạc xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh? trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một dời, hai đời, ba đời? bốn đời, năm dời, mười đời? hai mươi đời9 ba mươi đời, bốn mươi đời5 năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời5 một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy? ta có tên như thế này, dòng họ như thê này? giai câp như thê này, khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chết tại chỗ nọ9 ta được sanh ra ở dây." Như vậy, vị ây nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết. Đây là Minh thứ nhất vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diet, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật9 nhiệt tâm, tinh cần. Với tâm định tinh, thuân tịnh? trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy? vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, thây sự sông và chêt của chúng sanh. Vị ây rõ biêt răng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ? kẻ thô xấu; người may mắn? kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà

kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú9 đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ, y, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ây với Thiên nhãn thuân tịnh, thây sự sông chêt của chúng sanh.

152 KINH TẢNG CHI Bộ

Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xâu; người may măn? kẻ bât hạnh đêu do hạnh nghiệp của họ. Đây là Minh thứ hai vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng? không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng5 vững chắc, bình thản như vậy5 vị ấy dẫn tâm5 hướng tâm đến Lậu tận trí. Vi ấy rõ biết như thật: “Bây là rõ biết như thật: “Dây là nguyên nhân của kh6", rõ biết như thật: 'Dây là khổ diet", rõ biết như thật: "Dây là con đường đưa đến khổ diet"; rõ biết như thật: "Đây là những lậu hoặc9\ rõ biết như thật: "Bây là nguyên nhân các lậu hoặc5\ rõ biết như thát: “Bây là sự diệt trừ các lậu hoặc,\ rõ biết như thật: "Dây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu ho/c." Nhờ hiểu biết như vậy5 nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu? thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoM." Vị ấy biết: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa.,, Đây là Minh thứ ba vị ấy đã đạt được? vô minh diet, minh khởi; bóng tối diet, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. Giới hạnh không cao thấp, Khôn khéo và thiền tịnh, Với tâm được chinh phục5 Nhất tâm, khéo định tĩnh, Bậc trí đoạn mê ám, Ba minh diệt tử thần, Vị ấy được tôn xưng, Đại hạnh cho trời, người, Bậc "Đoạn tận tất cả" Đầy đủ cả Ba minh, An trú không mê vọng? Đức Phật5 bậc Giác Ngộ, Bậc chứng thân tối hậu, Họ lễ Gotama. Ai biết được đời trước, Thấy thiên giới, đọa giới5 Vị ấy là Đạo si, Đoạn sanh, đạt thăng trí. Vị Bà-la-môn nào, Chứng được Ba minh này, Ta gọi là Ba minh, Không như thường được gọi. Như vậy, này Bà-la-môn, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 153

-Thật khác, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh của các Bà-la-môn! Thật khác là Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Và thưa Tôn giả Gotama, người có được Ba minh của các Bà-la-môn không sánh băng một phân mười sáu của vị chứng Ba minh trong Luật của bậc Thánh. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy9 pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp5 quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. IX. KINH JANUSSONI ựãnussonisutta)11 (Ả. I. 166) 60. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời

chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Ai làm lễ tế dàn, thưa Tôn giả Gotama, hay ai làm lễ cúng linh, hay ai có bố thí, cần phải bố thí các vật ấy cho các vị Bà-la-môn có Ba minh. Cho đến như thế nào, này Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn diễn tả một Bà- la-môn có Ba minh? Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ? không bị một vết nhơ nào, không bị một giềm pha nào về vân đề huyết thông thọ sanh; nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải5 và các cô truyện là thứ năm; thông hiêu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn. Thật là khác, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà- la-môn! Thật là khác Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Như thế nào5 thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh? Lành thay nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho chúng tôi về Ba minh trong Luật của bậc Thánh! -Vậy Bà-la-môn hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng. Thưa vâng, Tôn giả. Bà-la-môn Janussoni vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Ở đây5 này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

77 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.884-885. 0223b03-12).

Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, vị ây chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến? dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy? vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ây nhớ đên các đời sông quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời? mười đời, hai mươi đời? ba mươi đời5 bốn mươi đời5 năm mươi đời5 một trăm đời, hai trăm đời? một ngàn đời? một trăm ngàn đời; nhiêu hoại kiêp5 nhiêu thành kiêp? nhiêu hoại và thành kiêp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thê này, khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chêt tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này5 dòng họ như thế này? giai cấp như thế này5 khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở day?9 Như vậy, vị ây nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết. Đây là Minh thứ nhât vị ây đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não? nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ây với Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, thây sự sông và chêt của chúng sanh. Vị ây rõ biêt răng chúng sanh

người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ? ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ây với Thiên nhãn thuân tịnh, thây sự sông chêt của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô Xấu; nệười may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Đây là Minh thứ hai vị ấy đã đạt được, vô minh diet, minh khởi; bóng tối diet, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh càn. Với tâm định tinh, thuân tịnh, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy? vị ấy dẫn tâm5 hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy rõ biết như thật: "Đây là kh8", rõ biết như thật: "Dây là

nguyên nhân của khổ9\ rõ biết như thật: "Bây là khổ diet"rõ biết như thật: "Dây là con đường đưa đến khổ diet" rõ biết như thật: "Dây là những lậu hoặc", rõ biết như thật: "Dây là nguyên nhân các lậu hoặc9\ rõ biết như thật: "Bây là sự diệt trừ các lậu hoặc,\ rõ biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu ho/c." Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu? thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Đây là Minh thứ ba vị ấy đã đạt được? vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. Ai đầy đủ giới hạnh, Tinh cần và định tĩnh, Với tâm được chinh phục? Nhất tâm, khéo định tĩnh. Ai biết được đời trước, Thấy thiên giới, đọa xứ, Vị ẩy là Đạo si, r Đoạn sanh, đạt thăng trí. Vị Bà-la-môn nào5 Chứng được Ba minh này, Ta gọi là Ba minh, Không như thường được gọi. Như vậy, này Bà-la-môn? là Ba minh trong Luật của bậc Thánh. —Thật khác, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh của các Bà-la-môn! Thật khác là Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Và thưa Tôn giả Gotama, người có được Ba minh của các Bà-la-môn không sánh băng một phân mười sáu của vị chứng Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng5 hay cầm đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy? pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

X. KINH SANGÃRAVA (Sangãravasutta)^ (A. L 168) 61. Rồi có Bà-la-môn Saốgãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón

78 Tham chiếu: Thương-ca-la kinh (7.01. 0026.143. 0650b09).

hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngòi xuống một bên, Bà-la-môn Saõgãrava bạch Thế Tôn: -Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi làm lễ tế đàn và khuyên các người khác làm lễ tế đàn. Ở đây5 thưa Tôn giả Gotama, ai làm lễ tế đàn và ai khuyên các người khác làm lễ te đàn? tất cả đều thực hành con đường đưa đến công đức cho nhiêu người, tức là kêt quả của tê đàn. Thưa Tôn giả Gotama, ai xuất gia, từ bỏ gia tộc, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ nhiêp phục một tự ngã của minh, chỉ an tịnh một tự ngã của mình, chỉ làm cho một tự ngã của mình chứng được Niết-bàn, như vậy, người ấy thực hành con đường đưa đến công đức chỉ có một mình, tức là kết quả của sự xuất gia. Vậy này Bà-la-môn? ở dây, Ta sẽ hỏi ông. Ông kham nhẫn như thế nào, hãy như vậy trả lời. Ông nghĩ như thế nào, này Bà-la-môn, ở đây? Thế Tôn, bậc A-la-hán5 Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Vị ấy nói như sau: "Đây là con đường, đây là đạo lộ5 nhờ thực hành con đường này, Ta đã thể nhập vô thượng Phạm hạnh, tự mình với thắng trí, chứng đạt5 an trú và tuyên thuyêt. Các ngươi hãy đên! Hãy như vậy thực hành! Các ngươi sẽ thể nhập vô thượng Phạm hạnh, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú." Như vậy, vị Đạo sư này thuyêt pháp và các người khác như thật hành trì. Sô người như vậy là hàng trăm5 hàng ngàn, hàng trăm ngàn. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, sự việc là như vậy? thời con đườnệ đưa đến công đức này ảnh huởng chỉ đến một người hay ảnh hưởng đến nhiêu người, tức là kết quả của sự xuất gia? Sự việc này là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, con đường đưa đến công đức này là ảnh hưởng đến nhiều người, tức là kết quả của sự xuất gia. Được nghe nói vậy5 Tôn giả Ãnanda nói với Bà-la-môn Saõgãrava: Trong hai con đường, này Bà-la-môn5 con đường nào, ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn và lợi ích lớn hơn? Được hỏi như vậy, Bà-la-môn Sangãrava nói với Tôn giả Ãnanda: Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ãnanda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và đáng tán thán. Lần thứ hai, Tôn giả Ãnanda nói với Bà-la-môn Saõgãrava: Này Bà-la-môn, ta không hỏi ông như vậy: "Những ai là đáng đảnh lễ hay những ai là đáng tán thán?" Này Bà-la-môn5 như thế này là ta hỏi ông: "Này Bà-la-môn, trong hai con đường này, con đường nào ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kêt quả lớn hơn và lợi ích lớn hơn?" Lần thứ hai, Bà-la-môn Saõgãrava nói với Tôn giả Ãnanda: Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ananda, cả hai đối với tôi là đáng đảnh lễ và đáng tán thán. Lần thứ ba, Tôn giả Ãnanda nói với Bà-la-môn Sangãrava:

Này Bà-la-môn, ta không hỏi ông như vậy: "Những ai là đáng kính lễ hay những ai là đáng tán thán?" Này Bà-la-môn, như thế này là ta hỏi ông: "Này Bà-la-môn, trong hai con đường này, con đường nào ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kêt quả lớn hơn và lợi ích lớn hơn?" Lần thứ ba, Bà-la-môn Saõgãrava nói với Tôn giả Ãnanda: Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ananda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và

đáng tán thán. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Cho đến lần thứ ba, Bà-la-môn Saõgărava được hỏi một câu đúng pháp lại tránh né, không trả lời. Vậy Ta hãy giải tỏa việc này." Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Saõgãrava: Này Bà-la-môn, câu chuyện gì đã khởi lên hôm nay trong cung điện nhà vua khi hội chúng của nhà vua ngôi tụ họp lại? Thưa Tôn giả Gotama, hôm nay, trong cung điện nhà vua, câu chuyện như sau đã khởi lên khi hội chúng của nhà vua ngồi tụ họp lại: "Thuở xưa, các Tỷ-kheo ít hơn, nhưng nhiều hơn là các pháp Thượng nhân, các thần thông thần biến được thị hiện. Ngày nay, các Tỷ-kheo nhiều hơn, nhưng ít hơn là các pháp Thượng nhân, các thần thông thần biến được thị hiện.,, Thưa Tôn giả Gotama, đây là câu chuyện đã khởi lên hôm nay trong cung điện nhà vua khi hội chúng của nhà vua ngồi tụ họp lại. Này Bà-la-môn, có ba loại thần thông. Thế nào là ba? Thần thông biến hóa, thần thông ký thuyết và thần thông giáo hóa. Này Bà-la-môn, thế nào là thần thông biến hóa? Ở đây5 này Bà-la-môn5 có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiêu thân, nhiêu thân hiện ra một thân; hiện hình, biên hình? đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân như vậy; có thê tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Này Bà-la-môn? đây gọi là thần thông biến hóa. Và này Bà-la-môn5 thế nào là thần thông ký thuyết? Ở đây, này Bà-la-môn5 có người nói lên nhờ tướng: "Nhu vậy là ý của ông, như thế này là ý của ông5 như thế này là tâm của 6ng." Nếu vị ấy có nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy5 không có gì khác. Ở đây5 này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, nhưng nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của chư thiên, liền nói lên: "Nhu vậy là ý của ông, như thế này là ý của ông5 như thế này là tâm của ông?5 Nếu vị ấy có nói lên nhiêu, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Ở đây? này Bà-la-môn5 có người không nói lên nhờ tướng, cũng không nhờ nghe tiêng của loài người hay của phi nhân, hay của chư thiên, nhimg nhờ sau

khi nghe được tiêng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tâm và suy tư liền nói lên: '"Nhưyậy là ý của ông, như thế này là ý của ông5 như thế này là tâm của 6ng" Nêu vị ây có nói lên nhiêu, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Ở dây, này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, không nói lên nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của chư thiên, cũng không nói lên nhờ sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư5 sau khi suy tầm và suy tư, nhimg nhờ thành tựu định không tầm không tứ, với tâm [của mình] biết rõ tâm của người khác tùy theo ý hành của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy có nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Này Bà-la-môn5 đây gọi là thần thông ký thuyết. Và như thế nào, này Bà-la-môn, là thần thông giáo hóa? Ở đây, này Bà-la-môn5 có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến và an trú cái kia!" Này Bà-la-môn5 đây gọi là thần thông giáo hóa. Này Bà-la-môn5 đây là ba loại thần thông. Trong ba loại thần thông này, ông có thể chấp nhận loại thần thông

nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn? -Ở dây, thưa Tôn giả Gotama, loại thần thông này: Ở dây, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình? đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thô5 trôi lên ngang qua đất liên như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân như vậy; có thê tự thân bay đên cõi Phạm thiên. Loại thân thông này? thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với tôi, tánh chất được xem như là huyễn hóa. Còn loại thần thông này5 thưa Tôn giả Gotama: Ở đây5 có người nói lên nhờ tướng... sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư... với tâm của mình biết rõ tâm của người khác... Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này5 đối với tôi, tánh chất được xem như là huyễn hóa. Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây, có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này5 chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này. Hãy đạt đến và an trú cái kia.” Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, tôi có thể chấp nhận là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba loại thần thông. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả

Gotama! vấn đề này được Tôn giả Gotama khéo nói như vậy. Chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Gotama có thành tựu cả ba loại thần thông này. Thật vậy, Tôn giả Gotama có thể chứng được nhiều loại thần thông... tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Thật vậy9 Tôn giả Gotama thành tựu được định không tầm không tứ, với tâm của mình rõ biết tâm của người khác, tùy theo ý hành của Tôn giả Gotama hướng đến chỗ nào5 thời tâm của Tôn giả Gotama lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Thật vậy, Tôn giả Gotama giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này5 chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến và an trú cái kia!” Thật vậy9 này Bà-la-môn, lời nói của ông trước như là chống đối Ta, sau xích lại gần Ta.79 Và Ta sẽ trả lời cho ông. Này Bà-la-môn, Ta chứng được nhiều loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân... Này Bà-la-môn5 Ta thành tựu được định không tầm không tứ5 với tâm của mình rõ biết tâm của người khác, tùy theo ý hành của Ta hướng đến chỗ nào, thời tâm của Ta lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Này Bà-la-môn, Ta có thể giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này5 hãy đạt đến và an trú cái kia!" Thưa Tôn giả Gotama, có một Tỷ-kheo nào khác cũng thành tựu được ba loại thần thông này ngoài Tôn giả Gotama? Này Bà-la-môn? không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm5 năm trăm mà còn nhiều hơn nữa các Tỷ-kheo thành tựu được ba loại thần thông này. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, nay các Tỷ-kheo ấy hiện ở đâu? Này Bà-la-môn, trong chúng Tỷ-kheo này. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng

tối để những ai có mắt có thể thấy sắc, cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

79 AA. II. 272: Ẫsajja upanĩya vãcã bhãsỉtãtỉ mama gune ghattetvã mameya gunãnam santikam upanĩtã vãcã bhãsitã (Sau khi chống đối thiện tánh của Ta lại nói lời thân mật đối vơi thiện tánh của Ta).

I. KINH THUYẾT CẢN BẢN CỦA NGOẠI ĐẠO (Titthãyatanãdisuttẳ^ (Â. I. 173) 62. Này các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo5 dầu có bị các bậc Hiền 81 nạn vấn lý do5 thảo luận5 vẫn kiên trì trong quan điểm truyền giả cật vấn,80 thống8283về vô vi (akiriyãya). Thế nào là ba? Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn5 Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khỷ"83 Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn5 Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Thàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khô hay không khô không lạc5 tât cả đêu do nhân một vị Tạo hóa tạo ra.” Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn5 hay Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duy6n." Ở đây, này các Tỷ-kheo? đối với các vị Sa-môn9 Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ”; đối yới các vị ấy, Ta đến và nói: "Chu Tôn giả5 có thật chăng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ,?,, Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vay." Ta nói với họ như sau: “Nhu vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở

80 Bản tiếng Anh của PTS: Tenets, nghĩa là Các nguyên ỉý. Tham chiếu: Độ kỉnh (T01. 0026.13.

0435a24).

81 Xem M. I. 130.

82 Parampỉ gantvãtỉ: Kiên trì đời này qua đời khác.

83 XemM.n. 214ÍT.

thành người có tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến." Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghi "'đây là việc phải lam,9 hay "dây là việc không nên làm.,, Như vậy9 sự cân thiêt cân phải làm hay không cân phải làm không được xem là chân thực? là đáng tin cậy5 thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm, với các căn không được hộ trì. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn5 Bà-la-môn có thuyết như vậy5 có chấp kiến như vậy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn5 Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc9 khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tạo hóa tạo ra"; đối với các vị ấy9 Ta đen và nói: "Chu Tôn giả, có thật chăng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khố không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tạo hóa tạo ra'?" Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thua phải, có như vay." Ta nói với họ như sau: "Nhu vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra5 sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra9 sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói láo; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra? sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người tham lam; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra5 sẽ trở thành người có tâm sân; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến." Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị Tạo hóa tạo ra như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ "đây là việc ph2i làm" hay "dây là việc không nên làm." Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thê áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sông thất niệm? với các căn không hộ trì. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy? có chấp kiến như vậy. Ở dây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn9 Bà-la-môn thuyết như sau, chập kiên như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khô hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân5 không duyên,,; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chu Tôn giả5 có thật chăng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc9 tất cả đều do không nhân, không duyên,?,, Được Ta hỏi vậy5 họ trả lời: "Thua phải, có như V0'

Ta nói với họ như sau: "Nhu vậy9 thời theo các Tôn giả5 do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người sát sanh; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người lấy của không cho; do không nhân5 không duyên, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói láo; do không nhân5 không duyên, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người ác khẩu; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói lời phù phiêm; do không

nhân, không duyên, sẽ trở thành người tham lam; do không nhân5 không duyên, sẽ trở thành người có tâm sân; do không nhân, không duy On, sẽ trở thành người theo tà kiOn." Nhung này các Tỷ-kheo5 với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ "đây là việc phải lam" hay "đây là việc không nên làm.,, Như vậy5 sự cân thiêt cân phải làm hay không cân phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy5 thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được5 vì họ sông that niệm và với các căn không hộ trì. Như vậy? này các Tỷ-kheo? đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-m6n, Bà-la-môn có thuyêt như vậy5 có chập kiến như vậy. Này các Tỷ-kheo5 đây là ba y xứ của ngoại đạo? dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vân lý do, thảo luận5 vẫn kiên trì trong quan điêm truyền thống về vô vi [không hành động]. yà này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uê nhiêm, không có tội lôi, không bị các Sa-môn5 các Bà-la-môn có trí quở trách. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uê nhiễm5 không có tội lỗi5 không bị các Sa-môn5 các Bà-la-môn có trí quở trách? Sáu giới này5 này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi? không bị các Sa-môn5 các Bà-la-môn có trí quở trách. Sáu xúc xứ này5 này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyêt giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi? không bị các Sa-môn9 các Bà- la-môn có trí quở trách. Mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo5 là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, khônệ có tội lỗi, không bị các Sa-m6n, các Bà-la-môn có trí quở trách. Bôn Thánh đê này5 này các Tỷ- kheo5 là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi9 không bị các Sa-môn5 các Bà-la-môn có trí quở trách. Sáu giới này5 này các Tỷ-kheo5 là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uê nhiêm, không có tội 16i, không bị các Sa-môn. các Bà-la-môn có trí quở trách, được nói đên như vậy. Điêu đã được nói đên? chính do duyên nào được nói đên? Này các Tỷ-kheo? có sáu giới này: Địa giói, thủy giới, phong giói, hỏa giới5 không giới, thức giới. Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyêt giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn? các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến5 chính do duyên này được nói đến.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 163

CÓ sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo5 là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi5 không bị các Sa-môn5 các Bà-la- môn có trí quở trách. Điều đã được nói dến, chính do duyên nào được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc xứ này: Nhãn xúc xứ5 nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo5 là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi5 không bị các Sa-môn9 các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến5 chính do duyên này được nói đến. Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn5 các Bà-la-môn có trí quở trách. Điêu đã được nói đên9 chính do duyên nào được nói đến? Khi mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần sắc5 làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần sắc, làm y

xứ cho xả. Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho xả. Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm ỵ xứ cho hỷ; hướng vê và đên gân pháp, làm y xứ cho ưu; hướng vê và đên gân pháp, làm y xứ cho xả. Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi? không bị các Sa-môn9 các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến. Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi9 không bị các Sa-môn9 các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Do chấp thủ sáu giới? này các Tỷ-kheo5 nên có nhập thai; dọ có nhập thai nên có danh sắc; do duyên danh sắc nên có sáu xứ; do duyên sáu xứ nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ. Với người có cảm thọ5 này các Tỷ-kheo5 Ta nêu rõ: "Đây là kh6"; Ta nêu rõ: "Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: "Đây là khổ diet"; Ta nêu rõ: "Dây là con đường đưa đến khổ diet.” Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế? ,Sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu, bi5 khổ5 mi, não là khổ; điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo5 đây là Khổ Thánh đế. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Thánh đế về Khổ tập? Vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu? bi, khổ? ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đề về Khổ tập. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do VÔ minh diệt, không có dư tàn nên các hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hưu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diẹt nên già9 chết, sầu, bi, khổ? ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt. Bốn Thánh dế này, này các Tỷ-kheo5 là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la- môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến5 chính do duyên này được nói đến. II. KINH CÁC SỢ HÃI (Bhayasuttaỹ4 (4 I. 178) 63. Có ba sự sợ hãi5 này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phàm phu không học nói đến. Thế nào là ba? Có một thời, này các Tỷ-kheo, một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên5 này các Tỷ-kheo? các làng bị thiêu5 các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ nhất, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Lại nữa? này các Tỷ-kheo9 một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên, này các Tỷ-kheo5 lụt lớn

sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi nên các làng bị cuốn trôi? các thị trấn bị cuốn trôi9 các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ hai, này các Tỷ-kheo? làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên? này các Tỷ-kheo, dân chúng leo lên xe chạy trốn, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ ba, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Có ba sự sợ hãi này5 này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phàm phu không học nói đến. Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo9 có khi chia rẽ mẹ con, có khi không chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Thế nào là ba? Có một thời, này các Tỷ-kheo9 một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên9 này các Tỷ-kheo5 các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố

84 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.758. 0199ỒO5).

bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Này các Tỷ-kheo? đây là sợ hãi thứ nhất, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên? này các Tỷ-kheo5 lụt lớn sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi nên các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi5 các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ hai, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 một thời có sợ hãi vê giặc cướp rừng nôi lên9 và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi về giặc cướp rừng nổi nên, này các Tỷ-kheo, dân chúng leo lên xe chạy trốn5 trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Này các Tỷ-kheo? đây là sợ hãi thứ ba, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo5 có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo? làm chia rẽ mẹ con. Thế nào là ba? Sợ hãi về già, sợ hãi về bệnh? sợ hãi về chết. Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị già: "Ta nay bị già, mong rằng con ta không bị g!” Hay người con không muốn mẹ mình bị già: "Ta nay bị già, mong rằng mẹ ta không bị già!” Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muôn con mình bị bệnh: "Ta nay bị bệnh, mong rằng con ta không bị benh!" Hay người con không muốn mẹ mình bị bệnh: “Ta nay bị bệnh, mong rằng mẹ ta không bị benh!” Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị chết: "Ta nay bị chết, mong rằng con ta không bị chết!" Hay người con không muốn mẹ mình bị chết: "Ta nay bị chết, mong rằng mẹ ta không bị chết!" Đây là ba sự sợ hãi? này các Tỷ-kheo5 làm chia rẽ mẹ con. Có con đường, này các Tỷ-kheo? có đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không

làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con đường, thê nào là đạo lộ đưa đên từ bỏ5 vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này? Đấy là con đường tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ đưa đến từ bỏ? vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này.

166 KINH TĂNG CHI BỘ

III. KINH VENÃGAPURA (Venãgapurasuttă) (A. I. 180) 64. Một thòi, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo? đến một làng Bà-la-môn Kosala tên là Venãgapura. Các gia chủ Bà-la-môn ở Venãgapura được nghe: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đã đên Venãgapura. Tiêng đồn tôt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giac5 Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật? Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bô vê thê giới này, cùng với Thiên giói, Ma giới5 Phạm thiên giới? cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn5 các loài trời, loài người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện? hậu thiện5 có văn, có nghĩa, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!55 Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Venãgapura đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 có người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm rôi ngôi xuông một bên; có người chăp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Bà-la-môn Vacchagotta, người xứ Venãgapura, bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví nhu, thưa Tôn giả Gotama, trái táo vàng vào mùa thu, được thanh tịnh9 chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh5 chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái cây Sãla chín vừa rời khỏi cành, thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy5 các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng? màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví nhu, thưa Tôn giả Gotama, một đồ trang sức bằng vàng đỏ, được người thợ vàng thiện xảo khéo luyện trong lò (ukkãmukhe). khéo đập và đặt trên tấm vải vàng, được chiếu sáng, chói sáng9 rực sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Thưa Tôn giả Gotama, còn các giường cao và lớn như ghế bành,85 ghế dài, nệm trải giường băng lông cừu, vải trải giường nhiêu tâm, nhiêu màu, chăn len trăng, chăn len thêu bông, nệm bông5 thảm thêu hình các con thú, mên băng lông thú cả hai phía, mên băng lông thú một phía, mên có đính ngọc, mên băng lụa? tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa? nệm voi, nệm ngựa? nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tâm thảm có lọng che phía trên, ghê dài có hai đâu gôi chân màu

85 AA. II. 293: Tattha ãsanđĩtỉ. Pallankotỉ pãdesụ vãỊarũpãnỉ thapetvặ kato. Gọnakoti diQ'halomako mahakojavo (O đây, trường kỷ (ãsandĩtĩ) là loại ghê dài quá khô. Loại ghê chạm khăc hình thú (pallanko) nghĩa là loại co chạm khac hình thú nơi chân ghê. Nệm trải giường băng lồng cừu (gonako) nghĩa là tâm trai lớn, đẹp, bằng lông cừu dài). Xem D. I. 7.

đỏ; các loại giường cao và giường lớn như vậy5 chắc Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức? -Này Bà-la-môn, các giường cao và lớn ây5 như ghê bành... có hai đâu gôi chân màu đỏ5 thật rât khó được các vật ây. Và nêu có được cũng không thích hợp với những người xuất gia. Này Bà-la-môn5 có ba loại giường cao và giường lớn này5 nay Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào là ba? Giường cao, giường lớn chư thiên; giường cao, giường lớn Phạm thiên; giường cao, giường lớn bậc Thánh. Ba giường cao, giường lớn này, này Bà- la-môn, Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. -Và thưa Tôn giả Gotama, thê nào là giường cao, giường lớn chư thiên mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc5 có được không phí sức? Ở đây5 này Bà-la-môn5 Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đăp y, câm y bát đi vào làng ây hay vào thị trân ây đê khât thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khât thực trở vê5 Ta đi đên góc cuôi của khu rừng, ơ tại dấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống5 rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, đê niệm trước mặt. Ly due, ly pháp bât thiện5 Ta chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ5 nội tĩnh nhât tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc và đoạn khổ5 chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy5 nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy, nêu Ta đứng, thời trong lúc ây, chô đứng của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy? nêu Ta ngôi5 thời trong lúc ây, chô ngôi của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy5 nêu Ta năm9 thời trong lúc ấy giường cao và giường lớn của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la- môn5 đây là giường cao, giường lớn thuộc chư thiên mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. —Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn chư thiên như vậy, có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn Phạm thiên mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc? có được không phí sức?

-Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khất thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khất thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại dấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống? rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta an trú, biên mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, Ta an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại5 đại hành, vô biên, không hận5 không sân.... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả5 cũng vậy phương thứ hai... quảng dại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn9 trong trạng thái như vậy5 nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy? nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà- la-môn? đây là giường cao, giường lớn thuộc Phạm thiên mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thật vi diệu thay5 Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn Phạm thiên như vậy9 có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn bậc Thánh mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc5 có được không phí sức? Ở dây, này Bà-la-môn5 Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khất thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khất thực trở về9 Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại dấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi Ta ngồi kiết-già5 lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta rõ biết như sau: “Tham ái đã được Ta đoạn tận5 chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu5 không thể sanh khởi trong tương lai. Sân đã được Ta đoạn tận5 chặt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla? làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Si đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla5 làm cho không thể hiện hữu5 làm cho không thể sanh khởi trong tương lai?5 Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy, nêu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn5 trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn? trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy5 nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc

bậc Thánh. Này Bà-la-môn? đây là giường cao, giường lớn thuộc bậc Thánh mà Ta có được không khó khăn9 có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn bậc Thánh như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thật vi diệu thay, Tôn giả

Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy5 pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH SARABHA (Sarabhasuttdỷ6 (A. I. 185) 65. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, du sĩ Sarabha, từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu, đang tuyên bố như sau với hội chúng ở Rặjagaha: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa- môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy Rôi có nhiêu Tỷ-kheo5 vào buôi sáng, đăp y, câm y bát đi vào Rặjagaha để khất thực. Các vị Tỷ-kheo ấy nghe du sĩ Sarabha tuyên bố như sau với hội chúng ở Rajagaha: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.” Rồi các vị Tỷ-kheo đi khất thực ở Rậịagaha xong, sau bữa ăn5 trên con đường khất thực trở về5 đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuông một bên. Ngôi xuông một bên? các Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn: Du sĩ Sarabha, bạch Thế Tôn? đã từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu. Vị ây tuyên bồ như sau với hội chúng ở Rajagaha: "Ta đã hiêu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-mon Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy." Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng bi mẫn, hãy đi đến du sĩ Sarabha. Thê Tôn im lặng nhận lờie Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ ngồi thiền tịnh đứng dậy5 đi đến bờ sông Sappinĩ, khu vườn của các du si, đến du sĩ Sarabha; sau khi dến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

86 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.970. 0250al9); Tạp.(7.02. 0100.204. 0449Ồ28).

-CÓ thật chăng5 này Sarabha, ông đã nói như sau: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật nay^? Được nghe hỏi vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: Hãy nói lên, này Sarabha, ông đã hiểu rõ phảp của các Sa-môn Thích tử như thê nào? Nêu ông hiêu chưa được đây đủ, thời Ta sẽ làm cho được đây đủ. Nhưng nêu ông hiêu được đây đủ5 thời Ta sẽ hoan hỷ tiêp nhận. Lần thứ hai, du sĩ Sarabha giữ im lặng. Lần thứ ba5 Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: Chính do Ta, này Sarabha, pháp của các Sa-môn Thích tử được trình bày lên. Hãy nói lên, này Sarabha, ông đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đày đủ. Nhimg nếu ông hiểu được đầy đủ? thời Ta sẽ hoan hỷ tiếp nhận. Lần thứ ba, du sĩ Sarabha giữ im lặng. Rồi các du sĩ ở Rặjagaha nói với du sĩ Sarabha: Này Hiên giả, những điêu gì Hiên giả cân hỏi Sa-môn Gotama, Sa-môn Gotama đã cho Hiền giả có cơ hội nói lên. Hãy nói lên5 này Sarabha, Hiền giả đã hiểu pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Hiền giả hiểu chưa được đây đủ, Sa-môn Gotama sẽ làm cho đây đủ. Nêu Hiên giả hiêu được đây đủ? Sa-môn Gotama sẽ hoan hỷ tiếp nhận. Được nghe nói vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi dầu, sững sờ, không

thể trả lời. Rồi Thế Tôn biết được du sĩ Sarabha đang giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, ngôi không trả lời5 liên nói với các du sĩ ây: Này các du si, nêu có ai nói vê Ta như sau: "Dâu ông tụ cho là đã Chánh đẳng giác nhưng ông không có Chánh đẳng giác các pháp này”ở đây? Ta sẽ khéo cật vân, nạn vân? thảo luận với người ây. Người ây bị Ta khéo cật vân, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác5 sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phẫn nộ5 sân hận5 và bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi dầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha. Này các du sĩ? nêu có ai nói vê Ta như sau: "Dâu ông tự cho đã đoạn tận các lậu hoặc nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn tận,\ ở đây, Ta sẽ khéo cật vân, nạn vân, thảo luận với người ây. Người ây bị Ta khéo cật vân5 nạn vân5 thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vân đê với một vân đê khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phẫn nộ? sân hận, và

bất mãn; hay im lặng5 hoang mang, rụt vai, cúi dầu, sững sờ5 không nói gì như du sĩ Sarabha. Này các du si, nếu có ai nói về Ta như sau: 'Tháp do ông thuyết giảng với mục đích chơn chánh đoạn tận khổ đau, không có đưa người thực hành đến mục đích ấy”, ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy5 không có chỗ nào5 không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phẫn nộ5 sân hận5 và bất mãn; hay im lặng9 hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha. Rồi Thế Tôn, tại khu vườn các du si, trên bờ sông Sappinĩ, sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, liền ra đi trên hư không. Rồi các du sĩ ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền bao vây xung quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những lời chỉ trích như sau: Này Hiên giả Sarabha, như con dã can già yêu trong rừng rậm nghĩ răng: "Ta sẽ rống tiếng con sư tử", nhimg nó chỉ thốt ra tiếng rú của con dã can, chỉ thốt ra tiếng rú của con thú bị ăn thịt. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể có tiếng rống con sư tử, ông nghĩ: "Ta sẽ rống tiếnệ rống con sư tử", nhưng ông chỉ thôt ra tiêng rú của con dã can, chỉ thôt ra tiêng rú của con thú bị ăn thịt. Ví như, này Hiền giả Sarabha, con gà con nghĩ rằng: "Ta sẽ gáy lên tiếng gáy con gà trống,\ nhưng nó chỉ có thể thốt ra tiếng kêu con gà con. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể gáy lên tiếng gáy gà trống, ông nghĩ: "Ta có thể gáy lên tiếng gáy con gà trống,\ nhimg ông chỉ thốt ra tiếng gáy con gà con. Ví nhu, con bê cái con, này Hiền giả Sarabha, khi chuồng bò trống không, nghĩ rằng có thể rống tiếng rống to khỏe của con bò đực. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama ra, ông nghĩ rằng ông có thể rống lên tiếng rống to khỏe của con bò đực? nhưng ông chỉ thốt ra tiếng rống của con bê cái con. Như vậy5 các du sĩ ấy bao vây xung quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những lời chỉ trích như vậy. V. KINH CÁC VỊ Ở KESAPUTTA (Kesamuttìsuttăỷ1 (A. I. 188) 66. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo? đi

đến Kesaputta, thị trấn của người Kãlãma. Các người Kâlãma ở Kesaputta được nghe: "Sa-m6n Gotama là Thích tử5

87 Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Kesaputta. Tham chiếu: Gìà-lam kỉnh (roi. 0026.16. 0438bl3).

xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giac5 Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời5 loài người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện? có văn, có nghĩa, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch/ Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!,, Rồi những người Kãlãma ở Kesaputta đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, có người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu roi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các người Kãlãma ở Kesaputta bạch Thế Tôn: —Có một số Sa-môn5 Bà-la-môn9 bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta; họ làm sáng tỏ9 làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ bài xích, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc quan điêm của người khác. Bạch Thê Tôn, lại có một sô Sa-môn5 Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta; họ làm sáng tỏ5 làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ bài xích, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Đôi với họ, bạch Thê T6n, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: “Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?” —Đương nhiên, này các Kãlãma, các ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kãlãma? các ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các ông đương nhiên khởi lên phân vân. Này các Kãlãma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhimg này các Kãlãma, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, khổ dau"; thời này các Kãlãma, hãy từ bỏ chúng! Các ông nghĩ thế nào, này các Kãlãma, lòng tham khi khởi lên trong nội tâm của người ĩiào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? - Bất hạnh, bạch Thế Tôn. Người này có tham, này các Kãlãma, bị tham chinh phục5 tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật5 lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng

khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không? - Thưa có, bạch Thế Tôn. -Các ông nghĩ thế nào, này các Kãlãma, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? Bất hạnh, bạch Thế Tôn. Người này có sân, này các Kãlãma, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không? Thưa có, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Kãlãma, lòng si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? Bất hạnh, bạch Thế Tôn. Người này có si, này các Kãlãma, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thê có làm cho người ây bât hạnh, đau khô lâu dài hay không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thê nào, này các Kãlãma, các pháp này là thiện hay bât thiện? Là bất thiện, bạch Thế Tôn. Đáng chê hay không đáng chê? Đáng chê, bạch Thế Tôn. Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách? Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn. Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến bất hạnh? đau khổ không? Hay ở đây là như thế nào? Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh5 đau khổ. Ở đây đối với chúng con là vậy. Như vậy5 này các Kãlăma, điêu Ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyên thuyêt; chớ có tin vì theo truyên thông; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin VÌ phù hợp với định kiên; chớ có tin vì phát xuât từ nơi có uy quyên; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhung này các Kãlãma, khi nào tự mình rõ biêt như sau: 'Các pháp này là bât thiện; các pháp này lả đáng chê; các pháp

này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nêu được thực hiện và châp nhận, đưa đến bất hạnh, khổ đau9; thời này các Kãlãma, hãy từ bỏ chúng!" Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến. Này các Kãlãma, chớ có tin vì nghe báo cáo... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhimg này các Kãlãma, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không đáng chê; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận5 đưa đến hạnh phúc5 an lạc” thòi này các Kãlãma, hãy chứng đạt và an trú! Các ông nghĩ thế nào5 này các Kãlãma, không tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? -Hạnh phúc, bạch Thế Tôn. —Người này không tham, này các Kãlãma, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật5 không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không? -Thưa có, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Kãlãma, không sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? -Hạnh phúc, bạch Thế Tôn. Người này không sân5 này các Kãlãma, không bị sân chinh phục, tâm không

bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đên vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ nguôi khác làm như vậy5 như thế có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ây hay không? -Thưa có5 bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Kãlãma, không si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? - Hạnh phúc, bạch Thế Tôn. Người này không si, này các Kălãma, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy? như thế có đem lại hạnh phiic, an lạc lâu dài cho người ấy hay không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào9 này các Kãlãma, các pháp này là thiện hay bất thiện? Là thiện, bạch Thế Tôn. -Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê? —Không đáng chê, bạch Thế Tôn.

—Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán? - Được người có trí tán thán5 bạch Thế Tôn. Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào? Nêu được thực hiện, được châp nhận, bạch Thê Tôn, chúng đưa đên hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là vậy. Này các Kãlãma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kălăma, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không đáng chê; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc", thời này các Kãlãma, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến. Này các Kãlãma, vị Thánh đệ tử nào ly tham5 ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả9 quảng dại, đại hành, vô biên, không hận5 không sân. Vị Thánh đệ tử ây, này các Kẫlãma, với tâm không oán như vậy? không sân như vậy5 không uê nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy? ngay trong hiện tại, người ấy đạt được bốn sự an ủi: "Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thục của các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mệnh chung, ta sẽ sanh lên thiện thú? thiên giới, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được. "Nêu không có đời sau, nêu không có kêt quả dị thục của các nghiệp thiện ác, thời ở đây5 trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán5 không sân, không phiền não, được an l@c"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được. "Nêu việc ác có làm? nhimg ta không có tâm ác đôi với ai cả? và nêu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được,9; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được. "Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện [do ta làm vô ý hay cố ý], ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tjnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được. Vị Thánh đệ tử ây, này các Kãlãma, với tâm

không oán như vậy5 với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy? với tâm thanh tịnh như vậy5 ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi này.

-Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy9 bạch Thiện Thệ! Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy5 ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi: "Nêu có đời sau, nêu có kêt quả dị thục của các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mệnh chung, ta sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được. "Nêu không có đời sau, nêu không có kêt quả dị thục của các nghiệp thiện ác, thời ở dây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an l@c"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được. "NSu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đôi với ai cả, và nêu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau duẹxc"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được. "Nếu việc ác không có làm, như vậy9 cả hai phương diện [do ta làm vô ý hay cố ý]? ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tjnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được. Vị Thánh đệ tử ấy9 bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy9 với tâm thanh tịnh như vậy5 ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi này. Thật vi diệu thay, thưa Thế Tôn! Thật hy hữu thay, thưa Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối ? . *> ĩ f A đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy, pháp được Thê Tôn dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thê Tôn nhận chúng con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng. VI. KINH SÃLHA (SăỊhasutta) (Ẩ. I. 193) 67. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Nandaka trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên5 nơi lâu đài của mẹ Migãra. Rồi SãỊha, cháu trai của Migãra, và Rohana, cháu trai của Pekhuniya, đi đến J , chi đên5 đảnh lê Tôn giả Nandaka rôi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Nandaka nói với SãỊha, cháu trai của Migãra như sau: Hãy đến, này các SãỊha, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các SãỊha, khi nào tự mình rõ biêt như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người trí quở trách; các

pháp này nêu được thực hành và châp nhận5 đưa lại bât hạnh và đau khô,9; thời này các SãỊha, các ông cần phải từ bỏ chúng. Này các SãỊha, các ông nghĩ thê nào, có tham hay không? Thưa có, bạch Tôn giả. —Tham, này các SãỊha? ta nói nghĩa này là vậy. Này các SãỊha, người có tham này bị tham chinh phục, giết các sinh vật5 lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không? Thưa có, bạch Tôn giả. Các ông nghĩ

thế nào, này các SãỊha, có sân hay không? Thưa có, bạch Tôn giả. -Sân, này các SãỊha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các SãỊha, người có sân này bị sân chinh phục, giết các sinh vật9 lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không? -Thưa có, bạch Tôn giả. Này các Sã]ha, các ông nghĩ thế nào, có si hay không? —Thưa có5 bạch Tôn giả. Si, này các SãỊha? ta nói nghĩa này là vậy. Này các SãỊha, người có si này bị si chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũnẹ khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khô lâu dài hay không? —Thưa có, bạch Tôn giả. Các ông nghĩ thế nào, này các SăỊha, các pháp này là thiện hay bất thiện? Là bất thiện5 bạch Tôn giả. Các pháp này là có tội hay không có tội? —Có tội, bạch Tôn giả. Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán? —Bị người có trí quở trách, bạch Tôn giả. —Nêu được thực hiện9 được chập thuận, chúng có đưa lại bât hạnh, đau khô không? Hay ở đây là thế nào? Nếu được thực hiện, được chấp thuận, thưa Tôn giả, chúng đưa lại bất hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là như vậy. Như vậy, này các SãỊha, điều ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin

VÌ vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Này các SãỊha, khi nào tự mình biết như sau: 'Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị nguôi có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và châp nhận? đưa lại bât hạnh và đau khổ5; thời này các SãỊha, hãy từ bỏ chúng!,9 Điều đã được nói dến, chính do duyên này được nói đến. Như vậy5 này các SãỊha, chớ có tin vì nghe báo cáo... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhimg này các SãỊha, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an 10C"; thời này các SãỊha, hãy chứng đạt và an trú! Các ông nghĩ như thế nào? này các SãỊha, không tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? Hạnh phúc, bạch Tôn giả. Người này không tham, này các SãỊha, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật? không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không? Thưa có5 bạch Tôn giả. Các ông nghĩ như thế nào, này các SãỊha, không sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? Hạnh phúc, bạch Tôn giả. Người này không sân, này các SãỊha, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không? Thưa có, bạch Tôn giả. Các ông nghĩ như thế nào, này các SãỊha, không si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy? Hạnh phúc, bạch Tôn giả. Người này

không si, này các SãỊha, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật? không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không? Thưa c6, bạch Tôn giả. Các ông nghĩ thế nào, này các SãỊha. Các pháp này là thiện hay bất thiện? —Là thiện, bạch Tôn giả. Các pháp này là có tội hay không có tội?

Không có tội9 bạch Tôn giả. Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán? Được người có trí tán thán, bạch Tôn giả. Nếu được thực hiện, được chấp nhận? chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào? Nếu được thực hiện, được chấp nhận9 bạch Tôn giả5 chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là như vậy. Như vậy, này các SãỊha, điều ta vừa nói với các ông: uChớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyên thuyêt; chớ có tin vì theo truyên thông; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin VÌ phù hợp với định kiên; chớ có tin vì phát xuât từ nơi có uy quyên; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các SãỊha? khi nào tự mình rõ biết như sau: 'Các pháp này là thiện; các pháp này không có tội; các pháp này được người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận? đưa lại hạnh phúc, an lạc'; thời này các SãỊha, hãy chứng đạt và an trú!,^ Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến. Này các SãỊha, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân5 ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biên mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba. cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ay an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả? quảng đại9 đại hành5 vô biên, không hận? không sân. Vị ấy rõ biết như sau: "C6 trạng thái này, có trạng thái hạ liệt, có trạng thái thù thăng, có xuât ly ra khỏi tưởng giới này.” Do vị ây biêt như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu5 tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa.” Vị ây rõ biêt như sau: "Trước ta có tham, tham ây là bât thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện. Trước ta có sân, sân ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện. Trước ta có si, si ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện.99 Như vậy, ngay trong đời sống hiện tại, vị ấy được giải thoát khỏi hy cầu, được tịch tịnh, được thanh lương, cảm thấy an lạc, tự mình an trú trong Phạm tánh. VII. KINH CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN (Kathãvatthusutta)^ (4 I. 197) 68. Này các Tỷ-kheo, có ba vấn đề88 89 này được nói đến. Thế nào là ba? Có

88 Tham chiếu: Thuyết xứ kỉnh (roi. 0026.Il9. 0609a06). 89 XemKv". I. 513.

thê nói vê quá khứ, này các Tỷ-kheo, nói răng: "Nhu vậy đã xảy ra trong thời quá khứ." Có thể nói về tương lai, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Nhu vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai." Có thể nói về hiện tại, này các Tỷ-kheo5 nói rằng: "Nhu vậy đang xảy ra trong thời hiện t@i." Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận. Nêu người nào, này các Tỷ-kheo? khi được hỏi một câu, không trả lời một cách dứt khoát90 cho một câu hỏi cần phải trả lời một cách dứt khoát, không trả lời một cách phân tích cho một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích, không trả lời với một câu hỏi ngược lại cho một câu hỏi càn phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, không gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên? như vậy, này các Tỷ-kheo5 một người như vậy không có khả năng thảo luận. Nếu người nào, này các Tỷ-kheo? khi được hỏi một câu, trả lời một cách dứt khoát cho một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát, trả lời một cách phân tích cho một câu hỏi cần trả lời một cách phân tích, trả lời với một câu hỏi ngược lại cho một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên, như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy có khả năng thảo luận. Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thê biêt được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận. Nếu một người, này các Tỷ-kheo? khi được hỏi một câu, không xác nhận là đúng hay không đúng, không xác nhận là một giả thuyết, không xác nhận là quan điểm của bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm5 nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy không có khả năng thảo luận. Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, xác nhận là đúng hay không đúng, xác nhận là một giả thuyết, xác nhận là quan điểm của bậc trí, xác nhận là sở hành thường làm, nêu là như vậy, này các Tỷ-kheo5 người ây có khả năng thảo luận. Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo? có thê biêt được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận. Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, tránh câu hỏi ấy91 với một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề? bày tỏ sự phẫn nộ9 sân hận5 bât mãn5 nêu là như vậy? này các Tỷ-kheo5 người này không có khả năng thảo luận. Nếu một người, này các Tỷ-kheo5 khi được hỏi một câu, không tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề? không

90 Ekamsena. Xem 08. III. 221; Miln. 144. 91 Xem4I. 187;D I. 96.

n *1 1 /X 1 Ả Ả 15 1 /\ r • bày tỏ sự phân nộ, sân hận5 bât mãn5 nêu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận. Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo? có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận. Nếu một người, này các Tỷ-kheo? khi được hỏi một câu, lại mắng chửi, đánh đập5 nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở, nếu là như vậy9 này các Tỷ-kheo? người này không có khả năng thảo luận. Nêu một người, này các Tỷ-kheo? khi được hỏi một câu, không măng chửi, không đánh đập, không nhạo báng, không chụp lấy chỗ sơ hở9 nếu là như vậy? này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận. Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người có duyên hay không có duyên. Không có lóng tai, này các Tỷ-kheo5 là không có duyên. Có lóng tai là có duyên. Người có duyên thắng

tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp;92 do thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là lợi ích của thảo luận, như vậy là lợi ích của đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, như vậy là lợi ích của nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát không có chấp thủ. Nói chuyện với hiềm thù9 Thiên chấp và kiêu mạn, Nghịch lại đức bậc Thánh, Bới móc lỗi lầm nhau, Thích nghe nói xấu người, Người lầm5 người bối rối, Người bị thua, bị hại, Bậc Thánh không làm vậy. Nêu muôn cùng đàm luận, Bậc hiền biết thời gian, Câu chuyện của bậc Thánh, Liên hệ pháp, pháp nghĩa. Người có trí nói chuyện, Không hiềm thù? kiêu mạn, Với tâm không chấp trước5 Không hiềm hận độc đoán5 Không để tâm lơ đãng, Nói lên với chánh trí, Hoan hỷ lời khéo nói5 Không vui lời vụng về,

92 Bốn pháp này, theo Chủ giải là pháp, Thánh đế về khổ, bất thiện và A-la-hán quả.

182 KINH TẢNG CHI BỘ

Không học cách chỉ trích,
Không chụp sơ hở người,
Không nhiếc mắng, đánh đập5
Không nói lời vu vơ,
Lời nói của bậc Thánh,
Vừa dạy vừa hoan hỷ,
Như vậy bậc Thánh nói,
Bậc Thánh luận đàm vậy,
Bậc trí biết rõ vậy?
Nói lời thật khiêm tốn.

VIII. KINH DU SĨ NGOẠI ĐẠO (Annatitthiyasutta)9394 (4 I. 199) 69. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "C6 ba pháp này? này các Hiên giả. Thê nào là ba? Tham, sân? si. Những pháp này, này các Hiên giả? là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiên giả, thê nào là đặc thù5 thế nào là thù thing/ thế nào là khác biệt?95 Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo? các ông trả lời như thế nào với các du sĩ ngoại đạo ấy? Đối với chúng con% bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản? lấy Thế Tôn làm lãnh đạo5 lấy Thế Tôn làm nương tựa. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết ý nghĩa lời nói này cho chúng con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. —Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. - Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "C6 ba pháp này, này các Hiên giả. Thê nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiên giả9 là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù5 thế nào là thù thắng, thế nào là khác biet?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Tham, thưa các Hiền giả, là tội nhỏ,95 nhưng ly tham là chậm chạp. Sân là tội lớn, nhưng ly sân là mau chóng. Si là tội lớn, và ly si là chậm chạp?9 "Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng dại?"

Cần phải trả lời là "tịnh tướng", “v&i ai không như lý tác ý tịnh tướng, thời tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiên tham chưa sanh được sanh kh&i, và tham đã sanh được tăng trưởng, quảng dại."

93 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.21.7. 0604a28); Thất xứ tam quản kỉnh (02. 0150A.45.0882all)

94 Xem 4 I. 267; s. III. 66.

95 Xem 4 III. 416.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 183

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng âạiT' Cần phải trả lời là "chướng ngại tướng”. "V&i ai không như lý tác ý chướng ngại tướng, thời sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng d@i" "Do nhân gì? này các Hiên giả5 do duyên gì si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng dai?" Cần phải trả lời là "không như lý tác ý5\ "Vói ai không như lý tác y, thời si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân? này các Hiền giả, đây là duyên khiến si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng dại." "Do nhân gì, này các Hiền gido duyên gì tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tan?" Cần phải trả lời là "bất tịnh tướng”. "V&i ai như lý tác ý bất tịnh tướng, thời tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến tham chưa sanh không sanh khởi? và tham đã sanh được đoạn ." "Do nhân gì9 này các Hiền giả5 do duyên gì sân chưa sanh không sanh khởi? và sân đã sanh được đoạn tận?,, Cần phải trả lời là "từ tâm giải thoát". "Với ai như lý tác ý từ tâm giải thoát, thời sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận.,, “Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì si chưa sanh không sanh kh&i, và si đã sanh được đoạn tận?,, càn phải trả lời là "nhu lý tác ý99. "V&i ai như lý tác ý, thời si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả9 đây là duyên khiến si chưa sanh không sanh kh&i, và si đã sanh được đoạn tan."

IX. KINH CÁC CẢN BẢN BẤT THIỆN (Akusaỉamữỉasutta)96 (A. I. 201) 70. Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Pháp gì là tham, này các Tỷ-kheo? pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng tham, CÓ làm gì về thân, về lời5 về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng tham, bị lòng tham chinh phục? tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất

96 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kinh (T.02. 0150A.46. 0882a24).

thiện pháp này sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, khởi lên nơi người ấy. Pháp gì là sân, này các Tỷ-kheo, pháỊ) ấy là bất thiện. Ai với lòng sân? có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng sân, bị lòng sân chinh phục, tâm không được tự chiỉ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắnẸ nhiêc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh? ta có sức mạnh,\ việc ây là bât thiện. Như vậy? rât nhiêu ác9 bất thiện pháp này sanh ra từ sân5 duyên khởi từ sân, tập khởi từ sân? khởi lên nơi người ấy. Pháp ệì là si, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng si, có làm gì vê thân, vê lòi, vê ý5 việc ây là bât thiện. Với ai có lòng si, bị lòng si chinh phục, tâm không được tự chủ? vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc5 tịch thu tài sản5 mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là bất thiện. Như vậy? rất nhiều ác, bất thiện pháp này sanh ra từ si, duyên khởi từ si, tập khởi từ si, khởi lên nơi người ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói phi thòi, nói không thực, nói không trúng dích, nói phi Pháp, nói phi Luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói phi thời? nói không thực? nói không trúng đích5 nói phi Pháp, nói phi Luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ- kheo5 đã vu cáo làm n^ười khác đau khô bằng cách sát hại, trói buộc? tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tan xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức manh." Khi được đôi chât với sự thật, người ây phủ nhận9 không có chập nhận; khi được đối chất với sự khồng that, người ấy không có nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: "Đây là không chân, đây là không thực?5 Cho nên, người như vậy được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng dích, nói phi Pháp, nói phi Luật. Người như vậy5 này các Tỷ-kheo, bị các ác, bât thiện pháp do tham sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não9 với sự nhiệt não5 sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh nhiêp phục, tâm mât tự chiỉ, ngay trong hiện tại sông đau khô với sự tổn não, với sự ưu não5 với sự nhiệt não5 sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy5 này các Tỷ-kheo, bị các ác9 bât thiện pháp do si sanh nhiếp phục? tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khố với sự tổn não5 với sự ưu não, với sự nhiệt não5 sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Ví như, này các Tỷ-kheo, cây Sãla hay cây Dhava hay cây Phandana bị phá hoại, bị bao trùm bởi ba loại tầm gởi (mãluvãlatã), đi đến tổn hại? đi đến bất hạnh, đi đến tổn hại và bất hạnh; cũng vậy? này các Tỷ-kheo, người như vậy, bị các ác, bất thiện pháp do tham sanh chinh phục, tâm mất tự chủ9 ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não9 với sự nhiệt não? sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú... bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh... bị các ác, bất thiện pháp do si sanh chinh phục5 tâm mất tự chủ5 ngay

trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não5 sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản bất thiện. Có ba căn bản của thiện, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không tham là căn bản của thiện, không sân là căn bản của thiện, không si là căn bản của thiện. Pháp gì là không tham, này các Tỷ-kheo, pháp ây là thiện. Ai với lòng không

tham, có làm gì về thân, về lòi, về ý5 việc ấy là thiện. Với ai không có lòng tham, không bị lòng tham chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại? trói buộc, tịch thu tài sản, măng nhiêc hay tân xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức việc ây là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham, khởi lên nơi người ấy. Pháp gì là không sân, này các Tỷ-kheo, pháp ây là thiện. Ai với lòng không sân, có làm gì về thân, về lời5 về ý5 việc ấy là thiện. Với ai không có lòng sân, không bị lònệ sân chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khô bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh,\ việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không sân, duyên khởi từ không sân, tập khởi từ không sân, khởi lên nơi người ấy. Pháp gì là không si, này các Tỷ-kheo9 pháp ấy là thiện. Ai với lòng không si, có làm gì về thân, về lời, về ý5 việc ấy là thiện. Với ai không có lòng si, không bị lòng si chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không si, duyên khởi từ không si, tập khởi từ không si, khởi lên nơi người ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? người này được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng dích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Vì sao người như vậy? này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích5 nói đúng Pháp, nói đúng Luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã không vu cáo, đã không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản5 mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh.,, Khi được đối chất với sự thật, người ấy chấp nhận, không có phủ nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: "Đây là không chân, đây là không thực.,, Cho nên, người như vậy được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Người như vậy, này các Tỷ-kheo5 đoạn tận các ác, bất thiện pháp do tham sanh, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại sống an lạc? không có tổn não5 không có ưu não, không có nhiệt não5 sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niêt-bàn. Người như vậy5 này các Tỷ-kheo,

không bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não? sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị các ác? bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não5 không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, cây Sãla hay cây Dhava, cây Phandana, bị ba cây tầm gởi phá hoại bao trùm. Rồi có người đi đến, cầm cuốc và thúng. Người ấy chặt đứt rễ cây tầm gởi ấy, sau khi chặt đứt rễ? người ấy đào mương. Đào mương xong, người ấy nhổ các rễ lên, nhổ cho đến các rễ nhỏ như rễ Ưsĩra.9798 99 Rồi người ay chặt cây tầm gởi thành

từng khúc nhỏ, bửa và chẻ thành từng mảnh nhỏ, người ầy đem phơi giữa gió và mặt trời. Sau khi phơi giữa gió và mặt trời, người ấy lấy lửa đốt, làm thành một đống tro, và quạt chúng ra giữa gió lớn hay đổ chúng xuống dòng nước chảy nhanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các cây tầm gởi ấy, bị cắt đứt gốc từ rễ, bị làm cho như thân cây Sãla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thê sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 với người như vậy? các ác, bất thiện pháp do tham sanh đã được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sãla, được làm cho không hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết- bàn... do sân sanh... các ác, bất thiện pháp do si sanh đã được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sãla, được làm cho không hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não? không có nhiệt não5 ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản của thiện. X. KINH CÁC LỄ BỐ-TÁT (Uposathasutta)^ (A. I. 205) 71. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ), Pubbãrãma (Đông Viên)? nơi lâu đài của mẹ Migãra. Rồi Visãkhã, mẹ của Migãra, trong ngày Uposatha^9 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuong một bên. Thế Tôn nói với Visãkhã, mẹ của Migãra, đang ngồi một bên: Này Visãkhã, từ đâu bà đến sáng sớm như thế này? —Bạch Thế Tôn, hôm nay con thọ trai giới (Uposathă). Có ba loại trai giới này, này Visãkhã. Thế nào là ba?

97 Một loại rễ thơm dùng để làm nước hoa. 98 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.24.6. 0624b 19); Trì trai kỉnh (roi. 0026.202. 0770al6). 99 Chính là ngày rằm.

Trai giới người chăn bò? trai giới Nigantha và trai giới bậc Thánh. Như thế nào, này Visãkhã, là trai giới người chăn bò? Ví nhu, này Visãkhã, người chăn bò vào buổi chiều lùa các con bò về cho chủ của chúng. Người ấy suy nghĩ: "H6m nay, các con bò đã ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này? đã uống nước tại chỗ này và chỗ này. Ngày mai, các con bò sẽ ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này? sẽ uống nước tại chỗ này và chỗ này." Cũng vậy5 này Visãkhã. ở đây có người giữ trai giới suy nghĩ: “H6m nay, ta đã ăn loại đồ ăn cứng này5 loại đồ ăn cứng này ta đã ăn; ta đã ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta đã ăn. Ngày mai, ta sẽ ăn loại đồ ăn cứng này9 loại đồ ăn cứng này ta sẽ ăn; ta sẽ ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta sẽ ăn,5; như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm đồng hành với tham dục. Như vậy? này Visãkhã, là trai giới người chăn bò. Này Visãkhã, thế nào là trai giới các Nigantha? Ở dây, này Visãkhã, có hạng Sa-môn tên là Nigantha, họ khích lệ đệ tử như sau: "Ông hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Đông, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Tây, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại Sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sông ở phương Nam, n^oài một trăm do-tuân.” Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đôi với một sô sinh loại mà thôi; họ không khích lệ vì lòng

thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại khác. Trong ngày Uposatha. họ khích lệ đệ tử như sau: "Này các ông5 hãy quăng bỏ tất cả áo ạuần và nói như sau: 'Ta không có bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Bat cứ vật gì5 bất cứ ở đau, bất cứ chỗ nào, không có cái gì là của ta/,10° Nhưng cha và mẹ của người ấy biết người ấy là con của mình5 và người ấy biết họ là cha mẹ của mình. Vợ và con người ấy biết người ấy là chồng, là cha của mình; và người ấy biết họ là vợ5 là con của mình. Các người nô tỳ làm công biết người ấy là chủ của họ; và người ấy biết họ là nô tỳ5 là nhân viên của mình. Như vậy5 trong thời gian đáng phải khích lệ đúng với sự that, trong thời gian ấy, lại được khích lệ bằng điều nói láo, đay Ta tuyên bố là một sự nói láo. Sau khi đêm ấy đã qua, người ấy thọ hưởng tất cả tài sản chưa đem cho, đây Ta tuyên bố là lấy của không cho. Như vậy, này Visãkhã, là lễ Uposatha của các Nigantha. Được sống thực hành như vậy, này Visãkhã, lễ Uposatha của các Nigantha không có quả lớn, không có lợi ích lớn, không chói sáng lớn, không có ánh sáng lớn. Và nàỵVisãkhã, thế nào là trai giới các bậc Thánh? Chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi?100 101

100 Kincana. AA. II. 231 viếtpalỉbodho, có nghĩa là trở ngại. Xem ^4. II. 177; Ud. VII. 10; UdA. 386. 101 Upakkamena: Với phương pháp thích nghi. Theo AA. II. 324, đức Phật ví như đầu, Pháp là thân, Tăng là y phục, Giới la tấm gương và chư thiên là vàng ròng.

Ở đây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, yô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Ton?5 Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như5 này Visãkhã, đâu uê nhiêm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thê nào là đâu uê nhiêm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Do duyên bột nhồi, do duyên đất sét, do duyên nước và đo duyên nỗ lực thích nghi của con người.102 Như vậy, này Visãkhã, là đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy5 này Visãkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thê nào là tâm uê nhiêm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Ở đây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai: 6CĐây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Ton?9 Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan khởi lên, các phiền não của tâm được đoạn tận. Nàỵ Visâkhã, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành trai giới Phạm thiên, vị ây cùng sông với Phạm thiên. Do duyên Phạm thiên,103 tâm vị ây được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visăkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Này Visãkhã, tâm uê nhiêm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Ở đây? này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Do

vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví nhu, này Visãkhã, thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Do duyên đá bọt (sotti),104 do duyên bột tắm (cunna). do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visãkhă, là thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visãkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

102 Tajja, sarũpa. Xem 5. II. 96; IV. 215. 103 Ở đây Phạm thiên (Brahmă) chỉ cho đức Phật. 104 Một thứ đá bọt dùng để chà lưng. M. II. 46. Theo Chủ giải, đá Kuruvindakạ được nghiền ra thành bột, làm thành viên tròn với sáp, được đục lô và xâu dây vào, hai tay câm hai đâu dây kéo qua kéo lại, cọ xát trên lưng.

Và như thê nào, này Visãkhã, là tâm uê nhiêm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Ở đây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng... được người trí tự mình giác hiểu." Do người ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tíîi, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visãkhã, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành pháp trai giới, vị ấy sống với Pháp. Chính nhờ Pháp, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visãkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Này Visãkhã, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Ở đây5 này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế T6n, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế T6n, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường5 đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở dòi." Do vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visãkhã, một tâm vải bị uê nhiêm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visăkhâ, thê nào là một tâm vải bị uê nhiêm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Do duyên đất mặn, do duyên nước tro, do duyên phân bò, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visãkhã, một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visăkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhâ, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Ở đây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đờiy Nhờ vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visãkhã, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành chúng Tăng trai gi&i, sống với chúng Tăng. Chính nhờ chúng Tăng, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy5 này Visãkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Này Visãkhâ, tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Ở đây; này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm ^iới:105 "Không bị

phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô5 không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được

105 XemKS. V.297.

người trí tán thán, không bị chấp thủ? đưa đến thiền djnh.” Do vị ấy niệm giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi5 các phiên não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visãkhã, một tấm gương uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thê nào là một tâm gương uê nhiêm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Do duyên dầu, do duyên tro, do duyên bàn chải lông (vãỉandupaka) và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visãkhã, là tâm gương uê nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visãkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Ở đây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm giới: "Không bị phá hoại... đưa đến thiền djnh." Vị ấy nhờ niệm giới5 tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visãkhă, đây gọi là vị Thánh đệ tử thực hành giới Uposatha, sống chung với giới. Nhờ giới5 tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiên não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visãkhã, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Này Visãkhã, tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi? Ở đây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm thiên:106 "C6 chư thiên cõi Tứ Thiên Vương; có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba; có chư thiên Dạ-ma; có chư thiên Đâu-suất; có chư thiên Hóa Lạc; có chư thiên Tha Hóa Tự Tại; có chư thiên Phạm Chúng; có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy? chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy, sau khi chét ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy? chư thiên ây5 sau khi chêt ở chô này, được sanh tại chô kia; thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy? chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại cho kia; tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta." Khi người ấy niệm tín, giới? nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi5 các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visãkhã, là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thê nào là vàng bị uê nhiêm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

106 Ở đây devatã gồm cả hai devã và devatã. Trong D. ỊL 252, Mahãsamaya Sutta và s. V. 420, có đề cập chư thiên cao hơn, trừ bhummadevatã (địa thân) thâp nhât.

Do duyên lò, do duyên đất muối5 do duyên phấn đỏ, do duyên ống bệ? do duyên cái kềm và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy? này Visãkhã, là vàng bị uế

nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy? này Visãkhã, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visãkhã, thế nào là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi? Ở dây, này Visãkhã, vị Thánh đệ tử niệm thiên: “C6 chư thiên Bốn Thiên Vương; có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba... có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ây, sau khi mệnh chung ở chô này, được sanh tại chô kia; ta cũng có lòng tin như vậy. Đây đủ với giới... với nghe pháp... với thí... với trí tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này5 được sanh tại chỗ kia; ta cũng có trí tuệ như vậy.,, Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và của chư thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi5 các phiền não của tâm được đoạn tận. Đây gọi là vị Thánh đệ tử thực hành thiên trai giới (Uposatha), sống chung với chư thiên. Nhờ chư thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy9 này Visãkhã, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Vị Thánh đệ tử ấy, này Visãkhã, suy tư như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ sát sanh.107 tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, CÓ lòng từ, sông thương xót đên hạnh phúc của tât cả chúng sanh và loài hữu tình. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sông từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiêm, biết tàm quý5 có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình, về chi phần này, ta theo gương các vị A-la- hán và ta sẽ thực hành trai giới.,, “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sông từ bỏ lây của không cho, chỉ lây những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp, về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai gi&i." "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Cũng vậy5 ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sông giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Vê chi phân này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai gi&i." "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân that, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy? không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Cũng vậy, ngày và đêm nay5 ta sống từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt9 không phản lại lời hứa đối với đời. về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai gi&i."

107 Xem 4 IV. 248ff; D. I. 4ff; s. V. 469.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ rượu men rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men rượu nâu làm cho đăm say. Cũng vậy9 ngày và đêm nay5 ta sống từ bỏ rượu men rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men rượu nấu làm cho đắm say. về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai gi&i." "Cho đến trọn đời5 các vị A-la-hán ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm5 không ăn phi thời. Cũng vậy5 ngày và đêm nay, ta sống ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm5 không ăn phi thời, về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới." “Cho

đến trọn đời5 các vị A-la-hán tránh xa, không xem múa5 hát, nhạc, diễn kịch;108 không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống tránh xa, không xem múa, hát5 nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu5 dầu thoa và các thời trang, về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai gi&i." "Cho đến trọn đời5 các vị A-la-hán từ bỏ giường cao5 giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta từ bỏ giường cao, giường lớn9 tránh xa giường cao, giường lớn. Ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.,, Như vậy, này Visãkhã, là Thánh trai giới (Uposatha)^ thực hành Thánh trai giới, này Visãkhã, có quả lớn, có lợi ích lớn, có chói sáng lớn, có ánh sáng lớn. Quả lớn là như thế nào? Lợi ích lớn như thế nào? Chói sáng lớn như thế nào? Ánh sáng lớn như thế nào? Ví như, này Visãkhã, có người áp đặt chủ quyên cai trị trên mười sáu quôc độ lớn tràn đầy bảy báu nhưAủga, Magadha, Kãsi5 Kosala, Vàjjĩ5 Malla, Ceti, Vaồga, Kuru, Pancãla, Macchã, Sũrasena, Assaka, Avanti, Gandhãra, Kamboja,109 nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một trai giới thực hành đầy đủ cả tám giới. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi thay, này Visãkhã, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thienJ Năm mươi năm của một đời người, này Visãkhã, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra,

108 XemKS. V. 394. 109 Các quốc độ này được diễn tả trong BI. 23ff... Các dân tộc Anga ở phía Đông Magadha; các dân tộc Magadha, nay gọi là Bihar; các dân tọc Kãsi ở xung quanh Benares; các dân tọc Kosalã ở Nepal, kinh đô ỉa Sãvatthĩ; các dân tộc Vạjjĩ, gồm có 8 dòng họ, như: Licchavĩ và Videhã ở không xa Vesãli, các dân tộc Mallã ở Kusinãrã và Pãvã; các dân tộc Ceti (Cedĩ) có lẽ ở Nepal; các dân tộc Vamsã (hay Vàcchã) có lẽ ở Bengal; các dân tộc Kurũ ở gần Delhi, các dân tộc Pancãlã ơ phía Đông Kuru; các dân tộc Macchã (Matsya) ở phía Nam Kuru; các dân tộc Surasenã ở Tây Nam Maccha; các dân tộc Assakã ở trên sông Godhavari; Avanti với kinh đô là ựjjeni; Gandhãra (nay là Kandahar) và Kamboja, phía xa Tây Bắc.

này Visãkhã, ở đây5 có người đàn bà hay người đàn ông5 sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới5 sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên răng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chưthi6n!" Một trăm năm của một đời người, này Visãkhã, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cối trời Ba Mươi Ba. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visãkhã, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đày đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung,

được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!" Hai trăm năm của một đời người, này Visãkhã, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Yãmã. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Yãmã. Sự kiện này có xảy ra, này Visãkhã, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông5 sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Yãmã. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên !,9 Bốn trăm năm của một đời người, này Visãkhã, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Tusita. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visãkhã, ở đây5 có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tusita. Chính dựa trên trường hợp này? được nói lên rằng: "Nh6 nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên Tám trăm năm của một đời người, này Visãkhã, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visãkhã, ở đây5 có người đàn bà hay người đàn ông5 sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới5 sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chưthiên!^, Một ngàn sáu trăm năm của một đời người, này Visãkhâ, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy làm

thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự
Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visâkhã, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành Uposatha đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!99

Chớ giết hại sinh loài5
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói lời nói láo?
Chớ uống thứ rượu say,
Từ bỏ? không Phạm hạnh,
Từ bỏ? không dâm dục,
Không ăn vào ban đêm,

Tránh không ăn phi thời?
Không mang các vòng hoa,
Không dùng các hương liệu,
Hãy nằm trên tấm thảm,
Được trải dài trên đất9
Chính hạnh trai giới này,
Được gọi có tám phần,
Do đức Phật nói lên?
Đưa đến đoạn tận khô.
Mặt trăng và mặt trời,
Được thấy là lành tốt5
Chỗ nào chúng đi tói,
Chúng chói sáng hào quang,
Chúng làm mây sáng chói,
Giữa hư không chúng di,
Trên trời chúng chói sáng,
Sáng rực mọi phương hướng,
Trong khoảng không gian ấy,
Tài sản được tìm thấy,
Trân châu và ngọc báu,
Lưu ly, đá cầu may, 11
Vàng cục trong lòng đất5
Hay loại kancana,110
111
Cùng loại vàng sáng chói5
110 AA. II. 330: Bhaddakanti laddhakam (uĐá cầu may" hay còn gọi đá quý là loại đá đẹp). 111 Kancana'. Tìm được trong núi. XemAA. II. 329.

Được gọi là hãtaka,112
Tuy vậy chúng trị giá,
Chỉ một phần mười sáu,
Với hạnh giữ trai giới5
Đầy đủ cả tám giới,
7
Kê cả ánh sáng trăng,
Với cả vòm trời sao.
Vậy người nữ, người nam,
Hãy giữ theo tịnh giới,
Hành Bố-tát trai giới,

Đầy đủ cả tám giới,
Làm thiện các công đức,
Đem lại nhiều an lạc,
Được sanh lên cõi trời,
Không bị người cười chê.
196 KINH TĂNG CHI BỘ

VIIL PHẨM ÃNANDA (ẢNANDAVAGGA)

I. KINH CHANNA (Channasutta)U3 (A. L215) 72. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Rồi du sĩ Channa113 114 đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 du sĩ Channa nói với Tôn giả Ãnanda: Thưa Hiên giả Ananda, có phải các người tuyên thuyêt vê đoạn tận tham, đoạn tận sân? đoạn tận si? Vâng, thưa Hiên giả5 chúng tôi tuyên thuyêt vê đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si. Thưa Hiền giả5 do thấy nguy hại của tham như thế nào, các người tuyên thuyết về đoạn tận tham? Do thấy nguy hại của sân như thế nào, các người tuyên thuyêt vê đoạn tận sân? Do thây nguy hại của si như thê nào, các người tuyên thuyết về đoạn tận si? Người có tham, thưa Hiên giả5 bị tham chinh phục, tâm mât tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc vê tâm. Khi tham được đoạn tận5 không nghĩ đên hại minh, không nghĩ đên hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ iru thuộc về tâm. Người có tham, thưa Hiên giả? bị tham chinh phục, tâm mât tự chủ5 thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi tham được đoạn tận? thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác. Người có tham, thưa Hiền giả5 bị tham chinh phục5 tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi minh, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi tham được đoạn tận, như thật rõ biết lợi minh, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai. Tham, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ5 dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn. Người có sân9 thưa Hiền giả5 bị sân chinh phục5 tâm mất tự chiỉ, nghĩ đến hại minh, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về

113 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.973. 0251ỒỒ20); Biệt Tạp.(T.02. 0100.207. 0451all).
114 Trong các bản kinh không thấy vị Channa này. Vị này khác với vị Channa ở s. III và IV

CHƯƠNG III. BA PHÁP 197

tâm. Khi sân được đoạn tận, không nghĩ đến hại minh, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Người có sân, thưa Hiên giả5 bị sân chinh phục5 tâm mât tự chiỉ, thân làm ác5 miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi sân được đoạn tận9 thân không làm ác, miệng không nói ác5 ý không nghĩ ác. Người có sân, thưa Hiên giả, bị sân chinh phục, tâm mât tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi sân được đoạn

tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai. Sân, thưa Hiền giả, làm thành mù? làm thành khônẹ mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não5 không đưa đen Niết-bàn. Người có si, thưa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ5 nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi si được đoạn tận5 không nghĩ đến hại minh, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Người có si, thưa Hiên giả, bị si chinh phục5 tâm mât tự chủ5 làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với miệng, làm ác hạnh với ý. Khi si được đoạn tận, không làm ác hạnh với thân, không làm ác hạnh với miệng, không làm ác hạnh với ý. Người có si, thưa Hiền giả5 bị si chinh phục? tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi si được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai. Si, thưa Hiền giả5 làm thành mù9 làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn. Thây sự nguy hại này của tham, thưa Hiên giả5 chúng tôi tuyên thuyêt đoạn tận tham. Thấy sự nguy hại này của sân9 thưa Hiền giả5 chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận sân. Thấy sự nguy hại này của si, thưa Hiền giả5 chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận si. Có con đường nào, thưa Hiền giả, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân, si? Có con đường, thưa Hiền giả? có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si. —Con đường ấy là gì5 thưa Hiền giả, đạo lộ ấy là gì, đưa đến đoạn tận tham, sân, si? -Chính là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường, thưa Hiền giả9 đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si. Hiền thiện là con đường, thưa Hiền giả! Hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si! Thật là vừa đủ (aỉam). thưa Hiền giả Ãnanda, để áp dụng không phóng dật.

198 KINH TĂNG CHI BỘ

II. KINH TÀ MẠNG ĐỆ TỬ (Aflvakasuttd) (A. I. 217) 73. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi một tà mạng đệ tử gia chủ đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ãnanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, tà mạng đệ tử gia chủ nói với Tôn giả Ãnanda: Thưa Tôn giả Ãnanda, pháp của những ai được khéo thuyết? Những ai khéo hành trì ở đời? Những ai khéo vượt qua ở đời? Vậy này gia chủ, về vấn đề này ta sẽ hỏi ông. Ông kham nhẫn thế nào, hãy trả lời như vậy. Ông nghĩ thế nào? này gia chủ? những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp có được các vị ấy khéo thuyết hay không? Hay ở đây? ông nghĩ thế nào? Thưa Tôn giả, ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được vị ấy khéo thuyết. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy. Ong nghĩ thê nào, này gia chìỉ, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si, những vị ấy có khéo thực hành ở đời hay không? Hay ở dây, ông nghĩ thế nào? Thưa Tôn giả, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân9 thực hành đoạn tận si, những vị ấy khéo thực hành ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy. Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, những ai tham được đoạn tận5 cắt đứt từ gốc rễ? làm cho như thân cây sla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai sân được đoạn tận,

cắt đứt từ ệốc rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu5 làm cho không thê sanh khởi trong tương lai; những ai si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây sla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, những vị ấy có khéo vượt qua ở đời hay không? Hay ở dây, ông nghĩ thế nào? Thưa Tôn giả? những ai tham được đoạn tận9 cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây s la, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai sân được đoạn tận? cắt đứt từ gốc rễ9 làm cho như thân cây Sãla5 làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, những vị ấy khéo vượt qua ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy. Như vậy? ông đã trả lời như sau: "Thua Tôn giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được các vị ấy khéo thuyết." Và ông đã trả lời như sau: "Thua Tôn giả? những ai đã thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si, những vị ấy khéo thực hành ở đời.,? Và ong đã trả lời như sau: "Thua Tôn giả9 những ai đã đoạn tận tham, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla? làm

CHƯƠNG III. BA PHÁP 199

9 w 9 < -É o •

cho không thê hiện hữu, làm cho không thê sanh khởi trong tương lai; những ai đã đoạn tận sân, cắt đứt từ gốc rễ9 làm cho như thân cây Sãla? làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đã đoạn tận si, đã cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai5 những vị ấy khéo vượt qua ở —Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Ở đây sẽ không có tự khen pháp của mình, không có chê trách pháp của người khác, chỉ có thuyết pháp trong giới xứ, chỉ nói đến lợi ích mà không đề cập đến tự ngã.115 Thưa Tôn giả Ananda, Ton giả thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, và thưa Tôn giả, pháp được Tôn giả khéo thuyết. Thưa Tôn giả Ananda, Tôn giả thực hành đoạn tận tham, Tôn giả thực hành đoạn tận sân, Tôn giả thực hành đoạn tận si, Tôn giả đã khéo thực hành ở đời. Thưa Tôn giả Ãnanda, tham đã được Tôn giả đoạn tận5 cắt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai... sân đã được Tôn giả đoạn tận... si đã được Tôn giả đoạn tận, căt đứt từ gôc rê, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thê hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; Tôn giả đã khéo vượt qua ở đời. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy9 pháp được Tôn giả dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Ananda, con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Ãnanda nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. III. KINH MAHÃNÃMA DÒNG HỌ THÍCH (Mahãnãmasakkasuttd)116 (4 I. 219) 74. Một thời, Thế Tôn trú giữa

dân chúng Sakka (Thích tử), tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được khỏi bệnh không bao lâu. Rồi Mahãnãma dòng ho Thichdi den The Tôn; sau khi đến5 đảnh le The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahãnãma dòng họ Thích bạch Thế Tôn: —Đã lâu ngày5 bạch Thế Ton, con biết pháp đã được dạy như sau: "Trí đến với người định tinh, không đến với người không định tinh." Bạch Thế Tôn? định đên trước rôi trí đên sau? Hay trí đên trước rôi định đên sau? Rồi Tôn giả Ãnanda suy nghĩ như sau: "Thế Tôn mới khỏi bệnh không bao

115 AA. II. 331: Attho ca vuttoti mayãpucchỉtapanhãya attho capakãsỉto ("va [chỉ] nói đến mục dích" nghĩa là chỉ trình bày mục đích, cấu hỏi được tôi hỏi). Xem trang 768 trong bộ Kỉnh Tăng chỉ này. 116 Bản tiếng Anh củaPTS: The Sakya, nghĩa là Người họ Thích. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.934. 0238c29); Biệt Tạp.(r.02. 0100.158. 0433c02).

lâu. Mahãnãma dòng họ Thích này hỏi một câu rất thâm sâu. Vậy ta hãy đưa Mahãnãma dòng họ Thích qua một bên và thuyết pháp cho Mahanama." Rồi Tôn giả Ãnanda cầm tay Mahãnãma dòng họ Thích, kéo qua một bên rôi nói với Mahãnãma dòng họ Thích: -Giới của bậc Hữu học, này Mahãnãma, được Thế Tôn nói đến. và giới của bậc Vô học cũng được Thế Tôn nói đến; định của bậc Hữu học được Thế Tồn nói đến, định của bậc Vô học cũng được Thế Tôn nói đến; tuệ của bậc Hữu học được Thế Tôn nói đến; tuệ của bậc Vô học cũng được Thế Tôn nói đến. Và này Mahãnãma, thế nào là giới của bậc Hữu học? Ở dây, này Mahãnãma, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (Pãtimokkhd). đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học giới. Này Mahãnãma, đây là giới của bậc Hữu học. Và này Mahãnãma, thế nào là định của bậc Hữu học? Ở đây, này Mahãnãma, ly dục5 ly bất thiện pháp, vị Tỷ-kheo chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, vị ây chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhât tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ5 diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Mahãnãma, đây là định của bậc Hữu học. Và này Mahãnãma, thế nào là trí tuệ của bậc Hữu học? Ở đây, này Mahãnãma, vị Tỷ>kheo như thật quán tri: "Dây là kh6", như thật quán tri: “Dây là nguyên nhân của kh6", như thật quán tri: "Đây là khổ diet", như thật quán tri: "Bây là con đường đưa đến khổ diet." Này Mahănãma, đây gọi là trí tuệ của bậc Hữu học. Vị Thánh đệ tử như vậy đầy đủ giới, như vậy đày đủ định9 như vậy đầy đủ tuệ; do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy5 này Mahãnãma, là giói bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là giới bậc Vô học được Thế Tôn thuyet; là đinh bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là định bậc Vô học được Thế Ton thuyết; là tuệ bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là tuệ bậc Vô học được Thế Tôn thuyết. IV KINH VỊ LÕA THẺ (Niganthasutta)ni (A. I. 220) 75. Một thòi, Tôn giả Ãnanda trú tại Vesãli, Đại Lâm, trong ngôi giảng đường có nóc nhọn. Rồi

Abhaya người Licchavi và Panditakumãra người Licchavi đi đên Tôn giả Ananda; sau khi đên5 đảnh lê Tôn giả Ananda rôi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Abhaya người Licchavi thưa với Tôn giả Ảnanda:

117 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.563. 0147c02).

Nigantha Nãthaputta, thưa Tôn giả, tự cho là toàn tri, toàn kiến, có tri kiến toàn diện: "Khi ta di, ta đứng, ta ngủ? ta thức, tri kiến luôn luôn được an trú, không có gián doạn." Vị ấy tuyên bố chấm dứt các nghiệp cũ với khổ hạnh và phá hoại (setughãtam) các nghiệp mới với vô vi [không hành động]. Như vậy? do nghiệp đoạn diệt nên khổ đoạn diệt; do khổ đoạn diệt nên thọ đoạn diệt; do thọ đoạn diệt nên tất cả khổ sẽ được tiêu diệt. Như vậy là [pháp môn] siêu thoát, thanh tịnh, diệt nhiệt não, thiết thực hiện tại. Ở đây, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói thế nào? Này Abhaya, có ba [pháp môn] thanh tịnh, diệt nhiệt não, được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả5 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, khiến vượt qua sầu bi, khiến chấm dứt khổ ưu, khiến đạt được chánh lý, khiến chứng được Niết-bàn. Thế nào là ba? Ở đây? này Abhaya, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ây không làm các nghiện mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là [sự thanh tịnh thứ nhất], thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy, ly dục? ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả9 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ây không làm các nghiệp mới5 và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến minh, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là [sự thanh tịnh thứ hai], thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy... với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ ẹiải thoát. Vi ay không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đên mình, châm dứt các nghiệp ấy. Đây là [sự thanh tịnh thứ ba], thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não9 không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Abhaya, có ba sự thanh tịnh, diệt nhiệt não này, được Thế Tôn? bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố? khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng được Niết-bàn. Khi được nói như vậy, Panditakumăra người Licchavi nói với Abhaya người Licchavi:

Này bạn Abhaya, bạn có tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ãnanda là khéo nói không? Này bạn, tôi là ai mà lại không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ãnanda là khéo nói! Đầu người ấy sẽ vỡ tan nếu không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ãnanda là khéo nói. V. KINH CÀN PHẢI KHÍCH LỆ (Nivesakasutta)m (A. I. 222) 76. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, với ai ông có lòng từ mẫn, và với những ai ông nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè? thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống; với những người ấy, này Ãnanda, ông cần phải khích lệ5 cần phải hướng dẫn, cần phải an 119 Thế nào là ba? trú trong ba điểm.118 Hãy khích lệ? hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Dây là Thế Tôn? bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải5 Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơii Sư5 Phật5 Thế Ton?9 Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với Pháp: 'Tháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại? không có thời gian, đến đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hieu?9 Hãy khích lệ? hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Ton; Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được tôn trọng, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điềnởđơl.,, Dầu cho bốn đại chủng có đổi khác, này Ãnanda, địa dại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhimg vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật không có đổi khác. Ở đay, đổi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ãnanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, sẽ sanh vào cõi địa ngục, loài bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra. Dầu cho bốn đại chủng có đổi khác, này Ảnanda, địa đại? thủy đại5 hỏa dại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp không có đổi khác. Ở đây, đổi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ãnanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp, sẽ sanh vào cõi địa ngục, loài bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra. Dầu cho bốn đại chủng có đổi khác, này Ananda, địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng không có đổi khác. Ở dây, đổi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này

118 Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.21.4. 0603al5). 119XemÁS. V. 165,317ff.

Ãnanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, sẽ sanh vào cõi địa ngục, loài bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra. Này Ãnanda, với ai ông có lòng từ mẫn5 và với những ai ông nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống; với những người ấy, này Ãnanda, ông cần phải khích lệ9 cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong ba điểm này. VI. KINH HIỆN HỮU THỨ NHẤT (PaỊhamabhavasutta)ỉ2Q (4 I. 223) 77. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn: -Hữu, hữu, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được xem là có hữu? -Này Ãnanda, nếu không có hành động [nghiệp] và sự

chín muồi của dục giới, thời dục hữu có thể trình bày được không? - Thưa không? bạch Thế Tôn. -Như vậy, này Ãnanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới thấp kém. Như vậy? trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy5 này Ãnanda, hữu có mặt. Và này Ãnanda, nếu không có hành động và sự chín muồi của sắc giới, thời sắc hữu có thể trình bày được không? Thưa không, bạch Thế Tôn. —Như vậy? này Ãnanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc trung. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy5 này Ãnanda, hữu có mặt. Và này Ananda, nêu không có hành động và sự chín muôi của vô săc giới, thời vô sắc hữu có thể trình bày được không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. -Như vậy, này Ãnanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc? nên thức được an lập trong giới thù thắng. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy9 này Ãnanda, hữu có mặt. VII. KINH HIỆN HỮU THỨ HAI (Dutìyabhavasutta)nỴ (4 I. 224) 78. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn: (Như kinh trên).

120 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.42. 0881c04). 121 Bản tiếng Anh của PTS: Intention and Aspiration, nghĩa là Tư và Mong cầu.

Như vậy9 này Ãnanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống5 ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên tư được an lập9 khởi điểm được an lập trong giới thấp kém. Như vậy5 trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ãnanda, hữu có mặt. (Đoạn còn lại như kinh trên, chỉ thay thế "tư" và "khỏi điểm^,). VIII. KINH GIỚI CẤM (Sĩỉabbatasutta)n2 (4 I. 225) 79. (Nhân duyên như kinh trên). Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ananda, mọi giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh có kết quả khi thực hành điều căn bản không? Ở dây, bạch Thế Tôn9 không thể trả lời một chiều được. -Vậy này Ananda, hãy phân tích thêm! -Bạch Thế Tôn, phàm giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh nào được áp dqng, khiên pháp bât thiện tăng trưởng, pháp thiện đoạn tận, thời giới cấm, sinh sông Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh như vậy không có kêt quả. Và bạch Thê Tôn, phàm giới câm, sinh sông Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh nào được áp dụnẹ, khiên pháp bât thiện đoạn tận, pháp thiện tăng trưởng, thời giới cấm, sinh sông Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh như vậy có kết quả. Tôn giả Ãnanda nói như vậy và bậc Đạo sư đồng ý. Rồi Tôn giả Ãnanda nghĩ: "Bậc Đạo sư đã đồng ý với ta", từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, khi Tôn giả Ãnanda ra đi không bao lâu, nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, Ãnanda còn là Hữu học5 nhưng không dễ gì tìm được một người có trí tuệ ngang bằng. IX. KINH CÁC LOẠI HƯƠNG (Gandhạiãtasutta)n3 (4 I. 225) 80. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn: Có ba loại cây hương này, bạch Thê

Tôn5 hương của chúng bay theo chiêu gió, không bay ngược gió. Thế nào là ba? Cây hương rễ5 cây hương lõi và cây hương hoa. Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió, không bay ngược gió. Bạch Thế Tôn, có thể có loại cây hương nào, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gi6, có hương bay thuận gió ngược gió? —Có loại cây hương, này Ãnanda, có hương bay thuận gió5 có hương bay ngược gi6, có hương bay thuận gió ngược gió.

122 Bản tiếng Anh của PTS: Service, nghĩa là Sự giúp ích. 123 Tham chiếu: Dh. V. 24; Tăng.(T.02. 0125.23.5. 0613bl0); Tạp.(T.02. 0099.1073. 0278c08).

Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gi, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió? có hương bay thuận gió ngược gió? Ở đây5 này Ãnanda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lẩy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu men rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích chia sẻ đồ bố thí; người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khăp bôn phương: "Tại làng ây, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng... ưa thích chia sẻ đồ bố thí.” Chư thiên và các phi nhân cũng tán thán: "Tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp? quy y chúng Tăng... ưa thích chia sẻ đồ bố thí." Cây hương như vậy, này Ãnanda, có hương bay thuận gi6, có hương bay ngược gió5 có hương bay thuận gió ngược gió. Không một hương hoa nào, 124 Bay ngược chiều gió thổi5 Dầu là hoa Chiên-đàn5 Già-la hay Mạt-ly. Chỉ hương người đức hạnh, Bay ngược chiều gió thổi, Chỉ có bậc chân nhân, Biến mãn mọi phương trời.

X. KINH ÍT HƠN (CũỊanikãsutta)n5 (Ả. I. 226) 81. Rồi Tôn giả Ảnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Con được nghe trước mặt Thê Tôn, con được năm giữ trước mặt Thê Tôn: "Abhibhũ, đệ tử đức Phật Sikhĩ, đứng ở Phạm thiên giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình.,, Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác có thê làm cho nghe tiêng xa như thê nào? Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ảnanda. Các Như Lai là vô lượng. Lần thứ hai, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: "Abhibhq đệ tử đức Phật Sikhĩ, đứng ở Phạm thiên giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình.,, Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn5 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào? Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ãnanda. Các Như Lai là vô lượng.

124 XemDh. V. 54. 125 Bản tiếng Anh của PTS: Abhỉbhu. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.423-425. 0111b25-c26).

Lần thứ ba, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Con được nghe trước mặt Thế Tôn5 con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: "Abhibhũ, đệ tử đức Phật Sikhĩ? đứng ở Phạm thiên giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình.,, Nhxmg bạch Thế Tôn5 Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào? -Này Ãnanda, ông có được nghe nói đến tiểu thiên thế giới không? Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thiện Thệ, để Thế Tôn nói về vấn đề này. Sau khi nghe Thế Tôn nói9 các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này Ãnanda, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: —Xa cho đến mặt trăng, mặt trời chạy trong quỹ đạo của chúng và chói sáng khắp bốn phương với ánh sáng của chúng, xa như vậy là một ngàn thế giới. Trong ấy có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Sineru (Tu- di), một ngàn Jampudipa (Diêm-phù-đề), một ngàn Aparagoyãna (Tây Ngưu Hóa châu)5 một ngàn Uttarakuru (Bắc Cu-lô châu), một ngàn Pubbavideha (Đông Thắng Thần châu), bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn Đại vương, một ngàn cõi trời Bốn Thiên Vương5 một ngàn cõi trời Ba Mươi Ba, một ngàn Dạ-ma thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Hóa Lạc thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên, một ngàn Phạm thiên. Nàỵ Ãnanda5 đây gọi là một tiểu thiên thế giới. Này Ananda, cho đến một ngàn lần tiểu thiên thế giới, được gọi là, này Ananda, hai trung thiên thế giới. Này Ãnanda, cho đến một ngàn trung thiên thế giới, được gọi là9 này Ananda, ba đại thiên thế giới. Này Ãnanda, Như Lai có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn. Làm sao, bạch Thế Tôn? Thế Tôn có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đên ba ngàn đại thiên thê giới hay xa hơn nữa nêu muôn? Ở dây, này Ãnanda, Như Lai chiếu ánh sáng cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến khi các chúng sanh nhận thức được ánh sáng ấy. Rồi Như Lai phát âm và làm cho tiếng mình được nghe. Như vậy, này Ananda, Như Lai làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn. Khi được nói vậy, Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Ưdãyĩ: Được lợi ích thay cho tôi, khéo được lợi ích thay cho tôi, có được bậc Đạo sư có thần lực như vậy5 có uy lực như vậy! Khi được nghe nói vậy5 Tôn giả Udãyĩ nói với Tôn giả Ãnanda: Này Hiên giả Ananda, ở đây Hiên giả nghĩ có được gi, nêu bậc Đạo sư của Hiền giả có đại thần lực như vậy? có đại uy lực như vậy? Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Udãyĩ:

Chớ có nói như vậy, này Udãyĩ; chớ nói vậy5 này Udãyĩ. Này Udãyĩ, nếu Ãnanda chưa có đoạn tận tham và mệnh chung, nhung với tâm tịnh tín của mình, vị ấy có thể bảy lần ngự trị trên thế giới chư thiên, có thể bảy lần ngự trị trên cõi JampudTpa này. Nhung này Udãyĩ, Ãnanda ngay trong hiện tại sẽ được Bát-niết-bàn.

IX. PHẨM SA-MÔN (SAMANAE4GGA)

I. KINH SA-MÔN (Samanasutta)126127 (A. I. 229) 128 82. Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh Sa-môn cân phải làm này của Sa-môn. Thế nào là ba? Thọ trì tăng thượng giới học, thọ

trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Đây là ba hạnh Sa-môn cân phải làm này của Sa-môn. Ở dây, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn (chanda) của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng định học. sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ hoc?9 Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. II. KINH CON LỪA (Gadrabhasuttà)ni (A. I. 229) 83. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con lừa đi theo sau lưng một đàn bò9 nghi rằng: "Ta cũng là con bò5 ta cũng là con bb", nhimg nó không có màu sắc giong như con bò, nó không có tiếng giống như con bò, nó không có chân giống như con bò; tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò5 nghĩ răng: "Ta cũng là con bò, ta cũng là con bb.” Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo đi theo sau limg chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: "Ta cũng là Tỷ-kheo? ta cũng là Ty-kheo”nhưng vị ấy không có ước muôn thọ trì tăng thượng giới học như các Tỷ-kheo khác, vị ây không có ước muôn thọ trì tăng thượng định học như các Tỷ-kheo khác, vị ây không có ước muốn thọ trì tăng thượng tuệ học như các Tỷ-kheo khác; tuy vậy5 vị ây vân đi theo sau limg chúng Tỷ-kheo, nghĩ răng: "Ta cũng là Tỷ-kheo5 ta cũng là Tỷ-kheo.” Do vậy5 này các Tỷ-kheo, cân phải học tập như sau: “sc bén sẽ là ước muôn của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng định học. sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ hoc/9 Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. III. KINH NGHÈ NÔNG (Khettasutta)ỉ2S (A. I. 229) 84. Có ba việc5 này các Tỷ-kheo5 một nông phu gia chủ cần phải làm trước. Thế nào là ba?

126 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.16.4. 0579b21); Tạp.(r02. 0099.828. 0212bl8). 127 Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 82 và 83 được trình bày trong một kinh với tên: The Recluse, nghĩa là Hiarn chiếu: Tăng.(T.02. 0125.16.4. 0579b21); Tạp.(T.02. 0099^828. 0212bl8). 128 Tham chiếu: Tạp.(7L02. 0099.827. 0212a24).

Ở đây, này các Tỷ-kheo? người nông phu gia chủ, trước hết khéo cày và khéo bừa. Khéo cày và khéo bừa xong, người ấy cho gieo hạt giống đúng thời. Cho gieo hạt giống đúng thời xong, người ấy cho nước chảy vô chảy ra đúng thời. Ba việc này, này các Tỷ-kheo5 một nông phu gia chủ cần phải làm trước. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? có ba công việc này một Tỷ-kheo cần phải làm trước. Thế nào là ba? Thọ trì tăng thượng giới học9 thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Ba công việc này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo cần phải làm trước. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muôn của tôi đê thọ trì tăng thượng giới học. Săc bén sẽ là ước muốn của tôi để thọ trì tăng thượng định học. sắc bén sẽ là ước muốn của tôi để thọ trì tăng thượng tuệ hQC." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. IV. KINH NGƯỜI VAJJI (Vajjiputtasutta)U9 (A. I. 230) 85. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, chỗ giảng đường có góc nhọn. Rồi một Tỷ-kheo người Vạjjĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tỷ-kheo người Vạjjĩ bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, hơn một trăm năm mươi học giới này, nửa tháng một lần con phải tụng đọc (ụddesamẹ ở đây, con không thể học

tập nổi. Này Tỷ-kheo, ông có thể học tập ba học pháp tăng thượng giới học? tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học không? Bạch Thế Tôn5 con có thể học tập ba học pháp tăng thượng giới học5 tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Do vậy5 này Tỷ-kheo5 ông hãy học tập ba học pháp tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Nêu ông học tập tăng thượng giới học9 tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học? này Tỷ-kheo5 nhờ học tập ba học pháp này, tham sẽ đoạn tận, sân sẽ đoạn tận, si sẽ đoạn tận. Do tham đoạn tận5 sân đoạn tận9 si đoạn tận, điêu bât thiện ông sẽ không làm, điêu ác ông sẽ không theo. Tỷ-kheo ấy, sau một thời gian học tập tăng thượng giới học5 học tập tăng thượng định học? học tập tăng thượng tuệ học; do học tập tăng thượng giới học? học tập tăng thượng định học, học tập tănẹ thượng tuệ học, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận. si được đoạn tận. Vị ây, do tham đoạn tận5 sân đoạn tận, si đoạn tận nên không làm điều bất thiện, không theo điều ác.

V. KINH HỮU HỌC (Sekkhasutta)^ (A. I. 231) 86. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

129 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.829. 0212c08). 130 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.642. 0182al4); Tạp.(T.02. 0099.824. 0211c01).

—Hữu học5 hữu học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào5 bạch Thế Tôn, là hữu học? Học tập, này Tỷ-kheo? nên được gọi là hữu học9 và học tập cái gì? Học tập tăng thượng giới học5 học tập tăng thượng định học5 học tập tăng thượng tuệ học. Vị ấy, này Tỷ-kheo, do vậy được gọi là vị Hữu học. Bậc Hữu học học tập, Đi theo con đường thẳng, Ở trong sự diệt tận, Trí thứ nhất khởi lên. Tiếp theo không gián đoạn? Chánh trí mới sanh khởi. Rồi Chánh trí giải thoát, Trí như vậy khởi lên. Bất động ta giải thoát, Hữu kiết sử đoạn tận. VI. KINH HỌC PHÁP THỨ NHẤT (PaḶhamasikkhãsuttd)m (A. I. 231) 87. Này các Tỷ-kheo? bản tụng đọc này gồm hơn một trăm năm mươi học 132 càn phải đọc nửa tháng một lần. Ở đây, các thiện nam tử muốn được lợi giới,131 ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỷ-kheo, tất cả được thâu nhiếp hợp lại làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học? tăng thượng tuệ học. Chính ba học giới này? này các Tỷ-kheo? thâu nhiêp tất cả. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định? hành trì một phần; đối với Tue, hành trì một phần; vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? ơ dây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bô chúng làm cho vị ây không có khả năng [xứng đáng]. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở dây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử? là bậc Dự Lưu, không còn bị thoi đọa, quyết chắc đạt đến Chánh giác. Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì một phần; đối với Tue, hành trì một phần; vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Ta không tuyên bô chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh,

tương xứng Phạm hạnh, ở dây, vị ấy kiên trì giới ẩy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si5 là bậc Nhất Lai, chỉ trở về thế giới này một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

131 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (88, 89) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Recital, nghĩa là Trùng tụng. Tham chiêu: Tạp.(7.02. 0099.821. 0210cl3). 132 Sãdhỉkamidam diyaddham sỉkkhăpadasatam: Hơn 150 học giới. Con số đúng là 227.

Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định? hành trì toàn phân; đôi với Tuệ, hành trì một phân. Vị ây có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử5 được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỵ-kheo đối với các Giới luật5 hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì toàn phần; vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, là tương xứng Phạm hạnh, ở đây9 vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần5 thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không. VII. KINH HỌC PHÁP THỨ HAI (Dutiyasikkhãsutta)m (A. I. 232) 88. Này các Tỷ-kheo? bản tụng đọc này gôm hơn một trăm năm mươi học giới, cần phải đọc nửa tháng một lần. Ở dây, các thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỷ-kheo, tất cả được thâu nhiếp làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học5 tăng thượng tuệ học. Chính ba học pháp này, này các Tỷ-kheo5 thâu nhiếp tất cả. Ở đay9 này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ^-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì một phần; đối với Tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ây được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Ta không tuyên bô chúng làm cho vị ây không có khả năng. Phàm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, là tương xứng Phạm hạnh, ở đây9 vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc tối đa phải sanh lại bảy lần. Sau khi ronẸ ruổi? luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư thiên và loài người, liền đoạn tận khổ đau. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhập Lưu, rong ruổi5 lưu chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử5 là bậc Nhất Chủng, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khô đau. Vị ây do đoạn tận ba kiêt sử, làm cho muội lược tham, sân5 si, là bậc Nhât Lai, phải trở lui lại đời này chỉ một lân5 rôi đoạn tận khô đau. Nhimg & dây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỵ-kheo đối với các Giới luật5 hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì một phần; vị ấy có vi phạm...

chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận*

133 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.820. 0210b 19).

năm hạ phần kiết sử, là bậc Thượng lưu đạt được sắc Cứu Cánh thiên. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử? là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn.134 Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử? là bậc Vô hành Bát-niết-bàn. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử? là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn.135 Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Trung gian Bát-niết-bàn.136137 Nhimg ở đây. này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phân; đôi với Định, hành trì toàn phân; đôi với Tuệ? hành trì toàn phân. Vị ấy có vi phạm... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo5 các học giới không phải là rỗng không. VIII. KINH HỌC PHÁP THỨ BA (Tatiyasikkhãsuttd)^ (A. I. 234) 89. Này các Tỷ-kheo9 bản tụng đọc này... (như đoạn đầu kinh 88)... này các Tỷ-kheo5 thâu nhiếp tất cả. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ5 hành trì toàn phần; vị ấy có vi phạm... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ9 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử5 là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Hoặc nếu chưa chứng dạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn... là bậc Vô hành Bát-niết-bàn... là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn... là bậc Thượng lưu chứng đạt Sắc Cứu Cánh thiên. Hoặc nếu chưa chứng dạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận ba kiết sử5 do làm cho muội lược tham, sân, si5 là bậc Nhất Lai, chỉ trở lui đời này một lân nữa, rôi đoạn tận khô đau. Hoặc nêu chưa chứng dạt, nêu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhất Chủng, sau khi mệnh chung phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng dạt, nếu chưa thể nhập5 do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhập Lưu, sau khi rong ruổi, luân chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng dạt, nếu chưa thể nhập? do đoạn tận ba kiết sử, là bậc tối đa phải sanh lại bảy lần5 sau khi rong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một

134 Nên viết Vô hành Bát-niết-bàn trước rồi đến Hữu hành Bát-niết-bàn. 135 ưpahaccaparỉnibbãyĩ. Chủ giải viết sau 500 kiếp. 136 Antarãparỉnỉbbãyĩ'. Vị này là vị Bất Lai, chấm dứt sự tái sanh của mình ở Phạm thiên giới. 137 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.819. 0210b 13).

phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo5 các học giới không phải là rỗng không. IX. KINH BA HỌC PHÁP THỨ NHẤT (PaỊhamasikkhattayasutta)138139 (A. L 235) 90. Có ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới... chấp nhận5 học tập trong các học giới. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tăng thượng giới học. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng định học? Ở đây9 này các Tỷ- kheo, vị Tỷ-kheo ly dục? ly pháp bất thiện... chứng và trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tăng thượng định học. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tăng thượng tuệ học? Ở dây, này các Tỷ- kheo? vị Tỷ-ldieo như thật rõ biết: “Bây là khổ.,?... như thật rõ biết: "Bây là con đường đưa đến khổ diet.” Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tăng thượng tuệ học. Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là ba học giới. X. KINH BA HỌC PHÁP THỨ HAI (Dutìyasikkhattayasuttay39 (Ả. L 235) 91. Này các Tỷ-kheo5 có ba học pháp này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học5 tăng thượng tuệ học. ... ("tăng thượng giới học, tăng thượng định hẹ)c" như kinh trên, chỉ khác "tăng thượng tuệ hQC”). Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tăng thượng tuệ học? Ở đây, này các Tỷ- kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng tuệ học. Các pháp này5 này các Tỷ- kheo, là ba học pháp. Người tinh tấn, nghị lực, Kiên trì và thiền tu, Sống hộ trì các căn5 Hãy hành ba tăng thượng. Trước thế nào sau vậy5 Sau thế nào trước vậy5 Dưới thế nào trên vậy? Trên thế nào dưới vậy, Ngày thế nào đêm vậy? Đêm thế nào ngày vậy5

138 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Training, nghĩa là Tu học. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.817. 0210a23); Tạp.(7.02. 0099. Ó832c08). 139 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.816. 0210a06).

Hãy nhiếp phục mọi phương,
Với vô lượng tâm định.
Đây gọi Hữu học dạo,
Là thuần tịnh hạnh đức.
Đây gọi đời Chánh giác,
Bậc trí đạt tối hậu.
Với thức được đoạn diệt,
Ái diệt được giải thoát,
Như đèn sáng tịch diet,
Tâm vị ấy giải thoát.

XI. KINH PANKADHÃ (Sankavãsuttă)^ (A. I. 236) 92. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Paồkadhã. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Paồkadhã. Pankadhã là một thị trấn của dân chúng Kosala. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo tên là Kassapagotta trú ở Paủkadhã. Tại

dấy, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo9 khích lệ? làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ. Rôi Tỷ-kheo Kassapagotta, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ? lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-m6n này quá nghiêm khắc, tỉ mí!" Thế Ton, sau khi tru ở Paốkadhã cho đến khi thỏa mãn, rồi ra đi5 du hành hướng đến Rajagaha, tiếp tục du hành và đến tại Rậjagaha. Tại dấy, Thế Tôn trú ở Rậjagaha? Gijjhakuta. Rồi Tỷ-kheo Kassapagotta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, cảm thấy hối hận, ăn năn, nghĩ rằng: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta khi Thê Tôn với pháp thoại liên hệ đên học giới, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ9 làm cho phấn khởi? làm cho hoan hỷ, ta lại lây làm bât nhân, lây làm bât mãn, nghĩ răng: 'Sa-môn này quá nghiêm khắc? tỉ mỉ!9 Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi dến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội.^, Rồi Tôn giả Kassapagotta, sau khi dọn dẹp lại chỗ nằm, cầm y bát rồi ra đi , . , A . ...1 M r theo hướng Rajagaha, tiêp tục đi đên Rặịagaha, Gijjhakuta, đên Thê Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên, Ngôi xuông một bên, Tỷ-kheo Kassapagotta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, một thời, Thế Ton trú ở Paốkadhã, Paồkadhã là một thị trấn của dân chúng Kosala. Tại dấy, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan

140 Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Pankadhã. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.830. 0213ỒỒ5).

hỷ. Bạch Thế T6n, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giói, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ? con lấy làm bất nhẫn, con lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mí!" Rồi Thế Tôn, sau khi trú ở Paồkadhã cho đến khi thỏa mãn, rồi ra di, du hành hướng đến Rajagaha. Bạch Thế Tôn? sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, con cảm thấy hối hận, ăn năn: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng cho các Tỷ-kheo5 khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ5 ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: 6Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mi!' Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tộiy Phạm tội đã chinh phục con, bạch Thế Tôn, ngu si như con, đần độn như con, bất thiện như con. Vì rằng trong khi Thế Tôn, với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo5 khích lệ, làm cho phấn khởi5 làm cho hoan hỷ? con lấy làm bất nhẫn, con lấy làm bât mãn? nghĩ rằng: "Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ!,, Bạch Thế Tôn, mong Thê Tôn châp nhận con có phạm tội là có phạm tội, đê con ngăn chặn trong tương lai. Thật vậy5 này Kassapa, phạm tội đã chinh phục ông? ngu si đần độn như ông? bất thiện như ông. Vì rằng trong khi Ta với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ9 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ? ông lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn5 nghĩ rằng: Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ.,, Và này Kassapa, khi ông thấy có phạm tội là có

phạm tội5 và như pháp phát lộ? thời chúng ta chấp nhận cho ông. Đây là sự tăng trưởng giới luật của bậc Thánh này, khi ai thấy có phạm tội là có phạm tội9 và như pháp phát lộ9 để ngăn chặn trong tương lai. Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo5 này Kassapa, không ưa thích học tap, không tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập5 vị này không khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị trưởng lão Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: 6CBậc Đạo sư tán thán vị ấy." Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán vị trưởng lão Tỷ-kheo ấy. Nêu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa... Nêu một tân học Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập5 không tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tap, vị này không khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tap, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị tân học Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với vị tân học Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy." Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp

nhận tri kiên của vị ây. Và những ai châp nhận tri kiên của vị ây sẽ đem lại bât hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán vị tân học Tỷ"kheo ấy. Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập. Và đôi với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị trưởng lão Tỷ-kheo như vậy5 này Kassapa, Ta tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với vị trưởng lão Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy." Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy5 như vậy sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán vị trưởng lão Tỷ-kheo ấy. Nếu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa... Nếu một tân học Tỷ-kheo5 này Kassapa, ưa thích học tap, tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị tân học Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với vị tân học Tỵ-kheo ấy, n^hĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy.” Và những ai thân cận với vị ây, họ có thê châp nhận tri kiên của vị ây. Và những ai châp nhận tri kiên của vị ây, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán vị tân học Tỷ-kheo ấy.

X. PHẨM HẠT MUÔI (LONAKAPALLAVAGGA)

I. KINH CẤP THIẾT (Accãyikasutta) (Ắ. L 239) 93. Này các Tỷ-kheo, có ba việc câp thiêt này người nông phu gia chủ cân phải làm.141 Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo,

người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng; sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống; sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo5 đây là ba việc cấp thiết người nông phu gia chủ cần phải làm. Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo5 không có thần lực hay không có uy lực [đê ra lệnh]: "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trô hạt, ngày kê tiêp chúng sẽ chín.,, Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự thay đôi của thời tiêt, được mọc lên? được trô hạt và được chín. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc câp thiêt này Tỷ-kheo cân phải làm. The nào là ba? Chấp hành tăng thượng giới học, chấp hành tăng thượng định học5 chấp hành tăng thượng tuệ học. Ba công việc câp thiêt này, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo cần phải làm. Tỷ-kheo ây, này các Tỷ-kheo? không có thân lực hay không có uy lực [đê ra lệnh]: "H6m nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, kliông có châp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiêp cũng vậy.,, Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng đê học tập tăng thượng giới học, đê học tập tăng thượng định học, đê học tập tăng thượng tuệ học mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc? không có châp thủ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học. Săc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng định học. Săc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập. II. KINH SỐNG VIỄN LY (Pavivekasutta) (A. I. 240) 94. Có ba hạnh viễn ly này được các du sĩ ngoại đạo trình bày. Thế nào là ba? Viễn ly y áo, viễn ly đồ ăn khất thực, viễn ly sàng tọa.

141 A. II. 354: Accãyikã = Atìpãtỉka (cấp thiết, nhanh chóng). Xem A. I. 82.

Ở dây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo: Mang vải gai thô? mặc vải gai thô lân với các vải khác5142 mặc vải tân liệm quăng di, mặc vải lượm từ đống rác, y thì dùng vỏ cây tirĩtaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen5143 mặc áo từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ? mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại5 mặc áo bằng lông cú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo. Ở dây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khất thực: Ăn rau, cây kê5 gạo sống, gạo rừng,144 cây lau5145 bột gạo5 bột gạo cháy5146 ăn bột vừng, ăn cỏ? ăn phân bò? ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để s6ng Như vậy, này các Tỷ-kheo9 các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khât thực. Ở đây? này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa: Sống trong rừng tại một gốc cây, tại bãi tha ma, tại khóm rừng rậm? sống ngoài trời, trên một đông rơm, trong nhà băng tranh. Như vậy, này các Tỷ-kheo? các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa. Này các Tỷ-kheo5 các du sĩ ngoại đạo trình bày về ba hạnh viễn ly này. Này các Tỷ-kheo5 có ba hạnh viễn ly này của vị Tỷ-kheo trong Pháp và Luật. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới5 viễn ly ác giới, có chánh tri kiên, từ bỏ tà kiên5 viễn ly tà kiên, đoạn tận các lậu hoặc, từ

bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc. Vì rằng, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc? nên Tỷ-kheo này5 này các Tỷ-kheo9 được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh5 được an trú trên căn bản.147 Ví như, này các Tỷ-kheo5 ruộng lúa của người nông phu gia chủ đã chín, người nông phu gia chủ ấy mau mắn gặt lúa; sau khi mau mắn gặt lúa, phải mau mắn chất lúa thành đống; sau khi mau mắn chất lúa thành đống, phải mau mắn chở lúa về; sau khi mau mắn chở lúa về, phải mau mắn chất lúa thành đống; sau khi mau mắn chất lúa thành đống, phải mau mắn đập lúa; sau khi mau mắn đập lúa, phải mau mắn giũ rơm; sau khi mau mắn giũ rơm, phải mau mắn lấy thóc ra; sau khi mau mắn lấy thóc ra, phải mau mắn quạt thóc; sau khi mau mắn quạt

142 Masãna'. Miếng vải thô. Xem M. I. 77ff. 143 X4. II. 355: Aịinakkhipanti tadeva majjhephẫỉitam, sahakhurakantỉpi vadanti("Ao choàng kết từ từng mảnh da con soil dương den" nghĩa là tOTg mảnh da khâu kết lại có ca móng guoc của con sơn dương). 144 Dadduỉa. Chủ giải giải thích là da dư thừa do thợ quăng đi. Xem M. I. 78. 145 AẠ. II. 355: Hatam vuccatỉ sỉlesopỉ sevãlopi kanikãrãdỉrukkhanỉyyãsopỉ (uThức ăn từ nhựa cay,9 tức là chất dính, rau mọc dưới nước, nhựa cây Lòng Man). 146 AA. II. 355: Ẫcãma nghĩa là đậu nấu quá chín và bị cháy. 147/4 II. 355: Sãre patỉtịhỉtotỉ sĩlasamãdhỉpanrìãsãre patitthito (4UĐược an trú trên căn bản" nghĩa là được an trú trên căn bản giới, định, tuệ). Xem A/. I. 31.

CHƯƠNG III. BA PHÁP $ 219

r 9 A r thóc, phải mau măn chứa thóc; sau khi mau măn chứa thóc, phải mau măn xay thóc; sau khi mau mắn xay thóc, phải mau mắn sàng cám lấy gạo. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 với người nông phu gia chủ ấy5 lúa gạo ấy đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác gi&i, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh? được an trú trên căn bản. III. KINH MÙA THU (Saradasutta)^ (Â. I. 242) 95. Ví như5 này các Tỷ-kheo5 vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng, không có mây và mặt trời mọc lên giữa bâu trời,148 149 phá sạch hăc ám khăp cả hư không, và chói sáng, bừng sáng, rực sáng; cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 với vị Thánh đệ tử, Pháp nhãn150 ly tran cấu khởi lên; yà do tri kiến này khởi lên, này các Tỷ-kheo. ba kiêt sử được đoạn tận: Thân kiên, nghi, giới câm thủ. Lại nữa, vị ấy được thoát khỏi hai pháp tham và sân. Vị ấy ly dục? ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Trong thời gian ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nếu có mệnh chung, sẽ không có kiet sử nào5 do kiết sử ấy5 vị Thánh đệ tử phải đi đến thế giới này nữa.151 IV. KINH HỘI CHÚNG (Parisãsutta) (Â. I. 242) 96. Có ba hội chúng, này các Tỷ-kheo, thế nào là ba? Hội chúng tối thượng, hội chúng không hòa hợp, hội chúng hòa hợp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tối thượng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, hội chúng nào có các Tỷ-kheo trưởng lão, không có sống đầy đủ, không có biếng nhác5 từ

bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, tinh cần, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ kế tiếp tùy thuận theo tri kiến của họ. Hội chúng ấy cũng không có sống đầy đủ, không có biếng nhác, từ bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, tinh cần, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt? để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôi thượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không hòa hợp? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, tranh luận, đâu tranh nhau, đả thương nhau băng những binh khí miệng lưỡi. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không hòa hợp.

148 Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh này thuộc kinh 92. Aloofness, nghĩa là Viễn ly. 149 Xem D II. 183; M I. 317; s. III, 156; k 20* 150 Dhammacakkhu: Pháp nhãn. Xem D. I. 86. 151 Vị ấy không còn là bậc Dự Ltru, mà là bậc Nhất Lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp? Ở dây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống hòa hợp hoan hỷ9 không có luận tranh, sông như nước với sữa hòa lân, nhìn nhau băng cặp mắt ái kính. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không có luận tranh, như nước với sữa hòa lẫn, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính, khi ấy, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo tạo được công đức; khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống Phạm trú. Nghĩa là5 với ai hân hoan với tâm giải thoát liên hệ với hỷ? thời hỷ sanh; với ai có hỷ, thân được khinh an; với thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với ai cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt,152 nước mưa ấy chảy theo sườn dốc, làm đầy các hang núi? các khe núi, các thung lũng. Sau khi làm đầy các hang núi, các khe núi5 các thung lũng, nước mưa ay làm đây các hô nhỏ. Sau khi làm đây các hô nhỏ, nước mưa ây làm đây các hô lớn. Sau khi làm đây các hồ lớn, nước mưa ấy làm đây các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, nước mưa ấy làm đầy các sông lớn. Sau khi làm đầy các sông lớn, nước mưa ấy làm đầy biển cả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo s6ng hòa hợp, hoan hy, không có luận tranh, như nước với sữa hòa lẫn, nhìn nhau băng cặp mắt ái kính, khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tạo được công đức; khi ấy, này các Tỷ- kheo5 các Tỷ-kheo sống Phạm trú. Nghĩa là, với ai hân hoan với tâm giải thoát liên hệ với hỷ? thời hỷ sanh; với ai có hỷ5 thân được khinh an; với ai có thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với ai cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo? là ba hội chúng. V. KINH THUẦN THỤC THỨ NHẤT (Pathamaajantyasutta)153 (4 I. 244) 97. Đây đủ với ba đức tánh, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiên thiện thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua và được xem như một biêu tượng của vua. Thê nào là ba? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 một con ngựa của vua, hiền thiện thuần thục, đầy đủ với săc đẹp, đây đủ với sức mạnh, đây đủ với tôc lực. Đây đủ với ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiên thiện thuân thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua và được xem như một biểu tượng

của vua. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 đầy đủ với ba pháp, một Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng đươc tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là VO thượng phước điền ở đời. Thế nao là ba? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp, đầy đủ sức mạnh, đầy đủ tốc lực.

152 XemKS. II. 27. 153 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (98, 99) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Thoroughbred, nghĩa là Con ngựa thuân Z/2WC. Tham chiêu: Tạp.(T.02. 0099.920. 0233cl9); Phật thuyết Mã hữu tam tướng kỉnh (T.02. 0114. 0506C11).

Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo giữ gìn giới luật, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn5 đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh? Ở đây. này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống tinh càn tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, dõng mãnh, không từ bỏ trách nhiệm đối với các pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ,9? như thật rõ biết: "Đây là khổ tap", như thật rõ biết: "Đây là khổ diet", như thật rõ biết: 6ẾĐây là con đường đưa đến khổ diet?9 Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. VI. KINH THUẦN THỤC THỨ HAI (Dutiyaãjãnĩyasuttd) (A, I. 245) 98. (Như kinh 97). -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh tại chô ây nhập Bát-niêt-bàn, khỏi phải trở lui từ thê giới ây đên thê giới này. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng? đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. VII. KINH THUẦN THỤC THỨ BA (Tatìyaãịãnĩyasutta) (Ả. I. 245) 99. (Như kinh 97). -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. VIII. KINH VẢI THÔ BẰNG VỎ CÂY (Potthakasutta) (Ắ. I. 246) 100. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây hoàn toàn mới, sắc xấu, có

XÚC chạm khó chịu và không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây bậc trung, sắc xấu, có xúc chạm khó chịu và không có giá trị. Này các Tỷ- kheo, có tấm vải bằng vỏ cây cũ kỹ để lau chùi nồi niêu hay đáng được quăng trên đống rác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 nêu Tỷ-kheo mới tu hành, hành ác giới, theo ác pháp, Ta nói răng vị

Tỷ-kheo này có săc xâu. Này các Tỷ-kheo5 ví như tấm vải bằng vỏ cây sắc xấu ấy, này các Tỷ-kheo9 Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn những ai theo vị này, thân cận5 hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ bị bât hạnh, đau khô lâu dài; ở đây9 Ta nói răng vị này có xúc chạm khó chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có xúc chạm khó chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực5 sàng tqa, các dược phẩm trị bệnh? họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rang, vị này không có giá trị. Này các Tỷ-kheo? ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Này các Tỷ-kheo5 nếu là trung niên Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo; nếu là Tỷ- kheo trưởng lão, hành ác giới, theo ác pháp. Ta nói rằng; vị này có sắc xấu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải làm bằng vỏ cây sắc xấu ấy5 này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy. Còn những ai theo vị này, thân cận5 hầu hạ9 chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; ở đây5 Ta nói rằng, vị này có xúc chạm khó chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có xúc chạm khó chịu ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực5 sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rằng, vị này không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên giữa chúng Tăng, rồi các Tỷ-kheo khác nói lại như sau: "Sao ông nghĩ rằng ông9 một người ngu si, không thông minh, lại có thể tuyên b6?" Vị này phẫn nộ, bất mãn5 sẽ nói lên những lời này; chúng Tăng đuổi vị này ra khỏi, như người ta quăng bỏ tấm vải bằng vỏ cây ấy trên đống rác. -154 Này các Tỷ-kheo, có tấm vải Kãsi [ở Ba-la-nại] hoàn toàn mới? có sắc dẹp, cảm xúc dễ chịu và có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải Kãsi bậc trung, có sắc đẹp? cảm xúc dễ chịu và có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải Kãsi cũ5 có sắc đẹp? cảm xúc dễ chịu và có giá trị lớn. Và này các Tỷ-kheo?

154 Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là kinh 98, Cloth ofBenares, nghĩa là Vải ở Ba-la-nại.

CÓ tâm vải Kãsi cũ kỹ dùng đê gói các châu báu hay được đặt vào trong một hộp có hương thơm. Cũng vậy, này các Tỵ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, giữ gìn giới luật9 theo thiện pháp, Ta nói răng vị Tỷ-kheo này có sắc đẹp. Này các Tỷ-kheo, ví như tâm vải Kãsi có săc đẹp ây, này các Tỷ-kheo, Ta nói răng người này giông như ví dụ ấy. Còn những ai theo vị này, thân cận? hầu hạ5 chấp nhận5 thuận theo tri kiến của vị này, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; ở đây, Ta nói rằng vị này có cảm xúc dễ chịu. Này các Tỷ-kheo5 ví như tấm vải Kãsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo5 đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; ở dây, Ta nói rằng vị này có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kãsi có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn nêu là trung niên

Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo, nêu là Tỷ-kheo trưởng lão, giữ gìn giới luật theo thiện pháp5 Ta nói rằng vị này có sắc đẹp. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kãsi có sắc đẹp ấy5 này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn những ai theo vị này, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; ở đây, Ta nói rằng vị này có cảm xúc dễ chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kãsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực5 sàng tọa? các dược phâm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; ở dây, Ta nói rằng vị này có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kãsi có giá trị lớn ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên giữa chúng Tăng, rồi các Tỷ-kheo nói như sau: "Chu Tôn giả hãy im lặng, Tỷ-kheo trưởng lão đang nói Pháp và Luật, và lời nói của vị này trở thành châu báu cần phải cất giữ5 như một người cất giữ tấm vải Kãsi trong một hộp có hương thơm.,, Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chủng ta sẽ được như ví dụ tấm vải Kãsi, không giống như ví dụ tấm vải bằng vỏ cay.99 Như vậy, này các Tỷ- kheo5 các ông cần phải học tập.

IX. KINH HẠT MUỐI (Lonakapallasuttay55 (A. L 249) 101. - Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp như thế nào5 như thế nào; người này cảm thọ [quả] như vậy? như vậy.^, Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sông Phạm hạnh, không có cơ hội đê nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, ai nói như sau:*

155 Tham chiếu: Diêm dụ kình (T.01. 0026.11. 0433al2).

"Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào; người này cảm thọ quả dị thục như vậy, như vay." Neu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo5 thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ5 và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại5 cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau],156 còn nói gì là nhiều. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tap, tâm không tu tap, tuệ không tu tap, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo5 làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ5 và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người thân được tu tập5 giới được tu tập5 tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ5 và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều. Ví như, này các Tỷ-kheo5 có người bỏ một năm

muôi vào trong một chén nước nhỏ. Các ông nghĩ như thê nào, này các Tỷ-kheo? nước trong chén ây có vì nắm muối trở thành mặn và không uống được phải không? Thưa đúng vậy5 bạch Thế Tôn. Vì cớ sao? Nước trong chén nhỏ này là ít, do nắm muối này nước trở thành mặn và không uống được. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một năm muôi vào sông Hăng. Các ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, sông Hằng có vì nắm muối trở thành mặn và không uống được phải không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì cớ sao? Lớn là cả khối nước sông Hằng. Khối nước ấy không vì nắm muối này nước trở thành mặn và không uống được. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? ở đây, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ây đưa người ây vào địa ngục, ơ dây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

156 AA. II. 361: Nãụupi khãyatĩtỉ dutiye attabhãve anupỉ nạ khãyati, anumattampỉ dutỉye attabhãve vỉpãkam na detĩtỉ attho (a'Cho đến chút ít cũng không thấy được,, nghĩa là trong đời thứ hai, cho đên chút ít cũng không thây được, [ý muôn nói] trong đời kê tiêp, một chút quả dị thục cũng không còn sinh).

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo9 làm nghiệp ác nhỏ mọn5 và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập5 giới không tu tập, tâm không tu tap, tuệ không tu tập, hạn hẹp5 tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Hạng người như vậy9 này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ5 và nghiệp ác ây đưa người ây đên cảm thọ ngay trong hiện tại5 cho đên chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người thân được tu tap, giới được tu tập, tâm được tu tập5 tuệ được tu tap, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy5 này các Tỷ-kheo5 có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ9 và nghiệp ác ây đưa người ây đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đông tiên, bị tù tội vì một trăm đông tiên. Nhimg ở đây, này các Tỷ-kheo9 có người không bị tù tội VI nửa đông tiên, không bị tù tội vì một đông tiền5 không bị tù tội vì một trăm đồng tiền. Như thế nào5 này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người nghèo khổ5 ít sở hữu, ít tài sản. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đông tiên, bị tù tội vì một đông tiên, bị tù tội vì một trăm đông tiên. Như thế nào, nàỵ các Tỷ-kheo5 không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền5 không bị tù tội vì một trăm đồng tiền? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người giàu c6, có tiền của lớn, có tài sản lớn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đông tiên5 không bị tù tội vì một đông tiên5 không bị tù tội vì một trăm đồng tiền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, nghiệp ác ây

đưa người ây đên cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều. Hạng người như thê nào5 này các Tỷ-kheo5 có làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ây đưa người ây vào địa ngục? ơ đây5 này các Tỷ-kheo5 có người thân không tu tập? giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo? có làm nghiệp ác nhỏ mọn5 nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Hạng người như thê nào, này các Tỷ-kheo? có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ5 nghiệp ác ây đưa người ây đên cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đên chút ít cũng không thây được [trong đời sau], còn nói gì là nhiêu? ơ đây, này các Tỷ- kheo5 có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp9 tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này

các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ? nghiệp ác ây đưa người ây đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều. Ví dụ một người đô tê hay người giêt dê, này các Tỷ-kheo? đôi với một sô người đánh cắp dê? có thể giết hay trói, hay tịch thu tài sản, hay làm như ý người ấy muốn. Đối với một số người cũng đánh cắp dê9 không thể giết, không thể trói, không thể tịch thu tài sản? hay không thê làm như ý người ây muôn. Như thê nào, này các Tỵ-kheo5 người đô tê hay người giêt dê9 đôi với một số người đánh cắp dê9 có thể giết, có thể trói, có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ây muôn? ơ đây? này các Tỷ-kheo5 có người nghèo khô? ít sở hữu, ít tài sản. Kẻ đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy có thể giết5 hay trói, hay có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn. Như thê nào, này các Tỷ-kheo5 người đô tê hay người giêt dê5 đôi với kẻ đánh cắp dê, không thể giết, khônậ thể trói, không thể tịch thu tài sản? hay không thể làm gì như ý người ấy muốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu c6, có sở hữu lớn, có tài sản lớn, hay nhà vua, hay đại thần của nhà vua. Người đồ tể hay người giết dê? đối với kẻ đánh cắp dê như vậy không thể giết, không thể trói, không thể tịch thu tài sản, hay không thể làm gì như ý người ấy muốn. Không có gì phải làm khác hơn là chắp tay và cầu xin như sau: "Thua ngài, hãy cho con lại con dê hay giá tiền con da” Cũng vậy, này các Ty-kheo, ở đây? đối với một số người có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ây đưa người ây vào địa ngục. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một số người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thây được [trong đời sau], còn nói gì là nhiêu. Hạng người như thế nào? này các Tỷ-kheo5 có làm nghiệp ác nhỏ mọn5 và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập9 tâm không tu tập, tuệ không tu tập5 hạn hẹp? tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo? làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo5 có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người thân được tu tập, giới được tu tap, tâm được tu tập? tuệ được tu tap, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Nẹười như vậy, này các Tỷ-kheo5

có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ5 nghiệp ác ây đưa người ây đên cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đên chút ít cũng không thây được [trong đời sau], còn nói gì là nhiêu. Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào; người này sẽ cảm thọ [quả] như vậy, như vậy?5 Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau

khổ được chơn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: "Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào; người này sẽ cảm thọ quả dị thục như vậy, như vay." Nếu sự kiện là vậy5 này các Tỷ-kheo? thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt.

X. KINH NGƯỜI ĐÃI LỌC BỤI (Pamsudhovakasutta)151 (A. I. 253) 102. Này các Tỷ-kheo, có những uế nhiễm thô tạp của vàng như: Bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua, rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa. Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tât, còn lại các uê nhiêm bậc trung của vàng như: Cát, đá5 sạn tế nhị và các hạt cát thô tạp. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn. Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm tế nhị như: Cát mịn và cát bụi đen. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi lại rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn. Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng. Rồi người thợ vàng hay đệ tử của người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò (mũsã). rồi thụt ống bệ? thụt ống bệ thêm, thụt ống bệ cho đến khi vàng băt đâu chảy5 nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ây được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò? chưa được làm xong, chưa sạch các uê nhiêm, chưa có nhu nhuyên, chưa có kham nhậm5 chưa có sáng chói. Vàng ây còn có thê bê vụn và chưa có thê được tác thành tốt đẹp. Có một thòi, này các Tỷ-kheo9 người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng ấy ại thụt bệ, thụt bệ thêm nữa, thụt bệ hơn nữa, cho đen khi vàng chảy ra khỏi 10. Vàng ấy lại được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa5 được thụt bệ hơn nữa5 cho đến khi vàng ấy chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các uế nhiễm, được nhu nhuyến, kham nhậm và được sáng chói. Vàng ấy không có bể vụn và được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn như: Vàng lá (patíikãya), hay nhẫn5 hay vòng cổ5 hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỷ-kheo có tư lự? có thông minh, từ bỏ? gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi lại. Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm5 còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, dục tầm5 sân tầm, hại tầm. Tỷ-kheo có tư lự5 có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi. Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử tế nhị5 như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ5 tư

157 Bản tiếng Anh của PTS: Gold-Refiner, nghĩa là Người đãi vàng. Tham chiếu: Tạp.(b.oz. 0099.1246. 0341b25).

tưởng không bị khinh rẻ (anavanfiatti). Tỷ-kheo có tư lự5 có thông minh, từ bỏ? gột sạch, chấm dứt không cho chúng sanh khởi. Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tàm. Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, khồng được khinh an, không đạt đến nhất tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dăn ép. Nhưng đên một thòi, này các Tỷ-kheo? tâm của vị ây được an trú bên trong, lăng đứng lại9 được nhât tâm, được định tĩnh. Định ây được an tịnh? được thù diệu, • được . khinh / an, đạt• đên nhât tâm, không phải. một J trạng thái r 9 ngự chê • thường xuyên dăn ép, tùy thuộc vào pháp gì tâm người ây hướng đên đê thăng tri, đê chứng ngộ; vị ây có khả năng, có năng lực đạt đên pháp ây, dâu thuộc loại xứ nào. Nêu vị ây ước muôn: "Ta sẽ chứng được các loại thân thông: Một thân hiện ra nhiều thân? nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình; đi ngang qua vách5 qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ? trồi lên ngang qua đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực? đại oai thân như vậy; có thê tự thân bay đên cõi Phạm thiên"; vị ây có khả năng, có năng lực đạt đên trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Vị ấy nếu ước muốn: "Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài ngtròi"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình có thể biết tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của các loài người khác như sau: 'Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biêt là tâm không tham; tâm có sân biêt là tâm có sân5 tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định5 tâm không thiên định biêt là tâm không thiên định; tâm giải thoát biêt là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biêt là tâm không giải thoát" vị ây có khả năng5 có năng lực đạt đên trạng thái ây9 dâu thuộc loại xứ nào. Nêu vị ây ước muôn: "Ta sẽ nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ như một đời5 hai đời5 ba đời, bốn đời5 năm đời5 mười đời5 hai mươi đời, ba mươi đời? bốn mươi đời5 năm mươi đời? một trăm đời, hai trăm dời, một ngàn đời5 một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ răng: 'Tại chô kia, ta có tên như thê này, dòng họ như thê này, giai câp như thê này, thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chêt tại chô kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế . . 7 * 7 IF , này, giai câp như thê này? thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này.

Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh tại dây "; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đên trạng thái ây, dâu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Vói Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt5 kẻ cao sang; người đẹp dẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh

nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý5 phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến? tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ9 địa ngục. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Như vậy9 với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của hQ", vị ây có khả năng5 có năng lực đạt đên trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nêu vị ây ước muôn: "Do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thăng trí, ta chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoáf \ vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

XL KINH TƯỚNG (Nimittasutta)ì5S (4 I. 256) 103. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm5 này các Tỷ-kheo5 cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tirớng tinh cần (paggãha), cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo9 nếu một chiều tác ý tướng định5 thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm5 này các Tỷ-kheo5 nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả5 thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo5 thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần5 thỉnh thoảng tác ý tướng xả5 tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm5 chói sáng, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Ví như một thợ làm vàng, này các Tỷ-kheo5 hay đệ tử người làm vàng xây lên các lò đúc. Sau khi xây lên các lò đúc5 người ấy nhóm lửa đốt miệng lò (ukkãmukha). Sau khi đốt miệng lò5 với cái kềm5 người ấy cầm vàng bỏ vào miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thụt ống bệ5 thỉnh thoảng người ấy rưới nước5 thỉnh thoảng người ấy quan sát kỹ lưỡng.158159 Nếu người làm vàng hay đệ

158 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1247. 0342a03). 159 AẨ. II. 365: Ajjhupekkhatĩtỉpakkãpakkabhãvam upadhãretỉ (í4Được làm xong" nghĩa là xem như đã nung đủ).

tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều thổi ống bệ? thời có sự kiện vàng ấy bị cháy. Neu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ- kheo, một chiều rưới nước? thì có sự kiện vàng ấy bị nguội lạnh. Neu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều quan sát kỹ lưỡng, thời có sự kiện vàng ấy không đi đến chơn chánh thuần thục. Còn nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng thổi ống bệ [đốt nóng] vàng ấy, thỉnh thoảng rưới nước, thỉnh thoảng quan sát kỹ lưỡng, thời vàng ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không có bể vụn, và được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn

như: Vàng lá? hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo siêng năng tu tập tăng thượng tâm, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo9 nếu một chiều tác ý tướng định, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo? thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gi, tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ chứng đạt nhiều loại thần thông... (như kinh 102)... chứng tri sáu loại thắng trí... do đoạn tận các lậu hoặc... (như kinh 102)... sau khi chứng ngộ5 ta sẽ chứng đạt và an trú" vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 4 231

XI. PHẨM CHÁNH GIÁC (SAMB0DHAK4GGA)

I. KINH TRƯỚC KHI GIÁC NGỘ (Pubbevasambodhasutta) (A. I. 258) 104. Này các Tỷ-kheo5 trước khi Ta giác ngộ? chưa Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát? Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt ở đời? Cái gì là nguy hại? Cái gì là xuất ly?" Rồi này các Tỷ-kheo, về vấn dề ấy, tư txrởng sau đây khởi lên nơi Ta: "Do duyên với đời, khởi lên lạc hỷ gi, đấy là vị ngọt ở đời. Cái gì ở đời là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại? đấy là nguy hại ở đời. Điều phục dục tham ở đời9 đoạn tận tham dục, đấy là xuất ly ở dòd." Này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào Ta chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ- kheo, Ta không có xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn5 chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào Ta như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly5 cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta mới xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới? cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn9 chư thiên và loài người. Và tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa." II. KINH VỊ NGỌT THỨ NHẤT (PaỊhamaassãdasutta) (4 I. 259) 105. Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt ở đời5 vị ngọt ở đời là gì, Ta đã tìm được; cho đến như thế nào vị ngọt có mặt ở đời? với trí tuệ Ta khéo thây vị ngọt ây. Này các Tỷ-kheo, Ta đã tìm câu nguy hại ở đời, nguy hại ở đời là gì? Ta đã tìm được; cho đến như thế nào nguy hại có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thây nguy hại ây. Này các Tỷ-kheo9 Ta đã tìm câu xuất ly ở đời, xuất ly ở đời là gi, Ta đã tìm được; cho đến như thế nào xuất ly có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy xuất ly ấy. Này

các Tỷ-kheo? cho đến khi nào Ta chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt? nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không có xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo? cho đến khi nào Ta như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy

hại, xuất ly là xuất ly, cho đên khi ây, này các Tỷ-kheo, Ta mới xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới5 Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa.55 III. KINH VỊ NGỌT THỨ HAI (Dutìyaassãdasutta) (4 I. 260) 106. Này các Tỷ-kheo5 nếu không có vị ngọt ở đời? thời các loài hữu tình không có tham nhiễm đối với đời; vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt ở đời nên các loài hữu tình có tham nhiễm ở đời. Này các Tỷ-kheo5 nếu khônệ có nguy hại ở đời5 thời các loài hữu tình không có nhàm chán đối với đời; vì rang, này các Tỷ-kheo, có nguy hại ở đời nên các loài hữu tình có nhàm chán đối với đời. Này các Tỷ-kheo, nếu không có xuất ly ra khỏi đời, thời các loài hữu tình không có xuât ly đôi với đời; vì răng5 này các Tỷ-kheo5 có xuât ly đôi với đời nên các loài hữu tình có xuât ly ra khỏi đời. Và này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào các loài hữu tình chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt5 nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình không thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và này các Tỷ-kheo, cho đên khi nào các loài hữu tình đã như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại5 xuât ly là xuât ly, cho đên khi ấy, này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. IV KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (Samanabrãhmanasutta)^ (Ắ. I. 260) 107. Này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ây? này các Tỷ-kheo, đôi với Ta, không được công nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, không được công nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la- môn hạnh. Này các Tỷ-kheo? các Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo5 đối với Ta, được công nhận là Sa-môn trong các hàng Sa- môn? được công nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các Tôn giả ây, ngay trong hiện tại sẽ có với thăng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

160 Bản tiếng Anh của PTS không có tiêu đề này.

V KINH KHÓC THAN (Runnasutta)^ (A. I. 261) 108. Này các Tỷ-kheo5 đây được xem là khóc than trong giới luật của bậc Thánh, tức là ca vịnh; này các Tỷ-kheo5 đây được xem là điên loạn trong giới luật của bậc Thánh, tức là múa nhảy; này các Tỷ-kheo5 đây được xem là trẻ con trong giới luật của bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, hãy phá cây cầu đi đến ca hát; hãy phá cây cầu đi đến múa nhảy; thật là vừa đủ nêu các ông được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để tỏ là các ông được hoan hỷ. VI. KINH KHÔNG THỎA MÃN (Atìttìsutta)161 162 (4 I. 261) 109. Này các Tỷ-kheo, hưởng thọ ba sự ở đời5 không bao giờ thỏa mãn. Thế nào là ba? Hưởng thọ ngủ nghỉ, này các Tỷ-kheo5 không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ rượu men rượu nấu, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ sự dâm dục giao hợp, này các Tỷ-kheo? không bao giờ thỏa mãn. VII. KINH NÓC NHỌN (Arakkhitasutta)163 (Ẩ. I. 261) 110. Rồi gia chủ Anathapindika (Cấp Co Độc) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng không được phòng hộ9 khẩu nghiệp cũng không được phòng hộ5 ý nghiệp cũng không được phòng hộ. Với ai thân nghiệp không được phòng hộ, khẩu nghiệp không được phòng hộ9 ý nghiệp không được phòng hộ, thời thân nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy,164 khẩu nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy. Với ai thân nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khẩu nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy? thời thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp bị hủ bại, ý nghiệp bị hủ bại. Với ai thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp bị hủ bại, ý nghiệp bị hủ bại, thời sự chết không được hiền thiện,165 mệnh chung không được hiền thiện. Này gia chủ5 ví như ngôi nhà nóc nhọn vụng lợp5 thời nóc nhọn không được phòng hộ5 rui kèo không được phòng hộ5 vách tường không được phòng hộ; nóc nhọn bị đầy ứ và rỉ nước, rui kèo bị đầy ứ và rỉ nước, các vách tường bị đầy ứ và rỉ nước; nóc nhọn bị hủ bại, rui kèo bị hủ bại, vách tường bị hủ bại. Cũng vậy, này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ5 thời thân nghiệp cũng không được

161 Chủ giải giải thích rằng đây chỉ cho 6 vị Tỷ-kheo ưa hát, múa, cười. 162 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Satiety, nghĩa là Thỏa mãn. Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.22.10. 0608c24). 163 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.2. 0875cl9). 164 Avassutam: Nghĩa đen là đầy ứ nên rỉ chảy. AA. II. 367 viết tintam (ẩm ướt). 165 ẠA. II. 367: Na bhaddakain maranam hotĩti apãye patỉsandhỉpaccayatãya na laddhakam hoti ("Cái chết không tôt lành" nghĩa là không êm đêm, do duyên tái sanh vào đọa xứ).

phòng hộ5 khẩu nghiệp... ý nghiệp... thời sự chết không được hiền thiện, mệnh chung không được hiền thiện. Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ5 thời thân nghiệp cũng được phòng hộ? khâu nghiệp cũng được phòng hộ, ý nghiệp cũng được phòng hộ. Với ai thân nghiệp được phòng hộ, khẩu nghiệp được phòng hộ, ỵ nghiệp được phòng hộ? thời thân nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khâu nghiệp không đầy ứ tham dục

và rỉ chảy, ý nghiệp không đây ứ tham dục và rỉ chảy. Với ai thân nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khâu nghiệp không đây ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp không đây ứ tham dục và rỉ chảy, thời thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp không bị hủ bại, ý nghiệp không bị hủ bại. Với ai thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp không bị hủ bại, ý nghiệp không bị hủ bại, thời sự chết được hiền thiện, mệnh chung được hiền thiện. Này gia chiỉ, ví như ngôi nhà nóc nhọn khéo lợp, thời nóc nhọn được phòng hộ9 rui kèo được phòng hộ5 yách tường được phòng hộ; nóc nhọn không đầy ứ và rỉ nước, rui kèo không đầy ứ và rỉ nước? các vách tường không đầy ứ và rỉ nước; nóc nhọn không bị hủ bại, rui kèo không bị hủ bại, vách tường không bị hủ bại. Cũng vậy, này gia chủ, khi tâm được phòng hộ? thời thân nghiệp cũng được phòng hộ5 khẩu nghiệp... ý nghiệp... không bị hủ bại, thời sự chết được hiên thiện, mệnh chung được hiên thiện. VIII. KINH ÁC Ý (Byãpannasutta) (A. I. 262) 111. (Kinh này hoàn toàn giống như kinh trên? chỉ thay thế "không được phòng h" bằng "thất thế, lung lay" và có một vài thay đổi cần thiết). IX. KINH NHÂN DUYÊN THỨ NHẤT (PaḶhamanidãnasutta)166 (A. I. 263) 112. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba? Tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi. Phàm nghiệp nào do tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, do tham làm nhân duyên, do tham tập khởi, nghiệp ây là bât thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ây có khô dị thục, nghiệp ây làm nghiệp tập khởi, nghiệp ây không đưa đến nghiệp đoạn diệt. Phàm nghiệp nào do sân tác thành... Phàm nghiệp nào do si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si, do si làm nhân duyên, do si tập khởi5 nghiệp ây là bât thiện, nghiệp ây có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thục, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo? là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

166 Kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS chia thành 4 kinh có cùng tên: Three Causes, nghĩa là Ba nhân duyên.

VÔ tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi. Phàm nghiệp nào do vô tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô tham, do vô tham làm nhân duyên, do vô tham tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thục, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diet, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi. Phàm nghiệp nào do vô sân tác thành... Phàm nghiệp nào do vô si tác thành, này các Tỷ-kheo? sanh ra tìx vô si, do vô si làm nhân duyên, do vô si tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thục, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi. X. KINH NHÂN DUYÊN THỨ HAI (Dutiyanidãnasutta) (A. I. 264) 113. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiển các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba? Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho

dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm9 nó tầm cầu, nó tư sát? nên ước muốn sanh khởi. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu5 nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn sanh khởi. Vì có ước muôn, nên nó bị liên hệ với các pháp ây. Này các Tỷ-kheo? Ta nói răng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu? nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn sanh khởi. Vì có ước muốn5 nên nó bị liên hệ với pháp ấy. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng đó

là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muôn sanh khởi. Này các Tỷ-kheo? có ba nhân duyên này khiên các nghiệp tập khởi. -Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba? Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ5 ước muốn không sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi. Này các Tỷ- kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi? CÓ người rõ biêt? này các Tỷ-kheo, quả dị thục trong tương lai của các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ. Sau khi rõ biết quả dị thục trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thục ấy. Sau khi tránh né quả dị thục ấy, tâm người ấy không còn tham đắm; với trí tuệ, vị ấy thể nhập và thấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi. Và như thê nào5 này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chô y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi? Có người rõ biết, này các Tỷ-kheo? quả dị thục trong tương lai của các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai. Sau khi rõ biết quả dị thục trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thục ấy. Sau khi tránh né quả dị thục ấy, tâm người ấy không còn tham đắm; với trí tuệ, người ấy thể nhập và thấy. Như vậy, này các

Tỷ-kheo5 do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại5 ước muốn không sanh khởi? Có người rõ biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thục trong tương lai của các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại. Sau khi biết rõ quả dị thục trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thục ấy. Sau khi tránh né quả dị thục ấy, tâm người ấy không còn tham đắm; với trí tuệ5 người ấy thể nhập và thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi.

XII. PHẨM RƠI VÀO ĐỌAXỨ (ẴPẴYIKAK4GGA)

L KINH RƠI VÀO ĐỌA xứ (Ẳpãyikasutta) 0 1. 265) 114. Này các Tỷ-kheo? ba hạng người này bị rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này.167 Thế nào là ba? Ai sống không Phạm hạnh, tự xưng là có sống Phạm hạnh; đối với người sống Phạm hạnh thanh tịnh, hành Phạm hạnh thật thanh tịnh, ai công kích là không Phạm hạnh một cách không căn cứ; ai chủ trương như sau: "Không có lỗi lầm trong các dục vẹ)ng" và rơi vào say đắm168 trong các dục vọng. Những hạng người này9 này các Tỷ-kheo5 là ba hạng người bị rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này. II. KINH KHÓ TÌM ĐƯỢC (Dullabhasutta) (Ả. I. 266) 115. Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của ba hạng người này khó tìm được ở đời. Thế nào là ba? Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, khó tìm được ở đời; người có thể thuyết Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời; người tri ân, người biết ơn, khó tìm được ở đời. Sự xuất hiện của ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. III. KINH KHÔNG THÊ ƯỚC LƯỢNG (Appameyyasutta) (A. I. 266) 116. Này các Tỷ-kheo5 có ba hạng người này có mặt? xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Dễ ước lượng, khó ước lượng và không thể ước lượng. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là người dê ước lượng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi5 thất niệm, không tỉnh giác5 không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng.169 Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người dễ ước lượng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào gọi là người khó ước lượng?

167 AA. II. 369: Idamappahãyãtỉ ỉdam brahmacãrỉpatỉnnatãdỉm pãpadhammattayam avịịahỉtvã ("Trừ phi bỏ [pháp] nCy" nghía là íchồng bỏ ác pháp "tự cho là sống Phạm hạnh", v.v..). 168 Pãtabyatạm. Theo PED., nó có thể có từ gốc là pãteịi nghĩa là sự hư hoại, đổ nát. Chủ gidi cho rằng từ này có thê xuât phát từ ngữ căn ypĩv, nghĩa là say đăm. Xem AA. II. 369; M. I. 305. 169 ẢẢ. II. 370: Pãkatỉndrỉyo = Vỉvaịindriyo (các căn để mở). Xem KS. V. 241.

Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người không tháo động, không kiêu căng, không dao động, khồng lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, trú niệm? tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm5 các căn được bảo vệ. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là hạng người khó ước

lượng. Và này các Tỷ-kheo, thê nào gọi là người không thê ước lượng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người không thể ước lượng. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt5 xuất hiện ở đời. IV. KINH VÔ SẮC GIỚI (Ẵneíụasutta)™ (4 I. 267) 117. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt5 xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Ở đây? này các Tỷ-kheo9 có người hoàn toàn vượt qua sắc tưởng, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, xem "hu không là vô biên5\ đạt đên và an trú Không vô biên xứ. Vị ây thưởng thức cảnh giới ây, hy câu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy. An trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên đã đạt đến Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư thiên đã đạt đến Không vô biên xứ là hai mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế T6n, sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng5 sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Không vô biên xứ, xem "thức là vô biên,\ đạt đến và an trú Thức vô biên xứ Vị ấy thưởng thức cảnh giới ây? hy câu cảnh giới ây, thỏa mãn với cảnh giới ây. An trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên đã đạt Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư thiên đã đạt đến Thức vô biên xứ là bốn mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế Tôn5 sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng, sauI khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ây5 cuôi cùng nhập Niêt-bàn trong hiện hữu ây. Đây là sự đặc thù5 đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô van pnam phu ve van đê sanh thú và tai sanh.*

170 Bản tiếng Anh của PTS: The Sphere ofInfinite Space, nghĩa là Không vô biên xứ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Thức vô biên xứ, xem "'không có gì cM', đạt đến và an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy. An trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ây, đên khi mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên đã đạt Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo? thọ mạng của chư thiên đã đạt đến Vô sở hữu xứ là sáu mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhung đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượnệ, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử

có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu vê vân đê sanh thú và tái sanh. Ba hạng người này5 này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. V. KINH KHIẾM KHUYẾT VÀ VIÊN MÃN (yìpattìsampadãsuttă) (Â. I. 268) 118. Này các Tỷ-kheo, có ba sự khiếm khuyết nàỵ. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về giới, khiếm khuyết về tâm, khiếm khuyết ve tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về giới? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh5 lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ- kheo, đây gọi là khiếm khuyết về giới. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là khiếm khuyết về tâm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tham lam, với tâm sân hận. Này các Tỷ- kheo? đây gọi là khiếm khuyết về tâm. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về tri kiến? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có tà kiến, có tri kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có cúng tế, không có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác ngộ đời này5 đời sau và truyền dạy lai."171 Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiêm khuyết về tri kiến. Do nhân khiêm khuyêt vê giới, này các Tỷ-kheo5 các loại hữu tinh, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ5 địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tri kiên, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba khiếm khuyết.

171 Xem KS. IV 250. Quan điểm Đoạn kiến của Ajita Kesakambala.

Này các Tỷ-kheo5 có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về giới? viên mãn về tâm, viên mãn về tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về giới? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục9 từ bỏ nói láo5 từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác5 từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về giới. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về tâm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không tham lam, không có tâm sân hận. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là viên mãn vê tâm. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là viên mãn về tri kiến? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo: “C6 bố thí, có lễ hy sinh, có cúng tế, có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác nệộ đời này, đời sau và truyên dạy l@i." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn ve tri kiến. Do nhân viên mãn về giới, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào cõi thiện5 cõi trời, cõi đời này. Do nhân viên mãn về tâm, này các Tỷ-kheo? các loại hữu tinh, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Do nhân viên mãn về tri kiến5 này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là ba viên mãn. VI. KINH KHÔNG KHIẾM KHUYẾT (Apannakasutta)m (Ắ. I. 270) 119. Này các

Tỷ-kheo5 có ba khiếm khuyết này. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về giới5 khiếm khuyết về tâm, khiếm khuyết về tri kiến... (như kinh 118). Ví như, này các Tỷ-kheo5 một hột xúc xắc172173 chính xác, nếu được liệng về mặt trên, được nằm về mặt ấy, được nằm khéo đặt. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, do nhân khiếm khuyết về giới, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba khuyết khuyết. Này các Tỷ-kheo5 có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về giới, viên mãn về tâm5 viên mãn về tri kiến... (như kinh 118). Ví như, này các Tỷ-kheo5 một hột xúc xăc chính xác5 nêu được liệng vê mặt trên, được nằm về mặt ấy, được nằm khéo đặt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do

172 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1047. 0274a05). Apannakư. Niết-bàn. Xem 4 I. 113.
173 Mann Con xúc xắc có sáu mặt (pãsaka).

nhân viên mãn vê giới... do nhân viên mãn vê tâm... do nhân viên mãn vê tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Các pháp này, này các Tỷ-kheo5 là ba viên mãn. VII. KINH HÀNH ĐÔNG (Kammantasutta) (A. I. 270) 120. Này các Tỷ-kheo, CO ba khiếm khuyết này. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về hành động, khiếm khuyết về sanh kế, khiếm khuyết về tri kiến. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là khiếm khuyết về hành động? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo, nói hai lưỡi? nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ- kheo9 đây là khiếm khuyết về hành động. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về sanh kế? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người theo tà sanh kế, nuôi sống bằng tà sanh r __ r r \ A kê. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiêm khuyêt vê sanh kê. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là khiếm khuyết về tri kiến? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người có tà kiến, có tri kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có cúng tế, không có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ5 không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác ngộ đời này, đời sau và truyền dạy lại." Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là khiếm khuyết về tri kiến. Này các Tỷ-kheo, có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về hành động, viên mãn vê sanh kê, viên mãn vê tri kiên. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là viên mãn về hành động? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiêm. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là viên mãn vê hành động. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là viên mãn về sanh kế? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người theo chánh sanh kế, nuôi sống bằng chánh sanh kế. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về sanh kế. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về tri kiến? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 có người có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo: "C6

bố thí, có lễ hy sinh, có cúng tế, có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các hàng Sa-môn5 Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác nệộ đời này, đời sau và truyền dạy lại/' Này các Ty.kheo, đây gọi là viên mãn về tri kiến. Này các Tỷ-kheo, các pháp này là ba viên mãn.

VIII. KINH THANH TỊNH THỨ NHẤT (Pathamasoceyyasutta) (A. I. 271) 121. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý thanh tịnh. Thế nào là thân thanh tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lời nói thanh tịnh? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ nói láo9 từ bỏ nói hai lưỡi? từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là lời nói thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ý thanh tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không có tham lam, với tâm không sân hận5 có chánh tri kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là ý thanh tịnh. Những pháp này5 này các Tỷ-kheo, là ba thanh tịnh. IX. KINH THANH TỊNH THỨ HAI (Dutiyasoceyyasutta) (4 I. 272) 122. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh? lời nói thanh tịnh, ý thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân thanh tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lời nói thanh tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi? từ bỏ nói lời độc ác5 từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là lời nói thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là ý thanh tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo nếu nội tâm có ước muốn về dục9 vị ấy rõ biết: '6Nội tâm ta có ước muốn về dục?5 Nếu nội tâm không có ước muốn về dục5 vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta khôn^g có ước muốn về due." Ước muốn về dục chưa sanh khởi, được sanh khởi the nào5 vị ấy rõ biết như vậy. Ước muốn về dục đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và ước muốn về dục đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nếu nôi tâm có sân? vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có sân?9 Nếu nội tâm không có sân5 vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có sân.,, Sân chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Sân đã sanh kh&i, được đoạn trừ thế nào. vị ây rõ biêt như vậy. Và sân đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thê nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nếu nội tâm có hôn trầm thụy miên5 vị ấy rõ biết: uNội tâm ta có hôn trầm thụy miên.,, Nếu noi tâm không có hôn trầm thụy miên? vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có hôn trầm thụy miên.,, Hôn trầm thụy miên chưa sanh khởi? được sanh khởi thê nào, vị ây rõ biêt như vậy. Hôn trâm thụy miên đã sanh khỏi, được

đoạn trừ thê nào, vị ây rõ biêt như vậy. Và hôn trâm thụy miên đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nếu tâm có trạo hối, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có trạo hoi?9 Nếu nội tâm không có trạo hối9 vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có trạo h6i Trạo hối chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào5 vị ấy rõ biết

như vậy. Trạo hối đã sanh khởi, được đoạn trừ thê nào, vị ây rõ biêt như vậy. Và trạo hôi đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nếu tâm có nghi, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có nghi.” Nếu nội tâm không có nghi, vị ấy rõ biết: “N0i tâm ta không có nghi.^, Nghi chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nghi đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và nghi đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là ý thanh tịnh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo9 là ba thanh tịnh. Thân và lời thanh tịnh, Tâm thanh tịnh vô lậu, Trong sạch, được thanh tịnh, Được gọi ác đoạn trừ. X. KINH TOÀN HẢO (Moneyyasutta)i14 (A. I. 273) 123. Này các Tỷ-kheo? có ba sự toàn hảo. Thế nào là ba? Toàn hảo về thân? toàn hảo về lời nói, toàn hảo về ý. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về thân? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân toàn hảo. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là toàn hảo về lời nói? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lời nói toàn hảo. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là toàn hảo về ý? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo do đoạn trừ các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý toàn hảo. Này các Tỷ-kheo, các pháp này là ba toàn hảo. Thân và lời toàn hảo? Tâm toàn hảo, vô lậu? Toàn hảo9 được toàn hảo Được gọi đoạn tất cả.

174 AA. II. 372: Moneyyãnĩ (toàn hảo) = Munỉbhãvã (trở nên thánh thiện). Bản tiếng Anh của PTS: Munỉbhãvã (states of silence of a sage), nghĩa là munibhãvã chỉ cho trạng thái tịch mặc của vị ẩn sĩ (GS. I. 251). Xem them D. III. 220.

XIII. PHẨM KUSINẢRA (KUSINẴR4K4GGA)

I. KINH TẠI KUSINÃRA (Kusinărasuttd) (Ắ. I. 274) 124. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinãra, tại rừng Baliharana. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: - Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ đi đến vị ấy mời mai lại dùng Cơm. Nêu muôn, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo nhận lời. Sau khi đêm ây đã mãn, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi đến trú xứ người gia chủ hay con người gia chủ. Sau khi đến, vị ấy ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ tự tay đứng mời và làm cho thỏa mãn Tỷ- kheo ấy với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Vị ấy suy nghĩ: "Thật tốt lành thay, người gia chủ hay con người gia chủ này tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!^, Rồi vị ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng người gia chủ hay con người gia chủ này trong tương lai, tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mem!,, Vị ấy thọ hưởng món ăn khất thực ấy? tham dính, say đắm, đam trước, không thấy sự nguy hại, không thấy được sự xuất ly. Ở dây, vị ấy khởi lên sự suy tầm về dục, khởi lên sự suy tầm về sân5 khởi lên sự suy tầm về hại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng bố thí cho

Tỷ-kheo như vậy không có quả lớn. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống phóng dật. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo9 một Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Rồi một gia chủ hay con người gia chủ đi đến vị ấy mời mai lại dùng cơm. Nếu muốn, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhận lời. Sau khi đêm ấy đã mãn, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi đến trú xứ người gia chủ hay con người gia chủ. Sau khi đên, vị ây ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Rôi người gia chủ hay con người gia chủ tự tay đứng mời và làm cho thỏa mãn Tỷ- kheo ấy với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Vị ấy không có suy nghĩ: "Thật tốt lành thay, người gia chủ hay con người gia chủ này tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!,, Rồi vị ấy không suy nghĩ như sau: "Mong rằng người gia chủ hay con người gia

chủ này trong tương lai, tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!,^ Vị ấy thọ hưởng món ăn khất thực ấy, không tham dính, không say đăm, không đam trước, thây được sự nguy hại, thây được sự xuất ly. Vị ấy ở đây khởi lên sự suy tầm về viễn ly, khởi lên sự suy tầm về VÔ sân, khởi lên sự suy tâm vê vô hại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói răng bô thí cho Tỷ-kheo như vậy có quả lớn. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo ấy không sống phóng dật. II. KINH TRANH LUẬN (Bhandanasutta) (A. I. 275) 125. Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đâu tranh nhau, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ- kheo5 thật không thoải mái cho Ta khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đi đến chỗ ấy. Ở đây5 Ta đi đến kết luận như sau: "Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp và đã làm quá nhiều ba pháp." Ba pháp họ đã từ bỏ là gì? Viễn ly tầm, vô sân tầm? bất hại tầm. Ba pháp này họ đã từ bỏ. Ba pháp gì họ đã làm quá nhiêu? Dục tâm, sân tâm5 hại tâm. Ba pháp này họ đã làm quá nhiều. Tại phương hướng nào5 này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo sông cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ- kheo, thật không thoải mái cho Ta khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đi đến chỗ ấy. Ở đây5 Ta đi đến kết luận như sau: "Thật vậy5 các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.” Tại phương hướng nào9 này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ5 không đấu tranh nhau, như nước và sữa hòa lẫn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo. đi đến phương hướng ấy thật thoải mái cho Ta, còn nói gì nghĩ đen phương hướng ây. ơ dây, Ta đi đên kêt luận như sau: "Thật vậy5 các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.” Ba pháp họ đã từ bỏ là gì? Dục tầm, sân tầm9 hại tầm. Ba pháp này họ đã từ bỏ. Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều? Viễn ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm. Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo? các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ5 không đấu tranh nhau, như nước và sữa hòa lẫn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến phương hướnẸ ấy thật thoải mái cho Ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở dây, Ta đi đen kết luận như sau: "Thật vậy? các Tỷ-kheo ây đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiêu ba pháp này.” III. KINH ĐIỆN THỜ GOTAMA (Gotamakacetìyasutta) (A. I. 276) 126. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại điện thờ Gotama. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo!

- Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. 9 T 1 w rr^i FT-Ĩ ' rTTi A rf"i A _ _ __ f * i_ Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Ton. Thê Tôn nói như sau: - Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với thắng trí,175 không phải với không thắng trí; này các Tỷ-kheo5 Ta thuyết pháp với nhân duyên, không phải với không nhân duyên; này các Tỷ-kheo5 Ta thuyết pháp với thần thông, không phải với không thần thông. Này các Tỷ-kheo, do vì Ta thuyết pháp có thắng trí, không phải với không thắng trí; do vì Ta thuyết pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên; do vì Ta thuyết pháp có thần thông, không phải không có thần thông, nên giáo giới cần phải làm, giảng dạy175176 cần phải làm. Thật là vừa đủ9 này các Tỷ-kheo9 để các ông bằng lòng; thật là vừa đủ để các ông hân hoan; thật là vừa đủ để các ông hoan hỷ: "Chánh Đẳng Giác là Thế Tôn! Pháp được Thế Tôn khéo thuyết! Khéo hành trì là chúng Tăng!59 Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ lời Thế Tôn giảng. Trong khi lời thuyêt giảng này được nói lên, một ngàn thê giới đêu rung động. IV. KINH BHARANDU, NGƯỜI KÃLÃMA (Bharandukãlãmasuttd) (A. I. 276) 127. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala và đi đến Kapilavatthu. Mahãnãma dòng họ Thích nghe tin Thế Tôn đã đến Kapilavatthu. Rồi Mahãnãma dòng họ Thích đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Mahãnãma dòng họ Thích đang đứng một bên: Hãy đi, này Mahãnãma, và tìm xem ở Kapilavatthu có chỗ nào, tại chỗ ấy, hôm nay chúng ta sẽ trú lại một đêm. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Mahãnãma dòng họ Thích vâng đáp Thế Tôn, đi vào Kapilavatthu, đi khắp toàn vùng Kapilavatthu và không thấy một chỗ nào Thế Tôn có thể trú một đêm. Rồi Mahãnãma dòng họ Thích đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, ở Kapilavatthu không có chỗ nào, tại dấy, hôm nay Thế Tôn có thể trú một đêm. Nhxmg có Bharandu, người Kãlãma này, trước đồng tu Phạm hạnh với Thế Tôn.177 Hôm nay, Thế Tôn hãy ở một đêm tại am thất của vị ấy. Này Mahãnãma, hãy đi và trải một tấm thảm [cho Ta ở đó]. —Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Mahãnãma dòng họ Thích vâng đáp Thế Tôn? đi đến am thất của Bharandu người Kãlãma; sau khi đến, trải tấm thảm5 đặt nước để rửa chan, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

175 Xem M. II. 9. 176 Anusãsanĩ. Xem/. I. 170 về giáo hóa thần thông (anusãsanĩpãtỉhãriyam). 177 Trong thời ĂỊãra Kãlâma (Chủ giải).

Bạch Thế Tôn! Tấm thảm đã trải, nước để rửa chân đã sẵn sàng. Bạch Thế Tôn! Nay Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời. Rồi Thế Tôn đi đến am thất cuaBharandu người Kãlãma; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi5 Thế Tôn rửa chân. Rồi Mahãnãma dòng họ Thích nghĩ như sau: uNay không phải thời để hầu hạ Thế Tôn. Thế Tôn đang mệt mỏi. Ngày mai ta sẽ đến hầu hạ Thế Ton59, [nghĩ vậy xong] bèn đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi ra. Mahãnãma dòng họ Thích, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Mahãnãma dòng họ Thích đang ngồi một bên: Này Mahãnãma, có ba vị Đạo sư có mặt5 xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Ở đây5 này Mahãnãma, có vị Đạo sư trình bày sự biến tri của các dục vọng, nhưng không trình bày sự biên tri của

các săc? không trình bày sự biên tri của các cảm thọ. Ở đây, này Mahãnãma, có vị Đạo sư trình bày sự biến tri của các dục vọng, trình bày sự biến tri của các sắc, nhung không trình bày sự biến tri của các cảm thọ. Nhưng ở dây, này Mahănãma, có vị Đạo sư trình bày sự biến tri của các dục vọng, trình bày sự biến tri của các sắc, trình bày sự biến tri của các cảm thọ. Này Mahãnãma, có ba vị Đạo sư này có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba vị này, này Mahãnãma, kết luận là một hay là sai khác? Khi được nghe như vậy, Bharandu, người Kãlãma, nói với Mahãnãma dòng họ Thích: -Này Mahanama? hãy nói là một. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahãnãma dòng họ Thích: Này Mahãnãma, hãy nói là khác. Lần thứ hai, Bharandu, người Kãlãma, nói với Mahãnãma dòng họ Thích: -Này Mahãnãma, hãy nói là một. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahãnãma dòng họ Thích: -Này Mahãnãma, hãy nói là khác. Lần thứ ba, Bharandu, người Kãlãma, nói với Mahãnãma dòng họ Thích: -Này Mahãnãma, hãy nói là một. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahãnãma dòng họ Thích: -Này Mahãnãma, hãy nói là khác. Rồi Bharandu, người Kãlãma, suy nghĩ như sau: "Trước mặt Mahãnãma dòng họ Thích có thế lực lớn này, ta bị Sa-môn Gotama nói trái ngược cho đến lần thứ ba. Vậy ta hãy rời khỏi Kapilavatthu.„ Rồi Bharandu, người Kãlãma, đi ra khỏi Kapilavatthu, một sự ra đi khỏi Kapilavatthu, không bao giờ trở lại nữa.

V. KINH HATTHAKA (Hatthakasuttă)™ (Ắ. I. 278) 128. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn của Anãthapindika. Rôi thiên tử Hatthaka, sau khi đêm đã gân tàn5 với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ đứng thăng trước Thê T6n", nhưng vị ây chìm xuông, lún xuông, không có thể đứng thẳng; ví như thục tô hay dầu đổ trên cát, chìm xuống, lún xuống, không thể được giữ lại. Cũng vậy, thiên tử Hatthaka nghĩ rằng: "Ta sẽ đứng thẳng trước mặt Thế T6n", nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không có thể đứng thẳng. Rồi Thế Tôn nói với thiên tử Hatthaka: - Này Hatthaka, hãy hóa thành một tự thể thô xấu. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Thiên tử Hatthaka vâng đáp Thế Tôn. Sau khi hóa thành một tự thể thô xấu, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với thiên tử Hatthaka đang đứng một bên: Này Hatthaka, các pháp được diễn tiến trước kia, khi ông còn làm người, các pháp ấy được diễn tiến hiện nay đối với ông không? Bạch Thế T6n, các pháp được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay với con. Và bạch Thế Tôn5 có các pháp không được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay đối với con. Ví nhu, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sống, được các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ5 các vua chúa, các đại thần của vua, các ngoại đạo5 các đệ tử ngoại đạo đoanh vây; cũng vậy, bạch Thế Tôn? con sông được các thiên tử đoanh vây. Từ xa, bạch Thê T6n, các thiên tử đi đên, nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đến nghe pháp từ thiên tử Hatthaka." Có ba pháp5 bạch Thế Tôn5 con cảm thấy không bao giờ vừa đủ5 khi con chết, con vẫn còn ân hận9 luyến tiếc. Thế nào là ba? Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được thấy Thế Tôn? khi con chêt, con vân còn ân hận9 luyên tiêc. Bạch Thê Tôn, con cảm thây không bao giờ vừa đủ được nghe Diệu pháp? khi con chêt? con vân còn ân hận5 luyên tiếc. Bạch Thế Tôn5 con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được phục vụ hầu hạ chúng

Tăng, khi con chết, con vẫn còn ân hận5 luyến tiếc. Có ba pháp này, bạch Thế Tôn5 con cảm thấy không bao giờ vừa đủ, khi con chết, con vẫn còn ân hận luyến tiếc: Con thấy không vừa đủ, Khi được gặp Thế T6n,

178 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.594. 0159a01); w Tạp.(T.02. 0100.188. 0442al8).

Được phục vụ chúng Tăng, Được lăng nghe Diệu pháp, Học tập tăng thượng giới, Thích thú nghe Diệu pháp. Do đối với ba pháp, Cảm thấy không vừa đủ5 Thiên tử Hatthaka, Được sanh Vô Phiền thiên.179180 VI. KINH THÓI NÁT (KaỊuviyasutta)^ . I. 279) 129. Một thời, Thế Tôn trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại), Isipatana (chư tiên đọa xứ), tại Vườn Nai. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Ba-la-nại để khất thực. Thế Tôn, trong khi đi khất thực tại Goyogapilakkha, gần cây sung, chỗ cột đàn bò, thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không5 không có thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của vật dục? thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn5 với các căn phóng túng. Thấy vậy5 Thế Tôn liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: Này Tỷ>kheo, này Tỷ-kheo! Ông chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát.181 Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: uCác loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra. Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới như vậy, cảm thấy xúc động mạnh.182 Rồi Thế Tôn, sau khi đi khất thực ở Ba-la-nại xong, sau bữa ăn5 trên đường trở về, bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, ở dây, sau khi đắp y vào buổi sáng, Ta cầm lấy y bát, đi vào Ba-la-nại để khất thực. Này các Tỷ-kheo5 trong khi đi khất thực tại Goyogapilakkha, Ta thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có thiền định5 hưởng thọ hương vị hướng ngoại của vật dục, thất niệm5 không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy9 Ta liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Ông chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: 'Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu5 sẽ không có chiếm cứ', sự kiện như vậy không xảy ra." Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ây được Ta giáo giới với lời giáo giới này, cảm thấy xúc động mạnh.

179 Avihã, Vô Phiền thiên, cõi trời thứ 12 - Phạm thiên giới. 180 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1081. 0283a20); Biệt Tạp.(02. 0100.20. 0380ỒỒ2). 181 AA. II. 378: Katuviya = Ucchittha (bất tịnh, khó chịu). 182 AA.11. 378: Samvegamãpãdĩtỉ sotãpanno jãto (ctTrạng thái chấn động mạnh,, tức chỉ cho trạng thái khi vị ấy trở thành bậc Dự Lưu).

Khi nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-Bạch Thế Tôn, thối nát là gì, mùi hôi thối là gi, các loài ruồi lằng là gì?

Này các Tỷ-kheo, tham cầu là thối nát, sân là mùi hôi thối, các suy tàm ác, bất thiện là ruồi lằng. Này các Tỷ-kheo, ai làm cho các tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không chiếm cứ5\ sự kiện như

vậy không xảy ra.
Tai mắt không gìn giữ,
Các căn không phòng hộ?
Ruồi lằng sẽ bu đậu,
Các tư duy tham ái.
Tỵ-kheo làm thối nát,
Đầy ứ những mùi hôi,
XathaylàNiết-bàn!
Chịu phần về bất hạnh.
Tại làng hay trong rừng,
Tự ngã không an tịnh,
Kẻ ngu và không trí,
Đi đứng đầy ruồi lằng.
Ai đầy đủ giới luật,
Thích tịch tịnh trí tuệ,
Sống an tịnh hạnh phỉlc,
Mọi ruồi lằng trừ diệt.

VII. KINH ANURUDDHA THỨ NHẤT (PaỊhamaanuruddhasutta)183 (A. I. 281) 130. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Anuruddha bạch rT^i Ấ rry /y Thê Tồn: - Ở đây5 bạch Thế Tôn, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy phần lớn các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú9 đọa xứ, địa ngục. Do đây đủ với bao nhiêu pháp, bạch Thê Tôn5 các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? -Do đầy đủ ba pháp, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba? Ở dây, này Anuruddha, các nữ nhân vào buổi sáng, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của xan lẫn; vào buổi trưa, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của tật đố; vào buổi chiều, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của dục tham. Do đày đủ với ba pháp này, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

183 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.22.9. 0608c03).

VIII. KINH ANURUDDHA THỨ HAI (Dutiyaanuruddhasuttă) (Ả. I. 281) 131. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Tôn giả Anuruddha nói với Tôn giả Sãriputta:
Thưa Tôn giả Sãriputta, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới. Phấn chấn là tinh tấn của tôi, không có thụ động; niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm. Tuy vậy5 tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ.

Này Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: "V&i Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân5 tôi có thể nhìn một ngàn thế gi&i", đây là kiêu mạn của Hiền giả. Này Hiền giả Anuruddha, nếu Hiền giả suy nghĩ như sau: "Phấn chấn là tinh tấn của tôi5 không có thụ động; niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm", đây là trạo cử của Hiền giả. Này Hiền giảAnuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: "Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ,\ đây là hối quá của Hiền giả. Lành thay, nếu Tôn giả Anuruddha đoạn trừ ba pháp này, không tác ý ba pháp này, hãy chú tâm vào giới bất tử! Rồi Tôn giả Anuruddha, sau một thời gian, sau khi đoạn trừ ba pháp này, sau khi không tác ý ba pháp này? chú tâm vào giới bất tử. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một minh, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, sau khi chứng ngộ? chứng đạt, vị ây an trú. Vị ây chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa. IX. KINH CHE GIẤU (PaḶicchannasutta)^ (A. I. 282) 132. Này các Tỷ-kheo5 có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba? Sở hành của nữ nhân5 này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Chú thuật (mantã) của các Bà-la-môn5 này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Tà kiến, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiên lộ, không có che giâu. Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trời, này các Tỷ-kheo5 chói sáng, được hiển lộ,

184 Tham chiếu: Tăng.(T.Q2. 0125.22.4. 0607b26).

không có che giấu. Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ? không có che giấu. X. KINH KHẮC CHỮ (Lekhasuttả)^5 (A. I. 283) 133. Này các Tỷ-kheo5 ba hạng người này có mặt5 xuất hiện ở đời. Thê nào là ba? Hạng người như chữ viết trên đả, hạng người như chữ viết trên đất5 hạng người như chữ viết trên nước. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đá? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo5 ví như chữ viết trên đá không bị gió hay nước tây xóa mau chóng, được tồn tại lâu dài. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 ở dây, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo5 đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đá. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đất? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này không có tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên đất bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo, ở đây, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này không có tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo9 đây được gọi

là hạng người như chữ được viet trên đất. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên nước? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người dầu có bị nói một cách kịch liệt5 dầu có bị nói một cách ác độc, dàu có bị nói một cách thô lỗ5 tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện và hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên nước được mau chóng biến mất, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 có người dầu có bị nói một cách kịch liệt5 dầu có bị nói một cách ác độc, dầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện và hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên nước. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

185 Xem Pug. 32. Bản tiếng Anh của PTS: Carved on Rock, Earth and Water, nghĩa là Chữ viết trên đả, trên đất và trên nước.

CHƯƠNG III. BA PHÁP 253

XIV PHẨM NGƯỜI CHIẾN si (YODHẴJĨVAVAGGA)

I. KINH NGƯỜI CHIẾN sĩ (ĩodhậiĩvasutta) (A. I. 284) 134. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh, một người chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là ba? Ở dây, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng186 và đâm thủng {padãletã) được vật to lớn. Đầy đủ ba đức tánh này? này các Tỷ-kheo, một người chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biêu tượng187 của vua. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo9 đây đủ ba đức tánh? Tỷ-kheo dáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay5 là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật to lớn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo bắn xa? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc ấy, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi? cái này không phải tự ngã của t6i.” Phàm có cảm thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gân, tât cả cảm thọ ây5 vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i.” Phàm có tưởng gì thuộc quá khứ9 vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả tưởng ấy5 vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ răng: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i" Phàm có các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần5 tất cả các hành ấy, vị ấy

186 AA. II. 380: Akkhanavedhĩtỉ avỉrãdhỉtavedhĩ, akkhanam vã vijju vijjantarikaya vijjhitum samatthotỉ atthọ (CÍNgười bắn [cung] nhanh như chớp" nghĩa là bắn không ựật, nhanh như tia chớp, cùng có nghĩa là bắn trong khoảng thơi gian tia chớp xuất hiện rồi tắt ngấm). Xem SA. I. 181. 187 AA. II. 380: Anganteva sankhyam gacchatĩtỉ hattho vỉyapãdo vỉya ca avassam ỉcchỉtabbattã anganti sankhyam gacchati (44Thuộc

sở hữu [của vua], là biểu tượng [của vua]" nghĩa là mong muốn vững chắc như tay chan, trở thanh sở hữu, là biêu tượng).

thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là t6i, cái này không phải tự ngã của t6i." Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai5 hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả các thức ấy5 vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i." Và này các Tỷ-kheo, thê nào là Tỷ-kheo băn như chớp nhoáng? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ9\ như thật tuệ tri: "Đây là khố tap"; như thật tuệ tri: "Đây là khố diet"; như thật tuệ tri: “pây là con đường đưa đến khổ diet.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

II. KINH HỘI CHÚNG (Parísãsutta) (A. L 285) 135. Này các Tỷ-kheo, có ba hội chúng này. Thế nào là ba? Hội chúng điêu luyện vê khoa trương, hội chúng điêu luyện vê chât vân, hội chúng điêu luyện về tùy theo sở thích.188 Này các Tỷ-kheo5 có ba hội chúng này. III. KINH NGƯỜI BẠN (Mittasutta) (A. L 286) 136. Này các Tỷ-kheo, có đầy đủ ba đức tánh, một người bạn cần được thân cận. Thế nào là ba? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cho điều khó cho, làm điều khó làm, nhẫn điêu khó nhân. Này các Tỷ-kheo, đây đủ ba đức tánh này, một người bạn cân được thân cận. IV KINH XUẤT HIỆN (Uppãdãsutta) (A. I. 286) 137. Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy,189 là pháp quyết định tánh,190 tức là: “Tất cả các hành là vô thường.,, vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác

188,4. II. 381:' Yãvatãvỉnĩtãtrpamãnavasena vỉnĩtã,pamãnam natvã vỉriĩtaparisãtỉ attho. c Yãvatạjjhã9 tipãỊỉyãpanayãva aịjhãsayãti attho, djjhasayam natvã vỉnĩtaparisãtỉ vuttam hoti. 4 Yãvạtãvỉnĩtã' trong nghĩa điêu luyện vê so sánh nghĩa là hội chúng điêu luyện, Diet vê so sánh, đọ đêm, tiêu chuân; 4 Yavatajjha" trong nghĩa csở thí ch5, nghĩa là muốn cho đến phạm vi bao xa, [họ] biết ý muốn ấy; được gọi là họi chúng điêu luyện về tùy theo sở thích). 189 AA. II. 381: Dhammatthỉtatã (pháp trú tánh) = SabhãvaỊthỉtatã (pháp trú tính chất). 190 ẠA. II. 381: Dhammaniyãmatã (pháp quyết định tánh) = Sabhãvanỉyãmatã (pháp quyết định tính chât). s. IL 25, có thêm ỉdappaccayatã, sự liên hệ cái này đên cái kia.

ngộ; sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố? thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: “Tất cả các hành là vô thường,,^ Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện5 vẫn được an trú là pháp

trú tánh của giới ấy5 là pháp quyết định tánh, tức là: “Tất cả các hành là khô?5 Vê vân đê này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ; sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ? Như Lai tuyên bố5 thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là kh6." Này các Tỷ-kheo, dâu các Như Lai có xuât hiện hay không xuât hiện5 vân được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyêt định tánh, tức là: "Tất cả các pháp là vô ngỗư' về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ; sau khi chánh giác tri5 chánh giác ngộ5 Như Lai tuyên b6, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị5 phân biệt5 hiển thị: "Tất cả các pháp là vô ngâL" V. KINH MÈN BẰNG TÓC (Kesakambalasutta) (Â. I. 286) 138. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? trong tât cả loại vải được dệt, mên được dệt băng tóc được xem là hạ liệt nhât.191192Mên được dệt băng tóc, này các Tỷ-kheo? khỊ trời lạnh thì lạnh, khi trời nóng thì nóng, xâu xí5 có mùi hôi, xúc chạm khó chịu. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố5 chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhât. Này các Tỷ-kheo? Makkhali, kẻ ngu si có thuyêt như sau, có kiến như sau: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tân?5 Này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, những ai là các vị A-la-hán5 các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn, các vị ấy deu chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tân. Nhung này các Tỷ-kheo5 chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tât cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả? không có tinh tấn.,, Này các Tỷ-kheo? trong thời vị lai, những ai là các vị A-la-hán, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn, các vị ấy đều chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tân. Nhưng này các Tỷ-kheo5 chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tât cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn.” Còn Ta, này các Tỷ-kheo, nay là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác cũng chủ trương có nghiệp, chủ trương có nghiệp quả, chủ trương có tinh tân. Nhung này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tât cả: uKhông có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tân.^, Ví như, này các Tỷ-kheo? tại cửa sông? có người đặt một cái sập bẫy cá,192 đem đến bất hạnh, đau khổ, tổn hại? nguy hại cho các loại cá. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ? tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.

191AA. II. 381: Patikitthotipacchỉmako lãmako (CÍHèn hạ nhất" nghĩa là thấp kém, tệ nhất). 192 AA. II. 381: Khippam uddeyyãtỉ kumỉnam oddeyya (44Đặt sập bẫy cá" nghĩa là đặt lưới cá hoặc cái giỏ hình phễu). Xem KS. L ioi.

VI. KINH THÀNH Tựu (Sampadãsutta)m (A. I. 287) 139. Này các Tỷ-kheo, có ba sư thành tựu này. Thế nào là ba? Thành tựu về tín, thành tựu về giới, thành tựu về tuệ. Này các Tỷ-kheo, các pháp này là ba sự thành tựu. VII. KINH TẤNG TRƯỞNG (Vuddhisuttd) (A. I. 287) 140. Này các Tỷ-kheo, có ba sự tăng trưởng. Thế nào là ba? Tăng trưởng về tín, tăng trưởng về giới? tăng trưởng về tuệ. Này các Tỷ-kheo, ba pháp này là ba sự tăng trưởng. VIII. KINH NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC 194 (Â. I. 287) (AssakhaỊunkasũtta)193 141. — Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng vê ba loại ngựa chưa

được điêu phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người chưa được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: —Và này các Tỷ-kheo, thê nào là ba loại ngựa chưa được điêu phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực. nhưng không có sắc dẹp, không có cân đối.195 Ớ đây5 này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp? nhtmg không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điêu phục, có tốc lực, có sắc đẹp? có cân đối. Ba loại này5 này các Tỷ-kheo? là ba loại ngựa chưa được điều phục. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là ba hạng người chưa được điêu phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục? có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp5 không có cân đối. Ở đây5 có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhimg khônẹ có cân đối. Ở dây, này các Tỷ- kheo, có hạng người chưa được điều phục? có tôc lực5 có săc đẹp, có cân đối. Ba loại này5 này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục. Thê nào, này các Tỷ-kheo? là hạng n^ười chưa được điêu phục, có tôc lực5 nhưng không có sắc đẹp9 không có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Bây là kh6"; như thật rõ biêt: “Bây là khô tập95; như that rõ biêt: 66Đây là khô diet"; như thật rõ biêt: C6Đây là con đường đưa đến khổ diet"; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhimg khi được hỏi về Thắng pháp (Abhidhammà). Thắng luật (Abhivinayấ), vị ấy lại ngập ngừng không có trả lời; ở đây Ta nói trong nghĩa không có sắc

193 Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 139 và 140 được trình bày trong một kinh với tên: Attainment, nghĩa là Thành tựu. 19Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.917. 0232b24); Biệt Tạp.(T.02. 0100.143. 0428Ồ04).

195 AA. II. 381: Idamassa ãrohaparỉnãhasmỉntỉ aẏamassa uccabhãvo parỉmandalabhãvotỉ vadãmĩti ("Dây [Ta nói] nghĩa cân d6i” nghĩa lằ [Ta nói] chiều cao và vòng tròn của thân)*

đẹp. Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng như y áo5 đồ ăn khất thực, sàng tọa9 dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là người chưa có điêu phục, có tôc lực, nhưng không có săc đẹp, không có cân đối. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp? nhưng không cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Bây là kh6”; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; nhu thật rõ biết: "Đây là khổ diet"; như thật rõ biết: “Dây là con đường đưa đến khổ diet"; ở đây la nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật9 vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có săc đẹp. Nhưng vị ây không nhận được các đô tư dụng như y áo, đô ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp? có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: “Dây là kh6"; như thật rõ biết: "Đây là kh6 tap" nhtr thật rõ biết: "Bây là khổ diet"; như thật rõ biết: "Dây là con đường đưa đến khổ diet"; ở đây la nói trong nghĩa có tốc lực. Khi

được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có săc đẹp. Vị ây có nhận được các đô tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là người chưa có điều phục, có tốc lực5 có sắc dẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo? là ba hạng người chưa được điều phục.

IX. KINH NGựAĐƯỢC ĐIỀU PHỤC (Assaparassasutta)196 (A. I. 289) 142. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa được điều phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là ba loại ngựa được điều phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 có loại ngựa được điều phục, có tốc lực9 nhưng không có sắc đẹp5 không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục5 có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa được điều phục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người được điều phục?

196 Tham chiếu: Tạp.(ro2. 0099.918. 0232c29); Biệt Tạp.(T.02. 0100.144. 0428cl6).

Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, nhxmg không có sắc đẹp. không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo. có hạng người được điều phục, có tốc lực5 có sắc đẹp. nhimg không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực5 có sắc đẹp, có cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hạng người được điều phục? có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử9 được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhimg khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ây ngập ngừng không có trả lời; ở đây Ta nói trong nghĩa không có săc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo? đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người được điều phục, có tốc lực, nhimg không có sắc đẹp5 không có cân đối. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp5 nhưng không có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ây trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có săc đẹp. Nhimg vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo? đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người được điều phục, có tốc lực? có sắc dẹp, nhưng không có cân đối. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; ở đây Ta nói trong nghĩa có tôc lực. Khi được hỏi vê Thăng pháp, Thăng luật9 vị ây trả lời không có

ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực? có sắc đẹp? có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục. X. KINH CÁC LOẠI NGựA THUẦN THỤC (Assãịãntyasuttay91 (A. L 290) 143. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về ba loại ngựa hiền thiện,197 198

197 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.919. 0233Ồ13); Biệt Tạp.(T.02. 0100.145. 0429a09).
198 Bhadde. AA. II. 381: Bhadra = Bhaddaka (hiền thiện, tốt lành).

thuần thục;199 ba hạng người hiền thiện, thuần thục. Hãy nghe và khéo tác ý9 Ta sẽ nói. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là ba loại ngựa hiên thiện, thuân thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp. không có cân đối. Ở đây9 này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc dẹp, nhung không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục5 có tốc lực9 có sắc đẹp, có cân đôi. Những loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa hiên thiện, thuân thục. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là ba hạng người hiên thiện, thuân thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người hiền thiện, thuần thục? có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc dẹp, nhưng không có cân đối. Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp? có cân đoi. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện, thuần thục. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhimg không có sắc đẹp, không có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhung khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng không trả lời; ở đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc dẹp, không có cân đối. Như thê nào, này các Tỷ-kheo9 là hạng người hiên thiện, thuân thục, có tôc lực, có sắc đẹp? nhưng không có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói tronẹ nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị ây không nhận được các đô tư dụng như y áo, đô ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đôi. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người hiên thiện, thuân thục, có tốc lực5 có sắc đẹp? nhưng không có cân đối. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục có tốc lực? có sắc đẹp, có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong

199 AA, II. 3Sl\Assậjãnĩyeti kãranãkãranam jananake asse (uNgựa thuần thục" nghĩa là ngựa biết điều gì nên làm, điều gì không nên làm).

hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy trả lời không ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có săc đẹp. Vị ây nhận được các đô tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực? có sắc dẹp, có cân đối. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện, thuần thục. XL KINH MORANNIVÃPA THỨ NHẤT (PaỊhamamoranivãpasutta) (Ắ. I. 291) 144. Một thời, Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), tại Moranivãpa (chỗ nuôi dưỡng các con công). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r • rT^_9 1 _ Ạ a. z FT1 _ Ạ Ạ rri ____ Các vị Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: -Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo đạt đến tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Với vô học giới uẩn, với vô học định uẩn, với vô học tuệ uẩn, đầy đủ ba pháp này? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo5 tột cùng an ổn khỏi các kho ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. XII. KINH MORANNIVÃPA THỨ HAI (Dutiyamoranivãpasuttà) (A. I. 291) 145. Đầy đủ với ba pháp, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Với Biến hóa thần thông, với Ký thuyết thần thông, với Giáo hóa thần thông, đày đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo5 tột cùng an ổn khỏi các khổ ách5 tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. XIII. KINH MORANNIVÃPA THỨ BA (Tatìyamõranivãpasutta) (A. I. 292) 146. Đầy đủ với ba ph9p, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh5 bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Với chánh tri kiên, với chánh trí, với chánh ệiải thoát, đây đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng toi hảo, tột cùng an ổn khỏi các khố ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

XV PHẨM CÁT TƯỜNG (MANGALAK4GGA)

I. KINH KHÔNG THIỆN (Akusaỉasutta) (A. I. 292) 147. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo9 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba? Với thân làm không thiện, với lời nói không thiện, với ý nghĩ không thiện, đầy đủ ba pháp này5 này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là ba? Với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh

lên cõi trời. II. KINH CÓ PHẠM TỘI (Savajjasutta) (A.L 292) 148. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị rơi vào địa nạục. Thế nào là ba? Với thân làm có tội, với lời nói có tội5 với ý nghĩ có tội, đây đủ ba pháp này5 này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cối trời. Thế nào là ba? Với thân làm không có tội, với lời nói không có tội, với ý nghĩ không có tội5 đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. III. KINH KHÔNG THẢNG BẢNG (Vìsamasutta) (A. L 293) 149. (Như kinh trên5 chỉ thay thế "không thăng bằng" và "thăng b3ĩig”). IV. KINH BẤT TỊNH (Asucisutta) (4 I. 293) 150. (Như kinh trên? chỉ thay thế "bất tjnh” và "tjnh"). V. KINH MẤT GỐC THỨ NHẤT (PaỊhamakhatasutta) (41. 293) 151. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo? kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quở trách, làm nhiều điều vô phước. Thế nào là ba? yới thân làm không thiện, với lời nói không thiện, với ý nghĩ không thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quở trách, làm nhiều điều vô phước. Đây đủ ba pháp này? này các Tỷ-kheo5 bậc hiên trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không

CÓ phạm tội, không bị người trí quở trách, làm nhiều điều phước lành. Thế nào là ba? Với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiên trí thông minh, là bậc chân nhân? tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không có phạm tội, không bị người trí quở trách, làm nhiều điều phước lành. VL KINH MẤT GỐC THỨ HAI (Dutiyakhatasutta) (4 I. 293) 152. (Như kinh trên, chỉ thay thế "c6 phạm tội, không phạm tộf,). VII. KINH MẤT GỐC THỨ BA (Tatiyakhatasutta) (A. I. 293) 153. (Như kinh trên, chỉ thay thế “c6 thăng bằng, không thăng bằng,,). Vin. KINH MẤT GỐC THỨ TƯ (Catutthakhatasutta) (4 I. 294) 154. (Như kinh trên, chỉ thay thế "bất tinh" và "tjnh”). IX. KINH KÍNH LỄ (Vandanãsuttd) (Ả. I. 294) 155. Này các Tỷ-kheo? có ba loại kính lễ này. Thế nào là ba? Với thân, với lời nói, với ý5 các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba loại kính lễ. X. KINH BUỔI SÁNG (Pubbanhasutta)2^ (A. I. 294) 156. Các loại hữu tình nào? này các Tỷ-kheo9 vào buổi sáng, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ- kheo, có một buổi sáng tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi trưa, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi trưa tốt đẹp. Các loại hữu tình nào5 này các Tỷ- kheo, vào buổi chiều, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy5 này các Tỷ-kheo, có một buổi chiều tốt đẹp. Vầng sao lành, điềm lành, Rạng đông lành, dậy lành, Sát-na lành, thời lành. Cúng dường bậc Phạm hạnh? Thân nghiệp chánh,200201 lời chánh, Ý nghiệp chánh, nguyện chánh, Làm các điều chơn chánh, Thì được lợi an lạc, Lớn mạnh trong giáo pháp, Hãy không bệnh, an lạc, Cùng tất cả bà con.

200 Bản tiếng Anh của PTS: Happy, nghĩa là Hạnh phúc. 201 Padakkhinã. Đi vòng phía tay mặt xung quanh bậc đáng cung kính.

XVI. PHẢMLÕATHẺ (ACELAKAVAGGA) (A.l. 295)

157-163. Này các Tỷ-kheo, có ba đạo lộ này. Thế nào là ba? Thâm cố đạo lộ? kịch khổ đạo lộ5 trung đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là thâm cố đạo Ịộ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau, thấy như sau: "Không có tội lớn trong các dục vọng95 và rơi vào say đắm trong các dục vọng. Này các Tỷ"kheo5 đây gọi là thâm cố đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kịch khổ đạo lộ? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người sống lõa thể, sống phóng túng, không theo lễ nghi,202 liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng lại, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn9 không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn từ ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn5 không nhận đô ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đô ăn từ người đàn bà đang cho con bú? không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn từ chỗ có ruồi bu, không ăn cá thịt, không uống rượu nấu rượu men, cho đến không uông cháo. Vị ây chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miêng? hay vị ây chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miêng. Vị ây nuôi sông chỉ với một bát (dattíỵ nuôi sông chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Vị ấy ăn rau, ăn cây kê9 ăn gạo sống, ăn gạo rừng (daddulă), ăn cây lau (haía), ăn bột gạo (kaụha). ăn bột gạo cháy (ãcãma), ăn bột vừng, ăn c6, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mang vải gai thô, mặc vải gai thô đan xen với các vải khác, mặc vải tẫn liệm quăng di, mặc vải lượm từ đống rác, dùng vỏ cây tirĩtaka làm áo, mặc áo da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo vải từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo băng tóc bện lại thành men, mặc áo băng đuôi ngựa bện lại, mặc áo băng lông cú. Vị ây là người sông nhô râu tóc5 là người theo tập tục sông nhô râu tóc, là

202 Muttãcãra. Xem 4 III. 206; D. I. 166; M. I. 77.

người theo hạnh thường dứng, không dùng chỗ ngồi5 là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần? theo hạnh xuống nước tắm để gột sạch tội lỗi. Như vậy, dưới nhiều hình thức, vị ấy sống thực hành các hạnh hành hạ5 hành khố thân thế. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kịch khổ đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trung đạo lộ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các cảm thọ? nhiệt tâm,

tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán pháp trên các ph, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là trung đạo lộ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 là ba đạo lộ. -Này các Tỷ-kheo, có ba đạo lộ này. Thế nào là ba? Thâm cố đạo lộ? kịch khổ đạo lộ, trung đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thâm cố đạo lộ? (Như trên). Và này các Tỷ-kheo? thế nào là kịch khổ đạo lộ? (Như trên). Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trung đạo lộ? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, lillli oavll 111 VMl IllUv Cllvli Klllvll vliu vav dC, Dal Ullvli pilap Cla sanh được trừ diệt, khởi lên ý muôn cô găng, tinh tân? sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay sanh khởi, khởi lên ý muôn cô găng, tinh tân, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiên cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ? được tăng trưởng, được quảng đại5 được tu tap, được viên mãn, khởi lên ý muôn cô găng, tinh tân? sách tâm, trì tam. Vị ấy tu tập Thần túc thônệ câu hữu với dục định tinh càn hành, tu tập Thần túc thông câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, tu tập Thần túc thông câu hữu với tâm định tinh cần hành, tu tập Thần túc thông câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Vị ấy tu tập tín căn, tu tập tấn căn, tu tập niệm căn, tu tập định căn, tu tập tuệ căn. Vị ấy tu tập tín lực, tu tập tấn lực, tu tập niệm lực? tu tập định lực, tu tập tuệ lực. Vị ấy tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi. Vị ấy tu tập chánh tri kiến, tu tập chánh tư duy, tu tập chánh ngữ, tu tập chánh nghiệp, tu tập chánh mạng, tu tập chánh tinh tấn, tu tập chánh niệm, tu tập chánh định. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là trung đạo lộ.

CHƯƠNG IIL BA PHÁP 265

xvn. PHẨM HÀNH NGHIỆP LƯỢC THUYẾT (KAMMAPATHAPEYYALA)

164-183. SÁT SANH (A. I. 297) Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy bị rơi vào địa ngục. Thê nào là ba? Tự mình sát sanh, khích lệ người khác sát sanh, tùy hỷ sự sát sanh. Đây đủ ba pháp này? này các Tỷ-kheo5 tương xứng như vậy bị rơi vào địa ngục. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheọ, tương xứng như vậy được sanh lên thiên giới. Thế nào là ba? Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh. Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo? tương xứng như vậy được sanh lên thiên giới. LẤY CỦA KHÔNG CHO (A. L 297) Tự mình lấy của không cho, khích lệ người khác lấy của không cho, và tùy hỷ sự lấy của không cho... Tự mình từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho, và tùy hỷ sự từ bỏ lây của không cho... TÀ HẠNH TRONG CÁC DỤC (A. I. 297) Tự mình tà hạnh trong các dục, khích lệ người khác tà hạnh trong các dục, và tùy hỷ tà hạnh trong các dục... Tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, và tùy hỷ từ bỏ tà hạnh trong các dục... NÓI LÁO (Ả. I. 298) Tự mình nói láo , khích lệ người khác nói láo, và tùy hỷ nói láo... Tự mình từ bỏ nói láo5 khích lệ người khác từ bỏ nói láo, và tùy hỷ sự từ bỏ nói láo... NÓI HAI LƯỠI (Ắ.L 298) Tự mình nói hai lưỡi, khích lệ người khác nói hai lưỡi? và tùy hỷ nói hai lưỡi... Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khích lệ người

khác từ bỏ nói hai lưỡi, và tùy hỷ sự từ bỏ nói hai lưỡi... NÓI LỜI THÔ ÁC (4 I. 298) Tự mình nói hai lưỡi, klúch lệ người khác nói hai lưỡi, và tùy hỷ nói lời thô ác...

266 KINH TẢNG CHI Bộ

Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khích lệ người khác từ bỏ nói hai lưỡi, và tùy hỷ sự từ bỏ nói lời thô ác... NÓI LỜI PHÙ PHIẾM (4 1. 298) Tự mình nói lời phù phiếm, khích lệ người khác nói lời phù phiếm, và tùy hỷ nói lời phù phiếm... Tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm, khích lệ người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, và tùy hỷ sự từ bỏ nói lời phù phiếm...

THAM (Ả. I. 298) Tự mình tham, khích lệ người khác tham, và tùy hỷ tham... Tự mình từ bỏ tham, khích lệ người khác từ bỏ tham, và tùy hỷ sự từ bỏ tham... SÂN (A. I. 298) Tự mình sân, khích lệ người khác sân, và tùy hỷ sân .. Tự mình từ bỏ sân5 khích lệ người khác từ bỏ sân, và tùy hỷ sự từ bỏ sân... TÀ KIẾN (A. I. 298) Tự mình tà kiến, khích lệ người khác tà kiến, và tùy hỷ tà kiến... Tự mình từ bỏ tà kiến, khích lệ người khác từ bỏ tà kiến, và tùy hỷ sự từ bỏ tà kiến...

CHƯƠNG III. BA PHÁP 267

XVHL PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RÃGAPEYYÃLAÝ^ (A. 1.299)

184. Để thắng tri tham ái5 này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Không định? vô tướng định, vô nguyện định. Đê thăng tri tham ái, này các Tỷ-kheo5 ba pháp này cân phải tu tập. Này các Tỷ-kheo? để biến tri... biến diệt... đoạn tận... diệt tận... trừ diệt... ly tham... đoạn diệt... trừ khử... từ bỏ tham, ba pháp này? này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, để biến tri... biến diệt... đoạn tận... diệt tận... trừ diệt... ly tham... đoạn diệt... trừ khử... từ bỏ sân... từ bỏ si... từ bỏ phẫn nộ... từ bỏ hận... từ bỏ giả dối... từ bỏ não hại... từ bỏ tật đố... từ bỏ xan lẫn... từ bỏ man trá... từ bỏ phản bội... từ bỏ ngoan cô... từ bỏ bông bột nông nôi... từ bỏ mạn... từ bỏ tăng thượng mạn... từ bỏ kiêu... từ bỏ phóng dật, ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 cần phải tu tập. Thế Tôn thuyết giảng như vậy5 các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

203 Tham chiếu: Tdng.(7.02. 0125.24.10. 0630b02).

CHƯƠNG IV BỐN PHÁP (CATUKKANIPÂTA)

L PHẨM BHANDAGAMA (BHANDAGAMAVAGGA)

I. KINH GIÁC NGÔ (ẠnubuddhasuttẩỶ (Ả. II. 1) 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajjĩ5 tại làng Bhanda. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r _ rri 9 1 m 1 _ _ Ạ__ A A A _ 1____ _____ Các Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo? do không giác ngộ5 không thể nhập bốn pháp, như vậy phải chạy dài, luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các ông! The nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập Thánh giới, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các ông. Này các Tỷ-kheo9 do không giác ngộ, không thể nhập Thánh định... Thánh tuệ... Thánh giải thoát, như vậy

phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đoi với Ta và đối với các ông. Này các Tỷ-kheo5 khi nào Thánh giới này được giác ngộ, được thể nhập; Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; Thánh tuệ được giác ngộ9 được thể nhập; Thánh giải thoát được giác ngộ9 được thể nhập; hữu ái được chặt đứt, dây cột của hữu12 được đoạn tận, nay không còn tái sanh. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ sau khi nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Giới5 thiền định, trí tuệ5 Với giải thoát vô thượng, Gotama danh xưng, Giác ngộ những pháp này.

1 Tham khảo: A. II. 68; GS. II. 77 (kinh 62 ở sau); D. 16, Mahãparỉnỉbbãna Sutta (Kỉnh Đại Bắt-nỉết-bàn). 2 Bhavanettỉ là dây cột trói (rạiju), cũng như dây cột cổ trâu bò để dắt dẫn đi. Xem D. II. 90, phần V . J1 1— _ _ Á Ạ . A A __ 1 14 Ạ _AJ 2 __ Kotigãma, chính là sự thê nhập Bôn sự thật đưa đên ket quả này.

Đức Phật thắng tri chúng, Thuyết pháp cho Tỷ-kheo5 Đạo Sư đoạn tận khô, Bạc Tuệ Nhãn tịch tịnh. II. KINH RỜI KHỎI (Papatìtasutta) (A. II. 2) 2. Người không thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này. Thế nào là bốn? Không thành tựu Thánh giới, này các Tỷ-kheo? được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này; không thành tựu Thánh thiền định, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này; không thành tựu Thánh trí tuệ, này các Tỷ-kheo? được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này; không thành tựu Thánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này. Không thành tựu bôn pháp này, này các Tỷ-kheo9 được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này. Thế nào lỗ bỗn? Thành tựu Thánh giới, này các Tỷ-kheo? được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này; thành tựu Thánh định, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này; thành tựu Thánh trí tuệ, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này; thành tựu Thánh giải thoát, này các Ty.kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp? Luật này. Sau khi chết họ rơi, Bị rơi, họ tham ái, Do vậy họ trở lại9 Một lần nữa tái sanh. Đã làm việc phải làm5 Đã thích việc đáng thích, Người ấy được an lạc5 Do an lạc đưa đến. III. KINH MẤT GỐC THỨ NHẤT (PaỊhamakhatasutta)34(Ả. II. 2) 3 Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân/ tự mình xử sự như một kẻ mất gốc? bị thương tích, phạm tội9 bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là bốn? Không có suy xét, không có cứu xét? tán thán người không đáng được tán thán; không có suy xét, không có cứu xét, không tán thán người đáng được tán

3 Xem 5.1. ÌO, 149; Sn. 127. 4 Asappurỉsa = Anarỉya. Xem A. II. 32 (kinh 31 ở sau).

thán; không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm; không có suy xét5 không có cứu xét, tỏ bày sự bất tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị

thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nao lắ bốn? Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tán thán những người không đáng được tán thán; sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tán thán những người đáng được tán thán; sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm; sau khi suy xét, sau khi cứu xét5 tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gôc9 không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Ai khen người đáng chê, Ai chê người đáng khen, Kẻ ấy với miệng lưỡi, Chứa chấp điều bất hạnh. Do vì bất hạnh ấy, Không tìm được an lạc. Nhỏ nhen không đáng kể, Là loại bất hạnh này, Bất hạnh do cờ bạc, Phá hoại các tài sản. Lớn hơn, lớn hơn nhiều, Là loại bất hạnh này, Cho tất cả mọi người, Và cả với riêng mình. Những ai với ác ý5 Đôi với bậc Thiên The, Trải qua một trăm ngàn, Thời Nirabbuda,5 Và cộng ba mươi sáu, Với năm Abbuda,6

5 Nirabbuda: Một con số rất lớn, gấp 20 lần Abbuda; đồng thời là tên của một địa ngục.
6 Abbuda: Một con số rất lớn, chỉ cho thời gian dài chịu đau khổ trong địa ngục.

Bị sanh vào địa ngục, Trong suốt thời gian ấy, Nếu mắng nhiếc bậc Thánh, Với lòi, ý5 nguyện ác.7 IV. KINH MẤT GỐC THỨ HAI (Dutiyakhatasuttă) (Â. II. 4) 4. Do tà hạnh trong bốn sự, này các Tỷ-kheo5 là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nhiều điều vô phước. Thế nào là tà hạnh trong bốn sự? Tà hạnh đối với mẹ, này các Tỷ-kheo5 là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội5 bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Tà hạnh đối với cha, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc9 bị thương tích, phạm tội5 bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Tà hạnh đối với Như Lai, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gôc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Tà hạnh đối với đệ tử của Như Lai, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội5 bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Tà hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gôc? bị thương tích, phạm tội5 bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Chánh hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gôc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thê nào là chánh hạnh trong bôn sự? Chánh hạnh đôi với mẹ5 này các Tỷ-kheo5 là bậc hiên trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự

không như một kẻ mât gôc5 không bị thương tích, không phạm tội? không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. Chánh hạnh đôi với cha, này các Tỷ-kheo? là bậc hiên trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mât gôc? không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. Chánh hạnh đôi với Như Lai, này các Tỷ-kheo? là bậc hiên trí thông minh, là bậc chân nhân5 tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc5 không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

7 Xem4 V. 171; s. I. 149; Sn. 123; Nettỉ. 132.

Chánh hạnh đối với đệ tử Như Lai, này các Tỷ-kheo? là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc? không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. Chánh hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo5 là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc5 không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. Ai hành xử tà vạy5 Đối với mẹ và cha, Với Như Lai Chánh Giác, Hay với đệ tử Ngài, Người xử sự như vậy, Tạo nhiều điều vô phước. Những ai có ác hạnh, Đối với mẹ và cha, Đời này bậc trí trách, Đời sau sanh đọa xứ. Ai hành xử chơn chánh, Đối với mẹ và cha, Với Như Lai Chánh Giác? Hay với đệ tử Ngài, Người xử sự như vậy5 Tạo nhiều điều phước đức. Những ai có chánh hạnh5 Đối với mẹ và cha, Đời này bậc trí khen, Đời sau hưởng thiên giới. V. KINH THUẬN DÒNG (Anusotasutta) (A. II. 5) 5. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bôn? Hạng người đi thuận dòng? hạng người đi nghịch dòng, hạng người tự đứng lại và vị Bà-la-môn đã vượt qua đên bờ bên kia, đứng trên đât liên. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thọ hưởng các dục và làm các nghiệp ác. Này các Tỷkheo5 đây gọi là hạng người đi thuận dòng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi ngược dòng? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người không thọ hưởng các dục; không làm ác nghiệp; với khổ, với ưu, nước mắt đầy mặt5 khóc than, sống Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là hạng người đi ngược dòng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tự đứng lại? Ở dây, này các Tỷkheo, có hạng người do diệt tận năm hạ phần kiêt sử, được hóa sanh, tại đây

nhập Niết-bàn5 không còn trở lại đời này nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người tự đứng lại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Bà-la-môn8 đã vượt qua đến bên bờ kia, đứng trên đất liền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thăng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú

Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là vị Bà-la-môn đã vượt qua đên bờ bên kia, đứng trên đât liên.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo9 có mặt hiện hữu ở đời.

Những ai sống ở đời5

Không chế ngự các dục,
Không từ bỏ ly tham,
Thọ hưởng các dục vQĩg,
Họ đi đến sanh già,
Đến rồi lại đến nữa,
Bị khát ái trói buộc,
Họ đi thuận dòng đời.
Do vậy, bậc có trí,
Ở đời trú chánh niệm?
Không thọ hưởng các dục?
Không hành trì điều ác,
Dầu chịu sự khổ đau,
Từ bỏ các dục vọng?
Họ được gọi hạng người,
Đi ngược lại dòng đời.
Những ai quyết đoạn tận9
Năm phiền não kiết sử,
Bậc Hữu học viên mãn,
Không còn bị thối thất,
Đạt được tâm điêu phục,
Các căn được định tĩnh,
Vị ây được gọi là?
Nẹười đã tự đứng lại.9
Đối các pháp thắng, liệt,
Vị ấy được giác tri,
Đã được quét quạt sạch,
Các pháp được chấm dứt,
Vị ây bậc Trí giả,
Phạm hạnh được thành tựu,
8 Xem s. I. 47; IV. 174; Dh. V. 26, Brãhmanavagga (phẩm Bà4a-môrì). 9 Chủ giải: Vị ấy là bậc Bất Lai.

Được tên gọi danh xưng,
Bậc Đã Đi Đến Nơi,
Chỗ tận cùng thế giới5
Bậc Đã Đến Bờ Kia.
VI. KINH NGHE ÍT (Ạppassutasuttà) (Ả. II. 6) 6. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo? có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên; nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên; nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên; nghe

nhiều, điều đã được nghe có khởi lên. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe ít về Kinh, ứng tụng,10 Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tằng hữu pháp pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe ít ỏi này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là người nghe ít, điêu đã được nghe có khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người được nghe ít về Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Người ây, với điêu đã được nghe ít ỏi này, biêt nghĩa, biêt pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là người nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người được nghe nhiều về Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe nhiều này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là người nghe nhiêu, điêu đã được nghe được khởi lên? ơ đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người được nghe nhiêu vê Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ? Như thị thuyết, Bổn sanh, yị tằng hữu pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe nhiều này, biết nghĩa, biêt pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là người nghe nhiều, điều đã được nghe có khởi lên. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Nêu là người nghe ít, Không định tĩnh trong giới? Họ chỉ trích người ây, Cả hai, giới và nghe.

10 Xem4 II. 103 (kinh 102 ở sau); 4 II. 177 (kinh 186 ở sau); M. I. 133; Vin. III. 8; Pug. 43.

Nếu là người nghe ít,
Nhưng khéo định trong giới,
Họ khen về giới dức, về nghe không đầy đủ.
Nêu là người nghe nhiêu,
Không định tĩnh trong giới,
Họ chỉ trích người ấy, về nghe được đày đủ.
Nếu là người nghe nhiều,
Lại khéo định trong giới,
Họ tán thán người ấy,
Cả hai, giới và nghe.
Đệ tử Phật nghe nhiều,
Trì pháp, có trí tuệ?
Như vàng cõi Diêm-phù?
Ai có thể chỉ trích?
Chư thiên khen vị ấy,

Phạm thiên cũng ngợi khen.

VII. KINH CHÓI SÁNG (Sobhanasutta)n (Â. II. 8)

7. Có bốn hạng người, này các Ty.kheo, thông minh, được huấn luyện, không sợ hi, nghe nhiều, trì pháp, thực hành pháp, tùy pháp, chói sáng Tăng chúng. Thế nào là bốn? Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, thông minh, được huân luyện, không sợ hai, nghe nhiều, trì pháp5 thực hành pháp? tùy pháp, chói sáng Tăng chúng. Tỷkheo-ni, này các Tỷ-kheo... Nam cư sĩ, này các Tỷ-kheo... Nữ cư si, này các

Tỷ-kheo5 thông minh, được huấn luyện, không sợ hãi5 nghe nhiều, trì pháp, thực hành pháp, tùy pháp, chói sáng Tăng chúng.

Ai là người thông minh,
Là người không sợ hãi,
Lại là người nghe nhiều,
Và cũng hành trì pháp,
Đối với Chánh diệu pháp,
Thực hành pháp, tùy pháp,
Người như vậy được gọi5
Vị chói sáng Tăng chúng.
Vị Tỷ-kheo đủ giới,
Tỷ-kheo-ni nghe nhiều,
Bậc cư sĩ tín nam,*

11 Bản tiếng Anh của PTS: Illuminates (the Order), nghĩa là Chói sảng (Tăng chủng). Tham chiếu: Tăng.(f02. 0125.27.7. 0645CÍ8); Tạp.(T.02. 0099.873. 0220c04).

Bậc cư sĩ tín nữ, Họ chói sáng Tăng chúng, Là ánh sáng chúng Tăng. VIII. KINH VÔ SỞ ÚY (Vesãrajjasuttă)n (À. II. 8) 8. Có bốn vô sở úy của Như Lai, này các Tỷ-kheo9 do thành tựu bốn vô sở Úy này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rông tiêng con sư tử trong các hội chúng và chuyển pháp luân. Thế nào là bốn? “Nhu Lai tự nhận là Chánh Đẳng Giác, nhimg những pháp này không được Như Lai chánh đẳng giác trong các pháp ĩìày", ở đây, nếu có vị Sa-môn9 Bà- la-môn5 hay Thiên, Ma vương, hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo? do Ta không thấy có trường hợp này5 nên Ta trú, đạt được an ổn? đạt được không run sợ? đạt được không sợ hãi. "Nhu Lai tự nhận là Ngài đã đoạn trừ các lậu hoặc9 nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ", ở đây9 nếu có vị Sa-môn9 Bà-la-môn... buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo5 Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ- kheo, do Ta không thây có trường hợp này, nên Ta an trú, đạt được an ôn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi. “Các pháp Như Lai nói là các chướng ngại pháp,12 13 nhưng ai có thọ dụng chúng không thây có chướng ngại gi", ở đây, nêu có Sa~môn9 Bà-la-môn... buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo5 Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo9 do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không run sợ,

đạt được không sợ hãi. 'Tháp và mục đích mà Như Lai tuyên bố, không được người chơn chánh thực hành đoạn diệt khổ đau5\ ở đây, nếu có vị Sa-môn5 Bà-la-môn? Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo? Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không run sợ5 đạt được không sợ hãi. Bốn pháp không sợ hãi này của Như Lai, này các Tỷ-kheo, do thành tựu bốn vô sở úy này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngmi vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và chuyên pháp luân. Các loại luận đàm này, Được y chỉ rộng rãi, Sa-môn9 Bà-la-môn, Nương tựa, y chỉ chúng.

12 Tham chiếu: (T02. 0125.27.6. 0645Ồ26). Vesarcyjam. Xem M. 12, Sĩhanãda Sutta (Tiểu kinh Sư tử hống), M.Ỉ.71. 13 Antarãyỉkã dhammã. Xem M. I. 130ff.

278 KINH TĂNG CHI Bộ

Khi họ đến Như Lai,
Họ không còn tôn tại,
Các luận đàm được nói,
Họ run sợ? sợ hãi.
Ai chinh phục tất cả,
Chuyển vận được pháp luân5
Vì lòng thương tất cả9
Mọi chúng sanh hữu tinh,
Với những bậc như vậy,
Tối thắng giữa thiên, nhân,
Mọi chúng sanh đảnh lễ?
Bậc Vượt Qua Sanh Hữu.
IX. KINH ÁI SANH (Tanhuppãdasutta)H (Ả. II. 10)
9. Có bốn ái sanh khởi, này các Tỷ-kheo, khi nào ái sanh, có thể sanh khởi nơi vị Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?
Do nhận y ảo, này các Tỷ-kheo9 khi ái khởi lên5 khởi lên nơi vị Tỷ-kheo;
hay do nhận đồ ăn khất thực... hay do nhận sàng tọa... hay do nhận đây là hữu, đây là phi hữu,15 khi ái khởi lên5 khởi lên nơi vị Tỷ-kheo.
Bốn ái sanh khởi này, này các Tỷ-kheo? khi nào ái sanh, có thể sanh khởi nơi vị Tỷ-kheo.
Người có ái làm bạn,
Sẽ luân chuyển lâu dài,
Khi hiện hữu chỗ này,
Khi hiện hữu chỗ khác,
Người ấy không dừng được,
Sự luân chuyển tái sanh.
Rõ biết nguy hại này,

Chính ái sanh đau khô,
Tỷ-kheo từ bỏ ái,
Không nắm giữ chấp thủ?
An trú, không thất niệm,
Vị ấy sống xuất gia.
X. KINH CÁC ÁCH (ĩbgasutta)14 16 (A. II. 10)
15
10. Này các Tỷ-kheo, có bốn ách này (yoga). Thế nào là bốn? Dục ách, hữu ách, kiên ách, vô minh ách.
14 Bản tiếng Anh của PTS: Craving, nghĩa là Khát ải. Tham chiếu: Tdĩĩg.(T.02.0125.29.8.0658a27). 15 Itibhavãbhava. Xem kinh 254 ở sau; D. I. 8. Trong AA. III. 12: Itibhavãbhaỵahetũtỉ ettha itĩti nỉdassanatthe nỉpãto ("Do nhận đây là hữu, đây là phi hữu" 4tĐây là" là từ bất biến chỉ sự so sánh). SnA. 6: Hữu được so sanh với phi hưu như sau: Hữu là thành công, phi hữu là thất bại; hữu ỉà thường còn, phi hữu là hoại diệt; hữu là thiện, phi hữu là ác. 16 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.4. 0876c08).

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là dục ách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục9 nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê? dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục ách. Và thế nào là hữu ách? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt5 sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ5 hữu luyến, hữu đam mê? hữu khát, hữu não, hữu chấp thủ? hữu ái trong các hữu xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu ách. Và thế nào là kiến ách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt? sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến, nên kiến tham, kiến hỷ, kiến luyến, kiến đam mê? kiến khát, kiến não9 kiến chấp thủ, kiến ái trong các kiến xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kiến ách. Và thế nào là vô minh ách? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt9 sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ, nên vô minh, vô trí trong sáu xúc xứ xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ~ kheo, đây gọi là vô minh ách. Đây là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách. Bị trói buộc bởi các ác, bất thiện pháp, các phiền não, các pháp bị tái sanh, phiền nhiễu, các quả khổ dị thục trong tương lai bởi sanh, già, chết; do vậy, được gọi là không an ổn khỏi các ách. Này các Tỷ-kheo, có bốn ách này. Này các Tỷ-kheo, có bốn ly ách này. Thế nào là bốn? Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ly dục ách? Ở dây, này

các Tỷ-kheo? có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngQt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục, nên dục tham, dục hỷ? dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là ly dục ách. Và thế nào là ly hữu ách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm

dứt, vị ngọt, sự nguy hại5 sự xuất ly của các hữu. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ5 hữu luyến, hữu đam mê5 hữu khát, hữu não5 hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly hữu ách. Và thế nào là ly kiến ách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiên. Do như thật quán tri sự tập khỏi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến, nên kiến tham, kiến hỷ? kiến luyến, kiến đam mê9 kiến khát, kiến não9 kiến chấp thiỉ, kiến ái trong các kiên không xâm chiêm và tôn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly kiến ách. Và thế nào là ly vô minh ách? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ. Do như thật quán tri sự tập khỏi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ, nên vô minh, vô trí trong sáu xúc xứ không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là ly vô minh ách. Đây là ly dục ách, ly hữu ách, ly kiên ách và ly vô minh ách. Không bị trói buộc bởi các ác, bất thiện pháp, các phiền não, các pháp bị tái sanh, phiền nhiễu, các quả khổ dị thục trong tương lai bởi sanh, già, chết; do vậy5 được gọi là an ôn khỏi các ách. Này các Tỷ-kheo, có bôn ly ách này. Bị trói buộc cả hai, Dục ách và hữu ách, Bị trói buộc kiến ách, Với vô minh thượng thủ, Chúng sanh bị luân chuyển, Đi đến sanh và chết. Những ai liễu tri dục5 Và toàn bộ hữu ách, Nhổ vất bỏ kiến ách, Và từ bỏ vô minh, Ly hệ tất cả ách9 Họ vượt khỏi các ách.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 281

IL PHẨM HÀNH (CARAVAGGA)

I. KINH HÀNH (Carasutta)11 (Ả. II. 13) 11. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang di, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm, mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang di, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt. Này các Tỷ-kheo5 nêu Tỷ-kheo khi đang đứng... khi đang ngôi... khi đang nằm, thức, khởi lên dục tầm, hay sân tàm, hay hại tầm, mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ9 không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm, thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ? liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang di, khởi lên dục tầm? hay sân tầm, hay hại tầm, mà nếu

Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ? tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo? nếu Tỷ-kheo đang di, có sở hành như vậy5 vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần? tinh tấn siêng năng. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... khi dang ngồi... khi đang năm, thức, khởi lên dục tâm5 hay sân tâm, hay hại tâm, mà nêu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ5 tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo khi đang nằm, thức, có sở hành như vậy5 vị ấy được gọi là người có nhiệt tinh, có xấu hổ5 liên tục thường hằng tinh cần5 tinh tấn siêng năng. Nếu khi di, khi đứng,17 18 Khi ngồi hay khi nằm, Khởi lên ác tầm tư, Liên hệ đến gia đình, Thực hành theo ác dạo, Mờ ám bởi si mê, Vị Tỷ-kheo như vậy5 Không chứng Vô thượng giác.

17Xem 115. 18XemtÁ/. 61;//. 82; Sn. 193.

Ai khi đi5 khi đứng, Khi ngồi hay khi nằm, Điều phục được tầm tư, Yêu thích tầm chỉ tịnh, Vị Tỷ-kheo như vậy, Chứng được Vô thượng giác. IL KINH GIỚI (Sĩỉasuttã)1920 (A. II. 14) 12. Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ Giới bổn (Pãtỉmokkhă), được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn. Hãy sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ Giới bổn, đã được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp, còn có gì cần phải làm thêm nữa? Nêu Tỷ-kheo trong khi đi; tham, sân được từ bỏ; hôn trâm thụy miên, trạo hối? nghi được từ bỏ; tinh cần, tinh tấn không có thụ động; niệm được an trú không có thất niệm; thân được khinh an không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm; này các Tỷ-kheo? nêu các Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy? vị ây được gọi là người có nhiệt tâm, có xâu hô5 liên tục, thường hăng tinh cần, tinh tấn siêng năng. Nếu Tỷ-kheo trong khi đứng... Nấu Tỷ-kheo trong khi ngồi... Neu ly-kheo trong khi nằm, thức; tham, san được từ bỏ; hôn trầm thụy miên, trạo hối? nghi được từ bỏ; tinh cần, tinh tấn không có thụ động; niệm được an trú không có thất niệm; thân được khinh an không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm; này các Tỷ-kheo? nêu các Tỷ-kheo khi đang năm, thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục thường hăng tinh cân, tinh tân siêng năng. Bi, đứng biết tự chế, Ngồi, nằm biết tự chế, Tỷ-kheo biết tự chế? Khi co tay, duỗi tay. Phía trên? ngang cùng khắp,2° Xa cho đến cùng tột, r Bât cứ sanh thú nào, Ở tại thế giới này, Khéo quán sát sanh diệt, Của tât cả pháp uân, Tâm chỉ tịnh, chánh hạnh,

19 Xem/í. 118. 20 AA. III. 18: Apãcĩnantỉ adho. Ettãvatã ạtĩtă paccuppannã anãgatã ca pancakkhandhã kathỉtã (Apacmarh: Phía dưới. [Y nói] cho đên ngũ uân ở quá khứ, hiện tại và vị lai).

Thường xuyên chuyên học tập5 Liên tục hằng siêng năng? Tỷ-kheo được gọi vậy. III. KINH CHÁNH CÀN (Padhãnasutta)21 (Ả. II. 15) 13. Này các Tỷ-kheo, có bốn chánh cần

này. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác? bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tân, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiên cho các ác, bât thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muôn, cô găng, tinh tân, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiên cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm? trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ? được tăng trưởng, được quảng đại? được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn chánh cần. Với các pháp chánh cần, Chúng chinh phục ma giới, Không dính, chúng vượt qua Sợ hãi về sanh tử, Hoan hỷ ly dục vọng, Chúng thắng ma, ma quân, Mọi lực Namuci, Chúng thoát ly, an lạc.22 IV KINH CHÉ NGỰ (Samvarasuttd)2324 (Ả. II. 16) 14. Nàỵ các Tỷ-kheo, có bốn tinh cần này. Thế nào là bốn? Tinh cần chế ngự5 tinh can đoạn tận, tinh cần tu tap, tinh cần hộ trì. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tinh cần chế ngự? Ở dây,24 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với măt thây săc9 không năm giữ tướng chung, không năm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gi, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiêng... mũi ngửi hương... lưỡi nêm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gi, vì ý căn không được chê ngự khiên tham ái, ưu bi, các ác, bat thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chê ngự nguyên nhân ây, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần chế ngự.

21 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.875-876. 0221a09-14).

22 Xem y III. 83.

23 Tham chiếu: Tạp.(T.02.0099.879.0221bl6); Thất xứ tam quản kinh (T.02.0150A.il.

0877b27).

24 XemD. I. 70; KS. IV. 63.

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tinh cần đoạn tận? Ở dây, này các Tỷ- kheo5 Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm khởi lên? từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại; không có chấp nhận sân tầm khởi lên... không có chấp nhận hại tầm khởi lên, từ bỏ9 tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại; không có chấp nhận các ác, bất thiện pháp khởi lên, từ bỏ5 tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần đoạn tận. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi,25 y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diet, đưa đến xả ly; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, đưa đến xả ly. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tinh cần tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần hộ trì? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì định tướng hiền thiện đã sanh, tướng bộ xương, tướng trùng ăn5 tướng bầm xanh, tướng đầy ứ, mủ nồng? tướng nứt nẻ, tướng phồng trướng. Này

các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần hộ trì. Này các Tỷ-kheo5 có bốn tinh cần này. Chê ngự và đoạn tận, Tu tập và hộ trì, Bốn loại tinh cần này9 Được Bà Con Mặt Trời,25 26 Tuyên bố và thuyết giảng. Ở đời5 vị Tỷ-kheo, Nhiệt tình đối với chúng, Đạt được diệt khổ tận.

V. KINH THI THIẾT (Pannattisutta)27 (4 II. 17) 15. Này các Tỷ-kheo5 có bốn thi thiết tối thượng này. Thế nào là bốn? Tối thượng trong những kẻ có tự ngã9 này các Tỷ-kheo, tức là Rãhu, A-tu-la vương. Tối thượng trong các vị thọ hưởng các dục? này các Tỷ-kheo5 tức là Vua Mandhãtã. Tối thượng trong các vị có quyền lực tối thắng, này các Tỷ-kheo? tức là Ác ma. Trong thế giới chư Thiên, Ác ma, Phạm thiên, cùng với các Sa-môn5 Bà-la-môn5 chư thiên và loài nạười, này các Tỷ-kheo5 Như Lai được gọi là tối thượng, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự thi thiết tối thượng này. Rãhu là tối thượng,

25 XemKS. V. 51ff. 26 Ãdỉccabandhu. Xem s. I. 186, 192; III. 142. 27 Tham chiếu: Tăng.(T02. 0125.17.7. 0583bl5).

Trong các vị tự ngã.
Mandhãtã tối thượng,
Trong các vị hưởng dục.
Măra là tối thượng,
Giữa những bậc uy quyên.
Với thần túc danh xưng,
Vị ấy được chói sáng,
Phía trên, ngang, phía dưới,
Khắp sanh thú ở đời5
Trong thế giới chư thiên,
Phật được gọi Tối thượng.

VI. KINH TẾ NHỊ (Sokhummasutta)2S (4 II. 17) 16. Này các Tỷ"kheo5 có bốn trí tế nhị này. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu trí tế nhị đối với sắc, không thây một trí tê nhị đôi với săc nào khác tôi thượng hơn, thù diệu hơn trí tê nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với sắc nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với thọ9 không thấy một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đên một trí tê nhị đôi với thọ nào khác tôi thượng hơn, thù diệu hơn trí tê nhị thù thăng ây. Vị ây thành tựu trí tê nhị đôi với tưởng... Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với các hành, không thấy một trí tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn trí tế nhị. Biết trí tế nhị sắc, Biết hiện hữu các thọ9 Từ đâu tưởng sanh khởi, Tại đâu tưởng chấm dứt. Biết các hành biến khác, Là không, không là ngã5 Nếu Tỷ-kheo thấy chánh, Tịch tịnh, ưa tịch tịnh, Thọ trì thân tối hậu5 Thăng ma và ma quân.28

28 AA. III. 21: Sokhummãnĩtỉ sukhumalakkhanapativijjhanakam nãnãnỉ ("Sụ* vi tế" nghĩa là trí hiểu thấu được đặc tính vi tế).

VIL KINH SANH THÚ KHÔNG NÊN ĐI THỨ NHẤT (Pathamaagatisutta) (A. IL 18) 17. Này các Tỷ-kheo, có bốn sanh thú này không nên đi đến. Thế nào là bôn? Đi đên sanh thú vì dục? đi đên sanh thú vì sân, đi đên sanh thú vì si, đi đên sanh thú vì sợ hãi. Có bôn sanh thú này không nên đi đên. Dắt dẫn bởi dục sân, Bởi sợ hãi5 si mê, Ai vượt quá Chánh pháp? Thời danh xưng người ây, Bị tổn hại, hư hại, Như trăng trong thời tối. VIII. KINH SANH THÚ KHÔNG NÊN ĐI THỨ HAI (Dutiyaagatisuttă)29 (A. II. 18) 18. Này các Tỷ-kheo? có bốn sanh thú này nên đi đến. Thế nào là bốn? Không vì dục đi đến sanh thú, không vì sân đi đến sanh thú, không vì si đi đến sanh thú, không vì sợ hãi đi đến sanh thú. Này các Tỷ-kheo5 có bốn sanh thú này nên đi đến. Dắt dẫn bởi dục sân5 Bởi sợ hãi, si mê5 Ai không vượt Chánh pháp, Thời danh ximg người ây5 Được đầy đủ vuông tròn, Như trăng trong thời sáng. IX. KINH SANH THÚ KHÔNG NÊN ĐI THỨ BA (Tatìyaagatìsutta)30 (A. II. 19) 19. (Kinh này là kinh 17 và kinh 18 hợp lại). X. KINH NGƯỜI ĐẦU BẾP (Bhattuddesakasuttă) (A. II. 19) 20. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo? người đầu bếp như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thế nào là bốn? Đi đến sanh thú vì dục, đi đến sanh thú vì sân5 đi đến sanh thú vì si, đi đến sanh thú vì sợ hãi. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, một người đầu bếp như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 một người đầu bếp như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Không vì dục đi đến sanh thú, không vì sân đi đến sanh thú, không vì si đi đến sanh thú, không vì sợ hãi đi đến sanh thú. Thành tựu bốn pháp này5 này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

29 Bản tiếng Anh của PTS: Bourn, nghĩa là Sanh thủ nên đi. 30 Bản tiếng Anh của PTS: Bourn and No Bourn, nghĩa là Sanh thủ nên đi và không nên đì.

Những ai đối với dục,
Hạng người không chế ngụ*,
Là hạng người phi pháp,
Tôn trọng điều phi pháp,
Họ bị dắt dẫn đi5
Bởi dục sân, sợ hãi,
"Làm uế nhiễm hội chúng,\31
Họ được gọi như vậy5
Như vậy họ được gọi5
Bởi Sa-môn hiểu biết.
Do vậy bậc chân nhân,
Các bậc đáng tán thán,

Họ trú vào Chánh pháp5
Họ không làm điều ác,
Họ đi không bị dẫn?
Bởi dục5 sân, sợ hãi,
"Tinh hoa của hội chúng5\
Họ được gọi như vậy5
Như vậy họ được gọi9
Bởi Sa-môn hiểu biết.

31 Parisakkasãva. Xem Dh. V. 9, là một chất làm teo lại, trái với chữ mando.

IIL PHẨM URUVELÃ (URUVELAK4GGA)

I. KINH TẠI URUVELÃ THỨ NHẤT (Pathamauruveỉasutta)3233 (4 II. 20) 21. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelã/3 trên bờ sông Neranjara, dưới cây bàng Ajapãla5 khi mới thành Chánh giác. Trong khi Ta thiền tịnh độc cư5 này các Tỷ-kheo? tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật là khó khăn sống không cung kính, không vâng lời; vậy Ta hãy cung kính, đảnh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Ba-la-m6n." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Với mục đích làm cho đầy đủ giới uẩn chưa được đây đủ9 Ta hãy cung kính, đảnh lê và sông y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khác; nhtrng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn5 chư thiên hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với giới đầy đủ hơn Ta, mà Ta có thể cung kính, đảnh lễ, sông y chỉ. Với mục đích làm cho đầy đủ định uẩn chưa được đầy đủ... Với mục đích làm cho đầy đủ tuệ uẩn chưa được đầy đủ... Với mục đích làm cho đầy đủ giải thoát uẩn chưa được đầy đủ9 Ta hãy cung kính, đảnh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khác; nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với giải thoát đầy đủ hơn Ta, mà Ta có thể sống cung kính, đảnh lễ, sống y chỉ.^, Rồi này các Tỷ-kheo? Ta suy nghĩ như sau: "Với pháp này mà Ta đã chơn chánh giác ngộ, Ta hãy cung kính đảnh lễ và sống y chỉ pháp ấy." Rôi Phạm thiên Sahampati, với tâm tư của mình biêt tâm tư của Ta, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng như vậy5 Phạm thiên Sahampati biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta.

32 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1188. 0321CÍ8); Tạp A-hàm kỉnh (T.02. 0101.101. 0410a03). 33 Ưruvelã, ở Magadha. UdA. 26 giải thích là đống cát. Xem s. I. 138; KS. I. 174; Asl. 219.

Rôi Phạm thiên Sahampati đăp thượng y vào một bên vai, với đâu gôi chân mặt quỳ trên dất, chắp tay hướng đến Ta và thưa với Ta: "Nhu vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, trong thời quá khứ? các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chư Tôn giả ấy đã cung kính đảnh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp. Bạch Thế Tôn; trong thời vị lai, các vị sẽ thành A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chư Tôn giả ấy sẽ cung kính đảnh lễ5 sống y chỉ vào Chánh Ẹháp. Bạch Thế Tôn5 mong rằng thời hiện tại, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hãy cung kính đảnh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp.” Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói như vậy5 lại nói thêm như sau: Chư Phật thời quá khứ, Chư Phật thời vị lai? Và đức Phật hiện tại, Đoạn sâu muộn nhiêu người. Tất cả các vị ấy, Đã5 đang và sẽ sống, Cung kính và đảnh lễ, Pháp chơn chánh vi diệu. Pháp nhĩ là như vậy, Đối với chư Phật-đà5 Vậy muốn lợi cho mình, Ước vọng làm Đại nhân, Hãy cung kính đảnh lễ, Pháp chơn chánh vi diệu. Hãy ghi nhớ giáo pháp, Chư Phật Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo9 Phạm thiên Sahampati nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Rồi này các Tỷ-kheo5 sau khi biết được thỉnh nguyện của Phạm thiên, và thích ứng với Ta, Ta sống cung kính, tôn trọng và y chỉ pháp mà Ta đã tự chánh đẳng giác. Và này các Tỷ-kheo, vì rằng chúng Tăng thành tựu sự cao cả nên Ta tôn trọng đặc biệt chúng Tăng.34 II. KINH TẠI URUVELÃ THỨ HAI (Dutiyauruvelasutta) (A. II. 22) 22. Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelã, trên bờ sông Neranjara, dưới cây bàng Ajapala, khi mới thành Chánh giác. Rồi này các Tỷ-kheo, rất nhiêu Bà-la-môn già cả, trưởng lão5 các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc dời, đã đạt mức cuối tuổi đời9 đi đến Ta; sau khi đến, nói lên với Ta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn

34 Tibbas-aravo. đoạn nay không co trong s. I. Trong AA. III. 27, co giải thích răng khi nào Tăng chúng được kính lê? Chính khi Mahãpạjãpatĩ cúng y cho đức Phật và đức Phật bảo nên cúng cho chúng Tăng. Như vậy, cả đức Phật và chúng Tăng đều được cung kính. Xem M. III. 253.

ây nói với Ta như sau: "Thua Tôn giả Gotama, chúng tôi được nghe như sau: 'Sa-môn Gotama không có kính lễ, không có đứng dậy9 không có lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả5 trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời5 đã đạt mức cuối tuổi đời/ Thưa Tôn giả Gotama, có phải sự tình là như vậy khônệ? Neu Ton giả Gotama không có kính lễ? không có đứng dậy, không có lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão5 các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời? sự tình như vậy5 thưa Tôn giả Gotama là không được tốt dẹp.” Này các Tỷ-kheo5 về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Các Tôn giả này không hiểu gì về Trưởng lão5 hay các pháp tác thành vị Trưởng lO." Nêu Trưởng lão? này các Tỷ-kheo, là tám mươi tuôi5 hay chín mươi tuôi5 hay một trăm tuổi dời, và nếu vị ấy nói phi thời, nói phi chân, nói phi nghĩa, nói phi Pháp, nói phi Luật? nói những lời không đáng giữ gìn5 lời nói không hợp thời co, không hợp lý, không có giới hạn, không có liên hệ đến mục đích, thời vị ấy chỉ được gọi là vị Trưởng lão ngu. Nếu là một vị tuổi trẻ5 này các

Tỷ- kheo? một thanh niên còn non trẻ, tóc đen nhánh, trong tuổi hiền thiện của đời, còn trong tuổi thanh xuân, vị ấy nói lời đúng thời, nói lời chân thực? nói lời có nghĩa, nói lời đúng Pháp, nói lời đúng Luật, nói những lời dáng giữ gìn? lời nói hợp thời co, hợp lý5 có giới hạn, liên hệ đến mục dích, thời vị ấy được gọi là vị Trưởng lão hiền trí. Này các Tỷ-kheo5 có bốn pháp tác thành Trưởng lão này. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; vị nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe, thuyết những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, đê cao Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh và các pháp như vậy. vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời. quán sát với ý, thể nhập với chánh kiến; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm? hiện tại lạc trú, có được không khó khăn? có được không mệt nhọc, có được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, bốn pháp này tác thành vị Trưởng lão. Ai với tâm cống cao, Nói nhiều lời phù phiếm, Với tư duy không định, Như thú không ưa pháp, Xa địa vị Trưởng lão5 Ác kiến, không kính trọng. Và ai đủ giới hạnh, Nghe nhiều, trí biện tài, Sống chế ngự, bậc Trí,

Đối với tất cả pháp? Vị ấy với trí tuệ5 Quán thấy chơn ý nghĩa, Đạt cứu cánh các pháp, Không hoang vu, biện tài5 Đoạn tận sanh và chết? Viên mãn hành Phạm hạnh. Vị ấy Ta gọi tên5 Trưởng lão không lậu hoặc, Do đoạn trừ lậu hoặc5 Được gọi là Trưởng lão. III. KINH THẾ GIỚI (Lokasuttăý5 (A, II. 23) 23. Này các Tỷ-kheo, thế giới35 36 được Như Lai chánh đẳng giác. Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các Tỷ-kheo5 thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các Tỷ-kheo5 thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các Tỷ-kheo? con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác. Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai tu tập. Cái gì5 này các Tỷ-kheo5 trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến5 được tầm cầu? được ý tư sát5 tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác; do vậy? được gọi là Như Lai. Từ đêm9 này các Tỷ-kheo9 Như Lai được Chánh đẳng giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy? không có khác được; do vậy, được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy5 làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo5 trong toàn thê thê giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Chiến Thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại; do vậy, được gọi là Như Lai. Do thăng tri thê giới, Đúng như thật như vậy5 Ly hệ mọi thế giới, Không chấp thủ thế giới.

35 Tham chiếu: Thế gian kỉnh (T.01. 0026.137. 0645ỒỒ09); Tạp.(7.02. 0099.894. 0224c28). 36 AA. IIL 31: Lokotỉ dukkhasaccam (“Thế gi&i" chí cho Sự thật về khổ). Xem

D. IIL 135; It. 121.

Thắng tất cả bậc Trí,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Cảm thọ tôi thăng tịnh,
Niết-bàn5 không sợ hãi.
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bạc Giác Ngọ, Trí òi
Không dao động, nhiễu loạn,
Nghi ngờ được chặt đứt.
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát, diệt sanh y,
Là Thế Tôn, ía Phật,
Bậc Sư Tử Vô Thượng,
Trong thế giói, thiên giới5
Chuyển bánh xe Pháp luân,
Như vậy hàng thiên, nhân,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau đảnh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu.37
Điều phục5 bậc Tối Thượng,
Trong người được điều phqc,
An tịnh5 bậc Ẩn Si,
Những người được an tịnh5
Giải thoát, bậc Tối Thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua, bậc Tối Thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài,
Vĩ đại5 không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này5
Không ai được bằng Ngài.

IV. KINH KÃLAKA (KãỊakãrãmasutta) (Ắ. II. 24)

24. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãketa, tại khu vườn KãỊaka.38 Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo!

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

r . . f f

Cac Ty-kheo ay vâng dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo9 cái gì trong toàn thê giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quân chúng Sa-môn5 Bà-la-môn5 chư thiên và loài người,

37 Vĩtasãrada'. Không còn mọc lại. Xem It. 76. 38 Vị này là một người giàu có đã cúng một khu vườn cho chúng Tăng.

được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả Ta đều biet. Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quân chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu5 được ý tư sát, Ta đã được biết rõ như sau: "Tất cả đều được Như Lai biết đến. Như Lai không có dựng đứng lên.„39 Này các Tỵ-kheo, nếu Ta nói rằng: "Ta biết tất cả, những gì tronậ toàn thế giới... được thấy... được ý tư sát", như vậy là có nói láo trong Ta. Nếu Ta nói như sau: "Ta, cả hai biết và không biết", như vậy là có nói láo trong Ta. Nếu Ta nói như sau: "Ta không biết và cũng không phải không biết", như vậy là có nói láo trong Ta. Như vậy có lỗi trong Ta. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 Như Lai là vị đã thấy những gì cần thấy, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thấy, không có tưởng tượng những gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy. Đã nghe những gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng những gì không được nghe, không có tưởng tượng những gì cần phải nghe, không có tưởng tượng đối với người nghe. Đã cảm giác những gì cần cảm giác, nhưng không có tưởng tượng điều đã được cảm giác, không có tưởng tượng những gì không được cảm giác, không có tưởng tượng những gì cần phải cảm giác, không có tưởng tượng đôi với người cảm giác. Đã thức tri những gì cân thức tri, nhưng không có tưởng tượng điêu đã được thức tri, không có tưởng tượng những gì không được thức tri, không có tưởng tượng những gì cần phải thức tri, không có tưởng tượng đối với người thức tri. Như vậy9 này các Tỷ-kheo5 Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, đều đã biết rõ9 nên vị ấy là như vậy.40 Lại nữa5 hơn người như vậy, không có ai khác tối thượng hơn và thù thắng hon, Ta tuyên bố như vậy. Cái gì được thấy, nghe, Được cảm giác5 chấp trước, Được nghĩ là chân thực5 Bởi các hạng người khác. Giữa những người thấy vậy, Ta không phải như vậy5 Những điều họ tuyên bố5 Dầu là thật hay doi9

39 AA. III. 40: Tam tathãgato na upatịhãsĩtỉ tam chadvãrỉkam ãrammqnam tathãgato tanhãya vã ditịhỉyã vã na upatthasi na upaganchi ("Nhu Lai không có dựng đứng lên điêu ny" nghĩa là Như Lai không có dự vào, không tạo nến sáu trần này bằng tham ai hay tà kiến)? 40 Sn. 97: ... Asỉto tãdỉpavụccate sa brahmã (Tự tại nên gọi là Bà-la-môn). Xem UdA. 128, 130 giải thích tathăgata một cách đầy đủ.

Ta không xem tối hậu.41 Ta trong thời đã qua, Thấy được mũi tên này, Loài người bị câu móc. Ta biết và Ta thấy, Các đức Phật Như r Lai, Không tham đăm như vậy. V KINH

PHẠM HẠNH (Brahmacaríyasutta) (A, II. 26) 25. Phạm hạnh được sống, này các Tỷ-kheo9 không vì mục đích lừa dối quần chúng; không vì mục đích mơn trớn quần chúng; không vì mục đích được lợi ích về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; không vì mục đích được lợi ích thoát khỏi lời phê bình bàn tán; không với ý nghĩ: "Mong quần chúng biết Ta như vay." Và này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống với mục đích chế ngự, với mục đích đoạn tận5 với mục đích ly tham, với mục đích đoạn diệt. Với mục đích chế ngự, Với mục đích đoạn tận, Là đời sống Phạm hạnh, Tránh ĩ xa lời . nói suông. . ' Thê Tôn đã tuyên bô5 Đi đến nhập Niết-bàn, Con đường này được đi, Bởi Đại nhân, Đại sĩ. Ai dấn bước thực hành, Đúng như lời Phật dạy, Sẽ chấm dứt khổ đau5 Làm theo Đạo sư dạy. VI. KINH KẺ LỪA DỐI (Kuhasutta)42 (A. II. 26) 26. Những vị Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo5 lừa dôi? cứng đâu, lăm môm lắm miệng, hoang dâm, hỗn hào, không có định tinh, những Tỷ-kheo ấy không phải là Tỷ-kheo của Ta. Những Tỷ-kheo ấy đã rời khỏi Pháp, Luật này, và họ không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp, Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa dối, không lắm mồm lắm miệng5 có trí, không cứng đầu5 khéo định tữih, những Tỷ-kheo ấy là Tỷ-kheo của Ta. Và

41 AA. III. 41: Saccam musã vãpi param daheyyãtỉ tesu sayam samvutasankhãtesu ditthigatikesu tathãgato tãdĩ tesam ekampỉ vacanam ^ỉdameva saccarn moghamanna"ntỉ evam saccam musã vãpỉ param uttamamkatva na odaheyya, na saddaheyya, na pattiyãyeyya (í4Dâu là chân thật hay gian dôi, Ta không xem tôi hậu nghĩa là giữa những người tự cho là có tiêt chê, có (tà) kiên như vậy, đôi với lời của họ, Như Lai nghĩ răng 4 Sự thật này là tưởng tượng giả tạo9; như vậy dâu là chân thật hay gian dôi, Tk T1 . T • ~ 1 1 A tX JÁ• 1 A 1y . 1 Ạ J ,11. >> . • - 11 J 1 Á 1 _ Như Lai cũng khồng xem là tồi hậu, là cao nhât, không thê tin, không thê dựa vào). 42 Tham chiếu: It. 108, 112; Tạp.(T.02. 0099.553. 0145a08).

những Tỷ-kheo ấy không rời khỏi Pháp, Luật này, và họ đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp, Luật này.

Kẻ lưa dối5 cứng dầu,
Kẻ lắm mồm, hoang dâm,
Kẻ hỗn hào, không định,
Không tăng trưởng các pháp,
Được bậc Chánh Đăng Giác,
Tuyên bố và thuyết giảng;
Không lừa5 không lắm mồm,
Có trí, không cứng đầu,
Với tâm khéo định tĩnh,
Họ tăng trưởng các pháp,
Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Tuyên bố và thuyết giảng.

VII. KINH BIẾT ĐỦ (SantuḶhisutta) (Ả. II. 26) 27. Này các Tỷ-kheo, cỏ bốn pháp này là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn? Trong các loại y, này các Tỷ-kheo9 y phấn tảo (y lượm từ đống rác) là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại đồ ăn, này các Tỷkheo, khi khất thực từng miêng là không quan trọng, dê được và không phạm lỗi. Trong các sàng tọa, này các Tỷ-kheo, gốc cây là không quan trọng, dễ được và không có phạm lôi. Trong các loại dược phâm, này các Tỷ-kheo? nước đái quỷ là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Bốn loại, này các Tỷ-kheo9 không quan trọng, dễ được, không có phạm lỗi này; này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo biết đủ với các loại không quan trọng, dễ được này, Ta tuyên bô răng đây là một trong những chi phân của Sa-môn hạnh. Biết đủ với sự vật? Không quan trọng, dễ được, Lại không có phạm tội? Tam không bị phiền nhiễu, về vấn đề trú xứ, Y áo và ăn uông5 Tam không bị lo lắng, về phương hướng phải di, Các pháp được tuyên bố, Thuận lợi Sa-môn hạnh, Chúng được có đầy đủ9 Với vị biết vừa đủ5 Với vị không phóng dật5 Tinh cần trong học tập.

VIII. KINH TRUYỀN THỐNG BẬC THÁNH (Ariyavamsasutta) (Ả. II. 27) 28. Có bốn truyền thống bậc Thánh,4344 này các Tỷ-kheo? được biết là tối sơ (aggannã), có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm5 vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là bốn? Ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ loại y nào, và nói lời tán thán sự biết đủ với bất cứ loại y nào, không vì nhận y phục mà rơi vào sự tầm cầu bất chính, không thích hợp. Nếu không được y, không có lo âu tiếc nuôi; nêu được y, không có tham lam, mê say, tham đăm; thây sự nguy hiêm và với trí tuệ thấy được sự xuất ly,44 vị ấy hưởng thọ y, không vì biết đủ với bất cứ loại y nào mà khen mình chê người. Ai ở dây, khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm? này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đứng ở trên truyên thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào, và nói lời tán thán sự biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào, không vì nhận khất thực mà rơi vào sự tâm câu bất chính, không thích hợp. Nêu không được đô ăn khất thực5 không có lo âu tiêc nuôi; nêu được đô ăn khất thực5 không có tham lam, mê say, tham đắm; thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ thấy được sự xuất ly, vị ấy hưởng thọ đồ ăn khất thực5 không vì biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào mà khen mình chê người. Ai ở đây khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm, này các Tỷ-kheo, đấy gọi là Tỷ-kheo đứng ở trên truyên thông bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biêt là tôi sơ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biêt đủ với bât cứ loại sàng tọa nào, và nói lời tán thán sự biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào, không vì nhận sàng tọa mà rơi vào sự tâm câu bât chính, không thích hợp. Nêu không được sàng tọa5 không có lo âu tiếc nuối; nếu được sàng tọa, không có tham lam, mê say, tham đắm; thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ thấy được sự xuất ly, vị ấy hưởng thọ sàng tọa5 không vì biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào mà khen mình chê người. Ai ở đây khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm5 này các Tỷ-kheo5 đấy gọi là vị Tỷ-kheo đứng ở trên truyền thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo ưa thích tu tập, vui thích tu tập, ưa thích đoạn tận5 vui thích đoạn tận; nhưng không vì ưa thích tu tap, vui thích tu tập, ưa thích đoạn tận? vui thích đoạn tận mà khen mình chê người. Ai ở đây khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác5 chánh niệm5 này các Tỷ-kheo9 đấy gọi là Tỷ-kheo đứng trên truyền thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ.

43 Ạrỉẏavamsa'. Phần lớn kinh nàỵ được đề cập trong D. III. 224, Sangĩtỉ Suttanta. Đây là truyền thống thứ tám, bảy truyền thống đau là Khattiyavamsa, Brahmanavamsa, Vessavamsa, Suddavamsa, Samanavamsa, Kulavamsa, Rajavamsa. Xem AA. III. 44. 44 AA. III. 52: Nissaranapannoti "'yãvadeẏa sĩtassa patỉghãtãyã^tỉ vuttam nissaranameva pạiãnanto (Trí tuệ thây được sự xuât ly nghĩa la Diet rõ việc xuât ly, nói răng chỉ đê ngăn ngừa sự lạnh).

Bốn truyền thống bậc Thánh này, này các Tỷ-kheo5 được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn5 Bà-la-môn có trí quở trách. Thành tựu bốn truyền thốnệ bậc Thánh này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trú ở phương Đông5 vị ây nhiêp phục không hoan hỷ5 không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Nếu trú ở phương Tây, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ5 không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Neu trú ở phương Bắc, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ5 không hoan hỷ không nhiêp phục vị ây. Nêu trú ở phương Nam, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ, không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo5 vì bậc trí nhiêp phục không hoan hỷ và hoan hỷ. Hoan hỷ không nhiêp phục? Không nhiếp phục bậc trí, Không hoan hỷ không nhiếp, Không nhiếp phục bậc trí,45 Bậc trí nhiếp phục được, Nhiếp phục không hoan hỷ. Vị xóa bỏ mọi nghiệp,45 46 Trừ khử và ngăn chặn5 Như vàng ròng Diêm-phù, Ai xứng đáng cất giữ? Chư thiên khen vị ấy, Phạm thiên cũng tán thán. IX. KINH PHÁP CỦ (Dhammapadasutta) (A. II. 29) 29. Có bốn pháp cú5 này các Tỷ-kheo5 được biết là tối so, có đã lâu đời5 được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ khônệ bị tạp nhiễm, không bị các Sa- môn5 Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là bon? Không tham, này các Tỷ-kheo5 là pháp cú được biết là tối sơ? có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa- môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Không sân, này các Tỷ-kheo, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Chánh niệm, này các Tỷ-kheo5 là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Chánh định, này các Tỷ-kheo, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Bôn pháp cú này, này các Tỷ-kheo, được biêt là tôi sơ5 có đã lâu đời9 được

45 AA. III. 61 viết: Tattha dhĩrantỉ vĩriyavantam. Nãratỉ dhĩrcụn sahatĩti idampurỉmasseva kãranavacanam ("Sịt kiên định hay bậc trí" có nghĩa là vị luôn nỗ lực, tinh tấn). 46 AA. III. 61: Sabbakammayỉhãyĩnantỉ sabbam tebhũmakạkammam caịitvã parỉcchỉnnam parivatumam katvã thitam. (4íĐoạn dứt tât cả nghiệp^, nghĩa là dứt bỏ tât cả nghiệp trong ba cõi, an trú trong sự giải thoát tịch tịnh).

biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn9 Bà-la- môn có trí quở trách. Hãy sông không có tham, Với tâm không có sân, Chánh niệm và nhất tâm, Nội tâm khéo định tĩnh. X. KINH CÁC DU SĨ (Paribbajakasutta) (A. IL 29) 30. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặiagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bây giờ, nhiêu du sĩ danh tiêng, có thời danh, sông tại khu vườn du sĩ trên bờ sông Sappinĩ, như các du sĩ Annabhãra, Varadhara, Sakuludãyĩ, và một số du sĩ danh tiếng, có thời danh khác. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappinĩ; sau khi đến5 ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn; rồi Thế Tôn nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: Có bốn pháp cú này, này các du sĩ, được biết là tối sơ, đã có lâu đời? được biết là truyền thống, kỳ cựu5 không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ khônệ bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn5 Bà-la- môn có trí quở trách. Thế nào là bôn? Không tham, này các du sĩ, là pháp cú được biết là tối sơ5 có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa- môn? Bà-la-môn có trí quở trách. Không sân? này các du si, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Chánh niệm? này các du sĩ, là pháp cú được biêt là tôi sơ... có trí quở trách. Chánh định, này các du sĩ? là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Này các du si, có bốn pháp cú này được biết là tối sơ, có đã lâu đời? được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm5 không bị các Sa-môn, Bà-la- môn có trí quở trách. Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la- môn? dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú không tham này; tuy vậy, vị ấy vân có lòng tham, tham đăm săc bén trong các dục.,, Đôi với người ây, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên. Hãy để vị ấy trả lời5 rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy5 này các du sĩ5 sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa- môn hay Bà-la-môn như vậy đã tự mình chứng được pháp cú không tham này sẽ được nêu rõ là có lòng tham, tham đắm sắc bén trong các dục. Này các du si, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la- môn5 dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú không sân này; tuy vậy5 tâm của

vị ấy vẫn có sân, trong ý vẫn có tư duy hiểm hận.^, Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên? hãy để vị ấy trả lòi, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du si, sự kiện này không xảy ra5 rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn đã tự chứng được pháp cú không sân này sẽ được nêu rõ là tâm vẫn có sân, trong ý vẫn có tư duy hiểm hận. Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhung tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn5 dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú chánh niệm này; tuy vậy? tâm của vị ấy vẫn thất niệm, không có tỉnh giC.” Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên? hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du sĩ, sự kiện này không xảy ra5 rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn, đã tự mình

chứng được pháp cú chánh niệm này sẽ được nêu rõ là thất niệm, không có tỉnh giác. Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la- môn5 dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú chánh định này; tuy vậy vị ấy vẫn không định tĩnh, tâm vẫn dao d0ng." Đối với người ấy, Ta có thể nói như ứiế này: "Hy để vị ấy nói lên. Hãy để vị ấy trả lời, rồi ĩa thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du si, sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn đã tự mình chứng được pháp cú chánh định này sẽ được nêu rõ là không định tĩnh? tâm vẫn dao động. Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ rằng, cần phải chỉ trích, cần phải bài xích bốn pháp cú này, thời ngay trong hiện tại5 bốn sự phản kháng chỉ trích xứ đúng pháp được khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? Nêu Tôn giả chỉ trích, bài xích pháp cú không tham, thời các Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lòng tham, có lòng tham sắc bén đối với các dục, các vị ấy cần phải được Tôn giả đảnh lê, các vị ây cần phải được Tôn giả tán thán. Nêu Tôn giả chỉ trích pháp cú không sân... chỉ trích pháp cú chánh niệm... chỉ trích pháp cú chánh định, thời các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không định tâm, tâm bị dao động? các vị ấy cần phải được Tôn giả đảnh lễ, các vị ấy cần phải được Tôn giả tán thán. Này các du si, ai nghĩ rằng cần phải chỉ trích, cần phải bài xích bốn pháp cú này, thời ngay trong hiện tại, bốn sự phản kháng chỉ trích xứ đúng pháp này được khởi lên cho vị ấy. Này các du sĩ, cho đến các dân chúng ở Ukkalã và dân chúng Vassa, dân chúng Bhanna theo Vô nhân luận, theo Vô tác luận5 theo Hư vô luận, những vị ấy cũng đã không nghĩ rằng bốn pháp cú này cần phải chỉ trích, cần phải bài xích. Vì cớ sao? Vì sợ bị quở trách, phẫn nộ5 công kích. Thường không sân5 chánh niệm5 Nội tâm khéo định tĩnh, Tham nhiếp phục, học tập, Được gọi không phóng dật.

300 KINH TĂNG CHI Bộ

IVPHẨMBÁNHXE (CAKKAK4GGA)

I. KINH BÁNH XE (Cakkasutta)41 (A, II. 32) 31. Có bốn bánh xe này,48 này các Tỷ-kheo5 thành tựu với chúng, bốn bánh xe được vận chuyển giữa chư thiên và loài người; thành tựu với chúng, chư thiên và loài người không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh5 tăng thịnh trong các tài sản. Thế nào là bốn? Trú xứ thích hợp, thân cận các bậc chân nhân, tự nguyện chơn chánh, trước đã làm phước. Có bốn bánh xe này, này các Tỷ-kheo, thành tựu với chúng, bốn bánh xe được vận chuyển giữa chư thiên và loài người; thành tựu với chúng, chư thiên và loài người không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh, tăng thịnh trong các tài sản. Sống địa phương thích hợp, Làm bạn với bậc Thánh, Tự nguyện được chơn chánh, Trước đã làm phước đức, Người ấy về lúa gạo, Tài sản và danh xưng, Danh tiếng cùng an lạc, Được đưa đến đầy đủ.

II. KINH NHIẾP PHÁP (Sangahasutta)^ (A. II. 32)

32. Này các Tỷ-kheo, có bốn nhiếp pháp này.47 Thế nào là bốn?

5051

49

48

Bố thí và ái ngữ,

Lợi hành và đồng sự,51
Hỡi các vị Tỷ-kheo,
Đây là bốn nhiếp pháp.
Bố thí và ái ngữ,
47 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.7. 0877al3). 48 XemD. III. 276. 49 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.669. 0185al2); Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.6. 0877a04). 50 Sangahavatthũnỉ: Dãnam, peyyavcyjam, atthacarỉyã samãnattatã. Xem 4 II. 246, 248; GS. II. 251 (kinh 247, 248, 249 ở sau); D. III. 152. Trong AA. III. 64: Sanọ-ahavatthũnĩtỉ sans.anhanakaranani (uCác biểu hiện của lòng tìr bi" nghĩa là các cách thực hiện lòng tò bi). 51AA. III. 64: Samãnattatãti samãnasukhadukkhabhãvo (ctĐồng sự hay tánh không thiên vj" trong kinh này nghĩa là sướng, khổ cũng như nhau).

Lợi hành và đồng sự9 Đối với những pháp này, ở đời đối xử nhau, Chỗ này và chỗ kia, Như vậy thật tương xứng. Và bôn nhiêp pháp này, Như đinh đầu trục xe, Nếu thiếu nhiếp pháp này, Thời cả mẹ lẫn cha, Không được các người con, Tôn trọng và cung kính. Do vậy bậc hiền trí, Đông đăng nhìn nhiêp pháp, Nhờ vậy họ đạt được5 Sự cao lớn, tán thán.5253 III. KINH CON SƯ TỬ (Sĩhasutta) (A. II. 33) 33. Này các Tỷ-kheo? con sư tử,53 vua các loài thú? vào buổi chiều đi ra khỏi hang; sau khi ra khỏi hang, nó duỗi thân mình và chân; sau khi duỗi thân mình và chân, nó nhìn chunệ quanh bốn phương; sau khi nhìn chung quanh bốn phuơng, nó rống lên tiêng rông con sư tử ba lân; sau khi rông tiêng rông con sư tử ba lần5 nó đi ra tìm mồi. Này các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loại bàng sanh nghe tiếng rống của con sư tỉr, vua các loài thú, phần lớn chúng sợ hãi5 run sợ5 khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang, các loài ở nước tìm xuống nước, các loài ở rừng tìm vào rừng, các loài chim bay lên hư không. Này các Tỷ-kheo? các loài voi chúa ở tại làng5 thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các dây da cứng chắc. Chúng bứt đứt, giật đứt những sợi dây ấy, khiếp đảm cuồng chạy tung cả phân và nước tiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú, đối với các loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, khi Như Lai xuất hiện ở đời5 bậc A-la-hán, Chanh Đẳng Giác, Minh Hạnh The, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; Như Lai thuyết pháp: uĐây là thân, đây là thân tập khởi, đây là thân đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thân diệt?9 Này các Tỷ-kheo, có chư thiên tuổi thọ dài? có dung sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn; các chư thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp? phần lớn họ sợ hãi? run sợ, khiếp đảm, họ nghĩ: “Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng

52 Các bài kệ trong A. I. 132; It. 109; JA. kệ 330. 53 Xem s. Ili. 84.

ta nghĩ là chúng ta thường hằng. Chúng ta là không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâu nhiếp trong một thân này." Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là đại thần thông lực của Như Lai đối với chư thiên và thế giới chư thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Khi Phật với thắng trí, Chuyển bánh xe Chánh pháp, Cho thiên giới5 nhân giới, Bậc Đạo Sư vô tỷ, Sự đoạn diệt thân uẩn,54 Sự hiện hữu thân uẩn, Và đường Thánh tám ngành, Đưa đến khổ diệt tận? Chư thiên được trường thọ5 Có dung sắc, danh xưng, Sanh khiếp đảm sợ hãi? Như thú thấy sư tử, Vì chưa thoát thân uẩn, Nghe chúng ta vô thường, Khi nghe lời ứng Cúng, Được giải thoát như vậy. IV KINH CÁC LÒNG TIN TỐI THƯỢNG (Aggappasādasutta)55 (A. II. 34) 34. Này các Tỷ-kheo, có bốn lòng tin56 tối thượng này. Thế nào là bốn? Dâu cho các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, không chân hay hai chân, bôn chân hay nhiêu chân, có săc hay không săc, có tưởng hay không tưởng, hay phi tưởng phi phi tưởng, Thê Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác được xem là tôi thượng. Những ai đặt lòng tin vào đức Phật9 họ đặt lòng tin vào tôi thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng. Này các Tỷ-kheo? dầu cho loại pháp hữu vi nào5 Thánh đạo tám ngành được xem là tối thượng, những ai đặt lòng tin vào Thánh đạo tám ngành, họ đặt lòng tin vào tối thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

54 Sakkãya'. Có thân, tức là năm thủ uẩn. 55 Bản tiếng Anh của PTS: Faiths, nghĩa là Các lòng tin. Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.2Í.Í. 0601C27); Tạp.(r.02. 0099.902. 0225c2l); Tạp.(7.02. 0099.903. 0225c25); Tạp. ĩi (02 0099.904. 0226a02). 56 Pasãdã'. Tịnh tín. Kinh này được tìm thấy trong III. 36; It. 87.

Dâu cho loại pháp nào, này các Tỷ-kheo, hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng trong tất cả pháp, tức là sự nhiếp phục kiêu mạn, sự nhiếp phục khát ái, sự nhô lên tham ái9 sự chặt đứt tái sanh, sự đoạn diệt tham ái, sự ly tham, đoạn diet, Niết-bàn. Những ai đặt lòng tin vào pháp ly tham, này các Tỷkheo, họ đặt lòng tin vào tối thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng. Dâu cho chúng Tăng hay hội chúng nào, này các Tỷ-kheo5 chúng Tăng đệ tử của Như Lai được xem là tối thượng trong tất cả hội chúng ấy, tức là bốn đôi tám vị5 chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Những ai đặt lòng tin vào chúng Tăng, nàỵ các Tỷ-kheo, họ đặt lòng tin vào tôi thượng; với những ai đặt lòng tin vào tôi thượng, họ được quả dị thục tối thượng. Này các Tỷ-kheo? đây là bốn lòng tin tối thượng. Tin tưởng vào tối thượng, Biết được Pháp tối thượng; Tin tưởng Phật tối thượng, Đáng tôn trọng vô thượng; Tin tưởng Pháp tối thượng, Ly tham, an tịnh, lạc; Tin tưởng Tăng tối thượng, Là ruộng phước vô thượng, Bố thí bậc tối thượng, Phước tối thượng tăng trưởng, Tối thượng về thọ mạng, Dung sắc và danh văn? Tối thượng về an lạc, Tôi thượng vê sức mạnh. Bậc trí thí tối thượng, Pháp tối thượng chánh định5 Chư

thiên hay loài người, Đạt được hỷ tối thượng.

V. KINH VASSAKÃRA (Vassakãrasuttă) (A. II. 35) 35. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại VeẹIuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakăra/7 vị đại thần xứ Magadha, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu5 liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakãra nói với Thế Tôn: -Người nào thành tựu bốn pháp này5 thưa Ton giả Gotama, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ? là bậc Đại nhân. Thế nào là bốn?*

57 Vassakãra. Xem 4 II. 172; D. II. 72, 87; M. III. 8.

Này Tôn giả Gotama, ở đây, người nghe nhiêu; được nghe điêu gì5 điêu gì9 vị ấy biết ý nghĩa của lời ấy: "Dây là ý nghĩa của lời này, đây là ý nghĩa của lời này"; có chánh niệm, ức niệm nhớ đến điều đã làm từ lâu5 đã nói từ lâu; lại trong các công việc của gia chủ5 những công việc gì cần phải làm, vị ấy, ở đây, có thiện xảo, không có thụ động5 thành tựu với sự quán sát về phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Thưa Tôn giả Gotama, thành tựu với bốn pháp này, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng được tùy hỷ5 mong Tôn giả Gotama hãy tùy hỷ con! Nêu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng bị bài xích, Tôn giả Gotama hãy bài xích con! Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ? Ta không bài xích ông. Này Bà-la-môn5 thành tựu với bốn pháp này, Ta tuyên bố là bậc Đại tuệ, bậc Đại nhân. Thế nào là bốn?, Ở đây5 này Bà-la-môn, có người thực hiện hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người. Với người này, nhiều người được an lập trên Thánh lý5 tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh. Với tầm tư nào vị ấy nghĩ cần phải tầm tư, vị ấy tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào vị ấy nghĩ không cân phải tâm tư, vị ấy không tâm tư tâm tư ây; với tư duy nào vị ấy nghĩ cần phải tư duy, vị ấy tư duy tư duy ấy; với tư duy nào vị ấy nghĩ không cần phải tư duy, vị ấy không tư duy tư duy ấy. Như vậy, vị ấy đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc5 có được không phí sức. Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Bà-la-m6n, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích ông. Thành tựu với bốn pháp này, này Bà- la-môn5 Ta tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Cho đến như vậy, Tôn giả Gotama đã khéo nói. Chúng con thọ trì rằng Tôn giả Gotama đã thành tựu bốn pháp này: Tôn giả Gotama đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý5 tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh. Tôn giả Gotama là vị5 với tầm tư nào nghĩ cần phải tầm tư, Tôn giả Gotama tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào, Tôn ệiả Gotama nghĩ không cần phải tầm tu, Tôn giả Gotama không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào, Tôn giả Gotama nghĩ cần phải tư duy, Tôn giả Gotama tư duy tư duy ấy; với tư duy nào, Tôn giả Gotama nghĩ không cần phải tư duy, Tôn giả Gotama không tư duy tư duy ấy. Tôn giả Gotama đạt được tâm

tự tại trong các đường hướng tầm tư. Tôn giả Gotama đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm? hiện tại lạc trú, có được không khó khăn,58 có được không mệt nhọc5 có được không phí sức. Tôn giả Gotama, do đoạn diệt các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

58 Xem M. I. 33,354; 5. V. 316.

Thật vậy5 này Bà-la-môn5 lời tuyên bố của ông là một thách thức cho Ta và Ta sẽ trả lơi cho ông. Này Ba-la-môn5 Ta đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướnệ đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý5 tức là hien thiện pháp tánh, thiện pháp tánh. Ta là vị5 với tâm tư nào Ta nghĩ cân phải tầm tư5 Ta tâm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào Ta nghi không cần phải tầm tu, Ta không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào Ta nghĩ cân phải tư duy, Ta tư duy tư duy ây; với tư duy nào Ta nghĩ không cần phải tư duy, Ta không tư duy tư duy ấy. Này Bà-la-môn5 Ta đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư. Này Bà-la-môn, đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú5 Ta có được không khó khăn, Ta có được không mệt nhọc, Ta có được không phí sức. Này Bà-la-môn5 do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thăng trí, Ta chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ai trong mọi chúng sanh, Hiểu rõ được giải thoát, Khỏi cạm bây thân chết5 Vì hạnh phúc nhân, thiên, Tuyên bố về Chánh lý5 Tuyên bố về Chánh pháp. Quần chúng thấy nghe vậy, Liền hoan hỷ tịnh tín, Thiện xảo dạo, phi dạo, Việc nên làm đã làm5 Vô lậu, bậc Giác Ngộ? Với thân này thân cuối, Ngài được gọi tôn xưng, Bậc Đại Tuệ5 Đại Nhân. VI. KINH DONA (Donasutta)59 (4 II. 37) 36. Một thòi, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ukkatthã và Setavyã. Bà-la-môn Dona60 cũng đang đi trên con đường giữa Ukkatthã và Setavyã. Bà- la-môn Dona thấy trên những dấu chân của Thế Tôn có dấu bánh xe một ngàn cọng5 với vành xe, trục xe và đầy đủ tất cả các tướng khác. Thấy vậy5 vị ấy suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Những dấu chân này không phải là của loài người/9 Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới một gốc cây5 ngồi kiết-già, thân thẳng, đặt niệm trước mặt. Bà-la-môn Dona theo dấu chân của Thế Tôn5 thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây đẹp đẽ5 khởi lên tịnh tín, các căn tịch tịnh5 tâm ý tịch tịnh? đạt được tịnh chỉ do điều phục tối thượng,

59 Bản tiếng Anh của PTS: As to the World, nghĩa là Tùy thuộc thế giới. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.38.3. 0717C18); Tạp.(7.02. 0099.101. 0028a20); Bịệt Tạp^(r.02. 0100.267. 0467a26). 60 Đây có thể là vị Bà-la-môn được chia cho bình đong Xá-lợi của đức Phật.

giống như một con voi được điều phục5 được phòng hộ với các căn tịch tịnh. Thấy vậy? Bà-la-môn Dona liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, thưa với Thế Tôn: Có phải5 thưa Tôn giả5 Ngài6162 sẽ là vị Tiên? Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là Tiên. Có phải, thưa Tôn giả, Ngài sẽ là Càn-thát-bà? -Hỡi này Bà-la-môn5 Ta sẽ không là Càn-thát-bà. —Có phải, thưa Tôn giả? Ngài sẽ là Dạ-xoa? -Hỡi này Bà-la-môn5 Ta sẽ không là Dạ-xoa.

—Có phải, thưa Tôn giả, Ngài sẽ là loài người? -Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là người. Hỏi: "Ngài có phải sẽ là Tiên kh6ng?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Tiên.,, Hỏi: "Ngài có phải sẽ là Càn-thát-bà khong?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn? Ta sẽ không phải là CSn-thát-bHỏi: "Ngài có phải sẽ là Dạ-xoa kh6ng?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn5 Ta sẽ không phải là Dạ-xoa." Hỏi: "Ngài có phải sẽ là loài người kh6ng?" Ngài trả lời: "Ta sẽ không phải là loài nguòi." Vậy sở hành của Ngài là gì và Tôn giả sẽ là gì? Này Bà-la-môn? đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là chư thiên, với các lậu hoặc đã đoạn tận5 được chặt đứt từ gốc rễ5 được làm thành như thân cây Sãla5 được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tươnẹ lai. Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc5 Ta có the là Càn-thát-bà5 Ta có thể là Dạ-xoa, Ta có thể là người, với các lậu hoặc đã đoạn tận? được chặt đứt từ gôc rê5 được làm thành như thân cây Sãla5 được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước9 và đứng thăng không bị nước thâm ướt. Cũng vậy5 này Bà-la-môn? sanh ra trong đời9 lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời5 không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì. Với lậu hoặc chưa đoạn, Ta co the la Tiên, Có thể Càn-thát-bà9 Có thể là loài chim, Hay đi đến Dạ-xoa5 Hay vào trong thai người. Với Ta lậu hoặc tận5 Bị phá hủy, trừ khử,62 : ĩ ,

Như sen trăng tươi đẹp?

6Ỉ Bhavissati. Vị Bà-la-môn không hỏi Ngài là gì, mà hỏi Ngài sẽ là gì và đức Phật cũng dùng thì vị lai để trả lời. 62 Abbqje: Ở đây có thể giải thích là bào thai trong giai đoạn đầu. Xem PED.

Không bị nước thấm ướt. Đời không thấm ướt Ta, Do vậy, Ta được gọi, Ta là Phật Chánh Giác, Hỡi này Bà-la-môn. VII. KINH KHÔNG THẺ RƠI XUỐNG (Aparihãniyasutta)63 (Ả. II. 39) 37. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thể bị thối đọa, vị ấy gần Niết-bàn. The nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ giới, hộ trì các căn9 biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác. Và này các Tỷ-kheo; thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ giới? Ở đây5 này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtỉmokkhd), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo đầy đủ giới. Và này các Tỷ-kheo; thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì làm cho nhãn căn không được chế ngự, khiên tham ái, ưu bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiêng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nêm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gi, làm cho ý căn không được chế ngự, khiến tham ái? ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn5 thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là

Tỷ-kheo hộ trì các căn. Và này các Tỷ-kheo5 như thế nào là Tỷ-kheo biết tiết độ trong ăn uống? Ở đây. này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn khất thực, không phải để vui đùa, không phải đế đam mê, kh6ng phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp minh, mà chỉ để thân này được sông lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Nhu vậy? ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới? và ta sẽ không có lỗi lầm5 sống được an ổn/5 Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết tiết độ trong ăn uống. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ban ngày đi kinh hành, hay trong lúc ngồi, tây sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại. Ban đêm, canh một, vị ây đi kinh hành hay trong lúc ngồi, tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm9

63 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kinh (T.02. 0150A.12. 0877cl6).

canh giữa, vị ây năm dáng năm con sư tử bên hông tay phải? một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đên lúc thức dậy lại. Ban đêm, canh cuối5 vị ấy thức dậy đi kinh hành hay trong lúc ngồi, tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không thể thối đọa5 tiến gần đến Niết-bàn. Tỷ-kheo an trú giới, Sống chế ngự các căn, Biết tiết độ ăn uống5 Và chú tâm cảnh giác, Sống an trú như vậy5 Ngày đêm không mệt m6i, Tu tập các thiện pháp, Đạt an ôn ách nạn, Ưa thích không phóng dật, Thấy sợ hãi phóng dật5 Không có thể thối đọa? Tỷ-kheo gần Niết-bàn. VIII. KINH TRÁNH NÉ (Patilĩnasuttă) (A. II. 41) 38. Tỵ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, này các Tỷ-kheo, đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo đã trừ khử sự thật cá nhân?64 Ở dây, này các Tỷ-kheo, đối với các sự thật cá nhân phổ thông của các Sa-môn5 Bà-la-môn nói chung, ví như thế giới là thường còn5 hay thế giới là không thường còn; thế giới là có giới hạn5 hay thế giới là không giới hạn; sinh mạng và thân này là một9 hay sinh mạng và thân này là khác; Như Lai sau khi chết có tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không tồn tại; Như Lai sau khi chết có tồn tại và không tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không có tồn tại và không không tồn tại; Tỷ-kheo đối với tất cả các sự thật cá nhân ấy đã trừ khử, đã xả bỏ5 đã nhổ ra, đã giải thoát, đã đoạn tận5 đã từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu?65 ơ dây, này các Tỷ-kheo? đôi với Tỷ-kheo, dục tâm câu được đoạn tận5 hữu tầm cầu được đoạn tận, Phạm hạnh tầm cầu được khinh an. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu.

64 Xem D. III. 269. Ba trong 10 Thánh trú (Ariyavãsã) được ghi vào bia ký của Vua Asoka. 65 Theo Chủ giải, dục tầm cầu được đoạn tận trên con đường chứng quả Bất lai. Tầm cầu thứ hai được đoạn tận tren con đường chứng quả A-la-hán. Và tâm câu Phạm hạnh cũng được thành tựu ở đây. Nhtrng tri kiên vê tâm câu đã bị rơi rụng khi chứng quả Nhập liru.

Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Tỷ-kheo thân hành được khinh an?6667 Ở đây, này các Ty.kheo, T*kheo xả lạc xả khổ5 chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc5 xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thân hành được khinh an. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo độc cư? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo ngã mạn được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sãla? được khiến cho không thể hiện hữu, khiến cho không thể sanh khởi trong tương lai. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo độc cư. Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, này các Tỷ-kheo, đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu5 hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành. Dục và hữu tâm câu, Cùng Phạm hạnh tâm câu, Chấp thủ sự thật này, Chỗ kiến xứ chất chứa5 Ai không thích dục tham, Giải thoát nhờ ái diệt, Các tầm cầu từ bỏ, Kiến xứ được nhổ lên5 Tỷ-kheo ấy an tịnh, Thật chánh niệm5 khinh an, Không bị ai chiến bại, Minh kiến được kiêu mạn, Vị ấy được danh xưng, Bậc Giác ngộ độc cư. IX. KINH UJJAYA (Ujjayasuttd)^ (Ả. II. 42) 39. Rồi Bà-la-môn Ujjaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ujjaya bạch Thế Tôn: - Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn? Này Bà-la-môn9 Ta không tán thán tất cả các loại tê đàn. Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả các loại tế đàn. Trong loại tế đàn nào, này Bà-la-môn, bò bị giết, dê? cừu bị giết, gia cầm, heo bị giết, các loài sinh vật khác đi đến bị giết hại5 loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn, liên hệ đến sát sanh, Ta không tán thán loại tế đàn ấy. Vì cớ sao? Tế đàn có sát sanh như vậy5 này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến

66 Được giải thích chi tiết hơn trong KS. V. 188. 67 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.89. 0022c03); Biệt Tạp.(T.02. 0100.89. 0404a27).

A-la-hán không có đi đến. Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn? trong ấy không có bò bị giết, không có dê? cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết5 này Bà-la-môn9 Ta tán thán tế đàn không có sát sanh như vậy5 tức là bố thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình.

Vì cớ sao? Tế đàn không có sát sanh như vậy5 này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán có đi đến.

Lễ tế ngựa, tế người,
Lễ uống nước thắng trận?
Lễ ném cầu may rủi,
Lễ rút lui khóa cửa,
Lễ ấy nhiều sát sanh,
Không đem lại quả lớn.
Chỗ nào giết dê? cừu,
Bò và sinh vật khác,

Các bậc theo Chánh đạo5
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tế đàn như vậy,
Họ không có đi tới.
Tê đàn không sát sanh,
Thường cầu phước gia dinh,
Không giết dê, cừu, bò?
Không giết sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tế đàn như vậy,
Họ đến tế đàn ấy.
Le ấy bậc trí làm?
Te đàn ấy quả lớn?
Tế đàn vậy tốt lành,
Không đem đến ác hại,
Tế đàn càng to lớn,
Chư thiên càng hoan hỷ.

X. KINH UDẢYĨ (Udãyĩsutta)^ (Ả. II. 43)

40. Rồi Bà-la-môn Udãyĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên? Bà-la-môn Udãyĩ bạch Thế Tôn:

Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?

Này Bà-la-môn, Ta không tán thán tất cả các loại tế đàn. Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tât cả các loại tê đàn. Trong loại tê đàn nào5 này Bà-la-môn, bò bị giết, dê? cừu bị giết, gia cầm, heo bị giết, các

68 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.90. 0023a06); Biệt Tạp.(7.02. 0100.90. 0404ỒỒ27).

loài sinh vật khác đi đến bị giết hại, loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn5 liên hệ đến sát sanh, Ta không tán thán loại tê đàn ây. Vì cớ sao? Tê đàn có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến

A-la-hán không có đi đến. Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn5 trong ấy không có bò bị giết, không có dê, cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết, này Bà-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh như vậy5 tức là bô thí thường làm từ lâu, tê đàn câu hạnh phúc cho gia đình.

Vì cớ sao? Tế đàn không có sát sanh như vậy5 này Bà-la-môn5 các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán có đi đến.

Tế đàn không sát sanh,
Làm đúng thòi, thích hợp,
Tế đàn vậy, các bậc

Phạm hạnh khéo chê ngự,
Đã vén rộng bức màn9
Khi còn ở trên đời?
Các bậc Vượt Thời Gian,
Đi đến tế đàn ấy.
Bậc Giác Ngộ tiện xảo5
Tán thán tế đàn ấy.
Hoặc tại lễ tế đàn,
Hoặc tín thí vong linh,
Tế vật cúng xứng dáng,
Tế lễ tâm hoan hỷ5
Hướng đến ruộng phước lành.
Đối các vị Phạm hạnh,
Khéo Cling, khéo tế lễ,
Khéo dâng bậc Đáng Cúng,
Tế đàn vậy rộng lớn,
Chư thiên đều tán thán,
Bậc trí sau khi lễ,
Tín thành, tâm giải thoát.
312 KINH TẢNG CHI BỘ

V PHẨM ROHITASSA (ROHITASSAVAGGA)

I. KINH ĐỊNH TU TẬP (Samãdhibhăvanãsutta) (4 II. 44) 41. Này các Tỷ-kheo5 có bốn định tu tập69 này. Thế nào là bốn? Có định tu tap, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tap, do làm cho sung mãn5 đưa đên chứng được tri kiên. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo5 do tu tap, do làm cho sung mãn5 đưa đến chánh niệm tỉnh giác. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo5 được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập5 do làm cho sung mãn5 đưa đến hiện tại lạc trú? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư.70 Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập5 do tu tập9 do làm cho sung mãn9 đưa đến hiện tại lạc trú. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là định tu tập, do tu tập? do làm cho sung mãn5 đưa đến chứng được tri kiến? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tác ý tưởng ánh sáng, an trú tưởng ban ngày5 ngày như thế nào thời đêm như vậy5 đêm như thế nào thời ngày như vậy. Như vậy5 với tâm rộng mở, không có bị bao phủ, tu tập tâm đến chỗ sáng chói. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là định tu tập5 do tu tập, do làm cho sung mãn5 đưa đến chứng được tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập5 do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo, thọ khởi lên được rõ biết, thọ an trú được rõ biêt? thọ châm dứt được rõ biêt; tưởng khởi lên được rõ biêt5 tưởng an trú được rõ biết, tưởng chấm dứt được rõ biết; tầm khởi lên được rõ

biết, tầm an trú được rõ biết, tầm chấm dứt được rõ biết. các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn5 đưa chánh niệm tỉnh giác.

69 Samãdhỉbhãvanã. Xem D. III. 222. 70 Xem GS. L 165; KS. V. 235.

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: uĐây là sắc, đây là sắc tập khỏi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ5 đây là thọ tập khởi, đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng chấm dứt; đây là các hành, đây là các hành tập khởi, đây là các hành chấm dứt; đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt.” Này các Tỷ-kheo5 đây là định tu tap, do tu tap, do làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo5 có bôn định tu tập này. Và cũng vê vân đê này, Ta có nói đến trong phẩm về mục đích? trong kinh gọi là: "Các câu hỏi của Punnaka.,7ỉ Do tư sát ở đời, Các sự vật thắng, liệt, Không vật gì ở đời, Làm vị ấy dao động. An tịnh, không mờ mịt5 Không phiền não? không tham, Ta nói vị ây vượt, Qua khỏi sanh và già. II. KINH CÁC CÂU HỎI (Panhabyakaranasuttd) 12 (A. IL 46) 42. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách thức để trả lời câu hỏi. Thế nào là bốn? Có câu hỏi9 này các Tỷ-kheo9 đòi hỏi câu trả lời nhất hướng (một chiều dứt khoát); có câu hỏi5 này các Tỷ-kheo, đòi hỏi một câu hỏi phản nghịch; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo5 cần phải để một bên; có câu hỏi5 này các Tỷ-kheo? cần phải trả lời một cách phân tích. Này các Tỷ-kheo, có bôn cách thức đê trả lời câu hỏi này. Một trả lời nhất hướng, Rồi trả lời phân tích, Thứ ba là câu hỏi, Đòi câu hỏi phản nghịch, Loại câu hỏi thứ tư, Cần phải để một ben, Trong các câu hỏi ấy5 Ai rõ biết thuận pháp? Tỷ-kheo ấy được gọi5 Thiện xảo bốn câu hỏi. Khó nhiếp phục, khó thắng,71 *

71 Pãrãyanavagga. Xem GS. I. 116; Sn. 199. 72Xem4I..III. 221.

Thâm sâu, khó chiến thắng,
Thiện xảo trong nghĩa lý5
Cả hai nghĩa, không nghĩa,
Từ bỏ không ý nghĩa,
Bậc trí nắm lấy nghĩa,
Bậc trí minh kiến nghĩa
Được gọi là bậc trí.

III. KINH KÍNH TRỌNG PHẪN NỘ THỨ NHẤT
(PaỊhamakodhagarusutta)73 (4 II. 46)

43. Bổn hạng người, này các Tỷ-kheo? có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?
Kính trọng phẫn nộ5 không kính trọng Diệu pháp;
Kính trọng gièm pha, không kính trọng Diệu pháp;
Kính trọng lợi dưỡng, không kính trọng Diệu pháp;

Kính trọng cung kính, không kính trọng Diệu pháp.
Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.
Bốn hạng người, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?
Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng phẫn nộ;
Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng gièm pha;
Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng lợi dưỡng;
Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng cung kính.
Bôn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.
Các Tỷ-kheo kính trọng,
Phẫn nộ và gièm pha,
Kính trọng các lợi dưỡng?
Kính trọng sự cung kính,
Vị ấy không lớn mạnh5
Trong pháp đức Phật thuyết.
Ai hiện sông, đã sông5
Kính trọng Chánh diệu pháp,
Các vị ấy lớn mạnh,
Trong pháp đức Phật thuyết.
IV. KINH KÍNH TRỌNG PHẪN NỘ THỨ HAI
(Dutiyakodhagarusutta) (Ả, II. 47)
44. Này các Tỷ-kheo9 có bốn phi Diệu pháp này. Thế nào là bốn?
Kính trọng phẫn nộ, không kính trọng Diệu pháp; kính trọng gièm pha,
73Xem s. I. 169, 240. Lãbhasakkãrasỉloka, tên một phẩm trong s. II. 225.

không kính trọng Diệu pháp; kính trọng lợi dưỡng, không kính trọng Diệu pháp; kính trọng cung kính, không kính trọng Diệu pháp. Này các Tỷ-kheo, có bốn phi Diệu pháp này. Này các Tỷ-kheo, có bốn Diệu pháp này. Thế nào là bốn? Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng phẫn nộ; kính trọng Diệu pháp, không kính trọng gièm pha; kính trọng Diệu pháp, không kính trọng lợi dưỡng; kính trọng Diệu pháp, không kính trọng cung kính. Này các Tỷ-kheo, có bôn Diệu pháp này. Trọng phẫn nộ5 gièm pha, Trọng lợi dưỡng, cung kính, Như hạt giống hư thối, Trong thửa ruộng tốt lành5 Tỷ-kheo ấy không lớn, Trong Chánh pháp vi diệu. Ai đã sống, hiện sống, Kính trọng Chánh diệu pháp, Các vị ấy lớn mạnh, Trong Chánh pháp vi diệu, Như dược thảo dùng dầu9 Chữa trị lớn mạnh hơn. V. KINH ROHITASSA (Rohitassasutta)14 (Ả. II. 47) 45. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rôi thiên tử Rohitassa sau khi đêm gân mãn5 với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đên Thê Tôn; sau khi đên; đảnh lê Thê Tôn rôi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn: -Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không? -Này Hiền giả5 tại chỗ nào không bị

sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này]5 không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bô răng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới. -Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già5 không bị chết, khôn^ có từ bỏ [đời nay], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không thể đi đến đe thấy? để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của the giới.,, Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn74

74 Tham chiếu: s. I. OL KS. I. 85; Tdng.(T.02. 0125.43.1. 0756a07); Tạp.(7.02. 0099.1307. 0359al0); Biệt Tạp.(7.02. 0100.306. 0477Ồ14).

luyện, khéo tay, thuần thục (katũpãsano), với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây Sãla. Bước chân của con là như vậy, như khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn? thành tựu được với tốc độ như vậy5 với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Vói bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùn^ của thế giới.,, Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nếm5 trừ khi đi đại tiện, tiêu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến một trăm tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến một trăm năm, cũng không thể đạt được tận cùng của thế giới, giữa đường con đã chết. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn5 lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này]5 khônệ có sanh khởi [đời khác]9 Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.,, Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già5 không bị chết? không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], không thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế gi&i.” Nhimg này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó9 Ta tuyên bố về thế giói, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đên thê giới đoạn diệt. Với đi, không bao giờ5 Đạt tận cùng thê giới. Nêu không, không đạt được, Chỗ tận cùng thế gióI, Thời không có giải thoát, Ra khỏi ngoài khổ đau. Do vậy5 bậc Có Trí, Hiểu biết rõ thế giới, Đi tận cùng thế giới, Với Phạm hạnh thành tựu, Bậc Đạt Được An Tịnh, Biết tận cùng thế giới5 Không mong càu đời này, Không mong cầu đời sau.

VI. KINH ROHITASSA THỨ HAI (Dutiyarohitassasutta)15 (A. II. 49) 46. Rồi Thế T6n, sau khi đêm ấy đã qua, bảo các Tỷ-kheo: Đêm nay, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa, sau khi đêm đã gần tàn? với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana? đi đến đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo5 Thiên tử Rohitassa bạch với Ta:75

75 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.43.1. 0756a07); Tạp.(r.02,.0099.1307. 0359al0); Biệt Tạp. (T.02. 0100.306 0477bl4).

"Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, khôn^ có từ bỏ [đời này]? không có sanh khởi [đời khác] 5 chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế gi&i?" Khi được hỏi như vậy? này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa như sau: "Này Hiền giả5 tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác]5 Ta tuyên bố rằng không thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới." Khi nghe nói vậy? này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa nói với Ta như sau: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói5 bạch The Ton, lời nói này của Thê Tôn: Tại cho nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác]. Ta tuyên bô răng không co thê đi đen đê thây, đê biêt, đê đạt đến chỗ tận cùng của thế giới!9 Thuở xua, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cuímg, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục5 với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng ban xuyên qua bóng một cây Sãla. Bước chân của con là như vậy? như khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: 'Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùnẹ của thế giới.9 Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến một trăm tuổi5 dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến một trăm năm5 cũng không thê đạt được tận cùng của thê giới, giữa đường con đã chêt. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay5 bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: 6Tại chỗ nào không bị sanh5 không bị già5 không bị chết, không có từ bỏ [đời này], khônệ có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế gi&i."' Khi được nói vậy5 này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa: "Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: 'Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, khônệ bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], không có the đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới/Nhimg này Hiền giả, trong cái thân dài một tầm này? với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, ve con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.,, Với di, không bao giờ, Đạt tận cùng thế giới. Neu không, không đạt được„ Chỗ tận cùng thế giói, Thời không có giải thoát,

Ra khỏi ngoài khổ đau.
Do vậy, bậc Co Trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu.
Bậc Đạt Được An Tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong câu đời này,

Không mong cầu đời sau.

VII. KINH RẤT XA XĂM (Suvidũrasuíía) (A. II. 50)

47. Này các Tỷ-kheo, có bôn sự việc này, rât xa, rât xa với nhau. Thê nào là bốn?

Trời và dất, này các Tỷ-kheo5 là sự việc thứ nhất rất xa, rất xa với nhau. Bờ biển bên này, này các Tỷ-kheo5 với bờ biển bên kia, là sự việc thứ hai rất xa, rất xa với nhau. Từ chỗ mặt trời mọc lên5 này các Tỷ-kheo, đến chỗ mặt trời lặn xuông5 là sự việc thứ ba rât xa, rât xa với nhau. Pháp của hạng người bât thiện, này các Tỷ-kheo5 với pháp của hạng người thiện, là sự việc thứ tư rất xa, rất xa với nhau.

Này các Tỷ-kheo, đây là bôn sự việc rât xa, rât xa với nhau này.

Rất xa là bầu trời,
Cũng rất xa, quả dất,
Người ta nói rât xa,
Là bờ biển bên kia.
Từ chỗ mặt trời mọc,
Chói sáng5 tỏa ánh sáng,
Đến chỗ mặt trời lặn5
Rằng xa, thật là xa.
Người ta nói xa hơn,
Là pháp của bậc thiện,
Với pháp kẻ bất thiện,
Thật xa, xa hơn nhiều.
Hòa hợp với bậc thiện,
Thường hằng, không hoại diệt,
Khi nào còn đứng vững, vẫn như vậy kiên trì.
Còn hòa hợp bất thiện,
Rất mau bị phá hoại,
Do vậy pháp bậc thiện,
Rất xa pháp kẻ ác.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 319

VIIL KINH VISÃKHA (Vỉsãkhasutta)76 (4 II. 51) 48. Một thời, Thế Tôn trú ở Săvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ? Tôn giả Visãkha Pancãliputta, trong hội trường với pháp thoại, đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với lời nói lịch sự, thông suốt? không có phều phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch, không có ngập ngừng.7778 Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến? ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo5 ai đang thuyết pháp trong hội trường cho các Tỷ-kheo, khích lệ5 làm cho phấn kh&i, làm cho hoan hỷ9 với lời nói lịch sự? thông suốt? không có phều phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch, không có ngập ngừng? Bạch Thế Tôn, Tôn giả Visãkha Pancãliputta đang thuyết pháp trong hội trường cho các Tỷ-kheo? khích lệ... không có ngập ngừng. Rồi Thế Tôn

nói với Tôn giả Visãkha Paíicãliputta: -Lành thay! Lành thay! Này Visãkha. Lành thay! Này Visãkha, ông đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo... không có ngập ngừng. Nêu vị ây không nói, Họ không biết vị ấy, Như vậy bậc hiền trí, Lần lộn với kẻ ngu. Nếu vị ấy nói lên, Họ biết đến vị ấy, Khi vị ấy thuyết giảng, Con đường đến bất tử. Vậy hãy thuyết giảng lên, Chói sáng chơn Diệu pháp, Hãy dâng cao ngọn cờ9 Ngọn cờ các Ẩn sĩ. Khéo nói là ngọn cờ? Của các bậc Ẩn si, Và pháp là ngọn cờ5 Của những bậc Ẩn sĩ. IX. KINH ĐIÊN ĐẢO (Vỉpallãsasutta)^ (Ả. II. 52) 49. Này các Tỷ-kheo5 có bốn tưởng điên dảo, tâm điên đảo9 kiến điên đảo này. Thế nào là bốn?

7] Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1069. 0277b28); Biệt Tạp.(7.02. 0100.8. 0375cl3). Xem Pss. Breth. 152; KS. II. 190, ở đây được đức Phật tán thán cách Visãkha thuyết giảng và đọc lên bài kệ. 77 Xem s. I. 189 (Tán thán Tồn giả Sãriputtạ thuyết giảng), chỉ thiếu chữ cuối anissitãya. Nghĩa trong Chủ giải là không bị cuốn theo vòng luần hồi, nhxmg ở đay dịch là lưu loát, không có ngập ngừng. 78 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.5. 0876cl7).

Trong vô thường nghĩ là thường, này các Tỷ-kheo5 đó là tưởng điên đảo5 tâm điên đảo? kiến điên đảo. Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo? đó là tưởng điên đảo9 tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong vô ngã nghĩ là ngã, này các Tỷ-kheo5 đó là tưởng điên dảo, tâm điên đảo? kiến điên đảo. Trong không thanh tịnh nghĩ là thanh tịnh, này các Tỷ-kheo5 đó là tưởng điên đảo5 tâm điên dảo, kiến điên đảo. Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này. Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng không điên đảo9 tâm không điên đảo, kiến không điên đảo này. Thế nào là bốn? Trong vô thường nghĩ là vô thường, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo. Trong khổ nghĩ là khổ5 này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo5 kiến không điên đảo. Trong vô ngã nghĩ là vô ngã? này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo. Trong không thanh tịnh nghĩ là không thanh tịnh, này các Tỷ-kheo5 đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo. Này các Tỷ-kheo5 có bốn tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo? kiến không điên đảo này. Trong vô thường tưởng thường. Trong khổ tưởng là lạc, Trong vô ngã tưởng ngã, Trong bất tịnh tưởng tịnh5 Chúng sanh đên tà kiên, Tâm động tưởng tà vọng, Bị ma trói buộc chặt, Không thoát khỏi ách nạn, Chúng sanh bị luân chuyển, Trong sanh tử luân hồi. Khi chư Phật xuất hiện5 Ở đời chói hào quang, Tuyên thuyết Diệu pháp này, Đưa đến khổ lắng dịu. Nghe pháp được trí tuệ5 Trở lại được tự tâm, Thấy vô thường không thường, Thấy đau khổ là khổ, Thấy tự ngã không ngã, Thấy bất tịnh không tịnh5 Do hành chánh tri kiến, Vượt qua mọi đau khổ.

X. KINH CÁC UẾ NHIỄM (Upakkiỉesasatta)19 (Ả. II. 53) 50. Này các Tỷ-kheo5 có bôn uê nhiêm này của mặt trăng, mặt trời; do những uế nhiễm này làm ô nhiễm, mặt trăng, mặt trời không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Thế nào là bốn?

Mây, này các Tỷ-kheo, là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, mặt trăng, mặt trời không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Mù, này các Tỷ-kheo, là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời... Khói và bụi5 này các Tỷ-kheo? là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời... Rãhu5 vua các loài a-tu-la, này các Tỷ-kheo5 là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, mặt trăng, mặt trời không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Này các Tỷ-kheo5 có bôn uê nhiêm này của mặt trăng, mặt trời, do những uê nhiễm này làm ô nhiễm mặt trăng, mặt trời? không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, có bôn uê nhiêm này của các Sa-môn? Bà-la- mon; do ue nhiêm nay lam o nhiêm, các Sa-mon5 Ba-la-mon khong co chay sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. The nào là bon? Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn uống rượu men rượu nấu, không từ bỏ rượu men rượu nấu; này các Ty.kheo, đây là uế nhiễm thứ nhất của Sa-môn5 Bà-la-môn; do uê nhiêm này làm ô nhiễm5 các Sa-môn5 Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng5 không có rực sáng. Này các Tỷ-kheo5 một số Sa-môn5 Bà-la-môn hưởng thọ dâm dục5 không từ bỏ dâm dục; này các Tỷ-kheo? đây là uế nhiễm thứ hai... không có rực sáng. Này các Tỷ-kheo9 một số Sa-môn5 Bà-la-môn chấp nhận vàng và bạc5 không từ bỏ nhận lấy vàng và bạc; này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ ba... không có rực sáng. Này các Tỷ-kheo5 một sô Sa-môn5 Bà-la-môn sinh sông với tà mạng, không từ bỏ tà mạng; này các Tỷ-kheo5 đây là uế nhiễm thứ tư của các Sa-môn5 Bà- la-môn; do uê nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn5 Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Này các Tỷ-kheo5 có bốn uế nhiễm này của các Sa-môn5 Bà-la-môn; do những uê nhiêm này làm ô nhiêm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Có Sa-môn9 Phạm chí, Bị tham sân trói buộc9 Bị vô minh bao phủ. Loài người ưa sắc đẹp5 Uông rượu men rượu nâu, Hưởng thụ pháp dâm dục5

79 Tham chiếu: Vin. II. 295; Tăng.(T.02. 0125.28.2. 0650a08).

Mê hoặc, họ chấp nhận?
Nhận lấy80 vàng và bạc,
Các Sa-môn, Phạm chí,
Sinh sống theo tà mạng.
Phật, Bà Con Mặt Trời
Nói đến uế nhiễm ấy,
Bị ô nhiễm bởi chúng,
Các Sa-môn, Phạm chí,
Không cháy sáng, chói sáng,
Ánh sáng81 bụi ô nhiễm,
Bao phủ bởi tối tăm?
Nô lệ bởi ái dục,
Bị ái kéo5 dắt dẫn,

Chúng làm đầy dẫy thêm,
Bãi tha ma ghê tởm,
Họ lại phải tái sanh.
80 ẢẤ. III. 92: Sãdỉyantĩtỉ ganhanti. (<4Nhận lấy" nghĩa là giữ lấy, chiếm lấy). Xem KS. IV. 230. 81 Magã còn có nghĩa ỉà các con thú, như trong Vìn. II. 295.

VI. PHẨM NGUỒN SANH PHƯỚC (PUNNABHISANDAVAGGA)

I. KINH NGUỒN SANH PHƯỚC THỨ NHẤT (Paịhamapunnãbhisandasuttăỷ2 (A. II. 54) 51. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này đem lại an lạc, thuộc thiên giới5 là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ5 khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ y của ai, đạt đến và an trú vô lượng tâm định? như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ? khả ý, hạnh phúc, an lạc. Này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ đô ăn khât thực của ai... Này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ trú xứ của ai... Này các Tỷ- kheo5 vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ dược phẩm trị bệnh của ai, đạt đến và an trú vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện đem lại an lạc, thuộc thiên giới5 là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ9 khả ý, hạnh phúc9 an lạc. Này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu bôn n^uôn sanh phước, nguôn sanh thiện này, thời không dế gì đê năm lây một sô lượng phước thiện, và nói rằng: "C6 chừng ấy nguồn sanh phước? nguồn sanh thiện, đem lại an lạc, thuộc thiên giới? là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số, vô lượng. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn, thật không dễ gì để nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "C6 chừng ấy thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước? hay có chừng ấy trăm ngàn thùng mróc"; vì rằng cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này? thời không dễ gì nắm lấy một số lượng phước thiện và nói rằng: "C6 chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, đem lại an lạc thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời? đưa đến khả lạc, khả hỷ,

82 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh PTS dịch: Flood of Merit (to Laymen), nghĩa là Nguồn sanh phước (yới cư sĩ).

khả ý, hạnh phúc, an l@c"; vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số5 vô lượng. Biển lớn không hạn lượng, Hồ lớn nhiều sợ hãi9 r Là kho tàng cât giữ, Vô số lượng châu báu, Cũng là chỗ trú ẩn, Vô số các loại cá, Là chỗ các sông lớn Quy tụ chảy ra biển. Cũng vậy5 người bố thí, Đồ ăn và đồ uống, Vải mặc và giường nằm, Chỗ ngồi và thảm nệm9 Bậc Hiền thí như vậy, Phước đức ùa chảy đên5 Như sông dẫn dòng nước5 Ua chảy vào bê cả. II. KINH NGUỒN SANH PHƯỚC THỨ HAI

(Dutiyapunnabhisandasutta) (Ả. II. 56) 52. Này các Tỷ-kheo, có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời5 đưa đến khả lạc, khả hỷ5 khả ý9 hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Phật. Bậc Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán? Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc5 Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thê Tôn. Này các Tỷ-kheo, đây là nguôn sanh phước, nguon sanh thiện thứ nhất đem lại an lạc9 thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý5 hạnh phúc, an lạc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp. Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này các Tỷ-kheo5 đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ hai đem lại an lạc9 thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc? khả hỷ, khả ý5 hạnh phúc, an lạc. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng. Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế T6n, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn5 ứng lỵ hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử The Ton, tức là bôn đôi tam vị. Chung đệ tử này của Thê Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đảnh lễ? đáng được chắp tay,

là VÔ thượng phước điền ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ ba này đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục5 dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ5 khả ý5 hạnh phúc, an lạc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với những giới được bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại? không bị bê vụn, không bị điêm chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định. Này các Tỷ-kheo5 đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ tư đem lại an lạc, thuộc thiên giới? là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc5 khả hỷ5 khả ý, hạnh phúc5 an lạc. Này các Tỷ-kheo5 bôn nguôn sanh phước, nguôn sanh thiện này, đem lại an lạc, thuộc thiên giới5 là quả lạc dị thục5 dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ5 khả ý9 hạnh phúc5 an lạc. Ai tin tưởng Như Lai, Bất động? khéo an trú, Ai tin giới, hiền thiện, Bậc Thánh khen, mến chuộng, Ai tịnh tín chúng Tăng, Với cái nhìn chánh trực, Người ấy được họ gọi, Không phải là người nghèo, Đời sống người như vậy5 Không phải đời trống rỗng. Do vậy? tín và giới, Tịnh tín và thắng pháp, Bậc trí chú tâm niệm, Lời dạy của chư Phật. III. KINH SỐNG CHUNG THỨ NHẤT (PaḶhamasamvãsasutta) (Ả. II. 57) 53. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Madhurã và Verafija. Có nhiều nam gia chủ và nữ gia chủ cũng đang đi trên con đường giữa Madhurã và Veranja. Roi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới mot gốc cây, trên chỗ đã được sửa soạn. Các nam gia chủ và nữ gia chủ thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các nam cư si, nữ cư sĩ đang ngôi một bên:
Này các gia chủ9 có bôn loại sông chung này. Thê nào là bôn? Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ, đê tiện nam sống chung với thiên nữ, thiên nam sống chung với đê tiện nữ, thiên nam sống chung với thiên nữ. Và này các gia chủ9 thê nào là đê tiện nam

sông chung với đê tiện nữ? Ở dây, này các gia chủ? người chồng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục5 nói láo5 đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, tánh ác, sống ở gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng, chửi rủa các

Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục? nói láo, đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, tánh ác, sống ở gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối? nhiếc mang, chửi rủa các Sa-môn9 Bà-la-môn. Như vậy5 này các gia chủ5 là đê tiện nam sông chung với đê tiện nữ. Và này các gia chủ, thê nào là đê tiện nam sông chung với thiên nữ? Ở dây, này các gia chủ, người chồng sát sanh... nhiếc mắng, chửi rủa các Samôn, Bà-la-môn. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục? từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối5 không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn5 Bà-la-môn. Như vậy, này các gia chủ, là đê tiện nam sổng chung với thiên nữ. Và này các gia chủ, thê nào là thiên nam sông chung với một đê tiện nữ? Ở đây? này các gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn5 Bà-la-môn. Nhimg người vợ là người sát sanh, lấy của không cho... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy5 này các gia chủ, 1 thiên nam sống chung với đê tiện nữ. Và này các gia chủ? thê nào là thiên nam sồng chung với thiên nữ? Ở dây, này các gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn5 Bà-la-môn. Và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn5 Bà-la-môn. Như vậy, này các gia chủ, là thiên nam sống chung với thiên nữ. Này các gia chủ5 có bốn loại chung sống này. Cả hai là ác giới5 Xan tham và nhiêc măng, Cặp vợ và chồng ấy, Đê tiện, sông đê tiện. Chồng là người ác giới? Xan tham và nhiếc mắng, Vợ là người có giới, Bố thí, không xan tham, Như vậy, vợ thiên nữ, Sống với chồng đê tiện. Chồng là người có giới, r BÔ thí, không xan tham, Vợ là đê tiện nữ, Chung sông chông thiên nam. Cả hai tín, bố thí, Sống chế ngự, chánh mạng, Cả hai vợ chông ây,

Nói lời thân ái nhau, Đời sống nhiều hạnh phúc, Chờ đợi hai người ấy. Kẻ thù không thích ý5 Cả hai giới hạnh lành, ở đây sống theo pháp, Giữ cấm giới đồng dẳng, Cả hai giới hạnh lành, Sống hoan hỷ thiên giới5 Hân hoan được thỏa mãn, Đúng với điều cầu mong. IV. KINH SỐNG CHUNG THỨ HAI (Dutiyasamvãsasuttă) (A, II. 59) 54. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại sống chung này. Thế nào là bốn? Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ, đê tiện nam sống chung với thiên nữ, thiên nam sống chung với đê tiện nữ, thiên nam sống chung với thiên nữ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, người chồng là người sát sanh, lấy của không cho, s6ng tà hạnh trong các dục5 nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm5 tà kiến, ác giới, ác tánh, sống trong gia đình với tâm bị câu uê xan tham chi phôi5 nhiêc măng? chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục9 nói láo5 nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm. tà kiến, ác giới, ác tánh9 sông ở gia

đình với tâm bị câu uê xan tham chi phôi? nhiêc măng? chửi rủa các Sa-môn5 Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đê tiện nam chung sống với đê tiện nữ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đê tiện nam sống chung với thiên nữ? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 người chồng sát sanh... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn9 Bà-la-môn. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không có sân tâm, chánh kiến, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn5 Bà-la-môn. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là đê tiện nam sống chung với thiên nữ. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là thiên nam sông chung với đê tiện nữ? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng người vợ là người sát sanh, lấy của không cho... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là thiên nam sông chung với đê tiện nữ. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là thiên nam sông chung với thiên nữ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng,

chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh...
không có nhiêc măn^5 chửi rủa các Sa-môn9 Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ kheo, là thiên nam sông chung thiên nữ.
Này các Tỷ-kheo, có bốn loại sống chung này.
Cả hai là ác giới,
Xan tham và nhiêc măng5
Cặp vợ và chông ây5
Đê tiện sông đê tiện.
Chồng là người ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Vợ là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Như vậy vợ thiên nữ
Sống với chồng đê tiện.
Chồng là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Còn người vợ ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Vợ là đê tiện nữ5
Chung sống chồng, thiên nam.
Cả hai, tín, bố thí,
Sông chê ngự, chánh mạng,
Cả hai vợ chồng ấy,
Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc?

Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý5
Cả hai giới hạnh lành,
Ở đây sống theo pháp,
Giữ cấm giới đồng dẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn?
Đúng với điêu câu mong.

V KINH SỐNG ĐỜI VỚI NHAU THỨ NHẤT

(Pathamasamaịĩvĩsuttay3 (^4. II. 61)

55. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagg,tại núi Sumsumãragira, rừng BhesakaỊã, ở Vườn Nai. Roi Thể Tôn, vào buoi sáng; đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ gia chủ cha của Nakula; sau khi dến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn

83 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Well Matched, nghĩa là Xứng đôi.

săn. Rôi gia chủ cha của Nakula và nữ gia chủ mẹ của Nakula đi đên Thê Tôn; sau khi đen? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 gia chủ cha của Nakula bạch Thế Tôn: Từ khi nữ gia chủ mẹ của Nakula được đem vê đây cho con, khi con còn trẻ tuổi, con biết con không bao giờ có điều gì xâm phạm đến vợ con, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rang, bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa. Nữ gia chủ mẹ của Nakula bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? từ khi con được đem về đây cho gia chủ cha của Nakula, khi con còn trẻ tuổi5 con biết con không bao giờ có điễu gì xâm phạm đến gia chủ cha của Nakula, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa. -Vậy này các gia chủ, khi cả hai vợ chồng muốn thấy mặt nhau trong đời này5 cũng muôn thây mặt nhau trong đời sau nữa, và cả hai người là đông tín, đồng giói, đồng thí, đồng trí tuệ; thời trong đời hiện tại, các người được thấy mặt nhau, và trong đời sau, các người cũng được thây mặt nhau. Cả hai tin, bố thí, Sống chế ngự5 chánh mạng5 Cả hai vợ chông ây5 Nói lời thân ái nhau, Đời sống nhiều hạnh phúc, Chờ đợi hai người ấy. Kẻ thù không thích ý5 Cả hai giới hạnh lành, Ở đây sống theo pháp, Giữ cấm giới đồng dẳng, Cả hai giới hạnh lành, Sống hoan hỷ thiên giới, Hân hoan được thỏa mãn, Đúng với điêu sở câu. VI. KINH SỐNG ĐỜI VỚI NHAU THỨ HAI (Dutiyasamaịĩvĩsutta) (A.ĩl. 62) 56. (Như kinh trên, nhưng bắt đầu bằng lời của Thế Tôn dạy cho các Tỷ-kheo). VII. KINH SUPPAVẢSÃ (Suppavãsãsuttảỷ^ (A. II. 62) 57. Một thời, Thế Tôn trú ở ệiữa dân chúng Kqliya? tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Sajjanela. Roi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát5

84 Xem GS. I. 25. Cô được xem là người cúng dường đồ ăn khất thực ngon đệ nhất.

đi đến trú xứ của Suppavãsã, người dân Koliya; sau khi đến, ngồi xuốĩiệ trên chỗ đã soạn săn. Suppavãsã, người dân Koliya, sau khi tự tay mời Thê Tôn dùng cho đến thỏa mãn các món ăn loại cứng và loại mềm, rồi Suppavãsã, thuộc dân tộc Koliya, sau khi Thế Tôn ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát,85 liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Suppavãsã, người dân Koliya, đang ngôi một bên: Các Thánh nữ đệ tử khi bố thí đồ ăn, này Suppavãsã, bố thí bốn sự cho những người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc5 cho sức mạnh. Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần (bhãginĩ) thọ mạng, thuộc cõi trời hay cõi người. Sau khi cho dung sắc, người cho được chia phần dung sắc, thuộc cõi trời hay cõi người. Sau khi cho an lạc, người cho được chia phần an lạc, thuộc cõi trời hay cõi người. Sau khi cho sức mạnh, người cho được chia phần sức mạnh, thuộc cối trời hay cõi người. Này Suppavãsã, khi Thánh nữ đệ tử bô thí đô ăn5 bô thí bôn sự này cho những người nhận. Cho đồ ăn khéo làm, Sạch, thù diệu, vị ngon, Nàng với sự cúng dường, BÔ thí vị chánh trực, Những vị sống chánh hạnh, Là những bậc đại hành, Với đức, gặt công đức, Lại được quả to lớn. Bạc Hiểu Biết Thế Gian, Có lời tán thán nàng? ức niệm tế đàn vậy5 Họ dạo quanh thế giới, Với tâm tư hoan hỷ? Nhiêp phục gôc xan tham, Không bị ai chỉ trích, Chứng đạt được cõi trời. VIII. KINH SUDATTA (Sudattasutta(Ắ. II. 63) 58. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn5 rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Này gia chủ, bậc Thánh đệ tử bố thí đồ ăn, bố thí bốn sự cho người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh.

85 Onĩtapattapãnỉm. Bản Pãli như DA:, UdA. 242; v.v... sử dụng nghĩa "tay rời khỏi bát"; còn bản Sanskrit sử dụng nghĩa "rửa tay". 86 Xem s. I.21L

Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần thọ mạng, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho dung sắc, người cho được chia phần dung sắc, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho an lạc, người cho được chia phân an lạc, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho sức mạnh5 người cho được chia phần sức mạnh, thuộc chư thiên hay loài người.

Này gia chủ, bậc Thánh đệ tử bố thí món ăn, bố thí bốn sự này cho những người nhận.

Những ai khéo chế ngự,
Sống nhờ người bố thí,
Ai tùy thòi, nhiệt thành,
Bố thí đồ ăn uống,
Đem lại cho các vị5
Bốn sự kiện như sau:
r
Cho thọ mạng, dung săc9

Cho an lạc, sức mạnh.
Vị bố thí thọ mạng,
Vị bố thí sức mạnh,
Người bố thí an lạc,
Người bố thí sức mạnh,
Thọ mạng dài, danh xưng,
Dầu sanh tại chỗ nào.
IX. KINH CÁC ĐÒ AN (Bhojanasutta) (A. II. 64)
59. Người bố thí đồ ăn, này các Tỷ-kheo5 bố thí bốn sự cho người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng? cho dung sắc? cho an lạc, cho sức mạnh.
Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần thọ mạng, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho dung sắc... cho an lạc... sau khi cho sức mạnh, người cho được chia phần sức mạnh, thuộc chư thiên hay loài người.
Này các Tỷ-kheo, người bố thí các món ăn, bố thí bốn sự này cho người nhận.
Những ai khéo chế ngự,
Sống bố thí người khác,
Air tùy thòi, y nhiệt r thành,
BÔ thí đô ăn uông5
Đem lại cho các vị9
Bốn sự kiện như sau:
Cho thọ mạng, dung sắc5
Cho an lạc, sức mạnh.
Vị bố thí thọ mạng,
Vị bô thí dung săc,
Người bố thí an lạc,
Người bố thí sức mạnh,

Thọ mạng dài, danh xưng,
Dầu sanh tại chỗ nào.
X. KINH BỔN PHẬN NGƯỜI GIA CHỦ (Gỉhisãmĩcisuttdỷ1 (Ả. II. 65)
60. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế
Tôn5 rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên:
Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của người gia chủ,8788 con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời. Thế nào là bốn?
Ở đây? này gia chủ, vị Thánh đệ tử hộ trì chúng Tỷ-kheo với y, hộ trì chúng
Tỷ-kheo với đồ ăn khất thực? hộ trì chúng Tỷ-kheo với sàng tọa5 hộ trì chúng
Tỷ-kheo với dược phẩm trị bệnh.

Thành tựu với bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của người gia chủ, con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời.

Bậc hiền trí thực hiện,
Con đường thật xứng đáng,
Của người làm gia chủ?
Hộ trì bậc có giới,
Bậc sở hành chơn chánh,
Hộ trì với y áp,
Với đồ ăn khất thực,
Sàng tọa, thuốc trị bệnh,
Công đức họ tăng trưởng,
Thường hằng ngày lẫn đêm5
Do làm nghiệp hiền thiện,
Đi đến cảnh chư thiên.

87 Tham chiếu: Thương-ca-ỉa kinh (7.01. 0026.143. 0650b 11).

88Gỉhỉsãmĩcỉpatỉpadãm. XemS. V. 333. Trong 44. III. 97: Gỉhỉsãmĩcỉpatỉpadantỉgihĩnam anucchavỉkam patỉpattỉm (4tCách thực hành thích đáng của người gia chỉT' nghĩa là cách thực hành thích hợp, đúng đắn của người gia chủ).

vn. PHẨM NGHIỆP CÔNG ĐỨC (PATTAKAMMAVAGGA)

I. KINH NGHIỆP CÔNG ĐỨC (Pattakammasutta)S9 (A. IL 65) 61. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn? rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Có bốn pháp này, này gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn? "Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp" đây là pháp thứ nhất, khả lạc, khả hỷ? khả ý5 khó được ở đời. "Tài sản đã được đúng pháp, mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy"; đây là pháp thứ hai, khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khó được ở đời. 6íTài sản đã được đung pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy, mong rằng ta sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài"; đây là pháp thứ ba, khả lạc, khả hỷ? khả ý, khó được ở đời. "Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy, sau khi được sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài, mong rằng khi thân hoại mệnh chung, ta sanh lên cõi thiện, cõi trời5 cõi đời này" đây là pháp thứ tư, khả lạc5 khả hỷ5 khả ý5 khó được ở đời. Bôn pháp này5 này gia chủ, khả lạc? khả hỷ, khả ý? khó được ở đời. Này gia chìỉ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ5 khả ý, khó được ở đời này, CÓ bôn pháp đưa đên chứng được những pháp ây. Thê nào là bôn? Đây đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ lòng tin? Ở đây, này gia chủ5 vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: Vị này là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Này gia chủ, đây gọi là đầy đủ lòng tin. Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ giới? Ở đay, này gia chủ, vị

Thánh đệ tử tìr bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này gia chiỉ, đây gọi là đầy 4-_9 _ • r* đủ giới. Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ bố thí? Ở dây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử sông ở gia đình, tâm không bị câu uê xan tham chi phôi, bô thí rộng rãi, với

89 Tham chiếu: Hành dục kỉnh (roi. 0026.126. 0615a08).

bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích san sẻ vật bố thí. Này gia chủ, đây gọi là đầy đủ bo thí. Và này gia chiỉ, thế nào là đầy đủ trí tuệ? Này gia chủ, sống với tâm bị dục tham chinh phục5 làm việc không nên làm, không làm việc nên làm; do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi (dhamsatí) danh tiếng và an lạc. Này gia chủ5 sống với tâm bị sân hận chinh phục... sống với tâm bị hôn trầm thụy miên chinh phục... sống với tâm bị trạo hối chinh phục... sống với tâm bị nghi chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm; do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc. Này gia chiỉ, vị Thánh đệ tử ây? sau khi biêt được dục tham là uê nhiêm của tâm? từ bỏ dục tham, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được sân hận là uế nhiễm của tâm, từ bỏ sân hận, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được hôn trầm thụy miên là uế nhiễm của tâm, từ bỏ hôn trầm thụy miên, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được trạo hối là uế nhiễm của tâm, từ bỏ trạo hối, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được nghi là uê nhiêm của tâm, từ bỏ nghi, uê nhiêm của tâm; này gia chủ? đây gọi là vị Thánh đệ tử có đại trí tuệ? có trí tuệ rộng lớn, bước vào giới vức minh kiến,9đầy đủ trí tuệ. Đây gọi là đầy đủ trí tuệ.
Này gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ5 khả ý9 khó được ở đời này? có bôn pháp này đưa đên chứng được những pháp ây. Vị Thánh đệ tử ây, này gia chủ5 với tài sản thâu hoạch được do nô lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, là người đã làm bốn hành động. Thế nào là bốn? Ở dây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn5 tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, tự làm mình an lạc, hoan hy, là người chơn chánh đem lại an 91 giúp cha mẹ được an lạc, hoan hỷ, là người chơn chánh đem lại an lạc; lạc;90 giúp vợ con5 người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hy, là người chơn chánh đem lại an lạc; giúp bạn bè thân hữu được an lạc, hoan hỷ9 là người chơn chánh đem lại an lạc. Này gia chủ, đây là trường hợp thứ nhất vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ. Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tân? tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mô hôi đô ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, với tài sản ây? tự làm cho mình92 được an toàn, chông lại những tai họa từ lửa đến, từ nước đến, từ vua đến, từ ăn trộm dến, từ các thừa

90Ấpãtadaso. AA. III. 99: Ápãtadasotỉ tam tam attham ãpãtetỉ tamevapassạtỉy sụkhumampỉssa atthcỳãtam ãpãtam ãgacchatỉyevãtỉ attho ("'Bước yào giới vức minh kiến" nghĩa là thấy biết rõ đúng đắn trong bất kỳ trường hợp nào, ngay cả trường hợp hết sue vi tế). 91 Sammã sukham parỉharatì. 92 Vattanti. Bản Tích Lan và Chú 2Ỉải viết là vattatỉ. AA. III. 100: Parỉyodhãya samvattatĩtỉ pỉdahỉtvã vattatỉ ("Hướng đên chông

lại" nghĩa là yêm hộ và duy trì).

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 335

tự thù nghịch đến. Này gia chủ? đây là trường hợp thứ hai vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ. Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản... thâu hoạch đúng pháp. Với tài sản ấy, vị ấy tổ chức năm loại lễ hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho các vong linh quá khứ,93 hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư thiên. Này gia chiỉ, đây là trường hợp thứ ba vị ấy đi đến được? đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ. Lại nữa, này gia chiỉ, vị Thánh đệ tử với tài sản... thâu hoạch đúng pháp, đối với những vị Sa-môn, Bà-la-môn sống từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, an trú trên nhẫn nhục, nhu hòa, an tịnh tự mình, nhiếp phục tự mình5 làm lắng dịu tự mình; đôi với những Sa-môn9 Bà-la-môn như vậy? vị ây tô chức sự cúng dường tôi thượng, thuộc vê cõi trời, đem đên quả lạc dị thục, đưa đên thiên giới.93 94 Này gia chủ, đây là trường hợp thứ tư vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ. Vị Thánh đệ tử ấy, này gia chủ? với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp; với tài sản ây, vị ây là người đã làm được bôn hành động này. Nêu tài sản của ai, này gia chiỉ, được tiêu dùng không đúng với bốn hành động này, những tài sản này được gọi là tài sản đi đến không lợi ích, đi đến không thành đạt, đạt được sự hưởng thọ không đúng phương xứ. Nếu những tài sản của ai, này gia chủ? được tiêu dùng với bốn hành động này, những tài sản này được gọi là những tài sản đi đến lợi ích, đi đến thành đạt, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ. Tài sản ta thọ hưởng, Gia nhân được nuôi dưỡng, Chính nhờ các tài sản? Do ta tránh tai họa? Ta cúng dường tối thượng, Làm năm loại hiến vật, Hộ trì bậc trì giới, Bậc tự điều, Phạm hạnh, Mục đích gì bậc trí, Trú nha, câu tài sản, Mục đích ấy ta dạt, Được làm không hối hận. Người nào nhớ nghĩ vậy? An trú trên Thánh pháp, Đời này được tán thán,

93 Petã còn ở trong địa ngục. Devatã ở thiên giới. 94 Xem D IIL 66.

336 KINH TĂNG CHI Bộ

Đời sau được hoan hỷ9 Trên cảnh giới chư thiên. II. KINH KHÔNG NỢ (Ẫnanyasuttà) (Ả. II. 69) 62. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Có bốn loại an lạc này, này gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thâu hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thê nào là bốn? Lạc sở hữu, lạc thọ dụng tài sản, lạc không mắc nợ, lạc không phạm tội. Và này gia chủ, thế nào là lạc sở hữu? Ở đây? này gia chủ? tài sản của người thiện nam thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp. Vị ấy suy nghĩ: “Ta có tài sản, thâu hoạch được do nỗ lực tinh tân, tích lũy được do sức mạnh cánh tay... thâu hoạch đúng pháp." Nghĩ vậy? vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chủ5 đây gọi là lạc sở hữu. Và này gia chủ, thế nào là lạc thọ dụng tài sản? Ở đây, này gia chủ, người thiện nam tử thọ hưởng những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được... thâu hoạch đúng pháp và làm các việc phước đức. Vị ấy nghĩ rằng: “Ta thọ hưởng

những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... thâu hoạch đúng pháp và ta làm các phước dức." Nghĩ vậy? vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chủ, đây gọi là lạc thọ dụng tài sản. Và này gia chủ, thê nào là lạc không măc nợ? Ở đây? này gia chủ5 người thiện nam tử không có mắc nợ ai một điều gi, ít hay nhiêu. Vị ây nghĩ răng: "Ta không có măc nợ ai một điêu gi, ít hay nhiêu?5 Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chiỉ, đây gọi là lạc không mắc nợ. Và này gia chủ5 thế nào là lạc khồng phạm tội? Ở dây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành không phạm tội, thành tựu khẩu hành không phạm tội, thành tựu ý hành không phạm tội. Vị ấy nghĩ rằng: “Ta thành tựu thân hành không phạm tội, khẩu hành không phạm tội, ý hành không phạm tội.,, Nghĩ vậy5 vị ấy được lạc5 được hỷ. Này gia chủ, đây gọi là lạc không phạm tội. Có bốn loại lạc này, này gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thâu hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Được lạc không mắc nợ5 Nhớ đến lạc sở hữu, Người hưởng lạc tài sản, Với tuệ, thấy như thị. Do thấy, vị ấy biết, Sáng suốt cả hai phần, Lạc vậy chỉ băng được5

Băng một phân mười sáu, Lạc không có phạm tội. III. KINH BẰNG VỚI PHẠM THIÊN (Brahmasutta) (4 II. 70) 63. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo5 cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà, những gia đình ây được xem là giông như Phạm thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ"kheo5 cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà5 những gia đình ấy được xem là giống như bậc Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà5 những gia đình ấy được xem là giống như chư thiên thời trước. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là đáng được cúng dường. Phạm thiên, này các Tỷ-kheo5 là đông nghĩa với mẹ cha; các bậc Đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha; chư thiên thuở xua, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha; đáng được cung kính cúng dường, này các Tỷ-kheo? là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo? vì mẹ cha giúp đỡ rất nhiều cho các COĨ1, nuôi dưỡng chúng lớn và giới thiệu chúng vào đời này. Mẹ cha gọi Phạm thiên, Bậc Đạo sư thời trước, Xứng đáng được cúng dường, Vì thương đến con cháu. Do vậy, bậc Hiền si, Đảnh lễ và tôn trọng, Dâng đồ ăn9 đồ uống, Vải mặc và giường năm, Thoa bóp cả thân minh, Tắm rửa cả chân tay. Với sở hành như vậy, Đối với mẹ và cha, Đời này người hiền khen, Đời sau hưởng thiên lạc. IV. KINH ĐỊA NGỤC (Nữayasutta) (A. II. 71) 64. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Với bốn pháp gì? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Sát sanh và trộm cắp? Cái được gọi nói láo,

Và đi đến vợ người,
Bậc trí không tán thán.
V. KINH HÌNH THỨC BÊN NGOÀI (Rũpasutta) (A. II. 71)

65. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người đo lường sắc và thỏa mãn với sắc; hạng người đo lường tiếng và thỏa mãn với tiếng; hạng người đo lường sự khổ hạnh và thỏa mãn với sự khổ hạnh; hạng người đo lường pháp và thỏa mãn với pháp.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Những ai đo lường săc,
Những ai đi đến tiếng,
Bị tham dục dắt dẫn,
Chúng không biết người ấy.
Không biết được nội tâm5
Không thây được ngoại cảnh,
Kẻ ngu bị bao quanh,
Bị tiếng nói chi phối.
Không biết được nội tâm,
Quán thấy được ngoại cảnh, r •
Thây được quả ở ngoài,
Bị tiếng nói chi phối.
Rõ biết được nội tâm5
Quán thấy được ở ngoài, r
Thây rõ không chướng ngại,
Không bị tiếng chi phối.

VI. KINH THAM ÁI (Sarãgasutta) (4 II. 71)

66. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Có tham, có sân? có si, có mạn. Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Tham ái vật đẹp đẽ?
Thích thú sắc khả ái5
Bị cột bởi vô minh,
Các hữu tình hạ liệt?
Càng tăng trưởng trói buộc.
Cho đến người có trí,
Làm các việc bất thiện,
Sanh từ tham, sân, si,
Khiến phiền muộn, khó chịu,
Làm đau khổ sanh khởi5
Kẻ bị vô minh vây,

Kẻ mù, không có mắt, Tự tánh họ là vậy5 Họ không thể nghĩ rằng, Ta có thể như vậy.95

VII. KINH VUA CÁC LOÀI RẮN (Ahirãjasuttẳy6 (A. IL 72) 67. Một thời, Thế Tôn trú ở

Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ5 một Tỷ-kheo ở Sãvatthi bị rắĩi cắn chết. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ The Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thể Tôn: - Ở đây, bạch Thế T6n, một Tỷ-kheo ở Sãvatthi bị rắn cắn đã mệnh chung. Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn. Nếu Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo? với từ tâm có hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn, thời này các Tỷ-kheo5 vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mệnh chung. Thế nào là bốn gia đình vua các loài rắn? Gia đình vua các loài rắn Virũpakkha,97 gia đình vua các loài rắn Erãpatha, gia đình vua các loài rắn Chabyãputta, gia đình vua các loài rắn Kanhãgotamaka; Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này. Nếu Tỷ-kheo ây, này các Tỷ-kheo5 với từ tâm có thê hướng đên bốn gia đình vua các loài rắn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mệnh chung. Này các Tỵ-kheo9 Ta cho phép với từ tâm hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này đe tự bảo vệ? để tự hộ trì, để tự che chở. Ta hãy có từ tâm, Với Virũpakkha, Ta hãy có từ tâm, Với Erãpatha, Ta hãy có từ tâm, Với Chabyãputta, Ta hãy có từ tâm, Với Kanhãgotamaka, Ta hãy có từ tâm? Với các loài không chân,

95 Yathã dhammã tathã santã, na tassevantỉ mannare. AA. III. 103: Na tassevanti9 mannareti mayam evạmsantã evamsabhãvãtỉ tassa na mannare, na mạnnantĩtỉ attho ("Hq khồng thê nghĩ răng: 'Ta có thể như vay"', nghĩa là họ không thể nghĩ, không thể tưởng tượng rang: "Chúi ta đang là như vậy, tự nhiên là vậy^,). 96 Tham chiếu: Phật thuyết Tùy Dũng Tôn giả kinh (T.14. 0505. 0773a03). 97 Xem D. II. 258; III. 199;
Dvya. 126. Có 4 Vuạ rắn (Cãtummạhãrặịa) ở 4 cõi. Virũpakkha là Vua rắn ở phương Tây. Chủ giải Jataka viết rằng vị Bồ-tát hứa hẹn rằng ĩihưng ai đọc bài kệ này sẽ có thọ mạng lâu dài.

Ta hãy có từ tâm5
Với các loài hai chân,
Ta hãy có từ tâm,
Với các loài bốn chân,
Ta hãy có từ tâm,
Với các loài nhiều chân.
Mong rằng loài không chân,
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài hai chân,
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài bốn chân,
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài nhiều chân,
Không có làm hại ta,
Mọi chúng sanh, hữu tình,

Toàn thể mọi sinh vật,
Mong chúng thấy hiền thiện,
Chớ đi đến điều ác.
Đức Phật là vô lượng, Pháp là vô lượng, chúng Tăng là vô lượng; có lượng là các loài bò sát, các loài rắn, các con bò cạp, các con một trăm chân, các loại nhện giăng tơ9 các con thằn lằn và các loài chuột. Ta đã làm sự hộ tri, ta đã làm sự che chở. Mong rằng các loài hữu tình sẽ bỏ đi. Ta đảnh lễ đức Thế Tôn. Ta đảnh lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác.
VIII. KINH DEVADATTA (Devadattasutta)9S (A. II. 73) 68. Một thời, Thế Tôn trú ở Rặjagaha5 tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu), sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu. Tại dấy, Thế Tôn nhân việc Devadatta, bảo các Tỷ-kheo: Đem đên hại mình, này các Tỷ-kheo? khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem đến bất hạnh cho người, này các Tỷ-kheo? khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta! Ví như, này các Tỷ-kheo5 một cây chuối khi sanh ra trái, đem đến hại mình khi sanh ra trái, đem đến bất hạnh cho người khi sanh ra trái; cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem đến bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Ví như, này các Tỷ-kheo, cây tre đem đến hại mình khi sanh ra trái, đem đến bất hạnh cho người khi sanh ra trái; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta, đem đến bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Ví nhu,

98 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.23.7. 0614al8); Tạp.(T.02. 0099.1064. 0276Ồ20); Tg. (T.02. 0125.12.7. 0570b20).

này các Tỷ-kheo? cây lau đem đến hại mình khi sanh ra trái5 đem đến bất hạnh cho người khi sanh ra trái; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem lại bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 con la đem đến hại mình khi mang thai, đem đến bất hạnh cho người khi mang thai; cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem đến bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Quả giết hại cây chuối, Giết hại tre và lau, Cung kính hại người ngu, Thai tạng hại con la. IX. KINH TINH CÀN (Padhãnasutta)" (4 II. 74) 69. Này các Tỷ-kheo5 có bốn tinh cần này.99 100 Thế nào là bốn? Tinh cần chế ngu, tinh cần đoạn tận9 tinh cần tu tập, tinh càn hộ trì. Này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần chế ngự? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tân, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tinh cân chê ngự. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần đoạn tận? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo với mục đích đoạn tận các ác, bất thiện pháp, khởi lên ý muốn cố gắng5 tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần đoạn tận. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với mục đích làm cho sanh khởi các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ỵ muốn cố gắng, tinh

tấn, sách tâm5 trì tâm. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tinh can tu tập. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tinh cần hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng dại, được tu tập5 được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần hộ trì. Này các Tỷ-kheo5 có bôn loại tinh cần này. ĩ Chê ngự và đoạn tận? Tu tập và hộ trì9 Bốn loại tinh cần này, Được Bà Con Mặt Trời,

99 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.875-876. 0221a09-14). 100 XemKS. V. 215.

Được đức Phật thuyêt giảng. Ở đây, vị Tỷ-kheo, Với bốn tinh cần này, Nhiệt tâm và nỗ lực, Đạt được khổ đoạn diệt. X. KINH PHI PHÁP (Adhammikasutta)WỈ (A. II. 74) 70. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các vua phi pháp có mặt, khi ấy các đại thần phi pháp của vua có mặt. Khi nào các đại thân phi pháp của vua có mặt? khi ây các Bà-la-môn gia chủ phi pháp có mặt. Khi nào các Bà-la-môn gia chủ phi pháp có mặt, khi ây dân chúng thị thành và dân chúng các làng trở thành phi pháp. Khi nào dân chúng ở thị thành và các làng là phi pháp, khi ấy mặt trăng, mặt trời đi sai quỹ đạo. Khi nào mặt trăng, mặt trời đi sai quỹ dạo, khi ây các dãy ngân hà, các loại sao đi sai quỹ đạo. Khi nào các dãy ngân hà, các loại sao đi sai quỵ dạo, khi ấy ngày đêm đi sai quỹ đạo. Khi nào ngày đêm đi sai quỹ đạo, khi ấy tháng và nửa tháng đi sai quỹ đạo. Khi nào tháng và nửa tháng đi sai quỹ đạo, khi ấy thời tiết và năm đi sai quỹ đạo. Khi nào thời tiết và năm đi sai quỹ đạo, khi ấy gió thổi sai lạc trái mùa. Khi nào gió thổi sai lạc trái mùa5 khi ẩy chư thiên bực mình. Khi nào chư thiên bực mình, khi ấy trời mưa không có điều hòa. Khi nào trời mưa không có điều hòa, khi ấy lúa chín trái mùa. Này các Tỷ-kheo, khi nào lúa chín trái mùa, khi ấy loài người nuôi sống với loại lúa ấy, thì thọ mạng sẽ ngắn, dung sắc xấu, yếu sức và nhiều bệnh. Khi nào, này các Tỷ-kheo? các vua đúng pháp có mặt? khi ấy các vị đại thần đúnệ pháp của vua có mặt. Khi nào các vị đại thần đúng pháp của vua có mặt, khi ây các Bà-la-môn gia chủ đúng pháp có mặt. Khi nào các Bà-la-môn gia chủ đúng pháp có mặt, khi ấy dân chúng thị thành và dân chúng các làng trở thành đúng pháp. Khi nào dân chúng ở thị thành và các làng là đúng pháp, khi ấy mặt trăng, mặt trời đi đúng quỹ đạo. Khi nào mặt trăng, mặt trời đi đúng quỹ đạo, khi ấy các dãy ngân hà, các loại sao đi đúng quỹ đạo. Khi nào các dãy ngân hà? các loại sao đi đúng quỹ đạo? khi ấy ngày đêm đi đúng quỹ đạo. Khi nào ngày đêm đi đúng quỹ đạo, khi ấy tháng và nửa tháng đi đúng quỹ đạo. Khi nào tháng và nửa tháng đi đúng quỹ đạo, khi ấy thời tiết và năm đi đúng quỹ đạo. Khi nào thời tiết và năm đi đúng quỹ đạo, khi ấy gió thổi đúng mùa. Khi nào gió thổi đúng mùa5 khi ấy chư thiên hoan hỷ. Khi nào chư thiên hoan hỷ, khi ấy trời mưa điều hòa. Khi nào trời trở mưa điều hòa, khi ấy lúa chín đúng mùa. Này các Tỵ-kheo, khi nào lúa chín đúng mùa, khi ấy loài người nuôi sống với loại lúa ấy, thọ mạng sẽ lâu dài, dung sắc đẹp đẽ, có sức mạnh và không có nhiều bệnh. Khi đàn bò lội sông5 Đầu đàn đi sai lạc,

101 Tham chiếu: T&ig.(T.02. 0125.17.11. 0586c03).

Cả đàn đều đi sai,
Vì hướng dẫn sai lạc.
Cũng vậy, trong loài người,
Vị được xem tôi thăng,
Nếu sở hành phi pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước bị đau khổ,
Nếu vua sống phi pháp.
Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi đúng hướng,
Cả đàn đều đúng hướng,
Vì hướng dẫn đúng đường.
Cũng vậy5 trong loài người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành đúng pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước được an vui,
Nếu vua sống đúng pháp.

VIIL PHẨM KHÔNG HÝ LUẬN (APANNAKAVAGGA)

I. KNH TINH TẤN (Padhãnasutta) (Ắ. II. 76) 71. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đườnẹ thông suốt102 và có những căn bản thẳng tấn103 đê đoạn diệt các lậu hoặc. The nào là bôn? ơ đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có giới5 nghe nhiêu, tinh cân tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. II. KINH CHÁNH KIẾN (SammãdiỊIhisuttă) (A. II. 76) 72. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Tầm viễn ly, tầm không sân, tàm không hại, chánh tri kiến.104 Thành tựu bốn pháp này? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt5 và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. IIL KINH BẬC CHÂN NHÂN (Sappurisasutta) (4 II. 77) 73. Thành tựu bôn pháp? này các Tỷ-kheo, cân phải được hiêu không phải bậc chân nhân. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 không phải bậc chân nhân là ngươi dầu không được hỏi? vẫn nói lên lời không tán thán người khác; còn nói gì nếu được hỏi! Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời không dè dặt, không ngập ngừng, vị này nói lên lời không tán thán người khác, đây đủ toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo5 vị này không phải chân nhân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải chân nhân là người dầu được h6i, không nói lên lời tán thán người khác; còn nói gì nêu không được hỏi! Nhưng nếu được hỏi và phải trả lòi, thời dè dặt và ngập ngừng, vị này nói len lời tán thán người

khác, không đày đủ5 không toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này không phải chân nhân.

102 Apannaka = Nibbãna (Xem A. I. 111). Trong A. I. 270, chỉ cho một con xúc xắc (maní) rơi đúng. Trong kinh dùng chữ apanụakatã. AA. III. 106: Apannakappatipadanti aviraddhappatipadam ("Con đường đúng đắn, chắc that" nghĩa là cọn đường không sai, không thât bại). KS, IV. 253, Bà Rhys Davids giải thích là không còn xanh, chín chăn, đáng tin cậy. Bản tiêng Nhật dịch là Vô hý luận đạo. 103 Yonỉ cassa ãraddhã. Có nhiều kinh sử dụng thuật ngữ này. Xem KS. IV. 176; A. I. 113. It. 30. 104 Ba pháp đầu trong A. L 275; KS. II. 106.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải chân nhân là người dầu được hỏi, không nói lên lời không tán thán về mình; còn nói gì nếu không được hỏi! Nhimg nêu được hỏi và phải trả lời, thời dè dặt và ngập ngừng, vị này nói len lời không tán thán về minh, không đầy đủ5 không toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiêu, vị này không phải chân nhân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 không phải là chân nhân là người dầu không được hỏi, cũng nói lên lời tán thán vê mình; còn nói gì nếu được hỏi! Nhrnig nếu được hỏi và phải ứả lời, không dè dặt, không ngập ngùng, vị này nói lên lời tán thán về mình, đây đủ và toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiêu vị này không phải chân nhân. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 cần phải được hiểu không phải bậc chân nhân. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo9 cần phải được hiểu là bậc chân nhân. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là n^ười dầu có được hỏi5 không nói lên lời không tán thán người khác; còn nói gì nếu không được hỏi! Nhimg nếu được hỏi5 và phải trả lòi, dè dặt và ngập ngừng, vị ấy nói lên lời không tán thán người khác. Cân phải được hiêu, này các Tỷ-kheo? vị này là bậc chân nhân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người dầu không được hỏi, cũng nói lên lời tán thán người khác; còn nói gì nếu được hỏi! Nếu được hỏi và phải trả lời5 không dè dặt, không ngậf)ngừng, vị ấy nói lời tán thán người khác5 đầy đủ và toàn bộ. Cân phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người nếu không được hỏi5 vẫn nói lên lời không tán thán về mình; còn nói gì nêu được hỏi! Nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt? không ngập ngừng, vị ấy nói lên lời không tán thán về mình, đầy đủ và toàn bộ. cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo5 vị này là bậc chân nhân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân dầu có được hỏi cũng không nói lên lời tán thán về mình; còn nói gì nếu không được hỏi! Nêu được hỏi và phải trả lời, dè dặt và ngập ngừng, vị ây nói lên lời tán thán về mình, không đầy đủ? không toàn bộ. cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo5 vị này là bậc chân nhân. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 cần phải được hiểu là bậc chân nhân. 1O5VÍ nhu, này các Tỷ-kheo? người vợ trẻ?105 106 trong đêm hay ngày5 được đưa

105 Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là mục IV: The Young Wife, nghĩa là Người vợ trẻ. 10? AA. III. 107: Vadhukãtỉ sunỉsã (4tNgười vợ trẻ,, nghĩa là người con dâu). Trong Ud. cũng có đề cập đến kinh này.

vê nhà chông, nàng cảm thây hêt sức xâu hô, sợ hãi trước mặt mẹ chông, cha chồng, trước mặt chồng, cho đến trước mặt các người phục vụ, làm công. Sau một thơi gian, do chung sống, do thân mật, nàng có thể nói với mẹ chồng, với cha chồng, với chồng: "Hãy đi di, các người có thể biết được gi!" Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo5 trong đêm hay ngày, được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư si, cho đên trước những người làm vườn và những Sa-di. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, vị ấy có thể nói với Sư A-xà-ie, với Sư Giáo thọ: "Hãy đi di, các người có thể biết được gi!“ Do vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cân phải học tập như sau: "Ta sẽ sông với tâm người vợ trẻ khi mới đến nhà chong.^, Như vậy, này các Ty.kheo, các ông cân phải học tập. IV. KINH Sự TỐI THƯỢNG THỨ NHẤT (Pathamaaggasutta) (Ẩ. II. 79) 74. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này. Thế nào là bốn? Giới tối thượng, Đmh tối thượng, Tuệ tối thượng, Giải thoát tối thượng. Này các Tỷ- kheo, có bốn sự tối thượng này. V KINH Sự TÓI THƯỢNG THỨ HAI (Dutiyaaggasutta)^ (A. IL 79) 75. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này. Thế nào là bốn? sắc tối thượng, thọ tôi thượng, tưởng tôi thượng, hữu tôi thượng.107 Này các Tỷ-kheo? 108109 có bốn sự tối thượng này.

VI. KINH KUSINÃRA (Kusinãrasutta)^ (A. II. 79) 76. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinãra, tại upavattana, trong rừng cây Sãla của dân chúng Maligiữa những cây Sãla song thọ5 khi Ngài sắp sửa nhập Niết-bàn. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r _ . . q !

Cac Ty-kneo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phật? Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành, thời này các Tỷ-kheo5 các ông hãy hỏi di, sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế T6n." Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ây giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

107 Bản tiếng Anh của PTS và bản tiếng Việt đã ấn hành không có tiêu đề này. 108 AA. III. 107: Bhavagganti etthapanayasmỉm attabhãve ịhỉto arahattampãpunãti, etam bhavaggam nãmãtỉ (Hữu tội thượng [trong kinh nay] có nghĩa là tại nơi ngã hữu [vị ây] thành tựu A-la-hán, như vậy gọi là hữu tôi thượng). 109 XemD. II. 137, 154.

- Này các Tỷ-kheo? nếu có một Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành, thời này các Tỷ-kheo, các ông hãy hỏi đi, về sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế T6ïi.” Lân thứ ba, các Tỷ-kheo ây giữ im lặng. \ ĩ Roi Thê Tôn nói với cac Ty-kneo: - Này các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo sư mà không hỏi5 thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau. Khi được nói vậy? những Tỷ-kheo ấy giữ im lặng. Rồi Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn? con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có

một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp5 chúng Tăng? đạo hay con đường thực hành. —Này Ananda, 6ng có lòng tín thành nên nói vậy. Nhưng ở dây, này Ảnanda, Như Lai biết răng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành. Này Ãnanda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đọa5 chắc chắn hướng nhất110111 đên Chánh giác. VII. KINH KHÔNG THẺ NGHĨ ĐẾN ĐƯỢC (Acinteyyasutta)m (A. II. 80) 77. Có bốn điều này không thể nghi đến được? này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cxiong loạn và thống khổ.112 Thế nào là bốn? Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến5 thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiền giới của người ngồi thiên, này các Tỷ-kheo, không thê nghĩ được, nêu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Quả dị thục của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghi đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Tâm tư thế giới,113 này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

110 Chú giải giải thích là chỉ cho Ngài Ãnanda và để khuyến khích Ngài Ãnanda nên kiên trì. 111 Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.29.6. 0657al8); Tạp.(T.02. 0099.407. 0108c28). 112 Tỷ-kheo nào không được khép huấn luyện về Abhỉdhamma, đi quá sâu và rơi vào những hý luận về những vân đê không nên nghĩ đên. Xem Expos. I. 31. 113 AA. III. 109: Lokacintãtỉ iQkena nu kho candỉmasũriyã katã, kena mahãpathavĩ, kena mahãsamuddo? kena sattã uppãdỉtã. kẹna_ pabbatã, kena ambatãlanãịỉkerãdayo^tỉ evarũpã lokacỉntã (“Tâm tư thê gi&i" nghĩa là suy tư vê thê giới như tư duy: “Ai tạo ra mặt trời, mặt trăng, đại địa, đại dương, sự sanh ra chúng sanh, núi, cây xoài, cây thốt nốt, cây dừa...?„). Xem KS. V. 377.

VIII. KINH THANH TỊNH THÍ VẬT (Dakkhinasutta)U4 (A. II. 80) 78. Này các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này.114 115 Thế nào là bốn? Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận. Có bô thí, này các Tỷ-kheo? thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho. Có bô thí, này các Tỷ-kheo5 không thanh tịnh từ người cho, cũng không thanh tịnh từ người nhận. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người cho, cũng thanh tịnh từ người nhận. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 người cho có giới, theo thiện pháp, còn người nhận có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bô thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận. Và thế nào5 này các Tỷ-kheo, là bố thí thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho? Ở đây, này các Tỷ-kheo? người bố thí có ác giới5 theo ác pháp, còn người nhận có giới5 theo thiện pháp. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là bô thí người nhận thanh tịnh, người cho không thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là bố thí người cho không thanh tịnh, và người nhận cũng không thanh tịnh? Ở đây, này các

Tỷ-kheo, người cho có ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là bố thí người cho không thanh tịnh, người nhận cũng không thanh tịnh. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là bô thí người cho thanh tịnh, người nhận cũng thanh tịnh? Ở đây này các Tỷ-kheo5 người bố thí có giới, theo thiện pháp, và người nhận cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy? này các Tỷ-kheo? là bố thí người cho thanh tịnh, và người nhận cũng thanh tịnh. Này các Ty.kheo, có bốn loại bố thí thanh tịnh này. IX. KINH BUÔN BÁN (Vanijjasuttd) (A. IL 81) 79. Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn5 rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở dây, có hạng người do buôn bán như vậy,116 đi đến thất bại? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người, do buôn bán như vậy, thành tựu không được như ý muốn? Do nhân gì? do duyên gì5 bạch Thế Tôn, ở dây, có hạng người do buôn bán như vậy,

114 Xem D. III. 231, nhimg trật tự có khác. M, III. 256 có thêm các bài kệ và pháp thứ năm. 115 Chủ giải ghi ba bố thí để làm ví dụ: 1) Bố thí của Vua Vèssantara. 2) Bo thi của Kevatta cho Trưởng lão Dĩghasamma. 3) Bố thí bởi một ngươi đi săn ở Vaddhamãna tại cuọc tế lễ người mất. 116 Payuttã'. Không phải nghĩa tiêu phí, mà có nghĩa là làm nghề buôn bán. Sn. 71 viết payojaye dhammikam so vcmyjam (đe được hưng thịnh, cần phải buồn ban thật thà đúng pháp).

thành tựu được như ý muốn? Do nhân gì, do duyên gì5 bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, lại được thành tựu ngoài ý muốn? Ở đây5 này Sãriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thua Tôn giả, hãy nói lên điều Ton giả cần ệiúp đỡ9\ nhimg người ấy không cho như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đẫy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến chỗ thất bại. Ở đây? này Sãriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thua Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp d&", nhưng người ấy cho không như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này? dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến thành tựu không như ý muốn. Ở dây, này Sãriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Ton giả cần giúp âỡ'\ và người ấy cho như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này, dâu cho người ấy có buôn bán gi, buôn bán ấy đi đến thành tựu như ý muốn. Ở đây, này Sãriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thua Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ9\ và người ấy cho hơn như đã quyết định muôn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này, dâu người ây có buôn bán gi, buôn bán ây được thành tựu ngoài ý muôn. Này Sãriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy5 đi đến thất bại. Đây là nhân, đây là duyên, này Sãriputta, ở đây? có hạng người do buôn bán như vậy5 thành tựu không được như ý muốn. Đây là nhân, đây là duyên, này Sãriputta, ở dây, có hạng người, do buôn bán như vậy, thành tựu được như ý muốn. Đây là nhân, đây là duyên, này Sãriputta, ở đây5 có hạng

người do buôn bán như vậy5 được thành tựu ngoài ý muốn. X. KINH TINH TÚY CỦA sự NGHIỆP (Kambojasutta)ni (4 II. 82) 80. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn? rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn5 nữ nhân không ngồi giữa trong pháp dinh, không có dân thân vào sự nghiệp, không đi đên tinh túy của sự nghiệp? -Phẫn nộ là nữ nhân, này Ãnanda. Tật đố là nữ nhân, này Ãnanda. Xan tham là nữ nhân, này Ãnanda. Ác tuệ là nữ nhân, này Ãnanda. Đây là nhân, đây là duyên5 này Ananda, nữ nhân không ngồi giữa pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp.

117 Kamboja (tức^Kambu + oịa) nghĩa là tinh túy của sự nghiệp. Kambọịa còn là tên gọi của một nước ở phía Tây Bắc Ấn Độ gần Afghanistan.

DC PHẨM KHÔNG CÓ RUNG ĐỘNG (MACALAK4GGA)

I. KINH SÁT SANH (Pãnãtipãtasutta)m (A. II. 83) 81. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bon? Sát sanh? lấy của không cho, tà hạnh trong các dục? nói láo. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục? từ bỏ nói láo. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. II. KINH NÓI LÁO (Musãvãdasutta) (Ắ. II. 83) 82. (Như kinh 81, chí khác bốn pháp: “N6i láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm„). III. KINH ĐÁNG BỊ CHÊ (Avannarahasutta)n9 (A. II. 84) 83. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không xứng đáng được tán thán; không suy tư, không thẩm sát, không tán thán người xứng đáng được tán thán; không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng; không suy tư, không thâm sát, tự cảm thây không tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Có suy tư5 có thẩm sát, không tán thán người không xứng đáng được tán thán; có suy tư, có thẩm sát, tán thán người xứng đáng được tán thán; có suy tư,

118 Bản tiếng Anh của PTS: Stealing, nghĩa là Ăn trộm. 119 Bản tiếng Anh của PTS: Praise, nghĩa là Tản thản.

CÓ thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không xứng đáng được tin tưởng; có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. IV KINH TÔN TRỌNG PHẪN NÔ (Kodhagarusutta)i2() ụ. II. 84) 84. (Như kinh 83, chỉ khác bốn pháp: uTôn trọng phẫn nộ5 không tôn trọng Diệu pháp; tôn trọng gièm

pha, không tôn trọng Diệu pháp; tôn trọng lợi dưỡng, không tôn trọng Diệu pháp; tôn trọng cung kính, không tôn trọng Diệu pháp"). V. KINH TỐI TẢM (Tamotamasutta)nì (Ả, II. 85) 85. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? sống trong bóng tối hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có người được sanh trong một gia đình hạ tiện5 gia đình một người đổ phân, hay gia đình một người thợ săn (nesãdakule). hay gia đình người đan tre (yenakuỉe), hay gia đình người đóng xe (rathakãrakulể). hay gia đình người(juét rác (pukkusakule),n2 hay trong một gia đình người nghèo đói5 ăn uông thiêu thôn5 sanh kê khó khăn5 khó tìm cho được đô ăn? đồ mặc; và người ấy lại xấu xí, khó nhìn? còm lưng5 nhiều bệnh hoạn, đui một mắt, quẹo tay, bại chân, hay đi khập khiễng, hay nửa thân tê liệt (pakkhahato); người ấy không CÓ được đô ăn, đô uông, đô mặc, xe cộ? vòng hoa, hương, phân sáp, chô năm5 chô ở? hay đèn đuốc. Người ấy sống với thân làm ác, sống với miệng nói ác, sống với ý nghĩ ác. Do sống với thân làm ác, với miệng nói ác, với ý nghĩ ác5 người ấy sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng người trong bóng tối hướng đến bóng tối. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người được sanh trong một gia đình hạ liệt... chỗ nằm, chỗ ở5 hay đèn đuốc. Người ấy sống với thân làm lành, sống với miệng nói lành, sống với ý nghi lành. Do sống với thân làm lành, với miệng nói lành, với ý nghĩ lành, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi lành, cõi trời, cối đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng.

120 Bản tiếng Anh của PTS: Wrath, nghĩa là Phẫn nộ. 121 Tham chiếu: s. I. 209; Tăng.(02. 0125.29.1. 0655a05). 122 Chủ giải giải thích là những người quét dọn bông héo ở các điện thờ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người được sanh trong một gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đế-lỵ giàu có, hay trong gia đình Bà-la-môn giàu có, hay trong gia đình gia chủ giàu c6, phú hào có tài sản lớn, có của cải lớn, có nhiều vàng và bạc5 có nhiều tài sản, vật dụng, nhiều tiền của5 ngũ cốc; người ấy lại đẹp trai, dễ nhìn5 dễ thương, với màu da tuyệt dẹp, xinh xắn; n^ười ấy lại nhận được đồ ăn9 đồ uống, áo mặc, xe cộ9 vòng hoa, hương liệu, phân sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy sống với thân làm ác? miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác? ý nghĩ ác, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo5 như vậy là hạng người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người sanh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đê-lỵ giàu có5 hay trong gia đình Bà-la-môn giàu có, hay trong gia đình gia chủ giàu có, phú hào có tài sản lớn, có của cải lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản5 vật dụng, có nhiều tiên của? ngũ

cốc; va người ấy đẹp trai, dễ nhìn? dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, xinh xăn; nẹười ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phân sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy, thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Do thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng. Như vậy, này các Tỷ kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. VI. KINH THẤP KÉM (Onatonatasutta) (A. IL 86) 86. Có bốn hang nguòi, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Thấp và thấp, thấp và cao, cao và thấp, cao và cao. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo? có mặt hiện hữu ở đời. VII. KINH ĐỆ TỬ (Puttasutta)123 (Ả. II. 86) 87. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này124 có mặt hiện hữu ở đời.

123 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (88-90) trong bản tiếng Anh của PTS: Kinds ofRecluses, nghĩa là Các hạng Sa-môn. 124 Có sự sai khác trong định nghĩạ các hàng Sa-môn qua tập Anguttara và Puggalapannatti. Mới đây là sự sai khác được bản dịch ựếng Ạnh (GS. II. 96) ghi nhận: 1. Samanacalo (Sa-mon bất động). Anguttara: Một Hữu học hướng đến an ổn khỏi các kho ách. Pug.: Một Dự lưu. 2. Samana-pundarika (Sa-mon sen trắng). Anguttara'. Vị đã đoạn tận các lậu hoặc nhimg thân chưa cảm thọ Tám giải thoát. Vị Bất Lai. Pug.: Vị đa đoạn tận năm hạ phần kiết sử. Vị Bất Lai. 3. Samana-paduma (Sa-môn sen hồng). Anguttara\ Vị đã đoạn tận các lậu hoặc, thân cảm thọ được Tám giải thoát. Pug.: Vị đã đoạn tận ba kiết sử, vị Nhất Lai. 4. Samana-sukhumãlo (Sa-môn tinh luyện): Vị đa hưởng mọi hạnh phục an lạc ở đời và tự tại lớn, hoàn toàn sung sướng. Pug.: Vi A-la-hán. Như vậy có sự sai khác giưa tniyền thốĩig Kinh tạng và Luận tạng. Kinh kê tiếp cũng nói đến bốn hàng Sa-môn này, nhưng theo thứ tự Dự lưu, Nhất lài, Bất lai, Ầ-lâ-han.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 353

Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa- môn tinh luyện trong các Sa-môn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo là hạng Hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Ví nhu, này các Tỷ- kheo5 vị trưởng nam của vua Sát-đế-lỵ9 xứng dáng để được làm lễ quán đảnh5 nhưng chưa làm lễ quán đảnh? và đạt đến địa vị bât độnệ.125 Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học, đang đi trên con đường, sông cô gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc5 tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nhưng chưa an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng Sa-môn sen trắng. Và như thế nào? này các Tỷ-kheo5 là hạng Sa-môn sen hồng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, và an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng Sa-môn sen hồng. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn? Ở đây, này

các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu câu; nhiêu lân được yêu câu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu câu; nhiều lần được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh5 ít khi không được yêu cầu. Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp khônẹ khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiêu ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái. Ở đây, một số cảm thọ khởi lên phát sanh từ mật (pitíã), hay phát sanh từ đàm (semhã), hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của các nước trong thân thể, hay phát sanh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của các nghịch vận5 hay phát sanh từ các công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục của nghiệp; những cảm thọ ấy không khởi lên nhiều, vị ấy ít bị bệnh tật. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú

125 Ậbhỉseko r r anabhỉsỉtto macalappatto. 9 í Xem A. I. 108 viết là chưa làm lễ1. quán đảnh, đã 7 nhưng ngôi vị chăc chăn, không ai có thê tranh giành được.

VÔ lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng Sa- môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn? thời này các Tỷ-kheo5 nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, Ta nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu câu; nhiêu lân được yêu câu nhận dược phâm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu. Ta sống với các Tỷ-kheo nào? các vị ấy đối với Ta, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều sự giúp đỡ khả ái, với ít sự giúp đỡ không khả ái. Phàm có những cảm thọ nào khởi lên, phát sanh từ mật, hay phát sanh từ đàm? hay phát sanh từ gió5 hay phát sanh từ sự gặp gỡ của nước trong thân thể5 hay phát sanh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của các nghịch vận? hay phát sanh từ sự công kích thình lình bên ngoài vào9 hay do quả dị thục các nghiệp; những cảm thọ ấy không khởi lên nhiều nơi Ta, Ta ít bị bệnh tật. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí, Ta chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo? nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn? thời này các Tỷ-kheo? nói một cách chơn chánh là nói vê Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. VIII. KINH CÁC KIẾT SỬ (Samyojanasutta)n6 (A. II. 88) 88. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện

hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng Sa-môn bất động? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc hướng đến giác ngộ. Như vậy5 này các Tỷ- kheo, là hạng Sa-môn bất động. Và này các Tỷ-kheo9 thê nào là hạng Sa-môn sen trăng? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho nhẹ bớt tham, sân, si5 là bậc Nhất Lai, chỉ có một lần trở lui đời này rồi chấm dứt khổ đau. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

126 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.28.7. 0653cll).

Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử? là vị Bất Lai, từ đay nhập Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là hạng Sa-môn sen hồng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn? Ở dây, này các Tỷ-kheo? do đoạn tận các lậu hoặc5 Tỷ-kheo ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Này các Tỷ"kheo9 đây là bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. IX. KINH CHÁNH KIẾN (SammãdiỊIhisutta) (A. II. 89) 89. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng? Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm? chánh định. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là hạng Sa-môn sen trăng? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có chánh tri kiến... chánh định, chánh trí, chánh giải thoát, nhưng chưa an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy này các Tỷ-kheo5 là hạng Sa-môn sen trắng. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng Sa-môn sen hông? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có chánh tri kiến... chánh giải thoát, an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là hạng Sa-môn sen hồng. Và này các Tỷ-kheo, như thê nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn? ơ dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiêu lân được yêu câu nhận y, ít khi không được yêu cầu... Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn5 này các Tỷ-kheo? nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Này các Tỷ-kheo? đây là bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. X. KINH CÁC UẨN (Khandhasutta) (Â. II. 90) 90. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trăng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Hữu học, ý chưa đạt được mục đích? đang sống hướng đến vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bât động.

Và này các Tỷ-kheo? thê nào là hạng Sa-môn sen trăng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diet." Nhưng vị ấy chưa an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng Sa-môn sen hồng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Bây là sắc... đây là thức đoạn diệt.59 Và vị ấy an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu... Này các Tỷ-kheo9 nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn5 người ấy, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Này các Ty.kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 4 357

X. PHẢMA-TU-LA (ASURAVĂGGA)

I. KINH A-TU-LA (Asurasutta)ni (4 II. 92) 91. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? A-tu-la với quyên thuộc a-tu-la, a-tu-la với quyên thuộc chư thiên, chư thiên với quyến thuộc a-tu-la, chư thiên với quyến thuộc chư thiên. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người a-tu-la với quyến thuộc a-tu-la? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người có ác giới, theo ác pháp, hội chúng của người ây cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là hạng người a-tu-la với quyến thuộc a-tu-la. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người a-tu-la với quyến thuộc chư thiên? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người có ác giới, theo ác pháp, nhưng hội chúng của người ấy có giới? theo pháp lành. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người a-tu-la với quyến thuộc chư thiên. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người chư thiên với quyến thuộc a-tu-la? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới5 theo pháp lành, còn hội chúng của người ấy có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người chư thiên với quyến thuộc a-tu-la. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng chư thiên với quyến thuộc chư thiên? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người có giới, theo pháp lành, và hội chúng của người ấy cũng có giới, theo pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chư thiên với quyên thuộc chư thiên. Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. II. KINH ĐỊNH THỨ NHẤT (PaḶhamasamãdhisutta) (A. IL 92) 92. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, nhưng 128 ơ đây, này các Tỷ-kheo5 có không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.127

127 Tham chiếu: A. II. 57; GS. II. 66 (kinh 53 ở trước). 128 AA. III. 116: Adhỉpannãdhaĩnmavỉpassanãyãtỉ sankhãraparỉggăhaka vỉpassanãnãnassa ("Tăng thượng tuệ pháp quán'* nghĩa là tuệ quail phân biệt các pháp hữu vi).

hạng người được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Ở đây, này các Tỷ-kheo9 có hạng người không chứng được nội tâm chí, cũng không được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

III. KINH ĐỊNH THỨ HAI (Dutìyasamãdhisutta) (A. II. 92) 93. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chi, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không chứng được nội tâm chí, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở dây, này các Tỷ- kheo, có hạng người chứng được nội tâm chí, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Tại đấy, này các Tỷ-kheo? hạng người này chứng được nội tâm chí, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Sau khi người ấy an trú nội tâm chi, chú tâm thực hành tăng thượng tuệ pháp quán; người ấy, sau một thời gian, chứng được nội tâm chí, và chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Tại dấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Sau khi người ấy an trú trên tăng thượng tuệ pháp quán, chú tâm thực hành nội tâm chỉ; người ấy, sau một thời gian, chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, và chứng được nội tâm chỉ. Tại dấy, này các Tỷ-kheo5 hạng người này không chứng được nội tâm chỉ, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Người ây, này các Tỷ-kheo, để chứng đắc các thiện pháp ấy, cần phải thực hiện tăng thượng ý muốn5 tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, tâm không thối chuyển, chánh niệm, tỉnh giác. Ví như5 này các Tỷ-kheo, khi khăn bị cháy hay đầu bị cháy, và để dập tắt khăn và dầu, cần phải thực hiện tăng thượng ý muôn5 tinh tân, cô găng, nỗ lực, tâm không thối chuyển, chánh niệm, tỉnh giác. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? người ây? đê chứng đăc các thiện pháp ây, cân phải thực hiện tăng thượng ý muốn, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, tâm không thối chuyển, chánh niệm, tỉnh giác; vị ấy, sau một thời gian, thành người có chứng được nội tâm chỉ và tăng thượng tuệ pháp quán. Tại đấy, này các Tỷ-kheo? hạng người này chứng được nội tâm chí, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, cần phải chú tâm tu tập hơn nữa để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo5 bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 359

IV. KINH ĐỊNH THỨ BA (Tatiyasamãdhisutta) (A. II. 93) 94. Này các Tỷ-kheo? có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chí, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây5 này các Tỷ-kheo? có hạng người chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người không chứng được nội tâm chí, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ- kheo5 có hạng người chứng được nội tâm chi, cũng chứng được tăng

thượng tuệ pháp quán. Tại dấy, này các Tỷ-kheo5 hạng người này chứng được nội tâm chỉ nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán... (như trên). Sau khi đi đến hạng người chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, người này cần phải nói như sau: "Thua Hiên giả5 các hành cân phải thây thê nào, các hành cân phải biết thế nào, các hành cần phải quán thế nào?" Người ấy trả lời cho vị này: "Nhu đã được thây, như đã được biêt, như vậy? này Hiên giả, các hành cân phải được thây như vậy, các hành cần phải được biết như vậy, các hành cần phải quán như vậy.,, Vị này sau một thời gian, chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Tại đấy, này các Tỷ-kheo5 hạng người này chứng được tăng thượng tuệ pháp quán5 nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Người này sau khi đi đến hạng người chứng được nội tâm chỉ này, cần phải nói như sau: "Thua Hiền giả, tâm cần phải an lập thế nào? Tâm cần phải an trú thế nào? Tâm cần phải nhất tâm thế nào? Tâm cần phải định tĩnh thế nàoT' Người ấy trả lời cho vị này: "Nhu đã được thấy, như đã được biết, như vậy, thưa Hiền giả, tâm cần phải an lập như vậy9 tâm cân phải an trú như vậy? tâm cân phải nhât tâm như vậy? tâm cần phải định tĩnh như vay." Vị ấy sau một thời gian, chứng được tăng thượng tuệ pháp quán? cũng chứng được nội tâm chỉ. Tại dấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này không chứng được nội tâm chỉ, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Người này, này các Tỷ- kheo, sau khi đi đến hạng người chứng nội tâm chí, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, người này cần phải nói như sau: "Thua Hiền giả5 tâm cần phải an lập thế nào? Tâm cần phải an trú thế nào? Tâm cần phải nhất tâm thế nào? Tâm cần phải định tĩnh thế nào? Các hành cần phải thấy thế nào? Các hành cần phải biết thế nào? Các hành cần phải quán thế nào?" Người ấy trả lời cho vị này: "Nhu đã được thây, như đã được biêt, như vậy, này Hiên giả? tâm cân phải an lập như vậy, tâm cân phải an trú như vậy? tâm cân phải nhât tâm như vậy, tâm cần phải định tĩnh như vậy, các hành cần phải thấy như vậy, các hành càn phải biết như vậy, các hành cần phải quán như vRy." Vị ấy, sau một thời gian chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

360 KINH TĂNG CHI Bộ

Tại đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được nội tâm chí, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Vị này, này các Tỷ-kheo9 sau khi an trú trong các thiện pháp, cần phải tu tập chú tâm vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. V KINH QUE LỬA (Chavãlãtasuttà)129 (4 II. 95) 95. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người không hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một que lửa lây từ đông lửa thiêu xác, hai đâu đêu cháy đỏ, ở giữa được trét với phân,130 không có tác dụng là đồ chụm lửa ở làng hay ở rừng. Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng người này giống như ví dụ ấy, tức là người không hướng đến lợi mình, không lợi người. Tại dây, này các Tỷ-kheo, hạng người này hướng đến lợi người, không lợi mình. Hạng người này so với hạng người kia, vi diệu hơn, thù thắng hơn. Ở dây, này các Tỷ-kheo? hạng người này hướng đến lợi minh, không lợi người. Hạng người này so với hai hạng người kia, vi diệu hơn,

thù thắng hơn. Tại đây, này các Tỷ-kheo? hạng người này hướng đên lợi mình và lợi người, hạng người này so với ba hạng người trên5 là tối thượng, tối thắng, thượng thủ, vô thượng và cực thắng. Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò có sữa? từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô5 từ thục tô có đề-hồ?131 yà đây gọi là tối thượng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, hạng người này hướng đến lợi mình và lợi người, hạng người này so với ba hạng người trên là tối thượng, tối thắng, thượng thiỉ, vô thượng và cực thắng. Bốn hạng người này9 này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. VI. KINH NHIẾP PHỤC THAM (Rãgavinayasutta)132 (A. II. 96) 96. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

129 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.9. 0877a25). 130 Gũthagata.
Ở đây cho là bôi phân bò vào que lửa khi làm lễ thiêu xác. Xem s. III. 93. 131 Xem 4 III. 219; V. 182; s. III. 264. Bản dịch tiếng Anh là từ bò có sữa, từ sữa có sữa đặc, từ sữa đặc có bơ, từ bơ có ghee, từ ghee có phần bọt của ghee. Danh từ Hán dịch là từ sữa có lạc (sữa đông), từ lạc CÓ sanh tô, có thục tô, từ thục tô có đê-hô. 132 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (97, 98) trong bản tiếng Anh của PTS: Profit of Self, nghĩa là Lợi ích cho mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi minh, không lợi người? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiêp phục tham; hướng đên nhiêp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục sân; nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, khích lệ nhiếp phục tham cho người; không hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình, khích lệ nhiếp phục sân cho người; không hướng đến nhiếp phục si cho tự mình, khích lệ nhiếp phục si cho người. Như vậy5 này các Tỷ- kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham; không nhiếp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiêp phục sân; không nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiêp phục si. Như vậy, này các Tỷ- kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục tham; hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục sân; hướng đến nhiếp phục si cho tự mình và khích lệ người khác nhiêp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người. Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. VII. KINH NHANH CHÓNG TỊNH TÂM (Khippanisantisutta)m (A. II. 97) 97. (Như đoạn đầu kinh 96). - Và này các

Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; nhưng không phải là người thiện ngôn5 khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; 134 không phải là người thuyết giảng,

133 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kinh (r.02. 0150A.8. 0877a20). 134 Xem s. I. 240; II. 280; Ud. 59.

khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người hướng đên lợi minh, không lợi người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì5 không hiểu nghĩa, không hiêu pháp? không thực hành pháp, tùy pháp; nhưng là người thiện ngôn, khéo nói5 dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyêt giảng, khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? có hạng người không có mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, không hiểu nghĩa, không hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp; không phải là người thiện ngôn? khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; không phải là người thuyêt giảng, khích lệ, làm cho phân khỏi, không làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người hướng đên lợi mình và lợi người? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ tri, sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; và là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyêt giảng, khích lệ5 làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người. Này các Tỷ"kheo5 có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. VIII. KINH LỢI ÍCH CHO MÌNH (Attahitasutta) (A. II. 98) 98. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hướng đến lợi minh, không lợi người; hướng đến lợi người, không lợi mình; không hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người. Này các Tỷ-kheo? có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. IX. KINH CÁC HỌC PHÁP (Sikkhãpadasutta) (4 II. 98) 99. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hướng đên lợi mình, không lợi người; hướng đên lợi người? không lợi mình; không hướng đến lợi minh, không lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho5 không khh lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình không từ bỏ nói láo5 khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục? khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình không từ bỏ nói láo5 khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu5 khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không lợi người? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho, không khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục5 không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình không từ bỏ nói láo, không khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không lợi người. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục5 khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo, khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

364 KINH TĂNG CHI BỘ

X. KINH POTALIYA (Potaliyasuttă) (A. II. 100) 100. Rồi du sĩ Potaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Thê Tôn nói với du sĩ Potaliya đang ngôi một bên: Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự that, đúng thời; nhưng không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lên lời tán thán hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện? đúng sự thật, đúng thời; nhưng không nói lời không

tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện? đúng sự thật, đúng thời. Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện? đúng sự thật, đúng thời; và không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự that, đúng thời. Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự that, đúng thời; và nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự that, đúng thời. Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này, hạng người nào ông chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn? Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này5 có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây. thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán... không nói lời tán thán đối với người xứng đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở dây, thưa Tôn giả Gotama. có hạng người nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán... không nói lời không tán thán đôi với hạng người không đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán... không nói lời tán thán đối với hạng ngườri được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây? thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không âảnệ được tán thán, là đúng sự kiện5 đúng sự that, đúng thời; và nói lời tán thán đôi với hạng người đáng được tán thán5 là đúng sự kiện5 đúng sự thật, đúng thời. Thưa Tôn giả Gotama, có bôn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Trong

bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện5 đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người xứng đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời, hạng người này đối với tôi đáng được chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn trong bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là xả này. Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?... Này Potaliya, có bốn hạng người này... ở trong đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này, này Potaliya, hạng người này5 nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện? đúng sự thật, đúng thời; nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện? đúng sự thật, đúng thời5 hạng người này vi diệu hơn, thù thắng hơn trong bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Này Potaliya, thật là vi diệu, tức là tại đây? tại đây rõ biết đúng thời. —Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người... hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?... Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Trong bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán... nói lời tán thán đối với hạng người dáng được tán than, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; hạng người này, tôi châp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là tại đây, tại đây rõ biết đúng thời. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay,

thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống... để những ai có mắt có thể thấy sắc, cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama tuyên thuyết với nhiều pháp môn. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama... từ nay cho đến mệnh chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

XL PHẢMMÂYMƯA (K4LẴHAKAK4GGA)

I. KINH MÂY MƯA THỨ NHẤT (PaỊhamavalãhakasutta)i35 (A. II. 102)

101. Như vầy tôi nghe.

Một thời? Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anãthapindika. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-Này các Tỷ-kheo!

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

r _ . _ .— _ 0

Các Ty-kheo ây vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa nàỵ. Thế nào là bốn? Có sấm, không có mưa; có mưa? không có sấm; không có sấm, cũng không eó mưa; có sấm và có mưa. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại mây mưa này. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? có bôn hạng người được ví dụ với các loại mây mưa này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người có sấm, không có mưa; hạng người có mưa, không có sấm; hạng người không có sấm, không có mưa; hạng người có sấm và có mưa. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là hạng người có sâm, không có mưa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có nói5 không có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sâm, không có mưa. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại mây có sâm, không có mưa ây, Ta nói răng, này các Tỷ-kheo? hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hạng người có mưa, không có sấm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người có làm, không có nói. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mua, không có sấm ấy9 Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo? hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có sấm, cũng không có mưa? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người không có Ĩ16Ì, cũng không có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người kh6ng có sấm, cũng không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo5 loại mây không có sâm, cũng không có mưa ây, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo9 hạng người này giống như ví dụ ấy.

135 Kinh này có thể so sánh với KS. III. 192, 200; Pug. 42.

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người có sấm và có mưa? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có nói và có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như các loại mây mưa này có mặt hiện hữu ở đời. II. KINH MÂY MƯA THỨ HAI

(Dutiyavalãhakasutta)^ (A. II. 103) 102. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại mây mưa này. Thế nào là bốn? Có sấm, không có mưa; có mưa, không có sấm; không có sấm, cũng không có mưa; có sấm và có mưa. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ như các loại mây mưa này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người có sấm5 không có mưa; hạng người có mưa, không có sấm; hạng người không có sấm, cũng không có mưa; hạng người có sấm và có mưa. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hạng người có sấm, không có mưa? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người thuộc lòng pháp như: Khế kinh5 ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh? Vị tằng hữu pháp, Quảng thuyết. 13 Vị ấy không như thật quán tri: uĐây là kh6".. “Dây là khổ tập,9... "Đây là khổ diet".. không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người có sấm, không có mưa. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo9 hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là hạng người có mưa, không có sâm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không học thuộc lòng pháp như: Khế kinh, ứng tụng... Quảng thuyết. Vị ấy như thật quán tri: "Đây là kh6”.. như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt.^, Như vậy, này các Tỷ- kheo? là hạng người có mua, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng, hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người không có sấm, cũng không có mưa? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người không học thuộc lòng pháp như: Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy không như thật quán tri: “Dây là kh6“.. không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đên khổ diet?5 Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người không có sấm, cũng không có mưa. Ví nhu, này các*

136 Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.25.10. 0635a03); Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.10. 0877b04) 137 Xem Pug. 43.

Tỷ-kheo5 loại mây không có sâm, cũng không có mưa ây, Ta nói răng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người có sâm và có mưa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người học thuộc lòng pháp như: Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy như thật quán tri: “Bây là kh6"... như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói lẳng, này các Tỷ-kheo9 hạng người này giống như ví dụ ấy. Này các Tỷ-kheo, có bôn hạng người giông như các loại mây mưa này có mặt hiện hữu ở đời. III. KINH CÁI GHÈ (Kumbhasutta)ì3S (A. II. 104) 103. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ghè này. Thế nào là bốn? Trống và bịt, đầy và mở5 trống và m&, đầy và bịt. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ghè này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví như các loại ghè này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Trống và bịt? đầy và mở5 trống và mở, đầy và bịt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và bịt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ dễ thương138 139 khi đi tới? đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên5 khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng- già-lê, bình bát và y. Vị ấy không như thật

quán tri: "Đây là kh6"... không như thật quán tri: uĐay là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo5 các ghè trống và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và mở? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không có thái độ dễ thương khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, bình bát và y. Vị ấy như thật quán tri: "Đây là kh6".. như thật quán tri: "Bây là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, này các Tỵ-kheo5 là hạng người đây và mở. Ví như, này các Tỷ-kheo5 các ghè đầy và mở ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người trống và mở? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người không có thái độ dễ thương khi đi tới, đi lui5 khi ngó phía trước; ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, bình bát và y. Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là khổ,9... không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt.^, Như vậy5 này các Tỷ- kheo? là hạng người trống và mở? Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo? người này giống như ví dụ ấy.

138 XemPwg. 44, 45. 139 Xem 4 II. 123; GS. II. 127 (kinh 122 ở sau).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và bịt? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ dễ thương, khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên5 khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, mang y bát. Vị ấy như thật quán tri: “Dây là khổ95... như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo9 các ghè đầy và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 người này giống như ví dụ ấy. Này các Tỷ-kheo? bôn hạng người giông như các loại ghè này có mặt hiện hữu ở đời. IV. KINH HỒ NƯỚC (Udakarahađasutta) (4 II. 105) 104. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn? Cạn nhưng thấy sâu? sâu nhưng thấy cạn, cạn và thấy cạn, sâu và thấy sâu. Này các Tỷ- kheo5 có bốn loại hồ nước này. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn? Cạn có vẻ sâu, sâu có vẻ cạn, cạn có vẻ cạn, sâu có vẻ sâu. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người được ví dụ với hồ nước này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Cạn có vẻ sâu, sâu có vẻ cạn, cạn có vẻ cạn, sâu có vẻ sâu. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người cạn có vẻ sâu? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người có thái độ khả ái... (như kinh 103).

V. KINH CÁC TRÁI XOÀI (Ambasuttd)^ (A. II. 106) 105. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại xoài này. Thế nào là bốn? Chưa chín có vẻ chín, chín có vẻ chưa chín, chưa chín có vẻ chưa chín, chín có vẻ chín. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại xoài này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? có bốn hạng người được ví dụ với bốn loại xoài này. Thế nào là bốn?... (Như kinh 103). VI. KINH CÁC TRÁI XOÀI THỨ HAI (Putiyaambasuttà)w (A. II. 106) 106. (Nội dung tương tự như kinh trên,"...chưa chín nhưng thấy chín, chín nhưng thấy chưa chíĩi...”). VIL KINH CÁC LOẠI CHUỘT (Mũsikasutta)^2 (A. II. 107) 107. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại chuột này. Thế nào là bốn? Đào hang không ở, ở không đào hang, không đào hang không ở9 có đào hang có ở. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại chuột này.

140 Tham chiếu: Pug. 44; Tăng.(r.O2. 0125.25.7. 0634al7). 141 Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 105 và 106 được trình bày liên tục. 142 XemPg. 43.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người được ví dụ với các loại chuột này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Đào hang không &, ở không đào hang, không đào hang không ở5 có đào hang có ở. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có đào hang, nhưng không ở? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuộc lòng pháp như: Khế kinh... Quảnệ thuyết. Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là kh6"... "Đây là con đường đưa đên khổ diet." Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người đào hang, nhưng không ở. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại chuột có đào hang, nhimg không ở trong ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo? hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có ở. không đào hang?... (Như kinh 102). VIII. KINH CÁC LOẠI BÒ Đực (Baĩĩbaddasutta) (4 II. 108) 108. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại bò đực này,143 Thế nào là bốn? Hung dữ với đàn bò của minh, không hung dữ với đàn bò của người; hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình; hung dữ với đàn bò của mình, hung dữ với đàn bò của người; không hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bò đực này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? có bôn hạng người được ví như các loại bò đực này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người; hạng hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình; hạng hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người; hạng không hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hung dữ với đàn bò của minh, không hung dữ với đàn bò của người? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người là một khiếp đảm cho hội chúng của mình, không là một khiếp đảm cho hội chúng của người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của mình? không hung dữ với đàn bò của người. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? loại bò đực hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo9 hạng người này giống như ví dụ ấy. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người là một khiếp đảm cho hội chúng của người, không là một khiếp đảm cho hội chúng của mình. Như vậy? này các Tỷ- kheo9 là hạng người hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò

143 XemPug. 47.

của mình. Ví như, này các Tỷ-kheo5 loại bò đực hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của minh, Ta nói răng, này các Tỷ-kheo9 hạng người này giống như ví dụ ấy. Thế nào, này các Tỷ-kheo5 là hạng người hung dữ với đàn bò của minh, hung dữ với đàn bò của người? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người là một khiếp đảm cho hội chúng của mình, là một khiêp đảm cho hội chúng của người. Như vậy, này các

Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của người, hung dữ với đàn bò của mình. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại bò đực hung dữ với đàn bò của người, hung dữ với đàn bò của minh, Ta nói răng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giông như ví dụ ấy. Thế nào, này các Tỷ-kheo? là hạng người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không là một khiếp đảm cho hội chúng của minh, không là một khiếp đảm cho hội chúng của người. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng người không hung dữ với đàn bò của minh, không hung dữ với đàn bò của người. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại bò đực không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 người này giống như ví dụ ấy. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại bò đực này, có mặt hiện hữu ở đời. IX. KINH CÁC CÂY (Rukkhasuttã)1^ (A. II. 109) 109. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại cây này. Thế nào là bốn? Có giác cây, bao vây với giác cây; có giác cây, bao vây với lõi cây; có lõi cây, bao vây với giác cây; có lõi cây, bao vây với lõi cây. Này các Tỷ-kheo, có bôn loại cây này. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ như bốn loại cây này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người là giác cây, bao vây với giác cây; hạng người là giác cây, bao vây với lõi cây; hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây; hạng người là lõi cây, bao vây với lõi cây. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là giác cây? bao vây với giác cây? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có ác giới, theo ác pháp, hội chúng người ấy cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người là giác cây, bao vây với giác cây. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? loại cây là giác cây, bao vây với giác cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo? hạng người này giông như ví dụ ây. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người là giác cây, bao vây với lõi cây? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có ác giới? theo ác pháp, hội chúng

144 XemPug. 52.

người ấy có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là giác cây? bao vây với lõi cây. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại cây là giác cây, bao vây với lõi cây ẩy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo thiện pháp, nhưng hội chúng của người ây có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại cây là lõi cây5 bao vây với giác cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là lõi cây, bao vây với lõi cây? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người có giới, theo thiện pháp5 hội chúng người ấy cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là lõi cây5 bao vây với lõi cây. Ví như, này các Tỷ-kheo? là hạng người lõi cây, bao vây với lõi cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 hạng người này giống như ví dụ ấy. Này các Tỷ-kheo9 có bốn hạng người giống như ví dụ các cây này có mặt hiện hữu ở đời. X. KINH CÁC CON RẮN (Ẫsĩvisasutta) (A. II. 110) 110. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại rắn này. Thế nào là bốn? Loại răn có nọc độc nhưng không ác độc, loại ác độc nhung không có

nọc độc? loại có nọc độc và ác độc, loại không có nọc độc và không ác độc. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại rắn này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại rắn này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người có nọc độc nhưng không ác độc9 hạng người ác độc nhưng không có nọc độc, hạng người có nọc độc và ác độc, hạng người không có nọc độc và không ác độc. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người có nọc độc nhưng không ác độc? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người rất mau phẫn nộ nhưng phẫn nộ không tồn tại lâu dài. Như vậy là hạng người có nọc độc nhưng không ác độc. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, loại rắn có nọc độc nhưng không ác độc ấy, Ta nói rang, này các Tỷ-kheo? hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người ác độc nhưng không có nọc độc? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người không mau phẫn nộ nhưng phẫn nộ tồn tại lâu dài. Như vậy là hạng người ác độc nhưng không có nọc độc. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 loại rắn ác độc nhưng không có nọc độc ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có nọc độc và ác độc?

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 373

Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người rất mau phẫn nộ và phẫn nộ tồn tại lâu dài. Như vậy là hạng người có nọc độc và ác độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn có nọc độc và ác độc ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo? hạng người này giống như ví dụ ấy. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là hạng người không có nọc độc và không ác độc? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 có hạng người không mau phẫn nộ và phẫn nộ không tồn tại lâu dài. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạn^ người không có nọc độc và không ác độc. V1 nhu, này các Tỷ-kheo? loại răn không có nọc độc, không ác độc ấy, Ta nói rằng, hạng người này giống như ví dụ ấy. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời.

374 KINH TẢNG CHI Bộ

xn. PHẢM KESI (KESIE4GGA)

I. KINH KESI (Kesisutta)145 (A. II. 112) 111. Rồi Kesi, người đánh xe điều phục ngựa5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Kesi, người đánh xe điều phục ngựa, đang ngồi một bên: Này Kesi, ông là người đánh xe điều phục ngựa có chế ngự. Và này Kesi, ông nhiếp phục ngựa như thế nào? Bạch Thê Tôn, con nhiêp phục ngựa đáng được điêu phục với lời nói mêm mỏng; con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời thô ác; con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng và thô ác. Này Kesi, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiêp phục với lời nói thô ác5 không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác, thời ông làm gì với con ngựa ấy? Bạch Thê Tôn, nêu con ngựa đáng được điêu phục không chịu nhiêp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiêp phục với lời nói mêm mỏng và thô ác của con, thời bạch Thê Tôn, con giết nó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mât danh dự cho gia đình thầy của con! Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là bac Vô Thượng, điều ngự những ai đáng được điều ngự, như thế nào Thế Tôn nhiếp phục những ai đáng được điều phục? Này Kesi, Ta nhiêp phục người

đáng được nhiếp phục với lời nói mêm mỏng; Ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn; Ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn. Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói mềm mỏng: Đây là thân làm thiện, đây là quả báo thân làm thiện; đây là lời nói thiện, đây là quả báo lời nói thiện; đây là ý nghĩ thiện, đây là quả báo ý nghĩ thiện; đây là chư thiên, đây là loài người. Tại dây, này Kesi, đây là với lời nói cứng rắn: Đây là thân làm ác, đây là quả báo thân làm ác; đây là lời nói ác, đây là quả báo lời nói ác; đây là ý nghĩ ác, đây là quả báo ý nghĩ ác; đây là địa ngục, đây là loài bàng sanh, đây là loài ngạ quỷ. Tại dây, này Kesi, đây là lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn: Đây là thân làm thiện, đây là quả báo thân làm thiện; đây là thân làm ác, đây là quả báo thân làm ác; đây là lời nói thiện, đây là quả báo lời nói thiện; đây là lời nói ác, đây là quả báo lời nói ác; đây là ý nghĩ thiện, đây là quả báo ý nghĩ thiện; đây là ý

145 Tham chiếu: KS. IV. 216-18; Tạp.(02. 0099.923. 0234Ồ21).

nghĩ ác, đây là quả báo ý nghĩ ác; đây là chư thiên, đây là loài người; đây là địa ngục, đây là loài bàng sanh, đây là ngạ quỷ. Bạch Thế Tôn, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Thế Tôn, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng răn, không chịu nhiếp phục với lời nói mêm mỏng và cứng răn, thời Thê Tôn làm gì với người ấy? Này Kesi, nêu người đáng được điêu phục không chịu nhiêp phục với lời nói mềm mỏng của Ta, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng răn5 không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, này Kesi, thời Ta giết hại người ấy! Nhưng bạch Thế Tôn, sát sanh khôn^ xứng đáng với Thế Tôn. Tuy vậy, Thế Tôn nói: "Này Kesi, Ta giết hại người ấy." Thật vậy, này Kesi, sát sanh không xứng đáng với Như Lai. Nhrnig người đáng được điêu phục ây không chịu nhiêp phục với lời nói mêm mỏng9 không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng răn, Như Lai nghĩ răng người ây không xứng đán^ đê được nói đên, để được giáo giới. Và các vị đông Phạm hạnh có trí nghi răng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giêt hại, này Kesi? là con người này, trong giới luật của bậc Thánh: Bị Như Lai nghĩ răng không đáng được nói đên? không đáng được giáo giới; bị các vị đông Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới. —Bạch Thế Tôn, người bị bậc Thiện Thệ giết hại là người nào bị Như Lai nghĩ rằng không xứng đáng được nói đến, không xứng đáng được ^iáo giới; bị các vị đông Phạm hạnh có trí nghĩ răng không đáng được nói đên, không đáng được giáo giới. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gi bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay câm đèn sáng vào trong bóng tôi để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được The Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thê Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ này cho đên mệnh chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. II. KINH TỐC Độ (Javasutta)ỉ46 (4 IL 113) 112. Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, một con ngựa thuần thục hiền thiện của vua, xứng đáng cho nhà vua, là vật sở hữu của vua, được xem là biêu tượng của vua. Thê nào là bôn? Với trực tánh, với tôc

độ5 với kham nhân, với thiện ngôn. Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo5 một con ngựa thuần thục, hiền thiện của vua, xứng đáng cho nhà vua, là vật sở hữu của vua, được xem là biểu tượng của vua.*

146 Xem 4 III. 94.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bôn? Với trực tánh, với tốc độ, với kham nhẫn, với thiện ngôn. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chắp tay, xứng đáng được cúng dường, là vô thượng phước điên ở đời. III. KINH GẬY THÚC NGựA (Patodasutta)141 (A. IL 114) 113. Có bôn loài ngựa hiên thiện thuân thục, này các Tỷ-kheo? có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loài ngựa hiền thiện thuần thục? thấy bóng cây gậy thúc ngựa5 liền bị dao động? kích thích, nghĩ rằng: "H6m nay, người đánh 148 thê nào?" Như vậy? này các xe điêu ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng147 Tỷ-kheo, ở đây là loại ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo? đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ nhât, có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, nó liền bị dao động? kích thích, nghĩ răng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì? và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo? ở đây là loài ngựa hiên thiện thuân thục. Này các Tỷ-kheo? đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ hai, có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, không bị dao động5 kích thích. Khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào long, nó không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ răng: "H6m nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nao?^ Như vậy9 này các Tỷ-kheo? ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo9 đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ ba, có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, không bị dao động, kích thích; bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, không bị dao động5 kích thích; bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, không bị dao động5 kích thích. Nhưng khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào xương, nó liền bị dao động? kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thê nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo5 đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ tư, có mặt hiện hữu ở đời. Này các Tỷ-kheo, có bốn loài ngựa hiền thiện thuần thục, có mặt hiện hữu Ở đời.

147 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.922. 0234al6); Biệt Tạp.(T.Q2. 0100.148. 0429b 15).
148 Kimassaham patikarorm có thể có nghĩa là con ngựa hiểu và làm theo ý người chủ để trả ơn nuôi dưỡng, huấn luyện.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bôn hạng người hiên thiện thuân thục này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần thục nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được tối thắng sự thật; với trí tuệ? vị ấy sau khi thể nhập5 thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, thấy bóng cấy gậy thúc nẹựa, bị dao động kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền thiện thuân thục này giống như ví dụ ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ- kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thục thứ nhất, có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người hiên thiện thuân thục không có nghe tại một làng hay thị trân kia có người đàn bà hay người đàn ông bị đau khổ hay bị mệnh chung, nhưng khi tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ây như lý tinh can. Do tinh cân, với thân, vị ây chứng nệộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấỵ sau khi the nhập, thây được sự thật ây. Ví như, này các Tỷ-kheo? con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền thiện thuần thục này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiên thiện. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người hiên thiện thuân thục thứ hai, có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở dây, có hạng người hiên thiện thuân thục khônẹ có nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị kho đau hay bị mệnh chung, không có tự mình thây người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung, nhưng khi có một người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung, người ây do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần5 với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tôi thăng; với trí tuệ, vị ây sau khi thê nhập, thây được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, bị dao độn^5 kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 người hiền thiện thuần thục này giong như ví dụ ấy. Như vậy, này các Ty.kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo5 đây là hạng người hiên thiện thuần thục thứ ba, có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người hiên thiện thuân thục khônệ có nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị khô đau hay mệnh chung, không có tự mình thây người đàn bà hay người đàn 6ng khổ đau hay bị mệnh chung, không có người bà con hay người đồng một huyêt thống khổ đau hay bị mệnh chung, nhưng khi tự mình cảm xúc những cảm thọ về thân khổ đau, nhói đau, đau đớn, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hy, không khả ý5 đoạt mạng sống, vị ấy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh càn. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí

tuệ? vị ây sau khi thê nhập, thây được sự thật ây. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? con ngựa hiên thiện thuân thục ây, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào xương mới bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 người hiền thiện thuần thục này giốnẸ như ví

dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo? ở đây, có hạng người hiền thiện thuân thục. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiên thiện thuân thục thứ tư, có mặt hiện hữu ở đời. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người hiền thiện thuần thục này có mặt hiện hữu ở đời. IV. KINH CON VOI (Nãgasutta)^ (4 II. 116) 114. Thành tựu bốn chi phàn, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, được xem là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua biết nghe, biết sát hại, biết kham nhẫn, biết đi đến. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là con voi của vua biết nghe? Ở dây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài sai làm một công 150 tác ý, hoàn tác, hoặc đã làm từ trước hay chưa làm từ trước, sau khi nhiệt tâm149 toàn chú tâm lóng tai và lắng nghe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết nghe. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là con voi của vua biêt sát hại? Ở dây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua sau khi đi đến chiến trận, giết voi, giêt người cưỡi voi, giêt ngựa, giêt người cưỡi ngựa, giêt hại xe, giêt hại người cưỡi xe, giết các bộ binh. Như vậy9 này các Tỷ-kheo5 là con voi của vua biết sát hại. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết kham nhẫn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, con voi của vua sau khi đi đến chiến trường, chịu đựng cây giáo đâm, chịu đựng kiếm chém, chịu đựng tên bắn, chịu đựng búa chặt5 chịu đựng tiếng trống lớn, tiếng thanh la5 tiếng tù và, tiếng trống nhỏ và các tiếng ồn ào khác. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là con voi của vua biết kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con voi của vua biêt đi đên? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua, khi người nài sai đi đến hướng nào, hoặc trước kia đã có di, hay trước kia không có đi5 liền đi đến chỗ ấy một cách mau mắn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết đi đến. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua xứng đáng là của vua, là tài sản của vua, đi đến làm biểu tượng của vua. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng

149 Tham chiếu: A. III. 161; Thất xứ tam quản kinh (T.02. 0150A.26. 0879c01). 150 Aịthỉkatvã. Xem D. II. 204; s. I. 141; V. 95. Trong AA. III. 121: Atthim katvãti atthiko hutvã ("Sau khi nhiệt tâm,, nghĩa là sau khi hăng hái, nhiệt tình).

được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chắp tay, xứng đáng được cúng dường, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo biết nghe, biết sát hại, biết kham nhẫn, biết đi đến. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết nghe? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với Pháp9 Luật do Như Lai thuyết giảng, sau khi nhiệt tâm tác ý hoàn toàn, chú tâm và lăng nghe. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sát hại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm đã khởi len, từ b6, gạn lọc? chấm dứt, làm cho không hiện hữu; không có chấp nhận sân tầm đã khởi lên... không có chấp nhận hại tầm đã khởi lên, từ bỏ? gạn lọc, chấm dứt, làm cho không hiện hữu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ"kheo biết sát hại. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết kham nhẫn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh, kham nhẫn nóng, kham nhẫn đói, khát, sự xúc chạm của ruồi? muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, kham nhẫn những cách nói chửi mắng, phỉ báng, chịu đựng các cảm thọ

về thân, khổ đau? nhói đau, mãnh liệt? không khả hỷ, không khả ý, chết điếng người. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo biết kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo biết đi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo theo phương hướng nào từ trước chưa từng đi, tại dấy, mọi hành được tịnh chí, mọi sanh y được từ bỏ? ái được đoạn diet, ly tham đoạn diet, Niết-bàn, vị ấy đi đến chỗ ấy một cách mau chóng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết đi. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, được chắp tay, được cúng dường, là vô thượng phước điền ở đời. V KINH CÁC TRƯỜNG HỢP (Thãnasutta) (A II. 118) 115. Này các Tỷ-kheo, có bốn trường hợp này. Thế nào là bốn? Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm không thích ý, đưa đến không lợi ích cho người làm. Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm không thích ý, đưa đến lợi ích cho người làm. Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm được thích ý? không đưa đến lợi ích cho người làm. Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm được thích ý5 đưa đến lợi ích cho người làm. Tại đây, này các Tỷ-kheo5 trường hợp này làm không thích ý, không đem lại lợi ích cho người làm. Này các Tỷ-kheo, trong trường hợp ïiày, nghĩ răng về cả hai phương diện không nên làm. Trường hợp này làm không thích V, đây là

trường hợp nghĩ rằng không nên làm. Trường hợp này làm không đem lại lợi ích cho người làm, đây là trường hợp nghĩ rằng không nên làm. Đây là trường hợp, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng về cả hai phương diện đều không nên làm. Tại đây, này các Tỷ-kheo, trường hợp này làm không thích ý5 nhưng đem lại lợi ích cho người làm. Trong trường hợp này9 này các Tỷ-kheo, người ta có thể biết kẻ ngu, bậc trí, về sức kiên trì của con người, tinh tấn của con người, nỗ lực của con người. Và này các Tỷ-kheo, người ngu không suy xét rằng: "Dầu trường hợp này làm không thích ý9 nhimg trường hợp này đem lại lợi ích cho người lam.55 Người ấy không làm trường hợp này. Do không làm trường hợp này, nên không đem lại lợi ích cho người ấy. Còn người trí, này các Tỷ-kheo5 suy xét rằng: "Dầu trường hợp này làm không được thích ý, nhưng trường hợp này đem lại lợi ích cho người 1 m." Người ấy làm trường hợp này. Do làm trường hợp này5 nên đem lại lợi ích cho người ấy. Tại đây, này các Tỷ"kheo? trường hợp này làm được thích ý, nhưng không đem lại lợi ích cho người làm. Trong trường hợp này, người ta có thể biết kẻ ngu, bậc trí, về sức kiên trì của con ngưởi, tinh tấn của con người, nỗ lực của con người. Này các Tỷ-kheo? người ngu không suy xét rằng: "Dầu trường hợp này làm được thích ý5 nhưng trường hợp này không đem lại lợi ích cho người làm.,, Người ấy làm trường hợp này. Do làm trường hợp này, không đem lại lợi ích cho người ấy. Còn người trí, này các Tỷ-kheo, suy xét như sau: "Dầu trường hợp này làm được thích ý5 nhưng không đem lại lợi ích cho ïiguòi làm." Người ấy không làm trường hợp này. Do không làm trường hợp này, nên đem lại lợi ích cho người ấy. Tại dây, này các Tỷ-kheo5 trường hợp này làm được thích ý và đem lại lợi ích cho người làm. Này các Tỷ-kheo, trong trường hợp này, nghĩ răng vê cả hai phương diện đều nên làm. Trường hợp này làm được thích ý9 đây là trường hợp nghĩ rằng cần phải làm. Trường hợp này đem lại lợi ích cho người làm, đây là trường hợp nghĩ rằng cần phải làm. Đây là trường hợp, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng về cả hai phương diện đều nên làm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn trường hợp này.

VI. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (Appamãdasutta) (4 II. 119) 116. Trong bốn trường hợp, này các Tỷ-kheo, cần phải không phóng dật. Thế nào là bốn? Hãy từ bỏ thân làm ác, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thân làm lành, và ở đây chớ có phóng dật. Hãy từ bỏ lời nói ác5 này các Tỷ-kheo, hãy tu tập lời nói lành, và ở đây chớ có phóng dật. Hãy tò bỏ ý nghĩ ác, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập ý nghĩ lành5 và ở đây chớ có phóng dật.

Hãy từ bỏ tà kiến, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập chánh kiến, và ở đây chớ có phóng dật. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã từ bỏ thân làm ác, đã tu tập thân làm lành... đã từ bỏ tà kiến, đã tu tập chánh kiến, vị ấy không sợ hãi về đời sau, về chết.151 VII. KINH HÔ TRÌ (Ẵrakkhasutta) (A. II. 120) 117. Trong bốn trường hợp, này các Tỷ-kheo5 không phóng dật? niệm và tâm hộ trì cần phải do tự mình làm.152 Thế nào là bốn? Với ý nghĩ: “Mong răng đôi với các pháp khiên cho tham đăm, tâm ta chớ có tham dắm", không phóng dật, niệm và tâm hộ tri, cần phải do tự mình làm. Với ý nghĩ: "Mong răng đôi với các pháp khiên cho sân hận, tâm ta chớ có sân han", không phóng dật5 niệm và tâm hộ trì, cân phải do tự mình làm. Với ý nghĩ: "Mong rằng đối với các pháẸ khiến cho si mê5 tâm ta chớ có si mê,\ không phóng dật, niệm và tâm hộ trì, cân phải do tự mình làm. Với ý nghĩ: "Mong răng đôi với các pháp khiên cho đăm say, tâm ta chớ có đắm say”, không phóng dật, niệm và tâm hộ trì, cần phải do tự mình làm.153 Khi nào, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đôi với các pháp khiên cho tham đăm, tâm không tham dắm, tự ngã được ly tham; đối với các pháp khiến cho sân hận, tâm không sân hận? tự ngã được ly sân; đối với các pháp khiến cho si mê? tâm không si mê? tự ngã được ly si; đối với các pháp khiến cho đắm say, tâm không đắm say, tự ngã được ly đăm say, thời vị ây không có sợ hãi, không có dao động, không có hoảng hốt5 không rơi vào hoảng sợ5 cũng không bị thuyết phục bởi các đạo sĩ nói.154155 VIII. KINH XÚC ĐỘNG (Samvejanĩyasuttă)ì55 (4 II. 120) 118. Có bốn trú xứ, này các Tỷ-kheo? khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Như Lai sanh. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Như Lai đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thây? cân phải xúc động mãnh liệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai chuyển pháp luân vô thượng. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy5 cần phải xúc động mãnh liệt. Ở đây? này các Tỷ-kheo? Như Lai đã nhập Niết-bàn giói, không có dư y. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

151 Chủ giải giải thích vị này đã đoạn hết lậu hoặc. Có chỗ giải thích, vị này mới chứng quả Dự Ixru. 152 Attarũpena. Chủ giải theo KS. IV 60 giải thích nghĩa của attha là lợi ích, vì lợi ích cho mình. 153 Xem s. IV. 307. 154 Na capana samanavacanahetupỉ gacchatĩ. Xem A. I. 174, samanavãdo. 155 Xem D. II. 140 (nói cho Ãnanda).

Có bôn trú xứ, này các Tỷ-kheo, khi một nam cư sĩ thây, cân phải xúc động mãnh liệt. IX. KINH SỢ HÃI THỨ NHẤT (Pafhamabhayasutta) (A. IL 121) 119. Này các Tỷ-kheo? có

bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sanh, sợ hãi về già, sợ hãi về bệnh5 sợ hãi về chết. Này các Tỷ-kheo5 có bốn sự sợ hãi này. X. KINH SỢ HÃI THỨ HAI (Dutìyabhayasutta) (Â. II. 121) 120. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi về lửa, sợ hãi về nước, sợ hãi về vua, sợ hãi về ăn trộm. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 383

Xin. PHẨM sợ HÃI (BHAY4K4GGA)

I. KINH Tự TRÁCH (Attãnuvãdasutta) (A. II. 121) 121. Này các Tỷ-kheo5 có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi tự mình trách, sợ hãi người khác trách, sợ hãi hình phạt? sợ hãi ác thú. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sợ hãi tự mình trách? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người suy xét: "Nếu thân ta làm ác5 lời nói ta ác, ý ta nghĩ ác, thời tự ngã có thê trách ta vê phương diện giới: 'Sao lại làm nghiệp ấy? 5 Người ấy do sợ hãi tự trách, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm lành; đoạn tận lời nói ác? tu tập lời nói lành; đoạn tận ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ lành, sống với tự ngã trong sạch. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự sợ hãi tự mình trách. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là sự sợ hãi người khác trách? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người suy xét: "Nếu thân ta làm ác? lời ta nói ác, ý ta nghĩ ác, thời các người khác có thể trách ta về phương diện giới: 'Sao lại làm nghiệp ây?999 Người ây do sợ hãi người khác trách, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm lành; đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói lành; đoạn tận ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ lành, sống tự ngã trong sạch. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là sự sợ hãi người khác trách. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sợ hãi hình phạt? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người thấy các vua chúa khi bắt được người ăn trộm, kẻ đi cướp đường, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác.156 Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy? họ đánh bằng côn9 họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đầu hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò)5 họ dùng hình phạt la-hầu khẩu hình (lấy xương và thịt cho rộng ra rồi đổ dầu sôi vào miệng), hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), đốt tay, lấy rơm bện lại rồi siết chặt, lấy vỏ cây làm áo, hình phạt con dê núi? lấy câu móc vào thịt, cắt thịt thành hình đồng tiên, quăĩiệ săt chảy trên thân đây vêt thương rôi chà mạnh, chuyên hình (bắt nằm dưới đất, đâm một gậy săt ngang qua hai lô tai rôi xoay tròn), cao đạp đài (lột da phần trên, lấy chày giã cho nát thâiì). Họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người s6ng, họ lấy gươm chặt đầu. Người ấy suy nghĩ như sau: "Do nhân làm các nghiệp ác như vậy, các vua chúa khi bắt được

156 về những hình phạt này, xem GS. I. 42; D. I. 276; Mỉln. 197.

người ăn trộm, kẻ đi cướp đường5 liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác... họ lấy gươm chặt dầu.” Người ấy vì sợ hãi bởi sự sợ hãi hình phạt, không có đi trộm cướp tài sản người khác. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là sự sợ hãi hình phạt. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là sự sợ hãi ác thú? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người suy nghĩ như sau: “Vói ai thân làm ác, có ác dị thục trong tương lai; với ai lời nói ác, có ác dị thục trong tương

lai; với ai ý nghĩ ác, có ác dị thục trong tương lai. Làm thế nào để sau khi thân hoại mệnh chung, ta không sanh tại cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?,^ Người ấy vì sợ hãi ác thú? đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm lành; đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói lành; đoạn tận ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ lành; sống với tự ngã trong sạch. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là sợ hãi ác thú. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này. II. KINH SỢ HÃI SÓNG NƯỚC (ũmibhayasutta)151 (4 II. 123) 122. Có bốn sự sợ hãi, này các Tỷ-kheo? được chờ đợi với người đi xuống nước. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ. Có bốn sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo5 được chờ đợi với người đi xuống nước. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây5 đối với một số thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình5 sống không gia đình trong Pháp và Luật này, có bốn sự sợ hãi được chờ đợi. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về sóng? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy5 ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn nay?9 Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông cần phải đi ra như vậy? ông cần phải đi về như vậy5 ông cần phải ngó tới như vậy, ông cần phải ngó quanh như vậy, ông cần phải co tay như vậy? ông cần phải duỗi tay như vậy, ông cần phải mang y Sanghãtỉ như vậy5 ông cần phải mang y bát như vay." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, khi ta chưa xuất gia, chính ta giảng dạy, khuyên giáo người khác. Những người này giống như con ta, giốnệ như cháu ta, lại nghĩ răng cần phải giảng dạy ta, cân phải khuyên giáo ta.” Vị ây phẫn nộ, không hoan hỷ, từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? người này được gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi về sóng. Này các Tỷ-kheo? sợ hãi về sóng là đồng nghĩa với phẫn não. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là sợ hãi về sóng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là sợ hãi về cá sấu?

157 Xem M. I. 460; Pss. Sis. 174.

Ở dây, này các Tỷ-kheo? có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị sanh, già, chết, sầu5 bi, khổ? ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy5 vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông nên nhai cái này, ông không nên nhai cái này; ông nên ăn cái này, ông không nên ăn cái này; ông nên nếm cái này, ông không nên nếm cái này; ông nên uống cái này5 ông không nên uống cái này. Cái gì được phép, ông nên nhai; cái gì không được phép5 ông không nên nhai. Cái gì được phép, ông nên ăn; cái gì không được phép? ông không nên ăn. Cái gì được phép, ông nên nếm; cái gì không được phép, ông không nên nếm. Cái gì được phép, ông nên uống; cái gì không được phép, ông không nên uống. Đúng thời, ông nên nhai; không đúng thời5 ông không nên nhai. Đúng thời, ông nên ăn; không đúng thời, ông không nên ăn. Đúng thời, ông nên nếm; không đúng thời? ông không nên nếm. Đúng thòi, ông nên uống; không đúng

thời, ông không nên u6ng.” Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, khi ta chưa xuất gia, cái gì ta muốn, ta nhai; cái gì ta không muốn, ta không nhai. Cái gì ta muôn, ta ăn; cái gì ta không muôn, ta không ăn. Cái gì ta muôn, ta nếm; cái gì ta không muốn, ta không nếm. Cái gì ta muốn, ta uống; cái gì ta không muốn, ta không uống. Cái gì được phép, ta nhai; cái gì không được phép? ta cũng nhai. Cái gì được phép, ta ăn; cái gì không được phép, ta cũng ăn. Cái gì được phép, ta nếm; cái gì không được phép? ta cũng nếm. Cái gì được phép, ta uống; cái gì không được phép, ta cũng uống. Cái gì đúng th&i, ta nhai; cái gì không đúng thòi, ta cũng nhai. Cái gì đúng thời, ta ăn; cái gì không đúng thời, ta cũng ăn. Cái gì đúng thời, ta nếm; cái gì không đúng thời, ta cũng nếm. Cái gì đúng thời? ta uống; cái gì không đúng thời5 ta cũng uống. Khi các gia đình có tín tâm cúng dường ta ban ngày, phi thời, những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, hình như những món này, ta bị chặn đứng lại trên miệng.,, Như vậy? vị ấy tìx bỏ học tập và trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá sấu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tham ăn. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là sự sợ hãi về cá sấu. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là sợ hãi vê nước xoáy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị sanh, già, chết, sàu9 bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy? vị này buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lòi, không phòng hộ tâm? niệm không an trú, các căn không phòng hộ. Tại đấy, vị ấy thấy gia chủ hay con người gia chủ hưởng thụ, được cung cấp đầy đủ, được thực hiện năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta xưa kia chưa xuất gia đã hưởng thụ, được cung cấp đày đủ, được thực hiện năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan

hỷ trong đó. Vì nhà ta có tài sản, ta có thể vừa hưởng thụ tài sản vừa làm các công đức/5 Vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo? đây được gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi bởi sự sợ hãi về nước xoáy5 từ bỏ học tập5 trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về nước xoáy là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sợ hãi về nước xoáy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá dữ? Ở đây? này các Tỷ-kheo? có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thây được sự châm dứt toàn bộ khô uân này." Khi được xuất gia như vậy? vị này buôi sáng đăp y, câm y bát, đi vào làng hay thị trân đê khât thực? không phòng hộ thân, không phòng hộ lời9 không phòng hộ tâm, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Vị này thấy ở đây những phụ nữ mặc y phục không đoan chánh hay đắp y phục không đoan chánh. Khi thấy những phụ nữ mặc y phục không đoan chánh hay đắp y phục không đoan chánh, ái dục phá hoại tâm của vị ấy. Vị này, tâm bị ái dục phá hoại, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá dữ, từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo? sợ hãi về cá dữ là đồng nghĩa với phụ nữ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sợ hãi về cá dữ. Này các Tỷ-kheo, ở đây, có bôn sự sợ hãi này, được

chờ đợi đôi với một sô thiện nam tử xuât gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình trong Pháp, Luật này. III. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC THỨ NHẤT (PaỊhamanãnãkaranasuttă) ì5S (Ả. II. 126) 123. Có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người ly due, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ây nêm được vị ngọt của thiên ây, ái luyên thiên ây và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Một kiêp5 này các Tỷ-kheo9 là tuôi thọ vô lượng của chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Tại đây5 kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đên hêt tuôi thọ ây, sau khi sông trọn vẹn tuôi thọ của chư thiên ây, đi đên địa ngục, đi đên bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ây5 sau khi sông frọn vẹn tuôi thọ của chư thiên ây, nhập Niêt-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ,

158 Tham chiếu: Ỷ hành kỉnh (roi. 0026.168. 0700ỒỒ24).

chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyển thiên ây và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ây5 chú tâm trên ây5 sông phân lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Quang Âm thiên. Hai kiếp, này các Tỷ-kheo5 là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở Quang Am thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại dấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự đặc thù9 đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân159 cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Biến Tinh thiên. Bốn kiếp, này các Tỷ"kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở Biến Tịnh thiên. Tại dấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đên hêt tuôi thọ ây, sau khi sông trọn vẹn tuôi thọ của chư thiên ây? nhập Niêt- bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự đặc thù5 đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp? tức là vấn đề sanh thú. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khô9 diệt hỷ ưu đã cảm thọ

trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ khônệ lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ẩy, do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy5 chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Quảng Quả thiên.160 Năm kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng các chư thiên ở Quảng Quả thiên. Tại đay, kẻ phàm phu5 sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục5 đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại dấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sông trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ây, nhập Niêt-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo? đây là sự đặc thù, đây là sự thù thăng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

i59Xem4I. 113;KS. V. 190. 160 Xem M. I. 329; III. 103; JA. III. 358.

IV KINH CÁC HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC THỨ HAI (Putìyanãnãkaranasutta)161 (Å. II. 128) 124. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ? thuộc tưởng, thuộc hành? thuộc thức,162 vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ? là bệnh? là ung nhọt? là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không5 là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tịnh Cư thiên.163 Sự sanh khởi này5 này các Tỷ-kheo? không có chung cùng với các hàng phàm phu. Lại nữa, này các Tỷ-kheo. ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư và an trú. Ớ đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ? thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụn nhọt5 là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tịnh Cư thiên. Sự sanh khởi này5 này các Tỷ-kheo5 không có chung cùng các hàng phàm phu. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. V. KINH TỪ TÂM THỨ NHẤT (PaḶhamamettãsutta) (A. II. 128) 125. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới5 bề ngang, hết thảy phương xứ5 cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng dại, vô biên, không hận5 không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy, do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Phạm Chúng thiên. Một kiêp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở cõi Phạm Chúng thiên. Tại dấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàn^ sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuôi thọ ấy, sau khi sông trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập

Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo? đây là sự đặc thù5 đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

161 Tham chiếu: Ỷ hành kỉnh (roi. 0026.168. 0700Ồ24). 162 Năm thủ uẩn. KS. IIL 103, 155; IV. 50, 135. 163 Suddhãvasã: Tịnh Cư thiên. Xem GS. I. 213; s. L 26; KS. V. 58, 180.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi... với tâm cùng khởi với hỷ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm cùng khởi với xả5 quảng đại vô biên5 không hận, không sân. Vị ây nêm được vị ngọt của thiên ây? ái luyên thiền ấy, do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Quang Am thiên. Hai kiêp, này các Tỷ-kheo, là thọ mạng của các chu thiên ở Quang Âm thiên... được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Biến Tịnh thiên. Bốn kiếp, này các Tỷ-kheo, là thọ mạng của chư thiên ở cõi Biến Tịnh thiên... được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Quảng Quả thiên. Năm kiếp, này các Tỷ-kheo? là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở cõi Quảng Quả thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ của chư thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục5 đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại dấy, sau khi an trú cho đến hêt tuôi thọ ây, sau khi sông trọn vẹn tuôi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. VI. KINH TỪ TÂM THỨ HAI (Dutìyamettãsutta) (A. II. 130) 126. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ... (như kinh 125)... không hận, không sân. Vị ấy, ở đây, về các pháp thuộc sắc... (như kinh 124)... là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tịnh Cư thiên. Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi này9 không có chung cùng các hàng phàm phu. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. VII. KINH Sự VI DIỆU CỦA NHƯ LAI THỨ NHẤT (PaḶhamatathãgataacchariyasuttà)164 (Ắ. IL 130) 127. Này các Tỷ-kheo? khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bôn pháp vi diệu chưa từng có xuât hiện. Thê nào là bôn? Này các Tỷ-kheo? khi Bồ-tát từ bỏ thân ở cõi trời Tusita (Dâu-suất), chánh niệm tỉnh giác, nhập vào mẫu thai; khi ấy? một hào ạuang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới chư Thiên, thê giới Ma vương và Phạm thiên, quân chúng Sa-môn5 Bà-la-môn,

164 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (128, 129, 130) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Marvels, nghĩa là Những điều vỉ diệu hy hữu. Tham chiêu: Vị tăng hữu pháp kỉnh (roi. 0026.32. 0469c20).

chư thiên và loài người; cho đến những thế giới ở chặng giữa bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm, u ám, tại đấy mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thâm diệu thắng xa uy lực chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác s6ng ở dây." Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? khi Bồ-tát chánh niệm tỉnh giác, từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy, một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn9 Bà-la-môn? chư thiên và loài người; cho đến những thế giới ở chặng giữa, bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm? u ám, tại đấy mặt trăng, mặt trời với đại thần lực? đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượnẹ thần diệu thăng xa uy lực của chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại dây, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở dây." Này các Tỷ-kheo? khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? khi Như Lai chứng ngộ được Vô thượng Chánh đẳng giác, khi ấy trong thế giới chư Thiên... (như trên)... uCũng có những chúng sanh khác sống ở day.95 Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai chuyển bánh xe pháp vô thượng, khi ấy trong thế giới chư Thiên... (như trên)... "Cũng có những chúng sanh khác sống ở dây." Này các Ty.kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện. Này các Tỷ-kheo5 khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện. VIII. KINH Sự VI DIỆU CỦA NHƯ LAI THỨ HAI (Dutiyatathãgataacchariyasutta)165 (A.ĩl. 131) 128. Này các Tỷ-kheo? khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳnệ Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện. Thế nào là bôn? Này các Tỷ-kheo? quần chiing ưa thích chấp giữ, thích thú chấp giữ? hoan hỷ chấp giữ; khi pháp không châp giữ được Như Lai thuyêt giảng, họ khéo nghe, lăn^ tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện. Này các Tỷ-kheo? quân chúng ưa thích kiêu mạn, thích thú kiêu mạn, hoan hỷ kiêu mạn; khi pháp không kiêu mạn được Như Lai thuyết giảng, họ khéo

165 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.25.3. 0631bl9).

nghe, 1 ĩig tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện. Này các Tỷ-kheo, quàn chúng ưa thích không an tịnh5 thích thú không an tịnh, hoan hỷ không an tịnh; khi pháp an tịnh được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo? khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện5

đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện. Này các Tỷ-kheo, quần chúng đi đến vô minh, trở thành mù quáng, bị trói buộc che đậy; khi Như Lai thuyết pháp nhiếp phục vô minh, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện.

IX. KINH Sự VI DIỆU CỦA ÃNANDA (Ẫnandaacchariyasuttã) (A. II. 132) 129. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ãnanda. Thế nào là bốn? Wcác Tỷ-kheo5 nêu chúng Tỷ-kheo đi đên yêt kiên Ananda, hội chúng ây hoan hỷ được yêt kiên Ananda. Tại dây, nêu Ananda thuyêt pháp, hội chúng ấy hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng Tỷ-kheo không được vui vẻ? này các Tỷ-kheo? nếu Ãnanda giữ im lặng. Này các Tỷ-kheo, nêu chúng Tỷ-kheo-ni... nêu chúng nam cư sĩ... nêu chúng nữ cư sĩ đi đến yết kiến Ãnanda, hội chúng ấy hoan hỷ được yết kiến Ãnanda. Tại dấy, nếu Ãnanda thuyết pháp, hội chúng ấy được hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng nữ cư sĩ sẽ không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ãnanda giữ im lặng. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ãnanda. X. KINH Sự VI DIỆU CỦA VUA CHUYỂN LUÂN (Cakkavattìacchariyasutta) (^4. II 133) 130. Này các Tỷ-kheo5 có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Vua Chuyển Luân. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo9 nếu có chúng Sát-đế-lỵ đến yết kiến Vua Chuyển Luân, hội chúng ấy được hoan hỷ vì được yết kiến Vua Chuyển Luân. Tại đấy, nếu vị Vua Chuyển Luân nói chuyện, hội chúng được hoan hỷ với bài nói chuyện. Và nếu Vua Chuyển Luân im lặng? chúng Sát-đế-lỵ bị thất vọng. Này các Tỷ-kheo? nêu có chúng Bà-la-môn... nêu có chúng gia chủ... nêu có chúng Sa-môn đến yết kiến Vua Chuyển Luân? hội chúng ấy được hoan hỷ vì được yết kiến Vua Chuyển Luân. Tại dấy, nếu vị Vua Chuyển Luân nói chuyện, hội chúng được hoan hỷ với bài nói chuyện. Và nếu Vua Chuyển Luân im lặng, chúng Sa-môn bị thất vọng.

Này các Tỷ-kheo9 có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Vua Chuyển Luân. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ãnanda. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo5 nếu chúng Tỷ-kheo đi đến yết kiến Ananda, hội chúng ấy hoan hỷ được yết kiến Ãnanda. Tại đấy5 nếu Ãnanda thuyết pháp, hội chúng ấy hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng Tỷ-kheo không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ãnanda giữ im lặng. Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo-ni... Này các Tỷ-kheo, nếu chúng nam cư sĩ... Này các Tỷ-kheo9 nêu chúng nữ cư sĩ... Này các Tỷ-kheo5 có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ãnanda.

XIV PHẨM LOÀI NGƯỜI (PUGGALAK4GGA)

I. KINH KIẾT SỬ (Samyojanasutta) (4 II. 133) 131. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận5 các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận. Nhimg ở dây, này các

Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận. Nhimg ở đây, này các Tỷ-kheo5 đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận. Nhimg ở đây, này các Tỷ-kheo? đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiêt sử khiên được sanh không được đoạn tận, các kiêt sử khiên được hữu không được đoạn tận? Đối với vị Nhất Lai, đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiêt sử không được đoạn tận? các kiêt sử khiên được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận. Đôi với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phân kiêt sử được đoạn tận, nhxmg các kiêt sử khiên được sanh không được đoạn tận9 các kiêt sử khiên được hữu không được đoạn tận? Đối với hạng người Thượng lưu đi đến sắc Cứu Cánh thiên. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phân kiêt sử được đoạn tận, nhimg các kiêt sử khiến được sanh không được đoạn tận? các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận. Đôi với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phân kiêt sử được đoạn tận5 các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

Đối với hạng người Trung gian Bát-niết-bàn, này các Tỷ-kheo? các hạ phần kiết sử được đoạn tận5 các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận? nhimg các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo5 các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận? Đối với bậc A-la-hán, này các Tỷ-kheo9 các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiêt sử khiên được sanh được đoạn tận, các kiêt sử khiên được hữu được đoạn tận. Có bôn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. II. KINH TRẢ LỜI (PaỊibhãnasuttay66 (4 II. 135) 132. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Trả lời tương ứng, trả lời không tự tại; trả lời tự tại, trả lời không tương ứng; trả lời tương ứng và trả lời tự tại; trả lời không tương ứng và trả lời không tự tại. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo? có mặt hiện hữu ở đời.

III. KINH LANH TRÍ (UgghữỊitafinũsutta)ỉ61 (Ả. II. 135) 133. Co bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào 168 biết một cách rộng rãi với các chi tiết,169 biết là bốn? Biết một cách tổng quát,166 167 cần phải hướng dẫn, chỉ giỏi về chữ nghĩa.170171 Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo9 có mặt hiện hữu ở đời.

IV. KINH KẾT QUẢ CỦA sự NỖ Lực (Ufíhãnaphalasutta)m (4 II. 135) 134. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sống nhờ kết quả của nỗ lực, sống không nhờ kết quả của hành động; sông nhờ kêt quả của hành động? sông không nhờ kêt quả của nô lực; sông nhờ kêt quả của nô lực và sông nhờ kêt quả của hành động; sông không nhờ kêt quả của nỗ lực và sống không nhờ kết quả của hành động. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời.

166 Xem Pug. 42. AA. III. 131: Yuttappaiỉbhãno no muttappatỉbhãnotỉ panham kathento yuttameva katheti, sĩgham pana na katheti, sanikameva kathetĩtỉ attho (t4Trả lời tương ứng, trả lời không tự tại,? nghĩa là khi được hỏi thế nào, thì trả lời đúng đắn, có liên hệ ý nghĩa, không trả lời hấp tấp, trả lời chậm rãi). 167 XemPug. 4U Netti. 2ìi. 168 Ugghatitannu: Sankhepannu (học vắn tắt). 169 Vipancitanriu\ Vỉtthãrỉtannuũ (học chi tiết). 170 Padaparamo\ Học thuộc lòng nhưng không hiểu. 171 Bản tiếng Anh của PTS: Effort, nghĩa là Nỗ ỉực. Xem Pug. 51. Trong AA. III. 132, cả hai thuật ngữ vãyãmaphala vàpunnajyhala được sử dụng khác nhau, và cho ví dụ: Vua cõi trời Bốn Thiên Vương và chư thiên sông không nô lực? sông nhờ ket qua của hành động. Vua và các vị đại than sông nhờ cả hai. Các chúng sanh ở đọa xứ thuộc loại thứ tư.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 395

V. KINH CÓ TỘI (Savajjasutta) (A. IL 135) 135. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Có tội, nhiều tội5 ít tội5 không có tội. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người có tội? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người thành tựu với thân nghiệp có tội, thành tựu với khẩu nghiệp có tội, thành tựu với ý nghiệp có tội. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có tội. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người nhiều tội? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thành tựu với thân nghiệp có tội nhiều, không tội ít; thành tựu với khẩu nghiệp có tội nhiều, không tội ít; thành tựu với ý nghiệp có tội nhiều, không tội ít. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người nhiều tội. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ít tội? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người thành tựu với thân nghiệp không tội nhiều, có tội ít; thành tựu vơi khẩu nghiệp không tội nhiều, có tội ít; thành tựu với ý nghiệp không tội nhiều, có tội ít. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người ít tội. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người không có tội? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người thành tựu với thân nghiệp không có tội, thành tựu với khẩu nghiệp không có tội? thành tựu với ý nghiệp không có tội. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người không có tội. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VI. KINH CÓ GIỚI THỨ NHẤT (PaỊhamasĩỉasutta) (Ắ. II. 136) 136. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không đầy đủ về giới, không đầy đủ vê định, không đây đủ vê tuệ. 0 đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người đây đủ vê giới, không đầy đủ về định, không đầy đủ về tuệ. Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người đầy đủ về giới, đầy đủ về định, không đầy đủ về tuệ. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đầy đủ về giới? đầy đủ về định, đầy đủ về tuệ. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VII. KINH CÓ GIỚI THỨ HAI (Dutiyasĩlasutta)m (4 II. 136) 137. Có bốn hạng người^ này các Tỷ-kheo? có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?*

172 Kinh này không nói đến hạng người đầu. Trong Pug. 37 có nói đến hạng người này. Hạng thứ hai chỉ cho Dự Liru và Nhất Lai; hạngthư ba là Bất Lai; hạng thứ tư là A-la-hán. Ỡiủ giải lại giai thích hạng thứ nhất là vô minh phàm phu; hạng thứ hai là phàm phu có giới; hạng thứ ba là Dự LưtCNhất Lai, Bât Lai; hạng thứ tư là A-la-hán.

Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không kính trọng giới, không xem giới là tôi thượng;173 không kính trọng định, không xem định là tôi thượng; không kính trọng tuệ? không xem tuệ là tối thượng. Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người kính trọng giới5 xem giới là tối thượng, không kính trọng định? không xem định là tối thượng, không kính trọng tuệ5 không xem tuệ là tôi thượng. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kính trọng giới, xem giới là tối thượng; kính trọng định, xem định là tối thượng; không kính trọng tuệ, không xem tuệ là tôi thượng. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kính trọng giới, xem giới là tối thượng; kính trọng định? xem định là tôi thượng; kính trọng tuệ, xem tuệ là tối thượng. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. VIII. KINH VIỄN LY (NikaḶihasuttd) (Ắ. II. 137) 138. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Thân viễn ly, tâm không viễn ly; thân không viễn ly, tâm viễn ly; thân không viễn ly, tâm không viễn ly; thân viễn ly và tâm viễn ly. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly, tâm không viễn ly? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng nệười sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; tại dấy, vị ấy nghĩ đển dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đen hại tầm. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly, nhưng tâm không viễn ly. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly, tâm viễn ly? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; tại dấy, vị ấy nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm vô sân, nghĩ đến tầm bất hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly, nhưng tâm viễn ly. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly và tâm không viễn ly? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vằng; tại dấy, vị ấy nghĩ đến dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đến hại tầm. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người thân không viễn ly và tâm không viễn ly. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly và tâm viễn ly? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng n^ười sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa văng; tại dây, vị ây nghĩ đên tâm xuât ly, nghĩ đên tâm không sân, nghĩ đến tầm không hại. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly và tâm viễn ly.

173 Ảdhipateyya: Kính trọng hay xem là tối thượng, quan trọng. Trong A. I. 147, ịetthãkakãrana, đặt vào vị trí thứ nhât.

CÓ bốn hạng người này5 này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời. IX. KINH VỊ THUYẾT PHÁP (Dhammakathikasuttd)^ (Ả. II. 138) 139. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người thuyết pháp này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuyết pháp, nói ít và không liên hệ đến vấn đề; và hội chúng không thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người thuyết pháp, nói ít và liên hệ đến vấn đề; và hội chúng thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người thuyết pháp, nói nhiều và không liên hệ đến vấn đề; và hội chúng không

thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuyết pháp5 nói nhiều và liên hệ đến vấn đề; và hội chúng thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người thuyêt pháp và vị ây được xem là hạng người thuyêt pháp cho một hội chúng tương tự. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người thuyết pháp này. X. KINH HẠNG THUYẾT TRÌNH (Vãdĩsutta) (A. II. 138) 140. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người thuyết trình này. Thế nào là bốn? Có hạng người thuyết trinh, này các Tỷ-kheo? đi đến ngõ bí về nghĩa,174175 không về văn; có hạng người thuyết trình, này các Tỷ-kheo, đi đến ngõ bí về văn, nhưng không về nghĩa; có hạng người thuyết trình, này các Tỷ-kheo? đi đến ngõ bí về văn cũng như về nghĩa; có hạng người thuyết trình, này các Tỷ- • Ị' kheo, không đi đên ngõ bí vê văn cũng như vê nghĩa. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người thuyết trình này. Không có trường hợp này, không có cơ hội này, này các Tỷ-kheo5 là một người thành tựu Bốn vô ngại giải,176 lại đi đến ngõ bí về văn cũng như về nghĩa.

174 Xem pg. 42. 175 Parỉyãdãnam gacchati: Khi bảo thuyết trình, vị ấy đứng im. 176 Bốn PaỊisambhidã: Nghĩa vô ngại giải (atBa), Pháp vô ngại giải (dhamma), Từ vô ngại giải (nỉruttỉ) và Biện tài vô ngại giải (patìbhãna).

XV PHẨM HÀO QUANG (ẤBHÂK4GGA)

I. KINH HÀO QUANG (Ẵbhăsutta) (A. II. 139) 141. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại hào quang này. Thế nào là bốn? Hào quang mặt trăng, hào quang mặt trời, hào quang ngọn lửa, hào quang trí tuệ. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại hào quang này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là hào quang trí tuệ. II. KINH ÁNH SÁNG (Pabhãsutta) (A. II. 139) 142. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa, ánh sáng trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Và này các Tỷ-kheo5 loại tối thượng trong bốn loại này là ánh sáng trí tuệ. III. KINH ÁNH LỬA (Ãlokasuttă) (A. II. 139) 143. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại ánh lửa này. Thế nào là bốn? Ánh lửa mặt trăng5 ánh lửa mặt trời, ánh lửa ngọn lửa, ánh lửa trí tuệ. Này các Tỵ-kheo, có bốn loại ánh lửa này. Và này các Tỷ-kheo5 loại tối thượng trong bốn loại này là ánh lửa trí tuệ. IV. KINH ÁNH CHIẾU (Ọbhãsasuttă) (A. II. 139) 144. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh chiếu này. Thế nào là bốn? Ánh chiếu mặt trăng, ánh chiếu mặt trời, ánh chiếu ngọn lửa, ánh chiếu trí tuệ. Này các Tỷ-kheo5 có bốn loại ánh chiếu này. Và này các Tỷ-kheo5 loại tối thượng trong bốn loại này là ánh chiêu trí tuệ. V. KINH ÁNH ĐÈN (Pafjotasutta) (A. II. 140) 145. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Thế nào là bốn? Ánh đèn mặt trăng, ánh đèn mặt trời, ánh đèn ngọn lửa, ánh đèn trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Và này các Tỷ-kheo5 loại tối thượng trong bốn loại này là ánh đèn trí tuệ. VI. KINH THỜI GIAN THỨ NHẤT (PaỊhamakãỉasutta) (Ắ. II. 140) 146. Có bốn loại thời gian này. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thời, quán đúng thời. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại thời gian này.

VII. KINH THỜI GIAN THỨ HAI (Dutìyakãỉasutta) (A. II. 140) 147. Có bốn loại thời gian, này các Tỷ-kheo, nếu khéo tu tập, nếu khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thòi, quán đúng thời. Bốn loại thời gian này, này các Tỷ-kheo, nếu khéo tu tập, khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi177 trời mưa nặng hạt và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy, thời ao nhỏ được tràn đây; ao nhỏ được tràn đầy, thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn được tràn đầy5 thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy, thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy, thời biển lớn đại dương được tràn đầy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bốn loại thời gian này, nếu khéo tu tập, nếu khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. VIII. KINH HẠNH Ác VÈ LỜI NÓI (Duccaritasutta) (A. II. 141) 148. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh ác về lơi nói này. Thế nào là bốn? Nói láo9 nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạnh ác về lời nói này. IX. KINH HẠNH THIỆN VÈ LỜI NÓI (Sucarítasutta) (4 II. 141) 149. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh thiện về lời nói này. Thế nào là bốn? Nói thật, không nói hai lưỡi, nói lời nhu hòa5 nói lời thông minh.178 Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạnh thiện về lời nói này. X. KINH LÕI (TINH TÚY) (Sãrasutta) (Ả. II. 141) 150. Nay các Tỷ-kheo9 có bốn lõi này. Thế nào là bốn? Lõi về giới, lõi về định, lõi về tuệ, lõi về giải thoát. Này các Tỷ-kheo? có bốn loại lõi này.

177 Xem s. II. 32. 178 Xem 4 II. 226; GS. II. 235 (kinh 221 ở sau). Mantabhãsã. D. II. 246 viết mantãya boddhabbam.

XVI. PHẨM CÁC CĂN (INDRIY4VÂGGA)19

L KINH CÁC CÃN ựndriyasutta)^ (A. II. 141) 151. Này các Tỷ-kheo, có bốn căn này. Thế nào là bốn? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn. Này các Tỷ-kheo, có bốn căn này.

II. KINH TÍN Lực (Saddhãbalasutta)m (A. II. 141) 152. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Tín lực, tấn lực, niệm lực? định lực. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

III. KINH TUỆ Lực (Pannabalasutta)^1 (A. IL 142)
153. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Tuệ lực, tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.179
183
182
181
180
Này các Tỷ-kheo5 có bôn lực này.
IV KINH NIỆM Lực (Satìbalasutta) (Ả. II. 142)

154. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Niệm lực, định lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.

Này các Tỷ-kheo, có bôn lực này.

V. KINH GIẢN TRẠCH Lực (PaỊisankhãnabaỉasutta) (A. II. 142)

155. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Giản trạch lực,184 tu tập lực, vô tội lực5 năng nhiếp lực.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

179 Tên phẩm và tên 2 kinh (151, 152) trong bản tiếng Anh của PTS: (Controlling) Powers, nghĩa là Các Lực (Nhiếp phục). 180XemX5. V. 168, 179. 181 Tham chiếu: KS. V. 223; Tạp.(r.02. 0099.667. 0184CÍ8); Tạp A-hàm kinh (T.02. 0101.18. 0497bll). 182 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Powers, nghĩa là Lực. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.670-672. 0185b01-18). 183 AA. III. 135: Sangahabalantisan^anhitabbayuttakanam sanganhanabalam (4íNăng nhiếp lực,, nghĩa là năng lực nhiếp những gì nên nhiếp). 184 Hai lực đầu, xem GS. I. 47.

VI. KINH KIẾP (Kappasutta)^5 (A. II. 142) 156. Này các Tỷ-kheo5 có bốn vô lượng của kiếp này. Thế nào là bốn? Khi kiêp chuyên thành, này các Tỷ-kheo9 thật không dê gì đê ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy5 có nhiều ngàn năm như vậy9 có nhiều trăm ngàn năm như vậy. Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại, này các Tỷ-kheo? thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy? có nhiều trăm ngàn năm như vậy. Khi kiếp chuyển hoại, này các Tỷ-kheo9 thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy5 có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy5 có nhiều trăm ngàn năm như vậy. Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại, này các Tỷ-kheo5 thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy? có nhiều trăm năm như vậy5 có nhiều ngàn năm như vậy? có nhiều trăm ngàn năm như vậy. Này các Ty.kheo, có bốn vô lượng của kiếp này.

VII. KINH BỆNH (Rogasutta) (4 II. 143) 157. Này các Tỷ-kheo, có hai loại bệnh này. Thế nào là hai? Bệnh về thân và bệnh về tâm. Này các Tỷ-kheo5 chúng ta thấy có chúng sanh tự nhận mình là không thân bệnh được một năm, tự nhận mình là không thân bệnh được hai năm, được ba... được bốn... được năm... được mười... được hai mươi... được ba mươi... được bôn mươi năm? tự nhận mình là không thân bệnh được năm mươi năm9 tự nhận mình là không thân bệnh được một trăm năm. Các chúng sanh ấy, này các Tỷ- kheo, rất khó tìm được ở đời là những chúng sanh tự nhận mình là không tâm 186 trừ những vị đã đoạn trừ các lậu hoặc. bệnh dầu chỉ trong một khoảnh khắc,185 Này các Tỷ-kheo? có bôn loại bệnh này cho người xuất gia. Thê nào là bôn? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có dục lớn, bực bội tức tối, không tự bằng lòng với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Vị ấy vì nhiều dục lớn, bực bội tức tối? không tự bàng lòng với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh; khởi lên thèm khát? ác dục, muốn được các điều không đáng được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ây nô lực, cô găng5 tinh

tân5 đê được các điêu không đáng được tán than, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ấy sau khi tính toán? đi đến các gia đình; sau khi tính toán, ngồi xuống; sau khi tính toán, thuyết pháp; sau khi tính toán, ngưng nín tiểu tiện5 đại tiện. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là bốn chứng bệnh của người xuất gia. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cân phải học tập như sau: "Ta sẽ không có dục

185 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.50.9. 0813b23). 186 XemKS. III. 2.

lớn, bực bội tức tối5 tự bằng lòng với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Ta sẽ không khởi lên thèm khát, ác dục? muốn được các điều không đáng được tán thán, muốn được các lợi duỡng, cung kính, danh vọng. Ta sẽ không nỗ lực? không cố gắng, không tinh tấn, đe được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Ta sẽ kham nhẫn lạnh, nóng, đói? khát, sự xúc chạm với ruồi và muỗi, với gió, mưa và các vật bò sát; [kham nhẫn] các hình thức nói thô lỗ khó chịu, khó chấp nhận; ta sẽ chịu đựng các khổ thọ về thân5 khởi lên khổ dau, nhói đau? mãnh liệt? kịch liệt, không khả hỷ5 không khả y, đứt mạng s6ng." Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập. VIII. KINH THỐI ĐỌA (Parihãnisutta) (A. II. 143) 158. Tại đây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Này các Hiền giả Tỷ-kheo. Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Thưa các Hiền gi*, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi thối đọa khỏi các thiện pháp?9 Đây được Thế Tôn gọi là thối đọa. Thế nào là bốn? Tham ái tăng thịnh; sân tăng thịnh; si tăng thịnh; đôi với các vân đê có mặt, không có mặt, không có tuệ nhãn soi thâu. Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy tự thân có bốn pháp này, cần jphải đi đến kết luận rằng: "T6i thối đọa khỏi các thiện pháp." Đây được The Tôn gọi là thối đọa. Thưa các Hiền giả% Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy tự thân có bốn pháp này5 cần phải đi đến kết luận rằngựTôi không thối đọa khỏi các thiện pháp.” Đây được Thế Tôn gọi là không thối đọa. Thế nao là bốn? Tham ái giảm thiêu; sân giảm thiểu; si giảm thiểu; đối với các vấn đề có mặt, không có mặt5 có tuệ nhãn soi thấu. Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào? thấy tự thân có bốn pháp này5 cần phải đi đến kết luận rằng: "T6i không thối đọa khỏi các thiện pháp." Đây được Thế Tôn gọi là không thối đọa. IX. KINH TỶ-KHEO-NI (Bhikkhunĩsuttd)^ (A. II. 144) 159. Một thòi, Tôn giả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi một Tỷ-kheo-ni187 188 gọi một người và nói: Hãy đến đây? thưa ông. Hãy đi đến Tôn giả Ananda, nhân danh tôi5 với đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ãnanda và nói: t4Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo-ni tên là... bị bệnh, khổ đau5 bị trọng bệnh. Tỷ-kheo-ni ẩy với đầu đảnh le Tôn giả Ãnanda và nói như sau: 'Lành thay! Thưa Tôn giả5 nếu Tôn giả Ãnanda đi đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni5 đi đến Tỷ-kheo-ni ấy vì lòng từ mẫn.'"

187 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.564. 0148al3). 188 Chú giải nói rằng vị Tỷ-kheo-ni này yêu kính Tôn giả Ãnanda.

Thưa vâng, nữ Tôn giả. Người ây vâng đáp Tỷ-kheo-ni ây, đi đên Tôn giả Ananda; sau khi đên? đảnh lễ Tôn giả Ãnanda, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy nói với Tôn giả Ãnanda: - Thưa Tôn giả9 Tỷ-kheo-ni tên... này bị bệnh, khổ dau, bị trọng bệnh? với đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ananda, và nói như sau: "Lành thay! Thưa Tôn giả5 nếu Tôn giả đi đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni, đi đến Tỷ-kheo-ni ấy, vì lòng từ m&n." Tôn giả Ãnanda im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Ãnanda đắp y, cầmy bát, đi đến tni xứ Tỷ-kheo-ni. Tỷ-kheo-ni ấy thấy Ton giả Ãnanda từ xa đi đên; sau khi thấy, liên trùm đầu và nằm trên giường. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Tỷ-kheo-ni ấy; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn săn. Sau khi ngôi5 Tôn giả Ananda nói với Tỷ-kheo-ni ây: Này chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Này chị? thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Này chị, thân này do kiêu mạn được tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cân phải đoạn tận. Này chị, thân này do dâm dục tác thành, y cứ vào dâm dục; dâm dục9 sự phá đổ cây cầu được Thế Tôn nói đến. Này chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Như vậy5 được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy? Này chị, ở đây5 Tỷ-kheo như lý quán sát,189 thọ dụng món ăn không phải để vui đùa5 không phải đê đam mê, không phải đê trang sức, không phải đê tự làm đẹp minh, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Nhu vậy, ta diệt trừ cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm tho mới5 và ta sẽ khồng có lỗi lầm5 sống được an ổn.,, Vị ấy sau một thời gian, dầu cho y cứ vào đồ ăn, vẫn không đắm trước đồ ăn. Này chị? thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Như vậy? được nói đến, do duyên này được nói đến. Này chị5 thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy? Ở đây, này chị, Tỷ- kheo nghe: "Tỷ-kheo tên này do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy suy nghĩ: "Thật vậy, ta cũng do đoạn tận các lậu hoặc... ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ây, sau một thời gian, dâu y cứ vào ái, đoạn tận ái. Này chị5 thân này do ái tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến9 do duyên này được nói đến. Này chị. thân này do kiêu mạn tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Như vậy5 được nói đên5 y cứ vào gì được nói đên như vậy? ơ đây?*

189 Xem s. II. 98, Puttamamsũpamasutta', s. IV. 104.

này chị? Tỷ-kheo nghe: acTỷ-kheo tên này, do đoạn diệt các lậu hoặc... Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoat?9 Vị ấy suy nghĩ: "Vậy sao ta không như vay?" Vị ấy, sau một thời gian, dầu y cứ vào kiêu mạn, đoạn tận kiêu mạn. Này chị, thân này do kiêu mạn tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đên9 do duyên này được nói đên. Này chị, thân này do dâm dục tác thành; dâm dục. sự phá đổ cây cầu được The Ton nói đen. Rồi Tỷ-kheo-ni ấy, từ giường đứng dậy. đắp thượng y vào một bên vai, với đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ananda, và thưa với Tôn giả Ãnanda:

Một lỗi con đã vi phạm,190191 thưa Tôn giả, vì ngu đần, vì si mê9 vì bất thiện. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Ãnanda chấp nhận cho con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai! Thật vậy9 này chj, thật sự chị đã phạm tội? vì ngu đần? vì si mê, vì bất thiện chị đã làm như vậy. Này chị, vì chị thấy phạm tội là phạm tội9 và như pháp phát lộ9 nên chúng tôi chấp nhận tội ấy cho chị. Này chị9 như vậy, Luật của bậc Thánh được tăng trưởng khi thấy được phạm tội là phạm tội, và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai. X. KINH LUẬT CỦA BẬC THIỆN THỆ (Sugatavinayasutta) (A. II. 147) 160. Này các Tỷ-kheo? khi bậc Thiện Thệ hay Luật của bậc Thiện Thệ an trú ở đời là vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho dời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thiện Thệ? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Như Lai có mặt ở đời, bậc A-la-hán5 Chánh Đẳng Giác, MÍnh Hạnh Tuc5 Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ9 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo5 đây là bậc Thiện Thệ. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Luật của bậc Thiện Thệ? Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn cú9 có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này các Tỷ-kheo9 đây là Luật của bậc Thiện Thệ. Này các Tỷ-kheo? khi bậc Thiện Thệ hay Luật của Thiện Thệ an trú ở đời, là vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời9 vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Có bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 các Tỷ-kheo học thuộc 16ng kinh, 191 được lãnh thọ sai lâm, với văn cú bị săp đặt đảo lộn. Do văn cú bị săp đặt đảo lộn5 này các

190 Hình thức phát lộ sám hối. Xem4 I. 59, 103; s. II. 127; Vỉn. I. 315. 191 Xem 41. 59; MA. 133.

Tỷ-kheo5 nên nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người khó nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành khó nói5 khó kham nhẫn. Họ không kính trọng192 lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm,193 bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy khôn^ nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận; khi họ mệnh chung, kinh bị cắt đứt tại gốc rễ? không có chỗ y cứ. Này các Tỷ-kheo5 đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão là những vị sống đầy đủ,194 lười biếng, dẫn đâu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn, đê đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ sau tiếp nôi theo tà kiên của họ. Thê hệ ây cũng sông đây đủ? lười biến^, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gang tinh tấn, đe đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo5 đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Này các

Tỷ-kheo, có bốn pháp này đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Này các Tỷ-kheo5 có bốn pháp này đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất. Thế nào là bốn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh được khéo lãnh thọ? với văn cú sắp đặt đúng đắn. Do văn cú được sắp đặt đúng đắn9 này các Tỷ-kheo? nên nghia lý được hướng dẫn đúng đắn. Này các Tỷ-kheo5 đây là pháp thứ nhất đưa đên Diệu pháp an trú, không hôn loạn và không biên mât. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người dễ nói? thành tựu với những pháp khiến cho trở thành dễ nói, kham nhẫn. Họ kính trọng những lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đôi với các Tỷ-kheo nghe nhiêu, thông hiêu các tập A-hàm, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận; khi họ mệnh chung, kinh không bị cắt đứt tận gốc rễ9 có chỗ y cứ. Này các Tỷ-kheo, đay là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

192 Appadakkhinaggãhĩ'. cầm tay trái, còn có nghĩa là vụng về. Ở đây dịch là không kính trọng. Xem s. II. 204. 193 Xem A. I. 117 II. 169; III. 360. Ẫgatãgamã. Ẫgama chỉ cho kinh điển; ở Tích Lan, ngày nay dùng thuật ngữ này đê chỉ cho đạo Phật. 194 Xemơy I. 66; MI. 14,32.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão không là những vị sống đay đủ, không lười biêng, Iđiôn^ dân đâu vê đọa lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, cố gắng tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc5 để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thê hệ vê sau tiêp nôi theo chánh kiên của họ; thê hệ ây không sông đây đủ5 không lười biếng, không dẫn đầu về đọa lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, cố gắng, tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo? đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất. Này các Tỷ-kheo, bôn pháp này đưa đên Diệu pháp được an trú, không hôn loạn và không biến mất.

XVII. PHẨM ĐẠO HÀNH (PĂTIPADẴVĂGGA)

I. KINH TÓM TẮT (Samkhittasutta) (A. II. 149) 161. Này các Tỷ-kheo9 có bốn đạo hành195 này. Thế nào là bốn? Đạo hành chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí khổ thắng trí196197 chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, có bôn đạo hành này. II. KINH CHI TIÉT(yỉtthãrasuttà)^ (A. II. 149) 162. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo? thế nào là đạo hành khổ thắng trí chậm? Ở đây9 có người bản tánh tham dục rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do tham dục (rãga) sanh; bản tánh sân rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh si rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ây, năm căn này hiện ra

rât mêm yêu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được vô gián định198 một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí chậm. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ thắng trí nhanh? Ở đây? này các Tỷ-kheo? có người bản tánh tham dục rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh si rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn. niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào5 người ấy đạt được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí nhanh.

195 Patỉpadã. XemDB. III. 101. 196 Abhỉhhã'. Thắng trí, có liên hệ đến thần thông. 197 Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.31.3. 0668al2). 198 Ãnantarỉyam samãdhỉm'. Vô gián định. Xem Vìsm. II. 675. , Sn. 40: Yam buddhasettho parivannayi sucim, sạmãdhỉmãnantarỉkanhamãhu (Điều mà đức Phật tối thặng đã ca ngợi là trong sạch, Ngài đã nói điêu ây là định cho quả không bị gián đoạn). Expos. I. 244 viết sự thất bại, không chứng được là do các triền cái. Nghĩa là thật khó cho vị ấy đoạn trư 5 hạ phần kiêt sử mà không có sự cô găng.

Này các Tỷ-kheo? thế nào là đạo hành lạc thắng trí chậm? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 có người bản tánh tham dục không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khô ưu do tham dục sanh; bản tánh sân không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh si không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn? tấn căn, niệm căn5 định căn9 tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí chậm. Này các Tỷ-kheo, thê nào là đạo hành lạc thăng trí nhanh? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bản tánh tham dục không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do sân sanh; bản tánh si không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn5 tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, người ấy đạt được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo5 có bốn đạo hành này.

III. KINH BẤT TỊNH (Asubhasutta) (A. II. 150) 163. Này các Tỷ-kheo5 có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là đạo hành khổ thắng trí chậm? Ở đây, nạy các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo199 sống quán bất tịnh trên than, với tưởng nhàm chán đôi với các món ăn9 với tưởng không hoan hỷ đôi với tât cả thế giới9 quán vô thường đối với tất cả hành; với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực,

tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn? định căn9 tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này mềm yếu, đạt được vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí chậm. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là đạo hành khổ5 thắng trí nhanh? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng nhàm chán đối với các món ăn? với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới5 quán vô thường đối với tất cả hành; với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực? tức là tín lực? tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn5 tấn căn5 niệm

199 Các kinh trước nói bất cứ người nào, kinh này chỉ rõ là vị Tỷ-kheo. Xem Dh. V. 80; It. 80.

căn, định căn5 tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này dồi dào, chứng được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn trừ các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc thắng trí chậm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp5 chứng và trú Thiền thứ nh§.. chứng và trú Thiền thứ hai... chứng và trú Thiền thứ ba... xả lạc xả khổ, chấm dứt khổ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực5 tức là tín lực? tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn5 tấn căn5 niệm căn5 định căn5 tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này mêm yêu, đạt được vô gián định một cách chậm chạp đê đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí chậm. Này các Tỷ-kheo5 thê nào là đạo hành lạc thăng trí nhanh? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp5 chứng và trú Thiền thứ nhất... chứng và trú Thiền thứ hai... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư... Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực này, tức là tín lực5 tàm lực5 quý lực? tân lực, tuệ lực. Với vị ây, năm căn này hiện ra rât dôi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn9 định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào9 vị ấy chứng được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, có bôn đạo hành này. IV. KINH KHAM NHẪN THỨ NHẤT (Pathamakhamasutta) (A. II. 152) 164. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành không kham nhẫn, đạo hành kham nhẫn, đạo hành nhiếp phục, đạo hành an tịnh. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là đạo hành không kham nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người chửi mắng lại kẻ đã chửi mắng, sân hận lại với kẻ đã sân hận, gây lộn lại với kẻ đã gây lộn. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là đạo hành không kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là đạo hành kham nhẫn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không nhiếc mắng lại kẻ đã nhiếc mắng, không sân hận lại kẻ đã sân hận, không gây lộn lại với kẻ đã gây lộn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là đạo hành nhiêp phục? ơ đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi măt thây săc, không năm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; phàm do nhân duyên gì nhãn căn này không được chế ngự, khiến cho tham ái5 ưu bi, các ác5

bất thiện khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, sống với sự chế ngự nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý biết pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; phàm do nhân

duyên gì ý căn này không được chế ngự, khiến cho tham ái5 iru bi, các ác, bất thiện khởi lên? vị ây chê ngự nguyên nhân ây? thọ trì ý căn, sông với sự chế ngự ý căn. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là đạo hành nhiếp phục. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào gọi là đạo hành an tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chấp nhận dục tầm khởi lên9 từ bỏ? tẩy sạch, làm cho an tịnh, chấm dứt, khiến đi đến không sanh hữu, không có chấp nhận sân tầm khởi lên... không có chấp nhận hại tầm khởi lên... không có chấp nhận các ác5 bất thiện khởi lên, từ bỏ? tẩy sạch? làm cho an tịnh, chấm dứt, đưa đến không sanh hữu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành an tịnh. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. V. KINH KHAM NHẪN THỨ HAI Ụữutiyakhamasuttd) (À. II. 153) 165. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành không kham nhẫn, đạo hành kham nhẫn5 đạo hành nhiếp phục, đạo hành an tịnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành không kham nhẫn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người không kham nhẫn lạnh, nóng5 đói5 khát, sự xúc chạm của ruồi9 muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; không kham nhẫn những hình thức chửi mắng? phỉ báng; không thể chịu đựng các cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, kịch liệt? không khả hy, không khả ý9 chết điếng người. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là đạo hành không kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là đạo hành kham nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kham nhẫn lạnh, nóng, đói5 khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những hình thức chửi mắng, phỉ báng; có thể chịu đựng các cảm thọ về thân khởi lên? khổ đau, nhói đau5 mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ, không khả ý9 chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo, thê nào gọi là đạo hành nhiêp phục? dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người khi măt thây săc không năm giữ tướng chung... (như kinh 164). Này các Tỷ-kheo? đây gọi là đạo hành nhiếp phục. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là đạo hành an tịnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chấp nhận dục tầm khởi lên... (như kinh 164). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành an tịnh. Này các Tỷ-kheo? có bốn đạo hành này. VI. KINH CẢ HAI (Ubhayasuttdỷ^ (Ả, II. 154) 166. Này các Tỷ-kheo, co bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

200 Bản tiếng Anh của PTS: In Further Detail, nghĩa là Với các chỉ tiết.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đạo hành này là khổ thắng trí chậm. Này các Tỷ- kheo, đạo hành này về cả hai phương diện gọi là hạ liệt; vì đạo hành này là khổ9 do duyên này, đạo hành được gọi là hạ liệt; vì đạo hành này thắng trí chậm5 do duyên này, đạo hành được gọi là hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này về cả hai phương diện gọi là hạ liệt.

Ở đây? này các Tỷ-kheo, đạo hành này là khổ thắng trí nhanh. Này các Tỷ- kheo, đạo hành này do khổ nên gọi là hạ liệt. Ở dây, này các Tỷ-kheo? đạo hành này là lạc thắng trí chậm. Này các Tỷ- kheo, đạo hành này do thắng trí chậm nên gọi là hạ liệt. Ở dây, này các Tỷ-kheo? đạo hành này là lạc thắng trí nhanh. Này các Tỷ- kheo, đạo hành này cả hai phương diện được gọi là thù thắng; vì đạo hành này lạc, do duyên này, đạo hành được gọi là thù thắng; vì đạo hành này thắng trí nhanh chóng, do duyên này, đạo hành được gọi là thù thắng. Này các Tỷ-kheo5 đạo hành này về cả hai phương diện được gọi là thù thắng. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

VII. KINH MAHẢMOGGALLÃNA (Mahãmoggallãnasutta)2ồi (A. II. 154) 167. Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Tôn giả Moggallãna; sau khi dến, nói lên với Tôn giả Moggallãna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Moggallãna: —Này Hiền giả Moggallãna, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này Hiền giả, có bốn đạo hành này. Trong bốn đạo hành này? này Hiền giả? đạo hành nào, do đi đến đạo hành này, tâm của Hiền giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc5 không có chấp thủ? Này Hiền giả Sãriputta, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khô thăng trí chậm; đạo hành khô thăng trí nhanh; đạo hành lạc thăng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này Hiên giả, có bôn đạo hành này. Trong bôn đạo hành này, này Hiên giả5 đạo hành khổ thắng trí nhanh, do đi đến đạo hành này, tâm của tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VIII. KINH SÃRIPUTTA (Sãriputtasutta) (A. II. 155) 168. Tôn giả Moggallãna đi đến Tôn giả Sãriputta... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Moggallãna nói với Tôn giả Sâriputta: Này Hiền giả Sãriputta, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?... Này Hiền giả, có bốn đạo hành này.

201 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Sãrỉputta and Moggaỉỉãna, nghĩa là Tôn giả Saripiitta và Tôn giả Moggallana.

412 KINH TĂNG CHI Bộ

Trong bốn đạo hành này, này Hiền giả, đạo hành nào, do đi đến đạo hành này, tâm của Hiên giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có châp thủ? Này Hiền giả Moggallãna, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này Hiền giả, có bốn đạo hành này. Này Hiền giả, trong bốn đạo hành này, đạo hành lạc thăng trí nhanh, do đi đên đạo hành này, tâm của tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

IX. KINH VỚI MỘT VÀI NỖ Lực (Sasankhãrasuttd) (A. II. 155) 169. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.202 Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người khi thân hoại mệnh chung, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại, chứng được

Vô hành Bát-niết-bàn. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mệnh chung, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng nhàm chán đối với các đồ ăn5 với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành; với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực9 tàm lực? quý lực5 tấn lực5 tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn5 định căn5 tuệ căn. Vị ây, do năm căn này dôi dào, ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Như vậy? này các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mệnh chung, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân... với tưởng chết, vị ây khéo an trú nội tâm. Vị ây sông y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực9 tàm lực? quý lực5 tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn? niệm căn, định căn? tuệ căn. Do năm căn này mềm yêu, khi thân hoại mệnh chung, vị ây chứng được Hữu hành Bát-niêt-bàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi thân hoại mệnh chung chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

202 XemDB. III. 227.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục? ly bất thiện pháp... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực9 tàm lực, quý lực5 tấn lực5 tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn9 niệm căn, định căn9 tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Như vậy, nàỵ các Tỷ-kheo5 có hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niet-bàn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người khi thân hoại mệnh chung, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực5 tàm lực, quý lực, tân lực, tuệ lực. Với vị ây, năm căn này hiện ra rât mêm yêu, tức là tín căn9 tấn căn, niệm căn, định căn9 tuệ căn. Do năm căn này mềm yêu? vị ấy khi thân hoại mệnh chung, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mệnh chung chứng được Vô hành Bát-niết-bàn Này các Tỷ-kheo5 có bôn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. X. KINH GẮN LIỀN CỘT CHẶT (Yuganaddhasutta)203 (4 IL 156) 170. Một thời, Tôn giả Ãnanda sống ở Kosambí, tại khu vườn Ghosita. Tại dấy, Tôn giả Ãnanda gọi các Tỷ-kheo: Thưa các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt ta rằng5 đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này. Thế nào là bốn? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập thiền quán, có thiền chỉ đi trước. Do vị ấy tu tập thiền quán có thiền chỉ đi trước, con đường (m^ggơ)204 được sanh khởi. Vị ấy thực

hành con đường ấy, tu tập5 làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tap, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận5 các tùy miên205 được chấm dứt. Lại nữa, này chư Hiên, vị Tỷ-kheo tu tập thiên chí, có thiên quán đi trước.

203 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.560. 0146c20). Yuganaddha'. Một cặp liên kết nhau. Xem AA. III. 144. 204 Đó là con đường siêu thế thứ nhất (Dự lưu). 205 Anusayã'. Tùy miên. Bảy tùy miên được đề cập trong A. IV. 9. Tham khảo A. I. 44; GS. I. 46; KS. II. 167.

Do vị ây tu tập thiên chỉ có thiên quán đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập5 làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập cả hai thiền chỉ5 thiền quán gắn liền với nhau.206 Do vị ấy tu tập cả hai thiền chí, thiền quán gắn liền với nhau, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tap, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo với các dao động đối với các pháp được hoàn toàn dứt sạch. Này các Hiền giả, đây là thời khi tâm của vị ấy an trú, an tọa, nhất tâm, định tĩnh. Với vị ấy, con đường sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ây, tu tập5 làm cho sung mãn. Do vị ây thực hành, tu tập9 làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt. Này chư Hiền, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt ta rằng đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này.

206 Đây có nghĩa là samasĩsa, đồng một lượt. Chủ giải giải thích khi chứng đạt, vị ấy làm an tịnh các hành. Khi các hành an tịnh, vị ấy chứng đắc.

xvin. PHẨM TƯTÂM SỞ (SANCETANIYAVAGGA)

L KINH VỚI Tư TÂM SỞ (Cetanãsutta)2ồ1 (4 II. 157) 171. Này các Tỷ-kheo, khi nào có hành động về thân,207 do nhân tư tâm sở 208209 về thân,2?9 khởi lên lạc khổ nôi tâm. Khi nào có hành động về lời, do nhân tư tâm sở về lời, khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về ý? do nhân tư tâm sở về ý? khởi lên lạc khổ nội tâm. Hay là do vô minh.210 Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm thân hành đôi với người ây, do duyên này khởi lên lạc khô nội tâm cho người ây. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khô nội tâm cho người ây. Hoặc này các Tỷ-kheo5 không có tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm khẩu hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm khâu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo? do tự mình làm ý

hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ây. Hoặc này các Tỷ-kheo? do duyên người khác làm ý hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Này các Tỷ-kheo, trong những pháp này, có vô minh tháp tùng. Do sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn của vô minh5 thân hành ấy không c6, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; khẩu hành ấy không c6, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; ý hành ấy không có? do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Thửa ruộng không c6, căn cứ không c6,

207 Sancetanã. Xem M. III. 207. 208 AA. III. 144 viết kãye là kãyadvãre, kãyavirínattĩyã, với cử chỉ chân tay. 209 Kãyasancetanãhetu'. Do nhân tư tâm sở, có khả năng làm cho hành động được hình thành. 210 Avijjãpaccayãvã. AA. III. 144: Avịjjãpaccayãvãtỉ avijjakaraneneva ("Hay là do vô minh,, nghĩa là “hay bởi nhan vô minh”).

xứ không có5 duyên sự không c6, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. -211 Này các Tỷ-kheo5 có bốn cách này để được ngã tánh. Thế nào là bốn? Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của nguòi khác. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ây, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo5 trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động. Này các Tỷ-kheo9 có bốn cách này để được ngã tánh. Khi được nói vậy5 Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau: Tại dấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này5 do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động5 không phải do tư tâm sở của người khác; do nhân ngã tư tâm sở, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy212 của các chúng sanh ấy. Tại dấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động? không phải ngã tư tâm sở;213 do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy. Tại dấy, bạch Thế T6n, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động; do nhân ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy214 của các chúng sanh ấy. Tại dấy, bạch Thế T6n, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động. Trong trường hợp ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động, thời hạng chư thiên nào cần được xem là trong trường hợp này? Này Sãriputta, hạng chư thiên đi đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cần được xem là trong trường hợp ấy. —Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gi, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mệnh chung từ bỏ thân ấy, đã trở lui lại, đã trở lui lại trong trạng thái này? Do nhân gi, do duyên gi, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi thân

hoại mệnh chung, từ bỏ thân ấy, đã không trở lui lại, không trở lui lại trong trạng thái này?

211 Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là kinh 172, Getting Personality, nghĩa là Được ngã tánh. 212 Chú giải giải thích đây là trường hợp chư thiên được gọi là Khiddãpadosikã, tức chỉ cho chư thiên bị nhiễm lậu hoặc bởi dục lạc. XcmDB. I. 32. 213 Đây là những chư thiên bị nhiễm hoặc bởi tâm trí (Manopadosikã), chỉ cho chư thiên thuộc Bốn Thiên Vương. 214 Chủ giải giải thích trường hợp này chỉ cho những người tự tử và bị giết.

ơ đây, này Sãriputta, đôi với hạng người năm hạ phân kiêt sử chưa đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về dấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đọa, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ [thân ái]5215216 đã trở lui lại,216 trở lui 217 lại trạng thái này. Ở đây5 này Sãriputta, đối với hạng người năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về dấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đọa9 khi thân hoại mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ [thân ái] ấy, nhưng không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này. Này Sãriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mệnh chung, từ bỏ thân ấy... đã không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này. II. KINH PHÂN TÍCH (VỉbhattỉsuttdÝ^ (A. II. 160) 172. Tại dây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Thưa các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: -Thưa các Hiền giả5 sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Nệhĩa vô ngại giải218 được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú.219220 vấn đề ay5 với nhiều pháp môn, tôi nói lên5 tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ5 tôi trình bày5 tôi an lập5 tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy,22° khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.221

215 Chữ kãya ở đây có nghĩa là nhóm. 216 Xem GS. I. 58: Vì rằng vị ấy bị trói buộc bởi tự ngã, còn các vị Bất Lai chỉ bị trói buộc bên ngoài. 217 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.29.5 0656c). 218 Bốn ph của Vô ngại giải (Atthapatỉsambhỉdã): Nghĩa (attha), Pháp (Dhammã), Từ (Nirutti: Định nghĩa) và Biện tài (Patỉbhãnà). 219 Odhỉso byanjanaso. AA. III. 149: Odhỉsotỉ kãranaso. Byaíyanasotỉ akkharaso ("Vừa đặc trưng,, nghĩa là theo bấn chất, theo cách thực hiện. "Vừa theo văn èù" nghĩa là theo câu chữ). 220 AA. III. 149: So mam panhenãtỉ so mam panhena upa^acchatu. Aham vẹyyãkaranenãtỉ ahamassa panhakathạnena cỉttam ãrãdhessãmỉ (4íNgười ây hỏi t6i" nghĩa là ngượi ây lại gân hỏi tôi. 44Tồi trả lời người ây" nghĩa là tôi sẽ làm thỏa mãn câu hỏi từ tâm ý của người ây), s. III. 110: Ahamovãdena ahamanuggahena

ahamanusãsanỉyã (Ta giáo giới [cho ong], Ta giúp đỡ [cho ông], Ta giảng dạy [cho ông]). 221 Dhammãnam sukusalo. Giống như nghĩa bhagavammũlakã no, bhante, dhammã...pe.... Xem s. II. 24, 80, 198; III. 181. Trong AA. III. 150: Yo no dhammãnam sukusaỉotỉ yo amhãkam adhỉgatadhammãnam sukusalo satthã, so esasammukhĩbhũto (4tMột bậc rất thiện xảo trong các pháp của chúng ta" nghĩa là bậc Đạo sư của chúng ta thiện xảo trong các pháp đã đạt được, người ấy có mặt tnrớc bậc Đạo sư).

Thưa các Hiền giả? sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Pháp vô ngại giải được chứng ngộ5 vừa đặc biệt... tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì5 nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp. Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới trong nửa tháng, Từ vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đac biệt... tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gi, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp. Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Biện tài vô ngại giải được chứng ngộ9 vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. vấn đề ấy, với nhiều pháp môn5 tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng5 tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gi, nào có ích gì người ây hỏi tôi và tôi trả lời người ấy? khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rât khéo thiện xảo trong các pháp. III. KINH MAHAKOTTHITA (MahãkoỊthikasutta)222 (Ắ. II. 161) 173. Rồi Tôn giả Mahãkotthita223 đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãkotthita thưa với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diet, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa? Chớ có nói vậy, thưa Hiên giả. -Thưa Hiên giả? sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa? Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả? sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa? Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn9 không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa? Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả, khi được hỏi: "Thua Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn5 còn có một cái gì khác nữa?" Hiên giả nói: "Chớ có nói vậy? thưa Hiền gi2." Khi được hỏi: "Thua Hiền giả, sau khi đoạn diet, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?" Hiền giả nói: uChớ có nói vậy, thưa Hiền giả." Khi được hỏi: "Thua Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không

222 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.249. 0059c27). 223 Xem I. 24, được xem là vị Phân tích đệ nhất.

CÓ dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?" Hiền giả nói: 6íChớ có nói vậy, thưa Hiền gia.” Sau khi được hỏi: "Thua Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?” Hiền giả

nói: "Chớ có nói vậy? thưa Hiền giả/5 Thưa Hiền giả, như thế nào cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này? "Thưa Hiền giả5 sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?^ Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. "Thua Hiên giả? sau khi đoạn diệt... không có dư tàn? không còn có cái gì khác nữa?' Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. "Thua Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, còn có và không còn cái gì khác nữa?^ Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. 6íThưa Hiền giả5 sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?" Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. Thưa Hiền giả, cho đến khi nào có sự đi đến sáu xúc xứ, cho đến khi ấy, có sự đi đến hý luận. Cho đến khi ấy, có sự đi đến hý luận, cho đến khi ấy, có sự đi đên sáu xúc xứ. Thưa Hiên giả, do sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, hý luận được đoạn diệt, hý luận được tịnh chỉ. IV. KINH ÃNANDA (Ẫnandasutta)224 (A. II. 162) 174. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Tôn giả Mahãkotthita; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahãkotthita những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Mahãkotthita: Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn5 có phải còn có vật gì khác? -Chớ có nói vậy5 thưa Hiền giả. (Như đoạn trên, khi Tôn giả Sãriputta trả lời cho Tôn giả Mahãkotthita cho đến... ÍẼhý luận được tịnh chí") V. KINH UPAVÃNA (Upavãnasutta)225 (A. II. 163) 175. Rồi Tôn giả upavãna đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sãriputta... ngồi xuống một bên... Thưa Hiền giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ]226 nhờ minh hay không?

224 Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 173 và 174, trình bày liên tục trong mục IV (174), Kotthita, nghĩa là Tôn giả Kotthita. 22^Tham chiếu: Tạp.(02. 00.251. 0060Ồ22); Đại Câu-hy-la kỉnh (roi. 0026.211. 0790b08). Trong s. I. 174, vị này hầu đức Phật và chữa lành bệnh. Trong s. II. 41, vị này được dạy về khổ, v.v... 226 Theo Chủ giải, đây chỉ cho người chấm dứt đau khổ.

—Thưa không, này Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh hay không? -Thưa không, này Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh và hạnh hay không? Thưa không, này Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] ngoài minh và hạnh hay không? Thưa không, này Hiên giả. —Khi được hỏi: "Thua Tôn giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh hay kh6ng?" Tôn giả nói: "Thua kh6ng, này Hiền gia" Khi được hỏi: "Thua Tôn giả Sãriputta, có thể có người chẩm dứt [đau khổ] nhờ hạnh hay khong?^ Tôn giả nói: "Thua không, này Hiền giA." Khi được hỏi: "Thua Tôn giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau kho] nhờ minh và hạnh hay kh6ng?" Tôn giả nói: "Thua không, này Hiền giKhi được hỏi: "Thua Tôn giả Sãriputta, có thể có người chấm dứt [đau khô] ngoài minh và hạnh hay kh6ng?" Tôn giả nói: "Thua không, này Hiền gi" Như thế nào9 thưa Hiền giả5 [cần phải hiểu] có người chấm dứt [đau khổ]? -Này Hiền giả5 nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh, thời

người ây vân là người châm dứt [đau khô] với châp thủ. Này Hiền ệiả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh, thời người ấy vẫn là người châm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh và hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả5 nếu có người chấm dứt [đau khổ] ngoài minh và hạnh, thời một người phàm phu có thể là người chấm dứt [đau khô]. Vì, thưa Hiền giả9 người phàm phu không có minh và hạnh. Này Hiền giả, người khônạ có hạnh thì không như thật thấy và biết, người có hạnh đầy đủ thì như thật thay và biết. Khi như thật thấy và biết thì người đó là người chấm dứt [đau khổ]. VI. KINH MONG CẦU (Ẅyãcanasutta) (Ả. II. 164) 176. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong câu như sau: "Mong ta sẽ được như Tôn giả Sãriputta, Tôn giả Moggallãna.,, Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sãriputta, Moggallãna. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni có lòng tin, nêu có chơn chánh mong câu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như Tỷ-kheo-ni Khemã và Tỷ-kheo-ni UppalavaỊựia." Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ dùng để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo- ni của Ta, tức là Khemã và Uppalavanna.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 421

Này các Tỷ-kheo? nam cư sĩ có lòng tin, nêu chơn chánh mong câu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như gia chủ Citta, và Hatthaka người

Này các Tỷ-kheo5 họ là cán cân, là đô đê đo lường các đệ tử nam cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka người ÃỊavĩ. Này các Tỷ-kheo, nữ cư sĩ có lòng tin, nêu có chơn chánh mong câu, hãy mong cầu như sau: “Mong ta sẽ được như nữ cư sĩ Khujjuttara và VeỊukandakĩ mẹ của Nandã.59 Này các Tỷ-kheo? họ là cán cân, là đô đê đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttara và VeỊukandakĩ mẹ của Nandã. VII. KINH RẢHULA (Rãhulasutta)221 (A. II. 164) 177. Rồi Tôn giả Rãhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rãhula đang ngồi một bên: -Này Rãhula, phàm có nội địa giới gì, phàm có ngoại địa giới gì, đều là địa giới này. Cân phải như thật thây địa giới ây với chánh trí tuệ rằng: C6Cái này không phải của t6i, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.55 Do thấy như thật [địa giới] này với chánh trí tuệ9 vị ấy nhàm chán địa giới. Với trí tuệ9 vị ấy tẩy sạch tâm. Này Rãhula, phàm có nội thủy giới gì, phàm có ngoại thủy giới gì? đều là thủy giới này... phàm có nội hỏa giới gi, phàm có ngoại hỏa giới gi, đều là hỏa giới này... phàm có nội phong giới gì? phàm có n^oại phong giới gì, đều là phong giới này. cần phải như thật thấy phong giới ay với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi? cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i.” Do thấy như thật [phong giới] này với chánh trí tuệ? vị ấy nhàm chán phong giới. Với trí tuệ? vị ây tẩy sạch tâm. Khi nào, này Rãhula? Tỷ-kheo đối với bốn giới này, không có tùy quán là tự ngã hay thuộc ngã sở9 này Rãhula? vị này được gọi là Tỷ-kheo đã cắt đứt ái, đã giải tỏa các kiết sử, đã chơn chánh minh quán kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau. VIII. KINH HỒ NƯỚC Ở LÀNG (Jambãlĩsutta)22S (Ả. II. 165) 178. Này các Tỷ-kheo5 có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

chấn, không có tịnh tín, không an trú, không giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được có thân diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một người lấy tay có dính nhựa cầm một cành cây, tay của vị

227 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.465. oil8c24). 228 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.492. 0128b01). 229 Một trong tám thành tựu tức Bốn thiền và Bốn không.

ây sẽ dính vào, năm lây, cột vào cành cây ây. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? Tỷ- kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm không có phấn chấn, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được có thân diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chứng đạt và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diet, tâm vị ấy phấn chấn, tịnh tín, an trú và giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo như vậy là có chờ đợi được có thân diệt. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? một người lấy tay sạch cầm một cành cây, tay của vị ấy không dính vào, không nắm lấy, không cột vào cành cây ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheơ, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ây tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm vị ấy phấn chấn, tịnh tín, an trú và giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được có thân diệt. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm không có phấn chấn, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước đã được nhiều năm, có người đến bịt tất cả các 10 nước chảy vào, mở ra tat cả các 10 nước chảy ra, và trời lại không mưa đều đặn. Hồ nước như vậy5 này các Tỷ-kheo? không có chờ đợi tức nước vỡ bờ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm không có phấn chấn, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ở đây, nay các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đạt được yà an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm có phấn chấn, có tịnh tín, có an trú, có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một hồ nước đã được nhiều năm, có người đến mở tất cả các lỗ nước chảy vào và bịt tất cả các lỗ nước chảy ra, và trời lại mưa đều đặn. Hồ nước như vậy, này các Tỷ-kheo, có chờ đợi tức nước vỡ bờ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm có phấn chấn? có tịnh tín, có an trú, có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo? có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. IX. KINH NIẾT-BÀN (Nibbãnasutta) (A. II. 167) 179. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Sãriputta:

Do nhân gì, thưa Hiền giả Săriputta, do duyên gì9 ở đây, lại có một số chúng sanh ngay trong hiện tại không có chứng nhập Niết-bàn?230 Ở đây, này Hiền giả Ananda, chúng sanh không như thật quán tri: 6aCác tưởng này231 dự phần vào thối dQa“ không như thật quán tri: “Các tưởng này dự phần vào an trú”; không như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thù thắng„; không như thật quán tri: “Các tưởng này dự phần vào the nhập.„ Này Hiền giả Ãnanda, đây là nhân, đây là duyên; do vậy5 ở đây, có hạng chúng sanh ngay trong hiện tại không chứng nhập Niết-bàn. -Thưa Hiên giả Sãriputta, do nhân gì, do duyên gì, ở dây, có hạng chúng sanh ngay trong hiện tại chứng nhập Niết-bàn? —Ở đây, này Hiền giả Ananda, chúng sanh như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thối đọa,9; như thật quán tri: 66Các tưởng này dự phần vào an trú” như thật quán tri: “Các tưởng này dự phần vào thù thắng"; như thật quán tri: “Các tưởng này dự phần vào thể nhap." Này Hiền giả Ananda, do nhân này, do duyên này, ở đây, có các chúng sanh ngay trong hiện tại chứng nhập Niết-bàn. X. KINH ĐẠI CĂN cứ ĐỊA (Mahãpadesasutta)232 (A. II. 167) 180. Một thời, Thế Tôn trú ở Bhoganagara, tại điện Ãnanda. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyêt vê bôn đại căn cứ địa này. Hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn đại căn cứ địa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: “Này Hiền giả, đối diện Thế Tôn, tôi nghe như vậy; đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: 'Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo SU'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cân phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Neu chúng không phù hợp với Kinh,

230 Parỉnỉbbãyantĩ. Xem s. IV. 102, Sakka hỏi đức Phật một câu tương tự, và đức Phật trả lời vì thọ hưởng dục lạc. 231 Sannã. Xem D. III. 277; Vism. I. 88. Trong các loại định này, các tưởng dự phần vào thối đọa (hãnabhãgiyã) là do các pháp chông đôi thường sanh khởi; các tưởng dự phân vào ạn trú (thiti) vi do Sự có mặt thường xuyên của niệm xứ hợp với định. Các tưởng dự phân vào thù thăng (yỉsesa) vì sự chứng đạt các pháp thù thăng. Các tưởng dự phân vào thê nhập là do sự tân công của tưởng và niệm tương ưng với nhàm chán. Xem Ps. I. 35. 232 Tham chiếu: Tdng.(7.02. 0125.28.5.0652bl3); Du hành kinh (7.01.0026.2.0011a07).

không tương ứng với Luật,233 thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm." Này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng. Nhxmg ở dây, này các Tỷ-kheo5 có Tỷ-kheo nói như sau: “Này Hiền giả, đối diện Thê Tôn, tôi nghe như vậy; đôi diên với Thê Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo SU.5 Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói

của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đôi chiêu với Luật. Nêu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chẫn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo tốt đẹp?9 Này các Tỷ-kheo? đây là đại căn cứ địa thứ nhất, các ông cần phải thọ trì. Nhưng ở dây, này các Tỷ-kheo? có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị Thượng tọa? với vị Thủ chúng. Đối diện Tăng chúng ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với Tăng chúng ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp5 đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo SU."' Này các Tỷ-kheo5 các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Ch chan những lời nàỵ không phải lời dạy của Thế T6n, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo ay đã thọ giáo sai lầm.,, Này các Tỷ-kheo? các ông hãy từ bỏ chúng. Nhưng ở đây5 này các Tỷ-kheo? nêu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị Thượng tọa, với vị Thủ chúng. Đối diện với Tăng chúng ây, tôi nghe như vậy; đôi diện với Tăng chúng ây, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.9,9 Này các Tỷ-kheo5 các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận^ "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo5 như vậy là đại căn cứ địa thứ hai, các ông cần phải thọ trì. Nhưng ở dây, này các Tỷ-kheo, nêu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có nhiều Trưởng lão Tỷ-kheo ở, những vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp5 trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với các Trưởng lão ấy, tồi nghe như vậy; đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Này các Tỷ-kheo5 các ông

233 Ở đây chỉ nói Pháp và Luật, và như vậy chỉ có hai tạng: Kinh và Luật. Chủ giải DA. II. 566 cố gắng chứng minh Pháp là chỉ cho Kinh tạng và Luận tạng.

không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ5 mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đôi chiêu với Luật và nêu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm?5 Này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng. Nhimg ở đây5 này các Tỷ-kheo5 nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có nhiều Trưởng lão Tỷ-kheo ở5 những vị này là những bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, bậc trì ppáp, trì Luật? trì Toát yếu. Đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi nghe

như vậy; đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán5 không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng5 mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sảnh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đôi chiêu với Luật và nêu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy là lời dạy của Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh.” Này các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ ba, các ông cần phải thọ trì. Nhưng ở đây? này các Tỷ-kheo9 nêu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có vị Trưởng lão, vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yêu. Đôi diện với vị Trưởng lão ây, tôi nghe như vậy; đối diện với vị Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su.”' Này các Tỷ-kheo? các ông không nên tán thán5 không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ5 mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác và các Tỷ-kheo ây đã thọ giáo sai lâm.,, Và này các Tỷ-kheo5 các ông hãy từ bỏ chúng. Nhung ở đây? này các Tỷ-kheo, nêu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có vị Trưởng lão5 vị này... không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thê kêt luận: uChăc chăn những lời này là lời dạy của Thế Tôn5 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Trưởng lão ấy đã thọ giáo chơn chánh.^, Này các Tỷ-kheo? như vậy là đại căn cứ địa thứ tư, các ông cần phải thọ trì. Này các Tỷ-kheo5 có bốn đại căn cứ địa này.

XIX. PHẨM BÀ-LA-MÔN (BRÃHMANAVAGGA)

L KINH NGƯỜI CHIẾN sĩ (īòdhãjīvasutta) (A. II. 170) 181. Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo5 một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ thiện xảo về xạ trinh, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn. Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo? một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này9 Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là người có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), có uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ, chấp nhận và học tập các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thiện

xảo về xạ trình. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm sắc gì thuộc quá khứ, vj lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế5 liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “cai này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Phàm có cảm thọ gì thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “cai này không phải của tôi? cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi?9 Phàm có tưởng gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế? liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả tưởng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Ci này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i."

Phàm có các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại5 nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các hành5 vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi5 cái này không phải tự ngã của t6i.” Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là toi? cái này không phải tự ngã của t6i." Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo bắn xa. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là kh6"; như thật quán tri: “Dây là khổ tap" như thật quán tri: uĐây là khổ diet"; như thật quán tri: C6Đay là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ- kheo bắn như chớp nhoáng. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn. Đầy đủ bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, 1 vô thượng phước điền ở đời.

II. KINH AN TOÀN (PãỊibhogasutta) (4 II. 172) 182. Này các Tỷ-kheo, không một Sa-môn? Bà-la-môn? Thiên, Mãra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đôi với bôn pháp. Thê nào là bôn? Bản tánh bị già, mong rằng không già, không một Sa-môn? Bà-la-môn? Thiên, Mãra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này. Bản tánh bị bệnh? mong rằng không bệnh, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên? Mãra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này. Bản tánh bị chêt? mong răng không bị chêt? không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Mãra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này. Khổ quả của những ác nghiệp ấy [những nghiệp] tạp nhiễm, đưa đến tái sanh, đem lại phiền muộn, đem lại khổ, quả dị thục sanh, già, chết trong tương lai, kết quả của những nghiệp ấy mong rằng không có hiện hữu. Không một Sa-môn? Bà-la-môn, Thiên, Mãra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này. Này các Tỷ-kheo, không một Sa-mon9 Bà-la-môn, Thiên, Mãra? Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với bốn pháp này.

III. KINH ĐIỀU ĐƯỢC NGHE (Sutasuttd) (A. II. 172) 183. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá)5 tại VeỊuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakãra, vị đại thần nước

Magadha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Bà-la-môn Vassakãra, vị đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn: -Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau5 thây như sau: "Khi người nào nói lên điều mình thấy: 'Tôi thấy như do vậy, người ấy không có lỗi gì. Khi người nào nói lên điều mình nghe: 'Tôi nghe như vay5; do vậy, người ấy không có lỗi gì. Khi người nào nói lên điều mình cảm giác: 6Tôi cảm giác như vậy9; do vậy? người ấy không có lỗi gì. Khi người nào nói lên điều mình thức tri: 'Tôi thức tri như v^y' do vậy, người ây không có lôi gi." -Này Bà-la-môn, Ta khôn^ nói rằng: "Tất cả điều được thấy nên nói ra" Này Bà-la-môn5 Ta không nói rang: "Tất cả điều được thấy không nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được nghe nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "T2t cả điều được nghe không nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác nên nói ra." Này Bà-la-môn5 Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác không nên nói ra." Này Bà-la-môn5 Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri không nên nói ra." Này Bà-la-môn5 phàm nói ra điêu ệì được thây, các pháp bât thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, Ta nói rằnệ điều được thấy như vậy không nên nói ra. Và này Bà-la-môn5 phàm nói ra điêu gì được thấy, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, Ta nói rằng điều thấy như vậy nên nói ra. Này Bà-la-môn, phàm nói ra điều gì được nghe... phàm nói ra điều gì được cảm giác... phàm nói ra điều gì được thức tri, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, Ta nói rằng điều thức tri như vậy không nên nói ra. Và này Bà-la-môn, phàm nói ra điều gì được thức tri, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, Ta nói rằng điều thức tri như vậy nên nói ra. Rồi Bà-la-môn Vassakãra, vị đại thần xứ Magadha hoan hỷ5 tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. IV. KINH KHÔNG sợ HÃI (Abhayasutta) (A. II. 173) 184. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, tôi thấy như sau, tôi nói như sau: "Không có một ai bản tánh bị chêt mà không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đên chet." -Này Bà-la-môn, có người bản tánh bị chêt, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Nhưng này Bà-la-môn, có người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Và nàỵ Bà-la-môn, thế nào là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết? Ở đây, này Bà-la-môn, có người không ly tham đối với các dục? không ly

ham muôn, không ly luyên ái9 không ly khát ái, không ly nhiệt não, không ly tham ái. Rôi một chứng bệnh trâm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự các dục khả ái sẽ bỏ ta"hay "ta sẽ từ

bỏ những dục khả §i." Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực9 rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Lại nữa, này Bà-la-môn? ở đây có người không ly tham đối với thân... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "That sự thân khả ái sẽ bỏ ta", hay “ta sẽ từ bỏ thân khả ái." Người ấy sầu muộn? than vãn9 khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn9 đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi? rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Lại nữa, này Bà-la-môn5 ở đây có hạng người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "That sự ta không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi5 làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp. Tại sanh thú nào mà những người không làm điều lành? không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp, sau khi chết, ta đi đến sanh thú y." Người ay sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà- la-môn? đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi5 rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Lại nữa. này Bà-la-môn. ở đây có hạng người nghi ngờ do dự, không đi đến kết luận đối với Diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọnệ ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta có nghi ngờ, do dự5 không đi đên kết luận đôi với Diệu pháp.” Người ấy sầu muộn, than van, khóc 16c, đập ngực5 rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là bốn hạng người bản tánh bị chêt, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đên chết. Và này Bà-la-môn? thê nào là người bản tánh bị chêt5 không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết? Ở đây, này Bà-la-môn? có hạng nệười ly tham đối với các dục, ly ham muốn5 ly luyến ái... Rồi một chứng bệnh trâm trọng khởi lên cho người ây. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự các dục khả ái sẽ bỏ ta", hay "ta sẽ từ bỏ các dục khả ái." Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, không sợ hãi5 không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Lại nữa, này Bà-la-môn5 ở đây có người ly tham đối với thân? ly ham muốn5 ly luyến ái... Rồi một chứng bệnh tràm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự thân khả ái sẽ từ bỏ ta", hay "ta sẽ từ bỏ thân khả ái này.” Người ấy không sầu muộn,

không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn? đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Lại nữa5 này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp? làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trâm trọng ây, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp? làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi. Tại sanh thú nào mà những người không làm điều ác5 không làm điều hung

bạo, không làm điều phạm pháp5 làm điều lành, làm điêu thiện, có che chở kẻ sợ hãi, sau khi chêt? ta đi đên sanh thú ây.” Người ấy không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn5 đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hai, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không có nghi ngờ, không CÓ do dự9 đi đên kêt luận đôi với Diệu pháp. Rôi một chứng bệnh trâm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không có nghi ngờ5 không có do dự5 đi đến kết luận đối với Diệu pháp.” Người ấy không có sầu muộn? không có than van, không có khóc I6c, không có đập ngực5 không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi5 không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chet. Này Bà-la-m6n, có bốn hạng người bản tánh bị chết, không có sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama chấp nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. V KINH CÁC Sự THẬT BÀ-LA-MÔN (Brãhmanasaccasutta)234 (A. II. 176) 185. Một thời5 Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá)9 Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, nhiều vị du sĩ có danh tiếng, có thời danh sống ở khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappinĩ như Annabhãra, Varadhara, Sakuludãyĩ, và những vị du sĩ có danh tiếng, có thời danh khác. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy5 đi đến khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappinĩ. Lúc bây giờ? giữa các du sĩ ngoại đạo ây đang ngôi họp, câu chuyện này được khởi lên: "Dây là những sự thật Bà-la-môn, đây là những sự thật Bà-la-m6n.” Rồi Thế Tôn đi đến các du sĩ ấy; sau khi đến5 ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xong, Thế Tôn nói với các du sĩ ấy:

234 Tham chiếu: Tăng.(T02. 0125.26.8. 0639a01); Tạp.(7.02. 0099.972. 0251a20); Biệt Tạp. (T.02. 0100.206. 0450c05).

Nay câu chuyện gì được khởi lên, này các du si, khi các ông đang ngồi họp ở đây? Câu chuyện gì chưa được nói xong giữa các ông? Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi đang ngồi họp, câu chuyện này khởi lên giữa chúng tôi: "Dây là những sự thật Bà-la-môn5 đây là những sự thật BXla-mGn." Bốn sự thật Bà-la-môn này,235 này các du sĩ5 sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, đã được Ta tuyên bố lên. Thế nào là bốn? Ở đây, này các du sĩ, Bà-la-môn235236 nói như sau: "Tất cả loài hữu tình không được làm hại." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy, vị ấy không nghĩ đến: "Sa-m6n"; không nghĩ đến: "Bà-la-m6n"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: “Ta bằng [các người khác]"; không nghĩ đến: “Ta là hạ liet.” Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở dây, người ây thực hành lòng thương tưởng, lòng từ mân đôi với các loài hữu tình. Lại nữa, này các du sĩ, Bà-la-môn nói như sau: "Mọi dục (kãma) là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự that, không nói láo. Do vậy5 vị ấy không nghĩ đến: "Sa-m6n"; không nghĩ đến: "Bà- la-môn,,; không nghĩ đến: “Ta hơn [các người khac]^; không nghĩ đến: “Ta bằng [các người khc; không nghĩ đến: "Ta là hạ ỉiệty Lại nữa, do thắng tri sự thật

hàm chứa ở dấy, [trong lời nói ấy] người ấy thực hành nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với các dục. Lại nữa, này các du sĩ, Bà-la-môn nói như sau: "Tất cả hữu (bhãvă) là vô thường, khô5 chịu sự biên hoại." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy, vị ấy không nghĩ đến: "Sa-m6n" không nghĩ đến: "Bà- la-m6n"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta bằng [các người kháq" không nghĩ đến: "Ta là hạ liệf, Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở đấy, người ấy thực hành nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với các hữu. Lại nữa, này các du sĩ, người Bà-la-môn nói như sau: "Ta không là bất cứ ai, thuộc bất cứ ai, bất cứ là gì. Trong ấy, không có cái gì được gọi là của ta, bất cứ ở đâu5 bất cứ là gi." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy? vị ấy không nghĩ đến: "Sa-m6n"; không nghĩ đến: "Bà-la-m6n"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta bằng [các người khác]^,; không nghĩ đến: "Ta là hạ ỉiệty Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở đấy, [trong lời nói ấy] người ấy thực hành con đường không có sự vật gì. Này các du sĩ, có bốn sự thật Bà-la-môn này, Ta đã tự mình chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố lên.

235 Năm pháp được nói đến trong M. II. 199 tức là sự thật, khổ hạnh, sống tốt, nghe nhiều và bố thí. 236 Chú giải: Khĩnãsava là vị đã đoạn tận các lậu hoặc.

VI. KINH CON ĐƯỜNG SAI LẠC (Ummaggasutta)231 (A. II. 177) 186. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, thế giới do cái gì hướng dẫn, thế giới do cái gì được diễn tiến,238 đi đến sự thuần phục của cái gì được khởi lên? Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo5 hiên thiện là con đường (ummaggo) ông đặt vấn dề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-ldieo, có phải ông hỏi như sau: "Bạch Thế Tôn? thế giới do cái gì hướng dẫn? thế giới do cái gì được diễn tiến, đi đến sự thuần phục của cái gì được khởi len?99 -Thưa vâng? bạch Thế Tôn. Này Tỷ-kheo, thế giới do tâm hướng dẫn, thế giới do tâm được diễn tiến, đi đến sự thuần phục của tâm được khởi lên. - Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi Thế Tôn một câu khác: —Bậc nghe nhiều, trì pháp. Bậc nghe nhiều, trì pháp, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là một bậc nghe nhiều, trì pháp? Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo5 hiên thiện là con đường ông đặt vân dề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo, có phải ông hỏi như sau: "Bậc nghe nhiều, trì pháp. Bậc nghe nhiều, trì pháp, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là một bậc nghe nhiều, trì pháp?“ -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. -Nhiều, này Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ5 Như thị thuyêt, Bôn sanh, Vị tăng hữu pháp5 Phương quảng. Này Tỷ-kheo? nếu ai hiểu nghĩa một bài kệ có bốn câu, hiểu pháp và thực hành pháp tùy pháp, người ấy được gọi là vị nghe nhiều, trì pháp. Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo sau khi hoan hỷ... lại hỏi thêm câu nữa: Bậc có nghe với trí tuệ thể nhập (nibbedhikapanno). Bậc có nghe với trí tuệ thể nhập, bạch Thế Tôn, được nói đến như yậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc có nghe với

trí tuệ thể nhập?237 238

237 ưmmqgga. Vin. V. 144 viết ummangọ. Tham chiếu: Tâm kỉnh (roi. 0026.172. 0709al2); Ỷ kỉnh (T.02. 0099.1009. 0264al9); Ỷkỉnh (T.02. 0100.326. 0459b07); Ỷkỉnh (7.02. 82. 0901b23). 238 ẤA. III. 164: Parỉkassatĩ = Ẫkaddhỉyati. Trong s. I. 39, câu hỏi này được viết theo thể kệ thơ: Kenassu ríĩyatỉ ỉoko, kenassuparỉkassatiì Kissassu ẹkadhammassa, sabbeva vasamanvagữl (Vật gì dắt dẫn đời? Vật gì tự não hại? Và có một pháp nào, mọi vật đêu tùy thuộc?)

Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo5 hiền thiện là con đường ông đặt vấn đề? hiền thiện là sự biện tài, hiên thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo9 có phải ông hỏi như sau: "Bậc có nghe với trí tuệ thể nháp. Bậc co nghe với trí tuệ thể nhập, bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn? được gọi là bậc có nghe với trí tuệ thể nhap?" Thưa vâng, bạch Thế Tôn. -Ở gây, này Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo được nghe: "Đây là kho9,? thể nháp và thấy ỵ nghĩa ấy với trí tuệ; được nghe: "Rây là khổ tap", thể nhập và thấy ý nghĩa ấy với trí tuệ; được nghe: C6Đây là khổ dief \ thể nhập và thấy ý nghĩa ấy với trí tuệ; được nghe: "Dây là con đường đưa đến khổ diet", thể nhập và thấy ý nghĩa ây với trí tuệ. Như vậy5 này Tỷ-kheo9 là vị có nghe với trí tuệ thể nhập. -Lành thay! Bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ? tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi thêm một câu khác: Bậc Hiền trí? Đại tuệ. Bậc Hiền trí, Đại tuệ, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc Hiền tri, Đại tuệ? -Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo5 hiên thiện là con đường ông đặt vân dề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo5 có phải ông hỏi như sau: "Bậc Hiền trí, Đai tuệ. Bậc Hiền trí, Đại tuệ? bạch Thế Ton, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc Hiền trí/Đại tue?" - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. - Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, Đại tuệ? không có nghĩ tự làm hại mình5 không có nghĩ tự làm hại người, không có nghĩ tự mình làm hại cả hai; có suy nghĩ điêu gì thời suy nghĩ lợi mình, lợi người, lợi cả hai5 lợi toàn thê thê giới. Như vậy, này Tỷ-kheo5 là bậc Hiền trí, Đại tuệ. VII. KINH VASSAKÃRA (Vassakãrasuttă) (A. II. 179) 187. Một thòi, Thế Tôn trú ở Rặjagaha (Vương Xá), tai Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rôi Bà-la-môn Vassakãra, một đại thân nước Magadha, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn Vassakãra, bậc đại thần nước Magadha, bạch r-rvt Ấ rr\ /V The Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, người không phải chân nhân có thê biêt một người không phải chân nhân: này không phải là bậc chân nhân,, không? Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: này không phải là bậc chân nhân." Thưa Tôn giả Gotama, người không phải chân nhân có thể biết bậc chân nhân: này là bậc chân nhân,, không? Không có trường hợp này, này Bà-la-môn9 không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: uVị này là bậc chân nhân.,,

Thưa Tôn giả Gotama, bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: này là bậc chân nhân,, không? -Có trường hợp, này Bà-la-môn9 có cơ hội để một bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: này là bậc chân nhân.” —Nhimg thưa Tôn giả Gotama, có trường hợp một bậc chân nhân biết một người không phải là chân nhân: này không phải là bậc chân nhân,9 không? -Có trường hợp, này Bà-la-môn, một bậc chân nhân có thể biết một người không phải là chân nhân: này không phải là bậc chân nhân.,, -Thật vi diệu thay5 thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tồn giả Gotama! Thật là khéo nói, là lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp ĩià này Bà-la-môn, không có cơ hội đế một người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: 6Vị này không phải la bậc chân nhân/ Không có trường hợp này, này Bà-la-môn5 không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này la bậc chân nhân/ Có trường hợp này5 này Bà-la-môn, một bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân/ Có trường hợp này, này Bà-la-môn? một bậc chân nhân có thể biết một người không phải là chân nhân: 'Vị này khồng phải là bậc chân Một thời5 thưa Tôn giả Gotama, hội chúng của Bà-la-môn Todeyya đang nói lên những lời nhiêc măng người khác như sau: "Ngu si là Vua EỊeyya, đã quá hoan hỷ với Sa-môn Rãmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rãmaputta, tức là đảnh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy9 chắp tay, đối xử thân thiện. Lại nữa, những tập đoàn này của Vua EỊeyya là ngu si, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nãvindakĩ, Gandhabba, Aggivessa. Những người này đã quá hoan hỷ với Sa-môn Rãmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rãmaputta. tức là đảnh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đối xử thân thiện.95 Này Bà-la-mQn, ông có thấy239 như thế nao Bà-la-môn Todeyya dẫn dắt chúng bằng cách dắt dẫn này: "Các vị nghĩ thế nào, hiền trí là Vua EỊeyya? Giữa những người có minh kiến ệiải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiên giải quyêt những vân đê cân được giải thích, có phải Vua EỊeyya được xem là vị có minh kiến thù thắng?" —Thưa vâng, Tôn giả! Hiền trí là Vua EỊeyya. Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích, Vua EỊeyya được xem là vị có minh kiến thù thang. Vì rằng Sa-môn Rãmaputta còn hiền trí hơn sự hiền trí, còn có minh kiến thù thắng hơn sự minh kiến thù thắng của Vua EỊeyya, giữa những người có minh kiến giải quyết nhữnệ vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cân được giải thích; do vậy5 Vua EỊeyya đã

239 AA. III. 165: Tyãssudantỉ ettha assudantỉ nỉpãtamattam ("Nhu vậy chiing", assudam chỉ là bất biến từ). XemS. I. 19&&.I. 285.

quá hoan hỷ với Sa-môn Rãmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rãmaputta, tức là đảnh lễ5 từ chỗ ngồi đứng dậy5 chắp tay, đối xử thân thiện. Các Tôn giả nghĩ thế nào? Có phải hiền trí là tập đoàn của Vua EỊeyya, nhưYamaka, Moggalla, Ugga5 Nãvindakĩ, Gandhabba, Aggivessa không? Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh

kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích, có phải tập đoàn của Vua EỊeyya là những bậc có minh kiến thù thắng? Thưa vâng, Tôn giả! Hiền trí là tập đoàn của Vua EỊeyya, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nãvindakĩ, Gandhabba, Aggivessa. Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích, tập đoàn Vua EỊeyya được xem là những bậc có minh kiến thù thắng. Vì rằng Sa-môn Rãmaputta được xem là còn hiền trí hơn, còn có minh kiến thù thắng hơn sự minh kiến thù thắng của tập đoàn Vua EỊeyya, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đê tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đê cần được giải thích; do vậy, tập đoàn của Vua EỊeyya đã quá hoan hỷ với Sa- môn Rãmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rãmaputta, tức là đảnh lễ? từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đối xử thân thiện. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật là khéo nói5 lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp này, này Bà-la-môn9 không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: 'Vị này không phải là bậc chân nhân/ Không có trường hợp này, này Bà-la-môn5 không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân/ Có trường hợp này, này Bà-la-môn? để một bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân/ Có trường hợp này, này Bà-la-môn? để một bậc chân nhân có thể biết một người không phải là chân nhân: 'Vị này không phải là bậc chân nhân.'" Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng tôi phải đi5 chúng tôi có nhiêu công việc, có nhiều phận sự phải làm. Này Bà-la-môn, ông hãy làm những gì mà ông nghĩ là hợp thời. Rồi Bà-la-môn Vassakãra, bậc đại thần xứ Magadha, hoan hỷ với lời Thế Tôn dạy, tâm tư tùy hỷ5 từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi ra đi.

VIII. KINH UPAKA (Upakasutta) (A.ỉl. 181) 188. Một thời? Thế Tôn trú ở Rậịagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi upaka Mandikãputta240 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ

240 Xem Vin. I. 8; M. I. 170. Chủ giải giải thích tên của vị ấy là Ưpaka, con trai của Manậikã, người ủng hộ^Devadatta. Unaka đên gặp đức Phật vì muôn biêt đức Phật có chỉ trích hay tán thán mình. Có chỗ viêt Ưpaka đên đê măng nhiêc Phật vì đức Phật đã làm cho Devadatta rơi vào địa ngục.

Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 upaka Mandikãputta bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, con thấy như sau, con nói như sau: "Ai bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, người ấy về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình; do không thể bênh vực lập trường của mình, người ấy đáng bị quở trách, đáng bị phạm t0i." -Này upaka, ai bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, người ấy về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình; do không thể bênh vực lập trường của mình, người ấy đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội. Này upaka, ông bắt đàu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy? ông về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình; do không thể bênh vực lập trường của

minh, ông đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội. -Ví nhu, bạch Thế Tôn, một người bắt con vật của mình săn với một bẫy sập lớn khi con vật thò đầu ra. Cũng vậy5 con bị Thế Tôn bắt với cái bẫy sập lớn bằng chữ khi con vừa mới mở miệng [khi con vừa mới thò đầu ra]. Này Upaka, “dây là bất thiện,\ Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu? với vô lượng chữ, với vô lượng thuyết pháp của Như Lai: 66Đây là pháp bất thien.” Này upaka, "bất thiện này cần phải đoạn tận,\ Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyêt pháp của Như Lai: "Đây, pháp bất thiện này cần phải đoạn tận.,, Này upaka, uđây là thieq", Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyết pháp của Như Lai: "Bây là pháp thien.” Này upaka, "thiện này cần phải tu tap”Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyêt pháp của Như Lai: "Đây, pháp thiện này cần phải tu tập.,, Rồi Upaka Manậikãputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy5 từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn5 thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Ajatasattu Vedehiputta,241242vua nước Magadha. Sau khi đến, Upaka tường thuật lại cho Ajatasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, nghe tất cả cuộc đàm luận với FT^I Á rri A The Ton. Được nghe nói như vậy9 Ajatasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, phẫn nộ5 không hoan hỷ nói với Ưpaka Mandikãputta: Thật là độc hại,242 đứa trẻ làm muối này! Thật là lắm mồm5 thật là kẻ liều mạng, nghĩ rằng nó có thể nhiếc mắng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy đi di, này upaka! Chớ để ta thấy ngươi nữa!243

241 Vedehiputto là con của một công chúa nước Kosaka. Xem DB. II. 78; DA. I. 139. Vedehi còn là tên gọi cho một người sáng suốt. 242 Yãva dhamsĩ. Xem M. I. 326. Nhìn vẻ ngoài, người ấy thuộc giai cấp hạ tiện. 243 Chủ giải thêm ý cíngười ấy bị túm cổ kéo ra ngoài".

IX. KINH CHỨNG NGỘ (Sacchikaranĩyasuttd) (Ắ. II. 182) 189. Này các Tỷ-kheo? có bốn pháp này cần phải chứng ngộ. Thế nào là bốn? Có pháp, này các Tỷ-kheo9 cần phải chứng ngộ bằng thân; có pháp, này các Tỷ-kheo? cân phải chứng ngộ băng niệm; có pháp? này các Tỷ-kheo5 cân phải chứng ngộ bằng mắt; có pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ. Và này các Tỷ-kheo9 thê nào là các pháp cân phải chứng ngộ băng thân? Tám giải thoát, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng thân. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng niệm? J ,* .. . Đời sông trước, này các Tỷ-kheo5 cân phải chứng ngộ băng niệm. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng con mắt? Sanh tử của chúng sanh, này các Tỷ-kheo5 cần phải chứng ngộ bàng con mắt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ? Sự đoạn diệt các lậu hoặc, này các Tỷ-kheo, cân phải chứng ngộ băng trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này cần phải chứng ngộ.

X. KINH NGÀY TRAI GIỚI (Uposathasutta) (A. II. 183) 190. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Pubbãrãma, trong lâu đài của mẹ Migãra.244 Lúc bấy giờ5 Thế Tôn nhân ngày Lễ Trai giới, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang im lặng; im lặng5 roi The Tôn bảo các Tỷ-kheo: —Này các Tỷ-kheo, không nói lời phù phiêm, là hội chúng này; không nói lời vô ích? là hội chúng này; thanh tịnh,

an lập trên căn bản. Chúng Tỷ-kheo này như vậy? này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy khó tìm được ở đời! Chúng Tỷ-kheo này như vậy5 này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, 1 vô thượng phước điền ở đời! Chúng Tỷ-kheo này như vậy9 này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy5 này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy, dâu cho ít, được lợi nhiêu; còn cho nhiêu, lại được lợi nhiều hơn nữa. Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy? này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy5 nếu phải đi một do-tuần để được yết kiến cũng nên di, dầu có phải mang theo trên vai túi đựng đồ ăn.245 Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chúng Tỷ-kheo này.

244 Tín nữ Visākhã được cha chồng là Migãra tôn ximg là "me" (mãtã), nên Visākhã còn được là Mẹ của Migãra (Migãramãtã). 245 Putamsenãtipỉ. Xem 4 II. 239; GS. II. 245 (kinh 242 ở sau); D. I. 117; DA. I. 288. Trong AA. III. 168: Tassattho - puto amse assãtỉ putamso, tena putamsena, amsena pãtheyyapuịam vahantenãpĩtỉ vuttam hoti (Theo nghĩa nẳy, putamso là cái túi trên vai, cái túi này đựng vật thực mang trên vai khi đi đường). Bản Tích Lan và Campuchia viết assaputam.

438 KINH TẢNG CHI BỘ

CÓ những Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị chư thiên. Có những Tỷ-kheo9 này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Phạm thiên. Có những Tỷ-kheo5 này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Bất động. Có những Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo5 trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được Thánh vị. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là Tỷ-kheo sông đạt được địa vị chư thiên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư... và an trú. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị chư thiên. Và này cảc Tỷ-kheo? thê nào là Tỷ-kheo sông đạt được địa vị Phạm thiên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương và an trú... với tâm cùng khởi với bi... với tâm cùng khởi với hỷ... với tâm cùng khởi với xả? biến mãn một phương và an trú. Cũng vậy5 phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế ệiới, trên5 dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên thế giới5 vị ây biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận5 không sân. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm thiên. Và như thê nào9 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sông đạt được địa vị Bất động? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các tưởng chướng ngại, sau khi không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hu không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô bien9\ chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gi", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chứng đạt Bất động. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo chứng

đạt địa vị bậc Thánh? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là kh8" như thật quán tri: uĐây là kho tap" như thật quán tri: “Dây là khổ diet” như thật quán tri: "Dây là con đường đưa đến khổ diet" Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ- kheo đạt được địa vị bậc Thánh.

XX. PHẨM LỚN (MAHẴVAGGA)

I. KINH NGHE VỚI TAI (Sotãnugatasutta) (4 II. 185) 191. Này các Tỷ-kheo5 các pháp do được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời5 do ý quán sát? do kiến khéo the nhập, có bon lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp? Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy n^ie bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiên khéo thể nhập. Vị ấy khi mệnh chung bị thất niệm, được sanh C0ng trú với một loại chư thiên. Tại dấy, các vị sống an lạc đọc các pháp cú cho vị ấy. Này các Tỷ-kheo? chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng. Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp băng tai, do tụng đọc băng lời, do ý quán sát9 do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lòi, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy, khi mệnh chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại chư thiên. Tại dấy, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy. Nhimg có Tỷ-kheo có thần thông, đã đạt được tâm tự tại,246 thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp, Luật mà trước đấy ta đã sống Phạm hạnh." Này các Tỷ-kheo5 chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng trống. Nệười ấy không có nghi nệờ? Idiông có do dự đó là tiến^ trống hay không phải tiêng trống. Người ấy đi đen kết luận: "Bây là tiếng trống?9 Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyêt, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bôn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, vị ây được nghe bằng tai... chúng sanh ấy đi đến thù thăng. y y Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp băng tai, do tụng đọc băng lòi, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập5 đây là lợi ích thứ hai được chờ đợi.

246 Cetovasỉppatto. Xem 4 II. 35; GS. II. 43 (kinh 36 ở trước).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lòi, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập... Nhimg không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và một thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp, Luật mà trước đây ta đã sống Phạm

hạnh.,, Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo vê tiêng tù và. Người ây trong khi đi giữa đường có thể nghe tiếng tù và. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự đó là tiếng tù và hay không phải tiếng tù và. Người ấy đi đến kết luận: "Dây là tiếng tù vS.” Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng5 Cảm hứng ngữ, Như thị thuyêt, Bôn sanh, Vị tăng hữu phPhương quảng. Các pháp ây được vị ây nghe bằng tai, được tụng đọc băng lời5 do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập... Nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và một thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Bây chính là Pháp, Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh?5 Này các Tỷ-kheo5 chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng. Này các Tỷ-kheo5 do được nghe các pháp băng tai, do tụng đọc băng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập? đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được đọc tụng bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập... Nhtrng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại5 thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và không có thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhimg có thể có người được hóa sanh, nhắc nhở khiến cho nhớ lại sự hóa sanh: “Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chô ây, chúng ta trước đã sông Phạm hạnh?^ Vị ấy trả lời: "Này bạn, toi nhớ! Này bạn, tôi nhớ!^ Này các Tỷ-kheo? chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, hai người bạn cùng chơi trò chơi đất bùn5 hai người vào một thời nào, một chỗ nào được gặp nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: "Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ cái này kh6ng?" Người ấy có thể trả lời: "Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nh&!" Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, do được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lòi, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập. Nhimg không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và không có

thiên tử thuyêt pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thê có người được hóa sanh, nhắc nhở khiến cho nhớ lại sự hóa sanh: “Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta trước đã sống Phạm hạnh?59 Vị ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nh&!” Này các Tỷ-kheo5 chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng. Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp băng tai, do tụng đọc băng lời5 do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi. Này các Tỷ-kheo5 do được nghe các pháp băng tai, dơ tụng đọc băng lời, do ý quán sát, do kiên khéo thê nhập? có bôn lợi ích này được chờ đợi. IL KINH CÁC TRƯỜNG HỢP (Thãnasutta) (4 II. 187) 192. Này các Tỷ-kheo? có bốn trường hợp này, cần phải được hiểu với bốn trường hợp. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, với cộng trú,

giới cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài? không thể khác được; có tác ý5 không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ. Này các Tỷ-kheo5 với cùng chung làm một nghề5 thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài5 không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ. Này các Tỷ-kheo5 trong những hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết? như vậy trong một thời gian dài, không thế khác được; có tác ý? không có không tác ý; với trí tuệ5 không phải với liệt tuệ. Này các Tỷ-kheo, với đàm luận5 trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý5 không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ. Này các Tỷ-kheo, với cộng trú, giới cân phải được hiêu biêt, như vậy trong một thời gian dài5 không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ5 không phải với liệt tuệ5 như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người do cộng trú với một người khác, biết được như sau: "Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này làm giới bị bể vụn5 làm giới bị cắt xén, làm giới bị vết nho, làm giới bị chấm đen, việc làm không có liên tục, hạnh kiểm không có liên tục trong các giới. Ác giới là Tôn giả này5 Tôn giả này không giữ giới.,, Nhimg ở dây, này các Tỷ-kheo5 người này do cộng trú với người kia, biết như sau: "Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này không làm giới bị bể vụn, không làm giới bị cắt xén, không làm giới bị vết nho, không làm giới bị chấm đen, việc làm có liên tục, hạnh kiểm có liên tục trong các giới. Giữ giới là Tôn giả này5 Tôn giả này không phải ác gi&i." Này các Tỷ-kheo, với cộng trú, giới cân phải được hiêu biêt, như vậy trong

một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ5 như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đên. Do duyên gì được nói đên như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biet được như sau: "Khác thay, vị Tôn giả này khi làm việc với một người; khác thay với hai người; khác thay với ba người; khác thay với nhiêu người; làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước khác với sở hành sau. Không thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này. Vị Tôn giả này có sở hành không thanh tịnh.^^ Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: "Nhu thế nào? Tôn giả này khi làm việc với một người; như thế ấy với hai người; như thế ây với ba người; như thế ấy với nhiều người; không làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước giống với sở hành sau. Thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này. Tôn giả này có sở hành thanh tjnh." Này các Tỷ-kheo? với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo5 trong các hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý5 không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này

các Tỷ-kheo9 có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thê giới này; bản ehât như vậy là bản tánh tự ngã có được này; bản chất như vậy là sự an trú thế giới; bản chất như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tam the giới phap nay vận chuyên thê giới, va thê giới vận chuyên tám pháp, tức là lợi và bất lọi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và kh6." Người ấy cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Nhimg ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn5 cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: “Bảĩi chất như vậy là sự an trú thê giới; bản chât như vậy là bản tánh tự ngã có được này; bản chat như vậy là sự an trú thế giới; bản chat như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tám thế giới pháp này vận chuyển thế giới, và thế giới vận chuyển tám pháp, tức là lợi và bất lợi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và kh6." Người ấy cảm thọ bà con bi ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, không có sầu muộn, không có than van, không có khóc lóc, không có đập ngực, không có rơi vào bất tỉnh.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 443

Này các Tỷ-kheo? trong các hoạn nạn, sức mạnh kiên trì cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài... với liệt tuệ5 như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đên như vậy. Này các Tỷ-kheo, trong đàm luận5 trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý5 không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người do đàm luận với một người khác, biết như vầy: Tôn giả này, đối ứng với một câu hỏi như vậy?247 phản ứng là như vậy5 giải đáp câu hỏi la như vậy, thời liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ. Vì sao? Vì răng Tôn giả này không nói lên câu n^hĩa sâu săc an tịnh, thù thăng, vượt ngoài lý luận suông, tê nhị? được người hiên trí cảm thọ. Còn về pháp vị này thuyết giảng, vị ấy không có khả năng hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập5 mở rộng, phân tích, phát lộ. Liệt tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không có trí tue." Ví nhu, này các Tỷ- kheo, một người có mắt đứng trên bờ một hồ nước? thấy một con cá nhỏ nổi lên, người ấy suy nghĩ như sau: "Nhu vậy con cá này nổi lên5 như vậy làm cho gợn sóng, như vậy là độ nhanh của nó. Nhỏ bé là con cá này, con cá này không lớn." Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo9 có người do đàm luận với một người khác, biêt như vầy: Tôn giả này, đối ứng với một câu hỏi như vậy? phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này không nói lên câu nghĩa sâu săc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông5 tê nhị? được người hiên trí cảm thọ. Còn vê pháp, vị này thuyết giảng, vị này không có khả năng5 hoặc tóm tắt9 hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyêt giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ?9 Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người do đàm luận với một người khác, biết như sau: Tôn giả này, đôi ứng với một câu hỏi như vậy? phản ứng như vậy, giải đáp câu hỏi như vậy5 thời có trí tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì rang Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu sắc, an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý

suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp vị này thuyết giảng, vị này có khả năng hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập5 mở rộng5 phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là Tôn giả này. Tôn giả này không phải là liệt tue." Ví như, này các Tỷ-kheo? một người có mắt đứng trên bờ một hồ nước5 thây một con cá lớn này nôi lên. Người ấy nghĩ như sau: "Nhu vậy con cá này nổi lên, như vậy con cá này làm cho gợn sóng5 như vậy là độ nhanh của nó. To lớn là con cá này, con cá này không nh6." Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, có người do đàm luận với một người khác, biết như sau: Tôn giả này đối ứng một câu hỏi như vậy, phản ứng như vậy5 giải đáp

247 Ummaggo. Xem Ạ. II. 177; GS. II. 184 (kinh 186 ở trước). Chữ này có hai nghĩa: Cách ứng đối một câu hoi và đặt vấn đề một câu hỏi; ví dụ sự nổi lên của mọt con cá. SnA. I. 50: Ussãho ummango avatthãnam hỉtacarỉyã. (Sự nỗ lực, trí tuệ, thái độ, đời sống hữu ích mang lại hạnh phúc).

câu hỏi như vậy, thời có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì răng vị Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu săc, an tịnh? thù thăng, vượt ngoài luận lý suông, tê nhị9 được người hiên trí cảm thọ. Còn vê pháp vị này thuyết giảng, vị này có khả năng hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyêt giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tue." Này các Tỷ-kheo5 trong đàm luận5 trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài5 không thê khác được; có tác ý? không phải không tác ý; với trí tuệ5 không phải với liệt tuệ? như vậy được nói đên. Do duyên này được nói đến như vậy. Có bôn trường hợp này, này các Tỷ-kheo, cân phải được hiêu với bôn trường hợp này. III. KINH BHADDIYA (Bhaddiyasutta) (4 II. 190) 193. Một thòi, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Mahãvana, trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavi Bhaddiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên9 Licchavi Bhaddiya bạch Thê Tôn: Bạch Thê Tôn? con nghe như sau: "Là một nhà huyên thuật, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại dạo."248 Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-m6n Gotama là một huyễn thuật su, biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại dạo, những người ấy, bạch Thế Tôn? có phải nói đúng ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật? Có phải họ trả lời về pháp hợp với Chánh pháp? Và ai là vi đồng pháp? theo đồng một quan điểm, không có lý do để chỉ trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn xuyên tạc Thế Tôn?5249 Này Bhaddiya, chớ có tin vì nghe truyên thuyêt; chớ có tin vì theo truyên thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiên; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền;248 250 chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo 249 sư của mình. Nhung này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biêt rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh và khổ dau" thời này Bhaddiya, ông hãy từ bỏ chúng! Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, lòng tham khi khởi lên trong nội tâm người nào?

khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh? Bất hạnh, bạch Thế Tôn. Người này có tham, này Bhaddiya, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ,

248 Đức Phật cũng bị buộc tội tương tự. Xem M. 56, Upãli Sutta (Kỉnh Upãlí), M. I. 375. 249 Xem s. II. 33,41,v.v... 250 Bhabbarũpatãya'. Không phải vì ngươi nghĩ rằng nó hợp với lý thuyết của Ta về tái sanh.

giết loài hữu tình5 lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. -Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, lòng sân... lòng si... lòng hung bạo khi khởi lên trong nội tâm người nào9 khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh? - Bất hạnh, bạch Thế Tôn. Người này có lòng hung bạo, này Bhaddiya, bị hung bạo chinh phục, tâm mất tự chủ, giết loài hữu tình5 lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo5 khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Ong nghĩ như thê nào, này Bhaddiya, các pháp này là thiện hay bât thiện? Là bất thiện, bạch Thế Tôn. -Có tội hay không có tội? Có tội, bạch Thế Tôn. —Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách? Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn. Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến bất hạnh, đau khổ không? Hay ở đây là như thế nào? Được thực hiện, được châp nhận, bạch Thê Tôn, chúng đưa đên bât hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là vậy. -Như vậy, này Bhaddiya, điều ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyên tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiên; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: 'Các pháp này là bât thiện; các pháp này là có tội- các pháp này bị nguôi có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bat hạnh và đau khô9; thời này Bhaddiya, ông hãy từ bỏ chúng !,9 Như vậy đã được nói lên5 chính do duyên này được nói lên như vậy. Này Bhaddiya, chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quở trách; các pháp này nêu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lac,9; thời này Bhaddiya, ông hãy chứng đạt và an trú. Ông nghĩ như thế nào9 này Bhaddiya, không tham khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

Hạnh phúc9 bạch Thế Tôn. Người này không tham, này Bhaddiya, khôn^ bị tham chinh phục, tâm không mât tự chủ? không giêt loài hữu tinh, không lây của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không? —Thưa có, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, không sân... không si... không hung bạo khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh? -Hạnh phúc, bạch Thế Tôn. —Người này không có lòng hung bạo, này Bhaddiya, không bị hung bạo chinh phục, tâm không mất tự chủ5 không giết loài hữu tình5 không nói láo, không khích lệ người khác làm như vậy? như vậy có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không? -Thưa có, bạch Thế Tôn. -Ông nghĩ như thế nào9 này Bhaddiya, các pháp này là thiện hay bất thiện? -Là thiện, bạch Thế Tôn. Có tội hay không có tội? -Không có tội, bạch Thế Tôn. Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách? -Được người có trí tán thán, bạch Thế Tôn. —Nếu được thực hiện9 được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào? - Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc5 an lạc. Ở đây đối với chúng con là vậy. Như vậy5 này Bhaddiya, điều Ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: 'Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này được người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận5 đưa đến hạnh phúc và an lạc9; thời này Bhaddiya, ông hãy chứng đạt và an trú.^, Điều đã được nói lên như vậy5 chính do duyên này được nói lên như vậy. Này Bhaddiya, tất cả những bậc chân nhân tịch tịnh ở đời, khích lệ đệ tử như sau: "Hãy đến5 này ngươi! Hãy nhiếp phục tham, hãy sống nhiếp phục tham! Do sống nhiếp phục tham, ngươi sẽ không làm nghiệp do tham sanh về thân, về lời5

về ý. Hãy nhiếp phục sân, hãy sống nhiếp phục sân! Do sống nhiếp phục sân5 ngươi sẽ không làm nghiệp do sân sanh vê thân, về lời, về ý. Hãy nhiếp phục si, hãy sống nhiếp phục si! Do sống nhiếp phục si, ngươi sẽ không làm nghiệp do si sanh về thân, về lời, về ý. Hãy nhiếp phục hung bạo (sãrambho). hãy sống nhiếp phục hung bạo! Do sống nhiếp phục hung bạo, ngươi sẽ không làm nghiệp do hung bạo sanh vê thân, vê lòi, vê y.” Khi được nói như vậy5 Bhaddiya người Licchavi bạch Thế Tôn: -Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy? pháp được Thê Tôn dùng nhiêu phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thê Tôn nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. Này Bhaddiya, Ta có nói với ông như sau: "Hãy đến này Bhaddiya! Hãy làm đệ tử của Ta, này Bhaddiya! Ta sẽ là Đạo sư [của 6ng]“ không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Như vậy5 này Bhaddiya, những Sa-môn5 Bà-la-môn nói như sau, tuyên bố như sau, những vị ấy là không thiện, trống không, nói láo5 xuyên tạc với điều không thật: "Là một huyễn thuật su, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại dạo!” -Bạch Thế Tôn9 hiền thiện là huyễn

thuật dụ dỗ này. Bạch Thế Tôn, hiền lành là huyễn thuật dụ dỗ này. Con mong rằng, bạch Thế Tôn, các bà con huyết thống thân ái của con được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ. Như vậy, những bà con huyết thống của con tất cả được hạnh phúc, an lạc lâu dài! Bạch Thế Tôn? nêu tât cả những người Sát-đê-lỵ được huyên thuật dụ dô này cám dô5 tât cả các Sát-đê-lỵ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài! Bạch Thế Tôn, nếu tất cả người Bà-la-môn... tất cả người Phệ-xá... tat cả người Thủ-đà được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ9 tất cả các người Thủ-đà ấy được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài! Như vậy là phải, này Bhaddiya! Như vậy là phải, này Bhaddiya! Này Bhadiya, nêu tât cả những người Sát-đê-lỵ được cám dô [với sự dụ dỗ này] đê đoạn tận các pháp bât thiện, đê đây đủ các pháp thiện, như vậy tât cả các hàng Sát-đế-lỵ được hạnh phúc5 an lạc trong một thời gian dài! Này Bhaddiya, nếu tất cả người Bà-la-môn... tất cả người Phệ-xá... tất cả người Thủ-đà được cám dô [với sự dụ dô này] đê đoạn tận các pháp bât thiện, đê đây đủ các pháp thiện5 như vậy tất cả các Thủ-đà được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài! Này Bhaddiya, nếu thế giới cùng với chư Thiên, Mãra, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn? chư thiên và loài người được huyễn thuật dụ dô này cám dô đê đoạn tận các pháp bât thiện5 đê đây đủ các pháp thiện5 như vậy họ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài!

Này Bhaddiya, nếu các cây Sãla to lớn này được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả cây Sãla to lớn này được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài nếu chúng có thể suy nghĩ được, còn nói gì với con người. IV. KINH CÁC VỊ SÃMÃGIYÃ (Sãmugiyasutta)251 (A. II. 194) 194. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở giữa các dân chúng Koliya, tại một thị Rồi rất nhiều Koliya tử ở Sãpũga đi đến Tôn trấn các Koliya tên là Sãpũga.252253 giả Ãnanda; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Ãnanda rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ãnanda nói với các Koliya tử ở Sãpũga ấy: Này các Byagghapajja, có bôn thanh tịnh tinh cân chi phân này được Thê Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh? đê vượt qua sâu bi, đê châm dứt khô ưu, đê đạt đên chánh lý, đê chứng ngộ Niết-bàn. Thế nào là bốn? Giới thanh tịnh tinh cần chi phần, Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần, Kiến thanh tịnh tinh cần chi phần, Giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần. Và này các Byagghapajja, thế nào là Giới thanh tịnh tinh cần chi phần? Ở dây, này các Byagghapajja, Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Byagghapạjjã5 đay gọi là Giới thanh tịnh; với lời nguyện: “Nếu Giới thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Giới thanh tịnh như vậy được đầy đủ5 tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ?5253 0 đây, ước muôn tinh tân, nô lực, phân chân, không có thôi that, chánh niệm tỉnh giác, này các Byagghapạjjã? đều được gọi là Giới thanh tịnh tinh cần chi phần. Và này các Byagghapạjjã5 thê nào là Tâm thanh tịnh tinh cân chi phân? Ở đây5 này các Byagghapajja, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Byagghapajja, đây gọi là Tâm thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Tâm thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Tâm thanh tịnh như vậy được đầy đủ5 tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tue." Ở đây, ước muốn tinh tấn5 nỗ lực, phấn chấn, không có thối thất, chánh niệm tỉnh giác5 này các

Byagghapajja, đều được gọi là Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần. Và này các Byagghapajja, thê nào là Kiên thanh tịnh tinh cân chi phân? Ở đây, này các Byagghapajja, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là kh6"; như thật quán tri: "Dây là khổ tap" như thật quán tri: “Bây là khổ diet"; nhu thật quán tri: "Dây là con đường đưa đến khổ diet." Này các Byagghapajja, đây gọi là Kiến thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Kiến thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Kiến thanh tịnh như vậy được đày đủ? tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tue." Ở đây9 ước muốn tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn,

251 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.565. 0148cll). 252 Sãpũga là tên một ngôi làng của người Koliya. Người dân địa phương còn được gọi là Sãpũgiyã. 253 A. I. 125 viết tattha tatthapaĩínãya anuggahessãmĩtỉ. Xem^. II. 243; GS. II. 248 (kinh 243 ở sau).

khônệ có thối thất, chánh niệm tỉnh giác5 này các Byagghapạjjã5 đều được gọi là Kiển thanh tịnh tinh cần chi phần. Và này các Byagghapạjjã? thế nào là Giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần? Vị Thánh đệ tử nào? này các Byagghapạjjã, thành tựu với Giới thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần này, và thành tựu với Kiến thanh tịnh tinh cần chi phần này, tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn5 tâm được giải thoát đối với các pháp cân được giải thoát. Vị ây, sau khi tâm được ly tham đôi với các pháp hâp dân? tâm được giải thoát đôi VỚI các pháp cần được giải thoát, cảm xúc chánh giải thoát. Này các Byagghapajja, đây gọi là Giải thoát thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Giải thoát thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ5 tôi sẽ làm cho đầy đủ. Neu Giải thoát thanh tịnh như vậy được đày đủ? tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tue•” Ở đây, ước muốn5 tinh tấn, nỗ lực5 phân chân, không có thôi that, chánh niệm tỉnh giác, này các Byagghapajja, đêu được gọi là Giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần. Bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này, này các Bẹagghapạjjã, đã được Thế Tôn, bậc Đã Biết Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, chơn chánh nói lên đê chúng sanh được thanh tịnh, đê vượt qua sâu bi, đê châm dứt khô ưu, đê chứng đăc chánh lý9 đê chứng ngộ Niêt-bàn. V KINH VAPPA (Vappasutta)254 (Ả. II. 196) 195. Một thòi, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthã, đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthã, đang ngồi một bên: —Ở đây9 này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai? Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở dây, thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thục, do nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai. Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahãmoggallãna và Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthã, bị bỏ dở. Rồi Thế Tôn5 vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đen, ngôi xuông trên cho đã soạn săn. Ngôi xuông, Thê Tôn nói với Tôn gia Mahãmoggallãna: - Này Mahãmoggallãna, câu chuyện gì được nói

đến, khi các ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện gì giữa các ông chưa được nói xong?

254 Tham chiếu: Hòa phả kỉnh (101. 0026.12. 0434al2).

Ở đây5 bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthã: "d dây, này Vappa, có thê có người với thân chê ngự, với lời chê ngự, với ý chế ngự5 vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ong có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi được nói như vậy? Thích tử Vappa5 đệ tử của Niganthã, nói với con như sau: "Thua Tôn giả, con có thê thấy trường hợp ấy. Ở đây5 thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thục5 do nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!" Bạch Thế Tôn, đây là câu chuyện giữa Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthã và chúng con. câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến. Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthã: Này Vappa, nếu ông có thể chấp nhận điều ông có thể chấp nhận, có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ5 và trong trường hợp ông không có thể biết được y nghĩa lời nói của Ta, ông hãy hoi Ta them vê vân đê ây: Bạch Thê Tôn, lời nói này? ý nghĩa là gi?", thời có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta. -Bạch Thế Tôn5 con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ? và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thê Tôn? con sẽ hỏi The Ton them vê vân đê ây: Bạch Thê Tôn5 lời nói này5 ý nghĩa là gi?" Mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta. -Y ông nghĩ thê nào, này Vappa? Nêu do nhân duyên thân khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi độĩìẸ, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ây không làm nghiệp mới5 còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thuường xuyên, được châm dứt; con đường đưa đên sự héo mòn các phiên não là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Vappa, ông có thây trường hợp ây, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không? - Thưa không, bạch Thế Tôn! —Ý ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên lời nói khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chê ngự được lời khởi đỘBẸ? như vậy, các lậu hoặc tàn hại5 nhiệt não ấy không có với nguôi ấy nữa. Người ay không làm nghiệp mới. Còn hành động trước của người ây, do cảm xúc thườĩìiẸ xuyên, được châm dứt; con đường đưa đên sự héo mòn các phiên não là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Vappa, ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không? Thưa không, bạch Thế Tôn!

Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên ý khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động? như vậy các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với n^ười ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới. Còn

hành động trước của người ây, do cảm xúc thường xuyên, được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đên đê mà thây, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Vappa, ông có thây trường hợp ây, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không? - Thưa không, bạch Thế Tôn! - Ý ông nghĩ thế nào5 này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy do duyên vô minh khởi lên? vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới. Còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này Vappa, ông có thấy do lý do nào? các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ây trong tương lai không? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Như vậy, này Vappa? với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc5 không có đẹp ý? không có phật ỷ. trú xả? chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý thức tri pháp, không có đẹp ý? không có phật ý? trú xả5 chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân,255 vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân." Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng? vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng.” Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mệnh chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng]ặng.” Ví như, này Vappa, duyên một thân cây,256 bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm cái cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ9 người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, sau khi chặt từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhở, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy

255 Kãyaparỉyantỉkam vedanam. AA. III. 176: Kãyaparỉyantỉkàntỉ kãyantikam kãyaparicchỉnnam, ỵãva paĩícadvãrakãyo pavattati, tãva pavattam pancadvãrỉkavedanantỉ attho CTận cùng của thân,, nghĩa là toàn thân, đẹn giới hạn của thân, cho đên toàn bộ ngũ mồn đang diên tiên thê nào, thì cảm thọ từ ngũ mồn đang diễn ra như vậy). 256 Xem s. II. 88, 90, 91, 93. Thũna có thể có nghĩa là thân cây, cây cột không có rễ.

lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy? này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rễ bị chấm dứt9 làm thành như thân cây Sãla, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được. Cũng vậy? này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có đẹp ý9 không có phật ý9 trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi

Các vị Sa-môn5 Bà-la-môn nào, này SãỊha, sống chủ trương nhân khổ hạnh nhàm chán, xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, chấp chặt vào khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy không thể nào vượt qua dòng nước mạnh. Các vị Sa-môn5 Bà-la-môn nào? này SãỊha, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sanh sống không thanh tịnh, những vị ấy không thể đạt được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề. Ví nhu, này SãỊha, một người muôn vượt qua sông, câm một cây búa săc bén đi vào rừng. Tại đây, người ây thây một cây Săla lớn, cao thăng, tươi tôt, không có lồi lõm.258 Người ấy chặt cây ấy tại gốc. Sau khi chặt ở gốc? người ấy đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, người ấy tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru, người ấy gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, người ấy gọt đẽo với con dao. Sau khi gọt đẽo với con dao, người ấy bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào5 người ấy bào sạch với hòn đá mài. Sau khi bào sạch với hòn đá mài, người ấy đem cây ấy xuống sông. Ý ông nghĩ thế nào, này SãỊha, người ấy có thể vượt qua sông được không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây Sãla ấy, tuy bề ngoài rất khéo làm, ĩihtrng bề trong không được làm sạch. Do vậy5 sự việc chờ đợi rằng: "Cây Sãla ấy chìm xuống và người ấy rơi vào ách nạn.” Cũng vậy, này SãỊha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sống khổ hạnh nhàm chán, xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây? chấp chặt lấy khổ hạnh nhàm chán, những vị ây không thê vượt qua dòng nước mạnh. Này SãỊha, những vị Sa-môn9 Bà-la-rnôn nào, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sinh sống không thanh tịnh, không thể chứng được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề. Này SãỊha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không chủ trương sông khô hạnh nhàm chán? không xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, không chấp chặt lấy khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này SãỊha, những vị Sa-môn5 Bà-la-môn nào, thân hành thanh tịnh5 lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh9 sinh sống thanh tịnh? những vị ấy có thể chứng được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề. Ví nhu, này SãỊha, một người muôn vượt qua sông5 câm một cây búa săc bén đi vào rừng. Tại đây, người ây thây một cây Sãla lớn, cao thăng, tươi tôt9 không có lồi lõm. Người ấy chặt cây ấy tại gốc. Sau khi chặt ở gốc9 người ấy đốn ngọn. Sau khi đốn ngon, người ấy tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa

258 Chữ này có nhiều giải thích khác nhau. AA. III. 181: Akukkuccakạiãtantỉ ^bhavẹyya nụ kho, na bhaveyyã^tỉ ajanetabbakukkuccam ("Kh6ng sanh đắn do" nghĩa là không sanh chút đẳn đo ràng “phải hay khống phai?„). Bản Tích Lan viet Akukkukka, nghĩa là không thể đo lường bằng kukka, một đơn vị đo lường. Và như ỵậy có thê dịch là cao vút, như trong s. III. 119; IV. 104. Cũng cộ thể dịch là không có hư hong. Có chỗ íại dịch từ chữ uju (thẳng), akujjaka nghĩa là thẳng, không co lồi lõm.

cành lá và làm cho thân cây trơn tru, người ấy gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, người ấy gọt đẽo với con dao.259260 Sau khi gọt đẽo với con dao, người ấy lấy cái đục5 khéo đục sạch nội phần. Sau khi khéo đục sạch nội phần, người ấy bào sạch

với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, người ấy bào sạch với hòn đá mài (pãsãụagulena). Sau khi bào sạch với hòn đá mài, người ấy làm thành chiếc thuyền, cột với cái chèo và bánh lái (phiyãrittam), rồi cuối cùng người ây thả xuồng sông. Y ông nghĩ thê nào, này SãỊha, người ây có thê vượt qua sông được không? -Thưa được, bạch Thế Tôn. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây Sãla ấy, bề ngoài rất khéo làm, bề trong được làm sạch, được cột với cái chèo và bánh lái. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Chiếc thuyên ây không chìm và người ây sẽ đên bờ bên kia an toàn."26° Cũng vậy, này SãỊha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không chủ trương khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này SãỊha? những Sa-môn? Bà-la-môn nào thân hành thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sinh sống thanh tịnh5 những vị ấy có thể chứng được Tri kiến Vô thượng Bo-đề. Ví nhu, này SãỊha, một chiến sĩ dầu người đó biết được nhiều cung thuật,261 nhưng về ba phương diện người đó xứng đáng là của vua, thuộc sở hữu của vua, đi đến làm biểu tượng của vua.262 Thế nào là ba? Bắn xa, bắn nhanh như chớp nhoáng và bắn thủng được vật lớn. Ví nhu, này SãỊha, người chiên sĩ băn xa, cũng vậy? này SãỊha, là Thánh đệ tử có chánh định. Phàm có săc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần? cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi5 cái này không phải là tự ngã của tôi.,, Phàm có thọ gì... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì... Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại5 hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của t6i."

259 Lekhaniya. AA. III. \ Lekhanỉyã lìkheyyãtỉ avalekhanamattakena avalỉkheyya (uĐục bằng cây dỊic" nghĩa là nạo ra bãng đô nạo). 260 Chủ giải giải thích ví dụ như sau: (a) Cây gỗ là tự tánh con người; con sông là sông sanh tử; người mụôn vượt qua là người co ta kien; bê ngoai của cai cay là khô hạnh; cai cây trước khi được làm cho trông không bên trong là thời gian người ây sông không đạo đức; cái cây ây bị chìm là người ây tái sinh sang đời khac. (b) Người muon vượt qua sông la ngươi tu hành (yogãcạra). Phần ngoai của cái cây là khi tu ngirời ây tự chê ngự, làm cho thân cây trông không là khi người ây sông đạo đức; chèo và bánh lai là sự nô lực tinh tân của thân và tâm; vượt qua là Niêt-bàn. 261 Kandacỉttakãnỉ'. Nhiều màu sắc, hình thái khác nhau. Gỉttaka hay citraka là hình thức đánh nhau đặc biệt. A. III. 182 viết một danh sách có sáu điểm: Saralatthi; sararajju; sarapãsãda; sarasãnỉ; pokkharariĩ} padumãnỉ citrãni, tạm dịch là: Sara có nghĩa là dàn trận* dàn trận với côn gậy; với một cái thòng lọng; từ nợi một sân thượng; từ nơi tâm bình phong; từ nơi hâm hô; hay từ nơi dàn trận theo hình hoa sen. Từ cuối này cũng được dùng ỞJA. II. 406, v.v... 262 Bốn đặc tánh được đề cập trong A. II. 170; GS. II. 177 (kinh 181 ở trước).

Ví như5 này SâỊha, người chiến sĩ bắn như chớp nhoáng; cũng vậy, này SăỊha, là vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến. Vị Thánh đệ tử, này SãỊha, có chánh tri kiên như thật quán tri: 'cĐây là khô... Đây là khô tập... Đây là khố diệt... Đây là con đường đưa đến

khổ diet." Ví nhu, này SãỊha? người chiên sĩ đâm thủng được thân hình lớn; cũng vậy, này SãỊha? là vị Thánh đệ tử có chánh giải thoát. Vị Thánh đệ tử, này SãỊha, có chánh giải thoát đâm thủng được vô minh uẩn to lớn. VII. KINH HOÀNG HẬU MALLIKẢ (Maỉỉikãdevĩsutta) (A. II. 202) 197. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Hoàng hậu Mallikã263 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên9 Hoàng hậu Mallikã bạch Thế Tôn: - Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, ở đây một số nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ? tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít? Do nhan gi, bạch Thế Tôn? do duyên gi, ở đây một số nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn? Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gi, ở đây một số nữ nhân dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít? Do nhân gi, bạch Thế T6n, do duyên gi, ở đây một số nữ nhân, dung sắc dẹp, được ưa nhìn? tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, giàu sang, tài sản lớn? sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn? Ở đây9 này Mallikã, có hạng nữ nhân phẫn nộ5 nhiều não hại, tuy bị nói ít, liên nôi nóng, nôi giận, nôi sân, sừng sộ5 gây hân, biêu lộ phân nộ, sân hận5 bât mãn. Người này không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp? giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường thì ganh tỵ, tức tối, bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này5 trở lui lại trạng thái này? tại đấy, tái sanh hạ liệt, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ9 tài sản ít? sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít. Ở dây, này Mallikã, có nữ nhân phẫn nộ9 nhiều não hại, dầu bị nói ít5 liền nôi nóng5 nôi giận, nôi sân, sừng sộ9 gây hân, biêu lộ phân nộ9 sân hận, bât mãn. Người này bố thí cho Sa-môn9 Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ? vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ?

263 Theo Ud. V. 1. Theo truyền thuyết, Hoàng hậu chỉ là cô gái bán hoa, cúng dường cho đức Phật một cái bánh. Đức Phật thọ ký rằng nhơ quả lành cúng dường nay, cô sẽ thành hoàng hậu của Vua Pasenadi tuy cô không đẹp.

cúng dường thì không ganh tỵ, tức tối. không bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này5 trở lui lại trạng thái này, tại đấy5 tái sanh dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhimg giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn. Ở dây, này Mallikă, có nữ nhân khônệ phẫn nộ9 não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nôi giận, nôi nóng, nôi sân, sừng sộ, gây hân, không biểu lộ phẫn nộ, sân hận5 bất mãn. Người này không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn5 vật uống, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường thì người ấy ganh tỵ, tức tối, bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại dấy, tái sanh dung sắc đẹp5 sắc đẹp tốt5 tịnh tín,

thành tựu với dung sắc thù thắng, nhưng nghèo khổ5 tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít. Ở dây, này Mallikã, có hạng nữ nhân không phẫn nộ5 não hại không nhiều, tuy bị nói nhiêu, không có nôi giận, nôi nóng? nôi sân, sừng sộ5 gây hấn, không có biểu lộ phẫn nộ? sân hận5 bất mãn. Người này bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống9 vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ5 cúng dường thì không ganh tỵ, tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ây. sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy5 tái sanh dung sắc đẹp? sắc đẹp tốt, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thăng, giàu sang, tài sản lớn5 sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn. Này Mallikã, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu9 hình dáng hạ liệt, nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít. Này Mallikã, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt9 nhưng giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, ảnh hưởng uy tín lớn. Này Mallikã, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc dẹp, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy nghèo khố5 tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít. Này Mallikã, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc đẹp5 được ưa nhìn5 tịnh tín, thành tựu với dung săc thù thăng, giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, ảnh hưởng uy tín lớn. Khi được nói như vậy? Hoàng hậu Mallikã bạch Thế Tôn: Giả sử như con5 bạch Thế Tôn5 trong một đời sống khác, con phẫn nộ, não hại nhiêu, tuy bị nói ít, nhimg nôi nóng, nôi giận5 nôi sân5 sừng sộ9 gây hân, biểu lộ phẫn nộ, sân hận5 bất mãn; và bạch Thế Tôn, nay con dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt. Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, con có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương, phấn sáp5 giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; và bạch Thế Tôn,

nay con được giàu sang, có tài sản lớn, có sở hữu lớn. Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, tánh tình không keo kiết; thấy người khác được lợi duỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ5 cúng dường, con không ganh tỵ, tức tôi5 không bị trói buộc bởi ganh tỵ; và bạch Thê Tôn, con nay được có ảnh hưởng uy tín lớn. Bạch Thê Tôn, trong nội cung này, có những thiêu nữ hoàng tộc, có những thiếu nữ Bà-la-môn? có những thiêu nữ gia chủ5 con có chủ quyên thủ lãnh. Và bạch Thê Tôn? bắt đâu từ nay, con sẽ không phân nộ? không có nhiêu não hại, dâu cho bị nói nhiêu, con sẽ không nôi nóng, nôi giận, nôi sân, sừng sộ, gây hấn. Con sẽ không biểu lộ phẫn nộ5 sân hận5 bất mãn. Con sẽ bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn vật uông? vải mặc, xe cộ9 vòng hoa, hương, phân sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; con sẽ không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ5 cúng dường, con sẽ không ganh tỵ, tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay câm đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc; cũng vậy5 pháp được Thê Tôn dùng nhiêu phương tiện trình bày5 giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử nữ cư sĩ9 từ

nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. VIII. KINH Tự HÀNH KHỔ MÌNH (Attantapasuttà) (A. II. 205) 198. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây9 nay các Tỷ-kheo, có hạng người tự hành khổ minh, chuyên tâm hành khổ mình, ơ đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây? này các Tỷ-kheo5 có hạng người hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình; và hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người không hành khổ minh, không chuyên tâm hành khổ mình; không hành khổ người5 không chuyên tâm hành khổ người; hạng người ấy không hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh9 cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ? tự ngã trú vào Phạm thể. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người tự hành khô mình, chuyên tâm tự hành khổ mình? ơ đây, này các Tỷ-kheo, có người sông lõa thê, sông phóng túng không theo lễ nghi? liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến5 không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nồi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa5 không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn,

không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang đi đến giữa người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó dứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, không ăn thjt, không uống rượu men rượu nấu; không uống nước cháo. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà hay chỉ nhận ăn hai miếng... hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai nệày một bữa... bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uông5 cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ây chỉ ăn cỏ hoang, ăn lúa tắc, ăn lúa hoang, ăn da vụn? ăn rong nước, ăn bọt tâm5 ăn váng gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ hay ăn phân bò. Vị ấy ăn trái cây9 ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sông. Vị ây mặc vải gai thô, vải gai thô lân với các vải khác, mặc vải tẫn liệm, rôi quăng đi, mặc vải phân tảo y, mặc vải vỏ cây tirĩta làm áo, mặc áo da con sơn dương đen, mặc áo bện từ từng mảnh da con sơn dương den, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo băng tâm gỗ nhỏ5 mặc áo bằng tóc bện lại thành men, mặc áo băng đuôi ngựa bện lại, mặc áo băng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu t6c, là người chuyên sống theo hạnh nhổ râu tóc, là ngu&i theo hạnh thường dứng, từ bỏ chỗ nệồi5 là người ngồi chò hỏ? chuyên song theo hạnh

để tế lễ, hãy giết một số ngựa để tế lễ, hãy chặt một số thân cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ. Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công? những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là

hạng người vừa tự hành khô mình, chuyên tâm tự hành khô mình; vừa hành khô người, chuyên tâm hành khô người. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ minh, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khô người? Hạng người này không tự hành khô mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái9 tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ9 tự ngã trú vào Phạm thể. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới? Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn5 Bà-la-môn9 thiên, nhân, lại tuyên bố bốn điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn, đầy đủ nghĩa. Ngài truyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con của người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp hạ tiện nghe pháp ấy; sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tin ở Như Lai. Khi có được lòng tin ây, người ây suy nghĩ: "Gb bó là đời sông gia dinh, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phónẹ khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thê sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ5 hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đăp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia dinh, sông không gia dinh.” Một thời gian sau5 người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc9 đăp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống của các vị Tỷ- kheo5 đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý5 có lòng từ. sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ây đoạn tận lây của không cho, từ bỏ lây của không cho, chỉ lây những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự s6ng thanh tịnh5 không có trộm cướp. Vị ấy đoạn tận đời sống không Phạm hạnh, song theo Phạm hạnh, sống đời song viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt. Vị ây đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo9 nói những lời chân thật5 liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy5 không lường gạt đời. Vị ấy đoạn tận noi hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này5 không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy5 vị này sông hòa hợp những kẻ ly gián, khuyên khích những kẻ hòa hợp5 hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa

đến hòa hợp. Vị ấy đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vị ây nói những lời nói như vậy. Vị ây từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói liên hệ đến nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng giữ gìn5 những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các loại hạt giống và các loài cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ không nhận vàng và bạc;

từ bỏ không nhận các hạt sống; từ bỏ không nhận thịt sống; từ bỏ không nhận đàn bà con gái; từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ không dùng người làm môi giới5 hoặc tự mình làm người đưa tin; từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo, gạt lường; từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, cướp đường, cướp giật, cưỡng đoạt. Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng5 đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát], như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc không có lỗi lầm. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Do nguyên nhân gì khiến nhãn căn này khônệ được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự che ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn5 thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiêng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Do nẹuyên nhân gì khiến ý căn không được chê ngự, khiên tham ái ưu bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên, vị ây chê ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng vô uế lạc. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát5 thượng y đều tỉnh giác; khi ăn5 uống, nhai, nếm đêu tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói5 yên lặng đều tỉnh giác. Vị ây thành tựu Thánh giới uân này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này5 thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này [thành tựu Thánh biết đủ này]9 lựa một trú xứ thanh vắng như khu rừng, gốc cây, đồi? núi, khe nước, hang đá, bãi tha ma, rừng rậm, ngoài trời, đông rơm. Sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, vị ấy ngoi kiết-giM lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Đoạn tận sân hận5 vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn

thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Đoạn tận hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên? với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn tràm thụy miên. Đoạn tận trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa hết tâm trạo cử hối quá. Đoạn tận nghi ngờ? vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự5 gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp. Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế5 làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhât tâm. Vị ây ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ? diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không

lạc, xả niệm thanh tịnh. Với tâm định tinh, thuân tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não? nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chac5 bat động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: 66Đây là kh8"; biết như thật: "Dây là khổ tap' biết như thật: "Bây là khố diet"; biết như thật: :Dây là con đường đưa đến khổ diet"; biết như thật: "Đay là những lậu hoặc^; biết như thật: "Dây là nguyên nhân của các lậu hoặc,,; biết như thật: "Dây là sự diệt

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái, thế nào là lưới triền, khiến cho lira chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, bị trói buộc, rối loạn như một cuộn chi, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ mufija và lau sậy babbaja5 không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử? Này các Tỷ-kheo? có mười tám ái hành này267268liên hệ với nội tâm, có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh. Thế nào là mười tám ái hành liên hệ đến nội tâm? Này các Ty.kheo, khi nào có ý nghĩ: “Ta có mặf\ thời có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong dời này", "ta có mặt như vay", "ta có mặt khác như V"ta không phải thường hằng", “ta là thường hằng9\ "ta phải có mặt hay kh6ng”“ta phải có mặt trong đời này", "ta phải có mặt như vay", "ta phải có mặt khác như vậy,\ "mong rằng ta có "mong rằng ta có mặt trong đời này", “mong rằng ta có mặt như vay”“mong rằng ta có mặt khác như vậy,\ "ta sẽ có mặf\ "ta sẽ có mặt trong đời nay9\ "ta sẽ có mặt như vậy,\ "ta sẽ có mặt khác như vay." Có mười tám ái hành này liên hệ với nội tâm. Và thế nào là mười tám ái hành liên hệ đến ngoại cảnh? Khi nào có ý nghĩ: "Vói cái này,268 ta có mặt”; thời có những ý nghĩ như sau: "Với cái này, ta có mặt trong đời này", "vói cái này, ta có mặt như vậy5\ "vói cái này, ta có mặt khác như vRy", "với cái này, ta không phải thường hng", "với cái này9 ta là thường hằng", "với cái này, ta phải có mặt hay kh6ng”"với cái này, ta phải có mặt trong đời này”, "với cái này, ta phải có mặt như vay", “vói cái này, ta có mặt khác như vay”"vói cái này, mong rằng ta có mặt”“vói cái này, mong răng ta có mặt trong đời này", "với cái này, mong răng ta có mặt như vay", "vói cái này, mong rằng ta có mặt khác như vay", "v&i cái này5 ta sẽ có mặf\ "với cái này, ta sẽ có mặt trong đời này”, "với cái này5 ta sẽ có mặt như vay”"v&i cái này, ta sẽ có mặt khác như vay." Có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.269 Mười tám ái hành này liên hệ đến nội tâm, và mười tám ái hành này liên hệ đên ngoại cảnh; này các Tỷ~kheo5 đây gọi là ba mươi sáu ái hành. Ba mươi sáu ái hành quá khứ như vậy, ba mươi sáu ái hành vị lai như vậy, ba mươi sáu ái hành hiện tại như vậy; như vậy là một trăm lẻ tám ái hành.270 Này các Tỷ-kheo, đây là ái này, lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải

267 Vỉcarỉtãnỉ'. Được giải thích rõ trong Chủ giải và Vbh. 392ÍT. 268 Chủ giải'. Imỉnã = Rũpena, vinnanena^ v.v... 269 Hai loại ái này, Chú QÌảỉ xem ajjhattika là tự ngã, bãhỉra là thân và các tâm sở. Vỉbhanọ-a viết bãhỉra đê chỉ cho người khác, người ngoài, như nói: 4íTôi là như vậy, nhưng người này lại khác. Vị ây là một Bà-la-môn, ta không phải vậy, 270 Evam atthasatam tanhãvỉcarỉtam honti. AA. III. 209: Atthasatam tanhãvỉcarỉtam hontĩti etthapana atthasatasankhatam tanhãvỉcarỉtam hotĩtỉ

evamattho datthabbo (uLà một ứăm lẻ tám ái hành" được hiểu theo nghĩa rằng ở đây ái hành được tính là một trăm lẻ tám).

rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như mọt ổ kén, quyện lại như cỏ mufija và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ? ác thú5 đọa xứ, sanh tử. X. KINH LUYẾN ÁI (Pemasutta)211 (A. II. 213) 200. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự được sanh Idiởi này. Thế nào là bốn? Luyến ái sanh từ luyến ái, sân sanh từ luyến ái? luyến ái sanh từ sân, sân sanh từ sân. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là luyến ái sanh từ luyến ái? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có một người là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rôi các người khác đôi xử với người ây khả lạc, khả hỷ, khả ý. Rôi người kia suy nghĩ như sau: "Người này là khả lạc? khả hỷ? khả ý đối với ta; lại được các người khác đối xử khả lạc, khả hỷ, khả ỷy Do đó, người ấy khởi lên luyến ái đối với những người ấy. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là luyến ái sanh khởi từ luyến ái. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sân được sanh khởi từ luyến ái? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 có người là khả lạc, khả hỷ5 khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Người ấy suy nghĩ như sau: "Người này là khả lạc, khả hỷ5 khả ý đối với ta; nhưng không được các người khác đối xử khả lạc, khả hỷ, khả y.” Do đó9 người ấy khởi lên lòng sân đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sân được sanh khởi từ luyến ái. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là luyến ái được sanh khởi từ sân? Ở đây. này các Tỷ-kheo, có người không khả lạc, không khả hỷ. không khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy không khả lạc5 không khả hỷ, không khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: “Nguôi này không khả lạc, không khả hỷ? không khả ý đối với ta; và các người khác đối xử với nguỳi ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý?5 Do đó, người ấy khởi lên luyến ái đối với các người ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là luyến ái được sanh khởi từ sân. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào là lòng sân được sanh khởi từ lòng sân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người khônệ khả lạc, không khả hỷ5 không khả ý đối với một người. Rôi các người khác đôi xử với người ây khả lạc, khả hỷ? khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý đối với ta; và các người khác đối xử với người này khả lạc, khả hỷ, khả ỷy Do đó, người ấy khởi lên lòng sân đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sân được sanh khởi từ lòng sân. Này các Tỷ-kheo5 có bốn luyến ái này sanh ra. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng

271 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.985.16. 0256b08).

đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ sân, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo5 trong khi Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng đạt và an trú

Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ sân, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, trong thời gian Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy đã được đoạn tận9 đã được căt đứt từ gôc rê5 đã được làm như thân cây Sãla, đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy đã được đoạn tận5 đã được cắt đứt từ gốc rễ5 đã được làm như thân cây Sãla9 đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Luyến ái sanh ra từ sân5 luyến ái ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ? đã được làm như thân cây Sãla, đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân sanh ra từ sân5 sân ấy đã được đoạn tận9 đã được cắt đứt từ gốc rễ5 đã được làm như thân cây Sãla5 đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo5 đay gọi là Tỷ-kheo không lôi cuốn5 không phản ứng, không un khói, không bốc cháy, không sững sờ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo lôi cuốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo quán sắc từ tự ngã, hay quán tự ngã có sắc, hay quán sắc trong tự ngã, hay quán tự ngã trong sắc; quán thọ từ tự ngã? hay quán tự ngã có thọ, hay quán thọ trong tự ngã5 hay quán tự ngã trong thọ; quán tưởng từ tự ngã, hay quán tự ngã có tưởng, hay quán tưởng trong tự ngã, hay quán tự ngã trong tưởng; quán các hành từ tự ngã, hay quán tự ngã có các hành5 hay quán các hành trong tự ngã, hay quán tự ngã trong các hành; quán thức từ tự ngã5 hay quán tự ngã có thức, hay quán thức trong tự ngã, hay quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo lôi cuốn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không lôi cuốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không quán sắc từ tự ngã, hay không quán tự ngã có sắc, hay không quán sắc trong tự ngã, hay không quán tự ngã trong săc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức từ tự ngã? hay không quán tự ngã có thức, hay không quán thức trong tự ngã5 hay không quán tự ngã trong thức. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo không lôi cuốn.

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo phản ứng? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo mắng chửi lại những ai mắng chửi, nổi sân lại những ai nổi sân, gây hấn lại những ai gây hấn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo phản ứng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo không phản ứng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không mắng chửi lại những ai mắng chửi, không nôi sân lại những ai nôi sân, không gây hân lại những ai gây hân. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo không phản ứng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo un khói? Ở đây, này các Tỷ-kheo? khi nào có ý nghĩ: “Ta có mặt", thời có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong đời nSy”, "ta có mặt như vậy,\ "ta có mặt khác như vay", "ta không phải thường hằng”"ta là thường hằng”"ta phải có mặt hay kh6ng", “ta phải có mặt trong đời nSy", “ta phải có mặt như vậy,\ "ta phải có mặt khác như vay”, "mong rằng ta có mặf\ "mong rằng ta có mặt trong đời này”, “mong răng ta

có mặt như vậy5\ "mong răng ta có mặt khác như vậy5\ "ta sẽ có "ta sẽ có mặt trong đời này", “ta sẽ có mặt như vay", “ta sẽ có mặt khác như V0' Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo un khói. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Tỷ-kheo không un khói? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 khi nào không có ý nghĩ: "Ta có mặt”, thời cũng không có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong đời này”, "ta có mặt như vay”, “ta có mặt khác như vay", "ta không phải thường hang9\ "ta là thường h3ng'l "ta phải có mặt hay kh6ng”"ta phải có mặt trong đời này9\ "ta phải có mặt như vậy”, "ta phải có mặt khác như vay”, “mong răng ta có mặf\ "mong rằng ta có mặt trong đời nay5\ "mong rằng ta có mặt như vay", “mong rằng ta có mặt khác như vay”"ta sẽ có mặt”“ta sẽ có mặt trong đời này”"ta sẽ có mặt như vay", "ta sẽ có mặt khác như vậy.,^ Như vậy9 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo không un khói. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bốc cháy? Khi nào có ý nghĩ: "Với cái này, ta có mặt", thời có những ý nghĩ như sau: "Vói cái này, ta có mặt trong đời nay5\ "với cái này, ta có mặt như vay", "với cái này, ta có mặt khác như vay", "với cái này5 ta không phải thường hng”, "vói cái này, ta là thường hằng”"với cái này, ta phải có mặt hay kh6ng", "với cái này, ta phải có mặt trong đời này", "với cái này, ta phải có mặt như vay", "với cái này, ta có mặt khác như vay", "vói cái này, mong rằng ta có mặt”, "vói cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này", "với cái này, mong rằng ta có mặt như vay", "với cái này5 mong rằng ta có mặt khác như vay", "với cái này, ta sẽ có mặt", "với cái này, ta sẽ có mặt trong đời này", "với cái này, ta sẽ có mặt như vay", "vói cái này5 ta sẽ có mặt khác như vay.^ Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bốc cháy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không bốc cháy? Khi nào không có ý nghĩ: uVới cái này, ta có mặt", thời có những tư tưởng

như sau: "Với cái này, ta không có mặt trong đời này", "v&i cái này, ta không có mặt như vay", "vói cái này, ta không có mặt khác như vay", "với cái này, ta không phải không thường hằng", "v&i cái này, ta không phải thường hằng”, "với cái này, ta không phải có mặt”"với cái này, ta không phải có mặt trong đời này5\ "với cái này, ta không phải có mặt như vậy9\ "với cái này, ta không phải có mặt khác di", "với cái này, mong rằng ta không có mặt”"vói cái này, mong rằng ta không có mặt trong đời này5\ "với cái này, mong rằng ta không có mặt như vậy5\ "v&i cái này, ta sẽ không có mặt khác di", “v&i cái này, ta sẽ không có mặf\ "vói cái này ta sẽ không có mặt trong đời nay”, "với cái này? ta sẽ không có mặt như vay”, "với cái này, ta sẽ không có mặt khác như vay." Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là Tỷ-kheo không bốc cháy. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Tỷ-kheo không sững sờ? Ở đây, sự kiêu mạn "t6i là" của vị Tỷ-kheo được đoạn tận, cắt đứt từ g6c rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không sững sờ.

XXI. PHẨM BẬC CHÂN NHÂN (SAPPURISAK4GGA)

ĩ. KINH CÁC HỌC PHÁP (Sikkhãpadasutta)212 (Ả. II. 217) 201. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người không chân nhân và người còn tệ hơn người không chân

nhân; về bậc chân nhân và bậc còn tốt hơn bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, thế nào là người không chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sát sanh; lấy của không cho, tà hạnh trong các dục? nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Người này? này các Tỷ- kheo5 được gọi là người không chân nhân. Này các Tỷ-kheo? thế nào là người còn tệ hơn người không chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh; tự mình lấy của không cho và còn khích lệ người khác lấy của không cho; tự mình sống tà hạnh trong các dục và còn khích lệ người khác sống tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo và còn khích lệ người khác nói láo; tự mình đắm say rượu men rượu nấu và còn khích lệ người khác đắm say rượu men rượu nấu. Người này, này các Tỷ-kheo? được gọi là người còn tệ hơn người không chân nhân. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là bậc chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Người này? này các Tỷ-kheo9 được gọi là bậc chân nhân. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho và còn khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và còn khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và còn khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu và còn khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân.

272 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1055. 0275al4).

II. KINH NGƯỜI CÓ LÒNG TIN (Assaddhasutta) (A. II. 218) 202. - Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người không chân nhân và người còn tệ hơn người không chân nhân; về bậc chân nhân và bậc còn tốt hơn bậc chân nhân. Hãy

tân... có tà niệm... có tà định và còn khích lệ người khác có tà định. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người còn tệ hơn người không chân nhân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có chánh tri kiến, có chánh tư duy, có chánh ngữ, có chánh nghiệp, có chánh mạng, có chánh tinh tấn, có chánh niệm, có chánh định. Người này? này các Tỷ-kheo5 được gọi là bậc chân nhân. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người tự mình có chánh tri kiến và còn khích lệ người khác có chánh tri kiến, có chánh tư duy... có chánh ngữ... có chánh nghiệp... có chánh mạng... có chánh tinh tấn... có chánh niệm... có chánh định và còn khích lệ người khác có chánh định. Người này, này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân. VI. KINH CON ĐƯỜNG MƯỜI NGÀNH (Dasamaggasutta) (4 IL 221) 206. (Như kinh 205, chỉ thêm hai pháp "tà trí9 tà giải thoát" cho "nguôi không chân nhan” và "chánh trí, chánh giải tho9t” cho "bậc chân

nhan,9). VII. KINH TÁNH ÁC ĐỘC THỨ NHẤT (PaỊhamapãpadhammasutta)214 (A. II. 222) 207. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người ác độc và người ác độc hơn cả người ác độc? về người hiền thiện và người hiền thiện hơn cả người hiền thiện. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r rp 9 I 1 Ắ A 4- r rpl Ắ rr\ rpi Ắ rp A r • 1 Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, thế nào là người ác độc? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người sát sanh... (như kinh 204)... có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo? được gọi là người ác độc. Này các Tỷ-kheo? thế nào là người ác độc còn hơn cả người ác độc? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh... có người tự mình có tà kiến và còn khích lệ người khác có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người ác độc còn hơn cả người ác độc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người hiền thiện? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Người này, này các Tỷ-kheo? được gọi là người hiền thiện. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là người hiên thiện còn hơn cả người hiên thiện? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh... tự mình có chánh kiến và còn khích lệ người khác

274 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (208-210) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Wicked, nghĩa là Người ác độc\ và tham chiếu: Tạp.(T.02 009 1053. 0274c26).

CÓ chánh kiên. Người này, này các Tỷ-kheo? được gọi là người hiên thiện còn hơn cả người hiền thiện. vm. KINH TÁNH ÁC Độc THỨ HAI (Dutìyapãpadhammasuttà) (4 II. 223) 208. (Như kinh 206 với mười đức tánh, ở đây chỉ khác “c6 người ác dOc” và "người hiền thiên”kinh trên nói đến ungười không chân nhân" và "bậc chân nhân,,). IX. KINH TÁNH ÁC Độc THỨ BA (Tatìyapãpadhammasuttà) (A. II. 223) 209. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng cho các ông về người có ác tánh và người có ác tánh hơn cả người có ác tánh, về người có tánh hiền thiện và người có tánh hiền thiện hơn cả người có tánh hiền thiện. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. rr^ 9 ĩ ĩ r /\ _ _ 4 r 111 f /\ r~r\ _ . rTii r FT1 A _ T 9 1 _ Các Ty-kheo ay vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: - Này các Tỷ-kheo5 thế nào là người ác tánh? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh... có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có ác tánh. Này các Tỷ-kheo, thế nào là người có ác tánh còn hơn cả người có ác tánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh... có người tự mình có tà kiên và còn khích lệ người khác có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo? được gọi là người có ác tánh còn hơn cả người có ác tánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có tánh hiền thiện? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người từ bỏ sát sanh... có chánh tri kiến. Người này? này các Tỷ-kheo? được gọi là người có tánh hiên thiện. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có tánh hiền thiện còn hơn cả người có tánh hiền thiện? Ở dây, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh... tự mình có chánh tri kiến và còn khích lệ người khác có chánh tri kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có tánh hiền thiện còn hơn cả người có tánh hiền thiện. X. KINH TÁNH ÁC ĐỌC THỨ TƯ (Catutthapãpadhammasutta) (A. II. 224)

210. (Như kinh 208)*

XXIL PHẨM HỘI CHÚNG (PARISAVAGGAf15

I KINH HỘI CHÚNG (Parisãsutta) (A. IL 225) 211. Này các Tỷ-kheo5 có bốn ô uế hội chúng này. Thế nào là bốn? Ở dây, íiày các Tỷ-kheo5 có Tỷ-kheo có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo-ni có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; này các Tỷ-kheo? có nam cư sĩ có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng. Này các Tỷ-kheo? có bốn ô uế hội chúng này. Này các Tỷ-kheo5 có bốn thanh tịnh hội chúng này. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có Tỷ-kheo có giới, theo thiện pháp5 làm thanh tịnh hội chúng; này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo-ni có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; này các Tỷ-kheo? có nam cư sĩ có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng. Này các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh hội chúng này.

II. KINH KIẾN (DiỊIhisutta) (A. II. 226) 212. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Với thân làm ác, với nói lời ác5 với ý nghĩ ác5 với tà kiến. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm thiện, với nói lời thiện, với ý nghĩ thiện, với chánh tri kiến. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. III. KINH KHÔNG BIẾT ƠN (Akatannutasutta) (A, II. 226) 213. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị rơi

275 Bản tiếng Anh của PTS: Corrupting, nghĩa là Ô uế.

vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm ác9 với nói lời ác, với ý nghĩ ác, với không biết ơn và không biết trả ơn.276 Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm thiện, với nói lời thiện, với ý nghĩ thiện, biết ơn và biết trả ơn. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. IV. KINH SÁT SANH (Pãnãtipãtĩsuttấ) (Ả. II. 226) 214. (Như kinh 213, chi khác là bốn pháp khác: "Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo; từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo") V. KINH CON ĐƯỜNG THỨ NHẤT (Pathamamaggasutta) (Ả. II. 226) 215. (Như kinh 213, các pháp được đề cập đến là "tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiep" và "chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngũ*, chánh nghiep"). VI. KINH CON ĐƯỜNG THỨ HAI (Dutiyamaggasutta) (A. II. 226) 216. (Như kinh trên, các pháp được đề cập đến là "tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà djnh" và "chánh mạng, chánh tinh tân, chánh niệm, chánh djnh") VII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (Pathamavohãrapathasuttă) (A. II. 227) 217. (Các pháp được đề cập là

"không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói có cảm giác, không thức tri nói có thức tri" và "không thấy nói không thây, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không có cảm giác, không thức tri nói không có thức tri"). VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (Dutìyavohãrapathasutta) (A. II. 227) 218. (Các pháp được đề cập là "thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, có cảm giác nói không có cảm giác, có thức tri nói không thức tri" và "c6 thấy nói có thấy, có nghe nói có nghe, có cảm giác nói có cảm giác, có thức tri nói có thức tri") IX. KINH KHÔNG XẤU HỔ (Ahirỉkasutta) (A. II. 227) 219. Thành tựu với bôn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thê nào là bôn? Thành tựu với không có lòng tin, với có ác giới, với không xấu hổ5 với không sợ hãi tội lỗi.

216rAA. III. 210: Akatannutã akatavedỉtã = Akataũnutãya akatavedỉtãya (không biết ơn, không biết nghĩ đến ơn).

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với lòng tin, với có giới, với xấu hổ, với sợ hãi tội lỗi. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. X. KINH ÁC GIỚI (Dussĩlasutta)211 (A. II. 227) 220. (Như kinh trên, các pháp được đề cập như sau: "Kh6ng có lòng tin, có ác giới, biếng nhác, liệt tuệ; có lòng tin, có giới, tinh cân tinh tân, có trí tue")

277 Bản tiếng Anh của PTS: Of Weak Wisdom, nghĩa là về liệt tuệ.

xxm. PHẨM Ác HẠNH (DUCCARITAVAGGA)1^

I. KINH ÁC HẠNH (Duccaritasuttd) (Ắ. II. 228) 221. Này các Tỷ-kheo? có bốn lời ác hành này. Thế nào là bốn? Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo? có bốn lời ác hành này. Này các Tỷ-kheo, có bốn lời thiện hành này. Thế nào là bốn? Nói thật, không nói hai lưỡi5 nói lời nhu nhuyến, nói lời thông tuệ. Này các Tỷ-kheo, có bốn lời thiện hành này. II. KINH KIẾN (DiỊỊhisutta) (A. II. 228) 222. Thành tựu với bôn pháp, này các Tỷ-kheo5 kẻ ngu si, không thông minh, không phải chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, khôn§ có sinh khí, có tội, bị người trí quở trách, và tạo nhiều vô phước. Thế nào là bon? Với thân làm ác, với lời nói ác, với ý nghĩ ác, với tà kiến, thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo9 kẻ ngu si, không thông minh, không phải chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc? không có sinh khí, có tội5 bị các người trí quở trách, và tạo nhiều vô phước. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, một kẻ có sinh khí, không có tội, không bị các người có trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. Thế nào là bốn? Với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, với chánh tri kiến, thành tựu với bốn pháp này? này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh? là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, một kẻ có sinh khí, không có tội, không bị các người có trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. III.

KINH VÔ ƠN (Akatannutasutta) (A. IL 229) 223. (Như kinh trên, các pháp được đề cập là "thân làm ác, lời nói ác, ý nghĩ ác9 không biết ơn? không trả ơn; và thân làm thiện, lời nói thiện, ý nghĩ thiện, biêt ơn, trả ơn") IV KINH SÁT SANH (Pãnãtipãĩsutta) (4 II. 229) 224. (Như kinh trên, các pháp được đề cập là "sát sanh, lấy của không cho,

278 Tên phẩm và tên kinh 221 trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Good Conduct, nghĩa là Diệu hạnh.

tà hạnh trong các dục, nói láo; và từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ n6i láo") V. KINH CON ĐƯỜNG THỨ NHẤT (Pathamamaggasutta) (4 II. 229) 225.... có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp... có chánh kiến, có chánh tư duy, có chánh ngữ, có chánh nghiệp... VI. KINH CON ĐƯỜNG THỨ HAI (Dutìyamaggasutta)219 (4 II. 229) 226. ... có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm, có tà định... có chánh mạng, có chánh tinh tấn, có chánh niệm, có chánh định... VII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (PaỊhamavohãrapathasuttà) (Ả. II. 229) 227. ... không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói có cảm giác, không thức tri nói có thức tri... không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không có cảm giác, không thức tri nói không có thức tri... VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (Dutiyavohãrapathasutta) (A, II. 229) 228. ... có thây nói không thây, có nghe nói không nghe, có cảm giác nói không cảm giác, có thức tri nói không thức tri... có thấy nói có thấy, có nghe nói có nghe, có cảm giác nói có cảm giác, có thức tri nói có thức tri... IX. KINH KHÔNG XẤU HỔ (Ahiríkasutta) (4 II. 229) 229. ... không có Ibng tin? có ác giới, không xấu hổ, không sợ hãi tội lỗi... có lòng tin, có giới, có xấu hổ? có sợ hãi tội lỗi...

X. KINH LIỆT TUỆ (Duppannasutta) (A. IL 230) 230. ... không có lòng tin, có ác giới5 biếng nhác, liệt tuệ... có lòng tin, có giới? tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu với bốn pháp này. này các Tỷ-kheo? bậc hiền trí thông minh, bậc chân nhân, tự xử sự không như kẻ mất gốc, không như không có sinh lực, không có tội, không bị những người trí quở trách, và làm nhiều phước đức. XI. KINH CÁC THI SĨ (KavisuttăÝ^ (A. II. 230) 231. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng thi sĩ này. Thế nào là bốn? Thi nhân có tưởng tượng, thi nhân theo truyền thống, thi nhân có lý luận, thi nhân có biện tài. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng thi sĩ này.

279 Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 225 và 226 được trình bày liên tục. 280 Xem DB. I. 22; DA. I. 95; SA. I. 286; UdA. 205; B/. 184. Trong AA. III. 211 giải thích có khác: Cỉntãkavỉ, thi sĩ làm thơ sau khi suy nghĩ; sutakavi, thi sĩ chép lại những gì đã được nghe; atthakavi, thi sĩ chép lại ý nghĩa của sự vật; patibhanakavi, thi sĩ viết theo sáng tạo, như Tôn giả Vangĩsa.

XXIV PHẨM NGHIỆP (KAMMAK4GGA)

I. KINH NGHIỆP TÓM TẮT (Samkhittasuttd) (A. II. 230) 232. Có bốn nghiệp, này các Tỷ-kheo5 đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo? có nghiệp đen, quả đen; này các Tỷ-kheo, có nghiệp trăng, quả trăng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trăng, quả đen trắng; này các Tỷ-kheo5 có nghiệp không đen không trăng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt. Có bốn nghiệp này, này các Tỷ"kheo5 đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. II. KINH NGHIỆP CHI TIẾT(yìtthãrasuttd) (Ả. II. 230) 233. Có bốn nghiệp, này các Tỷ-kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen, quả đen; có nghiệp trắng, quả trắng; có nghiệp đen trăng, quả đen trănệ có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trăng, nghiệp đưa đên đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là nghiệp đen5 quả đen? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại, làm ý hành có tổn hại. Người ấy, do làm thân hành có tổn hại, do làm khẩu hành có tốn hại, do làm ý hành có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại. Do người ay sanh ra ở thê giới có tôn hại, các cảm xúc có tôn hại được cảm xúc. Người ay được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tôn hại, thuân nhât khô, như những chúng sanh trong địa ngục. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là nghiệp đen, quả đen. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng, quả trắng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành không có tổn hại, làm khẩu hành không có tổn hại9 làm ý hành không có tổn hại. Người ấy do làm thân hành không có tôn hại, do làm khâu hành không có tôn hại, do làm ý hành không • tôn• hại,9 sanh • có V. ra ở thê J giới không Y có tôn 9 • hại. . DoDngườiJ ây sanh ra ở thê giới không có tôn hại, các cảm xúc không có tôn hại được cảm xúc. Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc không có tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc, như chư thiên ở Biến Tịnh thiên. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là nghiệp trắng, quả trắng.

Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là nghiệp đen trăng, quả đen trăng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại và không tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, làm ý hành có tổn hại và không tổn hại. Người ấy, do làm thân hành có tổn hại và không tổn hại, do làm khẩu hành có tôn hại và không tôn hại? do làm ỵ hành có tôn hại và không tôn hại, nên sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại. Do người ấy sanh ra trong thế giới có tôn hại và không tôn hại, các cảm xúc có tôn hại và không tôn hại được cảm xúc. Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và khônệ tổn hại, xen lẫn, pha trộn lạc và khổ. Ví như một số người và chư thiên, một so chúng sanh ở các đọa xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng, quả đen trắng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt? Tại dấy, này các Tỷ-kheo5 phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen, quả đen này; phàm có tư tâm sở nào đế đoạn tận nghiệp trắng, quả trắng này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng, ạuả đen trắng này; này các Tỷ-kheo, đây được ỆỌÌ là nghiệp không đen không trăng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 có bôn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thăng trí

và thuyết giảng.

III. KINH SONAKẢYANA (Sonakãyanasutta) (Ả. II. 232) 234. Rồi Bà-la-môn Sikhã Moggallãna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, rồi ngồi xiiong một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn Sikhã Moggallãna thưa với Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, những ngày trước đây, trước đây nữa, thanh niên Sonakãyana có đến con, và sau khi đến5 nói với con như sau: uSa-môn Gotama chủ trương tât cả nghiệp đêu không có kêt quả. Chủ trương tât cả nghiệp đêu không có kết quả, vị ấy nói đến sự đoạn diệt của thế giới; nhimg the giới này thiệt là do nghiệp tác thành thê giới, và được tôn tại là do tác động của nghiệp. Này Bà-la-môn, Ta chưa từng thấy thanh niên Sonakãyana. Từ đâu lại có câu chuyện như vậy? Này Bà-la-môn5 có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố. Thế nào là bốn? (Như kinh 233). IV. KINH CÁC HỌC PHÁP THỨ NHẤT (PaỊhamasikkhãpadasutta) (A. IL 233) 235. Này các Tỷ-kheo? có bôn nghiệp này, đã được Ta chứng ngộ với thăng trí và tuyên bố. The nào là bốn? Này các Tỷ-kheo5 có nghiệp đen, quả đen; này các Tỷ-kheo, có nghiệp

trắng, quả trắng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trăng, quả không đen không trăng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là nghiệp đen, quả đen? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nâu. Này các Tỷ-kheo? đây là nghiệp den, quả đen. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là nghiệp trắng, quả trắng? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây là nghiệp trắng, quả trắng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là nghiệp đen trắng, quả đen trắng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân nghiệp có tổn hại và không tôn hại... (như kinh 233). Này các Tỷ-kheo? đây gọi là nghiệp đen trắng, quả đen trắng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt? Tại dấy, này các Tỷ-kheo? phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen? quả đen này; phàm có tư tâm sở nào đê đoạn tận nghiệp trắng, quả trắng này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen trăng, quả đen trắng này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp không đen không trăng, quả không đen không trăng, nghiệp đưa đên nghiệp đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thăng trí và tuyên bô. V. KINH CÁC HỌC PHÁP THỨ HAI (DutìyasikkhãpadasuttdÝ^ (A. IL 234) 236. Có bốn nghiệp, này các Tỷ-kheo, được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố. Thế nào là bon? Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen5 quả đen; có nghiệp trăng, quả trăng; có nghiệp đen trắng, quả đen trănệ có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đên nghiệp đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là nghiệp đen5 quả đen? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người đoạt mạng sống của mẹ, đoạt mạng sống của cha, đoạt mạng sống của vị A-la-hán, với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen? quả đen. Và này các Tỷ-kheo, thê

nào là nghiệp trăng, quả trăng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục9 từ bỏ nói láo5 từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác5 từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân? có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng, quả trắng.

281 Trong bản tiếng Anh của PTS, 2 kinh (235, 236) được trình bày liên tục.

Và này các Tỷ-kheo? thê nào là nghiệp đen trăng, quả đen trăng? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có người làm thân nghiệp có tổn hại và không tổn hại... (như kinh 233). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng, quả đen trăng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt? Tại dấy, này các Tỷ-kheo, phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen, quả đen này; phàm có ssịịĩặủứĩặqyCk!sCốsĩ!ĩ!ĩ!kốuốểsểĩóậók!uĩuuốkốpĩqƯĩ:òpĩC

rơi vào địa ngục. Thế nào là với bốn? Với thân nghiệp có tội, với ngữ nghiệp có tội9 với ý nghiệp có tội, với kiến có tội. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là với bốn? Với thân nghiệp không có tội? với khẩu nghiệp không có tội5 với ý nghiệp không có tội5 với kiên không có tội. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. IX. KINH KHÔNG TỔN HẠI (Abyãbạịjhasutta)2S2 (A. II. 237) 240. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bi rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thân nghiệp có tổn hại, khẩu nghiệp có tổn hại, ý nghiệp có tổn hại, kiến có tổn hại. Thành tựu bốn pháp này? này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Với thân nghiệp không tổn hại, với khẩu nghiệp không tôn hại, với ý nghiệp không tôn hại, với kiên không tôn hại. Thành tựu bốn pháp này? này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. X. KINH SA-MÔN (Samanasutta) (A. II. 238) 241. Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy? này các Tỷ-kheo, các ông chơn chánh rông tiêng rông con sư tử. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ nhất? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-ldieo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn hướng đến giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, vị này là Sa-môn thứ nhất. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Sa-môn thứ hai? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, do làm cho nhẹ bớt tham và sân, là bậc Nhất Lai, còn đi lại thế giới này một lần nữa? rồi đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo? đây là Sa-môn thứ hai. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ ba? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy chứng Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Này các Tỷ- kheo, đây là Sa-môn thứ ba. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Sa-môn thứ tư?

282 Bản tiếng Anh của PTS: Harmful, nghĩa là cỏ hại.

Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 đây là Sa-môn thứ tư. Này các Tỷ-kheo5 chỉ ở đây có Sa-môn thứ nhất, ở đây có Sa-môn thứ hai, ở đây có Sa-môn thứ ba, ở đây có Sa-môn thứ tư, còn các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy? này các Tỷ-kheo, các ông chơn chánh rống tiếng rống con sư tử này. XI. KINH CÁC LỢI ÍCH NHỜ BẬC CHÂN NHÂN (Sappurisãnisamsasuttà) (A. II. 239) 242. Nhờ y tựa bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo5 chờ đợi là bốn lợi ích. Thế nào là bốn? Lớn mạnh nhờ Thánh giới, lớn mạnh nhờ Thánh định, lớn mạnh nhờ Thánh trí tuệ, lớn mạnh nhờ Thánh giải thoát. Nhờ y tựa bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo? chờ đợi là bốn lợi ích này.

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP 483

XXV PHẨM SỢ HÃI PHẠM TỘI (APATTIBHAYAVAGGA)

I. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (Sanghabhedakasutta)2S3 (4 II. 239) 243. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả A i * 4A FT^I A FT' 11* 4- Ạ 1 r I 11 _ rr^ <\ A 4 /X * /\ J i /\ Ananda di den The Ton; sau khi đên5 đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ananda, sự tranh châp ây đã được châm dứt chưa? -Từ đâu, bạch Thế Tôn, sự tranh chấp ấy sẽ chấm dứt được? Bãhiya, vị đồng trú với Tôn giả Anuruddha hoàn toàn đứng về phía phá hòa hợp Tăng. Do vậy, Tôn giả Anuruddha nghĩ răng không nên nói một lời nào. Này Ananda, có khi nào Anuruddha lại can thiệp283 vào những vấn đề 284285 286 tranh châp giữa chúng Tăng? Phải chăng, này Ananda, khi nào có vân đê tranh chấp gì khởi lên, chính hai vị Sãriputta và Moggallãna làm chấm dứt tất cả tranh chấp ấy? Này Ãnanda, do thấy bốn lợi ích này, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Thế nào là bốn? Ở đây, này Ananda, kẻ ác Tỷ-kheo9 do theo ác giới, theo ác pháp không trong sạch, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu,285 không phải Samôn nhung D tự xưng là Á Sa-môn J 9 không • hành / Phạm hạnh nhungMl tự ximg là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đây ứ dục vọng, một đông rác nhơ bân. Vị ây nghĩ như sau: "Nêu các Tỷ-kheo sẽ biêt ta là ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh5 sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn5 không hành Phạm hạnh nhưng tự ximg là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đây ứ dục vọng? một đông rác nhơ bân; nêu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia ,286 họ sẽ không làm hại được ta.” Này Ananda, do thấy lợi ích thứ nhất này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo có tà kiên? thành tựu với châp thủ biên kiến.287 yị ấy nghĩ như sau: “Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có ác tri kiến, chấp thủ biên kiến; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm

283 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Offence, nghĩa là Phạm tội. 284 Yunjati: Can thiệp, giải hòa. AA. III. 215: Voyuĩyatĩtỉ anuyufyati anuyogam ãpcỳjatỉ ("Can thiệp vào^, có nghĩa là dự vào, tham dự một cách nhiệt tình).

285 nS. IVl8l; Ud. 52.

286 Vaggã trái với samaggã. 287 Antaggãhikãya dỉtthiyã. Xem 4 I. 154.

hại được ta." Này Ãnanda, do thấy lợi ích thứ hai này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Lại nữa? này Ananda, ác Tỷ-kheo có tà mạng5 nuôi sống mình với tà mạng. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nêu các Tỷ-kheo sẽ biêt ta có tà mạng, nuôi sông mình với tà mạng; nêu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nêu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta.” Này Ãnanda, do thấy lợi ích thứ ba này5 ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Lại nữa, nàỵ Ananda, ác Tỷ-kheo tham muốn lợi dưỡng5 tham muốn cung kính, tham muôn không bị khinh miệt. Vị ây suy nghĩ như sau: "Nêu các Tỷ- kheo sẽ biết ta có tham muốn lợi dưỡng, tham muôn cung kính, tham muôn không bị khinh miệt; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta.” Này Ãnanda, do thấy lợi ích thứ tư này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Do thấy bốn lợi ích này, này Ãnanda, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. II. KINH SỢ HÃI PHẠM TỘI (Ẩpattìbhayasutta) (A. II. 240) 244. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi phạm tội này. Thế nào là bốn? Ví nhu, này các Tỷ-kheo, người ta bắt được một người ăn trộm? một người phạm tội? dắt đến cho nhà vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn.,, Vua ấy nói như sau: "Các ông hãy đem người này. lấy dây thật chăc trói cánh tay người này thật chặt vê phía sau, cạo đâu người ây di, dăt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này đến đường khác5 từ ngã ba này đến n^ã ba khác, dăt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ây tại thành phía Nam.,, Những người của vua lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấỵ thật chặt về phía sau, cạo trọc dầu, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trông có tiếng chát tai, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Tại đấy, có một người suy nghĩ như sau: "Thật sự người này đã làm một điều ác đáng đứng một bên288289 bị quở trách, đáng bị chém đầu. Vì rằng những

Nếu không phạm tội thời không rơi vào tội Ba-la-di; nếu đã phạm tội thời sẽ như pháp sám hối pháp Ba-la-di. Ví như, này các Tỷ-kheo? có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thua quý vị5 tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo (assãham). Do vậy? tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.,^ Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự5 người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Vì rằng, người ấy đã mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: 'Thưa quý vị9 tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muôn của quý vị/ Vậy chăc chăn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy? đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo?5 Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào? các tưởng sợ hãi sắc bén

như vậy được an trú, thời trong những pháp Tăng tàn (Sanghãdisesa), được chờ đợi như sau về vị ấy: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội Tăng tàn; nếu đã phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội Tăng tàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang theo trên vai một túi đồ ăn290 đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thua quý vị5 tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Do vậy5 tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.,, Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự? người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Vì rằng người này đã mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang theo trên vai một túi đồ ăn5 đi đến trước đại chúng và nói như sau: 'Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị/ Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp như vậy5 đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 đôi với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào? các tưởng sợ hãi sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp Ba-dật-đề (Pãcittiya) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào tội Ba-dật-đề; nếu phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội Ba-dật-đề. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen9 xả búi tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thua quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vj." Tại dấy, một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Vì rằng người này mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: 'Thưa quý vị? tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình.

290 Bhasmaputam = Assaputam. Xem D. I. 98 việt bhassaputena vadhỉtvã, nghĩa là giết ngựời ấy với cái bi tro. Thật sự, assuputam nghĩa là phạt người ây băng cách tân xuất, do vậy người ây cân phải mang đồ ăn mà đi. Chủ 2iai cũng giải thích là cái bị tro. Có thể chữ assạ từ chữ assu rĩiư đã giải thích và nên • nhự dịch f vậy. J Hay dịch chữ • ợ assaputam ± • là miêngơ vải của người • o J r chữ Xputam có nghĩa là miêngo vải. ây, • í D Đặt mieng vải trên vai de to sự khiêm nhương. Xem GS. II. 247.

Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muôn của quý vị? Vậy chăc chăn ta chớ có làm nghiệp như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị phê binh.” Cũng vậy, này các Tỷ- kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tưởng sợ hãi sắc bén như vậy5 được an trú, thời trong những pháp cần phải phát lộ (Pãtidesanĩyổ) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội cần phải phát lộ; nếu phạm tội thời sẽ như pháp sám hối pháp cần phải phát lộ. Này các Tỷ-kheo5 có bốn sự sợ hãi phạm tội này. III. KINH LỢI ÍCH HỌC TẬP (Sikkhãnisamsasutta) (4 II. 243) 245. Phạm hạnh này được sống, được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố9 được niệm tăng thượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lợi ích học tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử đê những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin. Vì răng, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin, để những ai

kia với trí tue" do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: "Ta sẽ làm viên mãn học pháp sở hành Phạm hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp sở hành Phạm hạnh được đầy đủ9 ta sẽ bô sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tue" do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: "Ta sẽ quán sát đồng đẳng với trí tuệ pháp chưa được đông đăng quán sát; hay nêu pháp đã được đông đăng quán sát, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tue" do vậy? niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: "Ta sẽ cảm xúc với giải thoát, pháp chưa được cảm xúc; hay nếu pháp đã được cảm xúc, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tue" do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là niệm tăng thượng. Phạm hạnh này được sống, này các Tỷ-kheo? để được lợi ích trong học tập5 được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố? được niệm tăng thượng. Như vậy được nói đến, do duyên này được nói đến như vậy.

IV. KINH CÁCH NẰM (Seyyãsutta) (Ắ. II. 244) 246. Này các T-kheo, có bốn cách nằm này. Thế nào là bốn? Cách nằm của ngạ quỷ, cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng, cách nằm con sư tử, cách nằm của Như Lai. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của ngạ quỷ? Này các Tỷ-kheo? phân lớn các ngạ quỷ năm ngửa. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là cách nằm của ngạ quỷ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng? Và này các Tỷ-kheo, phần lớn người hưởng thọ các dục vọng nằm phía bên trái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cách năm của kẻ hưởng thọ các dục vọng. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là cách năm con sư tử? Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, năm vê phía hông bên mặt, hai chân gác lên nhau và cuộn cái đuôi vào giữa hai bắp vế; khi thức dậy, nó duỗi ra phía thân trước, rồi nó ngó lui ra phía thân sau. Này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào đặt sai chỗ hay lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú? không được hoan hỷ. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào không đặt sai chỗ hay không lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo? con sư tử, vua các loài thú, được hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây là cách năm con sư tử. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là cách năm của Như Lai? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm của Như Lai. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách nằm này.

V. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC DỤNG tháp (Thữpãrahasutta) (A. II. 245) 247. Này các Tỷ-kheo5 có bôn hạng người này xứng đáng được dựng tháp. Thế nào là bốn? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được

dựng tháp; vị Độc Giác Phật xứng đáng được dựng tháp; đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp; Chuyển Luân Vương xứng đáng được dựng tháp. Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng được dựng tháp. VI. KINH TRÍ TUỆ TẢNG TRƯỞNG (Pannăvuddhisuttd) (A. II. 245) 248. Bốn pháp, này các Tỷ-ỉdieo? đưa đến trí tuệ tăng trưởng. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân5 lắng nghe Diệu pháp, như lý tác ý,

thực hành pháp tùy pháp. Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo9 đưa đến trí tuệ tăng trưởng. VII. KINH GIÚP ÍCH NHIỀU (Bahukãrasuttd) (A. II. 245) 249. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân, nghe Diệu pháp? như lý tác ý9 thực hành pháp tùy pháp. Bôn pháp này, này các Tỷ-kheo, giúp ích nhiêu cho vị sanh ra làm người. VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (PaỊhamavohãrasutta) (A. II. 246) 250. Này các Tỵ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn? Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói cảm giác, không thức tri nói thức tri. Này các Tỷ-kheo5 có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. IX. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (Dutìyavohãrasutta) (A. II. 246) Thán 251 . Này các Tỷ-kheo; có bốn ngôn thuyết bậc

không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết sự nguy hại của bị chết, tầm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị uế nhiễm, sau khi biết sự nguy hại của uế nhiễm, tầm cầu cái không bị uế nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo? có bốn pháp Thánh cầu này. III. KINH NỀN TẢNG CỦA LÒNG TỪ (Sangahavatthusutta)292 (4 II. 248) 256. Này các Tỷ-kheo? có bốn nhiếp pháp này. Thế nào là bốn? Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Này các Tỷ-kheo9 có bốn nhiếp pháp này.

IV. KINH CON CỦA MẢLUNKYA (Mãlukyaputtasutta) (A. II. 248) 257. Rồi Tôn giả Mãluồkyaputta293294 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thê Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Mãluồkyaputta bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con; sau khi nghe thuyêt pháp con sẽ sống một minh, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Nay ở đây, này Mãluốkyaputta, Ta nói gì cho các Tỷ-kheo trẻ, trong khi ông đã già yếu, tuổi thọ cao, là bậc trưởng thượng, lại cầu Như Lai giáo giới một cách van tắt? Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, chắc chắn con sẽ hiểu được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn,

292 Bản tiếng Anh của PTS: Sympathy, nghĩa là Cảm thông. 293 Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Mãlunkyaputta. 294 Xem M. I. 12; s. IV. 205.

giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi ra đi. Rồi Tôn giả Mãluốkyaputta, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm? tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại tự mình với thăng trí, chứng đạt và an trú. Vị ây biêt rõ: "Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Rồi Tôn giả Mãlunkyaputta trở thành một vị A-la-hán nữa. V KINH GIA ĐÌNH (Kulasuíta)295 (A. II. 249) 258. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, không được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện ấy hay là một trong những sự kiện này. Thế nào là bốn? Không tìm những gì đã mât; không sửa lại cái gì đã già yêu;

ăn và uông quá độ; đặt ác giới nữ nhân, nam nhân trong địa vị tối thắng. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo? đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, không được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện này hay là một trong những sự kiện này. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo5 đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, được tồn tại lâu dài; tât cả đêu do bôn sự kiện này hay là một trong những sự kiện này. Thế nào là bốn? Tìm những gì đã mât; sửa lại cái gì đã già yêu; ăn và uông không quá độ; đặt nữ nhân, nam nhân có giới trong địa vị toi thắng. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo5 đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện này hay là một trong những sự kiện này. VI. KINH THUẦN CHỦNG THỨ NHẤT (Pathamaậiãntyasutta)296297 (A. II. 250) 259. Đầy đủ với bốn đức tánh,297 này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần chủng, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua, được xem như một biểu tượng của vua. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần chủng5 đầy đủ với sắc dẹp, đầy đủ với sức mạnh, đầy đủ với tốc lực, đầy đủ với cân đối.298 Đầy đủ với bốn đức tánh này, này các Tỷ-kheo5 một con ngựa của vua, hiền thiện? thuần chủng, xứng đáng để vua dùng5 thuộc quyền sở hữu của vua, và được xem như một biểu tượng của vua. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, đầy đủ bốn pháp, một Tỷ-kheo dáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn?

295 Bản tiếng Anh của PTS: Profit of the Family, nghĩa là Lợi ích cho gia đình. 296 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.921. 0234a08); Biệt Tạp.(T.Q2. 0100.147. 0429Ồ08). 297 Xem 41. 95. 298 Ẫrohaparỉnãha. Bề dài và vòng tròn của thân. XemA. I. 288.

Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp? đầy đủ sức mạnh, đầy đủ tốc lực5 đầy đủ cân đối. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống có giới luật, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha). đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, dõng mãnh, không từ bỏ trách nhiệm đối với các pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo đày đủ sức mạnh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Bây là khổ,5; như thật rõ biết: "Đây là khổ tap" như thật rõ biết: "Đây là khổ diet"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sự cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo được thâu nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sự cân đối. Này các Tỷ- kheo, thành tựu với bốn pháp này? Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng5 đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. VII. KINH THUẦN CHỦNG THỨ HAI (Dutìyaậiãnựasutta)299 (A. II. 251) 260. (Như kinh trên,

chỉ khác định nghĩa về tốc độ của Tỷ-kheo, có thể giải thích khác như sau...) ... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tốc độ vị Tỷ-kheo? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực. (Các đức tánh khác như kinh trên). VIII. KINH Lực (Baỉasutta) (A. II. 252) 261. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

299 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.921. 0234a08); Biệt Tạp.(7.02. 0100.147. 0429Ồ08).

CHƯƠNG IV. BỐN PHÁP > 493

IX. KINH SỐNG Ở RỪNG (Arannasutta) (A. IL 252) 262. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng.300 Thế nào là bốn? Với dục tầm; sân tầm; hại tầm; liệt tuệ? đần độn5 câm ngọng.301302 Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rùng rậm rạp, các trú xứ xa vắng. Thế nào là bốn? Với xuất ly tầm; vô sân tầm; bất hại tầm; không liệt tuệ5 không đần độn5 không câm ngọng. Thành tựu bốn pháp này? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa văng. X. KINH HÀNH ĐỘNG (Kammasutta)3Q2 (4 II. 252) 263. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không là bậc chân nhân, tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, không sinh lực, có tội? bị người trí quở trách, tạo nhiều vô phước. Thế nào là bốn? Với thân nghiệp có tội, với khẩu nghiệp có tội, với ý nghiệp có tội5 với tri kiến có tội. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không là bậc chân nhân, tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc5 không sinh lực? có tội? bị người trí quở trách, tạo nhiều vô phước. Thành tựu bôn pháp, này các Tỷ-kheo? bậc hiên trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc9 có sinh lực, không có tội, không bị người trí quở trách, tạo nhiều phước đức. Thế nào là bốn? Với thân nghiệp không có tội? với ngữ nghiệp không có tội, với ý nghiệp không có tội, với tri

300 Xem 4 1.60. 301 JãIo eỉamũgo. EỊamũga. Eỉa: Lãla (nước miếng); mũga, mũkha, mukha. s. V 99: Nói cà lăm (asampanna vacano). A. III. 436 giải thích rằng điếc, câm hay ngu như con vật (eỉa). 302 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.26.30. 0184c22).

XXVIL PHẨM NGHIỆP ĐẠO (KAMMAPATHAVAGGA)

I. KINH SÁT SANH (Pãnãtipãtĩsuttăý^ (A. II. 253) 264. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi r Ị. vào địa ngục. Thê nào là bôn pháp? Tự mình sát sanh, khích lệ người khác sát sanh, chấp nhận sát sanh và tán thán sát sanh. Thành tựu với bốn pháp này5 này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn pháp? Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, chấp

nhận từ bỏ sát sanh và tán thán từ bỏ sát sanh. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. II. KINH TRỘM CẮP (Adinnãdãyĩsuttă) (A. II. 253) 265. (Như trên, pháp ở đây là “tự mình lấy của không cho" và "tụ* mình từ bỏ lấy của không cho").

III. KINH TÀ HẠNH (Micchãcãrĩsutta) (4 II. 254) 266. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình tà hạnh trong các dục,, và "tụ* mình từ bỏ tà hạnh trong các due99). IV. KINH NÓI DỐI (Musãvãdĩsutta) (4 II. 254) 267. (Như trên, pháp ở đây là "tụ* mình n6i láo" và "tụ* mình từ bỏ nói lao,9). V. KINH NÓI HAI LƯỠI (Pisunavãcãsutta) (A. II. 254) 268. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình nói hai lưỡi,9 và "từ bỏ nói hai hr&i"). VI. KINH NÓI LỜI THÔ Ác (Pharusavãcãsutta) (Ắ. II. 254) 269. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình nói lời thô ác" V“từ bỏ nói lời thô ác')

303 Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 264-273) có cùng tên: Approving, nghĩa là Chấp nhận.

VII. KINH NÓI LỜI VÔ ÍCH (Samphappaỉãpasutta) (A. II. 255) 270. (Như trên, pháp ở đây là “tự mình nói lời phù phiếm,, và "từ bỏ nói lời phù phiếm,,).

VIII. KINH THAM (Abhifjhalusutta) (A. IL 255) 271. (Như trên, pháp ở đây là “tự mình tham duc^ và "tự mình không tham dục,^). IX. KINH TÂM SÂN (Byãpannacittasutta) (A, IL 255) 272. (Như trên5 pháp ở đây là “tự mình có tâm sân hận^, và "tự mình không có tâm sân hận,9). X. KINH TÀ KIẾN (MicchãdiỊỊhisutta) (Ả, II. 255) 273. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn pháp? Tự mình có tà kiến, khích lệ người khác có tà kiến, chấp nhận tà kiến và tán thán tằ kiến. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn pháp? Tự mình có chánh kiến, khích lệ người khác có chánh kiến, chấp nhận chánh kiến và tán thán chánh kiến. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

XXVHL PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RẢGAPEYYÂLẦ)

I. KINH NIỆM xứ (SatipaỊỊhãnasutta) (Ả. II. 256) 274. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo5 bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo sống tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm? tỉnh giác, chánh niệm? nhiếp phục tham ưu ở đời; tùy quán thọ trên các cảm thọ... tùy quán tâm trên tâm... tùy quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đê thăng tri tham, này các Tỷ-kheo, bôn pháp này cân phải tu tập. II. KINH CHÁNH CẦN (Sammappadhãnasutta) (A. II. 256) 275. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo5 bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đối với các pháp bất thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm5 trì tâm không cho sanh khởi; đối với các pháp bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm,

trì tâm khiển chúng đoạn tận; đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến cho sanh khởi; đối với các pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến chúng được duy trì, không có lu mờ5 được tăng trưởng, được quảng dại, được tu tap, được thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo? đê thăng tri tham, bôn pháp này cân phải tu tập. III. KINH NHƯ Ý TÚC (Iddhipãdasutta) (A. II. 256) 276. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, thành tựu với dục định tinh càn hành; tu tập như ý túc5 thành tựu với tinh tấn định tinh cần hành; tu tập như ý túc, thành tựu với tâm định tinh cần hành; tu tập như ý túc, thành tựu với tư duy định tinh cần hành. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp này cần phải tu tập.

IV-XXX. KINH LIỄU TRI, VV.. (Parinnãdisuttãnỉ) (4 II. 257) 277-303. Để liễu tri, này các Tỷ-kheo5 để đoạn trừ... đoạn tận... trừ diệt...

tiêu diệt... ly tham... đoạn diệt... từ bỏ... xả bỏ tham, bốn pháp này cần phải tu tập. XXXI-DX. KINH THẮNG TRI SÂN, VV.. (Dosaabhinnãdisuttãnỉ) (Ả. II. 257) 304-783. Đê thăng tri... liêu tri... đoạn trừ... đoạn tận... trừ diệt... tiêu diệt... ly tham... đoạn diệt... từ bỏ... xả bỏ sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... nhiệt não... tật đố... xan tham... man trá... xảo trá... ngoan cố... bồng bột... mạn... quá mạn... say mê... phóng dật, bốn pháp này cần phải tu tập.

CHƯƠNG V NẨM PHÁP (PANCAKANIPÃTA}

I. PHẨM SỨC MẠNH HỮU HỌC (SEKHABALAVAGGA)

I. KINH TÓM TẮT (Samkhittasuttd)Ỵ (Â. III. 1) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Ty-kheo ây vang dap The Ton, The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo? có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực, quý lực5 tinh tấn lực, tuệ lực. Này các Tỷ-kheo5 có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Do vậy5 này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “T6i sẽ thành tựu tín lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tàm lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu quý lực5 được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tinh tấn lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tuệ lực9 được gọi là Hữu học luc." Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập. Thế Tôn thuyết giảng như vậy? các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy rr^l _ A FT1 A The Ton. II. KINH QUẢNG THUYẾT (Vìtthatasuttà)12 (A. III. 2) 2. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực? quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là tín lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: í6Đây là Thế Tôn? bậc A-la-háĩi, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh

1 Xem4 II. 150; III. 248; D. III. 253; M. II. 12. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.677-678. 0185c20-25). 2 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.32.1. 0673c20).

TÚC, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn?5 Như vậy? này các Tỷ-kheo? được gọi là tín lực. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tàm lực? Ở đây5 này các Ty.kheo, vị Thánh đệ tử có lòng hổ thẹn; hổ thẹn đối với thân làm ác, miệng nói ác? ý nghĩ ác; hổ thẹn đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy? này các Tỷ-kheo, được gọi là tàm lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi; sợ hãi tội lỗi đối với thân làm ác5 miệng nói ác, ý nghĩ ác; sợ hãi tội lỗi đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 được gọi là quý lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh tấn lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bât thiện, thành tựu các pháp thiện; nô lực kiên trì, tinh tân, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 được gọi là tinh tấn lực. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tuệ lực? Ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ- kheo, đây gọi là tuệ lực. Những pháp này, nàỵ các Tỷ-kheo, là năm sức mạnh của bậc Hữu học. Do vậy9 này các Tỷ-kheo, cân phải học tập như sau: “Ta sẽ thành tựu tín lực? được gọi là Hữu học lực... tàm lực... quý lực... tinh tấn lực... Ta sẽ thành tựu tuệ lực, được gọi là Hữu học lực?9 Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH KHỔ (Dukkhasutta) (A. III. 3) 3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ9 với tổn não5 với ưu não, với nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không có lòng tin, không có lòng hổ thẹn, không có lòng sợ hãi tội lỗi5 biếng nhác, ác tuệ. Thành tựu với năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 ngay trong hiện tại sống đau khổ, với tổn não, với ưu não5 với nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sông an lạc, không có tôn não, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là cõi lành. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi tội lỗi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não? không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là cõi lành.

IV KINH TƯƠNG XỨNG (Yathãbhatasutta) (Ả. III. 3) 4. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo. Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có lòng tin, không có lòng hổ thẹn, không có lòng sợ hãi tội lỗi, biếng nhác? ác tuệ. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh vào cõi trời. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi tội lỗi<tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh

vào cõi trời. V KINH HỌC PHÁP ỤSikkhãsuttdý (A. III. 4) 5. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào? này các Tỷ-kheo, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, năm vấn đề hợp pháp để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Thế nào là năm? “Trong ta [vị ấy nghĩ] không có lòng tin đối với các thiện pháp, trong ta kh6ng có lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, trong ta không có lòng sợ hãi tội lỗi đối với các thiện pháp, trong ta không có tinh tấn đối với các thiện pháp, trong ta không có trí tuệ đối với các thiện pháp.” Tỷ-kheo hay Tỵ-kheo-ni nào, nay cac Ty-kheo5 từ bo học pháp, trở lui đời song the tục, năm van đê hợp pháp này để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo5 dầu với đau khổ, với ưu tư, với mặt đầy nước mắt, than khóc, vẫn sống đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, năm vấn đề hợp pháp để tự tán thán đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Thế nào là năm? "Trong ta [vị ấy nghĩ] có lòng tin đối với các thiện pháp, trong ta có lòng hô thẹn đôi với các thiện pháp, trong ta có lòng sợ hãi tội lôi đôi với các thiện pháp, trong ta có lòng tinh tấn đối với các thiện pháp? trong ta có trí tuệ đối với các thiện phap?9 Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, dầu với đau khổ5 với ưu tư, với mặt đầy nước mắt5 than khóc, vẫn sống đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, năm vân đê hợp pháp đê tự tán thán này đên với vị ây ngay trong hiện tại. VI. KINH BƯỚC VÀO (Samãpattisutta) (A. III. 5) 6. Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào có lòng tin an trú vào các thiện pháp. Khi nào lỏng tin biến mất, này các Tỷ-kheo5 lòng không tin khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện. Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào có lòng3

3 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.681-682. 0186a23-b07).

hổ thẹn vào các thiện pháp. Khi nào lòng hổ thẹn biến mất, này các Tỷ-kheo, lòng không hổ thẹn khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện. Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào có lòng sợ hãi tội lỗi vào các thiện pháp. Khi nào lòng sợ hãi tội lỗi biến mất, này các Tỷ-kheo, lòng không sợ

săn sóc Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: “Nay Tỷ-kheo ấy đã biết tự bảo vệ mình, không còn phóng dật nữa.^, VIII. KINH TỪ BỎ (Cavanasutta) (A. III. 6) 8. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo từ bỏ5 không an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm? Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; không có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; không có lòng sợ hãi tội lỗi? này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ- kheo từ bỏ? không an trú trong Diệu pháp; biếng nhác? này các Tỷ-kheo? vị Tỷ- kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; không có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ5 không an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ? không an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. The nào là năm? Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. Có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ5 an trú

trong Diệu pháp. Có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ9 an trú trong Diệu pháp. Có tinh tấn, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ9 an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. IX. KINH KHÔNG TÔN KÍNH THỨ NHẤT (PaḶhamaagãravasuttd) (4 III. 7) 9. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ9 không an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm? Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng? từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Không có lòng hổ thẹn? này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ9 không an trú trong Diệu pháp. Không có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ? không an trú trong Diệu pháp. Biếng nhác? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Không có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng?4 từ bỏ? không an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ9 không an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng? không từ bỏ5 an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm?

4 Appatỉsso. AA. III. 225: Nãssa patỉssotỉ appatisso, ajetthako ariĩcavuttỉ (“Bất tuân,, nghĩa là vị ấy khống vâng lời, chưa phải là thâm niên nhirng không khiêm nhường).

CÓ lòng tin, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ5 an trú trong Diệu pháp. Có lòng hô thẹn5 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. Có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. Có tinh tấn, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. Có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ- kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ? an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này9 này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ b6, an trú trong Diệu pháp. X. KINH KHÔNG TÔN KÍNH THỨ HAI (Dutìyaagãravasutta) (A. III. 9) 10. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thế nào là năm? Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Không có lòng hổ thẹn? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên5 tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Không có lòng sợ hãi tội lỗi? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên5 tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Biếng nhác, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có ác tuệ, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên? tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và

Luật này. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thế nào là năm? Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có lòng hô thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên5 tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có lòng sợ hãi tội lỗi5 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có trí tuệ, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên5 tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 505

IL PHẨM SỨC MẠNH (BALAK4GGA)

I. KINH CHƯA ĐƯỢC NGHE (Ananussutasutta) (Â. III. 9) 11. Này các Tỷ-kheo5 Ta tự cho là đã đạt được sự cứu cánh với thắng trí đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của Như Lai. Này các Tỷ-kheo^5 thành tựu các sức mạnh ấy, Như Lai tự xem đã đạt được vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng, làm vận chuyển bánh xe Phạm thiên. Thê nào là năm? Tín lực, tàm lực? quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực. Có năm Như Lai lực này của Như Lai. Này các Tỷ-kheo, thành tựu các sức mạnh ấy, Như Lai tự xem đã đạt được vị trí Ngiru vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng, làm vận chuyên bánh xe Phạm thiên. II. KINH NÓC NHỌN (Kũịasuttd) (Ả. III. 10) 12. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực5 tàm lực5 quý lực9 tinh tấn lực5 tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Trong năm sức mạnh của bậc Hữu học này, này các Tỷ-kheo5 cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu t6m, tức là tuệ lực. Ví như, này các Tỷ-kheo5 với ngôi nhà có nóc nhọn5 cái này là tối thượng, cái này là tông nhiêp, cái này là tông thâu tóm5 tức là cái nóc. Cũnẹ vậy9 này các Tỷ-kheo, trong năm sức mạnh này của bậc Hữu học, cái này là tôi thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là tuệ lực. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cân phải học tập như sau: "Tôi sẽ thành tựu tín lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tàm lực5 được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu quý lực... tinh tấn lực... tuệ lực5 được gọi là Hữu học Iqc." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cân phải học tập. III. KINH TÓM LƯỢC (Samkhittasutta)6(A. III. 10) 13. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực5 niệm lực, định lực, tuệ lực.

5 Đoạn kinh này được nhắc lại trong A. II. 9; V. 33; M. Ị. 69; s. II. 27. Trong đó, 10 lực này hoàn toàn khác với 5 lực. Nhóm 5 lực dường như chỉ có trong phân này và trong chương Bảy pháp. Xem A. IV. 3;D. III. 253. 6 Bản tiếng Anh của PTS: The Powers in Brief, nghĩa là Các sức mạnh tóm lược.

506 KINH TĂNG CHI Bộ

Này các Tỷ-kheo, có năm lực này. IV. KINH QUẢNG THUYẾT(yỉtthatasuttăý (Ắ. III. 10) 14. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực? định lực5 tuệ lực. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là tín lực? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Bây là Thế Tôn5 bậc A-la-hán? Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc5 Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật5 Thế T6n." Như vậy5 này các Tỷ-kheo, được gọi là tín lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bât thiện, thành tựu các thiện pháp, nô lực kiên tri, tinh tân, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tấn lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm lực? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có chánh niệm, thành tựu tối thắng niệm và tuệ. Vị ấy nhớ và gợi lại trong trí nhớ những điều đã nói và đã làm lâu ngày về trước. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là niệm lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định lực? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ly dục5 ly các bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhât tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ được các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Đoạn lạc đoạn khô5 châm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tu, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? được gọi là định lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực? Ở đây, này các Ty.kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diet, với sự thê nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khô đau. Này các Tỷ- kheo5 đây gọi là tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, các pháp này là năm lực.78 V. KINH CẦN PHẢI THẤY (Datthabbasutta) (A. III. 11) 15. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực5 niệm lực, định lực5 tuệ lực.

7 Bản tiếng Anh của PTS: The Powers in Detail, nghĩa là Các sức mạnh giảng chỉ tiết. Tham chiếu: Tạp. <(7.02.0099.646. 0182bl6); Tạp.(T.02. 0099.675. 0185c09) 8 Xem D II. 120; M. II. 12; s. V. 219.

Và này các Tỷ-kheo, tín lực cân phải thây ở đâu? Trong bôn Dự lưu chi phần,9 ở dấy, tín lực cần phải thấy. Và này các Tỷ-kheo, tấn lực cần phải thấy ở đâu? Trong bốn chánh cần, ở dấy, tấn lực cần phải thấy. Và này các Tỷ-kheo5 niệm lực cần phải thấy ở đâu? Trong bốn niệm xứ, ở đấy5 niệm lực cần phải thấy. Và nay các Tỷ-kheo, định lực cần phải thấy ở đâu? Ở trong bốn thiền, ở dấy, định lực cần phải thấy. Và này các Tỷ-kheo, tuệ lực cần phải thấy ở đâu? Ở trong bốn Thánh đế, ở dấy, tuệ lực cần phải thấy. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. VI. KINH LẠI NÓC NHỌN (PunakũIasutta) (A. III. 12) 16. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, có năm lực này. Trong năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo? cái này là tối thượng, cái này là tông nhiếp, cái này là tông thâu tóm, tức là tuệ lực. Ví như, này các Tỷ-kheo5 với ngôi nhà có nóc nhọn? cái này là tối thượng, cái này là tông nhiếp, cái này là tông thâu tóm, tức là cái nóc. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo,

trong năm sức mạnh này? cái này là tôi thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tông thâu t6m, tức là tuệ lực. VII. KINH HẠNH PHÚC THỨ NHẤT (Pathamahitasutta)w(A, III. 12) 17. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho o đem lại hạnh nhúc cho người khác. Thê nào là năm? mình," không •• o

Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới hanh, không có khuyến khích người khác đây đủ giới hạnh; tự mình đây đủ thiên định, không có khuyến khích người khác đay đủ thiên định; tự mình đây đủ trí tuệ5 không có khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát, không có khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ ^iải thoát tri kiến, không có khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình, không đem lại hạnh phúc cho người khác. VIII. KINH HẠNH PHÚC THỨ HAI (Dutìyahitasutta) (4 III. 13) 18. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho người khác, không đem lại hạnh phúc cho mình. Thế nào là năm?

9 Xem 4 V. 179; KS. II. 49; D. III. 227 (có lòng tin tuyệt đối với Phật, Pháp, Tăng và có giới hạnh viên mãn); DB. II. 99 (Gương Chánh pháp). 10 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (18-20) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: For Whose Good? nghĩa là Đem lại điều tốt đẹp cho aiì

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự mình đầy đủ giới hạnh, khuyến khích người khác đây đủ giới hạnh; không tự mình đây đủ thiên định, khuyên khích người khác đầy đủ thiền định; không tự mình đầy đủ trí tuệ, khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; không tự mình đầy đủ giải thoát, khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; không tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến, khuyển khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến. Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho người khác, không đem lại hạnh phúc cho mình. IX. KINH HẠNH PHÚC THỨ BA (Tatìyahitasutta) (4 III. 13) 19. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không đem lại hạnh phúc cho mình, không đem lại hạnh phúc cho người. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không tự mình đầy đủ ệiới hạnh, không khuyên khích người khác đây đủ giới hạnh; không tự mình đây đủ thiền định, không khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; không tự mình đầy đủ trí tuệ, không khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; không tự mình đầy đủ giải thoát, không khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; không tự mình đầy đủ giải thoát tri kiên, không khuyên khích người khác đây đủ giải thoát tri kiên. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo không đem lại hạnh phúc cho minh, không đem lại hạnh phúc cho người. X. KINH HẠNH PHÚC THỨ TƯ (Catutthahitasuttd) (A. III. 14) 20. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người. Thế nào là năm? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiền định và khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát

tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến. Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 509

IIL PHẨM NĂM PHÀN (PANCANGIKAVAGGA)

I. KINH KHÔNG CÓ CUNG KÍNH THỨ NHẤT (PaḶhamaagãravasuttà)1112 (Ắ. III. 14) 21. Tỷ-kheo? này các Tỷ-kheo, không cung kính, không thận trọn^, không sông tương hòa với các vị đông Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thăng hạnh pháp, 12 sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn các giới luật5 vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định? sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, có cung kính, có thận trọng, sông tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn các giới luật? vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định? sự kiện này có xảy ra. II. KINH KHÔNG CÓ CUNG KÍNH THỨ HAI (Dutiyaagãravasutta)(A. III. 15) 22. Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn5 sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này không xảy ra.

HJCinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: Niệm kinh (T.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quỷ kinh ếí (T.p 1.0026.45-46. 0486a05-21); Giới kỉnh (T.01. 0026.47-48. 0486b23c03); Cung kính kinh (roi. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(02. 0099.495. 0129a09).
12 Ẫbhỉsamãcãrikam dhammam'. Thắng hạnh pháp. Xem The Path ofPurity, 11.

Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, có cung kính, có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, vị ấy sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn thăng hạnh pháp, vị ây sẽ làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm

cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này có xảy ra. III. KINH CÁC UẾ NHIỄM (Upakkilesasutta)13 (A. III. 16) 23. Có năm uế nhiễm này của vàng, này các Tỷ-kheo, do các uế nhiễm ấy, vàng bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không được dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn và không chơn chánh chịu sự tác thành. Thế nào là năm? sắt, đồng5 thiếc, chì và bạc. Có năm uế nhiễm này của vàng, này các Tỷ-kheo, do các uế nhiễm ấy, vàng bị uê nhiễm không được nhu nhuyên, không được dễ sử dqng, không sáng ch6i, bị bể vụn và không chơn chánh chịu sự tác thành. Và khi nào5 này các Tỷ-kheo, vàng được giải thoát khỏi năm uế nhiễm này5 khi ấy vàng ấy được nhu nhuyến, dễ sử dụng, sáng chói, không bị bể vụn và chơn chánh chịu sự tác thành. Và các đô trang sức nào người ta muốn như nhẫn, như bông tai, như vòng cổ5 như dây chuyền vàng,14 vàng ấy có thể dùng tùy theo ước muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm uế nhiễm này của tâm, do các uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm, không nhu nhuyen, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn, không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tham dục, sân, hôn trầm thụy miên5 trạo hối, nghi. Có năm uế nhiễm này của tâm, này các Tỷ-kheo, do năm uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không dễ sử dụng, không sáng ch6i, bị bể vụn, không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Và khi nào, này các Tỷ-kheo, tâm được giải thoát khỏi năm uế nhiễm ấy, khi ấy tâm ấy được nhu nhuyến, dễ sử dụng, sáng ch6i, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại dấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi qua hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liên như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngôi kiết- già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm sờ mặt trăng và mặt

13 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1246. 0341b25). 14 Paịtỉkãya = Muddỉkãya. Xem A. I. 254.

tr&i, những vật có đại oai lực5 đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.59 Tại dấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy? dầu thuộc loại xứ nào. Nêu vị ây muôn: "Với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân5 ta có thê nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần.” Tại dấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình, ta có thể biết được tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của loài người khác nhau như sau: 'Tâm có tham, biết là tâm có tham; tâm không tham, biết là tâm không tham. Tâm có sân9 biết là tâm có sân; tâm không sân5 biết là tâm không sân. Tâm co si, biết là tâm có si; tâm không si, biết là tâm không si. Tâm chuyên chú? biết là tâm chuyên chú; tâm tán loạn, biêt là tâm tán loạn. Đại hành tâm, biêt là đại hành tâm; không phải đại hành tâm5 biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng. Tâm thiền định, biết là

tâm thiền định; tâm không thiền định? biết là tâm không thiền định. Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát? biết là tâm không giải thoát."' Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nêu vị ây ước muôn: "Ta sẽ nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ, như một đời, hai đời5 ba đời5 bốn đời? năm đời5 mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời9 bốn mươi đời9 năm mươi đời? một trăm đời5 hai trăm đời5 một ngàn đời5 một trăm ngàn dời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp." Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này5 tuổi thọ đến mức thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thê này, dòng họ như thê này, giai câp như thê này, đô ăn như thê này, thọ khô lạc như thế này9 tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ở dây.” Tại dấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự từ bỏ và sanh khởi của chúng sanh. Ta rõ biết chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ? kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến? tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ? ác thú? đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý5 không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các cối lành5 cõi trời, cõi đời này. Như vậy? với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta có thê thây sự sông, chêt của chúng sanh. Ta có thê rõ biêt răng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may

mắn5 kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của hẹ)" Tại đấy, vị ấy có khả năng? có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại5 với thắng trí ta chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Tại đây, vị ây có khả năng, có năng lực đạt đên trạng thái ây? dâu thuộc loại xứ nào. IV. KINH ÁC GIỚI (Dussĩlasuttay5 (A. III. 19) 24. Với người ác giới, này các Tỷ-kheo9 với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá 16 do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, hoại, như thật tri kiến15 với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá bị phá hoại, thời đọt cây ây không đi đên viên mãn, vỏ cây không đi đên viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn5 lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 với người ác giới, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt5 với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiên không có mặt, với người như thật tri kiên bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại. Với người có giới, này các Tỷ-kheo, với người gìn giữ

giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến có mặt5 nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá được đầy đủ5 thời đọt cây ây đi đên viên mãn, vỏ cây đi đên viên mãn, giác cây đi đên viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 với người có giới, với người giữ gìn giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến được thành tựu, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán5 ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

15 Tham chiếu: Niệm kỉnh JJ.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quý kỉnh 0026.45- 46. 0486a05-21); Giới kỉnh (roi. 0026.47-48. 0486b23-c03); Cung kỉnh kinh (roi. 0026.49-50. 0486c21-0487al5);?(zp.(T.02. 0099.495. 0129a09). 16 Chủ giải viết taruna nghĩa là tuổi trẻ.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 513

V KINH NHIẾP THỌ (Anuggahitasuttă) (A. III. 20) 25. Do nhiếp thọ năm chi phần? này các Tỷ-kheo5 chánh tri kiến được thành thục với Tâm giải thoát quả và các lợi ích của Tâm giải thoát quả, với Tuệ giải thoát quả và các lợi ích của Tuệ giải thoát quả. Với năm pháp gì? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 chánh tri kiến được giới nhiếp thọ5 được văn nhiếp thọ9 được luận nghị nhiếp thọ5 được chỉ nhiếp thọ, được quán nhiếp thọ.17 Do được năm chi phần nhiếp thọ này9 này các Tỷ-kheo9 chánh tri kiến được thành tựu với Tâm giải thoát quả và các lợi ích của Tâm giải thoát quả5 với Tuệ giải thoát quả và các lợi ích của Tuệ giải thoát quả. VI. KINH GIẢI THOÁT xứ (Vìmuttãyatanasutta) (A. III. 21) 26. Có năm giải thoát xứ,18 này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa dạt, được đạt đến. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo su, thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Tùy theo bậc Đạo su, hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ5 thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ5 tâm được định tĩnh.19 Đây là giải thoát xứ thứ nhất. Ở dấy, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật5 nhiệt tâm9 tinh cần5 thời tâm chưa giải thoát được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được đạt đến. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư không thuyêt pháp cho vị Tỷ-kheo. Và vị Tỷ-kheo ây thuyêt pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho

các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng như thê nào, như thê nào, tùy theo như vậy5 như vậy vị ây tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ vê pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan sanh nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ hai. ơ đây, vị Tỷ-kheo sông không phóng dật? nhiệt tâm5 tinh cần5 thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay

17 Xem II. 140. 18 Vìmuttỉ. D. 33, Sangĩtỉ Sutta (Kỉnh Phúng tụng), D. III. 241. 19 XemD. I. 73; M. I. 37; Vin. I. 294.

sanh. Do hân hoan nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ? thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ năm? ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt5 được đạt đến. Có năm giải thoát xứ này? này các Tỷ-kheo? ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cân, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến. VII. KINH ĐỊNH (Samãdhisutta) (A. III. 24) 27. Này các Tỷ-kheo, thông minh, thường niệm, hãy tu tập vô lượng định. Với ai thông minh, thường niệm, tu tập vô lượng định, tự mỗi người ấy khởi lên năm trí.2122 Thế nào là năm? "Định này hiện tại lạc và tương lai có quả dị thục lạc", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "Định này thuộc bậc Thánh không thuộc vật chất", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "Định này không do người ác thực hiệnn5 trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "Định này an tịnh, thù diệu,23 đem đến khinh an, đạt được nhất tâm, không phải là sự chế ngự gò ép thường xuyên5\ trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "An tịnh? ta nhập định này. An tịnh5 ta xuất khỏi định này"trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. Này các Tỷ-kheo? thông minh, thường niệm, hãy tu tập vô lượng định. Với ai thông minh, thường niệm, hãy tu tập vô lượng định9 tự mỗi người ấy, khởi lên năm trí này. VIIL KINH NĂM CHI PHẦN (Pancangikasutta) (Ả. III. 25) 28. - Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng sự tu tập Thánh chánh định gồm có năm chi phần. Hãy lắng nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo9 như thế nào là sự tu tập Thánh chánh định gồm có năm chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo24 ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ nhât với tâm với tứ. Vị ây thâm nhuân, tâm ướt? làm cho sung mãn5 tràn đây thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

21 XemD. III. 278. 22 AA. III. 231: Kỉlesehỉ ãrakattã arỉyo. (t4Tránh xa các nhiễm 6" nghĩa là bậc Thánh không còn phiền não ô nhiễm). Xem 4 IV. 145. 23 Chủ giải viết atappaniyatthena, nghĩa là không đưa đến nhàm chán. 24 Xem D. I. 74; M. I. 276,11. 15; IIL 92.

Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 như một người hâu tăm hay đệ tử hâu tăm, sau khi răc bột tăm trong thau băng đông, liên nhôi bột ây với nước. Cục bột tăm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt9 thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt? làm cho sung mãn5 tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đây là sự tu tập thứ nhât vê Thánh chánh định gôm có năm chi phân. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt5 làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra5 phương Nam không có lỗ nước chảy ra9 và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tẩm ướt5 làm cho sung mãn5 tràn đầy hồ nước ấy với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt5 làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Đây là sự tu tập thứ hai về Thánh chánh định gồm có năm chi phần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác? thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Vị Tỷ-kheo ây thâm nhuân, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đây thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Ví như, này các Tỷ-kheo5 trong hô sen xanh, hô sen hông hay sen trăng, những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, được nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tẩm ướt, tràn đây thâu suôt bởi nước mát lạnh ây, không một chô nào của toàn thê sen xanh, sen hông hay sen trăng không được nước mát lạnh ây thâm nhuân. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo9 đây là sự tu tập thứ ba về Thánh chánh định gồm có năm chi phần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng,

không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người ngôi dùng tâm vải trăng trùm đâu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che phủ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? Tỷ~kheo thấm nhuần toàn thân này với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ây thâm nhuân. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự tu tập thứ tư vê Thánh chánh định gôm có năm chi phần. Lại

nữa, này các Tỷ-kheo, quán sát tướng25 được vị Tỷ-kheo khéo nắm giữ, khéo tác V, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người quán sát một người khác, người đứng quán sát người ngồi, hay người ngồi quán sát người nằm. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 quán sát tướng được Tỷ-kheo khéo nắm giữ, khéo tác ý5 khéo thọ tri, khéo thể nhập với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự tu tập thứ năm về Thánh chánh định gồm có năm chi phần. Tu tập như vậy, này các Ty.kheo, Tỷ-kheo với Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy, tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một cái ghè nước26 đặt trên một cái giá, ghè ấy đựng đầy nước, tràn đầy đến nỗi con quạ có thể uống được. Và một người có sức mạnh đến lắc qua lắc lại cái ghè ấy, như vậy nước có đổ ra chăng? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập như vậy, Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy, tùy thuộc theo pháp gì cân phải được giác ngộ với thăng trí, tâm vị ây hướng đên đê được giác ngộ với thắng trí. Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một hô nước trên một khoảnh đât băng, bôn góc có bờ đê đắp cao đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được. Rồi một người có sức mạnh đến tháo bờ đê chỗ này chỗ kia, như vậy nước có đổ ra chăng? Thưa có5 bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo tu tập như vậy9 Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy5 tùy thuộc theo pháp gì

25 AA. III. 235: Paccavekkhananỉmỉtta (quan sát tướng) = Paccavekkhanananameva (tuệ quan sát lại). XemD III. 278; UdA. 336. 26 Xem M. III. 96.

càn phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đấy, vị ấy có khả năng9 có năng lực đạt đến pháp ấy5 dầu thuộc loại xứ nào. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trên đất bằng, tại chỗ ngã tư, có một chiếc xe đang đậu5 thắng với ngựa thuần chủng, có gậy thúc ngựa đặt ngang sẵn sàng. Có người huấn luyện ngựa thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lây dây cương, tay mặt cầm lấy gậy thúc ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui tại chỗ nào và như thế nào theo ý mình muốn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như vậy, Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy5 tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại dấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy5 dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thâĩi.." (như kinh 23)... dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy ước muốn: "Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân..." (như kinh 23). Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình có thể hiểu biết được tâm của các loại chúng sanh khác...,, (như kinh 23). Nêu vị ây ước muôn: "Ta sẽ nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ, như một (như kinh 23). Nếu vị ấy ước muốn: "Vói Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống chết của chúng sanh." (như kinh 23). Nêu vị ây ước muôn: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay

trong hiện tại với thắng trí ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.,, Tại đấy, vị ấy có khả năng5 có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào. IX. KINH KINH HÀNH (Cankamasutta)21 (Ả. III. 29) 29. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của kinh hành.27 28 Thế nào là năm? Kham nhẫn được đường trường; kham nhẫn được tinh cần; ít bệnh tật; đưa đến tiêu hóa tôt đẹp các đô được ăn, được uông5 được nhai, được nêm; định chứng được trong khi kinh hành được tồn tại lâu dài. Những pháp này, này các Tỷ-kheo là năm lợi ích của kinh hành. X. KINH TÔN GIẢ NÃGITA (Nãgitasutta)29 (A. III. 30) 30. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn bộ hành giữa các người Kosala, cùng với đại chúng

27 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.20. 0879a05). 28 Cankama. Xem Vìn. II. 190; III. 103f; Buddhist Birth Stories, 89. 29 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1250. 0343b07).

Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchãnaồgala. Tại dấy, Thế Tôn trú ở Icchãnaồgala, trong khóm rừng Icchãnangala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchãnaồgala được nghe: "Sa-m6n Tôn giả Gotama là Thích tử xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchanangala, trú ở Icchãnaốgala, trong khóm rừng Icchãnangala. về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: 'Dây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn9 Bà-la- môn? các loài trời và loài người. Sau khi đã chứng ngộ5 Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn9 có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch/ Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như v^y!" Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchãnaốgala, sau khi đêm ấy đã mãn, cầm theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm9 đi đến khóm rừng Icchãnaồgala; sau khi đến, đứng ở ngoài cổng vào và lớn tiếng làm huyên náo. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nãgita là thị giả của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Nãgita:30 -Này Nãgita, những ai đã đến và làm ồn ào như những người hàng cá với đống cá lớn? —Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Bà-la-môn gia chủ ở Icchãnaốgala, đang đứng ở ngoài công vào, đem theo rât nhiêu đô ăn loại cứng và loại mêm cúng dường cho Thế Tôn và chúng Tăng. Này Nãgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nãgita, những ai không tìm được không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức; tìm được an ổn lạc5 viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức; hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc5 lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc. Bạch Thê Ton, nay The Ton hãy chap nhận! Thiện Thệ hãy châp nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào? tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quôc độ9 cũng sẽ đi đên với tâm hướng vê cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt và nước mưa được chảy tùy theo chiêu dôc. Cũng vậy5 bạch Thê Tôn? nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quôc độ, cũng sẽ đi đên với tâm hướng vê cúng dường. Vì cớ sao? Bạch Thê

Tôn, do VI giới hạnh và trí tuệ của The Tôn. -Này Nãgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng, và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nãgita, những ai không tìm được không có khó khăn,

30 XemD. I. 87.

1*1 1 •/1 •*! không có mệt nhọc, không có phí sức; tìm được an ôn lạc, viên ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không có khó khăn, không có mệt nhọc? không có phí sức; hãy để họ thọ hưởng lạc31 như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính5 danh văn lạc. Này Nãgita, với ai ăn, uông5 nhai, nêm5 thời đại tiện, tiêu tiện là kết quả tât nhiên cho người ấy. Ai nặng nề về ái lạc, này Nãgita, sự biến hoại, đổi khác9 sâu, bi, khô, ưu, não khởi lên; đây là kết quả tât nhiên cho người ây. Ai chuyên chú tâm về tướng bất tịnh, này Nãgita, thời sự nhàm chán đối với tịnh tướng được an trú; đây là kết quả tât nhiên cho người ây. Ai sông tùy quán vô thường trong sáu xúc xứ, này Nãgita, thời sự nhàm chán đôi với xúc được an trú; đây là kết quả tất nhiên cho người ấy. Ai sống tùy quán sanh diệt đối với năm thủ uẩn9 này Nãgita, thời sự nhàm chán đôi với chấp thủ được an trú; đây là kết quả tât nhiên cho người ấy.

31 Xem 4 IV. 341. Liên quan đến Tôn giả Nãgita, xcmDB. I. 198; Thag. V. 86.

IV PHẨM SUMANÃ (SUMANAVAGGA)

I. KINH SUMANÃ (Sumanasutta)32 (A. III. 32) 31. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn của Anãthapindika. Rồi Sumanã,33 con gái vua, với năm trăm thiếu nữ hộ tống trên năm trăm cỗ xe9 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sumanã5 con gái vua, bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai đệ tử của Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ, một có bố thí, một không bố thí. Sau khi thân hoại mệnh chung, cả hai được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Giữa hai vị thiên ấy, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì? The Ton đáp: Có sự sai biệt, này Sumanã. Người có bố thí, khi được làm vị thiên, vượt qua vị thiên không có bố thí trên năm phương diện:34 Vê thiên thọ mạng, vê thiên săc, vê thiên lạc, vê thiên danh xưng, về thiên tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanã, khi được làm vị thiên, vượt qua vị thiên không bố thí trên năm phương diện này. Bạch Thế Tôn? nếu họ sau khi từ đây mệnh chung, trở lại trạng thái này, khi họ trở lại làm người, bạch Thế Tôn, có sự đặc thù gi, có sự sai khác gì? npi- A FT-1 Thê Tôn đáp: 4 r ...

Có sự sai biệt, này Sumanã. Người có bố thí, khi được làm người, vượt qua vị làm người không bố thí trên năm phương diện: về nhân thọ mạng, về nhân sắc, về nhân lạc, về nhân danh xưng, về nhân tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanã, khi được làm người, vượt qua vị làm người không bô thí trên năm phương diện này. Bạch Thế Tôn? nếu cả hai đều xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Giữa hai người xuất gia ấy, bạch Thế Tôn, có thể có những đặc thù gì5 những sai khác gì? rr^1 A w9rrn /X

The Ton đáp:

32 Bản tiếng Ạnh của PTS: Sumanã, the Rạjahrs Daughter, nghĩa là Sumanã, con gái của vua. Tham chiếu: Hà khổ kỉnh (roi. 0026.148. 0659bl5); Tang.(T.02. 0125.17.8. 0584cll); Tạp. (T.02. 0099.94. 0025c02); Biệt Tạp.(r.02. 0100.260. 0465b06). 33 Sumanã là chị của Vua Pasenadi, xứ Kosala, xuất gia và chứng quả A-la-hán khi đã lớn tuổi. 34 Xem 4 I. 115; D. III. 145; s. IV. 275.

CÓ sự sai biệt, này Sumanã. Người có bô thí, khi được xuất gia, vượt qua vị xuất gia không có bô thí trên năm phương diện:35 Thường hay được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; thường hay được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực5 ít khi không được yêu cầu; thường hay được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; thường hay được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh5 ít khi không được yêu cầu. Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái5 với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều sự giúp đỡ khả ái, với ít sự giúp đỡ không khả ái. Này Sumanã5 người có bố thí khi được xuất gia vượt qua người không có bố thí trên năm phương diện này. Nhưng bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều chứng quả A-la-hán, với hai vị chứng đạt A-la-hán ấy, bạch Thế Tôn có sự đặc thù nào, có sự sai khác nào? -Ở đây? này Sumanã, Ta nói không có sự sai khác nào, tức là so sánh giải thoát với giải thoát. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Xa cho đến như vậy là vừa đủ đê bô thí, là vừa đủ đê làm các công đức. Vì răng, chúng là những sự giúp đỡ, những công đức cho chư thiên; chúng là những sự giúp đỡ? những công đức cho loài người; chúng là những sự giúp đỡ, những công đức cho những người xuất gia. Sự việc là như vậy, này Sumanã, là vừa đủ để bố thí5 là vừa đủ để làm các công đức. Chúng là những giúp ích, những công đức cho chư thiên; chúng là những giúp ích, những công đức cho loài người; chúng là những giúp ích, những công đức cho những người xuất gia. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: r Như mặt trăng không uê, Đi giữa hư không giới, Với ánh sáng bừng chói, Giữa quân sao ở đời. Cũng vậy người đủ giới, Hạng người có lòng tin, Với bố thí bừng chói, Giữa xan tham ở đời. Như mây mưa sấm sét,36 Vòng hoa chóp trăm dầu,

35 Xem 4 II. 87; V. 104. 36 Xem s. I. 100; It. 66. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.21.1. 060ÍC27); Tạp.(T.Q2. 0099.902 904. 0225c21-0226a02).

Tràn đầy cả thung lũng?
Lan tràn cả đất bằng.
Cũng vậy đầy tri kiến,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Bậc Trí vượt xan tham,
Trên cả năm phương diện,

Thọ mạng và danh xưng,
Dung sắc và an lạc,
Với tài sản sung mãn,
Chết hưởng hỷ lạc thiên.

II. KINH CUNDĨ (Cundĩsutta)31 (A. III. 35) 32. Một thời5 Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), VeỊuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Cundĩ, con gái vua, với năm trăm thiếu nữ hộ tống J__ _ _ W__ J_____ W___ _ _____ : -ị _ĩ _ FT^iqL A rr-1 A___ _____ • J. A _ 9 -f i fTiT rrn A • A • tren nam tram co xe di den The Ton; sau khi đen, đanh le The Ton roi ngoi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Cundĩ? con gái vua? bạch Thế Tôn: -Anh của chúng con, bạch Thế Tôn, Hoàng tử Cunda nói như sau: “Nếu có người đàn bà hay n^ười đàn ông quy y Phật, quy y Pháp5 quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo9 từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu; người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định sanh lên cõi lành, không vào cõi ảữy Nhưng bạch Thế Tôn? con xin hỏi Thế Tôn, với ỉònệ tin bậc Đạo sư như thế nào, bạch Thế Tôn5 sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ? Với lòng tin Pháp như thể nào5 sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ? Với lòng tin chúng Tăng như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành5 không vào cõi dữ? Làm cho đầy đủ các giới như thế nào5 sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ? Dầu cho các loại hữu tình nào, này Cundĩ5 không chân hay hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hay phi tưởng phi phi tưởng, Thế T6n, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được xem là tối thượng. Những ai đặt lòng tin vào đức Phật, họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng. Dầu cho loại pháp nào, này Cundĩ, hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng trong tất cả pháp, [tức là] sự nhiếp phục kiêu mạn, sự nhiếp phục khao khát, sự nhổ lên dục ái, sự chặt đứt tái sanh, sự đoạn diệt tham ái, sự ly tham, sự đoạn diet, Niết-bàn. Những ai đặt lòng tin vào pháp ly tham, này Cundĩ5 họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được 38 quả dị thục tối thượng.37

37 Xem .IV. 34. Bản tiếng Anh của PTS: Cundĩ, the Rqjah rs Daughter, nghĩa là Cunđĩ, con gái của vua. 38 Xem D. II. 94; III. 227; s. IV. 272; The Path ofPurity, 252.

Dầu cho chúng Tăng hay hội chúng nào5 này Cundĩ, chúng Tăng đệ tử của Như Lai, được xem là tối thượng trong tất cả hội chúng ấy, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử của Như Lai đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường? đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Những ai đặt lòng tin vào chúng Tăng, này Cundĩ, họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng. Dầu cho loại giới nào, này Cundĩ, các giới được bậc Thánh ái kính được gọi là tối thượng trong các giới ấy, tức là giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không bị vết chấm5 khônẹ bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chấp thiỉ, đưa đen chánh định. Với những ai làm cho đầy đủ

trong các giới luật được các bậc Thánh ái kính, họ làm cho đầy đủ những gì tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tôi thượng, họ được quả dị thục tôi thượng. Tin tưởng vào tối thượng, Biết được Pháp tối thượng. Tin tưởng Phật tối thượng, Đáng tôn trọng vô thượng. Tin tưởng Pháp tối thượng, Ly tham, an tịnh lạc. Tin tưởng Tăng tối thượng, Là ruộng phước vô thượng. Bố thí bậc tối thượng, Phước tối thượng tăng trưởng, Tối thượng về thọ mạng, Dung sắc và danh văn, Tối thượng về an lạc, Tối thượng về sức mạnh. Bậc trí thí tối thượng, Pháp tối thượng chánh định5 Chư thiên hay loài người, Đạt được hỷ tối thượng.

III. KINH UGGAHA (Uggahasutta)39 (A. III. 36) 33. Một thời5 Thế Tôn trú ở Bhaddiya, trong rừng Jatiya. Rồi Uggaha, cháu trai của Menộaka, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Uggaha, cháu trai của Mendaka, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? Thế Tôn hãy nhận lời mời của con, ngày mai đến dùng bữa ăn. Đi cùng với Thế Tôn nữa là bốn người. Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Uggaha, cháu trai của Mendaka, biết được Thê Tôn đã nhận lời, từ cho ngôi đứng dậy5 đảnh le The Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

39 Bản tiếng Anh của PTS: Uggha, a Householder, nghĩa là ưggha, người gia chủ.

Rồi Thế Tôn5 sau khi đêm ấy đã mãn? vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát5 đi đến trú xứ của Uggaha, cháu trai của Mendaka; sau khi đen, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Uggaha, cháu trai của Mendaka, với tay của mình thân mời và làm cho thỏa mãn Thê Tôn với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi Uggaha, cháu trai của Mendaka, sau khi Thế Tôn dùng bữa ăn xong, tay rời khỏi bát, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Uggaha, cháu trai của Mendaka, bạch Thế Tôn: —Những đứa con gái này của con, bạch Thê Tôn, sẽ đi vê nhà chông. Bạch Thê Tôn, Thê Tôn hãy giáo giới chúng! Bạch Thê Tôn, Thê Tôn hãy khuyên dạy chúng, để chúng được hạnh phúc, an lạc lâu dài! Rồi Thế Tôn nói với các người con gái ấy: Này các thiếu nữ, các con hãy học tập như sau: "Đối với những người chông nào mẹ cha cho chúng ta, vì muôn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên, đối với vị ây, chúng ta sẽ thức dậy trước, chúng ta sẽ đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận làm mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dê thương.,^ Như vậy, này các thiêu nữ, các con cân phải học tập. Do vậy5 này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: "Những ai mà chồng chúng ta kính trọng như mẹ5 cha, Sa-môn? Bà-la-môn, chúng ta sẽ tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường; và khi họ đến, chúng ta sẽ dâng lên họ chỗ ngồi và nước.,, Như vậy5 này các thiếu nữ9 các con càn phải học tập. Do vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: "Phàm có những công nghiệp trong nhà, hoặc thuộc về len vải hay vải bông, ở đây5 chúng ta sẽ phải thông thạo, không được biếng nhác, tự tìm hiểu phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm5 vừa đủ để sắp đặt người làm.,, Như vậy5 này các thiếu nữ5 các con cần phải học tập. Do vậy, này các thiêu nữ5 các con cân phải học tập như sau: "Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ5 chúng ta sẽ phải biêt công việc của họ với công việc đã làm; chúng ta sẽ phải biêt sự thiêu sót của họ với công việc không làm; chúng ta sẽ biêt sức mạnh hay sức không

mạnh của những người đau bệnh; chúng ta sẽ chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo phần của mình.^, Như vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập. Do vậy? này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: cThàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, chúng ta cần phải phòng hộ5 bảo vệ chúng, và sẽ gìn giữ để khỏi bị kẻ ăn trộm, kẻ ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại làm tổn hại.^, Như vậy, này các thiếu nữ5 các con cần phải học tập. Thành tựu năm pháp này, này các thiếu nữ, người đàn bà? sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên có thân khả ái. Hãy thường thương yêu chồng, Luôn nô lực cô găng,

Người đem lại lạc thú. Chớ khinh thường người chồng, Chớ làm chồng không vui, Chớ làm chồng tức tối? Với những lời ganh tị. Chồng cung kính những ai, Hãy đảnh lễ tất cả. Vì nàng, người có trí, Hoạt động thật nhanh nhẹn, Giữa các người làm việc5 Xử sự thật khả ái, Biết giữ tài sản chồng. Người vợ xử như vậy? Làm thỏa mãn ước vọng? Ưa thích của người chồng, Sẽ được sanh tại chỗ, Các chư thiên khả ái. IV KINH ĐẠI TƯỚNG SĨHA (Sĩhasenãpatìsutta)40 (Å. III. 38) 34. Một thòi, Thế Tôn ở Vesãli, tại Đại Lâm, ở giảng đường có nóc nhọn. Roi Tướng quân Sĩha đi đen The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tướng quân Sĩha bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể trình bày cho con về quả thiết thực hiện tại của bố thí? The Ton đáp: -Có thể được, này Sĩha! Người bố thí, này Sĩha5 người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích. Này Sĩha, người bô thí, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích. Này Sĩha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại. Lại nữa, này Sĩha! Bậc thiện, bậc chân nhân thân cận người bố thí, người thí chủ. Này Sĩha, bậc thiện, bậc chân nhân thân cận người bố thí, người thí chủ. Này Sĩha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại. Lại nữa, này Sĩha! Người bố thí, người thí chủ được tiếng đồn tốt đẹp truyên đi. Này Sĩha5 người bô thí, người thí chủ được tiêng đôn tôt đẹp truyên đi. Này Sĩha5 đây là quả bố thí thiết thực hiện tại. Lại nữa, này Sĩha! Người bố thí, người thí chủ đi đến hội chúng nào9 hoặc hội chúng Sát-đế-lỵ5 hoặc hội chúng Bà-la-môn? hoặc hội chúng gia chủ? hoặc hội chúng Sa-môn; vị ấy đi đến với lòng tự tin, không có do dự hoang mang. Này Sĩha5 người bố thí, người thí chủ đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-lỵ9 hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng

40 Tham chiếu: Tăng.(7.02.0125.32.10. 0680c 18); Tăng.(T.02. 0125.52.6. 0826a01).

Sa-môn; vị ấy đi đến với lòng tự tin, không có do dự hoang mang. Này Sĩha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại. Lại nữa, này Sĩha! Người bố thí, người thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới? cõi đời này. Người bố thí, người thí chủ, này Sĩha, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới5 cõi đời này. Này Sĩha9 đây là quả bố thí thiet thực hiện tại. Được nghe nói vậy, Tướng quân Sĩha bạch Thế Tôn: -Bốn quả bố thí thiết thực hiện tại này, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn nói đến5 con không nhờ chúng đi đến lòng tin Thế T6n, con biết được chúng. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là thí chủ được quần chúng ái mộ5 ưa thích. Bạch Thế Tôn,

con là ïiệười bố thí, là thí chủ được bậc thiện, bậc chân nhân thân cận với con. Bạch The T6n, con là người bố thí, là thí chủ5 tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi về con: "Tướng quân Sïha là người bô thí, là người làm việc? là người hộ trì chúng Tăng.55 Bạch Thế Ton, con là người bố thí, là thí chủ, con đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đê-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn? hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn; con đi đến với lòng tự tin, không do dự, hoang mang. Bốn quả bố thí hiện tại này, bach Thế Tôn, được Thế Tôn nói đến5 con không nhờ chúng đi đến lòng tin Thế Tôn? con biết được chúng. Nhưng bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn nói với con: "Người bố thí, này Sïha, người thí chủ sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này." Điều này con không được biet, ở đây con đi đến lòng tin Thế Tôn. Sự kiện là vậy? này Sïha! Sự kiện là vậy, này Sïha! Người bố thí, người thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Người cho, được ái mộ5 Được nhiều người thân cận5 Được tiếng đồn tôt đẹp, Danh xưng được tăng trưởng, Không hoang mang5 do dự5 Đi vào giữa hội chúng, Với tâm đầy tự tín, Là người không xan tham. Do vậy người có trí, Thường thường làm bố thí, Nhiếp phục uế, xan tham, Tìm câu chơn an lạc. Được an trú lâu ngày, Trên cõi trời Thập Tam, Họ sông vui hoan hỷ5 Đồng bạn với chư thiên. Sanh duyên đã làm xong,

Thiện hạnh đã làm xong,
Mệnh chung sanh chư thiên,
Được sống và thọ hưởng.
Tại rừng Nandana,
Tại đấy họ hoan hỷ5
Họ vui thích, thoải mái,
Thọ hưởng năm dục lạc,
Đối với lời thuyết giảng,
Bậc Vô Trước Thế Tôn,4142
Các đệ tử Thiện Thệ,
Sống hoan hỷ thiên giới.

V. KINH LỢI ÍCH CỦA BỐ THÍ (Dãnãnisamsasutta) (Å. III. 41) 35. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của bố thí. Thế nào là năm? Được nhiều người ái mộ5 ưa thích; được bậc thiện nhân, chân nhân thân cận; tiếng đồn tôt đẹp được truyên đi; không có sai lệch pháp của người gia chủ; khi thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Những pháp này, này các Tỷ-kheo9 là lợi ích của bố thí. Người cho được ái kính, Sở hành là hiền thiện, Bậc hiền thường thân cận, Sống Phạm hạnh chế ngự. Thuyết pháp người bố thí, Đưa đến khổ đoạn diệt, Vị ấy biết được pháp Lậu hoặc được tịch tịnh. VI. KINH CHO ĐÚNG THỜI (Kãladãnasutta)43 (4 III. 41) 36. Này các Tỷ-kheo? có năm bố thí đúng thời này. Thế nào là năm? Bố thí cho người đên5 bô thí cho người di, bô thí cho người đau bệnh5 bô thí trong thời đói, phàm có những hoa quả gì mới gặt hái được, dành chúng đâu tiên đê cúng dường các bậc giữ giới. Này các Tỷ-kheo9 năm pháp này là năm bố thí đúng thời. Có trí, thí đúng thời, Lời từ ái5 không

tham, Đúng thời, thí bậc Thánh, Bậc Chánh Trực, Thế Tôn.

41 Tãdỉno. Tãdỉ là một tên tôn kính chỉ cho bậc Đạo sư và các vị A-la-hán. 42 Xem III. 42 (kinh 38 ở sau); Vin. 11.148, 164; J. I. 94. 43 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.32.12. 0681bl6); Thất xứ tam quản kinh (r02. 0150A.15. 0878a23).

Cúng dường vậy to lớn, Đưa đến lòng tịnh tín, Ở đây người tùy hỷ? Cùng người làm nghiệp vụ, Không ai thiếu cúng dường, Họ san sẻ công dức, Do vậy hãy bố thí, Với tâm không hạn chế. Chỗ nào với bố thí, Đưa đến kết quả lớn, Đối với các hữu tinh, Công đức được an lập, Cho đến trong đời sau. VIL KINH VẬT THỰC (Bhojanasutta/4 (A. III. 42) 37. Người bố thí bữa ăn? này các Tỷ-kheo? người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều. Thế nào là năm? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh, cho biện tài. Cho thọ mạng, vị ấy được chia thọ mạng chư thiên hay loài người. Cho dung sắc, vị ấy được chia dung sắc chư thiên hay loài người. Cho an lạc, vị ấy được chia an lạc chư thiên hay loài người. Cho sức mạnh, vị ấy được chia sức mạnh chư thiên hay loài người. Cho biện tài, vị ấy được chia biện tài chư thiên hay loài người. Người bố thí bữa ăn, này các Tỷ-kheo, người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều này. Bậc hiền cho thọ mạng, Sức mạnh, săc, biện tài. Bậc trí cho an lạc, Được chia phần an lạc, Cho thọ mạng, sức mạnh, sắc5 an lạc, biện tài, Được sống lâu, danh xưng, Tại chỗ được tái sanh. VIII. KINH NIỀM TIN (Saddhasutta)44 45 (Ắ. III. 42) 38. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi naolananf? V ích 1 1 này 1 choI thiện nam tử có lòng tin. Thế

Các thiện nhân5 các chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến vị có lòng

44 Bản tiếng Anh của PTS: The Gift of a Meal, nghĩa là Bố thí bữa ăn. Tham chiếu: Tdĩĩg.(7.02. 0125.32.1L 0681a29). 45 Bản tiếng Anh của PTS: The Advantage of believing, nghĩa là Lợi ích của niềm tin.

tin, không như vậy đối với vị không có lòng tin; khi đến thăm, trước hết họ đến thăm vị có lòng tin, không như vậy đối với vị không có lòng tin; khi chấp nhận5 họ chấp nhận [các món ăn] trước hết từ những người có lòng tin, không như vậy đối với những người không có lòng tin; họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không như vậy đối với những người không có lòng tin. Người có lòng tin, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời, cõi đời này. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trên khoảnh đất tốt9 tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim chung quanh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni5 cho nam cư sĩ và cho nữ cư sĩ. Như cây bàng to lớn, Với cành, lá5 trái cây9 Với thân, rễ9 đầy trái, Làm chỗ trú loài chim. Tại trú xứ thoải mái, Các con chim làm tổ? Cân bóng mát9 hứng mát, Cần trái cây, ăn trái. Cũng vậy9 vị trì giới5 Người có lòng tịnh tín, Khiêm nhường và nhu thuận, Hiền hòa, lời từ t6n, Tánh tình thật dịu hiền, Vị đoạn tham, đoạn sân? Đoạn si, không lậu hoặc, Là ruộng phước ở đời. Họ đến người như vậy5 Họ thuyết pháp người ấy, Đoạn trừ mọi khổ

đau, Vị ấy ở tại đây, Hiểu biết Chánh pháp ấy, Viên mãn nhập Niết-bàn, Hoàn toàn không lậu hoặc. IX. KINH CON TRAI (Puttasuttaỹ6 (Â. III. 43) 39. Thây năm điêu9 này các Tỷ-kheo? mẹ cha muôn con trai sanh trong gia đình. Thế nào là năm? Được giúp đỡ9 sẽ giúp đỡ mẹ cha; hay sẽ làm công việc cho mẹ cha; sẽ duy trì lâu dài truyền thống gia đình; sẽ tiếp tục di sản thừa hưởng; sẽ cúng dường hiến vật cho những người đã mất (petã).46

46 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.50.7. 0812Ồ14).

Do thấy năm điểm này, này các Tỷ-kheo, mẹ cha muốn con trai sanh trong gia đình.
Do thấy năm sự việc5
Bậc trí muốn con trai,
Được giúp, giúp mẹ cha,
Sẽ làm cho mẹ cha,
Sẽ duy trì lâu dài,
Truyền thống của gia dinh,
Sẽ tiếp tục gìn giữ,
Gia sản được thừa hưởng,
Hay đối với hương linh,
Hiến dâng các vật cúng.
Do thấy sự việc ấy,
Bậc trí muốn con trai,
Bậc hiền thiện, chân nhân5
Nhớ ơn, biết trả ơn,
Nhớ đến việc làm xưa,
Họ hiếu dưỡng mẹ cha,
Họ làm mọi công việc,
Như trước làm cho họ.
Thực hiện lời giảng dạy,
Được giúp, hiêu dưỡng lại5
Với truyền thống gia dinh,
Duy trì được lâu dài,
Đầy đủ tín và giới,
Con trai được tán thán.
X. KINH CÂY SÃLA LỚN (Mahãsãỉaputtasutta)41 (4 III. 44)
40. Dựa trên vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo, các cây Sãla lớn47 48 được lớn lên trên năm phương diện. Thế nào là năm? Chúng lớn lên về cành cây5 về lá, về toàn bộ lá cây; chúng lớn lên về đọt cây; chúng lớn lên về vỏ cây; chúng lớn lên về giác cây; chúng lớn lên về lõi cây.

Dựa trên vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo, các cây Sãla lớn, được lớn lên trên năm phương diện này.

Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên về năm phương diện. Thế nào là năm? Lớn lên về lòng tin, lớn lên về giới, lớn lên về học hỏi, lớn lên về bố thí5 lớn lên về trí tuệ.

Dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên về năm sự lớn lên này.

47 Tham chiếu: A. III. 48, Pabbataraja Sutta; Tăng.(02. 0125.50.7. 0812Ồ14). 48 Xem^.L 152.

532 KINH TẢNG CHI Bộ

Như hòn đá trên núi,
Trong rừng, trong núi lớn,
Các cây dựa vào dấy,
Các rừng cây lớn lên.
Cũng vậy5 người đủ giới,
Nam tử có lòng tin,
Dựa vị này họ lớn,
Vợ? con và bà con,
Thân hữu và quyến thug
Cùng các người tùy tùng.
Những ai sở hành tốt,
Với mắt đã được thấy,
Bắt chước giới vị này,
Bắt chước tâm bố thí,
Sau khi hành pháp này9
Tìm con đường cõi lành,
Trong thiên giới hoan hỷ,
Họ được niềm hoan hỷ5
Hưởng thọ các dục lạc.

CHƯƠNG V. NẢM PHÁP 533

V PHẨM VUAMUNDA (MUNDARAJAVAGGA)

I. KINH TRỞ THÀNH GIÀU (Ẵdiyasutta)49 (A. III. 45) 41. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi gia chủ Anathapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Này gia chủ, có năm lý do này đê gây dựng tài sản. Thê nào là năm? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản50 nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra5 thâu được một cách hợp pháp; tự làm mình an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; làm cho mẹ cha an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; làm cho vợ con,

người phục vụ, các người làm công được an lạc5 hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Đây là lý do thứ nhất để gây dựng tài sản. Lại nữa, này gia chủ5 vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiêm được do đô mô hôi ra, thâu được một cách hợp pháp; vị ấy làm cho bạn bè thân hữu an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Đây là lý do thứ hai để gây dựng tài sản. Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp. Các tai họa từ lửa, từ nước? từ vua, từ ăn trộm5 từ kẻ thù hay từ các người thừa tự51 được chặn đứng, và vị ấy giữ tài sản được an toàn cho vị ấy. Đây là lý do thứ ba để gây dựng tài sản. Lại nữa, này gia chủ5 vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp, có thể làm năm hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho hương linh đã chết, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư thiên. Đây là lý do thứ tư để gây dựng tài sản. Lại nữa, này gia chiỉ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiêm được do đô mô hôi ra, thâu được một cách hợp pháp; đối với các Sa-môn, Bà-la-môn nào ly kiêu mạn, ly phóng dật, an trú

49 Tham chiếu: A. IV. 61, Pattakamma Sutta. Hành dục kỉnh (7L01. 0026.126. 0615a08). 50 Xem A. II. 67; III. 259 (kinh 227 ở sau); s. I. 90. 51 Xem4IV. 7;MI. 86.

nhẫn nhục, nhu hòa5 nhiếp phục tự mình, an tịnh tự mình, làm lắng dịu tự mình; đôi với những Sa-môn9 Bà-la-môn như vậy, vị ây tô chức sự cúng dường52 tôi thượng, đưa đến cảnh giới chư thiên, được quả dị thục? đưa đến cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản. Này gia chiỉ, có năm lý do này để gây dựng tài sản. Này gia chủ, đối với vị Thánh đệ tử gây dựng tài sản với năm lý do này, khi tài sản đi đến hoại diệt, vị ấy suy nghĩ như sau: uCác tài sản do những lý do này để gây dựng, ta đã gây dựng chúng. Nay các tài sản ấy của ta đi đến hoại diet", vị ấy không có hối hận. Này gia chủ9 đối với vị Thánh đệ tử gây dựng tài sản với năm lý do này, nếu tài sản ấy đi đến tăng trưởng, vị ấy suy nghĩ như sau: uCác tài sản do những lý do này gây dựng, ta đã gây dựng chúng. Nay các tài sản ấy của ta đi đến tăng trưởng.” Như vậy5 cả hai phương diện, vị ấy không có hối hận. Tài sản được thọ hưởng,53 Gia nhân được nuôi dưỡng, Chính nhờ các tài sản, Do ta tránh tai họa. Là cúng dường tối thượng, Làm năm loại hiến vật, Dành cho bậc trì giới, Bậc tự điều, Phạm hạnh. Mục đích gì bậc trí, Trú nhà, cầu tài sản? Mục đích ây ta dạt, Được làm không hối hận. Người nào nhớ nghĩ vậy? An trú trên Thánh pháp, Đời này được tán thán, Đời sau được hoan hỷ? Trên cảnh giới chư thiên. II. KINH BẬC CHÂN NHÂN (Sappurisasutta)54 (A. III. 46) 42. Bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, sinh ra trong gia đình9 đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho mẹ cha; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho vợ con; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các người hầu hạ, làm công; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các bạn bè5 thân hữu; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các Sa-môn5 Bà-la-môn.

52Dakkhỉnã. Xem4 IV. 45; D. III. 61. 53 Bài kệ này được tìm thấy trong .II. 67. 54 Tham chiếu: A. IV. 244; Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.13. 0877c25).

Này các Tỷ-kheo9 ví như trận mưa lớn đem lại các mùa gặt được nhiều chín muồi? đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân sanh ra trong gia đình, đưa lại lợi ích5 hạnh phúc và an lạc cho nhiêu người; đưa lại lọi ích, hạnh phúc và an lạc cho mẹ cha; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho vợ con; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các người hầu hạ, làm công; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho bạn bè? thân hữu; đưa lại lợi ích5 hạnh phúc và an lạc cho các Sa-môn? Bà-la-môn. Vì hạnh phúc nhiều người, Hãy gây dựng tài sản, Chư thiên bảo vệ người, Biết bảo vệ đúng pháp, Tiếng tốt không từ bỏ, Nệười được học, nghe nhiều, Đầy đủ các cấm giới, An trú trên Chánh pháp. Ai có thể chỉ trích, Bậc trú pháp, trì giới, Bậc nói thật, tàm quý? Như trang sức vàng ròng. Chư thiên khen người ấy, Phạm thiên cũng tán thán.55 III. KINH KHẢ LẠC ựỊhasutta) (Ả, III. 47) 43. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: —Có năm pháp này, này gia chủ, khả lạc, khả hỷ? khả ý5 khó tìm được ở đời. Thế nào là năm? Tuổi thọ khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khó tìm được ở đời; dung sắc khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khỏ tìm được ở đời; an lạc khả lạc9 khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời; tiếng đồn tốt đẹp khả lạc, khả hỷ, khả ,khó tìm được ở đời; cõi trời khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khó tìm được ở đời. Này gia chủ, năm pháp này, khả lạc, khả hy, khả ý? khó tìm được ở đời. Nàỵ gia chủ5 năm pháp khả lạc, khả hỷ5 khả ý, khó tìm được ở đời này, Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được. Này gia chủ, nếu năm pháp khả lạc, khả hỷ? khả ý, khó tìm được ở đời này, do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, thời ai ở đời này lại héo mòn vì một lẽ gì? Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng, không thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. Vị Thánh đệ tử muốn

55 Xem Dh. V. 230.

CÓ thọ mạng cân phải thực hành con đường dân đên thọ mạng. Do vị ây thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng của chư thiên hoặc loài người. Này gia chủ5 vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc, không thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc. Vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc cần phải thực hành con đường dẫn đến dung sắc. Do vị ấy thực hành con đường dân đên dung săc, sự thực hành ây đưa vị ây nhận lãnh được dung săc5 vị ấy nhận lãnh được dung sắc của chư thiên hoặc loài người. Này gia chủ5 vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không thể do cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc của chư thiên

hoặc loài người. Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt, không thể do cầu xin tiếng tốt hay tán thán đế làm nhân đem đến tiếng tốt. Vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tôt cân phải thực hành con đường dân đên tiêng tôt. Do vị ây thực hành con đường dân đên tiêng tôt, sự thực hành ây đưa vị ây nhận lãnh được tiêng tôt5 vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt của chư thiên hoặc loài người Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muôn được sanh thiên giới, không thê do câu xin thiên giới hay tán thán để làm nhân được sanh thiên giới. Vị Thánh đệ tử muốn được sanh thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến thiên giới. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thiên giới? sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được sanh thiên gi&i, vị ấy nhận lãnh được sanh thiên giới. Thọ mạng56 và dung sắc, Tiêng tôt và danh vọng, Thiên giới và quý tộc, Được người đời ngày đêm, Luôn luôn và rộng mở5 Câu xin và câu nguyện. Còn bậc hiền tán thán, Không phóng dật, phước hành. Bậc hiền không phóng dật5 Chứng được hai lợi ích. Lợi ích ngay hiện tại, Và lợi ích đời sau, Vị nào thực hiện được, Lợi ích và mục dích, Vị ấy đáng được gọi, Bậc Trí giả9 Hiền giả.

56 Trừ hàng đầu, xem s. I. 87, 89.

CHƯƠNG V. NẦM PHÁP 537

IV KINH CHO VẬT KHẢ Ý (Manãpadãyĩsutta) (A. IIL 49) 44. Một thời5 Thế Tôn trú ở Vesãli, Đại Lâm, tại giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng5 đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của gia chủ Ugga,57 người Vesãli; sau khi đến5 ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Ugga, người Vesãli, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga5 người Vesãli, bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn5 con nghe như sau từ miệng Thế T6n, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: “Ai cho vật khả ý5 nhận được điều khả ỷy Bạch The Tôn, con có cháo nấu từ hoa cây Sãla thật là khả ý, có thể ăn được. Mong Thế Tôn nhận lấy cháo ấy, vì lòng từ ái! Và Thê Tôn nhận lay, VI lòng từ ái. Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý? nhận được điều khả y/9 Bạch Thế Tôn, con có thịt heo5758 nấu chung với trái táo thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái [chúng con]! Và Thê Tôn nhận lay, VI lòng từ ái. - Bạch Thế Tôn? con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: “Ai cho vật khả ý? nhận được điều khả Bạch Thế Tôn5 con có loại rau ống dài có dầu thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lay, vì lòng từ ái! Và Thê Tôn nhận lay, VI lòng từ ái. Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Ton, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: “Ai cho vật khả ý5 nhận được điều khả ỷy Bạch Thế Tôn? con có cháo gạo559 các hạt đen được loại bỏ9 dùng với các món canh, các món đồ ăn nhiều loại thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái! Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái. Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn5 con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý5 nhận được điều khả y.” Bạch Thế Tôn5 con có các loại vải dệt từ Kãsi thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy5 vì lòng từ ái! Và Thê Tôn nhận lay, VI lòng từ ai. Bạch Thê Tôn, con nghe như sau từ miệng Thê Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ỷy Bạch Thế Tôn, con có ghế dài60 với nệm trải giường bằng lông cừu, chăn len thêu bông,

nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên? ghế

57 Xem 4 IV. 208.

58 Sũkaramamsa. XemZ). II. 127.

59 Xem 4 IV 231; D. I. 105; MI. 31; v.v...

60 Xem D. I. 7; Vin. I. 192; v.v...

dài có hai đàu gối chân màu đỏ. Bạch c . r__ ____ . Thế Tôn, dầu rằng __ - r chúng con r được biết * y

những vật ây không phù hợp với Thê Tôn? nhưng bạch Thê Tôn, tâm phản năm bằng gỗ Chiên-đàn này đáng giá hơn một trăm ngàn, mong Thế Tôn hãy nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

Rồi Thế Tôn làm cho gia chủ Ugga, người xứ Vesãli tùy hỷ với bài kệ tùy hỷ này:

Ai cho vật khả ý,
Nhận được điều khả ý.
Đối với bậc chánh trực,
Vui lòng đem bố thí,
Vải mặc và giường năm,
Ăn uống các vật dụng.
Biết được bậc La-hán,
Được ví là phước điền,
Nên các bậc chân nhân,
Thí những vật khó thí.
Được từ bỏ? giải thoát,
Không làm tâm đăm trước,
Người thí vật khả ý,
Nhận được điều khả ý.

Rồi Thế Tôn sau khi làm cho gia chủ Ưgga tùy hỷ với bài kệ tùy hỷ này, liền đứng dậy và ra đi. Rồi gia chủ Ugga, người Vesãli, sau một thời gian bị mệnh chung. Bị mệnh chung, gia chủ Ugga, người Vesãli, được sanh với một thân rất khả ý.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavaiia, tại khu vườn ông Anãthapindika. Rồi thiên tử Ugga, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với thiên tử Ugga đang đứng một bên:

- Này Ugga, sự việc có như ý muốn không?

Bạch Thê Tôn5 sự việc có được như ý con muôn.

Rồi Thế Tôn nói với thiên tử Ưgga với bài kệ:

Ai cho vật khả ý5
Nhận được điêu khả ý.

Bố thí vật tối ứiượng,
Sẽ được quả tối thượng.
Người cho vật thù diệu,
Nhận được điều thù diệu.
Người cho vật tôi rthăng,
A 9 r
Nhận được điêu tôi thăng.
CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 539

Người nào đem bố thí,
Vật tối thượng thù diệu,
Và các vật tối thượng,
Người ấy thọ mạng dài,
Và được cả danh xưng,
Tại chỗ vị ấy sanh.
V KINH PHƯỚC ĐIỀN (Punnabhisandasuttd) (Ả. III. 51) 45. Này các Tỷ-kheo, có năm nguồn sanh phước, nệuồn sanh thiện này, là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục5 dân đên cõi trời, đưa đên khả lạc, khả hỷ9 khả V, hạnh phúc, an lạc. Thê nào là năm? Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ y của ai, đạt đến và an trú Vô lượng tâm định5 như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy? là nguồn sanh thiện, là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc? khả hỷ? khả ý? hạnh phúc, an lạc. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ đồ ăn khất thực của ai... hưởng thọ tinh xá của ai... hưởng thọ giường ghế của ai... hưởng thọ dược phẩm trị bệnh của ai, đạt đến và an trú Vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện, là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dân đên cõi trời, đưa đên khả lạc, khả hỷ, khả ý? hạnh phúc, an lạc. \ *11, A ,.A/, Này các Tỷ-kheo, năm nguôn sanh phước, nguôn sanh thiện này là món ăn an lạc, thuộc thiên giới5 dẫn đến cõi tr&i, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý5 hạnh phúc, an lạc. Và này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu năm nguồn sanh phước, nguôn sanh thiện này, thời không dê gì đê năm lây một sô lượng phước thiện và nói rằng: "C6 chừng ấy nguôn sanh phước, nguôn sanh thiện9 món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục5 dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc9 khả hỷ5 khả ý? hạnh phúc, an 0C." Vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số5 vô lượng. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn, thật không dễ gì để nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "C6 chừng ấy thùng nước5 hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ấy trăm ngàn thùng mróc." Vì rằng cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì để nắm lấy một số lượng phước thiện và nói rằng: "C6 chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dì thục, đưa đên cõi trời, đưa đên khả lạc, khả hỷ5 khả ý9 hạnh phúc, an lạc.” Vì rằng cả khối thiện lớn được xem là vô số, vô lượng. Biển lớn không hạn lượng, Hồ lớn nhiều sợ hãi,

Là kho tàng cất giữ, Vô số lượng châu báu, Cũng là chỗ trú ẩn, Vô số các loại cá961 Là chỗ các sông lớn, Quy tụ chảy ra biển. Cũng vậy, người bố thí, Đồ ăn và đồ uống, Vải mặc và giường nằm? Chỗ ngồi và thảm nệm5 Bậc hiền thí như vậy, Phước đức ùa chạy đến, Như sông dẫn dòng nước, Ùa chảy vào biển cả. VI. KINH CỤ TÚC (Sampadãsutta) (Ả. III. 53) 46. Này các Tỷ-kheo, có năm cụ túc này. Thế nào là năm? Tín cụ túc, giới cụ túc? văn cụ túc, thí cụ túc, tuệ cụ túc. Những pháp này, này các Tỷ-kheo5 là năm cụ túc. VII. KINH TÀI VẬT (Dhanasutta) (A. III. 53) 47. Này các Tỷ-kheo, có năm tài sản này. Thế nào là năm? Tín tài, giới tài? văn tài, thí tài, tuệ tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín tài? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng vào sự giác ngộ của Như Lai: uĐây là Thế Tôn? bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.,, Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới tài? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là giới tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là văn tài? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được nghe nhiều... khéo thể nhập với tri kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là văn tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí tài? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống xa gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phoi, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ5 sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí. Này các Tỷ~kheo5 đây gọi là thí tài.

61 Bản Tích Lan và Campuchia viết maccha.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ tài? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử có trí tuệ? thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tuệ tài. Các pháp này, này các Tỷ-kheo là năm tài sản. Ai tin tưởng Như Lai,62 Bất động, khéo an trú, Ai gìn giữ thiện giới, Thánh ái mộ tán thán. Ai tịnh tín chúng Tăng, Được thây bậc Chánh trực, Người ấy gọi không nghèo, Mạng sống không trống không. Do vậy tín và giới, Tịnh tín thấy Chánh pháp, Bậc trí tâm chuyên chú? Nhớ đến lời Phật dạy. VIII. KINH Sự KIỆN KHÔNG THẺ CÓ ĐƯỢC (AlabbhanĩyaỊhãnasuttàỶ3 (Ắ. III. 54) 48. Này các Tỷ-kheo, có năm sự kiện này không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn? bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm? Phải bị già5 muốn khỏi già là một sự kiện không thể có được bởi một Sa- môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải bị bệnh? muốn không bệnh là một sự kiện không thể có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải bị chết, muốn không chết là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải hoại diệt, muôn không hoại diệt là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi mọt ai ở đời. Phải bị tiêu diệt, muốn không bị tiêu diệt là một sự kiện không thê có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Với kẻ phàm phu không học5 này các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến. Khi già đến, kẻ ây

không suy tư: "Không phải chỉ một mình taj)hải bị già và già đên? mà đối với loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tât cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già, và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực? đi đến bất tỉnh; thời ăn u6ng không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc khônẸ có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ9 bạn bè sẽ lo buồn.,, Kẻ ấy phải bị già, khi già đen5 sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.62 63

62 Xem 4 II. 57; s.l. 232; V. 284; Thag, V. 506-09. 63 Tham chiếu: A. III. 57 (kinh 50 ở sau); Tăng.(7.02. 0125.34.6. 0697al2).

Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tâm thuốc độc băn trúng, kẻ ây tự làm mình ưu não. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với kẻ phàm phu không học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đến... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến5 có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, và khi tiêu diệt dến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ? bạn bè sẽ lo buan." Kẻ ấy phải bị tiêu diet, khi tiêu diệt đên? sâu? bi, than khóc, đập ngực, đi đên bât tỉnh. Wcác Tỷ-kheo5 đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não. Với yị Thánh đệ tử có học, này các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến. Khi già đến, vị ây suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đên? mà đối với các loài hữu tình có dến, có di, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và già đến, ta lại sầu, bi, than kh6c, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buôn.,, Vị ây phải bị già, khi già đên, không sâu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên64 mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình được hoàn toàn tịch tịnh (parinibbãpetỉ). Lại nữa5 này các Tỷ-kheo? với vị Thánh đệ tử có học phải bị bệnh và bệnh đên... phải bị chêt và chêt đên... phải bị hoại diệt và hoại diệt đên... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, vị ầy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đển, mà đối với các loài hữu tình có đến, có di, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, và khi tiêu diệt đến5 ta lại sầu? bi, than khóc, đập ngực, đi đên bât tỉnh; thời ăn u6ng không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiên, kẻ thù sẽ hoan hỷ? bạn bè sẽ lo buon/9 Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo; đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự mình làm ưu não. Không sầu muộn,

không bị bắn tên5 vị Thánh đệ tử làm cho chính mình hoàn toàn tịch tịnh.

64 Xem ví dụ này trong M. II. 256; Sn. 182; Thag. V. 404.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sự kiện không thể có được bởi Samôn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.
Chớ sầu,65 chớ than khóc,
Lợi ích được thật ít,
Biết nó sầu, nó khổ,
Kẻ địch tự vui sướng.
Do vậy, bậc hiền trí,
Giữa các sự bất hạnh,
Không hoảng hốt, run sợ,
Biết phân tích, lợi ích.
Kẻ địch bị khổ não,
Thấy sắc diện không đổi,
Với tụng niệm văn chú,
Với lời thật khéo nói,
Với bố thí chơn chánh,
Với truyền thống khéo giữ,
Chỗ nào được lợi ích,
Chô ây găng tinh cân.
Nếu biết lợi không được,
Cả ta và người khác,
Không sầu, biết chịu đựng,
Mong vị ây nghĩ răng:
Nay ta phải làm gì?
Phải kiên trì thế nào?

IX. KINH NGƯỜI KOSALA (Kosalasuttă) (Ả. III. 57)

49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn;
sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.
Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Mallikã mệnh chung. Rồi một người đi đến Vua Pasenadi nước Kosala; sau khi đến, báo tin kề bên tai Vua Pasenadi nước Kosala: "Tâu Đại vương, Hoàng hậu Mallikã đã mệnh chung.” Được nghe nói vậy, Vua Pasenadi nước Kosala đau khổ, ưu tư, thụt vai, cúi đầu, sững sờ9 không nói nên lời. Rồi Thế Tôn biết được Vua Pasenadi nước Kosala đang đau khô, ưu tu, thụt vai, cúi đâu, sững sờ5 không nói nên lời5 liên nói với Vua Pasenadi nước Kosala:

Thưa Đại vương, có năm sự kiện này không thể có được bởi Sa-môn hay

Bà-la-môn? bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm?

... (Hoàn toàn như kinh trên cho đên câu: "Phải kiên trì thê nào", với những thay đoi cần thiết).

65 Xem J. III. 204.

X. KINH TÔN GIẢ NÃRADA (Nãradasutta)66 (A. III. 57) 50. Một thời, Tôn giả Nãrada trú ở Pãtaliputta, tại khu vườn Kukkuta (Kê Viên). Lúc bấy giờ5 Hoàng hậu Bhaddã được ái luyến thương yêu của Vua Munda mệnh chung. Vì quá thương yêu Hoàng hậu Bhaddã, vua không tăm rửa, không thoa dầu, không ăn uống? không lo các công việc, ngày đêm sầu muộn5 ôm ấp6768thân của Hoàng hậu Bhaddã. Rồi Vua Munda bảo Piyaka, người giữ kho bạc: Này Piyaka, hãy đặt thân Hoàng hậu Bhaddã vào trong một hòm sắt đựng đây dâu và đậy lại với một hòm băng săt khác; nhờ vậy, chúng ta có thê thây thân Hoàng hậu Bhaddã lâu hơn. -Thưa vâng, tâu Đại vương. Piyaka, người giữ kho bạc, vâng đáp Vua Munda, đặt thân Hoàng hậu Bhaddã vào trong một hòm sắt đựng đầy dầu và đậy lại với một hòm bằng sắt khác. Rồi Piyaka, vị giữ kho bạc cho vua, nghĩ như sau: "Hoàng hậu Bhaddã được ái luyến thương yêu của Vua Munda này đã mệnh chung. Vì quá thương yêu Hoàng hậu Bhaddã, vua không tắm rửa, không thoa dầu, không ăn uống, không lo các công việc, ngày đêm sâu muộn, ôm âp thân của Hoàng hậu Bhaddã. Hãy để Vua Munda đến yết kiến một vị Sa-môn hay Bà-la-môn, sau khi nghe pháp từ vị ây, có thê bỏ được mũi tên sâu muộn. RÔ1 Piyaka, người giữ kho bạc nghĩ như sau: "C6 Tôn giả Nãrada nay đang trú ở Pãtaliputta, tại khu vườn Kukkuta. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Nãrada: 'Bậc Hiền trí thông minh, bậc Trí giả, được nghe nhiều, khéo nói, thiện biện tài, bậc Trưởng lão, bậc A-la-hán.568 Hãy để Vua Munda đến yết kiến Tôn giả Nãrada. Sau khi nghe pháp từ vị ấy, vua có thể gạt bỏ mũi tên sầu muộn.,, Rồi Piyaka, người giữ kho bạc, đi đến Vua Munda; sau khi dến, nói với Vua Munda: -Tâu Đại vương, có Tôn giả Nãrada nay đang trú ở Pãtaliputta, tại khu vườn Kukkuta. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Nãrada: "Bậc Hiền trí thông minh; bậc Trí giả5 được nghe nhiều, khéo nói, thiện biện tài; bậc Trưởng lão5 bậc A-la-hán." Neu Đại vương yết kiến Tôn giả Nãrada, rất có thể sau khi nghe pháp từ Tôn giả Nãrada, Đại vương có thể gạt bỏ mũi tên sầu muộn. Vậy này Piyaka, hãy tin cho Tôn giả Nãrada được biêt. Rồi vua nghĩ: "Làm sao ta tự nghĩ, một người như ta phải đến thăm như thế nào một Sa-môn hay Bà-la-môn sống ở trong quốc độ5 từ trước chưa được ai biết?" Thưa vâng, tâu Đại vương.

66 Tham chiếu: A. III. 55 (kinh 48 ở trước); Tăng.(T.02. 0125.32.7. 0679a08). 67 44. III. 256: Ajjhomucchitoti adhỉomucchỉto giỉitvãparỉnịtthapẹtvã gahanasabhãvãya atỉrekamucchãya tanhãyạ samannãgato ("Om ấp" nghĩa là bám lấy, nhìn chằm chằm, cố giành lấy, đầy tham ái, dính mac, bản chất chấp giữ). 68 Vuddho ceva arahã. Xem s. IV. 375.

Piyaka, người giữ kho bạc, vâng đáp Vua Munda, đi đến Tôn giả Nãrada; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Nãrada rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Piyaka, vị giữ kho bạc, bạch Tôn giả Nãrada: - Thưa Tôn giả? Hoàng hậu Bhaddã được ái luyến thương yêu của Vua Munda đã mệnh chung. Vì quá thương yêu Hoàng hậu Bhaddã nên vua không tăm? không thoa dâu, không ăn__ uông, không lo các rcông việc, . c ngày đêm sâu r muộn9 ôm âp thân Hoàng hậu Bhaddã. Lành thay, nêu Tôn giả Nãrada thuyêt pháp cho Vua Munda như thê nào đê Vua Munda sau khi nghe pháp từ Tôn giả Nãrada, có thể gạt bỏ mũi tên sầu muộn! Này Piyaka, nay là thời để Vua Munda làm những gì vua nghĩ là phải thời. Rồi Piyaka, người giữ kho bạc, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Tôn giả Nãrada, thân bên hữu hướng về ngài rồi ra đi, và đi đến Vua Munda; sau khi đến, thưa với Vua Munda: —Tâu Đại vương, cơ hội đã được sắp đặt với Tôn giả Nãrada. Nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời. -Vậy này Piyaka, hãy cho thắng các cỗ xe tốt đẹp. Thưa vâng, tâu Đại vương. Piyaka, người giữ kho bạc, vâng đáp Vua Munda, cho thắng các cỗ xe tốt dẹp, rồi thưa với Vua Munda: -Tâu Đại vương, các cỗ xe tốt đẹp đã thắng xong. Nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời. Rôi Vua Munda leo lên cô xe tôt đẹp? cùng với các cô xe tôt đẹp khác đi đến khu vườn Kukkuta với uy nghi, oai lực của nhà vua để yết kiến Tôn giả Nãrada. Vua đi xe xa cho đên đường đât mà xe có thê đi được, rôi xuông xe, đi bộ vào khu vườn. Rồi Vua Munda đi đến Tôn giả Nãrada; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Nãrada rồi ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Nãrada nói với vua đang ngồi một bên: Thưa Đại vương, có năm sự kiện này không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm? Bị già và muốn không già, là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Bị bệnh và muốn không bệnh... bị chết và muốn không chết... bị hoại diệt và muốn không hoại diệt... bị tiêu diệt và muốn không tiêu diệt, là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Với kẻ phàm phu không học, thưa Đại vương, phải bị già và già đến. Khi già đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến5 mà đối với loài hữu tình có đến, có di, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đên. Và nêu phải bị già và khi già đên5 ta lại sâu, bi, than khóc5 đập ngực, đi đên bât tỉnh; thời ăn uông không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xâu

XÍ, các công việc không có xúc tiên5 kẻ thù sẽ hoan hy, bạn bè sẽ lo buôn. Kẻ ây phải bị già? khi g đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh. Thưa Đại vương, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não. Lại nữa, thưa Đại vươnệ, với kẻ phàm phu không học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đến... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt dến/ẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có di, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nêu phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đên, ta lại sâu, bi, than khóc, đập ngực, đi đên bất tỉnh; thời ăn u6ng không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tien, kẻ thù sẽ

hoan hỷ5 bạn bè sẽ lo buồn.,, Kẻ ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đên, sâu, bi, than khóc, đập ngực, đi đên bât tỉnh. Thưa Đại vương, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não. Với vị Thánh đệ tử có học, thưa Đại vương, bị già và già đến. Khi già đến, vị ây có suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đên? mà đôi với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực? đi đến bất tỉnh; thời ăn uốnẹ không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiên, kẻ thù sẽ hoan hỷ? bạn bè sẽ lo buồn.,, Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh. Thưa Đại vương, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc, mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn trúng, vị Thánh đệ tử tự làm mình được hoàn toàn tịch tịnh. Lại nữa, thưa Đại vương, với vị Thánh đệ tử có học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đen... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, vị ấy có suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến9 có di, có diet, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu5 bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buBn." Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến5 không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh. Thưa Đại vương, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử tự làm mình được hoàn toàn tịch tịnh.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 547

Các pháp này5 thưa Đại vương, là năm sự kiện không thê có được bởi Samôn hay Bà-la-môn5 bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Không sầu, không than khóc,
Lợi ích được thật ít5
Biết nó sầu, nó khổ,
Kẻ địch tự vui sướng.
Do vậy, bậc hiền trí,
Giữa các sự bất hạnh, r
Không hoảng hôt run sợ5
Biết phân tích lợi ích.
Kẻ địch bị khổ não,
Thấy sắc diện không đổi?
Với tụng niệm văn chú?
Với lơi thật khéo n6i,
Với bố thí chơn chánh,

Với truyên thông khéo giữ,
Chỗ nào được lợi ích,
Chỗ ấy gắng tinh cần.
Nếu biết lợi không được,
Cả ta và người khác?
Không sầu? biết chịu dựng,
Mong vị ấy nghĩ rằng:
Nay ta phải làm gì?
Phải kiên trì thế nào?
Sau khi được nghe như vậy? Vua Munda thưa với Tôn giả Nãrada:
Thưa Tôn giả? pháp thoại này tên gì?
Thưa Đại vương, pháp thoại này tên là: "Nhổ lên mũi tên sầu muộn.55
Thật vậy? thưa Tôn giả9 được nhổ lên là mũi tên sầu muộn! Được nhổ lên là mũi tên sầu muộn! Khi con nghe pháp thoại này, mũi tên sầu muộn đã được đoạn tận.
Rồi Vua Munda bảo Piyaka, vị gìn giữ kho bạc:
—Này Piyaka, hãy cho thiêu đốt thân của Hoàng hậu Bhaddã, rồi xây tháp cho hoàng hậu. Bắt đâu từ hôm sau, ta sẽ tăm rửa, sẽ thoa dâu, sẽ ăn cơm, sẽ lo làm các công việc.

VI. PHẨM TRIỀN CÁI (NlVARANAVAGGA)

I. KINH CHƯỚNG NGẠI (Avaranasutta) (Ắ. III. 63) 51. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anãthapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Các vị Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Có năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo. bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triên cái bao phủ tâm, làm yêu ớt trí tuệ. Sân5 này các Tỷ-kheo5 là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm5 làm yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm? làm yếu ớt trí tuệ. Trạo hối, này các Tỷ-kheo9 là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Nghi, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.69 ___ .

Những pháp này5 này các Tỷ-kheo? là năm chướng ngại, triên cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ây không có sức mạnh và trí tuệ yêu kém? sẽ biết lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay có thể biết lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng70 xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này không xảy ra. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông71 chảy từ núi xuống, chảy thật xa, dòng nước chảy nhanh, cuốn trôi mọi vật. Rồi có người lấy cày mở hai bên bờ sông. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 dòng sông ấy ở chặng giữa bị trở ngại, tràn rộng, bị chuyển hướng, không còn chảy ra xa, không còn chảy nhanh, không cuốn trôi mọi vật. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, không đoạn tận năm chướng ngại? triền cái này

69 Xem 4 IV. 457; D. I. 246; s. V. 96. 70 Xem GS. I. 7; y IV. 300. 71 XemIV. 137; Vìsm. 231.

bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. vị Tỷ-kheo ấy không có sức mạnh và trí tuệ yếu kém? sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay có thể biết lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân5 tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này không xảy ra. Này các Tỷ-kheo? sau khi đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ấy có sức mạnh và có trí tuệ5 sẽ biết được lợi ích của minh, hay sẽ biết lợi ích của người, hay sẽ biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiên thù thăng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này có xảy ra. Ví như, này các Tỷ-kheo9 một con sông chảy từ núi xuống, chảy thật xa, dòng nước chảy nhanh, cuốn trôi mọi vật. Có người chặn đóng lại các cửa hai bên bờ sông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, dòng sông ấy ở chặng giữa không bị trở ngại, không có chảy tràn? không bị chuyển hướng, chảy được thật xa, dòng nước chảy nhanh, cuốn trôi mọi vật. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 sau khi đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này bao phủ tâm5 làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ấy có sức mạnh, có trí tuệ, sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết được lợi ích của người, hay có thể biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này có xảy ra.

II. KINH ĐỐNG BẤT THIỆN (Akusalarasisutta)7273 (A. IIL 65) 52. Nói đến một đống bất thiện, này các Tỷ-kheo5 nói một cách chơn chánh là nói đên năm triên cái. Thật vậy? này các Tỷ-kheo, toàn bộ đông bât thiện tức là năm triền cái. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Nói đên một đông bât thiện, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói đên năm triên cái. Thật vậy, này các Tỷ-kheo5 toàn bộ đông bất thiện này, này các Tỷ-kheo5 tức là năm triền cái.

III. KINH CÁC CHI PHẦN TINH CẦN (Padhaniyangasutta)13 (A. III. 65) 53. Này các Tỷ-kheo, có năm chi phần tinh cần74 này. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán5 Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật? Thế T6n.” Vị ây ít bệnh, ít não5 sự tiêu hóa được điêu hòa5 không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.

72 Bản tiếng Anh của PTS: The Heap, nghĩa là Đắng, Tham chiếu: A. III. 65; Tăng.(r.02. 0125.32.2. 0674all);.(T.02. 0099.725. 0195b01); BỈệt Tạp.(T.02. 100.767. 0200b23). 73 Bản tiếng Anh của PTS: The Limbs, nghĩa là Các chỉ phần, 74 Padhãniyangãni. XemA. III. 152; V. 15; GS. III. 117 (kinh 135 ở sau); D. III. 237; M. II. 95, 128.

Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ mình như chân đối với bậc Đạo su, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, kiên trì nỗ lực5 không tránh né đối với các pháp thiện. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt [của các pháp], thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đen chơn

chánh đoạn tận khổ đau. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm chi phân tinh cân. IV. KINH THỜI GIAN ĐỂ TINH CẢN (Samayasutta) Q4. III. 65) 54. Có năm phi thời để tinh cần? này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo già yếu, bị già chinh phục. Này các Tỷ- kheo? đây là phi thời thứ nhất để tinh can. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo bệnh hoạn, bị bệnh hoạn chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ hai để tinh cần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 khi có nạn đói, mât mùa, đô ăn khât thực khó được? không dễ gì để nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Này các Tỷ-kheo? đây là thời gian phi thời thứ ba đê tinh cân. Lại nữa. này các Tỷ-kheo. có sự sợ hãi về giặc cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe đi trốn. Này các Tỷ-kheo? đây là phi thời thứ tư để tinh cần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 chúnệ Tăng bị chia rẽ. lơii chúng Tăng bị chia rẽ? này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiêc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự kết tội lẫn nhau, có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín, không tìm được tịnh tín; và những ai có tịnh tín có thê đôi khác. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ năm để tinh cần. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm phi thời để tinh cần. Này các Tỷ-kheo, có năm đúng thời này để tinh cần. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân? trong sơ kỳ tuổi đời. Này các Tỷ-kheo? đây là đúng thời thứ nhất để tinh cần. Lại nữa. này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ít bệnh? ít não, sự tiêu hóa được điêu hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung binh, hợp với tinh tân. Này các Tỷ-kheo? đây là đúng thời thứ hai để tinh cần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi ăn uống được đầy đủ, được mùa, đồ ăn khất thực kiếm được thật dễ dàng để nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Này các Tỷ- kheo, đây là đúng thời thứ ba để tinh cần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các ông sống với nhau thuận hòa5 thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ tư để tinh cần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng hòa hợp, cùng nhau hòa hợp, không

tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Này các Tỷ-kheo, giữa chúng Tăng hòa hợp, không có mắng nhiêc lẫn nhau, không có đấu khẩu lẫn nhau, không có kêt tội lân nhau, không có sự tân xuât lân nhau, ơ dây, những ai không có tịnh tín5 tìm được tịnh tín; những ai có tịnh tín, được tăng trưởng nhiều hơn. Này các Tỷ-kheo? đây là đúng thời thứ năm để tinh càn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo9 là năm đúng thời để tinh cần. V. KINH MẸ VÀ CON (Mãtãputtasutta) (Ắ. III. 67) 55. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, tại Sãvatthi, cả hai mẹ và con đều an cư vào mùa mưa. Nhân danh Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, họ thường xuyên muôn thây mặt nhau. Mẹ thường xuyên muốn thấy mặt con và con cũng thường xuyên muốn thấy mặt mẹ. Vì họ luôn luôn thấy nhau nên có sự liên hệ. Do có sự liên hệ nên có sự thân mật. Do có sự thân mật nên có sự sa ngã. Với tâm sa ngã9 buông bỏ sự học tap, làm lộ liêu sự yêu đuôi, họ rơi vào thông dâm với nhau. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn5 tại Sãvatthi, cả hai mẹ con cùnệ an cư vào mùa mưa. Nhân danh Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, họ thường xuyên muon thấy mặt nhau. Mẹ thường xuyên muốn thấy mặt con và con cũng thường

xuyên muốn thấy mặt mẹ. Vì họ thường xuyên thấy nhau nên có sự liên hệ. Do có sự liên hệ nên có sự thân mật. Do có sự thân mật nên có sự sa ngã. Với tâm sa ngã, buông bỏ sự học tập, làm lộ liễu sự yếu đuối, họ rơi vào thông dâm với nhau. Tại sao, này các Tỷ-kheo5 kẻ ngu si này lại nghĩ rằng: uMẹ khônẹ tham đắm con hay con không tham đắm m"? Này các Tỷ-kheo? Ta không thây một sắc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy? say sưa75 như vậy, chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách9 tức là, này các Tỷ-kheo9 sắc đẹp của nữ nhân. Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham dắm, say đắm, say mê sắc đẹp của nữ nhân, chúng sẽ sầu ưu lâu dài vì bị rơi vào uy lực nữ sắc. Này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một tiếng nào khác... một hương nào khác... một vị nào khác...một xúc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy? mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa như vậy? chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách, tức là9 này các Tỷ-kheo? cảm xúc của nữ nhân. Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham dắm, say đắm, say mê cảm xúc nữ nhân, chúng sẽ bị sầu ưu lâu dài vì bị rơi vào uy lực của nữ sắc. Nữ nhân, khi đang đi cũng sẽ chinh phục tâm người đàn ông; khi đứng.. khi ngồi... khi nằm... khi cười. khi nói.. khi hát... khi khóc... khi bất tỉnh... khi chết cũng sẽ chinh phục tâm người đàn ông. Này các Tỷ-kheo5 nếu có ai nói rằng: "Là bẫy mồi toàn diện của Mara5\ thời

75 Mucchanĩya. Xem D. II. 337.

người ấy đã nói một cách chơn chánh về nữ nhân, thật là "một bẫy mồi toàn diện của Mãra?5

Hãy nói chuyện với người,
Có kiếm ở trong tay,
Nói chuyện với ác quỷ5
Hay ngồi thật gần kề,
Con rắn có nọc độc5
Bị căn liên mệnh chung,
Nhung chớ có một minh,
Nói chuyện với nữ nhân.
Thất niệm, họ trói lại,
Với nhìn, với nụ cười,
Với xiêm áo hở hang,
Với lời nói ngọt lịm,
Người ấy vẫn không thỏa?
Bất tỉnh bị mệnh chung.
Năm dục công đức ấy,
Được thấy trong nữ sắc,
Sắc, thanh, hương, vị? xúc,
Hấp dẫn và đẹp ý5

Bị thác nước dục vọng5
Tràn ngập và cuốn trôi.
Kẻ ngu si vô trí,
Không liễu tri các dục9
Loài người khi mệnh chung,
Sanh thú hữu, phi hữu,
Họ
_ • phải bị\ dẫn r đầu9 \
Trong nhiêu kiêp luân hôi. Ai liễu tri các dục5 Sở hành không sợ hãi? Họ đến bờ bên kia, Đạt được lậu hoặc tận. VL KINH GIÁO THỌ SƯ (Upạijhãyasutta) (A. IIL 69) 56. Rồi một Tỷ-kheo đi đến vị Giáo thọ sư của mình; sau khi dến, thưa với vị Giáo thọ sư của mình như sau: - Bạch Thượng tọa, nay thân con cảm thấy như bị say ngọt576 con không thấy rõ phương hướng, pháp không được con nhớ đến. Hôn trầm thụy miên chinh phục tâm con và an trú. Không có hoan hỷ5 con sống Phạm hạnh. Con có những nghi ngờ đối với Chánh pháp.

76 Xem D. II. 99; s. III. 106; V. 153.

Rồi Tỷ-kheo ấy dẫn theo vị Tỷ-kheo cộng trú, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch rr^í À rr^ A Thê Tôn: - Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nói như sau: "Bạch Thượng tọa5 thân con cảm thấy như bị say ngọt, mắt con không thấy rõ phương hướng, pháp không được con nhớ đến. Hôn trầm thụy miên chinh phục tâm con và an trú. Không có hoan hy, con sống Phạm hạnh. Con có những nghi ngờ đối với Chánh pháp." Sự việc là vậy, này Tỷ-kheo5 khi một người sông với các căn không được bảo vệ? với ăn uống không có tiết độ5 không có chú tâm cảnh giác, không có quán nhìn các thiện pháp, không có trước đêm và sau đêm chuyên chú tu tập các pháp giác chi, do vậy thân vị ấy cảm thấy như bị say ngọt, mắt không thây rõ phương hướng, pháp không được nhớ đến. Hôn trầm thụy miên chinh phục tâm vị ây và an trú. Không có hoan hỷ? vị ây sông Phạm hạnh. Vị ây có những nghi ngờ đối với Chánh pháp. Do vậy5 này Tỷ-kheo5 ông phải học tập như sau: "Ta sẽ bảo vệ các căn, có tiêt độ trong ăn uông, chú tâm cảnh giác, quán nhìn các thiện pháp, trước đêm và sau đêm ta sẽ sống chuyên chú tu tập các pháp giác chi." Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Rồi Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo gi&i này, từ chỗ ngồi đứnệ dậy? đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài roi ra đi. Rồi Tỷ-kheo ây sông một mình, an tịnh5 không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cân, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. Vị ấy hoàn toàn liễu tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa." Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán. Rồi Tỷ-kheo đã chứng đắc A-la-hán ấy, đi đến vị Giáo thọ sư của mình; sau khi đên, thưa với vị Giáo thọ sư của mình: - Bạch Thượng tọa5 nay thân con không cảm thấy như bị say ngọt? mắt con thấy rõ các

phương hướng, pháp được con nhớ rõ. Hôn trầm thụy miên không còn chinh phục tâm con và an trú. Với tâm hoan hỷ9 con sông Phạm hạnh. Con không còn nghi ngờ đối với Chánh pháp. Rồi Tỷ-kheo ấy dẫn theo vị Tỷ-kheo cộng trú đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch rr^i A rr^ /y Thê Tôn: -Bạch Thế Tôn? vị Tỷ-kheo này nói như sau: "Bạch Thượng tọa, nay thân con không cảm thây như bị say ngọt, măt con thây rõ các phương hướng, pháp được con nhớ rõ. Hôn trầm thụy miên không còn chinh phục tâm con và an trú. Với tâm hoan hỷ? con sống Phạm hạnh. Con không còn nghi ngờ đối với Chánh pháp." Như vậy là phải, này Tỷ-kheo, khi một người sông với các căn được bảo vệ? với ăn uống có tiết độ9 có chú tâm cảnh giác, có quán nhìn các thiện pháp,

trước đêm và sau đêm sống chuyên chú tu tập các pháp giác chi, do vậy, thân vị ấy không cảm thấy như bị say ngọt, các phương hướng được hiện rõ, và pháp được vị ấy nhớ rõ. Hon trầm thụy miên khônậ còn chinh phục tâm của yị ấy. Với tâm hoan hỷ, vị ấy sống Phạm hạnh. Vị ấy không còn nghi ngờ đối với Chánh pháp. Vậy này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: “Ta sẽ bảo vệ các căn? có tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, quán nhìn các thiện pháp, trước đêm và sau đêm5 ta sẽ sống chuyên chú tu tập các pháp giác chi.” Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cân phải học tập. VII. KINH Sự KIỆN CÀN PHẢI THƯỜNG XUYÊN QUÁN SÁT ịẠbhinhapaccavekkhitabbaỊhãnasuttd) (Ả. III. 71) 57. Có năm sự kiện, này các Tỷ-kheo^ cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thê nào là năm? “Ta phải bị già, không thoát khỏi gia” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. “Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi benh,9 là sự kiện cân phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Tất cả pháp khả ái5 khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diet" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. “Ta là chủ nhân của nghiệp,77 là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân5 bởi tại gia hay xuất gia. Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị già, không thoát khỏi gia” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia? Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ; do say đăm trong kiêu mạn ây, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia háy xuất gia. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, “ta phải bị bệnh5 ta không thoát khỏi benh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia? Có những loài hữu tình khỏe mạnh, này các Tỷ-kheo? kiêu mạn trong khỏe mạnh; do say đắm

trong kiêu mạn ấy5 thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn trong khỏe mạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiêu. Do duyên lợi ích này, này các

77XemẢ.V. 161; Mill. 203.

Tỷ-kheo? "ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh,5 là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia? Có những loài hữu tình đang sống, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong sự sống; do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác5 miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị chết, không thoát khỏi chef9 là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "tất cả pháp khả ái? khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diet" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia? Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, có lòng tham dục đối với các vật khả ái, khả ý; do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác? miệng nói ác? ý nghĩ ác. Do vị ây thường xuyên quán sát sự kiện ây, nên tham dục đôi với các vật khả ái, khả ý được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, 'tất cả pháp khả ái? khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, phải biến diet" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia? Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân làm ác, miệng nói ác9 ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy? ác hạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng? nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta già, không thoát khỏi già, mà phàm có những loài hữu tình nào có đến, có di, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi gia?9 Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ây, tu tap, làm cho sung mãn, nên các kiêt sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị bệnh, không thoát khỏi bệnh5 mà phàm có những loài hữu tình nào có đến, có di, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị bệnh, không thoát khỏi benh." Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ây, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ây sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt. “Kh6ng phải chỉ một mình ta bị chết, không thoát khỏi chết, mà phàm có những loài hữu tình nào, có đến, có di, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy phải bị chết, không thoát khỏi chết." Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn5 nên các kiết sử được đoạn tận5 các tùy miên được chấm dứt. "Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một mình ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, các pháp khả ái, khả ý của tất cả loài hữu tình ấy sẽ phải đổi khác, sẽ phải biên diet." Do vị ây thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ây, tu tập, làm cho sung mãn9 nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được châm dứt. "Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy." Phàm có các loài hữu tình nào có đến5 có di, có diet, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập5 làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận5 các tùy miên được chấm dứt. Bị bệnh78 và bị già5 Lại thêm phải bị chết, Pháp yêu là như vậy, Hữu tình là như vậy. Phàm phu sanh nhàm chán5 Thật không hợp cho ta, Nêu ta cũng nhàm chán, Đối với các chúng sanh, Cùng chung một số phận. Trong khi đời sống ta, Không khác gì đời họ?

78 Bài kệ này được đề cập trong A. I. 147 với một vài thay đổi.

Ta được sống như vậy, Biết pháp không sanh y, Kiêu mạn trong không bệnh, Trong tuổi trẻ sinh mạng, Tất cả ta nhiếp phục, Phát xuất từ an ổn5 Ta thấy hạnh viễn ly? Ta phát tâm dõng mãnh, Thấy được cảnh Niết-bàn. Nay ta không có thể, Hưởng thọ các dục vọng, Ta sẽ không thối đọa? Chứng Cứu cánh Phạm hạnh. VIII. KINH THANH NIÊN LICCHAVI (Licchavikumārakasuttd) (A. III. 75) 58. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesãli để khất thực. Sau khi khất thực ở Vèsãli xong, sau bữa ăn5 trên con đường khất thực trở vê5 Ngài đi 5 • , q 19*1 J sâu vào Đại Lâm và ngôi xuông một gôc cây đê nghỉ ban ngày. Lúc bấy giờ, một số đông thanh niên Licchavi cầm các cung được chuẩn bị sẵn sàng với đàn chó bao vây xung quanh, đang đi qua đi lại ở Đại Lâm, thây Thê Tôn đang ngoi dưới một gôc cây. Thây vậy, họ liên bỏ các cung được chuẩn bị sẵn sàng

xuống, kéo đàn chó về một phía và đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi yên lặng, yên lặng chắp tay đứng hầu Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Mahãnãma, người Licchavi bộ hành đi qua đi lại trong Đại Lâm, thấy các thanh niên Licchavi đang yên lặng, yên lặng chắp tay đứng hầu Thế Tôn. Thấy vậy, ông đi đến gần Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahãnãma, người Licchavi nói lên lời cảm hứng ngữ: Họ sẽ trở thành người Vajjĩ! Họ sẽ trở thành người Vajjĩ! Này Mahãnãma, sao ông lại nói như vậy: "Hq sẽ trở thành người Vajjĩ! Họ sẽ trở thành người VajjT!"? Bạch Thế Tôn, những thanh niên Licchavi này là hung bạo, thô ác, ngạo mạn. Các đồ vật được các gia đình gửi đi như mía, trái táo5 bánh ngọt, kẹo ngọt, kẹo đường, họ cướp giật và ăn; họ đánh sau hônẹ các nữ nhân? thiếu nữ các gia đình. Nhưng nay họ đứng yên lặng? yên lặng chắp tay hầu hạ Thế Tôn. -Đôi với thiện nam tử nào, này Mahãnãma, năm pháp này được tìm thây, dầu là vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, hay là người thôn quê sông trên đât trại của người cha, hay là vị tướng trong quân đội? hay là vị thôn trưởng ở làng, hay là vị tổ trưởng các tổ hợp, hay là những vị có quyền thế trong gia tộc9 thời được chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Thế nào là năm?

Ở dây, này Mahãnãma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ5 cúng dường cha mẹ. Cha mẹ được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ? cúng dường với thiện ý? khởi lên lòng thương mến người ấy: “Mong rằng [con ta] được sống lâu! Mong rằng thọ mạng được che chở lâu dài!" Và này Mahãnãma, với một thiện nam tử được cha mẹ thương tưởng, chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Lại nữa, này Mahãnãma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vợ con, người phục vụ, người làm công và vợ con của người phục vụ, người làm công. Vợ con, người phục vụ, người làm công và vợ con của người phục vụ, người làm công được người ấy cung kính, tôn trọng đảnh lễ? Cling dường với thiện ý, khởi lên lòng thương tưởng người ấy: "Mong rằng được sông lâu! Mong răng thọ mạng được che chở lâu dài!” Và này Mahãnãma, một thiện nam tử được vợ con, người phục vụ, người làm công và vợ con của người phục vụ? người làm công thương tưởng, chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Lại nữa, này Mahănãma, vị thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp5 cung kính, tôn trọng, đảnh lễ9 củng dường các người làm ruộng, các chức sắc ở biên cương. Những người làm ruộng, những chức sắc ở biên cương được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường... chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Lại nữa, này Mahãnãma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp5 cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường chư thiên nhận lãnh các vật cúng tế. Chư thiên nhận lãnh các vật cúng tế được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường... chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Lại nữa, này Mahãnãma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do

sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường các Sa- môn5 Bà-la-môn. Các Sa-môn, Bà-la-môn được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ9 cúng dường với thiện ý? khởi lên trong lòng thương tưởng người ấy: “Mong rằng được sống lâu! Mong rằng thọ mạng được che chở lâu dài!” Và này Mahãnãma, với một thiện nam tử được các Sa-môn5 Bà-la-môn thương tưởng, được chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Đôi với vị thiện nam tử nào, này Mahãnãma, năm pháp này được tìm thấy, dầu là Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, hay là người thôn quê sống trên đât trại của người cha, hay là vị tướng trong quân đội, hay là vị thôn trưởng ở làng, hay là vị tô trưởng các tô hợp, hay là những vị có quyên thê trong gia tộc5 thời được chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Mẹ cha lo phục vụ, Vợ con thường thương tưởng, Vì hạnh phúc nội nhân, Cùng với kẻ tùng sự5 Vì hạnh phúc cả hai, Lời hòa nhã? giữ giới, Vì hạnh phúc bà con, Vì hương linh đi trước, Vì mạng sống hiện tại, Vì Sa-môn, Phạm chí, Vì chư thiên, bậc trí Thành người ban hạnh phúc. Sống gia đình đúng pháp, Vị ấy làm thiện sự, Được cúng dường tán thán, Đời này họ được khen, Đời sau sống hoan hỷ9 Trong cảnh giới chư thiên. IX. KINH XUẤT GIA LỚN TUỔI THỨ NHẤT (Pathamavuddhapabbofitasutta)19 (A. III. 78) 59. Này các Tỷ-kheo5 thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. Thê nào là năm? Thật khó tìm được, này các Tỷ-kheo? một người xuất gia lớn tuổi lại tế nhị5 thật khó tìm được một người có uy nghi tốt đẹẸ? thật khó tìm được một người nghe nhiều, thật khó tìm được một người thuyết pháp, thật khó tìm được một người trì luật. Này các Tỷ-kheo5 thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. X. KINH XUẤT GIA LỚN TUỔI THỨ HAI (Dutiyavuddhapabbajitasutta) (A. III. 78) 60. Này các Tỷ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. Thế nào là năm? Thật khó tìm được, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại khéo n6i, thật khó tìm được một người có khả năng nắm giữ cái gì khéo nắm giữ, thật khó tìm được một người có cử chỉ tốt đẹp? thật khó tìm được một người thuyết pháp, thật khó tìm được một người trì luật. Này các Tỷ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này.79

79 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Hard to Find, nghĩa là Khó tìm được.

VIL PHẨM TƯỞNG (SANNAVAGGA)

I. KINH CÁC TƯỞNG THỨ NHẤT (PathamasannasuttayQ (A. III. 79) 61. Có năm tưởng,80 81 này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn; đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử. Thế nào là năm? Tưởng bât tịnh, tưởng chét, tưởng nguy hại, tưởng ghê tởm các món ăn, tưởng không có hân hoan đối với tât cả thê giới. Năm tưởng này, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa

đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử. II. KINH CÁC TƯỞNG THỨ HAI (Dutìyasannãsutta) (A. III. 79) 62. Có năm tưởng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử. Thế nào là năm? Tưởng vô thường, tưởng vô nệẫ, tưởng chết, tưởng ghê tởm các món ăn, tưởng không có hân hoan đối với tât cả thế giới. Những pháp này là năm tưởng, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử.

IIL KINH TĂNG TRƯỞNG THỨ NHẤT (Pafhamavaddhisutta) (A. III. 80) 63. Này các Tỷ-kheo, tăng trưởng với năm tăng trưởng,82 vị Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cô, đem lại thù thăng cho tự thân. Thế nào là năm? Tăng trưởng với lòng tin, tăng trưởng với giới, tăng trưởng với học hỏi, tăng trưởng với bố thí, tăng trưởng với trí tuệ. Tăng trưởng với năm tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cố, đem lại thù thắng cho tự thân. Tăng trưởng với tín, giới, Với tuệ, thí, nghe nhiều, Vị chân nhân quán sát, Tự thân được kiên cố.

80 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.46.9. 0780al6). 81 Safina. Xem4 1.41; D. III. 289; s. V. 132. 82 Xem 4 III. 40; s. IV. 250.

IV KINH TẢNG TRƯỞNG THỨ HAI (Dutiyavaddhisuttd) (A. III. 80) 64. Này các Tỷ-kheo, tăng trưởng với năm tăng trưởng, vị nữ Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cố, đem lại thù thắng cho tự thân. Thế nào là năm? Tăng trưởng với lòng tin, tăng trưởng với giới, tăng trưởng với học hỏi, tăng trưởng với bô thí, tăng trưởng với trí tuệ. Tăng trưởng với năm tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, vị nữ Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cô9 đem lại thù thắng cho tự thân. Tăng trưởng với tín, giới, Với tuệ, thí, nghe nhiều, Vị trì giới như vậy, Vị nữ Thánh đệ tử9 Tự thân được kiên cố? Ngay liền trong đời này. V KINH NÓI CHUYỆN (Sãkacchasutta) (A. III. 81) 65. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đông Phạm hạnh. Thê nào là năm? Ở đâỵ9 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi đề cập đển từ câu chuyện về Giới cụ túc; tự mình đầy đủ Định, trả lời câu hỏi được đê cập đên từ câu chuyện vê Định cụ túc; tự mình đây đủ Tuệ? trả lời câu hỏi được đe cập đến từ câu chuyện về Tuệ CU túc; tự mình đầy đủ Giải thoát, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát tri kiến, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh. VI. KINH ĐỜI SỐNG (Sậiĩvasutta) (A. III. 81) 66. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo9 mọt Tỷ-kheo với đời sông (của mình) làm gương cho các vị đông Phạm hạnh. Thê nào là năm? Ở đây, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi được nói đến từ câu chuyện về Giới cụ túc... từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đủ khả năng, với đời sống của mình? làm gương cho các vị đồng Phạm hạnh. VII. KINH THẦN THÔNG THỨ NHẤT (PaỊhamaiddhipãdasutta) (A. III. 81) 67. Tỷ-kheo83 hay Tỷ-kheo-ni

nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp, làm cho sung mãn năm pháp này, được chờ đợi là vị ấy được một trong hai quả:

83 Xem 4 V. 108, 122; D. II. 314; M. I. 63; s. V. 129; It. 39; Sn. 140.

Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất lai. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo84*tu tập thần túc câu hữu với dục định tinh cân hành, tu tập thân túc câu hữu với tinh tân định tinh cân hành, tu tập thân túc câu hữu với tâm định tinh cần hành5 tu tập thần túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, và thứ năm là tăng thượng tinh tấn. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp, làm cho sung mãn năm pháp, được chờ đợi là vị ấy được một trong hai quả: Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất lai.

VIII. KINH THẦN THÔNG THỨ HAI (Dutiyaiddhipãdasutta) (A. III. 82) 68. Trước khi Ta giác ngộ5 này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa đạt Chánh đẳng Chánh giác, còn là Bồ-tát, Ta đã tu tập năm pháp, làm cho sung mãn năm pháp. Thế nào là năm? Ta đã tu tập thần túc câu hữu với dục định tinh cần hành, đã tu tập thần túc câu hữu với tinh tân định tinh cân hành, đã tu tập thân túc câu hữu với tâm định tinh cần hành, đã tu tập thần túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, và thứ năm là tăng thượng tinh tấn.85 Này các Tỷ-kheo? do Ta tu tập và làm cho sung mãn các pháp với tăng thượng tinh tấn là thứ năm, tùy theo Ta hướng tâm đến pháp nào cần được chứng ngộ với thắng trí, để có thể chứng ngộ với thắng trí, Ta có thể đạt đến pháp ấy, dầu thuộc hành xứ nào.86 Nếu Ta muốn5 Ta có thể chứng được nhiều loại thần thông... tự thân có thể đạt được Phạm thiên gi&i, ở đây? Ta có thể đạt đến pháp ấy, dầu thuộc hành xứ nào. Nếu Ta muốn... do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí, Ta tự mình chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, tại dấy, Ta có thể đạt đến pháp ấy, dầu thuộc hành xứ nào.

IX. KINH NHÀM CHÁN (Nibbidãsutta) (A. III. 83) 69. Có năm pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh? thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo an trú quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm với các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới? quán vô thường đối với tất cả hành, và tưởng về chết, nội tâm khéo an trú. Này các Tỷ-kheo, năm pháp này được tu tập? được làm cho sung mãn? đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

84 XemD. III. 221. s5Ussolhi. AA. III. 263: UssoỊhĩtỉ adhỉmattavĩrỉyam C'Tăng thượng tinh tấn,? nghĩa là nỗ lực tinh tấn hết sức mình). 86 Xem^. III. 23.

X. KINH ĐOẠN TẬN LẬU HOẶC (�four;avakkhayasutta) (A, III. 83) 70. Năm phán, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn. đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo trú quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê

tởm đối với các món ăn? với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tưởng về chết, nội tâm khéo an trú. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

VIIL PHẢM NGƯỜI CHIẾN sĩ (YODHẴJĨVAVAGGA)

I. KINH TÂM GIẢI THOÁT QUẢ THỨ NHẤT (PaỊhamacetovimuttìphaỉasuttà) (A. III. 84) 71. Năm pháp, này các Tỷ-kheo5 được tu tập? được làm cho sung mãn? đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích? Tuệ giải thoát quả, Tuệ giải thoát lợi ích. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tùy quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm trong các món ăn5 với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới? tùy quán vô thường đôi với tât cả hành, với tưởng vê chêt, vị ây nội tâm khéo an trú. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn5 đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát lợi ích. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có Tâm giải thoát và có Tuệ giải thoát, này các Ty.kheo, vị ây được gọi là Tỷ-kheo đã cât đi các vật chướng ngại, đã lấp các thônậ hào, đã nhổ lên cột trụ, đã mở tung các ổ khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy. Và thế nào là Tỷ-kheo đã cất đi các chướng ngại? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đã đoạn trừ yô minh, đã cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo5 như vậy là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào? Ở đây9 này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cat đứt tận gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là vị Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đã đoạn trừ tham ái5 đã cắt đứt tận g6c rễ, đã làm cho như thân cây Sãla5 đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo5 như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sãla, đã làm cho không thể hiện hữu,

không thê sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống5 đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn? đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sãla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy. II. KINH TÂM GIẢI THOÁT QUẢ THỨ HAI (Dutỉyacetovimuttiphalasutta) (A. III. 85) 72. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến Tâm giải thoát quả? Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thqát quả và Tuệ giải thoát lợi ích. Thế nào là

năm? Tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ5 tưởng đoạn tận? tưởng ly tham. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát lợi ích. Khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo5 có Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, này các Tỷ-kheo5 vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại, đã lấp các thônậ hào, đã nhổ lên cột trụ, đã mở tung các ổ khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy. Và thế nào là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã cắt đứt tận gốc rễ5 đã làm cho như thân cây Sãla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cat đứt tận ệốc rễ5 đã làm cho như thân cây Sãla5 đã làm cho không thể hiện hữu, không the sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ tham ái, đã cắt đứt tan gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo? như vậy là Tỷ-kheo đã nhô lên cột trụ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sãla? đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa.

566 KINH TẤNG CHI BỘ

Và này các Tỷ-kheo9 thế nào gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn, đã cắt đứt tận gốc rễ? đã làm cho như thân cây Sãla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

IIL KINH SỐNG THEO PHÁP THỨ NHẤT (PaỊhamadhammavihãrĩsuttà) (Ắ. III. 86) 73. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - "Sống theo pháp, sống theo pháp", bạch Thế Ton, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào? bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là vị sống theo pháp? - Ở đây, nay Tỷ-kheo? Tỷ-kheo học thông suốt pháp, tức iq Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảnẹ (hay Trí giải). Vị ấy dùng trọn cả ngày để học thuộc lòng pháp, bỏ phê đời sông độc cư an tjnh, không nô lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo thông đạt nhiều kinh điển, nhưng không sống theo pháp. Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thônệ suốt. Vị ấy dùng trọn cả ngày để trình bày pháp cho các người khác, bỏ phê đời sốnệ độc cư an tịnh, kh6ng nô lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo thuyết trình nhiều, nhưng không sống theo pháp. Lại nữa, này Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã

được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ay dùng trọn cả ngày để tụng đọc? bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đọc tụng nhiều, nhimg không sống theo pháp. Lại nữa? này Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo với tâm tùy tầm tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy dùng trọn cả ngày suy tầm về pháp, bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo suy tầm nhiều, nhưng không sống theo pháp. Ở đây, nÊiy Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng5 Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vi tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy không dùng trọn cả ngày để học thuộc lòng pháp9 không bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống theo pháp. Này Tỷ-kheo5 như vậy Ta đã thuyết về học thuộc lòng nhiều, đã thuyết về thuyet trình nhiêu, đã thuyêt vê đọc tụng nhiêu, đã thuyêt vê suy tâm nhiêu, đã thuyết về sống theo pháp. Này Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo sư cần phải làm cho

các đệ tử87 VÌ hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên5 các điều ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống; này Tỷ-kheo, hãy tu thiền, chớ có phóng dật, chớ có đê về sau sẽ phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

IV. KINH SỐNG THEO PHÁP THỨ HAI (Putiyadhammavihārīsutta) (A. III. 88) 74. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi qến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: "Sống theo pháp, sống theo pháp9\ bạch Thế Ton, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế T6n, là vị Tỷ-kheo sống theo pháp? -Ở đây5 này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải); nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo học thuộc lòng nhiều, nhưng không sống theo pháp. Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã học thuộc lòng? nhưng khônệ rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo thuyet trình nhiều, nhưng không sống theo pháp. Lại nữa, này Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo9 đây gọi là Tỷ-kheo đọc tụng nhiều, nhưng không sống theo pháp. Lại nữa, này Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo với tâm tùy tâm tùy tứ, với ý tùy quán pháp như được nghe, như đã được học thuộc lòng? nhimg không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo suy tầm nhiều, nhimg không sống theo pháp. Ở đây, này Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải); và biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo5 đây gọi là Tỷ-kheo sống theo pháp. Này Tỷ-kheo, như vậy Ta đã thuyết về học thuộc lòng nhiều, đã thuyết về thuyết trình nhiều, đã thuyết về đọc tụng nhiều, đã thuyết về suy tầm

nhiều, đã thuyết về sống theo pháp. Này Tỷ-kheo? điều gì bậc Đạo sư cần phải làm cho các đệ tử vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống; này Tỷ-kheo, hãy tu thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

87 Xem MI. 46; s. V. 157.

V. KINH NGƯỜI CHIẾN sĩ THỨ NHẤT (PaḶhamayodhājīvasuttăỷ^ (A. III. 89) 75. Này các Tỷ-kheo, có năm hạng chiến sĩ này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người chiến sĩ chỉ thấy bụi mù dấy lên đã chùn chân, rủn chí, không còn can đảm9 không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo? đây là người chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiên sĩ có thê chịu đựng bụi mù dây lên, nhưng khi thây cờ xí dựng lên, liên chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo9 đây là hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 ở đây có người chiên sĩ có thê chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên? nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm5 không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở dây, này các Tỷ-kheo? là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, nhưng khi bị thương trong chiến trận, liền thất kinh thất đảm. Như vậy ở dây, này các Tỷ- kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên? chịu đựng tiếng la hét, chịu đựng cuộc xáp chiên. Vị ây? sau khi thăng trận, dự phân vào chiên thăng, câm đâu trong chiến thắng. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người chiến sĩ thứ năm có mặt hiện hữu ở đời. Năm hạng người chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? được ví dụ với năm hạng người chiến sĩ này, có năm hạng người có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo khi thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập5 liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là bụi mù dấy lên đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ- kheo được nghe: “Tại một làng hay một thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen?5 Khi được nghe vậy, vị ấy liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm5 không

88 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.33.3. 0686c20).

CÓ thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa bụi mù dấy lên đối với vị ấy. Ví như5 này các Tỷ-kheo9 hạng người chiến sĩ ấy, khi mới thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tham dự chiến trận. Này các Tỷ-kheo9 Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo5 được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhtrng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém tróng học tập, liền bỏ học pháp5 trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là cờ xí dựng lên đối với vị ấy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỵ-kheo không có nghe: "Tại một làng hay thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp dẽ, khả ái5 làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen9\ nhưng vị ấy tự mình thấy một phụ nữ hay một thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen. Vị ấy, sau khi thấy người phụ nữ hay người thiếu nữ ấy, liền chùn chân, rủn chí, khônậ còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa cờ xí dựng lên đối với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên5 liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thê ra trận xáp chiên. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo? là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo? được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên5 nhimg khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm5 không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là tiếng la hét đối với vị ấy? Ở đay, này các Tỷ-kheo, một nữ nhân đi đến vị Tỷ-kheo tại khu rừng, dưới một gốc cây hay tại ngôi nhà trống, cười nhạo Tỷ-kheo, nói mơn trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhã. Tỷ-kheo bị nữ nhân cười nhạo, nói mơn trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhã, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự hèn kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa của tiếng la hét đối với vị ấy. Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm5 không có thể ra trận xáp chiến. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một

hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét5 nhimg bị thương trong khi xáp chiến lâm trận liền thất kinh thất đảm. Thế nào là xáp chiến lâm trận đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo? khi vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, một nữ nhân đi đến Tỷ-kheo ấy, ngồi sát một bên,

năm sát một bên, vuốt ve mơn trớn. Tỷ-kheo ây được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, được vuốt ve mơn trớn, không từ bỏ học tap, không biểu lộ sự yếu kém trong học tập, nhưng hành dâm [với nữ nhân ấy]. Đây là nghĩa xáp chiến lâm trận đối với vị ấy. Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét? nhimg khi lâm trận xáp chiên, bị thương, that kinh that đảm. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây5 này các Tỷ-kheo? là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiêng la hét, chịu đựng được xáp chiên lâm trận. Vị ây sau khi chiên thăng chiên trận ây5 chiên thăng trong chiên trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. Thế nào là sự chiến thắng trong chiến trận đối với vị ấy? Ở dây, này các Tỷ-kheo? khi vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đên gôc cây, hay đi đên ngôi nhà trông, có nữ nhân đi đên vị ây, ngồi sát một bên? nằm sát một bên5 vuốt ve mơn trớn. Vị ấy, khi được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mơn trớn, liền ỆỞ mình ra, gỡ thoát ra và ra đi chỗ nào mình muốn. Và vị ấy đi đến một chỗ trổng trải,89 khu rừng, gốc cây? ngọn núi, khe đá, hang núi, nghĩa địa, cao nguyên, ngoài trời, đống rơm. Rồi vị ấy đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già? lưng thẳng và đê niệm trước mặt. Vị ây, sau khi đoạn tận tham, an trú với tâm ly tham, gột sạch tâm khỏi tham; sau khi đoạn tận sân5 an trú với tâm ly sân, có lòng thương tưởng đến tất cả loài hữu tình và chúng sanh, gột sạch tâm khỏi sân hận; sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên5 an trú với tâm ly thụy miên hôn trầm, với tưởng ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác? gột sạch tâm khỏi hôn trầm thụy miên; sau khi đoạn tận trạo cử hối ạuá, an trú không trạo cử hối quá9 nội tâm tịch tịnh, gột sạch tâm khỏi trạo cử hôi quá; sau khi đoạn tận nghi, an trú với tâm vượt khỏi nghi ngờ, không còn nghi hoặc, gột sạch tâm khỏi nghi ngờ đối với các thiện pháp. Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này5 những pháp làm uế nhiễm tâm? làm yếu ớt trí tuệ5 ly dục, ly các pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, ly các tùy phiền não? nhu nhuyếĩi, kham nhẫn5 kiên tri, bất động, hướng

89 Xem4 I. 24l;Z). L7l;ML 269.

tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy như thật rõ biết: “Bây là kh6” như thật rõ biết: "Bây là khổ tập99; như thật rõ biết: "Bây là khổ diet"; như thật rõ biết: C6Đây là con đường đưa đến khổ diet” như thật rõ biết: "Những pháp này là những lậu hoặc"; như thật rõ biết: “Dây là lậu hoặc tập kh&i”; như thật rõ biết: “Dây là lậu hoặc đoạn giet”; như thật rõ biết: "Bây là con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diet." Do vị ấy biết như vậy5 thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu? tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát.” Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, nay không còn trở lại đời này nữa.,, Đây là sự chiến thắng trong trận chiến đối với vị ấy. Ví

như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được các tiếng la hét, chịu đựng được sự xáp chiến. Vị ấy, sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đàu trong trận chiến ấy. Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiên sĩ thứ năm có mặt hiện hữu ở đời. Những người này, này các Tỷ-kheo5 được ví dụ với năm chiên sĩ có mặt hiện hữu ở giữa các vị Tỷ-kheo. VI. KINH NGƯỜI CHIẾN sĩ THỨ HAI (Dutìyayodhặĩvasutta)9ồ (A. III. 93) 76. Có năm người chiến sĩ, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm? ơ dây, này các Tỷ-kheo9 có người chiên sĩ câm kiêm và mâu5 đeo cung và 91 tham gia vào trận chiến ác liệt. Người ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng tên?90 hái. Nhimg các người khác, trong khi người ấy nỗ lực và hăng hái như vậy? đánh người ấy và áp đảo người ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chiến sĩ như vậy. Đây là hạng chiên sĩ thứ nhât có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên5 tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ây bị thương, và [các chiên hữu] khiêng người ây di, chở người ây đên các người bà con. Khi chở người ấy đi và chưa đến các bà con, người ấy mệnh chung ở giữa đường. Ở đây, này các Tỷ-kheo9 có một hạng chiến sĩ như vậy. Đây là hạng chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? ở đây có hạng người chiên sĩ câm kiêm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương, và [các chiến

90 Tham chiếu: Tg.(T.02. 0125.33.4. 0687b27). 91 Xem M. I. 68; II. 99; Vin. II. 192.

hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các n^ười bà con. Và những người bà con săn sóc và nuôi dưỡng người ây. Người ây, trong khi được các người bà con săn sóc và nuôi dưỡng, bị mệnh chung vì vết thương ấy. ơ đây5 này các Tỷ-kheo, có một hạng người chiên sĩ như vậy. Đây gọi là hạng chiên sĩ thứ ba có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 ở đây có người chiên sĩ câm kiêm và mâu, đeo cung và tên5 tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các n^ười bà con. Và những người bà con nuôi dưỡng và săn sóc người ây. Người ây5 trong khi được các người bà con săn sóc và nuôi dưỡng, được chữa lành các vết thương ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chiến sĩ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? ở đây có hạng chiên sĩ câm kiêm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào chiến trận ấy9 chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong chiến trận ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng chiến sĩ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng chiên sĩ thứ năm có mặt hiện hữu ở đời. Năm hạng chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những hạng người được ví dụ với năm hạng chiến sĩ này có mặt hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Ở đây?

này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo sống dựa vào ngôi làng hay thị trấn.92 Vị ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khất thực? không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, không phòng hộ tâm9 niệm không an trú, các căn không được bảo vệ. Vị ây ở đây thây một nữ nhân ăn mặc không tê chính, ăn mặc không kín đáo. Được thây nữ nhân ăn mặc không tề chính, ăn mặc không kín dáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Tâm bị tham dục tấn công, không từ bỏ học tập, không biểu lộ sự yếu kém trong học pháp, nhưng vị ấy rơi vào hành dâm. Ví như người chiên sĩ ây, này các Tỷ-kheo9 câm gươm và mâu, đeo cung và tên5 tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhimg các người khác, trong khi người ấy nỗ lực? hăng hái như vậy, đánh người ấy và áp đảo người ấy. Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với hạng chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay thị trấn. Vị ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn ấy để khất thực, với thân không phòng hộ9 với lời nói không phòng hộ5 với tâm khônẹ phòng hộ5 với niệm không an trú, với các căn không được bảo vệ. Ở dây, vị ây thấy một nữ

92 XemA. III. 392; y II. 231-71; IV. 122.

nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo. Được thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín dáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Vị ấy, với tâm bị tham dục tấn công nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu cháy. Vị ấy nghĩ: “Ta hãy đi về khu vườn [chỗ Tăng ở] báo tin cho các Tỷ-kheo: 'Này^các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh? tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, tôi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi trở về với đời sống thế tục.Vj ấy, trên con đường đi đến khu vườn, còn ở giữa đường, biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp5 trở về đời sống thế tục. Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiên sĩ câm kiêm và mâu, đeo cung và tên5 tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực, hăng hái như vậy, làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con, nhưng người ấy mệnh chung giữa đường. Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố người này giống với ví dụ ấy. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sông dựa vào một lànẹ hay một thị trấn. Vị ây vào buôi sáng, đăp y, câm y bát đi vào làng hay thị trân ây để khất thực, thân không phòng hộ5 lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ? niệm không an trú, các căn không được bảo vệ. Vị ấy ở đấy thấy nữ nhân ăn mặc không tề chinh, ăn mặc không kín đáo. Sau khi thấy nữ nhân ăn mặc không tề chinh, ăn mặc không kín dáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham dục tấn cônệ nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu đốt. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến khu vườn báo tin cho các Tỷ-kheo: 'Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không có thể tiếp tục đời sốnệ Phạm hạnh, tôi tuyên bố sự yêu

kém trong học tập5 tôi từ bỏ học pháp, sẽ trở vê với đời sống thế tỊ!C'" Các vị đồng Phạm hạnh giáo giới, khuyên bảo như sau: "Này Hiền giả? Thế Tôn đã nói: 'Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một khúc xương,93 khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như miếng thịt, khổ nhiều, não nhiều, nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thê Tôn ví dụ như bó đuôc băng cỏ, khô nhiêu? não nhiêu, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một hố than hừng, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một cơn mộng5 khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như vật dụng mượn dùng5 khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như quả của cây, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như lò thịt5 khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như cây gậy nhọn, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại

93 Mười ví dụ này được nói đến trong M. I. 130; Vin. II. 25. Bảy ví dụ được giảng rộng trong M. I. 364ÍT.

nhiêu hơn. Các dục được Thê Tôn ví dụ như đâu răn, khô nhiêu, não nhiêu, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn/ Tôn giả hãy tìm sự thoải mái trong Phạm hạnh! Tôn ệiả chớ biểu hiện sự yếu kém trong học tập, chớ từ bỏ học pháp và trở lui đời song thế tục.” Vị ấy được các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy, khuyên bảo như vậy, liên nói như sau: uNày các Hiên giả5 dâu cho Thê Tôn có nói các dục vui ít, khô nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn, nhung tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp5 tôi sẽ trở về đời sống thế tục." Sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, sau khi từ bỏ học pháp, vị ấy trở lui đời sống thế tục. Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiên sĩ ây, sau khi câm kiêm và mâu, đeo cung và tên? tham gia vào trận chiến khốc liệt. Vị ấy5 trong chiến trận ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực, hăng hái như vậy5 làm người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con. Các người bà con săn sóc nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, tuy được các người bà con săn sóc nuôi dưỡng nhung bị mệnh chung vì vết thương ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này được ví như ví dụ ấy. ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người như vậy. Này các Tỷ- kheo? đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống dựa vào làng hay thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào ngôi làng hay thị trấn ấy để khất thực với thân không phòng hộ, với lời không phòng hộ? với tâm không phòng hộ? với niệm không an trú, với các căn không được bảo vệ. Vị ấy ở đấy thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo. Sau khi thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề? ăn mặc không kín dáo, tham dục tấn công vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham dục tấn công nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu đốt. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Ta hãy đi đến khu vườn, báo tin cho các Tỷ-kheo: 'Này các Hiền gi,tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục

ám ảnh. Tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh. Tôi tuyên bố sự yếu kém trong học tap, từ bỏ học pháp, trở về với đời sống thế tục.,,, Vị ấy đi đến khu vườn, báo tin cho các Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi trở về với đời sống thế tục." Các vị đồng Phạm hạnh giáo giới khuyên bảo như sau: "Này Hiền giả9 Thế Tôn đã nói: 'Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn... Các dục được Thế Tôn ví như đầu rắn? khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn/ Tôn giả hãy tìm sự thoải mái trong Phạm hạnh. Tôn giả chớ biểu lộ sự yếu kém trong học tập5 từ bỏ học pháp và trở lui đời sống thế tục." Được các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy9 khuyên bảo như vậy, vị ấy nói như sau: "Thua các Hiền giả, tôi sẽ nỗ lực. Thưa các Hiền giả, tôi sẽ cố gắng.

Thưa các Hiên giả? tôi sẽ sông thoải mái. Nay tôi không biêu lộ sự yêu kém trong học tập? không từ bỏ học pháp, không trở lui về đời sống thế tục." Ví nhu, này các Tỷ-kheo, người chiên sĩ ây câm kiêm và mâu, đeo cung và tên5 tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực5 hăng hái như vậy, làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy di, chở n^ười ấy và đưa người ấy đến các người bà con. Các người bà con săn sóc người ây, nuôỉ dưỡng nệười ấy. Người ấy, nhờ các bà con săn sóc nuôi dưỡng, được chữa lành khỏi vết thương. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người như vậy. Người này9 này các Tỷ-kheo? được ví dụ với chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông dựa vào một làng hay một thị trân. Vị ây vào buôi sáng, đăp y, câm y bát đi vào làng hay thị trân ây đê khât thực với thân được phòng hộ, với lời nói được phòng hộ, với tâm được phòng hộ, với niệm được an trú, với các căn được bảo vệ. Vị ây khi măt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nẹuyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên5 vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, đi đến một chỗ trống trải, khu rừng, gốc cây, ngọn núi5 khe núi, hang núi, bãi tha ma, cao nguyên, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, hmg thẳng, để niệm trước mặt. Vị ấy đoạn tận tham ở đời, an trú với tâm ly tham... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định tinh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyến, kham nhẫn, kiên tri, bất động, hướng tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy như thật rõ biết: “Bây là khổ59; như thật rõ biết: “Dây là khổ tap” như thật rõ biết: "Đây là khổ diet"; như thật rõ biết: 66Đây là con đường đi đến khổ diet".. không còn trở lại đời này nữa. Ví như, này các Tỷ-kheo5 người chiến sĩ ấy cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiên

ác liệt. Người ây, sau khi chiên thắng trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng đầu trong chiến trận ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bô người này giống như ví dụ ấy. ơ đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Đây là hạng người được ví dụ với chiến sĩ thứ năm có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo9 có những hạng người được ví dụ với năm người chiến sĩ này, có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

576 KINH TĂNG CHI BỘ

VII. KINH Sự SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ NHẤT (PaỊhamaanãgatabhayasutta) (A. III. 100) 77. Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sự sợ hãi trong tương lai này, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, con rít có thể cắn ta, do vậy ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cân đê chứng đạt những gì chưa chứng đạt5 đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ng0.” Này các Tỷ-kheo9 do quán thây sự sợ hãi thứ nhât này vê tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống trong rừng, không phóng ỉ dật, nhiệt ' tâm, tinh cần để 9

chứng đạt những gì chưa chứng đạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống trong rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, ta có thể Vấp ngã và té xuống, cơm ta ăn có thế làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể làm ta khuấy động5 hay niêm dịch (đàm) có thể làm ta khuấy động, cơn gió như kiếm có thể làm ta khuấy động, do vậy ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đăc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng Ĩig6.” Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ hai này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không ? phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần r để? chứng đạt những gì chưa chứng dạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng, sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài thú nguy hiểm như sư tử, cọp5 báo, gấu, dã can. Chúng có thể đoạt mạng sống của ta, có thể làm ta mệnh chung. Như vậy là một sự chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần ỉ để chứng đạt những gì chưa chứng đạt5 để chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngO." Wcác Tỷ-kheo. do quán thây sự sợ hãi thứ ba này vê tương lai, thật là vừa đủ đế vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật. nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài ăn trộm, ăn cắp đã hành nghề. Chúng có thể đoạt mạng sống của

ta, chúng có thể làm ta mệnh chung. Như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đăc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng Ĩig6.” Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ tư này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật5 nhiệt tâm? tinh cần. để chứng 9 Y ĩ 9

đạt những gì chưa chứng đạt5 đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình ở rừng. Ở rừng có những loài phi nhân nguy hiểm, chúng có thể đoạt mạng sống của ta, làm ta mệnh chung. Như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt. để chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngO." Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ năm này về tương lai? thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật. nhiệt tâm, tinh cân để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo? do quán thây năm sự sợ hãi vê tương lai này, thật là vừa đủ đế Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật5 nhiệt tâm5 tinh cân đê chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, đế chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. VIII. KINH Sự SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ HAI (Dutiyaanãgatabhayasutta) (A. III. 103) 78. Này các Tỷ-kheo, do quán thây năm sự sợ hãi vê tương lai này, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay ta còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời, nhưng rồi đến thời già sẽ xúc chạm thân này. Khi đã già yếu và bị già chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật? thật không dễ ệi để sống tại các trú xứ rừng núi5 cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ây đến với ta5 không đáng ua, không đáng thích, không khả ý5 ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng ĩ ĩ 7 -

đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nêu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị già, ta sẽ sống được thoải mái.” Này các Tỷ-kheo5 do quán thấy sự sợ hãi thứ nhất này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ>kheo quán sát như sau: "Nay ta ít bệnh, ít

não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn? nhimg rồi đến thời bệnh sẽ xúc chạm thân này. Khi đã bị bệnh và bị bệnh chinh phục, thật không dễ gì tác ý đến giáo pháp của các đức Phật? thật không dễ gì để

sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý5 ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị bệnh, ta sẽ sống được thoải mái.,, Này các Tỷ-kheo, do quán thây sự sợ hãi thứ hai này vê tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay không có đói kém, được mùa, đô ăn khât thực dê kiêm được, thật dê dàng đê nuôi sông băng nô lực khât thực. Nhimg rôi đên thời có nạn đói? mât mùa, đô ăn khât thực khó được, không dễ gì nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Và những người bị nạn đói sẽ dời đến chỗ nào được nhiều đồ ăn; tại dấy, phải sống với quần chúng, phải sống với sự hỗn tạp. Khi phải sống với quần chúng, phải sống với sự hỗn tạp, thật không dễ gì đe tác ý đến giáo pháp của các đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ua, không đáng thích, không khả ý5 ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến5 để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị đói kém, ta sẽ sống được thoải mái?5 Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ ba này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay loài người sống với nhau thuận hòa, hoan hỷ với nhau, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Nhimg rồi đến thời có sự sợ hãi về nạn cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe đê đi uôn nơi nào có sự sợ hai, dân chúng di cư đên chô có sự an ôn. Tại đây, phải sông với quân chúng, phải sống với sự hỗn tạp, thật không dễ sống với quần chúng, sống với sự hỗn tạp. Trong khi sống với quần chúng, sống với sự hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật? thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa5 không đáng thích, không khả ý, ta phải hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt. để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nêu thành tựu trạng thái ây, dâu có gặp sự sợ hãi? ta sẽ sống được thoải mái.,?

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 579

Wcác Tỷ-kheo? dor quán thấy sự sợ hãi thứ tư này về tương lai, như vậy 9 ___ e \ 9

là vừa đủ đê Tỷ-kheo sông không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cân đế chứng đạt những gì chưa chứng dạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng dăc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay chúng Tăng hòa hợp, cùng nhau hoan hỷ, không tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Nhưng rồi đến thời chúng Tăng chia rẽ. Khi chúng Tăng chia rẽ, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật. Thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng

núi? cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ua, không đáng thích, không khả ý5 ta hãy hăng hái tinh càn trước khi thời ấy đến5 để chứng đạt những gì chưa chứng đạt... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu chúng Tăng có chia rẽ, ta vẫn sẽ sống được thoải mai." Này các Tỷ-kheo? do quán thấy sự sợ hãi thứ năm này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo? do quán thây năm sự sợ hãi này vê tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. IX. KINH Sự SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ BA (Tatiyaanãgatabhayasuttà) (A. III. 105) 79. Có năm sự sợ hãi về tương lai, này các Tỷ-kheo, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng; sau khi rõ biêt, cân phải tinh tân đoạn trừ chúng. Thê nào là năm? Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vị Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập5 tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ truyền Đại giới cho các người khác, họ sẽ không có thê huân luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập9 tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ truyền Đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới? trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập9 tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 do Pháp ô nhiễm nên Luật bị ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo? đây là sự sợ hãi thứ nhât vê tương lai, nay chưa sanh khởi nhimg sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ây. Sau khi hoàn toàn rõ biêt, các ông cân phải tinh tân đê đoạn trừ sự sợ hãi ây.

580 KINH TĂNG CHI Bộ

Lại nữa9 này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tap, tâm không tu tập9 tuệ không tu tập. Với thân không tu tập5 giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm Y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm5 trong tăng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ây, do thân không tu tap, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm Y chỉ sư cho những người khác, họ không có thê huân luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi nhrnig sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập5 giới không tu tập, tâm không tu tập? tuệ không

tu tập. Do than khong tu tap, giới kh6ng tu tap, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, khi họ thuyết về Thắng pháp hay về Quảng thuyết (Vedallă). họ rơi vào hắc pháp, không có thê giác ngộ rõ ràng. Này các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự sợ hãi thứ ba vê tương lai, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tap, tuệ không tu tập5 đối với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sau5 ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến tánh không; khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải; họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tap, cần phải học thuộc lòng. Còn những kinh điển do các thi sĩ làm9 những bài thơ với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử thuyết; khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lóng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập5 cần phải học thuộc lòng. Này các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ tư vê tương lai, nay chưa sanh khởi nhtmg sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ây. Sau khi hoàn toàn rõ biêt, các ông cân phải tinh tân đê đoạn tận sự sợ hãi ây. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nên các trưởng lão

Tỷ-kheo ấy sẽ sống đầy đủ? biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa5 từ bỏ gánh nặng viên ly, không có hăng hái tinh tân đê chứng đạt những gì chưa chứng đạt, đê chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tà kiến của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ9 biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặiiẸ viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tân đê chứng đạt những gì chưa chứng dạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy. Này các Tỷ-kheo, năm sự sợ hãi vê tương lai này5 nay chưa sanh khởi nhimg sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cân phải tinh tân để đoạn tận những sự sợ hãi ấy. X. KINH Sự SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ TƯ (Catutthaanãgatabhayasutta) (A. III. 108) 80. Có năm sự sợ hãi về tương lai này5 hiện chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy. Này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đống rác; họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú

xứ xa vắng; họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo5 họ sẽ rơi vào những hành vi tầm cầu không thích hợp. Này các Tỷ-kheo? đây là sự sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông càn phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ây. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muôn các đồ ăn khất thực ngon lành. Do họ tham muốn các đồ ăn khất thực ngon lành5 họ sẽ từ bỏ nếp sống khất thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đây5 tìm câu các món ăn thượng vị hợp với đâu lưỡi. Do nhân đô ăn khât thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp. Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông càn phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ây.

582 KINH TẢNG CHI Bộ

Lại nữa? này các Tỷ-kheo? những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt dẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp. Này các Tỷ-kheo? đây là sự sợ hãi thứ ba về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhimg sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ây. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, các Chánh học nữ, các Sa-di-ni. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, Chánh học nữ, Sa-di-ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh5 hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục. Này các Tỷ-kheo5 đây là sự sợ hãi thứ tư vê tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết5 các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ây. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn, với các Sa-di. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo? được chờ đợi là: Họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối vởi các sản phẩm trồng trọt. Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy. Năm sự sợ hãi về tương lai này, này các Tỷ-kheo, hiện nay chưa sanh khởi nhimg sẽ sanh khởi trong tương lai? các ông cân phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 583

IX. PHẨM TRƯỞNG LÃO (THERAVAGGA)

I. KINH KHẢ ÁI (Rạiantyasutta) (4 IIL 110) 81. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ5 không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Bị tham ái bởi những gì khả ái, bị hiềm hận bởi những gì đáng hiềm hận? bị si mê bởi những gì đáng si mê, bị phẫn nộ bởi những gì đáng phẫn nộ, bị say đắm bởi những gì đáng say đắm. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ? không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ? được ưa thích, được tôn trọng? được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không bị tham ái bởi những gì khả ái? không bị hiềm hận bởi những gì đáng hiềm hận, không bị si mê bởi những gì đáng si mê, không bị phẫn nộ bởi những gì đáng phẫn nộ? không bị say đắm bởi những gì đáng say đăm. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ5 được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

II. KINH LY THAM (Vĩtarãgasutta) (Å. III. 111) 82. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ? không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không ly tham, không ly sân, không ly si, hư ngụy và não hại. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được kính trọng, không được làm gương để tu tập. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ? được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Ly tham, ly sân, ly si, không hư ngụy và không não hại. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với

các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ9 được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. III. KINH LỪA ĐẢO (Kuhakasuttd)(A.m. 111) 83. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ5 không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Lừa đảo (kuhaka}^ siểm nịnh (lapakoỴ hiện tướng (nemittika), gièm pha, lấy lợi cầu lợi. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đông Phạm hạnh không được ái mộ5 không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương đê tu tập. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đông Phạm hạnh được ái mộ9 được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Khôĩiệ lừa đảo, không siểm nịnh, không hiện tướng, không gièm pha, không lây lợi câu lợi. Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. IV. KINH KHÔNG CÓ LÒNG TIN (Assaddhasutta)94 95 (4 III. 112) 84. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đông Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa

thích, không được tôn trọng, không được làm guơng để tu tập. Thế nào là năm? Không tín, không hổ thẹn, không biết sợ tội lôi5 bieng nhác và ác tuệ.96 Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ9 không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ5 được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Có lòng tin, có hổ thẹn, có biết sợ tội lỗi5 tinh cân tinh tân và có tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ? được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. V. KINH KHÔNG KHAM NHẪN (Akkhamasutta) (Ả. III. 112) 85. (Như kinh trên5 chỉ khác về năm pháp: "Không kham nhẫn đối với các sắc, không kham nhẫn đối với các tiếng, không kham nhẫn đối với các hương, không kham nhẫn đôi với các vị, không kham nhẫn đối với các xúc." Còn về

94 Xem D. L8; Vỉsm. 23. 95 Bản tiếng Anh của PTS: Faith, nghĩa là Lòng tin. 96 Xem^. V. 101; D III. 252; MI. 43; y II. 159.

năm thiện pháp là: “Kham nhân đôi với các săc... các tiêng... các hương... các vị... các xúc") VI. KINH VÔ NGẠI GIẢI (Patisambhidãpattasutta) (A. III. 113) 86. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Đạt được Nghĩa vô ngại giải; đạt được Pháp vô ngại giải; đạt được Từ vô ngại giải; đạt được Biện tài vô ngại giải; đối với các sự việc, các vị đồng Phạm hạnh cần phải làm, hoặc lớn hay nhỏ, vị ấy thiện xảo5 không có biếng nhác, thành tựu trí phương tiện, ở đây vừa đủ để làm, vừa đủ để khiến người làm. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được khả ý5 được tôn trọng, được làm gương để tu tập. VII. KINH BẬC GIỚI HẠNH (Sĩỉavantasutta)91 (A.ĩĩỉ. 113) 87. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ5 được ưa thích, được tôn trọng? được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Vị trưởng lão có giới5 sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp.97 Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được 9899 nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sông Phạm hạnh hoàn toàn đây đủ, thanh tịnh; những pháp ây, vị ây đã nghe nhiêu, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã5 ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ5 không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác." Vị ấy chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc5 chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 đem đến hiện tại lạc trú. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ5 được ưa thích, được tôn trọng, được làm

gương để tu tập. VIII. KINH VỊ TRƯỞNG LÃO (Therasutta) (4 III. 114) 88. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Thế nào là năm?

97 Bản tiếng Anh của PTS: Virtue, nghĩa là Giới đức. 98 Xem 4 IV. 140; D. III. 78; It. 96. 99 Xem4 IV. 279; D. III. 115; M. II. 166.

Vị trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày. Vị ấy được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia doanh vây. Vị ây nhận được các vật dụng cân thiêt như y, đô ăn khât thực5 sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Vị ây là bậc nghe nhiêu, thọ trì điêu được nghe, tích tập điêu được nghe; các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, đê cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đây đủ? thanh tịnh; những pháp ây, vị ây đã nghe nhiêu, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiên. Vị ây có tà kiên, có tri kiên điên đảo; vị ây làm cho nhiêu người từ bỏ Diệu pháp, chấp nhận phi Diệu pháp. Vì vị Tỷ-kheo trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì vị ấy được nhiều người biết đến? có danh vọng, được một số đông ngiròi tại gia, xuất gia đoanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị ây nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích? hạnh phúc? an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là năm? Vị trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày. Vị ấy được nhiều người biết đến5 có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây. Vị ây nhận được các vật dụng cân thiêt như y, đô ăn khât thực? sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Vị ây là bậc nghe nhiêu, thọ trì điêu được nghe, tích tập điêu được nghe; các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đay đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo; vị ấy làm cho nhiều người từ bỏ phi Diệu pháp, chấp nhận Diệu pháp. Vì vị Tỷ-kheo trưởng lão là bậc kỳ cựu xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiên vị ây. Vì vị Tỷ-kheo trưởng lão đã được nhiêu người biêt đên, có danh vọng, được số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây, nhiều người làm

theo tri kiên vị ây. Vì răng vị Tỷ-kheo trưởng lão nhận được các vật dụng cân thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị Tỷ-kheo trưởng lão là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều

được nghe5 nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa s6, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. IX. KINH VỊ HỮU HỌC THỨ NHẤT (PaḶhamasekhasutta) (4 III. 116) 89. Năm pháp, này các Tỷ-kheo5 khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm? Ưa sự nghiệp, ưa đàm luận, ưa ngủ5 ưa có quần chúng, không quán sát tâm như đã được giải thoát. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 không khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm? Không ưa sự nghiệp, không ưa đàm luận? không ưa ngủ, không ưa có quần chúng, quán sát tâm như đã được giải thoát. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo? không khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. X. KINH VỊ HỮU HỌC THỨ HAI (Dutìyasekhasutta) (4 III. 116) 90. Năm pháp5 này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo Hữu học có nhiều công việc? có nhiều việc phải làm, khéo léo trong công việc phải làm5 từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ nhất khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học suốt ngày làm những công việc nhỏ nhặt, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ hai khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo Hữu học sống liên hệ nhiều với các vị tại gia và xuất gia, hệ lụy với các sự việc tại gia không thích đáng, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ ba khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo Hữu học đi vào làng quá sớm? từ giã làng quá muộn, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ tư khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm5 như các câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp? câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về Giới, câu chuyện về Định, câu chuyện về Tuệ, câu chuyện về Giải thoát, câu chuyện về Giải thoát tri kiến; các câu chuyện ấy, vị ấy có được có khó khăn, có được có mệt nhọc, có được có phí sức. Vị ấy từ

bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ năm khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối 9 r chuyên. Thê nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo Hữu học không có nhiều công việc, không có nhiều việc phải làm9 không khéo léo trong công việc phải làm, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ nhất không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo Hữu học không suốt ngày làm những công việc nhỏ nhặt? không từ bỏ độc cư thiên tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ hai không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo Hữu học không sông liên hệ nhiêu với các vị tại gia và xuất gia, không hệ lụy với các việc tại gia không thích đáng, không từ bỏ độc cư thiền tịnh5 chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ ba không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học không đi vào làng quá sớm, không từ giã làng quá

muộn, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ tư không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo Hữu học đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp, câu chuyện về tinh càn tinh tân, câu chuyện vê giới, câu chuyện vê định, câu chuyện vê tuệ, câu chuyện vê giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, không từ bỏ độc cư thiền tịnh? chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ năm không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiên vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

X. PHẨM KAKUDHA (KAKUDHAK4GGA)

I. KINH ĐẦY ĐỦ THỨ NHẤT (PaḶhamasampadãsutta) (Ắ. IIL 118) 91. Này các Tỷ-kheo, có năm đầy đủ này. Thế nào là năm? Tín đầy đủ, giới đầy đủ5 nghe đầy đủ5 thí đầy đủ? tuệ đầy đủ. Này các Tỷ-kheo? đây là năm đầy đủ. II. KINH ĐÀY ĐỦ THỨ HAI (Dutiyasampadãsutta) (A. III. 119) 92. Này các Tỷ-kheo, có năm đầy đủ này. Thế nào là năm? Giới đầy đủ? định đầy đủ, tuệ đẫy đủ? giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, đây là năm đầy đủ. IIL KINH TRẢ LỜI (Byãkaranasutta) (A. III. 119) 93. Này các Tỷ-kheo, có năm cách trả lời về chánh trí này. Thế nào là năm? Vì đân độn, vì ngu si trả lời vê chánh trí; vì ác dục, vì bị dục chi phôi trả lời vê chánh trí; vì kiêu mạn, vì tâm tán loạn trả lời vê chánh trí; vì tăng thượng mạn trả lời về chánh trí; vì hoàn toàn chơn chánh trả lời về chánh trí. Này các Tỷ-kheo, có năm cách trả lời về chánh trí này. IV. KINH LẠC TRÚ (Phãsuvihãrasuttd) (A. III. 119) 94. Này các Tỷ-kheo? có năm lạc trú này. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo: Vị Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiến thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... Thiền thứ hai... Thiên thứ ba... Thiên thứ tư... Do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo? những pháp này là năm lạc trú. V. KINH BẤT ĐỘNG (Ạkuppasuttd) (4 III. 119) 95. Thành tựu nam pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.100 Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được Nghĩa vô ngại giải, đạt được Pháp vô ngại giải, đạt được Từ vô ngại giải, đạt được Biện tài vô ngại giải, quán sát tâm như đã được giải thoát.

100 Akuppa. AA. III. 277: Akuppantỉ arahattam ("Bất d0ng" tức chỉ cho trạng thái không dao động của bậc A-la-hán).

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động. VI. KINH THỌ TRÌ PHÁP ĐÃ NGHE (Sutadharasutta) (Ả. III. 120) 96. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo: Tỷ-kheo muốn không có nhiều, công việc không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với

những nhu yếu ở đời; ăn uống ít5 không chuyên lo về bao tử; ít thụy miên5 chuyên chú trong giác tỉnh; nghe nhiều, thọ trì nhiều, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp ây, Tỷ-kheo đã nghe nhiêu, đã năm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiêu lân, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến; quán sát tâm như đã được giải thoát. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành niệm hơi thở vô hơi thở ra5 không bao lâu thể nhập vào bất động.

VIL KINH NÓI CHUYỆN (Kathãsutta) (A. III. 120) 97. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra9 không bao lâu thể nhập vào bất động. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo: Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời; ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử; ít thụy miên? chuyên chú vào giác tỉnh; đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như câu chuyện về ít dục5 câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc? có được không phí sức; Vị ấy quán sát tâm như đã được giải thoát. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra? không bao lâu thể nhập vào bất động.

VIII. KINH SỐNG Ở RỪNG (Ảrannakasutta) (Ả. III. 121) 98. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn niệm hơi thở vô hơi thở ra5 không bao lâu thế nhập vào bất động. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời; ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử; ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh; sống ở trong rừng, sống tại các trú xứ xa vắng; quán sát tâm như đã được giải thoát. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn niệm hơi thở vô hơi thở ra5 không bao lâu thể nhập vào bất động.

CHƯƠNG V. NÀM PHÁP 591

IX. KINH CON Sư TỬ (Sĩhasutta) (A. III. 121) 99. Con sư tử5 này các Tỷ-kheo5 vào buôi chiêu, từ hang đi ra; sau khi từ hang đi ra, nó duỗi chân; sau khi nó duỗi chân, nó ngó xung quanh cả bốn phương; sau khi nó n§6 xung quanh cả bôn phương, ba lân nó rống tiếng rốnệ con sư tử; sau khi ba lân rống tiếng rống con sư tử, nó ra đi tìm mồi. Nếu nó vô băt con voi, nó vô băt rât cân thận chu đáo, không phải không cân thận chu đáo. Nếu nó vồ bắt con thủy ngưu (mahisa), nó vồ bắt rất cẩn th chu đáo5 không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu nó vồ bắt con báo, nó vồ bắt rất cẩn thận chu đáo, không phải không cân thận chu đáo. Nêu nó vô băt các con vật nhỏ khác như thỏ hay mèo, nó vồ bắt rất cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Vì cớ sao? "Mong rằng uy lực của ta không có thất bại.” Con sư tử, này các Tỷ-kheo, là đông nghĩa với bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác. Khi Như Lai thuyêt pháp cho hội chúng, tức là rông tiêng rông con sư tử. Này các Tỷ-kheo, nếu Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo9 Như Lai thuyết pháp hêt sức cẩn thận chu đáo5 không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như

Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo-ni5 Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng nam cư si, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu dáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng nữ cư sĩ5 Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo5 không phải không cẩn thận chu đáo. Nêu Như Lai thuyêt pháp cho các hàng phàm phu, cho đên các người băt chim hay xin ăn, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu dáo, không phải không cân thận chu đáo. Vì cớ sao? Vì Như Lai là bậc tôn trọng Pháp, này các Tỷ-kheo5 là bậc tôn kính Pháp. X. KINH TÔN GIẢ KAKUDHA (Kakudhatherasuttd) (A, III. 122) 100. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ5 Kakudha, người xứ Koliya, là thị giả của Tôn giả Mahãmoggallãna, vừa mệnh chung và sanh ra với một thân do ý tạo, thân ấy với tự thể có được [to rộng] ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha.101 Vị ấy, với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh. Rồi thiên tử Kakudha đi đến Tôn giả Mahãmoggallãna; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi đứng một bên. Thiên tử Kakudha thưa với Tôn giả Mahãmoggallãna: Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: "Ta sẽ lãnh đạo chìing Tang?9 Với tâm khởi lên như vậy, thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thoi thất. Thiên tử Kakudha nói lên như vậy, nói như vậy xong, đảnh lễ Tôn giả Mahâmoggallãna, thân phía hữu hướng về ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahãmoggallãna bạch Thế Tôn:

101 Chủ giải'. Tigãvuta tức khoảng 6 dặm.

Bạch Thế Tôn, Kakudha, người xứ Koliya, là thị giả của con, vừa mệnh chung và sanh ra102 với thân do ý tạo thành, thân ấy với tự thể có được [to rộng] ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha. Vị ấy với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh. Rồi thiên tử Kakudha đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, bạch Thế Tôn, thiên tử Kakudha thưa với con: "Thưa Tôn giả5 Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: 'Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng. Với tâm khởi lên như vậy, thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối that?9 Thiên tử Kakudha, bạch Thế Tôn, nói lên như vậy. Nói như vậy xong, thiên tử Kakudha đảnh lễ con rồi thân phía hữu hướng vê con rôi biên mât. Này Moggallãna, có phải ông với tâm của mình biêt được tâm của thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác dugc"? Bạch Thế Tôn, với tâm của con, con biết được tâm của thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác dug” Này Moggallãna, hãy phòng hộ lời nói này! Này Moggallãna, hãy phòng hộ lời nói này! Nay kẻ ngu si ấy sẽ tự mình thấy rõ mình. Này Moggallãna, có năm bậc Đạo sư này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm? Ở dây, này Moggallãna, có vị Đạo sư giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.,, Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "T6n giả Đạo sư này có giới không thanh tịnh5 lại tự nghĩ rằng: 'Ta có giới

thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm.9 Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư sẽ không băng lòng. Và nêu vị ây không băng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được.95 Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy5 này Moggallãna, các đệ tử che chở giới cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở về giới cho mình. Lại nữa, này Moggallãna, ở đây có bậc Đạo sư mạng sống không thanh tịnh lại tự cho răng: “Ta có mạng sông thanh tịnh. Mạng sông của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.,, Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: Tôn giả Đạo sư này có mạng sống không thanh tịnh lại tự nghĩ rằng: 'Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh5 trong sáng, không uế nhiễm.9 Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư ấy không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới dugc." Và vị ây nhận được các vật dụng nhu yêu như y, đô ăn khât thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy,

102 Upapanna. Xem A. IV. 225. Chữ này dùng tương phản với paccặiãta đối với hữu tình phải tái sanh vào một chỗ khác, không phải ở đây.

này Moggallãna, các đệ tử che chở mạng sông cho bậc Đạo su, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở mạng sống cho mình. Lại nữa, này Moggallãna, ở đây có bậc Đạo sư thuyết pháp không thanh tịnh lại tự cho rằng: “Ta thuyết pháp thanh tịnh. Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiMm." Nhimg các đệ tử biết về vị ấy như sau: Tôn giả Đạo sư này thuyết pháp không thanh tịnh lại tự nghĩ rằng: cTa thuyết pháp thanh tịnh. Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm.9 Neu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư ấy sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới âược^ Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biêt do việc làm ấy. Như vậy5 này Moggallãna, các đệ tử phòng hộ cho sự thuyết pháp của bậc Đạo sư? và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở cho sự thuyết pháp của mình. Lại nữa, này Moggallãna, ở đây có bậc Đạo sư trả lời không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta trả lời thanh tịnh. Sự trả lời của ta thanh tịnh5 trong sáng, không có uế nhiễm.Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: 66Vị Tôn giả Đạo sư này trả lời không thanh tịnh lại nghĩ rằng: 'Ta trả lời thanh tịnh. Sự trả lời của ta thanh tịnh5 trong sáng, không uế nhiễm/ Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư ấy sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới duẹxc.” Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy5 này Moggallãna, các đệ tử che chở cho sự trả lời của bậc Đạo sư5 và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở cho sự trả lời của mình. Lại nữa, này Moggallãna, ở đây có bậc Đạo sư tri kiên không thanh tịnh lại tự cho rằng: “Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế

nhiễm.,, Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: Tôn giả Đạo sư này tri kiến không thanh tịnh lại tự nghĩ rằng: 'Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sáng5 không có uế nhiễm.9 Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biêt như vậy thời vị Đạo sư sẽ không băng lòng. Và nêu vị ây không băng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới đượcy Và vị ấy nhận được các vật r • L -r-i dụng nhu yêu như y, đô ăn khât thực5 sàng tọa? dược phâm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm5 tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallãna, các đệ tử che chở cho tri kiến của bậc Đạo sư và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở cho tri kiến của mình. Này Moggallãna, Ta có giới thanh tjnh, và Ta tự rõ biết: "Giới của Ta thanh tinh, trong sáng, không có uê nhiêm.Các đệ tử không có che chở cho Ta vê giói, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về giới. Mạng sống của Ta thanh tịnh? Ta tự rõ biết: "Mạng sống của Ta thanh tịnh5 trong sáng, không có uế nhiễm.,, Các đệ tử không có che chở Ta về mạng sống, và Ta không có chờ đợi

Ấ. các đệ tử che chở cho Ta vê mạng sông. Sự thuyêt pháp của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Sụ* thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.,^ Các đệ tử không có che chở Ta về thuyết pháp, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về thuyết pháp. Các câu trả lời của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: “Các câu trả lời của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm." Các đệ tử không có che chở Ta về các câu trả lời, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về các câu trả lời. Tri kiến của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.,, Các đệ tử không có che chở Ta về tri kiến, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về tri kiến.

XI. PHẢMANÔNTRÚ (PHẴSUVIHẴRAK4GGA)

I. KINH ĐÁNG SỢ HÃI (Sarajjasutta) (Ả. III. 127) 101. Này các Tỷ-kheo? có năm pháp này làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Điều gì làm cho kẻ không có lòng tin sợ hãi, này các Tỷ-kheo? điều ấy không làm cho người có lòng tin sợ hãi; do vậy5 pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ có ác giới sợ hãi, này các Tỷ-kheo? điều ấy không làm cho người có giới sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ ít nghe sợ hãi? này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người nghe nhiều sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ biếng nhác sợ hãi, này các Tỷ-kheo? điều ấy không làm cho người tinh cần tinh tấn sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ có ác tuệ sợ hãi? này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người có trí tuệ sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 là các pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. II. KINH ĐÁNG NGHI NGỜ (Ussankitasuttà) (A. III. 128) 102. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo bị mât sự tin tưởng và bị

nghi ngờ là ác Tỷ-kheo? dầu cho vị ấy đã đạt được bất động.103*Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-ldieo đi đến chỗ dâm nữ,i°4 đi đến nhà đàn bà g6a, đi đến nhà có con gái lớn tuổi, hay đi đến nhà các hoạn quan, hay đi đến chỗ các Tỷ-kheo-ni. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo bị mât sự tin tưởng và bị nghi ngờ là ác Tỷ-kheo? dầu cho vị ấy đã đạt được bất động.

103 Nguyên bản là apỉ akuppadhama, Akuppa tức là vị đã đoạn tận các lậu hoặc. AA. III. 278: Api akuppadhammopĩtỉ apỉ akụppadhammo khĩnãsavo samãnopỉ parehi pãpabhikkhũhi ussankỉtaparisankỉto hotĩtỉ attho ("Dâu cho vị ây đã đạt được bât động,9 có nghĩa là dâu cho vị ây không dao động, đang là bậc đoạn tận lậu hoặc, mà bị mất tin tưởng và bị nghi ngơ là bởi các ác Tỷ-ídieo khac). 1° Xem vỉn. I. 70; Vbh. 246.

IIL KINH KẺ ĂN TRỘM LỚN (Mahãcorasutta) (A. III. 128) 103. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo5 một kẻ ăn trộm lớn105 xâm nhập vào nhà cửa, mang đồ ăn trộm ra đi, thành người ăn trộm riêng rẽ? thành kẻ cướp chặn đường. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự hiểm trở [của con đường], dựa vào sự rậm rạp [của núi rừng], dựa vào quyền thế5 là kẻ hối lộ, là kẻ ăn trộm một mình. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự hiểm trở? Ở dây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn dựa vào các con sông khó lội qua hay núi non hiểm trở. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự hiểm trở. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự rậm rạp? Ở đây? này các Tỷ-kheo? kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự rậm rạp của cỏ cây, bụi cây và rừng rậm hoang vu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự rậm rạp. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào uy lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo? kẻ ăn trộm lớn dựa vào vua hay các vị đại thần của vua. Người ấy suy nghĩ như sau: “Nếu có ai nói điều gì về ta, các vị vua này hay các vị đại thần của vua sẽ nói những lời che chở cho ta." Nếu có ai nói điều gì về người ấy, các vua và các vị đại thần sẽ nói những lời che chở cho người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn dựa vào uy lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào hối lộ tài sản? Ở dây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn giàu có, có tiền của nhiều, có tài sản lớn. Người ấy nghĩ như sau: uNeu có ai nói gì đen ta, từ nay ta sẽ hối lộ người ấy với tài sĨ1." Nấu có người nói gì đến người ấy, người ấy liền hối lộ với tài sản. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là kẻ ăn trộm lớn hối lộ với tài sản. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn, là kẻ ăn trộm riêng rẽ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có kẻ ăn trộm lớn đoạt các tài vật một mình. Vì cớ sao? Người ấy suy nghĩ: “Mong rằng không ai bàn bạc chỗ trốn với ta rồi làm ta rối loạn.” Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là kẻ ăn trộm lớn, là kẻ ăn trộm riêng rẽ. Thành tựu năm chi phần này, kẻ ăn trộm lớn xâm nhập vào nhà cửa5 mang đồ ăn trộm ra di, thành người ăn trộm riêng rẽ, thành người cướp chặn đường. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, kẻ ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như kẻ mất gốc, bị tổn thương, có tội lỗi, bị những bậc trí quở trách, và làm nhiều điều vô phước. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo dựa vào hiểm trở5 dựa vào rậm rạp? dựa vào uy lực, hối lộ tài sản và hành động một mình. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào hiểm trở?

105 Xem 153; Vin. II. 89.

Ở dây, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo thành tựu thân nghiệp hiểm nạn? thành tựu ngữ nghiệp hiểm nạn, thành tựu ý nghiệp hiểm nạn. Như vậy, này các Tỷ- kheo5 là ác Tỷ-kheo dựa vào hiểm trở. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 ác Tỷ-kheo có tà kiến và thành tựu tri kiến cực Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm. đoan.106107 Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào uy lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo dựa vào vua và các vị đại thần của vua. Người ây suy nghĩ: uNêu có ai nói gì vê ta, các vua ây và các đại thân ây sẽ nói lời với mục đích che chở cho ta." Nếu có ai nói gì về người ấy, các vua chúa hay các vị đại thân của vua, nói lời với mục đích che chở người ây. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là ác Tỷ-kheo dựa vào uy lực. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là ác Tỷ-kheo hối lộ tài sản? Ở dây, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: “Nếu có ai nói gì về ta, ta sẽ hối lộ người ấy với vật dụng thâu được.,, Và nếu có người nói gì về người ấy, người ấy hối lộ với vật dụng thâu được. Như vậy, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo hối lộ với tài sản. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là ác Tỷ-kheo hành động một mình? Ở đây, này các Tỷ-kheo? ác Tỷ-kheo sống một mình tức là ở các địa phương biên địa. Tại dấy, vị ấy đến các gia đình và nhận được các lợi dưỡng. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là ác Tỷ-kheo hành động một mình. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như người bị mất gốc, bị tổn thương, có phạm tội, bị các người trí quở trách và làm nhiều điều vô phước. IV. KINH SA-MÔN TINH TẾ (Samanasukhumãlasuttd)^ (A. III. 130) 104. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5108 Tỷ-kheo là người đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo được yêu cầu hưởng thụ nhiều y áo, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thụ nhiều đồ ăn khất thực, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thụ nhiều sàng tọa, không phải ít yêu cầu; được yêu câu hưởng thụ nhiêu dược phâm trị bệnh? không phải ít yêu câu. Vị này sống với các vị đồng Phạm hạnh, và các vị này xử sự đối với vị ấy với thân hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý; xử sự với khẩu hành nhiều

106 Antaggãhikãya. AA. III. 279: Ạntaggãhikãyãtì sassatam vã ucchedam vã gahetvã thỉtãya ("Tri kiến cực đoàĩ? nghĩa là quan điểm chấp vao sự thường còn hoặc sự đoạn diệt). Xem D. 1, Brahmcyãla Sutta (Kỉnh Phạm võng), DA. 1. 107 Bản tiếng Anh của PTS: He Who Graces, nghĩa ìằ Vị ấy là người đem lạỉ an lạc. 108 Xem 4 II. 87; GS. II. 97 (kinh 87 ở trước) đoạn nói về 4 pháp; s. IV. 230.

khả ý? không phải ít khả ý; xử sự với ý hành nhiều khả ý5 không phải ít khả ý. Những vị này giúp đỡ vị ấy với sự giúp đỡ nhiều khả ý5 không phải ít khả ý. Và những cảm thọ nào do mật khởi lên, do đàm khởi lên, do ệió khởi lên5 hay do sự phoi hợp [của ba sự kiện trên], hay do sự thay đổi thời tiet5 hay do sự săn sóc bất cẩn, hay do sự xâm nhập

của một vài sự kiện,109 hay do kết quả của nghiệp, những sự kiện ấy khởi lên không có nhiều; vị ấy ít bệnh hoạn. Và đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, [vị ấy] chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ây ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ9 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo là người đem lại sự an lạc của Sa-môn cho các hàng Sa-môn. Này các Tỷ-kheo5 nếu có ai nói một cách chơn chánh về vị đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn9 thời này các Tỷ-kheo9 vị ấy sẽ nói một cách chơn chánh về Ta là người đã đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn. Này các Tỷ-kheo9 Ta là người được yêu câu hưởng thọ nhiêu y áo, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thọ nhiều đồ ăn khất thực5 không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thọ nhiều sàng tọa, không phải ít yêu cầu; được yêu câu hưởng thọ nhiêu dược phâm trị bệnh9 không phải ít yêu câu. Ta sống với các vị đồng Phạm hạnh và các vị này xử sự đối với Ta với thân hành nhiều khả y, không phải ít khả ý; xử sự với khau hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý; xử sự với ý hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý. Những vị này giúp đỡ Ta với sự giúp đỡ nhiều khả ý, không phải ít khả ý. Và những cảm thọ do mật khởi lên, do đàm khởi lên, do gió khởi lên hay do sự phối hợp của ba sự kiện trên, hay do sự thay đổi thời tiết, hay do sự săn sóc bất cản, hay do sự xâm nhập của một vài sự kiện, hay do kết quả của nghiệp, những sự kiện ấy khởi lên nơi Ta không có nhiều; Ta có ít bệnh hoạn. Và đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo? nếu có ai nói một cách chơn chánh về vị đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn9 thời này các Tỷ-kheo, vị ấy sẽ nói một cách chơn chánh về Ta là người đã đem lại an lạc của vị Sa-môn cho các vị Sa-môn. V. KINH AN ỔN TRÚ (Phãsuvihãrasutta) (A. III. 132) 105. Này các Tỷ-kheo, có năm an ổn trú110 này, thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo: Tỷ-kheo an trú từ thân nghiệp đối với các vị đồng

109 OpakkamỉkãnÈ Như một vài chứng bệnh. 110 về điều kiện thứ 4, xem Á. III. 32; V. 179. về điều kiện thứ 5, xem D. I. 235; II. 88; M. I. 69.

Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; An trú từ khẩu nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; An trú từ ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; Đoi với các giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ? không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán? không bị chấp thiỉ, đưa đến thiền định, vị ấy sống thành tựu các giới như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau Ixmg; Và đối với tri kiến thuộc bậc Thánh, đưa đến xuất ly5 được người thưc hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu tri kiến như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm an ôn trú. VI. KINH TÔN GIẢ ÃNANDA (Ẫnandasutta) (A. III. 132) 106. Một thời, Thế Tôn ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi

đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú? -Này Ãnanda, khi nào vị Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới. Cho đến như vậy, này Ãnanda, chúng Tỷ- kheo sống an ổn trú. Bạch Thế Tôn? có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú? FT-1 /\ f • The Tôn nói: Có thể có, này Ãnanda, khi nào Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới5 tự quán sát mình? không quán sát người khác. Cho đến như vậy? này Ãnanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú. Bạch Thế T6n, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú? rT^-1 A A _ _ r • The Ton noi: Có thể có, này Ananda, khi nào vị Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự quán sát minh, không quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiếng, và không cảm thấy bực phiền vì không được có danh tiếng. Cho đến như vậy, này Ãnanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú. Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú? rfni_ Ặ fT _ _ / *

The Ton nói: Có thể có, này Ãnanda, khi nào Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới? tự quán sát mình, khônẹ quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiêng, và không cảm thây bực phiên vì không được có danh tiếng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng

được khônệ khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Cho đến như vậy, này Ãnanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú. Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú? The Ton nói: Có thể c6, này Ãnanda, khi nào Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới5 tự quán sát mình, khônẸ quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiêng, và không cảm thây bực phiên vì không được có danh tiếng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn5 chứng được không mệt nhọc5 chứng được không phí sức; do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Cho đến như vậy5 này Ãnanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú. Ngoài các an ôn trú này, này Ananda, Ta tuyên bô không có một an ôn trú nào khác cao thượng hơn, thù diệu hơn. VII. KINH CÓ GIỚI (Sĩỉasutta) (4 III. 134) 107. Thành tựu năm pháp? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo dáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường? đáng được chăp tay5 là vô thượng phước điên ở đời. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo dáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. VIII. KINH VÔ HỌC (Asekhasutta) (A. III. 134) 108. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáĩiậ được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô

học giải thoát tri kiến uẩn. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điên ở đời. IX. KINH NGƯỜI BỐN PHƯƠNG (Cãtuddisasutta) (A. III. 135) 109. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bốn phương. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 601

Vị ây là bậc nghe nhiêu, thọ trì điêu đã được nghe, tích tập điêu đã được nghe; đôi với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn9 có nghĩa, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; các pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì nhiều, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến.111 Vị ấy biết đủ112113 với các vật dụng nhu yếu như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, vị ấy chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức. Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ây ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo là người bốn phương. X. KINH SỐNG Ở RỪNG (Arannasutta)n3 (A. III. 135) 110. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sử dụng sàng tọa [trú xứ] thuộc rừng núi cao nguyên xa vắng. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới... (xem kinh 109)... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là bậc nghe nhiều... chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến; sông tinh cần tinh tấn... nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đôi với các thiện pháp; đôi với bôn thiên thuộc tăng thượng tâm9 hiện tại lạc trú, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại5 tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo là vừa đủ để sử dụng các sàng tọa thuộc rừng núi cao nguyên xa vắng.

111 về hai điều kiện đầu này, xem 4 II. 87; GS. II. 97 (kinh 87 ở trước). 112 Xem 4 IV. 233; V. 25, 127; M. II. 6; 5. II. 194. 113 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.21. 0879al0).

602 KINH TĂNG CHI BỘ

XIL PHẨM ANDHAKAVINDA (ANDHAKAVINDAK4GGA)

I. KINH THÂN CẬN CÁC GIA ĐÌNH (Kulũpakasutta) (4 III. 136) 111. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia dinh, không được các gia đình ái mộ? không thích ý, không kính trọng, không noi gương để tu tập. Thế nào là năm? Vị ấy thân mật với người không thân tín,114 can thiệp vào việc không có thâm quyên,115 ra vào với các phân tử chông đôi (yissatthupasevĩ). nói riêng một bên tai (upakannakajappi), xin quá nhiều {atỉyãcanako). Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thân cận các gia đình5 không được các gia đình ái mộ5 không thích ý? không kính trọng, không noi gương để tu tập. Thành tựu năm pháp này, này các

Tỷ-kheo? Tỷ-kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập. Thế nào là năm? Vị ấy không thân mật với người không thân tín, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền, không ra vào với các phần tử chống đối, không nói riêng một bên tai, không xin quá nhiều. Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập. II. KINH SA-MÔN TÙY TÙNG (Pacchãsamanasutta) (A. m, 137) 112. Này các Tỷ-kheo5 thành tựu năm pháp này, một Tỷ-kheo không đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.116 Thế nào là năm? Đi quá xa hay quá gần; không cầm lấy bình bát đã được chứa đầy; không ngăn chặn lời nói đưa đến phạm tội; ngắt lời nói của người khác; ác tuệ, đần độn5 câm điếc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo không đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.

114 Asanthavavỉssãsĩ. AA. III. 280: Asanthavavỉssãsĩtỉ attanã saddhim santhavam akarontesu vỉssãsam anapajjantesuyeya vỉssãsạm karotỉ ("Than mật yới người không thân tín^, nghĩa là tạo sự thân mật nới người không chập nhận kêt thân, không muôn kêt thân với mình). 115 Anissaravỉkappĩ. J- J. AA. III. 280: Anỉssaravỉkappĩti _ _ -L J. anỉssarovạ 7 \ samãno ^imam• detha,7 ỉmam sanhathã^tỉ • oO . / issaror viya vỉkappetỉ (Can thiep vào việc không có thâm quyên nghĩa là hiện không có thâm quyên mà sắp xếp như ngươi dưng đầu rẳng 4tHãy đưa cái này, hãy lẩy cái kip). 116 Một vị ít hạ lạp. Bốn điều kiện đầu, xem Vin. I. 46 (thứ tự có khác). Điều kiện thứ tư, xem 4 III. 392; M. II 122; Sri. 107.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng. Thế nào là năm? Không đi quá xa hay không đi quá gần; cầm lấy bình bát đã được chứa đầy; ngăn chặn lời nói đưa đến phạm tội; không ngắt lời nói của người khác; có trí tuệ, không đần độn9 không câm điếc. Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng. III. KINH CHÁNH ĐỊNH (Sammãsamãdhisutta) (A. IIL 137) 113. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt đến và an trú chánh định. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị? không kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt đến và an trú chánh định. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt đến và an trú chánh định. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc? kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị9 kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có thể đạt đến và an trú chánh định. IV. KINH TẠI ANDHAKAVINDA (Andhakavindasutta) (4 III. 138) 114. Một thòi, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Andhakavinda. TXẦ• • 7 T 1 Ấ Ắ r-pi rp*1 1 Ấ • -4- Ấ 9 1 1 X r-pi rpi À • Ă • Roi Tôn giả Ananda đi đen The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Những Tỷ-kheo nào, này Ãnanda, là tân học xuất gia không bao lâu, mới đên trong Pháp và Luật này, các Tỷ-kheo ây, này Ananda, thật sự cân phải khích lệ, cần phải được hỗ trợ?

cần làm cho an trú trong năm pháp. Thế nào là trong năm pháp? "Hãy đến9 này các Hiền giả, các ông cần phải giữ giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.99 Như vậy, họ cần được khích lệ? cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong sự bảo vệ của Giơi bổn. "Hãy đến, này các Hiền giả, các ông cần phải sống với các căn môn phải được chế ngự? thành tựu với niệm được phòng hộ, với niệm thận trọng sáng suốt, với ý được khéo phòng hộ, với tâm được chánh niệm bảo ve." Như vậy, họ càn được khích lệ, càn được hỗ trợ5 cần làm cho an trú trong sự bảo vệ các căn. "Hãy đến? này các Hiền giả, hãy nói ít lại, hãy hạn chế lời nói.,, Như vậy?

họ cân được khích lệ5 cân phải được hô trợ, cân làm cho an trú trong sự hạn chê lời nói. "Hãy đến, này các Hiền giả, hãy là những người sống trong rừng, hãy sử dụng các trú xứ núi rừng cao nguyên xa vắng." Như vậy, họ cần phải được khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong nêp sống thân viễn ly. "Hãy đên5 này các Hiên giả, hãy có chánh tri kiên, thành tựu chánh kiên.,, Như vậy5 họ cần phải được khích lệ5 cần phải được hỗ trợ5 cần làm cho an trú trong chánh kiến. Này Ãnanda, các Tỷ-kheo nào tân học, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này, này Ananda, các Tỷ-kheo ấy cần phải được các ông khích lệ? cần phải được hỗ trợ? cần làm cho an trú trong năm pháp này.

V KINH XAN LẪN (Maccharínĩsutta) (A. III. 139) 115. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Xan tham về chỗ ở5 xan tham về sự giúp đỡ của các gia đình, xan tham về các vật dụng được cúng dường, xan tham về sự tán thán, xan tham về pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Không xan tham về chỗ ở, không xan tham về sự giúp đỡ của các gia đình, không xan tham về các vật dụng được cúng dường, không xan tham về sự tán thán, không xan tham về pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. VI. KINH TÁN THÁN (Vannanãsutta) (4 III. 139) 116. Thành tựu nmpháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thê nào là năm? Không suy xét9 không thâm sát5 tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét5 không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát? đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín; không suy xét? không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; bác bỏ các vật dụng tín thí. Do thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cối trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; có suy xét9 có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín; có suy xét? có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; không bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. VII. KINH GANH TỴ ựssukinĩsuttd) (A. III. 140) 117. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; ganh tỵ; xan tham; bác bỏ các vật dụng tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cối trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét5 có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; không có ganh tỵ; không có xan tham; không bác bỏ các vật tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. VIII. KINH TÀ KIẾN (Micchãdifíhikasuttd)ni (4 III. 140) 118. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thê nào là năm? Không suy xét, không thâm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; có tà kiến; có tà tư duy; bác bỏ các vật tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; CÓ suy xét, có thâm sát, tán thán người đáng được tán thán; có chánh tri kiên; có chánh tư duy; không bác bỏ các vật tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. IX. KINH TÀ NGỮ (Micchãvãcãsutta)^ (A. III. I4l) 119. (Như kinh 118 ở trên, chỉ có khác trong kinh này: “Tà ngữ, tà ngpiep" thay thế cho “tà kiến, tà tư duy” và "chánh ngữ, chánh nghiep” thay thế cho “chánh tri kiến, chánh tư duy”).

117 Bản tiếng Anh của PTS: View, nghĩa là Kiến. 118 Bản tiếng Anh của PTS: Speech, nghĩa là Lời nói.

606 KINH TĂNG CHI BỘ

X. KINH TÀ TINH TẤN (Micchãvãyãmasutta)^ (A. III. 141) 120; (Như kinh 118 ở trên5 chỉ khác trong kinh này: "Tà tinh tấn, tà niệm^ thay thế cho tà kiến, tà tư duy" và "chánh tinh tấn, chánh niệm,, thay thế cho "chánh tri kiến, chánh tư duy”).

119 Bản tiếng Anh của PTS: Effort, nghĩa là Tỉnh tấn.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 607

xm. PHẨM BỆNH (GILÂNAVĂGGA)

I. KINH BỆNH (Giỉãnasutta) (A, III. 142) 121. Một thời, Thế Tôn trú ở Vèsãli, tại Đại Lâm, giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hành lang người bệnh. Thế Tôn thấy một Tỷ-kheo ốm yếu bệnh hoạn, thấy vậy, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo,

nếu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn thời người ấy được chờ đợi như sau: Không bao lâu? do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm đối với các món ăn? với tưởng không thích thú đối với tất cả thế giới, quán vô thường trong tất cả hành và nội tâm khéo an trú trong tưởng về chết.120 Này các Tỷ-kheo, nêu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ôm yêu bệnh hoạn thời người ấy được chờ đợi như sau: Không bao lâu? do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. II. KINH KHÉO AN TRÚ NIỆM (Satỉsũpafíhitasuttã) (A. III. 143) 122. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo? tu tập5 làm cho sung mãn năm pháp này, một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại được Chánh trí5 hay nêu có dư y chứng quả Bất hoàn. Thê nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo nội tâm được khéo an trú với trí tuệ vê sự sanh diệt của các pháp, sông quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm đối với các món ăn? với tưởng không thích thú đối với tất cả thế giới? quán vô thường đối với tất cả hành. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp này5 làm cho sung mãn năm pháp này, một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ây: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nêu có dư y chứng quả Bất hoàn.

120 Xem 4 III. 83; GS. III. 69 (kinh 71 ở trước).

III. KINH SẢN SÓC BỆNH THỨ NHẤT (PaỊhamaupaỊỊhãkasutta)121122 (A. III. 143) 123. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình không được tôt đẹp. Thê nào là năm? Làm điều không thích đáng; không biết vừa phải trong khi chữa trị; không sử dụng thuôc; với người săn sóc bệnh muôn lợi ích [cho mình, cho người bệnh], khônệ có như thật nói rõ bệnh hoạn: Khi tăng tiến là tăng tiến như vậy9 khi giảm thiểu là giảm thiểu như vậy5 khi đứng lại là đứng lại như vậy; đối với các khổ thọ thuộc về thân khởi lên khốc liệt, cường liệt, mãnh liệt, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng, khó lòng nhẫn thọ. Thành tựu năm pháp này, nàỵ các Tỷ-kheo? một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình không được tôt đẹp. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình được tốt đẹp. Thê nào là năm? Làm điều thích đáng; biết vừa phải trong khi chữa trị; có sử dụng thuốc; với người săn sóc bệnh muôn lợi ích [cho mình], như thật nói rõ bệnh hoạn: Khi tăng tiến là tăng tiến như vậy? khi giảm thiểu là giAm thiểu như vậy, khi đứng lại là đứng lại như vậy; đôi với các khô thọ thuộc vê thân khởi lên khôc liệt5 cường liệt5 mãnh liệt, không thích thú, không thích ý5 đoạt mạng, có thể nhẫn chịu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình được tôt đẹp. IV. KINH SĂN SÓC BỆNH THỨ HAI (DutìyaupaỊỊhãkasutta)1 (A, III. 144) 124. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người săn sóc bệnh không đủ khả năng để săn sóc người bệnh. Thế nào là năm? Không có năng lực pha thuốc; không biết cái gì thích đáng và cái gì không thích dáng, đưa cái gi không thích đáng và không đưa cái gì thích đáng; vì muôn lợi ích vật chất, săn sóc người bệnh, không phải

vì lòng từ; cảm thây ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ mửa ra, hay đờm; không có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho người bệnh hoan hỷ. Thành tựu năm pháp này, một người săn sóc bệnh không đủ khả năng để săn sóc người bệnh. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người săn sóc bệnh có đủ khả năng đê săn sóc người bệnh. Thê nào là năm? Có năng lực pha thuốc; biết cái gì thích đáng và cái gì không thích đáng, đưa cái gì thích đáng và không đưa cái gì không thích đáng; vì lòng từ săn sóc người bệnh, không vì lợi ích vật chất; không cảm thấy ghê tởm khi phải dọn

121 Tham chiếu: Tăng.(T.Q2. 0125.32.8. 0680b 19). 122 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.32.9. 0680c03).

phân, nước tiểu, đồ mửa ra, hay đờm; có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ5 làm cho phân khởi, làm cho người bệnh hoan hỷ. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, một người săn sóc bệnh có đủ khả năng để săn sóc người bệnh. V. KINH TỒN THỌ THỨ NHẤT (PaḶhamaanãyussãsutta) (A. III. 145) 125. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, không gia tăng tuổi thọ. Thế nào là năm? Làm việc không thích dáng, không biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ không tiêu hóa5 du hành phi thòi, và sống không Phạm hạnh. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không gia tăng tuổi thọ. Năm pháp này5 này các Tỷ-kheo? gia tăng tuổi thọ. Thế nào là năm? Làm việc thích dáng, biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ ăn tiêu hóa? du hành phải thòi, và sống Phạm hạnh. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo? gia tăng tuổi thọ. VI. KINH TỒN THỌ THỨ HAI (Dutiyaanãyussãsutta) ụ. III. 145) 126. (Như kinh trên, chỉ khác hai pháp sau cùng "du hành phi thời và sống không Phạm h@nh” được thê vào "với ác giới và bạn bè Ac." Và hai thiện pháp "du hành phải thời và sống Phạm hạnh" được thế vào "với có giới và bạn bè thiện^,). VII. KINH SỐNG BIỆT LẬP (Vàpakãsasutta) (Ắ. III. 145) 127. Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia, sống với nhiều tư duy về dục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? một Tỷ-kheo không đủ điêu kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thế nào là năm? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với dược phẩm nhận được chỗ này chỗ kia, sống với nhiều tư duy về viễn ly. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đủ điêu kiện đê sông biệt lập với chúng Tăng. VIII. KINH AN LẠC CHO SA-MÔN (Samanasukhasutta)n3 (4 III. 146) 128. Có năm điều khổ này cho Sa-môn. Thế nào là năm?*

123 Bản tiếng Anh của PTS: The Ills of a Recluse, nghĩa là Các điều khổ của một Sa-môn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ nàỵ chỗ kia, không tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chô kia, sông không vui thích trong Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, có năm điêu khô này cho Sa-môn. Có năm an lạc này cho Sa-môn. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia, sống vui thích trong Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, có năm an lạc này cho Sa-môn. IX. KINH NGŨ NGHỊCH (Parìkuppasutta)124125 (A. III. 146) 129. Có năm nghịch tội? này các Tỷ-kheo? đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không có thể chữa trị. Thế nào là năm? Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hAn, với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo5 năm pháp ngũ nghịch này, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục? không có thể chữa trị. X. KINH TỔN THẤT (Byasanasutta)n5 (Ả. III. 147) 130. Này các Tỷ-kheo, có năm điều tổn thất này. Thế nào là năm? Tổn thất 9 r 2 9 r 2 f r bà con5 tôn that tài sản, tôn that tật bệnh? tôn that gi&i, tôn thất tri kiến. Này các Tỷ-kheo. không do nhân tổn thất bà con, hay không do nhân tổn that tài sản, hay không do nhân tôn that bệnh hoạn mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cối dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ- kheo, chính do nhân tổn thất giới, hay do nhân tổn thất tri kiến mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo5 có năm tổn thất này. Này các Tỷ-kheo? có năm thành tựu này. Thê nào là năm? Thành tựu bà con, thành tựu tài sản? thành tựu vô bệnh5 thành tựu giới, thành tựu tri kiến. Này các Tỷ-kheo, không do nhân thành tựu bà con, hay không do nhân thành tựu tài sản, hay không do nhân thành tựu vô bệnh, mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, chính do nhân thành tựu giới hay do nhân thành tựu tri kiến, mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo? có năm thành tựu này.

124 Parỉkuppa.ẠA. III. 283: Parỉkuppãtỉparỉkuppanasabhãvãpurãnavanasadỉsã (í4Đối nghjch" nghĩa là bản chất chống đối như gây ra thương tích đau đớn, hao tổn). 125 Sampadã. Xem D. 33, Sangĩtỉ Sutta (Kỉnh Phúng tụng); DB. III. 225, 235. Bản tiếng Anh của PTS: Profit, nghĩa là Lợi ích.

XIV PHẨM VUA (RAJAK4GGA)

I. KINH CHUYÊN LUÂN THUẬN PHÁP THỨ NHẤT (PaỊhamacakkãnuvattanasutta) (A. III. 147) 131. Thành tựu năm chi phần5 này các Tỷ-kheo9 Vua Chuyển Luân chuyển bánh xe với pháp;126 bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch. Thế nào là năm? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân biết nghĩa, biết pháp5 biết vừa phải,127 biết thời128 và biết hội chúng.129 Thành tựu

năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân chuyển bánh xe với pháp; bánh xe ây, không một bàn tay aỉ có thê chuyên ngược lại? dầu là con của người thù địch. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Như Lai, bậc A-la- hán Chánh Đẳng Giác chuyển pháp luân vô thượng với pháp; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại, dầu là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác biết nghĩa, biết pháp, biết vừa phải, biết thời và biết hội chúng. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển pháp luân vô thượng với pháp; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại5 dầu là Sa-môn, Bà-la-môn5 Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. II. KINH CHUYỂN LUÂN THUẬN PHÁP THỨ HAI (Putìyacakkãnuvattanasuttà) (A. III. 148) 132. Thành tựu năm chi phân, này các Tỷ-kheo5 con trưởng Vua Chuyên Luân tiếp tục chuyển vận bánh xe pháp do phụ vương đã chuyển vận; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thê chuyên ngược lại5 dâu là con của người thù địch. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỵ-kheo5 con trưởng Vua Chuyển Luân biết nghĩa, biết pháp, biết vừa phải, biết thời và biết hội chúng.

126 Dasakusaladhamma. Chủ giải chỉ cho mười thiện pháp. 127 Chủ giải giải thích trong các hình phạt, luật lệ. 128 Chủ giải giải thích thời gian vui chơi, thời gian làm việc ở triều đình, thời gian đi thăm trong nước. 129 Chủ giải cho là hội chúng hoàng tộc hay Bà-la-môn, v.v...

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng Vua Chuyển Luân tiêp tục chuyên vận bánh xe pháp do phụ vương đã chuyên vận; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Sãriputta thành tựu năm pháp chơn chánh tiep tục chuyển vận pháp luân vô thượng do Như Lai đã chuyên vận; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại? dầu là Sa-môn5 Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Thế nào là năm? Ở day? này các Tỷ-kheo5 Sãriputta biết nghĩa, biết pháp, biết vừa đủ, biết thời và biêt hội chúng. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Sãriputta chơn chánh tiếp tục chuyển vận pháp luân vô thượng do Như Lai đã chuyên vận; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại, dâu là Sa-môn, Bà-la-môn? Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. III. KINH PHÁP VƯƠNG (Dhammarũịãsutta)ì3() (A. III. 149) 133. Này các Tỷ-kheo, ai là Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương; vị ấy chuyển vận bánh xe pháp không phải không thuộc của vua. Khi nghe nói vậy? một vị Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, ai là Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương? Chính là pháp, này Tỷ-kheo. The Ton nói vậy. -Ở đây5 này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân, vị đúng pháf>? Pháp vương ấy, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lây pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ? lây pháp làm tăng thượng. Vị này săp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ9 chê ngự đúng pháp cho dân chúng trong nước. Lại nữa, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân? vị đúng pháp, Pháp vương ấy, y cứ pháp, tôn kính pháp9 kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lây pháp làm tràng phan, lây pháp làm ngọn cờ? lấy pháp làm tăng thương. Vị này sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chê ngự đúng pháp cho

các Sát-đế-ly, tùy tùng, cho quân đội, cho các Bà-la-môn gia chủ, cho dân chúng thị trân và quốc độ5 cho các Sa-môn, Bà-la-môn? cho các loài thú và loài chim. Như vậy, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương ấy, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lây pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngon cờ? lây pháp làm tăng thượng; sau khi săp đặt một sự phòng hộ5 bảo vệ5 chê ngự đúng pháp cho dân chúng trong nước; sau khi săp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ? chê ngự đúng pháp cho các Sát-đê-ly? tùy tùng, cho quân đội? cho các Bà-la-môn gia chủ, cho dân chúng thị trân và quốc độ, cho các Sa-môn5 Bà-la-môn, cho các loài thú và loài chim; vị ấy chuyển vận bánh xe pháp; bánh xe ây, không một bàn tay ai có thê chuyên ngược lại5 dâu là con của người thù địch.*

130 Bản tiếng Anh của PTS: The Onward Roll of the Wheel (a), nghĩa là Chuyển luân thuận pháp (a).

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 613

Cũng vậy5 này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vị đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, tôn kính pháp5 kính trọng pháp? tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lây pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng; săp đặt một sự phòng hộ5 bảo vệ? chê ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo: Thân nghiệp như vậy cần phải thực hành, thân nghiệp như vậy không nên thực hành; khẩu nghiệp như vậy cần phải thực hành, khẩu nghiệp như vậy không nên thực hành; ý nghiệp như vậy cân phải thực hành, ý nghiệp như vậy không nên thực hành; mạng sông như vậy cân phải thực hành, mang sông như vậy không nên thực hành; làn§9 thị trấn như vậy cần phải đi đến, và làng, thị trấn như vậy không nên đi đen. Lại nữa, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vị đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan5 lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng; sap đặt một sự phòng hộ? bảo vệ5 chế ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo-ni... giữa các nam cư sĩ... giữa các nữ cư sĩ: Thân nghiệp như vậy cần phải thực hành, thân nghiệp như vậy không nên thực hành; khẩu nghiệp như vậy cần phải thực hành, khẩu nghiệp như vậy không nên thực hành; ý nghiệp như vậy cần phải thực hành, ý nghiệp như vậy không nên thực hành; mạng sống như vậy cần phải thực hành, mạng sông như vậy không nên thực hành; làng? thị trấn như vậy cần phải đi đên, và làng, thị trân như vậy không nên đi đên. Như vậy, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vị đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan5 lấy pháp làm ngọn cờ? lấy pháp làm tăng thượng; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ9 bảo vệ5 chế ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ5 bảo vệ, chê ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo-ni; sau khi săp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ9 chê ngự đúng pháp giữa các nam cư sĩ; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các nữ cư sĩ; Như Lai làm cho chuyên vận vô thượng pháp luân với pháp; bánh xe ây, không một Sa-môn hay Bà-la-môn, Thiên, Ma hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời có thể chuyển ngược lại. IV. KINH TẠI MÔI PHƯƠNG HƯỚNG (Yassamdisamsutta) (A. III. 151) 134. Thành tựu năm chi phần này5131 này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh sống tại phương hướng

nào, vị ấy sống trong lĩnh vực mình chiếm đoạt được. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh;132 là nhà giàu c6, đại phú5 sung túc tài sản, ngân khố, kho lúa sung mãn;133 có uy lực,

131 về tám pháp, xem D. I. 137. 132 Xem4 I. 163; III. 221; GS. III. 163 (kinh 192 ở sau); D. I. 113; Sn. 115; J. I. 2. 133 Xem DI. 134; Vin. I. 342.

đây đủ bôn loại binh chủng trung thành và săn sàng tuân lệnh; vị tư lệnh, là bậc hiền trí tinh luyện, sáng suốt và có suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại; 134 và bốn pháp này khiến danh ximg vị ấy được chín muồi. Thành tựu với pháp danh xưng thứ năm này, tại phương hướng nào vị ấy trú ở, vị ấy sống trong lãnh vực mình chiếm đoạt được. Vì sao? Vì như vậy là địa hạt của những người thắng trận. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo5 thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo sống tại phương hướng nào, vị ấy sống với tâm giải thoát. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn? đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập tronệ các học pháp; như vậy, giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh? đầy đủ về thọ sanh. Vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; đối với các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì9 được ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần5 chuyên ý quan sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến; như vậy5 giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, giàu c6, đại phú, sung túc tài sản, ngân khố? kho lúa sung mãn. Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các pháp thiện; như vậy, giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh? đầy đủ uy lực. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thê nhập và hướng đên chơn chánh đoạn tận khô đau; như vậy, giông như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ với vị tư lệnh. Bôn pháp này khiên sự giải thoát của vị ây được chín muôi. Thành tựu với pháp giải thoát thứ năm này, vị ấy trú tại phương hướng nào, vị ấy trú với tâm giải thoát. Vì sao? Vì như vậy? này các Tỷ-kheo? đây là [địa hạt] của những tâm giải thoát.134 135 V. KINH HY VỌNG THỨ NHẤT (PaỊhamapatthanãsutta)136 (A. III. 152) 135. Thành tựu năm chi phần, nàỵ các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế- lỵ đã làm lễ quán đảnh có hy vọng vê quôc độ. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phu, không một vết nhơ nào5 một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen;137 Được cha mẹ thương yêu? ưa thích; Được dân chúng quốc độ, thị trấn thương

134 Trong D. I. 137, đây là một đặc tánh của vị vua. 135 Vìmuttacitta. AA. III. 286: Vìmuttacỉttânantỉpancahi vỉmuttĩhỉ vỉmuttamãnasãnam ("Tâm giải thoát,? nghĩa là sự giải thoát của tâm ý, là sự giải thoát thứ năm). 136 Patthanã, pa + ylarth, hướng đến

thiện, hướng đến mục đích. 137 Xem 4 III. 87; GS. III. 72 (kinh 75 ở trước).

yêu, ưa thích; Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như nghề voi, ngựa, xe, cung và chuôi gươm, vị ấy hoàn toàn được huấn luyện. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ he, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Ta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Ta được cha mẹ thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Ta được dân chúng quốc độ5 thị trấn thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như nghề voi5 ngựa, xe, cung và chuôi gươm5 ta hoàn toàn được huấn luyện, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc d?” Thành tựu năm chi phần này? này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế- lỵ đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào quốc độ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này5 Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Đây là Thế T6n, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thê Tôn. Tỷ-kheo ấy ít bệnh9 ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn. Tỷ-kheo ấy không lừa đảo5 dối gạt; nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Tỷ-kheo ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu với các pháp thiện. Tỷ-kheo ấy có trí tuệ? thành tựu với trí tuệ về sanh diet, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thê nhập và hướng đên chơn chánh đoạn tận khô đau. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: 'Bây là Thế T6n, bậc A-la-hán, Chanh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn\ tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá? trung bình, hợp với tinh tấn, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta không lừa đảo, dôi gạt, nêu rõ tự mình như chân đôi với bậc Đạo sư? đôi với các vị sáng suốt? hay đối với các vị đồng Phạm hạnh, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên tri, không có từ bỏ gánh nặng đối với các pháp thiện, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta có trí tuệ? thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh,

thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?,, Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. VI. KINH HY VỌNG THỨ HAI (Dutìyapatthanãsutta) (A. III. 154) 136. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo? con trưởng của vua Sát-đế- lỵ đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào địa vị Phó vương. Thế

nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; Đẹp trai, khả ái5 làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen; Được cha mẹ thương yêu5 ưa thích; Được quân đội thương yêu, ưa thích; Có trí tuệ9 thiện xảo5 thông minh; có khả năng suy nghĩ những vấn đề quá khứ, tương lai, hiện tại. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh, tại sao ta lại không đặt hy vQĩig vào địa vị Phó vương? Ta đẹp trai, khả ái5 làm đẹp lòng mọi người với dung săc thù thắng như hoa sen5 tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta được cha mẹ thương yêu5 ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta được quân đội thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta là bậc có trí tuệ5 thiện xảo, thông minh; có khả năng suy nghĩ những vấn đề quá khứ, tương lai, hiện tại, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương?,, e A r Thành tựu năm chi phân này5 này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đê- lỵ đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào địa vị Phó vương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thành tựu năm pháp, đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Vị Tỷ-kheo có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn9 đày đủ oai nghi, chánh hạnh5 thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt? chấp nhận và học tập trong các học pháp; Là bậc nghe nhiều, giữ gìn điều được nghe, tích tập điều được nghe; đoi với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; đối với các pháp như vậy, được nghe nhiều, được thọ trì? được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ỹ quán sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến; Đối với bốn niệm xứ, tâm khéo an trú;138 Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho thành tựu các pháp thiện5 nỗ lực kiên tri, không từ bỏ gánh nặng đối với các pháp thiện; Có trí tuệ? thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

138 Xem 4 III. 14 (kinh 15 ở trước).

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, ta chấp nhận và học tập các thiện pháp, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta là người nghe nhiều, gìn giữ điều được nghe, tích tập điều được nghe; đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; đối với các pháp như vậy, ta được nghe nhiều, được thọ trì, được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta khéo an trú tâm vào bốn niệm xứ, tại sao ta lại không đặt hy vọnẹ vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta sông tinh cân tinh tân, đoạn trừ các pháp bat thiện, làm cho thành tựu các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đôi với các thiện pháp, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta là bậc

có trí tuệ5 thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu ho/c?" Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. VII. KINH NGỦ RẤT ÍT (Appamsupatisutta) (A, III. 156) 137. Năm hạng người, này các Tỷ-kheo9 ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Thế nào là năm? Người đàn bà, này các Tỷ-kheo5 thao thức đến đàn ông5 ban đêm ngủ ít, thức nhiêu. Người đàn ông, này các Tỷ-kheo, thao thức đên đàn bà, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Người ăn trộm, này các Tỷ-kheo5 thao thức đến đồ ăn trộm, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Vị vua, này các Tỷ-kheo5 lo lắng các công việc của vua, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, thao thức đến ly hệ phược, ban đêm ngủ ít, thức nhiêu. Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo5 ban đêm ngủ ít, thức nhiều. VIII. KINH ĂN CÁC VẬT THựC (Bhattãdakasutta)139 (4 III. 156) 138. Thành tựu năm chi phân, này các Tỷ-kheo5 một con voi của vua, ăn đô ăn nhiêu, choán chiêm nhiêu chô (okãsapharaụa), vung vãi đại tiện, năm giữ thẻ đồ ăn; chỉ được gọi là con voi của vua. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm chi phần này? này các Tỷ-kheo, một con voi của vua, ăn đồ e \ . a r e• e A ăn nhiêu, choán chiêm nhiêu chô, vung vãi đại tiện, năm giữ thẻ đô ăn; chỉ được gọi là con voi của vua. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo ăn đồ ăn

139 Bản tiếng Anh của PTS: The Eater ofEatables, nghĩa là Ẫn các đồ vật thực.

nhiêu, choán chiêm nhiêu chô, làm đô giường năm và năm giữ thẻ đô ăn; vị ây chỉ được xem là một Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ"kheo không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ăn đồ ăn nhiều, choán chiêm nhiêu chô, làm đô giường năm và năm giữ thẻ đô ăn; vị ây chỉ được xem là một Tỷ-kheo. IX. KINH KHÔNG THẺ KHAM NHẪN (Akkhamasutta) (A. III. 157) 139. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không xứng đáng cho vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, khồng kham nhẫn các vị? không kham nhẫn các xúc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các sắc? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 con voi của vua, khi đi đến chiến trận, thấy đoàn voi, hay thấy đoàn ngựa, hay thấy đoàn xe, hay thấy đoàn bộ binh, đã chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn đối với các sắc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các tiếng? Ở đây, này các Tỷ-kheo? con voi của vua, đi đến chiến trận, khi nghe tiếng voi, nghe tiếng ngựa, nghe tiếng xe, nghe tiếng bộ binh, hay nghe tiếng trống lớn, thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận.

Như vậy, này các Tỷ-kheo? con voi của vua không kham nhẫn các tiếng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các hương? Ở đây? này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi nó ngửi mùi phân và nước tiểu các con voi của vua thuộc loại quý chủng đã quen chiến trận? liền chùn chân, rủn chí? không còn can dảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các hương. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các vị? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua khi đi đến chiến trận, chán ngấy một máng cỏ và nước, hay chán ngấy hai, ba, bốn hay năm máng cỏ và nước5 liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các vị. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các xúc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi bị trúng một mũi tên, hay hai, hay ba, hay bốn, hay năm mũi tên, liền chùn chân, rủn chí,

không còn can đảm, không thê tham gia chiên trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là con voi của vua không kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua không xứng đáng của vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm pháp này, không đáng cung kính, không đáng tôn trọng, không đáng cúng dường, không đáng chắp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc liền tham đắm các sắc khả ái, tâm không the định tĩnh. Như vậy, này các Ty-kheo5 Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các tiếng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng liền tham đắm các tiếng khả ái, tâm khôn^ thể định tĩnh. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các tiếng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các hương? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi hương liền tham đắm các hương khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các hương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi lưỡi nếm vị liền tham đắm các vị khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc? Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm xúc liền tham đắm các xúc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được cung kính, không đáng được tôn trọng, không đáng được cúng dường, không đáng được chắp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời. Thành tựu năm chi phần này? này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng dáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biêu tượng của vua. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương,

kham nhẫn các vị9 kham nhẫn các xúc.

620 KINH TĂNG CHI Bộ

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các sắc? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua đi đến chiến trận, khi thấy đoàn voi hay khi thấy đoàn ngựa5 hay khi thấy đoàn xe, hay khi thấy đoàn bộ binh, liền không chùn chân, rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy? này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các sắc. r .c M 9 r Và thê nào, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhân các tiêng? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua đi đến chiến trận, khi nghe tiếng voi, hay khi nghe tiêng nẹựa, hay khi nghe tiêng xe, hay khi nghe tiêng bộ binh, hay khi nghe tiếng trông lớn, thanh la, tù và, trống nhỏ, không chùn chân5 không rủn chí, có đủ can đảm5 có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ- kheo, là con voi của vua kham nhẫn các tiếng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con voi của vua kham nhẫn các hương? Ở đây, này các Tỷ-kheo? con voi của vua đi đến chiến trận, đối với các con voi của vua thuộc quý chủng, quen thuộc chiến trận, khi nó ngửi mùi phân và nước tiểu của những con voi ấy, nó không chùn chân, không rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 con voi của vua kham nhẫn các hương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các vị? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua đi đến chiến trận, khinh miệt một máng cỏ và nước, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn hoặc năm máng cỏ và nước, không chùn chân5 không rủn chí, có đủ can đảm5 có thể tham gia chiến trận. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các vị. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con voi của vua kham nhẫn các xúc? Ở đây. này các Tỷ-kheo. con voi của vua đi đến chiến trận, khi bị một mũi tên bắn trúng, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn5 hoặc năm, không chùn chân5 không rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm chi phàn này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được gọi là biểu tượng của vua. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị5 kham nhẫn các xúc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không tham đắm các sắc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng?

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 621

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng, không tham đắm các tiếng khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là Tỷ-kheo kham nhân các hương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi các hương, không tham đắm các hương khả ái, có thê giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ- kheo kham nhẫn các hương. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi

lưỡi nếm các vị, không tham đắm các vị khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị. Và thế nào? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm các xúc, không tham đắm các xúc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

X. KINH BIẾT NGHE (Sotasutta)140 (4 III. 161) 140. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? con voi của vua biết nghe, biết sát hại, biết phòng hộ5 biết kham nhẫn? biết đi đến. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con voi của vua biết nghe? Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài sai làm một công tác hoặc đã làm tìx trước, hoặc chưa làm từ trước, nhiệt tâm tác ý, hoàn toàn chú tâm, lóng tai và nghe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết sát hại? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, giết voi, giết kẻ cưỡi voi, giết ngựa, giêt kẻ cưỡi ngựa, phá xe, giêt kẻ cưỡi xe, giêt các bộ binh. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biêt sát hại. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con voi của vua biêt phòng hộ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đi đến chiến trận, con voi của vua phòng hộ phần thân trước, phòng hộ phân thân sau, phòng hộ đâu, phòng hộ tai, phòng hộ ngà, phòng hộ vòi, phòng hộ đuôi, phòng hộ người cưỡi voi. Như vậy, này các Tỷ- kheo, con voi của vua biết phòng hộ.

140 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kinh (T.02. 0150A.26. 0879c01).

z e e A /w

Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là con voi của vua biêt kham nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi lâm trận, kham nhẫn bị thương đâm5 kham nhẫn bị kiếm đâm, kham nhẫn bị trúng tên5 kham nhẫn các thứ tiếng như tiếng trống lớn, tiếng thanh la, tiếng tù và5 tiếng trống nhỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là con voi của vua biêt đi đên? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài (huấn luyện voi) sai đi về hướng nào5 hoặc trước kia đã có di, hay trước kia chưa có đi, liên mau măn đi vê chô ây. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 con voi của vua biêt đi đên. Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo5 con voi của vua xứng đáng là của vua, là tài sản của vua, và được gọi là một biểu tượng của vua. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường5 xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người biết nghe, biết sát hại5 biết phòng hộ? biết kham nhẫn? biết đi đến. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo biết nghe? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, Tỷ- kheo nhiệt tâm, tác ý5 hoàn

toàn chú tâm lắng tai nghe pháp. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo biết nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sát hại? Ở đây9 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đối với các dục tầm đã sanh, không có gìn giữ, từ bỏ5 gột sạch, làm cho hoại diệt5 làm cho đi đến không hiện hữu; đối với sân tầm đã sanh... đối với các hại tầm đã sanh... đối với cảc pháp ác, bất thiện đã sanh hay chưa sanh, không có gìn giữ, từ bỏ, gột sạch, làm cho hoại diệt, làm cho đi đến không hiện hữu. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo biết sát hại. Và thế nào, này các Tỷ-kheo9 là Tỷ-kheo biết phòng hộ? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được bảo vệ5 khiên cho tham ái, ưu bi, các ác5 bât thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn5 thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung? không nam giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngu, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác5 bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết phòng hộ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo biết kham nhẫn? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh5 nóng5 đói5 khát; sự xúc chạm của ruồi9 muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; những cách nói mạ

ly, phỉ báng; các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ? khốc liệt? nhói đau, đau dớn, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người.141 Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là vị Tỷ-kheo biết đi đến? Ở dây, này các Tỷ-kheo, phương hướng nào trước kia chưa từng đi, tại đây mọi hành được tịnh chí, mọi sanh y được từ bỏ, ái được đoạn diệt, ly tham, hoại diet, Niết-bàn? vị ấy đi đến chỗ ấy một cách mau chóng. Như vậy5 này các Tỷ- kheo5 là vị Tỷ-kheo biết đi đến. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

141 Xem 4 IIL 75; GS. III. 62 (kinh 58 ở trước); A. III. 143; GS. III. 110 (kinh 123 ở trước); A. V. 132; M. I. 10; Vin. I. 78.

XV PHẨM TIKANDAKI (TIKANDAKIVAGGA)

I. KINH KHINH RẺ (Avaḷãnãtìsutta) (4 IIL 164) 141. Năm hạng người, này các Tỷ-kheo5 có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm? Sau khi cho, khinh rẻ; sau khi cùng sống5 khinh rẻ; miệng nuốt tất cả;142 người không vững chắc; người ám độn ngu si. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là người sau khi cho, khinh rẻ? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người cho người khác các đồ nhu yếu như y áo, đô ăn khât thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Vị ây suy nghĩ: “Ta là người cho, người này là người nhận.,, Sau khi cho, vị ấy khinh rẻ [người nhận]. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là hạng người sau khi cho, khinh rẻ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi sống chung, khinh rẻ? Ở dây, này

các Tỷ-kheo, có hạng người cùng sống với người, hai hay ba năm. Do sống với người ấy, vị ấy khinh rẻ người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi sống chung, khinh rẻ. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là hạng người miệng nuôt tât cả? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người khi nghe người ta tán thán hay chỉ trích người khác, liền mau mắn thích thú. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người miệng nuốt tất cả. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người không vững chắc? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người có lòng tin nhỏ bé,143 có lòng tín ngưỡng (bhattí) nhỏ bé5 có lòng ái mộ nhỏ bé5 có lòng tịnh tín nhỏ bé. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là hạng người không vững chắc. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là hạng người ám độn ngu si? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có người không biết các pháp thiện, bất thiện; không biết các pháp tội, không tội; không biết các pháp hạ liệt, thù thắng; không biết các pháp dự phần đen trắng.144 Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là hạng người ám độn ngu si. Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo9 có mặt hiện hữu ở đời.

142 Ẫdỉẏanamụkha. AA. III. 288: Ẫdeyyamukhotỉ ãdiẏanamukho, gahanamukhotỉ attho (4tNgười có miệng nuốt tất cả" nghĩa là người miệng lưỡi, người de tin lời). 143 Ittara. AA. III. 288: Ittarasaddho = Parỉttakasaddho (người ít có lòng tin). 144 Xem Mỉln. 379.

II. KINH LÀM SAI LẠC (Ãrabhatìsuttd)^5 (Â. III. 165) 142. Có năm hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người làm điều vi phạm và hối hận5 không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở dây, các pháp ác5 bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Ở dây, này các Tỷ-kheo9 có người làm điều vi phạm, nhtrng không hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở dây, các pháp ác, bât thiện ây khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không làm điều vi phạm, có hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở dây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người không làm điều vi phạm, không có hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bât thiện ây khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người không làm điều vi phạm, không có hối hận, và như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây5 các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 hạng người này làm điều vi phạm và hối hận5 không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác? bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn. Hạng người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm đã có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận được tăng trưởng. Lành thay, nếu Tôn giả sau khi đoạn tận các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm, sau khi loại bỏ các lậu hoặc được sanh do hối hận, hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy5 Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm ấy." Ở đây? này các Tỷ-kheo, hạng người làm điều vi phạm nhưng không hối hận5 không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy đã sanh được đoạn diệt không có dư tàn. Người này cần phải được nói như sau: "Các lậu

hoặc được sanh do làm điều vi phạm đã có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận không có tăng trưởng. Lành thay, nếu Tôn giả sau khi đoạn tận các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm, hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy5 Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm ấy." Ở đây9 này các Tỷ-kheo, hạng người này không làm điều vi phạm, có hối hận5 không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây5 các pháp ác, bất thiện ấy đã sanh được đoạn diệt không có dư tàn. Người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm không có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận có tăng trưởng. Lành thay, nếu

145 Bản tiếng Anh của PTS: He Does Amiss, nghĩa ỉằVỊ ấy làm sai lạc.

Tôn giả sau khi loại bỏ các lậu hoặc được sanh do hối hận, hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy, Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm Ở đây? này các Tỷ-kheo9 hạng người này không làm điều vi phạm, không hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở dây, các pháp ác? bất thiện ấy đã sanh được đoạn diệt không có dư tàn. Người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm không có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận không có tăng trưởng. Lành thay, Tôn giả hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy, Tôn giả sẽ trở thành đông đăng với hạng người thứ năm 2y." Như vậy? này các Tỷ-kheo5 bốn hạng người này, với hạng người thứ năm được giáo giới như vậy, được khuyên dạy như vậy, dần dần đạt đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. III. KINH TẠI ĐÈN SÃRANDADA (Sãrandadasutta) (A. III. 167) 143. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm5 chỗ giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesãli để khất thực. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm người Licchavi đang ngồi tụ họp tại đền Sârandada, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Sụ* hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Thế nào là năm? Sự hiện hữu của voi báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của ngựa báu khó tìm được ở đời5 sự hiện hữu của ngọc báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của nữ báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của cư sĩ báu khó tìm được ở đời. Sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở dời." Rôi các người Licchavi ây săp đặt một người ở trên đường và nói: Này bạn, khi nào bạn thấy Thế Tôn đi đến, hãy báo cho chúng tôi biết. Người ấy thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy? liền đi đến các người Licchavi và nói: Thưa quý vị5 Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đã đến. Nay quý vị hãy làm những gì quý vị nghĩ là hợp thời. Rồi các người Licchavi ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, các người Licchavi ấy bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến đền Sãrandada vì lòng thương tưởng chúng con! Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến đền Sãrandada; sau khi đến? ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các người Licchavi ấy: M ANày. các Licchavi, \ hôm nay các ông = tụ•• K ngồi họp. nói đến vấn đề Dgì? Và vân đê gì giữa các ông đang bị gián đoạn? —ơ đây5 bạch Thê Tôn, chúng con đang ngôi tụ họp, vân đê này được khởi

lên: "Sụ* hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Và thế nào là năm? Sự hiện hữu của voi báu khó tìm được ở đời? sự hiện hữu của ngựa báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của ngọc báu khó tìm được ở đời5 sự hiện hữu của nữ báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của cư sĩ báu khó tìm được ở đời. Sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở dòi." Đối với các ông, người Licchavi đang thiên nặng về due, 146 cuộc nói chuyện y cứ trên dục được khởi lên. Này các Licchavi, sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Và thế nào là năm? Sự hiện hữu của Như Lai, 147 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời. Hạng người có thê thuyêt giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên bô khó tìm được ở đời. Người hiểu được lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người thực hành các pháp và tùy pháp được hiểu từ lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người biết ơn và nhớ ơn khó tìm được ở đời.146 *148 Sự hiện hữu của năm châu báu này, này các Licchavi, khó tìm được ở đời. IV KINH TẠI RỪNG TIKANDAKI (Tikanặakĩsutta) (Ả. III. 169) 144. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãketa9 tại rừng Tikandakĩ. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r _ _ _ _ r Các vị Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. The Tôn nói như sau: Lành thay, này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sông với tưởng ghê tởm đối với các vật không ghê tởm!149 Lành thay, này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng không ghê tởm đối với các vật ghê tởm! Lành thay, này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng ghê tởm đôi với các vật không ghê tởm và ghê tởm! Lành thay, này các Tỷ-kheo9 nêu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng không ghê tởm đối với các vật ghê tởm và không ghê tởm! Lành thay, này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo sau khi từ bỏ cả hai vật không ghê tởm và ghê tởm, trú xả5 chánh niệm tỉnh giác! Và này các Tỷ-kheo5 do duyên lợi ích thế nào9 Tỷ-kheo có thể trú với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm? “Mong rằng đối với các pháp khả ái5 lòng tham chớ có khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nên sông với tưởng ghê tởm đôi với vật không ghê tởm.

146 Kãmãdhimuttãnam. AA. III. 290: Kãmãdhỉmuttãnantỉ vqtthukămakỉlesakãmęsu adhimuttariam (4tThiên nặng về dqc" nghĩa là thiên về những mong muốn dục trần, những mong muốn do tâm ô nhiễm). 47 Xem 4 in. 118; GS. III. 93 (kinh 96 ở trước); A III. 239; GS. III. 174 (kinh 195 ở sau). 148 Xem GS. I. 72; KS. II. 183. 149 Appatỉkkũle. Xem DB. III. 107; KS. V. 100.

Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thê nào, Tỷ-kheo nên sông với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm? "Mong rằng đối với các pháp đáng sân hận, lòng sân chớ có khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nên sống với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm. Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thê nào, Tỷ-kheo nên sông với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm và ghê tởm? "Mong rằng đối với các pháp khả ái, lòng tham chớ có khởi lên nơi ta. Mong rằng đối với các pháp đáng sân hận, lòng sân chớ có khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các

Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nên sông với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm và ghê tởm. Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thê nào, Tỷ-kheo nên sông với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm và không ghê tởm? "Mong rằng đối với các pháp khả ái, lòng tham chớ có khởi lên nơi ta. Mong rằng đối với các pháp đáng sân hận, lòng sân chớ khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nên sống với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm và không ghê tởm. Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thê nào, Tỷ-kheo sau khi từ bỏ cả hai vật không ghê tởm và ghê tởm, trú xả9 chánh niệm tỉnh giác? "Mong răng dâu là vật gi, tại chô nào và như thê nào. đôi với các pháp khả ái, lònệ tham chớ có khởi lên nơi ta. Mong răng dâu là vật gì, tại chô nào và như thê nào, đôi với các pháp đáng được sân hận. lòng sân chớ có khởi lên nơi ta. Mong răng dâu là vật gì, tại chô nào và như thê nào, đôi với các pháp có thê làm cho si mê5 lòng si không khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi từ bỏ cả hai vật không ghê tởm và ghê tởm, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. V. KINH ĐỊA NGỤC (Nừayasuttay5ồ (A. III. 170) 145. Thành tựu năm pháp5 này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thê nào là năm? Sát sanh? lây của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo5 đắm say trong rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thê nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục9 từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giơi. VI. KINH NGƯỜI BẠN (Mittasuttă) (A. III. 171) 146. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không đáng được làm*

150 Bản tiếng Anh của PTS: The Way to Hell, nghĩa là Con đường đến địa ngục.

bạn. Thế nào là năm? Bảo làm việc đồng áng; ưa thích kiện tụng; chống đối các Tỷ-kheo lãnh đạo; sống đời sông không có mục đích? kéo dài đời sống như vậy; không có khả năng thỉnh thoảng trình bày, khích lệ, làm cho phấn khỏi, làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không đáng được làm bạn. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được làm một người bạn. Thế nào là năm? Không bảo làm việc đồng áng; không ưa thích kiện tụng; không chông đôi các Tỷ-kheo lãnh đạo; không sông đời sông không có mục đích, không kéo dài đời sống như vậy; có khả năng thỉnh thoảng trình bày, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được làm bạn. VII. KINH BỐ THÍ KHÔNG XỨNG BẬC CHÂN NHÂN (Asappurisadãnasutta) (A. III. 171) 147. Có năm loại bố thí, này các Tỷ-kheo, không xứng bậc chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí không cxmg kính, bố thí không suy nghĩ, bố thí không tự tay minh, bố thí đồ quăng bỏ, bố thí không nghĩ đến tương lai. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm loại bô thí không xứng bậc chân nhân. Năm loại bố thí này, này các Tỷ-kheo, là loại bố thí xứng bậc chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí có cung kính, bố thí có suy nghi, bố thí tự tay mình, bố thí đồ không quăng bỏ5 bố thí có nghĩ đến tương lai. Các pháp này, này các Tỷ-kheo9 là năm loại bố thí xứng bậc chân

nhân.

VIII. KINH BỐ THÍ XỨNG BẬC CHÂN NHÂN (Sappurísadãnasutta)151 (Ả. III. 172) 148. Này các Tỷ-kheo, có năm loại bố thí này xứng bậc chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí có lòng tin, bô thí có kính trọng, bô thí đúng thời, bô thí với tâm không gượng ép (anuggahitacừto). bô thí không làm thương tôn mình và người. Này các Tỷ-kheo5 sau khi bố thí với lòng tin, chỗ nào, chỗ nào5 quả dị thục của sự bô thí ây đem lại kêt quả: Người ây được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, đẹp trai, dễ nhìn? có thành tín và thành tựu dung sắc thù thắng như hoa sen.152153 Và này các Tỷ-kheo5 sau khi bố thí có cung kính, chỗ nào5 chỗ nào, quả dị thục của sự bô thí ây đem lại kêt quả: Người ây được giàu sang, đại phú9 tài san sung man, và các con trai/33 cac bà vợ, cac người no tỳ, cac người đưa tin,

151 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.16. 0878ỒỒ2). 152 Xem 4 III. 87; GS. III. 72 (kinh 75 ở trước). 153 Xem 4 III. 105; GS. III. 84 (kinh 79 ở trước); 4 IV. 393; D. I. 230; Vin. I. 10.

các người làm công, những người ấy đều sẵn sàng vâng theo người ấy, họ lóng tai và phục vụ với tâm hiểu biết. Và này các Tỷ-kheo5 sau khi bố thí đúng thòi, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và các vật dụng đến với người ấy đúng thời và sung túc. Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí với tâm không gượng ép, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn? và hướng tâm thụ hưởng đầy đủ năm dục công đức. Và này các Tỷ-kheo5 sau khi bố thí không làm thương tổn mình và người, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và không một tai nạn nào từ đâu đến, đến với tài sản của người ấy, hoặc từ lửa, từ nước5 từ vua, từ ăn trộm, từ các người thù địch hay từ các người thừa tự.154 Này các Tỷ-kheo, có năm loại bố thí xứng bậc chân nhân này. IX. KINH THỜI GIẢI THOÁT THỨ NHẤT (Pathamasamayavimuttasutta) (Ả. III. 173) 149. Có năm pháp, này các Tỷ-kheo5 đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.155 Thế nào là năm? Ưa thích làm việc [về thân], ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ, ưa thích hội chúng, không quan sát tâm như đã được giải thoát. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho vị Tỷ- kheo đã chứng được thời giải thoát. Thế nào là năm? Không ưa thích làm việc [về thân], không ưa thích nói chuyện, không ưa thích ngủ9 không ưa thích hội chúng, có quan sát tâm như đã được giải thoát. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. X. KINH THỜI GIẢI THOÁT THỨ HAI (Dutiyasamayavimuttasutta) (A. III. 173) 150. Năm pháp, này các Tỷ-kheo? đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. Thể nào là năm? Ưa thích làm việc [về than], ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ, không chê ngự các căn, không biêt tiêt độ trong ăn uống. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

154 Xem A. III. 259; GS. III. 190 (kinh 227 ở sau). 155 Samayavỉmutta. Xem KS. I. 150.

Năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. Thế nào là năm? Không ưa thích làm việc [về thân], không ưa thích nói chuyện, không ưa thích ngủ, chế ngự các căn5 biết tiết độ trong ăn uống. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo? không đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

XVI. PHẨM DIỆU PHÁP (SADDHAMMAVAGGA)

I. KINH QUYẾT ĐỊNH TÁNH, CHÁNH TÁNH THỨ NHẤT (Pathamasammattaniyãmasutta) (Ả. III. 174)

151. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Khinh lời thuyết giảng, khinh người thuyết giảng, khinh tự mình, nghe pháp với tâm tán loạn, không nhất tâm và không như lý tác ý. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe Diệu pháp không thê nhập vào quyêt định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Không khinh lời thuyết giảng, không khinh người thuyết giảng, không khinh tự mình, nghe pháp với tâm không tán loạn, nhất tâm và như lý tác ý. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

II. KINH QUYẾT ĐỊNH TÁNH, CHÁNH TÁNH THỨ HAI (Dutỉyasammattaniyãmasuttd) (A. III. 175)

152. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Khinh lời thuyết giảng; khinh người thuyết giảng; khinh tự mình; ác tuệ5 đần độn, câm điếc; không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Không khinh lời thuyết giảng; không khinh người thuyết giảng; không khinh tự mình; có trí tuệ5 không đần độn, không câm điêc; tác ý hiêu biêt đôi với những vấn đề không hiểu biết. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

III. KINH QUYẾT ĐỊNH TÁNH, CHÁNH TÁNH THỨ BA (Tatìyasammattaniyãmasuttà)156 (A. III. 175)

153. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê

bai ám ảnh; nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm; trong khi pháp được giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn- ác tuệ5 đần độn5 câm điếc; không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh5 chánh tánh trong các thiện pháp. Thành tựu năm pháp này. này các Tỷ.kheo, một người nghe Diệu pháp có thế nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Nghe pháp với tâm không chê bai, không bị chê bai ám ảnh; nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi khuyêt điêm; trong khi pháp được giảng, tâm không bị choáng váng, không bị chai sạn; có trí tuệ5 không đần độn, không câm điếc; tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. IV KINH DIỆU PHÁP HỖN LOẠN THỨ NHẤT (Pathamasaddhammasammosasutta) (Å. III. 176) 154. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không cẩn trọng nghe pháp; không cẩn trọng học thuộc lòng pháp; không cẩn trọnệ thọ trì pháp; không cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; không cân trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiêu ý nghĩa và hiêu pháp. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đên Diệu pháp an trú, không hôn loạn, không biển mất. Thế nào là năm? ơ đây5 này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo cân trọng nghe pháp; cân trọng học thuộc lòng pháp; cẩn trọng thọ trì pháp; cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiêu ý nghĩa và hiêu pháp. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

V. KINH DIỆU PHÁP HÔN LOẠN THỨ HAI

(Dutiyasaddhammasammosasuttd) (A. III. 177)

155. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn5 biến mất.

Thế nào là năm?

156 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0150.17. 0878b26).

Ở dây, này các Tỷ-ldieo, các Tỷ-kheo không học thuộc lòng pháp: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không thuyêt pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không có đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm không tùy tầm, không tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được

nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, đưa đên Diệu pháp hôn loạn, biên mât. Năm pháp này? này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Đây là pháp thứ nhât, này các Tỷ- kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ- kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biên mât. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo9 đưa đên Diệu pháp an trú, không hôn loạn5 không biên mât. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm tùy tầm? tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo? đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biên mất.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 635

VI. KINH DIỆU PHÁP HỖN LOẠN THỨ BA (Tatiyasaddhammasammosasutta) (A. III. 178) 156. Năm pháp, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh điển bị nắm giữ sai lạc với những văn cú đặt sai lâm; này các Tỷ-kheo, với văn cú đặt sai lầm, ý nghĩa bị hướng dẫn sai lạc. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo là những người khó nói5 đầy đủ những tánh khiên họ trở thành khó nói, khó kham nhân5 không cung kính đón nhận khi được giảng dạy. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đên Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, Thánh giáo được trao truyền, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy không cẩn trọng để cho các người khác nói pháp; do duyên này của họ, Khe kinh như bị đứt gốc, không còn là chỗ nương tựa. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? các Tỷ-kheo trưởng lão là những vị sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tân đê chứng đạt những gì chưa chứng dạt, chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quân chúng về sau sẽ đi theo tri kiến của họ; họ cũng sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tan để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đăc những gì chưa chứng đắc5 chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, chúnẹ Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia c \ r FTĨ 7 r _ W _ _ _ _ _ 4. Ắ 1 1_ Ậ ... 1_ r t* r* I CIT ÕTÌCT TihiQc ItìnQ11 Q1Y /Toil Lrk-|Q-|i IQ-n mhcilT ClV ICa nay vau 1

y-KllvO< vO oil IllallH IlillCv lall IlllaU, uu DU CLaU Kllau lall IlllaUa vO oU thanh trừng lẫn nhau, có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thê đôi khác. Đây là pháp thứ năm? này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo? đưa đên Diệu pháp hôn loạn, biên mât. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo? đưa đên Diệu pháp an trú, không hôn loạn, không biền mất. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh điển được nắm giữ tôt đẹp với những văn cú được phôi trí chơn chánh và ý nghĩa được hướng dẫn chơn chánh. Đây là pháp thứ nhât, này các Tỷ-kheo? đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người dễ nói, dễ kham nhẫn, cung kính đón nhận khi được giảng dạy. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ- kheo, đưa đên Diệu pháp an trú, không hôn loạn, không biên mât.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo? đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều Thánh giáo được trao truyền, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy cẩn trọng để cho các người khác nói pháp; do duyên này của họ, kinh điển không bị đứt gốc, là chỗ nương tựa. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo5 đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão không sông đây đủ, không biếng nhác5 từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dân đâu trong đời sông viên ly, hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng dạt, chứng đắc những gì chưa chứng dắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tri kiến của họ; họ cũng trở thành những người không sống đầy dủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng hòa hợp, hoan hỷ? không tranh luận, cùng một giáo lý5 sống an ổn. Khi chúng Tăngệ hòa hợp, này các Tỷ-kheo5 không có sự mắng nhiếc lẫn nhau, không có sự đâu khẩu lẫn nhau, không có sự thanh trừng lẫn nhau5 không có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín tìm được . tịnh • tín, và những rai có tịnh tín không có đổi khác. Đây là pháp •thứ e • ... A năm r ? này các Tỷ-kheo, đưa đên Diệu pháp an trú, không hôn loạn, không biên mât. Năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn5 không biến mất.

VII. KINH ÁC THUYẾT (Dukkathãsutta) (4 III. 181) 157. Lời nói của năm hạng người, này các Tỷ-kheo. là ác thuyêt. khi có sự đối chứng giữa người và người. Thế nào là năm? Nói về tín với người không tin, này các Tỷ-kheo, là ác thuyết; nói về giới với người có ác giới là ác thuyết; nói về nghe nhiều với riẸười nghe ít là ác thuyết; nói vê bô thí với người xan tham là ác thuyêt; nói vê trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết. Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói vê tín với người không tin là ác thuyêt? Người không tin, nàỵ các Tỷ-kheo5 khi được nói về lòng tin liền tức tối/57 phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tinh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn, yì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đay đủ lòng tin, do nhân duyên ấy5 không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về tín với người không có

lòng tin là ác thuyết. Và này các Tỷ-kheo9 tại sao nói về giới với người có ác giới là ác thuyết? Nệười có ác giới, này các Tỷ-kheo, khi được nói về giới liền tức tối, phẫn nộ9 hiem khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ? sân hận? phiền muộn. Vì sao? Vì157

157 Xem 4 I. 124; D. III. 159; J. IV. 22.

rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ giới, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy? nói về giới với người có ác giới là ác thuyết. Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết? Người nghe ít, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến nghe nhiều liền tức tối, phẫn nộ5 hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ5 sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đay đủ nghe nhiều, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy5 nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết. Và này các Tỷ-kheo5 tại sao nói vê bô thí với người xan tham là ác thuyêt? Nệười xan tham, này các Tỷ-kheo, khi được nói về bố thí liền tức tối, phẫn nộ9 hiem khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận5 phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ bố thí, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói vê bô thí với người xan tham là ác thuyêt. Và này các Tỷ-kheo? tại sao nói vê trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyêt? Nệười ác tuệ5 này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ liền tức tối, phẫn nộ? hiem khích, mất bình tinh, biểu lo phẫn nộ, sân hận5 phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ trí tuệ5 do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy? nói vê trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyêt. Lời nói của năm hạng người này là ác thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người. Lời nói của năm hạng người này là thiện thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người. Thê nào là năm? Thuyết về tín cho người có lòng tin5 này các Tỷ-kheo, là thiện thuyết, thuyết về ệiới cho người giữ giới là thiện thuyết, thuyết về nghe nhiều cho người nghe nhieu là thiện thuyết, thuyết về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết, thuyết về trí tuệ cho người trí tuệ là thiện thuyết. Và này các Tỷ-kheo, tại sao thuyết về tín cho người có lòng tin là thiện thuyết? Người có lòng tin, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến tín thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ5 không sân hận5 không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tư mình có đầy đủ lòng tin, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy5 nói về tín với người có lòng tin là thiện thuyết. Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói vê giới cho người giữ giới là thiện thuyêt? Người giữ giới, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến giới thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có đầy đủ giới, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy5 nói về giới với người có giữ giới là thiện thuyết. Và nàỵ các Tỷ-kheo? tại sao nói về nghe nhiều cho người nghe nhiều là thiện thuyết?

Người nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến nghe nhiều thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ? không

sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có nghe nhiều, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy? nói về nghe nhiều với người có nghe nhiều là thiện thuyết. Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết? Người bố thí, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến bố thí thì không tức tối? không phẫn nộ? không hiềm khích, không mất bình tinh, không biểu lộ phẫn nộ5 không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có bố thí, do nhân duyên ấy9 có hỷ và hân hoan. Do vậy? nói về bố thí với người có bố thí là thiện thuyết. Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói vê trí tuệ cho người có trí tuệ là thiện thuyêt? Ngươi trí tuệ5 này các Tỷ-kheo9 khi được nói đến trí tuệ thì khônẹ tức tối, không mất bình tĩnh; không biểu lộ phẫn nộ? không sân hận, không phiên muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có trí tuệ5 do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy? nói về trí tuệ với người có trí tuệ là thiện thuyết. Lời thuyêt của năm hạng người này, này các Tỷ-kheo5 là thiện thuyêt khi có sự đối chứng giữa người và người.

VIII. KINH SỢ HÃI (Sarajjasutta) (4 III. 183) 158. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo rơi vào trong sự sợ hãi. Thế nào là nảm? ở đây? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không có lòng tin, giữ ác giới, nghe ít, biếng nhác và ác tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo rơi vào trong sự sợ hãi. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có sợ hãi. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có sợ hãi. IX. KINH TÔN GIẢ UDÃYĨ (Udãyĩsutta) (A. III. 184) 159. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ9 Tôn giả Udãyĩ có hội chúng cư sĩ đông đảo đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Udãyĩ có hội chúng đông đảo đoanh vây, đang n^ồi thuyết pháp; sau khi thấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ảnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? Tôn giả Udãyĩ có hội chúng cư sĩ đông đảo đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Này Ãnanda, thật không dễ gì để thuyết pháp cho các người khác. Để

thuyết pháp cho các người khác, này Ãnanda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác. Thế nào là năm? “Ta sẽ thuyêt pháp tuân tự", thuyêt pháp cho người khác cân phải suy nghĩ như vậy. C6Ta sẽ thuyết với mắt nhìn vào pháp môn,\ thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết vì lòng từ mẫn,\ thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết pháp không phải vì tài vật5\ thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết pháp không làm thương tổn cho mình và cho nguôi", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. Này Ãnanda, thật không dễ gì để thuyết pháp cho các người khác. Để thuyết pháp cho các người khác, này Ãnanda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác. X. KINH KHÓ TRỪ KHỬ (Duppativinodayasutta) (A. III. 184) 160. Năm pháp này khởi lên5 này các Tỷ-kheo, thật khó trừ khử. Thế nào là năm? Tham khởi lên? thật khó trừ khử; sân khởi lên5 thật khó trừ khử; si khởi lên? thật khó trừ khử; ham nói khởi lên5 thật khó trừ

khử; tâm lang thang, thật khó trừ khử. Năm pháp này đã khởi lên, này các Tỷ-kheo, thật khó trừ khử.

XVIL PHẨM HIỀM HẬN (ÃGHÃTAVAGGA)

I. KINH TRỪ KHỬ HIỀM HẬN THỨ NHẤT (Pathamaãghãtapaḷivinayasuttà) (Ẩ. III. 185)
161. Có năm pháp trừ khử hiềm hận,158 này các Tỷ-kheo, ở đây9 vị Tỷ- kheo có hiềm hận khởi lên cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn. Thế nào là năm? Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, từ cần phải tu tập. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử. Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, bi cần phải tu tập. Như vậy5 trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử. Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiêm hận được sanh, trong người ây, xả cần phải tu tập. Như vậy5 trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử. Trong người nào, này các Tỷ-kheo? hiêm hận được sanh, trong người ây5 VÔ niệm5 vô tác ý cân được thực hiện. Như vậy, trong người ây, hiêm hận cân phải trừ khử. Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, sự cần phải được an lập là: "T6n giả là chủ của nghiệp, kiện nghiệp do mình tạo159160 là thừa tự của nghiệp, là khởi nguyên của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm nghiệp thiện hay ác được làm? Tôn giả sẽ là người thừa tự nghiệp ấy." Như vậy5 trong người ấy, hiềm hận cần phải được trừ khử. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp trừ khử hiềm hận này, ở đây, hiềm hận khởi lên cho Tỷ-kheo cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn.

II. KINH TRỪ KHỬ HIỀM HẬN THỨ HAI
(Putiyaãghãtapativinayasuttdỳ^ (Â. III. 186)
162. Ở dây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo:
Này các Hiền giả Tỷ-kheo!
Thưa vâng, Hiền giả.
Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau:
158 Xem 4 IV. 408; V. 151; D III. 262. 159 Xem 4 III. 71; GS. III. 50 (kinh 57 ở trước). 160 Tham chiếu: Thủy dụ kỉnh (7.01. 0026.25. 0454a03).

Này các Hiền giả, có năm pháp trừ khử hiềm hận này, ở dây, hiềm hận khởi lên cho Tỷ-kheo cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn. Thế nào là năm? Ở dây, này các Hiền giả, có người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, trong người như vậy5 này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử. Ở đây5 này các Hiền giả, có người khẩu hành không thanh tịnh, thân hành thanh tịnh, trong người như vậy, này các Hiên giả5 hiêm hận cân phải trừ khử. Ở dây, này các Hiền giả, có người thân hành không thanh tịnh5 khẩu hành không thanh tịnh5 nhung thỉnh thoảng tâm được mở rộng5 tâm được tịnh tín, trong người như vậy5 này các Hiên giả, hiêm hận cân phải trừ khử. Ở đây, này các Hiền giả? có người thân hành không thanh tịnh5 khẩu hành không

thanh tịnh, và thỉnh thoảng tâm không được rộng mở5 tâm không được tịnh tín, trong người như vậy5 này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử. Ở dây, này các Hiền giả, có người thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, và thỉnh thoảng tâm được rộng mở5 tâm được tịnh tín, trong người như vậy, này các Hiên giả, hiêm hận cân phải trừ khử. Ở dây, này các Hiền giả, người này thân hành không thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần được trừ khử? Ví như, này các Hiên giả5 Tỷ-kheo mặc áo lượm từ đông rác, thây một tâm vải [liệng ở đống rác] trên con đường xe đi, liền lấy chân trái chặn lại?161 lấy chân mặt kéo tấm vải cho rộng ra, đoạn nào là đoạn chánh, làm cho có thể sử dụng được162 rồi cầm lấy mang đi. Cũng vậy5 này các Hiền giả, người này, với thân hành không thanh tịnh, với khẩu hành thanh tịnh; những cái gì thuộc về thân hành không thanh tịnh, lúc bây giờ9 vị ây không nên tác ý; còn những gì thuộc khẩu hành thanh tịnh? lúc bấy giờ9 vị ấy nên tác ý. Như vậy5 trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử. Ở dây, này các Hiền giả, người này với khẩu hành không thanh tịnh, với thân hành thanh tịnh. Như thê nào, trong người ây, hiêm hận cân phải trừ khử? Ví nhu, này các Hiên giả, một hô nước đây bùn và cây lau. Rôi một người đi đến? bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi5 thèm uống nước, khát nước. Người ấy ngụp lặn trong hồ nước ấy5 lấy hai tay gạt ra ngoài bùn và lá cây5 lấy bàn tay bụm nước lại, uống rồi ra đi. Cũng vậy5 này các Hiền giả5 người này với khâu hành không thanh tịnh, với thân hành thanh tịnh; những cái gì thuộc vê khâu hành không thanh tịnh5 lúc bây giờ, vị ây không nên tác ý; còn những gì thuộc thân hành thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy nên tác ý. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử. Ở dây, này các Hiền giả, người này với thân hành không thanh tịnh5 với

161 Nigganhitvã. AA. III. 295: Niggahetvãti akkamỉtvã ("Chặn lai,5 nghĩa là [bằng cách] giẫm lên). 162 Parỉpãtetvã. Xé ra. Trong kinh dịch thoát ý là 4ílàm cho có thể sử dụng dupe". AA. III. 295: Tam parỉpãtetvãtỉ tam luncỉtvã ('6 n6" nghĩa là í4xé toạc nó ra").

khẩu hành không thanh tịnh, thỉnh thoảng tâm được rộng mở, tâm được tịnh tín. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử? Ví nhu, này các Hiên giả, ít nước trong dâu chân của con bò. Rôi một người đi đến5 bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi? thèm uống nước, khát nước. Người ấy suy nghĩ như sau: "Một ít nước này trong dấu chân con bò, nếu ta uống với bụm tay hay với cái chén5 ta sẽ làm nước ấy dao động và di động5 khiến nước không thể uống được. Vậy ta hãy gieo mình xuống với cả bốn phần thân, uống nước rồi ra di." Rồi người ấy gieo mình xuống với cả bốn phần thân? uống nước rồi ra đi. Cũng vậy5 này các Hiên giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với khẩu hành không thanh tịnh, với tâm thỉnh thoảng được rộng mở và tịnh tín; những cái gì thuộc thân hành không thanh tịnh5 lúc bấy giờ, vị ấy không nên tác ý; những cái gì thuộc khẩu hành không thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy không nên tác ý; những cái gì thuộc tâm thỉnh thoảng được rộng mở và sáng suốt, lúc bấy giờ? vị ấy nên tác ý. Như vậy5 trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử. Ở dây, này các Hiền giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với khâu hành không thanh tịnh, thỉnh thoảnệ tâm không được rộng mở và tịnh tín. Như thế nào, trong

người ấy, hiềm hận can phải trừ khử? Ví nhu, này các Hiền giả, có người đau bệnh, khổ dau, bị trọng bệnh5 đang đi giữa đường, có làng xa trước mặt, có làng xa sau lưng, người ấy không có được các đồ ăn thích dáng, không có được các dược phẩm trị bệnh thích dáng, không có được sự giúp đỡ thích dáng, không có người hướng dẫn đưa đến tận cuối làng. Một người khác cũng đang đi trên đường5 thấy người ấy. Người này đối với người ây khởi lên lòng từ, khởi lên lòng thương tưởng, khởi lên lòng từ mẫn: “Oi, mong răng người này được các đồ ăn thích dáng, được các dược phẩm trị bệnh thích dáng, được các sự giúp đỡ thích đáng, được người hướng dẫn đi đên cuôi làng!" Vì sao? Vì mong rằng người này ở đây không bị suy tổn5 tử vong. Cũng vậy, này các Hiên giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với khâu hành không thanh tịnh, lại thỉnh thoảng tâm không được rộng mở và tịnh tín, người như vậy cần phải khởi lên lòng từ, cân phải khởi lên lòng thương tưởng, cần phải khởi lên lòng từ mẫn: "Oi, mong rằng Tôn giả này? sau khi đoạn tận thân ác hành cân phải tu tập thân thiện hành, sau khi đoạn tận khâu ác hành cần phải tu tập khẩu thiện hành? sau khi đoạn tận ý ác hành cần phải tu tập ý thiện hành!" Vì sao? Vì mong rằng Tôn giả ấy sau khi thân hoại mệnh chung, khônệ sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Như vậy? trong người ấy, hiềm hận can phải trừ khử. Ở đây, này các Hiền giả, người này với thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh? lại thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử? Ví nhu, này các Hiền gi,một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong suốt, có bờ hồ khéo sắp đặt đẹp đẽ và được nhiều loại cây

che bóng. Rồi một người đi đến5 bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước, khát nước. Người ấy sau khi lặn xuống trong hồ sen ấy, tắm rửa, uông nước? người ây ra khỏi hô5 liên qua ngôi hay năm dưới bóng cây. Cũng vậy, này các Hiên giả5 người này với thân hành thanh tịnh, với khẩu hành thanh tịnh, lại thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín; những gì thuộc thân hành thanh tịnh? lúc bấy giờ cân phải tác ý; những gì thuộc khẩu hành thanh tịnh? lúc bấy ệiờ cần phải tác ý và điều gì thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín, lúc bây giờ, cân phải được tác ý. Như vậy? trong người ây, hiêm hận cần phải trừ khử. Này các Hiền gi,có năm trừ khử hiềm hận này? ở dây, Tỷ-kheo có hiềm hận khởi lên cần phải trừ khử một cách hoàn toàn.

III. KINH NÓI CHUYỆN (Sãkacchasutta) (A. III. 190) 163. Tại dấy, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo:163 Này các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: —Thành tựu năm pháp5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi đề cập đến từ câu chuyện về Giới cụ túc; tự mình đầy đủ Định, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Định cụ túc; tự mình đầy đủ Tuệ, trả lời câu hỏi được đe cập đến từ câu chuyện về Tuệ cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát tri kiến, trâ lời câu hỏi được

đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc. Thành tựu năm pháp này9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh.

IV. KINH CÁCH SỐNG (Sậiĩvasuttay64 ụ. III. 191) 164. Tại dấy, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo:165 -Này các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo với đời sống [của mình] làm gương cho các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là năm?

163 Xem Ả. III. 79; GS. III. 66 (kinh 65 ở trước). 164 Xem 4 III. 81, 190. Bản tiếng Anh của PTS: An Example, nghĩa là Một vỉ dụ. 165 Xem 4 III. 80; GS. III. 67 (kinh 66 ở trước).

Ở dây, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi được nói đến từ câu chuyện về Giới cụ túc... từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng với đời sông của mình, làm gương cho các vị đông Phạm hạnh. V. KINH NHỮNG CÂU HỎI (Panhapucchãsutta) (A. III. 191) 165. Tại dấy, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo... (như trên). Này các Hiền giả5 ai hỏi một người khác câu hỏi gi, tất cả đều nằm trong năm trường hợp này, hay một trong năm trường hợp này. Thê nào là năm? Do đần độn ngu si, hỏi người khác câu hỏi; do ác dục, tham dục5 hỏi người khác câu hỏi; do khinh thường, hỏi người khác câu hỏi; với tâm muốn hiểu biết, hỏi người khác câu hỏi; với tâm phân vân, hỏi người khác câu hỏi, nghĩ rằng nếu do ta hỏi, vị ấy trả lời đúng dắn, thời như vậy tốt đẹp; nhmig nếu do ta hỏi5 vị ấy trả lời không chơn chánh thời ta sẽ trả lời chơn chánh cho vị ấy. Này các Hiền giả9 ai hỏi một người khác câu hỏi gì đều nằm trong năm trường hợp này, hay một trong năm trường hợp này. Này các Hiền giả, ta với tâm như vậy5 hỏi người khác câu hỏi; nêu ta hỏi, người ây trả lời một cách chơn chánh, thời như vậy thật tốt đẹp; nếu ta hỏi? người ấy trả lời không chơn chánh thời ta sẽ trả lời chơn chánh. VI. KINH DIỆT THỌ TƯỞNG ĐỊNH (Nirodhasutta)166 (A. III. 192) 166. Tại dấy, Tôn giả Sãriputta bảo các Tỷ-kheo... (như trên). Ở dây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, có thể nhập vào một cách hoàn toàn và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra. Nếu ngay trong hiện tại? vị ấy không đạt được chánh trí thời vị ấy chăc chăn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực5 được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định5 sự kiện này có xảy ra. Khi được nói vậy, Tôn giả Udãyĩ nói với Tôn giả Sãriputta: Không có sự kiện này, thưa Hiên giả Sãriputta, không có trường hợp răng: Tỷ-kheo chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực? được sanh với thân do ý làm ra, vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định,\ sự kiện này không xảy ra. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Sãriputta bảo các Tỷ-kheo: - Ở đây, này các Hiền giả5 Tỷ-kheo đầy đủ giói, đầy đủ định, đầy đủ tuệ có thể nhập vào một cách hoàn toàn và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra. Neu ngay trong hiện tại5 vị ấy không đạt được chánh trí thời vị ấy chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra.

166 Tham chiếu: Thành tựu giới kình (7.01. 0026.22. 0449c07).

Lần thứ ba, Tôn giả Udãyĩ nói với Tôn giả Sãriputta: Không có sự kiện này, thưa Hiên giả Sãriputta, không có trường hợp răng: "Vj Tỷ-kheo chăc chăn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực và được sanh với thân do ý làm ra5 [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng djnh", sự kiện này không xảy ra. Rồi Tôn giả Sãriputta suy nghĩ như sau: “Cho đến lần thứ ba, Ton giảUdãyĩ phản kháng ta và không một Tỷ-kheo nào tùy hỷ ta, vậy ta hãy đi đến Thế T6n." Rôi Tôn giả Sãriputta đi đên The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn, rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta bảo các Tỷ-kheo: Ở đây9 nay chư Hiền, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ... [với điêu kiện] vị ây có thê nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra... Lần thứ ba, Tôn giả Udãyĩ nói với Tôn giả Sãriputta: Không có sự kiện này, thưa Hiền giả Sãriputta, không có trường hợp rằng: "Tỷ-kheo chăc chăn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực và được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định9\ sự kiện này không xảy ra. Rồi Tôn giả Sâriputta suy nghĩ như sau: "Trước mặt Thế Tôn, Tôn giả Udãyĩ cho đến ba lần phản kháng ta và không một Tỷ-kheo nào tùy hỷ ta, vậy ta hãy im lặng.” Rôi Tôn giả Sãriputta giữ im lặng. 'TV A • A L _ FT! _. Roi The Ton bao Ton giả Udãyĩ: _ * 2 T T j

—Này Udãyĩ, ông đi đến kết luận, ai có thân do ý làm ra? -Bạch Thế Tôn, có chư thiên vô sắc, do tưởng làm ra. Này Udãyĩ5 ông nghĩ thê nào mà nói lên câu nói của kẻ ngu không thông minh sáng suốt? Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, các ông có thể nhìn một cách thản nhiên khi một Tỷ-kheo trưởng lão bị làm phiền não như vậy. Này Ãnanda, lòng từ bi không thể khởi lên khi một Tỷ-kheo trưởng lão bị làm phiền não [mà các ông không có phản ứng]. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: -Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đầy đủ giới5 đầy đủ định, đầy đủ tuệ có thể nhập vào một cách hoàn toàn và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định5 sự kiện này có thể xảy ra. Nếu ngay trong hiện tại, không thể đạt được chánh trí, vị ấy chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý làm ra, [với điêu kiện] vị ây có thê nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra. Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá. Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu5 đi đến Tôn giả Upavãna; sau khi đến, nói với Tôn giả Upavãna:

Ở đây? này Hiền giả upavãna, một số người làm phiền não Tỷ-kheo trưởng lão và chúng ta không ai đặt câu hỏi. Do vậy9 thật không có gì kỳ lạ, thưa Hiên giả, rằng Thế Tôn vào buổi chiều, sau khi từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, nêu lên vân đê này và sự việc như thê nào, kê lại cho Tôn giả Upavãna nghe tât cả. Nay chúng ta cảm thấy sợ hãi. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nệôi giảng đường; sau khi đến? liền ngôi trên chô đã soạn săn. Sau khi ngôi, Thê Tôn nói với Tôn giả upavãna: -Này

upavãna, thành tựu bao nhiêu pháp, vị Tỷ-kheo trưởng lão được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ? thích ý? tôn trọng và noi gương tu tập? Bạch Thế Tôn, thành tựu năm pháp, vị Tỷ-kheo trưởng lão được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ? thích ý, tôn trọng và được noi gương tu tập. Thế nào là năm? Ở đây? bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo trưởng lão giữ giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn?167 đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự sợ hãi trong các lôi nhỏ nhặt5 chấp nhận và học tập các học pháp. Vị ây nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tinh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lân, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiên. Vị ấy thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã5 ý nghĩa minh bạch5 giọng nói không bập bẹ5 Vị ây chứng được không khó không phêu phào, giải thích nghĩa lý minh xác.168169 khăn, chứng được không mệt nhọc5 chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, đem đến hiện tại lạc trú. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy tự mình với thăng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu năm pháp này? bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo trưởng lão được các đồng Phạm hạnh ái mộ? ưa thích, tôn trọng và được noi gương tu tập. Lành thay, lành thay, này upavãna! Thành tựu năm pháp này? vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các đồng Phạm hạnh được ái mộ, ưa thích, tôn trọng và được noi gương tu tập. Nếu vị Tỷ-kheo trưởng lão không có được năm pháp này, thời có phải các đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy vì răng rụng, tóc bạc và da nhăn chăng? Do vậy, này upavãna, do năm pháp này có hiện hữu trong vị Tỷ-kheo trưởng lão? cho nên các đông Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ? cúng dường vị ấy.

VII. KINH BUỘC TỘI (Codanãsuttay69 (A. III. 196) 167. Tại dấy, Tôn giả Sãriputta bảo các Tỷ-kheo:

167 Xem A. III. 111; GS. III. 89 (kinh 87 ở trước). 168 Xem 4 IV. 279; D. III. 115; M. II. 166. 169 Bản tiếng Anh của PTS: Exhortation, nghĩa là Sự khuyến khích. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.497. 0129Ồ25).

Này các Hiền giả, khi Tỷ-kh o buộc tội, muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội. Thế nào là năm? "Tôi sẽ nói đúng thời,170 không phải phi th&i"; "T6i sẽ nói chơn that, không phải phi chơn that"; "T6i sẽ nói nhu hòa, không phải thô bạo" "Tôi sẽ nói lời liên hệ đến lọi ích, không phải lời không liên hệ đến lọi ích"; "T6i sẽ nói với từ tâm, không phải với sân tâm.^, Này các Hiền giả5 khi yị Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội người khác. Ở dây, này các Hiền giả, tôi thấy có người bị buộc tội phi thòi, và có phản ứng không đúng thời; có người bị buộc tội phi chơn, và có phản ứng không chơn thật; bị buộc tội thô bạo, và có phản ứng kh6ng nhu hòa; bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích? và có phản ứng không liên hệ đên lợi ích; bị buộc tội với sân tâm, và có phản ứng không có từ tâm. Tỷ-kheo5 này các Hiền giả, bị buộc tội phi pháp, có năm lý do không cần sắp đặt171 sám hối: "Tôn giả bị buộc tội phi thòi, không đúng thời, như vậy là vừa

đủ để Tôn giả không sám hối^; "Tôn giả bị buộc tội phi chơn, không phải chơn thật, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám h6i" "Tôn giả bị buộc tội thô bạo, không có nhu hòa, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám hối55; "T6n giả bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lọi h, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám h6i"; "T6n giả bị buộc tội với sân tâm, không với từ tâm5 như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám h6i." Tỷ-kheo, này các Hiền giả? bị buộc tội một cách phi pháp, có năm lý do này không cần phải sắp đặt sám hối. Tỷ-kheo9 này các Hiền giả, bị buộc tội phi pháp, có năm lý do cần sắp đặt sám hối: "Hiền giả đã buộc tội phi thời5 không phải đúng thòi, như vậy là vừa đủ đê Hiên giả sám hôi ; Hiên giả đã buộc tội phi chơn, không phải chơn thật, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối59; "Hiền giả đã buộc tội một cách thô bạo, không có nhu hòa5 như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hoi59; "Hiền giả đã buộc tội liên hệ đến phi lợi ích5 không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám h6i"; "Hiền giả đã buộc tội với sân tâm, không với từ tâm5 như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối.^, Tỷ-kheo bị buộc tội phi pháp, này các Hiền giả, có năm lý do này cần phải sắp đặt sám hối. Vì sao? Vì răng, nhờ vậy không một Tỷ-kheo nào khác nghĩ rằng có thể buộc tội phi chơn. Ở dây, này các Hiền giả, tôi thấy có người bị buộc tội đúng thời, không phản ứng phi thời; bị buộc tội chơn thật, không phản ứng phi chơn; bị buộc tội nhu hòa5 không phản ứng thô bạo; bị buộc tội liên hệ đên lợi ích, không phản ứng không liên hệ đến lợi ích; bị buộc tội với từ tâm, không phản ứng với sân tâm.

170 Xem4 III. 243; GS. III. 178 (kinh 198 ở sau); A. V. 81; D. III. 236; M. I. 126; Vĩn. II. 249ff. 171 Upạdahãtabbo. ẠA. III. 300: Avỉppatỉsãro upạdahãtabbotỉ amankubhãvo upanetabbo (tcKhông cần phải sắp đặt sám h6i" nghĩa là không cần phải sắp xếp lên bày tỏ lỗi lầm đáng thẹn).

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội đúng pháp có năm lý do cần phải sắp đặt sám hối: "T6n giả bị buộc tội đúng thời, không phải phi thời, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám h§i"; "Tôn giả bị buộc tội chơn thật, không phải phi chơn, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám h6i" "Tôn giả bị buộc tội nhu hòa, không thô bạo, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám h6i"; "T6n giả bị buộc tội liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám h6i" "Tôn giả bị buộc tội với từ tâm, không phải với sân tâm, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám h6i." Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội đúng pháp có năm lý do này5 cần phải sắp đặt sám hối. Tỷ-kheo5 này các Hiền giả5 buộc tội đúng pháp có năm lý do để không phải sắp đặt sám hối: "Hiền giả buộc tội đúng thời, không phải phi thời, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám h6i'; "Hiền giả buộc tội chơn thật, không phải phi chơn, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám h6i"; "Hiền giả buộc tội nhu hòa? không phải thô bạo, như vậy là vừa đủ đê Hiên giả không sám h6i"; "Hiền giả buộc tội không liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám hối,5; "Hiền giả buộc tội với từ tâm, không với sân tâm, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám h6i." Này các Hiền giả, Tỷ-kheo buộc tội đúng pháp, do năm lý do này không cần phải sắp đặt sám hối. Vì sao?

Vì rằng, nhờ vậy các Tỷ-kheo khác nghĩ rằng buộc tội cần phải đúng pháp. Người bị buộc tội, thưa các Hiên ẹiả9 cân phải an trú trong hai pháp: Chơn thật và bất động. Này các Hiền giả, neu các người khác buộc tội tôi, đúng thời hay phi thời, chơn thật hay phi chơn, nhu hòa hay thô bạo5 liên hệ đến lợi ích hay không liên hệ đến lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm, thì cần phải an trú trong hai pháp: Chơn thật và bất động. Nếu tôi biết: "Pháp này có trong tôf\ nếu tôi nghĩ là: “C6", tôi sẽ nói: "Pháp này có trong t6i." Nếu tôi biết: "Pháp này không có trong t6i", nếu tôi nghĩ là: "Không c6", tôi sẽ nói: "Pháp này không có trong t6i." Thê Tôn nói: - Như vậy, này Sãriputta, khi ông nói như vậy? ở đây có một số người ngu nào không có khả năng nắm giữ được vấn đề? Bạch Thế Tôn, những người nào không có lòng tin,172 với mục đích mưu sống,173 không vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thăng bằng, cao mạn, dao động5 lắm lòi, nói thô lỗ tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ5 không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ? uể oải, đi đầu trong thối thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp

172 Xem Mill. 6. 173 Jĩvikatthã. Xem UdA. 205.

kém9 thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; khi con nói như vậy? họ không có khả năng nắm giữ được vấn đề. Nhưng các thiện nam tử, bạch Thế Tôn5 vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động? không lắm lời9 không nói thô lỗ tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, không sống quá đầy đủ, không uể oải5 tìx bỏ gánh nặng đọa lạc5 đi đầu trong đời sống viễn ly, tinh cần tinh tấn, siêng năng, an trú chánh niệm tỉnh giác, định tinh, nhất tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; khi con nói như vậy, các vị này có khả năng nắm giữ vấn đề. Này Sãriputta, các người không vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia dinh, sống không gia đình... liệt tuệ5 câm ngọng, hãy để họ một bên. Nhưng này Sãriputta, những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không câm ngọng, hãy nói chuyện với họ? hãy giáo giới các vị đông Phạm hạnh, hãy giảng dạy họ. Này Sãriputta, các vị đồng Phạm hạnh nghĩ răng: "Sau khi được giúp ra khỏi phi Diệu pháp, tôi an trú cùng các vị đông Phạm hạnh trong Diệu pháp." Này Sãriputta hãy như vậy học tập. VIII. KINH CÓ GIỚI (Sĩỉasuttay14 (Ả. III. 200) 168. Tại dấy, Tôn giả Sãriputta bảo các Tỷ-kheo: -Với người ác giới, này các Hiền giả, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá 175 do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, hoại, như thật tri kiến174 với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán5 ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại. Ví như5 này các Hiền giả, một cây, với cành và lá bị phá hoại, thời đọt cây ấy không đi đến viên mãn5 vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đên viên mãn. Cũng vậy, này các Hiên giả? với người ác giới, với người phá

giới5 chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiên không có mặt, với người như thật tri kiên bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt? với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiên do vậy bị phá hoại. Với người có giới, này các Hiền giả, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt? với người

174 Tham chiếu: A. III. 19; GS. III. 14 (kinh 24 ở trước). Giới kinh (roi. 0026.47-48. 0486b23- 048ÓC03); Tạp.(7.02. 0099. 495. 0129a09). 175 Chủ giải viết taruna nghĩa là tuổi trẻ.

như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán5 ly tham có mặt5 với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu. Ví như, này các Hiền giả, một cây, với cành và lá được đầy đủ? thời đọt cây ấy đi đến viên mãn5 vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Hiền giả, với người có giới, với người giữ gìn giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiên do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiên có mặt, với người như thật tri kiên được thành tựu, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu. IX. KINH CHÚ TÂM MAU CHÓNG (Khippanisantisuttă)^ (Ắ. IIL 201) 169. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi dến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Sãriputta: Cho đên như thê nào, thưa Hiên giả Sãriputta, Tỷ-kheo mau chóng đi đên hiêu biêt đôi với thiện pháp, sự năm giữ của vị ây là khéo năm giữ, năm giữ nhiều và không quên điêu đã nắm giữ. -Hiên giả Ananda là vị nghe nhiêu, mong Hiên giả Ananda hãy nói lên. —Vậy thưa Hiền giả Sãriputta, hãy khéo tác ý, tôi sẽ nói. —Thưa vâng? Hiền giả. Tôn giả Sãriputta vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: —Ở dây, thưa Hiền giả Sãriputta, có Tỷ-kheo thiện xảo về ý nghĩa, thiện xảo vê pháp? thiện xảo vê văn cú5 thiện xảo vê địa phương ngữ5 thiện xảo về liên hệ trước sau. Cho đến như vậy? thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo mau chóng đi đến hiểu biết đối với các thiện pháp, sự nắm giữ của vị ấy là khéo nắm giữ, nắm giữ nhiều và không quên điều đã nắm giữ. -Thật vi diệu thay, thưa Hiền_giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khó nói thay, điều này được Hiền giả Ãnanda nói lên. Chúng tôi tin rằng Hiền giả Ãnanda thành tựu năm pháp này. Hiền giả Ãnanda thiện xảo về nghĩa, thiện xảo về pháp9 thiện xảo về văn cú, thiện xảo về địa phương ngữ, thiện xảo về liên hệ trước sau. X. KINH BHADDAJI (Bhaddajisutta)^ (Ả. III. 202) 170. Một thời, Tôn ệiả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Bhaddaji đi đên Tôn giả Ãnanda; sau khi đi đến, nói với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời

chào đón hỏi

176 Bản tiếng Anh của PTS: Come to Know, nghĩa là Đến để biết. 177 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.484. 0123b20).

thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Bhaddaji đang ngồi một bên: —Thưa Hiền giả Bhaddaji, điều gì là tối thượng trong những điều được thây? Điêu gì là tôi thượng trong những điêu được nghe? Điêu gì là tối thượng trong các lạc? Điều gì là tối thượng trong những điều được tưởng? Điều gì là tối thượng trong các hữu? Thưa Hiền giả? có Phạm thiên là bậc t6ì thắng (Abhibhũ), là bậc Vô địch, bậc Biến nhãn, tự tại đối với tất cả loại hữu tình; thấy Phạm thiên là tối thượng trong những điều được thấy. Thưa Hiên giả, có chư thiên Quang Am (Abhassara) tràn đây và biên mãn an lạc; khi nào và chỗ nào họ thốt lên lời cảm hứng ngữ: "Oi, sung sướng thay! Ôi, sung sướng thay!" Ai nghe tiếng ấy, đó là sự nghe tối thượng. Thưa Hiền giả, có chư thiên Biến Tịnh (Subhakinha) họ sống thoải mái trong tịch tịnh, họ cảm giác lạc thọ, đây là lạc tối thượng. Thưa Hiên giả, có chư thiên đạt được Vô sở hữu xứ5 đây là tưởng vô thượng. Thưa Hiên giả, có chư thiên đạt được Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đây là hữu tối thượng. —Lời nói của Tôn giả Bhaddaji, đây là lời của quần chúng. -Tôn giả Ananda là vị nghe nhiêu. Tôn giả Ananda hãy nói lên. Vậy này Hiền giả Bhaddaji, hãy nghe và khéo tác ý? tôi sẽ nói. Thưa vâng, Hiền giả. Tôn giả Bhaddaji vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: -Khi người ta nhìn, này Hiền giả, không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là sự thấy tối thượng. Khi người ta nghe không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là sự nghe tối thượng. Khi người ta cảm giác lạc thọ không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là an lạc tối thượng. Khi người ta cảm tưởng không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là tưởng tối thượng. Khi người ta hiện hữu không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là hữu tối thượng.

xvm. PHẨM NAM Cư Sĩ (UPẪSAKAK4GGA)

L KINH SỢ HÃI (Sarajjasutta) (A. III. 203) 171. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Tại đây5 The Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Ạ _ FT^ 7 r -í _ 1 Ar A. _ _____ 4. _ rr^l < __ Ạ rT-ĩ /\ A ryi /\ A • 1 Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: -Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 nam cư sĩ rơi vào sự sợ hãi. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ rơi vào sự sợ hãi. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ không có sợ hãi. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 nam cư sĩ không có sợ hãi. II. KINH KHÔNG sợ HÃI(yisãradasutta) (Ả. III. 203) 172. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 nam cư sĩ sông ở gia đình có sợ hãi. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của

không cho, tà hạnh trong các dục? nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 nam cư sĩ sông ở gia đình có sợ hãi. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. III. KINH ĐỊA NGỤC (Nirayasutta) (A. III. 204) 173. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 nam cư sĩ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thê nào là năm? Sát sanh, lây của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 653

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 nam cư sĩ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 nam cư sĩ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thê nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đăm say rượu men rượu nâu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. IV. KINH HẬN THÙ (Verasutta) (A. III. 204) 174. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tồn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: -Này gia chủ, ai không đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù, được gọi là ác giới và sanh vào địa ngục. Thê nào là năm? Sát sanh? lây của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo5 đăm say rượu men rượu nâu. Này gia chủ, ai không đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù này9 được gọi là ác giới và sanh vào địa ngục. Này gia chủ, ai đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù5 được gọi là có giới và sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Sát sanh5 lấy của không cho... đắm say rượu men rượu nấu. Này gia chủ, ai đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù này, được gọi là có giới và sanh lên cõi trời. Này gia chủ, người sát sanh, do duyên sát sanh, hiện tại sanh khởi sự sợ hãi hận thù, đời sau sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm cảm thọ khổ ưu. Từ bỏ sát sanh, hiện tại không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, đời sau không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm không cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, như vậy, sự sợ hãi hận thù ây được tịnh chỉ. Này gia chủ5 người lấy của không cho... Này gia chủ, người có tà hạnh trong các dục... Này gia chủ, người nói láo... Này gia chủ5 người đăm say rượu men rượu nấu, do duyên đắm say rượu men rượu nấu, hiện tại sanh khởi sợ hãi hận thù5 đời sau sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, hiện tại không sanh khởi sự sợ hãi hận thù? đời sau không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm không cảm thọ khô ưu. Người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, như vậy, sự sợ hãi hận thù ây được tịnh chỉ. Ai sát hại sanh linh, Và nói láo ở đời, Lấy của cải không cho, Đi đến vợ người khác, : e r Và người mãi đăm say, Uông rượu men rượu nâu, Không đoạn năm hận thù,

654 KINH TÀNG CHI BỘ

Được gọi là ác giới, Mệnh chung sanh ác tuệ5 Bị rơi vào địa ngục. Ai không hại sanh linh, Không nói láo ở đời5 Không lấy của không cho, Không đi đến vợ người, Người nào không đăm say, Rượu men và rượu nấu, Đoạn tận năm hận thù, Được gọi là có giới,

Mệnh chung sanh trí tuệ? Được sanh lên cõi lành. V KINH KẺ BỊ VẤT BỎ (Canặãỉasutta) (A. III. 206) 175. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 một nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ khỏi giới nam cư sT, là câu uê cho nam cư sĩ, là tôi hạ liệt cho nam cư sĩ. Thế nào là năm? Không có lòng tin; ác giới; đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; tin tưởng điêm lành5 không tin hành động; tìm kiêm ngoài [Tăng chúng] người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 một nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ khỏi giới nam cư si, là câu uê cho nam cư sĩ9 là tôi hạ liệt cho nam cư sĩ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ là hòn ngọc trong giới nam cư si, là hoa sen hông trong giới nam cư si, là hoa sen trăng trong giới nam cư sĩ. Thê nào là năm? Có lòng tin; có giới; không đoán tương lai với những nghi lê đặc biệt; không tin tưởng điêm lành5 tin tưởng ở hành động; không tìm kiếm ngoài [Tăng chúng] người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 người nam cư sĩ là hòn nạọc trong giới nam cư si, là hoa sen hồng trong giới nam cư sĩ, là hoa sen trăng trong giới nam cư sĩ. VI. KINH HOAN HỶ (Pĩtisuttă)^ (A. III. 206) 176. Rồi gia chủ Anãthapindika với khoảng năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế rr^ 11* jL j. 9 i 1 /\ ÍTĨ /V & _ _ • Ạ _ _ FTii FT1 /y r • r. * Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Thê Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Này gia chiỉ, ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Nhung ông chớ có bằng lòng với ý nghi: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiêt như y, đô ăn khât thực? sàng tọa, dược phâm trị benh.” Do vậy, này gia chủ5

178 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.482. 0122c24).

ông cân phải học tập như sau: "Vói phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh." Như vậy? này gia chủ5 ông cần phải học tập. Được nghe nói như vậy? Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Khéo nói thay là lời nói này của Thế Tôn: “Này gia chủ? ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Nhưng ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: 'Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực5 sàng tọa, dược phẩm trị bệnh/ Do vậy? ông cần phải học tập như sau: 'Với phương tiện nào, chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh/ Như vậy, này gia chủ? ông cần phải học tap." Bạch Thế Ton, khi nào vị Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự việc không xảy ra: Khổ và ưu liên hệ đến dục, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đên dục, trong thời gian ây không khởi lên cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến bất thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy. Bạch Thế Ton, khi nào vị Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự việc này không xảy ra. Lành thay! Lành thay! Này Sãriputta, trong khi vị Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy9 năm sự

kiện không xảy ra cho người ấy: Khổ và ưu liên hệ đến dục trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến dục trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy. Này Sãriputta, trong khi vị Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự kiện này không xảy ra cho người ấy. VII. KINH NGƯỜI BUÔN BÁN (Vanijjasuttd) (A. III. 208) 177. Có năm nghề buôn bán, này các Tỷ-kheo5 một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc. Có năm nghề buôn bán này, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm. VIII. KINH CÁC VUA (Rãiãsutta) (Ắ. III. 208) 178. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau không: uNgười này đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Rồi các vua chúa bắt người ây do nhân từ bỏ sát sanh, sát hại hay bắt trói, hay tân xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muon,9? Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Rồi do nhân từ bỏ sát sanh, các vua bắt người ấy sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muôn.^, Nhưng nêu có người nói vê ác nghiệp của người ây như sau: "Người này sát hại sinh mạng của nữ nhân hay nam nhân.” Rồi các vua bắt người ấy, do nhân sát hại sinh mạng, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay nghe như vậy chăng? - Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thê nào, các ông có thây hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ lây của không cho, sát hại hay bắt trói5 hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn,,7 - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ lấy của không cho, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn.,, Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này lấy của không cho gọi là ăn trộm, từ làng hay từ khu rừng.” Rồi các vua bắt người ấy, do nhân lấy của không cho, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy? hay nghe như vậy chăng? - Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa. Này các Tỷ-kheo9 các ông nghĩ thế nào? các ông có thấy hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận tà hạnh trong các dục5 từ bỏ tà hạnh trong các dục. Rôi các vua băt người ây, do nhân từ bỏ tà hạnh trong các dục, sát hại, hay băt trói, hay tân xuất, hay làm gì người ây tùy theo ý muôn,,? Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Nguôi này đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ tà hạnh trong các dục5 sát hại hay bắt trói, hay tân xuât5 hay làm gì người ây tùy theo ý muôn.,, Nhưng nêu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này có tà hạnh với những

người đàn bà của người khác, với những thiếu nữ của người khác.” Rồi các vua bắt người ấy, do nhân tà hạnh trong các dục, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay có nghe như vậy chăng? - Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thê nào5 các ông có thây và có nghe như sau không: "Người này đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ nói láo, sát hại, hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn,5? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo9 Ta cũng khônẹ thây, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Rôi các vua chúa bắt người ấy, do nhân từ bỏ nói láo, sát hại hay băt trói, hay tân xuất, hay làm gì người ây tùy theo ý mu6n." Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này do nói láo, phá hoại hạnh phúc của người gia chủ hay con người gia chủ.,, Rồi các vua bắt người ấy, và do nhân nói láo5 sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay có nghe như vậy chăng? Bạch Thê Tôn, chúng con có thây, có nghe như vậy? và sẽ được nghe như vậy nữa. Này các Tỷ-kheo5 các ông nghĩ thế nào, các ông có thấy hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, sát hại, bắt trói? hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý mu6n"? -Thưa không, bạch Thế Tôn. - Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Rồi các vua chúa bắt người ấy, do nhân từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, sát hại, hay bắt trói5 hay tẩn xuất, hay làm ệi người ấy tùy theo ý muốn.,, Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ây như sau: "Người này do nhân đăm say rượu men rượu nâu, lấy của không cho, gọi là ăn trộm từ làng hay từ khu rừng; người này do nhân đắm say rượu men rượu nấu, có tà hạnh đối với những nữ nhân của các người khác, đôi với các thiêu nữ của những người khác; người này do nhân đăm say rượu men rượu nấu, nói láo, phá hoại hạnh phúc người gia chủ hay con người gia chiV' Rồi các vua bắt người ấy, do nhân đắm say rượu men rượu nấu, sát hại hay băt trói, hay tân xuất, hay làm gì người ây tùy theo ý muôn. Các ông có thấy như vậy, có nghe như vậy chăng? -Bạch Thế T6n, chúng con có thấy, có nghe như vậy và sẽ được nghe như vậy nữa. IX. KINH GIA CHỦ (Gihisutta)119 (Ả. III. 211) 179. Gia chủ Anăthapindika với khoảng năm trăm nam cư sĩ đoanh vây, đi rr^i rr^ i i * ->• A j. 7 1 1 A rT^i rnri r\ A * /y • /V J i A mi ' r~r\ den The Ton; sau khi đen, đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. The Ton bảo Tôn giả Sãriputta:179

179 Tham chiếu: ưu-bà-tắc kỉnh (7L01. 0026.128. 0616a27).

Này Sãriputta, ông có biết người gia chủ mặc áo trắng mà sở hành được bảo vệ trong năm học giới, và có được không khó khăn, có được không mệt nhọc5 có được không phí sức bốn tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú,180 nếu vị ấy muốn, có thể tự đáp về mình

như sau: “Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận loài ngạ quỷ9 đoạn tận cõi dữ, ác thú? đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn phải thối đọa, quyết chắc đạt được Chánh giác." Vậy sở hành được bảo vệ trong năm học giới nào? Ở đây, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Sở hành được bảo vệ trong năm học giới này. Vị ấy có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc? có được không phí sức bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú nào? Ở đây, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế Tôn?5 Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ nhất, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh? làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng. Lại nữa, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ hai, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng. Lại nữa, này Săriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn? Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn? tức là bon đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đờiy Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ ba, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng. Lại nữa, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu giới được bậc Thánh ái kính, không có bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán? làm cho an lạc, hướng đến thiền định. Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ tư, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng. Bốn tăng thượng tâm? hiện tại lạc trú này được vị Thánh đệ tử chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc5 chứng đắc không phí sức.

180 Xem A. IV. 405; D. II. 93; s. V. 357. Bốn pháp này được gọi là Pháp kính.

Này Sāriputta, ông có biết người gia chủ mặc áo trắng mà sở hành được bảo vệ trong năm học giới, và có được không khó khăn5 có được kh6ng mệt nhọc, có được không phí sức bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú; nếu vị ấy muốn, có thể tự đáp về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục5 đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận loài ngạ quỷ, đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc

Dự Lưu, không còn phải thối đọa5 quyết chắc đạt được Chánh giác."

Thấy sợ hãi địa ngục,

Hãy tránh xa điều ác9

Khéo chấp nhận Chánh pháp,

Bậc hiền trí tránh xa,
Không hại các chúng sanh,
Những vật có nỗ lực.
Biết không có nói láo,
Không lấy của không cho,
Tự băng lòng vợ minh,
Tránh xa vợ người khác.
Người biết không uống rượu,
Khiến tâm trí me loạn,
Hãy tùy niệm đến Phật5
Hãy tùy niệm đến Pháp,
Hãy tu tâm không sân,
Hãy tu tâm nhiêu ích,
Để xứng đáng được sanh,
Cảnh giới các chư thiên,
Cầu công đức lợi ích,
Hãy cung cấp vật thí,
Trước thí bậc Chí thiện,
Mới mong có quả lớn.
Này Sãriputta,
Ta sẽ nói cho ông?
Các bậc Chí thiện ấy,
Ong hãy lăng nghe Ta.
Như trong một đàn bò5
Có con đen5 trăng, đỏ9
Màu hung hayA có đôm,
CÓ con màu bô câu5
Dầu con bò màu gi,
Kiêm được con bò thuân,
Con vật kéo sức mạnh,
Đẹp, lanh và hăng hái,
Mặc kệ nó màu gi,

Liền mắc vào gánh nặng.
Cũng vậy, giữa loài người,
Dầu có sinh chỗ nào,
Hoàng tộc9 Bà-la-môn,
Thương gia hay nô bộc,
Kẻ không có giai cấp,

Hay hạ cấp đổ phân,
Giữa những người như vậy,
Ai điều phục, thuần thục,
Ngay thẳng, đủ giới đức,
Nói thực5 biết tàm quý?
Sanh tử đã đoạn tận,
Phạm hạnh được vẹn toàn,
Gánh nặng đã hạ xuống,
Không còn bị trói buộc,
Việc cần làm đã làm,
Không còn bị lậu hoặc,
Đã đến bờ bên kia,
Không chấp trước, tịch tịnh5
Phước điền ấy vô cấu,
Quả lớn đáng cúng dường.
Những kẻ ngu không biết,
Thiếu trí, ít nghe nhiều,
Chỉ bố thí bên ngoài,
Không đến gần người thiện.
Những ai gần người thiện,
Có tuệ? tôn bậc hiền,
Họ tin bậc Thiện Thệ,
An trú tận gốc rễ5
Sanh thiên hay ở dây,
Được sanh gia đình tốt5
Bậc trí tuân tự tiên,
Chứng được cảnh Niết-bàn.

X. KINH CƯ SĨ GAVESĨ (Gavesĩsuttă)^ (Ả. III. 214) 180. Một thời, Thể Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đang đi trên đường, Thế Tôn thấy một chỗ có khóm rừng cây Sãla to lớn. Thấy vậy5 Ngài bước xuống đường, đi đến khóm rừng cây Sãla, đi sâu vào rừng Sãla ấy, và tại một địa điểm, Ngài mỉm cười. Rồi Tôn giả Ãnanda suy nghĩ: “Do nhân gi, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm

181 Bản tiếng Anh của PTS: Gavesin, the Seeker, nghĩa là Gavesĩ, người tầm cầu.

cười? Không phải không có duyên cớ5 các Như Lai tỏ lộ mỉm cười.,, Rồi Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Ton, do nhân gì, do duyên gi, Thế Tôn tỏ lộ mỉm cười? Không phải không có duyên cớ5 các Như Lai tỏ lộ mỉm cười. —Thuở xưa, này Ãnanda, tại địa điểm này5 có một thành phố phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Tại thành phố ấy,

này Ãnanda5 Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở gần đây. Này Ãnanda, Gavesĩ là một nam cư sĩ của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhưng giữ giới không được viên mãn. Rồi này Ananda, có khoảng năm trăm nam cư sĩ được cư sĩ Gavesĩ thuyết pháp và khích le, các người này giữ giới luật không được viên mãn. Rồi này Ananda, nam cư sĩ Gavesĩ suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ rất nhiều năm trăm vị nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ5 nhưng ta giữ giới luật không được viên mãn. Như vậy là đông đăng giông nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn." Rồi này Ãnanda, nam cư sĩ rGavesĩ đi đen năm • trăm r nam cư sĩ; sau khi đen, nói với năm trăm \ nam cư sĩ ây như sau: "Này các Tôn giả5 bắt đâu từ hôm nay, ta sẽ thọ trì viên mãn trong các giới mat.” Rồi này Ãnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesĩ đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước, đã khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesĩ sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật. Tại sao chúng ta lại không như vay!" Rồi này Ãnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesĩ; sau khi đến5 nói với nam cư sĩ Gavesĩ: "Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesĩ, chúng tôi sẽ thọ trì viên mãn trong các giới hiậty Rồi này Ãnanda, nam cư sĩ Gavesĩ suy nghĩ như sau: “Ta giúp đỡ rất nhiều cho năm trăm nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Ta thọ trì viên mãn trong các giới luật và năm trăm nam cư sĩ này cũng thọ trì viên mãn trong các giới luật. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn.,^ Rồi này Ãnanda, nam cư sĩ Gavesĩ đi đến năm trăm nam cư sĩ; sau khi đến? nói với năm trăm vị nam cư sĩ ấy như sau: "Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liet." Rồi này Ananda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesĩ giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Và Tôn giả Gavesĩ sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Tại sao chúng ta lại không như vay!" Rồi này Ãnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesĩ; sau khi đến5 nói với nam cư sĩ Gavesĩ: "Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesĩ, chúng tôi sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ ỉiệty Rồi nam cư sĩ Gavesĩ suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ rất nhiều cho năm trăm nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Ta thọ trì viên mãn trong các giới luật, năm trăm nam cư sĩ này cũng thọ trì viên mãn trong các giới luật; ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt và năm trăm nam cư

SĨ này cũng hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn." Rồi này Ãnanda, nam cư sĩ Gavesĩ đi đến năm trăm • # r A r y

nam cư sĩ; sau khi đên, nói với năm trăm vị nam cư sĩ ây như sau: "Bt đâu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm5 từ bỏ ăn phi thời?5 Rồi này Ãnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesĩ giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesĩ sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Tại sao chúng ta lại không như vậy!95 Rồi này Ãnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesĩ; sau khi đến9 nói với

nam cư sĩ Gavesĩ: "Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesĩ, chúng tôi sẽ thọ trì ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm5 từ bỏ an phi thời?5 Rồi này Ảnanda, nam cư sĩ Gavesĩ suy nghĩ như sau: “Ta giúp đỡ cho năm trăm nam cư sĩ này rất nhiều, ta đã đi trước và khích lệ họ. Nay ta thọ trì viên mãn trong các giới luật và năm trăm nam cư sĩ này cũng thọ trì viên mãn trong các giới luật; ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt và năm trăm nam cư sĩ này cũng hành Phạm hạnh, sống viễn ly, 182 từ bỏ dâm dục hạ liệt; ta ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời và năm trăm nam cư sĩ này cũng ăn môi ngày một bữa5 không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Như vậy là có sự đông đăng giông nhau, không có gì trội hơn, nhiêu hơn. Vậy ta hãy làm điêu gì trội hơn, nhiêu hơn.” Rôi này Ananda, Tôn giả Gavesĩ đi đên Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi đến, bạch với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: Bạch Thế Tôn5 hãy cho con xuất gia với Thế T6n, hãy cho con thọ Đại giới! Rồi này Ananda, nam cư sĩ Gavesĩ được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, này Ãnanda, Tỷ-kheo Gavesĩ sống một mình, an tịnh, không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần; và không bao lâu5 vị này chứng được mục đích tối thượng mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại5 tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. Và vị ấy xác chứng: "Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Và này Ananda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: 66Tỷ-kheo Gavesĩ giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Nay Tôn giả Gavesĩ đã cạo bỏ râu tóc5 đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình5 sống không gia đình. Tại sao chúng ta lại không như vậy!,, Rồi này Ảnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi đến, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

182 Brahmacărỉno ărăcărỉno. Xem 4 IV. 249; D. I. 4; M. III. 33.

Bạch Thế Tôn, hãy cho chúng con xuất gia với Thế Tôn5 hãy cho chúng con thọ Đại giới! Và này Ãnanda, năm trăm nam cư sĩ ấy được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi này Ãnanda, Tỷ-kheo Gavesĩ suy nghĩ như sau: “Ta đã chứng được Vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc5 chứng được không phí sức. Mong rằng năm trăm vị Tỷ-kheo ấy có thể chứng được Vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức." Rồi này Ãnanda, năm trăm vị Tỷ-kheo ấy sống an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, các vị ấy chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử xuất gia5 từ bỏ gia dinh, sông không gia đình hướng đên? đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. Và các vị ấy xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Như vậy, này Ảnanda, năm trăm vị Tỷ-kheo ấy, do Gavesĩ dẫn dầu, trong khi tinh tấn đạt đến những gì cao hơn nữa, những gì tối thắng hơn nữa, đã chứng ngộ Vô thượng giải thoát. Do vậy5 này

Ånanda, cần phải học tập như sau: "Hãy tinh tấn để đạt đến những gì cao hơn nữa, tối thắng hơn nữa, chúng ta sẽ chứng ngộ Vô thượng giải thoát." Như vậy5 này Ãnanda, các ông cần phải học tập.

XIX. PHẢM SỐNG Ở RỪNG (ÃRANNAVAGGA)

I. KINH HẠNH SỐNG Ở RỪNG (Arannikasutta)^ (A. III. 219) 181. Có năm hạng người này sống ở rừng. Thế nào là năm? Hạng đần độn ngu si sống ở rừng; hạng ác dục, ác tánh sống ở rừng; hạng kiêu mạn loạn tâm183 184 sống ở rừng; hạng ở rừng vì được nghe Phật và các đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục5 vì biết đủ5 vì đoạn giảm,185 vì viễn ly, vì cầu thiện hành186 này sống ở rừng. Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người này sống ở rừng. Trong năm hạng người này sông ở rừng, này các Tỷ-kheo, hạng sông ở rừng vì ít dục5 vì biết đủ? vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này sống ở rừng, hạng người này trong năm hạng người ây là đệ nhất, là tôi thăng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu. Ví như này các Tỷ-kheo5 từ con bò có sữa,187 từ sữa có lạc (dadhỉ), từ lạc có sanh tô (navanĩtam). từ sanh tô có thục tô (sappí). từ thục tô có đê-hô (sappỉmandoỴ Đây được gọi là đệ nhất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? trong năm hạng người sống ở rừng, hạng sống ở rừng vì ít dục5 vì biết đủ5 vì đoạn giảm5 vì viễn ly, vì cầu thiện hành này sống ở rừng, hạng người này trong năm hạng người ây là đệ nhất, là tôi thăng, là thượng thủ, là tôi thượng, là tôi diệu. IL KINH HẠNH MẶC Y (Cĩvarasutta) (A, III. 219) 182. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người mặc y nhặt từ đống rác này... III. KINH HẠNH SỐNG DƯỚI GỐC CÂY (Rukkhamũlỉkasuttă) (A. III. 219) 183. Này các Tỷ-kheo? năm hạng người sống dưới gốc cây này... IV. KINH HẠNH SỐNG Ở NGHĨA ĐỊA (Sosãnikasuttd) (Ắ. III. 220) 184. Này các Tỷ-kheo5 năm hạng người sống ở nghĩa địa này...

183 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (r.02. 150A.21. 0879al0). 184 Xem 4 III 117; GS. III. 92 (kinh 93 ở trước). 185 Salỉekha: Đoạn giảm ác, sám hối, ăn năn. 186 Idamatthỉtantỉ. AA. III. 307: Idamạtthỉtantỉ ỉmãya kalyãnãya paỉỉpattỉyã attho etassãti ỉdamatthĩ, ỉdamatthỉno bhãvo ỉdamatthỉtã ("Vi cầu thiện hành này,5; ỉdamatthĩ - ỉdấmatthỉtã, có nghĩa là "mong muốn từ hành động tốt này"). 187 Ví dụ này được tìm thấy trong A. II. 95 và V. 182; s. III. 264; J. VI. 206.

V. KINH HẠNH SỐNG NGOÀI TRỜI (Abbhokãsikasuttd) (A. III. 220) 185. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người sống ở ngoài trời này... VI. KINH HẠNH NGỒI KHÔNG NẰM (Nesajjikasutta) (A. III. 220) 186. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người ngôi không chịu năm này... VII. KINH HẠNH CƯ NGỤ TÙY THEO CHỈ ĐỊNH (ĩàthãsanthatìkasutta) (A. IIL 220) 187. Này các Tỷ-kheo? năm hạng người nằm bất cứ chỗ nào được mời này... VIII. KINH HẠNH NGỒI ĂN MỘT CHỖ (Ekasanikasutta) (A. III. 220) 188. Này các Tỷ-kheo5 năm hạng người chỉ ngồi ăn một lần này... IX. KINH HẠNH ẢN MỘT BỮA (Khaỉupacchãbhattìkasutta) (A. III. 220) 189. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người theo hạnh ăn xong, sau không ăn nữa này... X. KINH HẠNH ĂN TỪ BÌNH BÁT

(Pattapindikasutta) (A. III. 220) 190. Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này. Thế nào là năm? Hạng đần độn ngu si ăn từ bình bát; hạng ác dục, ác tánh ăn từ bình bát; hạng kiêu mạn loạn tâm ăn từ bình bát; hạng ăn từ bình bát vì được nghe Phật và các đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát. Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này. Trong năm hạng người ăn từ bình bát này, này các Tỷ-kheo? hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biêt đủ5 vì đoạn giảm, vì viên ly, vì câu thiện hành này ăn từ bình bát, hạng người này trong năm hạng người ây là đệ nhât, là tôi thăng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu. Ví như này các Tỷ-kheo, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc cỏ sanh tô9 từ sanh tô có thục tô5 từ thục tô có đề-hồ. Đây được gọi là đệ nhất. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 trong năm hạng người ăn từ bình bát này, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biêt đủ, vì đoạn giảm, vì viên ly, vì câu thiện hành này ăn từ bình bát. Hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất5 là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

XX. PHẨM BÀ-LA-MÔN (BRẢHMANA^GGA)

I. KINH CON CHÓ (Sonasutta) (A. III. 221) 191. Có năm cựu Bà-la-môn pháp này,188 này các Tỷ-kheo? nay được thấy giữa các con chó5 không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thế nào là năm? Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn, không đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các con chó đực chỉ đi đến con chó cái, không đi đến loại không phải con chó cái. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thuở xưa? này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn trong thời kỳ có thê thụ thai, không có đi đên trong thời kỳ không thê thụ thai. Ngày nay5 này các Tỷ-kheo? các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn trong thời kỳ có thể thụ thai và cũng đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các con chó đực chỉ đi đến con chó cái trong thời kỳ có thể thụ thai, không đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo5 nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo5 các nam Bà-la-môn không mua, không bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa.189 Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các nam Bà-la-môn mua và bán nữ Bà-la-môn? cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực không mua, không bán con chó cái, cộng trú trong tình tương ái? tiếp tục trong sự thuận hòa. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó5 không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thuở xua, này các Tỷ-kheo9 các Bà-la-môn không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các loài chó không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài ch6, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

188 Xem Sn. 52 về các pháp Bà-la-môn. 189 Sampỉyeneva samvãsam sambandhãya sampavattentỉ.

Thuở xưa5 này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn ăn cho đến no nê thỏa bụng, rồi lấy các đồ ăn còn lại và mang đi. Ngày nay, này các Tỷ-kheo? các con chó vào buôi chiêu tìm đô ăn buôi chiêu, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo? nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Năm cựu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo5 nay được thấy giữa các loài ch6, không được thấy giữa các Bà-la-môn. II. KINH BÀ-LA-MÔN DONA (Donabrahmanasutta)x^ (A. III. 223) 192. Rồi Bà-la-môn Dona đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Bà-la-môn Dona bạch r-iri Ắ ẶK Thê Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: uSa-môn Gotama không đảnh lễ, hay không đứng dậy, hay không mời ngồi ghế các vị Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đờiy Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy. Tôn giả Gotama không đảnh lễ5 hay không đứng dậy5 hay không mời ngồi ghế các vị Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão5 đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời; như vậy5 thưa Tôn giả Gotama, thật là không tốt đẹp. -Này Dona? ông có tự cho mình là Bà-la-môn không? Thưa Tôn giả Gotama, nêu có ai nói một cách chơn chánh, vị ây phải nói răng: Bà-la-môn thiện sanh cả từ mâu hệ và phụ he, huyêt thông thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào? một gièm pha nào về vấn đề huyêt thông thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiêu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân.,lọl Thưa Tôn giả Gotama, nói về tôi, nói một cách chơn chánh là nói như vầy, thưa Tôn giả Gotama, tôi là Bà-la-môn5 thiện sanh cả từ mâu hệ đên phụ hệ, huyêt thông thanh tịnh cho đên bảy đời Tô phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyên thông là thứ năm; thông hiêu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân. Này Dona, có phải các vị Bà-la-môn thời xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà- la-môn5 những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát5*

190 Tham chiếu: Đầu-na kỉnh (r.01. 0026.158. 0680Ồ20). 191 Xem GS. L 146; D. I. 120; M. IL 147; Sn. 105; Mỉln. 10.

đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm? Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vãmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhãradvậja9 Vãsettha, Kassapa,

Bhagu.192 Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này: "Đồng đẳng với Phạm thiên, đồng đẳng với chư thiên, các vị biết giới hạn, các vị vượt lên giới hạn và thứ năm là Bà-la-môn bị vứt b6." Này Dona, ông là ai giữa các vị ấy? Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi không biết năm hạng Bà-la-môn này. Nhưng chúng tôi biết chúng tôi là Bà-la-môn. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi biết được năm hạng Bà-la-môn này! Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. Thưa vâng9 Tôn giả. Bà-la-môn Dona vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Thế nào, này Dona, là Bà»la-môn đồng đẳng với Phạm thiên? Ở đây? này Dona, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ đến phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một giềm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn (chú thuật). Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa,193194 không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò5 không phải do cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề ệi khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, sau khi cạo bỏ râu tóc đắp áo cà-sa, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, 194 cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng dại, vô biên5 không hận5 không sân.... với tâm câu hữu với bi... với hỷ... với xả5 cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên5 không hận, không sân. Vị ấy, sau khi tu tập bốn Phạm trú này, khi thân hoại mệnh chung, được sanh thiện thú, Phạm thiên giới. Như vậy, này Dona, là vị Bà-la-môn đồng đẳng với Phạm thiên. Và này Dona, thê nào là Bà-la-môn đông đăng với chư thiên?

192 Xem4 IV. 61; D I. 104; M. II. 170; Vin. I. 245. 193 Xem4IV.281;MI. 85. 194 Xem 4 IV. 390; D. III. 223; M. II. 76; s. V. 115.

Ở dây, này Dona, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một giềm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ây trong bôn mươi tám năm sông Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải do cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Và này Dona, ở đây, pháp là gì?

Không phải do múa5 không phải do bán, nhimg chỉ với một nữ Bà-la-môn đã được nước tưới lên?195 vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn; không đi đến nữ Sát-đế-lỵ, nữ Tỳ-xá? nữ Thủ-đà, nữ Chiên-đà-la5 nữ săn bắn, nữ đan tre, nữ làm xe, nữ thổ dân; không đi đến người đàn bà có mang; không đi đến người đàn bà cho con bú; không đi đên người đàn bà trong thời kỳ không thê thụ thai. Và này Dona, vì sao người Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang? Này Dona, nếu người Bà-la-môn đi đến người đàn bà có mang, thời đồng nam hay đồng nữ được sanh hoàn toàn bị ô uế; do vậy, này Dona, vị Bà-la~môn không đi đến người đàn bà có mang. Và vì sao, này Dona, Bà-la- môn không đi đến người đàn bà cho con bú? Này Dona, nếu Bà-la-môn đi đến người đàn bà cho con bú, thời này Dona? đồng nam hay đồng nữ bú sữa không được thanh tịnh; do vậy5 này Dona, vị Bà-la-môn không đi đến người đàn bà cho con bú. Và vì sao, này Dona, Bà-la-môn không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thế thụ thai? Này Dona, nếu vị Bà-la-môn đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai, thời nữ Bà-la-môn ấy trở thành một phương tiện để thỏa lòng dục5 để vui đùa5 để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn chỉ có mục đích đẻ con. Vị ấy từ dâm dục [đúng pháp] sinh con rồi, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa5 xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy5 ly dục5 ly pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ây, sau khi tu tập bốn thiền, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới9 cõi đời này. Như vậy, này Dona, là Bà-la- môn đồng đẳng với chư thiên. Và thế nào, này Dona, là một Bà-la-môn có giới hạn? Ở dây, này Dona? Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ5 không một vết nhơ nào, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ây trong bôn mươi tám năm sông Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm

195 Udakũpassattha. AA. III. 309: Udakũpassaịthantỉ udakena upassattham pariccattam (4íĐược tưới nước lên^ nghĩa là được tưới, được ban rai nước lên). Sau khi rươi nước lên tay cô ấy, họ trao cô ấy cho người chồng. Upa xuất phát từ srj, có nghĩa là làm cho nước chảy ra. Xem 4 IV. 210. Tục lệ này ngày nay vẫn còn duy trì ở Ấn Độ và Tích Lan.

hạnh đông trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ây tìm kiêm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp5 không phải phi pháp. Ở đây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò5 không phải nhờ cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề ệi khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Và này Dona, ở dây, pháp là gì? Không phải do mua, không phải do bán, nhưng chỉ với một nữ Bà-la-môn đã được nước tưới lên, vị ây đi đên nữ Bà-la-môn; không đi đên nữ Sát-đê-ly, nữ Tỳ-xá, nữ Thủ-đà, nữ Chiên-đà-la, nữ săn bắn, nữ đan tre, nữ làm xe, nữ thổ dân; không đi đến người đàn bà có mang; không đi đến người đàn bà cho con bú; không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Và này Dona, vì

sao người Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang? Này Dona, nếu vị Bà-la-môn đi đến người đàn bà có mang... Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn chỉ có mục đích đẻ con. Vị ấy từ dâm dục [đúng pháp] sinh con rồi, do ưa thích con nít, sống trong gia dinh, không xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến sự giới hạn của các Bà-la-môn thời xưa, vị ấy đứng tại dấy, không vượt qua giới hạn ấy. Này Dona, do vậy Bà-la-môn được gọi là có giới hạn. Như vậy9 này Dona? là Bà-la-môn có giới hạn. Và này Dona, thê nào là một Bà-la-môn vượt qua giới hạn? Ở dây, này Dona, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ... về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở dây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải nhờ cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư5 vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp và phi pháp. Do mua, do bán với nữ Bà-la-môn được nước tưới lên, vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến nữ Sát-đế-lỵ? cũng đi đến nữ Tỳ-xá? cũng đi đến nữ Thủ-đà, cũng đi đến nữ Chiên-đà-la, cũng đi đến nữ săn bắn, cũng đi đên nữ đan tre, cũng đi đên nữ làm xe, cũng đi đên nữ thô dân, cũng đi đến người đàn bà có mang, cũng đi đến người đàn bà đang cho con bú, cũng đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Nữ Bà-la-môn đối với vị ấy là phương tiện đê thỏa lòng dục5 đê vui đùa9 đê thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đôi với nam Bà-la-môn có mục đích đẻ con. Cho đến sự giới hạn của các Bà-la-môn thời xưa, vị ấy không đứng tại dấy, vị ấy vượt qua giới hạn ấy. Này Dona, do vậy Bà-la-môn được gọi vị đã vượt qua giới hạn. Như vậy, này Dona? là Bà-la- môn vượt qua giới hạn. Và này Dona, thế nào là Bà-la-môn Chiên-đà-la?

Ở đây5 này Dona, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ây trong bôn mươi tám năm sông Phạm hạnh đông trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sông bôn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn5 vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp và phi pháp. Ở đây, này Dona? pháp là gì? Nhờ cày bừa, nhờ buôn bán, nhờ chăn bò, nhờ cung tên5 nhờ làm người của vua, nhờ một nghề gì khác, không hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư9 vị ấy đi tìm vợ đúng pháp và phi pháp, do mua5 do bán với nữ Bà-la-môn được nước tưới lên. Vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn3 cũng đi đến nữ Sát-đế-lỵ, cũng đi đến nữ Tỳ-xá, cũng đi đến nữ Thủ-đà, cũng đi đến nữ Chiên-đà-la9 cũng đi đến nữ săn bắn, cũng đi đến nữ đan tre, cũng đi đến nữ làm xe, cũng đi đến nữ thổ dân, cũng đi đến người đàn bà có mang, cũng đi đến người đàn bà đang cho con bú9 cũng đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Nữ Bà-la-môn đối với vị ấy là phương tiện để thỏa lòng dqc, để vui đùa9 để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn có mục đích đẻ con. Vị ấy, để nuôi mạng sống5 làm tất cả nghê. Rôi các Bà-la-môn nói với vị ây như

sau: “Sao Tôn giả tự cho mình là Bà-la-môn? lại làm tất cả nghề để nuôi mạng s6ng?" Vị ấy trả lời như sau: "Nhu r r lửa đôt vật sạch, cũng đôt vật nhớp, nhưng không phải vì vậy mà ngọn lửa bị uê nhiêm?5 Cũng vậy, này các Tôn giả, nêu Bà-la-môn làm tât cả nghê đê nuôi mạng sông9 nhưng không phải vì vậy mà Bà-la-môn bị uê nhiêm. Vì làm tât cả nghề để nuôi mạng sống5 này Dona? nên Bà-la-môn được gọi là Bà-la-môn Chiên-đà-la. Như vậy, này Dona, là Bà-la-m6n Chiên-đà-la. Này Dona, có phải các Bà-la-môn thời xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la- môn5 những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên5 đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ấy tên là Atthaka, Vãmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhãradvâja, Vãsettha, Kassapa, Bhagu. Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này:46Vị đồng đăng với Phạm thiên, vị đông đăng với chư thiên, vị có giới hạn? vị vượt lên giới hạn và thứ năm là Bà-la-môn ChiOn-dà-la." Này Dona5 ông là ai giữa các vị ấy? Như vậy? thưa Tôn giả Gotama, chúng con chưa thành tựu đầy đủ Bà-la- môn Chiên-đà-la. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Tôn giả Gotama, con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

III. KINH BÀ-LA-MÔN SANGÃRAVA (Sangãravasutta) (A. III. 230) 193. Rồi Bà-la-môn Sangãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu? liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Saồgãrava thưa với Thế Tôn: —Do nhân gi, do duyên gi, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (mantã) học thuộc lòng lâu ngày (sajjhãyakatã) lại không thê nhớ lên được5 còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gì5 do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật không học thuộc lòng lâu ngày lại nhớ được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng! -Này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi ph6i, và không như thật biêt rõ sự xuât ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ay, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, người ây không như thật biêt và thây lợi ích của người; trong khi ây, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai; cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm, màu đỏ tía, hay màu xanh hay màu vàng và ở dây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, không có thể như thật biết được5 thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn9 trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiêm, bị dục tham chi phôi5 không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi h của mình; trong khi ấy, không như thật biêt và thây lợi ích của người; trong khi ây9 không như thật biêt và thây được lợi ích

của cả hai; cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn? khi trú với tâm bị sân xâm chiêm, bị sân chi phôi, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy khônệ như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thây lợi ích của người; trong khi ây, không như thật biêt và thây được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuôn cuộn, ơ đây5 một người có măt muôn ngăm bóng khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trâm thụy miên xâm chiêm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, kh6ng như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] hôn trâm thụy miên đã khởi lên; trong khi ây? người ây không như thật biêt và thây lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các

chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được5 còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn? một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở dây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của minh, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm bị trạo hôi xâm chiêm, bị trạo hôi chi phối, không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy kh6ng như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được5 còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng, ơ dây, một người có măt muôn ngăm khuôn mặt của mình, không thê như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn? khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuây động, khuây đục, khuây bùn5 đặt trong bóng tối. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của minh, không thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phối, lại như thật rõ biết sự xuất

ly của các dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy5 như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ lại, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước khồng trộn lân với thuôc nhuộm màu đỏ tía, hay màu xanh5 hay màu vàng, và ở đây5 một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như5 này Bà-la-môn5 một bát nước không bị lửa đun sôi5 khôiiệ sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở dây, một người có mắt muốn ngâm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiêm, không bị sân chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn9 trong khi trú với tâm không bị hôn trâm thụy miên xâm chiêm, không bị hôn trâm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước không bị gió thổi, kh6ng bị dao động5 không bị chấn động5 không bị nổi sóng. Ở dây, một người có măt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy? này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước thuân tịnh5 trong sáng, không bị khuây động, đặt giữa ánh sáng, ơ dây, một người có măt muôn ngăm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối và như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] nghi hoặc đã khởi lên; tronệ khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thay lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ lại, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn9 có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày có thể nhớ lại được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Khi được nghe vậy? Bà-la-môn Saõgãrava bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. IV. KINH BÀ-LA-MÔN KÃRANAPÃLĨ (Kãranapãlĩsutta) (4 III.

236) 194. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Mahãvana, chỗ giảng đường có

nóc nhọn. Lúc bây giờ9 Bà-la-môn Kãranapãlĩ đang xây dựng nhà cho người Licchavi. Bà-la-môn Kãranapãlĩ thấy Bà-la-môn Pingiyãnĩ196 từ đường xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Bà-la-môn Pingiyãnĩ: -Tôn giả Piỏgiyãnĩ đi từ đâu đến sớm như vậy?197198 199 Thưa Tôn giả5 tôi đi từ chỗ Sa-môn Gotama về. -Tôn giả Pingiyãnĩ nghĩ thê nào vê trí tuệ sáng suôt của Sa-môn Gotama? Ngài có nghĩ vị ấy là một bậc Hiền trí chăng? Tôi là ai? thưa Tôn giả, lại có thê biêt được trí tuệ sáng suôt của Sa-môn Gotama. Chỉ có ai như vị ấy? mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama. Thật là cao thượng lời Tôn giả Piốgiyãnĩ tán thán Sa-môn Gotama: "T6i là ai, thưa Tôn giả, lại có thể nói lời tán thán Sa-môn Gotama." Được tán thán bởi những bậc được tán thán là Tôn giả Gotama, bậc Tối Thắng giữa chư thiên và loài người. Tôn giả Pingiyãnĩ thấy những lợi ích gì lại hết lòng tin tưởng Sa- môn Gotama như vậy? Thưa Tôn giả5 ví như một người đã thỏa mãn với vị ngọt tối thượng sẽ không còn thèm muốn các vị ngọt hạ liệt khác. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tung, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... thời không còn thèm muốn các lý thuyết của những người khác, của các Sa-môn5 Bà-la-môn thấp kém. Ví như/98 thưa Tôn giả5 một người bị đói lả và mệt mỏi? tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng5 Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... vị ấy được hoan hỷ (attamanatam), tâm được tịnh tín. Ví nhu, thưa Tôn giả, một người tìm được một cành cây Chiên-đàn (Candanaghatikam), Chiên-đàn vàng hay Chiên-đàn đỏ5 chỗ nào người ấy ngửi hoặc từ nơi rễ? hoặc từ nơi chặng giữa, hoặc từ nơi ngọn, người ấy được hương thơm thuần diệu (surabhigandham). Cũng vậy, thưa Tôn giả5 khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng? Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... thời vị ấy được thưởng thức hân hoan, được thưởng thức hoan hỷ. Ví nhu,199 thưa Tôn giả, một người bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, rồi có vị lương y lập tức chữa cho khỏi bệnh. Cũng vậy? thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama, như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... khi ấy, sầu, bi, khổ5 ưu, não đi đến tiêu diệt. Ví nhu, thưa Tôn giả, một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, sạch sẽ có bờ hồ khéo

196 Trong AA. II. 636, Buddhaghosa giải thích Tôn giả Pingiyãnĩ vốn là một vị Bà-la-môn ở Vesãli nhưng la đệ tử của đức Phật, đã chứng quả Bất lai. Môi ngày Tốn giả mang hoa va nước thơm đến đảnh lễ cúng dương đức Phật. 197XemM.I. 175; II. 208. 198 Xem MI. 114. 199 Xem4 III. 185; GS. III. 137 (kinh 162 ở trước).

Sắp dặt, đẹp đẽ5 rồi một người đi đến, bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước5 khát nước. Người ấy? sau khi lặn xuống trong hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước5 tất cả khổ cực? mệt mỏi5 nhiệt não đều được lắng dịu. Cũng vậy5 thưa

Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp…khi ấy tất cả khổ cực, mệt mỏi? nhiệt não đều được lặng dịu. Khi được nói vậy5 Bà-la-môn Kãranapãlĩ từ chỗ ngồi đứng dậy5 đắp thượng y qua một bên vai, đâu gôi bên phải quỳ trên mặt đất? chăp tay hướng đên Thê Tôn, và ba làn thốt lên lời cảm hứng sau đây:200 Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế T6n, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Thật vi diệu thay, Tôn giả Piồgiyãnĩ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Pingiyãnĩ! Thưa Tôn giả Pingiyânĩ, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy5 Chánh pháp đã được Tôn giả Pingiyãnĩ dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Thưa Tôn giả Piỏgiyãnĩ, con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Piốgiyãnĩ hãy chấp nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. V. KINH BÀ-LA-MÔN PINGIYÃNĨ (Pingiyãnĩsutta) (A. III. 239) 195. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Mahãvana, chỗ giảng đường có nóc nhọn, có khoảng năm trăm người Licchavi đang thăm viếng Thế Tôn. Một số người Licchavi201 toàn màu xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đô trang sức màu xanh. Một sô người Licchavi toàn màu vàng, màu săc vàng, mặc vải màu vàng, mang đô trang sức màu vàng. Một sô người Licchavi toàn màu đỏ5 màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Một số người Licchavi toàn màu trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng. Nhung thật sự Thế Tôn đã chói sáng với dung sắc và sự huy hoàng.202 Rồi Bà-la-môn Pingiyãnĩ từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chăp tay hướng đen Thê Tôn và bạch The Tôn: Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn. Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn. Hãy nói lên, này Piồgiyãnĩ. Thế Tôn nói như vậy. Rồi Bà-la-môn Pingiyãnĩ trước mặt Thế Tôn, nói lên bài kệ thích đáng:203

200 XemD. II. 288; M. II. 209.

201 Xem4IV. 263;DII. 96.

202 Vannena ceva yasasã ca.

203 Xem 5.1. 81; J. I. 116; Vism. 388.

Như loại hoa sen hồng, Buổi sáng hương ngào ngạt, Khi đóa hoa càng nở5 Hương thơm càng ngát hương. Xem Aốgĩrasa, Chiếu hào quang sáng chói,204 Chói sáng thật rực rỡ, Như mặt trời trên không. Rồi các người Licchavi ấy đem năm trăm thượng y dâng cho Bà-la-môn Pingiyãnĩ. Và Bà-la-môn Piồgiyãnĩ đem năm trăm thượng y ấy dâng lên Thế Tôn. Thê Tôn nói với các vị ây: Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm châu báu205 khó tìm được ở đời. Thế nào là năm? Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời. Người thuyết được Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người hiểu được Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người thực hành pháp và tùy pháp, sau khi đã hiêu rõ lời thuyêt giảng vê Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời. Người biết ơn, nhớ ơn khó tìm được

ở đời. Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm loại châu báu này khó tìm được ở đời. VI. KINH MỘNG LỚN (Mahãsupinasutta) (A. III. 240) 196. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? này các Tỷ-kheo? khi chưa thành Chánh đẳng giác5 còn là Bồ-tát, có năm mộng lớn hiện ra.206 Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát5 mộnệ thấy đất lớn này là giường lớn, Tuyết Sơn, vua các loài núi là gôi, tay trái đặt năm trên biển phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây, hai chân nằm trên biển phía Nam. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát9 mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ Tiriyã207 mọc ra, cao cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát? mộng lớn thứ hai này được hiện ra.

204 Xem Thag. V. 426.

205 Xem 4 in. 167; GS. III. 126 (kinh 143 ở trước).

206 XemJ.L 69.

207 AẨ. III. 319: ^Tirỉyã nãma tinajãtĩtỉ vuccatỉy

Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy các con sâu trăng đâu đen5 bò ra từ chân cho đên đâu gôi và che đậy chúng. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác5 còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ ba này được hiện ra. Lại nữa9 này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy bốn con chim màu sắc khác nhau, từ bốn phương bay đến5 rơi xuống chân Ngài và trở thành trắng toát. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát? mộng lớn thứ tư này được hiện ra. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đầy phân nhưng không bị nhớp vì phân. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ năm này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát, mộng thây quả đât lớn nàỵ làm giường lớn, Tuyết Sơn, vua các loài núi làm gối5 tay trái đặt nằm trên biên phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây5 hai chân đặt nằm trên biển phía Nam. Này các Tỷ-kheo? đối với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài chứng được Vô thượng Chánh giác ngộ, Chánh đẳng giác. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra. Này các Ty.kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ Tiriyã mọc ra5 mọc cho đến khi chạm đến

trời rồi mới dừng lại. Này các Tỷ-kheo9 đối với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Thánh đạo tám ngành được hoàn toàn giác ngộ và khéo tuyên bố cho chư thiên và loài người. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ5 mộng lớn thứ hai này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát. mộng thây các con sâu trắng đầu đen? bò ra từ chân cho đến đầu gối và che đậy chúng. Này các Tỷ-kheo9 nhiều gia chủ mặc áo trắng quy y Như Lai cho đến trọn đời. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ5 mộng lớn thứ ba này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo? trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy bốn con chim màu săc khác nhau, từ bôn phương bay đên, rơi xuông chân Ngài và trở thành trắng toát. Bốn giai cấp này, này các T*kheo, Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn? Tỳ- xá, Thủ-đà5 sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, các vị ấy chứng ngộ Vô thượng giải thoát. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ9 mộng lớn thứ tư này được hiện ra.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 679

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát9 mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đây phân ĩihtrng không bị nhớp vì phân. Này các Tỷ-kheo? Thế Tôn được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Và ở đây, Như Lai thọ hưởng không bị trói buộc,208 không bị tham(tóm, không bị mê say5 thấy sự nguy hại, có trí tuệ và xuất ly. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ năm này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? trước khi thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát, năm mộng lớn này được hiện ra. VII. KINH MƯA (Vàssasutta) ụ. III. 243) 197. Có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được? ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Thế nào là năm? Trên hư không, này các Tỷ-kheo5 hỏa giới phẫn nộ5 do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn. Này các Tỷ-kheo? đây là chướng ngại thứ nhất cho mưa, các người đoán tướng không biêt được, ở đây măt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? trên hư không, phong giới phẫn nộ? do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn. Này các Tỷ-kheo5 đây là chướng ngại thứ hai cho mưa, các người đoán tướng không biêt được, ở đây măt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Rãhu5 vua các loài a-tu-la dùng tay thâu lấy nước (sampaticchitvã) rồi đổ xuống biển lớn. Này các Tỷ-kheo? đây là chướng ngại thứ ba cho mưa, các người đoán tướng không biêt được, ở đây măt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, chư thiên của các loại mây đem mưa trở thành biếng nhác. Này các Tỷ-kheo? đây là chướng ngại thứ tư cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 khi loài người trở thành phi pháp, này các Tỵ- kheo, đây là chướng ngại thứ năm cho mưa, các người đoán tướng không biết được5 ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được? ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. VIII. KINH LỜI

NÓI (Vãcãsutta) (Å. III. 243) 198. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyêt, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ

208 Xem D. I. 245; M. I. 173; s. II. 270.

trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời5 nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa5 nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm. Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo5 các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích. IX. KINH GIA ĐÌNH (Kulasuttd) (4 III. 244) 199. Khi nào5 này các Tỷ-kheo5 các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình; tại dấy, các người do năm trường hợp này, được nhiều công đức. Thế nào là năm? Khi nào? này các Tỷ-kheo? các người xuất gia giữ giới đi đến với gia dinh, các người sau khi thấy họ? tâm được tịnh tín. Này các Tỷ-kheo5 như vậy là đưa đên cõi trời và gia đình ây trong lúc ây đã bước được trên con đường ây. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người đứng dậy9 đảnh lễ họ9 mời họ ngồi. Này các Tỷ-kheo5 như vậy đưa đến được sanh vào các gia đình cao sang? và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo? các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người từ bỏ cấu uế của xan tham. Này các Tỷ-kheo5 như vậy đưa đến đại uy lực5 và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đên với gia đình, các người tùy theo khả năng, tùy theo năng lực? san sẻ vật bố thí. Này các Tỷ- kheo? như vậy đưa đến tài sản lớn, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia dinh, các người hỏi những câu hỏi5 đặt những câu hỏi5 nghe pháp. Này các Tỷ"kheo5 như vậy đưa đên đại trí tuệ, và gia đình ây trong lúc ây đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình; tại dây, các người do năm trường hợp này, được nhiêu công đức. X. KINH XUẤT LY (Nissãranĩyasutta)209 (4 III. 245) 200. Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đến xuất ly này. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo210 tác ý về dục; tâm không phấn chấn trong các dục, không tịnh tín, không an trú, không quyết định.211 Nhưng khi tác ý đến viễn ly5 tâm liền phấn chấn trong viễn ly, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến dục. Và do duyên với dục9 khởi lên các lậu

209 D. 33, Saúgĩti Sutta {Kỉnh Phúng tụng). 210 Xem A. IIL 288; GS. III. 209; D. III. 239 211AA. III. 321: Na vỉmuccatỉ = Na adhỉmuccatỉ (Không quyết định hay không bị thiên về [các dục]).

hoặc, não hại, nhiệt não, vị ây giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ây. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] các dục. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tác ý vê sân, tâm không phân chân trong sân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhtrng khi tác ý đến vô sân, tâm liền phấn chấn trong vô sân, được tịnh tín5 được an trú, được quyết

định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm? khéo tu tập5 khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sân. Và do duyên với sân, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] sân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý vê hại, tâm không phân chân trong hại, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhung khi tác ý đến vô hại, tâm liền phấn chấn trong vô hại, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập5 khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến hại. Và do duyên với hại, khởi lên các lậu hoặc? não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] hại. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tác ý về sắc9 tâm không phấn chấn trong sắc, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô sắc, tâm liền phấn chấn trong vô sắc, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sắc. Và do duyên với sắc, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] sắc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về có thân, tâm không phấn chấn trong có thân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến đoạn diệt có thân, tâm liền phấn chấn trong đoạn diệt có than, được tịnh tín, được an trú, được quyêt định. Tâm ây của vị ây là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến có thân. Và do duyên với có thân, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não? vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] có thân. Đối với vị ấy, dục hỷ không có tùy miên, sân hỷ không có tùy miên, hại hỷ không có tùy miên, sắc hỷ không có tùy miên5 hữu thân hỷ không có tùy miên. Vị ấy không có tùy miên đối với dục hỷ5 không có tùy miên đối với sân hỷ5 không có tùy miên đối với hại hỷ5 không có tùy miên đối với sắc hỷ, không có tùy miên đối với hữu thân hỷ. Này các Tỷ-kheo5 đay gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi tùy miên, đã chặt đứt khát ái5 giải tỏa kiét sử, do Chánh pháp nhiếp phục kiêu mạn5212 đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đên xuât ly này.

212 Xem 4 IV. 8; M. L 122; It. 47.

XXI. PHẨM KIMBILA (KIMILAVĂGGA)

I. KINH KIMBILA (Kimiỉasutta) (Ả. III. 247) 201. Một thời,213 Thế Tôn trú ở Kimbilã, tại VèỊuvana. Rồi Tôn giả Kimbila214 đi đên Thê Tôn; sau khi đên5 đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn: —Do nhân gì5 do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp không được an trú lâu ngày? Ở đây, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diet, các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ sống không tôn trọng, không vâng lời (appatissã) bậc Đạo sư; sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời chúng Tăng; sống không tôn trọng, không vâng lời học pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau. Do nhân này, do duyên này, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không được an trú lâu ngày. Do nhân gì? do duyên gi, bạch Thế T6n, sau

khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp được an trú lâu ngày? —Ở đây, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo-ni? nam cư si, nữ cư sĩ sống tôn trọng và vâng lời bậc Đạo sư, sống tôn trọng và vâng lời Pháp, sống tôn trọng và vâng lời chúng Tăng, sống tôn trọng và vâng lời học pháp, sống tôn trọng và vâng lời lẫn nhau. Đây là nhân, đây là duyên, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

II. KINH NGHE PHÁP (Dhammassavanasutta)215 (A, III. 248) 202. Này các Tỷ-kheo, nghe pháp có năm lợi ích này. Thế nào là năm? Được nghe điêu chưa nghe, làm cho trong sạch điêu được nghe, đoạn trừ nghi, làm cho tri kiến chánh trực, làm cho tâm tịnh tín. Này các Tỷ-kheo5 nghe pháp có năm lợi ích này. III. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG (Assặiãnĩyasutta) (A. III. 248) 203. Thành tựu năm chi phân, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiên thiện thuần chủng của vua, xứng đáng là của vua, là tài sản của vua và được gọi là

213 Xem 4 IV. 84; KS. II. 152; V. 151. 214 Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila. 215 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.36.1. 0702c23).

biểu tượng của vua. Thế nào là năm? Trực hành, chạy nhanh, nhu nhuyến,216 nhẫn nhục, hiền lành. Thành tựu năm chi phân này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiên thiện thuân chủng của vua. xứng đáng là của vua5 là tài sản của vua và được gọi là biểu tượng của vua. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo đán§ được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thê nào là năm? Trực hành, chạy nhanh, nhu nhuyến, nhẫn nhục5 hiền lành. Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo217 đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. IV. KINH CÁC SỨC MẠNH (Baỉasuíta)218219 220 (A. III. 248) 204. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực? tàm lực, quý lực9 tinh tân lực, tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. V KINH TÂM HOANG vu (Cetokhiỉasutta)2ỉ9 (A. III. 248) 205. Này các Tỷ-kheo5 có năm tâm hoang vu này. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nghi ngờ bậc Đạo su, do dụ*, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo su, do dự5 không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Như vậy là tâm hoang vu thứ nhất. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nghi ngờ Pháp... nghi ngờ Tăng... nghi ngờ học pháp... phẫn nộ đối với các vị đông Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối cứng rắn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phẫn nộ đôi với các vị đồng Phạm hạnh5 không có hoan hỷ5 tâm tư chông đối cứng rắn, thời tâm của vị này không hướng vê nỗ lực5 chuyên cân5 kiên trì, tinh tân. Nêu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cân, kiên tri, tinh tân, như vậy là tâm hoang vu thứ năm. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm hoang vu này. VI. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC(yỉnibandhasuttdỹ^ (4 IIL 249) 206. Này các Tỷ-kheo5 có năm tâm triền phược này. Thế nào là năm?

216 Maddavena. AA. III. 324: Maddavenãtỉ sarĩramudutãya. C'Nhu nhuyến,, nghĩa là thân thể nhẹ nhàng, khéo léo, nhanh nhẹn). 217 Xem D. III. 213; J. III. 274; Sn. 52. 218 Xem 4 III. 1; GS. III. 1 (kinh 1 ở trước). 219 Tham chiếu: Thập thượng kỉnh (7.01. 0001.10. 0052c 17). Tâm uế kỉnh (roi. 0026.206. 0780bl5). 220 Xem III. 248;J7^ III. 182 (kinh 205 ở trước). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.51.4. 0817al6); Tâm uế kỉnh (7.01. 0026.206. 0780Ồ15).

Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các dqc, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát? không phải không nhiệt não? không phải không khát ái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các dục, khônệ phải không tham ái... không phải không khát ái, tâm của vị ấy không hướng vê nô lực, chuyên cân? kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực5 chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với thân không phải không tham ái... đối với sắc221... Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê? cho đên bụng chứa đây? sống thiên nặng về khoái lạc sàng tọa, vê khoái lạc ngủ nghỉ, vê khoái lạc thụy miên. Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh... như vậy là tâm triền phược thứ năm. Này các Tỷ-kheo5 có năm tâm triền phược này. VII. KINH CHÁO (Ỵãgusuttă) (A. IIL 250) 207. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của cháo. Thế nào là năm? Trị đói? trừ khát, điêu hòa phong, làm sạch bọng đái (hay huyêt quản)222 và tiêu hóa các đồ ăn sống còn lại. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của cháo. VIII. KINH TĂM XỈA RĂNG (Dantakatthasutta)223 (A. III. 250) 208. Này các Tỷ-kheo9 có năm điều nguy hại do không dùng tăm xỉa răng. Thế nào là năm? Con mắt bị ảnh hưởnệ, miệng hôi thúi, thần kinh vị không trong sạch, nước mật và đàm dính vào đo ăn, ăn không thấy ngon. Này các Tỷ-kheo? có năm điêu nguy hại do không dùng tăm xỉa răng. Này các Tỷ-kheo, có năm điều lợi ích nhờ dùng tăm xỉa răng. Thế nào là năm? Con mắt không bị ảnh hưởng, miệng không hôi thúi, thần kinh vị được trong sạch, nước mật và đàm không dính vào đồ ăn, ăn thấy ngon. Này các Tỷ-kheo9 có năm điều lợi ích nhờ dùng tăm xỉa răng. IX. KINH THUYẾT PHÁP VỚI GIỌNG CA (Gĩtassarasuttàỹ24 (4 III. 251) 209. Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại này với người thuyết pháp với giọng ca kéo dài.225 Thế nào là năm?

221 Chủ giải giải thích thân của mình, nhimg ngoại sắc. 222 Vatthỉm sodhetỉ. AẠ. III. 326: Vatthỉm sodhetĩtỉ dhamanỉyo suddhã karotỉ (“Làm sạch bọng túi" nghĩa là làm sạch huyêt quản). 223 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.36.3. 0703al0). 224 Gĩta. Xem Vin. II. 108. 225 Ãyatakena. AA. III. 326: Ẫyatakenãtỉ dĨQhena, parỉpunnapadabyaụianakam gãthãvattanẹa vỉnãsetyã pavattena ("Giọng kéo dài" nghĩa là ngân nga giọng dài ra khiên ý nghĩa câu văn, từ ngữ vôn đúng đăn có thể bị hiểu saiy

Tự mình say đắm trong âm giọng ấy; người khác say đắm trong âm giọng ấy; các người gia chủ phê bình: "Nhu chúng ta hát, cũng vậy? các Sa-môn Thích tử này ca hát"; vì vị ấy cố gắng rèn luyện cho âm thanh điêu luyện nên định bị gián đoạn; các thế hệ sau bắt chu&c."226 Này các Tỷ-kheo5 có năm điều nguy hại này đối với người thuyết pháp với giọng ca kéo dài. X. KINH THẤT NIỆM (Mutthassatisutta) (Ả. III. 251) 210. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Ngủ một cách khổ sở, thức dậy một cách khổ sở5 thấy ác mộng, chư thiên không phòng hộ5 bất tịnh chảy ra (asucỉ na muccati). Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này đôi với người trú niệm5 tỉnh giác rơi vào giâc ngủ. Thế nào là năm? Ngủ một cách ngon lành, thức dậy một cách ngon lành, không thấy ác mộng, chư thiên phòng hộ, bất tịnh không chảy ra. Nàỵ các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này đôi với người trú niệm, tỉnh giác rơi vào giấc ngủ.

226 Xem III. 105; GS. III. 84 (kinh 79 ở trước); A. III. 254; GS. III. 187 (kinh 218 ở sau).

XXIL PHẢM MẮNG NHIẾC (AKKOSAKAVAGGA)

I. KINH MẢNG NHIẾC (Akkosakasutta)221 (A. IIL 252) 211. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo? măng nhiêc, mạ lỵ các vị tu Phạm hạnh, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại. Thế nào là năm? Phạm tội bị tẩn xuất, chặt đứt con đường hướng thượng; hay phạm một tội nhiễm ô; hay cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng; khi mệnh chung tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ9 địa ngục. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, măng nhiêc? mạ lỵ các vị tu Phạm hạnh5 phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này. II. KINH NGƯỜI GÂY CÃI cọ (Bhandanakarakasutta) (A. IIL 252) 212. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo? là người gây ra cãi cọ? là người gây ra tranh luận5 là người gây ra đấu tranh, là người gây ra các cuộc đấu khẩu, là người gây ra kiện tụng trong Tăng chúng,228 vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại. Thê nào là năm? Không chứng227 điêu chưa chứng được; thôi that điêu đã 229230 228 chứng được; tiếng ác đồn khắp; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là người gây ra cãi cọ? gây ra tranh luận5 gây ra đâu tranh, gây ra các cuộc đâu khâu, gây ra kiện tụng trong Tăng chúng5 vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này.

IIL KINH CÓ GIỚI (SĩlasuttdÝ^ (Ả, III. 252) 213. Này các Tỷ-kheo? có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới9 phá giới5 do nhân phóng dật bị tổn thất tài sản lớn5 này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ nhất cho kẻ ác giói, phá giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với kẻ ác giới, phá giới5 tiếng ác đồn xa, này các Tỷ-kheo5 đây là sự nguy hại thứ hai cho kẻ ác giới5 phá giới.

227 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.25. 0879b25). 228 Xem Vin. I. 328; IL 1. 229 Xem4 V. 169,317.

230 Tham khảo: D. 16, Mahãparỉnỉbbãna Sutta (Kỉnh Đại Bắt-nỉết-bàn), D. II. 73; D. 33, Sangĩti Sutta (Kinh Phúng tụng), D. III. 207.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo? kẻ ác giới, phá giới, khi đến hội chúng nào? hoặc hội chúng Sát-đế-lỵ5 hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, vị ấy đi đến hội chúng ấy, có sợ hãi? có hoang mang, này các Tỷ-kheo? đây là sự nguy hại thứ ba cho kẻ ác giới, phá giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 kẻ ác giới, phá giới, khi mệnh chung, tâm bị mê loạn, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tư cho kẻ ác giới, phá giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới? sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, này các Tỷ-kheo5 đây là sự nguy hại thứ năm cho kẻ ác giới, phá giới. Này các Tỷ-kheo5 có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho vị có giới? đây đủ giới. Thê nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, do nhân không phóng dật thâu được tài sản lớn, này các Tỷ-kheo, đây là lợi ích thứ nhất cho vị giữ giới, đầy đủ giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với người giữ giới, đầy đủ giới, tiếng lành đồn xa, này các Tỷ-kheo? đây là lợi ích thứ hai cho vị giữ giới5 đầy đủ giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? người giữ giới, đầy đủ giới, có đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đê-lỵ5 hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn5 vị ấy đi đến hội chúng ấy, không sợ hãi5 không hoang mang, này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ ba cho người giữ giới, đây đủ giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 người giữ giới5 đây đủ giới, khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn, này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ tư cho người giữ giới, đầy đủ giới. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này, này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ năm cho người giữ giới, đây đủ giới. Này các Tỷ-kheo? có năm sự lợi ích này cho vị giữ giới, đầy đủ giới. IV. KINH NGƯỜI NÓI NHIỀU (Bahubhãnisutta) (A. III. 254) 214. Có năm nguy hại này cho người nói nhiều. Thế nào là năm? Nói láo; nói lời hai lưỡi; nói lời độc ác; nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo? có năm nguy hại này cho người nói nhiều. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người nói vừa phải. Thế nào là năm? Không nói láo; không nói hai lưỡi; không nói lời độc ác; không nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào thiện thú, thiên gi&i, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người nói vừa phải.

V KINH KHÔNG KHAM NHẪN THỨ NHẤT (PaỊhamaakkhantisuttà)231 (A, IIL 254) 215. Có năm nguy hại này cho người khônẹ kham nhẫn. Thế nào là năm? Quân chúng không ái mộ5 không ưa thích; nhiêu người hận thù; nhiêu người tránh né; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo5 có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng ái mộ5 ưa thích; không có nhiều người hận thù; không có nhiều người tránh né; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào

thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo5 có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. VI. KINH KHÔNG KHAM NHẪN THỨ HAI (Dutìyaakkhantisutta)232 (A. III. 255) 216. Có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng không ái mộ, không ưa thích; người hung bạo; người hối quá; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo5 có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng ái mộ9 ưa thích; người không hung bạo; người không hối quá; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới5 cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. VII. KINH KHÔNG TỊNH TÍN THỨ NHẤT (Pathamaapãsãdikasutta) (A. III. 255) 217. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo9 cho người không tịnh tín. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; bậc có trí sau khi suy xét, quở trách; tiếng ác đồn xa; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo5 có năm lợi ích này cho người có tịnh tín. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; bậc có trí sau khi suy xét, tán thán; tiếng lành đồn xa; khi mệnh chung, tâm không mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có tịnh tín.

231 Tham chiếu: Thất xứ tam quán kỉnh (7.02. 0150A.24. 0879bl8). 232 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.25. 0879Ồ25).

VIII. KINH KHÔNG TỊNH TÍN THỨ HAI (Dutiyaapãsãdikasutta) (A. III. 255) 218. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho kẻ không tịnh tín. Thế nào là năm? Những tư tưởng bất tín không được tịnh tín, một số tư tưởng đã tịnh tín có thể đổi khác, không làm theo lời dạy của bậc Đạo su, thế hệ sau bắt chước tà kiến, tâm không được tịnh tín. Này các Tỷ-kheo? có năm nguy hại này cho người không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo? có năm lợi ích này cho người có tịnh tín. Thê nào là năm? Những tư tưởng bất tín được tịnh tín, những tư tưởng tịnh tín được tăng trưởng, lời dạy của bậc Đạo sư được làm theo, thế hệ sau bắt chước theo tri kiến, tâm được tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có tịnh tín. IX. KINH LỬA (Aggisutta) (A. III. 256) 219. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong lửa. Thế nào là năm? Có hại cho mắt (acakkhusso), tổn hại dung sắc (dubbannakarano), tổn hại sức mạnh, quần chúng tụ họp tăng trưởng (sanganikapavaddhano\ các câu chuyện về bàng sanh được nói lên (tiracchãnakathãpavattaniko). Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong lửa. X. KINH TẠI MADHURÃ (Madhurãsuttă) (Ả. III. 256) 220. Có năm nguy hại này ở Madhurã. Thế nào là năm? Không bằng phẳng5 nhiều bụi bặm, có chó dữ, có các loại dạ-xoa bạo ngược (yãỊayakkhã). đồ ăn khất thực khó kiếm. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này ở Madhurã.

xxni. PHẨM DU HÀNH DÀI (DĨGHACẴRIKAK4GGA)

I. KINH DU HÀNH DÀI THỨ NHẤT (PaḶhamadĩghacãrikasutta)233 (A. III. 257) 221. Có năm điêu nguy hại, này các Tỷ-kheo? cho người s6ng du hành dài, du hành không có mục đích. Thế nào là năm? Không nghe234 điểu chưa được nghe, không làm cho thanh tịnh điều đã được nghe, có sợ hãi một phần điều đã được nghe, cảm xúc bệnh hoạn trâm trọng, không có bạn bè. Có năm điều nguy hại này, này các Tỷ-kheo, cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích. Này các Tỷ-kheo5 có năm lợi ích này cho người sống du hành dài có mục đích (samavatthacãrế). Thế nào là năm? Nghe điều chưa được nghe, làm cho thanh tịnh điêu đã được nghe, không có sợ hãi một phân điêu đã được nghe, không cảm xúc bệnh hoạn trâm trọng, có bạn bè. Này các Tỷ-kheo5 có năm lợi ích này cho người sống du hành dài có mục đích. II. KINH DU HÀNH DÀI THỨ HAI (Dutìyadĩghacãríkasutta) (Ả. III. 257) 222. Có năm điều nguy hại, này các Tỷ-kheo5 cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích. Thế nào là năm? Không chứng đắc điều chưa được chứng dắc, không làm cho thanh tịnh điều đã được chứng dắc, có sợ hãi một phần điều đã được chứng dắc, cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng, không có bạn bè. Có năm điều nguy hại này, này các Tỷ-kheo? cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích. r Này các Tỷ-kheo, ' có năm r 5 • ích này lợi : cho người . sống r du hành có mục đích. y Thê nào là năm? Chứng đăc điêu chưa được chứng đăc, làm cho thanh tịnh điêu đã được chứng đăc, không có sợ hãi một phân điêu đã được chứng đăc, không cảm xúc bệnh hoạn trâm trọng, có bạn bè. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người sống du hành có mục đích. IIL KINH SỐNG QUÁ LÂU (Atìnivãsasutta)235 (A. III. 258) 223. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo? nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm? Đo dùng nhiều, cất chứa nhiều đồ dùng; nhiều dược phẩm,

233 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.33.7. 0688c04). 234 Xem A. III. 247; GS. III. 181 (kinh 202 ở trước). 235 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.33.8-9. 0688cl6-25).

Cất chứa nhiều dược phẩm; nhiều việc làm,236 nhiều công việc phải làm, khôriẸ khéo léo trong những công việc gì phải làm; sống lẫn lộn với gia chủ và xuất gia, tùy thuận trong sự liên hệ với gia chủ; và khi ra đi bỏ trú xứ ấy, ra đi với sự luyển tiếc. Này các Tỷ-kheo, đó là năm nguy hại nêu sông quá lâu tại một chô. Có năm lợi ích này5 này các Tỷ-kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ. Thế nào là năm? Đồ dùng không nhiều, không cất chứa nhiều đồ dùng; dược phẩm không nhiều, không cất chứa nhiều dược phẩm; không có nhiều việc làm5 không nhiều công việc phải làm, khéo léo trong những công việc phải làm; không sống lẫn lộn với gia chủ và xuất gia, không tùy thuận trong sự liên hệ với gia chủ; và khi ra đi bỏ trú xứ ấy, ra đi với sự không luyến tiếc. Này các Tỷ-kheo, đó là năm lợi ích nêu sông đông đêu tại môi chô. IV. KINH BỎN XẺN (Maccharĩsutta)231 (A. IIL 258) 224. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo? nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm? Xan tham đối với trú xứ,236 238 xan tham đối với gia đình, xan tham đối 237 với đồ vật cúng dường, xan tham đối với công đức,239 xan tham đối với pháp. Có năm nguy hại này, này các Tỷ-kheo? nếu sống quá lâu tại một

chỗ. CÓ năm lợi ích này5 này các Tỷ-kheo9 nêu sông đông đêu tại môi chô. Thê nào là năm? Không xan tham đối với trú xứ, không xan tham đối với gia đình, không xan tham đối với đồ vật cúng dường, không xan tham đối với công dức, không xan tham đối với pháp. Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo5 nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ.

V KINH VIẾNG THẢM GIA ĐÌNH THỨ NHẤT (Pathamakulũpakasutta) (A. III. 258) 225. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo? cho người viếng thăm gia đình. Thế nào là năm? Phạm lỗi không mời mà đến; phạm lỗi ngồi một mình; phạm lỗi ngồi chỗ kín đáo; phạm lỗi thuyết pháp cho nữ nhân hơn năm, sáu chữ; sống với nhiều suy tư về dục (kãma). Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người viêng thăm gia đình. VI. KINH VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH THỨ HAI (Dutìyakulũpakasuttà) (A. III. 259) 226. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo9 đối với vị Tỷ-kheo sống liên hệ quá nhiều với các gia đình. Thế nào là năm?

236 Xem Ả, III. Il5; GS. III. 91 (kinh 90 ở trước). 237 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Staying Too Long, nghĩa là sống quả lâu, 38 Xem 4 IV. 459;. III. 234. 239 Vanna. Chủ giải viết guna, nghĩa là công đức.

Do thấy, nên có liên hệ; Do có liên hệ nên có sự Luôn luôn thấy nữ nhân;240241 thân mật; Do có sự thân mật nên có cơ hội (otãro) [để tư thong]; Khi tâm đã có tư thông, thời được chờ đợi như sau: Sẽ không có hoan hỷ sống Phạm hạnh, hay sẽ rơi vào trong một tội nhiễm 6, hay từ bỏ học giới5 trở lui lại đời sống thế tục. Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại đối với vị Tỷ-kheo sống liên hệ quá nhiều với các gia đình. VII. KINH TÀI SẢN (Bhogasutta) (A. III. 259) 227. Này các Tỷ-kheo5 có năm nguy hại này trong các tài sản. Thế nào là w o r-Rĩ \ 1 _ 1 • Ạ Ạ _ _____Ạ Â 1 • Ạ Ạ năm? Tài sản bị nguy hiêm vê lửa, bị nguy hiem ve nước5 bị nguy niêm vê vua, bị nguy hiểm về trộm cướp5 bị nguy hiểm về các người thừa tự không khả ái. Này các Tỷ-kheo5 có năm nguy hại này trong các tài sản. Này các Tỷ-kheo5 có năm lợi ích này trong các tài sản. Thế nào là năm? Nhờ tài sản, tự làm cho mình được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; làm cho mẹ cha được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; làm cho vợ con, các người phục vụ, các người làm công được an lạc5 hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; làm cho bạn bè thân hữu được an lạc? hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; đối với các vị Sa-môn9 Bà-la-môn5 cung cấp các sự cúng dường hướng thượng, đưa đến an lạc dị thục liên hệ đến cõi trời và dẫn lên thiên giới. Này các Tỷ-kheo? có năm lợi ích này trong các tài sản. VIII. KINH BỮA ĂN SAU GIỜ NGỌ (Ussũrabhattasutta)2^ (Ả. III. 260) 228. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo9 trong gia đình ăn cơm phi thời5 sau giờ ngọ. Thế nào là năm? Đối với các khách đến thăm, không cúng dường đúng thời; đối với chư thiên lãnh thọ các vật cúng, không cúng dường đúng thời; đối với các Sa-môn5 Bà-la-môn, chỉ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm5 từ bỏ ăn phi thời, không cúng dường đúng thời; các người phục vụ, người làm công, làm công việc không được thoải mái; lại nữa, khi còn ăn phi thời, thời các món ăn thiếu chất bổ dương. Này các Tỷ-kheo5 đây là năm nguy hại trong gia đình ăn cơm phi thời, sau giờ ngọ. Có năm lợi ích này5 này các Tỷ-kheo, trong gia đình ăn cơm đúng thời. Thế nào là năm? Đối với

các khách đến thăm, cúng dường đúng thời; đối với chư thiên lãnh thọ các vật cúng, cúng dường đúng thời; đối với các Sa-môn? Bà-la-môn? chỉ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời5 cúng dường đúng thời;

240 Xem 4 III. 66; GS. III. 55 (kinh 55 ở trước). 241 Bản tiếng Anh của PTS: The Meal, nghĩa là Bữa ăn.

các người phục vụ, người làm công5 làm công việc được thoải mái; lại nữa5 khi ăn đúng thời, thời các món ăn đầy đủ chất bổ dưỡng. Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo? trong gia đình ăn cơm đúng thời. IX. KINH RẮN ĐEN THỨ NHẤT (PaḶhamakanhasappasutta) (Ả. III. 260) 229. Này các Tỷ-kheo? có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm? Không thanh tịnh, hôi thúi, sợ hãi rụt rè? đáng sợ hãi, làm hại bạn. Này các Tỷ-kheo? có năm nguy hại này trong con rắn đen. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm? Không thanh tịnh5 hôi thúi5 sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi5 làm hại bạn. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. X. KINH RẮN ĐEN THỨ HAI (Dutiyakanhasappasutta) (Ả. III. 260) 230. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm? Phẫn nộ5 hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm? Phẫn nộ? hiềm hận, có nọc độc5 lưỡi chia hai, làm hại bạn. Ở dây, này các Tỷ-kheo? nọc độc của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo9 nữ nhân phần lớn hay tham đắm. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, lưỡi chia hai của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn nói hai lưỡi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nữ nhân làm hại bạn như sau: Này các Tỷ-kheo5 nữ nhân phân lớn ngoại tình. Này các Tỷ-kheo5 có năm nguy hại này trong nữ nhân.

XXIV PHẢM TRÚ TẠI CHỖ (ÃVÃSIKAVAGGA)

I. KINH TRÚ TẠI CHỖ (Âvãsikasutta) (Ả. III. 261) 231. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ5 trở thành không đáng được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không đầy đủ về uy nghi, không đây đủ vê trách nhiệm; không nghe nhiêu, không thọ trì điêu được nghe; không biêt sông đoạn gim,242 không ưa thích sông thiên tịnh; lời nói không hiền thiện, không là người nói lời hiền thiện; ác tuệ, đần độn, câm điếc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành không đáng được làm gương để tu tập. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành đáng được làm gương đê tu tập. Thê nào là năm? Đây đủ vê uy nghi, đây đủ vê trách nhiệm; nghe nhiều, thọ trì điều được nghe; biết sống đoạn giảm, ưa thích thiên tịnh; lời nói hiên thiện, là người nói lời hiên thiện; có trí tuệ, không đân độn? không câm điếc. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành đáng được làm gương để tu tập.

II. KINH ĐƯỢC ÁI Mộ (Piyasutía) (Ả. III. 262) 232. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ"kheo9 vị Tỷ-kheo trú tại chỗ được các vị đông Phạm hạnh ái mộ5 ưa thích, kính

trọng và đáng được làm gương đê băt chước. Thế nào là năm? 243 sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi Có giới5242 chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp; nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ5 thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiêu lân, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến; thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn? nói lời tao nhã? ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ5 không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác; chứng được không có khó khăn5 chứng được không có mệt nhọc5 chứng được không có phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 đem đến hiện tại lạc trú; do đoạn tận các

242 PaḶisaẩẻekhitã. Xem4 III. 219; GS. III. I6l (kinh I8l ở trước). 243 Xem4 III. Ill; GS. III. 89 (kinh 87 ở trước).

e r r

lậu hoặc, vị ây tự mình với thăng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, ưa thích, kính trọng và đáng được làm gương để tu tập. III. KINH LÀM CHO CHÓI SÁNG (Sobhanasuttd) (A, III. 262) 233. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ làm chói sáng chỗ ấy. Thế nào là năm? Có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn... và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thành tựu nhờ chánh kiến; thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn... giải thích nghĩa lý minh xác; có năng lực với pháp thoại nêu rõ5 khích lệ5 làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ những người đên yết kiến; chứng được không khó khăn? chứng được không mệt nhọc5 chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú tại chỗ làm chói sáng chỗ ấy.

IV. KINH GIÚP ĐỠ NHIỀU (Bahũpakãrasutta) (A. III. 263) 234. Thành tựu năm phap9 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy. Thế nào là năm? Có giới... và học tập trong các học pháp; nghe nhiêu... khéo thành tựu nhờ chánh kiến; vị ấy sửa chữa những gì bị gãy? bị hủy hoại; khi đại chúng Tỷ-kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau, các vị hãy làm các phước dức, nay là thời làm các phước dức" chứng được không khó khan, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy. V KINH CÓ LÒNG TỪ MẪN (Anukampasutta) (Ắ. III. 263) 235. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ. Thế nào là năm? Khích lệ tăng thượng giới;244 khiến họ sống theo gương pháp;245 khi đến thăm người bệnh? an trú niệm cho người bệnh như sau: "Các vị hãy an trú niệm vào hướng đến quả A-la-hán"; khi đại chúng Tỷ-kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy

nói với các gia chủ đi đến như sau: “Nay đại chúng

244 Adhỉsĩla. AA. IV. 24: Adhỉsĩleti pancasĩladasasĩlạsankhãteuttamasĩle (4tTăng thượng gi&i" tức là năm giới, mười giới được xem là giới cao thượng [đôi với cư S1J). 245 Xem^. III. 206; ơs. III. 152 (lanh 179 ở trươc).

Tỷ-kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau, các vị hãy làm các phước đức, nay là thời làm các phước dức"; họ có cúng dường các món ăn gi, hoặc thô hoặc tế, tự mình thọ dụng, không làm cho của tín thí rơi rớt.246247 Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ. VI. KINH KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC TÁN THÁN THỨ NHẤT (PaỊhamaavannãrahasutta) (A. III. 264) 236. Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không có suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin (upadamsetí) vào những chỗ không đáng được tịnh tín; không suy xét5 không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; làm rơi rớt các vật tín thí. Do thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; có suy xét5 có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín; có suy xét, có thẩm sát5 đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; không làm rơi rớt các vật tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. VII. KINH KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC TÁN THÁN THỨ HAI (Dutìyaavannãrahasutta)241 (A. IIL 265) 237. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, kh6ng thẩm sát5 tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thâm sát, không tán thán người đánẹ được tán thán; xan tham trú xứ5 tham đắm trú xứ; xan tham gia đình, tham đắm gia đình; làm cho rơi rớt các vật tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thê nào là năm? Có suy xét, có thâm sát9 không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét5 có thẩm sát, tán thán

246 Xem 4 III. 139; GS. III. 108 (kinh 116 ở trước); Vin. I. 298. 247 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (238-240) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Stinginess, nghĩa là Xan tham.

người đáng được tán thán; không xan tham trú xứ, không tham đắm trú xứ; không xan tham gia đình5 không tham đắm gia đình; không làm cho rơi rớt các vật tín thí. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. VIII. KINH KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC TÁN THÁN THỨ BA (Tatiyaavannarahasutta)

(A. III. 265) 238. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét5 không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; xan tham trú xứ; xan tham gia đình; làm cho rơi rớt các vật tín thí bằng xan tham lợi dưỡng. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét9 có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; không xan tham trú xứ; không xan tham gia đình; không làm cho rơi rớt các vật tín thí bằng xan tham lợi dưỡng. Thành tựu năm pháp này, này các Ty.kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. IX. KINH XAN THAM THỨ NHẤT (Pathamamacchariyasuttà) (A. III. 266) 239. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Xan tham chỗ ở9 xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, làm cho các vật tín thí rơi rớt. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Không xan tham chỗ ở? không xan tham gia đình, không xan tham lợi dưỡng, không xan tham tán thán, không làm cho các vật tín thí rơi rớt. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. X. KINH XAN THAM THỨ HAI (Dutiyamacchariyasuttă) (A. III. 266) 240. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Xan tham chỗ ở5 xan tham gia dinh, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Không xan tham chỗ ở9 không xan tham gia đình, không xan tham lợi dưỡng, không xan tham tán thán, không xan tham pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

XXV PHẨM Ác HÀNH (DUCCARITAVAGGA)

I. KINH NGƯỜI ÁC HÀNH THỨ NHẤT (PathamaduccaritasuttăÝ^ (A. III. 267) 241. Này các Tỷ-kheo5 có năm nguy hại này cho người ác hành. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại cho người ác hành. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét5 các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; khi mệnh chung, tâm không bị

mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo9 có năm lợi ích này cho người thiện hành. II. KINH NGƯỜI THÂN Ác HÀNH THỨ NHẤT 249 (Ả. III. 267) (PaḶhamakãyaduccarítasutta)248 242. Này các Tỷ-kheo9 có năm nguy hại này cho người thân ác hành... III. KINH NGƯỜI KHẨU Ác HÀNH THỨ NHẤT (PaḶhamavacĩduccaritasutta) (A. III. 267) 243. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người khẩu ác hành... IV. KINH NGƯỜI Ý ÁC HÀNH THỨ NHẤT (PaḶhamamanoduccarítasuttà) (A. III. 267) 244. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người ý ác hành. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác th, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại cho người ác ý hành. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện ý hành. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng

248 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0150.22. 0879al8). 249 Tên kinh này và 5 kinh tiếp sau (243-248) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: One Who Has Walked ỉn Evil, nghĩa là Người đang đỉ trên con đường ảc.

tốt đồn khắp; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện ý hành. V KINH NGƯỜI ÁC HÀNH THỨ HAI (Dutiyaduccaritasuttă) (A. III. 268) 245. Này các Tỷ-kheo? có năm nguy hại này cho người ác hành. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; từ bỏ Diệu pháp250 và an trú phi Diệu pháp. Này các Tỷ-kheo? đây là năm nguy hại cho người ác hành. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét5 các bậc trí tán thán; tiêng tôt đôn khăp; từ bỏ phi Diệu pháp và an trú Diệu pháp. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành. VI. KINH NGƯỜI THÂN Ác HÀNH THỨ HAI (Dutiyakãyaduccarítasutta) (A. III. 268) 246. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo5 cho người thân ác hành... cho người thân thiện hành... Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp; an trú Diệu pháp. Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, cho người thân thiện hành. VII. KINH NGƯỜI KHẨU Ác HÀNH THỨ HAI (Dutiyavacĩduccaritasutta) (Ả. III. 268) 247. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người khẩu ác hành... cho người khâu thiện hành... Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp; an trú Diệu pháp. Có năm lợi ích này? này các Tỷ-kheo5 cho người khẩu thiện hành. VIIL KINH NGƯỜI Ý Ác HÀNH THỨ HAI (Dutìyamanoduccarítasutta) (A. III. 268) 248. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo? cho người ý ác hành... cho người ý thiện hành... Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp; an trú Diệu pháp. Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, cho người ý thiện hành. IX. KINH NGHĨA ĐỊA (Sivathikasuttã) (Ả. III. 268) 249. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nghĩa địa. Thế nào là

250 Xem 4 III. 114; GS. III. 90 (kinh 88 ở trước).

năm? Bất tịnh, hôi thúi, đáng sợ hãi, trú xứ các phi nhân hung bạo?251 làm cho quần chúng than khóc. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nghĩa địa. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người được ví như nghĩa địa. Thế nào là năm? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh5 Ta nói rằng đây là sự bất tịnh của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo5 sự bất tịnh ấy của nghĩa địa5 Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Ai thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tjnh, thành tựu ý nghiệp bât tịnh9 tiêng ác được đôn khăp5 Ta nói răng đây là mùi hôi thúi của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo5 mùi hôi thúi ấy của nghĩa địa9 Ta nói rằng? này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Với vị thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh, các vị thuần tịnh đồng Phạm hạnh tránh né5 đứng xa, Ta nói rằng đây là sự đáng sợ hãi của người ấy; ví nhu, này các Tỷ-kheo? sự đáng sợ hãi của nghĩa địa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo9 người này giống như ví dụ ấy. Ai thành tựu thân nghiệp bât tịnh? thành tựu khâu nghiệp bât tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh, sống chung với những hạng người cũng đồng chung với nếp sống ấy (sabhãgehi puggalehĩ), Ta nói rằng đây là trú xứ hung bạo của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo5 trú xứ các phi nhân hung bạo trong nghĩa địa5 Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo5 người này giống như ví dụ ấy. Với vị thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bât tịnh này, các vị thuân tịnh đông Phạm hạnh thây vậy trở thành bất mãn (khĩyadhammam ãpcỳjantí) và nói: "Oi, thật là khổ cho chúng tôi, chúng tôi phải chung sống với những người như vay!" Ta nói rằng đây là làm cho quần chúng than khóc của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo5 nghĩa địa là chỗ làm cho nhiều người than khóc, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Đây là năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, đối với người được ví như nghĩa địa.

X. KINH TỊNH TÍN ĐỐI VỚI MỘT NGƯỜI (Puggalappasãdasutta)252 (Ả. IIL 270) 250. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, vê lòng tịnh tín đôi với một người. Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo5 khi một người có lòng tịnh tín [ái mộ] với một người mà người ấy rơi vào một tội phạm, và tùy theo tội phạm ấy, chúng Tăng ngưng chức vị ấy (Sangho ukkhipatí). Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ5 ưa

251 Xem 4 III. 100; GS. III. 81 (kinh 77 ở trước). 252 Tham chiếu: Tăng.(02. 0150.23. 0879ÒO2).

thích, vị ấy bị chúng Tăng ngưng chức", và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo. Do không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo? người này không có liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe Diệu pháp. Do không nghe Diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ nhất, này các Tỷ-kheo? về sự tịnh tín đối với một người. Lại nữa, này các

Tỷ-kheo? khi một người có lòng tịnh tín với một người mà người ấy rơi vào một tội phạm, và tùy theo tội phạm ấy, chúng Tăng bắt vị ấy ngồi ở phía cuối. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vị ấy bị chúng Tăng bắt ra ngồi ở phía cuốr\ và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo. Do không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo, người này không có liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe Diệu pháp. Do không nghe Diệu pháp, n^ười này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ hai, này các Tỷ-kheo, về sự tịnh tín đối với một người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 khi một người có lòng tịnh tín với một người mà người ấy đi vào một địa phương khác... người ấy bị loạn tâm... người ấy mệnh chung. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vị ấy đã mệnh chung", và người này không liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe Diệu pháp. Do không nghe Diệu pháp, người này thôi đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ năm, này các Tỷ-kheo5 về sự tịnh tín đối với một người.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 703

XXVI. PHẨM CỤ TÚC GIỚI (UPASAMPADẴVAGGA)

I. KINH CỤ TÚC GIỚI (Upasampãdetabbasutta) (A. IIL 271) 251. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo cần được trao Cụ túc giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn5 thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo cần được trao Cụ túc giới. II. KINH Y CHỈ (Nissayasutta)253 (Â. III. 271) 252. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải cho y chỉ. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải cho y chỉ.

III. KINH SA-DI (Sãmanerasutta) (A, III. 271) 253. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải được một Sa-di làm thị giả. Thế nào là năm? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo cần phải được một Sa-di làm thị giả.

IV. KINH NĂM LOẠI XAN THAM (Pancamacchariyasutta) (A. III. 272) 254. Này các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp. Này các Tỷ-kheo5 có năm xan tham này. Trong năm xan tham này, này các Tỷ-kheo5 cái này là tối hạ liệt, tức là xan tham pháp.

253 Trong bản tiếng Anh của PTS, 2 kinh (252,253) được trình bày chung với tên: Protection and Service, nghĩa là Che chơ và giúp ỉch.

704 KINH TĂNG CHI BỘ

V KINH ĐOẠN TẬN XAN THAM (MaccharỉyappahãnasuttaÝ5^ (A. III. 272) 255. Do đoạn tận, cắt đứt năm xan tham, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được thực hiện. Thế nào là năm? Do đoạn tận, cắt đứt xan tham trú xứ, Phạm hạnh được thực hiện. Do đoạn tận5 cắt đứt xan tham gia đình... xan tham lợi dưỡng... xan tham tán thán... xan tham pháp, Phạm hạnh được thực hiện. Do đoạn tận, cắt đứt năm xan tham này, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được thực hiện. VI. KINH THIỀN THỨ NHẤT (PaỊhamạịhãnasutta)254 255 (A. III. 272) 256. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo? [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất. Thê nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia dinh, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán? xan tham pháp. Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo? [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Do đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia dinh, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp. Do đoạn tận năm pháp này5 này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

VII-XIII. NHÓM 7 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THIỀN THỨ HAI (Dutiyajhãnasuttãdisattaka) (A. III. 273) 257-263. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... không thể có giác ngộ Dự lưu quả... Nhât lai quả... Bât lai quả... A-la-hán quả. Thê nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp. Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo? [Tỷ-kheo] không thể chứng ngộ A-la-hán quả. Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... có thể chựng ngộ Dự lưu quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ5 xan tham gia dinh, xan tham lợi dưỡng5 xan tham tán thán, xan tham pháp. Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] có thể chứng ngộ A-la-hán quả.

254 Bản tiếng Anh của PTS: The Godly life, nghĩa là Phạm hạnh. 255 Trong bản tiếng Anh của PTS, 16 kinh (từ 256-271) có cùng tên: Musing, nghĩa là Thiền định.

XIV. KINH KHÁC VỀ THIỀN THỨ NHẤT (Aparapafhamajhanasuttd) (A. III. 273) 264. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể ___ r r

chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât. Thê nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn. Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiên thứ nhât. Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn. Do đoạn tận năm pháp này, này các Ty.kheo, có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

XV-XXI. NHÓM 7 KINH KHÁC BẮT ĐÀU BẰNG KINH THIỀN THỨ HAI (Aparadutiyajhãnasuttãdisattakd) (Ả. III. 273) 265-271. Do khồng đoạn tận năm pháp,

này các Tỷ-kheo? [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... không thể có giác ngộ Dự Imi quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn. Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng ngộ A-la-hán quả. Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Tỷ-kheo có thể chứng ngộ Dự liru quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn. Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo? [Tỷ-kheo] có thể chứng ngộ A-la-hán quả.

xxvn. PHẨM LựA CHỌN LƯỢC THUYẾT (SAMMUTIPẼYYẴlẪ) I. KINH NGƯỜI TRI PHẠN (Bhattuddesakasutta)256 (4 III. 274) 272. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? [Tỷ-kheo] kh6ng được lựa chọn là người tri phạn. The nào là năm? Đi đến dục, đi đến sân, đi đen si, đi đến sự sợ hãi, không biết chỉ định và không chỉ định. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không được lựa chọn là người tri phạn. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] được lựa chọn là nguôi tri phạn. Thế nào là năm? Không đi đến dục, không đi đến sân, không đi đen si, không đi đến sự sợ hãi, biết chỉ định và không chỉ định. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo5 [Tỷ-kheo] được lựa chọn là người tri phạn. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ~kheo đã được lựa chọn là tri phạn thời không nên gửi đi... được lựa chọn, nên gửi đi... cần phải biết là một người ngu... cần phải biết là một người trí... tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc9 bị thương tích... tự mình xử sự như người không bị mất gốc, không bị thương tích...như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục... như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới... Thế nào là năm? Không đi đến dục5 không đi đến sân, không đi đến si5 khồng đi đến sự sợ hãi5 biết chỉ định và không chỉ định. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người tri phạn như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. II-XIV. NHÓM 13 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NGƯỜI CHỈ ĐỊNH PHÂN PHÔI SÀNG TỌA (Senãsanapannãpakasuttãditerasaka) (A. IIL 275) 273-285. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nên lựa chọn là người chỉ định phân phối sàng tọa... nên lựa chọn là người phân phối sàng tọa... không biết phân phối và không phân phối... biết phân phối và không phân phối... không nên lựa chọn là người giữ kho... nên lựa chọn là người giữ kho... không biết bảo vệ và không bảo vệ... biết bảo vệ và không bảo vệ... không nên lựa chọn là người nhận y... nên lựa chọn là người nhận y... không biết lấy và không lấy... biết lấy và không lấy... không nên lựa chọn là người chia y... nên lựa chọn là người chia y... không nên lựa chọn là người chia cháo... nên

256 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 272- 342 có cùng tên: Of Others, nghĩa là Các người khác.

lựa chọn là người chia cháo... không nên lựa chọn là người chia trái... nên lựa chọn là người chia trái... không nên lựa chọn là người chia bánh... nên lựa chọn là người chia bánh... không biết chia và không chia... biết chia và không chia... không nên lựa chọn là người phân phát các vật dụng nhỏ nhặt... nên lựa chọn là người phân phát các vật dụng nhỏ nhặt... không biết phân phát và không phân phát... biết phân phát và không phân phát... không nên lựa chọn là người lãnh thọ nội y... nên lựa chọn là người lãnh thọ nội y (sãtiyaggãhãpako)... không nên lựa chọn là người nhận lấy bình bát... nên lựa chọn là người nhận lấy bình bát... không biết nhận lấy và không nhận lấy... biết nhận lấy và không nhận lấy... không nên lựa chọn là người quản đốc người làm vườn... nên lựa chọn là người quản đốc người làm vườn... không nên lựa chọn là người giám sát Sa-di... nên lựa chọn là người giám sát Sa-di... được lựa chọn không nên gửi đi... được lựa chọn nên gửi đi... cần phải biết là một người ngu... cần phải biết là một người hiền trí... tự xử sự như kẻ bị mất gốc5 bị thương tích... tự xử sự như người không bị mất gốc9 không bị thương tích... như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục... như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là năm? Không đi đến dục5 không đi đến sân, không đi đến si, không đi đến sợ hãi5 biết gửi đi và không gửi đi. Thành tựu năm pháp này5 này các Tỷ-kheo5 người giám sát Sa-di như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

xxvin. PHẨM HỌC GIỚI LƯỢC THUYẾT (sikkhÂpadapeyyÃla) I. KINH TỶ-KHEO (Bhikkhusutta)257 (Ả. III. 275) 286. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thê nào là năm? Sát sanh, lây của không cho, sông không Phạm hạnh, nói láo5 đắm say rượu men rượu nấu.258 Thành tựu năm pháp này? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ không Phạm hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. II-VIL NHÓM 6 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TỶ-KHEO-NI (Bhikkhunĩsuttãdichakka) (4 III. 276) 287-292. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo-ni... vị Chánh học nữ... vị Sa-di... vị Sa-di-ni, vị nam cư si, vị nữ cư sĩ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Tỷ-kheo-ni... (như kinh 286, với những thay đổi cần thiết).

VIII. KINH NGOẠI ĐẠO ẢJĨVAKA (Ẵjĩvakasutta) (A. III. 276) 293. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị tà mạng ngoại đạo lõa thể như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, sống không Phạm hạnh, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.259 Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị tà mạng ngoại đạo lõa thể như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

257 Bản tiếng Anh của PTS: The Fivefold, nghĩa là Năm pháp. 258 Xem4 ni. 170; GS. III. 129 (kinh I45ơ trước). 259 Như chú thích trên.

IX-XVII. NHÓM 9 KINH BẮT ĐẦU BẢNG KINH NIGANTHA (Niganthasuttadinavaka) (A. III. 277) 294-302. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị tà mạng ngoại đạo260 Nigantha (Ly Hệ)... đệ tử trọc đầu... bện tóc... các du sĩ... các đệ tử của Maganda... kẻ theo phái cầm chĩa ba... người theo phái không phản đối... người theo phái Gotama... người theo pháp như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, không có Phạm hạnh? nói láo? đắm say rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này9 này các Tỷ-kheo, người theo pháp như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

260 AA. III. 334: Ājīvakotỉ naggapabbqjato (Ẫjīvaka là tu sĩ lõa thể).

XXIX. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RẴGAPEYYÂLA) (Ẩ. ill. 277)

303. Muốn thắng tri tham (rãga), này các Tỷ-kheo5 năm pháp cần phải tu tập. Thế nào là năm? Bất tịnh tưởng, tử tưởng, nguy hại tưởng, tưởng yểm ly đôi với đồ ăn5 tưởng không có gì đáng ái lạc ở đời.261 Muôn thăng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập. 304. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo5 năm pháp cần phải tu tập. Thế nào là năm? Vô thường tưởng, vô ngã tưởng, tử tưởng, tưởng yểm ly đối với đồ ăn, tưởng không có gì đáng ái lạc ở đời. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo? năm pháp này cần phải tu tập. 305. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp cần phải tu tập. Thế nào là năm? Vô thường tưởng, khổ tưởng trong vô thường, vô ngã tưởng trong khổ, tưởng từ bỏ? tưởng ly tham. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo5 năm pháp này cần phải tu tập. 306. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo? năm pháp này cần phải tu tập. Thế nào là năm? Tín căn? tân căn, niệm căn? định căn5 tuệ căn. Muôn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập. 307. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực? định lực9 tuệ lực. Muon thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập.

308-1151. Này các Tỷ-kheo5 muôn biên tri tham... muôn đoạn diệt... muôn đoạn tận... muôn hủy diệt... muôn hoại diệt... muôn ly tham... muôn diệt tận... muôn xả bỏ... muôn từ bỏ tham, năm pháp này cân phải tu tập. Này các Tỷ-kheo; muôn thăng tri9 muôn biên tri tham... muôn đoạn diệt... muốn đoạn tận... muốn hủy diệt... muốn hoại diệt... muốn ly tham... muốn diệt tận... muốn xả bỏ... muốn từ bỏ sân... si... phẫn nộ262... hiềm hận... giả dối... não hại... tật đố... xan tham... man trá... phản trắc... cứng đầu... cuồng nhiệt... mạn... quá mạn... say mê... phóng dật... năm pháp này cân phải tu tập. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực? định lực, tuệ lực. Này các Tỷ- kheo9 muốn từ bỏ phóng dật, năm pháp này cần phải tu tập.

261 Sabbaloke anabhiratasannã. 262 Xem4 I. 100; II. 257; III. 278, 452; IV. 148, 349, 456; V. 310,361.

CHƯƠNG VI SÁU PHÁP ịCHAKKANIPÃTA)

NĂM MƯƠI KINH THỬ NHẤT

I. PHẨM ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (ÃHUNEYY4VAGGA)

I. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG THỨ NHẤT (PaỊhamaãhuneyyasuttẩ)12(A. III. 279) 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anãthapindika. Tại đây, The Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kneo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Thành tựu sáu pháp này? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc,2 không có ưa thích, không có ghét bỏ? trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, không có ưa thích, không có ghét b6, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay? là vô thượng phước điền ở đời. Thế Tôn thuyết như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ9 tín thọ lời Thế Tôn dạy.

1 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125. 37.1. 0708cll); A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn tủc luận (T.26. 1536.15. 0428c22). 2 Xem A II. 198; V. 30; D. III. 281; M III. 240.

IL KINH ĐÁNG Được CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG THỨ HAI (Dutìyaãhuneyyasutta)3 (A. IIL 280) 2. Thành tựu sáu pháp5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chứng được các loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình? biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực? đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân? nghe được hai loại tiếng, chư thiên và loài người, ở xa và gần. Sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ây rõ biêt như sau: “Tâm có tham, rõ biêt là tâm có tham; hay tâm ly tham, rõ biết là tâm ly tham; hay tâm có sân, rõ biết là tâm có sân; hay tâm ly sân? rõ biết là tâm ly sân; hay tâm có si, rõ biết là tâm có si; hay tâm ly si, rõ biết là tâm ly si; hay tâm chuyên chú, rõ biết là tâm chuyên chú; hay tâm tán loạn, rõ biết là tâm tán loạn; hay đại hành tâm? rõ biết là đại hành tâm; hay không phải đại hành tâm, rõ biết là không phải đại hành tâm; hay tâm chưa vô thượng, rõ biết là tâm chưa vô thượng; hay tâm vô thượng, rõ biết là tâm vô thượng; hay tâm thiền định5 rõ biết là tâm thiền định; hay tâm không thiền định, rõ biết là tâm không thiền định; hay tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát; hay tâm không giải thoát, rõ biết là tâm không giải thoát/5 Nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời? hai đời5 ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời5 hai mươi đời? ba mươi đời? bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời5 hai trăm đời, một ngàn đời9 một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiêp? nhiêu hoại và thành kiêp; vị ây nhớ răng: "Tại chô kia, ta có tên như thế này9 dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi

chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này5 giai cấp như thế này? thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chêt tại chô nọ5 ta được sanh ra ở dây." Như vậy? vị ây nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vị ây với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thây sự sông và chêt của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng4... Như vậy? với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vị ấy thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ chúng sanh người hạ liệt5 kẻ cao sang, người đẹp đẽ? kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh

3 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.37.5. 07l2a09). 4 Xem 4 III. 16;£i. 83.

nghiệp của họ. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ây ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. III. KINH CÁC CĂN (Indriyasutta) (Ả, III. 381) 3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu? Với tín căn5 tấn căn5 niệm căn, định căn, tuệ căn, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. IV. KINH CÁC Lực (Balasuttd) (A. III. 282) 4. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu? Với tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực? tuệ lực, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. V. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG THỨ NHẤT (PaḶhamaãiãntyasutta) (A. III. 282) 5. Thành tựu sáu chi phân, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiên thiện, thuân chủng của vua, xứng đáng cho vua dùng? là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 con ngựa hiền thiện, thuần chủng của vua, kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương? kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc và đầy đủ dung sắc. Thành tựu sáu chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiền thiện, thuân chủng của vua, xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 thành tựu sáu pháp này5 Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc, kham nhẫn các pháp. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. VI. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG THỨ HAI (Dutiyaăjãnĩyasuttd) (A. III. 283) 6. (Như kinh 5, chỉ thay đổi “dầy đủ dung sắc,9 với "dầy đủ sức VII. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG THỨ BA (Tatìyaậịãnĩyasutta) (Ả. III. 283) 7. (Như kinh 5, chỉ thay đổi “dầy đủ dung sắc" với "đầy đủ t6c lực") VIII. KINH VÔ THƯỢNG (Anuttariyasuttấ) (A. III. 284) 8. Có sáu vô thượng này,5 này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu? Kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi đắc vô thượng, học vô thượng, hành vô thượng, tùy niệm vô thượng. Này các Tỷ-kheo, có sáu vô thượng này. IX. KINH TÙY NIỆM xứ (AnussatìỊỊhãnasutía) (Ả. III. 284) 9. Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm xứ này. Thế nào là sáu? Tùy niệm Phật? tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới5 tùy niệm thí, tùy niệm thiên. Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm xứ này. X. KINH MAHÃNÃMA (Mahãnãmasutta)56 (A. III. 284) 10. Một thời, Thế Tôn trú giữa các vị Thích-ca, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahãnãma dòng họ Thích, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahãnãma dòng họ Thích, bạch Thế Tôn: - Vị Thánh đệ tử này, bạch Thế Tôn, đã đi đến quả? đã liễu giải giáo pháp, đời sống gì vị ấy sống một cách sung mãn? Này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử nào đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, với nếp sống này, sống một cách sung mãn. Ở dây, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: "Dây là Thế Tôn, bậc A-la-han5 Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Tiic, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Ton." Khi nào5 này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị

5 Anuttarỉya. Xem 4 III. 324; GS. III. 229 (kinh 30 ở sau); A. III. 448; GS. III. 313 (kinh 121 ở sau); D. III. 219, 250, 281; M I. 235. 6 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.931. 0237c09); Biệt Tạp.(T.02. 0100.156. 0432b28).

tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào Như Lai. Và này Mahãnãma, một vị Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Vị ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Vị ấy có hỷ5 nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ây cảm giác lạc thọ. Vị ây có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật.,^ Lại nữa, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu." Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ây, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ây được chánh trực nhờ dựa vào pháp. Và này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín

thọ5 được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Vị ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Vị ấy có hỷ? nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Vị ấy có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, về vị Thánh đệ tử này5 được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Pháp.” Lại nữa, này Mahănãma, vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử The Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở dời." Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm chúng Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phôi... tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau:66Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại? vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ây tu tập niệm Tang?9 Lại nữa, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử tùy niệm các giới của mình: “Giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không có uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định?5 Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm giới, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, về vị Thánh đệ tử này? được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quân chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm giói." Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử tự mình tùy niệm thí của mình: "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! Vì rằng với quần chúng

bị Cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phôi, bô thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí." Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm bố thí, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phoi... tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, về vị Thánh đệ tử này5 được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm thí.” Lại nữa, này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử tu tập tùy niệm thiên: "C6 chư thiên Bốn Thiên Vương, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, có chư thiên Dạ- ma, có chư thiên Bâu-suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại5 có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đây đủ với tín như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tín như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy5 chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đây đủ nơi ta. Đây đủ với thí như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; thí như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy? chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này9 được sanh tại chỗ kia; tuệ như vậy cũng đầy đủ nơi ta.” Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy; trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối? tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực

nhờ dựa vào chư thiên. Và này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử với tâm chánh trực được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ5 được hân hoan liên hệ đên pháp. Vị ây có hân hoan, nên hỷ sanh. Vị ây có hỷ? nên thân được khinh an. Với thân khinh an? vị ấy cảm giác lạc thọ. Vị ấy có lạc thọ5 tâm được định tĩnh. Này Mahânãma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Vói quần chúng không bình thản, vị ây sông bình thản. Với quân chúng có não hại, vị ây sông không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm thiên.^, Này Mahănãma, vị Thánh đệ tử nào đã đi đên quả, đã liêu giải giáo pháp, vị ây sông một cách sung mãn với nêp sông này.

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 717

IL PHẢM CÀN PHẢI NHỚ (SÃRANlYAVAGGA)

L KINH CẦN PHẢI NHỚ THỨ NHẤT (PaỊhamasãrantyasutta)1 (A. III. 288) 11. Này các Tỷ-kheo5 có sáu pháp cần phải ghi nhớ này. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo an trú thân làm từ đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú lời nói từ đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lân sau lưng. Đây là pháp cân phải ghi nhớ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú ý nghĩ từ đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đối với các lợi dưỡng đúng pháp, nhận được đúng pháp, cho đến những đồ vật nhận được chỉ trong bình bát, vị ấy không phải là người không san sẻ các đô vật nhận được như vậy5 phải là người san sẻ dùng chung với các đồng Phạm hạnh có giới đức. Đây là pháp cần phải ghi nhớ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đối với các giới luật không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, khônẹ bị uế nhiễm, giải thoát, được người trí tán than, không bị chập thiỉ, đi đên thiên định, Tỷ-kheo sông thành tựu giới luật trong các giới luật ấy đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đôi với các tri kiên thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiên người thực hành chơn chánh diệt tận khô dau, Tỷ-kheo sống thành tựu tri kiến với các tri kiến như vậy đối với các đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ. Này các Tỷ-kheo, đây là sáu pháp cân phải ghi nhớ. II. KINH CẦN PHẢI NHỚ THỨ HAI (Dutiyasãranĩyasuttăỷ (Ả. III. 289) 12. Có sáu pháp cần phải ghi nhớ, này các Tỷ-kheo, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đên hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo an trú thân làm từ đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ5 tạo thành7 8

7 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.37.1. 0708cll). 8 Như chú thích trên.

tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo an trú lời nói từ... ý nghĩ từ đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng? không tranh luận5 hòa hợp, nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các lợi dưỡng đúng pháp, nhận được đúng pháp,

cho đên những đô vật nhận được chỉ trong bình bát? vị ấy không phải là người không san sẻ các đô vật nhận được như vậy, phải là n^ười san sẻ dùng chung với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Đây là pháp cân phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo đối với các giới luật không bị bể vụn9 không bị sứt mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đi đến thiền định? Tỷ-kheo sống thành tựu giới luật trong các giới luật ấy đối với các vị đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng... Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đối với các tri kiến thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau5 Tỷ-kheo sống thành tựu tri kiến với các tri kiến như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng... Đây là sáu pháp cần phải ghi nhớ? này các Tỷ-kheo? tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng5 đưa đên không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. III. KINH XUẤT LY GIỚI (Nissãranĩyasutta) (A, III. 290) 13. Này các Tỷ-kheo5 có sáu pháp xuất ly giới9 này. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suôt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy5 sân tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như yậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt.10 Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy5 trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập Từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn5 thành thạo, thông suôt? điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị5 an trú; sự kiện như vậy không xảy ra? này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát sân tâm, tức là Từ tâm giải thoát.” Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, ở đây5 Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo5 vững vàng, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói

9 Xem Dili. 247. 10 Xem ML 130; III. 207.

như sau: uChớ có như vậy5 Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập Bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt9 điêu luyện, thiện xảo5 vững vàng, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát hại tâm? tức là Bi tâm giải thoát.” Này các Tỷ-kheo5 ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suôt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy5 bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Ch& có như vậy9 Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập Hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt5 điêu luyện, thiện xảo? vững vàng, tuy vậy9 bât lạc tâm vân ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiên giả, pháp có khả năng giải thoát bât lạc tâm, tức là Hỷ tâm giải thoát." Này các Tỷ-kheo9

ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: “Ta đã tu tập Xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần được nói: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập Xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn? thành thạo, thông suôt5 điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiền gia, pháp có khả năng giải thoát tham tâm, tức là Xả tâm giải thoát.” Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nói như sau: 'Ta đã tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt5 điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, thức của ta vẫn tùy niệm tướng.,^ Vị ấy cần phải được nói như sau: uChớ có như vậy, Hiên giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thê Tôn. Xuyên tạc Thê Tôn như vậy thật không tot. The Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả? sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Neu tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo9 vững vàng, thức vẫn sẽ tùy niệm tướng, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy? này Hiên giả, pháp có khả năng giải thoát tât cả tướng, tức là Vô tướng tâm giải thoát.” Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nói như sau: "Tôi đã từ bỏ tư tưởng: 'Tôi là\ tôi không có tùy quán: 'Cái này là tôi\ tuy vậy? mũi tên nghi ngờ, do dự xâm chiếm tâm tôi và an trú." Vị ấy cân được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả? sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Với ai đã từ bỏ tư tưởng: 'Tôi là\ với ai

không có tùy quán: 'Cái này là tôi\ tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự xâm chiếm tâm người ấy và an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát mũi tên nghi hoặc5 do dự, tức là sự nhổ lên kiêu mạn: 'T6i là."' Này các Tỷ-kheo9 đây là sáu pháp xuất ly giới.

IV. KINH HIỀN THIỆN (Bhaddakasutta) (A. IIL 292) 14. Tại đây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Này các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: -Này các Hiên givị Tỷ-kheo nêu sông nêp sông như vậy, như vậy; do sống nếp sống như vậy, như vậy5 khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiên thiện. Và như thê nào, này các Hiên giả, Tỷ-kheo nêu sông nêp sông như vậy, như vậy, khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiền thiện? Ở đây, này các Hiền gia, Tỷ-kheo ưa công việc, thích thú công việc, chuyên tâm ưa thích công việc; ưa nói chuyện, thích thú nói chuyện, chuyên tâm ưa thích nói chuyện; ưa ngủ, thích thú ngủ, chuyên tâm ưa thích ngủ; ưa hội chúng, thích thú hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng; ưa liên lạc giao thiệp, thích thú liên lạc giao thiệp, chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; ưa hý luận, thích thú hý luận, chuyên tâm ưa thích hý luận. Như vậy, này các Hiên ẸỈả, Tỷ-kheo sống nếp sống như vậy, như vậy5 khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiền thiện. Này các Hiền giả, đây được gọi là Tỷ-kheo ái lạc có

thân, không từ bỏ có thân để chơn chánh chấm dứt khổ đau. Này các Hiền giả, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy; do sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung được hiền thiện, khi mệnh chung được hiên thiện. Và như thế nào, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy. như vậy, khi lâm chung được hiền thiện, khi mệnh chung được hiền thiện? Ở đây? này các Hiền giả5 Tỷ-kheo không ưa công việc5 không thích thú công việc? không chuyên tâm ưa thích công việc; không ưa nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không chuyên tâm ưa thích nói chuyện; không ưa ngủ, không thích thú ngủ, không chuyên tâm ưa thích ngủ; không ưa hội chúng, không thích thú hội chúng? không chuyên tâm ưa thích hội chúng; không ưa liên lạc giao thiệp5 không thích thú liên lạc giao thiệp, không chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; không ưa hý luận, không thích thú hý luận, không chuyên tâm ưa thích hý luận. Như vậy9 này các Hiền gia, Tỷ-kheo sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung được hiền thiện, khi mệnh chung được hiền thiện. Này các Hiền giả? đây được gọi là Tỷ-kheo ái lạc Niết-bàn, từ bỏ có thân để chơn chánh chấm dứt khổ đau.

Ai chuyên ưa hý luận,
Như thích thú hý luận?
Đi ngược lại Niết-bàn9
Nơi an ổn vô thượng.
Ai từ bỏ hý luận5
Ưa thích không hý luận,
Thuận hướng đến Niết-bàn,
Nơi an ổn vô thượng.

V. KINH HỐI HẬN (Anutappiyasuttd)n (A. III. 294) 15. Ở dây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Này chư Hiền, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy? như vậy; do nếp sống 9 Ấ • -í - c • r như vậy, khi lâm chung có hôi hận5 khi mệnh chung có hôi hận. Và như thê nào, này các Hiên giả, Tỷ-kheo nêu sông nêp sông như vậy5 như vậy, khi lâm chung có hối hận, khi mệnh chung có hối hận? (Như kinh 14, chỉ thay thế "c6 hối hận,5 và "không hối hận„).

VI. KINH CHA MẸ CỦA NAKULA (Nakulapitusutta) (4 III. 295) 16. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Cá sấu (Sumsumãragiri), rừng BhesakaIã, Lộc Uyên. Lúc bây giờ5 gia chủ5 cha của Nakula bị bệnh? khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi nữ gia chủ, mẹ của Nakula nói với cha của Nakula như sau: —Thưa gia chủ5 chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chiỉ, đau khổ là người khi mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong câu ái luyên. Thưa gia chiỉ, gia chủ có thể suy nghĩ: "Nữ gia chiỉ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, không thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa (santharitum)y Thưa gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, tôi khéo léo dệt vải và chải lông cừu.11 12 Thưa gia chủ5 sau khi gia chủ mệnh chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa. Do vậy, thưa gia chủ5 chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này gia chủ5 là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở

trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chủ? gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ? mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác.” Thưa gia chủ? chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, gia chủ cũng đã biết, trong mười sáu năm chúng ta sống làm người gia chủ5 tôi đã sống thực hành Phạm hạnh như thế nào. Do vậy5 thưa gia chủ5 chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ,

11 Bản tiếng Anh của PTS: Without Remorse, nghĩa là Không hối hận. 12 Venim oỉỉkhỉtum. Venĩ\ Bện tóc, bện lông. Oỉikhati: Chải, cạo. AA. III. 349: Venim olỉkhỉtuntỉ eỊakalomãnỉ kappetyã vijatetva venim kãtum ("Ch2i lồng cìru" nghĩa là chải lông cừu, chuẩn bị cho việc bện lông làm tâm lông cừu).

thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong câu ái luyên. Thê Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chủ5 gia chủ có thê suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ? mẹ của Nakula. sau khi ta mệnh chung, sẽ không còn muốn yết kiến Thế Tôn, sẽ không còn muôn yêt kiên chúng Tng." Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Sau khi gia chủ mệnh chung, tôi sẽ muốn yết kiến Thế Tôn nhiều hơn, sẽ muốn yết kiến chúng Tăng nhiều hơn. Do vậy9 thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ? này gia chủ5 là người khi mệnh chung tâm còn mong càu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cau ai luyen. Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ5 mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không giữ giới một cách đây đủ/9 Thưa gia chủ5 chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trang của Thế Tôn còn giữ giới luật một cách đầy đủ5 tôi là một trong những người ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay, Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhaggtại núi Cá Sâu, rừng BhesakaỊã, Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa gia chủ5 chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ? thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chủ, gia chủ có thê suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula không có chứng được nội tâm tịnh chí.” Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ5 cho đến khi nào? các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn còn chứng được nội tâm tịnh chỉ, tôi sẽ là một trong những vị ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng BhaggM tại núi Cá sấu, rừng BhesakaỊã, Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy? thưa gia chủ5 chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ5 thưa gia chủ5 là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, trong Pháp và Luật này không đạt được thể nhập513 không đạt được an không đạt được thoải mái, không vượt khỏi nghi hoặc, không rời khỏi do trú,1415 dự, không đạt được vô úy, còn phải nhờ người khác, 15 sống trong lời dạy đức Bôn SU." Thưa gia chủ? chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ5 cho đên khi nào5 các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn5 trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập? đạt

được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rời khỏi do dự, đạt được vô úy5 không phải nhờ người khác, sống trong lời dạy đức

13 Ogãdhappatta. AA. III. 349: Ogãdhappattãtỉ ogãdham anuppavesam pattã (í4Đạt được thể nhập,í nghía là đa có phương pháp để thê nhập). Xem UdA, 345. 14 Patỉgãdhappattã. AA. ĨĨĨ. 349: Patỉgãdhạppattãtỉ patỉgãdham patittham pattã (uĐạt được an trú" nghĩa la đã den được chỗ nghỉ, nơi vị trí chắc chắn). 15 Xem D I. 110; %. 49; Vin. I. 12.

Bôn su, tôi sẽ là một trong những người ây. Nêu có ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Cá sấu, rừng BhesakaỊã, Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy5 thưa gia chủ? chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong câu ái luyên. Thê Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Rồi cha của Nakula được nữ gia chủ5 mẹ của Nakula giáo giới với lời giáo giới này, bệnh hoạn liền khi ấy được khinh an và gia chủ? cha của Nakula thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là bệnh ây của gia chủ5 cha của Nakula. Rồi gia chiỉ, cha của Nakula được lành bệnh, sau khi lành bệnh không bao lâu, chông gậy đi đen The Tôn; sau khi đen, đanh le Thê Tôn rôi ngôi xuông một bên. Thế Tôn nói với gia chủ, cha của Nakula đang ngôi xuông một bên: "Thật lợi ích thay cho ông, này gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho ông? này gia chủ! Được nữ gia chủ5 mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy ông. Cho đên khi nào, này gia chủ5 Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng gìn giữ giới luật viên mãn, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ây. Cho đến khi nào, này gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng chứng được nội tâm tịnh chí, nữ gia chủ9 mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Cho đến khi nào, này gia chủ? Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trăng, trong Pháp và Luật này đạt được thê nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc5 rời được do dự, đạt được vô úy, không còn phải nhờ người khác, s6ĩig trong lời dạy đức Bổn su, nữ gia chủ5 mẹ của Nakula là một trong những vị ây. Thật lợi ích thay cho ông5 này gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho ông, này gia chủ, được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc5 đã giáo giới, đã khuyên dạy 6ng!” VII. KINH NGỦ NGHỈ (Soppasutta)16 (A. III. 297) 17. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãỵatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anãthapindika. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy9 đi đến giảng đường; sau khi đến? ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Tôn giả Sãriputta vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna, Tôn giả Mahãkassapa, Tôn giả Mahãkaccãna, Tôn giả Mahakotthika, Tôn giả Mahacunda, Tôn giả Mahãkappina, Tôn giảAnuruddha, Tôn giả Revata, Tôn giả Ãnanda17 vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy đi đến giảng đường; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi như vậy đến quá phần lớn của đêm, từ chỗ ngồi đứng day đi vào tinh xá. Các Tôn giả ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, từ chỗ ngồi đứng dậy9 đi về tinh xá của mình.

16 Bản tiếng Anh của PTS: Right Things, nghĩa là Các thiện pháp. 17 Xem 4 ni. 355; GS. III. 252 (kinh 46 ở sau); GS. I. 16

Nhưng tại đây, các Tỷ-kheo tân học xuất gia không bao lâu, đi đến Pháp và Luật này chưa nhiều thời gian, ngáy và ngủ tại chỗ cho đến sáng. Rồi Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân thấy các Tỷ-kheo ấy ngáy và ngủ tại chỗ cho đến sáng, thấy vậy liền đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo ấy: Này các Tỷ-kheo, Sāriputta ở đâu? Mahāmoggallāna ở đâu? Mahākassapa ở đâu? Mahākaccāna ở đâu? Mahākotthika ở đâu? Mahācunda ở đâu? Mahākappina ở đâu? Anuruddha ở đâu? Revata ở đâu? Ānanda ở đâu? Này các Tỷ-kheo5 các đệ tử Trưởng lão ấy đã đi đâu? Bạch Thế Tôn5 các Tôn giả ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu5 đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về tinh xá của mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, không có các Tỷ-kheo Trưởng lão5 các Tỷ- kheo tân học ngáy và ngủ cho đến trời sáng. Các ông nghĩ thế nào? Này các Tỷ-kheo! Các ông có thấy và có nghe như sau: "Một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dai, lạc về ngủ nghi, có thể cai trị cả nước cho đến trọn đời, được quốc dân ái mộ và ưa thích" không? Thưa không vậy, bạch Thế Tôn. - Lành thay! Này các Tỷ-kheo5 Ta cũng không thấy9 cũng kh6ng nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một vua Sát-đê-lỵ đã làm lê quán đảnh, sông chuyên tâm hưởng thọ cho đên thỏa thích lạc vê giường năm9 lạc vê năm dài, lạc vê ngủ nghi, có thể cai trị cả nước cho đến trọn đời5 được quốc dân ái mộ và ưa thích.,^ Các ông nghĩ thế nào5 này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: "Người thôn quê sống trên đất trại của người cha... vị tướng quân trong quân đội... vị thôn trưởng ở làng... vị tổ trưởng các tổ hợp sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ9 có thê trọn đời làm tô trưởng các tô hợp và được các tô viên ái mộ5 ưa thích" không? - Thưa không vậy, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thây, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một người thôn quê sống trên đất trại của người cha... vị tướng quân sống trong quân đội... vị thôn trưởng ở làng... vị tổ trưởng các tổ hợp sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm? lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghi, có thể trọn đời làm tổ trưởng các tổ hợp và được các tổ viên ái mộ và ưa thích." < A

Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thây hay có nghe như sau: Sa-môn hay Bà-la-môn sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, không phòng hộ các căn môn, không tiết độ trong ăn uống5 không chú tâm cảnh giác? không quán các thiện pháp, đầu đêm, cuối đêm không sống chuyên tâm tu tập các pháp giác chi,

đê đoạn tận các lậu hoặc5 có thê tự mình với thăng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát" không?1819 - Thưa không vậy, bạch Thế Tôn. - Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các

Tỷ-kheo: "Một vị Sa-môn hay Bà-la-môn sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài9 lạc về ngủ nghỉ, không phòng hộ các căn môn5 không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không quán các thiện pháp, đầu đêm? cuối đêm không sống chuyên tâm tu tập các pháp giác chi, để đoạn tận các lậu hoặc, có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Do vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập như sau: "Vói các căn môn được phòng hộ? ăn uống có tiết độ, chuyên tâm cảnh giác, quán các thiện pháp, đầu đêm5 cuôi đêm sông chuyên tâm tu tập các pháp giác chi, đê đoạn tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. VIII. KINH NGƯỜI ĐÁNH CÁ (Macchabandhasutta)ì9 (A. III. 301) 18. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đi giữa đường, Thế Tôn thấy tại một chỗ nọ5 một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá. Thấy vậy5 Ngài bước xuống đường và ngồi xuống trên chỗ đã sửa soạn dưới một gốc cây. Sau khi ngồi5 Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy người đánh cá kia, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá không? Thưa có, bạch Thế Tôn.

Các ông nghĩ thê nào, này các Tỷ-kheo5 các ông có thây hay có nghe như sau: "Một người đánh cá? sau khi bắt cá5 giết cá và bán cá; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, cưỡi cỗ xe, được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất đống" không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Lành thay! Này các Tỷ-kheo5 Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá; do nghiệp ây, do mạng sông ây5 được cưỡi voi, cưỡi ngựa5 cưỡi xe, hay cưỡi cô xe, hay được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất d6ng.” Vì sao? Này các Tỷ-kheo9 người đánh cá ấy với ác ý nhìn các con cá bị giết, bị đem đi giết hại5 vì vậy5 người ấy không được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa tài sản lớn và tài sản chất đống.

18 Xem A. III. 68; GS. III. 57 (kinh 56 ở sau). 19 Bản tiếng Anh của PTS: The Fish, nghĩa là Con cả.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: 6tMột người đồ tể, sau khi giết các con bò, giết các con bò rồi đi bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa các tài sản lớn hay tài sản chất (téng” không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. -Lành thay! Này các Tỷ-kheo? Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một người đô tê, sau khi giêt bò9 giêt bò rôi đem bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, hay được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất đống;,9 Vì sao? Người đồ tể giết bò ấy với ác ý nhìn các con bò bị giết, bị đem đi giết hại, vì vậy, người ấy không được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản? hay không được sống giữa các tài sản lớn và tài sản chất đống. Các ông nghĩ thê

nào, này các Tỷ-kheo5 các ông có thây hay có nghe như sau: uMột người giết dê... một người giết heo... một người giết chim... hay một người giết các loài thú rừng, sau khi giết các thú rừng, giết các thú rừng rồi đem bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi... hay được sống giữa các tài sản lớn và tài sản chất đống59 không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe... Vì sao? Người giêt các loài thú rừng ấy, với ác ý nhìn các con thú rừng bị giết, bị đem đi giết hại5 vì vậy, người ấy không được cưỡi voi, không được cưỡi ngựa9 không được cưỡi xe, không được cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa các tài sản lớn hay tài sản chất đống. Thật vậy5 này các Tỷ-kheo? ai với ác ý nhìn các loài bàng sanh bị giết, bị đem đi giết hại5 vì vậy5 người ấy không được cưỡi voi, không được cưỡi ngựa5 không được cưỡi xe, không được cưỡi cỗ xe5 không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa các tài sản lớn hay tài sản chất đống. Còn nói gì về người với ác ý nhìn loài người bị giết, bị đem đi giết hại! Thật vậy, này các Tỷ-kheo5 như vậy là bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. IX. KINH NIỆM CHÉT THỨ NHẤT (PaḶhamamaranassatísuttdỹ^ (A. III. 303) 19. Một thời, Thế Tôn trú ở Nãdika, tại Ginjakavasatha (nhà làm bằng gạch). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r _ . . . f . r rrn 9 11 4 rT-ĩi 8 rf'ĩ _ r * 1
Các Tỷ-kheo ây vâng đáp The Ton. The Tôn nói như sau:20

20 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.40.8. 0741c27).

Niệm chết, này các Tỷ-kheo? được tu tập5 được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy tu tập niệm chết. Được nghe nói vậy? một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo? ông tu tập niệm chết như thế nào?

ơ dây, bạch Thê Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong răng ta sông ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn.,, Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy? bạch The Ton, con tu tập niệm chet. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở dây, bạch Thế Tôn? con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống trọn ngày, tác ý đến lời dạy của Thế T6îì." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thê Ton, con tu tập niệm chet. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở đây5 bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng cho đến khi nào y £ r z r ___ _ r

ta còn ăn đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế T6n." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở đây, bạch Thế T6n, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn? cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Ton.99 Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy5 bạch Thế Tôn, con tu tập niệm

chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo? ông tu tập niệm chết như thế nào? -Ở đây5 bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một miếng đồ ăn? cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn?9 Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy9 bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

Ở dây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Cho đến khi nào, sau khi thở vào? ta thở ra, hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn.,, Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn? con tu tập niệm chết. Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo ấy: Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống ngày và đêm, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy.,, Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo này tu tập niệm chêt như sau: "Mong răng ta sông trọn ngày, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy.y Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn đo ăn khất thực5 cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Ton. Ta đã làm nhiều như vậy.^ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn? năm miếng đồ ăn? cho đến khi ấy5 ta tác ý đến lời dạy của The Tôn. Ta đã làm nhiều như Vy." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vW Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào sau khi thở vào5 ta thở ra5 hay sau khi thở ra5 ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy.,, Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ây được gọi là những vị sông không phóng dật? tu tập rất sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc. Do vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu học như sau: "Hãy sống không phóng dật! Ta sẽ tu tập một cách sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc." Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập. X. KINH NIỆM CHẾT THỨ HAI (Dutiyamaranassatisutta) (A. IIL 306) 20. Một thời5 Thế Tôn trú ở Nãdika, tại Ginjakavasatha (nhà làm bằng gạch). Tại dấy, Thế Tôn dạy các Tỷ-kheo: Niệm chết, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử5 cứu cánh là bất tử. Tu tập niệm chết như thế nào, làm cho sung mãn niệm chết như thế nào, thời đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể căn ta, con bò cạp có thê căn ta, hay con rít có thê căn ta. Do vậy5 ta có thê mệnh chung. Như vậy sẽ trở ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, đàm có thể khụấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: “Nếu ta còn có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận5

nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy5 biết được như sau: "Ta có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận9 nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay5 chúng có thể là chướng ngại cho ta", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác5 bat thiện pháp ay? cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như5 này các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy5 cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn5 tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn5 tinh tấn, tinh cần? nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: “Ta có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ây cần phải sống hoan hỷ5 hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đêm vừa tàn và ngày vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đên cái chêt cho ta rât nhiêu: Con răn có thê cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ïiệã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, hay đàm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung trong ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo9 nêu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy5 biết được như sau: "Ta có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận9 nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta”thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy5 để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy5 cần phải tận lực tác động ước muôn, tinh tân, tinh cân, nô lực9 không có thôi chuyên, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy5 thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần5 nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy. này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác5 bất thiện pháp ấy5 cần phải tận lực tác động ước muốn5 tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét? biết được như sau: "Ta không có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ5 hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, niệm chêt, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy thời được quả lớn, được lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử.

730 KINH TĂNG CHI BỘ

in. PHẨM TRÊN TẤT CẢ (ANUTTARIY4VAGGA)

I. KINH TẠI LÀNG SÃMA (Sãmakasutta) (A. III. 309) 21. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka5 tại làng Sãma (Xá-di), gần hồ sen. Rồi một thiên nhân, sau khi đêm đã gân mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng hồ sen, đi đến Thế Tôn; sau khi

đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy bạch Thế Tôn: —Có ba pháp này, bạch Thế Tôn? đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa. Thế nào là ba? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ. Ba pháp này, bạch Thế Tôn, đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa. Vị thiên nhân ấy nói như vậy9 bậc Đạo sư chấp nhận. Vị thiên nhân ấy, với ý nghĩ: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ The Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế T6n, sau khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, đêm nay, một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn? với dung sắc thù thăng chói sáng toàn vùng hồ sen, đi đến Ta; sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Ta rồi dứng một bên. Đứng một bên? thiên nhân ấy nói với Ta: “C6 ba pháp này, bạch The Tôn? đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa. The nào là ba? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ. Ba pháp này5 bạch Thê Tôn, đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa?9 Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ây đảnh lê Ta, thân bên hữu hướng vê Ta rôi biên mât tại chô. Này các Tỷ-kheo, thật không được gì cho các ông, thật không khéo được ỊÌ cho các ông, vì rằng các thiên nhân ấy biêt được các pháp dắt dân các ông thôi đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng ba pháp khác đưa đến thôi đọa, hãy lăng nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. f f Các Tỷ-kheo ay vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau: - Này các Tỷ-kheo? thế nào là ba pháp đưa đến thối đọa? Ưa hội chúng, ác ngôn, ác bạn hữu. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến thối đọa. Này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ đã thối đọa trong các thiện pháp, tât cả đêu vì sáu pháp này, sẽ bị thoi đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai sẽ bị thôi đọa trong các thiện pháp, tât cả đều vì sáu pháp này, sẽ bị thôi đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại bị thôi đọa trong các thiện pháp, tât cả đêu vì sáu pháp này, bị thôi đọa trong các thiện pháp.

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 731

II. KINH KHÔNG THỐI ĐỌA (Aparihãniyasutta) (A. III. 310) 22. Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp không thối đọa này, Ta sẽ thuyết, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu pháp không thối đọa? Không ưa công việc, không ưa nói chuyện, không ưa ngủ nghi, không ưa hội chúng, thiện ngôn, thiện bạn hữu. Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp không thôi đọa này. Này các Tỷ-kheo, những ai trong thời quá khứ không bị thôi đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này không bị thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong thời vị lai sẽ không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này sẽ không bị thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo5 những ai trong thời hiện tại không bị thôi đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này không bị thối đọa trong các thiện pháp.

III. KINH SỢ HÃI (Bhayasutta)2i (A. III. 310) 23. Sợ hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Khổ, này các Tỷkheo, là đông nghĩa với các dục. Bệnh, này các Tỷ-kheo, là đông nghĩa với các dục. Cục bướu, này các Tỷ-kheo9 là đồng nghĩa với các dục. Tham dính, này các Tỷ-kheo5 là đông nghĩa với các dục. Bùn lây, này các Tỷ-kheo, là đông nghĩa với các dục. Và này các Tỷ-kheo, vì sao sợ hãi là đồng nghĩa với các dục? Này các Tỷ-kheo, say đắm bởi tham dục, bị trói buộc bởi các tham ước muốn5 ngay trong hiện

tại không thoát khỏi sợ hãi, đời sau cũng không thoát khỏi sợ hãi. Do vậy, sợ hãi là đồng nghĩa với các dục. Và này các Tỷ-kheo9 vì sao khổ... bệnh... cục bướu... tham dính... bùn lầy là đồng nghĩa với các dục? Này các Tỷ-kheo5 say đắm bởi tham dục5 bị trói buộc bởi tham dục, ngay trong hiện tại không thoát khỏi bùn lầy, đời sau cũng không thoát khỏi bùn lầy. Do vậy bùn lầy là đồng nghĩa với các dục. Sợ hãi và khổ dau, Bệnh hoạn và cục bướu, Cả hai tham dính bùn5 Được gọi là các dục. Tại đấy kẻ phàm phu, Tham đắm và chấp trước, Thấy sợ trong chấp thủ5 Nguôn gôc của tử sanh. Không chấp thủ, giải thoát, Đoạn tận được sanh tử,

21 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.28. 0879c22).

Chúng đạt được an ổn, Được hiện tại tịnh lạc5 Vượt sợ hãi oán thù, Mọi đau khổ vượt qua. IV. KINH NÚI TUYẾT (Himavantasutta) (A. III. 311) 24. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có thê phá vỡ vua Núi Tuyết, còn nói gì vô minh hạ liệt. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo nhập được thiền định, thiện xảo trú được thiền định, thiện xảo xuất khỏi thiền định5 thiện xảo trong sự an lạc thiền định, thiện xảo trong cảnh giới thiền định5 thiện xảo trong sự dẫn khởi đến thiền định. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có thê phá vỡ vua Núi Tuyết, còn nói gì vô minh hạ liệt. V. KINH TÙY NIỆM xứ (AnussatiỊIhãnasutta)22 (A. III. 312) 25. Này các Tỷ-kheo5 có sáu tùy niệm xứ này. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn5 bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật5 Thế T6n.” Khi nào, này các Tỷ-kheo9 vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi nhối, tâm không bị sân chi phối5 tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi? giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Do lấy cái này làm đối tượng, này các Tỷ-kheo5 ở đây một số các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.^, Khi nào, này các Tỷ- kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ây5 tâm không bị tham chi phôi, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực... các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, nàỵ các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùỵ niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử The Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn? Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường5 đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở âờiy Khi nào5 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng... các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử tùy niệm giới: "Giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không có uế nhiễm, đưa đến giải thoát,

22 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.931. 0237c09); Biệt Tạp.(7.02.0100.156. 0432b28).

được người trí tán thán5 không bị chấp thủ5 đưa đến thiên djnh." Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm giới, trong khi ây tâm không bị tham chi phối... các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tự mình tùy niệm thí: "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! Vì rằng với quần chúng bị cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí.,, Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm bố thí, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm thiên: "C6 Bốn Thiên Vương, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, có chư thiên Dạ-ma5 có chư thiên Đâu-suất5 có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đây đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy5 sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta. Đầy đủ với giới, với nghe pháp, với thí, với tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta.” Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phôi; trong khi ây, tâm vị ây được chánh trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục lạc. Do lấy cái này làm đối tượng, này các Tỷ-kheo, ở đây, một số các loài hữu tình được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo5 đây là sáu tùy niệm xứ. VI. KINH MAHÃKACCẢNA (Mahãkaccãnasutta)23 (A. III. 314) 26. Tại dấy, Tôn giả Mahãkaccãna gọi các Tỷ-kheo: Chư Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãkaccãna. Tôn giả Mahãkaccãna nói như sau: Thật vi diệu thay, chư Hiền giả! Thật hy hữu thay5 chư Hiền giả! Thế T6n, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã chứng ngộ và đạt được sự mở rộng khỏi bị trói buộc; nhờ vậy? các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là sáu tùy niệm xứ. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Hiền giả, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật5 Thế Tôn.^,

23 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.550. 0143bl8).

Này chư Hiên, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ây5 tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân hận chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi? giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này chư Hiền, là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Vị Thánh đệ tử ây, này chư Hiên, trong tât cả thời, sông với tâm đông đăng với hư không, rộng lớn quảng dại, vô lượnệ, không hận? không sân. Này chư Hiền, lấy cái này làm đối tượng, ở đây một sô các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, nàỵ chư Hiền, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: 'Tháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được các người có trí tự mình giác hiểu.” Này chư Hiền, trong khi vị Thánh đệ

tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối? tâm không bị sân chi phôi, tâm không bị si chi phôi; trong khi ây5 tâm được chánh trực, ra khỏi5 giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này chư Hiền, là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Vị Thánh đệ tử ấy, trong tất cả thời, sống với tâm đồng đẳng với hư không, rộng lớn, quảng đại, vô lượng, không hận, không sân. Này chư Hiền, lấy cái này làm đối tượng, ở đây một số các loài hữu tình được thanh tịnh. Lại nữa, này chư Hiền, vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đời... tùy niệm các giới... tùy niệm thí... tùy niệm chư thiên...Vị Thánh đệ tử, này chư Hiền, trong khi tùy niệm chư thiên, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi? giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, nàỵ chư Hiền, là đồng nghĩa với các dục trưởng dưỡng. Vị Thánh đệ tử ây, trong tât cả thời, sông với tâm đông đăng với hư không, rộng lớn, quảng đại? vô lượng, khôn^ hận? không sân. Này chư Hiền, lấy tư tưởng này làm đôi tượng, ở đây một sô các loài hữu tình được thanh tịnh. Thật vi diệu thay, này chư Hiền! Thật hy hữu thay5 này chư Hiền! Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã chứng ngộ và đạt được sự mở rộng khỏi bị trói buộc; nhờ vậy, các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là sáu tùy niệm xứ. VII. KINH CÁC THỜI THỨ NHẤT (Pafhamasamayasutta) (A. III. 317) 27. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Có bao nhiêu thời, bạch Thế Tôn, để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý? Có sáu thời, này Tỷ-kheo5 để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Thế nào là sáu? Ở đây9 này Tỷ-kheo? trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị dục tham chi phối, bị dục tham ám ảnh5 vị ấy không như thật rõ biết dục tham đang khởi lên; trong

khi ấy, sau khi dến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý? vị ấy cần được nói như sau: "Thua Hiền giả? tôi sống với tâm bị dục tham chi phối5 bị dục tham ám ảnh, tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi dục tham. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận dục tham!^, Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý? thuyết pháp đê đoạn tận dục tham. Này Tỷ-kheo5 đây là thời thứ nhât đê đi đên yết kiên Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Lại nữa, này Tỷ-kheo5 trong khi Tỷ-kheo sông với tâm bị sân chi phôi, bị sân ám ảnh, không như thật rõ biết xuất ly khỏi sân được khởi lên; trong khi ấy, sau khi đến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả? tôi sông với tâm bị sân chi phôi5 bị sân ám ảnh5 tôi không như thật rõ biêt xuât ly khỏi sân. Lành thay, nêu Tôn giả thuyêt pháp cho tôi đê đoạn tận san!^ Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý? thuyết pháp để đoạn tận sân; Này Tỷ- kheo, đây là thời thứ hai để đi đen yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sông với tâm bị hôn trâm thụy miên chi phối5 bị hôn trầm thụy miên ám ảnh... bị trạo hối chi phối, bị trạo hồi ám ảnh... bị nghi chi phối, bị nghi ám ảnh, không như thật rõ biết xuất ly khỏi nghi được khởi lên; trong khi ấy, sau khi đến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý5 vị ấy cần được nói như sau: "Thua Hiền giả, tôi sống với tâm bị nghi chi phối? tâm bị nghi ám ảnh. Tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi nghi. Lành thay, nếu Tôn ệiả thuyết pháp

cho tôi để đoạn tận nghi!" Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ỵ? thuyet pháp để đoạn tận nghi. Này Tỷ-kheo? đây là thời thứ năm để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo y cứ nơi tướng nào, do tác ý tướng ấy, các lậu hoặc được đoạn diệt, không có gián đoạn, vị ấy không biết, không thấy tướng ấy; trong khi ấy, sau khi đi đến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý? vị ấy cần được nói như sau: "Thua Hiên giả, y cứ nơi tướng nào, do tác ý tiĩống ấy, các lậu hoặc được đoạn diệt, không có gián đoạn, tôi không biết, không thấy tướng ấy. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn diệt các lậu hoặcỊ,5 Và Tỷ-kheo J đã được tu tập về ý thuyết pháp để đoạn• diệt • các lậu • hoặc. •: Này J Tỷ- J kheo, đây là thời thứ sáu đê đi đên yêt kiên Tỷ-kheo đã được tu tập vê ý. Đây là sáu thời, này Tỷ-kheo? để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

VIII. KINH CÁC THỜI THỨ HAI (Dutìyasamayasutta) (À. III. 320) 28. Một thời, rất nhiều Tỷ-kheo trú tại Bãrãnasĩ, chỗ chư thiên đọa xứ, Lộc Uyển. Sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, các vị Tỷ-kheo ngôi tụ họp lại trong căn nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được khởi lên: -Này chư Hiền, thời giờ nào để đi đến yết kiến vị Tỷ-kheo đã được tu tập về ý? Được nghe nói vậy? một Tỷ-kheo bạch với các Tỷ-kheo trưởng lão: -Thưa chư Hiền, khi nào vị Tỷ-kheo đã được tu tập về ý5 sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, sau khi rửa chân, đã ngồi xuống, kiết-già5 lung

thăng, an trú niệm trước mặt, đây là thời đê đi đên yêt kiên Tỷ-kheo đã được tu tập vê ý. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác nói với Tỷ-kheo ây: - Thưa Hiền^iả, đây không phải thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Này Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý9 sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, sau khi rửa chân, ngồi kiết-già5 lưng thẳng, để niệm trước mặt5 bị mệt mỏi vì đi bộ; trong khi ấy, không cảm thấy khinh an, bị mệt mỏi vì ăn uống; trong khi ấy, không cảm thấy khinh an. Do vậy5 không phải thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo được tu tập về ý. Này Hiền giả? trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý? vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, dưới bóng nẹôi tinh xá, ngồi kiết-già5 lưng thẳng, để niệm trước mặt5 thời ấy chính là thời đe đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Được nghe nói vậy? một Tỷ-kheo khác nói với vị Tỷ-kheo ấy: Thời ấy không phải thời để đi yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Thưa Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý? vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, dưới bóng ngôi tinh xá, ngồi kiết-già5 lưng thẳng, để niệm trước mặt, định tướng gì vị ấy tác ý ban ngày, định tướng ấy tronẹ khi ấy được hiện hành (samudãcaratĩ). Do vậy, đây không phải là thời đê đi yêt kiên Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Này Hiền giả, Tỷ-kheo được tu tập về ý, sau khi đêm vừa mãn, mới thức dậy, ngôi kiêt-già, lưng thng, đê niệm trước mặt, khi ây là thời đê đi đên yết kiến Tỷ"kheo đã được tu tập ve ý. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác nói với Tỷ-kheo ấy: —Khi ấy không phải thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo được tu tập về ý. Này Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý5 sau khi đêm đã mãn, thức dậy? n^ồi kiết-gi lưng thẳng, để niệm trước mặt; trong khi ấy, thân thể đầy nhựa sống? vị ấy cảm giác thoải mái5 tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Do vậy, khi ấy không phải là thời để yết kiến Tỷ-kheo

được tu tập về ý. Được nói vậy, Tôn giả Mahãkaccãna nói với các Tỷ-kheo trưởng lão ấy: - Thưa các Hiền giả, tôi tự thân nghe tư Thế T6n, tự thân lãnh thọ như sau: Có sáu thời này, Tỷ-kheo nên đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Thế nào là sáu? (Tôn giả Mahãkaccãna lặp lại như kinh 27). Thưa chư Hiền, chính toi tự than nghe từ Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như sau: Có sáu thời này, Tỷ-kheo cần đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

IX. KINH UDÃYĨ (Udãyĩsutta) (A. III. 322)

29. Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Udãyĩ:

Này Udăyĩ, có bao nhiêu chỗ để tùy niệm?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Udãyĩ giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn bảo

Tôn giả Udãyĩ:

Này Udãyĩ? có bao nhiêu chỗ để tùy niệm? Lần thứ hai, Tôn giả Udãyĩ giữ im lặng. Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Udãyĩ: Này Udãyĩ? có bao nhiêu chỗ để tùy niệm? Lần thứ ba, Tôn giả Udãyĩ giữ im lặng. Rồi Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Udãyĩ: Này Hiền giả ưdãyĩ, Thế Tôn gọi Hiền giả! -Thưa Hiền ẹiả Ãnanda, tôi có nghe Thế Tôn gọi. Bạch Thế Tôn, khi Tỷ- kheo nhớ đến nhiều đời trước ở quá khứ như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời trước với các nét đại cương và các chi tiết. Bạch Thế Tôn, đây là chỗ để tùy niệm. . . [_ . - _ . * FT'i A f I 1 Í ? . rr^ *7 A i . Roi The Ton bao Ton gia Ananda: Ta đã biết, này Ananda, kẻ ngu Udãyĩ này không sống chuyên tâm vào tăng thượng tâm.24 Này Ananda, có bao nhiêu chỗ để tùy niệm? Bach The Ton, co nam cho de tuy mem. The nao la nam? ở đây, bạch Thế Ton, Ty-kheo ly due, ly pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.25 Bạch The Tôn, đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập5 như vậy làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú. Lại nữa, bạch Thế T6n, Tỷ-kheo tác ý với tưởng ánh sáng, trú vào tưởng ban ngày. Ngày như thê nào thời đêm như vậy. Đêm như thê nào thời ngày như vậy. Như vậy với tâm rộng mở, không có hạn chế, vị ấy tu tập tâm với ánh sáng chiếu sáng. Bạch Thế Tôn5 đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến chứng đắc tri kiến. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo quán sát thân này26 từ bàn chân trở lên trên, từ đảnh tóc trở xuống, được bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc5 lông, m6ng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô? lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, dàm, mủ5 máu, mồ hôi? mỡ9 nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Bạch Thế Ton, đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập9 như vậy làm cho sung mãn, đưa đên đoạn tận tham dục. Lại nữa, bạch Thế Tôn5 ví như vị Tỷ-kheo thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, một ngày hay hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên? xanh ứ lại, thôi ra mủ chảy527 Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: "Thân này tánh chất là như vậy5 bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Ví như vị ấy thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loại quạ ăn? hay bị

24 Adhicitta: Tăng thượng tâm, tâm cao thượng (tâm an trụ trong thiền định). ẠA. III. 357: Adhicittanti samãdhivipassanãcừtam (4tTăng thượng tâm,, tưc chỉ cho tâm an trụ

trong thiền chỉ và thiền quán). 25 Thiền thứ tư không được đề cập vì vượt khỏi lạc (sukha). 26 Xem/. V. 109; D. II. 293; M. I. 57; s. V. 278; Vìsm. 285-303. 27 Xem Mill. 91.

các loài diều hâu ăn? hay bị các chim kên ăn5 hay bị các loài chó ăn5 hay bị các loài dã can ăn? hay bị các loài côn trùng ăn5 Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy? không vượt khỏi tánh chất ấy." Ví như vị ấy thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa với các xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại; với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu5 còn được các đường gân cột lại; với các bộ xương còn liên kêt với nhau, không còn thịt và máu5 còn được các đường gân cột lại; chỉ còn xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân? ở đây là xương ống, ở đây lả xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu? Tỷ-kheo ây đem so sánh với thân này như sau: "Thân này bản chất là như vậy5 bản tánh là như vậy5 không vượt khỏi tánh chât ây." Hay ví như vị ây thây một thi thê bị quăng bỏ trong nghĩa địa? chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc5 chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm5 chỉ còn là xương thối trở thành bột, Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: :Thân này bản chất là như vậy, bản tánh là như vậy? không vượt khỏi tánh chất ấy." Đây là chỗ để tùy niệm5 bạch Thế Tôn5 như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn5 đưa đến nhổ tận gốc kiêu mạn: "T6i là." Lại nữa, bạch Thế T6n, Tỷ-kheo bỏ lạc bỏ khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Đây là chỗ để tùy niệm5 bạch Thế Tôn? như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến sự thể nhập hoàn toàn các giới sai khác nhau. Bạch The Tôn5 đây là năm cho đê tùy niệm. Lành thay! Lành thay! Này Ãnanda, đây là chỗ tùy niệm thứ sáu, hãy thọ trì ở đây, này Ảnanda, Tỷ-kheo chánh niệm đi ra, chánh niệm đi vào, chánh niệm ngồi, chánh niệm nằm5 chánh niệm trong khi làm việc. Này Ãnanda, đây là chỗ để tùy niệm5 như vậy tu tập5 như vậy làm cho sung mãn5 đưa đến chánh niệm tỉnh giác. X. KINH VÔ THƯỢNG (Anuttaríyasutta)2S (A. III. 325) 30. Này các Tỷ-kheo5 có sáu pháp vô thượng này. Thế nào là sáu? Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng, tùy niệm vô thượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thấy vô thượng? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có người đi xem voi báu, đi xem ngựa báu, đi xem châu báu. hay đi xem các vật lớn nhỏ. hay đi xem Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến5 có tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có phải là thấy không? Ta nói rằng: “Dây là không thấy.” Sự thấy ay, này các Tỷ-kheo? là hạ liệt5 là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đên mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo? ai đi yết kiến Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an28

28 Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26. 1536.16. 0432cl0).

trú, nhất hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo5 đây là thấy vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý5

chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi yet kiến Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an tiý, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thấy vô thượng. Đây là thấy vô thượng. Còn nghe vô thượng là gì? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? có người đi nghe tiếng trống5 đi nghe tiếng sáo, đi nghe tiếng ca, hay đi nghe tiếng cao thấp khác nhau, hay đi nghe pháp các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo? đây có phải là nghe không? Ta nói rằng: "Đây là không nghe." Sự nghe ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt? là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đên yêm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh5 thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai đi đến để nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuân tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là sự nghe vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý5 chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là nghe vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng. Còn lợi đắc vô thượng là thế nào? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có người được con, được vợ? được tài sản? được các vật cao thấp khác nhau, được lòng tin vào các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến5 tà hạnh. Này các Tỵ-kheo5 đây có lợi đắc hay không? Ta nói rằng: "Đây là không lợi dắc.” Lợi đắc ấy, này các Tỷ-kheo5 là hạ liệt, là hèn hạ, là phàrợ phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục dích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo5 ai được lòng tin vào Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là lợi đắc vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý? chứng ngộ Niết-bàn, tức là được lòng tin vào Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lợi đắc vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng. Còn học tập vô thượng là thế nào? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có người học tập về voi, học tập về ngựa5 học tập về xe, học tập về cung pháp, học tập về kiếm pháp, học tập về các nghề cao thấp sai biệt hay học tập theo các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến5 tà hạnh. Này các Tỷ-kheo? đây là có học tập hay không? Ta nói rằng: tcĐây là không học tập?5 Học tập ấy, này các Tỷ-kheo5 là hạ liệt? là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo5 ai học tập

tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhât hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo5 đây là học tập vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý? chứng ngộ Niết-bàn, tức là học tập tăng thượng giới5 học tập tăng thượng định? học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú5 nhât hướng thuân tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là học tập vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng. Còn phục vụ vô thượng

là như thế nào? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người phục vụ Sát-dế-ly, phục vụ Bà-la-môn, phục vụ gia chủ5 phục vụ các người cao thấp sai biệt, hay phục vụ Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo9 đây là có phục vụ hay không? Ta nói rằng: "Bây là không phục vụ.,, Phục vụ ấy, này các Tỷ-kheo5 là hạ liệt, là hèn hạ5 là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục dích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo, đây là phục vụ vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khô ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niêt-bàn? tức là phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phục vụ vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ VQ thượng. Và thế nào là tùy niệm vô thượng? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 có người tùy niệm được con, tùy niệm được vợ5 tùy niệm được tài sản5 tùy niệm được cao thấp sai biệt, tùy niệm Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là cỏ tùy niệm hay không? Ta nói rằng: "Bây là không tùy niem.” Tùy niệm ấy, này các Tỷ- kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh5 không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo5 ai tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo5 tùy niệm ấy là vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu9 đạt được chánh lý9 chứng ngộ Niết- bàn5 tức là tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin được an trú, với lòng ái mộ được an trú9 nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tùy niệm vô thượng. Này các Tỷ-kheo5 có sáu tùy niệm này. Ai được thấy tối thắng, Và được nghe vô thượng,

Được lợi đắc vô thượng,
Vui học tập vô thượng,
An trú trong phục vụ,
Tu tập chuyên tùy niệm,
Liên hệ đến viễn ly,
Đạt an ổn, bất tử,
Hoan hỷ5 không phóng dật,
Thận trọng5 hộ trì giới,
Khi thời đã chín muồi,
Đau khổ được đoạn tận.

IV PHẨM CHƯ THIÊN (DEVĂTẴVAGGA)

I. KINH HỮU HỌC (Sekhasuttà)2930 (4 III. 329) 31. Sáu pháp, này các Tỷ-kheo, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Thế nào là sáu? Ưa công việc? ưa nói chuyện, ưa ngủ,

ưa hội chúng, các căn không phòng hộ? ăn uống không tiết độ. Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 không đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Thế nào là sáu? Không ưa công việc5 không ưa nói chuyện, không ưa ngủ nghỉ, không ưa hội chúng, các căn có phòng hộ, ăn uống có tiết độ. Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa.

II. KINH KHÔNG THỐI ĐỌA THỨ NHẤT (Pathamaaparihãnasuttàýồ (A, IIL 330) 32. Rôi một thiên nhân, sau khi đêm đã gân tàn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn: Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn5 không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thế nào là sáu? Kính trọng Đạo su, kính trọng Pháp5 kính trọng chúng Tăng, kính trọng học pháp, kính trọng không phóng dật5 kính trọng tiếp đón.31 Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thiên nhân ấy nói như vậy. Bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên nhân ấy nghĩ rằng: a'Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, gọi các Tỷ-kheo: Đêm nay, này các Tỷ-kheo5 có một thiên nhân, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến9 đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói với Ta: “C6 sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thế nào

29 Xem 4 III. 308; D. 16, Mahãparỉnỉbbãna Sutta (Kỉnh Đại Bắt-nỉết-bàn). 30 Xem^4. IV. 26. Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn tủc luận (T.26. 1536.15. 0428c22).
31 Patỉsanthãragãravatã. Xem 4 III. 14; GS. III. 10 (kinh 21 ở trước); A. III. 94; GS. III. 77 (kinh 79 ở sau); A. IV. 28.

là sáu? Kính trọng Đạo su, kính trọng Pháp, kính trọng chúng Tăng, kính trọng học pháp, kính trọng không phóng dật5 kính trọng tiếp đón. Sáu pháp này, bạch Thế T6n, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa.55 Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Tỷ-kheo kính Đạo su, Cung kính Pháp và Tăng, Học pháp, không phóng dật, Cung kính nghênh tiếp đón? 9 r Không thê bị thôi đọa, Nhất định gần Niết-bàn. III. KINH KHÔNG THỐI ĐỌA THỨ HAI (Dutìyaaparíhãnasutta)32 (A. III. 331) 33. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân? sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến. đảnh lê Ta rôi đứng một bên. Đứng một bên? này các Tỷ-kheo5 thiên nhân ấy thưa với Ta: "C6 sáu pháp này, bạch The Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thế nào là sáu? Kính trọng Đạo su, kính trọng Pháp, kính trọng chúng Tăng, kính trọng học pháp, kính trọng hổ thẹn5 kính trọng sợ hãi tội lỗi. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối dQa." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Cung kính bậc Đạo su, Cung kính lớn Pháp, Tăng, Đầy đủ tàm và quý, Kính nhường và cung kính, Không thê bị thôi đọa, Nhất định gần Niết-bàn.

IV KINH MAHÃMOGGALLÃNA (Mahãmoggaỉỉãnasutta) (A. III. 331) 34. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana? khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna (Đại Mục-kiền-liên) trong khi độc cư thiền tịnh, những suy nghĩ như sau được khởi lên: "C6 bao nhiêu chư thiên có trí như sau: 'Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc đạt được giác ngO'?" Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Tissa mệnh chung không bao lâu, được sanh lên Phạm thiên giới. Tại dấy, họ biết vị ấy là: 6Thạm thiên Tissa33 có đại thần lực? có đại uy lực."

32 Xem A. IV. 28. Tham chiếu: Pháp tập yếu tụng kỉnh, Phóng dật phẩm (7.04. 213.4. 0779a01). 33 Chủ giải cho rằng Tissa là đệ tử của Tôn giả Mahãmoggallãna.

Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy? biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên Tissa thấy Tôn giả Mahãmoggallãna từ xa đi đến; sau khi thấy, nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: Hãy đến5 bạn Moggallãna! Thiện lai, bạn Moggallãna! Đã lâu, bạn Moggallãna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Này bạn Moggallãna, hãy ngồi trên chỗ đã soạn này! Tôn giả Mahãmoggallãna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Phạm thiên Tissa đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Phạm thiên đang ngồi một bên: Có bao nhiêu thiên nhân, này Tissa, có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc đạt đến giác ngộ,5? Này bạn Moggallãna, chư thiên ở cõi trời Bôn Thiên Vương có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc đạt đến giác ngO." Này Tissa, có phải tất cả chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương đều có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc đạt đến giác ngb? -Này bạn Moggallãna, không phải tất cả chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương đều có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc đạt đến giác ng0." Này bạn Moggallãna, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương nào không thành tyu lòng tinh tín bất động đối với đức Phật, không thành tựu lòng tịnh tín bât động đôi với Pháp, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương ấy không có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngO." Và này bạn Moggallăna, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật? thành tựu lòng tịnh tín đối với Pháp? thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương ấy có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa9 quyết chắc đạt đến giác Này Tissa. cỏ phải chỉ có chư thiên ở cõi trời Bôn Thiên Vương mới có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa, quyêt chăc đạt đên giác ng"hay các chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... hay các chư thiên ở cõi trời Dạ-ma (Yãmã)... hay các chư thiên ở cõi trời Đâu-suất (Tusita)... hay chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc hay chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại... cũng có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ng" Này bạn Moggallãna, chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại có

trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa5 quyết chắc đạt đến giác ngO." Này Tissa, có phải tất cả chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại đều có trí

như sau: "Chiing ta là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc đạt đến giác ng"
-Này bạn Moggallãna, không phải tất cả chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại đều có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa5 quyết chắc đạt đến giác ngO." Này bạn Moggallãna, chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại nào không thành tựu lòng tịnh tín bất động với đức Phật5 không thành tựu lòng tịnh tín bất động đôi với Pháp, khônệ thành tựu lòng tịnh tín bất động đôi với Tăng, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, các chư thiên ấy không có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thôi đọa5 quyết chăc đạt đên giác ng6." Và này bạn Moggallãna, chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, chỉ những chư thiên ấy mới có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa? quyết chắc đạt đến giác ngộ.^, Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra5 cũng vậy, biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra tại Jetavana.

V. KINH MINH PHẦN(yỉjjãbhãgỉyasuttă) (A. III. 334) 35. Có sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thuộc về minh phần.34 Thế nào là sáu? Tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ5 txrởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, là thuộc vê minh phân. VI. KINH GỐC RỄ CỦA ĐẤU TRANH(yìvãdamũlasuttă) (Ắ. III. 334) 36. Có sáu gốc rễ đấu tranh,34 35 này các Tỷ-kheo. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo phẫn nộ và hiềm hận. Này các Tỷ-kheo5 ở đây, vị Tỷ-kheo phân nộ và hiêm hận, vị ây sông không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; không cung kính, không tùy thuận Pháp; không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến nhiều người không lợi ích, khiến chư thiên và loài người không hạnh phúc và đau khổ. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông thấy ác tránh căn ấy giữa các ông hay ngoài các ông, này các Tỷ-kheo, các ông phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Tỷ-kheo5 nếu các ông

34 Xem4 IV. 24; o. III. 283. 35 XemIII. 246; M. II. 245; Vin. II. 89.

không thây ác tránh căn ây giữa các ông hay ngoài các ông, này các Tỷ-kheo, các ông hãy tác động đừng cho ác tránh căn ây có cơ hội làm hại trong txrơng lai. Như vậy là đoạn tận ác tránh căn ấy. Như vậy là ngăn chặn nguy hại của ác tránh căn ấy trong

tương lai. Này các Tỷ-kheo9 lại nữa, vị Tỷ-kheo giả dối và não hại... tật đố và xan tham... lừa đảo và man trá... ác dục và tà kiến... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn Này các Hiền giả5 Tỷ-kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ.3637 giữ, rất khó rời bỏ5 vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sông không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, Tỷ-kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư... Pháp... Tăng... không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến nhiều người không ích lợi, khiến chư thiên và loài người khônệ hạnh phúc và đau khô. Này các Tỷ-kheo, nêu các ông thây được ác tránh căn ây giữa các ông hay ngoài các ông, các ông phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Tỷ- kheo, nếu các ông không thây ác tránh căn ây giữa các ông hay ngoài các ông5 các ông hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ây có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn tận ác tránh căn ấy. Như vậy là ngăn chặn nguy hại của ác tránh căn ấy trong tương lai. Này các Tỷ-kheo? đây là sáu tránh căn. VII. KINH BỐ THÍ GỒM SÁU PHÀN (Chalangadanasutta)31 (A. III. 336) 37. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavata, khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, mẹ của Nanda, nữ gia chủ người VeỊukandakĩ, làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo, dẫn đầu là Sãriputta và Moggallãna. Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân5 thấy mẹ của Nanda, nữ gia chủ người VeỊukandakĩ, làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo, dẫn đầu là Sãriputta và Moggallãna. Sau khi thấy vậy, Thế Tôn liên bảo các Tỷ-kheo: Có mẹ của Nanda, nữ gia chủ người VeỊukandakĩ làm một thí vật gồm có sáu phàn cho chúng Tỷ-kheo5 dẫn đầu là Sãriputta và Moggallãna. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có ba phần của người bố thí và có ba phần của người nhận đồ bố thí. Thế nào là ba phần của người bố thí? Ở đay5 này các Tỷ- kheo, người bố thí, trước khi bố thí, ý được vui lòng; trong khi bố thí, tâm được tịnh tín; sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ. Đây là ba phần của người bố thí. Thế nào là ba phần của người nhận bố thí? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, những người nhận vật bố thí, đã được ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham; đã được ly

36 Xem A. V. 150; D. III. 46; M. I. 42. 37 Bản tiếng Anh của PTS: Aims, nghĩa là Bố thỉ. Tham chiếu: Tăng.(T02. 0125.37. 0711c03).

sân hay đang thực hành hạnh ly sân; đã được ly si hay đang thực hành hạnh ly si. Đây là ba phần của những người nhận vật bố thí. Như vậy là ba phần của người bố thí và ba phần của những nẹười nhận được vật bố thí. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là thí vật gồm có sáu phan. Như vậy, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì nắm được số lượng về công đức một thí vật gồm có sáu phần như vậy: "C6 chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đên khả lạc, khả hỷ? khả ý? hạnh phúc, an l@c"; vì răng cả khôi công đức lớn được xem là vô số5 vô lượng. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn,38 thật không dê gì

năm lây một sô lượng nước và nói răng: “C6 chừng ây thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ây trăm ngàn thùng nước,5; vì răng, cả khôi lượng lớn nước được xem là ỴÔ số5 vô lượng. Cũng vậy, nàỵ các Tỷ-kheo, thí vật thành tựu với sáu thành phần như vậy, thật không dễ gì để nắm được số lượng về công đức của một thí vật gồm sáu phần như vậy: "C6 chừng ấy nguồn sanh phước? nguồn sanh thiện5 món ăn lạc, thuộc thiên giới? là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời5 đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối công đức lớn được xem là vô số, vô lượng. Trước bố thí, ý vui, Khi bố thí, tâm tín, Sau bố thí, hoan hỷ, Đây lễ thí đầy đủ. Ly tham và ly sân, Ly si, không lậu hoặc, Vị Phạm hạnh chế ngự, Là ruộng phước lễ thí. Nêu tự thanh tịnh mình, Tự tay mình bồ thí, Tự mình đến đời sau, Le thí vậy quả lớn. Lễ thí vậy, bậc trí, Với tín, tâm giải thoát, Không hận thù, an lạc, Bậc hiền sanh ở đời. VIII. KINH Tự LÀM (Attakãrĩsutta)3839 (4 III. 337) 38. Rồi một vị Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn ây bạch The Ton:

38 Xem Ả. III. 50; GS. III. 42 (kinh 45 ở sau); A. III. 45. 39 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.459. 0117c02).

Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, có tri kiên như sau: "Không có tự mình làm, không có người khác làm.,4° -Này Bà-la-môn, Ta không bao giờ thây, không bao giờ nghe lời nói như vậy5 tri kiến như vậy. Sao người ta có thể tự mình bước tới,40 41 hay tự mình bước lui, lại có thể nói rằng: "Không có tự mình làm, không có người khác làm.,, Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, có phát khởi giới42 hay không? [Có vấn đề khởi sự bắt đầu không?] Thưa c6, thưa Tôn giả. -Nếu đã có sự khởi SỊT, thời các loài hữu tình có được nêu rõ là có khởi sự không? Thưa có, thưa Tôn giả. Này Bà-la-môn, đã có khởi sự, các loài hữu tình có được nêu rõ là có khởi sự5 thời đây là tự mình làm5 đây là người khác làm của các loài hữu tình. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn5 có sự khởi xuất giới... có sự khởi nhập giới... có sự nỗ lực giới... có sự kiên trì giới4344 ... có sự dõng tiến giới hay không? Thưa có, thưa Tôn giả. -Này Bà-la-môn, nếu đã có sự dõng tiến giới5 thời các loài hữu tình có được nêu rõ có sự dõng tiến giới không? -Thưa c6, thưa Tôn giả. Này Bà-la-môn, đã có sự dõng tiến giới, các loài hữu tình có được nêu rõ là có sự dõng tiến giới, thời đây là tự mình làm, đây là người khác làm của các loài hữu tình. Này Bà-la-môn9 Ta không bao giờ thấy, không bao giờ nghe nói như vậy5 tri kiến như vậy. Sao người ta lại có thể tự mình bước tới, tự mình bước lui lại có thể nói rằng: "Không có tự mình làm, không có người khác làm.,, -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. IX. KINH NHÂN DUYÊN (Nidãnasutta)^ (A. III. 338) 39. Có ba nhân duyên45 này, này các Tỷ-kheo5 khiến các nghiệp khởi lên. Thế nào là ba? Tham là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Sân là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Si là nhân duyên khiển các nghiệp khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 không phải từ tham, không tham khởi lên; này các Tỷ- kheo, chính từ tham, chỉ có tham khởi lên. Này các

Tỷ-kheo5 không phải từ sân,

40 Đây là tà kiến của Makkhali Gosala. 41 -Kenner. Bước đi; đi chung với các tiếp đầu ngữ abhỉ (abhikkama), pati (paịikkama), ni (nìkkama), parã (parãkkamă) và upa (upơkkama). 42 Ãrabbhadhãtu. Ãrabbha là động danh tò của ãrãdhetì'. Bước chân đi. Dhãtu: Giới, đặc tánh, điều kiện. AA. III. 366 viết sabhãva, nghĩa là côt lõi. 43 Thãma và thiti, cả hai từ ngữ căn ylsthã. 44 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.17. 0117a). 45 Nidãna: Trói cột lại; từ ngữ căn yldã, nghĩa là nguyên nhân.

không sân khởi lên;46 này các Tỷ-kheo, chính từ sân, chỉ có sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ si, không si khởi lên; này các Tỷ-kheo? chính từ si, chỉ có si khởi lên. Này các Tỷ-kheo9 không phải do nghiệp từ tham sanh, không phải do nghiệp từ sân sanh, không phải do nghiệp từ si sanh, chư thiên được nêu rõ, loài người được nêu rõ5 hay những loài khác đang ở trong thiện thú. Này các Tỷ-kheo5 chính do nghiệp từ tham sanh, chính do nghiệp từ sân sanh, chính do nghiệp từ si sanh, địa ngục được nêu rõ, các loài bàng sanh được nêu rõ? các loài ngạ quỷ được nêu rõ9 và các loài khác đang ở trong ác thú. Đây là ba nhân duyên, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên. Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo9 khiến các nghiệp khởi lên. Thế nào là ba? Không tham là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên, không sân là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên, không si là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 không phải từ không tham, tham khởi lên; này các Tỷ- kheo5 chính từ không tham, chỉ có không tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 không phải từ không sân? sân khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ không sân, chỉ có không sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 không phải từ không si, si khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ không si, chỉ có không si khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 không phải do nghiệp từ không tham sanh, không phải do nghiệp từ không sân sanh, không phải do nghiệp từ không si sanh, địa ngục được nêu rõ, loài bàng sanh được nêu rõ5 cõi ngạ quỷ được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong ác thú. Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do nghiệp từ không tham sanh, chính do nghiệp từ không sân sanh, chính do nghiệp từ không si sanh, chư thiên được nêu rõ5 loài người được nêu rõ5 và các loài khác đang ở trong thiện thú. Đây là ba nhân duyên, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên. X. KINH TÔN GIÃ KIMBILA (Kimilasutta) (A. III. 339) 40. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilã, tại rừng Trúc.47 Rồi Tôn giả Kimbila48 đi •r r ~ Ạ _ A r 4> FTi A 1 1_ • 4* Ạ 4- ? 1 _ 1 Ó rTil Ạ rr\ A! — _ Ạ _ _ ___ Tk T _ Ạ • Ạ đen Thê Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên9 Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn: Bạch Thế Ton, do nhân gì, do duyên gi, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không còn tồn tại lâu dài? - Ở đây, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không cung kính, không tùy thuận học pháp; sống không cung

46 Samudaya. AA. III. 366: Samudayăyãtỉpindakaranatthaya ("Kh&i lOn" nghĩa làm cho kết thành). 47 Xem s. V. 322. 48 Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila. Tôn giả cũng thuộc dòng họ Thích, đi xuất gia cùng lúc với Tôn giả Ãnanda. Xem Vìn. II. 182.

kính, không tùy thuận không phóng dật; sông không cung kính, không tùy thuận tiếp đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên khiến cho sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không tồn tại lâu dài. Do nhân gì, do duyên gi, sau khi Như Lai nhập diet, Diệu pháp được tồn tại lâu dài? Ở đây5 này Kimbila, sau khi Thế Tôn nhập diệt, các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư sĩ sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận chúng Tăng; sông cung kính, tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận không phóng dật; sông cung kính, tùy thuận tiếp đón. Đây là nhân, đây là duyên, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. XI. KINH ĐỐNG GỖ (Dãrukkhandhasuttă)^ (Â. IIL 340) 41. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Rậịagaha, tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với số đông Tỷ- kheo5 từ Gijjhakuta đi xuống. Tôn giả thấy tại một chỗ nọ5 một đống gỗ to lớn; thây vậy, liên nói với các Tỷ-kheo: —Này các Hiền giả, các Hiền giả có thấy đống gỗ to lớn ấy không? Thưa Hiền giả5 có thấy.

Nêu muôn? này các Hiên giả, một Tỷ-kheo có thân thông, đạt được tâm tự 50 đống gỗ ấy thành địa đại. Vì cớ sao? Vì rằng có địa giới trong tại, có thể quán49 đống gỗ lớn ấy, y tựa theo đó5 Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại5 có thể quán đống gỗ ấy thành địa đại. Nêu muôn, này các Hiên giả, Tỷ-kheo có thân thông, đạt được tâm tự tại, có thể quán đống gỗ lớn ấy thành nước... thành lửa... thành gió... thành tịnh... thành bât tịnh. Vì cớ sao? Vì răng có bât tịnh trong đông gô lớn ây, y tựa theo đó, Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, có thể quán đống gỗ ấy thành bất tịnh. XIL KINH TÔN GIẢ NÃGITA (Nãgừasutta)51 (4 III. 341) 42. Như vậy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn đang bộ hành giữa các người Kosala, cíing với đại chúng Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchãnangala. Tại đay, Thế Tôn trú ở Icchãnangala, trong khóm rừng Icchãnangala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchãnangala được nghe: "T6n giả Gotama là Thích tử5 xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchãnaồgala, trú ở Icchãnaồgala trong khóm rừng Icchãnaồgala.

49 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.494. 0128cl9). 50 AẠ. III. 366: Pathavĩtveva adhỉmucceyyãtỉ thaddhặkãram pathavĩdhãtũtỉ sallakkheyya ("C6 thể quyêt định thành địa đại?, có nghĩa là có thê quán yêu tô đât với tính chât cứng). 5 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1250-1251. 0343b07-0344a08).

về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: "Bây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn?

các loài trời và người. Sau khi đã chứng ngộ? Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ; Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa; Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vay!" Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchãnaốgala, sau khi đêm ấy đã mãn5 mang theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến khóm rừng Icchãnaồgala; sau khi đến? đứng ở ngoài cổng vào, cao tiếng và lớn tiếng. Luc bay giờ, Ton gia Nãgita la thi gia cua Tne Ton. Roi Tne Ton bao Ton giả Nãgita: Này Nãgita, những ai đã cao tiêng và lớn tiêng như những người đánh cá đang giết hại cá? Các người ây, bạch Thê Tôn? là các Bà-la-môn gia chủ trú ở Icchãnaồgala đang đứng ở cổng ngoài khu vườn, mang theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cúng dường cho Thế Tôn và chúng Tăng. Này Nãgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nãgita, những ai tìm được có khó khăn5 tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức an ổn lạc, viễn ly lạc5 an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn? tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc. T'X ĩ _ FT! f _ FT^ f A r-1-ĩ _ í 1 . . . * /V ___ rTTÌ '\ ~ 1 i I Bạch The Ton, nay The Ton hãy chập nhận! Thiện Thệ hãy chap nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ ấy cũng sẽ đi đến với tâm hướng yề cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt5 và nước được chảy tùy theo chiêu dôc; cũng vậy, bạch Thê Tôn, nay Thê Tôn sẽ đi đến chỗ nào. tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ cũng sẽ đi đên với tâm hướng vê cúng dường. Vì cớ sao? Bạch Thê Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn! Này Nãgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nãgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc5 tìm được có phí sức an ổn lạc? viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc. Ở đây, này Nãgita, Ta thấy một Tỷ-kheo ngồi thiền định tại trú xứ ở cuối làng. Này Nãgita, về vị ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nay có người coi khu vườn hay người Sa-di phá phách vị Tỷ-kheo này, làm cho vị này xuất khỏi thiền djuh." Do vậy5 này Nãgita, Ta không có hoan hỷ với trú xứ của vị ấy.

Ở đây, này Nãgita? Ta thấy một Tỷ-kheo đang ngồi ngủ gục ở trong rừng. Này Nãgita, Ta suy nghĩ về vị ấy như sau: "Nay vị Tỷ-kheo này, sau khi đoạn trừ ngủ nghỉ và mệt nhọc, sẽ tác ý về rừng, đạt được nhất tâm.,, Do vậy5 này Nãgita, Ta hoan hỷ với trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy. Ở dây, này Nãgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, ngồi không thiền định trong rừng. Này Nãgita, đối với vị ấy, Ta suy nghi: "Nay Tỷ-kheo này sẽ thiền định được tâm không thiền định, hay sẽ bảo vệ tâm đã được thiền dinh.” Do vậy, này Nãgita. Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy. Ở dây, này Nãgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, ngồi với tâm thiền định ở rừng. Này Nãgita, đối với vị ấy, Ta suy nghĩ: "Nay Tỷ-kheo này sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát, hay sẽ bảo vệ tâm đã được giải thoát.” Do vậy, này Nãgita, Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy. Ở đây, này Nãgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở cuối làng, nhận được vật dụng như y áo, đồ ăn

khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh; thích thú với các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ây, bỏ phê thiên tjnh, bỏ phê các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng, đi xuống làng, thị trấn, kinh đô để lo nuôi sống. Do vậy, này Nãgita, Ta không có hoan hỷ về trú xứ cuối làng của Tỷ-kheo ấy. Ở đây, này Nãgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, nhận được các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; nhtrng chặn đứng các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, không bỏ phế thiền tịnh, không bỏ phế các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa văng. Do vậy, này Nãgita, Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy. Nhxmg khi Ta dang bước đi trên con đường; trước mặt, Ta không thấy ai; sau lưng, Ta không thây ai; trong khi ây, Ta cảm thây an ôn, này Nãgita, cho đến vấn đề đi đại, tiểu tiện.

V PHẨM DHAMMIKA (DHAMMIKAVAGGA)

I. KINH CON VOI (Nãgasutta)52 (A. III. 344) 43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi đê khât thực. Sau khi đi khât thực ở Sãvatthi, ăn xong, trên con đường trở vê5 Ngài gọi Tôn giả Ảnanda: Này Ãnanda, chúng ta hãy đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migãra để nghỉ trưa. Thưa vâng9 bạch Thế Tôn. rin A _ _ 1 __ J. r FT^1_ Ạ FT^ Ạ • nrvi A rri A _ > _ r _ • nn A _ • 7 1 Ton gia Ananda vang dap The Ton. Roi The Ton cung với Ton giả Ananda đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migãra. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy5 gọi Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, chúng ta hãy đi đến Pubbakotthakã để rửa tay, rửa chân. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Ton gia Ananda vang dap The Ton. Roi The Ton cùng với Tôn giả Ãnanda đi đến Pubbakotthakã để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakotthakã xong, Thế Tôn lên đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô. LÚC bấy ậiờ5 Seta, con voi của Vua Pasenadi nước Kosala, từ Pubbakotthaka đi ra, với nhiều tiếng các loại trống và nhạc lớn tiếng, dân chúng thấy vậy liền nói: "Oi đẹp đẽ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Đáng nhìn thay, thưa các ngài5 là con voi của vua! Thoải mái thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Thân thể đầy đủ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Khi được nghe nói vậy9 Tôn giả Udãyĩ bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ? thân thể đẫy đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Hay là thấy một cái gì khác to lớn, đồ sộ9 thân thể đẫy đà nên họ nói như vậy: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Này Udãyĩ, quân chúng do thây con voi to lớn, đô sộ, thân thê đây đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"

52 Tham chiếu: Long tượng kinh (T.02. 0026.118. 0608ỒỒ2).

Này Udãyĩ, quần chúng do thấy con ngựa... Này Udãyĩ, quần chúng do thấy con bò... Này Udãyĩ? quần chúng do thấy con rắn... Này ưdãyĩ? quần chúng do thấy cây... Này Udãyĩ, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ? với thân thể đẫy đà nên nói như sau:

"Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"
Nhưng Ta tuyên bố rằng, này Udãyĩ9 trong thế giới chư Thiên với Ma giới,
Phạm thiên giới? và thế giới này với các Sa-m6n, Bà-la-môn9 chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời? về ý nghi, người ấy, Ta nói rằng:
"Người ấy là con voi.„
Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế
Tôn đã khéo nói như sau: “Này Udãyĩ, trong thế giới chư Thiên với Ma giới,
Phạm thiên giới, và thế giới này với các Sa-môn, Bà-la-môn9 chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời5 về ý? người ấy, Thế Tôn nói rằng:
'Người ấy là con voi."‘
Bạch Thế Tôn, lời nói tốt đẹp này của Thế Tôn5 con xin tùy hỷ với những câu kệ như sau:
Là con người tự giác,
Tự nhiếp phục, được định,
Đang đi đường Phạm thiên?
Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Cùng tận tất cả pháp.
Vị ấy5 loài người kính,
Vị ấy, chư thiên trọng,
Vị ấy, con được nghe,
Là bậc A-la-hán.
Mọi kiết sử vượt qua,
Thoát rừng, đến Niết-bàn,
Hoan hỷ sống an ổn?
Rời khỏi các dục vọng5
Như vàng thoát đá sỏi.
Vòi ây rực chói sáng,
Chiếu sáng khắp tất cả,
Như ngọn núi Tuyết Sơn,
Cao hơn mọi núi đá?
Vị đạt chân, vô thượng,
Vượt tất cả loài voi.
Ta sẽ khen vị voi,
Không làm các tội phạm.
Nhu hòa và bất hại,
Là hai bàn chân trước.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là hai bàn chân sau.
CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 755

Lòng tin là vòi voi,
Trú xả đôi ngà trắng,
Niệm là cổ của voi.
Nếu có suy tư gì9
Là suy tư Chánh pháp.
Bụng là chỗ chứa pháp,53
Đuôi là sống viễn ly.
Vị ấy tu thiền định?
Hoan hỷ trong hơi thở9
Với nội tâm định tĩnh,
Khéo định tâm thiền định.
Voi đi lằ hành thiền,
Vòi đứng là hành thiền,
Vòi nằm là hành thiền,
Vòi ngồi là hành thiền.
Vói hộ trì tất cả,
Đây viên mãn của voi.
Vòi ăn5 không phạm lỗi5
Có phạm lỗi không ăn5
Nhận được cơm và áo,
Quyết từ bỏ chất chứa,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Cắt đứt mọi trói buộc.
Chỗ nào VỊ ấy di,
Vị ấy đi không cầu,
Giống như bông hoa sen,
Sanh và lớn trong nước,
Không bị nước uế nhiễm,
Hương thơm đẹp ý người.53 54
Cũng vậy là đức Phật,
Khéo sanh, vượt khỏi đời,
Không bị đời uế nhiễm,
Như sen không dính nước,
Như lửa lớn cháy đỏ5
Không nhiên liệu? tự tắt.
Ai lắng dịu các hành,
Được gọi bậc Tịch tịnh?
Ví dụ này nhiều nghĩa,55

53 Samãtapo. Chủ giải viết samãvãpo. M. L 451 viết samãvătapako, có nghĩa phòng chứa đựng. Thag. viết samắsavo. 54 Xem 4 II. 39; Sn. 101. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27). 55 Xem D I. 114; M II. 260.

Do bậc Trí thuyết giảng, Bậc voi lớn được biết, Lấy voi dạy cho voi. Bậc ly tham, ly sân, Ly si, không lậu hoặc, Vòi này từ bỏ thân, Nhập diet, không lậu hoặc. II. KINH MIGASÃLÃ (Migasãlãsutta)56 (A. III. 347) 44. Rôi Tôn giả Ananda vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi đên trú xứ của nữ cư sĩ Migasãlã; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Ngồi xuống một bên5 nữ cư sĩ Migasãlã thưa với Tôn giả Ãnanda: Như thê nào, thê nào, thưa Tôn giả Ananda, cân phải hiêu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai" Purãna, thân phụ của con, thưa Tôn giả5 sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita (Đâu-suất)/5 Còn . : r y

Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sông không Phạm hạnh, tự băng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita." Như thê nào5 thê nào, thưa Tôn giả Ananda, cân phải hiêu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "C2 hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"? Này chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

Tôn giả Ananda sau khi nhận đô ăn khât thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasălă, từ chô ngôi đứng dậy rôi ra đi. Rôi Tôn giả Ananda, sau bữa ăn5 trên con đường trở vê5 đi đen The Tôn; sau khi đen, đanh le The Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Ở đây5 bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasãlã; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasãlã đi đến con; sau khi đến9 đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasãlã thưa với con: "Nhu thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ãnanda, cần phải hiểu pháp này do Thê Tôn tuyên thuyêt: 'Cả hai sông Phạm hạnh và sông không Phạm hạnh đêu đông đăng vê sanh thú trong tương lai'? Purãna, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt5 khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita/ Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sông không Phạm hạnh, tự băng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita/Như thế nào5 thế nào, thưa Tôn giả Ãnanda, cần phải hiểu pháp này do

%Xem4 V. 137ÍT.

Thế Tôn tuyên thuyết: 'Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai'? Được hỏi vậy, bạch Thế T6n, con nói với nữ cư sĩ Migasãlã: 'Này chị5 như vậy là câu trả lời của Thê Tôn. —Nhưng này Ananda, ai là nữ cư sĩ Migasãlã lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ5 với trí như bà mẹ5 đê có thê hiêu biêt sự thăng liệt giữa các hạng người? Này Ãnanda, có sáu hạng người có

mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu? Ở đây5 này Ãnanda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống5 các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sông chung. Vị ây nghe pháp không có tác động, học nhiêu không có tác động, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi về thù thắng. Ở dây, này Ananda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sông chung. Vị ây nghe pháp có tác động? học nhiêu có tác động, có thê nhập vào tri kiên5 có chứng đăc thời giải thoát. Người ây sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa5 chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đọa. Ở đây, này Ãnanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người hạ liệt5 có người là thắng dieu?^ Và do sự đo lường ấy, này Ananda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây5 này Ananda, hạng người này5 khéo tự chế ngự? dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ananda, so sánh với hạng người trước là tiên bộ hơn, là thăng diệu hơn. Vì cớ sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thê biêt được sự khác biệt? Do vậy5 này Ananda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ananda, tự• đào —hô cho mình là người 2 -í Ấ đi lây sự đo lường của các hạng• người. Chỉ có Ta, này Ananda, mới có thê lây sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta. Ở dây, này Ãnanda có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động5 học nhiều không có tác động5 không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi về thù thắng. Ở dây, này Ãnanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn5 nhxmg thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiêu có tác động, có thê nhập tri kiên, có chứng được thời

giải thoát. Người ây sau khi thân hoại mệnh chung, hướng vê thù thăng, không hướng về thối đọa5 chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa. Nhưng ở đây, này Ãnanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động? học nhiều không có tác động5 không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng n^ười này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng ve thù thắng, chỉ đi đến thối đọa9 không đi đến thù thắng. Ở đây, này Ãnanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động5 có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này. sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng vê thôi đọa, chỉ đi đên thù thăng, không đi đên thôi đọa. Ở đây9 này Ãnanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy? những

pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người là hạ liệt, có người là thắng dieu?" Và sự đo lườnẹ ấy, này Ananda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khô lâu dài. ở dây, này Ãnanda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiêu có tác động, thê nhập được vào tri kiên, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ananda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì cớ sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy? này Ananda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ãnanda, tự đào hô cho mình là Ĩ1ẸUỜÌ đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ãnanda, mới có the lấy sự đo lường của các hạng người này, hay là người như Ta. Và này Ãnanda, ai là nữ cư sĩ Migasãlã lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ9 để có thể biết sự thắng liệt giữa các người? Này Ãnanda, có sáu hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Giới như thế nào, này Ananda, Purãna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu; do vậy ở đây5 Purãna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ãnanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Purãna chưa thành tựu; do vậy? ở đây? Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Purãna. Như vậy, này Ãnanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần. III. KINH MẮC NỢ (Inasutta)51 (4 III. 351) 45. — Sự nghèo khô, này các Tỷ-kheo? có phải là một sự đau khô cho người có tham dục ở đời? Thưa vâng, bạch Thế Tôn.57

57 Bản tiếng Anh của PTS: The Debt, nghĩa là Mắc nợ. Tham chiếu: Tăng.(roi. 0125.125.06l4al3).

Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo9 không có sở hữu, sống túng thiêu, phải mắc nợ; mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. - Khi một nạười nghèo khổ5 này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi măc nợ? phải chấp nhận tiền lời; tiền lời ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đên? không trả được tiên lời. người ta hôi thúc, đôc thúc người ây; sự hôi thúc, đôc thúc ây, này các Tỷ-kheo? có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy; bị theo sát g6t, bị truy tim, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót? bị truy tìm? không trả nợ được, nệười ta bắt trói người ấy; sự bắt trói, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? -Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, như vậy? nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; mắc nợ cũng là một sự đau khô cho người có tham dục ở đời; tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị hối thúc, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có

tham dục ở đời; bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tân trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nghèo khổ? không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh. Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo? nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tân trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, làm ác hạnh về than, làm ác hạnh vê lời, làm ác hạnh vê ý nghĩ. Ta gọi người ấy là người mắc nợ.

Người ấy do nhân che giấu ác hạnh về thân, khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong răng không ai biêt ta làm,\ suy nghĩ răng: "Mong răng không ai biêt ta lam", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta ISnT, cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm." Người ấy, do nhân che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý? khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta 1 m", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong răng không ai biêt ta làm", cô găng với tác động vê thân, nghĩ răng: "Mong răng không ai biết ta làm.,^ Đây, Ta gọi là tiền lời gia tăng. Và các vị đông Phạm hạnh thuân thành nói vê người ây như sau: "Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vay." Bây, Ta nói rằng, người ấy bị hối thiic, đốc thúc, rồi đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống. Các ác, bất thiện tầm? câu hữu với hối lỗi hiện hành. Bây, Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm. Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ? không có sở hữu, sống túng thiếi^ sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý? khi thân hoại mệnh chung, bị trói buộc trong sự trói buộc của địa ngục, bị trói buộc trong sự trói buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một sự trói buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy? lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo9 giống như sự trói buộc địa ngục hay sự trói buộc các loài bàng sanh. Nghèo khổ và mắc nợ9 Được gọi khổ ở đời. Kẻ bần cùng mắc nợ, Thọ dụng bị tổn hại. Rồi bị người truy lùng, Cho đến bị trói buộc, Trói buộc vậy là khô, Cho người cầu được dục. Như vậy trong Luật Thánh, Ai sống không lòng tin, Không xấu hổ5 sợ hãi5 Quyết định chọn ác nghiệp, Sau khi làm ác hạnh, về thân, lời và ý, Lại mong muôn được răng: "Chớ ai biết talàm.,, Người ấy khéo che giấu,58 Với thân, lời và ý?

58 Samsappati. AA. III. 377: Samsappatĩtỉparỉpphandatỉ ("Khéo che dấu" nghĩa là có ý lo sợ, trườn bò che giấu).

Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây đó làm nữa.

Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biết việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng bị tổn hại.
Những tư tưởng khổ đau,
Sanh ra từ hối hận, vẫn truy tìm người ấy,
Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ5
Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói địa ngục.
Trói buộc này là khổ5
Bậc trí được giải thoát,
Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường.59
Tín tại gia tìm câu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đời sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.
Như vậy trong luật Thánh,
Tín tâm được an trú,
Có xấu hổ5 sợ hãi9
Có tn bảo hộ giới,
Bậc ấy trong luật Thánh,
Được gọi: usống an lạc.55 _ " r
Được lạc không vật chất5
An trú trên tánh xả.60
Từ bỏ năm triền cái,
Thường siêng năng, tinh cân,
Chứng thiền định, nhất tâm,
Thận trọng giữ chánh niệm.
Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiêt sử,
59 Ubhayattha kataggãha. Xem s. IV. 352; Thag. V. 462. 60 Chủ giải: Nói đến Thiền thứ ba và thứ tư.

762 KINH TĂNG CHI Bộ

Hoàn toàn không chấp thủ,

Chơn chánh tâm giải thoát,
Vơi chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
“Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sir."
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sâu, không trân câu,
Được an ổn? (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.

IV. KINH MAHÃCUNDA (Mahãcundasutta) (A. III. 355)

46. Như vây tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahãcunda trú ở Ceti5 tại Sahajati. Tại dấy, Tôn giả Mahãcunda gọi các Tỷ-kheo:

Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

Thưa Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Tôn giả Mahãcunda. Tôn giả Mahãcunda nói như sau: -Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu thiền, nói như sau: "Các n^ười này nói: 'Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu thiền.5 Họ tu thiên, họ hành thiên. Những người này thiền cái gì? Những người này thiền có lợi ích gì? Những người này thiền như thế no?” Ở đây? các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Ở đây, nàỵ chư Hiền, một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, nói như sau: "Các người này nói: 'Chúng tôi chuyên tâm về pháp, chúng tôi chuyên tâm về pháp.' Họ tháo động5 kiêu căng, dao động, lăm môm lăm miệng, phát ngôn bừa bãi, that niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về pháp như thế nàp?" Ở đây, các Tỷ-kheo tu thiền không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tu về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiêu người, an lạc cho nhiêu người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Nhimg ở dây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu thiền. Ở

đâỵ? các Tỷ-kheo chuyên tâm vê pháp không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài

người. Nhưng ở dây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo tu thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp. Ở đay, các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phiic, an lạc cho chư thiên và loài người. Do vậy5 này chư Hiền, cần phải học tập như sau: "Chúng ta là những người chuyên tâm về pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu thi2n." Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì cớ sao? Thật vậy, này chư Hiên, những người vi diệu ây khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú. Do vậy, này chư Hiên, cân phải học tập như sau: uChúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về phap/9 Nàỵ chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì cớ sao? Thật vậy? này chư Hiền, những người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích. V. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ NHẤT (PathamasandiỊIhikasutta) (A. III. 356) 47. Rôi du sĩ ngoại đạo MoIiyasĩvaka đi đên Thê Tôn; sau khi đên, nói với Thế Tôn những lời chao đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 du sĩ ngoại đạo MoIiyasĩvaka bạch Thế Tôn: Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại5 bạch Thế T6n, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thê Tôn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu? -Vậy này Sĩvaka, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào? này Sĩvaka? Nội tâm có tham, ông có biết: "Nội tâm ta có tham,,; nội tâm không có tham, ông có biết: 6ẾNội tâm ta không có tham,, không? - Thưa có5 bạch Thế Tôn. -Này Sĩvaka, nội tâm có tham, ông có biết: "Nội tâm ta có tham,,; nội tâm không có tham5 ông có biết: "Nội tâm ta không có tham." Như vậy? này Sĩvaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào5 này Sĩvaka? Nội tâm có sân... Ông nghĩ thế nào, này Sĩvaka? Nội tâm có si, ông có biết: "Nội tâm ta có si”; nội tâm không si, ông có biết: "Nội tâm ta không si" không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. Này Sĩvaka, nội tâm có si, ông có biết: "Nội tâm ta có si"; nội tâm khônẸ có si, ông có biết: "Nội tâm ta không si." Như vậy5 này Sĩvaka, pháp là thiet thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sĩvaka? Nội tâm có tham pháp61... hay nội tâm có sân pháp... hay nội tâm có si pháp, ông có biêt: "Nội tâm ta có si phap” không? Thưa c6, bạch Thế Tôn. -Hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta không có si ph"không? - Thưa có, bạch Thế Tôn. —Này Sĩvaka, nội tâm có si pháp, ông có biết: 66Nội tâm ta có si pháp”; hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta không có si pháp." Như vậy5 này Sĩvaka, pháp là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến đê mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiêu. Thật vi diệu thay5 bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. VI. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ HAI (DỉitiyasandiỊIhikasutta) (A. III. 357) 48. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi dến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 vị Bà-la-môn ấy

bạch Thế Tôn: Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiêu? -Vậy này Bà-la-môn? ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, ông có biết: uNội tâm ta có tham ải"; nội tâm không có tham ái, ông có biết: "Nội tâm ta khổng có tham ái" không? Thưa c6, thưa Tôn giả. Này Bà-la-môn5 nội tâm có tham ái9 ông có biết: uNội tâm ta có tham ái"; nội tâm không có tham ái5 ong có biết: "Nội tâm ta không có tham ái." Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiêt thực hiện tại... Ong nghĩ thê nào, này Bà-la-môn? Nội tâm có sân... hay nội tâm có si... hay nội tâm có thân uế... hay nội tâm có khẩu uế... hay nội tâm có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta có ý uế"? Hay nội tâm không có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta không có ý uế"? Thưa c6, thưa Tôn giả. Này Bà-la-môn, nội tâm có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta có ý uế"; nội

61 Lobhadhamma: Tham pháp. Đây có nghĩa là có khả năng bị tham chi phối.

tâm không có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta không có ý ." Như vậy, này Bà- la-môn5 pháp là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH KHEMA (Khemasutta) (A. III. 358) 49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Khema, Tôn giả Sumana trú ở Sãvatthi, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau .ĩ - . r _ . _ ỉ 11* -X 4. V ĩ ĩ rrĩi A FT1 3 * A All T A • A /\ J i FT^ khi đen, đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. Ngôi xuong một ben, Ton giả Khema bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận5 chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: "C6 người tốt hơn ta", hay: "C6 người giống như ta", hay: "C6 người hạ liệt hơn ta." Tôn giả Khema nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta." Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc5 Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ răng: “C6 người tôt hơn ta", hay: "C6 người giông như ta", hay: "C6 người hạ liệt hơn ta.” Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo sư châp nhận. Rôi Tôn giả Sumana nghĩ rằng: “Thế Tôn đã chấp nhận ta." Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu? liền bảo các Tỷ-kheo: —Như vậy9 này các Tỷ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục dích, nhưng không đề cập đến tự ngã.62 Tuy vậy, ở đây? một số kẻ ngu nói lên

chánh trí một cách ngạo mạn đắc chí (hasamãnakã). Họ về sau rơi vào nguy hại.6364 Không thắng, không hạ liệt, Không ai đồng đẳng ta,64

62 Attho ca vutto attã ca anupaũĩto. Xem trang 201 trong bộ Kỉnh Tăng chỉ này. 63 Vìghãtam ãpạjjantĩtỉ. 64 Xem 5«* 184.

Những tư tưởng như vậy, Không chi phối các vị. Sanh khởi đã chấm dứt, Phạm hạnh được viên thành, Họ lìa bỏ kiết sử, Hoàn toàn được giải thoát. VIII. KINH PHÒNG Hộ CÁC CẢN ụndriyasamvarasutta)6566 (A. III. 360) 50. Với căn không phòng 110,66 này các Tỷ-kheo, với ai khiếm khuyết phòng hộ các căn5 giới đi đến hủy hoại.67 Với giới không có, với ai khiếm khuyết về giới,68 chánh định đi đến hủy hoại. Với chánh định không c6, với ai khiếm khuyết chánh định5 tri kiến như thật đi đến hủy hoại. Với tri kiến như thật không có, với ai khiếm khuyết tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến hủy hoại. Với nhàm chán, ly tham không c6, với ai khiếm khuyết nhàm chán5 ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá khiếm khuyết, thời các chôi non không đi đên viên mãn, vỏ cây không đi đên viên mãn, giác cây không đi đên viên mãn5 lõi cây không đi đên viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn không phòng hộ, với người khiêm khuyêt phòng hộ các căn, giới đi đên hủy hoại... giải thoát tri kiên đi đên hủy hoại. Với các căn được phòng hộ, này các Tỷ-kheo? với người đầy đủ các căn được phòng hộ5 giới đi đến đầy đủ. Với giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Với chánh định có mặt, với người đày đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Với tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như that, nhàm chán5 ly tham đi đến đầy đủ. Với nhàm chán, ly tham có mặt5 với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ. Ví như, này các Tỷ-kheo9 một cây với cành và lá đầy đủ5 thời chồi non đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn? giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, với căn được phòng hộ5 với người đầy đủ phòng hộ các căn, giới đi đến đầy đủ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

IX. KINH TÔN GIẢ ĂNANDA (Ânandasutta) (A. III. 361) 51. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào

65 Bản tiếng Anh của PTS: 77ze Senses, nghĩa là Các căn. Tham chiếu: Niệm kinh (T.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quỷ kỉnh 26.45.46. 0486a05-21); Gỉơi kỉnh (T.01. 0026.47 48. 0486b23-c03); Cung kỉnh kỉnh (roi. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(7.02. 0099.495. 0129a09). 66 Xem 4 III. 312. 67 Hatũpanỉsam. AA. ĨỈỈ. 381: Hatũpanỉsam hotĩtỉ hatũpanissayam hotỉ ("Bi đến hủy hoại" nghĩa là do có nguyên nhân khiến hủy hoại). 68 Vỉpanna, từ ngữ căn «pad, nghĩa là rơi xuống.

đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Sãriputta: Cho đên như thê nào, thưa Hiên giả Sãriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối

loạn;69 còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết? -Tôn giả Ãnanda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên!70 Vậy thưa Hiền giả Sãriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói. Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sãriputta vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: Ở đây, thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo học thông suốt pháp5 tức la: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy với tâm tùy tàm? tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng* Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở5 các vị nghe nhiều được trao truyền các tập A-hàm (Ẫgamà). bậc trì Pháp5 trì Luật, trì Toátyếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đi đên các Tôn giả ây; sau khi đên, phỏng vân, đặt các câu hỏi: “Thua Tôn giả? cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gi?” Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các Tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn; còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết. Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy9 chính là điều đã được Tôn giả Ãnanda nói lên. Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ãnanda đã được thành tựu sáu pháp: Tôn giả Ãnanda học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Tôn giả Ãnanda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ãnanda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ãnanda đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt. Tôn giả Ãnanda với tâm tùy tàm,

69 Na sammosam gacchantỉ. 70 Patibhãtu ãyasmatamyena ãnanda.

tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc 1011^. Tôn giả Ãnanda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở5 các vị nghe nhiều được trao truyền các tập Ẫgama. bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ãnanda an cư vào mùa mua, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thua Tôn giả? cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gi?” Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

X. KINH VỊ SÁT-ĐẾ-LỴ (Khattìyasutta)^ (A. III. 362) 52. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Đối với Sát-đế-lỵ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gi, xu hướng cái gì, cứu cánh71 72 cái gì? Đối với Sát-đế-lỵ5 này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành9 sức mạnh là điêm tựa, xu hướng là trái dât, cứu cánh là tự tại. -Nhưng đôi với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muôn cái gi, cận hành cái gì5 điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì? Đôi với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muôn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới. -Nhưng đối với gia chủ5 thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gi, cận hành cái gi, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì5 cứu cánh cái gì? —Đôi với gia chủ5 này Bà-la-môn, tài sản là mong muôn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh. Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì5 cận hành tận cái gì5 điểm tựa cái gì5 xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì? Đôi với nữ nhân, này Bà-la-môn? đàn ông là mong muôn5 trang điêm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thủ (asapatĩ) là xu hướng, tự tại là cứu cánh. Nhưng đối với người ăn trộm, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì? điểm tựa cái gi, xu hướng cái gì5 cứu cánh cái gì? Đôi với người ăn trộm, này Bà-la-môn? đô lây được là mong muôn, rừng rậm là cận hành, đao trượng là điêm tựa, tôi tăm là xu hướng? không bị thây là cứu cánh.

71 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.37.8. 07Hà dục kinh (7.02. 0026.149. 0660c01). 72 Adhỉppãyã, upavỉcãrã, adhỉtthănã, abhinivesã, pariyosãnã'. Mong muốn, cận hành (tư niệm), điểm tựa, xu hướng, cứu cánh.

Nhưng đối với Sa-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì9 điểm tựa cái gì5 xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì? —Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn? nhẫn nhục5 nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-lỵ. Tôn giả Gotama rõ biêt mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung con xin trọn đời quy ngưỡng. XL KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (Appamadasutta)73 (A. III. 364) 53. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Bà-la-môn ây bạch Thê Tôn: Có một pháp nào, thưa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm (samadhỉggayhă) và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai? Có một pháp, này Bà-la-môn? được tu tập, được làm cho sung mãn5 pháp ấy bao trùm và

an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. -Một pháp ấy là gì5 thưa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ây bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai? Không phóng dật? này Bà-la-môn là một pháp được tu tap, được làm cho sung mãn, pháp ây bao trùm và an tru hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, phàm có những dấu chân của các loài bộ hành nào, tât cả dâu chân ây đêu được thâu nhiêp (samodhãnam) trong dâu chân voi; dâu chân voi được gọi là tôi thăng trong các dâu chân ây; cũng vậy, này Bà-la- môn5 không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như này Bà-la-môn, trong một ngôi nhà có nóc nhọn,74 tất cả rui kèo đều hướng về nóc nhọn5 thiên về nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, nóc nhọn được gọi là tối thắng trong các vật ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phónệ dật... Ví nhu, này Bà-la-môn, người cắt cỏ9 trong khi cắt cỏ? sau khi túm lây đâu các ngọn cỏ5 liền lùa cỏ qua lại, giũ cỏ lên xuống và đập cỏ; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví nhu, này Bà-la-môn5 nhánh cây có chùm xoài75 bị chặt đứt, tất cả

73 Tham chiếu: Giảo Đàm^dỉ kinh (roi. 0026.130. 0618b 18). 74 Xem 4 III. 9; V. 21; s. III. 156; V 43. 75 XemD. I. 46; s. III. 156; Vìsm. 356.

trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia; cũng vậy? này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, phàm có các tiểu vương nào,7677 tất cả 78 đều tùy thuộc Vua Chuyển Luân; Vua Chuyển Luân được gọi là toi thắng trong các vị vua ấy; cũng vậy9 này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, ánh sáng của các vì sao,77 tất cả ánh sáng các ngôi sao không bằng giá trị một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng; ánh sáng của mặt trăng được gọi là tối thắng trong tất cả ánh sáng; cũng vậy? này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập? được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Đây là một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn? pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. XIL KINH DHAMMIKA (Dhammikasuttd)1^ (4 III. 366) 54. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Dhammika trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tât cả bảy trú xứ tại chô sanh trưởng ây. Tại đây, Tôn giả Dhammika đôi với các khách Tỷ-kheo5 mắng nhiếc (akkosatí), quở trách (paribhãsati), não hại (yihimsatỉ). châm biếm (yitudatí), khiến họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận với những lời nói? liền bỏ di, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gi, các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh

trưởng suy nghĩ: "C6 Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo9 quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách? não hại9 châm biếm9 làm cho tức giận với những lời nói, nên bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi chỗ khác." Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến? thưa với Tôn giả Dhammika: "Thua Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này? Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ r8i."

76 XemA. V. 22; M. III. 173; s. V. 44. 77Xem^.IV. 151; 19; J. V. 63. 78 Tham chiếu: A-lan-na kỉnh (roi. 0026.160. 0682Ồ10).

Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một trú xứ khác. Tại dấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo5 quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắnệ nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói5 liền bỏ di, không an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gi, các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này măng nhiêc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biêm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói9 nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi đến chỗ khác,,, Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến? thưa với Tôn giả Dhammika: "Thua Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này, Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi" Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một xứ khác. Tại dấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, lien bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởnệ suy nghĩ như sau: :Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng can thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh5 nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gi, các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "C6 Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc, quở trách, não hại5 châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời Ĩ16Ì, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng." Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, nói với Tôn giả Dhammika: "Thua Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng.,^ Rồi Tôn giả Dhammika suy nghĩ: "Ta đã bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy

trú xứ tại chỗ sanh trưởng. Nay ta sẽ đi đến chỗ nào? Ta hãy đi đến The Ton?9 Rồi Tôn giả Dhammika cầm y bát ra đi, hướng đến Rãjagaha? dan dan đi đến Gijjhakuta tại Rậjagaha; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Dhammika đang ngồi một bên: Này Bà-la-môn Dhammika, ông đi từ đâu đến?

-Bạch Thế Tôn5 con bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng. Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn Dhammika. Sự việc này, đối với ông có hề hấn ệi. Dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào? chô nào5 sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, cho ây, ông đã đi đen gân Ta. Trong quá khứ, này Bà-la-môn Dhammika, các nhà buôn đường biển đem theo một con chim đê tìm bờ, khi họ đi tàu ra biên. Khi chiêc tàu ra xa, khônệ thấy bờ, họ thả con chim đi tìm bờ. Con chim bay vê hướng Đông5 bay vê hướng Tây, bay về hướng Bắc, bay về hướng Nam5 bay về hướng trên? bay yề hướng gió. Nấu nó thấy bờ xung quanh, nó liền bay luôn; nếu nó không thấy bờ xung quanh, nó bay trở lại tàu. Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy? chỗ ấy5 ông đã đi đến gần Ta. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya có một cây bàng chúa tên là Suppatittha, cây này có năm cành, có bóng mát dịu, rất là khả ý. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha tỏa rộng ra đến mười hai do-tuân5 các rễ mọc lan rộng đên năm do-tuân. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha có những trái cây to lớn, lớn như những cái nồi con, những trái cây ngọt lịm như vậy trong sáng và ngọt như mật ong. Này Bà-la- môn Dhammika, vua với các cung nữ hưởng thụ một cành cây của cây bàng chúa Suppatittha; quân đội hưởng thụ một cành; các dân chúng và quốc độ hưởng thụ một cành; các Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thụ một cành; các loài thú5 loài chim hưởng thụ một cành. Này Bà-la-môn Dhammika, không có ai phòng hộ các trái của cây bàng chúa Suppatittha, và không có ai hại nhau vì trái cây. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, một người sau khi đã ăn hết cho đến thỏa thích những trái của cây bàng chúa Suppatittha, liền bẻ gãy một cành rồi bỏ đi. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha suy nghĩ như sau: "Thật kỳ la thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Con người lại ác cho đên như vậy. Sau khi ăn cho đên thỏa thích các trái của cây bàng chúa Suppatittha, lại bẻ một cành rồi bỏ đi. Vậy cây bàng chúa Suppatittha hãy đừng sanh trái nữa trong tương lai." Rồi này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa trong tương lai. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến? thưa với Thiên chủ Sakka: "Tôn giả có biết không, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa!" Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Thiên chủ Sakka thực hiện thân thông khiên cho mưa to gió lớn khởi lên, làm cây bàng chúa Suppatittha ngã xuống và bật gôc rễ. Này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha khổ đau5 sầu muộn, nước mắt đầy mặt5 khóc lóc9 đứng một bên. Này Bà-la-môn Dhammika, rồi Thiên chủ Sakka đi đến vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha; sau khi đến, nói với vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha như sau:

"Vi sao, này vị thiên kia, ông lại khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên?^, “Thua Tôn giả, có cơn mưa to, gió lớn khởi lên, làm cho chỗ trú xứ của con bị ngã xuống và bật gốc rễ lên.,, "Này vị thiên kia, có phải ông đang gìn giữ cây pháp (rukkhadhamma). nhưng cơn mưa to lớn ấy nổi lên làm trú xứ của ông bị ngã xuống và bật gốc rễ len?99 "Làm thế nào, thưa Tôn giả5 một cây được gìn giữ như một cây pháp?” "d đây, này vị thiên kia, những người cần rễ đến lấy rễ cây di, những người cần vỏ đến lấy vỏ cây di, những người cần lá đến lấy lá di, những người cần bônẹ đên lây bông di, những người cân trái đên lây trái đi; như vậy5 không có gì để khiến cho một vị thiên phải không hoan hy, không vui vẻ. Như vậy là một cây được gìn giữ như một cây pháp.” "Thưa Tôn giả5 con không gìn giữ một cây pháp5 khi cơn mưa to lớn ấy nổi lên5 làm chỗ trú xứ của con ngã xuống và bật gốc rễ lOn." "Này vị thiên kia, nếu ông gìn giữ cây pháp, thời trú xứ của ông sẽ trở lại như xưa.59 "Thua Tôn giả, con sẽ gìn giữ cây pháp, mong răng trú xứ của con trở lại như xua.” Rồi Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to, gió lớn đến dựng đứng lại cây bàng chúa và chữa lành những rễ cây. Cũng vậy5 này Bà-la-môn Dhammika, ông có gìn giữ Sa-môn pháp khi các người cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời ông đi khỏi bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng không? Như thế nào, thưa Tôn giả, là một Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp?

-Như thê này, này Bà-la-môn Dhammika, ở đây, một Sa-môn không có mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc minh, không có tức giận người đã tức giận minh, không có quở trách79 người đã quở trách mình. Như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, là vị Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp. —Thưa Tôn giả, con không gìn giữ Sa-môn pháp khi những người cư sĩ ở tại chỗ sanh trưởng mời con đi khỏi hoàn toàn bảy trú xứ trong chỗ được sanh trưởng. -Thuở xua, này Bà-la-môn Dhammika, có một ngoại đạo sư tên là Sunetta (Diệu Nhãn) đã viễn ly các dục. Này Bà-la-môn Dhammika, ngoại đạo sư Sunetta có hàng trăm đệ tử. Ngoại đạo sư Sunetta thuyết pháp về cộng trú tại Phạm thiên giới cho các đệ tử. Những ai nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới? này Bà-la-môn Dhammika, tâm không được hoan hỷ5 các người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ,

79 Patibhandati. Xem 4 II. 215.

địa n^ục. Còn những ai, này Bà-la-môn Dhammika, nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyêt giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, tâm được hoan hỷ? các người ây sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có ngoại đạo sư tên là Mũgapakkha... có ngoại đạo sư tên là Aranemi... có ngoại đạo sư tên là Kuddãlaka... có ngoại đạo sư tên là Hatthipãla... có ngoại đạo sư tên là Jotipala đã viễn ly các dục... được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la- môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các due, hay đối yới chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy5 ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy có sanh khởi ra nhiều vô phước không? Thưa có, bạch Thế Tôn.

Thật vậy, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viên ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, có sanh khởi ra nhiều vô phước. Còn ai, đối với vị đầy đủ chánh kiến, với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy sanh khởi ra nhiêu vô phước hơn nữa. Vì cớ sao? Ta tuyên bô răng, này Bà-lamôn Dhammika, sự tổn hại đối với các ngoại đạo sư như vậy không bằng sự tổn hại nếu đối xử với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy? này Bà-la-môn Dhammika, cần phải học tập như sau:

"Chúng tôi sẽ không có tâm uế nhiễm đối với vị đồng Phạm hạnh/9 Này

Bà-la-môn Dhammika, các ông cần phải học tập như vậy.

Các vị Bà-la-môn?

Như Sư Sunetta,

Sư Mũgapakkha,

Và Aranemi,

Sư Kuddãlaka,

Và Hatthipãla,

Sư Jotipãla5

Và Sư Govinda,

Là Quốc sư thứ bảy.

Sáu sư bạn vị này,

Là những vị danh tiếng,

Quá khứ không hại ai,

Thoát hôi hám9 từ bi,

Giải thoát dục kiết sử,

Thoát ly tham ái dục?

Đạt được Phạm thiên giới, vằ các hàng đệ tử,

Con số lên hàng trăm,

Thoát hôi hám, từ bi,

Giải thoát dục kiết sử,

Thoát ly tham ái dục,

Đạt được Phạm thiên giới.

Ẩn sĩ ngoại đạo ấy,

Ly tham, tâm thiền định,

Nếu với tâm uế nhiễm,

Có ai măng nhiêc họ5

Người như vậy tạo ra?

r y

Rât nhiêu sự vô phước.

Đối một đệ tử Phật,

Tỷ-kheo có chánh kiến,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng vị ấy,
Người như vậy tạo ra,
Nhiều vô phước hơn nữa.
Chớ phật lòng bậc thiện,
Hãy từ bỏ kiến xứ,8
Tối thượng trong Thánh chúng,
Vị ấy được gọi vậy.
Ai chưa ly các dục,80
81
Năm căn còn mềm dịu,8283
Tín, niệm và tinh tân,
Với chỉ và với quán,
Nếu phật ý vị ấy,
Trước hết tự hại mình,
Sau khi tự hại mình,
Lại hại đến người khác.
Ai tự bảo vệ mình,
Bề ngoài cũng bảo ve,83
Do vậy bảo vệ mình,
Bạc trí không tổn hại.
80 Chỉ cho bậc A-la-hán. 81 Chỉ cho bậc Bất Lai. 82 A. II. 151, chỉ cho bậc Nhất Lai. 83 A. III. 373: Akkhato. AA. III. 388: Akkhatotỉ gunakhananena akkhato anupahato hutvã (ÍSKhông tổn hại" nghĩa ìà không bị phá hoại, không bị chỉ tnch do sự soi mói về đức hạnh).

NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI

VI. PHẨM LỚN (MAHẴVAGGA)

I. KINH SONA (Sonasuttdỷ4 (4 III. 374) 55. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Rajagaha (Vương Xá)9 Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sona trú ở Rặjagaha? tại rừng Sĩta. Rồi Tôn giả Sona,8485 trong khi độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Những ai là đệ tử Thế Tôn5 sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thê hưởng thọ tài sản ây và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công due." Rồi Thế Tôn, với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Sona9 như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất từ Gijjhakuta, hiện ra trước mặt Tôn giả Sona9 ở rừng Sĩta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Sona đảnh lễ Thế Tôn, rồi

ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sona đang ngồi một bên: —Này Sona, có phải trong khi ông độc cư thiên tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: 'Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công diíc"? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Ông nghĩ thế nào, này Sona? Có phải thuở trước, khi còn là gia chủ, ông giỏi đánh đàn tỳ-bà (yĩnã) có dây? Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Ông nghĩ thế nào, này Sona, khi những sợi dây đàn tỳ-bà của ông quá căng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của ông có phát âm hay sử dụng được không? - Thưa không, bạch Thế Tôn.

84 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.23.3. 0612al7); Sa-môn nhị thập ức kinh (7.01. 0026.123. 0611C26); Tạp.(T.02. 0099.254. 0062b22). 85 Đây là Sona Koḷivisa. Xem Pss. Breth. 275ff. Kinh này cũng được tìm thấy ở Vỉn. I. 179, 185.

Ong nghĩ thê nào, này Sona, khi những sợi dây đàn tỳ-bà của ông quá chùng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của ông có phát âm hay sử dụng được không? —Thưa không, bạch Thế Tôn. Nhưng này Sona? khi những sợi dây đàn tỳ-bà của ông không quá căng thẳng, không quá chùng xuống, nhưng vặn đúng mức trung bình, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của ông có phát âm hay sử dụng được không? - Thưa được5 bạch Thế Tôn. - Cũng vậy, này Sona, khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy5 này Sona, ông phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình dẳng, rồi tại đấy nắm giữ tướng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới Tôn giả Sona với lời giáo giới, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy5 Thế Tôn biến mất tại rừng Sĩta và hiện ra ở Gijjhakuta. Rồi Tôn giả Sona, sau một thời gian an trú định hợp với tinh tấn, thể nhập các căn một cách bình đẳng và tại đấy nắm giữ tướng; rồi Tôn giả Sona sống độc cu, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc gì nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Tôn giả Sona trở thành một vị A-la-hán. Sau khi chứng được A-la-hán5 Tôn giả Sona suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Thế Ton; sau khi đến, ta sẽ nói lên ý nghĩa này với Thế Ton." Rồi Tôn giả Sona đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc cân làm, đã đặt gánh nặng xuông, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã trừ diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy có sáu chỗ để xu hướng: Xu hướng xuất ly, xu hướng viễn ly, xu hướng vô sân9 xu hướng ái diệt, xu hướng thủ diệt, xu hướng vô si. Bạch Thê Tôn, có thê ở đây, một so Tôn giả suy nghĩ như sau: Có Tôn giả này hoàn toàn chỉ y cứ trên tín, có xu hướng xuất ly.” Vị Tôn ệiầ ấy

chớ có quan niệm như vậy. Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bạch The Tôn, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn thấy trong mình còn gì càn làm hay còn gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do đoạn diệt sân5 do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly.

Bạch Thế Tôn, có thể ở dây, một số Tôn giả suy nghĩ như sau: 'Tôn giả này do tham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng nên hướng tâm về xu hướng viễn ly." Tôn giả ấy chớ có quan niệm như vậy. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn gì cần làm hay còn gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướnậ tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt sân, do viễn lỵ sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly. Bạch Thế Tôn, có thể ở đây5 một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Do đi ngược trở lại tối thắng giới cấm thủ, Tôn giả này hướng tâm đến xu hướng vô sân.,, Tôn giả ấy chớ có quan niệm như vậy. Bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn gì cần phải làm hay còn gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viên ly tham ái, vị ây hướng tâm đên xu hướng vô sân; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đên xu hướng vô sân; do đoạn diệt si, do viễn ly si9 vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô sân... do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt sân5 do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt... do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướnẸ tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đen xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt... do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si. Như vậy, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, bạch Thế Tôn, nếu nhiêu săc do mat nhận thức đi vào trong giới vức của măt5 chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động5 quán thây tánh diệt của chúng; nêu nhiêu tiêng do tai nhận thức... nêu nhiều hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức ...nếu nhiều pháp do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm của vị ây, và tâm vị ây không lộn xộn? an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng. Ví nhu, bạch Thế Ton, một hòn núi đá không có rạn nứt? không có trống bọng? một tảng đá lớn, nếu từ phương Đông mưa to gió lớn đến, không có làm rung động, rung chuyên, chuyên động mạnh núi đá ây; nêu từ phương Tây mưa to gió lớn đến... nếu từ phương Bắc mưa to gió lớn đến... nếu từ phương Nam mưa to gió lớn đến không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ây, và tâm vị ấy kh6ng lộn xộn, an trú, đạt được không dao động,

quán thây tánh diệt của chúng; nêu nhiêu tiêng do tai nhận thức... nếu nhiều

hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức... nếu nhiều pháp do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm vị ây, và tâm vị ây không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

Với ai hướng xuất ly?
Tâm xu hướng viễn ly,
Với ai hướng vô sân,
Tâm xu hướng thủ diệt,
Với ai hướng ái diệt,
Tâm xu hướng vô si,
Có thấy xứ sanh khởi,
Tâm được chánh giải thoát.
Với vị chánh giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tâm tịnh5
Không cân làm thêm gì?
Không có gì phải làm.
Như hòn núi đá tảng,
Gió không thể dao động.
Cũng vậy, toàn thể sắc,
Vị, tiếng, hương và xúc,
Cho đến tất cả pháp,
Khả ái, không khả ái5
Cũng không thể dao động.
Một vị được như vậy,
Tâm kiên trú, giải thoát,
Thấy tánh diệt của chúng.

II. KINH PHAGGUNA (Phaggunasuttăỷ6 (A. III. 379) 56. Lúc bấy ệiờ, Ton giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đen Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ dau, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn đi đến Tôn giả Phagguna, vì lòng từ mẫn! Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng day, đi đến Tôn giả Phagguna. Ton giả Phagguna thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thẩy vậy, muốn rời khỏi giường. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna: —Thôi được rồi, Phagguna! Ông chớ có rời khỏi giường. Đã có những chỗ ngồi đã soạn từ trước, Ta sẽ ngồi tại các chỗ ấy. Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:86

86 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1023. 0266c09).

Này Phagguna, mong răng ông có thê kham nhân! Mong răng ông có thê chịu đựng! Mong rằng các khổ thọ được giảm thiểu, không tăng trưởng! Mong rằng triệu chứng giảm thiểu được thấy rõ, không tăng trưởng! -Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng! Khổ thọ của con tăng trưởng, không có giảm thiểu. Triệu chứng tăng trưởng được thây rõ9 không có giảm thiêu. Bạch Thê Tôn, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác] với một thanh kiêm săc bén; cũng vậy5 bạch Thê Tôn, những ngọn gió kinh khủng thổi lên, đau nhói trong đàu con. Bạch Thế Tôn5 con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu dựng! Khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thay rõ, không có giảm thiểu. Bạch Thế Tôn, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu dựng. Khổ thọ của con gia tăng5 không thê giảm thiêu. Triệu chứng gia tăng được thây rõ9 không có ệiảm thiểu. Bạch Thế Tôn, như một người đồ te thiện xảo hay đệ tử người đồ te cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy5 bạch Thế Tôn, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khô thọ của con gia tng, không có giảm thiêu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ5 không có giảm thiêu. Bạch Thế Tôn, ví như hai người lực si, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn. nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, bạch Thế Tôn5 một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ9 không có giảm thiểu. Rồi Thế Tôn với pháp thoại, nói lên cho Ton giả Phagguna biết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ5 từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói. Rôi Tôn giả Ãnanda đi đen Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu5 đã mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói. -Này Ãnanda, tại sao các căn của Tôn giả Phagguna lại không sáng chói? Nàỵ Ãnanda, với Tỷ-kheo Phagguna, tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phân kiết sử. Sau khi nghe pháp, tâm vị ây được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Có sáu lợi ích này5 này Ãnanda, nếu nghe pháp đúng thời và thẩm sát ý nghĩa đúng thời. Thế nào là sáu? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phân kiêt sử, vị ây trong khi mệnh chung, được thây Như Lai. Như Lai thuyêt

pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ nhát, này Ãnanda, khi được nghe pháp đúng thời. Lại nữa, này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm

hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, nhưng chỉ được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sốnệ Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ẩy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ãnanda, đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời. Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai; nhưng với tâm tùy tàm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, do vị ấy, với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt? nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ãnanda, đây là lợi ích thứ ba khi thẩm sát ý nghĩa đúng thời. Ở dây, này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhimg tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ãnanda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời. Lại nữa, này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, chỉ được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử của Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ãnanda, đây là lợi ích thứ năm khi được nghe pháp đúng thời. Lại nữa5 này Ãnanda, Tỷ-kheo với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhimg tâm chưa được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thây Như Lai, cũng không được thây đệ tử của Như Lai; nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suôt; do vị ây với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này. Này Ãnanda, đây là lợi ích thứ sáu khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời. Có sáu lợi ích này, này Ananda, khi được nghe pháp đúng thời và khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

782 KINH TẢNG CHI Bộ

III. KINH SÁU SANH LOẠI (Chalabhijatisuttay1 (A. III. 383) 57. Một thòi, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Pũrana Kassapa trình bày sáu sanh loại:87 Sanh loại 8889 đen, sanh loại xanh, sanh loại đỏ, sanh loại vàng, sanh loại trắng, sanh loại hết sức trắng. Ở đây, bạch Thế Tôn? đây là sanh loại đen do Pũrana Kassapa trình bày: 46Kẻ giết cừu, kẻ giết heo, kẻ giết chim, kẻ săn thú, kẻ hung bạo,89 người đánh cá, kẻ ăn trộm, kẻ giết nẸười ăn trộm, kẻ ngục tôt và những người khác theo nghề tàn ác.” ơ dây, bạch Thể Tôn5 đây là các sanh loại xanh do Pũrana Kassapa trình bày: “Các Tỷ-kheo sông như cỏ gai đâm bên hông9 và tât cả những ai khác chủ trương Nghiệp nhân luận, Nghiệp quả Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại đỏ do Pũrana

Kassapa trình bày: "Các Ni-kiền-đà và những kẻ mặc một tấm vải." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại vàng do Pũrana Kassapa trình bày: "Các gia chủ và đệ tử những người ở trần truồng.^^ Ở dây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại trăng do Pũrana Kassapa trình bày: "Các tà mạng ngoại đạo và đệ tử của hQ." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại hết sức trắng do Pũrana Kassapa trình bày: "Nanda Vaccha, Kisa Saồkicca và Makkhali Gosla." Bạch Thế Tôn, sáu sanh loại này do Pũrana Kassapa trình bày. Này Ãnanda, có phải toàn thế giới9091 đều đồng ý chấp nhận sự trình bày thành sáu sanh loại này của Pũrana Kassapa không? Thưa không, bạch Thế Tôn. - Ví như, này Ananda, một người nghèo khổ? không có sở hữu, sống túng thiếu, dầu miễn cưỡng không muốn, người ta quăng cho người ấy một miếng thịt và nói: "Hãy ăn miếng thịt này, này người kia và trả tiền lu6n." Cũng vậy? này Ananda, là lời tuyên bô của Pũrana Kassapa vê sáu sanh loại này cho những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, không được họ đông ý5 như bởi một kẻ ngu si, không thông minh, không Diet thích ứng/1 bat thiện. Nay Ananda, Ta tuyên bô có sáu sanh loại, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này Ãnanda, thế nào là sáu sanh loại? Ở đây. này Ãnanda. có một số sanh loại đen sanh ra các pháp đen. Ở đây. này Ananda, có một sô sanh loại đen sanh ra pháp trăng, ơ đay, nàỵ Ananda, có một số sanh loại đen sanh ra Niết-bàn, không đen không trang, ở đây, này Ãnanda, có một số sanh loại trắng sanh ra pháp đen. Ở dây, này Ãnanda, có một

87 Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn tủc luận (26. 1536.15. 0432c 10). 88 Chalabhijatiyo. XQmD. IIL 250; DA. I. 162; DBA. 72; KS. III. 170. 89 Luddã. AA. III. 394 viết dãrunã, nghĩa là kẻ hung bạo. Xem M. I. 343. 90 Xem MI. 450 và II. 178. 91 Akhettannunã-. Không hiểu biết về đồng ruộng. Trong ^4. IV. 418, chỉ con bò.

Số sanh loại trắng sanh ra pháp trắng. Ở đây, này Ananda, có một số sanh loại trắng sanh ra Niết-bàn, không đen không trang. Và này Ãnanda, thế nào là hạng sanh loại đen sanh ra pháp đen? Ở dây, này Ảnanda, có một số người92 sanh ra trong gia đình thấp kém như gia đình người đổ phân, hay gia đình người thợ săn, hay gia đình người đan tre, hay gia đình người đóng xe, hay gia đình người quét rác, hay trong gia đình một nệười nghèo khổ khó tìm được đồ ăn uống để s6ng, khó tìm cho được đồ ăn, đồ mặc. Và người ấy xấu xí, khó nhìn, lùn thấp, nhiêu bệnh hoạn, đui một mắt, tàn tật9 què, hay đi khập khiêng, không có được đô ăn? đô uông? đô mặc, xe cộ? vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ ở? đèn đuốc. Người ấy làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời5 làm ác hạnh về ý. Người ấy do làm ác hạnh về thân, về lời, về ý? sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ9 địa ngục. Như vậy5 này Ãnanda, là hạng sanh loại đen sanh ra pháp đen. Và này Ãnanda, thế nào là hạng sanh loại đen sanh ra pháp trắng? Ở dây, này Ananda, có hạng người sanh ra trong gia đình thấp kém... chỗ nằm5 chỗ ở và đèn đuốc. Người ấy làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời, làm thiện hạnh về ý. Người ấy do làm thiện hạnh về thân, về lòi, về ý5 sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào cõi lành5 thiên giới? cõi đời này. Như vậy5 này Ãnanda, là hạng sanh loại đen sanh ra pháp trắng. Và này Ananda, thê nào là hạng

sanh loại đen sanh ra Niêt-bàn, không đen không trắng? Ở đây, này Ãnanda, có hạng người sanh ra trong gia đình thấp kém... chỗ nằm, chỗ ở và đèn đuốc. Người ấy, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, sau khi đoạn tận năm triền cái5 làm cho muội lược các kiết sử về tâm với trí tuệ5 trú tâm trên bốn niệm xứ, như thật tu tập bảy giác chi, sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Như vậy5 này Ãnanda là hạng sanh loại đen sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Và này Ananda, thê nào là sanh loại trăng sanh ra pháp đen? Ở đây, này Ãnanda, có hạng người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-lỵ đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú5 hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy lại đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại được ăn đồ ăn, đồ uống? áo mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy làm ác hạnh về than, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý. Người ấy do làm ác hạnh về than, do làm ác hạnh về lòi, do làm ác hạnh về ý, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này Ãnanda, là hạng sanh loại trắng sanh ra pháp đen.

92 Xem ^,1. 107; II. 85; s. I. 93.

Và này Ãnanda, thế nào là hạng sanh loại trắng sanh ra pháp trắng? Ở dây, này Ananda, có hạng người sanh ra trong gia đình cao quý như tronệ gia đình Sát-đế-lỵ đại phú... chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy làm thiện hạnh ve thân, làm thiện hạnh về lời, làm thiện hạnh về ý. Người ấy do làm thiện hạnh về thân, do làm thiện hạnh về lời, do làm thiện hạnh về ý5 sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này Ãnanda, là hạng sanh loại trắng sanh ra pháp trắng. Và này Ananda, thế nào là hạng sanh loại trắng sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng? Ở dây, này Ãnanda, có hạng người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-lỵ đại phú... chỗ trú, đèn đuốc. Vị ây5 sau khi cạo bỏ râu tóc? đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ §ia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, sau khi đoạn tận năm triên cái, làm cho muội lược các kiêt sử vê tâm với trí tuệ? trú tâm trên bốn niệm xứ, như thật tu tập bảy giác chi, sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Như vậy, này Ãnanda, là hạng sanh loại trắng sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Này Ãnanda, đây là sáu sanh loại. IV KINH CÁC LẬU HOẶC (Ẅsavasuttảỷ3 (A. III. 387) 58. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường5 đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các lậu hoặc phải do phòng hộ mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do phòng hộ; đối với các lậu hoặc phải do thọ dụng mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do thọ dụng; đôi với các lậu hoặc phải do kham nhẫn mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do kham nhẫn; đối với các lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do tránh né; đối với các lậu hoặc phải do trừ diệt mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do trừ diệt; đối với các lậu hoặc phải do tu tập mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do

tu tập. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do phòng hộ? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo chơn chánh giác sát sống phòng hộ với sự phòng hộ nhãn căn. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ nhãn căn? các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thê khởi lên; nêu vị ấy sống phòng hộ với sự phòng hộ nhãn căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Vị ấy chơn chánh giác sát sống phòng hộ với sự phòng hộ nhĩ căn... sống phòng hộ với sự phòng hộ tỷ căn... sông phòng hộ với sự phòng

9em toàn kinh trong M. I. 9ff. Tham chiếu: Tăng.r(7.02. ,0125.40.6. 0740a25); Lậu tận kỉnh (roi. 0026.10. 0431CỈ3); Phật thuyết Nhất thiết ỉưu nhiếp thủ nhân kỉnh (T.01.0031.0813a05).

hộ thiệt căn... sống phòng hộ với sự phòng hộ thân căn... sống phòng hộ với sự phòng hộ ý căn. Này các Tỷ-kheo5 nêu Tỷ-kheo ây sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý căn? các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy sống phòng hộ với sự phòng hộ ý căn5 các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ các căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ các căn? như vậy các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không có thể khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do phòng hộ mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ phòng hộ. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ thọ dụng? Này các Tỷ-kheo? ở đây5 Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruôi, muỗi5 gió. sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự hổ thẹn. Vị ấy chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn khất thực9 không phải để vui đùa, không phải để đam mê9 không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Nhu vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới5 và ta sẽ không có lỗi lầm, sống * 9 J. r . . J 9 J D

được an ôn.,, Vị ây chơn chánh giác sát thọ dụng sàng tọa chỉ đê ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruôi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ đê giải trừ nguy hiêm của thời tiêt, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh. Vị ấy chơn chánh giác sát thọ dụng những dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác thông khô đã sanh để được ly khổ hoàn toàn. Này các Tỷ-kheo5 nếu vị ấy không chơn chánh giác sát khi thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy có chơn chánh giác sát khi thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ thọ dụng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ kham nhẫn? Này các Tỷ-kheo5 ở đây có Tỷ-kheo chơn chánh giác sát kham nhẫn lạnh nóng? đói? khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió5 sức nóng mặt trời, các loài bò sát;

kham nhẫn những cách nói mạ lỵ phỉ bán§. Vị ây có tánh kham nhan các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú5 chêt điêng người. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy5 các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ kham nhẫn. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tránh né?

Này các Tỷ-kheo? ở đây Tỷ-kheo chơn chánh giác sát tránh né voi dữ? tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ? tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu? vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Những chỗ ngồi không xứng đáng nếu ngồi, những trú xứ không nên lai vãng nếu đến, những bạn bè ác độc, nếu giao du bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy chơn chánh giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng dáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn bè độc ác ấy. Này các Tỷ-kheo, nêu vị ây không tránh né như vậy? các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thê khởi lên; nêu vị ây tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tránh né. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ trừ diệt? Này các Tỷ-kheo, ở dây, vị Tỷ-kheo chơn chánh giác sát không chấp nhận dục niệm đã khởi lên? từ bỏ, trừ khử, diệt tận, không cho tồn tại dục niệm ấy; không chấp nhận sân niệm đã khởi lên? từ bỏ, trừ khử, diệt tận, không cho tốn tại sân niệm ấy; không chấp nhận hại niệm đã khởi lên? từ bỏ? trừ khử, diệt tận, không cho tồn tại hại niệm ấy; không chấp nhận các ác, bất thiện pháp đã khởi lên5 từ bỏ9 trừ khử, diệt tận5 không cho tồn tại các ác? bất thiện pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không trừ khử như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên; nếu vị ấy trừ khử như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ trừ diệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tu tập? Này các Tỷ-kheo? ở đây, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát tu tập niệm giác chi; niệm giác chi này y xuất ly, y ly tham, y diệt tận, đưa đến từ bỏ? chơn chánh giác sát tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y xuất ly, y ly tham, y diệt tận, đưa đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo9 nêu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên; nếu vị ấy tu tập như vậy9 các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do tu tập mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tu tập. Này các Tỷ-kheo, thành tựu sáu pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường5 đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. V. KINH NGƯỜI BÁN CỦI (Dãrukammikasutta) (A. III. 391) 59. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Nãtika, tại giảng đường bằng gạch. Bấy giờ, có gia chủ bán củi đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống

một bên. Thế Tôn nói với gia chủ bán củi đang ngồi một bên:

Này gia chủ, trong gia đình ông có bố thí không? -Bạch Thế Tôn, trong gia đình con có bố thí. Những Tỷ-kheo là vị sống ở rừng, theo hạnh khất thực, mặc áo lấy vải lượm từ đống rác, bậc A-la-hán hay bậc thực hành A-la-hán dạo, những Tỷ-kheo như vậy9 bạch Thế Tôn, đều được bổ thí. -Nhưng chắc chắn, này gia chủ5 đây thực là một sự khó khăn cho ông, một người tại gia thọ dụng các dục5 bị con cháu trói buộc5 được dùng hương Chiên- đàn từ Kãsi; được đeo và thoa với vòng hoa, hương, hương liệu; được tiêu dùng vàng và bạc94 để có thể nói ai là bậc A-la-hán, ai là bậc thực hành A-la-hán đạo. Tỷ-kheo trú tại rừng núi9 này gia chủ? nêu tháo động5 kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm5 không tỉnh giác, không định tinh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, thời vị ấy về phương diện này đáng bị chỉ trích; này gia chủ? nếu Tỷ-kheo trú ở rừng núi, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, chánh niệm, tỉnh giác, định tinh, nhất tâm5 với các căn được phòng hộ5 thời vị ấy về phương diện này đáng được tán thán. Nếu Tỷ-kheo sống ở cuối làng? này gia chủ, tháo động5 kiêu căng, dao động5 lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm5 không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, thời vị ấy về phương diện này đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo sống ở cuối làng, này gia chủ? không tháo động, không kiêu căng5 không dao động, không lắm mồm lắm miệng? không phát ngôn bừa bãi? chánh niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, với các căn được phòng hộ9 thời vị ấy về phương diện này đáng được tán thán. Nếu vị Tỷ-kheo theo hạnh khất thực, này gia chủ, nhưng còn tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng5 phát ngôn bừa bãi5 thất niệm? không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn5 các căn thả lỏng, thời vị ấy về phương diện này đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo theo hạnh khất thực, này gia chủ? nhưng không tháo động, không kiêu căng5 không dao động, không lắm mồm lắm miệng? không phát ngôn bừa bãi5 chánh niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, với các căn được phòng hộ5 thời vị ấy về phương diện này đáng được tán thán. Nếu Tỷ-kheo nào nhận lời mời, này gia chủ, nhưng còn tháo động... đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo nào nhận lời mòi, này gia chủ? nhưng không tháo động... đáng được tán thán. Nếu Tỷ-kheo nào mặc áo bằng vải lượm từ đống rác5 này gia chủ? nhưng còn tháo động... đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo nào mặc áo bằng vải lượm từ đống rác, này gia chủ5 nhưng không tháo động... đáng được tán thán. Nếu Tỷ-kheo nào mang y từ người gia chủ cúng, này gia chủ? nhưng còn tháo động... đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo nào mang y từ người gia chủ cúng, này gia chủ5 nhimg không tháo động... đáng được tán thán. Tuy vậy5 này gia chủ9 hãy cúng dường chúng Tăng. Neu ông cúng dường chúng Tăng, tâm sẽ

94 Xem IV. 281; Ud. 65.

được tịnh tín. Nêu ông có tâm tịnh tín9 lúc thân hoại mệnh chung sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. - Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, con sẽ bố thí

cúng dường chúng Tăng.

VI. KINH HATTHISÃRIPUTTA (Hatthisãriputtasuttaỷ 5 (4 III. 392) 60. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Bãrãnasĩ (Ba-la-nại), tại Isipatana, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ9 nhiều vị Tỷ-kheo trưởng lão? sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đườĩiệ trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn và thuyết về Thắng pháp luận. Tại đay? Tôn giả Hatthisariputta (Citta Hatthisãriputta), trong khi các Tỵ-kheo trưởng lão đang thuyết về Thắng pháp luận, lại nói xen vào chặng giữa. Rồi Tôn giả Mahãkotthika nói với Tôn giả Hatthisãriputta: -Tôn giả Citta Hatthisãriputta, trong khi các Tỷ-kheo trưởng lão đang thuyết về Thắng pháp luận, chớ có nói xen vào chặng giữa. Tôn giả Citta hãy chờ cho đến cuổi câu chuyện. Được nghe nói vậy? các Tỷ-kheo bạn bè của Tôn giả Citta Hatthisãriputta nói với Tôn giả Mahãkotthika: -Tôn giả Kotthita chớ có bất mãn với Tôn giả Citta Hatthisãriputta! Tôn giả Citta Hatthisãriputta là bậc Hiền trí. Tôn giả Citta Hatthisriputta có thể nói chuyện về Thắng pháp luận với các Tỷ-kheo trưởng lão và thật rất khó lòng cho các Hiền giả để biết được tâm tư của người khác. Ở đây, thưa các Hiền giả, có hạng người, khi còn sống gần vị Bổn sư hay sống gần một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, trong khi ấy, là người nhu hòa nhất trong những người nhu hòa, là người khiêm tốn nhất trong những người khiêm tốn? là người an tịnh nhất trong những người an tịnh. Khi người ấy rời khỏi bậc Đạo su, rời khỏi các vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, vị ấy sống giao thiệp với các Tỵ-kheo, các Tỷ-kheo-ni? với các nam cư sĩ, nữ cư si, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ây sông giao thiệp, phóng túng, thô 16, đam mê nói chuyện, tham ái tân công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, nàỵ các Hiền giả, một con bò ăn lúa (kitthãdo), bị dây cột lại hay bị nhôt trong chuông. Này Hiên giả, nêu có ai nói như sau: "Con bò ăn lúa này sẽ không bao giờ đi xuống ruộng lúa nữa,\ nói như vậy? thưa các Hiền giả, 1 nói một cách chơn chánh không? Thưa không, thưa Hiên giả. Sự kiện này? thưa Hiên giả, có xảy ra: Con bò ăn lúa ấy, sau khi bứt đứt dây, hay phá sập chuồng, có thể xuống ruộng lúa nữa. Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây, một số người khi còn sống gần vị Bổn su, hay sống gần một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, trong khi ấy, là người nhu hòa nhất trong những người nhu hòa, là người khiêm tốn nhất trong*

95 Tham chiếu: Chỉ-ly-dỉ-lê kỉnh (T.02. 0026.82. 0557cl7).

những người khiêm tôn9 là người an tịnh nhât trong những người an tịnh. Khi người ấy rời khỏi bậc Đạo sư, rời khỏi vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư si, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ây sông giao thiệp, phóng túng, thô lô, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, có hạng người ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Với tư tưởng: "Ta đã được Thiền thứ nhấf\ vị ây sông giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, này các Hiền giả, một cơn mưa to lớn xảy ra tại ngã tư đường, khiên cho bụi bặm biên mât và bùn hiện ra. Này

các Hiên giả? nêu có aỉ nói như sau: “Nay tại ngã tư đường này, bụi sẽ không hiện ra nữa”, người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không? Thưa không5 thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Tại ngã tư đường này, có người đi qua hay có trâu bò đi qua, hay gió và nóng có thể làm cho khô khí ẩm ướt9697và bụi sẽ hiện ra trở lại. Cũng như vậy, thưa các Hiên giả, ở đây có hạng người ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy, với ý nghĩ: "Ta đã chứng Thien thứ nhất", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ5 nữ cư sĩ9 với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo5 các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ9 đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ở đây? này các Hiền giả, có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng va trú Thiền thứ hai. Vị ấy, với ý nghĩa: "Ta đã chứng được Thiền thứ hai”, sống giao thiệp với các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư si, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy s6ng giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ây. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, thưa các Hiền ệiả, một hồ nước lớn gần một làng hay thị trấn; tại đây, một cơn mưa to xảy đen, khiên cho các loài so OC/7 các đá sỏi biên mat. Này các Hiên g,nêu có ai nói như sau: "Nay tại hô nước này, các loại sò ôc, các đá sỏi sẽ không xuất hiện nữa”, người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không? Thưa không, thưa Hiên giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiên giả: Tại hô nước này? loài người có thê uông? hay loài trâu bò có thê uông, hay gió và sức nóng có thể làm cho khô khí ẩm ướt, và các loài sò ốc? các đá sỏi có thể xuất hiện lại. Cũng vậy, thưa các Hiền giả, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Vị ấy với ý nghĩ: “Ta đã chứng được Thiền

96 Snehagatam parỉyãdỉyeyya. Xem 4 III. 394. 97 Sỉppỉsambukã. Xem 4 III. 395.

thứ hai”sống giao thiệp với các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ5 nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ5 đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công5 liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ở dây, thưa các Hiền giả, có hạng người từ bỏ hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ ba”, sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ5 nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ. đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, thưa các Hiền giả, có người đã ăn đồ ăn thượng vị5 không ưa thích các đồ ăn hôm qua để lại. Này các Hiền giả5 nếu có ai nói như sau: "Nay người này không còn ưa thích đồ ăn nữa", thưa các Hiền giả, người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không? Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra9 thưa Hiền giả: Người này, khi ăn đồ ăn thượng vị9 cho đến khi nào chất dinh dưỡng còn tồn tại trong thân, cho đến khi ấy, không có một món ăn nào khác sẽ làm vị ấy ưa thích. Cho đên khi chât dinh dưỡng tiêu

mât5 khi ây món ăn có thê làm cho vị ây ưa thích. Cũng vậy, này các Hiền giả? ở đây có hạng người từ bỏ hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba, vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ ba", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư si, nữ cư sĩ5 với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công? liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, này các Hiền giả, có hạng người từ bỏ lạc từ bỏ khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ tư"sống giao thiệp với các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư si, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ây. Vị ây với tâm bị tham ái tân công, liên từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, này các Hiền giả, một hồ nước trong khe núi, không có gi6, không có sóng. Rồi thưa các Hiên giả, nêu có ai nói như sau: "Nay trong hô nước này sẽ không hiện ra sóng nữa", người ấy, thưa các Hiền giả5 có nói một cách chơn chánh không? Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có thể xảy ra, thưa Hiền giả: Neu từ phương Đông5 mưa to gió lớn đến; mưa to ẹió lớn ấy làm cho hồ nước ấy nổi sóng; nêu từ phương Tây... nêu từ phương Băc... nêu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến; mưa to gió lớn ấy làm cho hồ nước ấy nổi sóng. Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây có hạng người từ bỏ lạc từ bỏ khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Vị ấy với ý nghĩ: “Ta đã chứng được Thiền thứ tư”,

sông giao thiệp với các T-kheo, các Tỷ-kheo-ni9 với các nam cư si, nữ cư si, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ây sông giao thiệp, phóng túng, thô lô5 đam mê nói chuyện, tham ái tân công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công5 liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ở đây, này các Hiền giả, có hạng người không tác ý tất cả các tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Vị ây với ý nghĩ: "Ta đã chứng đạt được vô tướng tâm định,99 sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni? với các nam cư si, nữ cư si, với các vua chúa5 đại thần các vua chúa, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ? đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, thưa các Hiên giả. một vị vua hay đại thân của vua, đang đi giữa đường cùng với bốn loại binh chủng, đến trú ở một đêm tại một khóm rừng. Ở đấy, do tiếng voi, tiếng ngựa5 tiếng xe, tiếng bộ binh, tiêng trông lớn, trông nhỏ, tiếng tù và, nên tiêng của con dế biến mât. Rồi này các Hiền giả9 có người nói như sau: "Nay trong khóm rừng này9 tiếng kêu của con dế không hiện ra nữa", người ấy nói như vậy, thưa các Hiền giả, có nói một cách chơn chánh không? Thưa không? thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Khi nào vị vua hay vị đại thần của vua ra đi khỏi khóm rừng này, khi ấy tiếng con dế kèu sẽ hiện hữu. Cũng vậy, thưa các Hiền giả, ở dây, có hạng người do không tác ý tất cả các tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đạt được vô tướng tâm định9\ sống giao thiệp với các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư si, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại dạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao

thiệp, phóng túng, thô lỗ5 đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công5 liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Rồi Tôn giả Citta Hatthisãriputta, sau một thời gian, từ bỏ học pháp và hoàn tục. Rồi các Tỷ-kheo? bạn của Tôn giả Citta Hatthisãriputta đi đến Tôn giả Mahãkotthika; sau khi đến? nói với Tôn giả Mahãkotthika: Có phải Tôn giả Mahãkotthika biết được tâm của Citta Hatthisãriputta với tâm của mình: "Citta Hatthisãriputta đã chứng quả chứng này, quả chứng này, hay là chư thiên báo cho biết về vấn đề này; tuy vậy5 vị ấy sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục"? Thưa chư Hiền, tôi biết được tâm của Citta Hatthisãriputta với tâm của tôi, rằng Citta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, và chư thiên cũng báo cho biết về vấn đề này: "Thua Tôn giả, Citta Hatthisãriputta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này5 nhưng vị ấy sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục." Rồi các bạn bè của Citta Hatthisãriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

Bạch Thế Tôn, Citta Hatthisãriputta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, nhưng đã từ bỏ học pháp và hoàn tục. - Này các Tỷ-kheo? Citta không bao lâu sẽ nghĩ đến xuất ly. Rồi Citta Hatthisãriputta không bao lâu cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa9 xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Rồi Tôn giả Citta Hatthisãriputta sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại đã tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biet rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Và Tôn giả Citta Hatthisãriputta trở thành một vị A-la-hán nữa. VII. KINH TRUNG ĐẠO (Majjhesuttăỷ^ (Ả. III. 399) 61. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Bãrãnasĩ, tại Isipatana, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ? nhiều Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn, và câu chuyện sau đây được khởi lên: Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói như sau về: "Con đường đi đến bờ bên kia" trong câu hỏi của Metteyya:9899 Ai biết hai cực đoan? Giữa bậc Trí không nhiễm, Ta gọi bậc Đại nhân, Đây vượt người dệt vải. Thưa Hiền giả, thế nào là một cực đoan? Thế nào là cực đoan thứ hai? Thế nào là chặng giữa? Thế nào là người dệt vải? Được hỏi vậy, một Tỷ-kheo thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Thưa chư Hiền, xúc là một cực đoan. Xúc tập khởi là cực đoan thứ hai. XÚC diệt là chặng giữa. Ai là người dệt vải; vì răng ái dệt, nên khiên cho vị ây phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điêu có thê thăng tri5 liêu tri được điêu có thê liêu tri. Do thăng tri được điêu có thê thăng tri, do liêu tri được điêu có thê liêu tri, ngay trong hiện tại, vị ây có thể chấm dứt khổ đau. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: -Quá khứ, thưa chư Hiền, là một cực đoan. Tương lai là cực đoan thứ hai. Hiện tại là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều

98 Bản tiếng Anh của PTS: The Way to the Beyond, nghĩa là Con đường đi đến bờ bên kia. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099. II64. 03l0b20). 99 Xem Sn. 198.

CÓ thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: thưa chư Hiền, là một cực đoan. Khổ là cực đoan thứ hai. Không Lạc,100101 khổ không lạc là chặng giữa. Ai là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thê thăng tri, do liêu tri được điêu có thê liêu tri, ngay trong hiện tại, vị ây có thể chấm dứt khổ đau. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Danh, thưa chư Hiền, là một cực đoan, sắc là cực đoan thứ hai. Thức là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri? liễu tri được điếu có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Sáu nội xứ, thưa chư Hiên, là một cực đoan. Sáu ngoại xứ là cực đoan thứ hai. Thức là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt? nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy5 thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thăng tri5 do liêu tri được điêu có thê liêu tri, ngay trong hiện tại, vị ây có thê chấm dứt khổ đau. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: -Thân thưa chư Hiền, là một cực đoan. Thân tập khởi là cực đoan thứ hai. Thân kiến diệt là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thăng tri? liễu tri được điêu có thê liêu tri. Do thắng tri được điêu có thê thăng tri, do liêu tri được điêu có thê liêu tri, ngay trong hiện tại? vị ấy có thể chấm dứt khổ đau. Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão: Thưa chư Hiên, tât cả chúng tôi đã trả lời tùy theo sự hiêu biêt của chúng tôi (yathãsakam). Thưa chư Hiền, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến. chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ thọ trì như vậy. Thưa vâng, thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo trưởng lão vâng đáp Tỷ-kheo ấy. Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão

100 XemZ). III. 216. 101 Sakkãya. Xem 4 III. 292. GS. III. 210.

4-• ,4- FT1-I Ắ rr^ /\ 1 • J. Á 4. ? 1 1 X rpl Ấ rp/\ Ă • Ă • Ấ /\ J 1 /\ -K Ỵ Ầ •

đi đen Thê Tôn; sau khi đên, đanh lê Thê Tôn, roi ngôi xuônệ một bên. Ngôi xuống một bên, các Tỷ-kheo trưởng lão thuật lại với Thế Tôn tat cả câu chuyện đã xảy ra và thưa: Bạch Thế Tôn, ai là người đã khéo nói? -Tất cả các ông, này các Tỷ-kheo, đều khéo nói theo phương pháp của mình. Nhưng, đây là vấn đề Ta nói về: “Con đường đi đến bờ

bên kia" trong các câu hỏi của Metteyya: Ai biết hai cực đoan, Giữa bậc Trí không nhiễm, Ta gọi bậc Đại nhân5 Đây vượt người dệt vải. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ5 Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Tỷ-kheo trưởng lão vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Xúc, này các Tỷ-kheo, là cực đoan. Xúc tập khởi là cực đoan thứ hai. Xúc diệt là chặng giữa. Ái là người dệt vải; vì rằng ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri. liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thê thăng tri, liêu tri được điêu có thê liêu tri, ngay trong hiện tại9 vị ây có thê chấm dứt khổ đau. VIII. KINH LỜI CẢM HỨNG (Purísindriyananasutta)W2 (4 III. 402) 62. Như vầy tôi nghe. Một thơi, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ- kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Dandakappaka. Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, ngồi xuống trên chỗ đã được sửa soạn dưới một gốc cây; còn các Tỷ-kheo ấy đi vào Dandakappaka để tìm chỗ ở. Bấy giờ, Tôn giả Ãnanda cùng với một số đông Tỷ-kheo? đi đến sông Aciravatĩ để rửa tay chân; sau khi rửa tay chân ở sông Aciravatĩ xong, ra khỏi sông, đứng trên bờ5 đắp một y để phơi tay chân cho khô. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, thưa với Tôn giả Ãnanda: Có phải Thế Tôn tập trung tất cả tâm, thưa Tôn giả Ãnanda, để tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ duẹrc", hay có phải nhờ một thiên nhân? -Thật đúng như Thê Tôn đã tuyên bô. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn:

102 Tham chiếu: A-nô-ba kinh (T.01. 0026.112. 0600b28); Phật thuyết A-nậu-phong kỉnh (T.01.0058. 0853c20).

-Ở đây, bạch Thế Tôn, với một số đông Tỷ-kheo, con đi đến sông Aciravatĩ để rửa tay chân; sau khi rửa tay chân ở sông Aciravatĩ xong, ra khỏi sông, đứng trên bờ đắp một tấm y để phoi tay chân cho khô. Rồi bạch Thế Tôn? một Tỷ- kheo đi đen con; sau khi đến, thưa với con: "C6 phải Thế Tôn tập trung tất cả tâm, thưa Tôn giả Ãnanda, để tuyên bố về Devadatta như sau: 'Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được\ hay có phải nhờ một thiên nhân?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Ton, con trả lời Tỷ-kheo ấy: "Thua Hiền giả, thật đúng như Thế Tôn đã tuyên bố?9 Này Ananda, hoặc Tỷ-kheo ây là vị tân nhập5 xuất gia chưa được bao lâu, hay vị ấy là Tỷ-kheo trưởng lão ngu si, không thông minh. Làm sao khi Ta đã tuyên bo một chiều, ở đây lại có thể có trường hợp thứ hai được? Ta không thể thấy về một người nào khác, này Ãnanda, sau khi tập trung tất cả tâm, Ta đã tuyên bố như vậy, trừ với Devadatta! Cho đến khi nào, này Ananda, Ta thấy một pháp trăng nhỏ như đâu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, thời Ta đã không tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ âược y Cho đến khi nào, này Ãnanda, Ta không thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, cho nên Ta đã tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể

cứu độ được.,, Ví như, này Ãnanda, một hố phân cao hơn đầu người, đầy cả phân, và một người rơi vào hô phân cho đên cả đâu. Rôi một người khác đi đên? muôn lợi ích, muôn hạnh phúc, muôn người ây an ôn khỏi các khô ách, muôn kéo người ây ra khỏi hố phân ấy. Người này đi vòng quanh hố phân và không thấy cho đến một điểm nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở người ấy mà không bị dính phân, để có thể nắm lấy chỗ ấy và kéo lên. Cũng vậy, này Ananda, cho đến khi nào, Ta thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, thời Ta đã không tuyên bô vê Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được.99 Nếu ông muốn nghe, này Ãnanda, Như Lai sẽ phân tích về các căn trí của con người. Nay đã đến thòi, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thòi, bạch Thiện Thệ, để Thế Tôn phân tích các căn trí của con người, sau khi nghe Thế T6n, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này Ãnanda, hãy nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Ở dây, này Ananda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: “Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện.,, Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rố biêt tâm của người ây: "Trong người này, các pháp thiện đã biên mat, các pháp bât thiện đang hiện hữu, nhung còn có cội goc thiện chưa bị cắt đứt, và pháp thiện sẽ khởi lên từ cội gốc thiện ấy.

Như vậy9 người này sẽ không bị thối đọa trong tương lai." Ví như5 này Ãnanda, các hạt giống103 chưa bị bể vụn, chưa bị hư thối, chưa bị gió và sức nóng phá hoại, còn giữ được sức sống bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất khéo sửa soạn. Này Ananda, ông có thể biết những hạt giống này sẽ được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không? - Thưa có, bạch Thế Tôn. —Cũng vậy, này Ãnanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiên." Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện hữu, nhimg còn có cội gốc thiện chưa bị cắt dứt, và pháp thiện sẽ khởi lên từ cội gốc thiện ấy. Như vậy, người này sẽ không bị thối đọa trong tương lai." Như vậy5 này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài người. Cũng vậy, này Ảnanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai. Ở đây, này Ảnanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện.99 Sau một thời gian khác, cũng vậy5 với tâm của Ta, Ta rõ biêt tâm của người ây: “Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện đang hiện hữu, nhưng còn co cội gốc bất thiện chưa bị cắt dứt, và các pháp bất thiện sẽ khởi lên từ cội gốc bât thiện ây. Như vậy5 người nàỵ sẽ bị thôi đọa trong tương lai." Ví như, này Ãnanda, các hạt giống chưa bị bê vụn, chưa bị hư thối5 chưa bị gió và sức nóng phá hoại, còn giữ được sức sống, được bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất đầy sỏi đá. Này Ãnanda, ông có thể rõ biết những hạt giống này sẽ không có thê được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không? - Thưa có5 bạch Thế Tôn. Cũng vậy? này Ảnanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm

của người khác: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện.95 Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biêt tâm của người ây: "Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện đang hiện hữu, nhưng cội gôc của pháp bât thiện chưa được căt dứt, và các pháp bât thiện sẽ khởi lên từ cội gốc bất thiện ấy. Như vậy5 người này sẽ bị thối đọa trong tương lai." Như vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của minh, đã biêt được tâm của loài người. Cũng vậy, này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy9 này Ảnanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai. Ở đây, này Ananda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bât thiện.^, Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: 6'Người này không có

103 Xem 4 I. 135; D. II. 354; s. III. 54; V. 380.

pháp trắng cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp bất thiện, chỉ một mặt màu đen, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cối dữ, ác thú5 đọa xứ9 địa ngịic." Ví như, này Ảnanda, các hạt giống bị bê vụn, bị hư thối, bị gió và sức nóng phá hoại, được bám sâu trong cánh đồng5 được gieo trên mảnh đất khéo sửa soạn. Này Ãnanda, ông có thể rõ biết những hạt giống này không thể được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. -Cũng vậy9 này Ãnanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này có những pháp thiện, và những pháp bất thiên." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Người này không có pháp trắng cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp bất thiện, chỉ một mặt màu đen, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ9 ác thú, đọa xứ, địa nguc?9 Cũng vậy, này Ảnanda, Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài người. Cũng vậy, này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, có thể tuyên bố ba hạng người khác đồng loại với ba người này hay không? Có thể được, này Ãnanda. Thế Tôn nói như sau: Ở đây, này Ãnanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện.^^ Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong nệười này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện khởi5 cội goc thiện chưa bị cat đứt nhrnig đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy? người này sẽ đi đến thối đọa trong tương lai?9 Ví nhu, này Ãnanda, các cục than cháy đỏ, rực cháy? cháy lửa ngọn? được quăng trên đất sỏi. Này Ãnanda, ông có biết không, đống than này không có thể lớn lên5 tăng trưởng, lớn mạnh? - Thưa có9 bạch Thế Tôn. Ví như, nay Ãnanda, vào buổi chiều, mặt trời dang lặn, ÔĨ1Ẹ có thể biết được, này Ãnanda, biết rằng: "Anh sáng đã biến mất, bóng toi đã xuat hien^ chăng? Thưa có, bạch Thế Tôn. -Ví như, này Ãnanda, khi đêm đã qua một phần, tronẹ thời gian ăn cơm, ônẹ có biết được, này Ãnanda, biêt răng: "Anh sáng đã biên mât, bóng tôi đã xuat hien,5 chăng?

-Thưa có5 bạch Thế Tôn. - Cũng vậy5 này Ãnanda, ở đây với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện.Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người

ấy, biết rằng: "Trong người này các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đã hiện khởi5 cội gôc thiện chưa bị căt đứt nhung đi đên hoàn toàn bị nhô lên bởi người ấy. Như vậy? nạrời này sẽ đi đến thối đọa trong tương lai." Cũng vậy, này Ãnanda, Như Lai biết được tâm của loài người với tâm của mình. Cũng vậy5 này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy5 này Ãnanda, Như Lai với tâm của minh, biết được pháp sanh khởi trong tương lai. Ở dây, này Ãnanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thien." Sau một thời gian, cũng vậy9 với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: “Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện hiện khởi, cội gốc bất thiện chưa bị căt đứt nhtmg đi đên hoàn toàn bị nhô lên bởi người ây. Như vậy, người này sẽ không phải bị thối đọa trong tương lai." Ví như, này Ananda, đống than cháy đỏ? rực cháy, cháy lửa ngọn, quăng trên một đống cỏ khô, hay trên đống củi khô. Này Ãnanda, ông có biết chăng, đống than này sẽ được lớn lên5 tăng trưởng, lớn mạnh? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Ví như, này Ãnanda, đêm đã gần mãn, mặt trời đang mọc? này Ãnanda, ông có biết rằng: "Bóng tối sắp sửa biến mất, ánh sáng sẽ hiện ra" chăng? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. -Ví nhu, này Ananda, một thời gian sau, vào giữa trưa, vào giờ ăn cơm9 này Ãnanda, ông có biết rằng: "Bóng tối đã biến mất, ánh sáng đã hiện ra" chăng? - Thưa có, bạch Thế Tôn. -Cũng vậy5 này Ãnanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện.,^ Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: “Trong người này pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện được hiện khởi, cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ không phải bị thối đọa trong tương lai.” Cũng vậy5 này Ãnanda, Như Lai biết được tâm của loài người với tâm của mình. Cũng vậy5 này Ananda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ananda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai. Ở dây, này Ananda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện5 cũng có những pháp bất thiện.^, Sau một thời gian, cũng vậy? với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này không có pháp bất thiện cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp thuần túy trắng, những pháp không có lỗi lầm, ngay trong hiện tại, sẽ được nhập Niết-bàn.55 Ví như, này Ananda, những cục than nguội lạnh, đã bị dập tắt, bị quăng trên đống cỏ hay trên đống củi khô.

Này Ãnanda, ông có biết chăng, đống than này không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này Ãnanda, ở đây với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, cũng có

những pháp bất thien." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này không có pháp bât thiện cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp thuân túy trăng, những pháp không có lỗi lầm5 ngay trong hiện tại, sẽ được nhập Niet-bn." Như vậy? này Ananda, Như Lai biết được tâm của loài người với tâm của mình. Cũng vậy, này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình đã biêt được căn trí của con người. Cũng vậy5 này Ãnanda, Như Lai với tâm của mình biêt được pháp sanh khởi trong tương lai. Ở đây, này Ãnanda, ba hạng người trước, một trong ba người ấy không phải bị thôi đọa, một phải bị thôi đọa, một bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, ơ đây, này Ãnanda, trong ba hạng người sau, một trong ba hạng người này không phải bị thối đọa, một phải bị thối đọa, một được nhập Niết-bàn. IX. KINH QUYẾT TRẠCH (Nibbedhikasutta)^ (4 III. 410) 63. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý9 Ta sẽ giảng. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. , ,

Các vị Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là pháp môn thể nhập [quyết trạch], pháp môn pháp? Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết duyên khởi các dục, cân phải biêt các dục sai biệt, cân phải biêt các dục dị thục, cân phải biêt các dục đoạn diệt, cân phải biêt con đường đưa đên các dục đoạn diệt. Nàỵ các Tỷ-kheo5 cân phải biêt cảm thọ5 cân phải biêt các cảm thọ duyên khởi, can phải biết các cảm thọ sai biệt? cầnj)hải biết các cảm thọ dị thục, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Nàỵ các Tỷ-kheo5 cân phải biêt các tưởng, can phải biêt các tưởng duyên khởi, can phải biết các tưởng sai biệt, cần phải biết các tưởng dị thục, cần phải biết các tưởng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cân phải biêt các lậu hoặc5 cân phải biêt các lậu hoặc duyên khởi5 cần phải biết các lậu hoặc sai biệt5 cần phải biết các lậu hoặc dị thục, cần phải biêt các lậu hoặc đoạn diệt, cân phải biêt con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt.

104 Tham chiếu: Đạt Phạm hạnh kinh (01. 0026.111. 0599b08); Phật thuyết Lậu phân bố (foi. Ố057. 0851b27).

800 KINH TĂNG CHI BỘ

Này các Tỷ-kheo9 cân phải biêt nghiệp, cân phải biêt duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt? cần phải biết các nghiệp dị thục, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ duyên khởi, cần phải biet khô sai biệt, cân p>hải biêt khô dị thục, cân phải biêt khô đoạn diet, cân phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục? cần phải biết các dục duyên khởi? cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thục, cần phải biết các dục đoạn diet, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì đã được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ? khả ý? khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, dầu chúng không

phải dục5 chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh. Các tư duy tham ái, Là dục của con người, Các hoa mỹ ở đời? Chúng không phải là dục. Các tư duy tham ái, Là dục của con người, Các hoa mỹ an trú, Như vậy ở trên đời. Ở đây những bậc trí, Nhiếp phục được lòng dục. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỷ-kheo, là các dục duyên khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục sai biệt? Này các Tỷ-kheo, dục trên các sắc là khác, dục trên các tiếng là khác, dục trên các hương là khác, dục trên các vị là khác, dục trên các xúc là khác. Này các Tỷ-kheo5 đây là các dục sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục dị thục? Này các Tỷ-kheo, khi muôn một vật gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ây? từ vật ây, đê dự phân phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các dục dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục đoạn diệt? Xúc đoạn diet, này các Tỷ-kheo là dục đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỷ- kheo5 vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy? rõ biết các dục sanh khởi như vậy,

rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dị thục như vậy5 rõ biết các dục đoạn diệt như vậy? rõ biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các dục đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cân phải biêt các dục... cân phải biêt con đường đưa đên dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, cân phải biêt các cảm thọ... cân phải biêt con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo5 có ba cảm thọ này: Lạc thọ5 khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỷ- kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỷ-kheo5 có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khô thọ liên hệ đên vật chât, có các khố thọ kh6ng liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chât, có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ dị thục? Này các Tỷ-kheo5 khi nào cảm thọ cái gi, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước dức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo5 là các cảm thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm5 chánh định. Và khi nào, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử đã biết các cảm thọ như vậy? rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy? rõ biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thục như vậy, rõ biêt các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khi ây, vị ây được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cân phải biêt các cảm thọ... cân phải biêt con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo5 cần phải biết các tưởng... cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn

diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng này: Săc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tưởng sanh khởi? Này các Tỷ-kheo9 xúc là các tưởng sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các tưởng sai biệt? Này các Tỷ-kheo5 các tưởng trong các sắc là khác, các tưởng trong các thanh là khác, các tưởng trong

các hương là khác, các tưởng trong các vị là khác? các tưởng trong các xúc là khác, các tưởng trong các pháp là khác. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các tưởng sai biệt. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các tưởng dị thục? Này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bô răng các tưởng là kêt quả của thói quen, khi nào người ta biêt sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau: "Nhu vậy tôi tưởng.,^ Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các tưởng dị thục. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các tưởng đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo5 là tưởng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào5 này các Tỷ- kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tưởng như vậy9 rõ biết các tưởng sanh khởi như vậy, rõ biết các tưởng sai biệt như vậy? rõ biết các tưởng dị thục như vậy? rõ biết các tưởng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt như vậy? khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tưởng đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cân phải biêt các tưởng... cân phải biêt con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo? cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diet, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo5 có ba lậu hoặc này: Dục lậu, hữu lậu5 vô minh lậu. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỷ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi. Và này các T-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỷ-kheo, CÓ các lậu hoặc đưa đên địa ngqc, có các lậu hoặc đưa đên bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngạ quỷ? có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đên thê giới chư thiên. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các lậu hoặc sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thục? Này các Tỷ-kheo? khi . -í o • * • z z 9

nào vì vô minh cái gì sanh kh&i, một tự ngã khởi lên từ vật ây? từ vật ây, đê dự phần phước dức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là các lậu hoặc dị thục. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỷ-kheo9 là các lậu hoặc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diet, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy? rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy9 rõ biết các lậu hoặc dị thục như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy? rõ biết con đường

đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo5 cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các nghiệp sanh khởi? Này các Tỷ-kheo9 xúc là các nghiệp sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là các nghiệp sai biệt? Này các Tỷ-kheo5 có nghiệp đưa đến cảm thọ ở địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi ngạ quỷ, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư thiên. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là các nghiệp sai biệt. Và nàỵ các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp dị thục? Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp dị thục: Ở ngay đời hiện tại, hay ở đời sau, hay ở một đời sau nữa. Này các Tỷ-kheo, đây là các nghiệp dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo9 là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diet, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy5 rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy5 rõ biết các nghiệp dị thục như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy? rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy5 khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các nghiệp đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo? cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Nàỵ các Tỷ-kheo5 cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi5 cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diet, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diet, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ5 chết là khổ, sầu? bi, khổ9 ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi? Ai, này các Tỷ-kheo5 là khổ sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là khổ sai biệt? Này các Tỷ-kheo9 có khổ lớn5

CÓ khổ nhỏ? có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỷ-kheo? đây là khổ sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ dị thục? Này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục? tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khô này. Này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bô răng khô đem lại kêt quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt? Ái đoạn diệt5 này các Tỷ- kheo, là khô đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đên khô đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ5 chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo? khi nào vị Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy9 rõ biết khổ sai biệt như vậy? rõ biêt khô dị thục như

vậy, rõ biết khô đoạn diệt như vậy? rõ biết con đường đưa đến khô đoạn diệt như vậy5 khi ây, vị ây được rõ biết Phạm hạnh thê nhập này như là khổ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo? đây là pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. X. KINH TIẾNG RỐNG SƯ TỬ (Sĩhanãdasutta)^5 (A. III. 417) 64. Này các Tỷ-kheo, có sáu Như Lai lực của Như Lai, do thành tựu các lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp. Thế nào là sáu? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy thuộc sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Này các Tỷ-kheo9 Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngmi vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.

105 Xem M. I. 69. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.46.4. 0776bl4); Tạp.(7.02. 0099.686-687. 0187b27-cl3); Tap.(2. 0099.684. 0186b26); Tạp.(T.Ọ2. 0099.701. 0189a07); Thập lực kỉnh (ri?. 0780. 0715c 10); Phật thiyet Phật thập lực kỉnh (7.17. Ò781. 0718C13); Phật thuyết Tín giải trí lực kỉnh (7.17. 0802. 0747a23).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh9 sự xuất khởi của những thành đạt (samãpattĩnam) về thiền, về giải thoát, về định. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... chuyển bánh xe pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời106... Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này các Tỷ-kheo? Như Lai như thật rõ biết... chuyển bánh xe pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân thấy sự sống và chết của chúng sanh107... Này các Tỷ-kheo5 Như Lai như thật rõ biết... chuyển bánh xe pháp. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thăng trí chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát5 Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thăng trí chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này5 Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp. Này các Tỷ-kheo5 có sáu Như Lai lực này của Như Lai; do thành tựu các lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngxru vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp. Ở đây5 này các Tỷ-kheo? nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đén như thật trí

về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đên như thật trí vê quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiêu biết của Như Lai vê quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy5 Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về quả báo tùy thuộc sở do, tùy thuộc sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Ở đây, nàỵ các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đên sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiền, về giải thoát, về định; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của thành tựu về thiền, về giải thoát, về định; tùy theo như vậy5 tùy theo như vậy5 Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiền, về giải thoát, về định.

106 Xem M. I. 70. 107 Như chú thích trên.

Ở dây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ; này các Tỷ-kheo? tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai, về nhớ đến các đời sống quá khứ; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ. Ở dây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của các chúng sanh; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự sanh diệt của các chúng sanh; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy? Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của các chúng sanh. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đên như thật trí vê sự đoạn diệt các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo9 tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự đoạn diệt các lậu hoặc; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự đoạn diệt các lậu hoặc. Ở đây, này các Tỵ-kheo? liên hệ đến như thật trí này9 về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiên định. Liên hệ đên như thật trí vê quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ5 vị lai? hiện tại, Ta tuyên bố rằng trí ây chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Liên hệ đến như thật trí về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiền, về giải thoát, về định, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không thiền định. Liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của chúng sanh, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền

định, không phải với người không có thiền định. Ở đây, này các Tỷ-kheo9 liên hệ đến như thật trí về sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta tuyên bô răng trí ây chỉ có đôi với người có thiên định, không phải với người không có thiền định. Như vậy, này các Tỷ-kheo, định là chánh đạo5 không định là tà đạo.

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 807

vn. PHẨM CHƯ THIÊN (DEVATẴVAGGA)

I. KINH QUẢ BẤT LAI (Anãgãmiphaỉasutta) (A. III. 421) 65. Do không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo5 không có thể chứng được quả Bât lai. Thê nào là sáu? Bât tín, không tàm5 không quý5 biêng nhác, thất niệm, ác tuệ. Do không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 không có thể chứng được quả Bất lai. Do đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng được quả Bất lai. Thê nào là sáu? Bât tín, không tàm, không quý, biêng nhác, thât niệm, ác tuệ. Này các Tỷ-kheo? do đoạn tận sáu pháp này, có thể chứng được quả Bất lai. n. KINH QUẢA-LA-HÁN (Arahattasutta) (A. III. 421) 66. Do không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Hôn trầm, thụy miên5 trạo cử, hối quá, bât tín, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận sáu pháp này, không có thể chứng được quả A-la-hán. 7

Do đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? có thê chứnệ được quả A-la- hán. Thế nào là sáu? Hôn trầm, thụy miên, trạo cử, hối quá, bat tín, phóng dật. Này các Tỷ-kheo9 do đoạn tận sáu pháp này? có thể chứng quả A-la-hán. III. KINH NGƯỜI BẠN (Mittasutta) (Ả. III. 422) 67. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy là ác thân hữu, ác bằng hữu, ác bạn bè; thân cận? hầu hạ, tôn kính ác thân hữu; chấp nhận tà kiến của họ, sẽ làm cho viên mãn hành trì pháp; sự kiện này không xảy ra. Không viên mãn hành trì pháp, sẽ có thể làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra. Không viên mãn Hữu học pháp, sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra. Không viên mãn các giới luật, sẽ từ bỏ dục tham, sắc tham, hay vô săc tham, sự kiện này không xảy ra. Thật vậy, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ấy là thiện thân hữu? thiện bằng hữu, thiện bạn bè; thân cận5 hầu hạ, tôn kính thiện thân hữu; chấp nhận chánh kiến của họ? sẽ làm cho viên mãn hành trì pháp; sự kiện này có xảy ra. Sau khi viên mãn hành trì pháp, sẽ có thể làm cho viên mãn Hữu học pháp? sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn Hữu học pháp, sẽ làm cho viên mãn các giới

808 KINH TĂNG CHI Bộ

luật, Sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn các giới luật sẽ từ bỏ dục tham, sắc tham, hay vô sắc tham, sự kiện này có xảy ra. IV. KINH VUI THÍCH HỘI CHÚNG (Sanganikãrãmasutta)^ (Ả. III. 422) 68. Thật vậy5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ấy ưa thích hội chúng, vui thích hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng; ưa thích đồ chúng,108 vui thích đồ 109110 chúng, chuyên tâm ưa thích đồ chúng, sẽ hoan hỷ sống một mình, sống viễn ly, sự kiện này không xảy ra. Không hoan hỷ sông một minh, sông viễn ly, vị ây sẽ nắm giữ tướng của tâm, 11° sự kiện này không xảy ra. Không nắm giữ tướng của tâm, sẽ làm cho viên mãn chánh kiến, sự kiện này không xảy ra. Không làm cho viên mãn chánh kiên, sẽ làm cho viên mãn chánh định9 sự kiện này không xảy ra. Không

làm cho viên mãn chánh định, sẽ từ bỏ các kiết sử9 sự kiện này không xảy ra. Không từ bỏ các kiết sử, sẽ chứng ngộ Niếtbàn, sự kiện này không xảy ra. Thật vậy5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ấy không ưa thích hội chung, không vui thích hội chúng, không chuyên tâm ưa thích hội chúng; không ưa thích đô chúng, không vui thích đồ chúng, không chuyên tâm ưa thích đồ chúng, sẽ hoan hỷ sông một mình, sống viễn ly, sự kiện này có xảy ra. Hoan hỷ sống một mình, sông viễn ly, vị ấy sẽ nắm giữ tướng của tâm? sự kiện này có xảy ra. Nắm giữ tướng của tâm, sẽ làm cho viên mãn chánh kiên, sự kiện này có xảy ra. Làm cho viên mãn chánh kiên, sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra. Làm cho viên mãn chánh định, sẽ từ bỏ các kiêt sử, sự kiện này có xảy ra. Từ bỏ các kiêt sử, sẽ chứng ngộ Niêt-bàn9 sự kiện này có xảy ra. V. KINH VỊ THIÊN NHÂN (Devatãsutta) (Ả, III. 423) 69. Bấy giờ có một thiên nhân,111 sau đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy bạch Thế Tôn: Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đọa. Thế nào là sáu? Tôn kính Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng? tôn kính học pháp, tôn kính thiện ngôn, tôn kính thiện bằng hữu. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đọa. Thiên nhân ấy nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Thiên nhân ấy, với ỵ nghĩ: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn5 sau khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo và nói:

108 Bản tiếng Anh của PTS: Company, nghĩa là Hội chủng. Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.23.7. 0614a). 109 Ganãrãmo. ẠA. III. 411: Suttantỉka^anãdĩsu pana ^anesu attano vã parỉsãsankhãte Q-ane ramatĩtỉ ^anãrãmo (Vị ây ưa thích nhóm người giữa hội chúng học kinh tạng, v.v... giữa nhóm người của mình hoặc với hội chúng lớn, vị ây được gọi là người ưa thích đô chúng). 110 Cỉttassa nỉmittam gahessatĩ. 111 Xem 4 III. 307; IV. 29; GS. III. 220.

—Này các Tỷ-kheo, đêm nay có một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thang chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta, rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy bạch với Ta: “C6 sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đọa. Thế nào là sáu? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học nháp, tôn kính thiện ngon, tôn kính thiện băng hữu. Sáu pháp này, bạch Thê Tôn, dắt dẫn Tỷ-kheo đi đến không thối dqa.” Này các Tỷ-kheo, vi thiên nhân ấy nói như vậy, nói như vậy xong, đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Được nghe nói như vậy, Tôn giả Sãriputta đảnh lễ Thế Tôn và thưa rằng: Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vầy: Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư và nói lời tán thán sự tôn kính bậc Đạo sư; đôi với các Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc Đạo su, họ được khích lệ trong sự tôn kính bậc Đạo sư; và đối với các Tỷ-kheo khác có tôn kính bậc Đạo su, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời... tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện băng hữu và nói lời tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu; đối với các Tỷ-kheo khác

không tôn kính thiện băng hữu, họ được khích lệ trong sự tôn kính thiện bằng hữu; và đối với các Tỷ-kheo có tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời. Bạch The Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. - Lành thay5 lành thay, này Sãriputta! Lành thay, này Sãriputta, ông đã hiểu lời nói vắn tắt này của Ta một cách rộng rãi như vậy! Ở dây, này Sãriputta, Tỵ- kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư và nói lời tán thán sự tôn kính bậc Đạo sư; đối với các vị Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc Đạo sư5 họ được khích lệ trong sự tôn kính bậc Đạo sư; và đối với các vị Tỷ-kheo khác có tôn kính bậc Đạo su, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời... tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính Tăng... tự mình tôn kính học pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện bằng hữu và nói lời tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu; đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, họ được khích lệ trong sự tôn kính thiện bằng hữu; và đối với các Tỷ-kheo khác có tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời. Này Sãriputta, lời nói văn tăt này của Ta cân phải hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. VI. KINH THIỀN ĐỊNH (Samãdhisutta)n2 (A. III. 425) 70. Thật vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy Hiông có thiền định tịch tĩnh, không đạt được khinh an thù diệu, không chứng đăc nội tĩnh nhất tâm, sẽ chứng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... nhiều thân hiện ra một than... co thê tự thân bay đen cối Phạm thiên, sự kiện này không xảy ra. Với Thiên nhĩ thuân tịnh siêu nhân sẽ nghe hai loại tiêng chư thiên và loài người, xa và gân, sự kiện này không xảy ra. Sau khi đi sâu vào tâm của các chúng sanh,*

112 Bản tiếng Anh của PTS: Psychic Power, nghĩa là Thần thông.

của loài người với tâm của mình, vị ấy sẽ rõ biết được: "Tâm có tham, biết là tâm có tham... tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát", sự kiện này không xảy ra. Sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết, sự kiện này kh6ng xảy ra. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, sẽ thấy được các chúng sanh... vị ay sẽ rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ5 sự kiện này không xảy ra. Do đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ5 chứng đạt và an trú, sự kiện này không xảy ra. Thật vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có thiền định tịch tinh, đạt được sự khinh an thù diệu, chứng đắc nội tĩnh nhất tâm, sẽ chứng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên, sự kiện này có xảy ra. Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, sẽ nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần, sự kiện này có xảy ra. Sau khi đi sâu vào tâm của các chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy sẽ rõ biết: ccTâm có tham, biết được là tâm có tham... tâm không giải thoát, biết được là tâm không giải thoát", sự kiện này có xảy ra. Vị ấy sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết, sự kiện này có xảy ra. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, sẽ thấy được các chúng sanh... vị ấy sẽ rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của hQ”sự kiện này có xảy ra. Do đoạn diệt các lậu hoặc...

sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú, sự kiện này có xảy ra. VII. KINH CHỨNG NHÂN (Sakkhibhabbasutta) (Â. IIL 426) 71. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Những pháp này113 dự phần vào thối doa99; không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú"; không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phân vào thắng tiến (visesabhãgiyă)'\ không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhap"làm việc không chu toàn; làm việc không có lợi ích. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? không có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dâu thuộc loại xứ nào. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thối đọa,9; như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú như thật rõ biết: "Những pháp nàỵ dự phần vào thắng tiến"; như thật rõ biết: "Những pháp này dự phân vào thê nhap" làm việc có chu toàn; làm việc có lợi ích.

113 Xem D. III. 277; A. II. 167; The Path ofPurity II. 103.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào. VIII. KINH SỨC MẠNH (Balasutta) (A. III. 427) 72. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong thiền định. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỵ-kheo không thiện xảo đạt được thiền định, không thiện xảo an trú được thiên định, không thiện xảo xuất khỏi thiền định, làm việc không chu toàn, làm việc không kiên trì5 làm việc không có lợi ích. -2 - Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không có thê đạt được sức mạnh trong thiên định. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong thiền định. Thế nào là sáu? Ở

Vin. PHẨM A-LA-HÁN (ARAHATTAVAGGA)

I. KINH KHỔ (Dukkhasuttd) (A. III. 429) 75. Thành tựu với sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là sáu? Với dục tầm, với sân tầm, với hại tầm, với dục tưởng, với sân tưởng, với hại tưởng. Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não5 có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là ác thú. Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là thiện thú. Thế nào là sáu? Với xuất ly [ầm, với vô sân tầm5 với bất hại tầm9 với xuất ly tưởng, với vô sân tưởng, với bất hại tưởng. Thành tựu với sáu pháp này? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là thiện thú. II. KINH QUẢA-LA-HÁN (Arahattasutta) (A. III.

430) 76. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Mạn (mãna). ty mạn (omãnam), quá mạn (atimãnam). tăng thượng mạn (adhỉmãnam), cố chấp (thambham), ty liệt mạn (aíinipãtam). Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Mạn, ty mạn, quá mạn, tăng thượng mạn, cố chấp, ty liệt mạn. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

IIL KINH THƯỢNG NHÂN PHÁP (Uttarimanussadhammasuttà) (4 III. 430) 77. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo? không có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Thế nào là sáu? Thất niệm, không tỉnh

Không đoạn tận sáu pháp này, nàỵ các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiên thù thăng xứng đáng bậc Thánh. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Thế nào là sáu? Thất niệm, không tỉnh giác, không phòng hộ các căn, tiết độ trong ăn uống, ngụy trá, hư đàm. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đánh bậc Thánh.

IV. KINH LẠC HỶ (Sukhasomanassasutta) (A. III. 431) 78. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, đối với vị ấy, nguyên nhân đã được hình thành để đoạn trừ các lậu hoặc. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ưa thích pháp, ưa thích tu tập, ưa thích đoạn trừ, ưa thích viễn ly, ưa thh không sân hận5 ưa thích không hý luận. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiêu lạc hỷ5 đôi với vị ây5 nguyên nhân đã được hình thành đê đoạn trừ các lậu hoặc. V. KINH CHỨNG ĐẮC (Adhigamasutta) (A. III. 431) 79. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo không thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay không thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không thiện xảo khi đi vào, không thiện xảo khi đi ra, không thiện xảo khi đến gần, không khởi lên ý muốn đạt được những thiện pháp chưa đạt được, không phòng hộ các thiện pháp đã được chứng dắc, không cố găng để kiên trì tiếp tục. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay không thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. Thành tựu sáu pháp? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có thê chứng đăc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. Thê nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo khi đi vào5 thiện xảo khi đi ra, thiện xảo khi đến gần, khởi lên ý muốn đạt được những thiện pháp chưa đạt được9 phòng hộ các thiện pháp đã được chứng đắc, có cố gắng để kiên trì tiếp tục. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. VI. KINH LỚN MẠNH (Mahantattasutta) (Ả. III. 432) 80. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không bao lâu chứng đạt sự lớn mạnh, sự tăng trưởng trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nhiều ánh sáng, nhiều quán hạnh, nhiều hoan hỷ5 nhiêu không tự băng lòng, không từ bỏ gánh nặng đôi với các thiện pháp, đi thẳng đến bờ bên kia. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không bao lâu chứng đạt sự lớn mạnh, sự tăng trưởng trong các thiện pháp. VIL KINH ĐỊA NGỤC THỨ NHẤT (Pathamanirayasuttd) (A. III. 432) 81. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là sáu? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo, ác dục và tà kiến. Thành tựu sáu pháp này, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là sáu? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, không ác dục và chánh tri kiến. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời. VIII. KINH ĐỊA NGỤC THỨ HAI (Dutiyanirayasutta) (A. III. 433) 82. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là sáu? Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác ngữ, nói lời phù phiếm, tham dục và nói lời táo bạo5 trắng trợn. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu sáu pháp? này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là sáu? Từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lơi thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham dục và không nói lời táo bạo, trắng trợn. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời. IX. KINH PHÁP TỐI THƯỢNG (Aggadhammasutta) (À. III. 433) 83. Thành tựu sáu pháp này5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có lòng tin5 không có lòng xấu hổ5 không có lòng sợ hãi tội lỗi? biếng nhác, ác tuệ9 thân và mạng có nhiều ước vọng. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo không có thê chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng xấu hổ, có lòng sợ hãi tội lôi, tinh cân tinh tân, có trí tuệ5 thân và mạng không có ước vọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

X. KINH NGÀY VÀ ĐÊM (Rattidivasasutta) (4 III. 434) 84. Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp? này các Tỷ-kheo? thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự thối đọa trong các thiện pháp, không có tăng trưởng. Thế nào là sáu? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có dục lớn, có hiềm hận và không bằng lòng với bất cứ những vật dụng cần thiết nào như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa? các dược phẩm trị bệnh; không có lòng tin; ác giới; biếng nhác; thất niệm; ác tuệ. Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự thối đọa trong các thiện pháp. Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không có thối đọa. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có dục lớn, không có hiềm hận và bằng lòng với bất cứ vật

dụng càn thiết nào như y áo? đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh; có lòng tin; có thiện giới; tinh cần tinh tấn; có niệm; có trí tuệ. Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không có thối đọa.

IX. PHẨM MÁT LẠNH (SĨTIVAGGA)

L KINH MÁT LẠNH (Sĩtìbhãvasuttà) (Å. III. 435) 85. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi nào tâm cần phải hạn chế, khi ấy lại không hạn chê tâm; khi nào tâm cân phải phân chân, khi ây lại không phân chân tâm; khi nào tâm cân phải làm cho hoan hỷ, khi ây lại không làm cho tâm hoan hỷ; khi nào tâm cần phải trú xả? quán sát, khi ây lại không làm cho tâm trú xả, quán sát; xu hướng về hạ liệt; hoan hỷ thân kiên. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi nào tâm cần phải hạn chế, khi ấy hạn chế tâm; khi nào tâm cần phải phấn chấn, khi ấy phấn chấn tâm; khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ây làm cho tâm hoan hỷ; khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy làm cho tâm trú xả, quán sát; xu hướng về thù thăng; hoan hỷ Niết-bàn. Thành tựu sáu pháp này, này các T-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. II. KINH CHƯỚNG NGẠI (Ẵvaranasutta) (A. III. 435) 86. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo? dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Thành tựu nghiệp chướng, thành tựu phiên não chướng, thành tựu dị thục chướng, không có lòng tin, không có ước muôn và ác tuệ. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thê bước vào quyêt định tánh trong các thiện pháp. Thành tựu sáu pháp này5 này các Tỷ-kheo, nếu có nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Không thành tựu nghiệp chướng, không thành tựu phiên não chướng, không thành tựu dị thục chướng, có lòng tin, có ước muốn và có trí tuệ. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? nêu có nghe Diệu pháp, có thê bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

III. KINH ĐOẠT MẠNG (Voropitasuttd)^ (4 III. 436) 87. Thành tựu sáu pháp? này các Tỷ-kheo, dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Đoạn mạng sống của mẹ; đoạn mạng sống của cha; đoạn mạng sống của A-la- hán; với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu; phá hòa hiệp Tăng; ác tuệ, si mê, câm ngọng. Thành tựu sáu pháp này5 này các Tỷ-kheo, dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo? nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Không đoạn mạng sống của mẹ; không đoạn mạng sống của cha; không đoạn mạng sống của A-la-hán; không với ác tâm làm thân

Như Lai chảy máu; không phá hòa hợp Tăng; có trí tuệ5 không si mê? không câm ngọng. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. IV. KINH KHÔNG ƯA NGHE (Sussũsatỉsuttd) (4 IIL 437) 88. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo? dầu được nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không có ưa nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm liễu giải, nắm giữ điều không lợi ích, bỏ qua điều lợi ích, không thành tựu tùy thuận nhẫn nhục. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? dầu được nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thành tựu sáu pháp này5 này các Tỷ-kheo, nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyêt giảng, có ưa nghe, có lóng tai, có an trú tâm liễu giải, nắm giữ điều lợi ích, bỏ qua điều không lợi ích, thành tựu tùy thuận nhẫn nhục. Thành tựu sáu pháp này5 này các Tỷ-kheo? nêu được nghe Diệu pháp, có thê bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

V KINH CHƯA ĐOẠN TẬN (Appahãyasutta)U5 (4 III. 438) 89. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo? không có thể chứng tri kiến đầy đủ. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ. Thành tựu sáu pháp này? này các Tỷ-kheo, không có thể chứng tri kiến đầy đủ.

114 Bản tiếng Anh của PTS: The Stop ofAction, nghĩa là Dừng nghiệp. 115 Bản tiếng Anh của PTS: To Be Given up, nghĩa là cần phải đoạn tận.

818 e KINH TĂNG CHI BỘ

Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo9 có thể chứng tri kiến đầy đủ. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ5 sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng tri kiến đầy đủ.

VI. KINH ĐOẠN TẬN (Pahĩnasutta) (4 III. 438) 90. Sáu pháp, này các Tỷ-kheo, được người đầy đủ tri kiến đoạn tận. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ? tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ. Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, được người đây đủ tri kiên đoạn tận. VII. KINH KHÔNG THÈ (Abhabbasuttà)n6 (A. III. 438) 91. Một người đầy đủ tri kiến, này các Tỷ-kheo? không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ. Một người đầy đủ tri kiến, này các Tỷ-kheo, không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp này. VIII. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THẺ THỨ NHẤT (PaỊhamaabhabbaỊthãnasắttay11 (Â. III. 438) 92. Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu? Người đầy đủ tri kiến kh6ng thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; người đầy đủ tri kiến kh6ng thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; người đây đủ tri kiên không thê sống không tôn kính, không tùy thuận học pháp; người đầy đủ tri kiến không thể rơi trở lại vào 118 người đầy đủ tri kiến không thể làm cho những vấn đề

không nên trở lại;116 117 sanh khởi hữu thứ tám. Này các Tỷ-kheo? đây là sáu trường hợp không thể xảy ra. IX. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THẺ THỨ HAI (DutiyaabhabbaỊỊhãnasutta)119 (4 III. 439) 93. Này các Tỷ-kheo? có sáu trường hợp không thê xảy ra. Thê nào là sáu? Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn; người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc; người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã; người đầy đủ tri kiến

116 Bản tiếng Anh của PTS: Cannot be Framed^ nghĩa là Không thể làm cho sanh khởi. 117 Bản tiếng Anh của PTS: The Teacher, nghĩa là Bậc Đạo sư. 118 Anãgamariĩyarn vatthum paccãganturn. AA. III. 414: Anãgamanĩyarn vatthuntỉ anupagantabbam karanarn, pancannam verãnam dvasatthiya ca ditthigatanametarn adhivacanam ("Những vấn đề không nên trở lại nghĩa là 5 tội ngũ nghịch và 62 ta kiên). Xem A. I. 27; III. I/O; GS. III. 129. 119 Bản tiếng Anh của PTS: Any Phenomenon, nghĩa là Bất kỳ hiện tượng nào.

không thể làm hành động vô gián; người đầy đủ tri kiến không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt; người đầy đủ tri kiến không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra. X. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THẺ THỨ BA (Tatiyaabhabbatthãnasũtta)i2Q (A. III. 439) 94. Này các Tỷ-kheo5 có sáu trường hợp này không thê xảy ra. Thê nào là sáu? Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ; người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của cha; người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của vị A-la-hán; người đầy đủ tri kiến không thể với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu; người đầy đủ tri kiến không thể phá hòa hợp Tăng; người đầy đủ tri kiên không thể đề cử một vị Đạo sư khác. Này các Tỷ-kheo5 có sáu trường hợp này không thể xảy ra. XI. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THẺ THỨ TƯ (Catutthaabhabbatthanasuttd)120 121 (A. III. 440) 95. Này các Tỷ-kheo? có sáu trường hợp này không thê xảy ra. Thê nào là sáu? Người đầy đủ tri kiến khôna thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ do tự mình làm;122 người đầy đủ tri kiển không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ do người khác làm; người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ do tự mình làm? do người khác làm; người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh;123 người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh; người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo? đối với người có đầy đủ tri kiến, nhân (hetu) và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy. Này các Tỷ-kheo5 có sáu trường hợp này không thê xảy ra.

120 Bản tiếng Anh của PTS: His Mother, nghĩa là Mẹ của vị ấy. 121 Bản tiếng Anh của PTS: Self-wrought, nghĩa là Tự làm. 122 Sayamkatam và asayamkatarn. Xem kammassaka trong A. III. 71; GS. III. 59 và attakãra trong A. III. 336; GS. IỈL 237. 123 Xem D III. 138; s. II. 19; %. 69.

X. PHẨM LỢI ÍCH (ẴNISAMSAK4GGA)

I. KINH Sự XUẤT HIỆN (Pãtubhãvasutta) (4 III. 441) 96. Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời. Thế nào là sáu? Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời; sự xuất hiện của người thuyết giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết khó tìm được ở đời; sự tái sanh trong Thánh xứ124 khó tìm được ở đời; không khiếm khuyết các căn125 khó tìm được ở đời; không si mê5 không câm ngọng khó tìm được ở đời; ước muốn thiện pháp khó tìm được ở đời. Này các Tỷ-kheo5 sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời.

II. KINH CÁC LỢI ÍCH (Ẵnisamsasuttà) (Ả. IIL 441) 97. Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lira. Thế nào là sáu? Sự quyết định đối với Diệu pháp (Saddhammaniyato) không bị thối đọa5 không bị đau khổ; làm các việc bị sanh tử126 hạn chế; thành tựu trí tuệ; không cùng chia sẻ với các dị sanh;127 nguyên nhân được khéo thấy, và các pháp do nhân sanh được khéo thấy. Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu. III. KINH VÔ THƯỜNG (Aniccasutta) (A. III. 441) 98. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận,128 sự kiện này không xảy ra. Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định5129 sự kiện này không xảy ra. Không nhập vào chánh tánh quyết định9 sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả Alahán, sự kiện này không xảy ra.

14 Arìyãyạtane. ẠA. III. 414: Arỉyãyatanetỉ majjhimadese ("Trong Thánh xứ" tức chỉ cho vùng Trung
Ấn, nơi bắt nguồn của đạo Phật).

125 Indrỉyãnam avekallatã.

126 Parỉyantakatassa dukkham na hoti.

127 Asãdhãranena nãnena samannãgato.

128 Anulomỉkãya khantỉyã.

129 Sammattanỉyãmam okkamissatỉ.

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiện này có xảy ra. Thành tựu nhân nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra. Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhât lai? quả Bất lai? hay quả A-la-hán9 sự kiện này có xảy ra. IV. KINH KHỔ (Dukkhasuttà) (4 III. 442) 99. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đôi cân thiêt). V KINH VÔ NGÃ (Anattasutta) (A. III. 442) 100. Thật vậy9 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là ngã, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết). VI. KINH NIÉT-BÀN (Nibbãnasutta) (Ả. III. 442) 101. Thật vậy9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiện này không xảy ra... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

VII. KINH KHÔNG AN TRÚ (Anavatthitasuttd)^ (Ả. III. 443) 102. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường, không có hạn chê trong tât cả hành. Thê nào là sáu? Tất cả hành hiện ra với tôi (me khãyissanti), không có an trú; ý của tôi không ưa thích tat cả the giới; ý của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; ý của tôi sẽ nghiêng về Niết-bàn; các kiết sử của tôi đi đến đoạn diệt; và tôi sẽ thành tựu tối thượng Sa-môn hạnh. Thấy được sáu lợi ích này5 này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường, không có hạn chế trong tất cả hành. VIII. KINH ĐÃ RÚT KIẾM RA (Ukkhittãsikasuttă) (Ả. III. 443) 103. Thấy được sáu lợi ích? này các Tỷ-kheo5 thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu? Trong tất cả hành, tưởng nhàm chán sẽ được an trú trong tôi? ví như kẻ giết người đang đưa dao lên chém; ý của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; tôi sẽ trở thành một người thấy được tịnh lạc trong Niêt-bàn; các tùy miên trong tôi sẽ được nhô lên; tôi sẽ la người đã lam cac việc nen làm; toi sẽ với từ tâm hâu hạ130 131 bậc Đạo sư. Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo; thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ5 không có hạn chế trong tất cả hành.

130 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (103, 104) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Without Reserve, nghĩa là Không duy trì. 131 Paricinno bhavỉssatỉ mettãvatãya.

IX. KINH KHÔNG Dự PHẦN TRONG ẤY (Atammayasutta) (A. III. 444) 104. Thấy được sáu lợi ích5 này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã? không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu? Trong tất cả thế giới, tôi sẽ không dự phần vào trong ấy; cái gì tạo ra cái “t6i" trong tôi sẽ được chặn đứng; cái gì tạo ra cái “ciỉa t6i" trong tôi sẽ được chặn đứng; tôi sẽ thành tựu trí không cùng chia sẻ với người khác;132 nguyên nhân được tôi khéo thấy; và các pháp do nhân sanh được tôi khéo thấy. Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã? không có hạn chế trong tất cả hành.

X. KINH HỮU (Bhavasutta) (A. III. 444) 105. Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này133 cần phải đoạn tận, cần phải được học tập trong ba học pháp. Thế nào là ba hữu cần phải đoạn tận? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ba hữu này cần phải đoạn tận. Ba học pháp nào, cần phải học tập? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học? tăng thượng tuệ học. Ba học pháp này5 cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận ba hữu này, đã học tập trong ba học pháp này, Tỷ-kheo ây, này các Tỷ-kheo5 được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái9 đã giải tỏa kiết sử do chơn chánh thực hiện quán kiêu mạn (mãnãbhisamayã), đã đoạn tận khổ đau. XL KINH KHÁT ÁI (Tanhãsutta) (A. III. 445) 106. Này các Tỷ-kheo9 ba khát ái và ba mạn này cần phải đoạn diệt. Thế nào là ba khát ái cần phải đoạn diệt? Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Ba khát ái này cần phải đoạn diệt. Thế nào là ba mạn cần phải đoạn diệt? Mạn, tùy mạn, quá mạn. Ba mạn này càn phải đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận ba khát ái và ba mạn này, vị này, này các Tỷ-kheo5 được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử, do chơn chánh hiện quán kiêu mạn5 đã đoạn tận khổ đau.

132 Asãdhãranena ca nãnena. 133 XemD III. 216, 219.

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 823

XL PHẢMBAPHÁP (TIKAK4GGA)

L KINH THAM (Rãgasuttd) (4 III. 445) 107. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Tham, sân, si, này các Tỷ-kheo5 có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận tham, quán bất tịnh cần Ẹhải tu tập; để đoạn tận sân, quán từ tâm cần phải tu tập; để đoạn tận si, trí tuệ can phải tu tập. Để đoạn tận ba pháp này9 này các Tỷ-kheo? ba pháp này cần phải tu tập. II. KINH ÁC HÀNH (Duccarítasutta) (A. III. 446) 108. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Đê đoạn tận ba pháp này, ba pháp cân phải tu tập. Thê nào là ba? Đê đoạn tận thân ác hành, thân thiện hành cân phải tu tập; đê đoạn tận khâu ác hành, khâu thiện hành cân phải tu tập; đê đoạn tận ý ác hành, ý thiện hành cân phải tu tập. Đê đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cân phải được tu tập. III. KINH SUY TẦM (Vỉtakkasutta) (A. III. 446) 109. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Dục tầm, sân tầm, hại tầm, này các Tỷ-kheo? có ba pháp này. Đê đoạn tận ba pháp này, ba pháp cân phải tu tập. Thê nào là ba? Đê đoạn tận dục tâm, xuất ly tâm cân phải tu tập; đê đoạn tận sân tâm, vô sân tâm cân phải tu tập; để đoạn tận hại tầm, bất hại tầm cần phải tu tập. Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 ba pháp này cần phải tu tập. IV. KINH TƯỞNG (Sannasutta) (A. III. 446) 110. (Như kinh 109, chỉ thay thế "tưởng"). V. KINH GIỚI (Dhãtusutta) (A. III. 447) 111. (Như kinh 109, chỉ thay thế "gi&i”). VI. KINH THỎA MÃN (Assãdasutta) (A. III. 447) 112. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Thỏa mãn kiến (assãdaditthí). tùy ngã kiên (attãnuditthí), tà kiên (micchãditíhi), này các Tỷ- kheo, có ba pháp này.

824 KINH TĂNG CHI Bộ

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận thỏa mãn kiến, tưởng vô thường cần phải tu tập; để đoạn tận tùy ngã kiến, tưởng vô ngã cần phải tu tập; để đoạn tận tà kiến, chánh kiến càn phải tu tập. Đẻ đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? ba pháp này cần phải tu tập.

VII. KINH BẤT LẠC (Aratìsutta) (A. III. 448) 113. Này các Tỷ-kheo? có ba pháp này. Thế nào là ba? Bất lạc, hại, phi pháp hành, này các Tỷ-kheo5 có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này, nàỵ các Tỷ-kheo? ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Đe đoạn tận bất lạc9 hỷ can phải tu tập; để đoạn tận hại, bất hại cần phải tu tập; để đoạn tận phi pháp hành, pháp hành cần phải tu tập. Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập. VIII. KINH BIẾT ĐỦ (SantuỊỊhitãsutta) (A. III. 448) 114. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Không biết đủ? không tỉnh giác, có nhiều dục? này các Tỷ-kheo? có ba pháp này. Đê đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? ba pháp này cân phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận không biết đủ, biết đủ cần phải tu tập; để đoạn tận không tỉnh giác5 tỉnh giác cần phải tu tập; để đoạn tận có nhiều dục, ít dục cần phải tu tập. Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 ba pháp này cần phải tu

tập. IX. KINH ÁC NGÔN (Dovacassatãsutta) (A. III. 448) 115. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thê nào là ba? Ac ngôn (dovacassatã). ác bằng hữu (pãpamittatã), tâm dao động (cetaso vikkhepo), này các Tỷ-kheo5 có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận ác ngôn, thiện ngôn cân phải tu tập. Đê đoạn tận ác bằng hữu, thiện bằng hữu cần phải tu tập. Để đoạn tận tâm dao động, niệm hơi thở vào hơi thở ra cần phải tu tập. Đê đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? ba pháp này cân phải tu tập. X. KINH TRẠO cử (Uddhaccasutta) (Ả. III. 449) 116. Này các Tỷ-kheo9 có ba pháp này. Thế nào là ba? Trạo cử, không bảo vệ5 phóng dật, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này5 ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận trạo cử, chỉ cần phải tu tập; để đoạn tận không bảo vệ, bảo vệ cần phải tu tập; để đoạn tận phóng dật5 không phóng dật cần phải tu tập. Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 ba pháp cần phải tu tập.

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 825

XII. PHẨM SA-MÔN (SÂMANNAVAGGA)134135

I. KINH QUÁN THÂN (Kãyãnupassĩsutta)ỉ35 (A. III. 449) 117. Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không thể trú quán thân trên thân. Thế nào là sáu? ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn9 không tiết độ trong ăn uống. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận sáu pháp này, không thể trú quán thân trên thân. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc5 ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân. n. KINH QUÁN PHÁP (Dhammãnupassĩsutta) (A. IIL 450) 118. Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo? không có thể quán thân trên thân... trên nội thân... trên ngoại thân... trên nội ngoại thân... trên các cảm thọ... trên các nội thọ... trên các ngoại thọ... trên các nội ngoại thọ... trên tâm... trên nội tâm... trên ngoại tâm... trên các nội ngoại tâm... trên các pháp... trên các nội pháp... trên các ngoại pháp... trên các nội ngoại pháp. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc5 ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống. Đoạn tận sáu pháp ĩiày, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán pháp trên các nội ngoại pháp. IIL KINH TAPUSSA (TapussasuttaY36 (Ắ. III. 450) 119. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo? gia chủ Tapussa137138 đi đến cứu cánh nơi Như Lai, 138 sống thấy được bất tử, chứng ngộ bat tử. Thế nào là sáu? Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp5

134 Bản tiếng Anh của PTS: The Recital, nghĩa là Trùng tụng. 135 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Contemplation, nghĩa là Quản. 136 Tên kinh này và nhóm 20 kinh kế tiếp (120-139) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: He Sees the Deathless, nghía là Thấy được bất tử. 137 Ở đây đề cập đến một số cư sĩ đã chứng ngộ được Niết-bàn. Xem GS. L 22. 138 Tathãgate nitthangato.

với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 gia chủ Tapussa đi đến cứu cánh nơi Như Lai, sông thây được bât tử, chứng ngộ bât tử. IV-XXIII. NHÓM KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BHALLIKA (Bhallikãdisuttãnỉ) (Ả. III. 451) 120-139. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, gia chủ Bhallika139... gia chủ Sudatta Anãthapindika... gia chủ Citta Macchikãsandika... gia chủ Hatthaka ÃỊavaka... gia chủ Mahãnãma Sakka... gia chủ Ugga người Vesãli... gia chủ Uggata... gia chủ Sũra Ambattha... gia chủ Jĩvaka Komãrabhacca... gia chủ Nakulapitã... gia chủ Tavakannika... gia chủ Pũrana... gia chủ Isidatta... gia chủ Sandhãna... gia chủ VỊjaya... gia chủ Vạjjiyamãhita... gia chủ Mendaka... cư sĩ Vãsettha... cư sĩ Arittha... cư sĩ Sãragga, đi đến Cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử. Thế nào là sáu? Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật? với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo5 cư sĩ Sãragga, đi đến Cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử.

139 về Pũrana và Isidatta, xem 4III. 347, GS. III. 246; về Mendaka, xem 4 III. 36, GS. III. 28; veArittha, xem KS. V. 278; về Vãsettha, xem D. III. 80, M. II. 169; về Sandhãna, xem DA. I. 45; về Bhallika, xem GS.III.313,n.3.

xni. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RẴGAPEYYẢLA)^ (1III. 451)

140. Để thắiig tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu? Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học pháp vô thượng, phục vụ vô thượng, tùy niệm vô thượng. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. 141. Đê thăng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cân phải tu tập. Thê nào là sáu? Tùy niệm Phật,140 141 tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm thí, tùy niệm thiên. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. 142. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu? Tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ5 tưởng đoạn tận5 tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Đê thăng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cân phải tu tập. 143-169. Này các Tỷ-kheo? để liễu tri tham... để đoạn diệt... để đoạn tận... đế trừ diệt... đế làm cho tàn tạ... đế ly tham... đế trừ bỏ... đế từ bỏ... đế xả bỏ tham... sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu?... (Như kinh 140-142). 170-649. Này các Tỷ-kheo5 để thắng tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... giả dối... não hại... tật đố... xan lẫn... lừa đảo... man trá... ngoan cố... bồng bột [hung hăng]... mạn... tăng thượng mạn... kiêu... phóng dật... để liễu tri... đê đoạn diệt... đê trừ diệt... đê làm cho tàn tạ... đê ly tham... đê trừ bỏ... đê từ bỏ... xả bỏ... sáu pháp này cần phải tu tập. Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

140 Xem 4 III. 276; GS. III. 200. Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh này được viết tiếp theo Chapter XII. The Recital, nghĩa là Trùng tụng. 141 Xem 4 III. 282; GS. III. 204.

CHƯƠNG VII BẢY PHÁP (SATTAKANIPÃTA)

LPHẢMTÀISẢN (DHANAE4GGA)

I. KINH ĐƯỢC ÁI Mộ THỨ NHẤT (PaỊhamapiyasutta) (A. IV. 1) 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Săvatthi, Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Tại đây, The Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. — r _ rr^ 7 , 1 , 1 _ _ , A j, F FT^1_ A HP A FT^-I A rry f 1 Các Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, không được khả ý? không được kính trọng, không được bắt chước tu tập theo.12Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo ưa muốn lợi dưỡng, ưa muốn tôn kính, ưa muốn được tán thán,2 không có xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi, ác dục và tà kiến. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, không được khả V, không được kính trọng, không được bắt chước tu tập theo. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ? được khả ý, được kính trọng, được bắt chước tu tập theo. Thế nào là bảy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa muốn lợi dưỡng, không ưa muốn tôn kính, không ưa muốn được tán thán, có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, ít dục và chánh kiến. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ5 được khả ý5 được kính trọng, được bắt chước tu tập theo.

1 Abhãvanĩya. Xem GS. III. 87. 2 Anavannattỉkãma. Xem 4 II. 240; It. 72.

II. KINH ĐƯỢC ÁI Mộ THỨ HAI (Dutìyapiyasutta) (A. IV. 2) 2. (Như kinh 1, chỉ thay hai pháp cuối "tật đố và xan tham" với "không tật đố và không xan tham^,). III. KINH CÁC SỨC MẠNH TÓM TẮT (Samkhittabalasutta)3 (A. IV. 3) r r 3. Này các Tỷ-kheo, có bảy sức mạnh này. Thê nào là bảy? Tín lực, tân lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.45Này các Tỷ-kheo5 có bảy sức mạnh này. Tín lực và tấn lực, Tàm lực và quý lực, Niệm lực và định lực, Tuệ lực là thứ bảy; Tỷ-kheo với lực này, Sống hiền trí an lạc, Như lý suy tư pháp/ Quán rõ đích trí tuệ5 Như ngọn lửa tàn diệt,67 Với tâm được giải thoát. IV. KINH CÁC SỨC MẠNH QUẢNG THUYẾT (Vìtíhatabalasuttẩỹ (Ả. IV. 3) 4. Này các Tỷ-kheo? có bảy sức mạnh này. Thế nào là bảy? Tín lực? tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực5 tuệ lực. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tín lực? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Bây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6n." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 vị Thánh đệ tử sống tinh càn tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, làm sanh khởi các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn lực. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tàm lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng xấu hổ, xấu hổ với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, xấu hổ vì đã thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tàm lực.

3 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.688-690. 0187c27-0188al2). 4 Xem4 II. 141; III. 10; D III. 229, 253; M. II. 12; 5. V. 193.

5 Xem s. I. 34. 6 XemA. I. 236; D. II. 157; s. I. 159; Thag. V. 906; Thĩg. V. 116. 7 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.691. 0188al9).

Và này các Tỷ-kheo? thế nào là quý lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi5 sợ hãi tội lỗi đối với thân làm ác? miệng nói ác, ý nghĩ ác, sợ hãi tội lỗi vì thành tựu các pháp ác5 bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quý lực. Và này các Tỷ"kheo, thế nào là niệm lực? Ở dây, này các Tỷ~kheo? vị Thánh đệ tử đầy đủ niêm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ? tùy niệm (saritã anussaritã) những điêu làm đã lâu, nói đã lâu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ly dục, ly các pháp ác? bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.8 Này các Tỷ-kheo? đây gọi là định lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu với sự thể nhập thuộc bậc Thánh đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực. Các

8Xem^.IV.4O9. 9 Xem4 I. 210; IV. 212; D. III. 163; M. III. 99.

M A M Mạng sông không trông rông. Do vậy5 tín và giới, Tịnh tín và thấy pháp, Bậc trí chuyên chú tâm, ức niệm lời Phật dạy.10 VI. KINH CÁC TÀI SẢN QUẢNG THUYẾT (Vỉtthatadhanasutta) (Ắ. IV. 5) 6. Này các Tỷ-kheo, có bảy tài sản này. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài9 tuệ tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín tài? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6n." Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tín tài. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là giới tài? Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men rượu nâu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tàm tài? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có xấu hổ? xấu hổ đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; xâu hô vì đã thành tựu các pháp ác, bât thiện. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tàm tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý tài? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi9 sợ hãi tội lỗi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; sợ hãi tội lỗi vì thành tựu các pháp ác5 bất thiện. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là quý tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là văn tài? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử nghe nhiều,11 gìn giữ những gì đã nghe5 chất chứa những gì đã nghe; những pháp ây sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ5 thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là văn tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí tài? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử với tâm từ bỏ cấu uế, xan tham, sống tại gia12 phóng xả5 với bàn tay rộng mở, ưa thích

xả bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích san sẻ vật bố thí. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thí tài. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ tài?

10 Xem 4 II. 57; s. I. 232; Thag. V. 509. 11 Xem 4 II. 23; D. III. 267; M. III. 11; Vin. II. 95. 12 Xem 4 I. 226, II. 66; V. 331; s. V. 351.

Ở dây, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử có trí tuệ9 có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu với sự thể nhập thuộc bậc Thánh đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tuệ tài. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bảy tài sản. Tín tài và giới tài, Tàm tài và quý tài, Văn tài và thí tài, Tuệ tài là thứ bảy. Ai có những tài này5 Nữ nhân hay nam nhân, Được gọi không nghèo khổ, Mạng sống không trống rỗng. Do vậy, tín và giói, Tịnh tín và thấy pháp, Bậc trí chuyên chú tâm, ức niệm lời Phật dạy. VII. KINH UGGA (Uggasutta) (Ả. IV. 6) 7. Bấy giờ5 Ugga, yị đại thần của vua,13 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngoi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Ugga, vị đại thần của vua, bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Giàu CÓ đên như vậy, đại phú đên như vậy9 tài sản nhiêu đên như vậy, bạch Thê Tôn, là Migãra Rohaneyya. Này Ugga, Migãra Rohaneyya14 giàu có đến mức nào, đại phú đến mức nào? tài sản nhiều đến mức nào? —Bạch Thế Tôn, về vàng có đến trăm trăm ngàn, còn nói gì về bạc! —Này Ugga, đây có thể là tài sản chăng? Không phải Ta đã nói rằng đây không phải là tài sản? Tài sản ấy bị chi phôi (sãdhãranam) bởi lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các người thừa tự thù địch.15 Bảy tài sản này, này Ugga, không bị lửa? nước, vua chúa, ăn trộm, các người thừa tự thù địch chi phối. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài5 tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài. Bảy loại tài sản này, này Ugga, không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các người thừa tự thù địch chi phối. Tín tài và giới tài5 Tàm tài và quý tài, Văn tài và thí tài, Tuệ tài là thứ bảy.

13 Chủ giải'. Chỉ cho vua nước Kosala. 14 Chủ giải\ Cháu của Rohana Chetty, mẹ là Visãkhã. 15 Xem M. I. 86; s. I. 90.

Ai có tài sản này, Nữ nhân hay nam nhân, Người ấy là đại phú, Thiên nhân giới khó thắng. Do vậy, tín và giới, Tịnh tín và thấy pháp, Bậc trí chuyên chú tâm, ức niệm lời Phật dạy. VIII. KINH CÁC KIẾT sử (Samyojanasutta) (A, IV. 7) 8. Này các Ty-kheo, có bảy kiết sử16 này. Thế nào là bảy? Tùy tham kiết sử, sân kiết sử, kiến kiết sử, nghi kiết sử, mạn kiêt sử, hữu tham kiêt sử, vô minh kiết sử. Này các Tỷ-kheo, có bảy kiêt sử này. IX. KINH ĐOẠN TẬN (Pahãnasutta) (A. IV. 7) _ .(9. Này các Tỷ-kheo5 do đoạn tận, do căt đứt bảy kiêt sử? Phạm hạnh được sông. Thê nào là bảy? Do đoạn tận, căt đứt tùy tham kiêt sử, Phạm hạnh được sông... sân kiêt sử... kiên kiêt sử... nghi kiêt sử... mạn kiêt sử... hữu tham kiêt sử... do đoạn tận, do cắt đứt vô minh kiết sử, Phạm hạnh được sống. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận5 do căt đứt bảy kiêt sử này5 Phạm hạnh được sống. Này các Tỷ-kheo? khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận tùy tham kiết sử, cắt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử, chơn

chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.

X. KINH XAN THAM (Maccharíyasutta) (A. IV. 8) 10. Này các Tỷ-kheo, có bảy kiết sử này. Thế nào là bảy? Tùy tham kiết sử, sân kiết sử, kiên kiết sỉr, nghi kiết sử, mạn kiết sử, tật đố kiết sử, xan tham kiết sử. Này các Tỷ-kheo, có bảy kiết sử này.

16 Xem Dili. 254.

n. PHẨM TÙY MIÊN (ANUSAYAVAGGA)

L KINH TÙY MIÊN THỨ NHẤT (Pathamaanusayasutta)11 (A. IV. 9) 11. Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên. Thế nào là bảy? Dục tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên5 mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên. Này các Tỷ-kheo? có bảy tùy miên này. II. KINH TÙY MIÊN THỨ HAI (Dutìyaanusayasutta) (4 IV. 9) 12. Này các Tỷ-kheo? do đoạn tận? do căt đứt bảy tùy miên này, Phạm hạnh được sông. Thê nào là bảy? Do đoạn tận, do căt đứt dục tham tùy miên, Phạm hạnh được sống... sân tùy miên... kiến tùy miên., nghi tùy miên... mạn tùy miên... hữu tham tùy miên... do đoạn tận5 do cắt đứt vô minh tùy miên, Phạm hạnh được sống. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận5 do cắt đứt bảy tùy miên này, Phạm hạnh được sống. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận dục tham tùy miên... vô minh tùy miên, cắt đứt tận gốc rễ9 làm cho như thân cây Sãla9 làm cho không thê tái sanh, làm cho không thê sanh khởi trong tương lai, này các Tỷ-kheo9 đây gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái? đã giải tỏa tùy miên, chơn chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau. III. KINH GIA ĐÌNH (Kuỉasutta) (A. IV. 10) 13. Này các Tỷ-kheo? gia đình nào thành tựu bảy chi phần này, nếu chưa đên thăm thời không xứng đáng đê đi đên; nêu đã đên thăm thời không xứng đáng để ngồi xuống. Thế nào là bảy? Không vui vẻ đứng dậy; không vui vẻ chào đón; không vui vẻ mời ngôi; có chô ngôi đem giâu đi; từ đô nhiêu, họ cho ít; từ đô thù thăng, họ cho đô thô xâu; họ cho không có kính trọng, không có kính lễ. Này các Tỷ-kheo? gia đình nào thành tựu bảy chi phân này, nêu chưa đên thăm thời không xứng đáng để đến; nếu đã đến thời không xứng đáng để ngồi xuống. Này các Tỷ-kheo5 gia đình nào thành tựu bảy chi phần này5 nếu chưa đến thăm thời xứng đáng để đi đến; nếu đã đến thăm thời xứng đáng để ngồi xuống. Thế nào là bảy? Vui vẻ đứng dậy; vui vẻ chào đón; vui vẻ mời ngồi; không đem17

17 Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: Tăng.(T02. 0125.40.3. 0738c20).

giấu chỗ ngồi; từ đồ nhiều, họ cho nhiều; từ đồ thù thắng, họ cho đồ thù thắng; họ cho có kính trọng, có kính lễ. Này các Tỷ-kheo5 gia đình nào thành tựu bảy chi phần này, nếu chưa đến thăm thời xứng đáng đê đi đến; nếu đã đến thăm thời xứng đáng để ngồi xuống. IV. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI (Puggaỉasutta)^ (À. IV. 10) 14. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Câu phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Kiến chí, Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín

hành. Bảy hạng người này? này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở dời. V. KINH VÍ DỤ VỚI NƯỚC (Udakũpamãsuttay9 (4 IV 11) 15. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người lặn một lần rồi chìm luôn. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống. Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người sau khi nổi lên được đứng lại. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên lại nhìn và thấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên lại bơi tới. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên đạt được chỗ có chân đứng. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên, bơi qua đến bờ bên kia, lên đứng trên đất liền, là một vị Bà-la-môn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người lặn một lần rồi chìm luôn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hoàn toàn thành tựu với các pháp đen, bất thiện. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng người lặn một lần rồi chìm luôn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng xấu hổ trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp. Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

18 XemPz/g. VII. 2. 19 Tham chiếu: Tăng.2. 0125.39.3. 0729c24); Thủy dụ kinh (roi. 0026.4. 0424al3); Hàm thủy dụ kỉnh (roi. 0029. 0811a01).

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp." Lòng tin ấy của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Lòng xấu hổ đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Lòng sợ hãi tội lỗi đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Sự tinh tấn đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Trí tuệ đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Như vậy5 này các Tỷ-kheo là hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hạng người sau khi nổi lên được đứng lại? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ như sau: "Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng hổ thẹn trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp. Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp. Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp.” Lonjg tin đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Lòng hổ thẹn đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Lòng sợ hãi tội lỗi đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Sự tinh tấn đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Trí tuệ đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là hạng người sau khi nổi lên được đứng lại. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại nhìn và thấy? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng hổ thẹn trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện phảp. Lành thay! Sự tinh tân trong các thiện pháp. Lành thay! Trí tuệ trong các thiện phSp.” Vị ấy, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc5 quyết chắc chứng ngộ Bồ-đề.20 Như vậy5 này các

Tỷ-kheo9 là hạng người sau khi nổi lên, lại nhìn và thấy. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại bơi tới? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng hổ thẹn trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp. Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

2° Xem4 1. 232; D. L 156; M III. 81; s. V. 193.

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp." Vị ấy, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm muội lược tham sân si, là bậc Nhất Lai, còn trở lui đời này một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau.2122Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên lại bơi tới. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại đạt được chân đứng? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng xấu hổ trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp. Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp. Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp?5 Vị ấy, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử,22 được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không trở lui cõi đời này nữa. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên đạt được chỗ có chân đứng. Và này các Tỷ-kheo. thê nào là hạng người sau khi nôi lên, bơi qua đên bờ bên kia, lên đứng trên đất liền? là một vị Bà-la-môn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ: "Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng xấu hổ trong các thiện pháp. Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp. Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp. Lành thay! Trí tuệ trong các thiện phap?9 Vị ấy, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo. là hạng người sau khi nổi lên9 bơi qua đến bờ bên kia, lên đứng trên đất liền, 1 một vị Bà-la-môn. Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt hiện hữu ở đời. VI. KINH QUÁN VÔ THƯỜNG (Aniccãnupassĩsutta)23 (4 IV. 13) 16. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, dáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. The nào là bảy? Ở đây, có hạng người sống tùy quán vô thường trong tất cả hành? tưởng vô

21 Xem 4 II. 89; D. II. 200; M.L 34. 22Xem^. V. 17; MI. 432. 23 Bản tiếng Anh của PTS: Not Always, nghĩa là Không thường xuyên.

thường, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nháp. Với vị ấy, sự chầm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lan, không trước không sau. Đây là hạng người thứ hai, này các

Tỷ-kheo... vô thượng phước điền ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 ở đây9 có hạng người sông tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. Vị ấy? sau khi đoạn diệt năm hạ phân kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn {Antarãparinibbãyĩ)... chứng được Tôn hại Bát-niêt-bàn (Upahaccaparínibbãyĩ)... chứng được Vô hành Bát- niêt-bàn {Asankhãraparinibbãyĩ)... chứng được Hữu hành Bát-niêt-bàn {Sasankhãraparinibbãyĩ Ý4... chứng được Thượng liru đạt được sắc Cứu Cánh (Akanittha) thiên. Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, âảnệ được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Bảy hạng người này? này các Tỷ-kheo? đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, l vô thượng phước điền ở đời. VII. KINH QUÁN KHỔ (Dukkhãnupassĩsutta)24 25 (A. IV. 14) 17. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở dây, này các Tỷ-kheo? có hạng người sông tùy quán khổ trong tất cả các hành... VIII. KINH QUÁN VÔ NGÃ (Anattãnupassĩsutta) (A. IV. 14) 18. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo? đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sông tùy quán vô ngã trong tất cả các pháp... IX. KINH NIẾT-BÀN (Nibbãnasuttd) (A. IV. 14) 19. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo5 đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán lạc trong Niết-bàĩì, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tât cả thời, liên tục, không có gián

24 Đây là các vị Bất Lai: ... antarãparỉnỉbbãyĩ hotỉ...pe... upahaccaparỉnỉbbãyĩ hoti...pe... asankhãraparỉnỉbbãyĩ hoti...pe... sasankhãraparỉnỉbbãyĩ hoti...pe... Xem A. IV. 68; KS. V. 57; DB. III. 227. 25 Bản tiếng Anh của PTS viết 3 kinh (từ 17-19) chung một nhóm với tên: III, No Self, the Cool, nghĩa là Khổ, Vô ngã, Tịch tịnh.

đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính... là vô thượng phước điên ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây5 có hạng người sông tùy quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau. Đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 ở đay, có hạng người sống quán lạc trong Niết- bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn... chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn... chứng được Vô hành Bát-niết-bàn... chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn... chứng được Thượng lưu đạt được sắc Cứu Cánh thiên. Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáĩiệ được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô

thượng phước điên ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người ở đời đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. X. KINH BẢY ĐIỀU TÁN THÁN (Niddasavatthusuttà) (A. IV. 15) 20. Này các Tỷ-kheo, có bảy sự thù diệu này. Thế nào là bảy? Ở đây? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp; tha thiết quán pháp và trong tương lai khát vọng quán pháp; tha thiết nhiêp phục lòng dục và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục; tha thiết thiền tịnh và trong tương lai khát vọng thiền tịnh; tha thiêt tinh cân tinh tân và trong tương lai khát vọng tinh cân tinh tân; tha thiêt niệm tuệ và trong tương lai khát vọng niệm tuệ; tha thiết thể nhập tri kiến và trong tương lai khát vọng thể nhập tri kiến. Này các Tỷ-kheo5 đây là bảy căn bản để được tán thán?6*

26 Xem 4 IV. 34; D. III. 252.

m. PHẨM VAJJI (VAJJISATTAKAVAGGA)

I. KINH TẠI SÃRANDADA (Sãrandadasutta) (A. IV. 16) 21. Như vầy tôi nghe. Một thời,27 Thế Tôn trú ở Vésãli, tại điên thờ Sărandada. Bấy giờ, có nhiều người Licchavi đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các người Licchavi đang ngồi một bên: Này các Licchavi, Ta sẽ giảng cho các ông bảy pháp không làm cho suy giảm. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các người Licchavi ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau: -Và này các Licchavi, thế nào là bảy pháp không làm cho suy giảm? Này các Licchavi, khi nào dân Vajjĩ (Bạt-kỳ) thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Licchavi, dân Vạjjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Licchavi, khi nào dân Vajjĩ tụ họp tronệ niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kêt và làm việc trong niệm đoàn kêt, này các Licchavi, dân Vajjĩ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Licchavi, khi nào dân Vạjjĩ không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjĩ như đã ban hành thuở xưa, thời này các Licchavi, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Licchavi, khi nào dân Vajjĩ tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vàjjĩ và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Licchavi, khi nào dân Vạjjĩ không bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vạjjĩ phải sống với mình, thời này các Licchavi, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Licchavi, khi nào dân Vajjĩ tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vạijĩ ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước đúng với quy pháp, thời này các Licchavi, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

27 Xem/). II. 72-81. Liên bang Vạjjĩ gồm cả hai dân tộc Licchavi và Videhi với Vèsãli là kinh đô, nằm về phía Bắc của nước Magadha.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjĩ bảo hộ? che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjĩ? khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đên được sông an lạc, thời này các Licchavi, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Và này các Licchavi, cho đến khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được tồn tại giữa dân Vàjjĩ, khi nào dân chúng Vạjjĩ được thấy còn duy trì bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Licchavi, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. II. KINH VASSAKẢRA (Vàssakãrasuttàỹ^ (Ả. IV 17) 22. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), trên Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ? Ajatasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, muốn chinh phạt dân chúng Vạjjĩ. Vua nói như sau: Ta quyêt chinh phạt dân Vajjĩ này5 dâu họ có uy quyên, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vạjjĩ. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjĩ. Ta sẽ làm cho dân Vajjĩ bị hoại vong. Rồi Ajãtasattu? con bà Vedehi, vua nước Magadha, nói với Bà-la-môn Vassakãra,28 đại thần nước Magadha: 2930 Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn và nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Ngài, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh? lạc trú: "Bạch Thế Ton, Ajatasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, vẩn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú.^, Và khanh bạch tiếp: “Bạch Thế Ton, Ajatasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, muốn chinh phạt dân Vạjjĩ. Vua tự nói: 'Ta quyết chinh phạt dân Vạjjĩ này, dầu họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vạjjĩ. Ta sẽ tiêu diệt dân Vạjjĩ. Ta sẽ làm cho dân Vajjĩ bị hoại vong.,,3° Thế Tôn trả lời khanh thể nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Như Lai không bao giờ nói không như thật. -Tâu Đại vương, xin vâng. Bà-la-môn Vassakãra, đại thần nước Magadha, vâng theo lời củaAjãtasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cưỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Vương Xá, đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuốnệ xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Sau khi đến, Bà-la-môn Vassakãra liền nói với Thê Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Bà-la-môn Vassakãra, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

28 Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.40.2. 0738all); Vũ Thế kỉnh (T.02. 0026.142. 0648a24). 29 Xem D. IL 72ff; M. IIL 8; GS. II. 40; Vương Xá là kinh đô nước Magadha 30 Chủ giải giải thích có một hải cảng trên sông Hằng, cách đều Mạgadha và Licchavi. Có một số hương liệu quý được chở tới hải cảng này và người Licchavi đưa binh đên trước cướp lây các hương liệu, làm cho Vua Ajatasattu rất tức giần.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 843

Thưa Tôn giả Gotama, Ạjãtasattu? con bà Vedehi, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú. Thưa Tôn giả Gotama, Ạiãtasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, muốn chinh phạt dân xứ Vajjĩ? vua tự nói: “Ta quyết chinh phạt dân Vajjĩ này5 dù họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vạjjĩ. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjĩ. Ta sẽ làm cho dân Vạjjĩ bị hoại vong.,, Lúc bấy giờ, Tôn giả Ãnanda đứng quạt phía sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, ông có nghe dân Vạjjĩ thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với

nhau không? Bạch Thê Tôn, con có nghe dân Vạjjĩ thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau. Này Ãnanda, khi nào dân Vajjĩ thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vạjjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ãnanda, ông có biết dân Vajjĩ tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết không? -Bạch Thế Tôn, con có nghe dân chúng Vạjjĩ tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết. Này Ãnanda, khi nào dân Vạjjĩ tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, thời này Ananda, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ãnanda, ông có nghe dân Vạjjĩ không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjĩ như đã ban hành thuở xưa không? Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vạjjĩ không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjĩ như đã ban hành thuở xưa. Này Ãnanda, khi nào dân Vạjjĩ không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjĩ như đã ban hành thuở xưa5 thời này Ãnanda, dân Vàjjĩ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ãnanda, ông có nghe dân Vạjjĩ tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vajjĩ và nghe theo lời dạy của những vị này không? - Bạch Thế Tôn5 con có nghe dân Vajjĩ tôn sùng5 kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vạjjĩ và nghe theo lời dạy của những vị này. Này Ãnanda, khi nào dân Vajjĩ tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vajjĩ và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này Ãnanda, dân Vạjjĩ sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, ông có nghe dân Vajjĩ không băt cóc và cưỡng ép những phụ nữ, thiêu nữ Vajjĩ phải sống với mình không?

Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjĩ không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ, thiêu nữ Vajjĩ phải sông với mình. -Này Ãnanda, khi nào dân Vạjjĩ không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ, thiếu nữ Vạjjĩ phải sống với minh, thời này Ãnanda, dân Vạjjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ãnanda, ông có nghe dân Vàjjĩ tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ? cúng dường các tự miếu của Vạjjĩ ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đúng với quy pháp không? Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjĩ tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjĩ ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước đúng với quy pháp. Này Ãnanda, khi nào dân Vajjĩ tôn sùng5 kính trọng, đảnh lễ5 cúng dường các tự miếu của Vajjĩ ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước đúng với quy pháp, thời này Ãnanda, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ãnanda, ông có nghe dân Vajjĩ bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vạjjĩ, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không? Bạch Thê Tôn, con có nghe dân Vạjjĩ bảo hộ9 che chở5 ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjĩ5 khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc. Này Ãnanda, khi nào dân Vajjĩ bảo hộ5 che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại

Vajjĩ, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đên được sông an lạc, thời này Ananda, dân Vạjjĩ sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakãra, đại thần nước Magadha: Này Bà-la-môn5 một thời, Ta sông ở Vesãli, tại tự miêu Sãrandada, Ta dạy cho dân Vạjjĩ bảy pháp không bị suy giảm này. Này Bà-la-môn, khi nào bảy pháp không bị suy giảm được duy trì giữa dân Vạjjĩ5 khi nào dân Vajjĩ được giảng dạy bảy pháp không bị suy giảm này, thời này Bà-la-môn, dân Vajjĩ sẽ được lớn mạnh5 không bị suy giảm. Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakãra, đại thần nước Magadha, bạch The Tôn: - Thưa Tôn giả Gotama, nếu dân Vạjjĩ chỉ hội đủ một pháp không bị suy giảm này, thời dân Vajjĩ nhất định được lớn mạnh, không bị suy giảm5 huống nữa là đủ bảy pháp không bị suy giảm. Thưa Tôn giả Gotama, Ajatasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, không thể đánh bại dân Vajjĩ ở chiến trận, trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con phải di, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận. —Này Bà-la-môn5 hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời. Rôi Bà-la-môn Vassakãra, đại thân nước Magadha, hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn5 từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 845

III. KINH NHÓM BẢY [PHÁP] THỨ NHẤT
(PaḶhamasattakasutta)31 (A. IV. 21)

23. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Tại dấy,

HIT A rr^ • r rr^ 7 11

The Ton gọi cac Ty-kheo:

Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không bị suy giảm. Hãy lăng nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng.

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

ĩ . r . [—

Các Ty-kheo ây vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Và này các Tỷ-kheo? thê nào là bảy pháp không bị suy giảm? Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Wcác Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết5 giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo Thượng tọa, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lạp trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo những lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ"kheo? chúng Tỷ- kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác9 thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn

mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

31 Xem D. II. 72. Bản tiếng Anh của PTS: The Monk, nghĩa là Vị Tỷ-kheo.

IV KINH NHÓM BẢY [PHÁP] THỨ HAI (Dutiyasattakasutta)3233(A. IV. 22) 24. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không làm suy giảm này... Ta sẽ giảng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không làm suy giảm? Này các Tỷ-kheo? khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh? không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiêm luận, không hoan hỷ phiếm luận? không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghi, không hoan hỷ ngủ nghi, không đam mê ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ- kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo? khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục, không bị chi phối bởi ác dục, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo không có bè bạn ác dục? không thân tín bạn lữ ác dục5 không cộng hành với người ác dục, thời này các Tỷ- kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng,33 giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ- kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. V. KINH NHÓM BẢY [PHÁP] THỨ BA (Tatìyasattakasutta)34 (A. IV. 22) 25. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không bị suy giảm này, hãy lắng nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r ._ . f . r Các vị Ty-kheo ay vang dap The Ton. Tne Ton nói như sau: -Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không bị suy giảm?

32 Xem. D. II. 77. Bản tiếng Anh của PTS: Action, nghĩa là Hành động. 33 Xem 4 V. 157; It. 85;.IL 203.

34 Xem D. II. 78. Bản tiếng Anh của PTS: Believing, nghĩa là Tin tưởng.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tàm5 có quý, có thời này các Tỷ-kheo? chúng nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ53536 37 Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo? khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo5 khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. VI. KINH GIÁC CHI (Bojjhangasutta) (Ắ. IV. 23) 26. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không làm suy giảm này... Ta sẽ giảng... (như trên). Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là bảy pháp không làm suy giảm? Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi5 tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi* thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh? không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo5 khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. VII. KINH TƯỞNG (Sannãsutta) (A. IV. 24) 27. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không làm suy giảm này... Ta sẽ giảng... (như trên). Và này các Tỷ-kheo, thê nào là bảy pháp không làm suy giảm? Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hại tưởng, tu tập đoạn diệt tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh5 không bị suy giảm. VIII. KINH Sự THỐI ĐỌA THỨ NHẤT (Pathamaparihãnisutta)31 (A. IV. 24) 28. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này đưa đên sự thôi đọa cho vị Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là bảy? Ưa thích công việc; ưa thích nói chuyện; ưa thích

35 Xem4 II. 76; D. II. 79; M. III. 23; s. II. 206. 36 XemD. III. 106; MI. 11; s. V. 63.

37 Bản tiếng Anh của PTS: Training, nghĩa là Tu tập.

ngủ nghỉ; ưa thích hội chúng; các căn không phòng hộ; ăn uống không tiết độ; khi chúng Tăng có sự việc, tại đây, Tỷ-kheo Hữu học không có suy tư: "Giữa Tăng chúng có các Trưởng lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, gánh vác chức vụ. Họ sẽ được biết đến vì những chức vụ nay9\ và không có tự mình chuyên tâm. Này các Tỷ-kheo5 bảy pháp này đưa vị Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Này các Tỷ-kheo9 có bảy pháp này đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa. Thế nào là bảy? Không ưa thích công việc; không ưa thích nói chuyện; không ưa thích ngủ nghỉ; không ưa thích hội chúng; các căn được phòng hộ; ăn uống có tiết độ; khi chúng Tăng có sự việc5 tại dây, Tỷ-kheo Hữu học có suy tư: "Giữa Tăng chúng, có các Trưởng lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, gánh vác chức vụ. Họ sẽ được biết đến vì những chức vụ nSy", và có tự mình chuyên tâm. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa. IX. KINH Sự THỐI ĐỌA THỨ HAI (PutìyaparìhãnisuttdÝ^ (4 IV. 25) 29. Bảy pháp, này các Tỷ-kheo, đưa một nam cư sĩ đên thôi đọa. Thê nào là bảy?

Quên, không đến thăm Tỷ-kheo; phóng túng khi nghe Diệu pháp; không tu tập tăng thượng giới; ít tin tưởng đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi các khuyết điểm; tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đấy phục vụ [ngoại đạo] trước. Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo5 đưa một nam cư sĩ đến thôi đọa. Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa một nam cư sĩ đến không thối đọa. Thế nào là bảy? Không quên đến thăm yị Tỷ-kheo; không phóng túng khi nghe Diệu pháp; tu tập tăng thượng giới; nhiều tin tưởng đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi các khuyết điểm; không tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đấy phục vụ [Tăng chúng] trước. Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo5 đưa nam cư sĩ đến không đọa lạc. Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Cư sĩ không đến thăm, Các vị tu tự ngã; Không đến nghe Thánh pháp; Không học tập thắng giới; ít tin các Tỷ-kheo, Tin ấy được tăng trưởng; Với tâm thích cật nạn,

38 Bản tiếng Anh của PTS: Decline, nghĩa là Thối đọa.

Muốn nghe Chân diệu pháp;
Tìm ở ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường;
Ở đây vị cư sĩ?
Lại lo phục vụ trước;
Bảy pháp làm suy giảm,
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp bị suy giảm.
Cư sĩ có đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Có đến nghe Thánh pháp;
Có học tập thắng giới;
Có tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm không cật nạn, r
Muôn nghe Chân diệu pháp; Không tìm ngoài Tăng chúng, Người xứng đáng cúng dường. Ở đây vị cư sĩ, Lo lắng phục vụ trước. Bảy pháp không suy giảm, Được khéo léo diễn giảng, Cư sĩ phục vụ chúng, Diệu pháp không suy giảm. X. KINH BẤT HẠNH (VỉpattisuttdÝ9 (4 IV. 26) 30. Này các Tỷ-kheo5 có bảy bất hạnh này của người cư sĩ... Này các Tỷkheo, có bảy điều may mắn của người cư sĩ... XI. KINH THỐI ĐỌA (Parãbhavasutta) (Ắ. IV. 26) 31. Này các Tỷ-kheo, có bảy thôi đọa này của người cư sĩ... Này các Tỷkheo, có bảy thắng tiến này của người cư sĩ. Thế nào là bảy? Không quên đến thăm vị Tỷ-kheo; không phóng túng khi nghe Diệu pháp; tu tập tăng thượng giới; nhiều tin tưởng đối với các vị Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với

tâm không cật nạn, không tìm tòi các khuyết điểm; không tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đấy phục vụ [Tăng chúng] trước. Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, là thắng tiến của người cư sĩ.

39 Bản tiếng Anh củaPTS trình bày 2 kinh (30, 31) chung một nhóm với tên: Unprofitable, Backsliding, nghĩa là Bat lợi, Thối đọa.

850 KINH TĂNG CHI BỘ

Cư SĨ không đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Không đến nghe Thánh pháp;
Không học tập thắng giới;
ít tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm thích cật nạn5
Muốn nghe Chân diệu pháp;
Tìm ở ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường;
Ở đây vị cư si,
Lại lo phục vụ trước.
Bảy pháp làm suy giảm,
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp bị suy giảm.
Cư sĩ có đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Có đến nghe thuyết pháp;
Có học tập thắng giới;
Có tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm không cật nạn,
Muốn nghe Chân diệu pháp;
Không tìm ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường;
Ở đây vị cư si,
Lo lắng phục vụ trước.
Bảy pháp không suy giảm?
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp không suy giảm.

IV PHẨM CHƯ THIÊN (DEVATẴVĂGGA)

I. KINH TÔN KÍNH KHÔNG PHÓNG DẬT (Ạppamãdagãravasuttd)^ (A. IV. 27) 32. Bây giờ, có một thiên nhân, sau khi đêm đã gân mãn5 với dung săc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton roi đứng mot ben. Đứng mot ben, thien nhan ay bạch Thê Tôn: -Có bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính chúng Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính không phóng dật, tôn kính nghênh đón (patisanthãragãravatã). Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thiên nhân ấy nói như vậy? bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên nhân ấy với ý nghĩ: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các vị Tỷ-kheo: —Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn? với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến? đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo5 thiên nhân ấy thưa với Ta: "C6 bảy pháp, bạch Thế Tôn5 không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư5 tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính không phóng dật, tôn kính nghênh đón. Bảy pháp này, bạch Thế Tôn? không đưa Tỷ-kheo đến đọa Iqc." Này các Tỷ-kheo, thiên nhan ấy nói như vậy; sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Kính trọng bậc Đạo su, Kính trọng Pháp và Tăng, Kính trọng định, nhiệt tâm? Chí thành kính học pháp, Kính trọng không phóng dật? Chí thành kính nghênh đón5

40 Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị mộn túc q(7.26. 1536.15. 0428cl6); Pháp tập yểu tụng kỉnh, Phóng dật phẩm (7.04. 0312.4. 0779a01).

Không thể bị đọa lạc, Tỷ-kheo gần Niết-bàn.41 II. KINH TÔN KÍNH XẤU HỔ (Hirĩgãravasutta)4243 (4. IV. 28) 33 Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân5 sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến5 đảnh lễ Ta rồi đứng một bên5 thiên nhân ấy thưa với Ta: “C6 bảy pháp này5 bạch Thế Tôn? không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư? tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính xấu hổ, tôn kính sợ hãi tội lỗi. Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ây nói như vậy, nói như vậy xong, đảnh lê Ta, thân ben hữu hướng ve Ta roi biên mat tại cho. Kính trọng bậc Đạo su, Kính trọng Pháp và Tăng, Kính trọng định, nhiệt tâm, Chí thành kính học pháp, Đầy đủ tàm và quý? Tùy thuận và tôn kính, Không thể bị đọa lạc, Vị ấy gần Niết-bàn. III. KINH DỄ NÓI THỨ NHẤT (PaỊhamasovacassatãsutta) (A. IV. 29) 34. (Như kinh 33, chí thay thế hai pháp 6athiện ngôn,, và "thiện bằng hữu”). IV. KINH DỄ NÓI THỨ HAI (Dutiyasovacassatãsuttd)^ (A. IV. 30) 35. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn5 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi dến, đảnh lễ Ta rồi

đứng một bên. Đứng một bên9 vị ấy thưa với Ta: "Bảy pháp này, bạch Thế Tôn? không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư5 tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính thiện ngôn, tôn kính thiện bằng hữu. Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đên đọa lạc." Này các Tỷ-kheo9 thiên nhân ây nói như vậy; sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Được nghe nói vậy, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Lời nói yắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như sau: Ở dây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư, tán thán sự tôn kính bậc Đạo sư; đối với những Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc

41 Xem Ả. III. 330ff; D. III. 244. 42 Tham chiếu: Pháp tập yếu tụng kinh, Phóng dật phẩm (r.04. 0213.4. 0779a01). 43 Như chú thích trên.

Đạo su, vị ấy khích lệ họ tôn kính bậc Đạo sư; đối với những Tỷ-kheo khác tôn kính bậc Đạo sư, vị ấy tán thán một cách chơn that, chơn chánh, đúng thời... tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính Tăng... tự mình tôn kính học pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện bằng hữu, tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu; đối với những Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy khích lệ họ tôn kính thiện bằng hữu; đối với những Tỷ-kheo khác tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy tán thán một cách chơn thật, chơn chánh, đúng thời. Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn? bạch Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như vậy. Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Này Sãriputta, lời nói văn tăt này của Ta đã được ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Ở dây, này Săriputta, Tỷ- kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư... (như trên với những thay đổi cần thiết)... một cách chơn thực, chơn chánh, đúng thời. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Sãriputta, cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. V. KINH NGƯỜI BẠN THỨ NHẤT (PaḶhamamittasutta) (^. IV. 31) 36. Thành tựu bảy chi phân này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cân phải thân cận như một người bạn. Thế nào là bảy? Cho những gì khó cho;4445 làm những gì khó làm; nhẫn những gì khó nhẫn; nói lên những bí mật [của mình]; che giau bl mật [của người khac]; không từ bo khi gặp bat hạnh (ãpadãsu); không có khinh rẻ khi [tài sản] khánh tận. Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn. Bạn cho điều khó cho, Làm những điều khó làm, Kham nhẫn những lời nói Thật khó lòng kham nhẫn, Nói lên bí mật minh, Che giấu bí mật người, Bất hạnh, không từ bỏ, Khánh tận5 không chê khinh. Trong những trường hợp trên, Tìm được người như vậy, Với ai cần bạn hữu, Hãy gần bạn như vậy. VI. KINH NGƯỜI BẠN THỨ HAI (Dutìyamittasutta) (A. IV. 32) 37. Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ-kheo5 là người bạn cần phải thân _ À _ _ 1 Z •_____ _ Ả • 4 C nnL Ắ _ y _ 9 c valla vail pilal HlaU llllvu. vail pilal llaU vail. UaU vU U1 XUa UuOl. • ' Jr o • " 17 • > • 1 llv IlaO La Day J;

44 Xem4 I. 286; s. I. 19; J. IL 85; IV. 65. 45 Apipanujjamanena. Xem M. I. 108.

Khả ái, khả ý; tôn trọng; đáng được bắt chước;46 nhà thuyết giả; kham nhẫn lời nói; nói lời sâu kín; không có hôi thúc những điêu không hợp lý. Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo là người bạn, cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, can phải hầu hạ, dấu có bị xua đuổi. Khả ái và đáng kính, Đáng bắt chước, thuyết giả5 Kham nhẫn các lời nói, Nói những lời thâm sâu, Không hối thúc ép buộc, Những điều không hợp lý. Ai có những pháp này, Ở đời, người như vậy, Người ấy là bạn hữu, Với ai cần bạn hữu, Người mong muốn lợi ích, Với lòng từ ai mẫn, Dâu có bị đuôi xua, Hãy thân cận bạn ấy. VIL KINH VÔ NGẠI GIẢI THỨ NHẤT (PaỊhamapaỊisambhidãsutta) (A. IV. 32) 38. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lau, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.4748Thế nào là bảy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo: Khi nào tâm thụ động? như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ dOng"; Khi nào tâm muội lược/8 như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lugc"; Khi nào tâm tán loạn hướng ngoại, như thật rõ biết: "Tâm ta tán loạn hướng ngoại"; Vị ấy nhận thức được các thọ khởi lên, nhận thức được các thọ an trú, nhận thức được các thợ đi đến tiêu diệt; Nhận thức được các tưởng khởi lên, nhận thức được các tưởng an trú, nhận thức được các tưởng tiêu diệt; Nhận thức được các tầm khởi lên, nhận thức được các tầm an trú, nhận thức được các tầm tiêu diệt; Đối với các pháp thích hợp hay không thích hợp, đối với các pháp hạ liệt hay thù thắng, đối với các pháp dự phần đen hay dự phân trăng, vị ây khéo năm giữ tướng, khéo tác V, khéo thọ trì5 khéo thê nhập với trí tuệ. Thành tựu bảy pháp này? này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

46 Bhãvanĩyo. Xem GS. III. 87. 47 Patỉsambhỉdã. Xem GS. III. 89, 93. 48 AA. IV. 25: Ajjhattam samkhittam nãma thỉnamỉddhãnugatarn ("Bên trong muội lược,? nghĩa là trạng thái bị ảnh hương bởi hôn trầm, thụy miên).

VIII. KINH VÔ NGẠI GIẢI THỨ HAI (Dutìyapatìsambhidãsuttà) (Ả. IV. 33) 39. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo5 Sãriputta với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sãriputta khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: í6Đây là tâm ta thụ động,9; khi nào tâm muội lược? như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược,\.. (như trên)... chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. IX. KINH ĐIỀU PHỤC THỨ NHẤT (PaỊhamavasasutta) (A. IV. 34) 40. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo điều phục tâm49 và không để mình bị tâm điều phục.50 Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo về định, thiện xảo nhập định, thiện xảo an trú định, thiện xảo xuất khỏi định, thiện xảo tronệ sự thoải mái của định5 thiện xảo trong cảnh giới của định, thiện xảo trong quyết định xuất định.51 Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo điều phục tâm và không để mình bị tâm điều phục. X. KINH ĐIỀU PHỤC THỨ HAI (Dutìyavasasutta) (À. IV. 34) 41. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo9 Sariputta điêu phục tâm và Sãriputta không để mình bị tâm điều phục. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ- kheo, Sãriputta thiện xảo về định, thiện xảo nhập định, thiện xảo an trú định, thiện xảo xuất khỏi định5 thiện xảo trong sự thoải mái của định, thiện xảo trong cảnh giới của định5 thiện xảo trong quyết

định xuất định. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ~kheo5 Sãriputta điều phục tâm và Sãriputta không để mình bị tâm điều phục. XI. KINH Sự THÙ DIỆU THỨ NHẤT (PaỊhamaniddasasutta) (4 IV. 34) 42. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anãthapindika. Bấy giờ, Tôn giả Sãriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. Tôn giả Sãriputta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khất thực ở Sãvatthi, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại dạo." Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến? nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu5 liền ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: 6Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán.'" Rồi Tôn giả Sãriputta không tùy hỷ? không chỉ trích lời nói của các du sĩ

49 Cittarn vase vatteti, 50 Xem MI. 214. 51 Abhỉmhãrakusala. Xem 4 III. 311; s. III. 264.

ngoại đạo ấy; khônệ tùy hỷ? không chỉ trích, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biet ý nghĩa này từ Thế Ton?9 Rồi Tôn giả Sãriputta, sau khi khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về? đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi vàọ Sãvatthi để khất thực. Rồi bạch Thế T6n, con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khất thực ở Săvatthi, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại dạo." Rồi bạch Thế Tôn? con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đên, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi con ngôi xuông một bên. Lúc bây giờ, bạch Thế Tôn? các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: 'Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán.,^, Rồi bach Thế Tôn, con không tùy hỷ? không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không tùy hỷ9 không chỉ trích, con từ chô ngôi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế T6n." Bạch Thế Tôn? trong Pháp và Luật này, có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm chăng? -Này Sãriputta, trong Pháp và Luật này, không có thể nêu rõ một Tỷ- kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đêm sô năm. Bảy sự thù diệu này, này Sãriputta, sau khi với thăng trí Ta tự chứng ngộ5 chứng đạt, an trú và tuyên thuyết. Thế nào là bảy? Ở dây, này Sãriputta, Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp, tha thiết quán pháp và trong tương lai khát vọng quán pháp, tha thiết nhiếp phục lòng dục và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục5 tha thiêt thiên tịnh và trong tương lai khát vọng thiên tịnh, tha thiêt tinh cân tinh tân và trong tương lai khát vọng tinh cân tinh tân5 tha thiêt niệm tuệ và trong tương lai khát vọng niệm tuệ5 tha thiết thể nhập tri kiến và trong tương lai khát vọng thê nhập tri kiên. Này Sãriputta, bảy sự thù diêu này được Ta tự mình với thăng trí chứng ngộ9 chứng đạt, an

trú và tuyên thuyêt. Thành tựu bảy sự thù diệu này, này Sãriputta, Tỷ-kheo nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, that là vừa đủ đế nói: Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh? thật là vừa đủ đe nói: Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ đe nói: Tỷ-kheo đáng được tán thW Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo đáng được tán thán!95 XII. KINH Sự THÙ DIỆU THỨ HAI (Dutìyaniddasasutta) (A. IV. 37) 43. Như vầy tôi nghe.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 857

Một thời, Thế Tôn ưú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ãnanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambĩ để khất thực. Tôn giả Ãnanda suy nghĩ: "Thật là quá sớm để đi khất thực ở Kosambĩ, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đên, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ây những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. (Như kinh trên, chỉ thay thế "Tôn giả Ãnanda cho Tôn giả SAriputta")... Thế nào là bảy? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng xấu hổ9 có lòng sợ hãi tội lỗi5 có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Bảy sự thù diệu này, này Ãnanda, được Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt, an trú và tuyên thuyết. Thành tựu bảy sự thù diệu này, này Ananda, Tỷ-kheo nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: Tỷ- kheo đáng được tán thSn!" Neu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: 66Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo đáng được tán thán!"

858 KINH TĂNG CHI BỘ

VPHẢMĐẠITẾĐÀN (MAHAY4NNAJ64GGA)

I. KINH THỨC TRÚ CỦA CHÚNG HỮU TÌNH (Sattavinnanatthitisutta)52 (A, IV. 39) 44. Này các Tỷ-kheo? có bảy thức trú này.53 Thế nào là bảy? Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân khác, tưởng khác, như loài người/4 một số thiên nhân,55 một số loài ở trong đọa xứ.56 Đây là thức trú thứ nhất. Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo? thân khác, tưởng là một, như Phạm Chúng thiên được sanh nhờ chứng Sơ thiền.57 Đây là thức trú thứ hai. Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo5 thân là một, tưởng khác, như chư thiên Quang Âm.58 Đây là thức trú thứ ba. Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân là một? tưởng là một5 như chư thiên Biến Tịnh.59 Đây là thức trú thứ tư. Có các loài hữu tinh, này các Tỷ-kheo5 vượt hoàn toàn các săc tưởng, châm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, đạt đến Không vô biên xứ, biết rằng: "Hu không là vô biên.,, Đây là thức trú thứ năm. Có các loài hữu tinh, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Không vô biên xứ, đạt đến Thức vô biên xứ, biết rằng: "Thức là vô biOn." Đây là thức trú thứ sáu. Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Thức vô biên

xứ9 đạt đến Vô sở hữu xứ, biết rằng: "Không có vật Đây là thức trú thứ bảy. Này các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.

52 Bản tiếng Anh của PTS: Stations, dịch thoát là Thức trú. Tham chiếu: T3ng.(T.02. 0125.39.5. 0730C19). 53 XemD. II. 68; III. 253,263. 54 Chủ giải cho rằng anh em sinh đôi vẫn khác nhau về tiếng nói, về điệu bộ đi đứng. 55 Chú giải viết một số thiên nhân ở dục giới (kãmaỉoka) có thân màu xanh, một số có thân màu vàng... 56 Chú 2ỉải .nói đến màu sắc. của dạ-xoa Uttaramãtã, .Piyankaramãtã, Phussamitã và Dhammaguttã, thân các vị ây lớn nhỏ, màu săc khác nhau, tâm các vị ây như tâm người. Các ngạ quỷ Vemănika thuộc hạng này. 57 Các vị có hình dáng lớn nhỏ khác nhau, còn tâm thì tùy thuộc trình độ chứng ngộ Sơ thiền của các vị ấy. 58 Chủ giải viết các thiên nhân này phát hào quang như ánh chớp. Thân các vị ấy to lớn giống nhau, nhimg tam sai khác tùy theo trình đọ chứng ngộ Thiền thứ hai, thứ ba. 59 Subhakỉnhã. Xem / II. 184; s. II. 211.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 859

II. KINH Tư LƯƠNG CHO ĐỊNH (Samãdhiparikkhãrasutta) ụ. IV. 40) 45. Này các Tỷ-kheo? có bảy tư lương này của định. Thế nào là bảy? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ? chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Nhât tâm, này các Tỷ-kheo, được bảy chi phân này làm tư lương; đây được gọi là Thánh chánh định, này các Tỷ-kheo, với các sở y, với các tư lương. III. KINH LỬA THỨ NHẤT (Pathamaaggisutta) (A. IV. 41) 46. Này các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa60 này. Thế nào là bảy? Lửa tham, lửa sân? lửa si, lửa những vị đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa các vị đáng cúng dường, lửa củi. Này các Tỷ-kheo? có bảy loại lửa này. IV. KINH LỬA THỨ HAI (Dutiyaaggisutta)61 (À, IV. 41) 47. Lúc bấy giờ, một tế đàn lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Uggatasarĩra, năm trăm con bò đực được dăt đên trụ tê đàn, năm trăm con bê đực được dắt đến trụ tế đàn5 năm trăm con bê cái được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con dê được dăt đên trụ tê đàn và năm trăm con cừu được dăt đên trụ tê đàn.62 Rồi Bà-la-môn Uggatasarĩra đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói len những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Bà-la-môn Uggatasarĩra thưa với Thế Tôn: -Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn.” Này Bàla-m6n, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn." Lần thứ hai... Lần thứ ba, Bà-la-môn Uggatasarĩra thưa với Thế Tôn: -Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn.” Này Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn." Như vậy5 thưa Tôn giả Gotama, chúng ta đồng một mục dí ch, Tôn giả Gotama và chúng tôi; thật vậy, chúng ta hoàn toàn63 đồng nhau. Được nghe nói vậy, Tôn giả Ãnanda nói với Bà-la-môn Uggatasarĩra: Này Bà-la-môn, không nên hỏi Như Lai răng: "T6i được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: 'Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn,

60 Xem D. III. 217; s. IV. 19; Dh. V. 202; It. 92. 61 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.93. 0024b 13); Biệt Tạp.(T.02. 0100.259. 0464Ồ14). 62 Xem/. II. 207; D. I. 127; s, I. 75. 63 Yadidam sabbena sabbam.

CÓ lợi ích lớn."' Này Bà-la-môn, cần hỏi Như Lai như sau: “Bạch Thế Tôn, con muốn nhen nhúm ngọn lửa5 con muốn dựng lên trụ tế đàn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết dạy cho con5 để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!" Rồi Bà-la-môn Uggatasarĩra bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, con muôn nhen nhúm ngọn lửa, con muôn dựng lên trụ tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama hãy giáo giới cho con! Tôn giả Gotama hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài! Này Bà-la-môn5 người nhen nhúm ngọn lira, dựng lên trụ tê dàn, trước khi tế lễ đàn5 dựng lên ba cây kiếm64 bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.65 Thế nào là ba? Thân kiếm, ngữ kiếm, ý kiếm. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế dàn, khởi lên ý nghĩ: "Chừng ấy con bò đực cần phải giết cho lễ tế đàn? chừng ây con bê đực cân phải giêt cho lê tê dàn, chừng ây con bê cái cân phải giêt cho lê tê đàn, chừng ây con dê cân phải giêt cho lê tê đàn, chừng ây con cừu cần phải giết cho lễ tế dàn.” Vị ấy nghĩ rằng: :T6i làm công đức9\ lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện,\ lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành9\ lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ý kiêm bât thiện thứ nhât, đưa đên khô sanh, khô dị thục. Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế dàn, trước khi lê tê đàn5 nói như sau: "Hãy giêt chừng ây con bò đực cho lê tê đàn. Hãy giết chừng ấy con bê đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con bê cái cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con dê cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con cừu cho lễ tế dan/9 Vị ấy nghĩ rằng: ,T6i làm c6ng dức”, lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thi§n9\ lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "T6i tìm con đường đưa đến cõi lành9\ lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-m6n, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế dàn, dựng lên ngữ kiếm bất thiện thứ hai, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục. Lại nữa, này Bà-la-môn5 người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế dàn, trước khi lê tê đàn, tự mình băt đâu khởi sự công việc: "Hy giêt các con bò đực cho lễ tế đàn?,; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bê đực cho lễ tế dan,5 tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bê cái cho lễ tế dàn”; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con dê cho lễ tế đàn,5; tự mình băt đâu khởi sự công việc: "Hãy giêt các con cừu cho lê tê dàn." Vị ấy nghĩ rằng: ,T6i làm công gức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện,\ lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lanh9\ lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn5 người nhen nhúm ngọn lửa,

64 về ví dụ các lưỡi kiếm, xem Sn. 160; Thag. V. 1094-95. 65 Akusalãnỉ dukkhudrayãni dukkhavipãkãnỉ.

dựng lên trụ tế dàn, trước khi lễ tế đàn? dựng lên thân kiếm bất thiện thứ ba, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục. r Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên2 trụ tế đàn,9 trước khi e < r • * r

lê tê đàn5 dựng lên ba cây kiêm bât thiện này, đưa đên khô sanh, khô dị thục. Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa. Thế nào là ba? Lửa tham, lửa sân, lửa si. Vì sao, này Bà-la-môn5 lửa tham cân phải đoạn tận, cân phải tránh xa, không nên thân cận? Người bị tham làm cho ái nhiễm, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la- môn, làm ác hạnh với thân? làm ác hạnh với lời nói5 làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa tham này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận. Và này Bà-la-môn5 vì sao lửa sân cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận? Người bị sân làm cho tức giận, chinh phqc, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la- môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ5 địa ngục. Do vậy5 lửa sân này cân phải đoạn tận? cân phải tránh xa, không nên thân cận. Và này Bà-la-môn, vì sao lửa si cân phải đoạn tận, cân phải tránh xa, không nên thân cận? Người bị si làm cho mê mờ, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy5 lửa si này cần phải đoạn tận5 cần phải tránh xa, không nên thân cận. Ba lửa này, này Bà-la-môn, cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận. Ba lửa này, này Bà-la-môn, được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.6667 Thế nào là ba? Lửa đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa đáng cúng dường. Và này Bà-la-môn5 thế nào là lửa đáng cung kính? Ở đây, này Bà-la-môn, những người mẹ,67 những người cha của người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa đáng cung kính. Vì sao? Vì từ đó lửa đáng cung kính này khiến cho mang lại, khiến cho sanh ra.68 Do vậy, này Bà-la-môn5 lửa

66 Sammã sukham parỉhãtabbo. AA. IV. 30: Pahãtabbã = Parỉharitabbã (nên được đoạn trừ). 67 Xem GS. II. 79; DB. III. 211; D/?. V. 332. 68 A to hayam ãhuto sambhũto.

đáng cung kính này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc. Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa gia chủ? Ở đây, này Bà-la-môn, những người con, những người vợ, những người phục dịch, những người đưa tin, hoặc những người làm công69 cho người ấy, này Bà-la-môn? đây gọi là lửa gia chủ. Do vậy, lửa gia chủ này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc. Và này Bà-la-môn5 thế nào là lửa đáng được cúng dường? Ở dây, này Bà-la-môn, những Sa-môn, Bà-la-môn nào từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, sống kham nhẫn nhu hòa; mỗi người điều phục tự ngã; mỗi người tự ngã; mỗi người làm lắng dịu tự ngã. Này Bà-la-môn5 đây gọi là ngọn an chỉ7071 lửa đáng được cúng dường. Do vậy, lửa đáng

được cúng dường này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc. Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc. Còn lửa củi này, này Bà-la-môn, cần phải thường thường nhen đôt nó lên, cần phải thường thường chăm sóc duy trì5 cần phải thường thường dập tắt, cần phải thường thường để một bên. Được nghe như vậy5 Bà-la-môn Uggatasarĩra bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Ton giả Gotama!... Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng! Và thưa Tôn giả Gotama, con sẽ thả năm trăm con bò đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con bê đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con bê cái và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con dê và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con cừu và cho chúng sông. Hãy đê chúng ăn cỏ xanh! Hãy đê chúng uông nước mát! Hãy đê gió thổi mát chúng! V KINH TƯỞNG THỨ NHẤT (Pathamasannasutta)11 (A. IV. 46) 48. Có bảy tưởng.72 này các Tỷ-kheo, được tu tận, được làm cho sung mãn, CÓ quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là bảy? Tưởng bât tjnh, tưởng chêt, tưởng nhàm chán đôi với các món ăn? tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới? tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ. Bảy tưởng này, này các Tỷ-kheo5 được tu tập5 được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử? lấy bất tử làm cứu cánh.

69 Xem4 II. 208; D. I. I4l; s. I. 76.

70 Sametỉ. Xem 4 II. 68; III. 46; D. III. 61.

71 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.46.9. 0780al6).

72 Xem 4 I. 41; D. III. 289; s. V. 132.

VI. KINH TƯỞNG THỨ HAI (Dutiyasannãsutta) (A. IV. 46) 49. Có bảy tưởng, này các Tỷ-kheo9 được tu tđược làm cho sung mãn5 có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là bảy? Tưởng bất tjnh, tưởng chết, tưởng nhàm chán đối với các món ăn9 tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ. Bảy tưởng này, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thê nhập vào bât tử? lây bât tử làm cứu cánh. Tưởng bất tịnh, này các Tỷ-kheo? được tu tập5 được làm cho sung mãn5 có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử9 lây bất tử làm cứu cánh, được nói đên như vậy. Do duyên gì được nói đên như vậy? Nàỵ các Tỷ-kheo? khi một Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng bất tịnh, thời tâm thoi lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thăng, thanh thản? khởi lên nhàm chán. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, lông gà hay là dây gân quăng vào lửa thời thối lui, trở lưng, quay hmg, và không căng thăng; cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 khi một Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng bât tịnh, thời tâm thôi lui9 tâm trở lưng, quay limg để không đắm vào các dâm dục; do đó? tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản5 khởi lên nhàm chán. Này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng bât tịnh5 nhưng tâm lại chạy theo đăm vào dâm dục, không khởi lên nhàm chán, thời Tỷ"kheo

ấy càn phải hiểu rằng: "Tưởng bất tịnh không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả tu tập^,; ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng bất tịnh? thời tấm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó5 tâm vị ấy khôĩiệ căng thăng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời Tỷ-kheo ấy cần phải hiêu răng: "Tưởng bât tịnh được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả tu tap" ở đây9 vị ấy tỉnh giác như vậy. Tưởng bất tịnh, nàỵ các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn. thê nhập vào bât tử, lây bât tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Tưởng chết, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo sống nhiều với tưởng chết, thời tâm thối lui5 tâm trở hmg, quay lưng không thích thú sự sống; do đó9 tâm vị ấy không căng thẳnẹ5 thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác trước là "tưởng bât tinh", đây là “tưởng chết” với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy. Tưởng nhàm chán đối với món ăn? này các Tỷ-kheo5 được tu tập, được làm cho sung mãn? có quả lớn, có lợi ích lớn, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng nhàm chán đối với các món ăn, thời tâm thối lui... không tham ái các vị; do đó? tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là “tưởng nhàm chán đối với các món ăn" với những thay đôi cân thiêt). Do duyên này được nói đến như vậy. Tưởng không hoan hỷ đối với các thế giới, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn5 có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với tưởng không hoan hỷ đối với các thế giới5 thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng với các lòe loẹt của thế giới; do đó5 tâm vị ấy không căng thăng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là "tưởng không hoan hỷ đôi với các thê gi&i" với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy. Tưởng vô thường, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn9 có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đên như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với tưởng vô thường, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng với các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; do đó? tâm vị ây không căng thăng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là "tưởng vô thường,, với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy. Tưởng khổ trong vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập? được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng khô trong vô thường, thời các tưởng sợ hãi sắc bén được an lập trên thụ động5 biếng nhác, thả lỏng,73 phóng dật5 không chú tâm, không quán sát, này các Tỷ-kheo, ví như một kẻ giết nẸười giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo9 nêu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng khô trong vô thường, nhimg các tưởng sợ hãi sắc bén không được an lập trên thụ động? biêng nhác, thả lỏng? phóng dật, không chú tâm, không quán sát;

thời không giông như một kẻ giêt người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Tưởng khổ trong vô thường không được ta tu tập; ở nơi ta kh6ng có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả của sự tu tap."Ở đây, vị ẫy tỉnh giác như vậy. Nhưng này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng khô trong vô thường, thời các tưởng sợ hãi săc bén an lập trên thụ động, biêng nhác, thả lỏng9 phóng dật5 không chú tâm, khônệ quán sát, ví như một kẻ giêt người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cân phải hiểu rằng: "Tưởng khổ trên vô thường được ta tu tg ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả của sự tu tap."Ở dây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

73 Vissatthiye. AA. IV. 31: Vissatthiye = Vỉssatthabhãve (thả lỏng, không căng).

9 ,-,

Tưởng khô trên vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn9 có quả lớn, có lợi ích lớn, thê nhập vào bât tử, lây bât tử làm cứu cánh, được nói đên như vậy. Do duyên này được nói đên như vậy. Tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, r r được nói đên như vậy. Do duyên gì được nói đên như vậy? Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng vô ngã trên khô9 này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy thoát khỏi các tư tưởng74 ngã, ngã sở5 ngã mạn, đối với cái thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, khéo giải thoát, được an tjnh, vượt qua các thiên kiên.75 Này các Tỷ-kheo5 nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng vô ngã trên khô, này các Tỷ-kheo? ý của vị ây không thoát khỏi các tư tưởng ngã5 ngã sở? ngã mạn, đôi với cái thân có thức này và đôi với tât cả tướng ở ngoài, không khéo giải thoát, không được an tịnh, không vượt qua các thiên kiến. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiếu rằng: "Tưởng vô ngã trên khổ không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả của sự tu tap." Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy. Nhimg này Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo sông nhiêu với các tưởng vô ngã trên kh6, này các Tỷ-kheo, ý của vị ây thoát khỏi các tư tưởng ngã, ngã sở5 ngã mạn, đối với cái thân có thức và đối với tất cả tướng ở ngoài, khéo giải thoát, được an tjnh, vượt qua các thiên kiên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ây cân phải hiêu răng: "Tưởng vô ngã trên khổ được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả của sự tu tap." ơ dây, vị ây tỉnh giác như vậy. Tưởng vô ngã trên khổ. này các Tỷ-kheo. được tu tập5 được làm cho sung mãn? có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bât tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Bảy tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thê nhập vào bât tử5 lây bât tử làm cứu cánh. VII. KINH DÂM DỤC (Methunasutta)76 (A. IV. 54) 50. Bấy giờ, có Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả có tự xem mình là sống Phạm hạnh không? Này Bà"la-môn5 ai nói một cách chơn chánh phải nói như sau: ây sông Phạm hạnh, không có bể vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm 6, không bị điêm châm, viên mãn thanh tịnh.,, Này

Bà-la-môn, nêu nói vê Ta một cách chơn chánh, thời phải nói như vầy: "Tôn giả Gotama sống Phạm hạnh, không

74 Xem 4 I. 32; M. III. 18; KS. II. 167; III. 145. 75 Vỉdhãsamatỉkkanta. Xem KS. III. 42. 76 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.37.9. 07l4cl5).

CÓ bể vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô? không bị điểm chấm, viên mãn thanh tjnh." Thưa Tôn giả Gotama, Phạm hạnh như thê nào, thưa Tôn giả Gotama, là bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị ô nhiễm, bị điểm chấm? Ở đây9 này Bà-la-môn9 có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, nhxmg hưởng thụ được nữ nhân thoa, b6p, tăm, xức dâu. Vị ây thích thú, ước muôn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn? đây gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm 6, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ5 bị hệ lụy với dâm dục5 không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu5 bi, khổ5 ưu, não. Ta nói rằng không thoát khỏi khổ. Lại nữa, này Bà-la-môn? ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn5 tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, không có hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tăm, xức dâu, nhxmg cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân... tuy không cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân, nhimg lấy mắt nhìn mắt, dõi mắt nhìn theo nữ nhân... tuy không lấy mắt nhìn mắt, không dõi mắt nhìn theo nữ nhân, nhưng nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào... tuy không nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào5 nhimg nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân... tuy không nhớ đến tiếng cười, tiếng nói5 tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân, nhưng xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức7778 ... tuy không xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức, nhimg sống Phạm hạnh với tâm nguyện hướng đến một thân chư thiên, nguyện rằng: "Vói giới này hay với giới cấm này, hay với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ thành một thiên nhân này hay một thiên nhân khác.9,78 Vị ấy thích thú5 ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-mon, đấy gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm 6, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đấy gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không giải thoát khỏi khổ. Cho đến khi nào, này Bà-la-môn5 Ta còn tiếp tục thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này chưa được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta không có xác chứng rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới? Phạm thiên gi&i, trong quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và cho đến khi nào5 này Bà-la-môn, Ta thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này đã được

77 XemA. II. 125; D. I. 36; M. I. 505; Vin. I. 15. 78 AA. IV. 32: Devotỉ eko devarậịã. Devannataroti annataro devaputto (uVị thiên" nghĩa là có thể là Thiên chủ hoặc thiên

tử). Xem / V. 18; D. III. 239; M. I. 102; s. IV. 180.

đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn5 Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác trong thế giới chư Thiên với Ma gi&i, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Tri kiến được khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa.5,79 Được nói như vậy, Bà-la>môn Janussoni bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH HỆ LỤY (Samyogasuttd) (Ắ. IV. 57) 51. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyêt cho các ông pháp môn vê hệ lụy và ly hệ lụy, hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về hệ lụy và ly hẹ lụy? Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nữ căn5 nữ hành (itthikuttam), nữ y phục (itthãkappam), nữ loại (itthividharri)^ nữ dục (itthicchandam), nữ thanh (itthissaram). nữ trang sức (ỉtthãlankãram)\ thời nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành5 nam y phục, nam loại, nam dục? nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nữ nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ây5 khởi lên lạc hỷ nên nữ nhân ây ước muốn lạc hỷ ây. Này các Tỷ- kheo5 do thích thú trong nữ tánh của minh, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn ông. Như vậy? này các Tỷ-kheo? nữ nhân không có thoát được nữ tánh của mình. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo5 tác ý nội nam căn, nam hành, nam y phục5 nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; thời nam nhân ây tham đăm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nữ căn ở ïiệoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy5 thích thú tại đấy nên nam nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo? do thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn bà. Như vậy, này các Tỷ-kheo? nam nhân không thoát khỏi nam tánh của mình. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hệ lụy. Và này các Tỷ-kheo9 như thế nào là ly hệ lụy? Một nữ nhân? này các Tỷ-kheo, không tác ý nội nữ căn? nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; thời nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại

79 Xem^.L 259; s. II. 171; Vin. I. 11. 80 Itthỉvỉdham. Vỉdhã còn có nghĩa là kiêu ngạo. Chủ giải viết mãna. Ở đây có nghĩa là nữ thiên kiến, nữ thiên chấp.

đấy nên không tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại dấy, nữ nhân ấy không muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nữ nhân ấy không ước muốn

lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo9 do không thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những người đàn ông. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? nữ nhân thoát được nữ tánh của mình. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo5 không tác ý đến nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục? nam thanh, nam trang sức; thời nam nhân ấy không tham đăm trong ây, không thích thú tại đây. Do không tham đăm trong ấy, không thích thú tại đấy nên không tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục5 nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; nam nhân ây không tham đăm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên nam nhân ấy không ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy không ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo? do không thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những nữ nhân. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, nam nhân thoát được nam tánh của mình. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là ly hệ lụy. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy. IX. KINH QUẢ CỦA BỐ THÍ (Dãnamahapphaỉasuttay1 (4 IV. 59) 52. Một thời, Thế Tôn ở Camp82 trên bờ hồ Gaggarã. Bấy giờ, có nhiều cư sĩ ở Campã đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến5 đảnh lễ Ton giả Sãriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy thưa với Tôn giả Sãriputta: Thưa Tôn giả5 đã lâu lắm, chúng con không được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn. Lành thay, thưa Tôn giả, nếu nay chúng con được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn! -Vậy này chư Hiền, hãy đến trong ngày Lễ Trai giới (Uposatha), các ông sẽ được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn. Thưa vâng? thưa Tôn giả! Các nam cư sĩ ở Campã ây vâng đáp Tôn giả Sãriputta, từ chô ngôi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả Sãriputta, thân bên hữu hướng về Tôn giả rồi ra đi. Rồi các nam cư sĩ ở Camp đến ngày Lễ Trai giới, đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến? đảnh lễ Tôn giả Sãriputta rồi đứng một bên. Rồi Tôn giả Sãriputta cùng với các nam cư sĩ ở Campã đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn:

81 Bản tiếng Anh của PTS: On Giving, nghĩa là về bố thỉ. 82 Kinh đô của Anga, phía Đông nước Magadha.

 CÓ thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn? không được lợi ích lớn. Nhimg bạch Thế T6n, có thể ở đây có hạng người bô thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn. Này Sãriputta, có thê ở đây có hạng người bô thí như vậy? không được quả lớn5 không được lợi ích lớn. Có thể, này Sãriputta, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn. -Bạch Thế Tôn5 do nhân gì9 do duyên gi, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn? Bạch Thế Tôn, do nhân gi, do duyên gì5 ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn? Ở dây, này Sãriputta, có người bố thí với tâm mong cầu5 bố thí với tâm trói buộc [về kết quả]583 bố thí với tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Tôi sẽ huởng thọ cái này trong đời sau." Vị ấy bố thí như vậy cho các Sa- môn, Bà-la-môn9 bô thí đô ăn, đô uông, vải mặc5 xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường năm. trú xứ. đèn đuôc.84 Ong nghĩ thê nào, này Sãriputta, ở đây có

thế có hạng người bố thí như vậy không? Thưa c6, bạch Thế Tôn. Ở dây, này Sãriputta, có hạng nguôi bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc, bố thí với tâm mong câu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau." Vị ây bô thí như vậy5 khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Bôn Thiên Vương. Và vị ây, khi nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận9 vị ấy trở thành trở lui lạr\ trở lui trạng thái này. Ở đây? này Sãriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí với tâm không mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Lành thay! Sự bố thí" ... Bố thí không với ý nghĩ: “Lành thay! Sự bố thf\ nhtmg bố thí với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quOn." ... Hay là người bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên,\ nhưng bô thí với ý nghĩ: "Ta nâu ăn, các người này không nâu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bô thí cho người không nấu an.95 .. Bố thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn5 các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bố thí cho người không nấu ăn,,? nhimg bố thí với ý nghĩ: "Nhu các vị ấn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vâmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhâradvãjạ? Vãsettha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bố thí." ...

83 Patibaddhacitto. AA. IV. 33: Patỉbaddhacỉttotỉ vỉpãke baddhacỉtto (4tTâm trói buộc,, chỉ cho tâm trói buộc về kết quả). 84 Xem4 I. 107; M. III. 205; s. I. 94; It. 65.

Vị ấy bố thí không với ý nghĩ: “Nhu các vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vãmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhăradvặịa, Vãsettha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy5 ta sẽ san sẻ các vật bố thí Ĩ1y", nhimg bố thí với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi len/9... Vị ấy bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khỏi 16n", nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm (cittãỉankãram). để trang bị tâm (cittaparikkhãram)^5 Và đối với Sa-môn hay Bà-la-môn, vị ấy bố thí đồ ăn, đồ uống5 vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương lieu, giường năm, trú xứ, đèn đuôc. Ong nghĩ thê nào, này Sãriputta, ở dây, có hạng người có thể bố thí như vậy không? - Thưa có? bạch Thế Tôn. Này Sãriputta, ở đây5 ai bố thí không với tâm cầu mong, bố thí không với tâm trói buộc, bô thí không với mong câu được chât chứa; bô thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau"; bố thí không với ý nghĩ: "Lành thay! Sự bố thí"; bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong đời quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên,,; bô thí không với ý nghĩ: "Ta nâu ăn, các người này không nâu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bố thí cho người không nấu ăn,5; bố thí không với ý nghĩ: "Nhu các vị ẩn sĩ thời xưa có những tể đàn lớn như Atthaka, Vãmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhãradvậja5 Vãsettha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người

san sẻ các vật bố thí"; bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này? tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi 16n”nhưng vị ây bô thí với ý nghĩ đê trang nghiêm tâm5 đê trang bị tâm. Do vị ấy bố thí như vậy? sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Và khi vị ấy, nghiệp được đoạn tận5 thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất Lai, không trở lui trạng thái này. Này Sãriputta, đây là nhân, đây là duyên, khiên cho ở đây, một hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Này Sãriputta, nhimg đây cũng là nhân, là duyên khiến cho ở đây? có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn. X. KINH MẸ CỦA NANDA (Nandamãtãsutta) (A. IV. 63) 53. Như vầy tôi nghe. Một thời, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Mahãmoggallãna đang du hành ở 86 cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ VeỊukandakĩ, Dakkhinãgiri85

85 .IV 33: Cỉttãlarikãracỉttaparỉkkhãrantỉ samathavỉpassanãcỉttassa alankârabhũtancevaparịvãrabhũtanca ("Để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm" nghĩa là trang hoàng và trang bị tâm tu tập thiền chỉ, thiền quán). 86 Phía Nam thành Vương Xá.

thức dậy trước khi mặt trời mọc, và đọc lớn tiếng bài Pãrãyan^ mẹ của Nanda,8788 (Con đường đưa đến bờ bên kia). Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavana (Tỳ-sa- môn)89 đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc. Đại vương Vessavana nghe nữ cư sĩ VeỊukandakĩ, mẹ của Nanda, lớn tiếng đọc bài Pãrãyana, liền đứng lại, chờ đợi cho bài được đọc xong. Và nữ cư si, mẹ của Nanda? sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pãrãyana, liền im lặng. Rồi Đại vương Vessavana biết được nữ cư si, mẹ của Nanda, đã đọc xong bài kệ, liền hết sức hoan hỷ và nói: Lành thay, này chị! Lành thay, này chị! Ngài là ai, hỡi vị có khuôn mặt hiền? Này chị, ta là anh của chị, Đại vương Vessavana! Lành thay, hỡi vị có khuôn mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm nay làm quà tặng đón khách cho ngài. Lành thay, này chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo với Sãriputta và Moggallãna là các vị dẫn đâu sẽ đến VeỊukandakĩ nhưng chưa ăn sáng. Sau khi chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường. Rồi cư si, mẹ của Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn9 liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi chúng Tăng với Sãriputta và Moggallãna là các vị dẫn đầu đi đến VeỊukandakĩ nhimg chưa ăn sáng. Rồi nữ cư si, mẹ của Nanda bảo một người rằng: Này bạn, hãy đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo: uĐã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.” Thưa vâng, nữ cư sĩ. Người ấy vâng đáp nữ cư si, mẹ của Nanda, đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo: -Đã đến giờ5 thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn. Rồi chúng Tỷ-kheo với Sãriputta và Moggallãna là các vị dẫn dầu, vào buổi sáng? đắp y, cầm y bát, đi đen trú xứ của nữ cư sĩ? mẹ của Nanda; sau khi đến? ngồi xuống trên các chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư si, mẹ của Nanda, mời chúng Tỷ-kheo với Sãriputta và Moggallãna là các vị dẫn đầu với những món ăn thượng vị

loại cứng, loại mềm và làm chúng Tỷ"kheo được thỏa mãn. Rồi nữ cư si, mẹ của Nanda, thấy Tôn giả Sãriputta ăn đã xong, tay đã rút khỏi bình bát, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sãriputta nói với nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đang ngồi một bên:

87 AA. I. 446 cho rằng nữ cư sĩ VeḷukandakĨ, mẹ của Nanda còn được gọi là Ưttarã Nandamãtă, vị được ca ngợi là Tu thiên đệ nhất vê phía nữ cư sĩ. Xem A. I. 27. 88 Pãrãyana. Xem Sn. 187. 89 Vessavana. Một trong Tứ Thiên Vương. Còn có một tên khác là Kuvera. Xem DB. III. 193.

Này mẹ của Nanda, ai bảo cho bà biêt chúng Tỷ-kheo sẽ đi tới nhà? Ở dây, thưa Tôn giả? con thức dậy trước khi trời sáng, đọc lớn tiếng bài kệ Pãrãyana rồi im lặng. Rồi thưa Tôn giả9 Đại vương Vessavana sau khi biết được con đã đọc xong, liền hết sức hoan hỷ và nói: "Lành thay, này chị! Lành thay, này chi!,, "Ngài là ai, hỡi vị có khuôn mặt hiền?" "Này chị, ta là anh của chị, Đại vương Vessavana?5 "Lành thay, hỡi vị có khuôn mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm nay làm quà tặng đón khách cho ngài." "Lành thay, này chị! Phải? pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo với Sãriputta và Moggallãna là các vị dẫn đầu, sẽ đến VeḷukandakĨ nhưng chưa ăn sáng. Sau khi chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.,, Thưa Tôn giả5 mong rằng mọi công đức của buổi cúng dường này sẽ đem lại an lạc cho Đại vương Vessavana! -Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà có thê nói chuyện, mặt tận mặt với một thiên tử có đại thân lực như vậy, có đại uy lực như vậy. Thưa Tôn giả5 không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, Nanda, đứa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó9 bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đứa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói5 khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đổi khác. Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy. Thưa Tôn giả5 không phải chỉ có sự vi diệu như vậy5 sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây5 thưa Tôn giả5 người chồng của con, khi mệnh chung sanh vào sanh loại dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết không vì nhân duyên ây, tâm của con có đôi khác. - Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy. Thưa Tôn giả? không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu5 hy hữu khác. Thưa Tôn giả, khi còn là thiếu nữ, được đưa đến cho chồng con, con rõ biết con không có một tâm vi phạm (aticarỉtã) đối với chồng con, huống nữa là về thân! Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

—Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, khi con tự chấp nhận là một nữ cư si, con rõ biết con chưa từng vi phạm một học pháp nào. Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Thưa Tôn giả? không phải chỉ có sự vi diệu như vậy5 sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Ở đây, thưa Tôn giả5 nêu con muôn, con có thê ly dục, ly pháp bât thiện, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, con chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ5 con trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, con chứng đạt và an trú Thiền thứ ba; đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt các hỷ ưu đã cảm thọ trước, con chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy9 sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Năm hạ phần kiêt sử được Thế Tôn thuyết giảng, con thấy rõ không còn pháp nào ở nơi con chưa được đoạn tận. -Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Rồi Tôn giả Sãriputta, sau khi với một pháp thoại nói lên cho nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, khích lệ9 làm cho phấn khởi9 làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

874 KINH TĂNG CHI BỘ

VL PHẨM KHÔNG TUYÊN BỐ (ABYÃKATAVAGGA)

I. KINH KHÔNG TUYÊN BỐ (Abyãkatasutta)9ồ (Ắ. IV. 67) 54. Bấy giờ, một Tỷ-ldieo đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, do nhân gi, do duyên gì? đối với vị Thánh đệ tử có nghe nhiêu, nghi ngờ không khởi lên đôi với những vân đê không được tuyên bố?90 91 Này Tỷ-kheo? do kiến diệt (ditthinirodha). yới yị Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đôi với những vân đề khônệ được tuyên bố: “Sau khi chết, Như Lai có tồn tại", này Tỷ-kheo, là một tà kiên; sau khi chết, Như Lai không tồn tqi'\ này Tỷ-kheo, là một tà kiến; ÍÊsau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tạf\ này Tỷ-kheo, là một tà kiến; "sau khi chết, Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại", này Tỷ-kheo, là một tà kiến. Này Tỷ-kheo, kẻ phàm phu khônệ có nghe nhiêu, không tuệ tri kiên, không tuệ tri kiên tập khởi, không tuệ tri kiên đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến kiến đoạn diệt; kiến của n^ười ấy tăng trưởng; người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chêt, sâu, bi, khô, ưu, não; Ta nói răng: "Người ấy không thoát khỏi kh&” Này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, tuệ tri kiến, tuệ tri kiến tập khởi, tuệ tri kiến đoạn diệt, tuệ tri con đường đưa đến kiến đoạn diệt; kiến của người ấy tiêu diệt; người ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết5 sầu, bi, khổ? ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy thoát khỏi kh6.'' Này Tỷ-kheo, do biết vậy, do thấy vậy? vị Thánh đệ tử có nghe nhiều không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại”; Iđiông có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không có tồn t@i”; không có tuyên bố: “Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn i"; không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không

không tồn tại." Do biết vậy, do thây vậy? này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, có một thái độ không tuyên bố đối với những vấn đề không được tuyên bố. Do biết vậy, do thấy vậy, nàỵ Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử không có sợ hãi, khôn^ có rung động, không có chấn động, không rơi vào hoảng sợ đối với các vân đê không được tuyên bố.

90 Tham chiếu: Kiến kinh (7.01.0026.220. 0803c08); Phật thuyết Tà kiến kỉnh (roi. 0093. 0917a07). 91 Abyãkata. Xem4 V. 193; D. L 188; MA. 426; 5. IV. 375.

“Sau khi chết? Như Lai có tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối. "Say khi chết, Như Lai không tồn tai9\ này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái5 thuộc yề tưởng, thuộc về tư duy5 thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối. “Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại”, này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối. "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối. Này Tỷ-kheo5 kẻ phàm phu nghe ít, không tuệ tri truy hối, không tuệ tri truy hối tập khởi, không tuệ tri truy hối đoạn diệt5 không tuệ tri con đường đưa đến truy hối đoạn diệt; truy hối của người ấy tăng trưởng; người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi kh6.“ Và này Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, tuệ tri truy hối, tuệ tri truy hối tập khởi? tuệ tri truy hối đoạn diet, tuệ tri con đường đưa đến truy hối đoạn diệt; truy hối của vị ấy bị tiêu diệt; vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy thoát khỏi kh8.” Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại"; không tuyên bo: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại”; khôĩiệ tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại"; không tuyên bo: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại." Do biết vậy, do thấy vậy, này^ Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử không có sợ hãi, không có rung động, không có chấn động9 không rơi vào hoảng sợ đối với các vấn đề không được tuyên bố. Này các T-kheo, đây là nhân, đây là duyên, đối với vị Thánh đệ tử có nghe nhiêu, nghi ngờ không khởi lên đôi với những vân đê không được tuyên bô. II. KINH SANH THÚ CỦA LOÀI NGƯỜI (Purisagatisuttẩỷ 1 (A. IV. 70) 55. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về bảy sanh thú của loài người, và 93 Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. không chấp thủ Bát-niết-bàn.92 -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: —Này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy sanh thú của loài người?

92 Tham chiếu: Thiện nhân vãng kinh (TOI. 0026.6. 0427al3). 93 Anupãdãparỉnỉbbãnam ẠA. IV. 40: Anupãdãparỉnỉbbãnantỉ apaccayanỉbbãnam (4íKhông chấp thủ B4tni%t-bàlr nghĩa là Niết-bàn không còn sự tích tập, chấp thủ). Xem 4 I. 44; M. I. 148.

Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không c6, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì c6, cái gì được thành, ta đều từ b6.” Vị ấy có được xả5 vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ây thây có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh5 một miếng vụn có thể văng ra và trở thành nguội lạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy5 suy nghĩ như sau: 6tNêu cái này không có5 cái này có thê không phải của ta. Nêu cái này sẽ khônệ c6, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có5 cái gì được thành, ta đêu từ bỏ?5 Vị ây có được xả, vị ây không tham đăm sanh hữu, không tham đăm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con duờng vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ây. Vị ây chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ây chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phân kiêt sử, vị ây chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nêu cái này không c6, cái này có thê không phải của ta. Nêu cái này sẽ không có5 cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ b6." Vị ấy có được xả5 vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ5 vị ây thây có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ây chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niết-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh5 một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguội lạnh. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy5 suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không c6, cái này có thể không phải của ta. Nấu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của Do diệt tận năm hạ phân kiêt sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niết-bàn. Nhimg ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy9 suy nghĩ như sau: "Nêu cái này không có, cái này có thê không phải của ta. Nêu cái này sẽ không c6, cái này sẽ không phải của ta.." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chúng được Trung gian Bát-niết-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cái bát băng săt được đôt cháy cả ngày và được đập đánh, một miêng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 877

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy5 suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..."Vj ấy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành

như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra5 có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nấu cái này không có? cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sỉr, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn. Nhưng ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy5 suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không c6, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo? trên một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra5 có thể bay lên5 có thể rơi xuống trên một đống cỏ nhỏ hay trên một đống củi nhỏ; miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đống cỏ nhỏ ấy hay đống củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có5 cái này sẽ không phải của ta.." Vị ấy do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Nhxmg ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..” Vị ây, do diệt tận năm hạ phần kiêt sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một cái bát băng săt được đôt cháy cả ngày và được đập đánh, một miêng vụn có thê văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuông trên một đông cỏ rộng lớn hay trên một đông củi rộng lớn; miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đôt cháy tiêu hêt đông cỏ rộng lớn hay đông củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này sẽ không phải của ta. Neu cái này sẽ không c6, cái này sẽ không phải của ta..."Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niêt-bàn. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ

như sau: C6Nêu cái này không c6, cái này có thê không phải của ta. Nêu cái này sẽ không c6, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ.95 Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu; với chánh trí tuệ9 vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ây chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phân kiêt sử, vị ây chứng được Thượng lưu đi đên trời Săc Cứu Cánh. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, và có thể bay

lên? có thể rơi xuống trên đống cỏ to lớn hay đống củi to lớn; miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu r r r , 9 Ị. e hêt đông cỏ to lớn hay đông củi to lớn ây9 thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm? nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước5 hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy? suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không c6, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Thượng lim Bát-niêt-bàn đi đên trời Săc Cứu Cánh. Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài người. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp thủ Bát-niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy5 suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không c6, cái này có thê không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ khônệ phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đêu từ b6." Vị ấy có được xả? vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ây chứng đăc trọn vẹn hoàn toàn con đường ây. Vị ây chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ây đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phân kiêt sử, vị ây tự mình với thăng trí, ngay trong hiện tại chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là không chấp thủ Bát-niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo5 đây là bảy sanh thú của loài người và không chấp thủ Bát-niết-bàn. IIL KINH PHẠM THIÊN TISSA (Tissabrahmãsuttd) (Ả. IV. 74) 56. Như vây tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Bây giờ5 có hai thiên nhân sau khi đêm đã gân mãn5 với dung săc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakuta, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rôi đứng một bên. Đứng một bên9 một thiên nhân bạch The Tôn:

Bạch Thế Tôn5 những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát. Thiên nhân khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y.94 Các thiên nhân ây nói như vậy. Bậc Đạo sư châp nhận. Rôi các thiên nhân ấy, sau khi được biết: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận,\ đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rải Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, bảo các Tỷ-kheo: -Đêm nay. này các Tỷ-kheo9 có hai thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung săc thù thăng chói sáng toàn vùng Gijjhakuta, đi đên Ta; sau khi đên, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên9 một thiên nhân bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát.^, Thiên nhân khác bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, những Tỷ-ldieo-ni này khéo giải thoát, không có dư y." Này các Tỷ-kheo, các thiên nhân ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, các thiên nhân ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahãmoggallãna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna suy nghĩ như sau: "Những thiên nhân nào có trí như sau: CCÓ dư y là có dư y' hay 'không có dư y là không có dư y'?” Lúc bấy giờ5 Tỷ-kheo tên là

Tissa mệnh chung không bao lâu và được sanh lên một Phạm thiên giới. Tại đấy9 họ được biết vị ấy là Phạm thiên Tissa, có đại thần lực, có đại uy lực. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna, như người lực sĩ duỗi cánh đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, biến mất ở Gijjhakuta và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên Tissa thấy Tôn giả Mahãmoggallãna từ xa đi đến; sau khi thấy? liền nói với Tôn giả Mahãmoggallăna: Hiền giả Moggallãna, hãy đến đây! Thiện lai Hiền giả Mogệallãna! Đã lâu, Hiền giả Moggallãna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Hãy ngồi9 Hiền giả Moggallãna, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn! Tôn giả Mahãmoggallãna ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Phạm thiên Tissa đảnh lễ Tôn giả Mahãmoggallãna rồi ngồi xu6ng một bên. Tôn giả Mahãmoggallãna nói với Phạm thiên Tissa đang ngồi xuông một bên: Những thiên nhân nào có trí như sau: “C6 dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"? -Thưa Hiền giả Moggallãna, Phạm Chúng thiên có trí như sau: "C6 dư y là có dư y” hay "không có dư y là không có dư y." Này Tissa, có phải tât cả chư thiên ở Phạm Chúng thiên đêu có trí như vậy: "C6 dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"? Thưa Hiền giả5 không phải tất cả chư thiên ở Phạm Chúng thiên đều có trí như vậy: "C6 dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y."Thưa

94 Anupãdỉsesã. Ả. AA. IV. 40:1. Anupãdỉsesãti X • r •• X atthapetvặ parícahi vỉmuttĩhỉ anavasesãhỉpỉ upãdãnasesam X vimuttã (4íKhông có dư y" nghĩa là sau khi không còn chập thủ, vị ây giải thoát nhờ sự giải thoát khỏi năm thủ, không còn dư sót). Chỉ cho nữ Tôn giả Mahapajãpati và năm trăm Tỷ-kheo-ni.

Hiền giả Moggallâna, những thiên nhân nào ở Phạm Chúng thiên bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên,95 không như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy,96 những vị ấy không có trí như sau: "C6 dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y." Và thưa Hiền giả Moggallãna, những thiên nhân nào ở Phạm Chiing thiên, không bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, không băng lòng với dung săc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy, những vị ấy có trí như sau: “C6 dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y." Ở dây, thưa Hiền giả Moggallãna, Tỷ-kheo được giải thoát cả hai phần.97 Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: "T6n giả này được giải thoát cả hai phần.59 Khi thân còn tồn tại, các thiên nhân và loài người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy.98 Như vậy9 thưa Hiền giả Moggallãna, các thiên nhân ây có trí như sau: "Không có dư y là không có dư y.” Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallãna, Tỷ-kheo được Tuệ giải thoát. Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: uTôn giả này được Tuệ giải thoát." Khi thân còn tồn tại, các thiên nhân và loài người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các thiên nhân và loài người không thây được vị ây. Như vậy, thưa Hiên giả Moggallãna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Không có dư y là không có dư y.” Nhimg ở dây, thưa Hiền giả Moggallãna, Tỷ-kheo Thân chứng. Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: "T6n giả này là vị Thân chứng. Rất có thể Tôn giả nàỵ5 do sử dụng các sàng tọa thích đáng," do thân cận các thiện

bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.,10° Như vậy? thưa Hiền giả Moggallãna, các thiên nhân ây có trí như sau: “C6 dư y là có dư y." Nhimg ở đây, thưa Hiền giả Mogệallăna, Tỷ-kheo Kiến chí... Tín giải thoát... Tùy pháp hành. Chư thiên ấy biet về vị ây như sau: "Tôn giả này là vị Tùy pháp hành. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chê ngự các căn5 vị ây có thê ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ây chơn chánh xuât gia, từ bỏ gia dinh, sông không gia đình.,, Như vậy5 thưa Hiên ệiả Moggallãna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Hay trong các vị có dư y, vị ây là vị có dư y."*

95 Ãdhỉpateyyena. Xem D III. 146.

96 Uttarỉ nissaranam yathãbhũtam. Xem 4 II. 10; V. 188; D. II. 69; M. I. 326; s. I. 142; II. 5.

97 Ubhatobhãgavỉmutto. Xem 4 IV. 14.

98 XemD. I. 46.

99 Anulomikãnỉ senãsanãnỉ. XemD I. 71.

100 Xem MA. 477.

Rồi Tôn giả Moggallãna hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa. Như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy5 Tôn giả biến mất ở Phạm thiên giới5 hiện ra tại Gijjhakuta. Rồi Tôn gia Mahãmoggallãna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Mahãmoggallăna đem câu chuyện nói với Phạm thiên Tissa như thế nào, tường thuật hết tất cả cho Thế Tôn nghe. -Nhưng này Moggallãna, Phạm thiên Tissa không nói cho ông về hạng người Trú vô tướng thứ bảy.101102 - Bạch Thế Tôn, nay là thời; bạch Thiện Thệ, nay là thời để Thế Tôn nói về người Trú vô tướng thứ bảy. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. - Này Moggallãna, hãy lắng nghe! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Mahãmoggallãna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Ở dây, này Moggallãna, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng đạt vô tướng tâm định và an trú. Các thiên nhân ấy biết về vị ấy như sau: "Tôn giả này, do không tác ý tất cả tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Rất có thể Tôn giả này do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn? vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia dinh.” Như vậy, này Moggallãna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "C6 dư y là có dư y.” IV. KINH ĐẠI TƯỚNG SĨHA (Sĩhasenãpatisuttă)^ (Ả. IV. 79) 57. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi FT1___ z ... _ ____ _ A- • ^1. Ạ _ rr^l_ A FT1 A___ _____ 1 • 4- A _ 1 A nnl A rTi _A • _ _ A • _____ A Tướng quân Sĩha đi đen The Tôn; sau khi đen, đanh lê The Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, Tướng quân Sĩha bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n,

Thế Tôn có thể nêu rõ kết quả hiện tại của sự bố thí? Này Sĩha9 ở đây Ta sẽ hỏi ông. Ông kham nhẫn như thế nào5 hãy trả lời như vậy. Ông nghĩ thế nào, này Sĩha5 ở đây có hai người: Một người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu; một người có lòng tin là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ; ông nghĩ thế nào5 này Sĩha, các vị A-la-hán có lòng từ mẫn sẽ có lòng từ mẫn với ai trước: Với người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay với người có lòng tin, là người thí chủ, không có chấp thủ? Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán có lòng từ mẫn sẽ có lòng từ mẫn với hạng người này trước được? Và bạch Thế Tôn, người nào có lòng tin, là người thí chủ, không

101 Chủ giải giải thích đây chỉ cho vị Tùy tín hành. Xem A. IV. 14. 102 Tham chiếu:.(7.02. 0125.52.6. 0826a01).

CÓ chấp thiỉ, các vị A-la-hán có lòng từ mẫn sẽ có lòng từ mẫn với hạng người này trước. Ong nghĩ thê nào, này Sĩha? các vị A-la-hán đi đên thăm, có thê đên thăm ai trước: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ? Bạch Thế Tôn5 hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán đi đến thăm có thể đến thăm trước được? Và bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, không có chấp thủ, các vị A-la- hán đi đến thăm sẽ đi đến thăm hạng người này trước. Ong nghĩ thê nào, này Sĩha, các vị A-la-hán thọ lãnh đồ ăn khât thực, có thể thọ lãnh của ai trước: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiêt, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ? Bạch Thê Tôn? hạng người khônạ có lòng tin, xan tham, keo kiêt, ác khâu, làm sao các vị A-la-hán thọ lãnh có thê thọ lãnh của hạng người ây trước được? Và bạch Thế Tôn? hạng người có lòng tin? là người thí chủ? ưa thích không chấp thủ5 các vị A-la-hán thọ lãnh có thể thọ lãnh của hạng người này trước. Ông nghĩ thế nào, này Sĩha, các vị A-la-hán thuyết pháp cho ai trước: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chiỉ, ưa thích không chấp thủ? Bạch Thế Tôn? hạng người không có Ibng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán thuyêt pháp sẽ thuyêt pháp cho hạng người ây trước được? Và bạch Thế Tôn5 hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ9 các vị A-la-hán thuyết pháp có thể thuyết pháp cho hạng người này trước. Ong nghĩ thê nào, này Sĩha, danh tiêng tôt đẹp của ai được truyên rộng ra: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ? ưa thích không chấp thủ? Bạch Thê Tôn? hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiêt? ác khâu? làm sao danh tiếng tốt đẹp của hạng người ấy được truyền rộng ra được? Bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ5 ưa thích không chấp thủ. danh tiêng tôt đẹp của hạng người này có thê được truyên rộng ra. Ông nghi thế nào, này Sĩha, ai đi đến bất cứ hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đê-lỵ? hoặc hội chúng Bà-la-môn? hoặc hội chúng gia chủ? hoặc hội chúng Sa-môn? đi đến không sợ hãi5 không rụt rè: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ9 ưa thích không chấp thủ? —Bạch

Thế Tôn, hạng ĩiệười không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao hạng người ấy đi đên bất cứ hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-lỵ? hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn5 đi đến không sợ hãi, không rụt rè được? Bạch Thế T6n, hạng người có lòng tin, là

người thí chủ, ưa thích không châp thủ, hạng người ây đi đên bât cứ hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đê-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn5 sẽ đi đến không sợ hãi, không rụt rè. Ông nghĩ thế nào, này Sĩha, sau khi thân hoại mệnh chung, ai có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này: Hạng người không có lòng tin5 xan tham, keo kiết5 ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ? Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao hạng người ây? sau khi thân hoại mệnh chung5 sẽ có thê sanh lên thiện thú, thiên giới? cõi đời này được? Bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ, hạng người này, sau khi thân hoại mệnh chung có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Bạch Thế Tôn, các kết quả hiện tại của bố thí này được Thế Tôn tuyên bố5 không phải vì chúng, con đi đến lòng tin đối với Thế Tôn. Con biết chúng. Bạch Thế Tôn? con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có lòng từ mẫn5 có lòng từ mẫn với con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có đi đến thăm, đi đến thăm con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có nhận lãnh đồ ăn khất thực, nhận lãnh của con trước. Bạch Thế Ton, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có thuyết pháp, thuyết pháp cho con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, 1 người thí chủ, tiếng đồn tốt đẹp về con được truyền rộng ra: "Tướng quân Sĩha là người bố thí, là người hành động? là người ủng hộ chúng Tăng.,, Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; con đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ5 hoặc hội chúng Sa-môn, con đi đến không sợ hãi? không rụt rè. Bạch Thế Tôn5 các kết quả hiện tại của bố thí này được Thế Tôn tuyên bố? không phải vì chúng, con đi đến lòng tin đối với Thế Tôn. Con biết chúng. Nhưng bạch The Ton, The Tôn đã nói về con như sau: "Síha là người bố thí, là thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thìi, thiên giới5 cõi đời nay?9 Con không biết vấn đề này, ở đây5 con đi đến lòng tin nơi Thế Tôn. -Như vậy là phải, này Sĩha! Như vậy là phải, này Sĩha! Sĩha là người bố thí, là người thí chủ? sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú? thiên giới, cõi đời này. V. KINH KHÔNG CÓ CHE ĐẬY (Arakkheyyasutta) (4 IV. 82) 58. Này các Tỷ-kheo? có bốn điều Như Lai không phải che đậy,103 và đối với ba điều, Như Lai không có phạm lỗi. Thế nào là bốn điều Như Lai không phải che đậy?

103 Ba điều, xemD. III. 217.

Này các Tỷ-kheo? thân hành của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có thân ác hành, khiên Như Lai phải che đậy: “Dừng đê cho người khác biêt việc này của Ta!" Này

các Tỷ-kheo? khẩu hành của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có khâu ác hành, khiên Như Lai phải che đậy: "Bừng đê cho người khác biêt việc này của Ta!” Này các Tỷ-kheo, ý hành của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có ý ác hành, khiến Như Lai phải che đậy: "Dừng để cho người khác biết việc này của Ta!" Này các Tỷ-kheo, mạng sống của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có tà mạng, khiên Như Lai phải che đậy: "Đừng đê cho người khác biêt việc này của Ta!" Bốn điều này, Như Lai không phải che đậy. Thế nào là ba điều Như Lai không có phạm lỗi? Này các Tỷ-kheo? pháp được Như Lai khéo thuyết. Ở dây, chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn5 hay Bà-la-môn, hay thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội một cách đúng pháp: “d đây, pháp không được Như Lai khéo thuyết." Này các Tỷ-kheo5 Ta không thấy có tướng này. Này các Tỷ-kheo, do không thây có tướng này, Ta an trú, đạt được an ôn, đạt được không sợ hãi? đạt được không hoảng sợ. Này các Tỷ-kheo? con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử được Ta làm cho khéo rõ biết. Nhờ thực hành con đường như vậy, các đệ tử của Ta do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thăng trí chứng ngộ9 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ở đây chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn5 hay Bà-la-môn, hay thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội Ta một cách đúng pháp: "d dây, con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử không được Như Lai làm cho khéo rõ biết. Nhờ thực hành con đường như vậy, các đệ tử của Như Lai do diệt tận các lậu hoặc... và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.Này các Tỷ-kheo5 Ta không thấy có tướng này. Này các Tỷ-kheo5 do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn5 đạt được không sợ hãi9 đạt được không hoảng sợ. Này các Tỷ-kheo5 có đến hàng trăm hội chúng đệ tử của Ta do diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ở dây, chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn5 hay Bà-la-môn, hay Thiên nhân9 hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội Ta một cách đúng pháp: "Nhu vậy5 Như Lai không có hàng trăm hội chúng đệ tử, do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.,, Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Này các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi5 đạt được không hoảng sợ. Đối với ba điều này, Ta không có phạm lỗi.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 885

Này các Tỷ-kheo9 có bốn điều này, Như Lai không phải che đậy, và đối với ba điều này5 Như Lai không có phạm lỗi.

VI. KINH KIMBILA (Kimilasutta)^ (4 IV. 84) 59. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilã, tại rừng Trúc. Rồi Tôn giả Kimbila104 105106 đi đen The Tôn; sau khi đen, đanh lê Thê Tôn, roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Ở đây? này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo-ni5 nam cư si, nữ cư sĩ sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận

chúng Tăng; sống không cung kính, không tùy thuận học pháp; sống không cung kính, không tùy thuận thiền định; sống không cung kính, không tùy thuận không phóng dật; sống không cung kính, không tùy thuận nghênh đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gi, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài? Ở dây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni5 nam cư si, nữ cư sĩ sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận thiền định; sống cung kính, tùy thuận không phóng dật; sống cung kính, tùy thuận nghênh đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. VII. KINH BẢY PHÁP (Sattadhammasutta) (A. IV. 85) 60. Này các Tỷ-kheo, thành tựu bảy pháp này5 Tỷ-kheo không bao lâu diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ5 chứng đạt và an trú. Thế nào là bảy? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin; có giữ giới; có nghe nhiều; sống thiền tịnh; tinh cần tinh tấn; có chánh niệm; có trí tuệ. Thành tựu bảy pháp này? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không bao lâu, do diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú. VIII. KINH NGỦ GỤC (Pacaỉãyamãnasutta)iQ6 (A. IV. 85) 61. Như vây tôi nghe.

104 Xem 4 IV. 40; D. III. 244, 280; Vin. V. 92. 105 Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila. 106 Tham chiếu: Trưởng ỉão thượng tôn thủy miên kỉnh (roi. 0026.83. 0559Ồ27); Ly thùy kinh 0047. 0837a06).

886 KINH TĂNG CHI Bộ

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhaggtại núi Sumsumãragiri, rừng BhesakaỊã, ở Vườn Nai. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Mahãmoggallãna đang ngồi ngủ gục? trong làng Kallav!aputta, giữa dân chúng Magadha. Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thây Tôn giả Mahãmoggallãna đang ngôi ngủ gục, trong làng KallavãỊaputta, giữa dân chúng Magadha. Thấy vậy, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thê Tôn biên mât giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Sumsumãragiri, rừng BhesakaỊă, ở Vườn Nai, rồi hiện ra trước mặt Tôn giả Mahãmoggallãna, tại làng KallavãỊaputta, giữa dân chúng Magadha. Thê Tôn ngôi xuông trên chô đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahãmoggallãna: Này Moggallãna, có phải ông ngủ gục? Này Moggallãna, có phải ông ngủ gục? -Thưa phải, bạch Thế Tôn. —Do vậy9 này Moggallãna, khi nào ông trú có tưởng và thụy miên xâm nhập ông? chớ có tác ý đến nó, chớ có tưởng nhiều đến nó.107 Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy9 thụy miên ấy được đoạn diệt. Nêu ông trú như vậy và thụy miên ây không được đoạn diệt, thời này Moggallãna, với tâm của ông, hãy tùy tầm, tùy tứ, với ý hãy tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy5 thụy miên ấy được đoạn diệt. Nêu ông trú như vậy và thụy miên ây không được đoạn diệt, thời này Moggallãna, ông hãy đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy? thụy miên ấy được đoạn diệt. Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallãna, ông hãy kéo hai lỗ tai của ông? và

lấy tay xoa bóp tay chân. Sự kiện này có xảy ra5 do ông trú như vậy5 thụy miên ấy được đoạn diệt. Nêu ông trú như vậy và thụy miên ây không được đoạn diệt, thời này Moggallãna, ông hãy từ chỗ ngồi5 đứng dậy lấy nước chùi mắt5 nhìn về phía chân trời và nhìn lên các sao lấp lánh. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt. Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diet, thời này Moggallãna, ông hãy tác ý đến quang tưởng và an trú vào tưởng ban ngày. Như ban ngày, ban đêm cũng vậy; như ban đêm5 ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn chế, ông phải tu tập cho tâm được sáng chói. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt. r # r

Nêu ông trú như vậy và thụy miên ây không được đoạn diệt5 thời này Moggallãna, ông hãy trú tâm trên chỗ kinh hành với tưởng trước mặt và sau

107 Tam sannam mã manasãkãsi, tarn sannam mã bahulamakãsi.

lưng,108 với căn hướng nội5 với ý không hướng ngoại. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy thụy miên ấy được đoạn diệt. Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diet, thời này Moggallãna, ông hãy năm như dáng năm con sư tử vê phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý với tưởng thức dậy.109 Và khi thức dậy, này Moggallãna, ông hãy thức dậy thật mau5 nghĩ rằng: "Ta sẽ trú, không có chú tâm đên lạc năm ngủ5 lạc năm xuông một bên, lạc thụy miên.^, Như vậy5 này Moggallãna, ông cần phải học tập. Do vậy, này Moggallãna, hãy học tập như sau: "Không say sưa trong cao ta sẽ đi đến thăm các gia dinh." Này Moggallãna, như vậy các ông mạn,110111 113 112 cần phải học tập. Này Moggallãna, nếu Tỷ-kheo say sưa trong cao mạn đi đến thăm các gia đình; trong các gia đình, này Moggallãna, người ta có nhiều công việc phải làm; do vậy, người ta không có tác ý đên Tỷ-kheo đã đi đên. ơ đây, Tỷ-kheo ấy có thể suy nghĩ: "Nay, ai đã chia rẽ ta với gia đình này. Các người này không ưa thích gì ta."111 Như vậy9 do không được gi, vị ấy nản chí,112 vị ấy dao động; do dao động, vị ấy không phòng hộ; do không phòng hộ9 tâm rời xa thiền định. Do vậy, này Moggallãna, hãy học tập như sau: "Ta sẽ không nói lời khiêu khích."ii3 Như vậy, này Moggallãna, ông cần phải học tập. Khi nào có lời khiêu khích, này Moggallãna, thời chờ đợi là nhiều lời qua tiếng lại; khi nào có nhiều lời qua tiếng lại, thời có dao động. Với người có dao động, thời không có phòng hộ; với người không có phòng hộ, tâm rời xa thiền định. Này Moggallãna, Ta không tán thán tât cả sự liên hệ nhưng không phải Ta không tán thán tất cả sự liên hệ. Thật vậy, này Moggallãna, Ta không tán thán các vị xuất gia có sự liên hệ với các gia chủ. Nhimg với các trú xứ ít tiếng ồn5 ít tiếng động? thoát khỏi hơi thở của nhiều người, những chỗ ở cô độc xa vắng loài người, thích hợp cho đời sống thiền tịnh,114115 Ta tán thán sự liên hệ với những trú xứ như vậy. Được nghe nói như vậy? Tôn giả Mahãmoggallãna bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào, tóm tắt lại,115 một Tỷ-kheo được giải

108 Pacchãpuresannĩ. AA. IV. 42: Pacchãpuresannĩtỉ purato ca pacchato ca abhiharanasannaya sannãvã ("V6i tưởng trước mặt và sau lưnE" nghĩạ là co tưởng,

hương tưởng lại gần từ phía trước và từ phía sau). Xem GS. III. 21 về thiền định trên chỗ kinh hành. 109 Xem z). II. 134; Mill. 3. 110 Uccasondampaggahetvã. AA. IV 42: Sonậantỉ manasondam ("Say sua" nghĩa là say sưa trong "mạn"). 111 Vìrattarũpãdãnĩ. cần phải viết là vỉrattarũpã'dãn 'ỉme. 112 Mankubhãvo. AA. IV. 42: Mankubhãvotỉ nittejata domanassatã (4tNản chí" ỉà trạng thái ưu phiền, không còn sức lực). 113 Vìggãhỉkakathã. XemZ). I. 8; M. II. 3; s. III. 12; Sn. 180. 114 Patỉsallãnasãruppãnỉ. D. III. 38; M. II. 118 và III. 13; Vìn. I. 39; 115 Xem MI. 251.

thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái (tanhã). đạt đến mục đích cứu cánh, 116 đạt đến cứu cánh an ôn khỏi ách nạn, đạt đên cứu cánh Phạm hạnh, đạt đên cứu cánh của cửu cánh, trở thành tối thượng giữa chư thiên và loài người? Này Moggallãna, ở dây, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Không nên thiên chấp tất cả pháp.” Này Moggallãna, và Tỷ-kheo được nghe như sau: "Không nên thiên chấp tất cả pháp”. Vị ấy thắng tri tất cả pháp; do thắng tri tất cả pháp, vị ấy liễu tri tất cả pháp; do liễu tri tất cả pháp, phàm có cảm thọ gì được cảm giác lạc, khổ hay không khổ không lạc, vị ấy trú tùy quán vô thường đối với các cảm thọ ấy; vị ấy trú tùy quán ly tham; vị ấy trú tùy quán đoạn diệt; vị ấy trú tùy quán từ bỏ. Do vị ấy trú tùy quán vô thường trong các cảm thọ5 do vị ấy trú tùy quán ly tham, do vị ấy trú tùy quán đoạn diệt, do vị ấy trú tùy quán từ bỏ, nên không chấp thủ một cái gì ở đời. Do không chấp thủ nên không lo âu. Do không tham đam nên tự mình nhập Niết-bàn. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nữa." Này Moggallãna, cho đến như vậy5 tóm tắt lại, một Tỷ-kheo được giải thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái, đạt đến mục đích cứu cánh, đạt đến cứu cánh an ổn khỏi các ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư thiên và loài người. IX. KINH TỪ TÂM (Mettasutta)ul (A. IV. 88) 62. Này các Tỷ-kheo, chớ có sợ hãi các công đức. Này các Tỷ-kheo? đồng nghĩa với an lạc chính là các công đức. Ta thắng tri rằng, này các Tỷ-kheo5 các công đức được làm lâu ngày có quả dị thục, có sự hình thành khả ái, khả hỷ, khả ý lâu ngày. Trong bảy năm Ta tu tập từ tâm, sau khi tu tập từ tâm bảy năm5 trong bảy thành kiếp hoại kiếp, Ta không trở lui lại thế giới này. Khi thê giới ở trong thành kiêp? này các Tỷ-kheo, Ta đi đên thế giới Quang Âm thiên (Ẅbhassarũpago homí). Khi thế giới ở trong hoại kiếp, Ta sanh ra trong Phạm cung trống khôn^. Ở dấy, này các Tỷ-kheo5 Ta là Phạm thiên, là Đại Phạm thiên, vị Chiến thắng, vị Vô năng thắng, vị Biến tri, vị Tự tại. Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, Ta là Thiên chủ Sakka. Nhiều lần bảy lần, Ta là vị Chuyển Luân Vương theo Chánh pháp, là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ5 đầy đủ bảy món báu. Này các Tỷ-kheo5 Ta có bảy loại châu báu này như là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu5 nữ báu, gia chủ báu, và cư sĩ báu là thứ bảy. Ta có hơn một ngàn người con trai, này các Tỷ-kheo, là những bậc anh hùng, dõng mãnh, đánh tan quân địch. Và khi Ta chiến thắng quả đất này xa cho đến bờ biển, Ta trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng dao, trị vì đúng với Chánh pháp. Hãy xem quả dị thục, Của các việc công đức?*

116 Accantanittho. Xem A. I. 291; D II. 283; s. III. 13. 117 Bản tiếng Anh của PTS: Amity, nghĩa là Tình bạn. Tham chiếu: Phước kỉnh (7.01. 0026.138. 0645C14).

Của các việc hiên thiện,
Với kẻ tìm an lạc.
Này Tỷ-kheo? Ta tu,
Từ tâm trong bảy năm,
Trong bảy thành hoại kiếp.
Khi thế giới thành kiếp,
Ta đạt Quang Âm thiên.
Khi thế giới hoại kiếp,
Sanh Phạm cung trống rỗng.
Bảy lần, Ta đóng vai,
Đại Phạm thiên, Tự tại,
Trong ba mươi sáu lần,
Làm Thiên chủ thiên giới.
Ta làm Vua Chuyển Luân,
Chủ tể cõi Diêm-phù.
Bậc Sát-lỵ quán đảnh9
Bậc chủ tể loài n^ười,
Ta chiến thắng đát này5
Với không trượng, không kiếm,
Không bạo lực, đúng pháp,
Đối mọi người bình đẳng,
Ta trị vì đúng pháp,
Trên cõi đất tròn này5
Ta khiến các gia đình,
Giàu lớn, tài sản lớn,
Họ hưởng mọi dục lạc,
Ta đầy đu bảy báu,
Chư Phật thương tưởng đời,118
Khéo dạy điều như vậy.
Đấy là nhân đại sự,
Được gọi là Địa vương.
Ta là vua, huy hoàng,
Bảo vệ nhiều tài sản,
Có thần lực, danh xưng,
Vương chủ rừng Diêm-phù,
Ai nghe không tịnh tín?

Trừ các loại ác sanh,
Do vậy muốn lợi ích,
118 Sangãhaka. ÅA. IV. 46: Tehỉ etam sudesitantỉ tehi sangãhakehi mahãkãrunỉkehỉ buddhehỉ etam ettakam thãnam sụdesitaĩn sukathitam ("Các Ngài khéo dạy điều như vay". "Các Ngi" chỉ cho chư Phật đại từ bi; điêu như vậy nghĩa là nhiêu vân đê như vậy; khéo dạy nghĩa là khéo thuyêt giảng, hương dẫn). Xem D. II. 268; M. II. 80.

A

Câu vọng sự lớn mạnh, Hãy kính trọng Diệu pháp, Hãy nhớ lời Phật dạy. X. KINH CÁC NGƯỜI VỢ (Bhariyãsuttd)^ (4 IV. 91) 63. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát5 đi đến trú xứ của gia chủ Anãthapindika; sau khi đến5 ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Lúc bẩy giờ, trong trú xứ của gia chủ Anãthapindika có nhiều người nói cao tiếng, nói lớn tiếng. Rồi gia chủ Anathapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: Này gia chủ, vì sao trong nhà của ông lại có nhiều người nói cao tiếng, nói lớn tiếng như những người đánh cá đang giành giựt cá?119 120 giàu có, đến đây từ một gia đình giàu Bạch Thế Tôn5 có nàng dâu Siýãtã121122 có. Nàng không vâng lời mẹ chồng, không vâng lời cha chồng, không vâng lời chồng; cũng không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường The Tôn. Rồi Thế Tôn cho gọi nàng dâu Sụjătã: Hãy đến đây, Sujãtã! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Nàng dâu Siýãtã vâng đáp Thế Tôn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nàng dâu Sujãtã đang ngồi một bên: -Này Sụjãtã, có bảy loại vợ này cho người đàn ông. Thế nào là bảy? Vợ như người sát nhân (yadhakasamã). vợ như người ăn trộm (corĩsamã). vợ như người chủ nhân (ayyasamã), vợ như người mẹ (mãtãsamã), vợ như người chị (bhaginĩsamã), vợ như người bạn (sakhĩsamã), vợ như người nữ tỳ (dãsĩsamã)}22 Này Sujãtã5 có bảy loại vợ này cho người đàn ông. Và con thuộc loại vợ nào? Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn, con không hiểu rõ ý nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn. -Vậy này Sigãtâ, hãy nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Sujata vang đáp The Ton. The Ton nói như sau:

119 Tham chiếu: Tãng. ^ (T.02. 0125.51.9. 0820c03); Tdng.(7.02.^0125.20.11. 0601al0); w thuyết A-tốc-đạt kinh (T.02. 014L 0863a21); Phật thuyết Ngọc da nữ kỉnh (r02. 0142a. 0863c 15); Ngọc da nữ kỉnh (T.02. 0142b. 0864c07); Ngọc da kmh i (T.02. 0143. 0865c20). 120 Macchavỉlope. Ví dụ này được tìm thấy trong A. III. 31, 342; M. I. 457; Ud. 24. 121 Sụjãtã là em gái của Visãkhã. 122 Xem 4 V. 264; M. I. 286; Vin. III. 139.

Ai tâm bị uê nhiêm,
Không từ mẫn thương người,

Thích thú những người khác,
Khinh rẻ người chồng mình,
Bị mua chuộc bằng tiền,
Hăng say giết hại người,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ sát nhân.
Còn hạng nữ nhân nào,
Tiêu xài tài sản chồng,
Do công nghiệp đem lại,
Hay thương nghiệp, nông nghiệp,
Do vậy5 nêu muôn trộm,
Dầu có ít đi nữa,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ ăn trộm.
Không ưa thích làm việc?
Biếng nhác nhung ăn nhiều,
Ac khâu và bạo ác5
Phát ngôn lời khó chịu5
Mọi cô găng của chông,
Đàn áp và chỉ huy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ chủ nhân.
Ai luôn luôn từ mẫn,
Có lòng thương xót người,
Săn sóc giúp đỡ chồng5
Như mẹ chăm sóc con,
Tài sản chồng cất chứa,
Biết hộ trì gìn giữ,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như mẹ.
Ai như người em gái,
Đối xử với anh lớn5
Biết cung kính tôn trọng,
Đối với người chồng minh,
Với tâm biết tàm quý?
Tùy thuận phục vụ chông,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như em.
Ai ở đời thấy chồng,

Tâm hoan hỷ vui vẻ,
Như người bạn tốt lành,
Đã lâu từ xa về,
Sanh gia đình hiền đức,
Giữ giới, dạ trung thành,
Hạng người vợ như vậy?
Được gọi vợ như bạn.
Không tức giận, an tịnh5
Không sợ hình phạt, trượng,
Tâm tư không hiềm hận,
Nhẫn nhục đối với chồng,
Không phẫn nộ, tức giận5
Tùy thuận lời chồng dạy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ nữ tỳ.
Ở đời các hạng vợ,
Được gọi vợ sát nhân,
Kể cả vợ ăn trộm,
Và cả vợ chủ nhân,
Vợ ấy không giữ giới,
Ác khẩu và vô lễ5
Khi thân hoại mệnh chung,
Bị sanh vào địa ngục.
Ở đời các hạng vợ,
Mẹ, em gái và bạn5
Và người vợ được gọi?
Là vợ như nữ tỳ5
An trú trên giới đức,
Khéo phòng hộ lâu ngày,
Khi thân hoại mệnh chung,
Được sanh lên thiện thú.

Này Sujātā, có bảy loại vợ này đối với người đàn ông. Con thuộc hạng người nào?

—Bạch Thế T6n, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy xem con là người vợ đối với chồng như nữ tỳ.

XI. KINH PHẪN Nộ (Kodhanasutta)n3 (Ả. IV. 94)

64. Này các Tỷ-kheo5 có bảy pháp này được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Thế nào là bảy?

123 Tham chiếu: Oản gia kinh (7.01. 0026.129. 0617Ồ19).

Ở đây5 này các Tỷ-kheo? người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này trở thành xấu xí!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo? người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có dung sắc. Này các Tỷ- kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, dâu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, tóc râu khéo sửa soạn, mặc toàn đô trăng,124 rôi người ây cũng trở thành xâu xí vì bị phân nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này ngủ một cách khổ s&!" Vì cớ sao? Này các Tỷ- kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình ngủ một cách an lành. Này các T-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, dầu có nằm trên ghế dài5 nệm trải bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía tuy vậy, họ vẫn ngủ một cách khổ sở vì trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ,125126 bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo? đây là pháp thứ hai được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Lại nữa, này các Tỵ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có lợi ích!" Vì cớ sao? Này các Tỷ- kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được lợi ích. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ5 bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, thâu hoạch điều bất lợi lại nghĩ rằng: "Ta được lọi ích", thâu hoạch điều lợi ích lại nghĩ rằng: "Ta không được lợi ích." Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đên người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Lại nữa, này các Tỵ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có tài sn!" Vì cớ sao? Này các Tỷ- kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được tài sản! Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, những tài sản nào của họ thâu hoạch do sự phấn chấn tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chồng chất do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thâu hoạch hợp pháp, 126 các tài sản ấy được nhà vua cho chở về ngân khố nhà vua vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đên người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

124 Xem D. I. 104; II. 325; s. I. 79; IV. 343. 125 Xem4 I. 137; III. 50; D. I. 7; Vin. L 192; II. 163. 126 Xem 4 II. 67; IIL 45, 76; IV. 281.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muôn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong răng kẻ này không có danh tiêng!99 Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo5 người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được danh tiếng. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ9 bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối5 nếu có được danh tiếng gì

nhờ không phóng dật thâu hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đay là pháp thứ năm được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có bạn bè!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được bạn bè. Này các Tỷ-kheo? hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì5 họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó vì người đó bị phẫn nộ chinh phục. Đây là pháp thứ sáu được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch? đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!,, Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ5 bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với khẩu, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý; do người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với khẩu, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú. đọa xứ, địa ngục. Đây là pháp thứ bảy được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đên người đàn bà hoặc người đàn ông phân nộ. Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Kẻ phẫn nộ xấu xí, Đau khổ khi nằm ngủ, Được các điều lọi ích, Lại cảm thấy bất lợi. Phẫn nộ, nó đả thương, Với thân, với lời nói5 Người phẫn nộ chinh phục, Tài sản bị tiêu vong. Bị phẫn nộ5 điên loạn, Danh dự bị hủy diệt, Bà con cùng bạn bè5 Lánh xa người phẫn nộ.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 895

Phẫn nộ sanh bất lợi,
Phẫn nọ dao động tâm,
Sợ hãi sanh từ trong,
Người ấy không rõ biết.
Phẫn nộ không biết lọi,
Phẫn nộ không thấy pháp,
Phẫn nộ chinh phục ai,
Người ấy bị mê ám.
Người phẫn nộ thích thú?
Làm ác như làm thiện, về sau phẫn nộ dứt,
Bị khổ như lửa đốt9
Như ngọn lửa đầu khói,
Được thấy sẽ bừng cháy.
Khi phẫn nộ lan tràn,
Khi tuôi trẻ nôi nóng5

Không biết tàm và quý,
Lời nói không cung kính,
Bị phẫn nộ chinh phục,
Không hòn đảo tựa nương.
Việc làm đem hối hận,
Rât xa với Chánh pháp?
Ta sẽ tuyên bố chúng,
Hãy nghe, như tuyên bố:
Phẫn nộ giết cả cha,
Phẫn nộ giết cả mẹ,
Phẫn nộ giết Phạm chí,
Phẫn nộ giết phàm phu.
Chính nhờ mẹ dưỡng dục,
Người thấy được đời này5
Nhưng phàm phu phẫn nộ,
Giết người cho sự sống.
Chúng sanh tự ví dụ?
Thương tự ngã tối thượng,
Phàm phu giết tự ngã5
Điên loạn nhiều hình thức,
Lây gươm giêt tự ngã,
Điên loạn uống thuốc độc,
Dây tự trói họ chết,
Trong hang động núi rừng,
Những hành động sát sanh,

Khiến tự ngã phải chết.
Họ làm nhưng không biết,
Kẻ phẫn nộ hại người,
Với hình thức phẫn nộ5
Bay ma ẩn trong tâm.
Hãy nhiếp phục5 cắt đứt,
Với tuệ, tấn, chánh kiến,
Bậc trí tuệ cắt đoạn?
Mỗi mỗi bất thiện pháp.
Như vậy học tập pháp,
Không để tâm nản chí,
Ly sân, không áo não,
Ly tham, tật đố không,

Nhiếp phục, đoạn phẫn nộ,
Vô lậu, nhập Niết-bàn.
CHƯƠNG VIL BẢY PHÁP 897

VIL PHẢM LỚN (MAHẪK4GGA)

I. KINH TÀM QUÝ (Hữĩottappasutta)ni (A, IV. 99) 65. Khi tàm không có5127128 này các Tỷ-kheo5 với người thiếu tàm, chế ngự các căn đi đến hủy diệt. Khi chế ngự các căn không có, với người thiếu chế ngự các căn, giới đi đến hủy diệt. Khi giới không c6, với người thiếu giới, chánh định đi đến hủy diệt. Khi chánh định không c6, với người không có chánh định, tri kiến như thật129 đi đến hủy diệt. Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như that, nhàm chán ly tham130 đi đến hủy diệt. Khi nhàm chán ly tham không c6, với người thiếu nhàm chán ly tham, giải thoát đi đến hủy diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây không có cành tri kiến131132 và lá, các mâm non của cây ây không đi đên thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tàm không có, với người không có tàm5 chế ngự các căn đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt. Khi tàm có mặt, này các Tỷ-kheo? với người đầy đủ tàm, chế ngự các căn đi đên đây đủ. Khi chê ngự các căn có mặt, với người đây đủ chê ngự các căn5 giới đi đến đầy đủ. Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như that, nhàm chán ly tham đi đến đầy đủ. Khi nhàm chán ly tham có mặt9 với người đầy đủ nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ. Ví nhu, này các Ty-kheo5 mot cay co canh va la/32 cac mam non cua cay ay đi đen thành mãn; Vỏ trong, giác cây5 lõi cây đi đên thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? khi tàm có mặt, với người đầy đủ tàm... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

127 Tham chiếu: Niệm kinh (7.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quý •(49! 0026.45 46. 0486a05-c22); Giới kỉnh (T.01. 0026.47-48. 0486a23-c03); Cung kỉnh kmh (7.01. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(T.02. 0099.495. 0129a09). 128 Xem4 IV. 335; GS. IV. 219 (kinh 81 ở sau); A. III. 19, 200, 360; V. 4, 313. 129 Tri kiến mới bắt đầu chứng được. 130 Tri kiến mạnh mẽ và con đường không có tham. 131 A-la-hán quả. 132 Ví dụ này xem M. I. 488.

898 KINH TẢNG CHI Bộ

II. KINH BẢY MẶT TRỜI (Sattasũriyasuttă)^ (4 IV. 100) 66. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Vesãli9 tại vườn Ambapãlĩ. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không kiên cố. Này các Tỷ-kheo5 các hành là không an ổn. Cho đến như vậy? này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài tám mươi bôn ngàn do-tuân (yq/ana), rộng tám mươi bôn ngàn do-tuân, chìm xuông biển lớn tám mươi bốn ngàn do-tuần, nổi lên trên biển lớn tám mươi bốn ngàn do-tuần. Này các Tỷ-kheo9 rồi có thòi, nhiều năm5

nhiều trăm năm5 nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, trời không mưa. Khi không có mưa, các loài chủng tử5 các loài thực vật, các rừng rậm thảo dược đều khô héo cằn cỗi, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Như vậy? này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Ty.kheo, là vừa đủ để nhàm chán? là vừa đủ để ly tham5 là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ- kheo5 rồi có thời, sau một thời gian rất dài5 mặt trời thứ hai hiện ra. Này các Tỷ-kheo? khi mặt trời thứ hai có mặt, thời tât cả sông nhỏ? ao nhỏ khô cạn, khô kiệt5 không có tồn tại. Như vậy? này các Tỷ-kheo9 các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo? rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng? sông Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ, các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt? không có tồn tại. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo5 rồi có một thòi, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra5 thời các biển hồ lớn, từ đấy các sông lớn chảy ra, ví như Anotatta, Sĩhapapãta, Rathakãra, Kannamunda, Kunãla? Chaddanta, Mandãkinĩ, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy? này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo5 rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, thời nước các biển lớn rút*

133 Xem D. II. 72. Bản tiếng Anh của PTS^TTze Sun, nghĩa là Mặt trời. Tham chiếu: Tang.(T.02. 0125.40.1. 0735Ồ20); Thất nhật kinh (roi. 0026.8. 0428c07); A-lan-na kỉnh (roi. 0026.160. 0682bl0).

lui một trăm do-tuân9 nước các biên lớn rút lui hai trăm do-tuân, nước các biên lớn rút lui ba trăm do-tuần... nước các biển lớn rút lui bảy trăm do-tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây Sãla5 sáu cây Sãla, năm cây Sãla5 bốn cây Sãla5 ba cây Sãla? hai cây Sãla5 chỉ một cây Sãla. Nước các biển lớn dừng lại, sâu đên bảy đâu người, sâu đên sáu đâu người, năm đâu người, bôn đâu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái có những vũng nước nhỏ đọng lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại chỗ này chỗ kia. Này các Tỷ- kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo9 rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra. Này các Tỷ-kheo5 khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên? thổi khói lên, phun khói lên. Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên9 phun khói lên. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên5 thổi khói

lên5 phun khói lên. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo5 rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra. Này các Tỷ-kheo5 khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa.134 Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chóp ngọn của núi Sineru cao đến một9 hai, ba5 bốn, năm trăm do-tuần5 khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên? bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liên sụp đô xuông. Sau khi quả đất lớn và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên5 cháy rực lên5 không tìm thấy tro và lọ đen. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên5 cháy rực lên5 không tìm thấy tro và lọ đen. Như vậy, này các Tỷ-kheo? các hành là vô thường. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, các hành là không kiên cố. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy5 này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham5 là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Ở dây, này các Tỷ-kheo, ai là người có thể nghĩ rằng, ai là người có thể tin rằng: "Quả đất này và núi chúa Sineru sẽ bị đốt cháy, sẽ bị hủy hoại5 sẽ không còn tôn tại nữa", trừ những người đã được chứng kiên. Thuở xưa5 này các Tỷ-kheo, có Đạo sư Sunetta thuộc ngoại dạo, đã ly tham trong các dục. Này các Tỷ-kheo9 Đạo sư Sunetta có hàng trăm người đệ tử. Đạo

134 Ẫdỉppantỉ pajjalanti ekạjãĩã bhavanti.

sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử về cộng trú với chư thiên ở Phạm thiên giới. Và tất cả những ai nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời thuyết dạy của Sunetta về cộng trú với chư thiên ở Phạm thiên giới, khi thân hoại mệnh chung, họ được sanh lên thiện thú5 Phạm thiên giới. Những ai không nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời dạy của Sunetta, sau khi thân hoại mệnh chung, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Đâu-suất thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Dạ-ma thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Tứ Thiên Vương thiên, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Sát-đế-lỵ, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Bà-la-môn, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình gia chủ. Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta suy nghi như sau: “That không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sanh thú giông như sanh thú của các đệ tử. Vậy ta hãy tu tập tối thượng từ bi.” Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta trong bảy năm tu tập từ tâm. Sau khi tu tập từ tâm bảy năm5 trong bảy thành kiếp hoại kiếp, vị ấy không trở lui lại thế giới này. Trong kiếp thành của thế giới, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến thế giới của Quang Âm thiên. Trong kiếp hoại của thế giới, vị ấy được sanh trong Phạm cung trông không. Tại đây? này các Tỷ-kheo, vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc Chiến thắng, bậc Ỵô năng thắng, bậc Biến tri, bậc Tự tại. Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo? vị ấy là Thiên chủ Sakka. Nhiều lần bảy lần, vị ấy là vị Chuyển Luân Thánh Vương theo Chánh pháp,

là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ? đây đủ bảy món báu. Vị ây có hơn một ngàn người con trai, là những bậc anh hùng, dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và vị ấy chiến thắng quả đất này xa cho đến hải biên, trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đúng với Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta ấy, dầu cho thọ mạng lâu dài như vậy? sống lâu dài như vậy, nhung không được thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ5 ưu, não. Ta nói rằng vị ấy chưa giải thoát khỏi khổ. Vì CỚ sao? Vì răng vị ây chưa giác ngộ, chưa thê nhập bôn pháp. Thê nào là bôn? Này các Tỷ-kheo9 vì không giác ngộ, không thể nhập Thánh giới; VI không giác ngộ, không thể nhập Thánh định; vì không giác ngộ5 không thể chấp Thánh trí tuệ; vì không giác ngộ, không thể nhập Thánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, sự kiện là như sau: Khi Thánh giới được giác ngộ5 được thể nhập; khi Thánh định được giác ngộ9 được thể nhập; khi Thánh trí tuệ được giác ngO, được thể nhập; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được thê nhập, được căt đứt là hữu ái? sợi dây đưa đến sanh hữu được đoạn tận, nay không có tái sanh. Thế Tôn nói như vậy. Bậc Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Vô thượng giới và định,135 Trí tuệ và giải thoát,

135 Bài kệ này và đoạn trước bài kệ được tìm thấy trong .II. 2; D. II. 123.

Gotama danh tiêng, Giác ngộ những pháp này. Đức Phật với thắng trí, Thuyết pháp cho Tỷ-kheo9 Bậc Đạo Sư đoạn khổ? Bậc Pháp Nhãn tịch tịnh. III. KINH THÀNH TRÌ (Nagaropamasutta)U6 (A. IV. 106) 67. Này các Tỷ-kheo5 khi nào một thành trì biên địa của vua được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì và bốn loại đồ ăn có được không khó 137 có được không mệt nhọc, có được không phí sức? thời này các Tỷ-kheo, khăn5136 thành trì biên địa ây được gọi là không bị chinh phục bởi quân địch ở bên ngoài và kẻ đông minh phản nghịch ở bên trong. Thế nào là được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ138 đâm sâu vào đất, khéo đào sâu, không bị dao động, không bị lay chuyển. Với trang bị thành trì thứ nhất này? là thành trì biên địa của vua. được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 trong thành trì biên địa của vua có một đường thông hào sâu và rộng. Với trang bị thành trì thứ hai này. là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường chạy vòng xung quanh vừa cao và vừa rộng. Với trang bị thành trì thứ ba này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị đê bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều vũ khí được cất chứa như cung tên và cây lao. Với trang bị thành trì thứ tư này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều quân đội đồn trú như: Những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa9 những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cờ5 các quan lo chỗ ở9 các lính lo vấn đề lương thực? những người con vua dõng mãnh (uggã

rặịaputtã), những đội xung kích, đội voi lớn, các dũng si, các binh sĩ mặc áo giáp, những người con của các nô tỳ. Với trang bị thành trì thứ năm này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị đế bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

136 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.39. 0730b02); Thành dụ kỉnh (7.01. 0026.3. 0422c09). 137 Xem4 I. 184; M. I. 33; s. II. 278; Ud. 37. 138 Esỉkã. Thành phố Kusãvatĩ có cột trụ như vậy. Xem D. I. 14, 56; II. 171; s. III. 200.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 trong thành trì biên địa của vua có người giữ cổng thành là người hiền trí thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt5 cho vào những người quen biết. Với sự trang bị thành trì thứ sáu này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng? ngoài mặt có trét vôi hồ. Với sự trang bị thành trì thứ bảy này5 là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Với bảy loại trang bị thành trì này, thành trì được xem là khéo trang bị. Thế nào là bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức? Ở dây, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ5 củi, nước được tích trữ đê những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo. trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại đậu và ngũ cốc139 để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều dược phẩm như thục tô5 sanh tô5 dầu, mật, đường bánh, muối140 để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Bốn loại đồ ăn này, có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc? có được không phí sức. Khi nào, này các Tỷ-kheo, một thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị với bảy món trang bị này của một thành trì và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn9 có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ- kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục bởi quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong. Cũng vậy5 nàỵ các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu với bảy Diệu pháp141 và bốn thiến142 thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử này được gọi là không bị Ma chinh phục, không bị ác chinh phục. Vị ấy thành tựu bảy pháp gì?

139 Tỉlamuggamãsãparannam.

140 Sappỉ navanĩtam telam madhu phanitam lonam.

141 XemD. III. 252, 282; M. I. 23, 356.

142 Xem 4 IL 23; D. III. 113; M. I. 33; s. II. 278.
CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 903

Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ đâm sâu vào đất, khéo đóng5 không bị dao động, không bị lay chuyển để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán5 Chanh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, The Gian Giải, vổ Thượng Sĩ, Điều NgựTrượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn.,, Với lòng tin làm cột trụ, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội9 tu tập không có tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh.143 Với Diệu pháp thứ nhất này, vị ấy được thành tựu. Ví nhu, này các Tỷ-kheo9 trong thành trì biên địa của vua có một con đường thông hào vừa sâu và rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử có lòng xấu hổ; vị ấy xấu hổ vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác; vị ấy xấu hổ vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. Lấy xấu hổ làm con đường thông hào, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội5 tu tập không tội9 gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ hai này, vị ấy được thành tựu. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường đi vòng chung quanh vừa cao vừa rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi; vị ấy sợ hãi tội lỗi vì thân làm ác, vì miệng nói ác5 vì ý nghĩ ác; vị ây sợ hãi tội lôi vì bị rơi vào các ác, bât thiện pháp. Lây sợ hãi tội lỗi làm con đường đi vòng xung quanh, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội9 tu tập không tội5 gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ ba này, vị ấy được thành tựu. Ví như. này các Tỷ-kheo. trong thành trì biên địa của vua có nhiều vũ khí được cât chứa như cung tên và cây lao đê bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì, được đọc cho thành thqc, được ý khéo tùy quán, được khéo thể nhập với tri kiến.144 Lấy nghe nhiều làm vũ khí, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội? tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ tư này, vị ấy được thành tựu. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều quân đội đồn trú như những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người câm cung, những người câm cờ9 những quan lo chỗ ở5 các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua dõng mãnh, những đội xung kích, đội voi lớn, các dũng si, các binh sĩ mặc áo giáp, những người con của nô tỳ,

143 Suddham attãnam parỉharatỉ. 144 Xem 4 IV. 5.

904 KINH TĂNG CHI Bộ

để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy9 này các Tỵ-kheo5 vị Thánh đệ tử sống tinh càn tinh tấn để đoạn tận các pháp bất

thiện, để đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì9 không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Lấy tinh tấn làm quân đội, này các Tỷ-kheo5 vị thiện nam tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ năm này, vị ấy được thành tựu. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có người giữ cổng thành là người hiền trí thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biêt đê bảo vệ những người ở trong thành và đê chông cự những người bên ngoài. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử sống có chánh niệm145 thành tựu tối thắng niệm tuệ5 nhớ đến và tùy niệm việc làm đã lâu ngày, lời nói đã lâu ngày. Với niệm làm người giữ cổng thành, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện pháp, từ bỏ có tội5 tu tập không tội5 gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ sáu này, vị ấy được thành tựu. Ví như, này các Tỷ-kheo5 trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt trét vôi hồ để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử là người có trí tuệ? thành tựu trí tuệ vê sanh diet, với sự Thánh thê nhập vào con đường đưa đên đoạn tận khô đau.146 Với trí tuệ làm lớp vôi hô trét bên ngoài, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ bảy này, vị ấy được thành tựu. Với bảy Diệu pháp này, vị ấy thành tựu. Thế nào là bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn? có được không mệt nhọc, có được không phí sức? Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ9 củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo, vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhât, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ, đê tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo5 trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, do tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo9 trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu9 các loại đậu và ngũ cốc để những người trong thành được an vui, khỏi

145 Xem 4 IV. 3. 146 Xem 4 IV. 2.

Sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy< này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, do ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, đê tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và đê bước vào Niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo? trong thành trì biên địa của vua có nhiều dược phâm được cât chứa như thục tô? sanh tô? dâu, mật? đường bánh, muôi đê những người trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các

Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, do đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tu, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.147148 Bôn thiên này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này các Tỷ-kheo? khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu bảy Diệu pháp này và bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử không bị Ma chinh phục5 không bị ác chinh phục (akaraụĩyo pãpỉmato). IV. KINH PHÁP TRÍ (Dhammaniiũsutta)^ (4 IV. 113) 68. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng... là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, nàỵ các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vị biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng, biết thời, biết hội chúng, biêt người thăng kẻ liệt. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo biết pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo biết pháp: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, yị tằng hữu pháp, Phương quảng.149 Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết pháp: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng, vị ấy ở đây không được gọi là vị biết pháp. Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết pháp: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyet, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp5 Phương quảng, do vậy, vị ấy được gọi là vị biết pháp. Như vậy là biết pháp. Thế nào là biết nghĩa? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời

147 Xem 4 IV. 227; GS. IV. 154 (kinh 30 ở sau). 148 Tham chiếu: Tăng.(7.02.0125.39.1.0728b26)ị77z/ẹw pháp kỉnh (T.01.0026.1.0421 al 2); A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn tủc luận (r26. 1536.17. 0436cl0); Thât trì kỉnh (T.ó 1.0027. 0810a03). 149Xem^.II. 7, 103, 178; III. 86, 177, 361; M. I. 133; Vin. III. 8.

thuyết kia: C6Đâỵ là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói kia.” Nàỵ các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia "Bây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói kia", thời ở đây, vị ấy không được gQÌ là vị biết nghĩa. Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết ý nghĩa của lời thuyêt này, của lời thuyêt kia: “Dây là ý nghĩa của lời nói này, đâỵ là ý nghĩa của lời nói kia", do vậy5 vị ấy được gọi là vị biết nghĩa. Đây là biet pháp, biết nghĩa. Thế nào là biết tự ngã? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 vị Tỷ-kheo biết tự ngã: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ? biện tai.”15Này các Tỷ"kheo? nếu vị Tỷ-kheo không biết tự ngã như vầy: "Cho đến như vậy5 tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài”, thời ở dây, vị ấy không được gọi là vị biết tự ngã. Nếu vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, biết tự ngã: "Cho đến như vậy5 tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ5 biện tài”, do vậy5 vị ấy được gọi là vị biết tự ngã. Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã. Và thế nào là biết ước lượng? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo biết ước lượng [vừa đủ] trong khi nhận các vật dụng như y, đô ăn khât thực? sàng tọa5 dược phâm trị bệnh. Này các Tỷ- kheo? nếu Tỷ-kheo không biết ước lượng [vừa đủ] khi nhận các vật dụng

như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, thời vị ấy ở đây không được gọi là vị biết ước lượng [vừa đủ]. Này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo biết ước lượng [vừa đủ] khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh5 do vậy, vị ấy được gọi là vị biết ước lượng [vừa đủ]. Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng. Và thế nào là biết thời? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết thời: "Dây là thời để tuyên thuyết, đây là thời thiền tịnh?9152 Này các đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập?*151152 Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết thời: “pây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn5 đây là thời tu tap, đây là thời thiền tậih", thời ở dây, vị ấy được gọi là không biết thời. Và nay các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo biết thời: "Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập, đây là thời thiền tjnh", do vậy5 vị ấy được gọi là vị biết thời. Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết vừa đủ, biết thời. Và thế nào là biết hội chúng? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết hội chúng: 6CĐây là hội chúng Sát- dế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng gia chủ, đây là hội chúng

15° Xem 4 I. 210; III. 80; D. III. 164; M. III. 99. 151AA. IV 57: Yogassãtiyoge kammampakkhỉpanassa ("Tu tập" nghĩa là nỗ lực, tập trung việc thực hành). 152 Bốn pháp khác được nói đến trong A. II. 140.

Sa-môn.153 Ở đây, vị ấy nên đi đến như vậy? nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy? nên nói như vậy, nên im lặng như V0' Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-lỵ5 đây là hội chúng Bà-la-môn5 đây là hội chúng gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy5 nên đứng như vậy5 nên ngôi như vậy? nên nói như vậy5 nên im lặng như vay”thời ở đây, vị ấy không được gọi là: biết hội chúng.^, Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết hội chúng: “Bây là hội chúng Sát-đế-lỵ, đây là hội chúng Bà-la- môn5 đây là hội chúng gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây5 vị ấy nên đi đến như vậy? nên đứng như vậy5 nên ngôi như vậy5 nên nói như vậy, nên im lặng như vay”, do vậy, được gọi là: biết hội chúng.59 Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết vừa đủ, biết thời, biết hội chúng. Và thế nào là biết người thắng liệt?154 Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 với vị Tỷ-kheo5 loài người được biết theo hai hạng: Một hạng ưa thấy các bậc Thánh, một hạng không ưa thấy các bậc Thánh. Hạng người không ưa thây các bậc Thánh, do sự việc ây, đáng bị quở trách; còn hạng người ưa thây các bậc Thánh, do sự việc ây, đáng được tán thán. Có hai hạng người ưa thấy các bậc Thánh: Một hạng người ưa nghe Diệu pháp, một hạng người không ưa nghe Diệu pháp. Hạng người không ưa nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người ưa nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người ưa nghe Diệu pháp: Một hạng người lắng tai nghe Diệu pháp; một hạng người không lắng tai nghe Diệu pháp. Hạng người không lắng tai nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người lắng tai nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người lắng tai nghe Diệu pháp: Một hạng người nghe xong thọ trì pháp; một hạng người nghe xong không thọ trì pháp. Hạng người nghe xong không thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người nghe xong

thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người nghe xong thọ trì pháp: Một hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; một hạng người không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì. Hạng người này không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ tri, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người này quán sát ý nghĩa các pháp được thọ tri, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì: Một hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, đã thực hành pháp, tùy pháp; một hạng

153 Xem 71. II. 133; III. 236. 154 Puggalaparoparannu. AA. IV. 57: Evam kho, bhikkhave, bhỉkkhupuggalaparoparannũ hotĩti evam bhikkhu pu^ọaỉãnam pạroparam tikkhamudubhãvam ịãnanasamattho nãma hoti (Ế'Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biêt hạng người thăng liet", có nghĩa là "nhu vậy Tỷ-kheo có thế biết tánh người, hmh dáng cao thấp, nhanh chạm,,)>

người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Hạng người này sau khi hiêu nghĩa, sau khi hiêu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp đã thực hành pháp5 tùy pháp: Một hạng người thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha; một hạng người thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha. Hạng người thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Như vậy? này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo? loài người được biết theo hai hạng. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo biết hạng người thắng liệt. Do thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời. V KINH CÂY PĂRICCHATTAKA (Pãricchattakasutta) ỉ55 (4 IV. 117) 69. Này các Tỷ-kheo5 khi nào cây Pãricchattaka KoviỊãra155 của chư thiên 156157 158 Tãvatimsa bắt đầu khô héo lá, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi Tãvatiipsa hoan hỷ nghĩ răng: “Nay lá của cây Pãricchattaka KoviỊãra đã khô héo? không bao lâu lá sẽ rụng.,, Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa rụng lá, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi Tãvatimsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Păricchattaka KoviỊãra đã rụng lá, không bao lâu, mầm non cánh hoa sẽ mọc ra."157 Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa mọc ra mầm non cánh hoa, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo5 chư thiên Tãvatimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay cây Pãricchattaka KoviỊãra mọc ra mầm non cánh hoa, không bao lâu, đọt non cánh hoa sẽ mọc ra?9158 Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pãricchattaka KoviỊãra mọc ra đọt non cánh hoa, này các Tỷ-kheo5 thời khi ấy, chư thiên Tăvatimsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pãricchattaka KoviỊãra mọc ra đọt non cánh hoa, không bao lâu các nụ hoa sẽ được sanh ra." Này các Tỷ- kheo5 trong khi cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa sanh ra nụ hoa, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, chư thiên Tãvatiĩnsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pãricchattaka KoviỊãra sanh ra nụ hoa, không bao lâu, các bông hoa sẽ được sanh ra.” Này các Tỷ-kheo, trong khi

cây Pãricchattaka KoviỊãra sanh ra các bông hoa, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, chư thiên Tãvatimsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pãricchattaka KoviỊãra sanh ra các bông hoa, không bao lâu, các bông hoa sẽ được nở toàn diện.,, Này các Tỷ-kheo, trong khi cây

155 Tham chiếu: Tăng.(02. 01.39.2. 0729b 11); Trú Độ thọ kinh (roi. 0026.2. 0422al8); Viên Sanh thọ kỉnh (T.01. 0028. 0810c03). 156 Chính cây này rơi bông xuống khi đức Phật sắp nhập Niết-bàn, có khi cũng gọi là hoa Táng Lọng. 157 Jãỉakcỳãta. Chủ giải giải thích các lá và bông sanh ra một lần. 158 Khãrakạiãti. Chủ giải giải thích, tim hoa thời khép lại nhimg cành hoa thời nở ra.

Pãricchattaka KoviỊãra có bông hoa được nở toàn diện? này các Tỷ-kheo, chư thiên Tãvatimsa hoan hỷ, chơi đùa trong bốn tháng chư thiên,159 dưới gốc cây Pãricchattaka KoviỊãra, vui chơi thọ hưởng, tận hưởng năm dục công đức. Này các Tỷ-kheo, khi cây Pãricchattaka KoviỊãra nở toàn diện các bông hoa, mùi hương bay tràn xung quanh đến năm mươi do-tuần; thuận gi6, mùi hương bay đến một trăm do-tuần. Đây là uy lực của cây Pãricchattaka KoviỊãra. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, khi vị Thánh đệ tử nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử như lá héo cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa. Này các Tỷ- kheo9 trong khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, song không gia đình, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa bị rụng lá. Này các Tỷ-kheo9 trong khi vị Thánh đệ tử ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, vị Thánh đệ tử như mầm non cánh hoa được sanh của cây Pãricchattaka KoviỊăra của chư thiên Tãvatimsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử như đọt non cánh hoa được sanh của cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử ly hỷ trú xả... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, này các Tỷ- kheo? trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như nụ hoa được sanh của cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử đoạn lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như các bông hoa được sanh của cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatimsa. Này các Tỷ-kheo9 trong khi vị Thánh đệ tử do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ9 chứng đạt và an trú, này các Tỷ-kheo5 trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như các bông hoa được nở toàn diện của cây Pãricchattaka KoviỊãra của chư thiên Tãvatiĩnsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi ây, chư Địa thân tuyên bô lớn tiếng: Tôn giả với tên họ thế này, đồng trú cíuig một lòng tin với Tôn giả với họ tên thế này, đã xuất gia từ làng như vậy, từ thị trấn như vậy5 từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú..." Sau khi nghe tiếng của chư Địa thần, chư thiên Bốn Thiên Vương... chư thiên Tam Thập Tam... chư thiên Dạ-ma... chư thiên Đâu-suất... chư thiên Hóa Lạc... chư thiên Tha Hóa Tự Tại.. chư thiên Phạm Chúng tuyên bố lớn tiếng: Ton giả5 với tên họ thế này, đồng trú cùng một lòng tin với Tôn giả với họ tên thế này, đã xuất gia từ làng như

vậy, từ thị trấn như vậy, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.,, Như vậy trong sát-na ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy truyền đến Phạm thiên giới. Đây là uy lực của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc.

159 Chủ giải giải thích thời gian này bằng mười hai ngàn năm tuổi thọ loài người.

910 KINH TĂNG CHI BỘ

VL KINH CUNG KÍNH (Sakkaccasuttă)^ (Ả, IV. 120) 70. Rồi Tôn giả Sãriputta, trong khi sống một mình thiền tịnh? tâm tư suy nghĩ như sau khởi lên: Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sông nương tựa ai đê có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thi§n?" Rồi Tôn giả Sãriputta suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Đạo sư để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... học pháp... thiền định... không phóng dật... Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa sự tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.,, Rồi Tôn giả Sãriputta lại suy nghĩ như sau: "Những pháp này trong ta đã được thanh tịnh, trong sáng. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy5 các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa. Ví như một người tìm được một đồng tiền vàng lớn, thanh tịnh trong sáng. Người ấy suy nghĩ như sau: 'Ta hãy đi đến người thợ vàng và đưa xem đồng tiền vàng này. Đồng tiền vàng này được ta đưa cho người thợ vàng, như vậy sẽ được thanh tịnh và trong sáng hơn nữa? Cũng vậy9 các pháp này ở nơi ta đã được thanh tjnh, trong sáng. Ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy5 các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa.” Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: ơ đây, bạch Thê Tôn? trong khi con sông một mình thiên tịnh5 tâm tư suy nghĩ như sau khởi lên nơi con: uTỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa ai để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện?,, Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sông nương tựa Đạo sư đê có thê từ bỏ bât thiện, tu tập thiện. Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... học pháp... thiền định... không phóng dật... sự tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.^, Rồi bạch Thế Tôn, con lại suy nghĩ như sau: “Những pháp này trong ta đã được thanh tịnh trong sáng. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy, các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa. Ví như một người tìm được một đông tiên vàng lớn, thanh tịnh trong sáng. Người ây suy nghĩ như sau: 'Ta hãy đi đên người thợ vàng và đưa xem đông tiên vàng này. Đông tiên vàng này được ta đưa cho người thợ vàng như vậy sẽ được thanh tịnh và trong sáng hơn nữa/ Cũng vậy, các pháp này ở nơi ta đã được thanh tịnh, trong sáng. Ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy, các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa.” -Lành thay, lành thay, này Sãriputta! Này Sãriputta, Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Đạo su, có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Này Sãriputta,

160 Bản tiếng Anh của PTS: Whom Should a Monk Respect? nghĩa là Vị Tỷ-kheo nên kính trọng ai?

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 911

Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sông nương tựa Pháp... chúng Tăng... học pháp... thiền định... không phóng dật... Này Sãriputta, Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, Sống nương tựa sự tiếp đón thân tình đế có thế từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 lời nói vắn tắt này của Thế Tôn5 con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau: Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư5 sẽ cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, vị ấy cũng không cung kính Pháp. Bạch Thế Tôn5 chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư? không cung kính Pháp, sẽ cung kính chúng Tăng, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, vị ấy cũng không cung kính chúng Tăng. Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo su, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng? sẽ cung kính học pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo su, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, vị ấy cũng không cung kính học pháp. Bạch Thê Tôn, chăc chăn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, sẽ cung kính thiền định, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ^kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, vị ấy cũng không cung kính thiền định. Bạch Thê Tôn, chăc chăn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư? không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định5 sẽ cung kính không phóng dật5 sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, vị ấy cũng không cung kính không phóng dật. Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng5 không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, không cung kính không phóng dật, sẽ cung kính sự tiếp đón thân tinh, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn5 Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo su, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định5 không cung kính không phóng dật5 vị ấy cũng không cung kính sự tiếp đón thân tình. Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, sẽ không cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, vị ấy cũng cung kính Pháp. Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo su, cung kính Pháp,

912 KINH TĂNG CHI Bộ

sẽ không cung kính chúng Tăng, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, vị Tỷ- kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, vị ấy cũng cung kính chúng Tăng. Bạch Thế T6n, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo su, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, sẽ không cung kính học pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo nào

cung kính Đạo su, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, vị ấy cũng cung kính học pháp. Bạch Thế Tôn5 chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp5 cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, sẽ không cung kính thiền định, sự kiện này không xảy ra; bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo su, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, vị ấy cũng cung kính thiền định. Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiên định, sẽ không cung kính không phóng dật9 sự kiện này không xảy ra; bạch Thê Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo su, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng5 cung kính học pháp, cung kính thiền định, vị ấy cũng cung kính không phóng dật. Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiền định, cung kính không phóng dật, sẽ không cung kính sự tiêp đón thân tinh, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư5 cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiên định, cung kính không ph6ng dật9 vị ấy cũng cung kính sự tiếp đón thân tình. Bạch Thế Tôn, với lời văn tăt này của Thê Tôn, con hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Lành thay! Lành thay! Này Sãriputta. Lành thay! Này Sãriputta, với lời nói vắn tắt này của Ta, ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Này Sãriputta, thật vậy, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo su, sẽ cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; này Sãriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính bậc Đạo sư, vị ấy cũng không cung kính Pháp... Này Sãriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư... không cung kính Pháp... không cung kính chúng Tăng... không cung kính học pháp... kh6ng cung kính thiên định... không cung kính không phóng dật5 sẽ cung kính sự tiêp đón thân tinh, sự kiện này không xảy ra; này Sãriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng? không cung kính học pháp, không cung kính thiên định, không cung kính không phóng dật, vị ấy cũng không cung kính sự tiếp đón thân tình. Này Săriputta, chăc chăn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, sẽ không cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; này Săriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, vị ấy cũng cung kính Pháp... Này Sãriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư... cung kính Pháp... cung kính chúng Tăng... cung kính học pháp... cung kính thiền định... cung kính không phóng dật, sẽ không cung kính sự tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra; này Sãriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư5 cung kính Pháp9 cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính

thiên định, cung kính không phóng dật5 vị ây cũng cung kính sự tiêp đón thân tình. Này Sãriputta, lời nói văn tăt này của Ta, ý nghĩa cân phải được thây một cách rộng rãi như vậy. VII. KINH TU TẬP (Bhãvanãsutta)161 (A. IV. 125) 71. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập5 khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thu!95 Tuy vậy5 tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc5 không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ5 không có tu tập bốn chánh cần, không có tu tập bốn như ý túc? không có tu tập năm căn, không có tu tập năm lực5 không có tu tập bảy giác chi, không có tu tập Thánh đạo tám ngành. Ví như, này các

Tỷ-kheo5 có tám, mười hay mười hai trứng gà5 các trứng ấy không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách. Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta với chân, móng và đỉnh đầu hay với mỏ5 sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toan,5 tuy vậy, các con gà con ấy không thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo? các trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng cách, ấp nóng một cách đúng cách, ấp dưỡng một cách đúng cách. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập? dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ,,; tuy vậy5 tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ, không có tu tập bốn chánh cần, không có tu tập bốn như ý túc5 không có tu tập năm căn5 không có tu tập năm lực5 không có tu tập bảy giác chi, không có tu tập Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập5 dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thiỉ"; tuy vậy5 tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập bốn . r ỉ 1 Ấ r 1 r r r Aw r niệm xứ, có tu tập bôn chánh cân5 có tu tập bôn như ý túc, có tu tập năm căn5 có tu tập năm lực, có tu tập bảy giác chi, có tu tập Thánh đạo tám ngành. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 có tám, mười hay mười hai trứng gà, các trứng ấy được con gà mái ấp nằm đúng cách, ấp nóng một cách đúng cách, ấp dưỡng

161 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.263. 0067a22).

A ' , , r • ỉi 1 1 /X 11 7 • 1 /\ r M một cách đúng cách. Dâu cho con gà mái ây không khởi lên ý muôn: "Mong rằng các con gà con của ta với chân5 móng và đỉnh đầu hay với mỏ9 sau khi làm bê vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn.,, Tuy vậy9 các con gà con ây có thê với chân, móng và đỉnh đầu hay với mỏ9 sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các trứng gà được con gà mái ây âp năm một cách đúng đăn, âp nóng một cách đúng đăn? âp dưỡng một cách đúng cách. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông chú tâm tu tập, dâu cho vị ây không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thỉT; tuy vậy, tâm vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành. Ví như, này các Tỷ-kheo9 một người thợ nê hay đệ tử người thợ nê, khi nhìn vào cán búa? thây dâu các ngón tay và dâu ngón tay cái. Người ây không có thê biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy." Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa. Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: “H6m nay5 từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận5 hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy." Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận

trên sự đoạn tận các lậu hoặc. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một chiêc thuyên đi biên có đây đủ cột buôm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng; rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mua, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tap, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát. VIII. KINH VÍ DỤ NHÓM LỬA (AggikkhandhopamasuttaỴ62 (À. IV. 128) 72. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đang đi trên con đường, Thế Tôn thấy tại một đia điểm, một nhóm lửa lớn đang cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn.162163 Thấy vậy, Ngài bước xuống đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, dưới một gốc cây. Ngồi xuống5 The Ton gọi cac Ty-kheo: Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ9 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn không?

162 Bản tiếng Anh của PTS'.JThe Fire, nghĩa là Lửa. Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.33.10. 0689a04); Mộc tích dụ kinh (7.01. 0026.5. 0425al5). 163 Ẫdỉttam sampajjalitain sajotibhutam.

- Thưa c6, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn; hay ôm ấp, ngồi gần, nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-lỵ9 hay người con gái Bà-la-môn, hay người con gái gia chủ? Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-lỵ5 hay người con gái Bà-la-môn, hay người con gái gia chủ. Khổ đau5 bạch Thế Tôn5 là ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ, cháy đỏ rực5 cháy đỏ lửa ngọn! Ta tuyên bô cho các ông? này các Tỷ"kheo? Ta nói rõ cho các ông9 này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp5 sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ164 những hành vi che đậy, không phải Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn9 không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận sống Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đây tham dục5 tánh tình bât tịnh; thật là tôt hơn cho người ây ôm âp, ngôi gân hay nằm gần nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy có thể đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ9 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng nầy các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ... tánh tình bất tịnh5 ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-lỵ5 hay người con gái Bà-la-môn5 hay người con gái gia chủ; như vậy? này các Tỷ-kheo, khiến cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ? địa ngục. Các ông nghĩ thế nào5 này câc Tỷ-kheo5 việc nào là tốt hơn: Một người lực SĨ với sợi dây đuôi ngựa chăc chăn5 cuôn vào hai ông chân rôi siêt mạnh, sợi dây ấy cắt đứt da ngoài, sau khi cắt đứt da ngoài lại cắt đứt da trong, sau khi cắt đứt da trong lại cắt đứt thịt5 sau khi cắt đứt thịt lại cắt đứt dãy gân, sau khi cắt đứt dây gân lại cắt đứt xương, sau khi cắt đứt xương, va chạm tủy và dừng lại; hay là nhận sự đảnh lễ của các

Sát-đế-lỵ đại phú hay các Bà-la-môn đại phú? hay các gia chủ đại phú? Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Nhận sự đảnh lễ của các Sát-đế-lỵ đại phú? hay các Bà-la-môn đại phìi, hay các gia chủ đại phú. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ với sợi dây đuôi ngựa chắc chắn... va chạm tủy và dừng lại. Ta tuyên bố cho các ông5 này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo5 với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với sợi dây đuôi ngựa chắc chắn... va chạm tủy và dừng lại. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo5 người ấy đi đến

164 Asucỉsankassarasamãcãrassa.

chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ? ác thú? đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo5 khi một người có ác giới, theo ác pháp..., tánh tình bất tịnh, nhận sự đảnh lễ của các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phii, hay các đại gia chủ đại phú; như vậy5 khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ? ác thú, đọa xứ? địa ngục. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ với cây kiếm sắc bén? được dầu rửa sạch, đập vào giữa ngực; hay là thọ nhận chắp tay vái chào của các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay gia chủ đại phú? Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn, [tức là] thọ nhận chắp tay vái chào của các Sát-đế-lỵ đại phú9 hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú. Khổ đau, bạch Thê Tôn, là bị người lực sĩ với cây kiêm săc bén, được dâu rửa sạch, đập vào giữa ngực. Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với cây kiếm sắc bén, được dầu rửa sạch5 đập vào giữa ngực. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, n^ười ấy đi đến chết hay đi đên khô gân như chêt nhưng không vì nhân duyên ây mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thê sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo5 khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, thọ nhận chắp tay vái chào của các Sát-đế-lỵ đại phú5 hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú; như vậy khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ với các tấm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn áp cuốn vào thân; hay là hưởng thọ y áo do các Sát-đế-lỵ đại phú, hay Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường? Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn [tức là] hưởng thọ y áo do các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú5 hay các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường. Khô đau, bạch Thê Tôn, là bị người lực sĩ với các tâm săt nóng đang cháy đỏ9 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn áp cuốn vào thân. Ta tuyên bố cho các ông. này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ cho các ông. này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới? theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với các tấm sắt nóng đang cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn áp cuốn vào thân. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo5 người ấy đi đến chết hay đi đến khô gần như chêt

nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo5 khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh5 hưởng thọ các y áo do các Sát-đế-lỵ đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú5 vì lòng tin cúng dường; như vậy5 này các Tỷ-kheo5

khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào tốt hơn: Một người lực sĩ với cái kềm sắt nóng đang cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, mở miệng và nhét vào miệng một hòn sắt nóng đang cháy đỏ9 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn5 hòn sắt ấy đốt cháy môi của người ấy, đốt cháy miệng, đốt cháy lưỡi? đốt cháy cổ họng, đốt cháy bụng đem theo ruột non, ruột già và thoát ra ngoài từ phần ở dưới; hay là thọ hưởng đồ ăn khất thực do các Sát-đế-lỵ đại phú5 các Bà-la-môn đại phú, các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường? -Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Hưởng thọ các đồ ăn khất thực do các Sát-đế-lỵ đại phú, các Bà-la-mon đại phú hay các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường. Khổ đau? bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ với cái kềm sắt nóng đang cháy đỏ. cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, mở miệng và nhét vào miệng một hòn sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Hòn sắt ấy đốt cháy môi của người ây, đôt cháy miệng, đôt cháy lưỡi, đôt cháy cô họng, đôt cháy bụng đem theo ruột non, ruột già và thoát ra ngoài từ phần ở dưới. Ta tuyên bố cho các ông5 này các Tỷ-kheo5 Ta nói rõ cho các ông5 này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với cái kềm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn5 mở miệng và nhét vào miệng một hòn sắt nóng dang cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Hòn săt ây đôt cháy môi của người ây... và thoát ra ngoài từ phân ở dưới. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo5 người ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xú*, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, hưởng thọ các đô ăn khât thực do các Sát-đê-lỵ đại phú, các Bà-la-môn đại phú? do các gia chủ đại phú, vi Ibng tin cúng dường; như vậy, này các Tỷ-kheo, khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khô lâu dài5 sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo5 việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ nắm lấy đầu hay nắm lấy vai, ép ngồi hay ép nằm trên một giường sắt hay một ghế sắt nóng đang cháy đỏ5 cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn; hay là hưởng thọ giường và ghế do các Sát-đế-lỵ đại phú5 các Bà-la-môn đại phú? hay các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường? -Bạch Thế Tôn5 việc này là tốt hơn: Hưởng thọ giường và ghế do các nhà Sát-đế-lỵ đại phú... do các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường. Khổ đau, bạch Thế T6n, là bị người lực sĩ nắm lấy đầu hay nắm lấy vai, ép ngồi hay ép nằm trên một giường sắt hay một ghế nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo9 Ta nói rõ cho các ông5 này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, thật tốt

hơn, bị một nạười lực sĩ nắm lấy đầu hay nắm lấy vai, ép ngồi hay ép nằm trên một giường săt hay một ghế sắt nóng đang cháy đỏ? cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo5 nguòi ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ây mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ? ác thú, đọa xứ? địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo? khi một người có ác giói, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, hưởng thọ các giường, ghế do các Sát-đê-lỵ đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay do các gia chủ đại phii, vì lòng tin cúng dường; như vậy? này các Tỷ-kheo5 khiến cho vị ấy bất hạnh? đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ5 địa ngục. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ nắm chân phía trên, đầu phía dưới và quăng vào một sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, tại dấy, người ây bị nâu sôi lên như bọt nước, tự mình nổi lên9 tự mình chìm xuống, tự mình đi ngang; hay là hưởng thọ tinh xá do các Sát-đế-lỵ đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay do các gia chủ đại phú? vì lòng tin cúng dường? Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Hưởng thọ tinh xá do các Sát-đế-lỵ đại phii, các Bà-la-môn đại phú? hay các gia chủ đại phú5 vì lòng tin cúng dường. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ nắm chân phía trên? đầu phía dưới và quăng người ấy vào trong một cái ghè sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, tại dấy, bị nấu sôi... tự mình đi ngang. Ta tuyên bô cho các ông, này các Tỷ-kheo5 Ta nói rõ cho các ông9 này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị người lực sĩ nắm chân phía trên? đầu phía dưới... tự mình đi ngang. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo? n^ười ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ây mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh5 hưởng thọ tinh xá do các Sát-đế-lỵ đại phú... hay các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường; như vậy, này các Tỷ-kheo? khiên cho người ây bât hạnh, đau khô lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ? ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta hưởng thọ các vật dụng như y áo? đồ ăn khất thực, sàng tọa9 dược phẩm trị bệnh của những ai, đối với những người ấy? sở hành như vậy sẽ có quả lớn, có lợi ích hơn. Và sự xuất gia của chúng ta sẽ không có trống không, có kết quả, có thành tích." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, với ai thấy được lợi ích của mình, thật là vừa đủ để tinh cần, không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, với ai thấy được lợi ích của người, thật là vừa đủ để tinh cần, không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, với ai thấy được lợi ích cả hai, thật là vừa đủ để tinh cần, không phóng dật. Thê Tôn thuyêt như vậy. Trong khi lời nói này được nói lên, có khoảng sáu

mươi vị Tỷ-kheo hộc máu nóng từ miệng,165 có khoảng sáu mươi Tỷ-kheo từ bỏ học pháp và hoàn tục, nghĩ rằng: "Khó làm thay, Thế Tôn! Thật khó làm thay, Thế T6n!" Có khoảng sáu mươi Tỷ-kheo9 với tâm được giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc.166167 IX. KINH SUNETTA (Sunettasutta)ỉ61 (4 IV. 135) 73. — Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư tên là Sunetta,168 thuộc ngoại dạo, đã ly tham đối với các dục. Đạo

sư Sunetta, này các Tỷ-kheo9 có hàng trăm đệ tử. Đạo sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử đê cộng trú với thế giới Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, những ai tâm không hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Sunetta để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ? địa ngục. Này các Tỷ-kheo? còn những ai tâm hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Sunetta để cộng trú với the giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ được sanh lên thiện thú5 thiên giới5 cõi đời này. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư tên là Mũgapakkha... có Đạo sư tên là Aranemi... có Đạo sư tên là Kuddãla... có Đạo sư tên là Hatthipãla... có Đạo sư tên là Jotipala... có Đạo sư tên là Araka. Đạo sư Araka, thuộc ngoại đạo, đã ly tham đôi với các dục. Đạo sư Araka, này các Tỷ-kheo9 có hàng trăm đệ tử. Đạo sư Araka thuyết pháp cho các đệ tử cộng trú với thế giới Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, những ai tâm không hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Araka để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thìi, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, còn những ai tâm hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Araka để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ sanh lên thiện thú? thiên giới, cõi đời này. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, ai với ác tâm quở trách, phỉ báng bảy bậc Đạo sư này, thuộc ngoại đạo, đã ly tham đôi với các dục, được hàng trăm chúng đệ tử đoanh vây, người ấy có tạo ra nhiều điều vô phước không? Thưa c6, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, ai với ác tâm quở trách, phỉ báng bảy Đạo sư này, thuộc ngoại dạo, đã ly tham đôi với các dục, được hàng trăm chúng đệ tử đoanh vây, người ấy tạo ra nhiều điều vô phước; còn ai với ác tâm quở trách, phỉ báng một bậc đầy đủ chánh kiến, do vậy, người này tạo ra nhiều điều vô phước hơn nữa. Vì cớ sao? Ta tuyên bố không kham nhẫn một người như vậy, từ trong ra ngoài, đối với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy5 này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ không có tâm ác độc đối với các vị đồng Phạm hạnh.^, Này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như vậy.

165 Xem M. I. 387; 164. 166 AA. IV. 65 viết kinh này được Thế Tôn giảng, với tên kinh là CũIaccharãsanghãta Sutta (Kỉnh Bủng ngón tay). Xem 4 L 10. 167 Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: A-lan-na kỉnh (T.01. 0026.160. 0682b 10). 168 Xem IV. 88, 102 ; GS. IV. 67 (kinh 62 ở trước).

X. KINH ARAKA (Arakasutta)169 (A. IV. 136) 74. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo5 có Đạo sư tên là Araka? thuộc ngoại đạo5 đã ly tham đối với các dục. Này các Tỷ-kheo5 Đạo sư Araka có đến hàng trăm đệ tử. Đạo sư Araka thuyết pháp cho các đệ tử như sau: "Này Bà-la-môn9 ít oi là đời sông của loài người, nhỏ bé, không đáng kê5 nhiều khổ đau? nhiều ưu não. Với bùa chú5 hãy giác nệộ!170 Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử. Ví nhu, này Bà-la- môn, giọt sương171 trên đầu ngọn cỏ? khi mặt trời mọc5 mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài; cũng vậy, này Bà-la-môn? như giọt sương là đời sống loài người, nhỏ bé9 không đáng kê, nhiêu khô đau, nhiêu ưu não. Với bùa chú5 hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, khi trời mưa nặng

hạt, bong bóng nước trên nước172173mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài; cũng vậy5 này Bà-la-môn, 174 như bong bóng nước là đời sông của loài người, nhỏ bé9 không đáng kê, nhiêu khổ dau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành? sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bât tử. Ví như, này Bà-la-môn, con sông trên núi chảy xa,173 dòng nước chảy nhanh, lôi cuốn theo vật này vật khác, 174 không có sát-na nào, không có giây phút nào, không có thời khắc nào dừng nghi, nó phải chảy tới, cuồn cuộn chảy, thúc đẩy chảy tới; cũng vậy5 này Bà-la-môn5 ví như con sông ấy là đời sống của loài người, nhỏ bé, không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, người lực sĩ tụ lại một cục nước miếng trên đầu lưỡi và nhổ đi175 không có phí sức. Cũng vậy? này Bà-la-môn, ví dụ với cục nước miếng là đời sống loài người, nhỏ bé5 không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử. Ví nhu, này Bà-la-môn. một miêng thịt176 được quăng vào một nôi săt được hâm nóng cả ngày, mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài; cũng vậy, này Bà-la-môn, ví như miếng thịt là đời sống con người, nhỏ bé5 không dáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử. Ví nhu, này Bà-la-môn, con bò cái săp bị ệiêt. được dăt đên lò thịt, mỗi bước chân giơ lên là bước gần đến bị giết, gẫn đen chết; cũng vậy, này Bà-la-môn5 ví dụ với con bò cái săp bị giêt là đời sông con người, nhỏ bé5 không đáng kê5 nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, Sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử.^,

169 Tham chiếu: A-lan-na kỉnh (roi. 0026.160. 0682b 10). 170 Mantãyam boddhabbam. AA. IV. 65: Mantãyam boddhabbantị mantãyạ boddhabbạm, pannãya jãnỉtabbantỉ attho ("V6i bùa chú, hãy giác ngO" nghĩa là 4tsáng suôt nhận biêt bùa chú băng trí tuệ,,)< Cả đoạn này được tìm thấy trong D. II. 246. 171 Ussãvabindũ. Xem J. IV. 122; Vỉsm. 231, 633. 172 Xem s. III. 141;£>/z. V. 170; Vism. 109, 633. 173 Xem 4 III. 64; J. V. 445; Vism. 231. 174 AA. IV. 65: Hãrahãririĩtỉ rukkhanaỊaveỊuãdĩnỉ haritabbãnỉ harỉtum samatthã ("L6i cuốn theo vật này, vật khác?, nghĩa là có thể cuốn đi cây cối, lau, tre... những vật gì có thể cuốn đi được). 175 Xem Mill. 300; J. L 34. 176 Xem M. I. 453; III. 300; s. IV. 190; Vỉsm. 468.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 921

LÚC bấy giờ, này các Tỷ-kheo, tuổi thọ của loài người lên đến sáu vạn năm.177 Người con gái năm trăm tuôi có thê đên tuôi lây chông. Lúc bây giờ, này các Tỷ-kheo, loài người có sáu loại bệnh: Lạnh, nóng, đói? khát, đại tiện5 tiểu tiện.178 Này các Tỷ-kheo5 bậc Đạo sư Araka ấy5 với loài người thọ mạng dài như vậy5 sống lâu như vậy, ít bệnh như vậy, lại thuyết pháp cho các đệ tử như vậy: "ít oi, này Bà-la-môn, là đời sông loài người, nhỏ bé5 không đáng kê? nhiêu khô đau? nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử." Nay, này các Tỷ-kheo, ai nói một cách chơn chánh, phải nói như sau: "ít oi, là đời sống loài người? nhỏ bé, không đáng kê? nhiêu khô đau5 nhiêu ưu não. Với trí tuệ (mantãyd), hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử." Nay, này các Tỷ-kheo, ai sống lâu9 vị ấy sống một trăm tuổi5 ít hơn hay nhiều hơn. Mạng sống một trăm tuổi, này các Tỷ-kheo5 được chia thành ba trăm

mùa: Một trăm mùa đông, một trăm mùa hạ, một trăm mùa mưa. Này các Tỷ-kheo5 dầu cho sống ba trăm mùa, người ấy sống mười hai lần một trăm tháng: Bốn trăm tháng lạnh, bốn trăm tháng nóng, bốn trăm tháng mưa. Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống mười hai lần một trăm tháng, người ấy sống hai mươi bốn lần một trăm nửa tháng: Tám trăm nửa tháng lạnh, tám trăm nửa tháng nóng, tám trăm nửa tháng mưa. Này các Tỷ-kheo, dâu cho sông hai mươi bôn lân một trăm nửa tháng, người ây sông ba mươi sáu lân một ngàn đêm: Mười hai ngàn đêm lạnh, mười hai ngàn đêm nóng, mười hai ngàn đêm mưa. Này các Tỷ-kheo5 dầu cho sống ba mươi sáu lần một ngàn đêm5 người ấy ăn chỉ có bảy mươi hai ngàn bữa cơm: Hai mươi bốn ngàn bữa cơm vào mùa lạnh, hai mươi bốn ngàn bữa cơm vào mùa nóng, hai mươi bốn ngàn bữa cơm vào mùa mưa. Đây gồm có với sữa mẹ và thời gian không có đồ ăn. Ở đây? có những khi không có bữa ăn này, nghĩa là tức giận không ăn cơm, khổ đau không ăn cơm, bệnh hoạn không ăn cơm, trai giới không ăn cơm, không thâu hoạch được không ăn cơm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, tuổi thọ một trăm năm của loài người được Ta gọi là tuổi thọ, được gọi là lượng của tuổi thọ, được gọi là thời tiết, được gọi là năm, được gọi là tháng, được gọi là nửa tháng, được gọi là đêm, được gọi là đêm ngày, được gọi là bữa ăn, được gọi là giữa bữa ăn. Này các Tỷ-kheo5 những gì bậc Đạo sư phải làm179 vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm vì lòng thương tưởng các ông. Này các Tỷ-kheo5 đây là những gốc cây5 đây là những căn nhà trống. Này các Tỷ-kheo5 hãy thiền định5 chớ có phóng dật5 chớ để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta cho các ông.

177 Đây là thọ mạng thời đức Phật Vessabhũ (H.Tỳ-xá-phù). Xem D. II. 3. Trong D. III. 75, có viết thiếu nữ đến tuổi 500 thời lập gia đình, và tuổi thọ của ngươi là 80.000 năm. 178 Xem A. V. 88, 110, số các bệnh được nói nhiều hơn. 179 Hai đoạn sau được đề cập trong 4 II. 79; III. 87; D. II. 155; M. I. 46; II. 266; s. V. 157.

VIIL PHẨM VÈ LUẬT (VINAYAVAGGA)

I. KINH TRÌ LUẬT THỨ NHẤT (PaḶhamavinayadharasutta) (4 IV. 140) 75. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy? Biêt vi phạm; Biêt không vi phạm; Biêt vi phạm nhẹ; Biêt vi phạm nặng; Có giới luật, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp;180 Bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. II. KINH TRÌ LUẬT THỨ HAI (Dutìyavinayadharasutta) (A. IV. 140) 76. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy? Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Cả hai Giới bổn được khéo truyền lại một cách rộng rãi, khéo phân loại, khéo điêu chỉnh, khéo quyêt định thành sutta và thành chi tiêt; Bôn thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Do đoạn

trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. III. KINH TRÌ LUẬT THỨ BA (Tatìyavinayadharasutta) (A, IV. 141) 77. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy? Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Biết an trú trên Luật không thể bác bỏ được; Bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Xem 4 III. 113; D III. 78; Ud. 36; It. 96; Vìn. II. 95.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. IV. KINH TRÌ LUẬT THỨ TƯ (Catutthavinayadharasutta) (A. IV. 141) 78. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy? Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Nhớ đến nhiều đời trước181 như một đời, hai đời... như vậy, nhớ đến nhiều đời trước với những đặc điêm, với những chi tiêt; Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... biết rõ chúng sanh; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. V KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ NHẤT (Pafhamavinayadharasobhanasutta)^2 (A. IV. 142) 79. (Như kinh 75 chỉ khác thêm chữ "chói sang99). VI. KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ HAI (Dutìyavinayadharasobhanasutta) (A. IV. 142) 80. (Như kinh 76 chỉ khác thêm chữ "chói sáng,5). VIL KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ BA (Tatiyavinayadharasobhanasuttd) (Ả. IV. 142) 81. (Như kinh 77 chỉ khác thêm chữ "chói sáng"). VIII. KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ TƯ (Catutthavinayadharasobhanasuttă) (A. IV. 143) 82. Thành tựu bảy pháp5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo là bậc Trì luật chói sáng. Thế nào là bảy? (Như kinh 78 chỉ khác thêm chữ "chói sáng"). IX. KINH GIÁO PHÁP CỦA BẬC ĐẠO SƯ (Satthusãsanasuttă)183 (A. IV. 143) 83. Rồi Tôn giả Upãli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ưpãli bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật? nhiệt tâm5 tinh cần. Này upãli, những pháp nào ông biết: "Những pháp này không được đưa

181 Xem4I. 164;DI. 13; MI. 22; s. II. 221. 182 Bản tiếng Anh của PTS trình bày 4 kinh (từ 79-82) chung một nhóm với tên: The Illustrious, nghĩa là Chói sảng. 183 Bản tiếng Anh của PTS: The Message, nghĩa là Thông điệp.

đến nhất hướng, nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn,\184 thời này upãli, ông cần phải nhất hướng thọ trì là: "Dây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn?5 Và này upăli, những pháp nào

ông biết: "Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này upãli5 ông cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế T6n." X. KINH DIỆT TRÁNH PHÁP (Adhikaranasamathasutta) (Ả. IV. 144) 84. Này các Tỷ-kheo, bảy pháp diệt tránh này185 đưa đến chấm dứt, làm cho an tịnh các tranh luận có thể khởi lên. Thế nào là bảy? Luật vê sự hiện diện cân phải áp dụng, Luật vê ức niệm cân phải áp dụng, Luật về không si mê cần phải áp dụng, Luật về tự thú nhận cần phải áp dung, Luật về đa số cần phải áp dụng, Luật về tìm tội ấy cần phải áp dung, Luật về trải cỏ ra cần phải áp dụng. Này các Tỷ-kheo5 bảy pháp diệt tránh này đưa đến châm dứt, làm cho an tịnh các tranh luận có thể khởi lên.

184 Xem4 I. 30; III. 83; V. 216; D. L 189; II. 251. 185 Adhikaranãnam samathãya. Xem 4 I. 99; D. III. 254; M. II. 247-50.

IX. PHẨM SA-MÔN (SAMANAVAGGAở^

I. KINH VỊ TỶ-KHEO (Bhikkhusuttd)^ (4 IV. 144) 85. Do phá hoại bảy pháp, này các Tỷ-kheo, thành vị Tỷ-kheo. Thế nào là bảy? Phá hoại thân kiến, phá hoại nghi, phá hoại giới cấm thủ, phá hoại tham, phá hoại sân5 phá hoại si, phá hoại mạn. Do phá hoại bảy pháp này, này các Tỷ-kheo5 thành vị Tỷ-kheo. IL KINH VỊ SA-MÔN (Samanasutta)^ (A. IV. 144) 86. Này các Tỷ-kheo9 do đoạn diệt bảy pháp, thành vị Sa-môn... III. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (Brãhmanasutta) (Ả. IV. 144) 189 bảy pháp, thành vị Bà-la-môn... 87. Do vất bỏ186 188 187 IV. KINH VỊ AN LÀNH (Sottiyasutta) (A. IV. 144) 88. Do tiêu diệt bảy pháp, thành vị An lành... V KINH VỊ ĐÃ GỘT SẠCH (Nhãtakasuttd) (Ả. IV. 144) 89. Do gột sạch190 bảy pháp, thành vị Đã gột sạch... VI. KINH BẬC CÓ TRÍ (Vedagũsuttd) (A. IV. 145) 90. Do biết rõ bảy pháp5 thành bậc Có trí... VII. KINH VỊ THÁNH (Aríyasutta) (A. IV. 145) 91. Do phá hoại kẻ thù bảy pháp, thành vị Thánh... VIII. KINH VỊ A-LA-HÁN (Arahãsuttd) (Ả. IV. 145) 92. Do chặn đứng bảy pháp, thành vị A-la-hán. Thế nào là bảy? Chặn đứng kiến có thân, chặn đứng nghi, chặn đứng giới cấm thủ, chặn đứng tham, chặn đứng sân, chặn đứng si, chặn đứng mạn.

186 Bản tiếng Anh của PTS: The Recital, nghĩa là Trùng tụng. Bản dịch của Bhikkhu Siỳato trong WWW.suttacentral.net: An Ascetic, nghĩa là Sa-môn. 187 Bản tiếng Anh của PTS: The Breaking up, nghĩa là Sự phá hoại. 188 Bản tiếng Anh của PTS trình bày 7 kinh (từ 86-92) chung một nhóm với tên: Other Conditions, nghĩa là Các pháp khác. 189 Bãhỉtattã brãhmano. Xem Ud. 3; Dh. V. 388; Sn. 95; Vỉn. I. 3. 190 Nhãtattã nhãtako. Xem M. I. 280.

Do chặn đứng bảy pháp này, này các Tỷ-kheo? thành vị A-la-hán. IX. KINH PHI DIỆU PHÁP (Asaddhammasutta) (4 IV. 145) 93. Này các Tỷ-kheo9 có bảy phi Diệu pháp. Thế nào là bảy? Bất tín, không xấu hổ? không sợ hãi tội lỗi? không nghe nhiều, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ. Này các Tỷ-kheo9 có bảy phi Diệu pháp này. X. KINH DIỆU PHÁP (Saddhammasutta) (Ắ. IV. 145) 94. Có bảy Diệu pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy?

Tín, xấu hổ? sợ hãi tội lỗi, nghe nhiều, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ.191 Này các Tỷ-kheo5 có bảy Diệu pháp này.

191 Xem4IV. 63;MIII. 21.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 927

X. PHẨM ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (ÃHUNEYYĂVAGGA) (A. IV 147)

95. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thườnẹ, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục không có gián đoạn với tâm thăng giải, với tuệ thê nhập. Vị ây với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo? đây là hạng người thứ nhât đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sông tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thườnệ, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục không có gián đoạn với tâm thăng giải, với tuệ thê nhập. Với vị ây sự châm dứt các lậu hoặc và sự châm dứt sanh mạng xảy đên một lân, không trước không sau. Này các Tỷ-kheo5 đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục không có gián đoạn với tâm thăng giải, với tuệ thê nhập. Vị ây sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn... chứng được Tổn hại Bát- niết-bàn... chứng được Vô hành Bát-niết-bàn... chứng được Hữu hành Bát-niêt-bàn... chứng được Thượng lưu đạt được Săc Cứu Cánh thiên. Này các Tỷ- kheo, đây là hạng người thứ bảy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điên ở đời. Này các Tỷ-kheo, bảy hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. 96-622. Này các Tỷ-kheo? có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán khổ trên con mắt... tùy quán vô ngã trên con măt... tùy quán diệt tận trên con măt... tùy quán hoại

928 KINH TĂNG CHI Bộ

r ,

diệt trên con măt.. tùy quán ly tham trên con măt... tùy quán đoạn diệt trên con mắt... tùy quán từ bỏ trên con măt... trên tai... trên mũi... trên lưỡi... trên thân... trên ý... ... trên các sắc... trên các thanh... trên các hương... trên các vị... trên các xúc... trên các pháp... ... trên nhãn thức... trên nhĩ thức... trên tỷ thức... trên thiệt thức...trên thân thức... trên ý thức... ... trên nhãn xúc... trên nhĩ xúc... trên tỷ xúc... trên thiệt xúc... trên thân xúc... trên ý xúc... ... trên thọ do nhãn xúc sanh... trên thọ do nhĩ xúc sanh... trên thọ do tỷ xúc

sanh... trên thọ do thiệt xúc sanh... trên thọ do thân xúc sanh... trên thọ do ý xúc sanh... ... trên sắc tưởng... trên thanh tưởng... trên hương tưởng... trên vị tưởng... trên xúc tưởng... trên pháp tưởng... ...trên săc tư... trên thanh tư... trên hương tư... trên vị tư... trên xúc tư... trên pháp tư... ...trên sắc ái... trên thanh ái... trên hương ái... trên vị ái... trên xúc ái... trên pháp ái... ... trên săc tâm... trên thanh tâm... trên hương tâm... trên vị tâm... trên xúc tầm... trên pháp tầm... ...trên săc tứ... trên thanh tứ... trên hương tứ... trên vị tứ... trên xúc tứ... trên pháp tứ... ... trên săc uân... trên thọ uân... trên tưởng uân... trên hành uân... sông tùy quán vô thường trên thức uẩn... sống tùy quán khổ... sống tùy quán vô ngã... sống tùy quán diệt tận... sống tùy quán hoại diệt... sống tùy quán ly tham... sống tùy quán đoạn diệt... sông tùy quán từ bỏ.

CHƯƠNG VII. BẢY PHÁP 929

XI. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RĂGAPEYYĂLA) 92 (A. IV 148)

623. Này các Tỷ-kheo? để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.192 193 Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập. 624. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Tưởng vô thường, tưởng vô ngã5 tưởng bất tịnh5 tưởng nguy hại, tưởng đoạn tận? tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập. 625. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Tưởng bât tịnh? tưởng chêt, tưởng yêm ly trên đô ăn5 tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập. 626-652. Này các Tỷ-kheo5 để thắng tri tham... để hoàn toàn diệt tận... để đoạn tận... đê diệt tận... đê hoại diệt... đê ly tham... đê đoạn diệt... đê xả bỏ... đê từ bỏ tham, bảy pháp này cần phải tu tập. 653-1132. Đê thăng tri sân... si... phân nộ... hiêm hận... che đậy... não hại... tật đố... xan tham... man trá... lường gạt... ngoan cố... tháo động... mạn... tăng thượng mạn... kiêu... phóng dật... để liễu tri... để hoàn toàn diệt tận... để đoạn tận... để diệt tận... để hoại diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để xả bỏ... để từ bỏ sân9 bảy pháp này cần phải tu tập. Thế Tôn thuyết như vậy9 các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết.

192 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh này có cùng tên là The Understanding ofPassion, nghĩa là Thắng trị tham, va được trình bày theo 4 mục: Thắng tn tham (1)-Kinh 623; Thăng tri tham (2) - Kinh 624; Thắng tri tham (3) Kinh 625; Thắng tri tham (4) - Từ kinh 626-1132. 193 Xem A. IV. 22; GS. IV. 14 (kinh 24 ở tmớc).

CHƯƠNG VIII TÁM PHÁP ¡ATTHAKANIPĂTA)

I. PHẨM TỪ TÂM (METTÃVAGGA)

I. KINH TỪ TÂM (Mettãsutta)1 (A. IV. 150) 1. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Tại day, The Tôn gọi các Ty-kneo: -Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Với từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, được sử dụng? được tu tập5 được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được

thiện xảo, được vững vàng, thời chờ đợi là có tám lợi ích. Thế nào là tám? Ngủ được an lạc; dậy được an lạc; không thấy ác mộng; được người ái mộ; được phi nhân ái mộ; chư thiên hộ trì; lửa, thuốc độc hay kiếm không gia hại; nếu không thông đạt thượng vị, đạt được Phạm thiên giới. Với từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo5 được sử dụng, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo? được vững vàng, thời chờ đợi là có tám lợi ích này. Ai tu tập từ tâm, Vô lượng thường ức niệm? Các kiết sử yếu dần, Thấy được sanh y diệt. Với tâm không ác độc, Từ mẫn mọi chúng sanh, Do vậy, vị ây thành, Bậc thuần nhất chí thiện. Với tâm ý từ mẫn,

1 Tham chiếu: T0(7.02. 0125.49.10. 0806al7); Phật thuyết Thập nhất tưởng tư niệm Như Lai kỉnh(T.02. 0138. 0861all).

Đối với mọi chúng sanh, Bậc Thánh khéo thực hiện5 Nhiều công đức tốt lành. Sau khi đã chinh phục, Rất đông đảo loài người? Các ẩn sĩ, vua chúa, Theo nghi lễ tế tự? Lễ tế ngựa, tế người, Lễ uống nước thắng trận, Lễ ném cầu may rủi, Lễ rút lui khóa cửa. Không được phân mười sáu, Bậc khéo tu từ tâm? Như ánh sáng mặt trăng, Đối với các quần sao. Không giết, không bảo giết, Không thắng, không bảo thắng, Từ tâm mọi chúng sanh, Không hận thù với ai. II. KINH TRÍ TUỆ (Pannãsutta) (A. IV. 151) 2. Này các Tỷ-kheo, có tám nhân này, có tám duyên này, khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ? nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo sống dựa trên bậc Đạo sư hay vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo5 được ái mộ, được kính trọng. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn. Vị ây do sông dựa trên bậc Đạo sư hay vị đông Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo, được ái mộ5 được kính trọng, thường đi đến họ hỏi đi hỏi lại: "Thua Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gi?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì không được mở rộng, phơi bày những gì không được phơi bày5 và đối với những pháp còn đang nghi vấn, họ giải tỏa những nghi vấn. Này các Tỷ-kheo5 đây là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ5 nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng5 được tu tập, được viên mãn. Vị ấy sau khi nghe pháp, cố gắng thành tựu hai sự an tịnh: Thân an tịnh và tâm an tịnh. Này các Tỷ-kheo5 đây là nhân thứ ba... được viên mãn.

Vị ấy có giới đức5 sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn5 đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp. Này các Tỷ-kheo5 đây là nhân thứ tư... được viên mãn. Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, chất chứa điều đã nghe; những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú

nghĩa lý cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây là nhân thứ năm... được viên mãn. Vị ấy tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, nỗ lực kiên tri, không bỏ rơi gánh nặng đối với các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo5 đây là nhân thứ sáu... được viên mãn. Vị ấy đi đến chư Tăng? không là người nói nhiều, không nói chuyện phù phiếm, tự mình nói pháp hay mời người khác nói, không khinh thường sự im lặng của bậc Thánh. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ bảy... được viên mãn. Vị ấy sống tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Dây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ? đây là thọ tập khởi? đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng... đây là hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt." Này các Tỷ-kheo? đây là nhân thứ tám, duyên thứ tám5 khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thê chứng được với trí tuệ, nêu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng5 được tu tập, được viên mãn. Các vị đồng Phạm hạnh quý mến vị ấy như sau: "Tôn giả này sống nương tựa vào bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo, được ái mộ? được kính trọng. Thật vậy? Tôn giả này biết điều đáng biết5 thấy điều đáng thấy." Đây là pháp đưa đến được ái mộ? được cung kính, được tu tập5 đưa đến Sa-môn hạnh, nhất tâm thuần nhất. Tôn giả này sống nương tựa vào bậc Đạo sư hay vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ su, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo9 được ái mộ5 được kính trọng... họ giải tỏa những nghi vân ây. Đây là pháp đưa đên được ái mộ5 được cung kính... thuần nhất. Tôn giả này sau khi nghe pháp... tâm an tịnh. Đây là pháp... thuần nhất. Tôn giả này có giới đức... học tập trong các học pháp. Đây là pháp... thuần nhất. Tôn giả này nghe nhiêu... khéo thành tựu chánh kiên. Đây là pháp... thuần nhất. Tôn giả này sông tinh cân tinh tân... đôi với các pháp thiện. Đây là pháp... thuần nhất. Tôn giả này đi đến Tăng chúng... sự im lặng của bậc Thánh. Đây là pháp... thuần nhất.

Tôn giả này sông tùy quán sanh diệt trong năm thủ uân... đây là thức châm dứt. Đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đến Sa- môn hạnh, nhất tâm thuần nhất. Này các Tỷ-kheo, tám nhân này, tám duyên này, khiến cho căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn. IIL KINH KHÔNG ĐƯỢC ÁI Mộ THỨ NHẤT (PaỊhamaappiyasuttãỹ (4 IV. 155) 3. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ5 thích ý? kính trọng và bắt chước. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tán thán những người không được ái mộ? chỉ trích những người được ái mộ, ưa lợi dưỡng, ưa được cung kính, không có lòng xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi? ác dục? có tà kiến. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ? thích ý5 kính trọng và bắt chước. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước. Này các Tỷ-kheo? thế nào là tám? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tán thán những người không được ái mộ? không chỉ trích những n^ười được ái mộ5 không ưa lợi dưỡng, không ưa được cung kính, có lòng

xấu hô, có sợ hãi tội lỗi, ít dục, có chánh kiến. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ? thích ý5 kính trọng và bắt chước. IV. KINH KHÔNG ĐƯỢC ÁI Mộ THỨ HAI (Dutỉyaappiyasutta) (A. IV. 156) 4. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ9 thích ý? cung kính và bắt chước. Thế nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa lợi dưỡng; ưa cung kính; ưa được tán thán; không biết thời; không biết vừa đủ; không trong sạch; nói nhiều; mắng nhiếc, quở trách đối với các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý5 cung kính và bắt chước. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ9 thích ý? cung kính và bắt chước. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa lợi dưỡng; không ưa cung kính; không ưa được tán thán; biết thời; biết vừa đủ; trong sạch; không nói nhiều; không mắng nhiếc, quở trách đối với các vị đồng Phạm hạnh.

2 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Qualities not endearing, nghĩa là Các phẩm chất không được ải mọ.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý5 cung kính và bắt chước. V. KINH PHÁP THẾ GIAN THỨ NHẤT (PaỊhamalokadhammasutta)3 (A. IV. 156) 5. Tám pháp thế gian, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Thế nào là tám? Lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, chỉ trích và tán thán? lạc và khổ. Tám pháp thế gian này, này các Ty.kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Lợi dưỡng, không lợi dưỡng, Danh vọng, không danh vọng, Chỉ trích và tán thán, An lạc và đau khổ? Những pháp này vô thường, Không thường hằng, biến diệt; Biết chúng, giữ chánh niệm, Bậc trí quán biến diệt. Pháp khả ái không động, Không khả ái không sân5 Các pháp thuận hay nghịch, Được tiêu tan không còn. Sau khi biết con đường, Không trần cấu, không sầu, Chơn chánh biêt sanh hữu, Đi đến bờ bên kia. VI. KINH PHÁP THẾ GIAN THỨ HAI (Dutìyalokadhammasutta) (A. IV 157) 6. Tám pháp thế gian, này các Tỷ-kheo5 tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Thế nào là tám? Lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, chỉ trích và tán than, an lạc và đau khổ. Tám pháp thê gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyên thê giới. Thê giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Với kẻ phàm phu không nghe pháp? này các Tỷ-kheo5 sanh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, không danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ. Với vị Thánh đệ tử nghe pháp, này các Tỷ-kheo, cũng sanh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, không danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có đặc thù gi, thù thắng gì, có sai khác gì giữa vị Thánh có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp?

3Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Worldly Failing, nghĩa là Sự sụp đổ của thế gian. Tham chiếu: Tang.(r.02. 0125.43.8. 0764013).

rri-i FT1 _ A _ _ 1 Ạ_ rr^l A rr-1 1 __ _N _ , , rrA _ T__ 1
A___FT1-|_ Á Bach The Tôn, các pháp lây Thê Tôn làm căn bản, lây Thê Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn? xin Thế Tôn giảng cho ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo? hãy lăng nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: —Với kẻ phàm phu không nghe pháp5 này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng. Người ấy khônẹ có suy tư: "Lọi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, khổ, biên hoại." Người ấy không như thật rõ biết... khởi lên không lợi dưỡng... khởi lên danh vọng... khởi lên không danh vọng... khởi lên chỉ trích... khởi lên tán thán... khởi lên an lạc... khởi lên đau khổ. Người ấy không có suy tư: "Khổ này khởi lên nơi ta, khổ ấy là vô thường, khổ, biến hoại." Người ấy không như thật rõ biết rằng? lợi dưỡng này xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không lợi dưỡnẹ xâm nhập tâm của người ấy và an trú, danh vọng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không danh vọng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, chỉ trích xâm nhập tâm của người ấy và an trú, tán thán xâm nhập tâm của người ấy và an trú, an lạc xâm nhập tâm của người ấy và an trú, đau khổ xâm nhập tâm của người ấy và an trú. Người ấy thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và nghịch ứng với không lợi dưỡng; thuận ứng với danh vọng được khởi lên và nghịch ứng với không danh vọng; thuận ứng với tán thán được khởi lên và nghịch ứng với chỉ trích; thuận ứng với an lạc được khởi lên và nghịch ứng với đau khổ. Người ấy đầy đủ thuận ứng, nghịch ứng như vậy, không có giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng người ấy không thoát khỏi đau khổ. Với vị Thánh đệ tử có nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡnẹ. Vị ấy có suy tư: "Lọi dưỡng này khởi lên nơi ta5 lợi dưỡng ấy vô thường, kho, biến hoại.” Vị ấy như thật rõ biết... khởi lên không lợi dưỡng... khởi lên danh vọng... khởi lên không danh vọng... khởi lên chỉ trích... khởi lên tán thán... khởi lên an lạc... khởi lên đau khổ. Vị ấy suy tư như sau: "Khổ này khởi lên nơi ta, khổ ấy là vô thường, khổ, biến hoại." Vị ấy như thật rõ biết rằng, lợi dưỡng này không xâm nhập tâm của vị ấy và an trú, không lợi dưỡng... danh vọng... không danh vọng... chỉ trích... tán thán... an lạc... đau khổ không xâm nhập tâm của vị ấy và an trú. Vị ấy không thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và không nghịch ứng với không lợi dưỡng; không thuận ứng với danh vọng được khởi lên và không nghịch ứng với không danh vọng; không thuận ứng với tán thán được khởi lên và không nghịch ứng với chỉ trích; không thuận ứng với an lạc được khởi lên và không nghịch ứng với đau khổ. Vị ấy, do đoạn tận thuận ứng, nghịch ứng như vậy5 nên giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ? ưu, não. Ta nói rằng vị ấy thoát khỏi đau khổ. Đây là đặc thù, này các Tỷ-kheo, đây là thù thắng, đây là sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp.

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 937

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng, Danh vọng, không danh vọng, Chỉ trích và tán than, An lạc và đau khổ, Những pháp này vô thường, Không thường hằng, biến diệt, Biết đúng, giữ chánh niệm, Bậc trí quán biến diệt. Pháp khả ái không động5 Không khả ái không sân,

Các pháp thuận hay nghịch, Được tiêu tan không còn. Sau khi biết con đường, Không trần cấu? không sầu, Chơn chánh biết sanh hữu, Đi đến bờ bên kia. VII. KINH Sự VI PHẠM CỦA DEVADATTA (DevadattavipattìsuttaỶ (Ả. IV 160) 7. Một thời5 Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), trên Gijjhakuta (núi Linh Thứu), sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu. Tại đấy, nhân việc Devadatta, Thê Tôn bảo các Tỷ-kheo: Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự vi phạm của mình. Lành thay! Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thường thường quan sát sự vi phạm của người khác. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự chứng đạt của mình. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự chứng đạt của người khác. Do bị tám phi Diệu pháp này chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này các Tỷkheo5 Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sông tại đây cả một kiêp5 không được cứu khỏi. Thế nào là tám? Này các Tỷ-kheo, bị lợi dưỡng chinh phục5 tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đấy cả một kiếp, không được cứu khỏi. Này các Tỷ-kheo, bị không lợi dưỡng chinh phục... bị danh vọng chinh phục... bị không danh vọng chinh phục... bị cung kính chinh phục... bị không cung kính chinh phục... bị ác dục chinh phục... bị ác bằnẹ hữu chinh phục5 tâm bị xâm chiêm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ5 địa ngục, sông tại đây cả một kiếp, không thể cứu khỏi. Này các Tỷ-kheo, bị tám phi Diệu pháp này chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đấy cả một kiếp, không thể cứu khỏi.

4 Bản tiếng Anh của PTS viết Devadatta.

Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi... không lợi dưỡng được sanh khởi... danh vọng được sanh khởi... không danh vọng được sanh khởi... cung kính được sanh khởi... không cung kính được sanh khởi... ác dục được sanh khởi... ác bằng hữu được sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do duyên mục đích gì cần phải sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não sanh khởi; do sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên5 như vậy các lậu hoặc tổn hại nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não sanh khởi; do sống chinh phục ác bằng hữu được khởi lên5 như vậy các lậu hoặc tổn hại nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ- kheo5 do duyên mục đích này, Tỷ-kheo sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: “Ta sẽ sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên?5 Như vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải học tập. VIII. KINH UTTARA THUYẾT VỀ sự

VI PHẠM (Uttaravipattisuttdý (A. IV. 162) 8. Một thời, Tôn giả Uttara trú ở Mahisavatthu, trên núi Saốkheyyaka, tại Dhavạiãlikã. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ưttara bảo các Tỷ-kheo: Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự vi phạm của mình. Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự vi phạm của người khác. Lành thay! Này chư Hiên, Tỵ-kheo thường thường quán sát sự thành đạt của mình. Lành thay! Này chư Hiên, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự thành đạt của người khác. Lúc bấy giờ? Đại vương Vessavana đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc, Đại vương Vessavana nghe Tôn giả Uttara trú ở Mahisavatthu, trên núi Saồkheyyaka, tại Dhavạjãlikã thuyết pháp như vậy cho các Tỷ-kheo: "Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát... sự thành đạt của người khac?9 Rồi Đại vương Vessavana như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại? hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy biến mất ở Mahisavatthu, trên núi

5 Bản tiếng Anh của PTS: The Venerable Uttara, nghĩa là Tôn giả Uttara.

Saốkheyyaka, ở Dhavạjãlikã và hiện ra trước mặt chư thiên ở cối trời Ba Mươi Ba. Rồi Đại vương Vessavana đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, nói với Thiên chủ Sakka: -Ngài có biết chăng, Tôn giả Uttara tại Mahisavatthu, trên núi Sankheyyaka, tại Dhavạjãlikã thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: uLành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát... sự thành đạt của người khác." Rồi Thiên chủ Sakka như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy biến mất trước chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, hiện ra ở Mahisavatthu, trên núi Sankheyyaka, ở Dhavạjãlikã, trước mặt Tôn giả Ưttara. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Tôn giả Uttara; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả ưttara rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói với Tôn giả Uttara: Thưa Tôn giả? có thật chăng, Tôn giả Uttara thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát... sự thành đạt của người khác"? Thưa có vậy, này Thiên chủ. —Thưa Tôn giả, đây là Tôn giả Uttara tự nói hay là lời của Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác? Vậy này Thiên chủ5 ta sẽ làm một ví dụ cho ngươi. Nhờ ví dụ ở dây, một số người có trí hiểu rõ ý nghĩa của lời nói. Ví nhu, này Thiên chủ, có một đống lúa lớn không xa làng hay thị trấn, và quần chúng từ nơi đống lúa ấy mang lúa di, hoặc trên đòn gánh, hoặc trong thúng, hoặc bên hông, hoặc với bàn tay. Này Thiên chủ, nếu có ai đến đám quần chúng ấy và hỏi như sau: "Các người mang lua này từ dâu?" Này Thiên chủ, đám quần chúng ấy cần phải đáp như thế nào để có thể đáp một cách chơn chánh? Thưa Tôn giả, đám quần chúng ấy muốn đáp một cách chơn chánh, cần phải đáp như sau: "Thua Tôn giả, chúng tôi mang lúa từ nơi đống lúa lớn này." —Cũng vậy, này Thiên chủ, điều gì khéo n6i, tất cả là lời nói của Thế Ton ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Dựa trên lời ấy, dựa lên trên ấy, chúng tôi và các người khác nói lên. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thật là khéo nói là lời nói này của Ton giả Uttara: Tât cả là lời nói của Thê Tôn ây, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Dựa trên lời ấy, dựa lên trên ấy, chúng tôi và các người khác nói len?5 Một thời, thưa Tôn giả Uttara, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá)5 tại Gijjhakuta, sau khi Devadatta

bỏ đi không bao lâu. Tại dấy, Thế Tôn nhân việc Devadatta, bảo các Tỷ-kheo: "Lành thay! Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thường thường quan sát... sự vi phạm của mình... (như kinh 7)... Này các Tỷ-kheo, do bị tám phi Diệu pháp này chinh phục5 tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đây cả một kiếp, không thể cứu khỏi.

Lành thay! Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo sống có thể chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi... không lợi dưỡng được sanh khởi... danh vọng được sanh khởi... không danh vọng được sanh khởi... cung kính được sanh khởi... không cung kính được sanh khởi... ác dục được sanh khởi... ác bằng hữu được sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do duyên mục đích gì phải sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do sống không chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi, các lậu hoặc, các tổn hại, nhiệt não sanh khởi; do sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên9 như vậy, các lậu hoặc, các tổn hại, nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do sống chinh phục không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên5 các lậu hoặc, các tổn hại, nhiệt não khởi lên; như vậy các lậu hoặc, tổn hại, nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do duyên mục đích này, Tỷ-kheo phải sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên. Do vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông phải học tập như sau: 'Ta sẽ sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tap."' Cho đên5 thưa Tôn giả Uttara, trong bôn hội chúng giữa loài người: Tỷ- kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư si, nữ cư si, pháp môn này không được một ai thiết lập. Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy học pháp môn này. Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy học thuộc lòng pháp môn này. Thưa Tôn giả? Tôn giả Uttara hãy thọ trì pháp môn này. Thưa Tôn giả, pháp môn này liên hệ đến mục dí ch, là căn bản Phạm hạnh. IX. KINH TÔN GIẢ NANDA (Nandasutta)6 (A. IV. 166) 9. Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là thiện nam tử." Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có sức mạnh.,^ Này các Tỷ-kheo5 nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có tịnh tín.,^ Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có ái dục sắc bén/5 Ai khác ngoài Nanda, này các Tỷ-kheo, thành tựu chế ngự các căn, biết tiết độ trong ăn uông, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác; nhờ vậy, Nanda có thể hành Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

6 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.275. 0073a22); Tạp.(02. 0099.1066. 0277a09); Biệt Tạp. (7.02. 0100.6. 0375al9).

Ở đây9 này các Tỷ-kheo, đây là sự chế ngự các căn của Nanda. Này các Tỷ-kheo, nêu Nanda phải nhìn vê phương Đông, tập trung tât cả tâm, Nanda nhìn vê hướng Đông và suy nghĩ: "Nhu vậy, khi ta đang nhìn về hướng Đông, thời tham, ưu, các ác5 bất thiện pháp sẽ không có xâm nhap"; như vậy, ở đây vị ấy tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, nếu Nanda phải nhìn về phươnệ Tây... về phương Bắc... về phương Nam... ngước nhìn lên trên... cúi nhìn ve phương dưới... hay nhìn về hướng giữa các phương chính, tập trung tất cả tâm, Nanda nhìn vê hướng giữa các phương chính và suy nghĩ: "Nhu vậy, khi ta đang nhìn về hướng giữa các phương chính, thời tham, ưu, các ác, bất thiện pháp sẽ không có xâm nhập,,; như vậy? ở đây vị ấy tỉnh giác. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Nanda chê ngự các căn. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Nanda tiết độ trong ăn uống. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda với chánh tư duy thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải đê tự làm đẹp mình, mà chỉ đê thân này được an trú và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Nhu vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ5 không cho khởi lên các cảm thọ mới5 và ta sẽ không có lôi lâm, sông được an ôn.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Nanda tiêt độ trong ăn uống. Ở đây? này các Tỷ-kheo5 Nanda chú tâm cảnh giác. Ở đây9 này các Tỷ-kheo, Nanda ban ngày đi kinh hành hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh một5 đi kinh hành hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh giữa, Nanda nằm dáng nằm con sư tử, bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm, canh cuối thức dậy5 đi kinh hành hay trong lúc ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Này các Tỷ-kheo, như vậy Nanda chú tâm cảnh giác. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda chánh niệm tỉnh giác. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Nanda rõ biết khi các thọ khởi lên5 rõ biết khi các thọ an trú. rõ biết khi các thọ chấm dứt; rõ biết khi các tưởng... rõ biết khi các tầm khởi lên, rõ biêt khi các tâm an trú, rõ biêt khi các tâm châm dứt. Này các Tỷ-kheo? đây là Nanda chánh niệm tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, ai khác ngoài Nanda, thành tựu chế ngự các căn5 biết tiết độ trong ăn uông, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác; nhờ vậy, Nanda có thể hành Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. X. KINH CÁC ĐỒ RÁC (Kãrandavasutta)1 (A. IV. 168) 10. Một thời, Thế Tôn trú ở Campã, trên bờ hồ Gaggarã. Lúc bấy giờ? các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Vị ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, tránh

7 Tham chiếu: Chiêm-bà kỉnh (roi. 0026.122. 0610c22); Chiêm-bà Tỷ-kheo kỉnh (roi. 0064. 0862b05).

né vân đê với một vân đê khác, hướng câu chuyện ra ngoài, và hiện tướng phân nộ5 sân hận5 bât mãn. Rôi The Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? hãy tẩn xuất người này ra! Này các Tỷ-kheo, hãy tẩn xuất người này ra! Này các Tỷ-kheo, người này đáng bị khai trừ. Sao để con cháu người khác làm phiền nhiễu các ông? Ở dây, này các Tỷ-kheo, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên5 nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y Sanghãti. bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiên thiện khác, cho đến khi các

Tỷ-kheo khônệ thẩy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biêt được: "Người này là Sa-môn ô uê, là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rưởi.,^ Sau khi biết người ấy là như vậy5 họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì cớ sao? "Chớ để người ấy làm ô uế các Tỷ-kheo hiền thiện khc.” Ví như, này các Tỷ-kheo5 khi một ruộng lúa mì đã đầy đủ cây lúa mì ô nhiễm, cây lúa mì rơm rạ5 cây lúa mì rác rưởi được mọc lên với rễ như vậy, giống như các cây lúa mì hiền thiện khác. Với cành lá như vậy5 giống như các cây lúa mì hiền thiện khác; với lá là như vậy? giống như các cây lúa mì hiền thiện khác, cho đến khi nào đầu ngọn lúa chưa mọc ra. Khi đầu ngọn lúa mì mọc ra, họ biết: "Dây là cây lúa mì hoang, đây là cây lúa mì rơm rạ, cây lúa mì rác rư&i." Sau khi biêt như vậy, họ nhô cây lúa mì ây lên5 nhổ luôn cả rễ, và quăng cây lúa mì ấy ra khỏi ruộng lúa. Vì cớ sao? Họ nói: "Dừng để cho cây lúa mì này làm uế nhiễm các cây lúa mì hiền thiện khác.^, Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y Sanghãti, bát và y như vậy9 như các Tỷ-kheo hiên thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Khi nào các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội9 họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế, là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rưởi.^, Sau khi biết người ấy là như vậy9 họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì cớ sao? "Chớ để cho người ấy làm ô uế các Tỷ-kheo hiền thiện khác.,, Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một đống lúa lớn đang được sàng quạt, tại dấy, các hạt lúa nào chắc cứng, có hạt? chúng được chất thành đống một bên; còn những hạt lúa nào yếu kém, chỉ là rom, thời được gió thổi tạt qua một bên, và n^ười chủ với cây chổi quét chúng còn xa hơn nữa. Vì cớ sao? "Chớ để cho lúa ây làm uế nhiễm các hạt lúa hiền thiện khac?9 Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo, ở đây5 khi nào một người đi ra5 đi vào? nhìn lên9 nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y Sanghãti, bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi nào các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Khi nào các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội5 họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế9 là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rư&i." Sau khi biết người ấy là như vậy, họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì cớ sao? "Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Tỷ-kheo hiền thiện khác.^ Ví như, này các Tỷ-kheo5 một người cần một số ống nước5 lấy một cây búa săc bén đi vào rừng, và với cán cây búa, gõ vào cây này hay cây khác, ơ

dây, những cây nào chắc cứng, có lõi, khi được cán búa gõ vào, tiếng vang dội được tròn cứng. Còn những cây nào ở giữa bị mục nát? không có lõi, nhơ bẩn (avassutãnỉ). khi được cán búa gõ vào, tiếng vang lép xẹp. Người ấy chặt cây ấy, chặt gốc; sau khi chặt gốc5 người ấy chặt ngọn; sau khi chặt ngọn5 người ấy rửa phía trong của cây cho thật sạch; khi rửa phía trong cho thật sạch rồi, người ấy nối liền các ống ấy lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ở đây? khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y Sanghãtỉ, bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiến thiện khác5 cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Khi nào các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế9 là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rư&i." Sau khi biết người ấy là như vậy5 họ tân xuất người ây ra ngoài. Vì sao? "Ch& đê cho người ây làm uê nhiễm các Tỷ-kheo hiền thiện khác." Ông có thể biết được, Người này ông chung sông5 Ai dục và phân nộ, Gièm pha và ngoan cố5 Não hại

và tật đố? Xan tham và man trá, Nói nhu hòa giữa người, Nói như lời Sa-môn, Che giấu làm việc ác, Ac kiên, thiêu kính trọng, Quanh co và nói láo, Biết vậy5 người làm gì? Tất cả phải đồng tình, Cùng tránh né người ây, Hãy tẩn xuất rơm rác, Hãy tông cô uê trược, Từ nay hãy tẩn xuất, Kẻ nói nhiều vô ích, Không phải là Sa-môn? Nhimg hiện tướng Sa-môn. Tẩn xuất kẻ ác dục? Ác hạnh, ác uy nghi, Sống với người thanh tịnh, Sống trong sạch chánh niệm, Hòa họp biết khôn khéo? Hãy chấm dứt khổ đau.

IL PHẢM LỚN (MAHẴK4GGA)

ĩ. KINH VERANJA (Veranjasuttdỷ (4 IV. 172) 11. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Ton trú ở Veranja, dưới gốc cây NaỊerupucimanda. Rồi Bà- la-môn Veranja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chao đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Veranja bạch Thế Tôn: —Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Sa-môn Gotama không đảnh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghế ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc d&i.”9 Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy: "Tôn giả Gotama không đảnh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghế ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thật là không đầy đủ. -Này Bà-la-môn; Ta không thấy một ai tronệ thế giới chư Thiên, trong thế giới Ác ma, trong thế giới Phạm thiên, trong quân chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người mà Ta có thể đảnh lễ người ấy, đứng dậy hay mời ghế nỊồi. Này Bà-la-môn5 nếu Như Lai đảnh lễ9 hay đứng dậy9 hay mời ngồi ai, thời đầu người ấy bị bể tan. -Tôn giả Gotama, thật thiếu ý vị! -Này Bà-la-môn5 có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: 6CSa-môn Gotama thật thiếu y vj!” Này Bà-la-môn, các sắc vị9 thanh vị, hương vị5 vị vị, xúc vị, các vị ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ? làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này5 ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu ý vị!,, Nhung ông nói không phải với ý nghĩa này. "Tôn giả Gotama thiếu tài sản." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản.,, Này Bà-la-môn, các sắc tài sản9 thanh tài sản, hương tài sản, vị

8 Tham chiếu: Hoàng ỉư viên 0.01. 002157. 0679ỒỒ4); Phật vị Hoàng Trúc viên lão Bà-la-môn thuyết Học kỉnh (T.01. 0075. 0882a20). 9 Xem A. I. 155; D. I. 114; II. 100; MIL 66; Vin. IL 188

tài sản, xúc tài sản, các tài sản ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây sla, làm cho không thể tái sanh5 làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn5 với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-m6n Gotama thiếu tài sản." Nhưng ông nói không

phải với ý nghĩa này. "T6n giả Gotama chủ trương thuyết không hành dong/5 Này Bà-la-môn? có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: 44Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành âộng^ Này Bà-la-môn, Ta nói không hành động về thân làm ác, về lời nói ác, về ý nghĩ ác. Ta nói không hành động về các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn5 đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-m6n Gotama chủ trương thuyết không hành độngy Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này. "T6n giả Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt.,, Này Bà-la-môn, có pháp môn này5 do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diet." Này Bà-la-môn5 Ta tuyên bố đoạn diệt tham, sân, si. Ta tuyên bố đoạn diệt các pháp ác, bất thiện. Này Bà- la-môn? đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diet." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này. "Tôn giả Gotama là nẹười nhàm chán." Này Bà-la-môn5 có pháp môn này, do pháp môn ây, ai nói vê Ta một cách chơn chánh có thê nói như sau: "Sa môn Gotama là người nhàm chán." Này Bà-la-môn, Ta nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán.,, Nhimg ông nói không phải với ý nghĩa này. "T6n giả Gotama là người chủ trương hư v6" Này Bà-la-môn5 có pháp môn này, do pháp môn ấy5 ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-m6n Gotama là người chủ trương hư vô.,, Này Bà-la-môn5 Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn? đây là pháp môn? do pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-m6n Gotama là người chủ trương hư Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này. "Tôn giả Gotama là người khổ hạnh." Này Bà-la-môn, có pháp môn này? do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hanh." Này Bà-la-môn5 Ta tuyên bố rằng cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này Bà-la- môn, với ai mà các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sãla, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong

tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Bà-la-môn5 với Như Lai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đã được tu khổ hạnh, được đoạn tận9 được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sãla, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn5 do pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: uSa-môn Gotama là người khổ hạnh.,, Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này. UTÔĨ1 giả Gotama chủ trương không nhập thai.” Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: C6Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai." Này Bà-la-môn5 với ai mà khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai đã đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ5 làm cho như thân cây Sãla, làm cho

không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy chủ trương không nhập thai. Này Bà-la-môn, Như Lai đã đoạn tận khả năng nhập thai và tái sanh trong tương lai, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sãla5 đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: uSa-môn Gotama chủ trương không nhập thai.” Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này. Ví nhu, này Bà-la-môn, có tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái, được con gà mái khéo ấp nằm, ấp nóng, ấp dưỡng, và con gà nào trong những con gà con ấy, đầu tiên hết, lấy chân, móng, đầu hay mỏ phá vỡ vỏ trứng gà ra ngoài một cách an toàn, con ấy được gọi là con trưởng hay con nhỏ nhất? Thưa Tôn giả Gotama, con ấy phải được gọi là con trưởng. Thật vậy, thưa Tôn giả Gotama, con ây là con trưởng trong tât cả các con gà ây. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi Ta vì chúng sanh bị vô minh chi phối, như sanh ra từ trứng, bị bao trùm, đã phá vỡ vỏ trứng vô minh, một mình chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác ở đời? này Bà-la-môn5 thật sự Ta là vị đệ nhất, tối thắng ở đời.10 Lại nữa, nàỵ Bà-la-môn? Ta tinh cần tinh tấn, không biếng nhác. Ta trú niệm, không có thất niệm, thân được khinh an, không có tháo động, định tĩnh, nhất tâm. Này Bà-la-môn, ly dục? ly pháp bất thiện, Ta đã chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ Ta trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền

10 XemR II. 15; J.L 43.

não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, một đời? hai đời, ba đời5 bôn đời5 năm dời, mười đời5 hai mươi đời5 ba mươi đời, bôn mươi đời, năm mươi đời5 một trăm đời9 hai trăm đời, một ngàn đời5 một trăm ngàn đời? nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ răng: "Tại chô kia, Ta có tên như thê này, dòng họ như thê này5 giai câp như thê này5 thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thê này, giai câp như thê này, thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở day." Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết. Này Bà-la-môn5 đây là trong canh một5 Ta chứng được Minh thứ nhất? vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diet, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn5 đây là sự xuất sanh thứ nhất của Ta, như con gà con ra khỏi vỏ trứng. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng? vững chắc, không dao động, như vậy Ta dẫn tâm, hướng

tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thây sự sông và sự chêt của chúng sanh. Ta biêt rõ răng chúng sanh, người hạ liệt5 kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ; những hạng chúng sanh nào thành tựu thân làm ác, thành tựu miệng nói ác, thành tựu ý nghĩ ác; phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những hạng chúng sanh nào5 thành tựu thân làm lành, thành tựu miệng nói lành5 thành tựu ý nghĩ lành, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy? với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thây sự sông chêt của chúng sanh. Ta biêt rõ răng chúng sanh, người hạ liệt5 kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Này Bà-la-môn, đây là trong canh giữa, Ta chứng được Minh thứ hai, vô minh diet, minh sanh, bóng tối diet, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, đây là sự xuất sanh thứ hai của Ta, như con gà con ra khỏi vỏ trứng. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh? trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến? dễ sử dụng5 vững chắc, không dao động? như vậy Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: uĐay là kh6”biết như thật: “Dây là kho tập5\ biết như thật: "Đây là khổ diet", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diet”, biết như thật: "Đây là những lậu hoặc9\ biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc,5, biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diet", biet

như thật: "Bây là con đường đưa đến lậu hoặc diet?9 Do biết như vậy, thấy như vậy5 tâm của Ta thoát khỏi dục lậu5 thoát khỏi hữu lậii, thoát khỏi vô minh lậu. Đoi vơi tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoat." Ta biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.,, Này Bà-la-môn, đây là trong canh cuối. Ta chứng được Minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, đây là sự xuất sanh thứ ba của Ta, như con gà con ra khỏi vỏ trứng. Được nghe nói như vậy9 Bà-la-môn Verafija bạch Thế Tôn: Đệ nhất là Tôn giả Gotama! Tối thắng là Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy5 Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. II. KINH TƯỚNG QUÂN SĨHA (Sĩhasutta)n (A. IV. 179) 12. Một thòi, Thế Tôn trú ở Vesãli (Tỳ-xá-ly), tại Mahãvana (Đại Lâm), ở Kũtãgãrasãlã (ngôi nhà có nóc nhọn). Lúc bấy giờ, rất nhiều vị Licchavi là các bậc có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp? tán thán chúng Tăng. LÚC bây giờ5 Tướng quân Sĩha là đệ tử của Niganthã ngôi trong hội chúng ấy. Rồi

Tướng quân Sĩha suy nghĩ như sau: “Kh6ng nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Vậy ta hãy đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.99 Rồi Tướng quân Sĩha đi đến Nigantha Nãtaputta; sau khi đến, thưa với Nigantha Nãtaputta: Thưa Tôn giả5 tôi muốn đi đến yết kiến Sa-môn Gotama. Này Sĩha, sao ông, người chủ trương hành động, lại đi đến yết kiến Sa- môn Gotama, người chủ trương không hành động? Này Sĩha5 Sa-môn Gotama chủ trương không hành động5 thuyết pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy. Rồi Tướng quân Sĩha, ý muốn đi đến yết kiến Thế Tôn bị dập tắt. Lần thứ hai, rất nhiều vị Licchavi có danh tiếng, có thời danh ngòi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng11

11 Tham chiếu: Sư tử kỉnh (r.01. 0026.18. 0440c22).

Tăng. Lần thứ hai, Tướng quân Sĩha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều yị Licchavi này có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Vậy ta hãy đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.” Rồi Tướng quân Sĩha đi đến Nigantha Nãtaputta; sau khi đến5 thưa với Nigantha Nãtaputta: Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến yết kiến Sa-môn Gotama. —Này Sĩha, sao ông5 người chủ trương hành động, lại đi đến yết kiến Sa- môn Gotama, người chủ trương không hành động? Này Sĩha, Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy. Rồi Tướng quân Sĩha, lần thứ hai, ý muốn đi đến yết kiến Thế Tôn bị dập tắt. Lân thứ ba, rât nhiêu vị Licchavi có danh tiêng, có thời danh trong khi đang ngồi tụ họp ở hội trườnệ, dùng nhiêu phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp? tán thán chúng Tănẹ. Lân thứ ba, Tướng quân Sĩha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, The Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều yị Licchavi này có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật5 tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Các Niganthã sẽ làm gì được cho ta, nếu họ được hỏi ý kiến hay không hỏi ý kiến. Vậy ta hãy không hỏi ý kiến Niganthã, đi đến yết kiến vị Thế Tôn ẩy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Rồi Tướng ạuân Sĩha, vào giữa trưa với khoảng năm trăm cỗ xe, đi khỏi Vesãli để yết kiến Thế Tôn. Đi xe cho đến đoạn đường đất còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ và vào trong khu vườn. Rồi Tướng quân Sĩha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lê Thê Tôn, rôi ngôi xuồng một bên. Ngồi xuông một bên, Tướng quân Sĩha bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, con có được nghe: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vRy." Bạch Thê Tôn5 họ nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy,\ Bạch Thế Tôn, họ nói ve The Tôn như vậy, họ có xuyên tạc Thê Tôn với điêu không thật chăng? Và họ trả lời có thuận với pháp không, và những ai như pháp thuyết đúng pháp, không có lý do để chỉ

trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn xuyên tạc The Tôn. - Này Sĩha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động? thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như V*? Này Síha, có pháp môn5 do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh vê Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như V0'

Này Sĩha, có pháp môn, do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh vê Ta, có thể nói: uSa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vay.” Này Sĩha, có pháp môn? do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: í6Sa-môn Gotama là người nhàm chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vay." Này Sĩha, có pháp môn9 do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh vê Ta, có thể nói: 6tSa-môn Gotama là người chủ trương hư vô? thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vay." Này Sĩha? có pháp môn? do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, co thể nói: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy.,, Này Sĩha, có pháp môn, do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh vê Ta, có thê nói: "Sa-m6n Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vay." Này Sĩha5 có pháp môn? do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-m6n Gotama là người an ủi9 thuyết pháp về an ủi và huấn luyện các đệ tử như vay." Và này Sĩha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vay,9? Này Sĩha, Ta tuyên bố yề không hành động đối với thân làm ác, mieng nói ác và ý nghĩ ác. Ta tuyên bố về không hành độnẹ đối với các pháp ác, bất thiện. Này Sĩha, đây là pháp môn, do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vay." Này Sĩha, thế nào là pháp môn? do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: 64Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như V Này Sĩha? Ta tuyên bố về hành động đối với thân làm lành, miệng nói lành và ý nghĩ lành. Ta tuyên bố về hành động đối với các thiện pháp. Này Sĩha5 đây là pháp môn5 do pháp môn ây? nêu nói một cách chơn chánh vê Ta, có thê nói: 46Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyêt pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như V0' Và này Sĩha, thế nào là pháp môn9 do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diet, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vay” Này Sĩha, Ta tuyên bố về đoạn diệt tham, sân, si. Ta tuyên bố về đoạn diet đối với các pháp ác, bất thiện. Này Sĩha, đây là pháp môn? với pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thê nói: "Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy.,,

Và này Sĩha, thê nào là pháp môn, do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-m6n Gotama là người nhàn chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vay”? Này Sĩha, Ta nhàm chán đôi với thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác. Ta nhàm chán đối với sự thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này Sĩha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: 66Sa-môn Gotama là người nhàm chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vay." Và này Sĩha, thê nào là pháp môn5 do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô? thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như v^y"? Này Sĩha, Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân? si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện. Này Sĩha5 đây là pháp môn, do pháp môn ây, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: 6ẾSa-môn Gotama là người chủ trương hư vô? thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy.,, Và này Sĩha, thế nào là pháp môn9 do pháp môn ấy, nếu có ai nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: uSa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vay” Này Sĩha, Ta tuyên bố cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, kể cả thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này Sĩha, với ai mà các pháp ác? bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác? ý nghĩ ác được tu khô hạnh, được đoạn tận5 được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sãla, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng ĩiệười ấy là người khổ hạnh. Này Sĩha, đôi với Như Lai, các pháp ác, bât thiện cân phải khổ hạnh này, đã được đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây Sãla, đã được làm không thể tái sanh, đã được làm khônẹ thể sanh khởi trong tưcmg lai. Này Sĩha, đây là pháp môn? do pháp môn ấy, nểu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như V0' Và này Sĩha, thê nào là pháp môn, do pháp môn ây, nêu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: uSa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy,?? Này Sĩha, với ai đã đoạn tận sự nhập thai trong tương lai, sự tái sanh, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sãla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ta tuyên bô người ây là người chủ trương không nhập thai. Này Sĩha, Như Lai đã đoạn tận sự nhập thai trong tương lai? sự tái sanh, cắt đứt tận gốc rễ9 làm cho như thân cây Sãla5 làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Sĩha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: í4Sa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vay.”

952 KINH TẨNG CHI BỘ

Và này Sĩha, thê nào là pháp môn5 do pháp môn ây5 nêu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người an ủi, thuyết pháp về an ủi và huấn luyện các đệ tử như vW? Này Sĩha, Ta là người an ủi với tôi thượng an ủi, Ta thuyêt pháp vê an ủi5 Ta huấn luyện các đệ tử như vậy. Này Sĩha, đây là pháp môn9 với pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh vê Ta, có thê nói: "Sa-m6n Gotama là người an ủi, thuyết pháp về an ủi và huấn luyện các đệ tử như vay." Khi được nói như vậy, Tướng quân

Sĩha bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy9 Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thê Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thê Tôn nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. r r r -Này Sĩha, hãy chín chăn suy tư, hãy chín chăn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông. Bạch Thê Tôn, con càng bội phân hoan hỷ5 bội phân thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Sĩha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như 6ng." Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ giương cờ lên và tuyên bố: "Tướng quân Sĩha đã trở thành đệ tử của chúng t6i Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Síha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như 6ng.” Bạch Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thê Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ5 từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. —Này Sĩha, đã từ lâu gia đình ông như là giêng nước mưa nguôn cho các người Niganthã. Hãy cúng dường những món ăn cho những ai đến với ông. - Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hy, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: “Này Sĩha, đã từ lâu gia đình ông như là giếng nước mưa nẹuồn cho các người Niganthã. Hãy cúng dường những món ăn cho những ai đen với 6ng.” Bạch Thế Tôn, con nghe: "Sa-môn Gotama nói như sau: 'Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bô thí cho các đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử các người khác. Chỉ bô thí cho Ta mới có phước lớn, bô thí cho những người khác không có phước lớn. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta mới có phước lớn, bố thí cho đệ tử những người khác không có phước lớn.'” Nhimg Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các người Niganthã. Bạch Thế Tôn? và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y Thế Tôn? quy y Pháp, guy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đen mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 953

Rồi Thế Tôn thuận thứ thuyết pháp12 cho Tướng quân Sĩha, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cối trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các dục, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết Tướng quân Sĩha tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ5 Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: “Kh6, tập, diệt, dg.” Cũng như một tâm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, Pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với Tướng quân Sĩha: “Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diet.” Rồi Tướng quân Sĩha thấy pháp, chứng pháp, biết pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ vượt qua; do sự trừ diệt, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp của bậc Đạo sư. Tướng quân Sĩha bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận lời mời của con, ngày mai tới dùng cơm với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Tướng quân Sĩha biết được Thế Tôn đã nhận lòi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế T6n, thân bên hữu hướng về

Ngài rồi đi ra. Rồi Tướng quân cho gọi một người: "Này người kia, hãy tìm cho thịt tuoi.” Rồi Tướng quân Sĩha? sau đêm ấy tại trú xứ của minh, cho soạn các món ăn thượng vị? loại cứng và mềm, rồi cho người tới báo tin với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Tại trú xứ của Tướng quân Sĩha5 món ăn đã sẵn sàng." Rồi Thế Ton, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đến trú xứ của Tướng quan Sĩha; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ. nhiều người Niganthã ở Vesãli, từ đường lớn này đến đường lớn khác, từ đường hẻm này đên đường hẻm khác, múa tay la lớn: "Hôm nay, Tướng quân Sĩha đã giết một con thú lớn, và một bữa cơm được soạn cho Sa-môn Gotama, và Sa-môn tuy biết vậy, vẫn ăn món thịt được sửa soạn, do duyên vì mình được sửa soạn ra." Rồi một người đi đến Tướng quân Sĩha; sau khi đến5 nói nhỏ vào tai Tướng quân Sĩha: Thưa Tôn giả, Tôn giả có biết chăng? Nhiều Niganthã ở Vesâli, từ đường lớn này đến đường lớn khác5 từ đường hẻm này đến đường hẻm khác, múa tay la lớn: "H6m nay, Tướng quân Sĩha đã giết một con thú lớn, yà một bữa cơm đã được soạn cho Sa-môn Gotama, và Sa-môn Gotama tuy biêt vậy5 vân ăn món thịt được sửa soạn, do duyên vì mình được sửa soạn ra?9 -Thôi vừa rồi, này bạn. Đã lâu rồi, các Tôn giả ấy muốn chỉ trích Phật5 muốn chỉ trích Pháp, muốn chỉ trích các chúng Tăng. Nhưng các Tôn giả ấy không làm hại gì được Thế Tôn với những lời xuyên tạc không có thật, trống rỗng, láo khoét. Và chúng ta không vì sinh mạng lại cố ý sát hại sinh mạng của loài hữu tình.

12 XemD. L 110; II. 41; MIL 145; Vin. I. 15; II. 156.

954 KINH TĂNG CHI BỘ

Rồi Tướng quân Sĩha tự tay mình hầu hạ và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ- kheo với đức Phật là người dẫn đầu với các món ăn thượng vị5 loại cứng và loại mềm. Rồi Tướnệ quân Sĩha, sau khi biết Thế Tôn ăn đã xong, bàn tay đã rời khỏi bát, liền ngoi xuống một bên, và Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng cho Tướng quân Síha, khích lệ9 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ5 rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. IIL KINH NGỰA THUẦN THỤC (Assãiữnĩyasutta)13 (4 IV. 188) 13. Đầy đủ với tám đức tánh, này các Tỷ-kheo9 một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua và được xem như là biểu tượng của vua. Thế nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần thục, khéo sanh cả hai từ mẫu hệ và phụ hệ? tại phương hướng nào các con ngựa hiền thiện, thuần thục khác sanh trưởng, tại phương hướng ấy, con ngựa ấy được sanh. Họ cho ăn các món ăn gi, ướt hay khô, con ngựa ấy ăn một cách cẩn thận? không có làm rơi rớt. Con ngựa ấy nhàm chán khi phải đứng hay nằm gần phân hay nước tiểu. Con ngựa ấy sống hoan hỷ và dễ dàng sống chung với các con ngựa khác và không làm các con ngựa khác hoảng sợ. Phàm có những gian dối?14 giả dối? xảo trá, quanh co gì, nó nêu rõ như thật cho người đánh xe biết, và người đánh xe cố gắng nhiếp phục nó. Khi đang kéo xe, nó nghĩ: “Hy để cho các con ngựa khác muốn hay không muốn kéo? còn ta, ta sẽ k6o." Khi đi? nó đi con đường thẳng. Kiên trì, nó kiên trì cho đến khi mạng sống chấm dứt. Thành tựu tám pháp này5 này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua hiền thiện, thuần thục, xứng đáng để vua dùng? thuộc quyền sở sữu của vua, và được xem như là biểu tượng

của vua. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, thành tựu tám pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Phàm nhận các món đồ ăn gì, thô hay tế, vị ấy ăn một cách cẩn thận, không có oán thán gì. Vị ấy có nhàm chán, nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác5 nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện. Vị ấy hoan hỷ và dễ dàng sống chung với các Tỷ-kheo khác và không làm các Tỷ-kheo khác hoảng sợ. Phàm có những gian dối, giả dối, xảo trá, quanh co gì, vị ấy như thật nêu rõ cho vị Đạo sư hay các đông Phạm hạnh có trí cố gắng để nhiếp phục. Trong khi học tap, vị ấy khởi lên ý nghĩ: "Hãy để cho các Tỷ- kheo khác học tập hay không học tập, còn ta, ta sẽ học tập ở day?9 Khi di, vị ây đi con đường thăng, tại đây, con đường thăng này tức là chánh tri kiến, chánh tư

13 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.925. 0235b22); Tạp.(02. 0100.150. 0430a28); Tạp. (702. 0099.924. Ố235aÒ6); Biệt Tạp.(702. 0100.149. 0429c 11). Xem AV. 167; ML 340.

duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vị ây sông tinh cân, nghĩ răng: "Dâu chỉ có da, gân hay xương còn lại, dâu thịt và máu có khô cạn trong thân, điều mà sự kiên trì của con người, sự tinh tấn của con người, sự nỗ lực của con người có thể đạt được, nếu chưa đạt được thời tinh tấn không có chấm dứt.” Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

IV. KINH NGỰA CHƯA ĐIỀU PHỤC (Assakhaịunkasuttă)Ỵ5 (Ả. IV. 190) 14. — Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng vê tám loại ngựa chưa được điêu phục, tám tánh xấu của con ngựa; tám hạng người chưa được điều phục? tám tánh xấu của con người. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 thế nào là tám loại ngựa chưa được điều phục? Thế nào là tám tánh xấu của con ngựa? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục? khi bảo đi5 bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó đi lui, và với lưng, làm chiếc xe chạy vòng lại. Như vậy? này các ly-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo5 đây là tánh xấu thứ nhất của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 ở đây có loại ngựa chưa được điêu phục, khi bảo đi9 bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó nhảy lui, đạp vào thành xe,16 làm gãy gọng xe.1517 Như vậy9 này các Tỷ-kheo5 đây là loại ngựa chưa được điều phục. 16 Này các Tỷ-kheo? đây là tánh xấu thứ hai của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điêu phục? khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó rút bắp vế ra khỏi gọng xe18 và giẫm nát gọng xe. Như vậy? này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo? đây là tánh xấu thứ ba của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 ở đây có loại ngựa chưa được điều phục5 khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó liền đi con đường xấu và làm cho xe bị lạc hướng. Như vậy, này các Ty.kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo? đây là tánh xấu thứ

tư của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo

15 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.924. 0235a06); Biệt Tạp.(T.02. 0100.149. 0429cll); Tạp. (r.02. 0099.925. 0235022). Biệt Tạp.(T.02. 0100.150. 0430a28). 16 Kubbaram hanati. AA. IV. 104: Pacchã langhati, kubbaram hanatĩtỉ dve pacchỉmapãde ukkhỉpỉtvã tehỉ paharỉtvã rathakubbaram bhỉndatỉ (“N6 nhảy lùi, đạp vào gọng xe" nghĩa là nó tung 2 chân sau, đạp vào xe, làm gãy gọng xe). 17 Tidandam bhanjati: Có ba đòn tay trên xe và nó làm gãy. 18 Cui đâu xuong đê cái ach rơi xuong dat, no lam gãy cai gọng xe với chân sau.

đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó trườn đứng phía thân trước và đạp lên không trung với chân trước. Như vậy, này cảc Tỷ-kheo9 đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ năm của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục5 khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó kh6ng để ý đến người đánh xe, không để ý đến cây gậy thúc ngựa5 lấy răng nghiến hàm thiết ngựa (mukhãdhãnam vidhamsỉtvã) và đi chỗ nào nó muốn. Như vậy, này các Tỷ- kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ sáu của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, không đi tới5 không đi lui, đứng lại tại chỗ như một cột trụ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo5 đây là tánh xấu thứ bảy của con ngựa. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điêu phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la? liền tréo hai chân trước, tréo lại hai chân sau, và quỵ xuống bốn chân tại đấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo5 đây là tánh xấu thứ tám của con ngựa. Này các Tỷ-kheo5 đây là tám loại ngựa chưa được điêu phục và tám tánh xấu của con ngựa. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tám hạng người chưa được điều phục và tám tánh xấu của con người? d dây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ- kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, tránh né [vấn đề] như là không nhớ, nói rằng: “T6i không nhớ, tôi không nh&." Ví nhu, này các Tỷ-kheo, con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó đi lui và với cái lưng làm cho cái xe chạy vòng lại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Như vậy? này các Tỷ-kheo5 đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ nhất của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ- kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, phát ra lời chất vấn Tỷ-kheo buộc tội: "Ong lấy quyền gì mà nói, này kẻ ngu si không thông minh? Tại sao ông nghĩ rằng ông phải n6i?" Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó nhảy lui lại, đạp vào thành xe, làm gãy gọng xe. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo5 đây là tánh xấu thứ hai của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ- kheo ây bị các

Tỷ-kheo buộc tội, liên cật nạn Tỷ-kheo buộc tội: "Ong cũng phạm tội tên là như vậy. Vậy ông hãy phát lộ tnróc.” Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la,

rút bắp vế ra khỏi gọng xe và giẫm nát gọng xe. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy? này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ ba của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, liền tránh né vấn đề với một vấn đề khác, hướng dẫn câu chuyện ra ngoài và biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, liền đi vào con đường xấu và làm cho xe bị lạc hướng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo9 ở đây là tánh xấu thứ tư của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ- kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội5 liền nói ba hoa, giơ tay múa chân (bãhuvikkhepam karoti). Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó liền trườn đứng phía thân trước và đạp lên không trung với chân trước. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ năm của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ- kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, không đế ý đến chúng Tăng, không để ý đến các Tỷ-kheo buộc tội5 với tội phạm và như một người bị xúc phạm, vị ấy đi chỗ nào vị ây muôn. Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điêu phục ây, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó không để ý đến người đánh xe, không để ý đến cây roi, lấy răng nghiến hàm thiết ngựa, và đi chỗ nào nó muốn. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ sáu của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, liền nói: "T6i không phạm tội? tôi không có phạm toi”và vị ấy làm chúng Tăng bực mình với sự im lặng. Này các Tỷ- kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo di, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó không đi tới, không đi lui, đứng lại tại chỗ như một cột trụ. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo? đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ bảy của con người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ- kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội9 nói như sau: "Tại sao các Tôn giả lại quá lo19 cho tôi. Bắt đầu từ nay, tôi sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục." Rồi vị ấy sau khi từ bỏ học pháp và hoàn tục, nói như sau: “Nay các Tôn giả ấy được hoan hy!" Này

19 Byãvata. Xem Ud. 13; UdA. 116 viết ussukka (nhiệt tâm).

các Tỷ-kheo5 ví như con ngựa chưa được điêu phục ây, khi bảo di, bị đánh hay bị người đánh xe la, liên tréo lại hai chân trước, tréo lại hai chân sau và năm xuông bôn chân tại đây. Này các Tỷ-kheo, Ta nói răng, người này giông như ví dụ ấy. Như vậy? này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ tám của con người. Này các Tỷ-kheo? đây là tám hạng người chưa được điêu phục và tám tánh xấu của con người. V KINH CÁC CẤU UẾ (Malasutta)20 (4 IV. 195) 15. Này các Tỷ-kheo, có tám cấu uế này. Thế nào là tám? Này các Tỷ-kheo, không đọc tụng là câu uê của Thánh điên; này các Tỷkheo? không thức dậy là cấu uế của nhà; này các Tỷ-kheo, biếng nhác là cấu uế của dung sắc; này các Tỷ-kheo, phóng dật là câu uế của phòng hộ; này các Tỷ-kheo5 ác hạnh là cấu uế của đàn bà; này các Tỷ-kheo, xan tham là cẩu uế của bô thí; này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bât thiện, là câu uê của đời này và đời sau; nhưng này các Tỷ-kheo, còn có cấu uế lớn hơn các cấu uế, vô minh là cấu uế lớn nhat. Này các Tỷ-kheo? đây là tám loại câu uê. Không tụng làm nhớp kinh, Không dậy làm nhớp nhà, Biếng nhác nhớp dung sắc5 Phóng dật nhớp phòng hộ, Ác hạnh nhớp mỹ nhân, Xan tham nhớp bô thí, Các pháp ác làm nhớp, Đời này và đời sau. Nhưng có loại cấu uế, Hơn tất cả cấu uế, Đấy chính là vô minh, Là cấu uế lớn nhất.

VI. KINH SỨ GIẢ (Dũteyyasutta) (A. IV. 196) 16. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo xứng đáng đi làm sứ giả. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người nghe và khiến người khác nghe, học và khiến người khác thọ trì, biết và khiến người khác biết, thiện xảo trong vấn đề thích hợp và không thích hợp [hay vấn đề kinh điển hay không kinh điển]5 không phải là người ưa cãi nhau. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo xứng đáng đi làm sứ giả.

20 Tham chiếu: Pháp củ kinh, Trần cấu phẩm (7.04. 0210.26. 0568ỒỒ15).

Thành tựu tám pháp này5 này các Tỷ-kheo, Sãriputta xứng đáng đi làm sứ giả. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Sãriputta là người nghe và khiến người khác nghe, học và khiến người khác thọ trì, biết và khiến người khác biết thiện xảo trong Vấn đề thích hợp và không thích hợp, không phải là người ưa cãi nhau. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo9 Sãriputta xứng đáng đi làm sứ giả. Với ai không run sợ, Đến hội chúng bạo ngôn5 Không quên lời đã học? Không che giấu giáo pháp, Không nói lời nghi hoặc,21 Được hỏi không phẫn nộ9 Vị Tỷ-kheo như vậy? Xứng đáng đi sứ giả. VII. KINH TRÓI BUỘC THỨ NHẤT (PaḶhamabandhanasutta)22 (4 IV 196) 17. Với tám hình tướng này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Thế nào là tám? Này các Tỷ-kheo? nữ nhân trói buộc nam nhân với nhan săc; này các Tỷ- kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với tiêng cười; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với lời nói; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với lời ca; này các Tỷ-kheo5 nữ nhân trói buộc nam nhân với nước mắt (yanabhanga); này các Tỷ-kheo? nữ nhân trói buộc nam nhân với áo quần; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với vật tặng; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với xúc chạm. Với tám hình tướng này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Các loài hữu tình bị khéo trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như bị trói buộc bởi bẫy sập. VIII. KINH TRÓI BUỘC THỨ HAI

(Dutìyabandhanasutta)23 (A. IV. 197) 18. Với tám hình tướng, này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân. Thế nào là tám? Này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với nhan sắc; này các Tỷ- kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với tiếng cười; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với lời nói; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với lời ca; này các Tỷ-kheo5 nam nhân trói buộc nữ nhân với nước mắt; này các

21 Asandiddhanca. AA. IV. 106: Asandiddhantỉ nissandeham vigatasamsayam (uKhông nghi hoặc" nghĩa là [lời nói] không đưa đến sự nghi ngờ). 22 Bản tiếng Anh của PTS: A Woman s Toils, nghĩa là Sự trói buộc của nữ nhân. Tham chiếu: Tăng. (r.02. 0125.44.5. 0765c24). 23 Bản tiếng Anh của PTS: A Man s Hold, nghĩa là Sự trói buộc của nam nhân.

Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với áo quần; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với vật tặng; này các Tỷ-kheo5 nam nhân trói buộc nữ nhân với xúc chạm. Với tám hình tướng này, này các Tỷ-kheo5 nam nhân trói buộc nữ nhân. Các loài hữu tình bị khéo trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như bị trói buộc bởi bẫy sập. IX. KINH A-TU-LA PAHẢRÃDA (Pahãrãdasutta)24 (A. IV. 197) 19. Một thời, Thế Tôn trú ở Veranja, dưới gốc cây NaỊerupucimanda. Rồi Vua a-tu-la Pahãrãda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Vua a-tu-la Pahãrãda đang đứng một bên: Này Pahãrãda, có phải các a-tu-la thích thú biên lớn? -Bạch Thế Tôn, các a-tu-la thích thú biển lớn. Này Pahãrãda, có bao nhiêu sự vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thây vậy, thây vậy, các a-tu-la thích thú biên lớn? Bạch Thế Tôn, có tám sự vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy vậy, thây vậy, các a-tu-la thích thú biên lớn. Thê nào là tám? Bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Lại nữa, bạch Thế Tôn? biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì răn^5 bạch Thê Tôn, biên lớn đứng một chô5 không có vượt qua bờ, nên bạch The Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu- la thích thú biển lớn. Lại nữa5 bạch Thê Tôn, biên lớn không có chap chứa xác chêt; nêu có xác chết trong biển lớn9 lập tức bị ạuăng lên bờ hay vat lên đất liền. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết; nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay^vất lên đất liền, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng5 sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên cũ trở thành biển lớn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào? ví như sông Hằng... trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tư... thích thú biển lớn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống nhưng

không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy. Vì rằng, bạch Thế Tôn5 phàm có những dòng nước gì

24 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.42.4. 0752c24);A-tu-la kinh (TOI. 0026.35. 0475c 16).

ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy? nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ năm... thích thú biển lớn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là yị mặn, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ sáu... thích thú biển lớn. Lại nữa, bạch Thế Tôn? biển lớn có nhiều châu báu5 nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ? mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như trân châu5 ma ni châu5 lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô5 bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não? nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ bảy... thích thú biển lớn. Lại nữa5 bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ của các loại chúng sanh lớn, tại dấy, có những chúng sanh như các con timi, timihgala, timiramiốgala,25 những loại asura (a-tu-la), các loại nãga5 các loại gandhabba; trong biển có những loài hữu tình có tự ngã dài một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần5 ba trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, năm trăm do-tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ của các loài chúng sanh lớn... năm trăm do-tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tám, do thây vậy, thây vậy, các a-tu-la thích thú biên lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này? Này Pahãrãda, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này. Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vi diệu chưa từng có mà do thấy vậy, thay vậy9 các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này? Này Pahãrãda, có tám pháp vi diệu này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy vậy5 thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Thế nào là tám? Ví nhu, này Pahãrãda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí (afinapativedha) thình lình. Này Pahãrãda, vì rằng, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục (kiriyã) là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình, nên này Pahãrãda, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất, mà do thấy vậy? thấy vậy5 các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví như, này Pahãrãda, biển lớn đứng một chỗ5 không có vượt qua bờ. Cũng vậy5 này Pahãrãda, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này Pahãrãda, vì rằng, các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì

25 Xem Vìn. II. 238; Ud. 55, Ngài Dhammapãla giải thích có ba loại cá, loại giữa ăn loại trước, và loại thứ ba ăn ca loại đâu và loại giữa.

nhân sinh mạng, cũng không vượt qua, nên này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai, mà do thấy vậy? thấy vậy5 các Tỷ- kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví nhu, này Pahãrãda, biển lớn không có chấp chứa xác chết; nếu có xác chết trong biển lớn5 lập tức bị quăng lên bờ hay vat lên đất liền. Cũng vậy, này Pahãrãda, người nào hành ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa- môn? không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tjnh, chúnẹ Tăng kh6ng sống chung với người ấy? lập tức hội họp lại và tẩn xuất người ây ra khỏi; dâu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo5 nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Này Pahãrãda, vì rằng, người ấy hành ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh... và chúng Tăng sống xa người ấy, nên này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví nhu, này Pahãrãda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahí, các con sông ấy khi chảy đến biển? liền bỏ tên cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy? này Pahãrãda, có bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn? Phệ-xá9 Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố này, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử. Này Pahãrãda, vì răng? có bôn giai câp... trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví nhu, này Pahãrãda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống nhưng khônệ vì vậy biển lớn được thây có vơi có đây. Cũng vậy, này Pahãrãda, nêu có nhiêu Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahãrãda, vì rằng, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết- bàn ệiổi không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đây, nên này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này? đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm? mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví nhu, này Pahãrãda, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy5 này Pahãrãda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahãrãda, vì rằng, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát, nên này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu, mà do thấy vậy9 thấy vậy5 các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví nhu, này Pahãrãda, biển lớn có nhiều châu báu5 có nhiều loại châu báu5 ở đấy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô? bạc, vàng, ngọc đỏ5 mã não. Cũng vậy? này Pahãrăda, Pháp và Luật này

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 963

CÓ nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahãrãda, vì răng5 Pháp và Luật này có nhiêu châu báu? có nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành, nên

này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy, mà do thấy vậy5 thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Ví như, này Pahãrãda, biển lớn là trú xứ của các loại chúng sanh lớn, tại đấy có những chúng sanh như các con timi, timingala, timiramingala, những loại asura, các loại IIga, các loại gandhabba; trong biển có loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do-tuần5 hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuầii, bốn trăm do- tuần, năm trăm do-tuần. Cũng vậy5 này Pahãrãda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn, ở đấy có những loại chúng sanh này: Bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lira quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ A-la-hán quả. Này Pahãrãda, vì rằng, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn, ở đấy có những chúng sanh này... A-la-hán quả, nên này Pahãrãda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thây vậy, thây vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Này Pahãrãda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật, và do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. X. KINH NGÀY TRAI GIỚI (Uposathasutta)26 (A, IV. 204) 20. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên, chỗ lâu đài của mẹ Migãra. Lúc bấy giờ, Thế Tôn, nhân ngày trai giới, đang ngồi có chúng Tăng đoanh vây. Rồi Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn và canh một đã qua, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 đem đã gần mn, canh một đã qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn5 Thế Tôn hãy đọc Giới bổn cho các Tỷ-kheo. Khi được nói vậy5 Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn ệiả Ãnanda, khi đêm đã gần mãn và canh giữa đã qua5 từ chỗ ngồi đứng dậy? đắp thượng y vào một bên vai5 chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, đem đã gần mãn, canh hai đã qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc Giới bổn cho các Tỷ-kheo. Khi được nói như vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

26 Tham chiếu: Tang.(T.02. 0125.48.2. 0786a26); Thỉem-bakịnh (7.01. 0026.37. 0478b 13); Hằng thủy kinh^^(T.01. 0033. 0817a03); Phap hải kỉnh (7.01. 0034. 0818a08); Hải bat đức kinh (7.01. 0035.0819a03).

Lần thứ ba, Tôn giả Ãnanda, khi đêm đã gần mãn và canh cuối đã qua, rạng đông đã khởi, mặt đêm đã sáng tỏ? từ chô ngôi đứng dậy, đăp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào The Tôn và bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã qua, rạng đôn^ đã khởi9 mặt đêm đã sáng tỏ, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, The Tôn hãy đọc Giới bổn cho các Tỷ-kheo. Này Ãnanda, hội chúng không được thanh tịnh. Rồi Tôn giả Mahãmoggallãna suy nghĩ như sau: "Dề cập đến người nào, Thế Tôn đã nói: 'Này Ananda, hội chúng không được thanh tjnh'?" Rồi Tồn giả Mahãmoggallãna, với tâm của mình chú tâm tác ý đến toàn thể chúng Tỷ- kheo9 Tôn giả thấy một người ấy hành ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy5 không phải là Sa-môn nhimg tự nhận là Sa-m6n, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là sống Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh

tình bất tịnh đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo; thấy vậy5 liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến người ấy; sau khi đến, nói với người ấy: Này Hiền giả? hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo. Được nói như vậy9 người ây im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Mahãmoggallãna nói với người ấy: Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả5 không thể chung sống với các Tỷ-kheo. Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lân thứ ba, Tôn giả Mahãmoggallãna nói với người ây: Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo. Lần thứ ba, người ấy im lặng. Rôi Tôn giả Mahãmoggallãna năm lây cánh tay người ay? đây ra khỏi cửa, đóng chốt cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi dến, bạch The Tôn: -Bạch Thế Tôn, người ấy đã bị con đuổi ra khỏi. Hội chúng đã thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết Giới bổn cho chúng Tỷ-kheo. -Thật vi diệu thay, này Mahãmoggallãna! Thật hy hữu thay, này Mahãmoggallãna! Cho đến khi bị nắm tay, kẻ ngu si kia mới đi. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, các ông hãy hành trì Bố-tát (Uposatha), hãy đọc Giới bổn. Bắt đầu từ nay, này các Tỷ-kheo? Ta sẽ không đọc Giới bổn. Này các Tỷ- kheo, không có sự kiện, không có cơ hội rằng Như Lai có thể đọc Giới bon trong một hội chúng không thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo? trong biên lớn có tám pháp vi diệu chưa từng có này mà do thấy vậy5 thấy vậy, các asura (a-tu-la) thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 965

Này các Tỷ-kheo5 biển lớn tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng... (như kinh 19) Này các Tỷ-kheo? đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thấy vậy, thấy vậy5 các asura thích thú biển lớn. Wcác Tỷ-kheo. trong biển lớn có tám sự vi diệu chưa từng có này, mà do thây vậy, thây vậy9 các asura thích thú biên lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này có tám pháp vi diệu chưa từng có này5 mà do thây vậy5 thây vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. The nào là tám? Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng... (như kinh 19 và những thay đổi cần thiết). Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám? mà do thấy vậy? thấy vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ trong Pháp và Luật này. Này các Tỷ-kheo5 trong Pháp và Luật này, có tám pháp vi diệu chưa từng có này, mà do thấy vậy5 thấy vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ trong Pháp và Luật này.

966 KINH TĂNG CHI Bộ

ni. PHẨM GIA CHỦ (GAHAPATIVAGGA)

I. KINH UGGA THỨ NHẤT (Pathamauggasutta)27 (A. IV. 208) 21. Một thời5 Thế Tôn trú ở Vèsãli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người Vesãli, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có. Các ông hãy thọ trì như vậy. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá. Rồi một Tỷ-kheo? vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát9 đi đến trú xứ của gia chủ Ugga, người Vèsãli; sau khi đên9 liên ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Rôi gia chủ Ugga, người Vesãli, đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến? đảnh lễ

Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy nói với gia chủ Ugga, người Vesãli, đang ngôi xuông một bên: Này gia chủ, Thế Tôn có nói rằng: “Gia chủ Ugga, người Vesãli này, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng c6.” Này gia chủ, thế nào là tám pháp vi diệu chưa từng có ấy, mà Thế Tôn nói gia chủ là người được thành tựu? Thưa Tôn giả5 tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có là gì. Nhưng thưa Tôn giả, tôi có tám pháp vi diệu chưa từng có này, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói. Vâng, này gia chủ. Tỷ-kheo ấy vâng đáp gia chủ Ugga, người Vesãli. Gia chủ Ưgga, người Vèsãli, nói như sau: Thưa Tôn giả, khi tôi lần đầu tiên chỉ từ xa thấy Thế Tôn, thưa Tôn giả9 chỉ thấy Thế Tôn thôi, tâm tôi được tịnh tín. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu thứ nhất, được có ở nơi tôi. Rồi thưa Tôn giả? với tâm tịnh tín ấ* tôi hầu hạ Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp thuận thứ cho tôi, như thuyết về bố thí, thuyết

27 Bản tiếng Anh của pTS: ưgga ofVesali, nghĩa là Ugga, người ở Vesãlỉ. Tham chiếu: ủc-già Trưởng giả kỉnh (T.Ol. 0026.38. 0479cll).

về giới, thuyết về cõi trời; nói đến sự nguy hại5 hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viễn ly.28 Khi Thế Tôn biết tôi tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Thế Tôn mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đê cao: "Khô, tập9 diệt, dạo.” Cũng như một tấm vải thuần tịnh5 các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn xuất trần ly cấu khởi lên nơi tôi: "Phàm pháp gì được tập khởi? tất cả pháp ấy đều bị đoạn diet." Rồi thưa Tôn giả, khi tôi thấy pháp, đạt pháp, biết pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ được vượt qua, do dự trừ diệt, đạt được vô sở úy? không y cứ người khác đôi với pháp bậc Đạo sư. Tại đây, tôi quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tăng, tôi thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Thưa Tôn giả? đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, tôi có bốn người vợ đều còn trẻ tuổi. Rồi tôi đi đến các người vợ ây; sau khi đên5 tôi nói với các người vợ ây như sau: "Này các vị, tôi đã thọ lãnh năm học pháp vê Phạm hạnh. Ai muôn9 hãy hưởng thọ tài sản ở chô này, hay làm các công đức, hay đi đến gia đình bà con của mình, hay ai có ưng ý người đàn ông nào, tôi sẽ cho các vj." Được nói như vậy, thưa Tôn giả? người vợ lớn của tôi nói với tôi: "Thua gia chủ Ugga, hãy cho tôi người đàn ông tên này.” Rồi thưa Tôn giả, tôi cho mời người ấy lại, với tay trái tôi cầm tay người vợ5 với tay phải tôi cầm bình nước, rồi tôi rửa sạch người ấy. Thưa Tôn giả, từ khi bỏ người vợ trẻ, tâm tôi không có một chút đổi khác. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, có những tài sản ở trong gia đình tôi, chúng được phân chia (appativibhattã) giữa những người có giới và những người tốt lành. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư được có ở nơi tôi. Khi tôi hầu hạ một Tỷ-kheo, tôi hầu hạ rất cẩn thận, không phải không cẩn thận. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả ấy thuyết pháp cho tôi, tôi nghe hết sức cẩn thận, không phải không cẩn thận. Nếu Tôn giả ấy không thuyết pháp cho tôi, thời tôi thuyết pháp cho vị ấy. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu được có ở nơi tôi. Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, chư thiên

sau khi đến, bảo tôi: “Này gia chủ5 pháp được Thê Tôn khéo thuyêt giang!" Khi được nghe vậy, thưa Tôn giả, tôi nói với chư thiên ấy như sau: "Dầu cho chư thiên các người có nói như vậy hay không nói như vậy5 pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng.” Thưa Tôn giả, tuy vậy, tâm tôi không có tự hào về nhân duyên ấy, nghĩa là: "Chu thiên đến với ta. Ta cùng nói chuyện với chư thiOn." Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy được có ở nơi tôi.

28 Xem IV. 185.

Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử này được Thế Tôn thuyết giảng, tôi thấy rõ không có một pháp nào không được đoạn tận ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, tám pháp vi diệu chưa từng có này có mặt. Nhưng tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có nào. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khất thực tại trú xứ của gia chủ Ưgga5 người Vesãli5 từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tồn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy đem tất cả câu chuyện nói với gia chủ Ugga, người Vesãli, thuật lại với Thế Tôn. Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người Vèsãli, nếu có trả lời một cách chơn chánh, có thể trả lời như vậy! Này Tỷ-kheo5 Ta đã nói gia chủ Ugga, người Vesãli, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. Này Tỷ- kheo5 hãy thọ trì rằng gia chủ Ugga, người Vesãli, được thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. II. KINH UGGA THỨ HAI (Dutìyauggasutta)29 (4 IV. 212) 22. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúnẹ Vajjĩ, tại làng Hatthi. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... (như kinh 21)... The Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 gia chủ Ugga, người làng Hatthi, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có. Các ông hãy thọ trì như vậy. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá. (Như kinh 21, và có một vài thay đổi càn thiết)... -Thưa Tôn giả, khi tôi còn vui chơi ở rừng Nãga5 lần đầu tiên, tôi thấy Thế Tôn từ đằng xa. Chỉ thấy Thế Tôn thôi, thưa Tôn giả, tâm tôi được tịnh tín, và say rượu được đoạn tận. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất được có ở nơi tôi. Rồi thưa Tôn giả, với tâm tịnh tín ấy5 toi hau hạ Thế Tôn. Rồi Thế Ton thuyết pháp thuận thứ cho tôi như thuyết pháp về bố thí, thuyết về giới, thuyết về cõi trời; nói lên sự nguy hại, sự hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viễn ly. (Pháp vi diệu thứ hai, thứ ba, thứ tư giống như kinh 21, và có một vài thay đổi cần thiết)... chưa từng có thứ tư được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, khi tôi hầu hạ một Ty.kheo, tôi hầu hạ rất cẩn thận, không phải khonjg cẩn thận. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả ấy thuyết pháp cho tôi, tôi nghe hết sức cẩn thận? không phải không cẩn thận. Nếu Tôn giả ấy không thuyết pháp cho tôi thời tôi thuyết pháp cho vị ấy. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm được có ở nơi tôi.

2 Bản tiếng Anh của PTS: Ugga ofHatthigama, nghĩa là Ugga, người ở Hatthỉgãma. Tham chiếu: Uc-già Trưởng giả kỉnh (01. 0026.38. 0479cll).

Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, khi tôi mời chúng Tăng, chư thiên đến và bảo tôi: uNày gia chủ, Tỷ-kheo này là vị Câu phần giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Thân chứng; Tỷ-kheo này là vị Kiến chí; Tỷ-kheo này là vị Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Tùy pháp hành; Tỷ- kheo này là vị Tùy tín hành; vị này giữ giới, theo thiện pháp; vị này phá giới, theo ác pháp.” Nhưng khi tôi cúng dường chúng Tăng, tôi không cảm thấy có tâm như vầy khởi lên: này tôi cúng ít" hay này tôi cúng nhiều.Thưa Tôn giả, tôi cúng với tâm bình đẳng. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu được có ở nơi tôi. Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, chư thiên sau khi đến, bảo tôi: CÍNày gia chủ? pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng." Khi được nói vậy9 thưa Tôn giả, tôi nói với chư thiên ấy như sau: "Dầu cho chư thiên có nói như vậy _ r -- r f _ __ : hay không nói như vậy, pháp được Thê Tôn khéo thuyêt ging." Thưa Tôn giả, tuy vậy? tâm tôi không có tự hào nhân duyên ấy, nghĩa là: "Chu thiên đến với ta. Ta cùng nói chuyện với chư thiên ấy." Thưa Tôn giả? đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả? nếu tôi mệnh chung trước Thế Tôn, đây không có gì là vi diệu, nhimg nếu Thế Tôn nói về tôi như sau: "'Không có một kiết sử nào, do kiết sử ấy, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, có thể trở lui lại đời nay?9 Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám được có ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, tám pháp vi diệu chưa từng có này có mặt ở nơi tôi. Và tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có nào. Rôi Tỷ-kheo ây, sau khi nhận đô ăn khât thực tại trú xứ của gia chủ Ugga, người làng Hatthi, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi ăn xong, trên con đường khất thực trở về5 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tỷ-kheo ây đem tât cả câu chuyện nói với gia chủ Ưgga, người làng Hatthi, thuật lại với Thế Tôn. -Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, nêu có trả lời một cách chơn chánh, có thê trả lời như vậy. Này Tỷ-kheo5 gia chủ Ugga, người làng Hatthi, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. Như Ta đã nói5 này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng gia chủ Ugga, người làng Hatthi, được thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. III. KINH HATTHAKA THỨ NHẤT (Pafhamahatthakasutta)3() (Ả. IV. 216) 23. Một thời, Thế Tôn trú ở ÃỊavĩ? tại điện AggãỊava. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo, Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Hãy thọ trì như vậy. Thế nào là bảy?

30 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Hatthaka ofẴỊavĩ, nghĩa là Hatthaka, người ở ẴỊavĩ. Tham chiếu: Thủ Trưởng giả kỉnh (roi. 0026.41. 0484b28).

CÓ lòng tin, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có giữ giới, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có lòng xấu hổ, này các Tỷ-kheo? là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo5 là Hatthaka, nệười xứ ÃỊavĩ; nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có bô thí, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có trí tuệ, này các Tỷ- kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ. Thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này? này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ. Hãy thọ

trì như vậy. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiên Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá. Rôi một Tỷ-kheo, vào bu6i sáng, đăp y, cam y bát, đi đên trú xứ của Hatthaka, người ÃỊavĩ; sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Hatthaka, người ÃỊavĩ, đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo ấy roi ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy nói với Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, đang ngồi xuống một bên: Thưa Hiền giả5 Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Thế nào là bảy? “C6 lòng tin, này các Tỷ-kheo? là Hatthaka, n^ười xứ ÃỊavĩ... có giữ giới... có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... nghe nhiều... có bố thí... có trí tuệ, này các Tỷ-kheo? là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ.^, Thưa Hiền giả5 Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này như Thế Tôn đã nói. -Thưa Tôn giả? ở đây không có người gia chủ bận áo trắng? Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng. Lành thay! Ở đây không có người gia chủ bận áo trắng. Rôi Tỷ-kheo ây9 sau khi nhận đô ăn khất thực tại trú xứ của Hatthaka, người xứ AỊavĩ, từ chô ngôi đứng dậy rôi ra đi. Rôi Tỷ-kheo ây, sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn? rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tỷ-kheo ây bạch Thê Tôn: Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp ỵ, cầm y bát5 đi đến trú xứ của Hatthaka, người xứ AỊavĩ; sau khi đên, con ngôi xuông trên chỗ đã soạn sẵn. Bạch Thế Tôn, rồi con nói với Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, đang ngồi một bên: "Thua Hiền giả5 Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này. Thế nào là bảy? Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, n^ười xứ AỊavĩ... có giữ giới... có lòng xâu hô... có lòng sợ hãi tội lỗi... nghe nhiêu... có bố thí... có trí tuệ5 này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ A}aví.” Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu này5 thưa Hiền giả, như Thế Tôn đã n6i!" Khi nghe nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, nói với con: "Thua Tôn giả9 ở đây không có người gia chủ bận áo trắng?” "Thua Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.^, "Lành thay! Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.^, -Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, thiện nam tử này là ít dục. Vị ấy không muốn các thiện pháp của mình được người khác biết đến. Do vậy, này

Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng, Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, có thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này, tức là ít dục. IV KINH HATTHAKA THỨ HAI ụ)utìyahatthakasuttăýỴ (A. IV. 218) 24. Một thời, Thế Tôn trú ở ÃỊavĩ, tại điện AgậãỊava. Rồi Hatthaka, người xứ AỊavĩ, cùng với năm trăm nam cư sĩ đi đên Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, đang ngồi xuống một bên: Này Hatthaka, hội chúng này thật lớn. Làm sao, này Hatthaka, ông thâu nhiếp được hội chúng này? - Bạch Thế Tôn? có bốn nhiếp pháp này được Thế Tôn thuyết giảng; con thâu nhiếp hội chúnệ này với những nhiếp pháp ấy. Bạch Thế Tôn, khi con biết răng: "Ngu&i này cân phải thâu nhiêp nhờ bô thí", thời con thâu nhiếp người ấy với bô thí. Khi con biết rằng: "Người này cần Ị)hải thâu nhiếp nhờ ái ngữ”, thời con thâu nhiêp người ây với ái ngữ. Khi con biêt răng: "Người này cần phải thâu nhiếp do lợi hành”, thời con thâu nhiếp người ấy với lợi hành. Khi con biết rằng: "Người này cần phải thâu nhiếp với đồng sụ*", thời con thâu nhiếp người ấy với đồng sự. Vả lại, bạch Thế Tôn, trong gia đình con có tài sản, họ nghĩ rằng như vậy không thê được nghe như

là một người bần cùng. -Lành thay! Lành thay! Này Hatthaka, đây là nguyên lý để thâu nhiếp đại chúng! Này Hatthaka. những ai trong quá khứ đã thâu nhiêp đại chúng, tất cả đêu thâu nhiêp đại chúng với bôn nhiêp pháp này. Này Hatthaka, những ai trong tương lai sẽ thâu nhiêp đại chúng, tât cả sẽ thâu nhiêp đại chúng với bôn nhiêp pháp này. Này Hatthaka, những ai trong hiện tại thâu nhiếp đại chúng, tất cả họ đều thâu nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này. Rồi Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, được Thế Tôn với pháp thoại, giảng dạy, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy? đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Thế Tôn, sau khi Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, ra đi không bao lâu, bèn gọi các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo? hãy thọ trì rằng, Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ, thành tựu được tám pháp vi diệu chưa từng có này. Thế nào là tám pháp? Có lòng tin, này các Tỷ-kheo? là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có giữ giới, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có lòng xấu hổ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, nệười xứ AỊavĩ; nghe nhiêu, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ AỊavĩ; có bô thí, này các Tỷ-kheo? là Hatthaka, người xứ AỊavĩ; có trí tuệ, này các Tỷ- kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ; ít dục, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ ÃỊavĩ! Này các Tỷ-kheo5 hãy thọ trì răng Hatthaka, người xứ AỊavĩ5 thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này.

31 Tham chiếu: Thủ Trưởng giả kỉnh (01. 0026.40. 0482c07).

V KINH THÍCH TỬ MAHÃNÃMA (Mahãnãmasutta)32 (A. IV. 220) 25. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Rôi Mahãnãma dòng họ Thích, đi đên Thê Tôn; sau khi đên? đảnh lễ The Tôn rồi ngoi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahănãma dòng họ Thích, bạch Thế Tôn: - Bạch Thế T6n, cho đến như thế nào là người nam cư sĩ? Này Mahânãma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahãnãma, là người nam cư sĩ. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ giữ giới? Này Mahãnãma, khi nào người nam cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, cho đến như vậy, này Mahãnãma, là người nam cư sĩ giữ giới. Cho đên như thê nào, bạch Thê Tôn? là người nam cư sĩ thực hành vì tự lợi, chứ không vì lợi tha? Này Mahãnâma, khi nào nam cư sĩ thành tựu lòng tin cho mình, không khích lệ người khác thành tựu lòng tin; thành tựu giữ giới cho minh, không khích lệ người khác thành tựu giữ giới; thành tựu bố thí cho minh, không khích lệ người khác thành tựu bố thí; muốn tự mình đi đến yết kiến các Tỷ-kheo, không khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ-kheo; chỉ tự mình muốn nghe Diệu pháp, không khích lệ người khác nghe Diệu pháp; tự mình thọ trì những pháp đã được nghe, không khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì, không khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa? biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp, không khích lệ người khác thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp; cho đến như vậy, này Mahãnãma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi, không phải vì lợi tha. Cho đến như thế

nào, bạch Thế Tôn, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi vừa lợi tha? -Này Mahãnãma, khi nào nam cư sĩ tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bô thí và khích lệ người khác bô thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỷ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe Diệu pháp và khích lệ người khác nghe Diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp và khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện tùy pháp? đúng

32 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.929. 0236c29); Biệt Tạp.(T.02. 0100.154. 0431c 12).

Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahãnãma, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi vừa lợi tha. VI. KINH JIVAKA (JTvakasutta) (A. IV. 222) 26. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậiagaha (Vương Xá), tại vườn xoài Jĩvaka. Rồi Jivaka Komãrabhacca đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Jĩvaka Komãrabhacca bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn5 cho đến như thế nào là người nam cư sĩ? (Như kinh 25, chỉ thay thế "Jivaka Komarabhacca"). VII. KINH SỨC MẠNH THỨ NHẤT (PaỊhamabaỉasutta)33 (A. IV. 223) 27. Này các Tỷ-kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám? Này các Tỷ-kheo5 sức mạnh của con nít là khóc; sức mạnh của đàn bà là phẫn nộ; sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí; sức mạnh của các vua chúa là uy quyên; sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo; sức mạnh của bậc hiên trí là cảm hóa; sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát;34 sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục. Này các Tỷ-kheo? đây là tám sức mạnh. VIII. KINH SỨC MẠNH THỨ HAI (Dutìyabalasutta)35 (4 IV 223) 28. Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sãriputta đang ngồi một bên: -Này Sãriputta, có bao nhiêu sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc? Thành tựu với những sức mạnh gì? Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tan" -Bạch Thế Tôn5 có tám sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc; thành tựu với những sức mạnh ấy, Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận.,, Thế nào là tám? Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng tất cả các hành là vô thường. Vì rằng, bạch The Tôn, Tỷ- kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng tất cả các hành là vô thường, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc. Do sức mạnh này, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận.,, Lại . nữa, •bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn < tận các lậu Ahoặc, khéo thấy T_ như thật với chánh trí tuệ răng các dục ví như hô than hừng. Vì răng, bạch Thê Tôn,

33 Tham chiếu: 80 Tạp.(7.02.0099.692-693.0188ỒỒ2-08); Tăng.(7.02.0125.38.1.0717bl7). 34 Patỉsankhãnabalã. AA. IV. 115: Patỉsankhãnabalãtỉ =

Paccavekkhanabaỉã (sức mạnh thẩm sát). XemBPE. 354. 35 Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0099.694-698. 0188bl8-c08).

Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng các dục ví như hố than hừng, bạch Thế Tôn5 đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc... CểCác lậu hoặc đã được ta đoạn tận.,, Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, với tâm thuận xuôi về viễn ly, hướng về viễn ly, thiên về viễn ly, trú ở viễn ly, hoan hỷ về xuất ly, đoạn tận hoàn toàn tất cả pháp có thể làm trú xứ cho lậu hoặc. Vì rằng, bạch Thế Tôn... đây là sức mạnh của Tỷ-kheo... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận.,, Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bốn niệm xứ được tu tập, được khéo tu tập. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bốn niệm xứ được tu tập, được khéo tu tập, bạch Thế T6n, đây là sức mạnh của vị Tỷ-kheo... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận." Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bốn như ý túc được tu tap, được khéo tu tập... năm căn được tu tập, được khéo tu tập... năm lực được tu tập, được khéo tu tập... bảy giác chi được tu tập, được khéo tu tập... Thánh đạo tám ngành được tu tập, được khéo tu tập... đây là sức mạnh của Tỷ-kheo... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận.,, Bạch Thế T6n, đây là tám sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, thành tựu với tám sức mạnh này, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận.,, IX. KINH KHÔNG PHẢI THỜI (Akkhanasutta)36 (Â. IV. 225) 29. "Làm việc đúng thời là thế giới, làm việc đúng ứiời là thế giớr\ này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy5 nhimg vị ấy không biết đúng thời và phi thời. Này các Tỷ-kheo. có tám phi thời, phi thời tiết cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời5 bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giac5 Minh Hạnh Túc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu? Thiên Nhơn Sư? Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh? đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố? và nẹười này lại bị sanh vào địa ngục. Này các Tỷ-kheo? đây là phi thòi, phi thời tiết thứ nhất cho đời sống Phạm hạnh. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư? Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố và người này lại bị sanh vào loại bàng sanh... ... người này lại bị sanh vào cõi ngạ quỷ... ... người này lại bị sanh vào giữa thiên giới có thọ mạng lâu dài... ... người này lại bị sanh vào các biên địa, giữa những kẻ vô trí mọi rợ5 tại

36 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.42.1. 0747a07); Bát nạn kỉnh (7.01. 0026.124. 0613a27).

đây, không có hướng đi cho các Tỷ-kheo, cho các Tỷ-kheo-ni? cho nam cư si, nữ cư sĩ... ... người này được sanh vào chánh địa5 nhưng lại có tà kiến, có tri kiến đảo ngược: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp

thiện ác, không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có những Sa-môn9 những Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh9 đã tự mình chứng tri giác ngộ ở đời này, đời khác và truyền dạy lại."37..
... người này được sanh vào chánh địa, nhưng người ấy lại bị ác tuệ, si mê? câm điếc, không có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo5 nói hay, nói dở... Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không xuất hiện ở đời5 bậc A-la-hán? Chánh Đẳng Giác... Thiên Nhơn Sư? Phật, Thế Tôn. Người này được sanh vào chánh địa, người ấy lại có trí tuệ, sáng suốt, thông minh, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Này các Tỷ-kheo5 đây là phi thòi, phi thời tiết thứ tám cho đời sống Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo5 có tám phi thời5 phi thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo5 chỉ có một chánh thòi, một chánh thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là một? ở dây, này các Tỷ-kheo5 Thế Tôn xuất hiện ở đời5 bậc A-la-hán5 Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ5 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh5 đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này được sanh vào chánh địa9 vị ấy có trí tuệ5 không si mê, không câm điếc, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo5 nói hay, nói dở. Này các Tỷ- kheo5 đây là chánh thời, chánh thời tiết độc nhất cho đời sống Phạm hạnh. Ai được sanh làm người, Khi Diệu pháp được giảng? Lại không nắm được thời, Họ vượt qua khỏi thời. Nhiều phi thời được nói5 Làm chướng ngại con người, Chỉ năm khi mười họa, Như Lai hiện ở đời5 Được giáp mặt với Ngài, Rất khó được ở đời. Được sanh ra làm người, Và Diệu pháp được giảng, Vừa đủ để tinh tấn, Với ai muốn lợi ích.

37 Xem 4 I. 268; V. 265; D. I. 55; MA. 401; s. IV. 348.

Sao biết rõ Diệu pháp,
Lại để thời vượt qua,
Kẻ để thời gian qua,
Sầu muộn tại địa ngục.
Ở đây ai bỏ rơi5
Quyết định tánh Diệu pháp,
Như kẻ buôn mất của5
Sẽ sầu não lâu ngày.
Người vô minh bao phủ,
Vi phạm đến Diệu pháp,
Phải chịu đựng lâu ngày,
Lưu chuyển trong sanh tử.
Ai được sanh làm người,
Trong thời pháp khéo giảng,
Quá khứ, hiện, vị lai,
Làm theo lời Đạo su,

Nắm được thời ở đời9
Cho vô thượng Phạm hạnh.
Ai đã bước con đường,
Do Như Lai thuyết giảng,
Những ai sống chế ngự,
Do bậc Pháp Nhãn dạy,
Như đã được thuyết giảng,
Bậc Ba Con Mặt Trời,
Hãy sống thường chánh niệm,
Hộ trì không tham dục,
Chặt đứt mọi tùy miên,
Không chạy theo Ma giới,
Các vị ấy ở đời5
Đen được bờ bên kia,
Và họ cũng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn tận.

X. KINH ĐẠI TƯ NIỆM CỦA TÔN GIẢ ANURUDDHA

(AnuruddhamahãvitakkasuttdỶ^ (A. IV. 228)

30. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Sumsumãragiri, rừng BhesakaỊã, Lộc Uyên. Lúc bây giờ5 Tôn giả Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) sống giữa dân chúng Ceti5 tại Pãcĩnavainsadãya. Rồi Tôn giả Anuruddha, trong

38 Bản tiếng Anh của PTS: The Venerable Anuruddhayn^3i là Tôn giả Anuruddha. Tham chiếu: Tăng. (422. ?12542q. 0754al2); Bát niệm kỉnh (/01. 0026.74. 0540cl8); A-na-luật bát niệm (roi. 0046. 0835C12).

khi sống độc cư thiền tịnh, tâm tư khởi lên như sau: "Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; pháp này để cho người biết đủ9 pháp này không phải để cho người không biết đủ; pháp này để cho người sông thanh văng, pháp này không phải đê cho người ưa hội chúng; pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; pháp này để cho người thiền định5 pháp này không phải để cho người không thiền định; pháp này để cho người có trí tuệ5 pháp này không phải để cho người ác tue." Rồi Thế Tôn với tâm của mình rõ biết tâm tư của Tôn giả Anuruddha, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thê Tôn biên mất ở giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Sumsumãragiri, rừng BhesakaỊã, Lộc Uyên? và hiện ra giữa dân chúng Ceti, tại Pãcĩnavamsadãya, trước mặt Tôn giả Anuruddha. The Tôn ngồi xuông trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi một bên: Lành thay, lành thay, này Anuruddha! Lành thay, này Anuruddha! Ông đã suy nghĩ đên bảy niệm của bậc Đại nhân: "Pháp này để cho người ít dục? pháp này không phải đê cho người nhiêu

dục; pháp này đê cho người biêt đủ5 pháp này không phải để cho người không biết đủ; pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; pháp này để cho người tinh cân tinh tân, pháp này không phải đê cho người biêng nhác; pháp này đê cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; pháp này để cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định; pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tixệy Do vậy, này Anuruddha, hãy suy nghĩ đến niệm thứ tám này của bậc Đại nhân: "Pháp này đê cho người không ưa hý luận, không thích hý luận; pháp này không phải đê cho người ưa hý luận, thích hý luận.,, Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đên tám tư niệm này của bậc Đại nhân5 thời nếu ông muốn, ông sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhan, thời nếu ông muốn, diệt tầm diệt tứ, ông sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Khi nào5 này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đên tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu ông muốn? ông sẽ ly hỷ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiên thứ ba. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đên tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu ông muốn, ông sẽ xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiên thứ tư, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng

được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc5 chứng được không phí sức? thời này Anuruddha, tấm y lượm từ đống rác lên của ông sẽ giống như tủ áo đầy những vải có nhiều màu sắc3940của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biết đủ9 ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đên tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, các món ăn từng miếng ông khất thực được sẽ giống như món cơm bằng gạo trắng,4các hạt đen đã được lượm sạch, với nhiều loại súp, với nhiều loại đồ ăn của người gia chủ hay con của người gia chủ9 để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu5 được lạc trú, được bước vào Niết-bàn. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đên tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, chô năm dưới gôc cây của ông sẽ giông như nhà có nóc nhọn?41 có trét hồ trong ngoài, cửa được cài then, cửa sổ được đóng lại ngăn chặn gió của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biết đủ5 ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đên tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, giường nằm và chỗ ngồi trải với đệm cỏ của ông sẽ giống như

ghế dài, nệm trải giường nằm bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu bông? nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, ghế dài có đầu Ệối chân màu đỏ của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biêt đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn. Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhan, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, dược phẩm nước tiểu hôi của ông sẽ giống như các loại dược phẩm của người gia chủ hay con của người gia chủ như thục tô? sanh tô5 dầu, mật5 đường bánh, đê được sông biêt đủ? ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niêt-bàn. Vậy này Anuruddha, nhân kỳ an cư mùa mưa sắp dến, hãy trú giữa dân chúng Ceti ở Pãcĩnavamsadãya. Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

39 XemMI. 215,218s. V. 71. 40 Xem 4 III. 49 D. L 105; MI. 31; II. 7. 41 Xem 4 I. 101, 137; MA. 76; II. 8.

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 979

Tôn giả Anuruddha vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi khuyến giáo Tôn giả Anuruddha với lời khuyên giáo này, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại5 hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy5 Ngài biến mất giữa dân chúng Ceti ở Pãcĩnavamsadãya và hiện ra giữa dân chúng BhaggW trên núi Sumsumãragiri, trong rừng BhesakaỊã, Lộc Uyển. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, sau khi ngồi xuống, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết tám tư niệm của bậc Đại nhân cho các ông. Hãy lắng nghe và khéo tư niệm, Ta sẽ giảng. -Thưa vâng? bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, thế nào là tám tư niệm của bậc Đại nhân? Này các Tỵ-kheo, pháp này để cho người ít dục5 pháp này không phải để cho người nhiêu dục; này các Tỷ-kheo, pháp này đê cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; này các Tỷ-kheo5 pháp này đê cho người sông thanh văng, pháp này không phải đê cho người ưa hội chúng; này các Tỷ-kheo, pháp này đê cho người tinh cân tinh tân, pháp này không phải đê cho người biếng nhác; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người trú niệm, J)háp này không phải đê cho người that niệm; này các Tỷ-kheo, pháp này đê cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định; này các Tỷ-kheo, pháp này đê cho người có trí tuệ, pháp này không phải đê cho người ác tuệ; này các Tỷ-kheo? pháp này để cho người không ưa hý luận? không thích hý luận, pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận. Này các Tỷ-kheo? "pháp này để cho người ít dục, pháp này không để cho người có nhiêu due", như vậy đã được nói đên. Do duyên gì được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo? ở đây, Tỷ-kheo ít dqc, không muốn: "Mong người ta biết tôi là ít dục^,; biết đủ? không muốn: uMong người ta biết tôi là biết diỉ" sống viễn ly, không muốn: "Mong người ta biết tôi sống viễn ly"; tinh cần tinh tấn, không muốn: "Mong người ta biết tôi sống tinh cần tinh tấn^,; trú niệm5 không muốn: "Mong người ta biết tôi trú niệm,,; có định? không muốn: "Mong người ta biết tôi có định,5; có tuệ, không muốn: "Mong người ta biết tôi là người có trí tue" không thích hý

luận, không muốn: ÍCMong người ta biết tôi không thích hý luận." Này các Tỷ-kheo, “pháp này để cho nệười ít dục, pháp này không để cho người có nhiều due", như vậy đã được nói đên. Do duyên này được nói đên như vậy. Này các Tỷ-kheo, 66pháp này đê cho người biêt đủ5 pháp này không đê cho người không biết âử"\ như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo? đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phấm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo? "pháp này để cho người biêt đủ5 pháp này không phải đê cho người không biêt đủ55, như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo? "pháp này để cho người sống viễn ly, pháp này không phải để cho người ưa thích hội chúng", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống viễn ly, có nhiều người đến thăm như Tỷ-kheo? Tỷ-kheo-ni9 nam cư si, nữ cư sĩ, vua chiia, đại thần, các ngoại đạo su, đệ tử của các ngoại đạo sư. Ở dây, Tỷ-kheo với tâm thuận về viễn ly, hướng về viễn ly, nhập vào viễn ly5 trú vào viễn ly, thích thú xuất ly, nói lời hoàn toàn liên hệ đến lánh xa. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người viễn ly, pháp này không phải để cho người ưa thích hội chiing", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo? "pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác,\ như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, upháp này là để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác,5? như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo9 "pháp này để cho người trú niệm9 pháp này không phải để cho người thất niệm,\ như vậy đã được nói đên. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ niệm5 thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ tùy niệm những điều làm đã lâu5 nói đã lâu. Này các Tỷ-kheo? “pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm,\ như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo9 "pháp này để cho người thiền định5 pháp này không phải để cho người không thiền djnh", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục5 ly ác pháp... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người có thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền djnh", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Wcác Tỷ-kheo. "pháp này để cho người có trí tuệ5 pháp này không phải để cho người không trí tuệ9\ như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở đậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo5 "pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người không trí tue“, như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người không ưa hý luận? không thích hý luận; pháp này không phải đê cho người ưa hý luận, thích hý man", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Wcác Tỷ-kheo, ở dây, Tỷ-kheo đối với đoạn diệt hý luận, tâm được phấn chấn, tịnh tín, an trú, giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 "pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận; pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý man", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Rôi Tôn giả Anuruddha, mùa mưa an cư đên5 đên trú ở giữa dân chúng Ceti, tại Pãcĩnavamsadăya. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình/2 an tịnh5 không phóng dật, nhiệt tâm5 tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình? tức là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng nhập và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". Và Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa. Rồi Tôn giả Anuruddha chứng được A-la-hán, ngay trong thời gian ấy nói lên những bài kệ này: Thế Gian Vô Thượng Sư, Rõ biết tư tưởng ta, Với thân do y tạo, Thần thông đến với ta. Tùy theo ta nghĩ gi, Ngài thuyết rõ tất cả, Phật không ưa hý luận, Ngài thuyết không hý luận, Ngộ pháp ta hoan hỷ5 Trú trong giáo pháp Ngài, Ba minh đã đạt được, Giáo pháp Phật làm xong.42

42 Xem71.1. 282; II. 249; D. I. 177; II. 153; s. I. 140; II. 17; Sn. 16.

IV PHẨM BỐ THÍ (DÂNAVAGGA)

I. KINH BỐ THÍ THỨ NHẤT (Paḷhamadãnasutta) (A. IV. 236) 31. Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này. Thế nào là tám? Vì có ngươi đến nên bố thí; vì sợ hãi nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Người ấy đã cho ta” nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Ngu&i ấy sẽ cho ta" nên bố thí; vì nghĩ răng: “b6 thí là tot" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Ta nấu, những người này không nấu; thật ta khôiiệ xứng đáng là người nấu lại không cho người không nấu" nên bố thí; vì nghĩ rang: "Do ta cho bố thí này nen tiếng tốt được truyền di" nên bố thí; vì trang nghiêm tâm, trang bị tâm nên bố thí. Này các Tỷ-kheo9 có tám bố thí này.

II. KINH BỐ THÍ THỨ HAI (Dutìyadãnasutta) (A. IV. 236) 32. Tín, tàm và thiện thí5 Những pháp thiện sĩ cầu, Đường này gọi thiện dạo, Đường này đi thiên giới. III. KINH CẢN BẢN ĐỂ BỐ THÍ (Dãnavatthusutta) (A. IV. 236) 33. Này các Tỷ-kheo, có tám căn bản để bố thí. Thế nào là tám? Vì lòng dục nên bố thí; vì sân hận nên bố thí; vì ngu si nên bố thí; vì sợ hãi nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Trước Tổ tiên đã bố thí, trước đã làm, ta không xứng đáng là người đế truyền thống này bị bỏ phế,5 nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Sau khi cho bố thí này, khi thân hoại mệnh chung, sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này?, nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Khi ta bố thí, tâm được tịnh tín, do hân hoan, hỷ được sanh” nên bố thí; vì trang nghiêm tâm, trang bị tâm nên bố thí. Này các Tỷ-kheo, có tám căn bản để bố thí này.

IV KINH THỬA RUỘNG (Khettasutta) (Ả. IV. 237) 34. Này các Tỷ-kheo, hạt giông được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này được xem là không có quả lớn? không

có vị ngọt lớn, không phải là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần? Này các Tỷ-kheo, ở dây, thửa ruộng lồi lên lõm xuống, đầy đá và sạn, đất mặn, không có bề sâu, không có chỗ nước chảy ra, không có chỗ nước chảy vào, không có nước chảy, không có bờ đê; như vậy, này các Tỷ-kheo, hạt giống

được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phân này được xem là không có quả lớn, không có vị ngọt lớn, không phải là địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? bô thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, không có quả lớn, không có lợi ích lớn, không có rực rỡ lớn, không có rung cảm lớn (mahãvipphãram). Thế nào là thành tựu tám chi phần? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 các Sa-môn, các Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; như vậy? này các Tỷ-kheo, bo thí giữa những Sa-môn? Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rực rỡ lớn, không có rung cảm lớn. Này các Tỷ-kheo, hạt giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo? thửa ruộng không lồi lên lõm xuống, không có đầy đá và sạn? không có đất mặn, có bề sâu, có chỗ nước chảy ra, có chỗ nước chảy vào, có nước chảy, có bờ đê; như vậy, này các Tỷ-kheo5 hạt giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này, được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn? Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Sa-môn5 các Bà-la-môn có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; như vậy? này các Tỷ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn. Khi ruộng được đầy đủ, Hạt giống gieo đầy đủ5 Khi mưa xuống đầy đủ9 Lúa gặt được đây đủ, Tai họa không có mặt543 Tăng trưởng được đầy đủ? Rộng lớn được đầy đủ, Kết quả được đầy đủ. Cũng vậy sự bố thí, Giữa những người đủ giới, Và vật liệu bố thí, Cũng được sắm đầy đủ, Đưa đến sự đầy đủ, Vì sở hành đầy đủ.

43 Anĩtisampadã. AA. IV. 124: Amtỉsampadã hotĩtỉ kĩtakimỉãdipãnakcãtíyã abhãvo ekã sampadã hotỉ (“Tai họa Idiông có mặt” nghĩa là không có mọt, sâu... các côn trùng).

Vậy ai muôn đây đủ? Phải tự mình đầy đủ, Phục vụ người đủ tuệ? Như vậy thành công đủ. Đầy đủ trí và đức/4 Với tâm được đầy đủ, Làm nghiệp được đầy đủ5 Lợi ích được đầy đủ. Như thật biết cuộc đời, Đạt được kiên đây đủ5 Đường đầy đủ4445 đi đến, rin* Ạ 4Ạ 4Ạ 7 Tiên đen ý đây dủ, Vất bỏ mọi cấu uế, Đạt Niết-bàn cụ túc, Giải thoát mọi khổ đau5 Tức đầy đủ vẹn toàn. V. KINH THỌ SANH DO BỐ THÍ (Dãnũpapattìsutta) (4 IV. 239) 35. Này các Tỷ-kheo5 có tám thọ sanh do bố thí. Thế nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với đồ ăn5 đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu thoa, đồ nằm, trú xứ, đèn đuôc. Người ây bô thí và mong hưởng

quả. Thây các Sát-đê-lỵ đại phú hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú, sung túc, đầy đủ, thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng, người ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với Sát-đế-lỵ đại phú, hay với Bà-la-môn đại phú5 hay với gia chủ đại phú.,, Người ấy móng tâm như vậy,46 trú tâm như vậy, tu tâm như vậy5 tâm người ấy hướng đến hạ liệt, không tu tập hướng thượng, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với Sát-đê-lỵ đại phú, hay với Bà-la-môn đại phú, hay với gia chủ đại phú. Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới5 không phải là người hành ác giới." Này các Tỷ-kheo, người giữ giới thành công, vì tâm hướng đến thanh tịnh. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với đồ ăn5 đô uống? vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương, dâu thoa, đô năm, trú xứ, đèn đuôc. Người ây bô thí và mong hưởng quả. Nghe răng: "B6n Thiên Vương thiên sống lâu? có dung sắc, được nhiều an l@c", người ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương.^^ Người ấy móng tâm như vậy, trú tâm như vậy, tu tâm như vậy5 tâm người ấy hướng đến hạ liệt? không tu tập hướng thượng, sau

44 Ba minh và 15 đức hạnh. 45 Con đường Dự lưu đưa đến A-la-hán quả. 46 So tam cỉttam dahatỉ, tam cỉttam adhỉtthãti, tam cỉttam bhãvetỉ.

khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Bốn Thiên Vương. Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới, không phải là người ác giới." Này các Tỷ-kheo, người giữ giới thành công, vì tâm hướng đến thanh tịnh. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với đồ ăn, đồ uốnệ, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương, dầu thoa, đồ nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ây bô thí và mong hưởng quả. Nghe răng: "Chu thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... chư thiên ở cõi Dạ-ma thiên... chư thiên ở cõi Đâu-suất thiên... chư thiên ở cõi Hóa Lạc thiên... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại thiên sống lâu5 có dung sắc, được nhiều an lạc", người ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại thiên.^, Người ấy móng tâm như vậy, trú tâm như vậy, tu tâm như vậy? tâm người ấy hướng đến hạ liệt, không tu tập hướng thượng, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại thiên. Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới5 không phải là người hành ác giới.,, Này các Tỷ-kheo5 người giữ giới thành công? vì tâm hướng đến thanh tịnh. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn5 Bà-la-môn với đồ ăn, đô uông... Nghe răng: "Chu thiên ở Phạm Chúng thiên sống lâu5 có dung sắc, được nhiều an lạc", người ấy suy nghĩ như sau... Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ gi&i, không phải là người hành ác giới, là người ly tham, không phải là người có tham.^, Này các Tỷ-kheo5 người giữ giới thành công, vì tâm hướng đên ly tham. Này các Tỷ-kheo5 tám pháp này là tám pháp thọ sanh do bố thí. VI. KINH PHƯỚC NGHIỆP sự (Punnakiriyavatthusuttd) (A. IV. 241) 36. Này các Tỷ-kheo5 có ba căn bản làm phước. Thế nào là ba? Căn bản làm phước do bố thí, căn bản làm phước do giới đức, căn bản làm phước do tu tập. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô nhỏ5 căn bản làm phước do giới đức trên một quy

mô nhỏ? không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ây9 sau khi thân hoại mệnh chung, sanh làm người không may man (manussadobhagyarn), Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô vừa, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô vừa, không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh làm người có may man (manussasobhagyani). Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với Bốn Thiên Vương thiên. Tại dây, này các Tỷ- kheo, Bốn Thiên Vương sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiêu căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Bốn Thiên Vương trên mười điểm: Tuoi thọ chư thiên, dung sắc chư thiên, an lạc chư thiên, danh tiếng chư thiên, tăng thượng lực chư thiên, thiên sắc, thiên thanh, thiên hương, thiên vị5 thiên xúc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo? có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Tãvatimsa trên mười điêm: Tuôi thọ chư thiên... thiên vị, thiên xúc. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Yãmã thiên. Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Suyãma sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Yãmã trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị, thiên xúc. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn5 căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy5 sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tusita. Tại đây, này các Tỷ- kheo5 thiên tử Santusita, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Tusita trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị? thiên xúc. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Nimmãnaratĩ (Hóa Lạc). Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Sunimmita, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới dức, vượt qua chư thiên ở Nimmãnaratĩ trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị? thiên xúc. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại

mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Paranimmitavasavattĩ (Tha Hóa Tự Tại). Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Vasavattĩ, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Paranimmitavasavattĩ trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên, dung sắc chư thiên, an lạc chư thiên, danh tiêng chư thiên5 tăng thượng lực chư thiên, thiên săc5 thiên thanh, thiên hương, thiên vị, thiên xúc. Này các Tỷ-kheo5 có ba căn bản phước nghiệp này.

VIL KINH CÚNG DƯỜNG BẬC CHÂN NHÂN (SappurisadãnasuttaỴ1 (A. IV. 243) 37. Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này của bậc chân nhân. Thế nào là tám? Cho vật trong sạch; cho vật thù diệu; cho đúng thời; cho vật thích ứng; cho với sự cẩn thận; cho liên tục; tâm cho được tịnh tín; sau khi cho được hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, có tám bô thí này của bậc chân nhân. Trong sạch và thù diệu, Đúng thời và thích ứng, Đồ uống và đồ ăn, Luôn luôn làm bố thí, Trong các ruộng tôt lành, Sống theo đời Phạm hạnh. Không có gi hối tiếc, Bố thí nhiều tài vật, Những bố thí như vậy? Được bậc trí tán thán, Bậc trí thí như vậy? Với tâm tín, giải thoát, Không hại, tâm an lạc, Bậc trí sanh ở đời. VIII. KINH BẬC CHÂN NHÂN (Sappurisasutta)^ (Ả. IV. 244) 38. Này các Tỷ-kheo9 bậc chân nhân sinh ra trong gia đình nào, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người: Đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho cha mẹ; đem lại lợi ích5 hạnh phúc, an lạc cho vợ con; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho người phục vq, người làm công; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho bạn bè thân hữu; đem lại lợi ích5 hạnh phúc5 an lạc cho các hương linh đã mât; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vua chúa; đem lại lợi ích, hạnh phúc5 an lạc cho chư thiên; đem lại lợi ích5 hạnh phúc, an lạc cho Sa-môn9 Bà-la-môn. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cơn mưa lớn làm cho các loại mùa màng đều thành tựu đầy đủ9 đem lại lợi ích5 hạnh phúc, an lạc cho nhiều người. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân sinh ra trong gia đình nào, đem lại lợi ích? hạnh phúc, an lạc cho nhiêu người: Đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho cha mẹ; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vợ con; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho người phục vụ, người làm công; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho bạn bè thân hữu; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho các hương linh đã mất; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vua chúa; đem lại lợi ích? hạnh phúc, an lạc cho chư thiên; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho Sa-môn, Bà-la-môn.

47 Tên kinh này ỵà kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Worthy Man, nghĩa là Bậc Chân nhân. Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.42.9. 0755bl8). 48 Tham chiếu: Thất xứ tam quản kỉnh (T.02. 0150A.13. 0877c25).

Vì lợi ích nhiều người, Bậc trí sống gia đình, Không mệt mỏi ngày đêm? Cúng dường thật đúng pháp, Mẹ cha và Tổ tiên5 Nhớ ngày trước đã làm, Đối xuất gia, không nhà, Kính lễ bậc Phạm hạnh. Tin vững trú, cúng dường, Biến pháp, khéo xử sự, Là người đem lợi ích, Cho vua, cho chư thiên, Là người đem lọi ích, Cho bà con, bè bạn, Là người

đem lợi ích, Cho tất cả mọi người, Khéo an trú Diệu pháp, Nhiếp xan tham, cấu uế, Hưởng cuộc đời hạnh phúc. IX. KINH NGUỒN NƯỚC CÔNG ĐỨC (Abhisandasutta) (A. IV. 245) 39. Này các Tỷ-kheo5 có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhân sanh thiên, quả dị thục an lạc, đưa đến cõi trời, dân đên khả ái, khả hỷ, khả ý5 hạnh phúc5 an lạc. Thê nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất5 là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai5 là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện... hạnh phúc5 an lạc. Này các Tỷ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối so, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xua, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai khôĩiệ tạp loạn5 không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. The nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem cho sự không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh sự không sợ hãi? sự không hận thù5 sự không hại, vị ây sẽ được san sẻ vô lượnệ sự không sợ hãi, sự không hận thù5 sự không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là bô thí thứ nhất, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày... không bị

những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tư, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lây của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... đoạn tận đắm say rượu men rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, đem cho sự không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh sự không sợ hãi, sự không hận thù, sự không hại, vị ấy được san sẻ vô lượnệ sự không sợ hãi5 sự không hận thù, sự không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là bo thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày... không bị những Sa-môn? những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỷ- kheo, đây là nguôn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Này các Tỷ-kheo, có tám nguôn nước công đức này5 là nguôn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhân sanh thiên, quả dị thục an lạc, đưa đến cối trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ5 khả ý5 hạnh phúc, an lạc. X. KINH QUẢ DỊ THỤC CỦA HÀNH ĐỘNG Ác (Duccarítavipãkasutta)^9 (Ả. IV. 247) 40. Này các Tỷ-kheo, sát sanh được thực hiện5 được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục (sabbalahuso) hêt sức nhẹ của sát sanh là bị làm người với tuôi thọ ngắn. Này các Tỷ-kheo, lấy của không cho được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục5 đưa đến loài bàng sanh, đưa

đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của lấy của không cho là bị làm người với sự tổn hại tài sản. Này các Tỷ-kheo5 tà hạnh trong các dục được thực hiện, được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của tà hạnh trong các dục là bị làm người với sự oán thù của kẻ địch. Này các Tỷ-kheo? nói láo được thực hiện? được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đên cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của nói láo là làm người bị vu cáo không đúng sự thật. Này các Tỷ-kheo, nói hai lưỡi được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của nói hai lưỡi là bị làm người với bạn bè bị đo vỡ. Này các Tỷ-kheo, nói ác khẩu được thực hiện, được tu tập, được làm cho

49 Bản tiếng Anh của PTS: Very Trifling, nghĩa là Hết sức nhẹ.

sung mãn5 đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hêt sức nhẹ của nói ác khâu là được làm người và bị nghe những tiêng không khả ý. Này các Tỷ-kheo, nói lời phù phiêm được thực hiện, được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hêt sức nhẹ của nói lời phù phiêm là được làm người và bị nghe những lời khó châp nhận. Này các Tỷ-kheo5 uống rượu men rượu nấu được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn9 đưa đến địa ngục, đưa đên loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của uống rượu men rượu nấu là bị làm người với tâm điên loạn.

V PHẢMNGÀYTRAI GIỚI (UP0SATHAK4GGA)

I. KINH NGÀY TRAI GIỚI TÓM TẮT (Sankhittũposathasuttà)50 (A. IV. 248) 41. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anathapindika, ở đây Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Bạch Thế Tôn. L r-p 7] *1 Ấ A 4. 7 rpi Ấ rpi rri-1 Á rp 1 Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: -Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo? là ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Cho đến trọn đời? các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiêm, biêt tàm quý? có lòng từ, sông thương xót đên hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la- hán, ta sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.51 "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận lây của không cho, từ bỏ lây của không cho, chỉ lây

những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh5 không có trộm cướp. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ hai được thành tựu. "Cho đến trọn đời. các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ.

50 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.43.2. 0756cl6). 51 Xem 4 I. 211; II. 208; D. I. 4, 63; MIL 278; III. 47.

Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.,, Đây là chi phần thứ ba được thành tựu. "Cho đến trọn đời5 các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo5 nói những lời chân thật, y chỉ sự thật5 chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân that, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới.,, Đây là chi phàn thứ tư được thành tựu. "Cho đến trọn đời5 các vị A-la-hán đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ năm được thành tựu. “Cho đến trọn đời? các vị A-la-hán dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ9 không ăn ban đêm? không ăn phi thời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng dùng một ngày một bữa5 không ăn ban đêm; từ bỏ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu. "Cho đến trọn đời9 các vị A-la-hán từ bỏ? không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng từ bỏ, không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu5 dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu. "Cho đến trọn đời5 các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn; từ bỏ5 không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn; từ bỏ, không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ tám được thành tựu. Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phân được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn.

II. KINH NGÀY TRAI GIỚI CHI TIẾT (Vìtthatữposathasutía)52 (4 IV 251) 42. Này các Tỷ-kheo5 ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Được thực hành như thế nào5 ngày trai giới thành tựu tám chi phần, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn? (Như kinh 41)... Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

52 Xem ^4. III/70. Tham chiếu: Trí Trai kỉnh (T.01. 0026.202. 0770al6); ưu-bi-dỉ-đọa-xả-gỉà kỉnh (T.OL 0088. 0912al5);0" trai kỉnh (7.61. 0089. 0913al7).

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành như vậy thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rực rỡ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn? Ví như, này các Tỷ-kheo5 có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này,53 tràn đầy bảy báu như Aồga5 Magadha, Kãsi, Kosala, Vạjjĩ5 Mallã, Ceti, Vamsã5 Kuru, Pancãla, Macchã, Sũrasena, Assaka, Avanti, Gandhăra, Kamboja. Nhưng chủ quyên ây không băng một phân mười sáu53 54 của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên. Năm mươi năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bàng một đêm một ngày của chư thiên Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra? này các Tỷ-kheo: UỞ dây, có người đàn bà hay đàn ông? sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phàn, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên Bốn Thiên Vương." Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo5 là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.55 Một trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, băng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư thiên của năm ấy55 làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "O đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba.” Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo? là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.^, Hai trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, băng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Dạ-ma (Yãmã). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Dạ-ma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "d đây, có người đàn bà hay đàn ông5 sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Dạ-ma.,, Do vậy9 Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo9 là chủ quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc của chư thiên.

53 Danh sách này được tìm thấy trong A. I. 213; D. II. 200. 54 Xem sự so sánh A. I. H6; Ud. Il; It. 19. 55 Xem A II. 327.

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo? bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Đâu-suất (Tusita). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ầy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Đâu-suất. Sự kiện này có xảy ra... với hạnh phúc chư thiên." Tám trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Hóa Lạc. Sự kiện này có xảy ra... với hạnh phúc của chư thiên.,, Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo? băng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "d đây? có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cối trời Tha Hóa Tự Tại.” Do vậy9 Ta nói: 6'Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.,, Chớ giết hại sanh loại* Chớ lấy của không cho, Chớ nói lời nói láo, Chớ uống thứ rượu say, Từ bỏ phi Phạm hạnh, Từ bỏ, không dâm dục5 Không ăn vào ban đêm, Tránh, không ăn phi thời, Không mang các vòng hoa, Không dùng các hương liệu5 Hãy nằm trên tấm thảm, Trải dài đất làm giường. Chính hạnh trai giới này, Được gọi có tám phần, Do đức Phật nói lên, Đưa đến đoạn tận khổ.5657 Mặt trăng và mặt trời, Cả hai thấy lành tốt, Chỗ nào chúng đi tói,

56 Các bài kệ này được tìm thấy trong A. I. 214. 57 Dukkhantagunã. SnA. I. 378: Dukkhassãti vattadukkhassa ("Dau kh6" tức nói sự đau khổ trong vòng luân hồi).

Chúng chói sáng hào quang,
Chúng làm mây sáng chói,
Giữa hư không chúng di,
Trên trời chúng chói sáng,
Sáng rực mọi phương hướng?
Trong khoảng không gian ấy,
Tài sản được tìm thấy,
Trân châu và ngọc báu9
Lưu ly đá cầu may,
Vàng cục trong lòng đất,
Hay loại Kaôcana,
Cùng loại vàng sáng chói,
Được gọi Hãtaka,
Tuy vậy chúng trị giá,
Chỉ một phần mười sáu,

Với hạnh giữ trai giới,
Đầy đủ cả tám giới,
Ke cả ánh sáng trăng,
Với cả vòm trời sao.
Vậy người nữ, người nam,
Giữ gìn theo tịnh giới,
Hành Bố-tát trai giới,
Đầy đủ cả tám giới?
Làm các thiện công đức,
Đem lại nhiều an lạc5
Được sanh lên cõi trời5
Không bị người cười chê.

III. KINH VISÃKHÃ(yìsãkhãsuttd)^ (4 IV. 255)

43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migãra.

Roi Visakha, mẹ của Migara, đi đến The Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visãkhã, mẹ của Migãra, đang ngồi một bên:

- Này Visãkhã, ngày trai giới đầy đủ tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn... (như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

IV. KINH VASETTHA (VãseỊỊhasutta) (A. IV. 258) 44. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi

58Tham chiếu: Trì Trai kinh^ 1. 0026202. 0770al6); Trai kỉnh (roi. 0087. 0910c26); ưu-bỉ-dỉ-đọa-xả-gỉà kỉnh (roi. 0088. 0912al5); Bát quan trai kỉnh (roi. 0089. 0913al7); TạpM (f.O2. 0099.861-863. 0219b04-0219bl8).

nam cư sĩ Vãsettha đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ Vasettha đang ngồi một bên... (Như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết). Khi được nghe nói như vậy? nam cư sĩ Vãsettha bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, nếu người bà con huyết thống thân mến của con thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, như vậy các bà con huyết thống thân mến của con được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Bạch Thê Tôn, nêu tât cả các người Sát-đế-lỵ thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Bạch Thế Tôn? nếu tất cả người Bà- la-môn... các người Phệ-xá... các người Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đày đủ tám chi phần này, tất cả các người Thủ-đà được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Như vậy là phải, này Vãsettha! Này Vasettha, nếu tất cả các người Sát- đế-lỵ thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vãsettha, nêu tất cả các người Bà-la-môn... các nẹười Phệ-xá... các người Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phân này, tất cả các người Thủ-đà sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vãsettha, nếu thế giới chư Thiên, với các Ác ma, các Phạm

thiên5 hay quàn chúng Sa-môn9 Bà-la-môn thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, như vậy thế giới chư Thiên, các Ác ma, các Phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn sẽ được hạnh phúc5 an lạc lâu dài. Này Vãsettha, nếu các cây Sãla lớn này có thể thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, chúng sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài, nếu chúng có tư duy, nói gì đến loài người. V. KINH BOJJHA (Bojjhasutta)5960 (A. IV. 259) 45. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anathapindika. Rồi nữ cư sĩ Bojjha đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nữ cư sĩ Bojjha đang ngồi một bên: (Như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết). VI. KINH TÔN GIẢ ANURUDDHA (Anuruddhasuttă)^ (À. IV. 261) 46. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha dang nghỉ ban ngày, ngồi thiền tịnh. Rồi rất nhiều thiên nữ với thân khả ái đi đen Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Anuruddha rồi đứng một bên. Đứng một bên5 các thiên nữ ấy thưa với Tôn giả: Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi CÓ quyên lực và có tự tại. Thưa Tôn giả, chúng tôi muôn có hình săc như thê nào, chúng tôi liền được hình sắc ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được tiếng

59 Xem 4 IV. 346. 60 Xem4 V. 33.

như thê nào, chúng tôi liên được tiêng như thê ây ngay lập tức. Chúng tôi muôn được lạc thọ như thê nào5 chúng tôi liên được lạc thọ ây ngay lập tức. Thưa Tôn giả Anurudha, chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt5 chúng tôi có quyền lực và có tự tại. Rôi Tôn giả Anuruddha suy nghĩ: "Mong răng các thiên nữ này tât cả trở thành xanh, dung săc xanh, y áo xanh, trang sức xanh." Rôi các thiên nữ ây, biêt được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh. Rồi Tôn giảAnuruddha suy nghĩ như sau: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành vàng... tất cả trở thành đỏ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng.^, Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi các thiên nữ ấy, một người hát5 một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa5 khả lạc, khả dục5 khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục5 khả ái5 mê ly. Nhimg Tôn giả Anuruddha giữ các căn được nhiếp phục. Các thiên nữ ấy nghĩ rằng: "T6n giả Anuruddha không cố thưởng thiic", liền biến mất tại chỗ. Rồi Tôn giả Anuruddha, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ The Ton rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? ở đây5 con đang nghỉ ban ngày5 ngồi thiền tịnh. Rồi rất nhiêu thiên nữ với thân khả ái đi đên con; sau khi đên9 đảnh lê con rôi đứng một bên. Đứng một bên5 các thiên nữ ấy thưa với con: "Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt? chúng tôi có quyền lực và có tự tại. Thưa Tôn giả? chúng tôi muôn có hình săc như thê nào, chúng tôi liên được hình sắc ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn có tiếng như thế

nào, chúng tôi liền được tiếng như thế ấy ngay lập tức. Chúng tôi muôn được lạc thọ như thê nào, chúng tôi liền được lạc thọ ấy ngay lập tức. Thưa Tôn giả Anurudha, chúng tôi là những thiên nữ với thân hình khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự t@i.” Bạch Thế Tôn5 con suy nghĩ: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh." Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành vàng... tất cả trở thành đỏ... tất cả trở thành trắng, dung săc trăng, y áo trăng, trang sức trang.^ Rôi bạch Thê T6n, các thiên nữ ây, biêt được tâm của con, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi bạch Thế T6îì, các thiên nữ ay9 một người hát, một người múa9 một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí, khéo hòa điệu5 khéo choi, khéo đánh bởi người thiện xảo9 thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục?

khả ái, mê ly. Cũng vậy? là nhạc của các thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái5 mê ly. Nhxmg bạch Thế Tôn, con giữ các căn được nhiêp phục. Các thiên nữ ây nghĩ răng: "Tôn giả Anuruddha không có thưởng thức5\ liền biến mất tại chỗ. Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái? - Này Anuruddha, đầy đủ tám pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái. Thế nào là tám? Ở đây, này Anuruddha, nữ nhân đối với người chồng nào mà mẹ cha gả cho, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên đối với người ấy, nữ nhân dậy trước, đi ngủ sau cùng? vui lòng nhận mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương. Những ai có người chông kính trọng Sa-môn? Bà-la-môn như cha mẹ9 nữ nhân ây cung kính tôn trọng, đảnh lê, cúng dường, và khi họ đên? sẽ dâng hiên chỗ ngồi và nước. Phàm có những việc trong nhà, thuộc về len hay vải bông5 ở dây, nữ nhân ấy thông thạo, không biếng nhác, tự tìm phương pháp làm? vừa đủ để tự mình J? f s làm, vừa đủ đê săp đặt người làm. Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn5 loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình. Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân ấy phòng hộ, bảo vệ chúng, giữ gìn khỏi ăn frộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại. Nữ cư sĩ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nữ cư sĩ giữ giới, từ bỏ sát sanh5 từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Nữ cư sĩ bố thí5 sống ở gia đình với tâm tư từ bỏ cấu uế, xan tham5 bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, vui thích chia sẻ các vật dụng bố thí. Thành tựu tám pháp này, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái. Hãy thường yêu thương chông, Luôn nỗ lực cố gắng, Người đem lại lạc thú, Chớ khinh thường người chồng, Chớ làm chồng không vui, Chớ làm chồng tức tối,

Với những người ganh tị;
Chồng cung kính những ai,
Hãy đảnh lễ tất cả.
Vì nàng người có trí,
Hoạt động thật nhanh nhẹn,
Giữa các người làm việc,
Xử sự thật khả ái9
Biết giữ tài sản chồng.
Người vợ xử như vậy,
Làm thỏa mãn ước vọng,
Ưa thích của người chồng,
Sẽ được sanh tại chỗ5
Các thiên nữ khả ái.

VII. KINH VISÃKHÃ THỨ HAI (Dutiyavisãkhãsuttd) (A, IV. 267)

47. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migãra.

Rồi Visãkhã, mẹ của Migãra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visãkhã, mẹ của Migãra, đang ngồi một bên:

(Thế Tôn thuyết như kinh 46 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

VIII. KINH NAKULAMÃTÃ (Nakulamũtãsutta) (A. IV. 268) 48. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggã, tại núi Sumsumaragiri, rừng BhesakaỊã, tại Lộc Uyển. Rồi nữ gia chủ Nakulamãtã đi đến Thế Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Roi Thê Tôn nói với nữ gia chủ Nakulamãtã, đang ngồi một bên: (Thế Tôn thuyết như kinh 46 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

IX. KINH CHIẾN THẮNG Ở ĐỜI NÀY THỨ NHẤT (PafhamaỉdhalokikasuttdỷỴ (Ả. IV. 269) 49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migãra. Rồi Visãkhã, mẹ của Migãra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Ton rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visãkhã, mẹ của Migãra, đang ngồi một bên: Này Visãkhã, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này. Đời này rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn? Ở đây? này Visãkhã, nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc, biết thâu nhiếp các người phục vụ, sở hành vừa ý chồng, biết giữ gìn tài sản cất chứa. Này Visãkhã, thế nào là nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc?

61 Tên kinh này và kinh kế tiếp ương bản tiếng Anh của PTS dịch: Of This World Here, nghĩa y^ởđời này.

Ở đây5 này Visãkhã, phàm có những công nghiệp trong nhà, thuộc về len hay vải bông, nữ nhân khéo thông thạo, không biêng nhác, tự tìm hiêu phương pháp làm, vừa đủ đê tự mình làm, vừa đủ đê săp đặt người làm. Như vậy, này Visãkhã, là nữ nhân có khả năng khéo làm những công việc. Và này Visãkhã, thê nào là nữ nhân biêt thâu nhiêp

các người phục vụ? Ở dây, này Visãkhã, trong nhà người chồng, phàm có nữ tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biêt công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình. Như vậy? này Visãkhã, là nữ nhân biêt thâu nhiêp những người phục vụ. Và này Visãkhã, thế nào là nữ nhân sở hành vừa ý chồng? Ở dây, này Visãkhã, nữ nhân, những gì người chồng không vừa ý5 dầu cho có vì sanh mạng, nàng cũng không làm. Như vậy? này Visãkhã, là nữ nhân sở hành vừa ý chồng. Và này Visãkhã, thê nào là nữ nhân biêt giữ gìn tài sản thâu hoạch được? Ở dây, này Visãkhã, phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem vê5 nữ nhân phòng hộ, bảo vệ chúng và giữ gìn khỏi bị ăn trộm5 ăn cắp, kẻ uông rượu, kẻ phá hoại. Như vậy? này Visãkhã là nữ nhân biêt giữ gìn tài sản thâu hoạch được. Thành tựu bốn pháp này, này Visãkhã, nữ nhân thành tựu với sự chiến thắng ở đời. Đời này rơi vào trong tâm tay của nàng. Này Visãkhã, đây đủ bôn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiên thăng ở đời sau. Đời sau rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn? Ở đây, này Visãkhã, nữ nhân đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Và này Visãkhã, thế nào là nữ nhân đầy đủ lòng tin? Ở đây, này Visãkhã, nữ nhân có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Dây là Thế T6n, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, The Gian Giải, vổ Thượng Sĩ, Điều NgựTrượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật5 Thế T6n." Như vậy, này Visãkhã, là nữ nhân đầy đủ lòng tin. Và này Visãkhã, thế nào là nữ nhân đầy đủ giới đức? Ở đây5 này Visãkhã, nữ nhân từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, từ bỏ đăm say rượu men rượu nấu. Như vậy9 này Visãkhã, là nữ nhân đầy đủ giới đức. Và này Visãkhã, thế nào là nữ nhân đầy đủ bố thí? Ở đây5 này Visãkhã, nữ nhân sống ở gia đình với tâm từ bỏ cấu uế, xan tham, bố thí rộng rãi với bàn tay rộn^ mở, vui thích từ bỏ9 sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích chia sẻ các vật dụng bo thí. Như vậy9 này Visãkhã, là nữ nhân đầy đủ bố thí.

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 1001

Và này Visãkhã, thế nào là nữ nhân đầy đủ trí tuệ?
Ở dây, này Visãkhã, nữ nhân có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau.
Như vậy, này Visãkhã, là nữ nhân đầy đủ trí tuệ.
Thành tựu bốn pháp này? này Visãkhã, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào trong tầm tay của nàng.
Khéo làm các công việc,
Thâu nhiếp người phục vụ,
Sở hành vừa ý chồng,
Giữ gìn của cất chứa,
Đầy đủ tín và giới,
BÔ thí không xan tham,
Rửa sạch đường thượng dạo,62
Đến đời sau an lành.

Như vậy là tám pháp,
Nữ nhân có đầy đủ,
Được gọi bậc có giới,
Trú pháp nói chân thật.
Đủ mười sáu hành tướng,62 63
Thành tựu tám chi phân,
Nữ cư sĩ như vậy?
Với giới hạnh đầy đủ5
Sanh làm vị thiên nữ,
Với thân thật khả ái.

X. KINH CHIẾN THẮNG Ở ĐỜI NÀY THỨ HAI
(Dutiyaidhalokikasuttd) (A. IV. 271)

50. (Thế Tôn nói lại kinh 49 và cả bài kệ cho các Tỷ-kheo).

62 Niccarn maggam: Con đường nội tâm. 63 Chủ giải giải thích tám cho đời này, tám cho đời sau.

1002 KINH TĂNG CHI BỘ

VI. PHẨM GOTAMĨ (GOTAMlVAGGA)

I. KINH MAHÃPAJÃPATĨ GOTAMĨ (Gotamĩsutta)64 (A. IV. 274) 51. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rôi Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ đi đên Thê Tôn; sau khi đên? đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ bạch Thế Tôn: Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Thôi vừa rồi5 này Gotamĩ, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Lần thứ hai, Mahãpajãpatĩ Gotamĩ bạch Thế Tôn: Lành thay! Bạch Thế T6n, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Thôi vừa rồi5 này Gotamĩ, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Lần thứ ba, Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ bạch Thế Tôn: -Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Thôi vừa rồi, này Gotamĩ, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Rồi Mahãpajãpatĩ Gotamĩ biết được: ÍẾThế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết ging", liền khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Kapilavatthu cho đến khi vừa ý, ra đi đến Vesãli, tiếp tục bộ hành rồi đến Vesãli. Ở đấy, Thế Tôn ở Vesăli, tại Đại Lam5 ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ, với tóc cạo sạch, đắp áo cà-sa5 cùng với nhiều nữ nhân Sãkya ra đi đến Vesãli, tiếp tục bộ hành và đến Vesãli, tại Đại Lâm5 ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahãpajã^atĩ Gotamĩ, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước

mắt đay mặt? khóc than, đứng ngoài cổng chính. Tôn giả

6^Tham chiếu: Cù-đàm-dỉ kỉnh (7.01. 0026.116. 0605a08); Cù-đàm-dỉ kỷ quả kỉnh (r01.0060.0856a04).

Ãnanda thấy Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ với chân bị simg, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước măt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cổng chính, thấy vậy liền nói với Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ: Thưa Gotamĩ, vì sao lại đứng ở nệoài công, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ? sầu muộn, nước mắt đây mặt, khóc than như vậy? —Thưa Tôn giả Ảnanda, vì rằng Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. -Vậy thưa Gotamĩ, hãy đứng chờ ở dây, chờ cho đến khi tôi xin phép Thế Tôn để nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn: —Bạch Thế Tôn, có Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than đứng ở ngoài cổng nói rằng: “Thế Tôn không cho phép nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giâng.” Lành thay! Bạch Thế Tôn? nêu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. -Thôi vừa rồi, này Ãnanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Thế Tôn thuyết giảng. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Ảnanda bạch Thế Tôn: Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Thế Tôn thuyết giảng. Thôi vừa rồi5 này Ananda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Thế Tôn thuyết giảng. Rồi Tôn giả suy nghĩ như sau: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Vậy ta hãy dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia? từ bỏ gia đình, sống không gia dinh.” Rồi Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả5 Bất lai quả hay A-la-hán quả không? —Này Ananda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia dinh, sông không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả5 Nhât lai quả, Bât lai quả hay A-la-hán quả. Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự

lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahãpạiãpatĩ đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai trò người di,65 người vú, người kế mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, lại cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay! Bạch Thế

Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. -Này Ananda, nêu Mahãpajãpatĩ Gotamĩ chấp nhận Tám kính pháp, thời Gotamĩ có thể được thọ Cụ túc giới: Dầu cho thọ Đại giới một trăm năm5 một Tỷ-kheo-ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ Đại giới trong một ngày cũng phải đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, xử sự đúng pháp; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng5 đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Tỷ-kheo-ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo; pháp này5 sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ5 cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ5 cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cân phải làm lê Tự tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghi; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ? cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Tỷ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp Ma-na-đỏa (Pakkhamãnattam) cho đến nửa tháng; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ Cụ túc giới trước hai Tăng chúng; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ5 cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Không vì duyên cớ gi, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ- kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ? cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Này Ananda, băt đâu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni? không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ- kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Này Ãnanda, nếu Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ chấp nhận Tám kính pháp này thời cho phép Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ được thọ Cụ túc giới. Rồi Tôn giả Ananda, sau khi học từ Thế Tôn tám trọng pháp này, rồi đi đến Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ; sau khi đến? nói với Mahãpajãpatĩ Gotamĩ: -Nếu Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ chấp nhận Tám kính pháp này, thời Gotamĩ sẽ được thọ Cụ túc giới: "Dầu cho thọ Đại giới một trăm năm? một Tỷ-kheo-ni...

65 Mãtucchã. Xem J. I. 49.

không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọn^, đảnh lễ9 cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua." Nêu Gotamĩ chập nhận tám trọng pháp này, thời Gotamĩ sẽ được thọ Cụ túc giới. Thưa Tôn giả Ãnanda, ví như một người đàn bà hay một người đàn ông,6667 còn đang tuổi trẻ5 tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ quý hoa, hay một vòng thiên tư hoa,67 dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu. Cũng vậy. thưa Tôn giả, tôi xin chấp nhận Tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Mahãpajãpatĩ Gotamĩ đã chấp nhận Tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua. Này Ãnanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống

không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết gi&ng, thời này Ãnanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài và Diệu pháp được tôn tại đên một ngàn năm. Vì rằng, này Ãnanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên này Ãnanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, và này Ãnanda, Diệu pháp được tồn tại năm trăm năm. Ví như, này Ãnanda, những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp68 não hại; cũng vậy, này Ananda, vì rằng nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh khônệ được an trú lâu dài. Ví nhu, này Ãnanda, khi nào một chứng bệnh có tên là "trang như xương99 rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài; cũng vậy5 này Ãnanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài. Ví như, này Ãnanda, khi nào một chứng bệnh có tên là "d6 sét" rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài; cũng vậy, này Ãnanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài. Ví nhu, này Ãnanda, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua; cũng vậy? này Ãnanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành Tám kính pháp này cho các Tỷ-kheo-ni9 cho đến trọn đời không vượt qua. II. KINH GIÁO GIỚI (Ovãdasutta)69 (A. IV. 279) 52. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli5 tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.

66 Ví dụ này được tìm thấy trong M. I. 32. 67 Adhimuttakamalarn. Cũng còn gọi là Cự Thắng hoa. 68 Xem s. II. 264. 69 Bản tiếng Anh của PTS: He Who May Advise, nghĩa là Vị Tỷ-kheo có thể giảo giới.

Ă • FTn A* J _ -4- • 4- Ặ _ nnL Ấ rqn ___ _____ 1 _L • J. Ẩ_ 4-9 __ 1 A rr^l_ Ặ rin _ À • _ Ậ • Roi Tôn giả Ananda đi đên The Tôn;sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn5 Tỷ-kheo nên được chấp nhận (sammannitabbò) là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni? -Này Ananda, thành tựu tám pháp này, Tỷ-kheo nên được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni. Thế nào là tám? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo có giới đức, sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, chất chứa điều đã được nghe; những pháp ây, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú nghĩa lý cụ túc, đê cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đày đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã được nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thể nhập chánh kiến. Đối với vị ấy, hai Giới bổn ỤPãtimokkha) được khéo trao truyền lại một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định thành sutta và thành chi tiết.70 Vị ấy có một giọng nói dễ nghe, phát âm tốt? lời nói tao nhã, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác.7172 Vị ây có khả năng thuyêt giảng pháp thoại cho chúng Tỷ-kheo-ni. Vị ấy khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, được phần lớn các Tỷ-

kheo-ni ái mộ? thích ý. Trước khi y chỉ Thê Tôn, xuât gia, đăp áo cà-sa, vị ây không có phạm trọng tội nào. Vị ây được hai mươi tuôi an cư hay hơn hai mươi tuôi an cư. Thành tựu tám pháp này, này Ãnanda, vị Tỷ-kheo được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni. III. KINH PHÁP TÓM TẮT (Samkhittasutta)12 (4 IV. 280) 53. Một thòi, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahãpạjãpatĩ Gotamĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên5 Mahãpajãpatĩ Gotamĩ bạch Thế Tôn: Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh5 không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần. -Này Gotamĩ, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến tham

70 Anubyanjanaso. Xem 4 IV. 139, 140. 71 Xem A. II. 97; III. 114; V. 155; D. I. 155. 72 A. IV. 143; GS. IV. 97 (kinh 79 ở trước).

dục, không phải ly tham; đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược; đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập; đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục; đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ; đưa đến tụ hội5 không đưa đên nhàn tịnh; đưa đên biêng nhác, không đưa đên tinh tân; đưa đên khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi duỡng"; này Gotamĩ, hãy thọ trì nhất hướng rằng: "D6 là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư." Và này Gotamĩ, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục; đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược; đưa đên không tích tập, không đưa đên tích tập; đưa đên ít dục, không đưa đên dục lớn; đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ; đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội; đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác; đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi duỡng”; này Gotamĩ, hãy thọ trì nhất hướng rằng: "E)6 là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư?9

IV KINH DIGHAJANU (Dighajanusuttd)13 (4 IV. 281) 54. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại một thị trấn của dân chúng Koliya tên là Kakkarapatta. Rồi Dĩghạjãnu (đầu dài)573 dòng họ 7576 74 Koliya đi đen Thê Tôn; sau khi đen, đảnh le The Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, Dĩghạiãnu, dòng họ Koliya bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn? chúng con là những người gia chủ hưởng thọ các dục vọng, sống hệ phược với vợ con, dùng các hương Chiên-đàn ở Kãsi, đeo và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, thọ lãnh vàng và bạc; bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, thuyết như thế nào để những pháp ấy đem đến cho chúng con hạnh phúc, an lạc ngay trong hiện tại? và hạnh phiic, an lạc trong tương lai. Này Byagghapajja, có bốn pháp này đưa đến hạnh phúc hiện tại, an lạc hiện tại cho thiện nam tử. Thế nào là bốn? Đầy đủ sự tháo vát, đầy đủ sự phòng hộ, làm bạn với thiện hữu, sống thăng bằng điều hòa. Này Byagghapajja, thê nào là đây đủ sự tháo vát? Ở đây? này Byagghapajja, thiện nam tử phàm làm nghề gì để sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò5 hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gi,76 trong nghề ấy người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư hiểu phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm.77 Này Byagghapajja, đây

gọi là đầy đủ sự tháo vát. Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ sự phòng hộ?

73 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.91. 0023a22); Biệt Tạp.(T.02. 0100.91. 0404c19). 74 Xem 4 II. 588;O. II. 167;ZX4.1. 260f; s. IV. 341; s:I. 356f; J. IIL 22; ThagA. I. 546; Ap. I. 94.

75 Đức Phật gọi ông là Byagghapajja (chân cọp). Xem DA. I. 262. 76 Xem M. I. 85. 77 Xem 4 IV. 266; GS. IV. 178 (kinh 49 ở trước).

Ở đây, này Byagghapajja, những tài sản của thiện nam tử do tháo vát, tinh tấn thâu hoạch được, do sức mạnh bàn tay cât chứa được, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch được đúng pháp, vị ấy giữ gìn chúng, phòng hộ và bảo vệ: "Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua mang di, không bị trộm cướp mang đi, không bị lửa đốt5 không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự không khả ái cướp do@t.” Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự phòng hộ. Và này Byagghapajja, thế nào là làm bạn với thiện hữu? Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đấy5 có gia chủ hay con người gia chủ, những người trẻ được nuôi lớn trong giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin5 đầy đủ giới dức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy làm quen, nói chuyện, thảo luận. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy học tập đầy đủ lòng tin. Với những người đầy đủ giới đức, vị ấy học tập đày đủ giới đức. Với những người đầy đủ bố thí, vị ấy học tập đầy đủ bố thí. Với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy học tập đầy đủ trí tuệ. Này Byagghapajja, đây gọi là làm bạn với thiện hữu. Và này Byagghapajja, thế nào là sống thăng bằng điều hòa? Ở dây, này Byagghapajja, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa5 không quá phung phí, không quá bỏn xẻn. Vị ấy suy nghĩ: "Bây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy.,, Ví nhu, này Byagghapajja, người cầm cân hay đệ tử người cầm cân, sau khi cầm cân biết rằng: "Với chừng ấy, cân nặng xuống, hay với chừng ấy, cân nhẹ bông len?9 Cũng vậy, này Byagghapajja, thiện nam tử sau khi biêt tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, nghĩ rằng: "Dây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập? còn lại như vậy.,, Này Byagghapajja, nếu thiện nam tử này tiền nhập vào ít, nhimg sống nếp sống rộng rãi, hoang phí9 thời người ta nói về người ấy như sau: "Thiện nam tử này ăn tài sản của vị ấy như ăn trái cây sung."78 Này Byagghapạjja, nếu thiện nam tử này có tiên nhập lớn, nhưng sống nếp sống cơ cực, thời người ta sẽ nói về vị ấy như sau: "Thiện nam tử này sẽ chết như người chết đói?5 Khi nào, này Byagghapạịja, thiện nam tử này? sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biêt tài sản xuât, sông nêp sông thăng băng điêu hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, nghĩ rằng: “Nhu vậy, tiền nhập của ta, sau khi trừ tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất, sau khi trừ tiền nhập, còn lại như vậy.,, Này Byagghapajja, đây gọi là nếp sống thăng bằng điều hòa. Như vậy, này Byagghapajja, có bôn cửa xuât đê tiêu phí tài sản thâu nhập:78 79

78 udumbarakhādikạ. Chủ giải giải thích rằng người ta muốn ăn trái cây này, liền đến rung cây khiến trái rơi xuống, rất uổng phí. 1. 79 Xem t il 166; D.L 101; III. 182. Có sáu pháp; Sn. 106; J. IV. 255.

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 1009

"Dam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè kẻ ác, thân hữu kẻ ác, giao du kẻ ác." Ví như, này Byagghapaija, một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào, có bôn cửa nước chảy ra, có người đóng lại các cửa nước chảy vào, mở ra các cửa nước chảy ra? trời lại không mưa đúng lúc; như vậy? này Byagghapajja, chờ đợi là hồ nước ấy bị giảm thiểu, không có tăng trưởng. Cũng vậy? này Byagghapajja, như vậy có bốn cửa xuất để tiêu phí tài sản được thâu nhập: "Dam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè kẻ ác, thân hữu kẻ ác, giao du kẻ ác." Như vậy? này Byagghapajja, có bốn cửa vào để tài sản được himg khởi: "Không say đắm đàn bà; không say đắm rượu; không say đắm cờ bạc; bạn bè với thiện hữu, thân hữu với thiện hỹu, giao du với thiện hữu." Ví như, này Byagghapajja, một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào, có bốn cửa nước chảy ra, có người mở ra các cửa nước chảy vào, đóng lại các cửa nước chảy ra, và trời lại mưa đúng lúc; như vậy, này Byagghapajja, chờ đợi là hồ nước ấy được tăng trưởng, không có giảm thiểu. Cũng vậy? này Byagghapajja, có bốn cửa vào đê tai sản được hưng khởi: Không đăm say đàn bà; không đăm say rượu chè; không đăm say cờ bạc; bạn bè với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao du với thiện hữu." Bốn pháp này, này Byagghapajja, đưa đến hạnh phúc hiện tại, an lạc hiện tại cho thiện nam tử. Có bốn pháp này9 này Byaệghapạjja, đưa đến hạnh phúc tương lai, an lạc tương lai cho thiện nam tử. Thê nào là bôn? Đây đủ lòng tin, đầy đủ giới dức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Và này Byagghapajja, thê nào là đây đủ lòng tin? Ở dây, này Byagghapajja, thiện nam tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Dây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Ton?9 Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ lòng tin. Và này Byagghapajja, thê nào là đây đủ giới đức? Ở dây, này Byagghapajja, thiện nam tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo? từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này Byagghapạjja? đây gọi là đầy đủ giới đức. Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ bố thí? Ở dây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế, xan tham chi phôi, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở? vui thích từ bỏ5 sẵn sàng để được yêu cầu5 vui thích chia sẻ vật dụng bố thí. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ bố thí. Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ trí tuệ? Ở đây, nàỵ Byagghapajja, thiện nam tử có trí tuệ5 thành tựu trí tuệ về sanh diet, với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

1010 KINH TĂNG CHI Bộ

Tháo vát trong công việc,
Không phóng dật, nhanh nhẹn,
Sống đời sống thăng bằng,
Giữ tài sản thâu được,

Có tín đầy đủ giới,
Bố thí, không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,
An toàn trong tương lai.
Đây chính là tám pháp,
Bậc tín chủ tìm cầu,
Bậc chân thật tuyên bố9
Đưa đến lạc hai đời?
Hạnh phúc cho hiện tại5
Và an lạc tương lai.
Đây trú xứ gia chiỉ,
Bố thí tăng công đức.

V. KINH BÀ-LA-MÔN UJJAYA (Ujjayasutta)^ (A. IV. 285)

55. Rồi Bà-la-môn Ujjaya đi đến Thế Tôn; sau khi dến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Ujjaya bạch

FTT1_ Ấ rri

Thê Tôn:

Chúng con muôn đi nước nẹoài, Tôn giả Gotama hãy thuyêt pháp cho những người như chúng con5 thuyêt pháp như thế nào để những pháp ấy đem lại cho chúng con hạnh phúc hiện tại5 an lạc hiện tại; hạnh phúc tương lai, an lạc tương lai.

(Như kinh 54 với cả bài kệ? và có một vài thay đổi cần thiết).

VI. KINH SỢ HÃI (BhayasuttdỷẢ (4 IV 289) 56. Sợ hãi5 này các Tỷ-kheo, là đông nghĩa với các dục. Đau khô, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Bệnh tật5 này các Tỷ-kheo? là đồng nghĩa với các dục. Cục bướu9 này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Mũi tên9 này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Trói buộc, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Bím, này các Tỷ-kheo9 là đồng nghĩa với các dục. Thai tạng, này các Tỷ-kheo, là đông nghĩa với các dục. Như thế nào5 này các Tỷ-kheo, sợ hãi là đồng nghĩa với các dục? Vì răng, này các Tỷ-kheo? những ai bị dục tham ái nhiêm, những ai bị dục tham trói buộc, không được giải thoát khỏi sợ hãi hiện tại, không được giải thoát khỏi sợ hãi trong tương lai; do vậy, sợ hãi là đồng nghĩa với các dục.

80 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.91. 0023a22); Biệt Tạp.(7.02. 0100.91. 0404cl9). 81 Tham chiếu: Tang.(T.02. 0125.28. 0879c22).

...Vì răng? này các Tỷ-kheo? đau khô... bệnh... cục bướu... mũi tên... trói buộc... bùn lầy...

Như thế nào thai tạng là đồng nghĩa với các dục?

Vì răng, này các Tỷ-kheo5 những ai bị dục tham ái nhiêm, những ai bị dục tham trói buộc? không được giải thoát khỏi thai tạng hiện tại, không được giải thoát khỏi thai tạng trong tương lai; do vậy? thai tạng là đồng nghĩa với các dục.

Sợ hãi, khổ và bệnh,

Cục bướu và mũi tên9
Trói buộc và bùn lầy?
Cả hai cùng thai tạng,
Chúng được gọi tình dục?
Chỗ phàm phu ái nhiễm,
Chìm đắm trong sắc đẹp,
Chúng lại vào thai tạng.
Khi Tỷ-kheo nhiệt tình,
Không thả lỏng tỉnh giác,
Vượt đường hiểm nạn này,
Con đường khó vượt qua;
Vị ấy nhìn chúng sanh,
Đang sống trong sợ hãi,
Vì bị sanh và già,
Ám ảnh và chinh phục.

VII. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG THỨ NHẤT (Pathamaãhuneyyasuttd) (A. IV. 290) 57. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh tri kiến; làm bạn với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao du với thiện hữu; có chánh tri kiến, thành tựu chánh kiến; chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; nhớ được nhiều đời trước, như một đời9 hai đời... nhớ được nhiều đời trước với các tướng trạng, với các chi tiết; với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy theo hạnh nghiệp của chúng; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Thành tựu tám pháp này5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

VIII. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG THỨ HAI (Dutìyaãhuneyyasutta) (A. IV. 291) 58. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh tri kiến; sống tinh cần tinh tấn, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng trong các thiện pháp; s6ng tại rừng núi, tại các trú xứ xa văng; chịu đựng lạc và bất lạc,82 luôn luôn nhiếp phục bất lạc nổi lên; chịu đựng sợ hãi và khiếp đảm? luôn luôn nhiếp phục sợ hãi và khiếp đảm nổi lên; chứng được bôn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điên ở đời.

IX. KINH HẠNG NGƯỜI THỨ NHẤT (Pathamapuggalasuttdỷ3 (Ả. IV. 292) 59. Có tám hạng người,82 84 này các Tỷ-kheo? đáng được cung kính5 đáng 83 được tôn trọng? đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám? Bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Dự lưu; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Nhất lai; bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Bât lai; bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Tám hạng người này, này các Tỷ-kheo5 đáng được cung kính... là vô thượng phước điên ở đời. Bốn vị đã hướng đến9 Bốn vị đã trú quả5 Tăng chúng này chánh trực, Trí tuệ, giới? thiền định5 Loài người cúng thí vật, Chúng sanh cầu phước đức, Làm công đức tái sanh, Tăng chúng tăng quả lớn. X. KINH HẠNG NGƯỜI THỨ HAI (Dutìyapuggalasutta) (A. IV. 292) 60. (Như kinh 59, chỉ bài kệ hơi khác).

82 Xem 132; MI. 33. 83 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Eight Persons, nghĩa là Tảm hạng người. Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.43.10. 0764c02). 84 XemD. III. 255.

Bốn vị đã hướng đến9
Bốn vị đã trú quả,
Tăng chúng này tối thắng,
Tám người giữa chúng sanh.
Loài người cúng thí vật5
Chúng sanh cầu phước đức,
Làm công đức tái sanh,
Tăng chúng tăng quả lớn.

vn. PHẨM ĐẤT RÚNG ĐỘNG (BHŨMỈCẴLAK4GGA)

I. KINH ƯỚC MUỐN ựcchãsutta) (A. IV. 293) 61. Này các Tỷ-kheo, có tám hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tjnh, không có tinh tân, khởi lên ước muôn có lợi dưỡng. Vị ây hăng hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng. Dầu cho hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng? nhimg lợi dưỡng không khởi lên. Do không được lợi dưỡng ây, vị ây sâu muộn, than van, khóc lóc5 đập ngực, rơi vào bất tỉnh.85 Này các Tỷ-kheo? vị ấy được gọi là Tỷ-kheo sông muôn lợi dưỡng, hăng hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng. Do không được lợi dưỡng ấy, vị ấy sầu muộn, than van5 khóc lóc và bỏ rơi Diệu pháp.86 Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tjnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ây9 vị ây đăm say, phóng dật, rơi vào trạng thái đăm say, phóng dật. Đây gọi là Tỷ-kheo sông muôn lợi dưỡng, hăng hái, phân chân, tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, trở thành đắm say, phóng dật và bỏ rơi Diệu phắp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh5 không có tinh tân, khởi lên ước muôn có lợi dưỡng. Vị ây

không hăng hái? không phân chân, không tinh tân đê được lợi dưỡng. Do vị ây không hăng hái, không phân chân, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy do không được lợi dưỡng, nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực5 rơi vào bất tỉnh. Đây gọi là Tỷ-kheo sông ham muôn lợi dưỡng, không hăng hái, không phân chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; không được lợi dưỡng, vị ấy sầu muộn, than van, khóc lóc và bỏ rơi Diệu pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh? không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu vị ấy không hăng hái, không phấn chấn,

85 Xem 4 II. 188; III. 416; M. I. 86. 86 AA. IV. 140: Cuto ca saddhammãtỉ tamkhanamyeva vỉpassanãsaddhammã cuto ("B6 rơi diệu ph" nghĩa là khi ấy không hành trì Diệu pháp minh sát tuệ nữa).

không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy đắm say, phóng dật5 rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, không hăng hái? không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, bị đắm say, bị phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ây hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dâu cho vị ây hăng hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy, dù không được lợi dưỡng, cũng không có sầu muộn, không có than van, không có khóc 16c, không có đập ngực, không có rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; nhimg không được lợi dưỡng, cũng không có sầu muộn? không có than van và không bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vj ây hăng hái? phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tẩn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ây, vị ây không đắm say, không phóng dật, không có rơi vào trạng thái đắm say. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống . /.J... k " A y F 7 ° J: y • muôn lợi dưỡng, hăng hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đăm say, không phóng dật và không bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh? không có tinh tấn, khởi lênL ước e • : r"dưỡng.JVị ấyJ không hăng muốncó lợi r không phấn chấn, J A hái, không tinh tân đê được lợi dưỡng. Do vị ây không hăng hái, không phân chân, không tinh tấn đế được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy dù không được lợi dưỡng, không có sầu muộn, không có than van, không có khóc lóc, không có đập ngực, không có rơi vào bât tỉnh. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ- kheo sống muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phân chấn, không tinh tân đế được lợi dưỡng; dù không được lợi dưỡng, vị ấy không sầu muộn, không than van và không bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muôn có lợi dưỡng. Vị ây không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tân đê được lợi dưỡng. Dâu cho vị ây không hăng hái, không phân chấn, không

tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Vị ấy, với lợi dưỡng ấy, không đắm say, không phóng dật, không rơi vào trạng thái đắm say. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là Tỷ-kheo sông muôn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật và không bỏ rơi Diệu pháp. Này các Tỷ-kheo? có tám hạng người này sông có mặt hiện hữu ở đời. II. KINH VỪA ĐỦ (Alamsutta) (A, IV. 296) 62. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự minh, vừa đủ cho các người khác. Thê nào là sáu?

Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn87 nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiêu nghia, sau khi hiêu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tôt9 lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi? làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự minh, vừa đủ cho các người khác. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt5 lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích le, làm cho phấn khởi5 làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho kẻ khác. Thế nào là bon? Ở đây3 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì: sau khi hiêu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã? không phân minh?jphát ngôn bập bẹ? giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyêt giảng, khích lệ? làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ các đông Phạm hạnh. Thành tựu bốn pháp này5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho kẻ khác. Thành tựu bồn pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. The nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không có sau khi hiêu Ïiệhĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dê nghe, phát âm tôt5 lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý xác minh; có khả năng thuyết giảng, khích lệ? làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ các đông Phạm hạnh. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

87 Khippanỉsanti. Chủ giải viết vị ấy mau chóng hiểu được giáo lý về uẩn, xứ, giới. Xem 4 II. 97; V. 155.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự minh, không vừa đủ cho các kẻ khác. Thế nào là ba? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết nghĩa, sau khi biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi5 làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã5 phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người không thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói không có dễ nghe, phát âm không tốt? lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi? làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là hai? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người không thọ trì những pháp đã được nghe; không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không có sau khi hiểu nghia, sau khi hiêu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tôt? lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả

năng thuyết giảng pháp thoại, khích lệ, làm cho phấn khởi? làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các người khác? không vừa đủ cho tự mình. IIL KINH TÓM TẮT (Samkhittasutta)^ (4 IV. 299) 63. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngôi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một minh, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm? tinh cần. -Như vậy? ở dây, một số người ngu si88 89 thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng,

họ nghĩ Ta là người cần phải đi theo. -Bạch Thế Ton, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có the trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng. Vậy này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện sanh khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng."9091 Như vậy, này Tỷ-kheo9 ông cần phải học tập. Này Tỷ-kheo? khi nào nội tâm của ông được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân dứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: “Từ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, thành thạo, thông su6t, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng."91 Như vậy, này Tỷ-kheo? ông cần phải học tập. Này Tỷ-kheo9 khi nào định này của ông được tu tap, được làm cho sung mãn như vậy? khi ấy này Ty.kheo, ông cần phải tu tập định này với tầm? với tứ; cân phải tu tập không tâm, chỉ với tứ; cân phải tu tập không tâm, không tứ; cần phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc9 cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo? khi nào định này của ông được tu tập? được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo5 ông cần phải học tập như sau: "Bi tâm giải thoát92 sẽ được ta tu tập... Hỷ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập... Xả tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo9 vững vàng.” Như vậy? này Tỷ~kheo? ông cần phải học tập. Này Tỷ-kheo? khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy9 khi ấy này Tỷ-kheo9 ông cần phải tu tập định này với tầm, với tứ;

88 Tham chiếu: ủc-gỉà-chi-la kỉnh (7.01. 0026.76. 0543c01). 89 Chủ giải giải thích rằng vị Tỷ-kheo này tu hành giải đãi, không làm tròn bổn phận của người xuất gia nhưng đức Phật biết chắc sau này vị ấy sẽ chứng quả A-la-hán. 9° 44. IV. 140 viết mũlasamãdhỉ. Xem M. I. 91; It. 19. 91 XemD. II. 102; M. III. 97; SA. 116; Ud. 62. 92 Bốn vô lượng tâm. Xem 4 III. 290; D. III. 248.

Cần phải tu tập không tàm, chỉ với tứ; cần phải tu tập không tầm, không tứ; cần phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc; cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tap, được làm cho sung mãn như vậy5 khi ấy này Tỷ-kheo? ông cần phải học tập như sau: "Ta sẽ sống quán thân trên thân,9394 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở d&i." Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải tu tập định này với tầm, với tứ; cần phải tu tập không tầm5 chỉ với tứ; cần phải tu tập không tầm, không tứ; cân phải tu tập có hỷ, cân phải tu tập không hỷ; cân phải tu tập câu hữu với lạc; cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo? khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy9 khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Ta sẽ sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp5 nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở d&i." Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập. Này Tỷ-kheo? khi nào định này được ông tu tập, làm cho sung mãn như vậy, khi ây, này Tỷ-kheo5 ông cân phải tu tập định này với tâm, với tứ;

cân phải tu tập không tâm, chỉ với tứ; cân phải tu tập không tâm, không tứ; cân phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc; cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo5 khi nào định này của ông được tu tập, làm cho sung mãn như vậy? khi ấy này Tỷ-kheo9 chỗ nào, chỗ nào ông đi, chỗ ấy ông sẽ đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào ông đứng, chỗ ấy ông sẽ đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào ông ngồi, chỗ ấy ông sẽ ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào ông năm? chô ây ông sẽ năm được an ôn. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, an tịnh, khồng phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần5 không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.^, Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH TẠI GAYÃSĨSA (Gayãsĩsasuttdỷ^ (A. IV. 302)

64. Một thời, Thế Tôn trú ở Gayãsĩsa. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo!

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

ỉ _ . . 1

Cac Ty-kneo ây vang dap The Ton. The Ton nói như sau:

93 Bốn niệm xứ. Xem 4 I. 39; D. II. 290; M. I. 56; s. V. 293. 94 Tham chiếu: Thiên kinh (7.01. 0026.73. 0539b 19).

Này các Tỷ-kheo9 trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta tưởng tri ánh sáng595 Ta không thấy sắc. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Neu Ta có thể tưởng tri ánh sáng và Ta có thể thấy được các sắc, như vậy, tri kiến này96 của Ta được thanh tịnh hơn lên.,, Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, nhưng Ta không giao thiệp với chư thiên ấy, không nói chuyện, không thảo luận. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng, có thể thấy được các sắc, có thể giao thiệp với chư thiên ấy, có thể nói chuyện, có thể thảo luận, như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn len/9 Và này các Tỷ-kheo5 sau một thời gian Ta sống không phóng dật? nhiệt tầm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, và cùng chư thiên ấy giao thiệp, nói chuyện yà thảo luận. Nhưng Ta không biết về các chư thiên ấy: “Chu thiên này thuộc về thiên chúng này5 thuộc về thiên chúng nay,^ Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta tưởng tri ánh sáng, thấy được các sắc, giao thiệp với chư thiên ấy, nói chuyện, thảo luận với chư thiên ấy và biết được về chư thiên ấy: 'Chư thiên này thuộc về thiên chúng này, thuộc về thiên chúng này\ như vậy5 tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn lOn." Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, Ta sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với chư thiên ấy, biết được: "Chu thiên này thuộc về thiên

chúng này, thuộc về thiên chúng này", nhưng Ta không biết được chư thiên ấy: "Chu thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy." ... Ta biết được: "Chu thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chêt từ đây sanh ra tại chô ây", nhưng Ta không biêt được chư thiên ây: "Chu thiên này, do đồ ăn như thế này? cảm thọ khổ lạc như thế này.,, ... Ta biết được: "Chu thiên này5 do đồ ăn như thế này9 cảm thọ khổ lạc như thê này5\ nhưng Ta không biêt được chư thiên ây: "Chu thiên này, tuôi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này.,, ... Ta biết được: "Chu thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này", nhưng Ta không biết được chư thiên ấy: "Trước đây Ta có cùng ở với chư thiên này, hay trước đây Ta không cùng ở với chư thiên này.,, Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta nhận thức được ánh sáng; _thấy 9 được A các sắc; cùng rvới chư thiên ấy giao thiệp,A nói chuyện, thảo luận; Ta có thê biêt được chư thiên ây: 'Chư thiên này thuộc vê thiên chúng này, thuộc về thiên chúng này'; Ta có thể biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, do quả dị thục của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy; Ta có thể

95 Obhãsaũneva kho saĩyãnãmỉ. Xem M. III. 157. Bốn loại ánh sáng được đề cập trong .II. 139. 96 Nãnadassana. AẠ. IV, 143: Nãnadassanantỉ dỉbbacakkhubhũtam nanasankhatam dassanam ("Tri kiến" nghĩa là sự thấy biết, chứng tri thiên nhãn đang hiện hữu).

biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này Ta có thể biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, tuổi thọ dài như thê này, tôn tại lâu dài như thê này'; và Ta có thê biêt được chư thiên ấy: 'Chư thiên này5 trước đây Ta có cùng ở với chư thiên này, hay trước đây Ta không cùng ở với chư thiên nàyNhư vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn trước?9 Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian SOĨ1Ẹ không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cân; Ta tưởng tri ánh sáng; Thây được các săc; Ta giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với các chư thiên ấy; Ta biết được chư thiên ấy: "Chu thiên này thuộc thiên chúng này, thuộc thiên chúng này"; Ta biết được chư thiên ấy: "Chu thiên này, do quả dị thục của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy"; Ta biết được chư thiên ấy: "Chu thiên này, do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này" Ta biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, tuoi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này" và Ta biết được chư thiên ấy: "Chu thiên này, trước đây Ta có cùng ở với chư thiên này, hay trước đây Ta không có ở cùng với chư thiên này." Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thượng giới thiên này không được khéo thanh tịnh nơi Ta, thời Ta không có xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giói, với quần chúng Sa-môn9 Bà-la-môn5 chư thiên và loài người rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thượng giới thiên này được khéo thanh tịnh nơi Ta, thời Ta có xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn5 Bà- la-môn9 chư thiên và loài người răng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đăng giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, không còn tái sanh nữa.,, V.

KINH THẮNG xứ (Abhibhãyatanasutta)91 (A. IV. 305) 65. Này các Tỷ-kheo5 có tám thắng xứ97 98 này. Thế nào là tám? Một vị tưởng tri nội săc5 thây các loại ngoại săc5 có hạn lượng, đẹp xâu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ nhất. Một vị tưởng tri nội săc5 thây các loại ngoại săc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng? ta biết, ta thấy." Đó là thăng xứ thứ hai. Một vị tưởng tri vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc, có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.^, Đó là thăng xứ thứ ba.

97 Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26. 1536.19. 0445b 15).
98 Thắng xứ. XcmA. I. 40; IV 409; V. 61; GS. IV. 276 (kinh 32 ở sau); M II. 13.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.,, Đó là thắng xứ thứ tư. Một vị tưởng tri vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.,, Đó là thắng xứ thứ năm. Một vị tưởng tri vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc màu vàng? tướng sắc vàng, hình sắc vàng5 ánh sáng vàng. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ sáu. Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ5 tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ? ánh sáng đỏ. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ bảy. Một vị tưởng tri vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc màu trăng, tướng săc trăng, hình săc trăng, ánh sáng trăng. Vị ây tưởng tri răng: "Sau khi nhiêp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tám. Này các Tỷ-kheo5 những pháp này là tám thắng xứ. VI. KINH GIẢI THOÁT(yỉmokkhasuttdỷ9 (A. IV. 306) 66. Này các Tỷ-kheo, có Tám giải thoát này. Thế nào là tám? “Tự mình có sắc, thấy các sắc.” Đó là giải thoát thứ nhất. "Tưởng tri nội săc là vô săc5 thây các ngoại săc.^, Đó là giải thoát thứ hai. "Chú tâm trên suy tưởng [sắc là] tjnh." Đó là giải thoát thứ ba. uVượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, chấm dứt các tưởng đối ngại, không tác ý đến các tưởng khác biệt với suy tư: 'Hư không là vô biên\ chứng và trú Không vô biên xứ?5 Đó là giải thoát thứ tư. "Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ với suy tư: 'Thức là vô biên\ chứng và trú Thức vô biên xú:." Đó là giải thoát thứ năm. "Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ với suy tư: 'Không có vật gì\ chứng và trú Vồ sở hữu xứ." Đó là giải thoát thứ sáu. "Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ5 chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng X1Ì.” Đó ìà giải thoát thứ bảy. "Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng djnh." Đó là giải thoát thứ tám. Này các Tỷ-kheo, có Tám giải thoát này. VII. KINH PHI THÁNH NGÔN (Anaríyavohãrasutta) ụ. IV. 307) 67. Này các Tỷ-kheo, có tám phi Thánh ngôn99 100 này. Thế nào là tám?

99 Tham chiếu: Z). 16, Mahaparinibana Sutta (Kinh Đại Bát-niết-bàn), D. II. 72; A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn tủc luận (T.26. 1536.18. 0440c23). ỊQữ Anarỉyavohãrã. Xem 4 IL 246; D. III. 232; M. III. 29; Vin. IV. 2.

Khôíiệ thây nói thây, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biêt nói biêt? thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, nghĩ nói không nghi, biết nói không biết. Này các Tỷ-kheo, đây là tám phi Thánh ngôn. VIIL KINH THÁNH NGÔN (Ariyavohãrasuttă) ụ. IV. 307) 68. Này các Tỷ-kheo, có tám Thánh ngôn này. Thế nào là tám? Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghi, không biết nói không biết, thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghi, biêt nói biết. Này các Tỷ-kheo, đây là tám Thánh ngôn. IX. KINH CÁC HỘI CHÚNG (Parisãsutía)m (A. IV. 307) 69. Này các Tỷ-kheo, có tám hội chúng101 102 này. Thế nào là tám? Hội chúng Sát-đế-lỵ? hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ9 hội chúng Sa-môn, hội chúng Bốn Thiên Vương, hội chúng cõi trời Ba Mươi Ba, hội chúng Mãra, hội chúng Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, Ta nhớ rằng Ta đã đi đến hàng trăm hội chúng Sát-đế- lỵ. Tại đấy. Ta lúc trước có hội họp, lúc trước có nói chuyện, lúc trước có thảo luận. Tại đây, dung săc của họ như thê nào, dung săc của Ta trở thành như của họ; giọng nói của họ như thế nào, giọng nói của Ta trở thành như của họ. Và Ta, với pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Khi Ta nói, họ không biêt Ta là ai; họ nói: "Người nói này là ai, thiên nhân hay loài người?" Sau khi thuyết ^iảng với pháp thoại khích lệ5 làm cho phấn khởi? làm cho hoan hy, Ta biến mât. Khi Ta biến mất, họ không biết Ta là ai; họ nói: "Người biến mat này là ai, thiên nhân hay loài người?,, Này các Tỷ-kheo5 Ta nhớ rằng Ta đã đi đến hàng trăm hội chúng Bà-la-môn... hàng trăm hội chúng gia chủ... hàng trăm hội chúng Sa-môn... hàng trăm hội chúng Bốn Thiên Vương... hàng trăm hội chúng cõi trời Ba Mươi Ba... hàng trăm hội chúng Mãra... hàng trăm hội chúng Phạm thiên. Tại đấy5 Ta lúc trước CÓ hội họp5 lúc trước có nói chuyện, lúc trước có thảo luận. Tại dấy, dung sắc của họ như thế nào, dung sắc của Ta trở thành như của họ; giọng nói của họ như thế nào, giọng nói của Ta trở thành như của họ. Và Ta, với pháp thoại thuyết giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Khi Ta nói5 họ không biết Ta là ai; họ nói: "Người nói này là ai, thiên nhân hay loài người?^, Sau khi thuyết giảng với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, họ không biết Ta là ai; họ nói: "Nguôi biến mất này là ai, thiên nhân hay loài ngu&i?" Này các Tỷ-kheo, đây là tám hội chúng.

101 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.42.7. 0754cl4). 102 Xem D. II. 109; ni. 260; M. I. 72.

X. KINH ĐỘNG ĐẤT (Bhũmicãỉasutta)ÌQ3 (4 IV 308) 70. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, đem theo y và bát, vào Vesãli để khất thực. Sau khi đi khât thực, ăn xong và trên đường trở vê5 Ngài nói với Tôn giả Ananda: Này Ananda, hãy lấy tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến đền Cãpăla để nghỉ trưa. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Cãpãla; sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: Này Ãnanda, khả ái thay Vèsãli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba!

Khả ái thay đền Bahuputtaka! Khả ái thay đền Sãrandada! Khả ái thay đền Cãpãla! Này Ãnanda. những ai đã tu tập bôn thân túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suôt? điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Neu muốn, này Ảnanda, người ấy có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ãnanda, nay Như Lai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo5 vững vàng. Này Ảnanda, nêu muôn, Như Lai có thê sông một kiêp hay phân kiêp còn lại. Như vậy? Tôn giả Ananda không thê nhận hiêu sự gợi ý quá rõ ràng của Thê __ rin Lt __ :... A L \ __ ___ rr^i i A FT1 _ HP A— _ • 2 Ạ nn Tôn, sự hiện tướng qua rõ rang cua The Ton, Ton gia không thỉnh cau The Ton: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đên trọn kiêp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời? vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi", vì tâm của Tôn giả bị Ác ma ám ảnh. Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, khả ái thay Vesãli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputtaka! Khả ái thay đền Sãrandada! Khả ái thay đền Cãpãla! Này Ãnanda, những ai đã tu tập bốn thần túc9 làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Nếu muốn5 này Ãnanda, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ãnanda, Như Lai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện X0, vững vàng. Này Ãnanda, nêu muôn, Như Lai có thê sông một kiêp hay phân kiêp còn lại. Như vậy, Tôn giả Ãnanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng của The Ton, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thê Tôn, Tôn giả không thỉnh câu Thê Tôn: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi", vì tâm của Tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

103 Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.42.5. Q753cU); Địa động kinh (roi. 0026.36. 0477b23).

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 1025

n Àj rr-ĩi Ấ rp r • r • rnp /\ • ? T 1

Roi The Ton nói với Ton gia Ananda: Này Ananda, hãy đi và làm những gì ông nghĩ là phải thời. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ảnanda vâng lời Thế Tôn5 từ chỗ ngồi đứng dậy9 đảnh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi ra đi, ngồi xuống một goc cây, không xa The Ton. Tôn giả Ãnanda ra đi chưa bao lâu, Ác ma nói với Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đên thời Thê Tôn diệt độ! Bạch Thê Tôn5 đây là lời Thê Tôn đã nói: "Này Ac ma, Ta sẽ không diệt độ cho d khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của minh, chưa có thê tuyên b6, thuyêt giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thê bác bỏ5 hàng phục với Chánh pháp, chưa có thể thuyết pháp thần dieu."

Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi các khổ ch, nghe nhiêu, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, đã có thể tuyên bố, thuyêt giảng, trình bày, xác định5 khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên5 đã có thê bác bỏ5 hàng phục với Chánh pháp, có the thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn5 nay Thế Tôn hãy diệt độ! Bạch Thiên Thệ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ cho đến khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành... khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tường, đạt được an ôn khỏi các khô ách, nghe nhiêu5 thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh5 hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa có thể tuyên bố5 thuyết giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên5 chưa có thê bác bỏ, hàng phục với Chánh pháp5 chưa có thế thuyết pháp than dieu.^ Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tường, đạt được an ôn khỏi khô ách, nghe nhiêu, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của minh, đã có thể tuyên bố, thuyết giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên? đã có thể bác bỏ? hàng phục với Chánh pháp, có thể thuyết pháp thần diệu.

1026 KINH TĂNG CHI Bộ

Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đên thời The Tôn diệt độ! Bạch Thê Tôn, đây là lời Thê Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thịnh đạt, phát triển, quảng bá? biến mãn, phổ biến, khéo thuyết giảng cho chư thiên và loài người.,, Nay bạch Thế Tồn5 Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy được thịnh đạt5 phát triển, quảng bá, biến mãn, phổ biến, khéo thuyết giảng cho chư thiên và loài người. Nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! • • -Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ! Và tại đền Cãpãla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành [không duy trì mạng sống lâu hơn nữa]. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động ghê rợn, tóc lông dựng ngược? sấm trời vang dậy. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn hiểu ý nghĩa sự kiện này5 liền thốt ra lời cảm hứng như sau: Mạng sông có hạn hay vô hạn, Tu sĩ từ bỏ không kéo dài, Nội tâm an lạc trú thiền định, Như thoát áo giáp tự ngã mang. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ãnanda suy nghĩ: ^Thật là lớn, đất chấn động này! Thật là to lớn, đất chấn động này, đại địa chấn động, ghê rợn? tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy! Do nhân gì5 do duyên gì, đại địa chấn động hiển iQnhuv^y?59 Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Thật là lớn5 đất chấn động này! Thật là to lớn5 bạch Thế Ton, đất chấn động này, đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm

trời vang dậy! Bạch Thế Tôn, do nhân gì5 do duyên gi, đại địa chấn động hiển lộ như vậy? Này Ảnanda, có tám nhân, có tám duyên, khiến đại địa chấn động. Thế nào là tám? Này Ãnanda, đại địa này thiết lập trên nước? nước ở trên gió và gió ở trên hư không. Này Ãnanda, đến thời gió lớn khởi lên, khi gió lớn thổi lên nước rung động? và khi nước rung động thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ãnanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được tự tại hay hàng chư thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này tu tập địa tưởng có hạn, thủy tưởng vô lượng, vị ây có thê khiên quả đất này rung động, chuyên động, chân động mạnh. Này Ananda, đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai, khiển đại địa chấn động. Lại nữa, này Ananda, khi Bồ-tát từ bỏ thân chư thiên Tusita (Đâu-suất),

chánh niệm5 tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động5 chuyển động9 chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba, khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ãnanda, khi Bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ây quả đất này rung động? chuyên động, chân động mạnh. Này Ananda, đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư, khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ãnanda, khi Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm5 duyên thứ năm? khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyên bánh xe pháp, khi ây quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu9 khiên đại địa chấn động. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống [thọ hành]5 khi ấy quả đất này rung động5 chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ãnanda, khi Như Lai nhập Vô dư Niết-bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động? chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám5 khiên đại địa chấn động. Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này khiên đại địa chân động.

I. KINH LÒNG TIN THỨ NHẤT (Pathamasaddhãsutta) (A. IV. 314) 71. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tinW4 nhưng không có giới; như vậy, vị ấy không đầy đủ chi phân này. Do vậy, cần phải làm đầy đủ chi phần ấy: “Làm thế nào để ta được đầy đủ cả lòng tin và giai?9 Và này các Tỷ-kheo5 khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và giới; như vậy? chi phần ấy được đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng kh6ng nghe nhiều; như vậy5 vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm đầy đủ chi phần ây: "Làm thê nào đê ta được đây đủ cả lòng tin, giới và nghe nhiều.^, Và này các Tỷ-kheo9 khi nào Tỷ-kheo có lòng tin, có giới và có nghe nhiều; như vậy? chi phần ấy được đày đủ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều nhimg không thuyết pháp... ... có thuyết pháp nhưng không sống với hội chúng... ... sống với hội chúng nhưng không vô úy thuyết pháp cho hội chúng... ... vô úy thuyêt pháp cho hội chúng nhimg với bôn thiên thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, chứng được có khó khăn,

chứng được có mệt nhọc5 chứng được có phí sức... ... với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn5 chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; nhưng không đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vị ây không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta được đầy đủ lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, có sống với hội chúng, có vô úy thuyết pháp cho hội chúng, với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn5 chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giói, có nghe nhiều, có thuyết pháp, có sống với hội chúng, có vô úy thuyết pháp cho hội chúng; với bôn thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn?

i°4Xem4IV. 359v. 10.

chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vị ấy được đầy đủ chi phần ấy. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo được tịnh tín hoàn toàn và được viên mãn về mọi phương diện.105106 107

II. KINH LÒNG TIN THỨ HAI (Dutiyasaddhãsutta)^6 (A. IV. 315) 72. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin nhưng không có giới; như vậy5 vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy5 cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta có lòng tin và có gi&i.' Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ- kheo có lòng tin và có giới; như vậy5 chi phàn ấy đã được đầy đủ. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không nghe nhiều... ... có nghe nhiều nhưng không thuyết pháp... ... có thuyết pháp nhưng không sống với hội chúng... ... sông với hội chúng nhưng không vô úy thuyêt pháp cho hội chúng... ... vô úy thuyêt pháp cho hội chúng; nhưng đôi với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, không sống với thân thấm nhuần... ... đối với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, sống với thân thấm nhuần; nhimg không đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy5 vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta có được lòng tin, có giới, có nghe nhiều, là vị thuyết pháp sống với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng; với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các săc thuộc vô săc ây? sông với thân thâm nhuân; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ5 chứng đạt và an trú." Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có lòng tin, có giói, nghe nhiều, thuyêt pháp, sông với hội chúng, vô úy thuyêt pháp cho hội chúng; đôi với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, sống với thân thấm nhuần; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ5 chứng đạt và an trú; như vậy, vị ấy được đầy đủ chi phần ấy. Thành tựu tám chi phần này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được tịnh tín hoàn toàn và được viên mãn về mọi

phương diện. III. KINH NIỆM CHẾT THỨ NHẤT (Pathamamaranassatisutta) i()1 (A, IV. 316) 73. Một thời, Thế Tôn trú ở Nãtika, tại Ginjakavasatha. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

105 Samantapãsãdiko ca hotỉ sabbãkãraparỉpũro. 106Xem^. V. 11. 107 Xem 4 III. 303; IV. 46. Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.40.8. 0741c27).

-Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. rr^ 1 ,1 A A FT^i A r~r^ Ạ . rrii A rry A _ _ ' T Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm sung mãn9 có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy tu tập niệm chết. Được nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 con có tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo? ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế T6n." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch The Ton, con tu tập niệm chet. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo? ông tu tập niệm chết như thế nào? ơ đây, bạch Thê Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong răng ta sông trọn ngày tác ý đến lời dạy của The Ton?9 Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ.kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở đây, bạch Thế Tôn? con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống trọn nửa ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn?5 Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch The Tôn, con tu tập niệm cnet. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? - Ở dây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn một phần đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đen lời dạy của Thế T6n." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở dây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn nửa phân đô ăn khât thực, cho đên khi ây, ta tác ý đên lời dạy của Thê Ton?9 Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở dây, bạch Thế Tôn5 con suy nghi như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đo ăn, cho đến khi ay? ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn.^, Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy9 bạch Thế Tôn? con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? con cũng tu tập niệm chết. Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn và nuôt một miêng đô ăn? cho đên khi ây5 ta tác ý đên lời dạy của Thế T6n." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

Này Tỷ-kheo? ông tu tập niệm chết như thế nào? Ở dây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Cho đến khi nào, sau khi thở vào ta thở ra, hay sau khi thở ra ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế T6n." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết. Được nghe nói như vậy? Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy: Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: yMong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đen lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vay.” Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tap niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống trọn ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy/5 Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo này tu tập niệm chêt như sau: "Mong răng ta sống trọn nửa ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vay.” Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo này tu tập niệm chêt như sau: "Mong răne cho đến khi nào ta còn ăn một phần đồ ăn khat thực5 cho đến khi ấy, ta tác ý đen lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vay." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đên khi nào ta còn ăn nửa phân đô ăn khât thực? cho đên khi ây, ta tác ý đên lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vay." Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ẩy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vay.^ Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt một miêng đô ăn5 cho đến khi ấy, ta tác ý đen lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vay." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chêt như sau: "Mong răng cho

đến khi nào khi thở vào ta thở ra, hay sau khi thở ra ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như V0' Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ấy được gọi là vị sống không phóng dật, tu tập Do vậy, này các Tỷ-kheo? cần rất sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc.108109 phải tu học như sau: "Hãy sống không phóng dật. Ta sẽ tu tập một cách sắc sảo niệm chết, để đoạn diệt các lậu hoặc." Như vậy, này các Tỷ-kheo5 các ông cần phải học tập.

IV KINH NIỆM CHẾT THỨ HAI (Dutiyamaranassatisutta)^ (4 IV. 320) 74. Một thời, Thế Tôn trú ở Nãtika, tại Ginjakavasatha. Tại dấy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: -Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập? được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bât tử? cứu cánh là bât tử. Vậy tu tập niệm chêt như thế nào, làm cho sung mãn niệm chết như thế nào để đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh bất tử? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể căn ta, con bò cạp có thê căn ta, hay con rít có thê căn ta; do vậy5 ta có thê mệnh chung, như vậy sẽ chướng ngại cho ta. Ta có thê vâp ngã và té xuông, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn5 hay mật có thể khuấy động ta, đàm có thể khuấy động ta, các gió như kiếm có thể khuấy động ta, người có thể công kích ta, hay phi nhân có thể công kích ta; do vậy? có thể làm ta mệnh chung, như vậy sẽ là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các

Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: "Ta có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận? nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta" Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác5 bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực? không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy110 hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ây, cân phải tận lực tác động ước muôn5 tinh tân, tinh cân nô lực5 không có thôi chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn9 tinh tấn, tinh cần, nỗ lực5 không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

108 Xem The Path ofPurity, 237; 273. 109 Xem 4 III. 306, 100. 110 Ví dụ được tìm thấy trong A. II. 93; III. 308; V. 93, 99.

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 1033

Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: “Ta không có những pháp ác, bât thiện chưa đoạn tận, nêu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thê là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ5 hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.111 Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi đêm vừa tàn và ngày vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta; do vậy, ta có thể mệnh chung, như vậy sẽ là chướng ngại cho ta. Ta có thê vâp ngã và té xuông, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn5 hay mật có thể khuấy động ta, hay đàm có thể khuây động ta, các gió như kiêm có thê khuây động ta, người hay phi nhân có thể công kích ta; và như vậy có thể làm ta mệnh chung, như vậy sẽ là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ây cân phải suy xét như sau: "Nêu ta còn có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung trong ngày, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: "Ta có những pháp ác, bât thiện chưa được đoạn tận, nêu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn5 tinh cân, tinh tân, nô lực5 không có thôi chuyên, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như5 này các Tỷ-kheo? áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ây? cân phải tận lực tác động ước muôn, tinh tân, tinh cân, nô lực, không có thôi chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần5 nỗ lực5 không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Nêu vị Tỷ-kheo ây? trong khi suy xét biêt được như sau: "Ta không có những pháp ác, bât thiện chưa được đoạn tận, nêu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, niệm về chết tu tập như vậy làm cho sung mãn5 được quả lớn, được lợi ích lớn, thê nhập vào bât tử, cứu cánh là bât tử. V. KINH ĐẦY ĐỦ THỨ NHẤT (PaḶhamasampadãsutta) (Ả. IV. 322) 75. Này các Tỷ-kheo9 có tám đầy đủ này. Thế nào là tám? Đầy đủ sự thao vát, đầy đủ sự phòng hộ? làm bạn với thiện hữu, sống thăng bằng điều hòa, đầy đủ lòng tin, đầy

đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo5 có tám đầy đủ này.

111 Xem MI. 100.

Tháo vát trong công việc,
Không phóng dật, nhanh nhẹn,
Sông đời sông thăng bằng,
Giữ tài sản thâu được,
Có tín đầy đủ giới,
Bố thí không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,
An toàn trong tương lai.
Đây chính là tám pháp,
Bậc tín chủ tầm cầu,
Bậc chân thật tuyên bố,
Đưa đến lạc hai đời,
Hạnh phúc cho hiện tại,
Và an lạc tương lai.
Đây trú xứ gia chủ,
Bố thí tăng công đức.
VI. KINH ĐÀY ĐỦ THỨ HAI (Dutìyasampadãsutía)n2 (Ả. IV. 322) 76. Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này. Thế nào là tám? Đầy đủ sự tháo vát5 đầy đủ sự phòng hộ, làm bạn với thiện hữu, sống thăng bằng điều hòa, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ sự tháo vát? Ở dây, này các Tỷ-kheo? thiện nam tử, phàm làm nghề gì để sinh sống, hoặc nghề nông5 hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò5 hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua5 hoặc bất cứ nghề gi, trong nghề ấy, người ấy thiện xảo? không biết mệt, biết suy tư phương tiện, vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là đầy đủ sự tháo vát. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ sự phòng hộ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, những tài sản của thiện nam tử, do tháo vát. tinh tân thâu hoạch dug do sức mạnh cánh tay chât chứa được, do mô hôi đô ra đúng pháp, thâu hoạch được đúng pháp, vị ấy gìn giữ chúng, phòng hộ và bảo vệ. Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua mang đi, không bị trộm cướp mang di, không bị lửa đốt, không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự không khả ái cướp đoạt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ sự phòng hộ. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là làm bạn với thiện hữu? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đấy có những gia chủ, hay con người gia chủ? những người trẻ được nuôi lớn trong

112 Xem bài kệ trong / IV. 321; GS. IV. 215 (kinh 75 ở trước); 4 IV. 280; GS. IV. 187 (kinh 54 ở trước).

giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ? vị ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với những người ấy. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy theo học đầy đủ lòng tin; với những người đầy đủ giới đức5 vị ấy theo học đầy đủ giới đức; với những người đầy đủ bố thí, vị ấy theo học đầy đủ bố thí; với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy theo học đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là làm bạn với thiện hữu. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là sống thăng bằng điều hòa? Ở dây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập? sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách thăng bằng điều hòa, không quá phung phí, không guá bỏn xẻn. Người ấy suy nghĩ: “Bây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiên xuất của ta, sau khi trừ tiền nhập, còn lại như vây.95 Ví như; này các Tỷ-kheo? người cầm cân hay đệ tử người cầm cân9 sau khi câm cân, biêt răng: "Với chừng ây? cân nặng xuống; hay với chừng ấy, cân bổng len?9 Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, sau khi biêt tài sản xuất, sinh sông một cách điêu hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, người ấy nghĩ răng: "Bây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy.,, Này các Tỷ-kheo? nếu thiện nam tử này, tiền nhập vào ít nhưng sống nếp sống rộng rãi (hoang phí) thời người ta nói về người ấy như sau: "Thiện nam tử này ăn tài sản của người ấy như người ăn trái cây sung.” Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử này có tiền nhập lớn nhưng sống nếp sông cơ cực thời người ta sẽ nói vê người ây như sau: "Thiện nam tử này sẽ chêt như người chết d6i.” Khi nào, này các Tỷ-kheo, sau khi biết tài sản nhập, sau khi biêt tài sản xuât, sông nêp sông thăng băng điêu hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, nghĩ răng: "Nhu vậy5 tiên nhập của ta, sau khi trừ đi tiên xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất, sau khi trừ đi tiền nhập5 còn lại như vay." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nếp sống thăng bằng điều hòa. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là đầy đủ lòng tin? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 thiện nam tử có lòng tin, tin txrởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc? Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngư Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế T6n.” Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là đầy đủ lòng tin. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là đầy đủ giới? Ở đây? này các Tỷ-kheo? thiện nam tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ, không đắm say rượu men rượu nâu. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là đây đủ giới. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là đầy đủ bố thí? Ở đây. này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở? vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích chia sẻ vật dụng bố thí. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ bố thí.

1036 KINH TẢNG CHI BỘ

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ5 trí tuệ? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 thiện nam tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ trí tuệ. Tháo vát trong công việc, Không phóng dật, nhanh nhẹn, Sống đời sống thăng bằng, Giữ tài sản thâu được? Có tín đầy đủ giới5 Bố thí không xan tham, Rửa sạch đường thượng đạo, An toàn trong tương lai. Đây chính là tám pháp, Bậc tín chủ tìm cầu, Bậc chân thật tuyên

bố5 Đưa đến lạc hai đời? Hạnh phúc cho hiện tại, Và an lạc tương lai. Đây trú xứ gia chủ5 Bố thí tăng công đức. VII. KINH ƯỚC MUỐN (Icchãsutta)n3 (A. IV. 325) 77. Tại đấy, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Này các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tồn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này các Hiền giả, có tám hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo troĩiệ khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muôn có lợi dưỡng. Vị ây hăng hái? phân chân, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dâu cho vị ây hăng hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng nhưng lợi dưỡng không đến. Do không được lợi dưỡng, vị ấy sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực5 rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo9 vị ấy được gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; do không được lợi dưỡng, vị ấy sầu muộn, than khóc, bỏ rơi Diệu pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo troriẸ khi sống nhàn tịnh, không có tinh tân, khởi lên ước muôn có lợi dưỡng. Vị ây hăng hái, phân chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do hăng hái? phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng? lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy đắm say, phóng dật, rơi vào trạng thái đắm

113 Xem 4 IV. 292; GS. IV. 194 (kinh 61 ở trước).

say, phóng dật. Đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, hăng hái5 phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, trở thành đắm say, phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn? khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái5 không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy do không được lợi dưỡng nên sầu muộn, than van, khóc lóc. đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Đây gọi là Tỷ-kheo Sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, khôn^ phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; do không được lợi dưỡng nên sâu muộn, than van và bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn? khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tân đê được lợi dưỡng. Dâu vị ây không hăng hái, không phân chân, không tinh tân đê được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ây, vị ây đắm say, phóng dật5 rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn đế được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, bị đắm say, bị phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh? không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ây hăng hái, phân chân, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho vị ấy hăne hái5 phẫn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy dầu không được lợi dưỡng, không sầu muộn, không than van, không khóc I6c, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sông ham muôn lợi dưỡng, hăng hái5 phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; không được lợi dưỡng, không sâu muộn? không than van và không bỏ rơi Diệu pháp. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh? không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng, vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng.

Do vị ấy hãĩiẸ hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ay, vị ẩy không đắm say, không phóng dật5 không có rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Tỷ-kheo sông ham muôn lợi dưỡng, hăng hái, phân chân, tinh tân đê được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật5 không bỏ rơi Diệu pháp. Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, r 9 # 9 -í - e f không tinh tân đê được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ây không được lợi dưỡng, không sầu muộn, không than van, không khóc I6c, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Tỷ-kheo sống ước muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; không được lợi dưỡng, không sâu muộn? không than van, không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh? không có tinh tấn, khởi lên ước muôn có lợi dưỡng. Vị ây không hăng hái, không phân chân, không tinh tân đê được lợi dưỡng. Dâu cho vị ây không hăng hái, không phân chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Vị ấy với lợi dưỡng ấy, không đắm say, không phóng dật, không rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật, không bỏ rơi Diệu pháp. Này các Tỷ-kheo? có tám hạng người này sống có mặt hiện hữu ở đời.

VIII. KINH VỪA ĐỦ (Alamsutta)^ (Å. IV. 328) 78. Tại dấy, Tôn giả Săriputta gọi các Tỷ-kheo: Này chư Hiền, thành tựu sáu pháp5 Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác. Thế nào là sáu? Ở dây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là nẹười suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiêu ý nghĩa, sau khi hiêu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ? làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ các vị đông Phạm hạnh. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự minh, là vừa đủ cho các người khác. Thế nào là năm? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiêu nghĩa, sau khi hiêu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự minh, là vừa đủ cho các người khác. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình5 không vừa đủ cho các người khác. Thê nào là bôn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành

pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt5 lời nói không tao nhã,

114 Xem A. IV. 295; GS. IV. 196 (kinh 62 ở trước). Tám pháp tương ứng với tám cách chia: 1) 6 pháp, 2) 5 pháp, 3) 4 pháp, 4) 4 pháp, 5) 3 pháp, 6) 3 pháp, 7) 2 pháp, 8) 2 pháp.

không phân minh, phát ngôn bập bẹ5 giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ? làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu bốn pháp này, này các Hiền giả, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không có sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt5 lời nói tao nhã? phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyêt giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu bôn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiêu nghĩa, sau khi hiêu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt5 lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ5 giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ9 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo vừa đủ cho tự minh, không vừa đủ cho các người khác. Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ"kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không là người sau khi hiêu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt? lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyêt giảng, khích lệ, làm cho phân khởi5 làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là hai? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa

trong các thiện pháp; không là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ5 giải thích nghĩa lý không minh xác; không

có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; không là người thọ trì các pháp đã được nghe; không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiêu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dê nghe, phát âm tốt? lời nói tao nhã, phân minh5 phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. IX. KINH THỐI ĐỌA (Parihãnasutta) (Ả. IV. 331) 79. Này các Tỷ-kheo, có tám pháp115 này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Thế nào là tám? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chứng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống, ưa thích giao thiệp, ưa thích hý luận. Này các Tỷ-kheo, có tám pháp này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Này các Tỷ-kheo? có tám pháp này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa. Thế nào là tám pháp? Không ưa thích công việc, không ưa thích nói chuyện, không ưa thích ngủ nghỉ, không ưa thích hội chúng, các căn được phòng hộ, tiết độ trong ăn uống, không ưa thích giao thiệp, không ưa thích hý luận. Này các Tỷ-kheo, có tám pháp này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thôi đọa. X. KINH TÁM CĂN cứ ĐỂ BIẾNG NHÁC VÀ TINH TẤN (Kusĩtãrambhavatthusutta)116 (A. IV. 332) 80. Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ này để biếng nhác. Thế nào là tám? Ở dây, này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm, vị ấy nghĩ: "CQ việc ta sẽ phải làm. Nhrnig nếu ta làm, thời thân sẽ mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xu6ng." Vị ây năm xuông, không cô găng tinh tân đê đạt được những gì chưa dạt, đê chứng

115 Xem4 III. 293.

116 Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26. 1536.18. 0440c23)

ĩ , 9

đăc những gì chưa chứng đăc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.117 Này các Tỷ-kheo5 đây là căn cứ biếng nhác thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có việc phải làm. Vị ấy suy nghĩ: "Có việc ta đã làm, do ta đã làm, thân bị mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xu6ng.” Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt. để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ hai. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo cần phải đi. Vị ấy suy nghi: "C6 con đường ta sẽ phải đi, nếu ta đi thời thân sẽ mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xu6ng.” Vị ấy nằm xuong5 không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ- kheo9 đây là căn cứ biếng nhác thứ ba. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? có con đường Tỷ-kheo đã đi. Vị ấy suy nghĩ: “Ta đã đi con duờng, do ta đã đi con đường nên thân bị mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xu6ng." Vị ấy nam xuống, không cố gắng... chưa chứng

ngộ. Này các Tỷ-kheo? đây là căn cứ biếng nhác thứ tư. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đi khât thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: “Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay tế đày đủ như ý muốn; nay thân ta mệt mỏi5 không có thể chịu đựng, vậy ta hãy năm xuông/9 Vị ây năm xuông, không cô găng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ năm. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khât thực trong làng hay trong thị trân, nhận được các đô ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn; nay thân ta nặng nề5 không có thể chịu đựng, nặng nề như loại đậu bị ngâm nước5 vậy ta hãy nằm xuống.59 Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ sáu. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bị bệnh nhẹ. Vị ấy suy nghĩ: "Nay bệnh nhẹ này khởi lên nơi ta, có lý do để nằm xuống, vậy ta hãy nằm xu6ng." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo9 đây là căn cứ biếng nhác thứ bảy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo đau bệnh mới khỏi? mới khỏi bệnh không bao lâu, vị ấy suy nghi: "Ta đau bệnh mới khỏi, mới khỏi bệnh không bao lâu? thân ta do vậy bị yếu, không có thể chịu đựng, vậy ta hãy nằm xu6ng." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa dạt, để 9 _ chứng đăc những gì chưa chứng đăc9 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo5 đây là căn cứ biếng nhác thứ tám. Này các Tỷ-kheo9 đây là tám căn cứ đê biêng nhác.

117 Chủ giải chỉ cho pháp thiền chỉ và thiền quán.

1042 KINH TĂNG CHI Bộ

Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ này để siêng năng. Thế nào là tám? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm. Vị ấy nghĩ: "C6 việc ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc9 thời kh6ng dễ gi để ta tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tần, đe đạt được những gì chưa dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.,, Vị ây băt đâu tinh tân đê đạt được những gì chưa dạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng dắc, để chứng nệộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ nhât. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã làm một công việc. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đã làm một công việc, do ta làm công yiệc9 ta đã khôn^ có thể tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ?5 Vị ấy bắt đàu tinh tấn để đạt được những gì chưa dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ hai. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? có con đường Tỷ-kheo cần phải đi. Vị ấy suy nghĩ: "Ta sẽ cần phải đi con đường, do ta đi con đườn^, không dễ gì để ta tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đau tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt. đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc. đê chứng ngộ những gì chưa chứng ng0." Vị ấy bắt đầu tinh tấn đế đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các

Tỷ-kheo5 đây là căn cứ siêng năng thứ ba. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đi con đường. Vị ây suy nghĩ: “Ta đã đi con đường, do ta đã đi con đường, ta đã không có thê nghĩ đên lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt5 để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ng.” Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa dạt, đế chứng đắc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Ty.kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ tư. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô và loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn? không nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn, do vậy thân ta được nhẹ nhàng, CÓ thê chịu đựng. Vậy trước hêt, ta hãy bắt đâu tinh tân đê đạt được những gì chưa đạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngQ" Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa dạt, để chứng r ĩ 9

đăc những gì chưa chứng đăc9 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo5 đây là căn cứ siêng năng thứ năm. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi khât thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô và loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại

thô hay loại tê đây đủ như ý muôn5 thân ta có sức mạnh5 có thê chịu đựng. Vậy trước hêt. ta hãy bắt đâu tinh tân đê đạt được những gì chưa đạt5 đê chứng đăc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa dạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đăc, đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo5 đây là căn cứ siêng năng thứ sáu. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mới khỏi một bệnh nhẹ. Vị ấy suy nghĩ: "Bệnh nhẹ này khởi lên nơi ta; sự kiện này có xảy ra9 bệnh này có thể tăng trưởng nơi ta. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt. đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngO." Vị ây bắt đâu tinh tân đê đạt được những gì chưa đạt. đê chứng đăc những gì chưa chứng dắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo5 đây là căn cứ siêng năng thứ bảy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mới khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu, vị ấy suy nghi: "Ta mới khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu; sự kiện này có xảy ra, bệnh này của ta có thể trở lại. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc. 9 r \• 9

đê chứng ngộ nhữngL gì chưa chứng r ngO. r ây bắt đâu ? ”-g Vị . tinh tân5 đê đạt được những gì chưa dạt, đê chứng đăc những gì chưa chứng đăc5 đê chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ tám. Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ siêng năng này.

IX. PHẨM NIỆM (SATIVAGGA)

I. KINH CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC (Satisampajannasutta) 118 . IV. 336) 81. Khi chánh niệm tỉnh giác không có5 này các Tỷ-kheo5 với người không có chánh niệm tỉnh giác, tàm quý đi đên hủy diệt. Khi tàm quý không c6, này các Tỷ-kheo, với người thiêu tàm quý5 chê ngự các căn đi đen hủy diệt. Khi chê ngự các căn không c6, với người thiêu chê ngự các căn, giới đi đên hủy diệt. Khi giới không c6, với người thiếu giới5 chánh định đi đến hủy diệt. Khi chánh định không có, với người không có chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy diệt. Khi tri kiến như thật không c6, với người thiếu tri kiến như that, nhàm chán, ly tham đi đến hủy diệt. Khi nhàm chán, ly tham không c6, với người thiếu nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một cây không có cành và lá, các mâm non của cây ây không đi đến thành mãn5 vỏ cây? giác cây? lõi cây không đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi chánh niệm tỉnh giác không c6, với người không có chánh niệm tỉnh giác, tàm quý đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt. Khi chánh niệm tỉnh giác có mặt5 với người có chánh niệm tỉnh giác, tàm quý đi đến đầy đủ. Khi tàm quý có mặt, này các Tỷ-kheo5 với người đầy đủ tàm quý5 chế ngự các căn đi đến đầy đủ. Khi chế ngự các căn có mặt, với người đầy đủ chê ngự các căn, giới đi đên đây đủ. Khi giới có mặt? với người đây đủ giói, chánh định đi đến đầy đủ. Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định? tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiên như thật, thời nhàm chán5 ly tham đi đên đây đủ. Khi nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 một cây có cành và lá, các mâm non của cây đi đên thành mãn5 vỏ cây, giác cây và lõi cây đi đến thành mãn. Cũng vậy5 này các Tỷ- kheo5 khi chánh niệm tỉnh giác có mặt, với người đầy đủ chánh niệm tỉnh giác... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

118 Tham chiếu: Niệm kỉnh ệS (T.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quý kinh (1 0026.45 46. 0486a05-a21); Giới kỉnh (r.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); Cung kỉnh kỉnh (7.01. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(7.02. 0099.495. 0129a09).

CHƯƠNG VIII. TÁM PHÁP 1045

IL KINH TÔN GIẢ PUNNIYA (Punniyasutta)n9 (4 IV 337) 82. Rồi Tôn giả Punniya119 đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một 120121 bên, Tôn giả Punniya bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn5 do nhân gì? do duyên gì, có khi Như Lai thuyết pháp, có khi Như Lai không thuyết pháp? Này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin, không đi đên yêt kiên, Như Lai không có thuyết pháp. Khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và đi đến yết kiến, như vậy? Như Lai có thuyêt pháp. Này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin, có đi đên yêt kiên nhưng không có cung kính... có cung kính nhimg không hỏi... có hỏi nhưng không lóng tai nghe pháp... có lóng tai nghe pháp nhung nghe pháp không có thọ trì... nghe pháp có thọ trì nhưng không suy nghĩ đên ý nghĩa các pháp được thọ trì... có suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi biết nghĩa, sau khi biết pháp, không thực hành pháp và tùy pháp. Như Lai không thuyêt pháp. Khi nào, này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin; có đi đến yết kiến; có cung kính; có hỏi; có lóng tai nghe pháp; có thọ trì pháp; có suy tư đến ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi biết nghĩa, sau khi biết pháp? thực hành pháp và tùy pháp; như vậy, Như Lai có thuyêt pháp. Thành tựu những pháp này, này Punniya, nhât

định Như Lai thuyêt pháp. III. KINH CỘI RỄ CỦA Sự VẬT (Mũlakasuttẩ)m (4 IV. 338) 83. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi: "Thua Hiền giả, tất cả pháp122 lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ tụ hội? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây?^ Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo? các ông trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm cho nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thê Tôn hãy thuyêt ý nghĩa lời nói này! Sau khi nghe Thê Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo5 hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này các Tỵ-kheo5 nếu các du sĩ ngoại đạo có hỏi như sau: "Thua Hiền giả, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ tụ hội? Tất cả pháp lấy gì

119 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.966. 0248al5).

120 Xem toàn bộ kinh này trong V. 154.

121 Tham chiếu: Chư pháp bển kỉnh (01. 0026.113. 0602ỒỒ28); Chư pháp bổn kỉnh

(T.01.0059. 0855c06).

122 Xem toàn bộ kinh này trong ^4. V. 106.

làm thượnẹ thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tat cả pháp lấy gì làm lõi cay?^ Được hỏi như vậy5 này các Tỷ-kheo, các ông hãy trả lời như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ tụ hội.123 Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lõi cây." Được hỏi như vậy5 này các Tỷ-kheo5 các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy. IV. KINH ĂN TRỘM (Corasutta)124 (4 IV. 339) 84. Thành tựu tám chi phần, này các Tỷ-kheo? người ăn trộm lớn mau chóng đi đến đường cùng, không tồn tại lâu dài. Thế nào là tám? Đập người không đập5 lấy trộm không để lại cái gì, giết nữ nhân, hiếp dâm thiếu nữ, xâm phạm người xuất gia, xâm phạm ngân khố của vua5 làm việc quá gần nhà và không khéo cất giấu. Thành tựu tám chi phần này, này các Tỷ-kheo, người ăn trộm lớn mau chóng đi đến đường cùng, không tồn tại lâu dài. Thành tựu tám chi phần nàỵ, này các Tỷ-kheo5 nguôi ăn trộm lớn không mau chóng đi đến đường cùng, tồn tại được lâu dài. Thể nào là tám? Không đập người không đập? lây trộm có đê lại cái gì, không giêt nữ nhân, không hiệp dâm thiếu nữ, không xâm phạm người xuất gia, không xâm phạm ngân khố của vua, không làm việc quá gần nhà và khéo léo cất giấu. Thành tựu tám chi phân này, này các Tỷ-kheo, một người ăn trộm lớn không mau chóng đi đến đường cùng, tồn tại được lâu dài. V KINH VỊ SA-MÔN (Samanasutta) (A, IV. 340) 85. Sa-môn, này các Tỷ-kheo5 là đông nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Bà-la-môn5 này các Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với Như Lai? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Chánh Trí, này các Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa vơi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Dược Su, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Ly cấu, này các Tỵ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Vô Cấu, này các Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Có Trí, này các Tỷ-kheo5 là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Giải Thoát, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sa-môn đạt được gì,125 Phạm chí thành mãn gì, Bậc Chánh Trí đạt gì5

123 XemD. 11.61. 124 Xem^.L 15; III. 128. 125 Chủ giải viết guụa là đức hạnh, thiện tánh.

Bậc Dược Sư vô thượng, Bạc Ly cấu đạt gi, Bậc Vô Cấu thanh tịnh, Bạc Trí đạt được gì, Bậc Giải Thoát vô thượng. Trong chiến trận Ta thắng, Giải thoát khỏi triền phược, Vòi tối thượng nhiếp phục, Ta vô học, tịch tịnh. VL KINH DANH VỌNG (ĩàsasutta)n6 (4 IV. 340) 86. Mọt thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với chúng Tỷ- kheo.:z đi r đến * một2 làng Bà-la-môn của 9 dân chúng J Kosala tên là Icchãnaốgala. D 127 126 Tại dây, Thê Tôn trú ở Icchãnaốgala, tại khu rừng Icchãnaủgala. Các Bà-la-môn gia chủ128 trú ở Icchãnangala được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đã đến Icchãnangala, trú ở Icchãnaồgala, tại khu rừng Icchãnangala; những tiêng đôn tôt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải? Vô Thượng Sĩ, Điều Ngu Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.5... Lành thay, nếu được yết kiên một bậc A-la-hán như vậy!95 Rồi các Bà-la-môn gia chủ. sau khi đêm ây đã mãn, đem theo rât nhiêu đô ăn loại cứng và loại mêm, đi đên Icchãnaốgala; sau khi đến, đứng tại ngoài cổng nói lớh tiếng làm ồn ào. Luc bay giờ, Ton gia Nagita la thi gia cua The Ton. Roi Thê Tôn bảo Tôn giả Nãgita: Này Nãgita, những ai lớn tiếng, cao tiếng như những người hàng cá với đống cá lớn? Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Bà-la-môn gia chủ ở Icchãnaồgala đang đứng ở ngoài cổng vào? đem theo rât nhiêu đô ăn loại cứng và loại mềm cúng dường Thế Tôn và chúng Tăng. Này Nãgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nãgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ôn lạc, viên ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn? tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân5 thụy miên lạc9 lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc ấy.129 Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận!

126 Bản tiếngAnh của PTS: Homage, nghĩa ỉừĐảnh lễ. Tham chiếu: Tạp.(02.0099.1250.0343b07). 127 XemD.L 87; DA. I. 244; M. n. 196; s. V. 325; Sn. 116. 128 Đoạn đầu của kinh này xem A. I. 180; D. I. 87, 150; s. V. 352; Ud. 78. Phần sau của kinh, xem A. III. 30,341. 129 Lãbhasakkărasỉlokasukham.

T") c 1 rpi Ấ rpI 5 J1 X • ry^i Ấ rp/\ 1 Ắ 1 rpĩi Á FT1 X m 4Ẩ 1 \ 4 • Bach The Ton, nay la thời The Ton cnap nhanv The Ton sẽ đi đen cho nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và quốc độ ấy cũng sẽ đi đến với tâm hướng về Ngài. Ví như trời mưa nặng hạt,13? và nước mưa được chảy tùy theo chiều dốc; cũng vậy, bạch Thế Ton, nay Thế Ton sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở tại thị trân và quôc độ ây cũng sẽ đi đên với tâm hướng về Ngài. Vì sao? Bạch Thế Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn. Này Nãgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nãgita, những ai tìm được có khó khăn5 tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc5 chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc5 tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân5 thụy miên lạc? lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc ấy. Này Nãgita, một số chư thiên tìm được có khó khăn? tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc9 an tịnh lạc? chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức. Này Nãgita, khi nào các ông họp với nhau, tụ hội với nhau, sống an trú chú tâm trong nếp sống hội chúng, thời Ta suy nghĩ như sau: "Thật vậy5 các Tôn giả này của Ta tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc này; còn Ta, Ta đã tìm được không có phí sức an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc5 chánh giác lạc; cho nên các Tôn giả của Ta mới họp với nhau, tụ hội với nhau, sống an trú chú tâm trong nếp sống hội chiing." Này Nãgita, khi nào Ta thấy các Tỷ-kheo chơi giỡn, lấy ngón tay đâm thọc 131 Này Nãgita? Ta suy nghĩ như sau: "Thật vậy, các Tôn giả này của Ta tìm nhau.130 được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc5 tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; còn Ta, Ta đã tìm được... chánh giác lạc; cho nên các Tôn giả của Ta mới chơi giỡn, lấy ngón tay đâm thọc nhau." Ở đây5 này Nãgita, khi Ta thấy các Tỷ-kheo sau khi ăn cho đến thỏa mãn, cho đên bụng có thê chứa được5 rôi sông chú tâm vào lạc năm xuông, lạc vê xúc? lạc về ngủ? khi ấy, này Nãgita, Ta suy nghĩ như sau: "That sự, các Tôn giả này tìm được có khó khăn5 tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; còn Ta, Ta tìm được không khó khăn? tìm được không mệt nhọc5 tìm được không phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; vì rằng các Tôn giả này5 sau khi ăn cho đến thỏa mãn9 cho đên bụng có thê chứa được, rồi sông chú tâm vào lạc năm xuông5 lạc về xúc, lạc về ngiỉ." Ở đây5 này N§ita, Ta thấy một Tỷ-kheo trú ở cuối làng, dang ngồi thiền định, này Nãgita, rôi Ta suy nghĩ: "Nay người giữ khu vườn sẽ đên quấy rầy, hay một Sa-di sẽ làm vị ấy từ bỏ thiền định.5, Do vậy, này Nãgita, Ta không hoan hỷ Tỷ-kheo ấy trú ở cuối làng.

130 Ví dụ này, xem 4 I. 243; II. 140; V. 114; s. II. 32; Miỉn. 57. 131 Anguỉỉpatodakena saĩyagghante. Xem D. I. 91.

Ở đây, này Năgita, Ta thấy một Tỷ-kheo trú ở rừng, đang ngồi ngủ gục ở này Nãgita, Ta suy nghĩ như sau: "Nay Tôn giả này khi đoạn trừ trong rừng,132133 134 được buồn ngủ

và mỏi mệt, sẽ tác ý đến tưởng về rừng và sống nhất tâm.^, Do vậy, này Nãgita, Ta hoan hỷ với Tỷ-kheo ây sông ở trong rừng. Ở đây, này Nãgita, Ta thấy một Tỷ-kheo sống ở rừng, đang ngồi không thiên định ở trong rừng, này Nãgita, Ta suy nghĩ như sau: "Nay vị Tôn giả này sẽ định tĩnh tâm chưa được thiền định và sẽ bảo vệ tâm đã được thiền dậih." Do vậy, này Nãgita, Ta hoan hỷ với Tỷ-kheo ây sông ở trong rừng. Ở dây, này Nãgita? Ta thấy một Tỷ-kheo ngồi thiền định ở trong rừng, này Nãgita, Ta suy nghĩ như sau: "Nay Tôn giả này sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát hay sẽ bảo vệ tâm đã được giải thoát.Do vậy, này Nãgita, Ta hoan hỷ với Tỷ-kheo sống ở trong rừng. Khi nào, này Nãgita, Ta đi trên đườnệ, không thấy một ai ở phía trước hay ở phía sau, này Nãgita, khi ấy, Ta cảm thẩy an ổn cho đến vấn đe đại, tiểu tiện.

VII. KINH LẬT ÚP BÌNH BÁT (Pattanikujjanasutta) U3 (À. IV. 344) 87. Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này. Thế nào là tám? cố gắng đem lại thiệt hại cho các Tỷ-kheo? cố gắng đem lại bất lợi cho các Tỷ-kheo5 cố gắng đuổi các Tỷ-kheo không cho trú ở, mắng nhiếc chỉ trích các T,-kheo, làm ly gián giữa các Tỷ-kheo5 hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này. Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật ngửa bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này. Thế nào là tám? Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các Tỷ-kheo5 không cố gắng đem lại bât lợi cho các Tỷ-kheo, không cô găng đuôi các Tỷ-kheo không cho trú ở, không mắng nhiếc chỉ trích các Tỷ-kheo5 không làm ly gián giữa các Tỷ-kheo, tán thán Phật? tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Này các Tỷ-kheo9 nêu muôn, chúng Tăng có thê lật ngửa bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này. VIII. KINH NÓI LỜI PHẢN ĐỐI (Appasãdapavedanĩyasuttd)^ (Ả. IV. 345) 88. Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời phản đối. Thế nào là tám? cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ, nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, làm ly gián giữa các gia chủ? hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng chúng Tăng, thây người ấy tại các chỗ không xứng đáng.

132 Pacalãyamãna. Xem 4 IV. 84. 133 Bản tiếng Anh của PTS: The Bowl, nghĩa là Bình bát. 134 Bản tiếng Anh của PTS: Disapproval, nghĩa là Phản đối.

Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo? nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời phản đối. Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn5 có thể nói lời tùy thuận. Thế nào là tám? Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, không cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ5 không nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, không làm ly gián giữa các gia chủ, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng, thấy người ấy tại các chỗ xứng đáng. Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời tùy thuận. IX. KINH YẾT-MA BUỘC TỘI (Patisãranĩyasutta)Ỵ35 (A. IV. 346) 89. Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể làm Yet-ma buộc tội.135 Thế nào là tám? 136137 Cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, cố gắng đem

lại bất lợi cho các gia chủ5 nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ? làm ly gián giữa các gia chủ? hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng chúng Tăng5 không thực hiện (saccãpetí) lời hứa đúng pháp với các gia chủ. Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp này5 này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể làm Yết-ma buộc tội. Đôi với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nêu chúng Tăng muốn? chúng Tăng có thể giải tỏa Yết-ma buộc tội. The nào là tám? Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, không cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ, không nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, không cố gắng ly gián giữa các gia chủ, không hủy báng Phật, không hủy báng Pháp5 không hủy báng chúng Tăng, thực hiện lời hứa đúng pháp với các gia chủ. Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể giải tỏa Yết-ma buộc tội. X. KINH HÀNH XỬ ĐÚNG PHÁP (Sammãvattanasutta)^ (Â. IV. 347) 90. Này các Tỷ-kheo, vơi Tỷ-kheo đã bị hành xử tìm tội Yet-ma, cần phải chơn chánh hành xử với vị ấy theo tám pháp: Không cho phép truyền Đại giới, không cho vị ấy y chi, không cho Sa-di hầu hạ, không cho phép được nói gì với Tỷ-kheo dầu đã chấp nhận? không cho phép giáo giới các Tỷ-kheo-ni, không được hưởng các quyết định của Tăng chúng, không được đặt trong một vị trí đặc biệt nào, không được phép trở lại vị trí cũ bởi bất cứ lý do nào. Này các Tỷ-kheo, yới Tỷ-kheo đã bị hành xử tìm tội Yết-ma, cần phải chơn chánh hành xử với vị ấy theo tám pháp này.

135 Bản tiếng Anh của PTS: Expiation, nghĩa là Buộc tội. 136 Patỉsãrariĩyakammam kareyya. 137 Xem M. II. 249; Vin. II. 86.

X. PHẨM TƯƠNG Tự (SAMANNAK4GGA)m (A. IV. 347) 91-116. Rồi nữ cư sĩ BojjhSirĩmã...? Padumã..., Sutanã..., Manujã...? Uttarã..., Mutt..Khemã..., Rucí...Cundĩ..., Bimbĩ..., Sumanâ..., Mallikã..., Tiss..mẹ của Tissã..., Sonã..., mẹ của Sonã...9 Kãnã...? mẹ của Kãnã..., Uttarã mẹ của Nanda...Visãkhã mẹ của Migãra..., nữ cư sĩ Khụjjuttarã...? nữ cư sĩ Sãmãvatĩ..., Suppavãsã thiếu nữ Koliya..., nữ cư sĩ Suppiyã..., nữ gia chủ mẹ củaNakula...*

138 Bản tiếng Anh của PTS: Some Female Lay-disciples, nghĩa là Một số nữ cư sĩ.

XL PHẦM THAM LƯỢC THUYẾT (RÃGAPEYYÃLA) 39 (A. IV 348)

117. Này các Tỷ-kheo, muôn thăng tri tham ái, tám pháp cân phải tu tập. Thế nào là tám? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tân, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, muôn thăng tri tham ái, tám pháp này cần phải tu tập. 118. Này Theni) các Tỷ-kheo, la tóm? y muốn thắng 140 cần phải tu tập. tri tham ái, tám pháp139 '

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ nhất. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận

thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng5 ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ hai. Một vị quán tưởng nội vô săc, thây các loại ngoại săc5 có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba. Một vị quán tưởng nội vô săc5 thây các loại ngoại săc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tư. Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình săc . xanh, ánh__sáng xanh. r Vị' ây nhận thức răng: "Sau khi nhiêp thăng chúng, ta biêt, ta thây.^, Đó là thăng xứ thứ năm. Một vị quán tưởng nội vô sắc5 thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc . (vàngí5 ánh vàng, hình săc 7 sáng vàng. Vị ây nhận thức răng: "Sau khi nhiêp thăng chúng, ta biêt5 ta th2y." Đó là thăng xứ thứ sáu. Một vị quán tưởng nội vô săc, thây các loại ngoại săc màu đỏ5 tướng săc đỏ5 hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ bảy. Một vị quán tưởng nội vô săc5 thây các loại ngoại săc màu trăng, tướng

139 Trong bản tiếng Anh của PTS, 3 kinh (từ 117-119) có cùng tên là The Understanding of Passion, nghĩa là Thắng tri tham. Các kinh từ 120-146 có cùng tên: OfPassion, nghĩa là về tham. I4xem4 IV. 303.

săc trăng5 hình săc trăng, ánh sáng trăng. Vị ây nhận thức răng: “Sau khi nhiêp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ tám. Này các Tỷ-kheo5 muôn thăng tri tham ái, tám pháp này cân phải tu tập. 119. Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp cần phải tu tập. Thế nào là tám? r r ĩ ỉ r r Tự mình có săc, thây các săc; Quán tưởng nội săc là vô săc, thây các loại ngoại săc; Chú tâm trên suy tưởng [săc là] tịnh; Vượt khỏi hoàn toàn săc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đôi, không tác ý đên những khác biệt? với suy tư hư không là vô biên, chứng và trú Không vô biên xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô bien", chứng và trú Thức vô biên xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gi”chứng và trú Vô sở hữu xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Này các Tỷ-kheo9 muốn thắng tri tham ái, tám pháp này cần phải tu tập. 120-146. Này các Tỷ-kheo, muôn liêu tri tham ái... muôn tận diệt tham ái... muôn đoạn" tận tham ái... ỉ muôn trừ diệt tham ái...z muôn hủy diệt tham ái... r muôn ly tham tham ái... muôn đoạn diệt tham ái... muôn trừ khử tham ái... muôn từ bỏ tham ái... tám pháp này cần phải tu tập. 147-626.141 Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... giả dối... não hại... tật đố... xan lẫn... lừa đảo... man trá... ngoan cố... bồng bột (hung hăng)... mạn... tăng thượng mạn... đắm say... phóng dật... muốn liễu tri... muốn diệt tận... muốn đoạn tận... muốn trừ diệt... muốn hủy diệt... muôn ly tham... muôn đoạn diệt... muôn trừ khử... muôn xóa bỏ phóng dật... tám pháp này cần phải tu tập.

141 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 147-626 thuộc mục V. Of Other Conditions, nghĩa là Các pháp khác.

CHƯƠNG IX CHÍN PHÁP (NAVAKANIPẪTA}

I. PHẨM CHÁNH GIÁC (SAMBODHIVAGGA)

I. KINH CHÁNH GIÁC (Sambodhisuttd) Ỵ (4 IV. 351)

1. Như vây tôi nghe.

Một thời, Thê Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika.

Tại đây, The Tôn gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo!

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Thua chư Hiền, các pháp chánh giác phân1 2 lây gì làm sở y đê tu tập?" Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo, các ông trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như thế nào? Bạch Thế Tôn? đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo5 lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Thật lành thay, bạch The Ton, The Ton hãy nói len y nghĩa của lời nói nay! Sau khi nghe Thê Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. rr^ 7 1 i /X _ 4. r_ . ỉ rr'i _ rr^i FT^i A Ạ -_ _ • i _ Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Thua chư Hiền, các pháp chánh giác phần? lấy gì làm sở y để tu tap?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo? các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "d đây? thưa chư Hiền, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này chư Hiên, đây là sở y thứ nhât đê tu tập các pháp chánh giác phần." "L@i nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo có gi&i, sông được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bôn (Pãtimokkhă). đây đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các

1 Tham chiếu: Tức vị Tỷ-kheo thuyết kỉnh (7.01. 0026.57. 0492al3). 2 Sambodhapakkhika'. Chánh giác phần.

lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này chư Hiền, đây là sở y thứ hai để tu tập các pháp chánh giác phần.,, "Lại nữa, này chư Hiền, câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến A — — A fJ J _ _ f > A • /K J F _ 0.7

Á • Ạ 1 1 A tâm được rộng mở như luận vê ít dục, luận ve Diet đủ? luận vê viên ly? luận vê không tụ hội5 luận vê tinh cân tinh tân, luận vê giới, luận vê định, luận vê tuệ5 luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này chư Hiền, đây là sở y thứ ba để tu tập các pháp chánh giác phần." "Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo sông tinh cân tinh tân đê đoạn tận các pháp bất thiện, để thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì5 không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này chư Hiền, đây là sở y thứ tư để tu tập các pháp chánh giác phần." "Lại nữa, này chư Hiền? Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này chư Hiền, đây là sở y thứ năm để tu tập các pháp chánh giác phần/5 Này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Sẽ giữ giới, sẽ sống được bảo vệ với sự

bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm rộng mở như luận về ít dục... những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc5 có được không phí sức. Này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Sẽ sống tinh càn tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện... trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Sẽ có trí tuệ5 thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Và này các Tỷ-kheo? khi Tỷ-kheo ây đã trú trong năm pháp này, bôn pháp nữa cần phải tu tập: cần phải tu tập tưởng bất tịnh để đoạn tận tham ái, cần phải tu tập từ tâm đê đoạn tận sân, cân phải tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra đê cắt đứt tầm5 cần phải tu tập tưởng vô thường để phá hoại ngã mạn. Này các Tỷ- kheo, với Tỷ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được an trú; với Tỷ-kheo có tưởng vô ngã, ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại đạt được Niết-bàn. II. KINH Y CHÍ (Nissayasutta) (A. IV. 353) 2. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Đầy đủ y chí, đầy đủ y chí, bạch Thế Tôn, được nói lên như vậy. Bạch Thế Tôn5 cho đến như thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ y chỉ?

Nêu Tỷ-kheo y chỉ lòng tin, đoạn tận bât thiện5 tu tập thiện, như vậy với vị ây9 bât thiện được đoạn tận. Nêu Tỷ-kheo ỵ chỉ tàm (xâu hô)... Nêu Tỷ-kheo y chỉ sợ hãi tội lỗi... Nếu Tỷ-kheo y chỉ tinh tấn... Nếu Tỷ-kheo y chỉ trí tuệ, đoạn tận bât thiện, tu tập thiện, như vậy với vị ây, bât thiện được đoạn tận. Như vậy5 Tỷ-kheo ấy đã đoạn tận, đã khéo đoạn tận bất thiện, khi bất thiện ấy được thấy với Thánh trí tuệ và được đoạn tận. Này các Tỷ-kheo? sau khi Tỷ-kheo ấy an trú trong năm pháp này, có bốn pháp nữa vị ấy phải y chỉ.3 Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi cân nhắc, thực hành một sự; sau khi cân nhăc, kham nhân một sự; sau khi cân nhăc, từ bỏ một sự; sau khi cân nhắc, trừ sạch một sự.4 Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo đầy đủ y chỉ. III. KINH TÔN GIẢ MEGHIYA (Meghiyasuttă)5 (4 IV. 354) 3. Một thòi, Thế Tôn trú ở Cãlikã, tại núi Cãlikã. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Meghiya6 là thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn;7 sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thê Tôn: - Bạch Thế T6n, con muốn đi vào làng Jantu để khất thực. Này Meghiya, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời. Rôi Tôn giả Meghiya vào buôi sáng, đăp y, câm y bát đi vào làng Jantu đê khất thực. Sau khi khất thực ở làng Jantu xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về5 đi đến bờ sông KimikãỊã. Trong khi bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông KimikãỊã, Tôn giả Meghiya thấy một rừng xoài đẹp đẽ khả ái; thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Rừng xoài này thật là đẹp đẽ, khả ái! Vậy thật là vừa đủ để cho thiện nam tử ưa thích tinh cần đế tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận, ta sẽ đi đên rừng xoài này đê tinh cân." Rồi Tôn giả Me^hiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lẹ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Meghiya

bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn5 ở đây, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào làng Jantu để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn5 trên con đường trở về, con đi đến bờ sông KimikãIã. Bạch Thế Tôn? khi con bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông KimikãIã, con thấy một rừng xoài đẹp đẽ khả ái; thấy vậy, con suy nghĩ như sau: “Rừng xnài này thật đẹp đẽ Hiả ái! Vậy thật là vừa đủ cho thiện nam tử ưa thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận, ta sẽ đi đến rừng xoài ây đê tinh c2n."

3 Upanỉssãya vỉhãtabbã. Xem M. II. 3.

4 Cattãrỉ apassenãnỉ'. Bốn y chỉ, chống đỡ. Xem 4 V. 30; D. III. 224.

5 Tham chiếu: Dỉ-ê kỉnh (T.01. 0026.56. 0491al4).

6 về Meghiya, xem Pss. Breth. 350, 67.

7 Kinh này được tìm thấy trong Ud. 34.

Hãy chờ đợi5 này Meghiya,8 cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt? vì chúng ta chỉ có một mình. Lần thứ hai5 Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: -Bạch Thê Tôn, đôi với The Ton không có gì nữa cân phải lam thêm, không có cái gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Còn con, bạch Thế Tôn, có sự việc cần phải làm thêm, còn có việc cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần. Hãy chờ đợi, này Meghiya, cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt5 vì chúng ta chỉ có một mình. Lần thứ ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: Bạch Thê Ton, Thê Tôn không co gì nữa can phải làm thêm, khong co cai gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Còn con, bạch Thê Tôn, có sự việc cần phải làm thêm? còn có việc cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần. -Này Meghiya, khi ông đã nói tinh cần, thời Ta có thể còn nói gì nữa! Vậy này Meghiya, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời. Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn? thân phía hữu hướng vê Ngài, ra đi đến rừng xoài ấy; sau khi đến? đi sâu vào rừng xoài, rồi ngồi nghỉ ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng ấy, phần lớn ba ác5 bất thiện tầm hiện hành, tức là dục tầm, sân tầm và hại tầm. Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau::'That kỳ lạ thay! Thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia dinh, nhưng ba ác5 bất thiện tầm này xâm nhập, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm.” Rồi Tôn giả Meệhiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngoi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn: Ở đây? bạch Thế Tôn, khi con sống tại rừng xoài ấy, ba ác, bất thiện tầm hiện hành, tức là dục tầm? sân tầm, hại tầm. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay! Thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng ba ác, bất thiện tầm này xâm nhập, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm.n Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, năm pháp đưa đến thuần thục. Thế nào là năm? Ở đây, này Meghiya, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ nhất đưa đến thuần thục. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo có giới, sông được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn (Pãtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học

trong các học pháp. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ hai đưa đển thuẩn thục.

8 AA. IV 358: Thế Tôn ngăn chặn Meghiya vì biết Meghiya chưa đủ sức để đạt đến trí tuệ.

Lại nữa, này Meghiya, câu chuyện này có khả năng đoạn giảm5 đưa đến tâm được rộng mở như luận về ít dục5 luận về biết đủ? luận về viễn ly, luận về không tụ hội, luận về tinh cần tinh tấn, luận về giới, luận về định, luận về tuệ? luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc? có được không phí sức. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục5 đây là pháp thứ ba đưa đến thuần thục. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bât thiện, đê được đây đủ các pháp thiện, nô lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này Meệhiya, với tâm giải thoát chưa được thuân thục, đây là pháp thứ tư đưa đên thuân thục. Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt5 trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ năm đưa đến thuần thục. Này Meghiya, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Sẽ sống có giới, được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này Meghiya, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm rộng mở như luận về ít dục... những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc? có được không phí sức. Này Meghiya, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ sống tinh cần tinh tấn... không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này Meghiya, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu5 được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ có trí tuệ... chơn chánh đoạn tận khổ đau. Và này Meghiya, khi Tỷ-kheo ấy an trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập: Tu tập tưởng bất tịnh để đoạn tận tham ái, tu tập từ bi để đoạn tận sân? tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra để cắt đứt tầm5 tu tập tưởng vô thường để phá hoại ngã mạn. Này Meghiya, với Tỷ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được tồn tại; có tưởng vô ngã? thời ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại đạt được Niêt-bàn. IV KINH TÔN GIẢ NANDAKA (Nandakasuttảỷ (À. IV. 358) 4. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ? Tôn giả Nandaka đang thuyết pháp cho các Tỷ- kheo trong hội trường, thuyết giảng, khích lệ? làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường; sau khi đến, đứng ngoài cửa hội trường, chờ đợi cho cuộc thuyết giảng chấm dứt.

9 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.11. 0073a02).

Biết được bài giảng đã chấm dứt, Thế Tôn đằng hắng và gõ vào then cửa. Các Tỷ-kheo ấy mở cửa cho Thế Ton. Rồi Thế Tôn bước vào hội trường và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn bảo Tôn giả Nandaka: —Dài thay, này Nandaka, là pháp môn này, ông đã giảng cho các Tỷ-kheo! Lưng Ta đã mỏi khi đứng ở ngoài cửa, chờ cho buổi thuyết giảng chấm dứt. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Nandaka lấy làm bối rối bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? chúng con không biết Thế Tôn đứng ở ngoài cửa. Nếu chúng con biết Thế Tôn đứng ở ngoài cửa, thời chúng con đã không nói dài như vậy. Thế Tôn sau khi biết tâm trạng bối rối của Tôn giả Nandaka, liền nói với Tôn giả Nandaka: Lành thay, lành thay, này Nandaka! Thật là xứng đáng cho các thiện nam tử5 các ông vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, các ông ngôi lại với nhau đê nghe pháp. Này Nandaka, khi các ông hội họp với nhau, này Nandaka, có hai việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ yên lặng của bậc Thánh. Này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin nhưng không có giới, như vậy vị ấy không đầy đủ về chi phần ấy; do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào ta có lòng tin và có giới?5 Và khi nào, này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin và có giới, như vậy vị ấy đầy đủ về chi phần ấy. Và này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin và có giới nhưng nội tâm không được tịnh chỉ, như vậy vị ây không đây đủ vê chi phân ây; do vậy5 cân phải làm cho đây đủ vê chi phân ây: "Làm thê nào ta có lòng tin, có giới và có được nội tâm tịnh chí?" Và khi nào, này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới và có được nội tâm tịnh chí, như vậy vị ấy đầy đủ về chi phần ấy. Và này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin5 có giới và có được nội tâm tịnh chỉ nhxmg không có được tăng thượng tuệ pháp quán, như vậy vị ây không đây đủ vê chi phân ây; do vậy, cân phải làm cho đầy đủ về chi phần ấy: "Làm thế nào ta có lòng tin, có giói, có được nội tâm tịnh chí, và có được tăng thượng tuệ pháp qu9n?" Và khi nào5 này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có được nội tâm tịnh chỉ và có được tăng thượng tuệ pháp quán, như vậy vị ây đây đủ vê chi phân ây. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, bước vào tinh xá. Rồi Tôn giả Nandaka, khi Thế Tôn đi không bao lâu, gọi các Tỷ-kheo: Nay, này chư Hiền? Thế Tôn với bốn câu, sau khi thuyết trình Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, từ chỗ ngồi đứng dậy? đã đi vào tinh xá: "Này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin... như vậy vị ấy được đầy đủ với chi phần ấy.” Này chư Hiền, có năm lợi ích này, do nghe pháp đúng thời và luận đàm về pháp đúng thời. Thế nào là năm?

Ở dây, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo? sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này chư Hiên, nhiêu như thê nào, như thê nào, vị Tỷ-kheo thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo5 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy5 như vậy5 vị ấy ái mộ bậc Đạo su, thích ý? kính trọng và noi gương theo. Thưa chư Hiền, đây là lợi ích thứ nhất do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp. Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo? sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa... đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiêu như thê nào, như thê nào, Tỷ-kheo

thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đây đủ trong sạch, nhiêu như vậy5 như vậy5 vị ây thọ trì vê nghĩa, thọ trì về pháp. Thưa chư Hiền, đây là lợi ích thứ hai do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp. Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo5 sơ thiện... đây đủ trong sạch. Này chư Hiên, nhiêu như thê nào, như thê nào, vị ây thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo5 sơ thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy5 như vậy? vị ấy sau khi thể nhập nghĩa cú thâm sâu trong pháp ấy, vị ấy thấy. Này chư Hiền, đây là lợi ích thứ ba do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo? sơ thiện... đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào5 như thế nào, vị ấy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy5 như vậy, các vị đông Phạm hạnh tôn trọng noi gương thêm nữa9 nghĩ răng: ây đã chứng hay sẽ chứng.,, Này chư Hiền, đây là lợi ích thứ tư do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp. Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo5 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện5 có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào5 như thế nàTỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo5 sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Ở dây, các Tỷ-kheo nào là Hữu học? tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các khổ ch, họ được nghe pháp ấy, khởi lên tinh tấn để chứng đạt được những gì chưa được chứng dạt, đê chứng đăc những gì chưa được chứng dăc, đê chứng ngộ những gì chưa được chứng ngộ. Còn các Tỷ-kheo nào ở đây là các bậc A-la- hán, các lậu hoặc đã đoạn tận9 tu hành thành mãn? các việc nên làm đã làm5 đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã đoạn trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát; những vị ây sau khi nghe pháp, sông chú tâm vào hiện tại lạc trú. Này chư Hiền5 đây là lợi ích thứ năm do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp. Này chư Hiền, đó là năm lợi ích do nghe pháp đúng thời, và do đàm luận về pháp đúng thời.

1062 KINH TĂNG CHI Bộ

V. KINH NHỮNG sức MẠNH (Baỉasutta) (A. IV. 363) 5. Này các Tỷ-kheo9 có bốn sức mạnh10 này. Thế nào là bốn? Tuệ lực, tấn lực? vô tội lực, năng nhiếp lực. Và này các Tỷ-kheo thế nào là tuệ lực? Những pháp nào bất thiện được xem là bất thiện, những pháp nào thiện được xem là thiện; những pháp nào có tội được xem là có tội, những pháp nào vô tội được xem là vô tội; những pháp nào đen được xem là đen, những pháp nào trắng được xem là trắng; những pháp nào không nên thực hiện được xem là không nên thực hiện, những pháp nào nên thực hiện được xem là nên thực hiện; những pháp nào không xứng đáng bậc Thánh được xem là không xứng đáng bậc Thánh, những pháp nào xứng đáng bậc Thánh được xem là xứng đáng bậc Thánh. Những pháp ây cân phải được khéo quán sát, khéo thâm sát với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là tuệ lực. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực? Những pháp nào bât thiện được xem là bât thiện, những pháp nào có tội được xem là có tội? những pháp nào đen được xem là đen? những pháp nào không nên thực hiện được xem là không nên thực hiện, những pháp nào không xứng đáng bậc Thánh được xem là không xứng đáng bậc Thánh; đối với các pháp ấy, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm để đoạn tận. Những pháp nào thiện được xem là thiện, những pháp nào không có tội được xem là

không có tội, những pháp nào trắng được xem là trắng, những pháp nào nên thực hiện được xem là nên thực hiện, những pháp nào xứng đáng bậc Thánh được xem là xứng đáng bậc Thánh; đối với các pháp ấy, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm để chứng được. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn lực. Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô tội lực? Ở qây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu thân nghiệp vô tội? thành tựu khẩu nghiệp vô tội, thành tựu ý nghiệp vô tội. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô tội lực. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là năng nhiếp lực? Này các Ty.kheo, có bốn nhiếp pháp này: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Tối thượng trong các loại bố thí, này các Tỷ-kheo9 là pháp thí. Tối thượng trong các loại ái ngữ, này các Tỷ-kheo, là tiếp tục thuyết pháp cho những ai hy cầu và lóng tai nghe. Tối thượng trong các lợi hành, này các Tỷ-kheo5 là đối với người không có lòng tin, khích lệ? đặt vào? an trú vào đầy đủ lòng tin; đối với người không giữ giới? khích lệ9 đặt vào, an trú vào đây đủ giới; đôi với người xan tham, khích lệ5 đặt vào, an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ? đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tối thượng trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự Lưu với bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc

10 Bốn sức mạnh này, xem 4 II. 142; IV. 2; D. III. 152.

Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo? đây là sức mạnh năng nhiếp. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn sức mạnh. Thành tựu bôn sức mạnh ây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua năm sợ hãi. Thế nào là năm? Sợ hãi vê sinh sông, sợ hãi vê tiêng đôn xâu, sợ hãi vê xâu hô trong hội chung, sợ hãi về chết, sợ hãi về ác thú. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy thẩm sát như sau: “Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi vê sinh sông. Vì sao ta sẽ không có sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống? Ta có bốn lực này: Tuệ lực, tinh tấn lực, vô tội lực, nănẹ nhiếp lực. Kẻ ác tuệ có thể sợ hãi9 sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ biếng nhác có the sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tội có thể sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ không năng nhiep có thể sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Ta không có sợ hãi9 sự sợ hãi về tiếng đồn xấu... Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi vê xâu hô trong hội chúng... Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi vê chêt... Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú. Vì sao ta sẽ không có sợ hãi. sự sợ hãi về ác thú? Ta có bốn lực này: Tuệ lực, tinh tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực. Kẻ ác tuệ có thể sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú; kẻ biếng nhác có thể sợ hãi5 sự sợ hãi về ác thú; kẻ có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tội có thể sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú; kẻ không năng nhiếp có thể sợ hãi5 sự sợ hãi về ác thú.” Thành tựu bôn lực ây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua năm sự sợ hãi này. VI. KINH CÀN PHẢI THÂN CẶN (Sevanãsutta)n (Ả. IV. 365) 6. Ở đây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo... Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này chư Hiên, con người cân phải được tìm hiêu trên hai phương diện: Cần phải thân cận hay không cần phải thân cận. Y áo9 này chư Hiền, cần phải tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng. Đồ ăn khất thực, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần sử dụng. Sàng tọa, này chư Hiền^ cần phải được tìm hiểu trên hai phươnẹ diện: cần được sử dụng hay không cần sử dụng. Làng và thị trấn, này chư

Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: cần được tìm đên hay không cân tìm đên. Quôc độ, này chư Hiên, cân phải được tìm hiêu trên hai phương diện: cần được tìm đến hay không cần được tìm đến. Con người, này chư Hiên, cân phải được tìm hiêu trên hai phương diện: Cân phải thân cận hay không cần phải thân cận đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

11 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.45.3. 0771CÍ7); Lâm kinh (roi. 0026.107. 0596c25).

Ở đây5 khi biết được về một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận. thời các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị đoạn giảm; các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn.^, Đối với một người như vậy5 này chư Hiền, bất luận đêm hay ngày, không hỏi gi, cần phải bỏ đi5 không được theo người ấy. Ở đây, khi biết được một người như sau: "Người này9 nếu ta thân cận5 thời các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị đoạn giảm; nhưng các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn.,, Đối với một người như vậy5 này chư Hiền, sau khi tính toán (sankhã). không hỏi gi, cần phải bỏ di, không được theo người ấy. Ở dây, khi biết được một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận9 thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng; những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mn.” Này chư Hiền, đối với một người như vậy, sau khi tính toán, cần phải theo người ấy, không được bỏ đi. Ở dây, sau khi biết được một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng; những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mãn.,^ Này chư Hiền, đối với một người như vậy, cân phải theo cho đên trọn đời, không được bỏ đi, dâu có bị từ chôi. Này chư Hiền, một người cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được thân cận và không cần được thân cận đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến. Y áo, này chư Hiền, càn phải được hiếu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến? Ở dây, sau khi biết được về y áo như sau: "Nếu ta sử dụng y áo này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; y áo như vậy không nên sử dung.” Ở đây, sau khi biết được về y áo như sau: "Nếu ta sử dụng y áo này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; y áo như vậy nên sử dung."

Này chư Hiền, y áo cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy5 chính do duyên này được nói đến. Đồ ăn khất thực9 này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng và không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến? o đây, sau khi biêt được vê đô ăn khât thực như sau: "Nêu ta sử dụng đô ăn khất thực này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; đồ ăn khất thực như vậy không nên sử dyng."Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khất thực như sau: “Nếu ta sử dụng đồ ăn khất thực này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; đồ ăn khất thực như vậy nên sử dụng?5 Này chư Hiền, đồ ăn khất thực càn phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng và không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy5 chính do duyên này được nói đến. Sàng tọa, này chư Hiên, cân phải được hiêu biêt theo hai phương diện: Cân được sử dụng và không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến? Ở đây5 sau khi biết được về sàng tọa như sau: "Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; sàng tọa như vậy không nên sử dqng.” Ở dây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: “Nếu ta sử dụng sàng tọa này5 các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; sàng tọa như vậy nên sử dung.” Này chư Hiên, sàng tọa cân phải được hiêu biêt theo hai phương diện: Cân được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy5 chính do duyên này được nói đến. Làng, thị trấn, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến? Ở dây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: “Nếu ta tìm đến lang, thị trấn này5 các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; làng, thị trấn như vậy không nên được tìm den?9 ơ đây, sau khi biêt được vê làng, thị trân như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn này, các pháp bất thiện đoạn giảm5 các pháp thiện tăng trưởng; làng, thị trấn như vậy cần được tìm đến.,, Này chư Hiên, làng, thị trân cân phải được hiêu biêt theo hai phương diện: Cân được tìm đên hay không cân được tìm đên đã được nói đên như vậy, chính do duyên này được nói đến. Quốc độ, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: càn được tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói như vậy. Do duyên gì được nói đến? Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau: “Nếu ta tìm đến quốc độ này,

các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; quốc độ như vậy khônệ nên được tìm đến.,, Ở dây, sau khi biết được về quốc độ như sau: "Nếu ta tìm đen quốc độ này, các pháp bất thiện đoạn giảm5 các pháp thiện tăng trưởng; quốc độ như vậy nên được tìm đến.,, Này chư Hiền, quốc độ cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: cần được tìm đên hay không cân được tìm đên đã được nói đên như vậy, chính do duyên này được nói đến. VII. KINH DU SĨ SUTAVÃ (Sutavãsutta)ỉ2 (A, IV. 369) 7. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậịagaha, tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Rồi du sĩ Sutavã đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên

những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sutavã bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có một thời Thế Tôn trú ở Rậjagaha, tại Giribbaja. Tại đây, bạch Thế Tôn, con có nghe từ miệng Thế Tôn, con có chấp nhận từ miệng Thế Tôn: "Này Sutavã, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận5 chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể làm năm sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận cảc lậu hoặc không có thể biết mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ cất chứa đem lại như trước còn làm gia chủ.,, Bạch Thế Tôn? như vậy không biết con có khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì lời Thế Tôn dạy hay không? Thật vậy, này Sutavã, như vậy ông đã khéo nghe, khéo nắm giũ*, khéo tác ý? khéo thọ trì. Xưa kia và cả nay nữa, này Sutavã, Ta đã nói như sau: "Tỷ- kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm? đã đặt gánh nặng xuông, mục đích đã đạt được, hữu kiêt sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ- kheo đã đoạn: tận các lậu hoặc không có thê biêt mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn • F -í ù < o \ tận các lậu hoặc không có thê hưởng thọ các dục do các đô ăn cât chứa đem lại như trước còn làm gia chủ; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến sân; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến si; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến sợ hi."

12 Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: Thanh tịnh kinh (roi. 0001.17. 0072cl2).

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1067

Xưa kia và cả nay nữa, Ta nói như sau: "Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự.” VIII. KINH DU SĨ SAJJHA (Sajjhasutta) (A. IV. 371) 8. Một thời, Thế Tôn trú ở Rãịagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta. Rồi du sĩ Sajjha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sajjha bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha, tại Giribbaja. Tại đây, bạch The Tôn, con có nghe từ miệng Thế Tôn, con có chấp nhận từ miệng Thế Tôn: “Này Sạjjha, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm? đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm năm sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thê cô ý đoạt mạng sông của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thê lây của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã

đoạn tận các lậu hoặc không có thê hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thê biêt mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ cất chứa đem lại như trước còn làm gia chủ.,, Bạch Thế Tôn, như vậy không biết con có khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì lời Thế Tôn dạy hay không? Thật vậy5 này Sajjha, như vậy, ông đã khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác Vkhéo thọ trì. Xưa kia và cả nay nữa, này Sajjha, Ta đã nói như sau: uTỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuông, mục đích đã đạt được, hữu kiêt sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thê cô ý đoạt mạng sông của loài hữu tình; Tỷ- kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thê hưởng thọ các dục do các đô cât chứa đem lại như trước còn làm gia chủ; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận (paccakkhãtum) Phật; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận Pháp; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận chúng Tăng; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận học pháp." Xưa kia và cả nay nữa, Ta tuyên bô như sau: uTỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn5 việc nên làm đã làm, đã đặt 9 J. /V gánh nặng xuông, mục đích đã đạt được, hữu kiêt sử đã đoạn tận5 chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự."

1068 KINH TĂNG CHI Bộ

IX. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI (Puggalasutta) (A. IV. 372) 9. Này các Tỷ-kheo, có chín hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là chín? Bậc A-la-hán5 bậc đã hướng đến chứng đắc quả A-la-hán; bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Bất lai; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Nhất lai; bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Dự lưu; kẻ phàm phu. Này các Tỷ-kheo9 có chín hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. X. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (Ãhuneyyasutta)n (Ả, iv. 373) 10. Này các Tỷ-kheo5 có chín hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào la chín? Bậc A-la-hán, bậc đã hướng đên chứng đăc quả A-la-hán; bậc Bât Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Bất lai; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Nhất lai; bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Dự lưu; bậc Chuyển tánh. Này các Tỷ-kheo5 chín hạng ïiguời này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

13 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.44.8. 0767b27).

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1069

n. PHẨM TIẾNG RỐNG sư TỬ (SĨHANÂDAK4GGA)

I. KINH TIẾNG RỐNG sư TỬ (Sĩhanãdasuttay4 (A. IV. 373) 11. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anathapindika, rồi Ton giả Sãriputta đi đến Thế

Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con đã sống an cư trong mùa mưa tại Sãvatthi. Bạch Thế Tôn, nay con muốn ra đi du hành trong quốc độ. Này Sãriputta, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời. Rồi Tôn giả Sãriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rôi một Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sãriputta ra đi không bao lâu5 bạch Thê Tôn: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sãriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành? không có xin lỗi con. Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo: Này Tỷ-kheo, hãy đến nhân danh Ta, nói với Sãriputta: "Thua Hiền giả9 bậc Đạo sư cho gọi Hiên giểư - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả Sãriputta, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả. _ > -Thưa vâng, này Hiên giả. Tôn giả Sãriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy. Lúc bấy giờ, Ton giả Mahãmoggallãna và Tôn giả Ananda câm chìa khóa, đi từ tinh xá này đên tinh xá khác nói răng: Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Nay Tôn giả Sãriputta sẽ rống tiếng rống con sư tử trước mặt The Tôn. Rôi Tôn giả Sãriputta đi đen The Tôn; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn rôi ngôi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sãriputta đang ngồi xuống một bên:14

14 Bản tiếng Anh của PTS: After the Rainy Season, nghĩa là Sau mùa an cư. Tham chiếu: Tăng. (02. 0125.37.6. 0712C12); Sư tử hống kỉnh (01. 0026.24. 0452b22).

-Ở đây9 này Sãriputta, một vị đồng Phạm hạnh có điều bất mãn15 với ông: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sãriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành, không có xin lỗi con.„ Thật vậy9 bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví như5 bạch Thế Tôn? trên đất,16 người ta quăng đồ tịnh5 quăng đồ bất tịnh, quăng phẩn uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy? đất không lo âu, không xấu hổ, hay không nhàm chán;17 cũng vậy, bạch Thế Tôn? con an trú với tâm như đất9 rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận? không sân. Bạch Thế T6n, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở dây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví nhu, bạch Thế Tôn, trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ bất tịnh, rửa sạch phẩn uế, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy, nước không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như nước, rộng rãi? rộng lớn? vô lượng, không hận9 không sân. Bạch Thế Tôn5 với ai không an trú thân niệm trên thân, người ây ở đây, sau khi xâm phạm một vị đông Phạm hạnh, có thê bỏ đi du hành, không có xin lỗi. yí như5 bạch Thế Tôn, lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ bất tịnh, đốt phẩn uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ5 đốt máu; tuy vậy, lửa không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn5 con an trú với tâm như lửa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng5 không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây? sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví nhu, bạch Thế Tôn? gió thổi các đồ tịnh? thổi các đồ bất tịnh, thổi phẩn uê5 thôi nước tiêu, thôi nước miêng, thôi mủ5

thôi máu; tuy vậy, gió không lo âu, không xấu hổ9 không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như gió, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận? không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở dây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví như, bạch Thế Tôn? một miếng vải lau chùi lau các đồ tịnh, lau các đồ bất tịnh, lau phẩn uế, lau nước tiểu, lau nước miếng, lau mủ9 lau máu; tuy vậy? miếng vải lau chùi không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy5 bạch Thế Tôn5 con an trú với tâm như miếng vải lau chùi, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận? không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên

15 Khĩyanadhammam ãpanno. Xem ^4. III. 269. 16 Xem MI. 423. 17 XemD. I. 213; M. I. 120; s. IV. 62; Vin. II. 292.

. Y Y . e \ 9

thân, người ây ở đây, sau khi xâm phạm một vị đông Phạm hạnh, có thê bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví nhu, bạch Thế Tôn, con trai của một người Candãla (Chiên-đà-la) hay con gái của một người Candãla, với tay cầm bát ăn xin, mặc đồ rách rưới, đi vào làng hay đi vào thị trấn, với một tâm trạng hạ liệt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như người con Chiên-đà~la5 rộng rãi5 rộng lớn, vô lượng5 không hận, không sân. Bạch Thế Tôn5 với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây? sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví nhu, bạch Thế Tôn, một con bò đực với sừng bị cưa, hiền lương, khéo điều phục, khéo huấn luyện, đi lang thang từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, không hại một ai với chân hay với sừng; cũng vậy? bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như một con bò đực với sừng bị cưa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận5 không sân, Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây5 sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành5 không có xin lỗi. Ví như, bạch Thế Tôn, một nữ nhân hay một nam nhan còn trẻ tuổi, thanh niên? ưa thích trang điểm, sau khi gội dầu, sẽ lo âu, xấu hổ5 nhàm chán nếu xác rắn, hay xác chó, hay xác người được cuốn vào cổ người ấy; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con lo âu, xấu hổ? nhàm chán với cái thân đầy bất tịnh này. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở dây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Ví như, bạch Thế Tôn? có người mang một cái bát đầy mỡ, có thủng nhiều lỗ? thủng nhiều duờn§, bị chảy, bị rỉ; cũng vậy9 bạch Thế Tôn? con mang cái thân này5 có thủng nhiều 16, có thủng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở dây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi. Rôi Tỷ-kheo ây từ chô ngôi đứng dậy, đăp thượng y vào một bên vai, cúi đâu đảnh le chan The Ton va bạch The Ton: Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã xuyên tạc Tôn giả Sãriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Mong Thế Tôn chấp nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn trong tương lai.18 Này Tỷ-kheo, thật là một trọng tội. Vì ngu si5 vì vô minh, vì bất thiện, ông đã xuyên

tạc Tôn giả Sãriputta, không ỵ thức, trông không, vọng ngôn, không thật. Này Tỷ-kheo, vì ông đã thấy tội ay là một tội, đã phát lộ đúng pháp, Ta chấp nhận tội ấy cho ông. Đây là một sự tiến bộ, này Tỷ-kheo5 trong Pháp và Luật của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội5 phát lộ đúng pháp và ngăn chặn trong tương lai.

18 Xem4 II. 146; D. I. 85; III. 55; M. III. 246; s. II. 127; Vin. I. 315; II. 126.

Ă , FTV | _ Ấ rr\ _ r • /_• rji • 9 c _____ Al_____

Roi Thê Tôn nói với Tôn giả Sãriputta: -Này Sãriputta, hãy tha thứ kẻ ngu si này5 trước khi đầu nó bị vỡ tan làm bảy mảnh.19 Bạch Thế Tôn5 con tha thứ cho Tôn giả ấy5 nếu Tôn giả ấy nói với con: "Hãy tha thứ cho" và cũng mong Tôn giả ấy tha thứ cho con. II. KINH CÓ DƯ Y (Saupãdisesasuttă) (A. IV. 378) 12. Một thòi, Thế Tôn trú ở svatthi, tại Jetavana5 khu vườn ông Anãthapindika, rôi Tôn giả Sãriputta vào buôi sáng, đăp y, câm y bát đi vào Sãvatthi để khất thực. Tôn giả Sãriputta suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm đê vào Sãvatthi khât thực. Vậy ta hãy đi đên khu vườn của các du sĩ ngoại dạo." Rồi Tôn giả Sãriputta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Lúc bây giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo ây đang ngôi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: "Thua chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi loài bàng sanh, không được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ5 không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ." Rồi Tôn giả Sãriputta không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ây; không hoan hỷ, không chỉ trích, Tôn giả từ chô ngôi đứng dậy va ra di với ý nghĩ: Ta sẽ biet y nghĩa lời nói nay từ The Ton. Roi Ton gia Sãriputta khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến F I li rr\ Ĩ I * Ạ i 9 ĩ í /V r I ij 1 1 /X rry /X • ' _ ' Thê Tôn; sau khi đen, đảnh le The Tôn roi ngoi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Ở dây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng? con đắp y, cầm y bát đi vào Săvatthi đê khât thực. Bạch Thê Tôn, rôi con suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm đê vào Sãvatthi khất thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại dạo." Bạch Thê Tôn, con đi đên khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đên, con nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ5 trong khi các du sĩ ngoại đạo đang ngồi tụ họp? câu chuyện này khởi lên: "Thua chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả người ấy không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi loài bàng sanh, không được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ5 không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ." Rồi bạch Thế Tôn, con không hoan hỷ5 không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy. Không hoan hy, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ rằng: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế T6n." Này Sãriputta, một sô du sĩ ngoại đạo là những kẻ ngu si, không thông minh, một số sẽ biết: "Người có dư y là người có dư y", hay một số sẽ biết:

19 Xem D I. 95; 5.1. 50; Sn. 190.

"Người không có dư y là người không có dư y." Này Sãriputta, có chín hạng người này? khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Thế nào là chín? Ở dây, này Sãriputta, có hạng người viên mãn trong các giới5 viên mãn trong định nhưng không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị Trung gian Bát-niết-bàn. Này Sãriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ? được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú5 đọa xứ. Lại nữa, này Sãriputta, ở đây, có hạng người viên mãn trong các giới? viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử? là vị Tổn hại Bát-niết-bàn... là vị Vô hành Bát-niết-bàn... là vị Hữu hành Bát-niết-bàn... là vị Thượng liru đi đến sắc Cứu Cánh thiên. Này Sãriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Lại nữa, này Sãriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy5 sau khi diệt tận ba kiết sử9 làm nhẹ bớt tham, sân5 si, là vị Nhất Lai, còn đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sãriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú5 đọa xứ. Lại nữa5 này Sãriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới5 không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử9 là vị Nhất Chủng, còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa20 rồi đoạn tận khổ đau. Này Sãriputta, đây là hạng người thứ bảy5 khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Lại nữa, này Sãriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị Gia Gia, sau khi rong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rôi đoạn tận khô đau. Này Sãriputta, đây là hạng người thứ tám, khi chêt có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ5 ác thú, đọa xứ. Lại nữa, này Sãriputta, ở đây, có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định5 thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiêt sử, là vị trở lui tôi đa là bảy lân, sau khi rong ruôi5 sau khi luân chuyên tôi đa là bảy lần giữa chư thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sãriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ? được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú? đọa xứ. Này Sãriputta, một số du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số

20 Ekamyeva mãnusakam bhavam nibbattetvã.

sẽ biết: "Người có dư y là có dư y", hay một số sẽ biết: "Người không có dư y là không dư y." Này Sãriputta, chín hạng người này, khi chêt có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ5 được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú? đọa xứ. Nhung này Sãriputta, cho đến nay, pháp môn này chưa

được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni9 các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì cớ sao? Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không trở nên phóĩiệ dật. Lại nữa, này Sãriputta, pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đen. III. KINH TÔN GIẢ KOTTHITA (KoỊIhikasutta)21 (A. IV. 382) 13. Rồi Tôn giả Mahãkotthita đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến? chào đón hỏi thăm Tôn giả Sãriputta; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Mahãkotthita nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai” —Không phải vậy? thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Thàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong hiện tại"? A

Không phải vậy, thưa Hiên giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thẹ), mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thq"? Không phải vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sốnẹ Phạm hạnh dưới Thế Ton với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ9 mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc th” Không phải vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thục? mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là không thuần thpc"? Không phải vậy? thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thục, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là thuan thuc”

21 Tham chiếu: Đại Câu-hy-la kỉnh (roi. 0026.29. 0461b22); Tạp.(T.02. 0099.344. 0094b02).

Không phải vậy5 thưa Hiên giả. —Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ lair? -Không phải vậy, thưa Hiền giả. -Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ nhiều”

Không phải vậy5 thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ? mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ,9? Không phải vậy9 thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sãriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì không được cảm thọ9 mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ,5? Không phải vậy, thưa Hiền giả.

—Thưa Hiên giả Sãriputta, vì sao khi được hỏi: "C6 phải sông Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Thưa Hiền giả Sãriputta, vì sao khi được hỏi: "C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: Thàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ hiện tại'?” Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả.59 Thưa Hiền giả Sãriputta, vì sao

khi được hỏi: “C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ5 mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ th'?” Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ5 mong răng nghiệp ây ta được cảm giác là lạc th'" Hiên giả trả lời: "Không phải vậy5 thưa Hiền gia.” Vì sao khi được hỏi: “C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là không thuần thục,?,, Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền gim." Vì sao khi được hỏi: "C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thục5 mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là thuần thục,?,, Hiền giả trả lời: "Không phải vậy? thưa Hiền gia.” Vì sao khi được hỏi: "C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: Thàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiêu, mong răng nghiệp ây ta cảm thọ là ít'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền gi"Vì sao khi được hỏi: “C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiu'?" Hiền giả trả

lời: "Không phải vậy5 thưa Hiền giVì sao khi được hỏi: “C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ? mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ,?,, Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền gi&.” Vì sao khi được hỏi: "C6 phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: Thàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm th<y?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy5 thưa Hiền giả." Vì mục đích gì mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn? Thưa Hiền giả? với những gì không biết, không thấy, không dạt, không chứng ngộ? không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. —Nhưng thưa Hiên giả, do không biêt gì, không thây gi, không đạt gi, không chứng ngộ gi, không hiện quán gì, với mục đích đê được biêt? được thây, được dạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sông dươi Thể Tôn? "Dây là khổ9\ này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích đế được biết, được thấy... mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. "Dây là khổ tap".. "Bây là khổ die..."Dây là con đường đưa đến khổ diet", này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt5 không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích được biết, được thấy, được dạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sông dưới Thê Tôn. Thưa Hiền giả, đây là điều không được biết, không được thấy, không được đạt5 không được chứng ngộ5 không được hiện quán, với mục đích đê được biêt, được thấy, được dạt, được chứng ngộ? được hiện quán, mà Phạm hạnh được sông dưới Thê Tôn. IV. KINH TÔN GIẢ SAMIDDHI (Samiddhisutta) (Â. IV. 385) 14. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sãriputta; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngôi xuông một bên: -Do sở duyên gì, này Samiddhi, một người khởi lên các tư duy tầm? Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả. Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?

Các giới, thưa Tôn giả.

- Nhimg này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?

r

-Lây xúc làm tập khởi5 thưa Tôn giả.

Này Samiddhi, chúng quy tụ ở đâu?

Chúng quy tụ ở các cảm thọ, thưa Tôn giả.

Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ? Chúng lấy định làm thượng thiỉ, thưa Tôn giả. Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng? Chúng lấy niệm làm tăng thượng, thưa Tôn giả. - Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng? Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả. - Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây? Chúng lấy giải thoát làm lối cây5 thưa Tôn giả. -Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì? -Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả. Khi được hỏi: "Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?" Hiền giả đáp: “Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả/5 Khi được hỏi: "Này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?” Hiền giả đáp: "Các giới, thưa Tôn giả.Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập kh&i?" Hiền giả đáp: "Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn gia.” Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chỗ quy tụ của chúng là gi?” Hiền giả đáp: "Chỗ quy tụ của chúng là các cảm thọ5 thưa Tôn gim." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giKhi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thuợng?” Hiền giả đáp: "Chúng lấy niệm làm tăng thượng, thưa Tôn giả?5 Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?,, Hiền giả đáp: “Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn gia." Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy giải thoát làm lõi cây, thưa Tôn gi"Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gi?" Hiền giả đáp: "Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả." Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả chớ có kiêu mạn về vân đê này. V KINH UNG NHỌT (Gandasutta)22 (A. IV. 386) 15. Ví nhu, này chu Hiên, một ung nhọt đã trải nhiêu năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chay, chắc chắn nhàm chán nứt chảy. Ung nhọt9 này các Tỷ-kheo9 là đồng nghĩa với thân này23 do bốn đại tác thành, do cha mẹ sinh ra, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, hoại diet, có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt

22 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.29. 0880a30). 23 XemD. I. 76; M. I. 500; II. 17; s. IV. 83.

rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chăc chăn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chăc chăn bât tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy nhàm chán thân này. VI. KINH TƯỞNG (Sannãsutta)24 ụ. IV. 387) 16. Này các

Tỷ-kheo, có chín tưởng25 này được tu tập, được làm cho sung mãn5 có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là chín? Tưởng bất tịnh; tưởng chết, tưởng ghê tởm đối với các món ăn5 tưởng không ưa thích đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ? tưởng đoạn tận, tưởng ly tham. Này các Tỷ-kheo, chín tưởng này được tu tập, được làm sung mãn? có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử5 lấy bất tử làm cứu cánh. VII. KINH GIA ĐÌNH (Kuỉasutta) (A. IV. 387) 17. Này các Tỷ-kheo, gia đình26 nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống. Thế nào là chín? Họ không vui vẻ đứng dậy; họ không vui vẻ đảnh lễ; họ không vui vẻ mời ngôi; có chô ngôi đem giâu đi; có nhiêu, họ cho ít; có đô tôt? họ cho đô xâu; họ cho không cẩn thận, họ cho không có chu đáo; họ không có ngồi xung quanh để nghe pháp; họ không thưởng thức lời nói. Này các Tỷ-kheo? gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống. Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này? nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đên thời nên ngồi xuống. Thế nào là chín? Họ vui vẻ đứng dậy; họ vui vẻ đảnh lễ; họ vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi không giấu đi; có nhiều, họ cho nhiều; có đồ tốt? họ cho đồ tốt; họ cho cẩn thận, họ cho một cách chu đáo; họ ngồi xung quanh để nghe pháp; họ thưởng thức lời nói. Này các Tỷ-kheo9 gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đen thời nên ngồi xuống. VIII. KINH CHÍN CHI PHÀN TRAI GIỚI (Navanguposathasutta)27 (A. IV. 388) 18. Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới28 thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Được thực hành như thế nào9 này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu chín chi phần, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn?

24 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.46.9. 0780al6). 25 Sannã. Xem A. IV. 44; GS. IV. 27 (kinh 45 ở trước); 4 IV. 463; GS. IV. 305 (kinh 1 ở sau). 26 Xem A. IV. 8; GS. IV. 6 (kinh 13 ở trước). 27 Bản tiếng Anh của PTS: Amity, nghĩa là Từ bỉ. Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.43.2. 0756cl6). 28 Xem A. IV. 248; GS. IV. 170 (kinh 41 ở trước).

Ở đây, này các Ty.kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biet tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phân thứ nhât được thành tựu. "Cho đên trọn đời5 các vị A-la-hán đoạn tận lây của không cho, từ bỏ lây của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới. Đây la chi phân thứ hai được thành tựu. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lìa, từ bỏ

dâm dục hèn hạ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lìa, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này? ta theo gương vị A-la-hán5 sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ ba được thành tựu. 6'Cho đến trọn đời? các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chăc chăn, đáng tin cậy, không lừa gạt? không phản lại lời hứa đối với đời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân that, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy5 không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ tư được thành tựu. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán? sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ năm được thành tựu. "Cho đến trọn đời? các vị A-la-hán mỗi ngày dùng một bữa9 không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Với chi phân này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.,, Đây là chi phân thứ sáu được thành tựu. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu? dầu thoa và các thời trang. Hôm nay. ngày và đêm nay, ta cũng từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai gi&i." Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận giường cao, giường lớn, từ bỏ

giường cao, giường lớn; các vị ây năm trên giường thâp, trên giường nhỏ9 trên thảm cỏ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận giường cao, giường lớn, từ bỏ giường cao, giường lớn; ta năm trên giường thấp, trên giường nhỏ? trên thảm cỏ. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ tám được thành tựu. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử với tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương và an trú, như vậy phương thứ hai... như vậy phương thứ ba... như vậy phương thứ tư... như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ5 cùng khăp vô biên giới, vị ây với tâm câu hữu với từ, biên mãn và an trú, quảng đại, vô biên, không hận? không sân. Đây là chi phần thứ chín được thành tựu. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 ngày trai giới thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. IX. KINH CHƯ THIÊN (Devatãsutta) (A. IV. 390) 19. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một số đông chư thiên, sau khi đêm đã gần mãn? với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến chỗ Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, đứng một bên? chư thiên ấy thưa với Ta: "Bạch Thế T6n, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy nhưng chúng con không đảnh lễ. Bạch Thế Tôn, do không làm đây đủ bôn phận5 chúng con sanh ra hôi hận, phiên não vì bị sanh với thân hạ Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn5 khi chúng con sống giữa loài người, trong

thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đên chúng con. Bạch Thê Tôn, chúng con đã đứng dậy5 chúng con đã đảnh lễ nhưng chúng con không mời ghế ngồi. Bạch Thế Tôn5 do không làm đây đủ bôn phận, chúng con sanh ra hôi hận5 phiền não vì bị sanh với thân hạ liet.” Này các Tỷ-kheo, lại có nhiêu chư thiên khác đên chô Ta và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ? các vị xuất gia, không có gia đình đên chúng con. Bạch Thê Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đảnh lễ, chúng con đã mời ghế ngồi nhimg chúng con không chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con... chúng con chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con nhưng chúng con không ngồi xung quanh để nghe pháp... chúng con có ngồi xung quanh để nghe pháp nhxmg chúng con không lóng tai nghe pháp... chúng con lóng tai nghe pháp nhimg chúng con sau khi nghe không có thọ trì pháp... chúng con sau khi nghe có thọ trì pháp nhưng không có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì... chúng con có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì nhimg chúng con sau khi biết nghĩa, biêt pháp, không thực hành pháp và tùy pháp. Bạch Thê Tôn, do không

làm đầy đủ bổn phận, chúng con sanh ra hối hận5 phiền não vì bị sanh ra với thân hạ Này các Tỷ-kheo5 lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: uBạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời gian quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy? chúng con đã đảnh 1& chúng con đã mời ghế ngồi5 chúng con đã chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con, chúng con đã ngồi xung quanh để nghe pháp, chúng con lóng tai nghe pháp, chúng con sau khi nghe có thọ trì pháp, chúng con có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, chúng con sau khi biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp. Bạch Thế Tôn, do chúng con làm đầy đủ bổn phận? chúng con không sanh hối hận, phiền não vì được sanh với thân thù thắng.” r , —

Này các Tỷ-kheo, đây là những gôc cây, đây là những ngôi nhà trông. Này các Tỷ-kheo, hãy thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau như các thiên nhân đã được nói đến trước ấy.

X. KINH VELÃMA (Veỉãmasutta)29 (Â. IV. 392) 20. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Thê Tôn nói với gia chủ Anãthapinặika đang ngôi xuông một bên: -Này gia chủ? gia đình của ông có bố thí không? Bạch Thế Tôn, gia đình của con có bố thí nhimg chỉ có món ăn thô tệ làm bằng hột gạo bể và cháo chua. Này gia chiỉ, dầu bố thí các món thô hay tế, nếu bố thí không cẩn thận? bố thí không có chú tâm, bố thí không tự tay mình, bố thí những vật quăng di, bố thí không có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào5 sự bố thí ấy sanh quả dị thục, thời tâm không thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu9 tâm không thiên về thưởng thức y áo thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu; và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm c6ng, họ không có khéo nghe, họ

không có lóng tai, họ không có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này gia chủ, như vậy là quả dị thục của việc làm không có cẩn thận. Này gia chủ, dầu có bố thí các món thô hay tế, nếu bố thí có cẩn thận, bố thí có chu tâm5 bố thí tự tay minh, bố thí những vật không quăng bỏ đi, bố thí có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thục, thời tâm

29 Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.27.3. 0644Ồ19); Tu-đạt-đakinh (01 0026.105. 0677a08); Tam quy ngũ giới từ tâm yểm ly công đức kỉnh ([.Qị. 0072. 0879C07); Tu-đạt kinh (roi. 0073. 0879a08); Trưởng giả Thí báo kinh (01. 0074. 0880a09)

thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu, tâm thiên về thưởng thức y áo thù diệu, tâm thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, tâm thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu; và các người con, hay vợ5 hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ có khéo nghe, họ có lóng tai, họ có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này gia chủ, như vậy là quả dị thục của việc làm có cẩn thận. Thuở xưa, này gia chiỉ, có một vị Bà-la-môn tên là Velãma. Vị ấy bố thí rộng lớn như sau: Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng đồng đựng đầy châu báu. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn con voi với đồ trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng và tám mươi bốn ngàn cỗ xe được trải với da sư tử, được trải với da cọp? được trải với da báo, được trải với mền màu vàng, với những trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn con bò sữa, cột bằng những sợi dây gai mịn với những thùng sữa băng bạc. Vị ây bô thí tám mươi bôn ngàn thiêu nữ, trang sức với những bông tai băng châu báu. Vị ây bô thí tám mươi bôn ngàn giường năm trải nệm băng len thêu bông9 nệm băng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, có đầu gối chân màu đỏ hai phía. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn thước vải bằng vải gai mịn màng nhất, bằng vải lụa mịn màng nhất, bằng vải len mịn màng nhất, bằng vải bông mịn màng nhất. Và ai có thê nói vê các đô ăn, đô uông5 loại cứng, loại mêm, các loại đô ăn nêm và các loại nước đường, chúng tôi nghĩ chúng chảy như dòng sông. Có thể, này gia chủ? ông nghĩ: "C6 thể Bà-la-môn Velãma là một người nào khác, vị đã bố thí một cách rộng lớn như vậy.,, Này gia chủ, chớ có nghĩ như vậy. Chính lúc ấy, Ta là Bà-la-môn Vema, chính Ta đã bố thí rộng lớn ấy. Nhưng này gia chủ, khi bố thí ấy được cho, không có một ai xứng đáng để nhận bố thí. Không co một ai làm cho thanh tịnh bố thí ấy. Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velãma bố thí có rộng lớn, nếu có ai bố thí cho một người chánh kiến, bố thí này lớn hơn quả lớn kia. Này gia chủ? dầu Bà-la-môn Velãma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm người chánh kiến, và có ai bố thí cho một vị Nhất Lai, bô thí này quả lớn hơn bô thí kia. Này gia chủ? dâu cho Bà-la-môn Velãma bô thí rộng lớn và có ai bô thí cho một trăm vị Nhất Lai, và có ai bô thí cho một vị Bât Lai, bô thí này quả lớn hơn bô thí kia. Này gia chủ, r dâu Bà-la-môn . r Velãma bô ethí có rộng lớn r và có ai bô thí cho một • A

trăm r -í vị Bât Lai, và có ai bô thí cho một vị A-la-hán, bô thí này quả lớn hơn bô thí kia. Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velãma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị A-la-hán, và có ai bố thí cho một vị Độc Giác Phật, bố thí này quả lớn hơn bô thí kia. Này gia chủ, dâu cho Bà-la-môn Velãma bô thí có rộng lớn và có người bố thí cho một trăm vị Độc Giác Phật, có ai bố thí cho Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia... và có ai bố thí

cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ... và có ai xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín quy y Phật, Pháp và Tăng... và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp? từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo? từ bỏ không đắm say rượu men rượu nấu... Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velãma bố thí có rộng lớn, và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men rượu nâu? và có ai tu tập Từ tâm giải thoát cho đên trong một khoảnh khắc vắt sữa bò5 bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Này gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velãma bố thí có rộng lớn, có ai bố thí một yị đầy đủ chánh kiến... và có ai bố thí một vị Nhất Lai... và có ai bố thí một vị Bất Lai... và có ai bố thí một vị A-la-hán... và có ai bố thí một vị Độc Giác Phật... và có ai bố thí Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... và có ai bố thí chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ... và có ai cho xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín quy y Phật? Pháp và chúng Tăng... và có ai tâm tịnh tín châp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh... và có ai tu tập Từ tâm giải thoát cho đến trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, và có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay tu tập tưởng vô thường, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.

1084 * KINH TĂNG CHI BỘ

in. PHẨM CHÔ cư TRÚ CỦAHỮUTÌNH (SATTÃVÃSAVAGGA)

I. KINH TRONG BA PHƯƠNG DIỆN (TiỊhãnasutta) (Ắ. IV. 396) 21. Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện, người Uttarakurukã30 thù thắng hơn chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba và loài nguòi ở JampudTpa. Thế nào là ba? Không có ngã sở? không có châp trước, tuôi thọ được quy định là những thù thắng. Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện này5 người Ưttarakurukã thù thắng hơn chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba và loài người ở Jampuđĩpa. Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba thù thắng hơn loài người ở Uttarakurukă và loài người ở Jampudipa. Thế nào là ba? Vê thiên thọ mạng, vê thiên dung săc, vê thiên lạc. Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện này, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba thù thăng hơn loài người ở Uttarakurukã và loài người ở Jampudlpa. Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện, loài người ở Jampudipa thù thắng hơn loài người ở cõi Uttarakurukã và chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Thế nào là ba? Họ là anh hùng, có trú niệm31 và sống Phạm hạnh ở đời này.32 Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện này, loài người ở cõi JampudTpa thù thắng hơn loài người ở cõi Uttarakurukã và chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. IL KINH NGỰA CHƯA

ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC (AssakhaIunkẳsutta)33 (A. IV. 397) 22. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng vê ba loại ngựa chưa được điêu phục và ba hạng người chưa được điều phục; ba loại ngựa được điều phục và ba hạng người được điều phục; ba loại ngựa hiền thiện thuần lương và ba hạng người hiền thiện thuần lương. Hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói. Thưa vâng? bạch Thế Tôn.

30 Uttarakurukã.- Một trong bốn đại châu lớn ở phía Bắc là Ưttarakurukã (Bắc Cu-lô châu), phía Nam là JambudTpa (Nam Thiệm Bộ châu, cũng gọi Nam Diêm-phù-đê), phía Đông là Pubbavideha (Đông Thắng Thần châu), và phía Tây là Aparagoyãna (Tây Ngưu Hóa châu). 31 Chủ QỈải giải thích rằng các thiên nhân quá sung sướng nên không có kiên tri (third), còn các chúng sanh ở địa ngục quá đau khô và loài người nửa khô đau, nửa sung sướng, nên cân đên kiên trì. 32 Chủ giải giải thích rằng đức Phật và Độc Giác Phật chỉ ra đời ở cõi Diêm-phù-đề và nói đến Bát chánh đạo va Phạm hạnh. 33 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.917-919. 0232b24-0233bl3); 8 Tạp.(T.02. 0100.143-145. 0428b04-0429a09).

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1085

Các Ty-kheo ay vang dap The Ton. Thê Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa chưa được điều phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 có loại n§ựa chưa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc dẹp, không có cân đôi [bề cao, chu vi bề ngoài]. Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điêu phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đôi. ơ đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điêu phục, có tốc lực, có sắc đẹp và cân đối. Ba loại ngựa này5 này các Tỷ-kheo9 là ba loại ngựa chưa được điêu phục. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là ba hạng người chưa được điêu phục? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực34 nhưng không có sắc đẹp5 không có cân đối. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạnệ người chưa được điêu phục, có tôc lực, có săc đẹp nhxmg không có cân đối. ơ đây5 này các Tỷ-kheo5 có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục. Thế nào5 này các Tỷ-kheo, là hạng ïiệười chưa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp9 không có cân đổi? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là kh6", như thật tuệ tri: "Đây là khổ tap như thật tuệ tri: "Đây là khổ diet", như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diet"; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực.35 Nhxmg khi được hỏi vê Thắng pháp, Thăng luật,36 vị ây lại ngập ngừng, không có trả lời; đây Ta nói trong nghĩa không có săc đẹp. Vị ây không có nhận được các đô tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đôi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điêu phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực5 có săc đẹp nhimg không có cân đôi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tue tri: uĐây là kh6", như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập", như thật tuệ tri: “Bây là khổ diet", như thật tuệ tri: "Bây là con đường đưa đên khổ diet"; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn

khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực5 có săc đẹp nhimg không có cân đôi. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo9 là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

34 Xem 41. 287. 35 Javasampanna. AA. IV. 188: PurỉsakhaỊunkesu javasampannoti nanajavena sampanno ("Trí rất nhanh nơi người chưa được điều phục,, tức chỉ cho 4'tuệ tốc hành,,). 36 Abhỉdhamme khopana abhỉvinaye. Xem DB. III. 246; M. I. 472; Vìn. I. 64.

Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ9\ như thật tuệ tri: "Dây là khổ tap", như thật tuệ tri: "Đây là khổ diet", như thật tuệ tri: "Bây là con đường đưa đến khổ diet"; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi vê Thăng pháp, Thăng luật, vị ây liên trả lời? không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực5 sàng tọa, dược phâm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa có cân đôi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục5 có tốc lực, có sắc đẹp5 có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo5 là ba hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo? thế nào là ba loại ngựa được điều phục? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục5 có tốc lực nhưng không có sắc dẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo? có loại ngựa được điều phục5 có tốc lực5 có sắc đẹp nhxmg không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ- kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực5 có sắc đẹp, có cân đối. Các loại ngựa này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa được điều phục. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là ba hạng người được điêu phục? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp. không có cân đối. Ở đây. này các Tỷ-kheo. có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp5 có cân đối. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục? có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng, không có trả lời; đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ- kheo, là hạng người được điều phục? có tốc lực nhimg không có sắc đẹp, không có cân đối. Và như thê nào, này các Tỷ-kheo5 là hạng người được điêu phục, có tôc lực5 có sắc đẹp nhxmg không có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn5 không phải trở lui đời này nữa; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật5 vị ấy trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị này không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhxmg không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực? có sắc đẹp, có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật5 vị ấy liền trả lời5 không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Và vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có săc đẹp, có cân đôi. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là ba loại ngựa hiên thiện thuân lương? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhimg không có săc đẹp, không có cân đôi. 0 đây? này các Tỷ-kheo5 có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực5 có sắc dẹp, có cân đối. Những loại ngựa này, này các Tỷ-kheo5 là ba loại ngựa hiền thiện thuần lương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người hiền thiện thuần lương? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 có hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc dẹp, không có cân đối. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có hạng người D hiền thiện • thuần lương, O' có tốc lực, có sắc đẹp nhimg • o không o có. cân đối. ơ đây. này các Tỷ-kheo5 có hạng người hiên thiện thuân lương, có tôc lực, có Sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện thuần lương. Như thê nào? này các Tỷ-kheo, là hạng người hiên thiện thuân lương, có tôc lực nhimg không có sắc đẹp5 không có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng, không trả lời; đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực5 sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhimg không có sắc dẹp, không có cân đối. Như thế nào5 này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối? Ở dây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ9 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lòi, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị

ây không nhận được các đô tư dụng như y áo, đô ăn khât thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nẹhĩa không có cân đối. Như vậy9 này các Tỷ- kheo, là hạng người hiền thiện thuân lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo5 là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc dẹp, có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc? tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây Ta

nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo5 đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiên thiện thuân lương, có tôc lực, có săc đẹp, có cân đôi. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện thuần lương. III. KINH ÁI LÀM CỘI GỐC (Tanhãmũlakasutta)31 (A. IV. 400) 23. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín pháp37 lấy ái làm cội gốc. Hãy 3839 40 nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là chín pháp lấy ái làm cội gốc? Do duyên ái nên tìm câu; do duyên tìm câu nên có được; do duyên có được nên có quyết định; do duyên quyết định nên có dục tham; do duyên dục tham nên đăm trước; do duyên đăm trước nên có chấp trước; do duyên chấp trước nên có xan tham; do duyên xan tham nên có thủ hộ; chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ* rất nhiều các ác, bất thiện pháp khởi lên. Này các Tỷ-kheo5 đây là chín pháp lấy ái làm cội gốc. IV. KINH CÁC LOÀI HỮU TÌNH (SattãvãsasuttaỴQ (A, IV. 401) 24. Này các Tỷ-kheo, có chín chỗ cư trú của loài hữu tình. Thế nào là chín? Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tưởng sai biệt như loài người, một số chư thiên, một số ở các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình thân sai biệt, tưởng đồng nhất như Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình thân đông nhât5 tưởng sai biệt như Quang Am thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

37 Bản tiếng Anh của PTS: Craving, nghĩa là Khát ải.

38 Xem D. n. 58; IIL 289.

39 Xem MI. 110,410; Vỉsm. 326.

40 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.44.1. 0764c20).

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng đồng nhất như Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư. Này các Tỷ-kheo5 có những loài hữu tình không có tưởng, không có thọ như Vô Tưởng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm. Wcác Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách hoàn toàn, diệt trừ các đối ngại tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, nghĩ rằng: "Hu không là vô biên,\ chứng được Không vô biên xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên,\ chứng được Thức vô biên xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy. Này các Tỷ-kheo5 có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ răng: 6íKhông có gì tât cả'\ chứng được Vô sở hữu xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ tám. Này các Tỷ-kheo5 có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín. Này các Tỷ-kheo, đây là chín chỗ cư trú của các loài hữu tình. V. KINH TRÍ TUỆ (Pannasutia) (A. IV. 402) 25. Này các Tỷ-kheo? khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ? thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết: 'Sanh đã tận9 Phạm hạnh đã thành, những việc

nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.9,9 Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập? “Ly tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ây được khéo tích tập với trí tuệ. “Ly sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. “Ly si là tâm của ta”, như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không có tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không có sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không có si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta", như vây tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. ccTánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ây được khéo tích tập với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo? khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ5 thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” VI. KINH TRỤ ĐÁ (Siĩãyũpasutta)4i (Ả. IV 402) 26. Một thời, Tôn giả Sãriputta và Tôn giả Candikãputta trú ở Rajagaha

41 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.499. 0131a25).

(Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Candikãputta gọi các Tỷ-kheo? nói răng: —Này các Hiên giả, Devadatta thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thua các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'” Được nghe nói vậy5 Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Candikãputta: Này Hiền giả Candikãputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ- kheo như sau: "Thua các Hiên giả5 khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ? thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành5 những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Này Hiên giả Candikãputta, Devadatta thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thua các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý5 thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: cTa rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."' Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Candikãputta gọi các Tỷ-kheo? nói rằng: -Thưa các Hiên giả5 Devadatta thuyêt pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ? thời thật hợp lý cho vị Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: ° Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữ*a.‘” Lần thứ ba, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả Candikãputta: -Này Hiền giả Candikãputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ- kheo như sau: "Thua các Hiên giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ5 thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 6Ta rõ biết sanh đã tận.;. không còn trở lại đời này nữa.,^, Này Hiền giả Candikãputta, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả5 khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý? thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'" Và như thế

nào, này Hiền giả, tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý? "Ly tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Ly sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Ly si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không có tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy đươc khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không có sân là tâm của ta”như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không có si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. “Tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta”, như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. “Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta", như vây tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. uTánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1091

Như vậy, này Hiên giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy5 nêu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ42 đi vào giới vức của con mắt, các sắc không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng43... nếu các tiếng do tai nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của lỗ tai... nếu các hương do mũi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của lỗ mũi... nếu các vị do lưỡi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của lưỡi... nếu các xúc do thân nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của thân... nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của ý? các pháp không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng. Ví như, này Hiền giả, một trụ đá44 cao mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay chôn sâu xuống dất, tám khuỷu tay nổi lên trên5 nếu từ phương Đông? mưa to gió lớn đến5 không làm rung động5 không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến5 không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy. Vì sao? Này Hiền giả, vì trụ đá được đào sâu5 được chôn sâu. Cũng vậy, này Hiền giả5 với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy? nếu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của con mắt? các sắc không chinh phục tâm của vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm5 không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng... nêu các tiêng do tai nhận thức... nêu các hương... nêu các vị... nêu các xúc... nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của ý9 các pháp không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng. VII. KINH HẬN THÙ THỨ NHẤT (PathamaverasuttaỴ5 (4 IV. 405) 27. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anăthapindika đang ngồi một bên: Này gia chủ9 khi nào năm sợ hãi hận thù46 của vị Thánh đệ tử được chí tức, thời vị ây thành tựu được bôn Dự liru phân.47 Nêu vị ây muôn, có thê tuyên bô về ngã đối với tự ngã: "Địa ngục đối với ta được đoạn tận; loài bàng sanh đối với ta được đoạn tận; cõi ngạ quỷ đối với ta được đoạn tận; cõi dữ, ác thú, đọa xứ đối với ta được đoạn tận. Ta là vị Dự Lưu, không còn thối đọa5 chắc chắn đạt đến Chánh giác."

42 Bhusã. Xem III. 377; Vin. I. 184. 43 Vayam cassãnupassatỉ. Chủ giải nói về sự sanh khởi và đoạn diệt. 44 Siĩãyũba. Ví dụ này được thay trong A. IV. 106; GS. IV. 70; s. V. 445. 45 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Dread and Hatred, nghĩa là Sợ hãỉ và Hận thù. Tham chiếu: Tạp.(7Ũ)2. 0099.846. 02l5al7). 46 Kinh này được tìm thấỵ trong s. II. 68; KS. II. 47. Kinh 27 này nói đến con đường đưa đến quả Dự lưu, kinh 28 kê tiếp nói đên bậc Dự Lưu. 47 Xem4III. 2ll;Z). II. 93; s. V. 357. Đoạn này với 4 Dự lưu phần được xem là Pháp kính(phammãdãsà) trong Kỉnh Trường bộ và Kỉnh Tương ưng bộ. Xem 4 II. 56; D. III. 227; M. I. 37; s. I. 219.

Thế nào là năm sợ hãi hận thù được chỉ tức? Này gia chủ5 sợ hãi hận thù do sát sanh,48 vì duyên sát sanh đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ5 tâm ưu người ấy cảm thọ. Từ bỏ sát sanh, sợ hãi hận thù không đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù không đưa đến trong tương lai, kể cả không có tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị từ bỏ sát sanh như vậy5 sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ, sợ hãi hận thù do lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ5 tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ lấy của không cho như vậy, sự sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ? sợ hãi hận thù do sông tà hạnh trong các dục5 vì duyên sông tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kê cả tâm khô5 tâm ưu người ây cảm thọ... Đôi với vị từ bỏ sông tà hạnh trong các dục như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ9 sợ hãi hận thù do nói láo, vì duyên nói láo đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ nói láo như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Này gia chủ, sợ hãi hận thù do đăm say rượu men rượu nâu, vì duyên đăm say rượu men rượu nâu đưa đên trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đên trong tương lai, kể cả tâm khổ? tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục. Năm sự sợ hãi hận thù này được nhiêp phục. Thế nào là bốn Dự lưu phần được đầy đủ? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin tuyệt đối đối với đức Phật: "Dây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phạt, Thế Ton?5 yị ấy đầy đủ lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: '"Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thòi, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu." Vị ấy đầy đủ lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng5 đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở dòi." Vị ấy đầy đủ các giới đức,4849 được bậc Thánh quý mến, không bị bể vụn,

48 Xem 4 III. 205. 49 Xem 4 IV. 54; GS. IV. 31 (kinh 47 ở trước).

không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ? đưa đến tự do, được người trí tán thán? không bị nhiêm trước, đưa đên thiên định. r \ Bôn Dự lưu phân này được thành tựu. Này gia chủ5 khi nào năm sợ hãi hận thù này của vị Thánh đệ tử được chỉ tức, thời vị ấy thành tựu được bốn Dự lưu phần này. Nếu vị ấy muốn, có thể tuyên bô vê ngã đôi với tự ngã: "Địa ngục đôi với ta được đoạn tận; loài bàng sanh đối với ta được đoạn tận; cõi ngạ quỷ đối với ta được đoạn tận; cõi dữ9 ác thú? đọa xứ đối với ta được đoạn tận. Ta là vị Dự Lưu, không còn thối đọa, chắc chắn đạt đến Chánh gi§c." VIII. KINH HẬN THÙ THỨ HAI (Dutiyaverasutta)5^ (A. IV 407) 28. (Thế Tôn thuyết lại kinh 27 cho các Tỷ-kheo). IX. KINH Sự XUNG ĐỘT (Ãghãtavatthusuttă) (A. IV. 408) 29. Này các Tỷ-kheo, có chín sự xung đột5051 này. Thế nào là chín? ấy đã làm hại tôr\ xung đột khởi lên. "Vị ấy đang làm hại tôf\ xung đột khởi lên. ấy sẽ làm hại tôf\ xung đột khởi lên. 6aVị ấy đã làm hại người tôi thương, tôi mến", xung đột khởi lên. ấy đang làm hại người tôi thương, tôi mến", xung đột khởi lên. ấy sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến", xung đột khởi lên. ẩy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến", xung đột khởi lên. "Vị ây đang làm lợi cho người tôi không thương, không mến,\ xung đột khởi lên. ấy sẽ làm lợi cho người tôi không thương, không mến", xung đột khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây là chín sự xung đột. X. KINH ĐIỀU PHỤC sự XUNG ĐỘT (Ẵghãtapaḷivinayasutta) (A. IV. 408) 30. Này các Tỷ-kheo, có chín điều phục sự xung đột này. Thế nào là chín? 66Vị ấy đã làm hại tôi; có ích lợi gì mà nghĩ như vay", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vj ấy đang làm hại tôi; có ích lợi gì mà nghĩ như vay", nhờ vậy xung đột được điêu phục. ây sẽ làm hại tôi; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy,\ nhờ vậy xung đột được điêu phục. uVị ây đã làm hại người tôi thương, tôi mên; có ích lợi gì mà nghĩ như vay", nh& vậy xung đột được điều phục. ấy đang làm hại người tôi thương, tôi mên; có ích lợi gì mà nghĩ như Vp nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến; có ích lợi gì mà nghĩ như vay", nhờ vậy xung đột được điều phục. uVị ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, khônẸ mên; có lợi ích gì mà nghĩ như vay", nhờ vậy xung đột được điêu phục. í6Vị ây đang làm lợi cho người tôi không thương, không mến; có lợi ích gì mà nghĩ như vậy,\ nhờ vậy xung đột được điều phục. ấy sẽ làm lợi cho người tôi khônệ thương, không mến; có lợi ích gì mà nghĩ như vay", nhờ vậy xung đột được điêu phục.

50 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.845. 0215c24). 51 Âghãtavatthu. Xem 4 V. 150; D. III. 262, 289.

5

Này các Tỷ-kheo5 đây là chín sự xung đột được điêu phục. XI. KINH THỨ ĐỆ DIỆT (Anupubbanirơdhasutta) (A. IV. 409) 31. Này các Tỷ-kheo5 có chín thứ đệ diệt này.52 Thế nào là chín? Thành tựu Thiền thứ nhất, các dục tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Thiền thứ hai5 các tầm tứ bị đoạn diệt. Thành tựu Thiền thứ ba, hỷ bị đoạn diệt. Thành tựu Thiền thứ tư, hơi thở vào, hơi thở ra bị đoạn diệt. Thành tựu Không vô biên xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Phi tưởng phi

phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Diệt thọ tưởng định? các tưởng và các cảm thọ bị đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 đây là chín thứ đệ diệt.

52 XemD. III. 266, 290.

IVPHẢMLỚN (MAHÃVAGGA)

I. KINH THỨ ĐỆ TRÚ (Anupubbavihãrasutta)53 (A. IV. 410) 32. Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ trú này. Thế nào là chín? Này Hiền giả, ở đây có Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tam có tứ. Diệt tầm và tứ.. Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Sau khi vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hu không là vô biên5\ chứng và trú Không vô biên xứ. Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biEn", chứng và tru Thức vô biên xứ. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có sự vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn5 chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ trú. II. KINH THỨ ĐỆ TRÚ THIỀN CHỨNG (Anupubbavihãrasamãpattìsutta) (A. IV. 410) 33. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín thứ đệ trú thiền chứng này. Hãy lắng nghe... Này các Tỷ-kheo, thê nào là chín thứ đệ trú thiên chứng? Chỗ nào các dục đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt các dục, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn Tôn giả ấy không có dục ái? được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia5455với thiền chi ấy. "55 Chỗ nào các dục được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú? "Ta không biết vậy9 ta không thấy vậy5\ ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: “d đây? này Hiền giả5 Tỷ-kheo ly các dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt các dục, sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá? sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: “Lành thay!" Sau khi hoan hỷ9 tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ9 chắp tay và hầu hạ.

53 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Abidings, dịch thoát là Thứ đệ trú. 54 Pãrangatã. AA. IV. 193: Pãramgatãtỉ kãmepãram gatã (4íĐã vượt qua" nghĩa là đã đoạn trừ dục). 55 Tadangenã. AA. IV 193: Tadangenãtỉ tenajhanangena ("Bằng chi phần ấy" nghĩa là bằng thiền chi ấy).

Chô nào các tâm và tứ được đoạn diet, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Ton giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào các tầm và tứ được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú? "Ta kh6ng biêt vậy9 ta Idiông thây vay", ai nói như vậy, người ây cân được nói như sau: "d đây, này Hiền giả5 Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Tại đây5 các tầm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú?5 Chắc chắn, này các Tỷ-kheo5

người không lường gạt, không man trá9 sẽ hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ9 tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ. Chỗ nào hỷ được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diet, đoạn diệt hỷ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào hỷ được đoạn diet? Những ai sau khi đoạn diệt hỷ5 sống an trú? "Ta khônệ biết vậy5 ta không thây V,ai nói như vậy, người ây cần được nói như sau: "O dây, này Hiền giả9 Tỷ-kheo ly hỷ trú xả? chứng và trú Thiên thứ ba. Tại đây5 hỷ được đoạn diet, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ5 sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo5 người không lường gạt5 không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!"người ấy sẽ đảnh lễ5 chắp tay và hầu hạ. Chỗ nào xả lạc được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc5 sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn, các Ton giả ấy không có dục ái? được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào xả lạc được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vay", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "d dây, này Hiền giả, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Tại dây, xả lạc được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc5 sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo5 người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ? sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ5 tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ây sẽ đảnh lê? chăp tay và hâu hạ. Chỗ nào sắc tưởng được đoạn diet, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt săc tưởng, sông an trú, Ta nói răng: "Chc chăn các Tôn giả ây không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào sắc tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy? ta khồng thấy vậy,5? ai nói như yậy, người ấy cần được nói như sau: "d đây? này Hiền giả5 Tỷ-kheo vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn5 chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý các sai biệt tưởng, biết rằng: 'Hư không là vô biên\ chứng đạt và an trú Không vô biên xứ" Ở dây, các sac tưởng được đoạn diệt, các vị ẩy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt các sắc tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo5 người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ? sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành tpay!" Sau khi hoan hỷ? tùy hỷ với lời nói: 6CLành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1097

Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và nhữnẹ ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rang: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy? ta không thấy vay", ai nói như vậy, người ấy càn được nói như sau: "d đây9 này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Không vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên\ chứng và t Thức vô biên xứ." Tại đây, Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diet, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!95 Sau

khi hoan hỷ5 tùy hỷ với lời nói: “Lành thay!”người ấy sẽ đảnh lễ? chắp tay và hầu hạ. Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái? được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ay/9 Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy9\ ai nói như vậy5 người ấy cần được nói như sau: "d đây, nàỵ Hiền giả5 Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biêt rằng: 'Không có vật gì\ chứng và trú Vô sở hữu xứ." Tại dây, Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ây, sau khi đoạn diet, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo5 người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ5 sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!^ Sau khi hoan hỷ? tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ5 chắp tay và hầu hạ. Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diet, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy5 ta không thấy vay", ai nói như vậy, người ây cân được nói như sau: uơ đây5 này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Tại đây, Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sông an trú. Chăc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt5 không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: “Lành thqy!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ. Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy.” Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng

xứ tưởng, sống an trú? “Ta không biết vậy5 ta không thấy vậy5\ ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: “d đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng một cách hoàn toàn... chứng và trú Diệt thọ tưởng đinh.^, Tại đây, Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt? không man trá, sẽ hoan hỷ5 sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ? tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", sẽ đảnh lễ, chắp tay và hàu hạ. Này các Tỷ-kheo5 đây là chín thứ đệ trú thiền chứng. III. KINH NIẾT-BÀN LÀ LẠC (Nibbãnasukhasuttă)56 (À. IV. 414) 34. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Rajagaha, tại VeỊuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại đây, Tôn giả Sãriputta bảo các Tỷ-kheo: —Này các Hiền giả5 lạc là Niết-bàn này. Này các Hiền giả, lạc là Niết-bàn này. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udãyĩ57 nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả Sãriputta, sao đây là lạc, khi ở đây không có cái gì được cảm thọ? -Này Hiên giả, cái này ở đây là lạc, dâu răng lạc ây ở đây không được cảm thọ. Này Hiền giả5 có năm dục lạc này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận

thức, khả lạc, khả hỷ9 khả ý? khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Hiền giả5 có năm dục trưởng dưỡng này. Này Hiền giả, do duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc hỷ9 này Hiền giả, đây gọi là dục lạc. Ở đây5 này Hiền giả5 Tỵ-kheo ly các dục, ly ác, bất thiện pháp... chứng và trú Thiền thứ nhất. Này Hiên giả9 nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với dục vân hiện hành, như vậy, đôi với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng? khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng ỵậy5 với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành, như vậy, đôi với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... chứng và trú Thiên thứ hai. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ây, các tưởng tác ý câu hữu với tầm

57 Bản tiếng Anh của PTS: The Cool, nghĩa là Tịch tịnh. 57 Chủ giải giải thích LãỊudãyĩ tức chỉ cho Ưdãyĩ ngu si. Xem J. II. 164; Vin. I. 115; DB. III. 109; KS. V. 72.

vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiên thứ ba. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy? với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiên, Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng và trú Thiên thứ tư. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với xả vẫn hiện hành, như vậy? đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví nhu, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy5 với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với xả vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thể Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niet-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, châm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đên các tưởng sai biệt, biêt rằng: "Hu không là vô biOn”chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành, như vậy5 đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví nhu, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy5 với Tỷ-kheo ấy5 các tưởng tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành5 như vậy9 đối với Tỷ-kheo ấy là một

chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên9\ chứng và an trú Thức vô biên xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ây là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Kh6ng có vật gi", chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này? các tưởng tác ý câu hữu với Thức

VÔ biên xứ vẫn hiện hành5 như vậy5 đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ây, các tưởng tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy5 với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niet-bàn là lạc. Này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Vị ấy, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với pháp môn này, này chư Hiền, càn phải hiểu Niết- bàn là lạc. IV. KINH VÍ DỤ CON BÒ CÁI (Gãvĩupamãsuttă)^ (4 IV. 418) 35. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một con bò cái sông ở rừng núi5 ngu si, không thông minh, không biết đồng ruộng, không thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: “Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa di, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa được ăn, ta hãy uông nước trước kia chưa được u6ng” và con bò cái ấy đã giơ chân sau lên, trước khi nó khéo đặt một cách tốt đẹp bàn chân trước, và nó không có thể đi đến phương hướng trước kia chưa đi, không có thể ăn cỏ trước kia chưa được ăn, và không có thể uống nước trước kia chưa được uông. Tại chô mà trước kia nó đặt chân, nó nghĩ: "Ta hãy đi đên phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa ăn, ta hãy uống nước trước kia chưa u6ng", nó không có thể trở lui chỗ ấy một cách an toàn. Vì sao? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh5 không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 ở đây có một số Tỷ-kheo ngu si, kh6ng thông minh5 không biết chỗ đồng

ruộng, không thiện xảo ly dục, ly ác, bất thiện pháp... khônẹ thể chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy không thực hành, không tu tập tướng ây, không làm cho sung mãn5 không trú một cách khéo trú, vị ấy lại suy nghĩ: "Ta hãy diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai/5 Vị ấy không có thê diệt các tâm và tứ... không có thê chứng và trú Thiên thứ hai. Dâu cho vị ấy có suy nghĩ: "Ta hãy ly dục... chứng và an trú Thiền thứ nhất", vị ấy cũng không

58 Bản tiếng Anh của PTS: The Cơw, nghĩa là Con bò cải.

thể ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là Tỷ-kheo rơi vào cả hai phía, đọa vào cả hai phía, ví như con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh, không biết chỗ đồng ruộng5 không thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Ví như5 này các Tỷ-kheo5 một con bò cái sông ở rừng núi, hiên trí, thông minh, biết đồng ruộng, biết thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi5 ta hãy ăn cỏ trước kia chưa được ăn, ta hãy uống nước trước kia chưa được u6ng", và con bò cái ấy, sau khi khéo đặt một cách tốt đẹp bàn chân trước rồi giơ chân sau lên, và nó có thể đi đến phương hướng trước kia chưa di, ăn cỏ trước kia chưa được ăn và uống nước trước kia chưa được uống. Tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa ăn5 ta hãy uống nước trước kia chưa uống9\ nó có thể trở lui chỗ ấy một cách an toàn. Vì sao? Ở đây? nàỵ các Tỷ-kheo, vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, hiền trí, thông minh, biết chỗ đong ruộng, biết thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 ở đây có một số Tỷ-kheo hiền trí, thông minh, biêt chỗ đông ruộng, biêt thiện xảo ly dục5 ly ác, bất thiện pháp... có thê chứng và trú Thiền thứ nhất; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, lạm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy lại suy nghi: "Ta hãy diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai"; vị ấy không lẫn lộn Thiền thứ hai? diệt các tầm và tứ... chứng và trú Thiên thứ hai; vị ây thực hành, tu tập tướng ây, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghi: "Ta hãy ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba"; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy đoạn lạc đoạn khổ... chứng và trú Thiền thứ tư"; vị ấy không lẫn lộn Thiền thứ tư, đoạn lạc đoạn khổ... chứng và trú Thiền thứ tư; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn9 trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệf\ biết rằng: "Hu không là vô biên,\ chứng và trú Không vô biên xứ; vị ấy không lẫn lộn Không vô biên xứ, vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn... không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: “Hu không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn5 trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là VÔ biên\ chứng và trú Thức vô biên xứ,9; vị ay khonjg lan lộn Thức vô biên xứ, vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô bien9\ chứng và trú Thức vô biên xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Thức vô

biên xứ một cách hoàn toàn", biết rằng: 'Không có vật gì\ chứng và trú Vô sở hữu xứ; vị ấy không lẫn lộn Vô sở hữu xứ, vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ; yị ấy thực hành, tu tập tướng ây5 làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ây suy nghĩ: "Ta

hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn", chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; vị ấy không lẫn lộn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy5 làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định,9; vị ấy không lẫn lộn Diệt thọ tưởng định, vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo nhập vào và xuất ra khỏi thiên chứng ấy, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm. Với tâm nhu nhuyến, kham nhậm, định được khéo tu tập, trở thành vô lượng.5960 Vị ấy với định vô lượng khéo tu tập, tùy theo pháp gi, pháp gi cần được chứng nệộ với thắng trí, vị ấy hướng tâm vê sự chứng ngộ với thăng trí; tại đây, tại dây, vị ây có được khả năng chứng đạt được, dâu thuộc loại xứ nào. Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc nhiều loại thần thông, một thân có thể trở thành nhiều thân... với thân có thể đạt đến cõi Phạm thiên; tại đấy, tại dấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được5 dầu thuộc loại xứ nào. Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc Thiên nhĩ thông...; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc Tha tâm thông, với tâm của mình biết được tâm của các loại chúng sanh và các loại hữu tình: Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm khônệ tham biết là tâm không tham... tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tại đây, tại đây? vị ây có khả năng chứng đạt được5 dâu thuộc loại xứ nào. Nêu muôn, vị ây có thê: "Ta sẽ nhớ lại nhiêu đời sông quá khứ như một đời, hai đời... có thể nhớ được nhiều đời quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết"; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào. Nếu vị ấy muốn, vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... "Ta c6 thể rõ biết các loài hữu tình theo nghiệp lực của chúng,,; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào. Nêu muôn5 vị ây có thê? do đoạn tận các lậu hoặc...? sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú; tại đấy, tại dấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào. V. KINH NHẬP THIỀN (Jhanasutta) (Ả. IV. 422) 36. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng: "Y chỉ nơi Thiền thứ nhất, các lậu hoặc được diệt tận.,6° Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thiền thứ hai5 các lậu hoặc được diệt tan." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: :Y chỉ vào Thiền thứ ba, các lậu hoặc được diệt tan." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "I chỉ vào Thiền thứ tư, các lậu hoặc được diệt tận.,, Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào

59 Appamãno.

JL •

AA. IV.

r

194: Appamãno
• samãdhĩtỉ catubrahmavỉhãrasamãdhỉpỉ í
("V6
X lượng
D djnh" cũngD nghĩa là định nơi bôn Phạm trú").
60 Chỉ cho A-la-hán quả.
CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1103

Không vô biên xứ... Y chỉ vào Thức vô biên xứ... Y chỉ vào Vô sở hữu xứ... Y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Ta nói rằng: "Y chỉ vào Diệt thọ tưởng xứ, các lậu hoặc được đoạn tận?5 Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào Thiền thứ nhặt, các lậu hoặc được đoạn tan", như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở đây, này^ các Tỷ-kheo, vị Tỷ^-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường,61 là khổ5 là bệnh, là mụt nhọt? là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ9 là biến hoại, là trống không, là vô ngã. tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình Vị ấy tránh né6263 khỏi những pháp ấy? vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niếtbàn.”63 Vị ấy trú ở đây? đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu khônẹ diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phân kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niêt-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. yí như người bắn cung; hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét5 rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.64 Cũng vậy9 này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an tru Thiền thứ nhất. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc ve thọ? thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ5 là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh? là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh? đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ây là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiên thứ nhât, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Nàỵ các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo do đoạn tận lạc đoạn tận khổ? chấm dứt

61 Xem4 II. 128; M. I. 435; Miừi. 418. 62 Pativãpetỉ. AA.W. 195: PaỊỉvãpẹtĩtỉ nỉbbãnavasena nỉvatteti (4tNé tránh" nghĩa là dừng lại vì quả vị Niet-ban). Ban tieng Nhật Viet nhat tam phóng nạ nghĩa la mot long buong xuong. 63 Xem4 V. 8; D. IL 36; s.

I. 136. 64 Mahato ca kãyassapađãletã. Xem 4 I. 284, II. 170, 202; J. IV. 494; Mỉln. 353.

hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ây, vị ây tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ9 là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bat tử: “Dây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham5 đoạn diệt, Niết-bàn.,, Vị ấy trú ở dây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc5 với pháp ái ấy? với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niet-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Ví như một người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập băn trên một hình nộm băng cỏ hay trên đông đât sét; rôi người ây có thể trở thành người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc đoạn tận khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứnẹ đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy ở dây, đối với cái gì thuộc về săc9 thuộc vê thọ5 thuộc vê tưởnẹ, thuộc vê hành, thuộc vê thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ? là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy huýng dẫn đến giới bất tử: “Dây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bn." Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tan các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiêt sử, vị ây là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niêt-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Này các Tỷ-kheo, Ta nói răng: "Y chỉ vào Thiên thứ tư, các lậu hoặc được đoạn ”,như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào Không vô biên xứ9 các lậu hoặc được đoạn tận9\ được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến tưởng sai biệt, biết rằng: "Hu không là vô biên9\ chứng và trú Không vô biên xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận"\ như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thức VO biên xứ... y chỉ vào Vô sở hữu xứ... các lậu hoặc được đoạn diet", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn

toàn, biết rằng: "Không có vật gì\ chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gi thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành... do đoạn tận năm hạ phần kiet sử, là vị

hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diet", được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Như vậy5 xa cho đến các tưởng thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy trí để thể nhập. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, các xứ này như Phi tưởng phi phi tưởng thiên chứng và Diệt thọ tưởng thiên chứng là những xứ, các Tỷ-kheo thiền quán, khéo léo chứng nhập? khéo léo khởi xuất thiền chứng. Ta nói rằng: "Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho biết w VI. KINH TÔN GIẢ ẢNANDA (Ẫnandasutta)65 (A. IV. 426) 37. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Tại dấy, Tôn giả Ãnanda bảo các Tỷ-kheo: - Này chư Hiền Tỷ-kheo! Vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau: Thật vi diệu thay, thưa các Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa các Hiền giả! Như thế nào là con đường thoát ly, thoát khỏi sự trói buộc, được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tùy giác để các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, giác ngộ Niết-bàn. Đây chỉ có mắt5 chớ không có cảm thọ các sắc ấy và các xứ ấy; đây chỉ có tai, chớ không có cảm thọ các tiếng ấy và các xứ ấy; đây chỉ có mũi, chớ không có cảm thọ các hươnẸ ấy và các xứ ấy; đây chỉ có lưỡi, chớ không có cảm thọ các vị ây và các xứ ây; đây chỉ có thân, chớ không có cảm thọ các xúc ấy và các xứ ấy. Khi được nói vậy, Tôn giả Udãyĩ nói với Tôn giả Ãnanda: Này Hiên giả Ananda, người không cảm thọ xứ ây, người ây có tưởng hay không có tưởng? Này Hiên giả, người không cảm thọ xứ ây? người ây có tưởng, không phải không có tưởng. Nhxmg thưa Hiên giả, người không cảm thọ xứ ây? người ây tưởng cái gì? Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hu không là vô biên,\ chứng và trú Không vô biên xứ. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy. Lại nữa, này Hiên giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn

65 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.557. 0l46al3).

toàn, biết rằng: "Thức là vô biên”chứng và trú Thức vô biên xứ. Này Hiền giả5 vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy. Lại nữa, này Hiền giả5 Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gi", chứng và trú Ỵô sở hữu xứ. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy. Này Hiền giả, một thời tôi sống ở Sãketa,66 rừng Afijana, tại vườn nai. Rồi này Hiền giả, có một Tỷ-kheo-ni ở Jatilagaha đến t6i, đảnh lễ tôi và đứng một bên. Đứng một bên, này các Hiền giả5 Tỷ-kheo-ni ở Jatilagaha thưa với tôi: "Thưa Tôn giả Ãnanda, thiền định này không thiên tà dục5 không dưỡng hận tâm; trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục5 nhờ giải thoát, được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Thưa Tôn giả Ãnanda, thiền định này được Thế Tôn dạy, có quả gi?” Được nghe nói vậy, này Hiền giả, tôi nói với Tỷ-kheo-ni ở Jatilagaha như sau: "Thua chị, thiền định này không thiên tà dục,6768 không dưỡng hận tâm;2 trong ấy, sự chế

ngự không phải do hữu hành nhiệp phục5 nhờ giải thoát, được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Đức Thế Tôn nói, này chị, thiên định này được chánh trí là quả?9 Này Hiền giả? vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy. VII. KINH PHÁI THUẬN THÉ (Lokãyatìkasuttd)^ (A. IV. 428) 38. Rồi hai vị Thuận thế Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? các Bà-la-môn ây thưa với The Tôn: Thưa Tôn ệiả Gotama, Pũrana Kassapa, bậc toàn tri, toàn kiến, tự nhận mình là có tri kiển toàn bộ không du, nói rang: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ? ta thức, tri kiến được an trú liên tục thường hang." Vị ấy nói như sau: "Với trí vô biên, ta sống, biết và thấy thế giới hữu biên?5 Thưa Tôn giả Gotama, Nigantha Nãtaputta, bậc toàn tri, toàn kiến, tự nhận mình là có tri kiến toàn bộ không du, nói rằng: "Khi ta di, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến được an trú liên tục thường hằng?5 Vị ấy nói như sau: "Với trí hữu ta sống, biết và thấy thế giới hữu biên.,7° biên,6970 Thưa Tôn giả Gotama, giữa hai bậc tuyên bố về trí này, giữa hai lời tuyên bố mâu thuẫn này, ai nói đúng sự that, ai nói láo? Thôi vừa rồi, này các Bà-la-môn, hãy dừng lại ở đây: "Giữa hai bậc tuyên

66 Thành phố ở Kosala, khoảng 40 dặm về phía Nam Sãvatthi. 67 Xem MA. 386; KS. I. 39. 68 Bản tiếng Anh của PTS: The Brãhmans. nghĩa là Các Bà-la-môn. 69 Anantena... anantam. Nếu cả hai là toàn trí (sabbannũ sabbadassãvĩ), thời sự hiểu biết của chúng là vô biên (anantam). 70 Xem 4 II. 49; M. I. 82; s. I. 62.

bố về trí này, giữa hai lời tuyên bố mâu thuẫn này, ai nói đúng sự thật, ai nói láo?" Này các Bà-la-môn, Ta sẽ thuyết pháp cho các ông5 hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. —Thưa vâng, Tôn giả. Cac Ba-la-mon ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Bà-la-môn, ví như bốn người đàn ông đứng bốn phương, đầy đủ với bước di, với tôc lực tôi thăng? với bước chân dài tôi thăng. Họ đây đủ tốc lực như sau: Ví như một người cầm cung điêu luyện, khéo được huấn luyện với bàn tay thiện xảo, bách phát bách trúng, có thể bắn một cách nhẹ nhàng một mũi tên ngang qua bóng của cây Sãla5 như vậy là tốc lực của họ. Còn bước chân dài của họ thời từ biển phía Đông đến biển phía Tây. Rồi người đứng ở phương Đông nói như sau: “Ta sẽ đi và đạt đến tận cùng của thế gi&i"; dầu cho tuổi thọ của người này là một trăm năm, và người ấy sống một trăm năm? và bước đi trong một trăm năm5 trừ khi người ấy ăn? người ấy uống, người ấy nhai, người ấy nếm, trừ khi người ấy đi đại tiện tiểu tiện5 trừ khi người ấy ngủ để lấy lại sức,71 người ấy sẽ chết trước khi người ấy đạt đến tận cùng của thế giới. Rồi người đứng ở phương Tây... Rồi người đứng ở phương Bắc... Rồi người đứng ở phương Nam nói như sau: "Ta sẽ đi và đạt đến tận cùng của thế gi&i"; dầu cho tuổi thọ... người ấy sẽ chết trước khi người ấy đạt đến tận cùng của thế giới. Vì cớ sao? Này các Bà-la-môn5 Ta nói rằng, không phải với sức chạy như vậy có thể biết được? có thể thấy được, có thể đạt được tận cùng thế giới. Này các Bà-la-môn5 Ta nói rằng nếu không đạt được tận cùng thế giới thời không thể chấm dứt đau khổ ở đời. Này các Bà-la-môn, năm dục trưởng dưỡng này được gọi là thế giới trong luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Các

sắc do con mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ9 khả ý, khả ái, liên hệ đến dục9 hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ5 khả ý9 khả ái9 liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Bà-la-môn? năm dục trưởng dưỡng này được gọi là thế giới trong luật của bậc Thánh. Ở đây9 này các Bà-la-môn5 Tỷ-kheo ly các dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo này được gọi là vị đã đến tận cùng thế giới, và sống trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới? vị này chưa thoát ly khỏi thế gian." Này các Bà-la-môn? Ta cũng nói như sau:46Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa thoát ly khỏi thế gian.,, Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai...Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác

71 Xem 7). I. 70; II. 95; M. I. 57; Mil. 378.

nói về vị ấy như sau: này còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian." Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: này vẫn còn bị hạn chê trong thê giới, vị này chưa xuât ly khỏi thê gian." Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt khỏi các săc tưởng một cách hoàn toàn, châm dứt các đôi ngại tưởng, không tác ý đên các tưởng sai biệt, biêt rằng: "Hu không là vô biên,\ chứng và trú Khônẹ vô biên xứ. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đen tận cùng the giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhxmg các người khác nói về vị ấy như sau: này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian." Này các Bà-la-m6n, Ta cũng nói như sau: này vẫn còn bị hạn chê trong thê giới, vị này chưa xuât ly khỏi thê gian." Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên"chứng và trú Thức vô biên xứ... vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ... vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Bà-la-môn5 đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.,^ Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.,, Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, thời sau khi thấy với trí tuệ5 các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đên tận cùng thê giới, trú trong tận cùng thê giới. Vị này đã vượt khỏi sự triên phược của thế giới. VIII. KINH TRẬN CHIẾN GIỮA CHƯ THIÊN VÀ A-TU-LA (Devãsurasangãmasuttd)12 (4 IV. 432) 39. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến72 73 kịch liệt giữa chư thiên và các a-tu-la (asura). Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la thắng, chư thiên bị bại trận. Chư thiên that trận bỏ chạy, các a-tu-la hướng vê phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên suy nghĩ sau: "Các a-tu-la đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ hai với các a-tu-la." Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, chư thiên đánh với các a-tu-la. Lần thứ hai, này

các Tỷ-kheo, các a-tu-la lại thắng trận, chư thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư thiên thât trận sợ hãi bỏ chạy, các a-tu-la hướng vê phía Băc đuôi theo. Rôi này các Tỷ-kheo, chư thiên suy nghĩ như sau: “Các a-tu-la đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với các a-tu-la."

72 Bản tiếng Anh của PTS: The Devas, nghĩa là Chư thiên. 73 AA. IV 201 giải thích rằng trận chiến xảy ra vì các a-tu-la không được hưởng quả của cây Pãrícchattaka. Xem 4 IV. 117; GS. IV. 78

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư thiên đánh với các a-tu-la. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la lại thắng trận, chư thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo? chư thiên thất trận sợ hãi bỏ chạy vào thành phố chư thiên. Và này các Tỷ-kheo, chư thiên đi vào trong thành của chư thiên, suy nghĩ như sau: "Nay ta hãy đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với nhau, không có gì phải làm với các a-tu-la." Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la cũng suy nghĩ như sau: "Nay chư thiên đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với nhau, không có gì phải làm với chúng ta.” Thuở xua, này các Tỷ-kheo5 có trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư thiên và các loài a-tu-la. Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo? chư thiên thắng, các a-tu-la bị bại trận. Các a-tu-la thất trận bỏ chạy, chư thiên hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo5 các a-tu-la suy nghĩ như sau: "Chu thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh trận thứ hai với chư thiên. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la đánh trận với chư thiên. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo? chư thiên thắng trận, các a-tu-la bại trận. Này các Tỷ- kheo? các a-tu-la thất trận sợ hãi bỏ chạy5 chư thiên hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la suy nghĩ như sau: "Chu thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với chư thiên?5 Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo5 các a-tu-la đánh với chư thiên. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư thiên thắng trận, các a-tu-la bại trận. Này các Tỷ-kheo9 các a-tu-la thất trận sợ hãi bỏ chạy vào thành phố a-tu-la. Rồi này các Tỷ-kheo5 các a-tu-la đi vào trong thành phô của các a-tu-la? suy nghĩ như sau: "Nay chúng ta đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với nhau, không có gì phải làm với chư thiên.Này các Tỷ-kheo, chư thiên cũng suy nghĩ như sau: "Nay các a-tu-la đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với nhau, không có gì phải làm với chúng ta.” Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiên thứ nhất, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: “Vói sự đi đến chỗ an náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với Ác ma." Và này các Tỷ-kheo9 chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi5 Tỷ-kheo sống với tự ngã? không có việc gì phải làm với ta." Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư5 trong khi ấy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi5 nay ta sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với Ac ma." Và này các Tỷ-kheo, chính Ac ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đên chô ân náu của sợ hai, Tỷ-kheo sông với tự ngã5 không có việc gì phải làm với ta.” Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc

tưởng một cách hoàn toàn, châm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đên các tưởng sai biệt, biêt

rằng: “Hu không là vô biên,\ chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo? như vậy gọi là Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, hủy hoại mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Này các Tỷ-kheo5 trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên,55 chứng và trú Thức vô biên xứ... vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì5\ chứng và trú Vô sở hữu xứ... vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Trong khi Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định; vị ấy thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Tỷ-kheo? như vậy được gọi là Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, hủy hoại mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Vị ấy đã vượt qua triền phược ở đời.

IX. KINH CON VOI (Nãgasutta) (A. IV 435) 40. Này các Tỷ-kheo? khi nào các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con đi đến trước, đến trước chỗ ăn của con voi ở rừng cắt đứt các ngọn c6, thời này các Tỷ-kheo, con voi rừng lo âu, xấu hổ5 nhàm chán. Khi nào, này các Tỷ-kheo? các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con nhai ăn các bó cây gãy, các cành cây tại chỗ ăn của con voi lớn ở rừng, thời này các Tỷ-kheo, con voi rừng lo âu, xấu hổ? nhàm chán. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con đi trước, đi trước xuống trũng nước của con voi rừng, dùng vòi khuấy động, thời này các Tỷ-kheo5 con voi rừng lo âu, xấu hổ? nhàm chán. Khi nào? này các Tỷ-kheo5 các con voi cái bước xuống trũng nước của con voi rừng, cọ xát thân của con voi rừng, thời này các Tỷ-kheo? con voi rừng lo âu5 xấu hổ, nhàm chán. Trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, con voi rừng suy nghĩ như sau: "Nay ta sống lẫn lộn với các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con. Ta ăn các loại cỏ đâu ngọn bị căt dứt, chúng nhai ăn các bó cây gãy và các cành cây của ta, ta uông nước bị vân đục; khi ta đi xuông trũng nước, các con voi cái đên cọ xát thân ta. Vậy ta hãy sông một minh, xa rời bây voi." Rôi sau một thời gian, con voi ấy sống một minh, xa rời bầy voi, ăn các loại cỏ đầu ngọn không bị cắt dứt, nó không ăn các bó cây gãy và các cành cây, nó uống nước không vẩn đục; khi bước xuống trũng nước, các con voi cái không đi đến cọ xát thân. Trong khi ấy, này các Tỷ-kheo? con voi rừng suy nghĩ như sau: "Trước đây5 ta sống lẫn lộn với các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con. Ta đã ăn các loại cỏ đầu ngọn bị cắt dứt, chúng ăn các bó cây gãy và các cành cây của ta, ta uống nước bị vẩn đục; khi ta bước xuống trũng nước, các con voi cái đêìi cọ xát thân ta. Nay ta sông một mình, xa rời bây voi, ta ăn các loại cỏ đầu ngọn không bị cắt dứt, chúng không ăn các bó cây gãy và các cành cây của ta, ta uông nước không vân đục; khi ta bước xuông trũng nước, các con voi

cái không đi đến cọ xát thân ta. Con voi rừng ấy với cái vòi bẻ gãy cành cây, lấy cành cây cọ xát thân mình, và hoan hỷ làm cho nhẹ bớt cơn ngứa." Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống lẫn lộn với các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ9 với vua và đại thần của vua, với các ngoại đạo sư và đệ tử của ngoại đạo, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Ta sống lẫn lộn với các Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ và nữ cư si, vua và các đại thần của vua, các ngoại đạo sư và các đệ tử của ngoại đạo. Vậy ta hãy sông một minh, xa rời hq." Vị ây sông tại trú xứ xa văng, khu rừng, gốc cây, núi non, ghềnh đá, hang núi, bãi tha ma, rừng cao nguyên, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy đi đến rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già? lung thẳng, an trú niệm trước mặt. Vị ấy sau khi đoạn tận tham ở đời, sông với tâm ly tham, gạn lọc tâm khỏi tham. Sau khi đoạn tận sân, vị ây sông với tâm ly sân, có lòng thương tưởng tât cả chúng sanh và loài hữu tình, gạn lọc tâm khỏi sân. Sau khi đoạn tận hôn trâm thụy miên, vị ây sông với tâm ly hôn trầm thụy miên, tưởng đến ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gạn lọc tâm khỏi hôn trầm thụy miên. Sau khi đoạn tận trạo cử hối quá, vị ấy không có dao động, nội tâm an tịnh, gạn lọc tâm khỏi trạo cử hối quá. Sau khi đoạn tận nghi, vị ấy sống vượt qua nghi ngờ, không có nghi ngờ do dự, gạn lọc tâm khỏi nghi ngờ trong các thiện pháp. Vị ây sau khi đoạn tận năm triên cái làm uê nhiêm tâm, làm yêu kém trí tuệ này, ly các dục... chứng và trú Thiền thứ nhất, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa. Sau khi diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiên thứ tư, vị ây hoan hỷ vì đã đôi trị được cơn ngứa. Vị ây sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt? biết rằng: “Hu không là vô bi6îì", chứng và trú Không vô biên xứ, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa. Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy biết rằng: "Thức là vô biên,\ chứng và trú Thức vô biên xứ... Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy biết rằng: "Không có vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ... Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, vị ấy chứng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa.

X. KINH TAPUSSA (Tapussasutta) (A. IV. 438) 41. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallã, tại một thị trấn của dân chúng Mallã tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khất thực. Khất thực ở Ưruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về? Thế Tôn bảo Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, ông hãy ở đây chờ, Ta đi vào trong Đại Lâm để nghỉ ban ngày. Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

1112 KINH TĂNG CHI BỘ

Tôn giả Ãnanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào Đại Lâm ngồi nghỉ ban ngày tại một gốc cây. Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến5 đảnh lễ Tôn giả Ãnanda và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ãnanda: —Thưa Tôn giả Ãnanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục5 vui

thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả? là những gia chủ thụ hưởng các dục5 vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ- kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi dây, thưa Tôn ẹiả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này. Này gia chủ, đây là một vân đê đê nói chuyện. Này gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Ton, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì. —Thưa vâng, Tôn giả. Gia chủ Tapussa vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Rồi Tôn giả Ãnanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thua Tôn giả Ãnanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dqc, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi? thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả5 là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này." Như vậy là phải, này Ãnanda! Như vậy là phai, này Ãnanda! Này Ãnanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát5 Ta suy nghĩ như sau: “Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly!" Nhtrng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy “dây là an tjnh." Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'dây là an tjnh‘?” Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong các dục? vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy5 lợi ích của xuất ly chưa được chứng dắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy, tâm Ta

không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.,, Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguỵ hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ây,5, thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "đây là an tjnh." Rồi này Ananda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy 6íđây là an tjnh.” Này Ãnanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví nhu, này Ãnanda, đối với người sung sướng, đau khô có thê khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu

hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy chỉ tức các tầm và tứ... chứng và tni Thiền thứ hai." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tầm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tjnh." Này Ảnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đoi với không có tầm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an ti?" Rồi Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong các tầm, vì Ta khônệ làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy5 lợi ích không có tầm chưa được chứng đăc5 Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy." Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tầm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát. Này Ananda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong các tầm, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tjnh." Rồi này Ãnanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong các tầm, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thây "dây là an tjnh." Này Ãnanda, sau một thời gian, Ta diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Do Ta trú với sự an trú này? các tưởng tác ý câu hữu với tam vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: 66Vậy Ta hãy ly hỷ... chứng và trú

Thiền thứ ba." Nhưng này Ananda, tâm của Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "dây là an tjnh." Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gi, do duyên gì. tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín. không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 6đây là an tinh^?^, Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong hỷ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát.,, Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thây sự nguy hiêm trong hỷ? Ta làm cho sung mãn sự nguy hiêm ây. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức được lợi ích trong không có hỷ'\ thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "dây là an tjnh." Rồi này Ãnanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong hỷ? Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ5 Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "dây là an tịnh.99 Này Ãnanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví nhu, này Ảnanda, đối với người sung sướng, đau khô có thê khởi lên như là một chứng bệnh.

Cũng vậy5 các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rôi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: 6CVậy Ta hãy đoạn lạc đoạn khô... chứng và trú Thiền thứ tư.” Nhimg tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dâu Ta có thây "đây là an tjnh." Này Ananda, vê vân đê ây, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khố không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dâu Ta có thây 'đây là an tịnh^?^, Rồi này Ảnanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy? lợi ích không khổ không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy5 tâm Ta không hứng khởi đôi với không khô không lạc ây, không tịnh tín, không CÓ an trú, không giải thoát.,, Này Ananda, vê vân đê ây, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong xả lạc9 Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khô không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thây "đây là an tjnh." Rồi này Ảnanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong xả lạc,

.2 L .Y. Ta làm cho sung mãn sự nguy hiêm ây. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ5 Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tjnh." Này Ãnanda, sau một thời gian, Ta xả lạc xả khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ãnanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau:64Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng và trú Không vô biên xứ." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy “dây là an tjnh." Này Ãnanda, về vấn dề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tjnh'?" Rồi này Ảnanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy uđây là an tậih." Rồi này Ãnanda5 sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ9 tịnh

tín, an trú, giải thoát5 vì Ta thấy "dây là an tjnh.” Này Ãnanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tưởng... chứng và trú Không vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ananda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn5 biet rằng: 'Thức là vô biên\ chứng và trú Thức vô biên xứ." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối yới Thức VO biên xứ, không có tịnh tín, không CO an t không có giải thoát, dầu Ta có thấy “dây là an tjnh." Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gi, do duyên gì, tâm

Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh,?,, Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: “Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lọi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ây. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đôi với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Thức vô biên xứ5 tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy atđây là an tjnh.” Rồi này Ãnanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tjnh." Này Ảnanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng và trú Thức vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví nhu, này Ananda, đôi với người sung sướng, đau khô có thê khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy9 các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ãnanda? Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có vật gì\ chứng và trú Vô sở hữu xứ" Nhimg tâm của Ta không có hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ9 không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dâu Ta có thây "dây là an tậih." Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy cđây là an tịnh,?,, Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đăc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ây. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ? không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.,, Này Ananda, vê vân đê ây5 Ta suy nghĩ như sau: "Nêu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi

chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, aỉi trú, giải thoát, vì Ta có thấy “dây là an tinh?9 Rồi này Ananda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích

trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi h ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong Vô sở hữu xứ5 tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tjnh." Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chứng và trú Vô sở hữu xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ãnanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ?5 Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh.^^ Này Ananda, vê vân đê ây, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gi, do duyên gi, tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tjnh?” Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ5 vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy5 lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy5 tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, VI la co thly^day la Ă tmh7, gp p 8 }

Rồi này Ãnanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ãnanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy “dây là an tịnh.,, Này Ãnanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn... chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ananda, đôi với người sung sướng, đau khô có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy9 các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng djnh.” Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "dây là an tjnh." Này

Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì? do duyên gì? tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'dây là an tjnh?" Rồi này Ãnanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vi Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tưởng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.Này Ãnanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thây sự nguy hiêm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định5 Ta thưởng thức lợi ích ây", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định? tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy “dây là an tịĩlh.,, Rôi này Ananda, sau một thời gian, sau khi thây sự nguỵ hiêm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiêm ây. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ây. Và này Ananda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định? tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy “dây là an tjnh." Này Ãnanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ... chứng và trú Diệt thọ tưởng định, Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt. Cho đến khi nào, này Ãnanda, chín thứ đệ trú thiền chứng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ãnanda, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà- la-môn9 chư thiên và loài người, Ta chưa xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho đến khi nào, này Ãnanda, chín thứ đệ trú thiền chứng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ãnanda, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới5 Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên và loài người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tri và kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rang: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa.^,

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1119

V PHẨM TƯƠNG Tự (SÃMANNAVAGG^

L KINH TRIỀN PHƯỢC (Sambãdhasutta)15 (A. IV. 449) 42. Như vầy tôi nghe. Một thời, Ton giả Ãnanda trú ở Kosambĩ, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Udãyĩ đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Udãyĩ nói với Tôn giả Ãnanda: Thưa Hiền giả, lời này được thiên tử74 76 Pancãlacanda nói như sau: 75 uBậc thiện trí77 tìm được, Giải thoát trong triền phược, Vị giác tỉnh với thiền, Bậc Giác Giả Mâu-ni, Bậc Từ Bỏ5 Không Chấp, Bậc Anh Hùng Ẩn Sĩ.,^ Thưa Hiền githế nào là triền phược? Thế nào là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến? Này Hiền giả, năm dục trưởng dưỡng này được Thế Tôn gọi là triền phược. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả y, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận

thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hy khả ý, khả ái, iiên hệ đến dqc, hấp dẫn. Này Hiền giả, năm dục trưởng dưỡng này là triền phược, được Thế Tôn nói đến. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Cho đên như vậy, này Hiên giả5 là giải thoát khỏi triên phược được Thê Tôn nói đên với pháp môn. Nhimg ở đây vẫn có triền phược. Và ở dây, triền phược ấy là gì? Đó là tầm và tứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

74 Bản tiếng Anh của PTS: The Pancãla Chapter, nghĩa là Chương Pancãla. 75 Bản tiếng Anh của PTS: Pancãlacanda. 76 Devaputta: Thiên tử. D. III. 205 gọi là yakka. Xem s. I. 48; KS. I. 69. 77 Bhũrỉmedhaso'. Bhũrỉ là quả đất, rộng lớn, phì nhiêu, sinh động, mau chóng, trí sáng. Ở đây chỉ cho bậc thiện trí.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ...chứng và trú Thiền thứ hai. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là hỷ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược. Lại nữa, này Hiên giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả... chứng và trú Thiên thứ ba. Cho đến như vậy, này Hiền gi là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây? triền phược ấy là gì? Đó là xả lạc chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng và trú Thiền thứ tư. Cho đên như vậy, này Hiên giả, là giải thoát khỏi triên phược được Thê Tôn nói đên với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là săc tưởng chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến sai biệt tưởng, biết rằng: “Hu không là vô bien9\ chứng và trú Không vô biên xứ. Cho đến như vậy, này Hiền giả9 là giải thoát khỏi triên phược được Thê Tôn nói đên với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là Không vô biên xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược. Lại nữa, này Hiền giả? Tỷ-kheo biết rằng: "Thức là vô bi6n", vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Thức vô biên xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả5 là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở dây, triền phược ấy là gì? Đó là Thức vô biên xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược. Lại nữa? thưa Hiên giả, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: uKhông có vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả? là giải thoát khỏi triển phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là Vô sở hữu xứ chưa diệt, chính cái ây ở đây là triên phược. Lại nữa, này Hiên giả, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở dây, triền phược ấy là gì? Đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược. Lại nữa5 thưa Hiên giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn diệt. Cho đến như

vậy5 này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn. IL KINH VỊ THÂN CHỨNG (Kãyasakkhĩsutta) (A. IV. 451) 43. 'Thân chứng, tìiân chứng", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến?

Ở đây, nàỵ Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Như thế nào, như thế nào5 sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy? như vậy an trú xứ ây. Cho đên như vậy5 này Hiên giả, là thân chứng được Thê Tôn nói đến với pháp môn. Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Như thế nào5 như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ây như vậy, như vậy an trú xứ ây. Cho đên như vậy, này Hiên giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn5 chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: :Hu không là vô biên", chứng và tm Không vô biên xứ. Như thế nào? như thế nào5 sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậỵ? như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy? này Hiền giả, là thân chứng được The Tôn nói đến với pháp môn... Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Phi tưởngphi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Như thê nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn. III. KINH TUỆ GIẢI THOÁT (Pannãvimuttasutta) (4 IV. 452) 44. "Tuệ ^iải thoát, Tuệ giải thoát", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào9 này Hiền giả? Tuệ giải thoát được Thế Tôn nói đến? Ở đay? này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất... với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy5 này các Hiền giả? Tuệ giải thoát được Thế Tôn nói đến với pháp môn... Lại nữa, này Hiền giả5 Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định; sau khi thấy với trí tuệ5 các lậu hoặc được đoạn tận; với trí tuệ? vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy5 này Hiền giả5 Tuệ giải thoát được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn. IV. KINH GIẢI THOÁT CẢ HAI PHÀN (Ubhatobhãgavimuttasutta) (A. IV. 453) 45. uGiải thoát cả hai phần, giải thoát cả hai phần"này Hiền gi,được nói đến. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến? -Ở đây, nàỵ Hiền giả5 Tỷ-kheo ly dục... chứng yà trú Thiền thứ nhất. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy; với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến với pháp môn... Lại nữa, này Hiền giả5 Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các

lậu hoặc được diệt trừ. Như thê nào, như thê nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ây như vậy, như vậy an trú xứ ây; với trí tuệ5 vị ây rõ biêt. Cho đên như vậy, này Hiền giả, Tuệ giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn. V. KINH PHÁP LÀ CHÍNH THựC MÌNH THẤY (Sanditthikadhammasutta)ls (A. IV. 453) 46. 'Tháp là chính thực mình thấy, pháp là thiết thực hiện tại", này Hiền giả, được nói đến như vậy... VI.

KINH NIẾT-BÀN LÀ CHÍNH THựC MÌNH THẤY (SandiḶhikanibbãnasutta) (A. IV. 453) 47. "Niết-bàn là chính thực mình thấy, Niết-bàn là chính thực mình thấy", này Hiền giả, được nói đến như vậy... VII. KINH NIẾT-BÀN (Nỉbbãnasuttd) (A. IV. 454) 48. "Niết-bàn, Niết-bSn", này Hiền giả, được nói đến như vậy... VIII. KINH HOÀN MÃN NIẾT-BÀN (Parinibbãnasutta) (A. IV. 454) 49. "Hoàn mãn Niết-bàn, hoàn mãn Niết-bàn", này Hiền giả, được nói đến như vậy... IX. KINH CHI PHẦN NIẾT-BÀN (Tadanganibbãnasutta) (A. IV. 454) 50. "Chi phần Niết-bàn, chi phần Niết-bàn", này Hiền giả, được nói đến như vậy... X. KINH THIẾT THỰC HIỆN TẠI NIẾT-BÀN (DiḶhadhammanibbãnasutta) (Ắ. IV. 454) 51. "Thiết thực hiện tại Niết-bàn, thiết thực hiện tại Niết-bàn", này Hiền giả9 được nói đên như vậy. Cho đên như thê nào, này Hiên giả, là thiêt thực hiện tại Niết-bàn được Thế Tôn nói đến? Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Cho đến như vậy? này Hiền giả, là thiết thực hiện tại Niet-bàn được Thế Tôn nói đến với pháp môn... Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thây với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Cho đến như vậy? này Hiền gi,là thiết thực hiện tại Niết-bàn được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

78 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Tò Be Seen far Oneself, nghĩa là Chỉnh thực minh thấy.

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1123

VI. PHẢMANÔN (KHEMAK4GGA)

I. KINH AN ỔN (Khemasutta) (A. IV. 455) 52. "An ổn9 an ổn9\ này Hiền giả, được nói đến như vậy... II. KINH NGƯỜI ĐẠT AN ÔN (Khemappattasutta) (A, IV. 455) 53. "Người đạt an ôn, người đạt an 6n", này Hiên giả, được nói đên như vậy... III. KINH BẤT TỬ (Amatasutta) (4 IV. 455) 54. "Bất tử, bất tử", này Hiền giả, được nói đến như vậy... IV KINH NGƯỜI ĐẠT BẤT TỬ (Amatappattasutta) (A. IV. 455) 55. "Người đạt được bất tử, người đạt được bất tử", này Hiền giả, được nói đến như vậy... V. KINH VÔ ÚY (Abhayasutta) (4 IV. 455) 56. "V6 úy, vô liy", này Hiền giả, được nói đến như vậy... VI. KINH NGƯỜI ĐẠT VÔ ÚY (Abhayappattasutta) (4 IV. 455) 57. "Người đạt vô úy? người đạt vô liy", này Hiên giả, được nói đên như vậy... VII. KINH KHINH AN (Passaddhisutta) (A, IV. 455) 58. "Khinh an, khinh an", này Hiền giả5 được nói đến như vậy... VIII. KINH THỨ ĐỆ KHINH AN (Anupubbapassaddhisutta) (A. IV. 456) 59. "Thứ đệ khinh an, thứ đệ khinh an", này Hiền giả9 được nói đến như vậy...

IX. KINH ĐOẠN DIỆT (Nirodhasutta) (A. IV. 456) 60. "Đoạn diệt, đoạn diet", này Hiền giả, được nói đến như vậy... X. KINH THỨ ĐỆ ĐOẠN DIỆT (Anupubbanirodhasuttd) (A. IV. 456) 61. "Thứ đệ đoạn diệt, thứ đệ đoạn diet", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, thứ đệ đoạn diệt được Thế Tôn nói đến? -Ở đây5 này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Cho đến như vậy5 này Hiền giả? thứ đệ đoạn diệt được The Tôn nói đến với pháp môn... Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một

1124 KINH TĂNG CHI BỘ

cách hoàn toàn5 chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thây với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thứ đệ đoạn diệt được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn. XI. KINH KHÔNG THỂ (Abhabbasutía)19 (Ả. IV. 456) 62. Này các Tỷ-kheo, có chín pháp không đoạn trừ không có thê chứng ngộ quả A-la-hán. Thê nào là chín? Tham, sân, si, phẫn nộ5 hiềm hận, giả dối5 não hại, tật đố5 xan tham. Chín pháp này, này các Tỷ-kheo, không đoạn trừ không có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Chín pháp5 này các Tỷ-kheo, được đoạn trừ có thê chứng ngộ quả A-la- hán. Thế nào là chín? Tham, sân, si, phẫn nộ5 hiềm hận5 giả dối5 não hại, tật đố, xan tham. Chín pháp này9 này các Tỷ-kheo, được đoạn trừ có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

79 Bản tiếng Anh của PTS: Possible by Putting Away Things, nghĩa là Có khả năng bởi các pháp đoạn trừ.

VIL PHẨM NIỆM XỨ (SATIPATTHĀNAVAGGA)

L KINH TU TẬP YẾU KÉM (Sikkhâdubbalyasuttã)^ (A. IV. 457) 63. Này các Tỷ-Kheo, có năm pháp làm suy yếu học tập này. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục? nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo5 đây là năm pháp làm suy yếu học tập. Này các Tỷ-kheo5 đê đoạn tận năm pháp làm suy yêu học tập này, bôn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn? ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm đê nhiêp phục tham ưu ở đời. Vị ây trú tùy quán thọ trên các cảm thọ... Vi ấy trú tùy quán tâm trên tâm... trú tùy quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm đe nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, bốn niệm xứ cần phải tu tập.

II. KINH TRIỀN CÁI (Nĩvaranasutía) (Ả. IV. 457) 64. Này các Tỷ-kheo5 có năm triền cái80 81 này. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này. Này các Tỷ-kheo5 để đoạn tận năm triền cái này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn? ở đây? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo trú quán thân trên thân... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo5 để đoạn tận năm triền cái, bốn niệm xứ cần phải tu tập.

IIL KINH DỤC TRƯỞNG DƯỠNG (Kāmagunasutta) (A, IV. 458) 65. Này các Tỷ-kheo5 có năm dục trưởng dưỡng82 này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khả ái? liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc... hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo5 có năm dục trưởng dưỡng này.

80 Bản tiếng Anh của PTS: The Training, nghĩa là Tu tập. 81 Các triền cái. Xem 4 v. 16; D. L 246; M. I. 60; s. v. 60 82 Xem 4 IV. 415; GS. IV. 280 (kinh 34 ở trước); D. III. 234.

Này các Ty.kheo, để đoạn tận năm dục trưởng dưỡng này, bốn niệm xứ này phải tu tập. IV. KINH THỦ UẨN (Upãdãnakkhandhasutta) (4 IV. 458) 66. Này các Tỷ-kheo có năm

thủ uẩn83 này. Thế nào là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đê đoạn tận năm thủ uân này, bôn niệm xứ cân phải tu tập. Thê nào là bôn?... bôn niệm xứ này cân phải tu tập. V. KINH HẠ PHẦN KIẾT sử (Orambhãgiyasutta) (A. IV. 459) 67. Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử84 này. Thế nào là năm? Thân kiến, nghi, giới câm thủ, dục tham, sân. Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phân kiêt sử này. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tan năm hạ phần kiết sử này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập. VI. KINH SANH THÚ (Gatìsutta) (A. IV. 459) 68. Này các Tỷ-kheo, có năm sanh thú85 này. Thế nào là năm? Địa ngục? loài bàng sanh, cõi ngạ quỷ, loài người, chư thiên. Này các Tỷ-kheo9 có năm sanh thú này. Này các Tỷ-kheo9 đê đoạn tận năm sanh thú này, bôn niệm xứ cân phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

VII. KINH XAN THAM (Maccharíyasutta) ụ. IV. 459) 69. Này các Tỷ-kheo5 có năm xan tham này. Thê nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham dung sắc, xan tham pháp. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm xan tham này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập. VIII. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT sử (Uddhambhãgiyasutta) (Ả. IV. 460) 70. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? sắc ái? vô sắc ái? mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo? có năm thượng phần kiết sử này. , Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, cần phải tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập. IX. KINH TÂM HOANG vu (Cetokhilasuttdỷ6 (Ắ. IV. 460) 71. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm hoang vu87 này. Thế nào là năm?

83 Xem D. III. 233; M. III. 16; s. III. 47. 84 Xem Dili. 234. 85 XemML 73;S. V.474. 86 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.51.4. 0817al6); Thập thượng kỉnh (roi. 000L10. 0052C17); Tâm uế kỉnh (01. 0026.206. 078 15); A-tỳ-ấạt-ma Tập dị mon tủc luận (7.26. 1536.12. 0416a22). 8Cetokhilã. Xem4 III. 248; V. 17; D. III. 237; M. I. 101.

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo nghi ngờ? do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo sư. Này các T'-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyêt đoán, không có tịnh tín đôi với bậc Đạo su, Tỷ-kheo ấy không hướng vê nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng vê nô lực? hăng hái, kiên trì và tinh tân, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghi ngờ đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hy, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Tỷ-kheo? khi một vị Tỷ-kheo phẫn nộ đối với vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ? tâm dao động, trở thành hoang vu, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Như vậy gọi là tâm hoang vu thứ năm. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm tâm hoang vu này... bốn niệm xứ cần phải tu tập. X. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (Cetasovinibandhasutta)^ (A. IV. 461) 72. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phượC88 89 này. Thế nào là năm? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm không ly tham, đó là không lỵ dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt não, không ly ái nhiễm

đối với các dục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm không ly tham, đó là không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt não. không ly ái nhiễm đối với các dục, tâm của vị ấy khônệ hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng ve... như vậy là tâm triền phược thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo có tâm không ly tham đối với thân... không ly tham đối với sắc... ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, thọ hưởng sung sướng về ẹiường nằm, sung sướng về thụy miên... Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo sông đời sống Phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư thiên: "Với giới này9 với luật này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư thiên này hay loại chư thiên khác.” Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư thiên: "V&i giới này9 với luật này, với khô hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư thiên này hay loại chư thiên khSc", tâm vị này không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm. Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triên phược, muôn đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

88 Xem chú thích 86 ở trên. 89 Vìnỉbandha. Xem 4 III. 249; V. 17; D. III. 238; M. I. 101.

1128 KINH TĂNG CHI Bộ

vni. PHẨM CHÁNH CÀN (SAMMAPPADHẴNAVAGGA)

I-IX. KINH TU TẬP (Sikkhasuttdỷ^ (A. IV. 462) 73. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp làm suy yêu việc học tập (sikkhã) này. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục? nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây là năm pháp làm suy yêu việc học tập. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này5 bốn chánh cần cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác9 bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn5 sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các ác5 bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diet, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì5 không có mù mờ? được tăng trưởng, được quảng đại5 được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muôn cô găng, tinh tân, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này, bốn chánh cần này cần phải tu tập. 74-81. (Như phẩm Niệm xứ, chỉ khác "bốn niệm xii" được thay thế tcbốn chánh cần”) X. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (Cetasovinibandhasutta) (A. IV. 463) 82. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham... Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược. Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược, muốn đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn chánh cần cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Ở đây? này các Tỷ-kheo5 với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muôn cô găng, tinh tân, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiên cho các ác, bât thiện pháp đã sanh ra được trừ

90 Bản tiếng Anh của PTS: Four Right Efforts^ nghĩa là Bốn chảnh cần.

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1129

diệt, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố găng, tinh tân, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiên cho các thiện pháp đã sanh có thể duy tri, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại5 được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo5 đê đoạn tận năm tâm triên phược này, bôn chánh cân này cần phải tu tập.

1130 > KINH TĂNG CHI Bộ

IX. PHẨM BỐN NHƯÝTÚC ịỊDDHIPẢDAVAGGA)

I-IX. KINH TU TẬP (Sikkhasuttdỷ' (Â. IV. 463) 83. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp làm suy yếu việc học tập (sỉkkhã) này. Thế nào là năm? Sát sanh... đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo5 đây là năm phập làm suy yêu việc học tập. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận nămj)háp làm suy yếu việc học tập này, bốn như ý túc cần phải tu tập. Thế nào là bẩn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành... câu hữu với tâm định tinh cần hành... câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo5 để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này, bốn như ý túc này cần phải tu tập. 84-91. (Như phẩm trên, chỉ khác 66bốn niệm xứ" được thay thế "bốn như ý túc"). X. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (Cetasovinibandhasuttd) (A. IV. 464) 92. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triên phược này. Thê nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham... Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược. Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triên phược, muôn đoạn tận năm tâm triên phược này, bôn như ý túc này cân phải tu tập. Thê nào là bôn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành... câu hữu với tâm định tinh cần hành... câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đê đoạn tận năm tâm triên phược này, bôn như ý túc này cần phải tu tập.

91 Bản tiếng Anh của PTS: Four Bases ofPsychic Power, nghĩa là Bốn như ỷ tủc.

CHƯƠNG IX. CHÍN PHÁP 1131

X. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RÂGAPEYYẴLA)92 (A. IV 465)

93. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham,93 chín pháp cần phải tu tập. Thế nào là chín? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng yểm ly đối với các món ăn, tưởng không vui thích đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham. Này các Tỷ- kheo, để thắng tri tham, chín pháp này cần phải tu tập. 94. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, chín pháp cần phải tu tập. Thế nào là chín? Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ5 Diệt thọ tưởng định. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, chín pháp này cần phải tu tập. 95-112. Này các Tỷ-kheo, để liễu tri tham... để diệt tận... để đoạn tận... để trừ diệt... để hủy diệt... để ly tham... để

đoạn diệt... để trừ khử... để tò bỏ... chín pháp này cần phải tu tập. 113-432.94 Để liễu tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... giả dối... não hại... tật đố... xan tham... man trá... phản bội... ngoan cố... bồng bột.. mạn... tăngệ thượng mạn... kiêu... phóng dật... để thắng tri... để liễu tri... để diệt tận... đe đoạn diệt... để trò diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để trừ khử... để từ bỏ... chín pháp này cần phải tu tập. Thế Tôn thuyết như vậy5 các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

92 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 93-112 thuộc phần Passion (Tham), và được trình bày theo 3 mục: Kính 93 The Understanding ofPassion (a), nghĩa là Thắng tri tham (a); Kinh 94 The Understanding of Passion (b), nghĩa là Thang tri tham (b); Kinh từ 95-112 - Of Passion, nghĩa là về tham. 93 Xem các phẩm cuối, chương Bảy pháp và chương Tám pháp. 94 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh này thuộc mục IV OfOther Conditions, nghĩa là Các pháp khác.

CHƯƠNG X MƯỜI PHÁP (DASAKANIPẴTA)

L PHẨM LỢI ÍCH (ÃNISAMSAÈ4GGA)

I. KINH Ý NGHĨA GÌ (Kimatthiyasuttd) (4 V. 1) 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Roi Ton gia Ananda di den The Ton; sau khi đen, aann le The Ton roi ngoi xuong một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn: Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? —Này Ananda, các thiện giới có ý nghĩa không có hối tiếc,1 2 có lợi ích không có hối tiếc. Nhimg bạch Thế Tôn, không có hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì? Này Ananda, không có hôi tiêc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Nhưng bạch Thế Tôn5 khinh an có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. Nhtrng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Nhimg bạch Thế Tôn? định có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? Này Ãnanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì? -Này Ãnanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham; có lợi ích nhàm chán, ly tham.

1 Tham chiếu: Hà nghĩa kỉnh (7.01. 0026.42. 0485al3).

2 Avippatỉsãra. Xem 4 III. 21; D. I. 73; s. IV. 351.

—Nhimg bạch Thế T6n, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa gì5 có lợi ích gì? —Này Ananda, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến; có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy? này Ananda, các thiện giới có ý nghĩa không hôi tiêc5 có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ? có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc5 có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định5 có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật

tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán5 ly tham; có lợi ích nhàm chán, ly tham. Nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiên; có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy5 này Ananda, các thiện giới thứ lớp dẫn tới tối thượng. II. KINH NGHĨ VỚI DỤNG Ý (Cetanãkaranĩyasutta)3 (4 V. 2) 2. Này các Tỷ-kheo, với người có giói, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng không hối tiếc sẽ sanh khởi nơi ta.” Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ-kheo, với người có giới5 có giới đầy đủ5 không hối tiếc sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta." Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ- kheo, với người không hối tiếc, hân hoan sanh khởi. Này các Tỷ-kheo? với người có hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hoan hỷ sẽ sanh khởi nơi ta.” Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ- kheo, với người có hân hoan, hoan hỷ sanh khởi. Này các Tỷ-kheo5 với người có hoan hỷ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng thân ta được khinh an.” Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo? với người có hoan hỷ5 thân được khinh an. Này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng ta cảm thọ an lạc.” Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ. Này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: "Mong răng tâm ta được thiên djnh." Pháp nhĩ là vậy? này các Tỷ-kheo, với người có an lạc5 tâm được thiền định. Này các Tỷ-kheo, với người có thiên định, không cân phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta biết, ta thấy như that." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người có tâm thiền định5 biết và thấy như thật. Này các Tỷ-kheo5 người biêt và thây như thật, không cân phải làm với dụng ý: “Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham.,, Pháp nhĩ là vậy5 này các Tỷ- kheo, người biết và thấy như thật, nhàm chán và ly tham.

3 Tham chiếu: Bất tư kỉnh (7.01. 0026.43. 0485Ồ19).

Này các Tỷ-kheo5 người nhàm chán và ly tham không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến.,, Pháp nhĩ là vậy9 này các Tỷ-kheo, người nhàm chán và ly tham, chứng ngộ giải thoát tri kiến. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nhàm chán và ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến; như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán và ly tham, có lợi ích nhàm chán và ly tham; định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến; an lạc có ý nghĩa định? có lợi ích định; khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc; hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an; hân hoan có ý nghĩa hỷ, có lợi ích hỷ; không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan; các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Như vậy9 này các Tỷ-kheo9 các pháp khiến cho các pháp [khác] tăng thịnh;4 các pháp khiến các pháp [khác] viên mãn9 đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. III. KINH SỞ Y THỨ NHẤT (PaḶhamaupanisasutta)5 (4 V. 4) 3. Này các Tỷ-kheq? với ác giới, với phá giới, không hối tiếc, sở y bị diệt.6 Với không có không hối tiếc, với không hối tiếc không đầy đủ5 hân hoan sở y bị diệt. Với hân hoan không co, với hân hoan không đầy đủ9 hỷ sở y bị diệt. Với hỷ không c6, với hỷ không đầy đủ? khinh an sở y bị diệt. Với khinh an không c6, với khinh an không đầy đủ, an lạc sở y bị diệt. Với an lạc không có, với an lạc

không đầy đủ? chánh định sở y bị diệt. Với chánh định không có? với chánh định không đầy đủ5 như thật tri kiến sở y bị diệt. Với như thật tri kiến không c6, với như thật tri kiến không đầy đủ5 nhàm chán, ly tham sở y bị diệt. Với nhàm chán, ly tham không có; với nhàm chán, ly tham không đầy đủ5 giải thoát tri kiến sở y bị diệt. Ví nhu, cây không đủ cành và lá, các mầm non (cũng có nghĩa là vỏ ngoài) của cây ấy không đi đến viên mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy. này các Tỷ-kheo. với ác giới, với phá giới, không hối tiếc sở y bị diệt, yới không hối tiếc không c6, với không hối tiếc không đầy đủ... giải thoát tri kiến sở y bị diệt. Này các Tỷ-kheo? với giới có mặt, với giói có đầy đủ? không hối tiếc có sở y. Với không hôi tiêc có mặt, với không hôi tiêc có đây đủ5 hân hoan có sở y. Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ? hoan hỷ có sở y. Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ9 khinh an có sở y. Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ5 an lạc có sở y. Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy dủ, chánh định có sở y. Với chánh định có mặt5 với chánh định có đầy đủ9 như thật tri kiến có sở y. Với như thật tri kiến có mặt5 với như thật tri kiến có đầy đủ5 nhàm chán, ly tham có sở y. Với nhàm chán, ly tham có mặt; với nhàm chán, ly tham có

4 Dhammã dhamme abhỉsandentỉ,... parỉpũrentỉ. Xem D. I. 73. 5 Bặn tiếng Anh của PTS: Basis (a) (by a Teacher), nghĩa là Sởy (do đức Đạo sư thuyết). Kinh 3, 4, 5 đồng tham chiếu: Niệm kỉnh (T.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quỷ (7.01. Q026.45- 46. 0486a05-21); Giới kinh ã (T.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); Cung kính kỉnh (roi. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(T.02. 0099.495. 0129a09). 6 Hatũpaniso. Chủ giải viết hatakãrano, nghĩa là đưa đến hoại diệt.

đây dủ, giải thoát tri kiên có sở y. Ví như, này các Tỷ-kheo? một cây có đây đủ cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến viên mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 với giới có mặt, với giới có đầy đủ5 không hối tiếc có sở y. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ... giải thoát tri kiến có sở y. IV. KINH SỞ Y THỨ HAI (Dutiyaupanisasuttà)1 (4 V. 5) 4. (Như kinh 3, chỉ khác ở đây là "T6n giả Sãriputta thuyết789). V. KINH SỞ Y THỨ BA (Tatìyaupanisasuttdỷ (A. V. 6) 5. (Như kinh 3, chỉ khác ở đây là "Tôn giả Ãnanda thuyết").

VI. KINH ĐỊNH (Samãdhisuttấỷ (A. V. 7) 6. Bấy giờ? Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy? vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât? trong nước không tưởng đên nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gi6, trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ? trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy5 vị ấy vẫn có tưởng? -Này Ảnanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât9 trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió,

trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. - Nhimg bạch Thế Ton, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đên thê giới đời sau; tuy vậy, vị ây vân có tưởng? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: “Bây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niet-bàn.^, Như vậy? này Ãnanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước

7 Bản tiếng Anh của PTS: Basis (b) (by Sãrìputtă), nghĩa là Sởy (do Tôn giả Sãrỉputta thuyết). 8 Bản tiếng Anh của PTS: Basis (c) (by Ẫnandă), nghĩa là Sởy (do Tồn giả Ẫnanda thuyết). 9 Bản tiếng Anh của PTS: Concentration (a) (by a Teacher), nghĩa là Định (do bậc Đạo sư thuyết).

không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. VII. KINH TÔN GIẢ SÃRIPUTTA (Sãriputtasutía)ÌQ (Ắ. V. 8) 7. Bấy giờ, Tôn giả Ảnanda đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda nói với Tôn giả Sãriputta: _ Thưa Hiền giả Sãriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chưng thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? Này Hiền giả Ãnanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. Nhưng thưa Hiền giả Sãriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy, vị ấy có thê trong đất không tưởng đên đât... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy? vị ây vẫn có tưởng? Này Hiền giả Ãnanda, một thời, ở dây, tôi trú ở Sãvatthi, trong rừng Andha. Tại dây, tôi chứng được thiền định như sau: Trong dất, tôi không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau, tôi không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, tôi vẫn có tưởng. Nhimg trong lúc ấy, Tôn giả Sãriputta tưởng đến gì? Một tưởng khác khởi lên trong toi: "Hữu diệt là Niết-bàn?5 Một tưởng khác diệt đi trong tôi: "Hữu diệt10 là Niết-bVí như5 này Hiền giả, lửa được 1112 đốt cháy từ mảnh đá nhỏ, một ngọn lửa khác khởi lên, một ngọn lửa khác diệt đi. Cũng vậy? nàỵ Hiền giả, một tưởng khác khởi lên trong tôi, thưa Hiền giả: “Hữu diệt là Nigt-bn." M* tưởng khác diệt đi trong tôi: “Hữu diệt là Niết- bàn"; tuy vậy, trong lúc ấy tôi vẫn có tưởng. VIII. KINH NHẬP THIỀN (Jhãnasutta)n (A. V. 10) 8. Vị Tỷ-kheo có lòng tin, này các Tỷ-kheo, nhimg không có giới. Như vậy, vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: 4íLàm thế nào để ta có lòng tin và có giới nữa?" Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có

lòng tin và có giới, như vậy về chi phần ấy, Tỷ-kheo có viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không có nghe nhiều;... có nghe nhiều nhưng không có nói pháp;... có nói pháp nhưng không

10 Bản tiếng Anh của PTS: Concentration (b) (by Sãriputtă), nghĩa là Định (do Tôn giả Sãrỉputta thuyết). 11 Chỉ cho tái sanh. 12 Bản tiếng Anh của PTS: The Believer, nghĩa là Người có lòng tin.

thường tham gia với hội chúng;... thường tham gia với hội chúng nhimg không vô úy thuyết pháp cho hội chúng;... vô úy thuyết pháp cho hội chúng nhxmg không trì luật;... có trì luật nhưng không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhưng đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, khônệ có được không khó khăn, không mệt nhọc, không phí sức;... đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc? có được không phí sức nhimg không do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng n^ộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy5 vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: 6CLàm thế nào, ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc5 có được không phí sức; và do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc5 có được không phí sức; và do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vê chi phân này, vị ây được viên mãn. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến và viên mãn trong mọi phương diện. IX. KINH TỊCH TỊNH GIẢI THOÁT (Santavimokkhasutta) (^. V. 11) 9. (Như kinh 8 ở trên5 cho đến Tà người ở rừng, ở các trú xứ vắng,,). ... có trì luật, nhung không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhung đối với các tịch tịnh giải thoát13 vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy không cảm giác với thân và an trú; ... đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; nhưng do không đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy? về chi phần này, vị ấy không viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào, ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; VỒ úy thuyêt pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa văng;

13 Xem4 II. 183. về tám pháp giải thoát này do thân chứng, xem/. IV. 306; D. IL 111.

đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, ta có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có gi&i; có nghe nhiều; có thuyêt pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyêt pháp cho hội chúng; là vị trì luật; là vị ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến và viên mãn trong mọi phương diện. X. KINH VỚI CÁC MINH (Vijjasutta) (4 V. 12) 10. (Như kinh trên cho đến ấy trì luật\..)... là người trì luật, nhưng khônệ nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời5 hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sổng trước với các chi tiết và các đặc điểm9 nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm nhưng không với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ... vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ nhxmg không do đoạn diệt các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại? tự mình với thắng trí chứng ngộ9 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy không được viên mãn. Vị ây cân phải làm cho viên mãn chi phân ây5 nghĩ răng: "Làm thê nào ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúnệ vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; có thể nhớ đến nhiều đời sông trước như một đời? hai đời... có thê nhớ đên nhiêu đời sông trước với các chi tiết và các đặc điểm... với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giAi thot?" Này các Tỷ-kheo5 khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; là vị thuyết pháp; thườnệ tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; nhớ đên nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm... với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ? chứng đạt và an trú; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, viên mãn trong mọi phương diện.

1140 > KINH TĂNG CHI BỘ

n. PHẨM Hộ TRÌ (NẴTHAVAGGAẻ^

I. KINH TRÚ XỨ (Senãsanasutta) (Ả. V. 15) 11. Này các Tỷ-kheo? Tỵ-kheo thành tựu năm chi phàn, thân cận, chia sẻ trú xứ thành tựu năm chi phân, không bao lâu5 do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại5 tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần? Ở đây5 này các Tỵ-kheo? Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng ở sự

giác ngộ của Như Lai: là The Tôn? bậc A-la-hán, Chanh Đẳng Giac, Minh HạnhTúc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải? vổ Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế Ton." Vị ấy ít bệnh, ít não5 sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung binh, hợp với tinh tấn.1415 Vị ây không lừa đảo, man trá, nêu rõ mình như chân đôi với bậc Đạo su, đôi với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực, kiên tri, tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng trong các pháp thiện.16 Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [của các pháp], thể nhập Thánh quyêt trạch17 đưa đên chơn chánh đoạn diệt khô đau. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là trú xứ thành tựu năm chi phần? Ở dây, này các Tỷ-kheo, trú xứ không quá xa, không quá gần9 thuận tiện cho việc đi và đến. Ban ngày không đông đúc, ban đêm không ôn ào, không huyên náo. ít xúc chạm với ruồi, muỗi, gi6, sức nóng mặt trời và các loại rắn rít. Tại trú xứ ấy, tìm được không mệt nhọc các vật dụng như y áo5 đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Tại trú xứ ấy, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến ở là những bậc nghe nhiều,

14 Nãtha. Như tên gọi cư sĩ Anãthapindika nghĩa là người giúp đỡ cho những ai đang cần sự giúp đỡ.

15 Majjhimaya padhãnakkhamãya.

16 Xem/C5. V. 173.

17 Xem^S. V. 175.

được trao truyền kinh điển, là những bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, thường thường đến các vị ấy tìm hiểu, hỏi han: "Thua Tôn giả, cái này là thế nào? Y nghĩa cái này là gi?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa mở rộng9 trình bày những gì chưa trình bày, đối với những vấn đề còn khởi lên những nghi vấn, vị ấy giải tỏa các nghi vấn ấy. Này các Tỷ-kheo, trú xứ như vậy thành tựu năm chi phần. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần, thân cận5 chia sẻ trú xứ thành tựu năm chi phân, không bao lâu5 do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. II. KINH NẢM CHI PHẦN (Pancangasutta) (A. V. 16) 12. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần? thành tựu năm chi phần, được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo, đã thành tựu viên mãn, là bậc tôi thượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận dục tham, đoạn tận sân? đoạn tận hôn trầm thụy miên, đoạn tận trạo hối5 đoạn tận nghi. Như vậy? này các Tỷkheo? là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần, được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo5 đã thành tựu viên mãn5 là bậc tối thượng. Không dục tham, không sân, Không hôn trầm thụy miên, Không trạo cử? không nghi,

Tỷ-kheo hoàn toàn không. Với vô học giới uẩn, Định uẩn và tuệ uẩn, Đầy đủ với giải thoát, Với tri kiến như vậy. Vị Tỷ-kheo như vậy5 Đầy đủ năm chi phần? Đoạn tận năm chi phần, Trong Pháp và Luật này, Được gọi vị đầy đủ, Hoàn toàn mọi phương diện.

IIL KINH CÁC KIẾT SỬ (Samyojanasutta) (A. V. 17) 13. Này các Tỷ-kheo? có mười kiết sử này. Thế nào là mười? Năm hạ phần kiết sử, năm thượng phàn kiết sử. Thế nào là năm hạ phần kiết sử? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Đây là năm hạ phần kiết sử. Thê nào là năm thượng phân kiêt sử? Săc ái5 vô săc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo9 đây là mười kiết sử. IV KINH TÂM HOANG vu (Cetokhiỉasutta)^ (4 V. 17) 14. Này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào năm tâm hoang vu chưa được đoạn tận, năm tâm triên phược chưa được căt dứt, với vị ây9 đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự tổn giảm trong các thiện pháp, không phải là tăng trưởng. Như thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn tận? Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo su, do dự? không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự9 không quyêt đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ây không hướng vê nhiệt tâm, chuyên chii, kiên trì, tinh tân. Nêu tâm của ai không hướng vê nhiệt tâm, chuyên chú, kiên tri, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được đoạn tận. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dụ*, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú5 kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được đoạn tận. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dụ*, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng? do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên tri, tinh tân. Nêu tâm của ai không hướng vê nhiệt tâm, chuyên chú5 kiên tri, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được đoạn tận. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự? không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự9 không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư chưa được đoạn tận.

18 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.51.4. 0817al6); Thập thượng kỉnh (rQL.JpOpl.lp. 0052C17); Tâm uế (roi. 0026.206. 0780b 15); A-tỳ-ấạt-ma Tập dị môn luận (726. 1536.12. 0416a22).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phân nộ đôi với các vị đông Phạm hạnh, không có hoan hỷ9 tâm tư chống đối5 cứng rắn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo nào phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ? tâm tư chống đối, cứng rắn, thời tâm của vị này không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai

không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm chưa được đoạn tận. Như vậy là năm tâm hoang vu chưa được đoạn tận. Thê nào là năm tâm triên phược chưa được căt đứt? Này các Tỷ-kheo, ở đây5 vị Tỷ-kheo đối với những dục, không phải không tham ái, không phải không tham dục, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt não, không phải không khát ái. Này các Ty.kheo, Tỷ-kheo nào đối với những dục? không phải không tham ái... không phải không khát ái, thời tâm của vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì5 tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú5 kiên tri, tinh tân? như vậy là tâm triên phược thứ nhât chưa được cắt đứt. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với tự thân, không phải không tham ái... như vậy là tâm triên phược thứ hai chưa được căt đứt. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các sắc pháp, không phải không tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ ba chưa được cắt đứt. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy? sống thiên về khoái lạc sàng tọa, khoái lạc ngủ nghi, khoái lạc thụy miên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê? cho đến bụng chứa đầy... như vậy là tâm triền phược thứ tư chưa được cắt đứt. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sông Phạm hạnh với mong câu được sanh thiên giới, có ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh... như vậy là tâm triền phược thứ năm chưa được cắt đứt. Như vậy là năm tâm triền phược chưa được cắt đứt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, năm tâm hoang vu này chưa được đoạn tận, năm tâm triên phược này chưa được căt dứt, với vị ây, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự tổn giảm trong các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào năm tâm hoang vu đã được đoạn tận? năm tâm triền phược đã được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày dến, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. Thế nào là năm tâm hoang vu đã được đoạn tận? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ bậc Đạo su, không do dự5 quyết đoán, tịnh tín. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào không nghi ngờ bậc

Đạo sư9 không do dự5 quyết đoán, tịnh tín, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất đã được đoạn tận. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào không nghi ngờ Pháp... không nghi ngờ Tăng... không nghi ngờ học pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào khônẹ nghi ngờ học pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín, thời tâm vị ấy hướng ve nhiệt tâm, chuyên chú, kiên tri, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên tri, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư đã được đoạn tận. Lại nữa. này các Tỷ>kheo5 Tỷ-kheo nào không phân nộ đôi với các vị đông Phạm hạnh, hoan hỷ, tâm tư không chống đối5 không cứng rắn. Tỷ-kheo nào không phẫn nộ đối với các vị đồn^g Phạm hạnh, hoan hỷ, tâm tư không chống đối, không cứng rắn? thời tâm vị ây hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tan. Neu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì5 tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm đã được đoạn tận. Như vậy là năm

tâm hoang vu đã được đoạn tận. Thế nào là năm tâm triền phược đã được cắt đứt? Này các Tỷ-kheo, ở dây, Tỷ-kheo đối với những dục, không có tham ái5 không có tham dục, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt não5 không có khát ái. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào đối với những dục, không có tham ái, không có tham dục, không có ái luyên, khônẹ có khao khát, không có nhiệt não, không có khát ái, thời tâm vị ây hướng vê nhiệt tâm, chuyên chú5 kiên tri, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướnậ về nhiệt tâm5 chuyên chú, kiên tri, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhát đã được cắt đứt. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào đối với tự thân, không có tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ hai đã được cắt đứt. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các sắc pháp, không có tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ ba đã được cắt đứt. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo nào không ăn cho đến thỏa thuê, cho đên bụng chứa đây, không thiên nặng vê khoái lạc sàng tọa, khoái lạc ngủ nghỉ, khoái lạc thụy miên, không có tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ tư đã được cắt đứt. Lại nữa9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sông Phạm hạnh, không mong câu được sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với hạnh này, với khô hạnh này, hay với Phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh? không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khô hạnh này, hay với Phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác”, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú? kiên tri, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên tri, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm đã được cắt đứt.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1145

y ĩ

Như vậy là năm tâm triên phược đã được căt đứt. Này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, năm tâm hoang vu đã được đoạn tận, năm tâm triền phược này đã được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự lớn mạnh trong thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong độ trăng tròn,19 đêm đến hay ngày đến, mặt trăng được tăng trưởng về dung sắc, được tăng trưởng về hình tròn5 được tăng trưởng vê ánh sáng, được tăng trưởng vê bê cao, bê rộng của quỹ đạo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, năm tâm hoang vu đã được đoạn tận, năm tâm triền phược đã được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày dến, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. V. KINH KHÔNG PHÓNG DẶT (Appamãdasutta) (A. V. 21) 15. Này các Tỷ-kheo? cho đến các loài hữu tình không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân, hay có sắc, hay không sắc, hay có tưởng, hay không tưởng, hay phi tưởng phi phi tưởng, Như Lai được gọi là tối thượng giữa họ5 bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong các pháp ấy.20 Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những dấu chân của các loại chúng sanh bộ hành nào,21 tất cả đều hội tụ trong dấu chân con voi và dấu chân con voi được gọi là tối thượng trong tất cả loại dấu chân, tức là về phần to lớn. Cũng vậy,

này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp. Ví như, các đòn tay nào của một ngôi nhà có nóc nhọn, tất cả đều đi đến mái nhọn5 hướng đến mái nhọn, quy tụ vào mái nhọn, mái nhọn đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? phàm có những thiện pháp nào. tất cả những pháp ấy đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại rễ hương nào, loại mủ keo đen22 được gọi là tối thượng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả các thiện pháp. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 phàm có những loại lõi hương nào, loại Chiên- đàn đỏ được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp.

19 Xem 4 V. 121; GS. V. 83 (kinh 67 ở sau); s. II. 106; KS. II. 139. 20 Xem4 II. 34; III. 35. 21 Jangala. Xem KS. V. 34ff. 22 KãḶãnusãrỉya'. Một loại mủ keo đen đặc chảy từ một loại cây ở Sumatra, không phải là Chiên-đàn đen.

Ví nhu, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại hương nào, vũ quý hoa được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp. Ví như, này các Tỷ-kheo5 phàm có những tiểu vương nào, tất cả đều tùy thuộc Chuyên Luân Vương, Chuyên Luân Vương đôi với họ được gọi là tôi thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm ánh sáng của loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng mặt trăng đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp. Ví như, này các Tỷ-kheo5 vào mùa thu, khi hư không mở rộng, không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên trời không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, rực sáng, bừng sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunã, sông Aciravatĩ, sông Sarabhũ, sông Mahĩ, tất cả con sông ấy đều đi đến biên? hướng đến biên, thuận xuôi vê biên, hướng nhập vào biên, biên lớn được gọi là tối thượng với chúng. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tq, không phóng dật được gọi là tối thượng trong các pháp ấy. VI. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (�four="Ahuneyyasuttd)13 (A. V. 23) 16. Này các Tỷ-kheo5 mười hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là mười? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; bậc Độc Giác; bậc Giải Thoát Cả Hai Phần; bậc Tuệ Giải Thoát; bậc Thân Chứng; bậc Kiến Chí; bậc Tín Giải Thoát; bậc Tùy Pháp Hành; bậc Tùy Tín Hành; bậc Chuyển Tánh. Này các Tỷ-kheo, mười hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng? đáng được cúng dường? đáng được chắp tay5 là vô thượng phước điền ở đời. VII. KINH VỊ HỘ TRÌ THỨ NHẤT (PaḶhamanăthasutta)23 24 (4 V. 23)

17. Này các Tỷ-kheo5 hãy trú với vị hộ trì5 chớ trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, đau khổ là người sống không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo? mười pháp này tạo thành vị hộ trì. Thế nào là mười?

23 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.44.8. 0767b27). 24 Tham chiếu: Trụ pháp kỉnh (7.01. 0026.95. 0577b02).

Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo có giới, sông chê ngự với sự chê ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), đây đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào có giới, sống chế ngự với sự chê ngự của Giới bổn (Pãtimokkhă). đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp5 đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghia, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; những pháp ay, vị ấy đã nghe nhiều5 đã thọ trì5 đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát với ý5 đã thê nhập với chánh kiên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo nào nghe nhiêu,... thể nhập với chánh kiến, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo nào dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói5 kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo, phàm có những công việc gì cần phải làm5 hoặc lớn, hoặc nhỏ đối với các vị đồng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự quán sát các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo nào, phàm có những công việc gì... vừa đủ để tổ chức, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương,25 hân hoan trong Thắng pháp, trong Thắng luật. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong Thắng pháp, trong Thắng luật, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo sông tinh cân tinh tân, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đôi với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo? phàm Tỷ-kheo nào sông tinh Cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo5 phàm Tỷ-kheo nào biết đủ đối với các vật dụng như y, đô ăn khât thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

25 Pỉyasamudãhãra. AA. V. 6 giải thích là sự chú tâm khi nghe người khác nói và cũng ưa bày tỏ quan điểm của mình trước mọi người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chánh niệm5 thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm việc đã làm từ lâu9 đã nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo5 phàm Tỷ-kheo nào chánh niệm... đã nói từ lâu, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diet, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo? phàm Tỷ-kheo nào có trí tuệ... đoạn tận khổ dau, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, hãy trú với vị hộ tri, chớ trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, đau khổ là người trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo5 đây là mười pháp tác thành vị hộ trì. VIII. KINH VỊ Hộ TRÌ THỨ HAI (Dutìyanãthasutta)26 (4 V. 25) 18. Như vầy tôi nghe... Này các Tỷ-kheo, hãy trú với vị hộ trì? chớ trú không có vị hộ trì. Đau khổ, này các Tỷ-kheo, là người trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo5 có mười pháp tác thành vị hộ trì này. Thế nào là mười? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp, nghĩ rằng: "Thật sự có giới là Tỷ-kheo này. Vị này trú, được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn (Pãtimokkha). đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp." Các trưởng lão Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng nói đến, đáng được giáo giới. Các tnmg niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến5 đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão Tỷ- kheo thương tưởng, được các trung niên Tỷ-kheo thương tưởng, được các tân học Tỷ-kheo thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo là vị nghe nhiều... khéo thông đạt nhờ chánh kiến, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này là vị nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe; những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát băng ý9 khéo thông đạt nhờ chánh kiên.^, Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão Tỷ-kheo thương tưởng, được các trung niên Tỷ-kheo thương tưởng, được các tân học Tỷ-kheo thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành sự hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này làm bạn với

26 Tham chiếu: Trụ pháp kỉnh (T.01. 0026.95. 0577ỒỒ2).

thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu." Các tnrởng lão Tỷ- kheo... Các trunệ niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đên? đáng được giáo giới. Với vị ây... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo dễ nói9 thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này, dễ nói5 thành tựu những pháp tác thành người dễ nói5 kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo gi&i." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng

được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo, phàm có những công việc gì càn phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ đối với các đồng Phạm hạnh, ở đây5 vị ấy khéo léo và tinh cần? thành tựu suy tư đến các phương tiện vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đên Tỷ-kheo ây đáng được nói đên, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ưa pháp? cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong Thắng pháp, Thắng luật, nghĩ rằng: "Thật sự vị Tỷ- kheo này ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong Thắng pháp5 Thắng luật?5 Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa sông tinh cân tinh tân? đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì9 khônẹ bỏ rơi gánh nặng đôi với các thiện pháp5 nghĩ răng: "Thật sự Tỷ-kheo này sông tinh cần tinh tấn5 đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên tri, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo biết đủ với các vật dụng như y, ẩm thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này biết đủ với các vật dụng như y, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị benh." Các trưởng lão Tỷ- kheo... Các trunệ niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm việc đã làm, đã nói từ lâu, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ- kheo này chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tôi thăng... đã làm, đã nói từ 12u." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thể nhập Thánh quyết trạch, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau5 nghĩ rằng:

uThật sự Tỷ-kheo này có trí tuệ5 thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thể nhập Thánh quyết trạch, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau?9 Các trưởng lão Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Các trung niên Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ây đánệ được nói đên5 đáng được giáo giới. Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đên Tỷ-kheo ây đáng được nói đên5 đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão Tỷ-kheo thương tưởng, được các trung niên Tỷ-kheo thương tưởng, được các tân học Tỷ-kheo thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, hãy trú có vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Đau khổ, này các Tỷ-kheo, là người trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo5 đây là mười pháp tác thành vị hộ trì. IX. KINH THÁNH CƯ THỨ NHẤT (PaḶhamaariyãvãsasutta) (Ắ. V. 29) 19. Này các Tỷ-kheo5 có mười Thánh cư27 này, với những Thánh cư này? các bậc Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống. Thế nào là mười? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu sáu chi trừ khử sự

thật cá nhân, đã đoạn tận hoàn phần, hộ trì một sự, đầy đủ bốn y cứ,2829 toàn các tầm cầu,29 các tư duy không có uế trược? thân hành được khinh an, tâm được khéo giải thoát, tuệ được khéo giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây là mười Thánh cu, với những Thánh cư này5 các bậc Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống. X. KINH THÁNH CƯ THỨ HAI (Dutiyaariyãvãsasuttaý^ (4 V. 29) 20. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chung Kuru, tại một thị trấn của bộ tộc Kuru, gọi là Kammăsadhamma. Ở đây9 Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 có mười Thánh cư này; với những Thánh cư này5 các vị Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống. Thế nào là mười? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu sáu chi phần, hộ trì một sự, đầy đủ bốn y cứ, trừ khử sự thật cá nhân, đã đoạn tận hoàn toàn các tâm câu, các tư duy không có uê trược, thân hành được khinh an, tâm được khéo giải thoát, tuệ được khéo giải thoát. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đoạn tận năm chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo đoạn tận dục tham, đoạn tận sân, đoạn

27 Thánh cư này được Vua Asoka khắc vào bia ký Bhabra để các Tỷ-kheo y cứ hành trì. Xem D. III. 269; GS.V. 21. 28 Caturãpasseno. Apassaya: Cái gối, cái nệm. Xem D. III. 216. 29 AA. V 10: Samavayasatthesanoti ettha avayãtỉ anũnã, satthãtỉ vỉssaịthã (t4Đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu": Trong tnrờng hợp này, avayă là hoàn toàn, satthã là gạt bỏ, đoạn tận). Xem GS. II. 48. 3Tham chiếu: Tăng.(7L02. 0125.46.2. 775cl9); Tạp.(T.02. 0099.71. 0018b28).

tận hôn trầm thụy miên, đoạn tận trạo hối5 đoạn tận nghi. Như vậy5 này các Tỷ- kheo, là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không có hân hoan, không có thất vọng5 trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả5 chánh niệm tỉnh giác; khi mũi ngửi hương, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi lưỡi nếm vị, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả5 chánh niệm tỉnh giác; khi thân cảm xúc, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả? chánh niệm tỉnh giác; khi ý biết pháp, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì một sự? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu với tâm được niệm hộ trì. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo hộ trì một sự. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ bốn y cứ? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có đắn đo thân cận một sự, có đắn đo kham nhẫn một sự, có đắn đo tránh né một sự, có đắn đo trừ khử một sự. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo đầy đủ bốn y cứ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân? Ở đây5 này các Tỷ-kheo5 đối với những sự thật sai biệt phổ thông được các Sa-môn5 Bà-la-môn phổ thông chấp nhận nhu: "Thế giới là thường còn5 thế giới là không thường còn; thế giới có giới hạn, thế giới không giới hạn; sinh mạng với thân thể là một, sinh mạng với thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không tôn tại sau khi chết; Như Lai có tôn tại và không có tôn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Tất cả những tin tưởng

được trừ diệt, trừ bỏ5 xả bỏ5 quăng bỏ9 giải tỏa? đoạn tận9 từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo trừ khử những sự thật cá nhân. Và này các Tỷ-kheo. như thê là Tỷ-kheo đã được tận đoạn hoàn toàn các tầm cẩu? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận dục tầm cầu, đã đoạn tận hữu tâm câu, Phạm hạnh tâm câu được khinh an. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là Tỷ- kheo đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu. Và này các Tỷ-kheo5 như thê nào là Tỷ-kheo có các tư duy không có uê trược? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận dục tư duy, đã đoạn tận sân tư duy, đã đoạn tận hại tư duy. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo có các tư duy không có uế trược. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo tâm hành được khinh an? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khổ5 chấm dứt hỷ ưu đã

cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tâm hành được khinh an. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tâm được khéo giải thoát? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tâm được giải thoát khỏi tham, tâm được giải thoát khỏi sân, tâm được giải thoát khỏi si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tâm được khéo giải thoát. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo với tuệ khéo giải thoát? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo biết rằng: "Tham ái đã được đoạn tận nơi ta, được chặt đứt từ gốc rễ, làm thành như thân cây Sãla? làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai” rõ biết rằng: "Sân đã được đoạn tận nơi ta... trong tương lai"; rõ biết rằng: "Si đã được đoạn tận nơi ta, được chặt đứt từ gốc rễ, làm thành như thân cây Sãla, làm cho không thể tái sanh5 làm cho không thể sanh khởi trong tương lai." Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo với tuệ khéo giải thoát. Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong quá khứ đã sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy đã sống theo mười Thánh cư này. Này các Tỷ- kheo, tất cả những vị Thánh nào trong tương lai sẽ sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy sẽ sống theo mười Thánh cư này. Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong hiện tại đang sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy đang sống theo mười Thánh cư này. Này các Tỷ-kheo, đây là mười Thánh cư mà các vị Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống.

III. PHẨM LỚN (MAHẴVĂGGA)

L KINH TIẾNG RỐNG sư TỬ (Sĩhanãdasutta)31 (A. V. 32) 21. Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều, từ hang đi ra; sau khi từ hang đi ra, nó duỗi chân; sau khi duỗi chân, nó nhìn xung quanh bốn phương; sau khi nhìn xung quanh bốn phương, nó rống lên ba lan tiếng rống con sư tử; sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, nó ra đi tìm mồi. Vì sao? Nó rống với ý nghĩ: "Mong rằng ta không làm tàn hại các loài thú nhỏ đi lạc dường." Này các Tỷ-kheo5 con sư tử là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la- hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai thuyết pháp trong hội chúng, đây chỉ cho tiếng rống con sư tử. Này các Tỷ-kheo? có mười Như Lai lực này của Như Lai; thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngiru vương, rống lên

tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười? Ở đây, này các Tỷ-kheo? Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ.32 Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này5 Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Này các Tỷ-kheo? Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Như Lai như thật rõ biêt con đường đưa đên tât cả sanh thú. Này các Tỷ-kheo? Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biêt thê ệiới với nhiêu giới, nhiều sai biệt. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Như Lai như thật rõ biết chí hướng sai biệt của các loài chúng sanh. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

31 Tham chiếu: Tdg.(7.02. 0125.46.4. 0776bl4); Tạp. (T.02^0099.684. 0186b26); Tạp. (T.02. 0099.701. 0189a07); Phật thuyết Tháp lực kỉnh +(r 17. 0780-0781. 0715c07-Ò718c08); Phật thuyết Tin giải trí lực kỉnh (T.17. 0802. 0747al9); Tạp.(7L02. 0099.686-687. O187b27-C13). 32 Xem GS. IL 9; III. 295.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Như Lai như thật rõ biết những căn thượng hạ của các loại chúng sanh, loài người. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biêt... và chuyên Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biêt sự tạp nhiêm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời5 hai đời5 ba đời? bốn đời, năm đời, mười đời5 hai mươi đời5 ba mươi đời, bốn mươi đời5 năm mươi đời5 một trăm đời? một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiêp5 nhiêu thành kiêp, nhiêu thành kiêp và hoại kiêp. Như Lai nhớ răng: tcTại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này5 J 7 ĩ 7 ỉ r - £

thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này; sau khi chêt tại chô kia, Ta được sanh ra chỗ nọ; tại chỗ này5 Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này; sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở dây"; như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này các Tỷ-kheo? Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ... các nét đại cương và chi tiết; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này? Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ9 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời9 về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi

dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý? không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên các cõi thiện, thiên giới9 cõi đời này. Như vậy? Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thây sự sông chêt của chúng sanh. Như Lai biêt răng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh... hạnh nghiệp của họ; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc5 ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu

tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này5 Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Này các Tỷ-kheo? đây là mười Như Lai lực của Như Lai; chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. II. KINH NHỮNG TUYÊN BỐ VÈ PHÁP (Adhivuttìpadasutta) (A. V. 36) 22. Bấy giờ, Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ananda, phàm những pháp nào đưa đến sự chứng ngộ với thắng trí, các tuyên bố về giáo lý, này Ảnanda; ở đây9 Ta vô úy tự nhận thuyết pháp về chúng, về chúng như thế ấy, như thế ấy, khiến cho người nào như vậy, như vậy thực hành; nếu là có, sẽ biết là có; nếu là không có, sẽ biết là không có; nếu là hạ liệt, sẽ biết là ha liệt; nếu là thù thắng, sẽ biết là thù thắnệ nếu là có trên? sẽ biết là có trên; nếu là yô thượng, sẽ biết là vô thượng. Vì rang, cái gì người ấy có thể biết, có thể thấy, có thể chứng ngộ, người đó sẽ biết được, sẽ thấy được9 sẽ chứng ngộ5 sự kiện này có xảy ra. Này Ãnanda. cái này là vô thượng đối với các trí, chính là như thật trí đối với vấn đề này hay vấn đề khác. Và này Ananda, do vậy5 Ta tuyên bô răng ngoài trí này, không có một trí nào khác cao thượng hơn, thù thăng hơn. Này Ananda, có mười Như Lai lực này của Như Lai; chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vuơng, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười? Ở dây, này Ãnanda, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này Ananda, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngiru vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ananda, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Này Ảnanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ananda, Như Lai như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả sanh thú. Này Ãnanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ananda, Như Lai như thật rõ biết thế giới với nhiều giới,

nhiều sai biệt. Này Ananda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ãnanda, Như Lai như thật rõ biết chí hướng sai biệt của các loài chúng sanh. Này Ãnanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ãnanda, Như Lai như thật rõ biết những căn thượng hạ của các loài chúng sanh, loài người. Này Ảnanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Anand Như Lai như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định. Này Ảnanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ãnanda, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một dời, hai đời, ba đời... như vậy5 Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Ananda, Như Lai nhớ đen nhiều đời sống quá khứ... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ananda, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai biết rằng chúng sanh, người hạ liệt? kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Ảnanda, Như Lai với Thiên nhãn... và chuyển Phạm luân. Lại nữa, này Ãnanda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Ãnanda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại? tự mình với thăng trí chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này5 Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyên Phạm luân. Này Ananda, đây là mười Như Lai lực của Như Lai; chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. III. KINH VỚI THÂN (Kãyasutta) (4 V. 39) 23. Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời. Này các Tỷ-kheo, có những pháp cân phải đoạn tận với lời, không phải với thân. Này các Tỷ-kheo, có những pháp cân phải đoạn tận không phải với thân, không phải với lời5 mà sau khi thây, sau khi thây với trí tuệ, cân phải đoạn tận. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là những pháp cân phải đoạn tận với thân, không phải với lời? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có phạm điều bất thiện về thân, về một vân đê gì. Sau khi suy xét vê vân đê ây, các vị đông Phạm hạnh có trí đã nói với vị ây: Tôn giả có phạm điêu bat thiện ve than, vê một vân đê này. Thật tot lành thay, nếu Tôn giả từ bỏ thân làm ác và tu tập thân làm thiện !,9 Vị ấy được các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi suy xét nói như vậy, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm thiện. Này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với thân? không phải với lời. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là những pháp cân phải đoạn tận với lời, không phải với thân? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm điều bất thiện về lời, về một vấn

đề gì. Sau khi suy xét về yấn đề ấy, các vị đồng Phạm hạnh có trí đã nói vị ấy: "Tôn giả có phạm điều bất thiện về lời, về một vấn đề này. Thật tốt lành thay, nếu Tôn giả từ bỏ lời nói ác, tu tập lời nói thiện!,9 Vị ấy được các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi suy xét

nói như vậy, đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói thiện. Này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với lời5 không phải với thân. Và này các Tỷ-kheo5 thê nào là các pháp cân phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời? mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ9 cần phải đoạn tận? Tham, này các Tỷ-kheo? cần phải đoạn tận không phải với thân? cũng không phải với l&i, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ9 cần phải đoạn tận. Sân5 này các Tỷ-kheo... Si, này các Tỷ-kheo... Phẫn nộ9 này các Tỷ-kheo... Hiềm hận, này các Tỷ-kheo... Gièm pha, này các Tỷ-kheo... Não hại? này các Tỷ- kheo... Xan tham, này các Tỷ-kheo5 cần phải đoạn tận9 không phải với than, không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận. Ác tật đố? này các Tỷ-kheo9 cần phải đoạn tận, không phải với than, không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác tật đố? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người gia chủ hay con người gia chủ5 dồi dào, phong phú về tài sản5 về lúa gạo, về bạc hay vàng; ở dây, một người nô tỳ hay nẹười phục vụ khởi lên ý nghĩ như sau: "Oi, mong rằng sự dồi dào? phong phú vê tài sản9 vê lúa gạo, vê bạc hay vàng thật sự không thuộc về người gia chủ hay con người gia chủ nay!95 Hay một Sa-môn5 Bà-la-môn có được các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở dây, một Sa-môn hay Bà-la-môn khác khởi lên ý nghĩ như sau: "Oi, mong rằng vị Tôn giả này không nhận được các vật dụng như y áo5 đồ ăn khất thực, sàng tọa9 dược phẩm trị beh!” Này các Tỷ-kheo? đây gọi là ác tật đố. Ác tật đố9 này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời mà sau khi thấy5 sau khi thấy với trí tuệ5 cần phải đoạn tận. Này các Tỷ-kheo9 ác dục cần phải đoạn tận5 không phải với thân, cũng không phải với lời5 mà sau khi thấy5 sau khi thấy với trí tuệ5 cần phải đoạn tận. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác dục? Ở đây? này các Tỷ-kheo, có người không có lòng tin lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta có lòng tin,,; có ác giới lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người có gi&i"; nghe ít lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người nghe nhieu,5; là người ưa thích hội chúng lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người sống viễn ly"; là người biếng nhác lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người tinh cần tinh tấn” là người thất niệm lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người niệm được an trú"; là người không có định lại muốn rằng:

"Mong rằng họ biết ta là người có djnh"; là người ác tuệ lại muốn rằng: “Mong rằng họ biết ta là người có trí tue” là người chưa đoạn tận các lậu hoặc lại muốn rằng: “Mong rằng họ biết ta là người đã đoạn tận các lậu ho/c." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ác dục. Ác dục này, này các Tỷ-kheo5 cần phải đoạn tận5 không phải với thân, cũng không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, nêu tham chinh phục Tỷ-kheo và phát triên5 nêu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo và phát triển, vị ấy cần phải được hiểu như sau: "T6n giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt; như vậy, tham chinh phục vị ấy và phát triển. Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não

hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... Tôn giả này không rõ biết như thê nào đê ác dục không có mặt; như vậy5 ác dục chinh phục vị ây và phát triên?5 Nhxmg này các Tỷ-kheo9 nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo và không phát triên, nêu sân... nêu si... nêu phân nộ... nêu hiêm hận... nêu gièm pha... nêu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo và không phát triển, vị ấy cần phải được hiểu như sau: "Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt; như vậy, tham không chinh phục vị ấy và không phát trien. Ton giả nay rõ biet như the nao de san khong co mặt... si... phân nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... xan tham... ác tật đố... ác dục không có mặt; như vậy, ác dục không chinh phục vị ấy và không phát triển."

IV. KINH MAHẢCUNDA (Mahãcundasuttăý3 (4 V. 41) 24. Một thời, Tôn giả Mahãcunda trú giữa dân chúng Ceti, tại Sahạjãti. Tại đấy, Tôn giả Mahãcunda gọi các Tỷ-kheo: Này các Hiền giả Tỷ-kheo! —Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãcunda. Tôn giả Mahăcunda nói như sau: -Thưa các Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thuyết về trí, nói rằng: "T6i biết pháp này, tôi thây pháp này.,, Này chư Hiên, nêu tham chinh phục Tỷ-kheo ây và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại? vị ấy cần phải được hiểu như sau: "Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt? như vậy tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại. Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt., si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não

33 Tham chiếu: Tri pháp kỉnh (roi. 0026.90. 0572cl4).

hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy các ác dục chinh phục Tỷ-kheo ây và tôn tại." Thưa các Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thuyết về tu tập? nói rằng: "T6i được tu tập về thân, được tu tập về giới, được tu tập về tâm, được tu tập về tuệ.,, Thưa chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: uVị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt? vì rằng tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại. Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không cố mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy các ác dục chinh phục vị ấy và tồn t@i" Và này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập5 nói rằng^ "T6i biết pháp này, tôi thấy pháp này? tôi được tu tập về thân, tôi được tu tập về giới? tôi được tu tập về tâm, tôi được tu tập về tue." Này chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ây và tôn tại, nêu sân... nêu si... nêu phân nộ... nêu hiêm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ây và tôn tại, vị ây cân phải được hiêu như sau: Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... như vậy? ác dục chinh phục vị ấy

và tồn tại." Ví nhu, này chư Hiên, có người nghèo khô có thê nói vê giàu sang, không có tài sản có thể nói về tài sản, không có sở hữu có thể nói về sở hữu; nhưng khi cơ hội tạo ra tài sản đến5 vị ấy không thể tạo thành tài sản5 lúa gạo5 bạc hay vàng. Người ta có thể biết về người ấy như sau: uVị này tuy nghèo khổ lại nói về giàu sang, vị này tuy không có tài sản lại nói về tài sản, vị này tuy không có sở hữu lại nói về sở hữu. Vì cớ sao? Vì rằng, vị này khi có cơ hội tạo ra tài sản đên9 vị ây không thê tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng." Cũng vậy? này chư Hiền, vị Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "T6i biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi được tu tập về thân, tôi được tu tập về giới, tôi được tu tập yề tâm, tôi được tu tập về tixệy Này chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ- kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: này không rõ biết như thế nào để tham khônệ có mặt...sân không có mặt... si không có mặt... như vậy ác dục chinh phục vị ấy và tồn tại." Này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí nói rằng: "T6i biết pháp này9 toi thấy pháp này.” Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nêu hiêm hận...nêu gièm pha... nếu não hại... nêu xan tham... nêu ác tật đô... nêu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ây và tôn tại, vị ây cân phải được biêt như sau: Tôn giả này rõ biêt như thê nào

để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt...não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt? như vậy ác dục không chinh phục vị này và tồn tại?5 Này chư Hiền, Tỷ"kheo thuyết yề tu tap, nói rằng: "Tôi có tu tập về thân, toi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, toi có tu tập về tue.” Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ây và tôn tại... nêu sân... nêu si... nêu phẫn nộ... nêu hiêm hận... nêu gièm pha... nêu não hại... nêu xan tìiam... nêu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục khồng có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị này và tồn tại." Này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm5 tôi có tu tập về tue." Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại? vị ấy cần phải được biết như sau: uVị Tôn giả này biêt rõ như thê nào đê tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt...phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị ấy và tồn tại." Này chư Hiên, ví nhu, một người giàu sang có thê nói vê giàu sang, một người có tài sản có thể nói về tài sản; một n^ười có sở hữu có thể nói về sở hữu; khi cơ hội tạo ra tài sản dến, n^ười ấy có thể tạo

thành tài sản5 lúa gạo, bạc hay vàng. Và người ta có thê biêt vê nẹười ây như sau: "C6 giàu sang, vị này nói vê giàu sang; có tài sản5 vị này nói vê tài sản; có của cải5 vị này nói về của cải. Vì cớ sao? Vì rằng, người này khi có cơ hội tạo ra tài sản đến? người ấy có thể tạo thành tài sản5 lúa gạo, bạc hay vAng.” Cũnẹ vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "T6i biet pháp này, tôi thấy pháp này9 tôi có tu tập về than, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm? tôi có tu tập về tuệ?5 Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cân phải được biêt như sau: Tôn giả này rõ biêt như thê nào đê tham kh6ng có mặt, như vay tham không chinh phục vị này và tôn tại. Vị Tôn giả này rõ biêt như thế nào để sân khônệ có mặt... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... xan tham... ác tật đô... ác dục không có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị ấy và tồn tại."

V. KINH THIỀN ÁN xứ (Kasinasuttảy4 (4 V. 46) 25. Này các Tỷ-kheo, có mười thiền án xứ này. Thế nào là mười? Một người tưởng tri thiền án đất, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Một người tưởng tri thiền án nước... Một người tưởng tri thiền án lửa... Một người tưởng tri thiền án gió... Một người tưởng tri thiền án xanh... Một người tưởnẹ tri thiền án vàng...Một người tưởng tri thiền án đỏ... Một người tưởng tri thiên án trăng... Một người tưởng tri thiên án hư không... Một người tưởng tri thiền án thức, phía trên, phía dưới? bề ngang, không hai, vô lượng. Này các Tỷ-kheo, có mười thiên án xứ này. VI. KINH KẢLỈ (KãĮĩsutta)34 35 (A. V. 46) 26. Một thời, Tôn giả Mahãkaccãna trú giữa dân chúng Avantĩ, ở Kuraraghara, tại một vực núi cao (pabbate). Bấy giờ, có nữ cư sĩ KãĮĩ, trú ở Kuraraghara, đi đên Tôn giả Mahãkaccãna; sau khi đên5 đảnh lê Tôn giả, rôi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ KãĮĩ, trú ở Kuraraghara, thưa với Tôn giả Mahãkaccâna: Thưa Tôn gi Thê Tôn có nói như sau trong các câu hỏi của thiêu nữ: "Ta đạt được mục đích, Tâm Ta được an tịnh9 Sau khi đã chiến thắng, Đội quân sắc khả ái, Ta thiền định một mình, Được an lạc Chánh giác. Do vậy Ta không c6, Làm bạn với quần chúng, Làm bạn với một ai, Không phải việc Ta lam?9 Thưa Tôn giả5 lời nói vắn tắt này của Thế Tôn cần phải được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào? —Này nữ cư sĩ? có số Sa-môn5 Bà-la-môn tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiên án đât, có thê thực hiện được mục đích của họ. Này nữ cư sĩ5 nhưng Thê Tôn đã thăng tri tôi thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiên án đât? sau khi thăng tri như vậy, Thê Tôn đã thây sự tập khởi, đã thây sự nguy hại, đã thấy sự xuất ly, đã thấy tri kiến về đạo và phi đạo. Do nhân thấy được sự tập khởi, do nhân thấy được sự nguy hại, do nhân thấy được sự xuất ly, do nhân thấy được tri kiến về đạo và phi dạo, Ngài rõ biết mục đích đã đạt được, tâm đã được an tịnh.

34 Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26. 1536.19. 0445b 15).
35 Tham chiếu: 7.(r.O2. 0099.549. 0143a01).

Này nữ cư sĩ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiền án nước... thiền án lửa... thiên án gió... thiền án xanh... thiền án vàng... thiền án đỏ... thiền án trắng... thiền án hư không... thiền án thức, có thể thực hiện được mục đích của họ. Này nữ cư si, nhimg Thế Tôn đã thắng tri tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiền án thức, sau khi thắng tri như vậy? Thế Ton đã thấy sự tập khởi, đã thấy sự nguy hại, đã thấy sự xuất ly9 đã thấy tri kiến về đạo và phi đạo. Do nhân thấy được sự tập khởi5 do nhân thấy được sự nguy hại, do nhân thấy được sự xuất ly, do nhân thấy được tri kiến về đạo và phi dạo, Ngài rõ biết mục đích đã đạt được, tâm đã được an tịnh. Do vậy, này nữ cư sĩ, Thế Tôn có nói như sau trong các câu hỏi của thiếu nữ: "Ta đạt được mục dích, Tâm Ta được an tịnh, Sau khi đã chiến thắng, Đội quân sắc khả ái, Ta thiền định một mình, Được an lạc Chánh giác. Do vậy Ta không c6, Làm bạn với quần chúng, Làm bạn với một ai, Không phải việc Ta làm.” Này nữ cư si, lòi nói văn tăt này của Thê Tôn cân phải được hiêu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. VII. KINH NHỮNG CÂU HỎI LỚN THỨ NHẤT (Pathamamahãpanhãsuttdý6 (A. V. 48) 27. Một thời, Thế Tôn trú ở Săvatthi, tại Jetavana, ở khu vườn ông Anãthapindika. Bây ệiờ5 có rât nhiêu Tỷ-kheo vào buôi sáng, đăp y, câm y bát đi vào Sãvatthi để khat thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đê đi vào Sãvatthi khât thực. Chúng ta hãy đi đên khu vườn của các du sĩ nệoại dạo." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đễn? nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên: —Thưa các Hiên giả5 Sa-môn Gotama thuyêt pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đên? này các Tỷ-kheo, hãy thăng tri tât cả pháp; sau khi thăng tri, thăng tri tất cả pháp, hãy an trú." Thưa các Hiền giả, chúng tôi cũng thuyết pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đến5 này chư Hiền, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thăng tri tất cả pháp, hãy an trú.„ ơ dây, này chư Hiền? có sự đặc thù gì9 có sự thù thắng gi, có sự sai biệt gì giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về thuyết pháp và thuyết pháp, hay về giáo giới và giáo giới?36

36 Xem Kh. xlixfT; A. V. 50, 56. Tham chiếu: Tg.(T.Ọ2. 0125.46.8. 0778bl7); Tạp.(T.02. 0099.486-489. 0l24bl8-0l24c22). Mười câu hỏi này được đê cập trong ba kinh có sai khác.

Rôi các Tỷ-kheo ây, không hoan hỷ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ây, cũng không phỉ báng; không hoan hỷ5 không phỉ báng, các vị ấy đứng dậy và ra đi, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa lời nói này từ Thế T6n." Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sãvatthi xong, sau bữa ăn5 trên con đường trở về, đi #A FT^i FT' 1 í * -4- ^i. ? ì í A rr^i rr^ A A • J i đen The Ton; sau khi đen, đánh le The Ton roi ngoi xuong một ben. Ngoi xuong một ben, cac Ty-kheo ây bạch The Ton: Ở đây5 bạch Thế T6n, chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sãvatthi đê khât thực. Rôi chúng con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đê vào Săvatthi khất thực9 vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại dạo.” Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến5 chúng con nói với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi

thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, chúng con ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: "Thua các Hiền giả, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau cho các đệ tử: 'Hãy đến5 này các Tỷ-kheo? hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú/ Thưa các Hiền giả, chúng tôi cũng thuyết pháp như sau cho các đệ tử: 'Hãy đến. này chư Hiền, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thăng tri tât cả pháp, hãy an trú.' ơ dây, này chư Hiên, có sự đặc thù gì, có sự thù thắng gì, có sự sai biệt gì giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về thuyết pháp và thuyết pháp, hay về giáo giới và giáo gi&i?" Rồi bạch Thế Tôn5 chúng con không hoan hỷ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy, cũng không phỉ báng; không hoan hỷ, không phỉ báng, chúng con đứng dậy và ra di, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ hieu ý nghĩa của lời nói này từ The Tôn. Này các Tỷ-kheo5 được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy cần phải được nói như sau: "Này chư Hiền, một câu hỏi5 một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời; ba câu hỏi5 ba câu tuyên bố9 ba câu trả lời; bốn câu hỏi5 bốn câu tuyên bố5 bốn câu trả lời; năm câu hỏi5 năm câu tuyên bô, năm câu trả lời; sáu câu hỏi? sáu câu tuyên bô5 sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi5 tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi5 chín câu tuyên bố5 chín câu trả lời; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố9 mười câu trả lòi" Được hỏi vậy5 này các Tỷ-kheo9 các du sĩ ngoại đạo ấy sẽ không thể trả lời, hơn nữa sẽ rơi vào bôi rôi. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì vấn đề ấy vượt ngoài địa hạt của họ. Này các Tỷ-kheo5 Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, với tâm thích thú trả lời những câu hỏi này, trừ Như Lai, đệ tử của Như Lai hay những ai được nghe từ các vị này. Một câu hỏi9 một câu tuyên bố5 một câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong một pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau

khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong một pháp? Tất cả chúng sanh đều tồn tại nhờ đồ ăn. Trong một pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa,37 ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Một câu hỏi, một câu tuyên bố? một câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Hai câu hỏi, hai câu tuyên bố? hai câu trả lòi, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thăng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người châm dứt khô đau. Thế nào là trong hai pháp? Trong danh và trong sắc. Trong hai pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Hai câu hỏi, hai câu tuyên bố? hai câu trả lòi, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Ba câu hỏi? ba câu tuyên bố5 ba câu trả lòi, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong ba pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt

khổ đau. Thế nào là trong ba pháp? Trong ba thọ. Trong ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Ba câu hỏi9 ba câu tuyên bố5 ba câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Bốn câu hỏi5 bốn câu tuyên bố? bốn câu trả lời9 được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong bốn pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bốn pháp? Trong bốn đồ ăn. Trong bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố5 bốn câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố5 năm câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

37 Sammadattham abhisamecca.

Trong năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chàm dứt kho đau. Thế nào là trong năm pháp? Trong năm thủ uẩn. Trong năm pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố9 năm câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố? sáu câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người châm dứt khổ đau. Thê nào là trong sáu pháp? Trong sáu nội xứ. Trong sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người châm dứt khô đau. Sáu câu hỏi. sáu câu tuyên bố9 sáu câu trả lời9 được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Bảy câu hỏi5 bảy câu tuyên bố? bảy câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong bảy pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chàm dứt kho đau. Thế nào là trong bảy pháp? Trong bảy thức trú.38 Trong bảy phap, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người châm dứt khô đau. Bảy câu hỏi. bảy câu tuyên bố5 bảy câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Tám câu hỏi, tám câu tuyên bố9 tám câu trả lời? được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đên như vậy? Trong tám pháp5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chẩm dứt khỗ đau. Thế nào là trong tám pháp? Trong tám thế gian pháp.39 Trong tám pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chẩm dứt khổ đau. Tám câu hỏi. tám câu tuyên bố? tám câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Chín câu hỏi, chín câu tuyên bố5 chín câu trả lòi, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong chín pháp, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người cham dứt kho đau. Thế nào là trong chín pháp? Chín hữu tình cư.40 Trong chín pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người châm dứt khô đau.

38 Vihnanatthiti. Xem A. IV 39. Như 7 pháp đầu của 9 hữu tình cư. 39 Lokadhamma. Xem 4 IV. 156 viết: Lợi, không lợi; có danh, không danh; khen, chê; khổ, lạc. 40 Sattãvãsa. Bảy của số 7, cộng thêm 2 Phi tưởng xứ.

Chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Mười câu hỏi9 mười câu tuyên bố, mười câu trả lòi, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong mười pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghia, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là mười pháp? Trong mười bất thiện nghiệp đạo. Trong mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này, được nói đến như vậy. VIII. KINH NHỮNG CÂU HỎI LỚN THỨ HAI (Dutiyamahãpanhãsutta) (Ắ. V. 54) 28. Một thời, Thế Tôn tm ở Kajangala, tại Trúc Lâm. Bấy giờ, có rất nhiều nam cư sĩ ở Kajangala đi đến Tỷ-kheo-ni trú ở Kajangala; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Kajangala nói với Tỷ-kheo-ni ở Kajangala: - Thưa Đại tỷ? Thế Tôn có tuyên bố trong các câu hỏi lớn: uMột câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố? hai câu trả lời; ba câu hỏi? ba câu tuyên bô5 ba câu trả lời; bôn câu hỏi, bôn câu tuyên bô5 bôn câu trả lời; năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời; sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố? sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi, chín câu tuyên bố5 chín câu trả lời; mười câu hỏi9 mười câu tuyên bố9 mười câu trả lòi." Thưa Đại tỷ, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn5 ý nghĩa rộng rãi cần phải hiểu như thế nào? Này các Hiền giả5 tôi không được tận mặt nghe và tận mặt lãnh thọ từ Thế Tôn. Tôi cũng không được tận mặt nghe và tận mặt lãnh thọ từ các Tỷ-kheo có tu tập vê ý. Tuy vậy, ở dây, vân đê được trình bày với tôi như thê nào, hãy nghe và khéo tác ý? tôi sẽ nói. Thưa vâng, Đại tỷ. Các nam cư sĩ ở Kajangala vâng đáp Tỷ-kheo-ni ở Kajangala. Tỷ-kheo-ni ở Kajangala nói như sau: Một câu hỏi5 một câu tuyên bố, một câu trả lời, được Thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? (Như kinh trên...). Bốn câu hỏi? bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, được Thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong bốn pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh thây được cứu cánh, sau khi chơn chánh thăng tri mục đích, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bốn pháp? Trong bốn niệm xứ. Trong bốn pháp này, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh... là người chấm dứt khổ đau. Bốn câu hỏi5 bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lòi, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy. Năm câu hỏi? năm câu tuyên bố? năm câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Trong năm pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm... là người châm dứt khô đau. Trong năm pháp gì? Trong năm căn... ... Trong sáu pháp gì? Trong sáu xuât ly giới... ... Trong bảy pháp gì? Trong bảy giác chi... ... Trong tám pháp gì? Trong con đường Thánh có tám

ngành... ... Trong chín pháp gì? Trong chín hữu tình cư... Mười câu hỏi5 mười câu tuyên bố? mười câu trả lời, được Thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? Tronệ mười pháp, này chư Hiên? Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh thây được cứu cánh, sau khi chơn chánh thăng tri mục đích5 ngay trong hiện tại, là người châm dứt khô đau. Thê nào là trong mười pháp? Trong mười thiện đạo. Trong mười pháp này, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh tu tập tâm, chơn chánh thây được cứu cánh, sau khi chơn chánh thăng tri mục đích, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Mười câu hỏi, mười câu tuyên bô5 mười câu trả lời9 Thê Tôn đã nói như vậy. Do duyên này được nói như vậy. Như vậy? này chư Hiền, Thế Tôn đã nói đến trong các câu hỏi lớn: "MQt câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời... mười câu hỏi? mười câu tuyên bố9 mười câu trả lòi.” Này chư Hiền? lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Này chư Hiên, nếu muốn5 các vị hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. The Tôn trả lời các Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì. Thưa vâng, Đại tỷ. Các nam cư sĩ ở Kajangala sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tỷ-kheo-ni ở Kajangala nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni ở Kajangala, thân phía hữu hướng về Tỷ-kheo-ni, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 các nam cư sĩ ở Kạiangala, đem câu chuyện nói với Tỷ-kheo-ni ở Kajangala như thế nào, tất cả đêu thuật lên Thê Tôn rõ.

1168 KINH TĂNG CHI Bộ

-Lành thay5 lành thay, này các gia chủ! Này các gia chủ, có trí tuệ là Tỷ- kheo-ni ở Kajangala. Này các gia chủ, có đại trí tuệ là Tỷ-kheo-ni ở Kajangala. Này các gia chủ, nếu các ông có đi đến Ta và hỏi ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Tỷ-kheo-ni ở Kajangala đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy, hãy như vậy thọ trì. IX. KINH NGƯỜI KOSALA THỨ NHẤT (Pathamakosalasutta)41 (4 V. 59) 29. Này các Tỷ-kheo5 xa rộng như thê nào là nước Kãsi Kosala, xa rộng như thế nào là sự trị vì của Vua Pasenadi nước Kosala, trong phạm vi như vậy, Vua Pasenadi nước Kosala được xem là tối thượng. Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Vua Pasenadi, nước Kosala có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán trong [vấn đề] ấy; do nhàm chán trong [vân đê] ây, vị ây từ bỏ sự tôi thượng, còn nói gì đôi với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo5 xa cho đên mặt trăng, mặt trời di chuyên, xoay chuyên (bhantí). chỏi sáng các phương, cho đến như vậy là ngàn thê giới. Trong ngàn thế giới ấy, có một ngàn mặt trăng, có một ngàn mặt trời, có một ngàn vua núi Sineru, có một ngàn cõi Diêm-phù-đề, một ngàn Tây Ngưu Hóa châu, một ngàn Bắc Cu-lô châu, một ngàn Đông Thắng Thần châu, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn Đại vương, một ngàn Tứ Đại Thiên Vương, một ngàn Tam Thập Tam thiên, một ngàn Dạ-ma thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Hóa Lạc thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên, một ngàn Phạm thiên giói. Này các Tỷ-kheo, xa rộng cho đến một ngàn thế giới, Đại Phạm thiên ở đấy được xem là tối thượng. Tuy vậy? này các Tỷ-kheo, đối với Đại Phạm thiên có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán trong [Đại Phạm thiên] ấy, do nhàm chán trong [Đại Phạm thiên] ấy, từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo? có một thời, đên thời ây5 thê giới này chuyên hoại, trong khi thế giới chuyển hoại, này các Tỷ-kheo5 các loài hữu tình

phần lớn sanh qua cõi Quang Am (Abhassara) thiên, ơ tại đây? chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ9 tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sông như vậy một thời gian khá dài. Này các Tỷ-kheo, trong khi thê giới chuyển hoại, các Quang Ầm thiên được xem là tối thượng. Nhưng này các Tỷ-kheo5 đối với chư Quang Ầm thiên, có sự đôi khác, có sự biên hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong [cõi Quang Âm thiên] ấy; do nhàm chán trong [cõi Quang Âm thiên] ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo5 có mười thiền án xứ này. Thế nào là mười? Một người tưởng tri thiên án đât9 phía trên, phía dưới5 bê ngang, không hai, vô lượng. Một người tưởng tri thiền án nước... Một người tưởng tri thiền án lửa... Một người tưởng tri thiền án gió... Một người tưởng tri thiền án xanh... Một

41 Tham chiếu: Đệ nhất đắc kỉnh (roi. 0026.215. 0799b27).

người tưởng tri thiền án vàng... Một người tưởng tri thiền án đỏ... Một người tưởng tri thiền án trắng... Một người tưởng tri thiền án hư không... Một người tưởng tri thiền án thức, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Này các Tỷ-kheo, có mười thiên án xứ này. Cái này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong mười thiền án xứ này, tức là thiền án thức. Có người tưởng tri phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Này các Tỷ-kheo? có những chúng sanh có tưởng như vậy. Đôi với các chúng sanh có tưởng như vậy5 này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy5 này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán trong ấy; do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo9 có tám thắng xứ42 này. Thế nào là tám? Một vị quán tưởng nội săc9 thây các loại ngoại săc có hạn lượng; đẹp xâu. Sau khi nhiêp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy.” Đó là thăng xứ thứ nhât. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp xấu. Sau khi nhiêp thăng chiing, vị ây tưởng tri như sau: "Ta biêt5 ta thay." Đó là thăng xứ thứ hai. Một vị quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc có hạn lượng, đẹp xấu. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba. Một vị quán tưởng vô săc ở nội tâm5 thây các loại ngoại săc vô lượng, đẹp xâu. Sau khi nhiêp thăng chúng, vị ây tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy.,, Đó là thắng xứ thứ tư. Một vị quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh; như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh; như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy? vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Sau khi nhiêp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta thấy, ta biết." Đó là thắng xứ thứ năm. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm? thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng săc vàng, hình săc vàng, ánh sáng vàng; như bông kanikãra màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng? hình sắc vàng, ánh sáng vàng; như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu vàng, săc màu vàng, tướng săc vàng, hình săc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy? vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm5 thấy các

loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ẩy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ sáu.

42 Abhỉbhãyatanư. Thắng xứ. Xem D. II. no M. II. 13; Dhs. 223; Expos I. 252ff. Abhỉbhãyatanạ là thiền (JỊĩãna) với một sức mạnh hùng hậu (abhỉbhu) làm khởri điểm; hay là thiền (Jhãna) với một xứ (đối tượng) cần phai thắng phục.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng màu đỏ5 hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ; như bông bandhxýĩvaka màu đỏ... như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu đỏ9 sắc màu đỏ? tướng màu đỏ, hình sắc đỏ5 ánh sáng đỏ. Như vậy? vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ bảy. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng; như sao mai Osadhi màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng; như lụa Ba-la- nại cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trăng, ánh sáng trăng. Như vậy, vị này quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình săc trắng, ánh sáng trắng. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta th*y." Đó là thắng xứ thứ tám. Này các Tỷ-kheo, có tám thăng xứ này. Cái này là tối thượng, này các Tỷ-kheo5 trong tám thắng xứ này. tức là có người quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc màu trăng, tướng săc trăng, hình săc trăng, ánh sáng trăng. Sau khi nhiêp thăng chúng, vị ây tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Này các Tỷ-kheo5 có những chúng sanh có tưởng như vậy. Đối với các chúng sanh có tưởng như vậy9 này các Tỷ-kheo5 có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, có bốn con đường này. Thế nào là bốn? Con đường khổ thắng tri chậm; con đường khổ thắng tri mau; con đường lạc thắng tri chậm; con đường lạc thắng tri mau. Này các Tỷ-kheo, có bốn con đường này. Cái này là tối thượng, này các Tỷ-kheo? trong bốn con đường này, tức là con đường lạc thắng tri mau. Này các Tỷ-kheo? có những chúng sanh thực hành như vậy. Đối với các chúng sanh thực hành như vậy? này các Tỷ-kheo? có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo9 có bôn tưởng này. Thê nào là bôn? Có người tưởng tri có hạn lượng; có người tưởng tri đại hành; có người tưởng tri vô lượng; có người tưởng tri Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Không có sự vật gi." Này các Tỷ-kheo5 có bốn tưởng này. Điêu này là tôi thượng, này các Tỷ-kheo, trong bôn tưởng này, tức là có người tưởng tri Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Không có sự vật gi." Này các Tỷ-kheo5 có những chúng sanh có tưởng như vậy. Đối với các chúng sanh có tưởng như vậy5

này các Tỷ-kheo, có sự đôi khác, có sự biên hoại. Thây vậy9 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong các thành kiến của các dị học? tức là: 66Nêu ta không có trong lúc ây5 thời nay đã không có của ta. Nêu ta sẽ không c6, thời sẽ không có của ta.”43 Với người có tri kiến như vậy9 này các Ty.kheo, có thể chờ đợi như sau: Sự không nhàm chán này đối với hữu sẽ không có đôi với người ây. Sự nhàm chán này đôi với hữu diệt sẽ không có đôi với người ây. Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có tri kiên như vậy. Đối với chúng sanh có tri kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy? này các Tỷ-kheo5 vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn... tuyên bố thanh tịnh là mục đích tối thắng. Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo? trong các vị tuyên bố thanh tịnh là mục đích tối thắng, tức là sự vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, sự chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Họ thuyêt pháp đê thăng tri cái ấy, để giác ngộ cái ấy. Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có nói như vậy. Này các Tỷ-kheo? đối với các chúng sanh có nói như vậy, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy9 này các Tỵ-kheo? vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ây. Do nhàm chán trong ây, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn... tuyên bố hiện tại Niết- bàn là mục đích tối thắng. Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong các vị tuyên bố hiện tại Niết-bàn là mục đích tối thắng, tức là sau khi như thật biết sự tập khởi? sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của sáu xúc xứ, được giải thoát không có chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, Ta là người đã nói như vậy? đã tuyên bố như vậy. yà một số Sa-môn5 Bà-la-môn xuyên tạc Ta với điều không thật là phi hữu, trống không, nói láo, nói rằng: "Sa-m6n Gotama không tuyên bố sự liễu tri các dục? không tuyên bố sự liễu tri các sắc, không tuyên bố sự liễu tri các thQ." Và này các Tỷ-kheo, ta tuyên bố sự liễu tri các dục, Ta tuyên bố sự liễu tri các sắc, Ta tuyên bố sự liễu tri các thọ, Ta tuyên bố ngay trong hiện tại sự vô dục, tịch diet, thanh lương, không chấp thủ Bát-niết-bàn.43

43 AA. V. 26: No cassam no ca me sỉyãtỉ sace aham atĩte na bhavỉssam, etarahỉpỉ me ayam attabhãvo na sỉyã. Na bhavỉssãmi na me bhavỉssatĩti sacepi anã^atę na bhavỉssãmỉ, na ca me kind palỉbodhaịãtam bhavỉssatỉ (tcNêu ta không có trong lúc ây" nghĩa là nêu ta khồng có trong quá khứ, thời nay không thê nào thân này là của ta. Ta sẽ không có, nó không là của ta; nếu trong tương lai ta không có, nó sẽ không là ngăn trở gì của ta).

1172 KINH TẢNG CHI BỘ

X. KINH NGƯỜI KOSALA THỨ HAI (Dutiyakosalasutta)44 (4 V. 65) 30. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala, từ một trận chiến45 trở về5 thắng trận, mục đích đã đạt được. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến khu vườn. Vua đi xe đến chỗ có thể đi xe được5 rồi xuống xe đi bộ và vào khu vườn. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến9 nói

với các Tỷ-kheo: -Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-han Chánh Đẳng Giác trú ở đau? Thưa các Tôn gi,chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Tâu Đại vương, kia là ngôi tinh xá có cửa đóng. Ngài hãy đi đến ngôi nhà ấy, đừng có tiếng động5 đừng có hấp tấp, bước vào mái hiên? đằng hắng rồi gõ nơi then cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, đi đến ngôi tinh xá có cửa đóng ấy, đi đến không có tiếng động? không có hấp tấp, bước vào mái hiên, đằng hắng rồi gõ vào then cửa. Thế Tôn mở cửa. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi vào tinh xá, đầu cúi rạp xuống trước chân Thế Tôn, miệng hôn chân Thế Tôn, lấy tay xoa bóp và nói lên tên mình: Bạch Thế Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala. Thưa Đại vương, do Đại vương thấy ý nghĩa lợi ích gì mà Đại vương lại làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ lộ lòng kính mộ đối với cái thân này? Bạch Thế Tôn, để nêu rõ lòng biết ơn của con, để nói lên lòng cảm tạ của con đối với Thế Tôn, mà con làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ bày lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đã thực hiện hạnh phúc cho đa số5 an lạc cho đa số5 là vị đã an lập Thánh chánh lý cho đa số5 tức là chánh chơn pháp tánh5 thiện pháp tánh. Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn là vị đã thực hiện hạnh phúc cho đa số5 an lạc cho đa số? tức là chánh chơn pháp tánh, thiện pháp tánh; vì con thấy ý nghĩa lợi ích này nên con đã làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ bày lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có giới, có Phật giới, có Thánh giới, có thiện giới? có đầy đủ thiện giới. Bạch Thế T6n, vì rằng Thế Tôn có giới? có Phật giới, có Thánh giới, có thiện giới, có đầy đủ thiện giới, bạch Thế Tôn, vì con thấy ý nghĩa lợi ích này mà con đã làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và bày tỏ lòng kính mộ đôi với The Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã lâu ngày là vị sống ở rừng, sống tại các

44 Tham chiếu: Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (T.24. 1451.8. 0239bl8). 45 Uyyodhỉkã nỉvatto. AA. V 26: Uyyodhỉkã nỉvatto hotĩ = Yuddhato nỉvatto hoti (từ một trận chiến trở về).

trú xứ rừng núi, các vùng cao nguyên hẻo lánh xa văng. Bạch Thê Tôn, vì răng Thế Tôn đã lâu ngày là vị sống ở rừng, sống tại các trú xứ rừng núi5 các vùng cao nguyên hẻo lánh xa vắng, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với The Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn? Thế Tôn là vị biết đủ với bất cứ vật dụng nào được cúng dường như y áo5 đô ăn khất thực, sàng tọa5 dược phâm trị bệnh. Bạch Thê T6n, vì rằng Thế Tôn là vị biết đủ với bất cứ vật dụng nào được cúng dường như y áo, đô ăn khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh, bạch Thê Tôn, vì con thây... lòng kính mộ đôi với The Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn5 Thế Tôn là vị đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Vì rằng, bạch Thế Tôn? Thế Tôn là vị đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, 1 vô thượng phước điền ở dời, bạch Thế Tôn? vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn5 những câu chuyện nào thuộc hướng thượng, thích ứng khai mở tâm trí, ví như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ5 câu chuyện

về viễn ly, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới5 câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ5 câu chuyện về giải thoát, câu chuyện vê giải thoát tri kiên? các câu chuyện như vậy5 Thê Tôn có được không khó khăn5 có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Vì rằng, bạch Thế Tôn, những câu chuyện nào thuộc hướng thượng... có được không phí sức, bạch Thế Tởn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Lại nữa5 bạch Thế Tôn, Thế Tôn đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đối với bốn thiền... có được 1 1 1 r r_ 1 i FTii r _ rr^ _ . J1 Ạ ... 1 Ạ ._ _ . f . lx ĩ /y . j. s . r _ * rr^ĩ ' rr^ không phí sức, bạch The Ton, VI con thây... lòng kính mộ đôi với Thê Tôn. Lại nữa? bạch Thế Tôn, Thế Tôn tùy niệm nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ lại nhiều đời với các nét đại cương và các chi tiết. Vì rằng, bạch Thế Ton, Thế Tôn nhớ lại nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ lại nhiều đời sống với các nét đại cương và các chi tiết, bạch Thế Tôn5 vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn5 vì rằng Thế Ton với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; vì con thấy ý nghĩa lợi ích này nên con đã làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

1174 KINH TĂNG CHI Bộ

Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công tác, có nhiều công việc phải làm. Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn5 thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1175

IV PHẨM UPÃLI (UPẴLIK4GGA)46

L KINH UPẢLI (Upãlisutta)47 (A. V. 70) 31. Bấy giờ, có Tôn giả upãli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả ưpãli bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, do duyên bao nhiêu mục đích, các học pháp thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bổn (Pãtimokkha) được tuyên đọc? Này Ưpãli, do duyên mười mục đích, các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bổn được tuyên đọc. Thế nào là mười? Để Tăng chúng được cực thiện, để Tăng chúng được an ổn, để chặn đứng các người cứng đầu, để các thiện Tỷ-kheo được sống an ổn? để chế ngự các lậu hoặc ngay trong hiện tại, để chặn đứng các lậu hoặc trong tương lai, để đem lại tịnh tín cho những người không có lòng tin, để làm tăng trưởng tịnh tín cho những người có lòng tin, để Diệu pháp được tồn tại, để Luật được chấp nhận. Do duyên mười mục đích này, này upãli5 các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai và

Giới bổn được tuyên đọc. II. KINH NGƯNG TUYÊN ĐỌC GIỚI BỒN (Pãtìmokkhatthapanãsutta) (Ả. V. 70) 32. Bạch Thế Tôn? có bao nhiêu trường hợp Giới bổn bị ngưng tuyên đọc? Này upãli, có mười trường hợp Giới bổn bị ngtrng tuyên đọc. Thế nào là mười? Khi có người phạm Ba-la-di tội ngồi trong hội chúng ấy, khi thảo luận về người phạm Ba-la-di tội chưa chấm dứt, khi có người chưa thọ Cụ túc giới ngồi trong hội chúng ấy, khi thảo luận về người chưa thọ Cụ túc giới chưa chấm dứt, khi một người từ bỏ học pháp ngồi xuống trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người từ bỏ học pháp chưa chấm dứt, khi có người thiếu nam căn còn ngồi trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người thiếu nam căn chưa chấm dứt, khi có người ô nhục Tỷ-kheo-ni còn ngồi trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người ô nhục Tỷ-kheo-ni chưa được chấm dứt. Này upãli, đây là mười trường hợp Giới bổn bị ngưng tuyên đọc.

46 Bản tiếng Anh của PTS: Upãỉỉ and Ảnanda, nghĩa là Upãlì và Ẫnanda. 47 Bản tiếng Anh của PTS trình bày 2 kinh (31, 32) này chung một kinh với tên: Upãỉi and the Obligation, nghĩa là ùpãlỉ và trách nhiệm. Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.46.1. 0775c07).

III. KINH NGƯỜI ĐOẠN sự (Ubbãhikãsutta) (A. V. 71) 33. Bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp để được làm người đoạn sự viên?48 Này upãli. một Tỷ-kheo thành tựu mười pháp để được làm người đoạn sự viên. Thế nào là mười? Ở dây, này upãli, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt5 chấp nhận và học tập trong các học pháp; Là người nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn9 có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp như vậy? vị ấy được nghe nhiều, được thọ tri, được đọc tụng bằng

48 ưbbãhỉkãya, như là thành viên của một Hội đồng làm pháp tẩn xuất một Tỷ-kheo.

r 9 e Vị ây có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiên người nuôi dưỡng; CÓ khả năng làm cho tịnh chỉ bât mãn hay khiên người khác tịnh chỉ bât mãn; Có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; Có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; Có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới; Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ. Thành tựu mười pháp này5 này Ưpãli, một Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới. V KINH Y CHỈ (Nissayasutta)49 (4 V. 73) 35. - Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ? Thành tựu mười pháp, này upãli, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ. Thế nào là mười? Ở đây, này upãli, vị Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; cả hai Giới bổn (Pãtimokkha) khéo truyền đạt một cách rộnẹ rãi, khéo phân tích, khéo thông hiêu, khéo quyêt định, theo kinh, theo chi tiêt; vị ây có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn;

có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăn^ thượng tuệ. Thành tựu mười pháp, này upli, một Tỷ-kheo có thê trao truyên y chỉ. VI. KINH SA-DI (Sãmanerasuttă) (A. V. 73) 36. - Thành tựu bao nhiêu pháp5 bạch Thế T6n, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di? Thành tựu mười pháp này, này upãli, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di. Thế nào la mười? Ở đây, này Upli, vị Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; cả hai Giới bổn (Pãtimokkha) khéo truyền đạt một cách rộĩiệ rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định? theo kinh, theo chi tiêt; vị ây có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn; có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; có khả năng khích

49 Bản tiếng Anh của PTS trình bày kinh này chung một kinh 34, với tên kinh Tutelage, nghĩa là Thời gian hướng dẫn một vị mới xuất gia.

lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ. Thành tựu mười pháp này9 này upli, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di. VII. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (Sanghabhedasutta) (À. V. 73) 37. — C6Phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Ung", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng? —Ở đây, này upãli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật la luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói5 có thuyết là điếu Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điêu Như Lai kh6ng thường sở hành; thuyêt điêu Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có che đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ9 họ hành bất cộng Yết-ma, họ tuyên đọc Giới bôn (Pãtỉmokkhă) khác biệt. Cho đên như vậy, này upãli, là chúng Tăng bị phá hòa hợp. VIII. KINH HÒA HỢP TĂNG (Sanghasãmaggĩsutta) (4 V. 74) 38. — "Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào5 bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp? Ở đây, này upãli5 các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là phi pháp; thuyết pháp là pháp; thuyết phi luật là phi luật; thuyết luật là luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điêu Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai có nói5 có thuyết là điều Như Lai có nói9 có thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điêu Như Lai không thường sở hành; thuyêt điêu Như Lai thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt. Với mười sự này? các Tỷ-kheo không phá hoại5 các Tỷ-kheo không chia rẽ, các Tỷ-kheo không hành bat cộng Yet-ma, các Tỷ-kheo không tuyên đọc Giới bổn (Pãtimokkhă) khác biệt. Cho đến như vậy, này

upãli? là Tăng chúng được hòa hợp. IX. KINH ÃNANDA THỨ NHẤT (PaḶhamaãnandasutta)50 (4 V. 75) 39. Bấy giờ, có Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn5 người ta nói: "Phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng59. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn? là phá hòa hợp Tăng?

50 Bản tiếng Anh của PTS viết thành 2 kinh (37, 38) riêng biệt - Schism ỉn the Order (b) nghĩa là Phả hòa hợp Tang (b), va Fruits OJ Causing Schism nghĩa la Qua cua phá hòa hợp Tăng.

- Ở đây, này Ãnanda, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật... thuyết điều Như Lai có che đặt là điêu Như Lai không có chê đặt. Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ5 họ hành bât cộng Yêt-ma, họ tuyên đọc Giới bôn (Pãtimokkhă) khác biệt. Cho đên như vậy, này Ãnanda, là chúng Tăng bị phá hòa hợp. —Bạch Thế Tôn, phá hoại Tăng hòa hợp đem lại kết quả gì? —Này Ananda, đem lại tội ác kéo dài đên một kiêp. Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp? -Này Ananda, bị nâu trong địa ngục một kiêp. Kẻ phá hòa hợp Tăng, Bị rơi vào đọa xứ, Bị rơi vào địa ngục, Kéo dài đến một kiếp. Ưa thích sự bất hòa5 An trú trên phi pháp, Bị xa lia, từ bỏ. An ôn các khô ách, Ai phá sự hòa hợp, Của Tăng chúng Tỷ-kheo5 Trong một kiêp, người ây, Bị địa ngục nung nấu. X. KINH ÃNANDA THỨ HAI (Dutiyaãnandasutta)5i (4 V. 76) 40. - Bạch Thế Ton, người ta nói: "Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp". Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp? -Ở dây, này Ãnanda, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là phi pháp; thuyết pháp là pháp; thuyết phi luật là phi luật; thuyết luật là luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyêt là điêu Như Lai không nói, không thuyêt; thuyêt điêu Như Lai có nói, có thuyêt là điêu Như Lai có nói, có thuyêt; thuyêt điêu Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điêu Như Lai thường sở hành; thuyêt điêu Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điêu Như Lai có chê đặt. Với mười sự này, các Tỷ-kheo không phá hoại, các Tỷ-kheo không chia rẽ? các Tỷ-kheo không hành bất cộng Yet-ma, các Tỷ- kheo không tuyên đọc Giới bổn (Pãtimokkha) khác biệt. Cho đến như vậy, này Ãnanda, là Tăng chúng được hòa hợp. Bạch Thế Tôn, với chúng Tăng bị phá, làm cho hòa hợp lại, đem đến kết quả gì?

51 Bản tiếng Anh của PTS viết thành 2 kinh (39,40) riêng biệt- Harmony ỉn the Order (b) nghĩa là Hòa hợp Tăng (b), và Fruits of Causing Harmony in the Order nghĩa là Quả của hòa hợp Tăng.

Này Ãnanda, đem đến Phạm công đức.
Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm công đức?
Này Ãnanda, trong một kiếp, được sống hoan hỷ ở thiên giới.
Sông an lạc là người5

Làm hòa hợp chúng Tăng.
Sống an lạc là người,
Giúp chúng Tăng hòa hợp,
Ưa thích sự hòa hợp,
An trú trên Chánh pháp.
Không bị tước đoạt mất,
An ổn các khổ ách,
Ai khiến cho chúng Tăng,
Được sống trong hòa hợp,
Trong một kiêp5 người ây9
Sống hoan hỷ thiên giới.
CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1181

V PHẨM MẮNG NHIÉC (AKKOSAVAGGA)

I. KINH TRANH LUẬN (Vỉvãdasutta) (A. V. 77) 41. Bấy giờ, Tôn giả upãli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một ben, Tôn giả upãli bạch Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gì, bạch Thế Tôn, Tăng chúng khởi lên cạnh tranh, tranh luận, xung đột5 đấu tranh và Tỷ-kheo sống không an ổn? —Ở đây5 này upãli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điếu Như Lai không nói5 không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai kh6ng thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có che đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Này upãli? do nhân này, do duyên này? Tăng chúng khởi lên cạnh tranh, tranh luận, xung đột, đấu tranh và Tỷ-kheo sống không an ổn. II. KINH CỘI GỐC CỦA TRANH LUẬN THỨ NHẤT (Pathamavivãdamũlasutta) (Ắ. V. 78) 42. - Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu cội gốc của traiih luận? Này upãli. có mười cội gốc của tranh luận. Thế nào là mười? Ở đây, này upãli, Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói? không thuyết là điều Như Lai có nói5 có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điếu Như Lai không nói5 không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điêu Như Lai kh6ng thường sở hành; thuyêt điêu Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có che đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Này Ưpãli, đây là mười cội gốc của tranh luận. III. KINH CỘI GỐC CỦA TRANH LUẬN THỨ HAI (Dutiyavivãdamũlasuttd) (A. V. 78) 43. Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu cội gốc của traiih luận? Này upãli, có mười cội gốc của tranh luận. Thế nào là mười? Ở đây, này upli, Tỷ-kheo thuyết không phạm tội là phạm tội; thuyết phạm tội là không phạm tội; thuyêt tội nhẹ là tội trọng; thuyêt tội trọng là tội nhẹ;

thuyết tội thô ác (dutthulla) là tội phi thô ác; thuyết tội phi thô ác là tội thô ác; thuyết tội có thể sám hối (sãvasesă) là tội không thể sám hối; thuyết tội không thê sám hôi là tội có thê sám hôi; thuyêt tội có thê giải trừ (sappatikammam) là tội không thê giải trừ; thuyêt tội không thê giai trừ là tội có thê giai trừ. Nay Upãli? đây là mười cội gôc của tranh luận. IV. KINH TẠI KUSINÃRÃ (Kusinãrasuttd) (A. V. 79) 44. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinãrã, trong khóm rừng Baliharana. Tại đấy, Thê Tôn gọi các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo! -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r FTP 9 11 A __ J. r _ . ỉ rini_ A FT^ _ rr^i rrn _ r • _ _ 1____ Cac Ty-kneo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo buộc tội5 muốn buộc tội người khác, sau khi quán sát nội thân năm pháp, sau khi khiến năm pháp an trú nội tâm, rồi hãy buộc tội người khác. Thế nào là năm pháp cần phải quán sát nội thân? Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo buộc tội, trong khi buộc tội người khác, cần quán sát như sau: "Ta có thân hành thanh tịnh hay không? Ta có thành tựu thân hành thanh tịnh, không có khiếm khuyết, không có lỗi lầm hay không? Ta có pháp này hay không c6?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo thân hành không có thanh tịnh5 không thành tựu thân hành thanh tịnh? có khiếm khuyết, có lỗi lầm, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "T6n giả hãy học tập về thân?5 Như vậy? các Tỷ-kheo nói với vị ấy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: “Ta có khẩu hành thanh tịnh hay không? Ta có thành tựu khẩu hành thanh tịnh, không có khiếm khuyết, không có lỗi lầm hay không? Ta có pháp này hay không c6?” Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khẩu hanh không có thanh tịnh, không có thành tựu khẩu hành thanh tịnh? không có khiếm khuyết, không có lỗi làm, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "T6n giả hãy học tập về lòi.” Như vậy, các Tỷ-kheo nói với vị ấy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội5 muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: “Ta có an lập từ tâm, không sân hận đối với các vị đồng Phạm hạnh hay không? Trong ta có pháp ấy hay không c6?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không an lập từ tâm, sân hận đối với các vị đồng Phạm hạnh, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "T6n giả hãy an lập từ tâm đối với các vị đồng Phạm hạnh." Như vậy5 các Tỷ-kheo nói với vị ấy. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: "Ta có phải là người nghe nhiêu, thọ trì điêu đã nghe, cất giữ điều đã nghe hay không? Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện5 CÓ văn9 có nghĩa, đê cao đời sông Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh,

những pháp ây, ta có nghe nhiêu, có thọ trì, có tụng đọc băng lời, có suy tư với ý? được khéo thể nhập với chánh kiến không? Pháp ấy có nơi ta hay không?95 Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không phải là vị nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất giữ điều đã nghe; những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy không có nghe nhiều, không có thọ trì, không có tụng đọc bằng lời, không có suy tư với ý, không khéo thể nhập với chánh kiến, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Tôn giả hãy học tập về A-hàm (Ågama) di."52 Như vậy, các Tỷ-kheo nói với vị ấy. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo

buộc tội5 muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: "Cả hai bộ Giới bổn (Pãtimokkha), ta có khéo truyền đạt một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết hay không?59 Này các Tỷ-kheo? nếu Tỷ-kheo không khéo truyền đạt một cách rộng rãi về hai bộ Giới bổn, không khéo phân tích, không khéo thông hiểu, kh6ng khéo quyết định, không theo kinh, không theo chi tiết, thì: "Thưa Tôn giả, V đề này được Thế Tôn nói tại chỗ nào?" Được hỏi như vậy5 vị ấy không có thể trả lời. Người ta sẽ nói về vị ấy như sau: "Mong rằng Tôn giả hãy học tập về Luật?5 Như vậy5 có người sẽ nói với vị ấy. Năm pháp này, cần phải tự quán sát về nội thân. Năm pháp nào cần phải an trú nội tâm? "Ta nói đúng thời5 không phải phi thời; ta nói đúng sự thật, không phải không đúng sự thật; ta nói lời nhu hòa5 không phải nói lời thô bạo; ta nói lời liên hệ đến mục đích, không phải lời không liên hệ đến mục đích; ta nói với tâm từ bi, không nói với tâm sân hậny Năm pháp này cần phải an trú nội tâm. Nàỵ các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muôn buộc tội người khác, sau khi quán sát nội thân về năm pháp này, sau khi an trú nội tâm về năm pháp này, hãy buộc tội người khác. V KINH ĐI VÀO HẬU CUNG (Rậịantepurappavesanasutta)52 53 (A. V. 81) 45. — Này các Tỷ-kheo? vào hậu cung của vua có mười nguy hại này. Thế nào là mười? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vua đang ngồi với hoàng hậu. Khi thấy Tỷ-kheo, hoàng hậu mỉm cười; hay khi thấy hoàng hậu, Tỷ-kheo mỉm cười. Ở đây, vua khởi lên ý nghĩ: "Chắc những người này đã làm hay sẽ làm [tội lỗi] gi?" Này các Tỷ-kheo5 đây là nguy hại thứ nhất khi vào hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua bận nhiêu công việc, bận nhiêu công việc phải làm, đi đến với một cung nữ rồi quên. Cung nữ ấy có thai. Ở đây, vua

52 Ẫgama thường chỉ cho bốn bộ Nĩkãya. Vị nào thông hiểu bốn bộ này được gọi là vị Ảgatãgama. 53 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.46.6. 0777al5)?

khởi lên ý nghĩ: uKhông có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thể vị xuất gia đã làm như vậy.^, Này các Tỷ-kheo? đây là nguy hại thứ hai khi vào các hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong hậu cung của vua có một châu báu bị mất cắp. Ở dây, vua khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây5 trừ vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vay." Này các Tỷ-kheo5 đây là sự nguy hại thứ ba khi vào hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 trong hậu cung của vua, có những việc cơ mật bị tiết lộ ra ngoài. Ở đây, vua khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vay." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tư khi vào hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong hậu cung của vua, cha muốn giết54 con, hay con muốn giết cha. Họ khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thê vị xuât gia đã làm như vậy.^, Này các Tỷ-kheo? đây là sự nguy hại thứ năm khi vào hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua đặt người có địa vị thấp lên địa vị cao. Việc này không làm vừa ý một sô người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuât gia. Có thê vị xuât gia đã làm như vậy.,, Này các Tỷ-kheo? đây là sự nguy hại thứ sáu khi vào hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 vua đặt người có địa vị cao xuống chỗ địa vị thâp. Việc này không làm vừa lòng một sô người, các người này khởi

lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vay." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ bảy khi vào hậu cung của vua. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 vua điêu động quân đội không đúng thời. Việc này không làm vừa lòng một số người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thê vị xuất gia đã làm như vay.” Này các Tỷ-kheo? đây là sự nguy hại thứ tám khi vào hậu cung của vua. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, vua sau khi điều động quân đội đúng thời, từ giữa đường lại rút lui quân. Việc làm này không làm vừa lòng một số người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vay." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ chín khi vào hậu cung của vua. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 trong hậu cung nhà vua, rộn rịp với voi, rộn rịp với ngựa, rộn rịp với xe cộ, có những sắc, thanh, hương, vị, xúc hấp dẫn5 không thích hợp với người xuất gia. Như vậy, này các Tỷ-kheo? đây là sự nguy hại thứ mười khi vào hậu cung của vua. Này các Tỷ-kheo, đây là mười sự nguy hại khi vào hậu cung của vua.

54 Pitã vãputtam patthetỉputto vãpitaram patthetỉ. AA. V. 36: Patthetĩtỉ măretum icchatỉ (Pattheti có nghĩa là muốn giết).

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1185

VI. KINH CÁC VỊ THÍCH TỬ (Sakkasutta)55 (4 V. 83) 46. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa các Thích tử tại Kapilavatthu, trong khu vườn Nigrodha. Bấy giờ? có rất nhiều nam cư sĩ Thích tử, trong ngày trai giới (Uposatha) đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các nam cư sĩ Thích tử đang ngồi một bên: Này các Thích tử, các ông có thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần không? Bạch Thế Tôn, có khi chúng con thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần, có khi chúng con không thực hành. -Này các Thích tử, như vậy không được lợi ích cho các ông! Như vậy khó được lợi ích cho các ông! Vì rằng trong đời sống liên hệ đến sợ hãi về sầu khổ? trong đời sống liên hệ đến sợ hãi về chết, có khi các ông thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần, có khi các ông không thực hành. Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, ở đây5 có người trong một vài công việc9 không gặp một ngày kém may mắn nào, lãnh được nửa đồng tiền vàng. Như vậy, có vừa đủ để có người nói về người ấy như sau: "Thật là người thông minh, đầy đủ sự tháo vát” - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, ở đây5 có người trong một vài công việc, không gặp một ngày kém may măn nào, lãnh được một đông tiên vàng... lãnh được hai đồng tiền vàng... lãnh được ba đồng tiền vàng... lãnh được bốn đồng tiền vàng... lãnh được năm đồng tiền vàng... lãnh được sáu đồng tiền vàng... lãnh được bảy đồng tiền vàng... lãnh được tám đồng tiền vàng... lãnh được chín đồng tiền vàng... lãnh được mười đồng tiền vàng... lãnh được hai mươi... lãnh được ba mươi... lãnh được bốn mươi... lãnh được năm mươi đồng tiền vàng. Như vậy5 có vừa đủ để người ta nói về người ấy như sau: "Người này là người thông minh, đầy đủ sự tháo Vt"? -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. -Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, nếu người ấy, mỗi ngày lãnh được một trăm đông tiên vàng, một ngàn đông tiên vàng, cât giâu sô tiên đã lãnh được đến một trăm tuổi? sống được đến một trăm năm5 có phải người ấy thâu được một số tài sản sở hữu lớn? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các ông nghĩ thế nào, này các Thích

tử, người ấy do nhân của cải sở hữu, do duyên của cải sở hữu, do kết quả của cải sở hữu trong một đêm hay trong một ngày, hay chỉ trong nửa đêm? hay chỉ trong nửa ngày, sống hưởng nhất hướng lạc được không? Thưa không vậy5 bạch Thế Tôn.

55 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1121. 0297b 19).

-Vì sao? -Dục? bạch Thế Tôn, là vô thường, là trống rỗng, là giả dối5 bản chất là giả dối. Ở dây, này các Thích tử, đệ tử của Ta, trong mười năm sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy? vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng được quả Nhất lai, quả Bất lai hay quả Dự lưu không có sai chạy.56 Này các Thích tử, đâu phải là mười năm; ở dây, đệ tử của Ta trong chín năm? trong tám năm, trong bảy năm, trong sáu năm9 trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm? trong một năm sống không phóng dật5 nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy5 vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm? mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả Dự lưu không có sai chạy. Này các Thích tử, đâu phải là một năm; ở đây, vị đệ tử của Ta trong mười tháng sống không phóng dật? nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm9 mười ngàn năm, một trăm ngàn năm5 một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả Dự liru không có sai chạy. Này các Thích tử, đâu phải là mười tháng; ở dây, đệ tử của Ta trong chín tháng, trong tám tháng, trong bảy tháng, trong sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng, trong nửa tháng sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy? vị ấy thực hành? vị ấy có thể sống một trăm năm? mười ngàn năm, một trăm ngàn năm9 một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả Dự lưu không có sai chạy. Này các Thích tử, đâu phải là nửa tháng; ở dây, đệ tử của ta trong mười đêm mười ngày... trong chín đêm chín ngày... trong bảy đêm bảy ngày... trong sáu đêm sáu ngày... trong năm đêm năm ngày... trong bốn đêm bốn ngày... trong ba đêm ba ngày... trong hai đêm hai ngày... trong một đêm một ngày... sống không phóng dật,

56 Apannakam. Xem4 L 120; GS. I. 97; AA. V. 37; s. IV. 253.

r r \ -a r Bạch Thê Tôn, vậy băt đâu từ hôm nay chúng con sẽ hành trì ngày trai giới đầy đủ tám chi phần.

VII. KINH MAHÃLI (Mahãlisutta) (Å. V. 86) 47. Một thời? Thế Tôn trú ở Vesãli, Đại Lâm9 tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahãli, người Licchavi, đi đen Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahãli, người Licchavi, bạch The Ton: Bạch Thế Tôn, do nhân gi, do duyên gì5 ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm? -Này Mahãli, do nhân tham, do duyên tham, ác nghiệp được làm, ác

nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahali, do nhân sân, do duyên sân5 ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Do nhân si, do duyên si, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahãli? do nhân phi như lý tác ý9 do duyên phi như lý tác ý5 ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahãli, do nhân tâm tà hướng, do duyên tâm tà hướng, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahãli, đây là nhân? đây là duyên, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. -Bạch Thế Tôn, do nhân gi, do duyên gì, thiện nghiệp được làm? thiện nghiệp được tiếp tục làm? -Này Mahãli, do nhân vô tham, do duyên vồ tham, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahãli, do nhân vô sân, do duyên vô sân... do nhân vô si, do duyên vô si... do nhân như lý tác ý? do duyên như lý tác ý... do nhân tâm chánh hướng, do duyên tâm chánh hướng, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahãli, đây là nhân, đây là duyên, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm. Và này Mahãli, nếu mười pháp này không hiện hữu ở đời, thời đây không có lời tuyên bô vê phi pháp hành, bât bình đăng hành, hay pháp hành, bình đăng hành. Vì rằng, này Mahãli, mười pháp này hiện hữu ở đời, thời ở đây có lời z k 9 x 9

tuyên bô vê phi pháp hành, bât bình đăng hành, hay pháp hành, bình đăng hành. VIII. KINH NGƯỜI XUẤT GIA LUÔN QUÁN SÁT (Pabbạiitaabhinhasutta)51 (Ả. V. 87) 48. Này các Tỷ-kheo5 có mười pháp này? vị xuất gia phải luôn luôn quán sát. Thế nào là mười? Vị xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Ta nay đi đến tình trạng là người không có giai cấp". Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác." Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Nay cử chỉ uy nghi của ta cân phải thay đôi?5 Vị xuât gia cân phải luôn luôn quán57

57 Bản tiếng Anh của PTS: Conditions, nghĩa là Các pháp.

sát: "Không biết tự ngã58 có chỉ trích ta về giới hạnh kh6ng?" Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Kh6ng biêt các vị đông Phạm hạnh có trí, sau khi tìm hiêu, có chỉ trích ta vê giới hạnh kh6ng?" Vị xuât gia cân phải luôn luôn quán sát: "Mọi sự vật khả ái, khả ý của ta bị đổi khác, bị biến hoại." Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Ta là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là thai tạng của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ quy hướng của nghiệp; phàm nghiệp gì ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy." Vị xuất gia cần phải luôn quán sát: "Đêm ngày trôi qua bên ta và nay ta đã thành người như thê nào?" Vị xuât gia cân phải luôn luôn quán sát: "Ta có cô găng hoan hỷ trong ngôi nhà trống hay kh6ng?" Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Ta có chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh không, để đến những ngày cuối cùng5 các vị đồng Phạm hạnh có hỏi? ta sẽ không có xấu h6?" Này các Tỷ-kheo, mười pháp này, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát. IX. KINH TRÚ THÂN (SarữatỊhadhammasutta) (Ả. V. 88) 49. Này các Tỷ-kheo, mười pháp này liên hệ đến thân. Thế nào là mười? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, chế ngự thân, chế ngự lời, chế ngự mạng sống, tái sanh hữu hành. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này liên hệ đến thân. X. KINH ĐẤU TRANH (Bhandanasutta) (A. V. 88) 50. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn của ông Anathaf)indika. Lúc bấy giờ, một số

đông Tỷ-kheo sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, cùng nhau ngồi hội họp trong hội trường, cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chô thiên tịnh đứng dậy5 đi đên hội trường; sau khi đên5 ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Sau khi ngôi xuông, Thê Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? nay các ông hội họp, bàn đến vấn đề gì? Câu chuyện gì giữa các ông đang bị gián đoạn? Ở đây5 bạch Thế Tôn, chúng con sau khi đi khất thực? ăn xong và trở về, chúng con ngồi hội họp trong hội trường, cạnh tranh, luận tranh, đau tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi. Này các Tỷ-kheo, thật là không xứng đáng cho các ông, các thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi. Này các Tỷ- kheo5 có mười pháp này cần phải ghi nhớ,59 tạo thành tương ái5 tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận9 hòa hợp, nhất trí. Thế nào là mười?

58 Xem GS. I. 116, 125. Theo AA. V. 39, atta chỉ cho cỉttam. 59 Dhammo sãranĩyo. Xem D. III. 245.

Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo có giới,60 sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Phàm vị Tỷ- kheo nào có giới, sống chế ngự... trong các học pháp. Đây là pháp càn phải ghi nhớ5 tạo thành tương ái, tạo thành tương kính... hòa hợp, nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo có nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất giữ điều đã nghe; những pháp gi, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ tri, đã đọc tụng bằng lời, đã quan sát với ý, đã khéo thông đạt nhờ chánh kiên. Này các Tỷ-kheo, phàm vị Tỷ-kheo nào có nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe... khéo thông đạt nhờ chánh kiến. Đây là pháp cần phải ghi nhớ tạo thành tương ái5 tạo thành tương kính... hòa hợp, nhát trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào làm bạn với thiện hữu...giao thiệp với thiện hữu. Đây là pháp cần phải ghi nhớ? tạo thành tương ái... hòa hợp, nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói561 kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này các Tỷ- kheo, vì rằng, vị Tỷ-kheo nào dễ nói... khéo chấp nhận những lời giáo giới. Đây là pháp cần phải ghi nhớ9 tạo thành tương ái... hòa hợp, nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm có những công việc cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ đôi với các vị đông Phạm hạnh; ở đây5 vị ây khéo léo và tinh cân5 thành tựu sự suy tư đên các phương tiện, vừa đủ đê làm, vừa đủ đê tô chức. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo nào, phàm có những công việc gì... vừa đủ đê tố chức. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ưa Pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, vô cùng hân hoan trong Thăng pháp, trong Thăng luật. Này các Tỷ- kheo5 phàm Tỷ-kheo nào ưa pháp... trong Thăng luật. Đây là pháp cần phải ghi nhớ5 tạo thành tương ái... hòa hợp, nhât trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo sông tinh cân tinh tân, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp? nỗ lực kiên tri, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo9 phàm Tỷ-kheo nào sống tinh Cần tinh tấn... đối với các thiện pháp. Đây là pháp cần phải ghi nhớ5 tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo; Tỷ-kheo biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo5 phàm Tỷ-kheo nào biêt đủ... dược phâm trị bệnh. Đây là pháp cân phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

60 Xem TÍ. V. 23; GS. V. 18 (kinh 17 ở trước). 61 Xem II. 148; III. 180.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm5 tùy niệm việc đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo5 phàm Tỷ-kheo nào chánh niệm... đã nói từ lâu. Đây là pháp cần phải ghi nhớ? tạo thành tương ái... hòa hợp5 nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ vê sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

VI. PHẨM TÂM CỦAMÌNH (SACITTAVAGGA)

L KINH TÂM CỦA MÌNH (Sacittasutta)6263 (4 V. 92) 64 51. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! - Bạch Thế Tôn. _ r _rn 9 r _ __ _ _____ J. / r __ _ _ nni A FTP r__ FT^l _ rrn A _ _ r9 1 Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: —Này các Tỷ-kheo9 nêu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thời cần phải nguyện rằng: “Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta."63 Như vậy? này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Và này các Tỷ-kheo, như thê nào5 Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình? Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà hay một người đàn ông còn trẻ5 trong tuôi thanh niên? tánh ưa trang điêm5 quán sát hình ảnh mặt mình trong tâm gương thanh tịnh trong sáng? hay trong một bát nước trong. Nêu thây trên mặt có hạt bụi hay dâu nhớp gì, người ây cô găng lau sạch hạt bụi hay dâu nhớp ây. Nếu không thấy hạt bụi hay dấu nhớp, người ấy hoan hỷ? thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong sạch!" Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo quán sát như vậy được nhiêu lợi ích trong các thiện pháp: "C6 phải ta sông nhiêu với tham, hay ta sông nhiêu với không tham? Có phải ta sông nhiêu với tâm có sân, hay ta sông nhiêu với tâm không có sân? Có phải ta sông nhiêu với hôn trâm thụy miên chi phôi5 hay ta sông nhiêu với hôn trâm thụy miên được từ bỏ? Có phải ta sống nhiều với trạo củ*,64 hay ta sống nhiều với không trạo cử? Có phải ta sống nhiều với nghi ngờ, hay ta sống nhiều với vượt qua được nghi ngờ? Có phải ta sống nhiều với phẫn nộ, hay ta sống nhiều với không bị phẫn nộ? CÓ phải ta sông nhiêu với tâm bị nhiêm 6, hay ta sông

nhiêu với tâm không bị nhiễm ô? Có phải ta sống nhiều với thân nhiệt n6ng, hay ta sống nhiều với thân không nhiệt nóng? Có phải ta sông nhiêu với biêng nhác, hay ta sông nhiêu với

62 Bản tiếng Ạnh của PTS; One s Own Heart (a) (By the Master), nghĩa là Tâm của mình (a) (do bậc Đạo sư thuyết). Tham chiếu: Tự quản tâm kỉnh H (roi. 0026.110. 0598c21). 63 /4 V. 41: Sacỉttaparỉyãyakụsalotỉ attano cittavãrakusalo (t4Thiện xảo trong hành tướng tâm của ta" nghĩa là thiện xảo trong sự diễn biến của tâm mình). 64 Xem s. V. 112; KS. V. 95, quá thụ động và quá hăng hái cũng là trở ngại cho tâm an tịnh.

tinh tân tinh cân? Có phải ta sông nhiêu với không định tinh, hay ta sông nhiêu với định tữih?" Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo quán sát như vậy5 biết rằng: “Ta sống nhiều với tâm tham; ta sống nhiều với tâm sân; ta sống nhiều với tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối; ta sống nhiều với trạo cử; ta sống nhiều với nghi ngờ; ta sống nhiều với phẫn nộ; ta sống nhiều với tâm bị nhiễm ô; ta sống nhiều với thân nhiệt nóng; ta sốnẸ nhiều với biếng nhác; ta sống nhiều với không định tinh”, thời Tỵ-kheo ấy cân phải quyêt định, ước muôn, tinh tân, nô lực5 dõng mãnh, bất thoi, chánh niệm5 tỉnh giác65 để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy. Ví như? này các Tỷ-kheo, khi khăn bị cháy, hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm5 tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy. Cũng vậy5 này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy càn phải quyet định, ước muôn, tinh tân, nô lực, dõng mãnh, bât thôi, chánh niệm, tỉnh giác để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo quán sát như vậy5 biết rằng: "Ta sống nhiều với tâm không tham; ta sống nhiều với tâm không sân; ta sống nhiều với tâm không hôn trầm thụy miên; ta sống nhiều với tâm không trạo cử; ta sống nhiều với tâm nghi ngờ được vượt qua; ta sống nhiều với tâm không phẫn nộ; ta sống nhiều với tâm không nhiễm ô; ta sống nhiều với thân không nhiệt nóng; ta sống nhiều với tâm tinh tấn tinh cần; ta sống nhiều với tâm định tĩnh,\ thời Tỷ-kheo ấy, sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, rồi hơn nữa cần chú tâm đoạn diệt các lậu hoặc. II. KINH SÃRIPUTTA (Sãríputtasutta)6667 (A. V. 94) 52. Rồi Tôn giả Sãriputta nói với các Tỷ-kheo: Này chư Hiền giả! -Thưa vâng Tôn giả. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: ... (Như kinh trên, chỉ khác là "Tôn giả Sãriputta nói với các Tỷ-kheo,5). III. KINH ĐỨNG MỘT CHỖ(ĩhitisutta)61 (4 V. 96) 53. Này các Tỷ-kheo? Ta không tán thán đứng một chỗ trong các thiện pháp? còn nói gì tổn giảm (parihãnim). Này các Tỷ-kheo5 Ta tán thán tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ5 không tổn giảm. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là tổn giảm trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tăng trưởng? ơ đây, này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo đang cô găng đê đạt được lòng tin,

65 Xem 5. IV. 440; KS. V. 372. 66 Bản tiếng Anh của PTS: One s Own Heart (b) (By Sãrỉputta), nghĩa là Tâm của mình (b) (do Tôn giả Sãrỉputta thuyết). 67 Tham chiếu: Trụ pháp (T.01. 0026.95. 0577b01).

giới đức, nghe nhiều, bố thí, biện tài với trí tuệ;68 các pháp ấy đối với vị này không đứng một chỗ, không tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo5 Ta gọi như vậy là tổn giảm trong các thiện pháp, không đứng một chỗ5 không tăng trưởng. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là tổn giảm trong các thiện pháp, không đứng một chỗ5 không tăng trưởng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đứng một chỗ trong các thiện pháp, không tổn giảm, không tăng trưởng? Ở dây, nàỵ các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cố gắng để đạt được lòng tin, giới dức, nghe nhiều, bố thí và biện tài với trí tuệ; những pháp ấy đối với vị này không tổn giảm, không tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, Ta gọi như vậy là đứng một chỗ trong các thiện pháp, không tổn giảm, không tăng trưởng. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là đứng một chỗ trong các thiện pháp5 không tổn giảm, không tăng trưởng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tổn giảm? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cố gắng để đạt được lòng tin, giới đức5 nghe nhiều, bố thí và biện tài với trí tuệ; những pháp ấy đối với vị này không đứng một chỗ5 không tổn giảm. Này các Tỷ-kheo, Ta gọi như vậy là tăng trưởng trong các thiện pháp5 không đứng một chỗ? không tổn giảm. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, là tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tổn giảm. Này các Tỷ-kheo5 dâu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thời cần phải nguyện rằng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình? (Như kinh 51). IV. KINH TỊNH CHỈ (Samathasutta)69 (4 V. 98) 54. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác thời cũng phải nguyện răng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình? Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà hay một người đàn ông còn trẻ, trong tuôi thanh niên, ưa muôn trang điêm, quán sát hình ảnh mặt mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay tronệ một bát nước trong, nếu thấy trên mặt có một hạt bụi hay dấu nhớp gì5 người ấy cố gắng lau sạch hạt bụi ấy hay dấu nhớp ấy; nếu không thấy hạt bụi hay dấu nhớp, người ấy hoan hỷ thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong s@ch!" Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5

68 AA. V. 42: Patỉbhãnenãtỉ vacanasanthãnena (í4Biện tài" nghĩa là có cách nói hay). Xem thêm^. III. 80; s. IV. 250. • 69 Tham chiếu: Tự quản tâm kỉnh (T.01. 0026.109. 0598c07).

Tỷ-kheo quán sát như vậy được nhiều lợi ích trong các thiện pháp: "C6 phải ta được lợi đắc nội tâm tịnh chỉ, hay ta không được lợi đắc nội tâm tịnh chỉ? Có phải ta được tăng thượng tuệ pháp quán, hay không được tăng thượng tuệ pháp quán?" Này các Tỷ-kheo? nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: “Ta có được nội tâm tịnh chỉ nhimg ta không được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi an trú nội tâm tịnh chỉ5 cần phải nỗ lực để đạt cho được tăng thượng tuệ pháp quán ấy. Vị ấy, sau một thời gian, đạt được nội tâm tịnh chỉ và được tăng thượng tuệ pháp quán. Này các Tỷ-kheo? nêu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biêt như sau: "Ta có được tăng thượng

tuệ pháp quán nhưng không có được nội tâm tịnh chí", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi an trú tăng thượng tuệ pháp quán, cần phải nỗ lực để đạt cho được nội tâm tịnh chỉ. Vị ấy, sau một thời gian, đạt được tăng thượng tuệ pháp quán và chứng được nội tâm tịnh chỉ. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: “Ta không có được nội tâm tịnh chí, ta không có được tăng thượng tuệ pháp quAĩi", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để đạt cho được các thiện pháp. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định5 ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm5 tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy; cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm5 tỉnh giác để đạt cho được các thiện pháp ấy. Vị ấy, trong một thời gian khác, đạt được nội tâm tịnh chỉ và đạt được tăng thượng tuệ pháp quán. Nhimg này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta có được nội tâm tịnh chí, ta có được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ấy sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, cần phải nỗ lực? chú tâm để đoạn diệt các lậu hoặc nữa. Này các Tỷ-kheo, Ta nói, y có hai loại: Nên sử dụng (sevitabba) và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói? đồ ăn khất thực có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo? Ta cũng nói9 sàng tọa có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, làng, thị trấn có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, quốc độ có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo? Ta cũng

dụng. Ở đây, nếu biết được y áo nào: "Y áo này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời y áo như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng, y có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Wcác Tỷ-kheo, Ta nói rằng, đồ ăn khất thực có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? J r • thực nào: C6ĐỒ Ở đây. nếu biết* được đồ ăn khất 9 ăn. khất A • đượcr ta sử • thực này dung, các pháp bât thiện tăng trưởng, các pháp thiên tôn giảm,\ thời đô ăn khât thực như vậy không nên sử dụng. Ở dây, nếu biết được đồ ăn khất thực nào: CCĐỒ ăn khất thực này được ta sử dụng5 các pháp bất thiện tôn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời đồ ăn khất thực như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo? Ta nói rằng, đồ ăn khất thực có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng5 như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỳ-Kheo5 Ta nói răngệ5 sàng tọa có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dung, như vậy được nói đên. Do duyên gì được nói đên như vậy? Ở đây, nếu biết được sàng tọa nào: "Sàng tọa này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn gim", thời sàng tọa như vậy không nên sử dụng. Ở đây, nếu biết được sàng tọa nào: "Sàng tọa này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng”, thời sàng tọa như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói răngệ, sàng tọa có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đên. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, làng, thị trấn có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói

đến. Do duyên gì được nói đến như vậy? Ở dây, nếu biết được làng, thị trấn nào: "Làng, thị trấn này được ta sử dqng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị tổn giảm", thời làng, thị tran như vậy không nên sử dụng, ơ đây, nêu biêt được làng, thị trân nào: "Làng, thị trấn này được ta sử dụng? các pháp bất thiện tốn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời làng5 thị trân như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói răng, làng, thị trấn có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đên như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, quốc độ có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đên như vậy? Ở đây, nếu biết được quốc độ nào: "Quốc độ này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tốn giảm9\ thời quốc độ như vậy không nên sử dụn^. Ở đây5 nếu biết được quốc độ nào: uQuốc độ này được ta sử dụng, các pháp bât thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời quôc độ như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo? Ta nói rằng? quốc độ có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng5 như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây5 nếu biết được người nào: "Người này được ta sử dụng5 các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm”thời người như vậy không nên sử dụng. Ở đậ5 nếu biết được người nào: "Người này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tôn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời người như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói răng, người có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đên. Do duyên này được nói đên như vậy. V KINH TỔN GIẢM (Parihãnasutta)11 (A. V, 102) 55. Ở đây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: - Này chư Hiền Tỷ-kheo! Thưa vâng5 Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Săriputta nói như sau: —Có người bản tánh là tôn giảm, có người bản tánh là không tôn giảm, này chư Hiền, được nói đến như vậy. Cho đên như thê nào, này chư Hiền, người bản tánh là tổn giảm được Thế Tôn nói đến? Cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là không tổn giảm được Thế Tôn nói đến? Thưa Hiền giả, chúng tôi đi từ xa đến để được hiểu rõ ý nghĩa lời nói này từ Tôn giả Sãriputta. Lành thay, nêu ý nghĩa lời nói này được Tôn giả Sãriputta nói lên! Sau khi nghe Tôn giả Sãriputta nói, các Tỷ"kheo sẽ thọ trì. Vậy này chư Hiền, hãy nghe và khéo tác ý5 ta sẽ nói. -Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: -Cho đên như thê nào, này chư Hiên, người bản tánh là tôn giảm được Thê Tôn nói đến? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo không nghe pháp chưa được nghe, và pháp đã được nghe đi đên bị quên; các pháp trước kia tâm đã có cảm xúc9 những pháp ây không được hiện hành, và không thức tri những pháp chưa được thức tri. Cho đến như vậy, này chư Hiền, người bản tánh là ton giảm được Thế Tôn nói đến. Nhimg này chư Hiên, cho đên như thê nào5 này chư Hiên, người bản tánh là không tổn giảm được Thế Tôn nói đến? Ở đây5 này chư Hiền, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, và các thiện pháp được nghe không có quên đi. Và những pháp nào trước kia tâm đã có cảm xúc, những pháp ấy được hiện hành, và thức tri những pháp chưa được thức tri. Cho đến như vậy5 này chư Hiền, là người bản tánh

không bị tổn giảm được Thế Tôn nói đến. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, thời cũng phải nguyện rằng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta." Như vậy5 này chư Hiên? chư Hiên cần phải học tập.

71 Tham chiếu: Vô kỉnh (7.01. 0026.96. 0577cl5).

Và này chư Hiên, thê nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình? Ví như5 này chư Hiền, một người đàn bà hay một người đàn ông còn trẻ, trong tuổi thanh niên, tánh ưa trang điểm, quán sát hình ảnh mặt của mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay trong một bát nước trong, nếu thấy trên mặt có hạt bụi hay dấu nhớp gì, người ấy cố gắng lau sạch hạt bụi hay dấu nhớp ấy; nếu không thấy hạt bụi hay dấu nhớp, người ấy hoan hỷ thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong sạch!" Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo có quán sát như vậy, được nhiều lợi ích trong các thiện pháp: "C6 phải ta sống nhiều với tâm không tham? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sông nhiêu với tâm không sân? Không biêt trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với hôn trầm thụy miên? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với không trạo cử? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với nghi ngờ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với khôĩiệ phẫn nộ? Không biêt trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sông nhiêu với tâm không nhiễm ô? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta có được nội tâm pháp hỷ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta đã được nội tâm an chỉ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta đã có được tối thắng tuệ pháp quán? Không biết trong ta có pháp này hay không c6?" Này chư Hiền, nếu vị Tỷ-kheo trong khi quán sát, không thấy có trong tự ngã tất cả thiện pháp này, thời Tỷ-kheo ấy càn phải quyết định ước muốn, tinh tấn, nỗ lực5 dõng mãnh5 bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này. Ví nhu, này chư Hiên, khi khăn bị cháy hay khi đâu bị cháy, cân phải quyêt định, ước muôn5 tinh tân, nô lực, dõng mãnh, bât thôi, chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy; cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cân phải quyêt định, ước muôn, tinh tân, nô lực, dũng mãnh, bât thôi, chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, thấy trong tự ngã có một số thiện pháp và không thấy có một số thiện pháp; thời này chư Hiền, đối với các thiện pháp nào vị ấy thấy có trong tự ngã, vị ấy an trú trong các thiện pháp ấy; đối với các thiện pháp nào, vị ấy không thấy có trong tự ngã, vị ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh5 bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này. Ví như, này chư Hiền, khi khăn bị cháy hay khi đâu bị cháy, cân phải quyêt định, ước muôn, tinh tân, nô lực, dõng manh, bất thối, chánh niệm5 tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy; cũng vậy5 này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo, trong khi quán sát, thấy trong tự ngã có một số thiện pháp, thời an trú trong các thiện pháp ấy; còn đối với các thiện pháp vị ây không thây trong tự ngã, vị ây cân phải quyêt định, ước muôn, tinh tân, nô lực, dõng mãnh5 bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được các thiện pháp ấy.

Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, thấy tất cả pháp này đều có trong tự ngã? thời này chư Hiên, Tỷ-kheo ây sau khi an trú trong tât cả thiện pháp này, cần phải nỗ lực chú tâm để đoạn diệt các lậu hoặc. VI. KINH TƯỞNG THỨ NHẤT (PaỊhamasannãsutta)12 (4 V. 105) 56. Này các Tỷ-kheo, mười tưởng này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn? lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là mười? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng nhàm chán trong các món ăn? tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới? tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo5 mười tưởng này, được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử5 lấy bất tử làm cứu cánh. VII. KINH TƯỞNG THỨ HAI (Dutìyasannãsutta)72 (A. V. 106) 7374 57. Này^ các Tỷ-kheo9 có mười tưởng này, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là mười? Tưởng vô thường, tưởng vô nệẫ, tưởng chết, tưởng nhàm chán trong các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng xương, tưởng trùng ăn? tưởng xanh bâm, tưởng nứt nẻ, tưởng trương phồng. Nay các Tỷ-kheo5 mười tưởng này được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn5 lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử? lay bất tử làm cứu cánh. VIII. KINH PHẦN CĂN BẢN (Mũỉakasutta)14 (Ả. V. 106) 58. Này các Tỷ-kheo? nếu các du sĩ ngoại đạo có hỏi như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quỵ tụ? Tất cả pháp lấy ỆÌ làm thượnẸ thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăĩiệ thượng? Tat cả pháp lấy gì làm toi thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây? Tat cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu canh?99 Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào? —Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo5 lay Thế Tôn làm nương tựa... Thật lành thay, bạch Thế Ton, nếu nghĩa của lời nói này được Thế Tôn nói lên! Sau khi nghe Thế Tôn nói? các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. — /T' 9 11 f _ A JL_ r_ ____ ĩ_ _ FTil Ạ FT! _ ĩ _rr^ A Ạ 1 Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau:

72 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.46.9. 0780al6). 73 Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.46.10. 0780a28). 74 Xem A. IV. 3,38. Bản tiếng Ạnh của PTS: Rooted ỉn the Exalted One, nghĩa là Lấy căn bản nơi Thế Tơ^Tham chiêu: Chư pháp bôn kỉnh (7.01. 0026.113. 0602b28); Chư pháp bôn kỉnh (r.01.0059. 0855C06).

-Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: “Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tậẸ khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quy tụ? Tất cả pháp lấy gi làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăĩiẸ thượng? Tất cả pháp lấy gì làm toi thượng? Tât cả pháp lấy gì làm lõi cây? Tât cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu cáĩlh?,, Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông có thể trả lời như sau: "Tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả

pháp lấy tác ý làm sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lõi cây. Tat cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập. Tất cả pháp lấy Niết-bàn làm cứu cánh." Này các Tỷ-kheo? được hỏi vậy5 các ông có thể trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy. IX. KINH XUẤT GIA (Pabbafjasutta) (A. V. 107) 59. Do vậy, này các Tỷ-kheo9 các ông cân phải học tập như sau: "Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập như khi xuất gia, các pháp bất thiện được sanh không có chinh phục tâm và không tồn tại: Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng vô thường; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng vô ngã; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng bất tịnh; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng nguy hại; Sau khi biêt được thê giới thăng băng và không thăng băng5 tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ây; Sau khi biêt được thê giới sanh khởi và đoạn diệt, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ây; Sau khi biêt được thê ệiới tập khởi và chấm dứt, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ây; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng đoạn tận; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ly tham; Và tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng đoạn diệt.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được tâm thực hành tích tập như khi xuất gia, các pháp bất thiện sanh khởi không chinh phục tâm và an trú, tâm được thực hành tích tập với tưởng vô thường; tâm được thực hành tích tập với tưởng vô ngã; tâm được thực hành tích tập với tưởng bất tịnh; tâm được thực hành tích tập với tưởng nguy hại; sau khi biết được thế giới thăng bằng và không thăng băng, tâm được thực hành tích tập với tưởng ây; sau khi biêt được thế giới sanh khởi và đoạn diet, tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy; sau khi biêt thê giới tập khởi và châm dứt, tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy; tâm được thực hành tích tập với tưởng đoạn tận; tâm được thực hành tích tập với tưởng ly tham; tâm được thực hành tích tập với tưởng đoạn diệt. Đối với vị ấy, một trong hai quả này được chờ đợi? Chánh trí ngay trong hiện tại; nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

X. KINH GIRIMÃNANDA (Girimãnandasutta) (A. V. 108) 60. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu yườn của ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Girimănanda bị bệnh, khổ đau? bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Ananda bạch Thê Tôn: -Tôn giả Girimãnanda, bạch Thế Tôn, bị bệnh5 khổ đau5 bị trọng bệnh. Lành thay, nếu Thế Tôn đi đến Tôn giả Girimãnanda vì lòng từ mẫn! -Này Ãnanda, nếu ông đi đến Tỷ-kheo Girimãnanda và đọc lên mười tưởng, thời sự kiện này có thê xảy ra: Tỷ-kheo Girimãnanda sau khi được nghe mười tưởng, bệnh của vị ấy có thể được thuyên giảm75 ngay lập tức. Thế nào là mười? Tưởng vô thường,7677 tưởng vô ngã5 tưởng bất tịnh5 tưởng nguy hại, tưởng đoạn tận? tưởng từ bỏ5 tưởng đoạn diệt, tưởng không hoan hỷ đoi với tất cả the giói, tưởng vô thường trong tât cả hành, tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng vô thường? Ở đây? này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như

sau: "Sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường.,, Như vậy9 vị ấy trú, tùy quán vô thường trong năm thủ uẩn này. Này Ảnanda, đây gọi là tưởng vô thường. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng vô ngã? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: “Mắt là vô ngã9 các sắc là vô ngã; tai là vô ngã, các tiếng là vô ngã; mũi là vô ngã, các hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, các vị là vô ngã; thân là vô ngã5 các xúc là vô ngã; ý là vô ngã5 các pháp là vô ngã.,, Này Ananda, đây gọi là tưởng vô ngã. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng bất tịnh? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ"kheo quán sát thân này7^ từ bàn chân trở lên, từ đỉnh tóc trở xuống, được da bao bọc5 đầy những vật bất tịnh sai biệt như: "Trong thân này có tóc? lông, móng, răng? da, thịt, dây gân, xương, tủy, thận, quả tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phôi, ruột, màng ruột, bụng5 phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ5 máu, mồ hôi5 mỡ? nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiêu.^, Như vậy, vị ây trú quán bât tịnh trong thân này. Này Ananda, đây gọi là tưởng bất tịnh. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng nguy hại? Ở đây9 này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Nhiều khổ là thân này, nhiều sự nguy hại.

75 Có vài trường hợp, người bệnh thuyên giảm khi nghe những lời pháp lành này. Xem Kassapa, KS. V.66. 76 Xem 10 tưởng trong A. V. 105 (kinh 56 ở trước) và 10 tưởng khác trong KS. V. 112. 77 Xem danh sách tương tự trong s. V. 279; KS. IV. 69.

Như vậy trong thân này, nhiều loại bệnh khởi lên. Ví như bệnh đau mắt, bệnh đau về tai, bệnh đau mũi? bệnh đau lưỡi, bệnh đau thân, bệnh đau dầu, bệnh đau vành tai, bệnh đau miệng, bệnh đau răng, bệnh đau môi, bệnh ho, bệnh suyễn, bệnh sổ mũi5 nóng, bệnh sốt, bệnh đau bụng5 bất tính, kiết ly? bệnh đau bụng quặn, bệnh thổ tả, bệnh hủi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lở? bệnh ho lao, bệnh trúng gi6, bệnh da, bệnh ngứa? bệnh da đóng vảy, bệnh hắc lào lang ben, bệnh ghẻ, bệnh huyết đảm (mật trong máu), bệnh đái đường, bệnh tri, bệnh mụt nhọt? bệnh ung nhọt lở loét, các bệnh khởi lên do mật578 bệnh khởi lên từ dàm, niêm dịch, các bệnh khởi lên từ gió? bệnh do hòa hợp các thể dịch sinh ra9 các bệnh do thời tiết sinh ra, các bệnh do làm việc quá độ sinh, các bệnh do sự trùng hợp các sự kiện, các bệnh do nghiệp thuần thục, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện? tiểu tiện.,, Như vậy? vị ấy sống, quán sự nguy hại trong thân này. Này Ananda, đây gọi là các tưởng nguy hại. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng đoạn tận? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận sân tầm đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận hại tầm đã sanh... không có chấp nhận các ác, bất thiện pháp tiếp tục khởi lên, từ bỏ5 tẩy sạch, chấm dứt, đi đên không sanh trưởng. Này Ãnanda, đây được gọi là tưởng đoạn tận. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng từ bỏ? Ở đây? này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "Đây là an tịnh5 đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diet, ly tham, Niết-bàn.,^ Này Ãnanda, đây được gọi là tưởng từ bỏ. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng đoạn diệt?

Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây9 hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "Dây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, đoạn diet, Niet-ban?9 Này Ãnanda, đây được gọi là tưởng đoạn diệt. Và này Ãnanda, thế nào là tưởng không hoan hỷ trong tất cả thế giới? Ở dây, này Ananda, phàm ở đời có những chấp thủ phương tiện, tâm quyết định, thiên kiên, tùy miên nào79 Tỷ-kheo từ bỏ chúng, không ưa thích, không chấp thủ. Này Ãnanda, đây gọi là tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng vô thường trong tất cả hành? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo bực phiền, xấu hổ5 nhàm chán80 đối với tất cả hành. Này Ãnanda, đây gọi là tưởng vô thường trong tất cả hành.

78 Xem 4 II. 87; GS. II. 97; s. IV. 230; KS. IV. 155. 79 Xem s. II. 17, đây chỉ cho panca kãmaguụã với ý là thứ sáu. Jigucchati. Xem KS. III. 129.

Và này Ãnanda, thế nào là tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra? Ở dây, này Ãnanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, hmg thẳng, để niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ây thở vô; chánh niệm, vị ây thở ra. Thở vô dài, vị ây rõ Diet: Tôi thở vô dài ; thở ra dài, vị ấy rõ biết ctTôi thở ra dai." Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "T6i thở vô ngắn"; thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "T6i thở ra ngắn." uCảm giác toàn thân, tôi sẽ thở v6”vị ấy tập; "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. uAn tịnh thân hành, tôi sẽ thở vị ấy tập; tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. :cm giác lạc thọ9 tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "cảm giác lạc thọ9 tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập; "cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị tập. "An tịnh tâm hành, toi sẽ thở v6", vị ấy tập; :an tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "'Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vị ấy tập; "cảm giác về tâm5 tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. "Vơi tâm hân hoan, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tinh, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra”vị ấy tập. "Với tam giải thoát, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập; "quán vô thường, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập; "quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra"? vị ay tập. "Quán từ bỏ9 tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. Này Ãnanda, đó là tirởng niệm hơi thở vô hơi thở ra. Này Ãnanda, nếu ông đi đến Tỷ-kheo Girimãnanda và đọc lên mười tưởng này, sự kiện này có xảy ra: Tỷ-kheo Girimãnanda, sau khi nghe mười tưởng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức. Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi học thuộc từ Thế Tôn mười tưởng này, đi đến Tôn giả Girimãnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Girimãnanda mười tưởng này. Và Tôn giả Girimãnanda, sau khi nghe mười tưởng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức. Tôn giả Girimãnanda được thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là chứng bệnh ấy của Tôn giả Girimãnanda.

vn. PHẨM SONG ĐÔI (ỊAMAKAVAGGA)

I. KINH VÔ MINH (Avijjãsuttdỷỵ (Ả. V. 113) 61. Này các Tỷ-kheo, khởi điểm đầu tiên của vô minh81 82 không thể nêu rõ để có thể nói: "Trước điểm này, vô minh không có, rồi sau mới c6." Như vậy5 này các Tỷ-kheo, lời này được nói đến. Tuy vậy? sự việc này được nêu rõ: "Do duyên này, vô minh [có mặt].59 Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? Năm triền cái, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, năm triền cái có thức ăn9 không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho năm triền cái? Ba ác hành, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng5 ba ác hành có thức ăn? không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho ba ác hành? Các căn không chế ngu, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, các căn không chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho các căn không chế ngự? Không chánh niệm tỉnh giác, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không chánh niệm tỉnh giác? Phi như lý tác ý583 cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, phi như lý tác ý có thức ăn5 không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho phi như lý tác ý? Không có lòng tin, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói lẳng, không có lòng tin có thức ăn? không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không có lòng tin? Không nghe Diệu pháp, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không nghe Diệu pháp có thức ăn? không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không nghe Diệu pháp? Không giao thiệp với bậc chân nhân, cần phải trả lời như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, không giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe Diệu pháp; không có nghe Diệu pháp được viên mãn5 thời làm viên mãn không có lòng tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác

81 Tham chiếu: Bổn tế kỉnh (T.01. 0026.5L 0487ỒỒ03); Thực kỉnh (7.0,1. 0026.52159 0487c24-0489c25); Bổn tướngy trí kỉnh (7.01. 0036. 0820c 19); Duyên bồn trí kỉnh (T.01.0037. 0820ỒỒ21). 82 Nội dung của kinh này và kinh sau được đề cập ở KS. IL 118ff. 83 Ayonỉso manasỉkãram.

được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn5 thời làm viên mãn năm triên cái; năm triên cái được viên mãn5 thời làm viên mãn vô minh. Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa ấy chảy xuống theo sườn dốc? làm đầy các hang núi, các khe núi5 các thung lũng; sau khi làm đày các hang nui? các khe núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ; sau khi làm đầy các hồ nhỏ5 chúng làm đầy các hồ lớn; sau khi làm đây các hô lớn, chúng làm đây các sông nhỏ; sau khi làm đây các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là

sự viên mãn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 không giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe Diệu pháp; không có nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn? thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn5 thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn? thời làm viên mãn năm triền cái; năm triền cái được viên mãn5 thời làm viên mãn vô minh. Như vậy9 đây là thức ăn của vô minh, và như vậy là sự viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 Ta nói răng, minh giải thoát có thức ăn9 không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho minh giải thoát? Bảy giác chi5 cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, bảy giác chi có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho bảy giác chi? Bốn niệm xứ5 cần phải trả lời như vậy. y r .

Này các Tỷ-kheo5 Ta nói răng, bôn niệm xứ có thức ăn5 không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho bốn niệm xứ? Ba thiện hành, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói rằng, ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? Các căn được chế ngự, cần phải trả lời như vậy. 5 r

Này các Tỷ-kheo5 Ta nói răng, các căn được chê ngự có thức ăn9 không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho các căn được chế ngự? Chánh niệm tỉnh giác, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo5 chánh niệm tỉnh giác có thức ăn5 không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho chánh niệm tỉnh giác? Như lý tác ý, cần phải trả lời như vậy.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1205

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho như lý tác ý? Lòng tin, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho lòng tin? Nghe Diệu pháp, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nghe Diệu pháp có thức ăn5 không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho nghe Diệu pháp? Giao thiệp với bậc chân nhân, cần phải trả lời như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn5 thời làm viên mãn nghe Diệu pháp; nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin; lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý; như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác; chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự; các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành; ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn bốn niệm xứ; bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn bảy giác chi; bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn minh giải thoát. Như vậy5 đây là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là sự viên mãn. Ví như, này các Tỷ-kheo5 trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi5 các khe núi, các thung lũng5 chúng làm đầy các hô nhỏ; sau khi làm đây các hô nhỏ? chúng làm đây các hô lớn; sau khi làm đây các hô lớn, chúng làm đây các sông nhỏ; sau khi

làm đây các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn nghe Diệu pháp; nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin; lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý; như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác; chánh niệm tỉnh giác được viên mãn5 thời làm viên mãn các căn được chế ngự; các căn chế ngự được viên mãn5 thời làm viên mãn ba thiện hành; ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn bốn niệm xứ; bốn niệm xứ được viên mãn5 thời làm viên mãn bảy giác chi; bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn minh giải thoát. Như vậy là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là viên mãn. II. KINH HỮU ÁI (Tanhãsutta(A. V. 116) 62. Này các Tỵ-kheo, khởi điểm đầu tiên của hữu ái không thể nêu rõ để có thế nói: "Trước điểm này, hữu ái không có, rồi sau mới c6.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, lời này được nói đên. Tuy vậy5 sự việc này được nêu rõ: "Do duyên

84Tham chiếu: Thực kỉnh (7.0L 0026.52-53. 0487c24-0489c25); Bồn tưởng y trí kỉnh (r.Ol. 0036. 0820cl9);D^ bổn trí kinh (T.Ol. 0037. 0820b2l).'

này, hữu ái có mặt." Này các Tỷ-kheo? Ta nói rằng, hữu ái có thức ăn? không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho hữu ái? Vô minh, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo? Ta nói răng, vô minh có thức ăn5 không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? Năm triên cái? cân phải trả lời như vậy... (như kinh 61, chí thêm vào đoạn sau: "Năm triên cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh; vô minh được viên mãn, thời làm viên mãn hữu M.") Như vậy5 đây là thức ăn của hữu ái, và như vậy là sự viên mãn... (như kinh trên). III. KINH ĐẠT CỨU CÁNH (NiỊIhangatasutta) (4 V. 119) 63. Này các Tỷ-kheo? những ai đặt sự cứu cánh ở nơi Ta, tất cả những người ấy đầy đủ chánh kiến. Với những người đầy đủ chánh kiến ấy, năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người5 sau khi từ bỏ đời này,8586đạt được cứu cánh. Và năm hạng người nào đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây? Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần, hạng Gia Gia, hạng Nhất Chủng, hạng Nhất Lai, và vị nào là vị A-la-hán ngay trong hiện tại. Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Và năm hạng người khác nào, sau khi từ bỏ đời này5 đạt được cứu cánh? Hạng Trung gian Bát-niêt-bàn, hạng Tôn hại Bát-niêt-bàn, hạng Vô hành Bát-niêt-bàn, hạng Hữu hành Bát-niêt-bàn, hạng Thượng lưu đạt được Săc Cứu Cánh thiên. Với năm hạng người này5 sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh. Này các Tỷ-kheo, những ai đặt sự cứu cánh ở nơi Ta, tất cả những người ấy đầy đủ chánh kiến. Trong những người đầy đủ chánh kiến, năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh. IV. KINH CÓ LÒNG TỊNH TÍN BẤT ĐỘNG (Aveccappasannasuttdỷ6 (A. V. 120) 64. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tịnh tín bất động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những bậc Dự Lưu. Với những bậc Dự Lưu ấy, có năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh. Và năm hạng người nào5 đạt

được cứu cánh ngay ở nơi đây? Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần, hạng Gia Gia, hạng Nhất Chủng, hạng Nhất Lai, và vị nào là vị A-la-hán ngay trong hiện tại. Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Và năm hạng người khác nào, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh?

85 Chứng Niết-bàn ngay hiện tại trong đời này hay ở Phạm thiên giới sau khi chết. 86 Bản tiếng Anh của PTS: Unwavering, nghĩa là Bất động.

Hạng Trung gian Bát-niết-bàn, hạng Tôn hại Bát-niết-bàn? hạng Vô hành Bát-niết-bàn, hạng Hữu hành Bát-niết-bàn, hạng Thượng liru đạt được Săc Cứu Cánh thiên. Với năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh. Này các Tỷ-kheo? những ai có lòng tịnh tín bất động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những bậc Dự Liru. Với các hạng Dự Lưu ấy, năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh. V. KINH LẠC THỨ NHẤT (PaḶhamasukhasuttdỷ1 (A. V. 120) 65. Một thời, Tôn giả Sãriputta tni ở giữa dân chúng Magadha, tại làng 88 Rồi du sĩ Sãmandakãni đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến? nói lên Nãlaka.87 với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 du sĩ Sãmandakãni nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả Sãriputta, thế nào là lạc, thế nào là khổ? Này Hiền giả, tái sanh là khổ, không tái sanh là lạc. Khi có tái sanh, này Hiền giả, chờ đợi là khổ này: Lạnh, nóng? đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, xúc chạm với lửa, xúc chạm với trượng, xúc chạm với kiếm; cho đến bà con và bạn bè khi gặp nhau, khi hội ngộ với nhau cũng não hại. Này Hiền giả, tái sanh là khổ, khi có tái sanh, chờ đợi là khổ này. Khi không có tái sanh, này Hiền gi chờ đợi là lạc này: Không lạnh, không nóng, không đói, không khát, không đại tiện, không tiểu tiện, không có xúc chạm với lửa, không có xúc chạm với trượng, không có xúc chạm với kiếm; cho đến bà con, bạn bè khi gặp nhau, khi hội ngộ với nhau không có não hại. Này Hiền gi,khi không có tái sanh, chờ đợi là lạc này. VI. KINH LẠC THỨ HAI (Dutiyasukhasutta) (A. V. 121) 66. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở giữa dân chúng Magadha, tại làng Nãlaka. Rồi du sĩ Sãmandakãni đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuông một bên, du sĩ Sãmandakãni nói với Tôn giả Sãriputta: Thưa Hiền giả Sãriputta, trong Pháp và Luật này, thế nào là lạc, thế nào là khổ? Không thích ý? này Hiền giả, trong Pháp và Luật này là khổ; thích ý là lạc. Khi nào không thích ý có mặt9 nàỵ Hiền giả, chờ đợi là khổ này: Khi đi không được lạc thú, khi đứng... khi ngồi... khi nằm... khi đi đến làng... khi đi đên rừng... khi đi đên gôc cây... khi đi đên ngôi nhà trông... khi đi đên chô lộ thiên... khi đi đến giữa các Tỷ-kheo, không được lạc thú.

87 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Weal and Woe, nghĩa là Lạc và khổ. 88 Đây là ngôi làng, Tôn giả Sãriputta được sanh ra và mệnh chung tại đây.

Khi nào không thích ý có mặt, này Hiền giả5 chờ đợi là khổ này. Khi nào thích ý có mặt, này Hiền giả, chờ đợi là lạc này: Khi đi được lạc thú, khi đứng... khi ngôi... khi năm... khi đi đên làng... khi đi đên rừng... khi đi đên gôc cây... khi đi đên ngôi nhà trông... khi đi đên chô lộ thiên... khi đi đên giữa các Tỷ-kheo, có được lạc thú. Khi nào thích ý có mặt, này Hiền giả5 chờ đợi là lạc thú này. VII. KINH TẠI NALAKAPÃNA THỨ NHẤT (PaỊhamanaỉakapãnasutta) (A. V. 122) 67. Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng Kosala, với đại chúng Tỷ- kheo5 đi đến tại một thị trấn của dân chúng Kosala tên là NaỊakapãna. Tại dấy, Thế Tôn trú ở rừng Palãsa, thuộc NaỊakapãna. Lúc bấy giờ? nhân ngày trai giới (Uposatha). Thế Tôn đang ngồi9 có chúng Tỷ-kheo doanh vây. Rồi Thế Tôn sau phân lớn của đêm5 thuyết giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị Tỷ-kheo với pháp thoại; sau khi nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, thật yên lặng5 Ngài nói với Tôn giả Sãriputta: -Này Sãriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Này Sãriputta, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo. Lưng Ta đau mỏi, Ta sẽ nằm nghỉ lưng. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Sãriputta vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn trải gấp tư y Tăng-già- lê? nằm phía thân hữu bên phải như dáng nằm con sư tử, hai chân đặt lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc ngồi dậy. Ở đây5 Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: -Này chư Hiền Tỷ-kheo! —Thưa vâng5 Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: —Này chư Hiền, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp5 không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tân... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày5 chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng. Ví nhu, này chư Hiền, khi trăng đến độ trăng tối5 bất luận đêm hay ngày, trăng tôn giảm vê săc? tôn giảm vê hình tròn, tôn giảm vê ánh sáng, tôn giảm về bề rộng quỹ đạo. Cũng vậy, này chư Hiên5 với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận là đêm hay ngày5 chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp5 không phải tăng trưởng. Hạng người không có lòng tin, này chư Hiên, tức là tôn giảm. Hạng người không có xâu hổ5 này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người không có sợ hãi tội lỗi5 này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người biếng nhác, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng

người ác tuệ9 này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người phẫn nộ, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người hiềm hận, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người ác dục, này chư Hiền, tức là tổn ệiảm. Hạng người ác bànẹ hữu, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người tà kiên, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Này chư Hiền, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải tổn giảm. Ví nhu, này chư Hiền, khi trăng đến độ trăng sáng, bất luận đêm hay ngày, trăng tăng trưởng về sắc, tăng trưởng về hình tròn, tănậ trưởng về ánh sáng, tăng trưởng về bề rộng quỹ đạo. Cũng vậy5 này chư Hiền, với

ai có lòng tin trong các thiện pháp5 có xấu hổ... có sợ hãi tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, với vị ấy bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải tổn giảm. Hạnệ người có lòng tin, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người có lòng xấu hổ5 này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người có lòng sợ hãi tội lỗi, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người tinh cần tinh tấn. này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người CÓ trí tuệ5 này chư Hiền, tức là không tốn giảm. Hạng người không có phẫn nộ9 này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người không hiềm hận5 này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người ít dục5 này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người thiện bằng hữu, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người chánh tri kiến, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Rồi Thế Tôn? sau khi ngồi dậy, bảo Tôn giả Sãriputta: Lành thay! Lành thay! Này Sãriputta, với ai không có lòng tin trong Các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, đối với vị ấy, bất luận đêm hay ngày5 chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng. Ví nhu, này Sãriputta, khi trăng đến độ trăng tối, bất luận đêm hay ngày, trăng tổn giảm về sắc, tổn giảm về hình tròn, tổn giảm về ánh sáng, tổn giảm về bề rộng quỹ đạo. Cũng vậy, này Sãriputta, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tôn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng. Hạng người không có lòng tin, này Sãriputta, tức là tổn giảm. Hạng người không có xấu hổ, này Sãriputta, tức là tổn giảm. Hạng người không có sợ hãi tội lỗi... Hạng người biêng nhác... Hạng người ác tuệ... Hạng nệười phẫn nộ... Hạng người hiềm hận... Hạng người ác dục... Hạng người ác băng hữu... Hạng người tà kiến, này Sãriputta, tức là tổn giảm. Này Sãriputta, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, đối với vị ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng, không phải tổn giảm. Hạng

nậười CÓ lòng tin, này Sãriputta, tức là không có tổn giảm. Hạng người có xấu hô... Hạng người có sợ hãi tội lỗi... Hạng người có tinh tân... Hạng người có trí tuệ... Hạng người không có phẫn nộ... Hạng người không có hiềm hận... Hạng người ít dục... Hạng người thiện bằng hữu... Hạng người

chuyện phù phiêm sai khác sau đây: Câu chuyện vê vua, câu chuyện vê ăn trộm... các câu chuyện về hữu và phi hữu. Này các Tỷ-kheo5 thật không xứng đáng cho các ông, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại có thể sống chú tâm vào nhiều câu chuyện phù phiếm sai khác, như câu chuyện về vua... câu chuyện về hữu và phi hữu. Này các Tỷ-kheo, có mười đề tài để nói chuyện này. Thế nào là mười? Câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết dủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện vê tinh tân, câu chuyện vê giới, câu chuyện vê định, câu chuyện về tuệ5 câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến. Này các Tỷ-kheo? có mười đề tài để nói chuyện này. Này các Tỵ-kheo? nếu các ông tiếp

tục nói những câu chuyện liên hệ đến mười đề tài đề nói chuyện này, thời các ông có thể với ánh sáng [của mình] đánh bạt ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực, có uy lực, còn nói gì của các du sĩ ngoại đạo. X. KINH NHỮNG ĐỀ TÀI CÂU CHUYỆN THỨ HAI (Dutiyakathũvatthusutta) (A. V. 129) 70. Này các Tỷ-kheo, có mười sự việc được tán thán này. Thế nào là mười? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình ít dục9 và là người khiến cho đề tài ít dục được nói đến giữa các Tỷ-kheo. Tỷ-kheo ít dục, và là người khiến cho đề tài ít dục được nói đến giữa các Tỷ-kheo, là sự việc đáng được tán thán. Tỷ- kheo tự mình biết đủ... tự mình sống viễn ly... tự mình không tụ hội... tự mình tinh tấn... tự mình đầy đủ giới... tự mình đầy đủ định... tự mình đầy đủ tuệ... tự mình đầy đủ giải thoát... tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến, và là người khiến cho đề tài giải thoát tri kiến được nói đến giữa các Tỷ-kheo, là sự việc đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo5 có mười sự việc được tán thán này.

VIIL PHẢM ƯỚC NGUYỆN (ÃKANKHAVAGGA)

I. KINH ƯỚC NGUYỆN (Ẅkankhasuttảỷ^ (A. V. 131) 71. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn Anăthapindika. Ở đây? Thể Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. _ ___ f f _ r ___ r _ FT1 9 1 1_ _ Ạ J- f rr^i A FT1 A FT^I A rr^ _ 1 Các Ty-kheo ây vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: - Này các Tỷ-kheo5 hãy sống đầy đủ giới? đầy đủ Giới bổn (Pãtimokkha). / sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, y sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong răng ta được các vị đông Phạm hạnh thương mên, yêu quý, cung kính và băt chiróc"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì5 nội tâm tịch tĩnh5 không gián đoạn thiền định? thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khất thực, sàng tọa và các dược phẩm trị benh"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta hưởng thọ các vật dụng như y áo, các món ăn khất thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh; mong răng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ây được quả báo lớn, được lợi ích lớn^,; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi mệnh chung nghĩ [đến ta] với tâm hoan hỷ, [và nhờ vậy] được quả báo lớn, được lợi ích lớn"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo5 đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị benh,9; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta kham nhẫn

90 Tham chiếu: M. I. 6; Nguyên kỉnh (roi. 0026.105. 0595cll).

với lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gi6, sức nóng mặt trời, của các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ phỉ báng; kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thốnệ khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người,,; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong răng ta nhiêp phục lạc và bất lạc, chớ không để lạc và bất lạc nhiếp phục ta; mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên,,; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta; mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi 10n"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng tùy theo ý muôn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức? ta chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm,91 hiện tại lạc trú"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống trong các trú xứ không tịch. Này các Tỷ-kheo5 hãy sống đầy đủ giới hạnh? đày đủ Giới bổn? sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp, như vậy được nói đến. Chính do duyên này được nói đến như vậy. II. KINH CÂY GAI (Kantakasutta)92 (A. V. 133) 72. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn, với rất nhiều các Thượng tọa có danh tiếng như: Tôn giả cla, Tôn giả Upacãla, Tồn giả Kakkata, Tôn giả KaỊimbha, Tôn giả Nikata, Tôn giả Katissaha, cùng nhiều Tôn giả có danh tiếng khác. Lúc bấy giờ, có nhiều vị Licchavi có thời danh, có danh tiếng lớn đang cưỡi các cô xe lộng lay, tranh đua93 cao tiêng, lớn tiêng đi vào Đại Lâm đê yêt kiên Thế Tôn. Rồi các Trưởng lão ấy suy nghĩ: "C6 nhiều vị Licchavi có thời danh, có danh tiếng lớn đang cưỡi các cỗ xe lộng lẫy? tranh đua cao tiếng, lớn tiếng đi vào Đại lâm đê yet kiên The Ton. The Ton có dạy: Tiêng ôn là cây gai cho

91 Ẫbhỉcetasỉkã. Xem GS. II. 24. Chủ giải giải thích abhỉkkanta vỉsuddha cittam. 92 Tham chiếu: Vô thích kỉnh (T.Ol. 0026.84. 0560b24); Tạp.(T.02. 0099.760. 0199c27).
93 Parapurãya. Chủ giải giải thích para là phần sau, pựra là phần trước, nghĩa là cỗ xe nối đuôi nhau hay cỗ xe sau muốn vượt cỗ xe trươc. Xem D. II. 96 về Licchavi; Vin. I. 231.

thiền.5 Vậy chúng ta hãy đi đến Gosinga, khu rừng cây Sãla. Tại dấy, chúng ta có thể sống an ổn, không ồn ào, không chen chiic.” Rồi các Tôn giả ấy đi đến Gosiốga, khu rừng cây Sãla. Tại đấy, các Tôn giả ây sông an on? không ôn ào, không chen chúc. Rôi Thê Tôn bảo các Tỷ-kheo: —Này các Tỷ-kheo9 Cãla ở đâu? upacãla ở đâu? Kakkata ở đâu? KaỊimbha ở đâu? Nikata ở đâu? Katissaha ở đâu? Này các Tỷ-kheo, các Trưởng lão

đệ tử ấy đi đâu? -Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tôn giả ấy suy nghĩ như sau: "C6 nhiều vị Licchavi có thời danh, có danh tiêng lớn đang cưỡi các cô xe lộng lẫy, tranh đua cao tiếng5 lớn tiếng, đi vào Đại Lâm để yết kiến Thế Tôn? Thế Tôn có dạy: 6 Tiếng ồn là cây gai cho thiền/Vậy chúng ta hãy đi đến Gosinga, khu rừng cây Sãla. Tại dấy, chúng ta có thể sống an ổn? không ồn ào, không chen chúc?5 Bạch The Ton, cac Ton gia ay đã đi đen Gosinga, rừng cay Sãla. Tại đây? các Tôn giả ấy sống an ổn, không ồn ào, không chen chúc. -Lành thay! Lành thay! Này các Tỷ-kheo, trả lời như các đại đệ tử ấy đã trả lời, là trả lời một cách chơn chánh. Này các Tỷ-kheo: "Tiếng ồn là cây gai cho thiên,\ đã được Ta nói như vậy. Này các Tỷ-kheo? có mười loại cây gai này. Thế nào là mười? Với người ưa thích viễn ly, ưa thích hội chúng là cây gai. Với người chuyên chú tu tập tướng bât tịnh, tu tập tịnh tướng là cây gai. Với người phòng hộ các căn, đi xem văn nghệ trình diễn là cây gai. Với người sống Phạm hạnh, thân cận với phụ nữ là cây gai. Với người chứng Thiên thứ nhất, tiếng ồn là cây gai. Với người chứng Thiền thứ hai, tầm tứ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ ba, hỷ là cây gai. Với người chứng Thiên thứ tư, hơi thở vô hơi thở ra là cây gai. Với người đã đạt được Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ là cây gai. Tham là cây gai5 sân là cây gai, si là cây gai. Này các Tỷ-kheo, hãy sống không phải là cây gai. Này các Tỷ-kheo5 hãy sống rời khỏi cây gai. Này các Tỷ-kheo, hãy sông khồng phải là cây gai và rời khỏi cây gai. Này các Tỷ-kheo, không có cây gai là bậc A-la-hán. Này các Tỷ- kheo, rời khỏi cây gai là bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, vị không có cây gai và rời khỏi cây gai là bậc A-la-hán. III. KINH PHÁP LẠC (Itthadhammasutta)94 (4 V. 135) 73. Có mười pháp, này các Tỷ-kheo5 khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khó tìm được ở đời. Thế nào là mười? Tài sản khả lạc, khả hỷ5 khả ý, khó tìm được ở đời; dung sắc... không bệnh... giới đức... Phạm hạnh... bạn bè... nhiều trí... trí tuệ... các pháp... thiên giới khả lạc, khả hỷ, khả ý5 khó tìm được ở đời. Này các Tỷ-kheo, mười pháp này, khả lạc, khả hỷ5 khả ý khó tìm được ở đời. Này các Tỷ-kheo? đối với mười pháp khả lạc5 khả hỷ5 khả ý? khó tìm được ở đời này, mười pháp là những chướng ngại.

94 Bản tiếng Anh của PTS: Desirable, nghĩa là Khả lạc.

Thụ độn^ và không hăng hái là chướng ngại cho tài sản; không trang sức, không tô điêm là chướng ngại cho dung săc; hành động không thích ứng là chướng ngại cho không bệnh; ác băng hữu là chướng ngại cho giới đức; không chê ngự các căn là chướng ngại cho Phạm hanh; lừa dối là chướng ngại cho bạn bè; không học tập là chướng ngại cho nhiêu trí; không nghe, không hỏi là chướng ngại cho trí tuệ; không có chú tâm, không có quán sát là chướng ngại cho các pháp; tà hạnh là chướng ngại cho thiên giới. Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc9 khả hỷ? khả ý5 khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những chướng ngại. Này các Tỷ-kheo? đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý9 khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những thức ăn. Không thụ độn§5 hăng hái là món ăn cho các tài sản; trang sức, tô điểm là món ăn cho dung săc; hành động thích ứng là món ăn cho không bệnh; thiện bằng hữu là thức ăn cho giới đức; chế ngự các căn là thức ăn cho Phạm hạnh; không có lừa dối là thức ăn

cho bạn bè; học tập là thức ăn cho nhiều trí; khéo nghe, biết hỏi là thức ăn cho trí tuệ; chú tâm quán sát là thức ăn cho các pháp; chánh hạnh là thức ăn cho thiên giới. Này các Tỷ-kheo? đối với mười pháp khả lạc5 khả hỷ, khả ý? khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những thức ăn. IV KINH TĂNG TRƯỞNG (Vaậdhisuttdỷ5 (4 V. 137) 74. Này các Tỷ-kheo, do tăng trưởng với mười tăng trưởng này, vị Thánh đệ tử tăng trưởng Thánh tăng trưởng, nắm được tinh hoa và nắm được tối thắng của thân. Thê nào là với mười tăng trưởng? Tăng trưởng ruộng đất; tăng trưởng tài sản lúa gạo; tăng trưởng vợ và con; tăng trưởng những người nô lệ5 kẻ làm công; tăng trưởng các loài bốn chân; tăng trưởng lòng tin; tăng trưởng giới; tăng trưởng nghe nhiêu; tăng trưởng thí; tăng trưởng trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, do tăng trưởng với mười tăng trưởng này, vị Thánh đệ tử tăng trưởng Thánh tăng trưởng, năm được tinh hoa và năm được tôi thăng của thân. Ai đời này tăng trưởng, Tài sản và lúa gạo, Tăng trưởng vợ và con, Cùng các loài bốn chân, Được danh, được kính trọng, Như người nhiều tài sản, Từ bà con, bạn bè5 Và những người quyền thế. Ai ở đời tăng trưởng, Lòng tin và giới đức,*

95 Tham chiếu: A. V. 63, 64; Tạp.(T.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27).

Trí tuệ và cả hai,
Bố thí và nghe nhiều,
Người như vậy là người,
Chân nhân và có mắt,
Ngay ở trong đời này,
Tăng trưởng cả hai phàn.

V. KINH MIGASÃLÃ (Migasãlãsutta)96 (4 V. 137) 75. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Tôn giả Ãnanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát9 đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasãlă; sau khi đến, ngôi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasãlã97 đi đến Tôn ệiầ Ãnanda; sau khi dến, đảnh lễ Tôn giả Ãnanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasãlã bạch Tôn giả Ãnanda: —Thưa Tôn giả Ãnanda, như thế nào5 thế nào, cần phải hiểu pháp được Thế Tôn thuyết giảng, rằng người sống Phạm hạnh và người sống không Phạm hạnh, cả hai sẽ đông một chỗ thọ sanh trong đời sau? Thưa Tôn giả, phụ thân con, Purãna, sống Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Vị ấy, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Nhất Lai sanh với thân Ở Tusita.,, Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả5 sống không Phạm hạnh? tự bằng lòng với vợ minh, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusitg." Như thế nào, ứiế nào, thưa Tôn giả Ãnanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "C hai, sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"? Này chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn. Rồi Tôn giả Ananda, sau khi nhận đồ khất thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasãlã, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở vê, đi đên Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: —Ở dây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của nữ cư sĩ

Migasãlã; sau khi đến5 con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasãlã đi đến con; sau khi đến5 đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuông một bên, bạch Thê Tôn, nữ cư sĩ Migasãlã thưa với con: "Nhu* thê nào, thê nào, thưa Tôn giả Ananda, cân phải hiêu pháp này do Thê Tôn thuyêt: 'Cả hai, sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai/Purãna, thân phụ con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: 6Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita/ Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả,

96 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27). 97 Phần đầu của kinh này, xem A. III. 347.

không sống trong Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita.9 Như thế nàp, thế nào5 thưa Tôn giả Ãnanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: 'Cả hai, sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai'?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn? con nói với nữ cư sĩ Migasãlã: Này chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn. Nhưng này Ãnanda? ai là nữ cư sĩ Migasãlã, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ5 với trí như bà mẹ5 để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các hạng người.9899 Này Ananda, có mười hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là mười? Ở đây, này Ananda, có hạng người hành ác giới, không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, ác giới ấy của người ấy được diệt trừ, không có dư tàn. Người ây không có nghe pháp, không có học nhiêu, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát." Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi đến thù thắng. Nhưng ở dây, này Ãnanda, có hạng người hành ác giới5 như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây5 ác giới ấy của người ấy được trừ diet, không có dư tàn. Người ây có nghe pháp, có học nhiêu, có khéo thê nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa. Ở dây, này Ãnanda, ai là người đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này5 những pháp ấy cũn^ có mặt trong người kia. Vì sao giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù thẫig?" Nhận xét như vậy đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở dây, này Ãnanda, người này có ác giới và như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; ở dây, ác giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Này Ãnanda, hạng người này, so sánh với hạng người trước là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? Vì dòng pháp này đưa người này ra phía trước. Nhimg ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy? này Ãnanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tựjđào hố cho mình là người đi làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, này Ananda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

98 Ammakã ammakapaĩnã. Bản Tích Lan viết ambakă ambakapannã. Bản Thái Lan viết andhạkã andhakapahnã. Ke ca purỉsapu^alaparoparỉye nãne. Purỉsapu^alã chỉ chọ hạng người .thù thắng tức là bậc thiện sĩ hay chân nhân (sappurisã), paroparỉyẹ nãne là sự nhận biêt sáng suôt vê căn tánh của con người. 99 Sãmãyika: Thời giải thoát. Xem M. III. 110. Chủ giải giải thích là vị ấy không chứng được hỷ và hân hoan ngang qua việc nghe giáo pháp.

Nhưng ở dây, này Ananda, có hạng người có giới nhưng không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, giới ấy của người ấy bị đoạn diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, nên không chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa? không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi đến thù thắng. Nhưng ở dây, này Ãnanda, có hạng người có giới như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở dây, giới ấy của người ấy được trừ diet, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thăng, không hướng vê thôi đọa, chỉ đi đên thù thăng, không đi đên thôi đọa. Ở đây, này Ãnanda... Chỉ có Ta, này Ảnanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta? Nhưng ở dây, này Ãnanda, có hạng người có tham rất sắc sảo5 người ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây9 lòng tham của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không có chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng yề thổi đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa9 không đi đến thù thắng. Nhưng ở đây, này Ananda, có hạng người có tham rât săc sảo, như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, lòng tham của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy nghe pháp, học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng vê thù thăng? không hướng vê thôi đọa, chỉ đi đên thù thăng, không đi đến thối đọa. Ở dây, này Ãnanda... Chỉ có Ta, này Ãnanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta? Nhưng ở dây, này Ãnanda, có hạng người phẫn nộ5 không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, lòng phẫn nộ ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi đến thù thắng. Nhưng ở đây, này Ananda, có hạng người có phẫn nộ và như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây? lòng phẫn nộ ấy của người ấy được trừ diet, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa. Ở đây, này Ãnanda... Chỉ có Ta, này Ãnanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng ở dây, này Ãnanda, có hạng người có trạo cử5 không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, trạo cử của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe nhiều, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng. Nhưng ở đây, này Ãnanda, có hạng người có trạo cử, như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ ệiải thoát; ở đây5 trạo cử của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ây có nghe pháp, có học hỏi nhiêu, khéo thê nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng vê thù thăng, không hướng vê thôi đọa, chỉ đi đên thù thăng, không đi đến thối đọa. Ở dây, này Ãnanda, ai là người đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao giữa hai người ấy, một la hạ liệt, một là thù dieu?" Nhận xét như vậy đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở dây, này Ãnanda, người này là trạo cử, và như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; ở dây, trạo cử của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Này Ananda, hạng người này so sánh với hạng người trước, là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? Vì dòng pháp này đưa người này ra phía trước. Nhxmg ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy5 này Ãnanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, này Ãnanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta? Nhưng này Ananda, ai là nữ cư sĩ Migasãlã, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ5 để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các hạng người. Này Ảnanda, có mười hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Giới như thế nào9 này Ãnanda, Purãna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu; do vậy5 ở đây? Purãna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ãnanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Purãna chưa thành tựu; do vậy, ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Purãna. Như vậy5 này Ãnanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần. VI. KINH BA PHÁP (Tayodhammasuttd)^ (A. V. 144) 76. Này các Tỷ-kheo5 nếu ba pháp này không có mặt ở đời5 thời Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời; và Pháp, Luật được Như Lai thuyết giảng không được nêu rõ ở đời. Thế nào là ba? Sanh, già và chết.

100 Bản tiếng Anh của PTS: Unable to Grow, nghĩa là Không thể tăng trưởng. Tham chiếu: Tạp. (r02. 0099.346. 0095cl7); Tạp.(T.02. 0099/760. 0199c27).

Này các Tỷ-kheo5 nếu ba pháp này không hiện hữu ở đời? thời Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời; và Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng không được nêu rõ ở đời. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, ba pháp này có mặt ở đời, do vậy Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời; do vậy, Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng được nêu rõ ở đời. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận ba pháp, thời không có thê

đoạn tận sanh, thời không có thể đoạn tận già, thời không có thể đoạn tận chết. Thế nào là ba? Không đoạn tận tham, không đoạn tận sân, không đoạn tận si. Do không đoạn tận ba pháp này, không có thê đoạn tận sanh, không có thê đoạn tận già5 không có thể đoạn tận chết. Này các Tỷ-kheo5 do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si. Thế nào là ba? Không đoạn tận thân kiến, không đoạn tận nghi, không đoạn tận giới cấm thủ. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ. Thế nào là ba? Không đoạn tận phi như lý tác ý5 không đoạn tận tu tập tà đạo, không đoạn tận tánh thụ động. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi5 không có thể đoạn tận giới cấm thủ. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo? không có thể đoạn tận tánh thụ động. Thế nào là ba? Không đoạn tận vọng niệm, không đoạn tận không tỉnh giác, không đoạn tận tâm loạn động. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, thời không có thể đoạn tận phi như lý tác ý? không có thể đoạn tận tu tập tà đạo? không có thể đoạn tận tánh thụ động. Này các Tỷ-kheo? do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động. Thế nào là ba? Không đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không đoạn tận bới lông tìm vết. Do không đoạn tận ba pháp này9 này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động. Này các Tỷ-kheo? do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp? không có thể đoạn tận bới long tìm vết. Thế nào là ba? Không đoạn tận trạo cử, không đoạn tận không chế ngự, không đoạn tận ác giới.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không muôn yêt kiên các bậc Thánh, không có thê đoạn tận không muôn nghe Thánh pháp, không có thế đoạn tận bới lông tìm vết. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp9 thời không có thể đoạn tận trạo cử, không có thê đoạn tận không chê ngự9 không có thê đoạn tận ác giới. Thế nào là ba? Không đoạn tận không có lòng tin, không đoạn tận xan tham, không đoạn tận biếng nhác. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngu, không có thể đoạn tận ác giới. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thê đoạn tận không có lòng tin5 không có thể đoạn tận xan tham, không có thể đoạn tận biếng nhác. Thế nào là ba? Không đoạn tận không cung kính, không đoạn tận khó nói, không đoạn tận ác bằng hữu. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thê đoạn tận xan tham, không có thê đoạn tận biếng nhác. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói? không có thể đoạn tận ác bằng hữu.

Thế nào là ba? Không đoạn tận không xấu hổ5 không đoạn tận không sợ hãi tội lỗi5 không đoạn tận phóng dật. Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói? không có thể đoạn tận ác bằng hữu. Người này không có xấu hổ5 này các Tỷ-kheo5 không có sợ hãi tội lỗi9 có phóng dật. Người ấy do phóng dật, không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói9 không có thể đoạn tận ác bằng hữu. Người ấy do ác bằng hữu, không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thể đoạn tận xan tham, không có thê đoạn tận biêng nhác. Người ây do biêng nhác, không có thê đoạn tận trạo cử, không có thê đoạn tận không chê ngự, không có thê đoạn tận ác giới. Người ấy do ác giới, không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thê đoạn tận không muôn nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Người ấy do bới lông tìm vết, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không có tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động. Người ấy do tâm loạn động, không có thể đoạn tận phi như lý tác ý5 không có thể đoạn tận tu tập tà dạ?, không có thể đoạn tận tánh thụ động. Người ấy do tánh thụ động, không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ. Người ấy do nghi hoặc, không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si. Người ấy do không đoạn tận tham, không đoạn tận sân, không đoạn tận si, không có thể đoạn tận sanh, không thể đoạn tận già, không thể đoạn tận chết.

- 7

Do đoạn tận ba pháp, này các Tỷ-kheo, có thê đoạn tận sanh, có thê đoạn tận già, có thể đoạn tận chết. Thế nào là ba? Do đoạn tận tham, do đoạn tận sân9 do đoạn tận si. Do đoạn tận ba pháp này5 này các Tỷ-kheo, có thê đoạn tận sanh, có thê đoạn tận già, có thể đoạn tận chết. Này các Tỷ-kheo, do ba pháp được đoạn tận5 có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si. Thế nào là ba? Do đoạn tận thân kiến, do đoạn tận nghi, do đoạn tận giới cấm thủ. Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân5 có thể đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo5 do ba pháp được đoạn tận, có thê đoạn tận thân kiên? có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ. Thế nào là ba? Do đoạn tận phi như lý tác ý? do đoạn tận thực hành tà dạo, do đoạn tận tánh thụ động. Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ. Này các Tỷ-kheo9 do đoạn tận ba pháp5 có thể đoạn tận phi như lý tác ý? có thể đoạn tận tu tập tà dạo, có thể đoạn tận tánh thụ động. Thế nào là ba? Do đoạn tận vọng niệm, do đoạn tận không tỉnh giác, do đoạn tận tâm loạn động. Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận tu tập tà dạo, có thể đoạn tận tánh thụ động. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp9 có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động. Thế nào là ba? Do đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, do đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, do đoạn tận bới lông tìm vết. Do đoạn tận ba pháp này5 này các Tỷ-kheo? có thể đoạn tận vọng niệm5 có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động. Này các

Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không muốn yết kiên các bậc Thánh, có thê đoạn tận không muôn nghe Thánh pháp, có thê đoạn tận bới lông tìm vết. Thế nào là ba? Do đoạn tận trạo cử, do đoạn tận không chế ngự, do đoạn tận ác giới. Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? có thê đoạn tận không muôn yêt kiến các bậc Thánh, có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chê ngự, có thê đoạn tận ác giới. Thê nào là ba? Do đoạn tận không có lòng tin, do đoạn tận xan tham, do đoạn tận biếng nhác. L 9

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thê đoạn tận trạo cử, có thê 4- _ _ _ A — _____ ạ _ r 4- _ đoạn tận không chê ngự? có thê đo ạn tận ác giới. Này các Tỷ-kheo? do đoạn tận ba pháp, có thê đoạn tận không có lòng tin,

r 9 1 • Ấ *1 M c CÓ thê đoạn tận xan tham, có thê đoạn tận biêng nhác. Thê nào là ba? Do đoạn tận không cung kính, do đoạn tận khó nói? do đoạn tận ác bằng hữu. Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo? có thể đoạn tận không có lòng tin5 có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không cung kính, có the đoạn tận khó nói9 có thê đoạn tận ác băng hữu. Thê nào là ba? Do đoạn tận không xấu hổ? do đoạn tận không sợ hãi tội lỗi, do đoạn tận phóng dật. Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thê đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu. Này các Tỷ-kheo, người này có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, không có phónẹ dật. Người ây do không phóng dật? có thê đoạn tận không cung kính, có thê đoạn tận khó nói9 có thể đoạn tận ác bằng hữu. Người ấy do thiện bằng hữu, có thể đoạn tận không có long tin, có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác. Người ấy do tinh can tinh tấn, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới. Người ấy do giới dức, có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh? có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Người ấy do không bới lông tìm vết; có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động. Người ấy do tâm không loạn động, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận tu tập tà dạo, có thể đoạn tận tánh thụ động. Người ấy do tâm không thụ động, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ. Nậười ấy do không có nghi hoặc, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân? có thể đoạn tận si. Người ấy do đoạn tận tham, do đoạn tận sân, do đoạn tận si, có thể đoạn tận sanh, có thể đoạn tận già, có thể đoạn tận chết.

VII. KINH CON QUẠ (Kãkasutta) (4 V. 149) 77. Này các Tỷ-kheo, con quạ thành tựu với mười tà pháp này. Thế nào là mười? Ngạo nghễ5101 hung hãn, cường dục5 ăn nhiều5 độc ác, không từ bi, khiếp nhược? giọng chói tai, vọng niệm và cất chứa tài sản. Này các Tỷ-kheo? con quạ thành tựu với mười tà pháp này. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 vị ác Tỷ-kheo thành tựu với mười tà pháp. Thế nào là mười? Ngạo nghễ, hung hãn, cường dục, ăn nhiều, độc ác, không từ bi, khiếp nhược, giọng chói tai, vọng niệm và cất chứa tài sản. Này các Tỷ-kheo5 vị ác Tỷ-kheo thành tựu với mười tà pháp này. VIII. KINH

NI-KIỀN TỬ (Niganthasutta) (Ả. V. 150) 78. Này các Tỷ-kheo, các Niganthã thành tựu với mười tà ^háp này. Thế nào là mười? Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiên tử; ác giới, này các Tỷ-kheo5 là các Ni-kiền tử; không có xấu hổ, này các Tỷ-kheo, là các

101 Dh. V. 244. Sụiĩvam ahirikena kãkasũrena dhamsinã, pakkhandỉnã pagabbhenạ samkilitthena iĩvỉtam (Dê thay, sông không hô, sông lô mãng như quạ, sồng công kích huênh hoang, sông liêu lĩnh nhiêm ô).

Ni-kiền tử; không có sợ hãi tội lỗi5 này các Tỷ-kheo5 là các Ni-kiền tử; không làm bạn với các bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; khen mình chê người, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiên tử; chập thủ các vân đê hiện tại, không từ bỏ những gì đã chấp thủ, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; gian xảo, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; ác dục, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; theo tà kiến, này các Tỷ-kheo? là các Ni-kiền tử. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với mười tà pháp này là các Ni-kiền tử. IX. KINH TRƯỜNG HỢP HIỀM HẬN (Ẫghãtavatthusutta) (A. V. 150) 79. Này các Tỷ-kheo, có mười trường hợp hiềm hận này. Thế nào là mười? Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "N6 đã làm hại ta." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rang: "N6 đang làm hại ta.” Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "N6 sẽ làm hại ta." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: “N6 đã làm hại người ta yêu5 người ta mOn."..."N6 đang hại người ta yểu, hại người ta men/9 ... "Nó sẽ làm hại người ta yêu? người ta mến." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: “N6 đã làm lợi cho nguôi ta không yêu9 người ta không mên.,, Hiềm hận được kết thành khi nghĩ răng: "N6 đang làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến.^, Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "N6 sẽ làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến.,, Làm cho vị ấy tức giận không có lý do. Này các Tỷ-kheo? có mười trường hợp hiềm hận này. X. KINH NHIẾP PHỤC HIỀM HẬN (Ẫghãtapatìvinayasuíta) (Â. V. 150) 80. Này các Tỷ-kheo? có mười nhiếp phục hiềm hận này. Thế nào là mười? Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ rang: "N6 đã làm hại ta, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vay?" Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ rằng: “N6 dang làm hại ta, nhưng lợi ích từ đâu đên khi nghĩ như vậy?" Hiềm hận được nhiêp phục khi nghĩ rằng: "N6 sẽ làm hại ta, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vay?" Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ răng: "N6 đã Ịàm hại người ta yêu5 người ta mến... Nó đang làm hại người ta yêu, người ta mến... “N6 sẽ làm hại người ta yêu, người ta mến, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vay?".. Không làm cho vị ây tức giận không có lý do. Này các Tỷ-kheo, có mười trường hợp nhiêp phục được hiêm hận này.

IX. PHẢM TRƯỞNG LÃO (THERAK4GGA)

I. KINH BÃHUNA (Vãhanasutta) (Ả. V. 151) 81. Một thời, Thế Tôn trú ở Campã,102 trên bờ hồ Gaậgarã. Rồi Tôn giả Bãhuna103 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngôi xuông một bên, Tôn giả Bãhuna bạch Thê Tôn: Từ bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc?104 Từ mười pháp5 này Bãhuna, Như Lai sông xuất ly5 ly he, giải thoát với tâm

không hạn cuộc. Thế nào là mười? Từ săc? này Bãhuna, Như Lai sông xuât ly, ly hệ5 giải thoát với tâm không hạn cuộc. Từ thọ5 này Bãhuna... Từ tưởng, này Bãhuna... Từ các hành, này Bãhuna... Từ thức, này Bãhuna... Từ sanh, này Bãhuna... Từ già5 này Bãhuna... Từ chết, này Bãhuna... Từ các khổ5 này Bãhuna... Từ các phiền não, này Bãhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ9 giải thoát với tâm không hạn cuộc. Ví như, này Bãhuna, hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên mặt nước và đứng, không có dính nước. Cũng vậy5 này Bãhuna, từ mười pháp này, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc. II. KINH ẢNANDA (Ẫnandasutta) (Ả. V. 152) 82. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ãnanda đang ngồi một bên: Này Ãnanda, Tỷ-kheo nào không có lòng tin, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Này Ãnanda, Tỷ-kheo nào ác giới... không nghe pháp... khó nói... ác hữu với ác... biếng nhác... thất niệm... không biết đủ... ác dục... Này Ãnanda, Tỷ-kheo nào có tà kiến, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Này Ãnanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

102 Kinh đô xứ Anga, nay là Bhagalpur. Xem M. I. 339; s. I. 195. 103 Tôn giả Bãhuna còn được gọi là Vãhana. 104 Vỉmarỉyặđĩkatena cetasã. Xem 4 I. 259; s. II. 173.

Này Ananda, Tỷ-kheo nào có lòng tin, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này5 sự kiện này có xảy ra. Này Ãnanda, Tỷ-kheo nào có giới... nghe pháp... dễ nói... làm bạn với thiện hữu... tinh cần tinh tấn... trú niệm... biết đủ... ít dục... Này Ãnanda, Tỷ-kheo nào có chánh tri kiến, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra. Này Ảnanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này5 sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra. III. KINH PUNNIYA (Punniyasutta)W5 (A. V. 154) 106 đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi 83. Rồi Tôn giả Punniya105 xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punniya bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? do nhân gì, do duyên gì, có khi Như Lai thuyết pháp, có khi Như Lai không thuyết pháp? Này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin, không đi đên yêt kiên, Như Lai không có thuyết pháp. Khi nào, này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin, đi đến yết kiến, như vậy, Như Lai có thuyết pháp. Và này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin, có đi đến yết kiến nhưng không có cung kính... ...có cung kính nhưng không hỏi... ...có hỏi nhung không có lóng tai nghe pháp... ...có lóng tai nghe pháp nhưng sau khi nghe không thọ trì pháp... ... sau khi nghe có thọ trì pháp nhimg không suy nghĩđên ý nghĩa các pháp đã được thọ trì... ...có suy nệhĩ đến ý nghĩa các pháp đã được thọ trì nhung không biết ý nghĩa, không biêt pháp, không thực hành đúng pháp... ... sau khi biêt ý nghĩa, sau khi biêt pháp, có thực hành đúng pháp và tùy pháp nhưng không khéo nói, không khéo phát ngôn5 không thành tựu các lời tao nhã? không nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng... ... khéo nói, khéo phát ngôn9 thành tựu các lời tao nhã, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng nhimg không có thuyết trình, không có

khích lệ5 không có làm cho phấn chấn, không có làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh, cho đến như vậy? Như Lai không thuyết pháp. Và này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin; có đi đến yết kiên; có cung kính; có hỏi; có lóng tai nghe pháp; sau khi nghe, có thọ trì pháp; có suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, có thực hành đúng pháp và tùy pháp; khéo nói, khéo phát ngôn, thành tựu các lời nói

105 Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.966. 0248al5). 106 Câu hỏi tương tự cũng được nhắc đến trong A. IV. 337.

tao nhã, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng; có thuyết trình, có khích lệ5 có làm cho phấn chấn, có làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh, cho đến như vậy, Như Lai có thuyết pháp. Thành tựu mười pháp này, này Punniya, Như Lai thế nào cũng thuyết pháp. IV. KINH NÓI LÊN CHÁNH TRÍ (Byãkaranasutta) (A. V. 155) 84. Ở đây5 Tôn giả Mahãmoggallãna gọi các Tỷ-kheo: Này các Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãmoggallãna. Tôn giả Mahãmoggallãna nói như sau: -Ở đây, này các Hiền giả? Tỷ-kheo nói lên chánh trí: "T6i rõ biết: 'Sanh đã tận5 Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.„^ Rồi Như Lai hay đệ tử Như Lai, là vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy bị Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác? thẩm vấn, gạn hỏi5 thảo luận thì rơi vào trống không [sa mạc] 5107 rơi vào trong rối ren [rừng rậm] 5108 rơi vào trong bế tắc, rơi vào trong bất hạnh, rơi vào trong bế tắc và bất hạnh. Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền5 thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Nhu thế nào, Tôn giả này nói lên chánh trí: Tôi rõ biết rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm? không còn trở lại đời này nữa'?" Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình biết rõ tâm người ấy như sau: “C6 phẫn nộ là Ton giả này, sống nhiều với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần. Với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần, có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Có hiềm hận là Tôn giả này... Có gièm pha là Tôn giả này... Có não hại là Tôn giả này... Có tật đố là Tôn giả này... Có xan tham là Tôn giả này... Có lừa đảo là Tôn giả này...

107 Irinam apajjati. s. Irina'. Đất khô cằn; p. Irina: Sa mạc. AA. V. 56: Irĩnantỉ = Tucchabhãvam (vùng sa mạc hoang vắng). 108 Apajjati vicinam. AA. V. 56: Vỉcỉnantỉ gunavicinatam niggunabhavam (44Tồi tệ, thiếu kém,, nghĩa là thiếu nắng lực, không có năng lực).

CÓ man trá là Tôn giả này... Có ác dục là Tôn giả này... Có thất niệm là Tôn giả này... dầu cho còn nhiều việc [cao thượng hơn] cần phải làm thêm, tuy có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường; dứng lại giữa đường này109 nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyêt giảng." Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, do không đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, do đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng, lớn mạnh5 lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra. V. KINH KHOE KHOANG (Katthĩsutta) (A, V. 157) 85. Một thòi, Tôn giả Mahăcunda trú giữa dân chúng Ceti, tại Sahajati. Tại dây, Tôn giả Mahãcunda bảo các Tỷ-kheo: Này chư Hiền Tỷ-kheo! -Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãcunda. Tôn giả Mahãcunda nói như sau: Ở đây5 này chư Hiền, Tỷ-kheo là hạng khoe khoang/1° khoa trương những chứng đắc của mình: "Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiên thứ nhất. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ hai. Tôi chứng nhập, tôi xuất lỵ Thiền thứ ba. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ tư. Tôi chứng nhập5 tôi xuất ly Không yô biên xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thức vô biên xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Vô sở hữu xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuât ly Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định.55 Như Lai hay đệ tử Như Lai là vị hành thiên, thiện xảo trong thiên chứng, thiện íXẩo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác5 thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận thì rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh. Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình tác ý đến tâm của người ẩy như sau: "Nhu thê nào, Tôn giả này khoe khoang, khoa trương những chứng đăc của mình: 'Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ nhất... Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định.9,9

109 Antarã vosãnam. Xem D. II. 78; M. I. 193; s. III. 168. Trong It. 85, thuật ngữ này còn chỉ cho Devadatta. nQAA. V. 56: Katthĩhotỉ vỉkatthĩtỉ katthanasĩlo hotỉ vikatthanasĩlo, vivatam katvã katheti (tcLà hạng khoe khoang, khoa trương nghĩa là người khoe khoang vê giới, khoa trương vê giới, công khai, nói net ra).

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình rõ biêt tâm người ấy như sau: uĐã lâu rỗi, Tôn giả này có những hành động phá nát, có những hành động bể vụn, có những hành động chấm đen, có những hành động uế nhiễm, có những hành động không phù hợp, có những tập quán không phù hợp trong các giới luật: Phá giới là Tôn giả này, và phá giới có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Không có lòng tin là Tôn giả này? và tánh không có lòng tin có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Nghe ít là Tôn giả này, và theo tà hạnh, học ít nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Khó nói là Tôn giả này, và tánh khó nói... Bạn bè với bạn

ác là Tôn giả này, và tánh bạn bè với bạn ác... Biêng nhác là Tôn giả này, và tánh biêng nhác... Thất niệm là Tôn giả này, và tánh thất niệm... Gian xảo là Tôn giả này, và tánh gian xảo... Khó nuôi dưỡng là Tôn giả này, và tánh khó nuôi dưỡng... Ác tuệ là Tôn giả này, và tánh ác tuệ có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.,, Ví như, này chư Hiền, một người nói với người bạn của mình: "Này bạn, khi nào bạn cần đến tài sản, hãy xin tôi tài sản và tôi sẽ cho bạn tài sản.,, Người bạn kia khi cần đến tài sản liền nói với người bạn ấy như sau: "Này bạn, nay tôi càn đến tài sản? hãy cho tôi tài sn." Vị ấy trả lời như sau: "Vậy này bạn, hãy đào ở day?9 Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gi, vị kia nói: uNày bạn, bạn đã nói láo với tôi; này bạn5 bạn đã nói những lời trông rỗng với t6i." “Hy đào ở đây'\ vị ấy nói, "Này bạn, tôi không nói láo với bạn; tôi không nói những lời trống rỗng với bạn. Vậy này bạn, hãy đào ở dây." Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gi, vị kia nói: uNày bạn, bạn đã nói láo với tôi; này bạn, bạn đã nói những lời trong rỗng với t6i." "Hãy đào ở đây", vị ấy nói, "Này bạn, tôi không nói láo với bạn; tôi không nói những lời trống rỗng với bạn. Vậy này bạn, hãy đào ở dây.” Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gi, vị kia nói: uNày bạn, bạn đã nói láo với tôi; bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi.'9 "Hãy đào ở dây", vị ấy nói9 "Này bạn, tôi không nói láo với bạn; tôi không nói những lời trống rỗng với bạn, nhưng tôi bị điên loạn, tâm tôi bị đảo lộn.,nl Cũng vậy5 này chư Hiền, Tỷ-kheo là hạng khoe khoang, khoa trương những chứng đác của mình: "Toi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng djnh.”

111 Ummãdam pãpuụim cetaso viparỉyãya. Xem s. I. 126; GS. II. 90.

Như Lai hay đệ tử Như Lai là bậc hành thiên, thiện xảo trong thiên chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác? thẩm vấn, gạn hỏi? thảo luận. Vị ấy, khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận5 thì rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh. Như Lai hay đệ tử Như Lai, những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm của người ấy như sau: “Nhu thế nào, Tôn giả này khoa trương, khoe khoang những chứng đắc của mình: 'Tôi chứng nhập và xuất ly Thiền thứ nhất... Tôi chứng nhập và xuất ly Diệt thọ tưởng djnh.g Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiên... thiện xảo trong hành tướnẹ tâm người khác, với tâm của minh, rõ biết tâm của người ấy như sau: uĐã lâu rôi, Tôn giả này có những hành động phá nát, có những hành động bê vụn, có những hành động chấm đen, có những hành động uế nhiễm, có những hành động không phù hợp, có những tập quán không phù hợp trong các giới luật: Phá giới là Tôn giả này, và phá giới có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Không có lòng tin là Tôn giả này, và tánh không có lòng tin... Nghe ít là Tôn giả này, và tánh nghe ít... Khó nói là Tôn giả này, và tánh khó nói... Bạn bè với bạn ác là Tôn giả này và tánh làm bạn với bạn ác... Biêng

nhác là Tôn giả này, và tánh biêng nhác... Thất niệm là Tôn giả này, và tánh thất niệnì... Gian xảo là Tôn giả này? và tánh gian xảo... Khó nuôi dưỡng là Tôn giả này và tánh khó nuôi dưỡng... Ác tuệ là Tôn giả này, và tánh ác tuệ có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng." Tỷ-kheo ây, này chư Hiên, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, sau khi đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh5 lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra. VI. KINH TĂNG THƯỢNG MẠN (Adhimãnasutta)112 (4 V. 161) 86. Một thời5 Tôn giả Mahãkassapa ở Rajagaha (Vương Xá)? Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Mahãkassapa gọi các Tỷ-kheo: Này chư Hiền Tỷ-kheo! Thưa vâng, Hiền giả.

112 Bản tiếng Anh của PTS: The Question of Gnosis, nghĩa là Câu hỏi về chảnh trí.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahãkassapa. Tôn giả Mahãkassapa nói như sau: Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo nói lên chánh trí, nói rằng: "T6i biết rõ như sau: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời nàỵ nữa.959 Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiên chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi5 thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận? rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bat hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh. Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: “Nhu thế nào5 vị Tôn giả này nói lên chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận? Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này níìa."' Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của minh, biết được tâm người ấy như sau: "Tăng thượng mạn là Tôn ệiả này, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng răng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng dắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy: "Dựa trên gì, Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng răng đã chứng đạt... chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc5 với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'" Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của minh, biết được tâm của người ấy: “Nghe nhiều là Tôn giả này, thọ trì điêu đã nghe, cât chứa điêu đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán đời sông Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn? trong sạch, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, thọ trì đọc tụng bằng lời, với ý khéo quán

sát, khéo thể nhập với chánh kiến. Do vậy? Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng dắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'" Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiên... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết rõ tâm của người ấy: Tham là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị tham chi phối, và tâm bị tham chi phôi nghĩa là tôn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyêt giảng.

Sân là Tôn giả này, sông nhiêu với tâm bị sân chi phôi, và tâm bị sân chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Hôn trâm thụy miên là Tôn giả này, sông nhiêu với tâm bị hôn trâm thụy miên chi phối, và tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Trạo cử là Tôn giả này, sông nhiêu với tâm bị trạo cử chi phôi? và tâm bị trạo cử chi phối nghĩa là tôn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyêt giảng. Nghi là Tôn giả này, sông nhiêu với tâm bị nghi hoặc chi phôi, và tâm bị nghi hoặc chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Ưa thích công việc là Tôn giả này, thích thú công việc5 chuyên chú trong thích thú công việc, và ưa thích công việc nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Ưa thích nói chuyện là Tôn giả này? thích thú nói chuyện, chuyên chú trong thích thú nói chuyện, và thích thú nói chuyện nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Ưa thích ngủ nghỉ là Tôn giả này, thích thú ngủ nghỉ, chuyên chú trong thích thú ngủ nghỉ, và thích thú ngủ nghỉ nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Ưa thích hội chúng là Tôn giả này, thích thú hội chúng, chuyên chú ưa thích hội chúng, và ưa thích hội chúng nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Thất niệm là Tôn giả này, đối với các pháp cao thượng chỉ được phần nhỏ, dầu cho có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường, và đứng lại giữa đường nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo ây, này chư Hiên? đoạn tận mười pháp này? sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này có xảy ra. VII. KINH KHÔNG ĐƯA ĐẾN THÂN ÁI (Nappiyasutta)n3 ụ. V. 164) 87. Tại dấy, nhân việc của Tỷ-kheo KãỊaka, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp The Ton. The Ton nói như sau: Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích kiện tụng, không tán thán làm

113 Tham chiếu: Hắc Tỷ-kheo kỉnh (roi. 0026.94. 0576al6).

lăng dịu các cuộc kiện tụng. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích kiện tụng, không tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng, pháp này không đưa đến thân ái, không đưa đến

kính trọng, không đưa đến bắt chước [được làm quen], không đưa đến hòa đồng? không đưa đến nhất trí. Lại nữa? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo không ưa học tập5 không tán thán chấp nhận các học pháp. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không ưa học tập. không tán thán chấp nhận các học pháp, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có ác dục, không tán thán nhiếp phục ác dục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có ác dục, không tán thán nhiêp phục ác dục, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phẫn nộ, không tán thán nhiếp phục phẫn nộ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phẫn nộ, không tán thán nhiếp phục phẫn nộ, pháp này không đưa đên thân ái... không đưa đên nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo gièm pha, không tán thán nhiếp phục gièm pha. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gièm pha, không tán thán nhiếp phục gièm pha, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lừa đảo? không tán thán nhiêp phục lừa đảo. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lừa đảo5 không tán thán nhiếp phục lừa đảo, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đen nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo man trá, không tán thán nhiếp phục man trá. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo man trá5 khônẹ tán thán nhiếp phục man trá, pháp nay không đưa đen thân ái... không đưa đen nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tánh không vâng theo Chánh pháp, tánh không tán thán vâng theo Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tánh không vâng theo Chánh pháp, tánh không tán thán vâng theo Chánh pháp, pháp này không đưa đên thân ái... không đưa đên nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiên tịnh? không tán thán thiên tịnh. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không thiền tinh, không tán thán thiền tịnh5 pháp này không đưa đên thân ái... không đưa đên nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tiêp đón tôt đẹp các vị đông Phạm hạnh, không tán thán việc đón tiếp tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tiếp đón tôt đẹp các vị đông Phạm hạnh, không tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí. Này các Tỷ-kheo5 với Tỷ-kheo như vậy, nếu có ước muốn nào khởi lên: "Oi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ9 cúng dường ta", nhtrng các vị đồng Phạm hạnh không có cung kính, không có tôn trọng, không có đảnh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí, quán thấy các pháp ác, bất thiện không được đoạn tận trong vị ấy.

1234 KINH TĂNG CHI BỘ

Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa không thuần thục, dầu cho có khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng loài người sẽ đặt ta vào vị trí của con ngựa đã được thuần thục, cho ta ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, điều phục ta với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục5\ nhưng loài người không đặt nó vào vị trí của con ngựa thuần thục, không cho nó ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, không điều phục nó với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục. Vì sao? Vì những người có trí thấy rõ được những tánh hạ liệt? sự lừa đảo, giả dối, xảo trá, xảo quyệt của nó chưa được đoạn tận. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? với Tỷ-kheo như vậy9 nêu có ước muôn nào khởi lên: "Oi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường ta"; nhtmg các vị đồng Phạm hạnh không có cung kính, không có tôn trọng5

không có đảnh lễ5 không có cúng dường vị ấy. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí, quán thấy các pháp ác, bất thiện không được đoạn tận trong vị ấy. Nhưng ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ"kheo không ưa thích kiện tụng, tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng. Này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo không ưa thích kiện tung, tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng, pháp này đưa đến thân ái9 đưa đen kính trọng, đưa đến muốn làm quen, đưa đến hòa đồng, đưa đến nhất trí. ___ r

Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ưa thích học tập. tán thán châp nhận học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích học tập9 tán thán chấp nhận học pháp, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ít dục, tán thán nhiêp phục các dục. Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ít dục5 tán thán nhiếp phục các dqc, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phẫn nộ9 tán thán nhiếp phục phẫn nộ. Này các Ty-kheo, Tỷ-kheo không phẫn nộ? tán thán nhiếp phục phẫn • ±nnaD no, A nayJ đưa đen thân ái... đưa đen nhât trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không gièm pha, tán thán nhiếp phục gièm pha. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không gièm pha, tán thán nhiếp phục gièm pha, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Ty.kheo, Tỷ-kheo không lừa đảo? tán thán nhiếp phục lừa đảo. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không lừa đảo? tán thán nhiếp phục lừa đảo, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không man trá, tán thán nhiếp phục man trá. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không man trá9 tán thán nhiếp phục man trá? pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vâng theo Chánh pháp, tán thán vâng theo Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vâng theo Chánh pháp, tán thán vâng theo Chánh pháp, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 5235

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiên tịnh, tán thán thiên tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiền tịnh, tán thán thiền tịnh, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Lại nữa? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tiêp đón tôt đẹp các vị đông Phạm hạnh, tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo tiêp đón tôt đẹp các vị đông Phạm hạnh, tán thán việc tiêp đón tôt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí. Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như vậy5 dầu không có ước muốn nào khởi lên: “Oi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ5 cúng dường ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh cũng vẫn cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí quán thấy các pháp ác, bất thiện đã được đoạn tận nơi vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một con ngựa thuần thục5 dầu cho không khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng loài người sẽ đặt ta vào vị trí của con ngựa đã thuần thục, cho ta ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, điều phục ta với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thqc”, nhưng loài người vẫn đặt nó vào vị trí của con ngựa thuần thục? vẫn cho nó ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuân thqc, vân điêu phục nó với sự điêu phục dành cho con ngựa thuân thục. Vì sao? Vì những người có trí thây rõ được những tánh hạ liệt5 gian dôi, giả dối, xảo trá, xảo quyệt của nó đã được đoạn tận. Cũng vậy, này các

Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo như vậy, dầu không có khởi lên ước muốn: "Oi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? yì rang, này các Tỷ-kheo, các vị đồng Phạm hạnh có trí thấy rằng các pháp ác, bất thiện ấy đã được đoạn tận nơi vị ấy.

VIII. KINH MẠ LỴ (Akkosakasutta)^ (A. V. 169) 88. Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo nào mạ ly, khiên trách, nhiêc măng các vị Thánh và những vị đồng Phạm hạnh, thật sự không thể không xảy ra được, không thê không có lúc đê vị ây khỏi phải gặp một trong mười tai nạn này. Thê nào là mười? Không chứng đắc điều chưa được chứng đắc; điều đã chứng đắc bị thối thất; không được sáng suôt đôi với Diệu pháp; tăng thượng mạn trong Diệu pháp; sống Phạm hạnh không được hoan hỷ; vi phạm một uế tội; cảm xúc bệnh nặng; đạt đến điên cuồng loạn tâm; khi chết bị bất tỉnh (hôn mê); sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào mạ lỵ, khiên trách, nhiêc măng các vị Thánh và những vị đồng Phạm hạnh, thật sự không thể không xảy ra được, không thể không có lúc để vị ấy khỏi phải gặp một trong mười tai nạn này.

114 Bản tiếng Anh của PTS: Disaster, nghĩa là Taỉ họa.

IX. KINH TỶ-KHEO KOKÃLIKA (Kokãlikasutta)n5 (4 V. 170) 89. Bấy giờ, có Tỷ-kheo Kokãlika đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kokãlika bạch The Tôn: Bạch Thê Tôn, Sãriputta và Moggallãna là ác dục? bị ác dục chinh phục. -Này Kokãlika, chớ có nói vậy! Này Kokãlika, chớ có nói vậy! Này Kokãlika, tâm hãy tịnh tín đôi với Sãriputta và Moggallãna. Hiên thiện là Sãriputta và Moggallãna! Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokãlika bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con, Sãriputta và Moggallãna là ác dục5 bị ác dục chinh phục. -Này Kokãlika, chớ có nói vậy! Này Kokãlika, chớ có nói vậy! Này Kokãlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sãriputta và Moggallãna. Hiền thiện là Sãriputta và Moggallãna! Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokãlika bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n,. bị ác dục chinh phục. Này Kokãlika,... Hiền thiện là Sãriputta và Moggallãna! Rồi Tỷ-kheo Kokãlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi ra đi. Tỷ-kheo Kokãlika ra đi không bao lâu, toàn thân nổi lên những mụt to bằn^ hạt cải; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng hạt đậu; sau khi lớn lên bang hạt đậu? chúng lớn lên bằng hạt đậu lớn; sau khi lớn lên bằng hạt đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn sỏi; sau khi lớn lên bằng hòn sỏi9 chúng lớn lên bằng hột táo; sau khi lớn lên bằng hột táo, chúng lớn lên bằng trái Ãmala (A-ma-lặc); sau khi lớn lên bằng trái Ãmala5 chúng lớn lên bằng trái dưa BeỊuva chưa chín; sau khi lớn lên băng trái dưa BeỊuva chưa chín, chúng lớn lên bằng trái dưa Billa đã chín; sau khi lớn lên bằng trái Billa đã chín, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra. Tại dấy, vị ấy nằm trên lá chuối như con cá ăn phải đồ độc. Lúc ấy, có Phạm thiên Tudu Pacceka115 116 đi đến Tỷ-kheo Kokãlika; sau khi đến, đứng trên hư không và nói với Tỷ-kheo Kokãlika: Này Kokãlika, hãy đặt tâm tịnh tín nơi Sãriputta và Moggallăna.

Hiền thiện là Sãriputta và Moggallãna! -Ngài la ai? -Ta là Phạm thiên Tudu Pacceka.

115 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.21.5. 0603b02); Thế kỷ kỉnh (roi. 0001.30. 0114b07); Tạp.(7.02. 0099.1278. 0351bl2); 80 Tạp.(T.02. 0100.106. 0411024); Tạp.(ro/ 0100.276. 0470al4). 116 Turũ Pacceka Brahmã còn được viết Tiidu Pacceka Brahma, Tudi Pacceka Brahmã, Turi Pacceka Brahmã, tức Bích-chi Phạm thiên B6-dầu ()025. 0007.10.89. 0066a01) là Bổn sư của Kokãlika. Phạm thiên Tudu khi mệnh chung được Thê Tôn tuyên bô là chứng được quả Bất lai. Xem A. V. 171;.II. 852; s. I. 149; SẢ.l. 167f; II. 476; J. IV. 245.

Thưa Hiền giả? có phải Hiền giả là người được Thế Tôn trả lời là đã chứng Bất lai? Sao Hiền giả lại đến đây? Hãy xem như thế nào Hiền giả đã lầm lạc trong vấn đề này.

Rồi Phạm thiên Tudu Pacceka nói lên với Tỷ-kheo Kokãlika bài kệ này:

Con người được sanh ra,
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xáu,
Là tự chém vào mình.
Ai khen người đáng chê5
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành.
Và chính do bất hạnh5
Nên không được an lạc,
Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao.
Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện Thệ.
Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn thòi,
Với Nirabbuda,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm Abbuda,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.

Rồi Tỷ-kheo Kokãlika, do chứng bệnh ấy mệnh chung. Sau khi chết,
Tỷ-kheo Kokãlika sanh vào địa ngục Sen Hồng vì tâm khởi ác ý đối với
Sãriputta và Moggallãna. Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm gần mãn5 với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên? Phạm thiên
Sahampati bạch Thế Tôn:
Bạch Thế T6n, Tỷ-kheo Kokãlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷkheo Kokãlika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục Sen Hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sãriputta và Moggallãna.
Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đảnh lễ Thế Tôn?
thân phía hữu hướng vê Thê Tôn roi biên mat tại cho.
1238 KINH TĂNG CHI BỘ

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? đêm nay Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thưa với Ta: “Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokãlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokãlika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục Sen Hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sãriputta và Moggallana?5 Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đảnh lê Ta, thân phía hữu hướng về Ta roi biến mất tại chỗ. Khi nghe nói vậy? một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn? lâu dài bao nhiêu là tuổi thọ ở địa ngục Sen Hồng? Này Tỷ-kheo9 tuổi thọ ở địa ngục Sen Hồng rất khó mà tính được. Có chừng ấy năm, hay có chừng ấy trăm năm? hay có chừng ấy ngàn năm, hay có chừng ây trăm ngàn năm. Bạch Thế Tôn, có thể cho một ví dụ được chăng? Thê Tôn nói: - Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo5 một cô xe hai mươi cân Kosala chở đây hạt mè. Rôi một người cứ sau một trăm năm5 sau một trăm năm lấy lên một hạt mè. Mau hơn, này Tỷ-kheo, là cỗ xe hai mươi cân Kosala chở đầy hạt mè5 do phương pháp này5 đi đến tận sạch không còn gì nữa, cũng chưa đủ là một Abbuda địa ngục. Ví nhu, này Tỷ-kheo5 hai mươi Abbuda địa ngục là bằng một Nirabbuda địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Nirabbuda địa ngục là bằng một Ababa địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Ababa địa ngục là bằng một Atata địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo? hai mươi Atata địa ngục là bằng một Ahaha địa ngục. Ví nhu, này Tỷ-kheo? hai mươi Ahaha địa ngục là băng một Kumuda địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Kumuda địa ngục là bằng một Sogandhika địa ngục. Ví nhu, này Tỷ-kheo5 hai mươi Sogandhika địa ngục là bănệ một uppalaka địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi uppalaka địa ngục là bănẹ một Pundarĩka địa ngục. Ví nhu, này Tỷ-kheo5 hai mươi Pundarĩka địa ngục là băng một Paduma địa ngục. Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokãlika phải sanh vào địa ngục Paduma (Sen Hồng) vì khởi lên ác ý đôi với Sãriputta và Moggallãna. Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Con người được sanh ra? Sanh với búa trong miệng, Người ngu nói điều xấu, Là tự chém vào mình. Ai khen người đáng chê? Ai chê người đáng khen, Đều chất chứa bất hạnh, Do từ miệng tạo thành.

Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc,
Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao.
Bất hạnh này lớn hơn,
Kh6ng những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý9
Đối với chư Thiện Thệ.
Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời5 với ác V,
Trải qua trăm ngàn đời,
Với Nirabudda,
Còn thêm ba mươi sáu?
Với năm Abbuda,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khô đau tại đây.

X. KINH SỨC MẠNH ĐOẠN TẬN PHIỀN NÃO

(Khĩnãsavabaỉasuita)117 (Ả. V. 174)

90. Bấy giơ5 có Tôn giả Sãrỉputta đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sãriputta đang ngồi xuống một bên:

-Này Sãriputta, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có bao nhiêu sức mạnh?

Thành tựu với những sức mạnh ấy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự• đoạn
• tận
• các lậu
•
hoặc:
• í6Các lậu
• hoặc
• đã được
• đoạn
• tận
• nơi ta."

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có mười sức mạnh.118

Thành tựu với những sức mạnh ấy5 Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: “Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta.” Thế nào là mười?

Ở đây, bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, đã khéo thấy như thật với chánh trí tuệ, các hành là vô thường. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc5 đã khéo thấy như thật với chánh trí tuệ? tất cả các hành là vô thường, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc.

Dựa trên sức mạnh này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: “Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, đã khéo thấy như

117 Bản tiếng Anh của PTS: The Powers, nghĩa là Những sức mạnh. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.694-698. 0188bl8-c08). 118 Tám sức mạnh này cũng được đề cập ở A. IV. 224.

thật với chánh trí tuệ? các dục được ví như hố than hừng.119 Bạch Thế T6n, Tỷ- kheo đoạn tận các lậu hoặc5 đã khéo thấy như thật với chánh trí tuệ? các dục được ví như hố than hừng, bạch Thế Tôn? đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Do sức mạnh này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự• đoạn••tận các lậu •• hoặc: "Các lậu • hoặc • đã được • đoạn • tận • nơi ta.” Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, với tâm hướng yề viễn ly, thiên về viễn ly, xuôi về viễn ly, trú vào viễn ly, ưa thích xuất ly, chấm dứt hoàn toàn các pháp làm trú xứ cho các lậu hoặc. Bạch Thê Tôn... đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc... được đoạn tận nơi ta.” Lại nữa, bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tap, khéo tu tập bốn niệm xứ. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn niệm xứ? bạch Thế Tôn? đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc... đã được đoạn tận nơi ta.” Lại nữa, bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn chánh cần... ...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn như ý túc... ...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập năm căn... ...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập? khéo tu tập năm lực... ...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập? khéo tu tập bảy giác chi... ...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập Thánh đạo tám ngành. Bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập Thánh đạo tám ngành, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Do sức mạnh này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta.” Bạch Thế Tôn? có mười sức mạnh này của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Thành tựu mười lực này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

119 Xem một trong những ví dụ về kãmã được đề cập trong M. I. 130.

X. PHẨM UPÃLI {ỤPÃLĨVAGGÁỲ^

I. KINH NGƯỜI HƯỞNG DỤC (Kãmabhogĩsutta)nì (4 V. 176) 91. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu yườn ông Anathapindika. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến

Thế Tôn; sau khi đến, đảnh le Thế Tôn rồi ngồi xuong một bên. Thé Tôn nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: -Này gia chủ? có mười hạng người hưởng dục này120122 có mặt hiện hữu ở đời. 121 Thế nào là mười? Ở dây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục? tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh. Sau khi tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh, vị ấy không tự mình được an lạc, không hân hoan, không có chia sẻ, không làm các công đức. Ở dây, này gia chủ? có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh. Sau khi tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, không có chia sẻ, không làm các công đức. Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh. Sau khi tâm câu tài sản phi pháp với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc? hân hoan, chia sẻ, làm các công đức. Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục9 tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh, vị ấy không tự mình được an lạc? không hân hoan, không có chia sẻ, không làm cảc công đức. Ở dây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh, vị ây tự mình được an lạc, hân hoan, nhưng không chia sẻ, không làm các công đức. Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh. Sau khi tâm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh, vị ây tự mình được an lạc, hân hoan, có chia sẻ, có làm các công đức.

120 Bản tiếng Anh của PTS: The Lay-Followers, nghĩa là Phẩm Nam cư sĩ. 121 Tham chiếu: Hành dục kinh (TOI. 0026.126. 0615a08); Phục dâm kỉnh (01 0065. 0863bl0). 122 Kãmãbhogĩ: Hưởng dục lạc. Ba loại này được trình bày trong KS. IV 235-41, đức Phật thuyết giảng cho trưởng thôn Rãsiya.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tâm câu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy không tự mình được an lạc, không hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Ở đây5 này gia chủ, có nệười hưởng dục9 tầm cầu tải sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm câu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Ở đây, này gia chủ, có nệười hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm câu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ây tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ, làm các công đức. Và vị này hưởng thụ các tài sản ấy với tâm tham trước, đăm say, mê loạn, không thây sự nguy hại, không với trí tuệ xuất ly. Ở đây, này gia chìỉ, có nệười hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm câu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ, làm các công đức. Và vị này hưởng thụ các tài sản ấy, không với tâm tham trước, không đắm say, không mê loạn, thấy sự nguy hại, với trí tuệ xuất ly. Tại dây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tâm câu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vị ấy không tự mình an lạc,

hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Này gia chiỉ, vị hưởng dục này do ba điều bị(JUỞ trách: "Tầm cầu tài sản phi pháp, dùng sức mạnh là điều thứ nhất bị khiên trách; không tự mình an lạc? hân hoan là điều thứ hai bị khiển trách; không chia sẻ, không làm công đức là điều thứ ba bị khiển trách. Này gia chủ5 vị hưởng dục này có ba điều bị quở trách. Tại đây, nàỵ gia chủ, vị hưởng dục này, tâm câu tài sản phi pháp, dùng sức mạnh. Sau khi tâm câu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vị ây tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ? không làm các công đức. Này gia chủ, vị hưởng dục này do hai điều bị quở trách, và do một điều được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh do điều thứ nhất này bị quở trách. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do một điều này được tán thán. Vị ây không chia sẻ, không làm các công đức, do điều thứ hai này bị chỉ trích. Vị hưởng dục này? này gia chủ, do hai điều này bị chỉ trích, và một điều này được tán thán. Tại đây? này gia chủ, vị hưởng dục này? tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều bị chí trích, do hai điều được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản một cách phi pháp và dùng sức mạnh, do một điều này bị chỉ trích. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điêu thứ nhât này được tán thán. Vị ây chia sẻ và làm các công dức, do điều thứ hai này được tán thán.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, có một điêu này bị chỉ trích, và hai điêu này được tán thán. Tại dây, này gia chủ9 vị hưởng dục này, tâm câu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, vị ấy không tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ9 không làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều được tán thán, do ba điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm câu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do một điêu này được tán thán. Vị ấy tầm câu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, do điêu thứ nhât này bị chỉ trích. Vị ấy không tự mình an lạc, không hân hoan, do điều thứ hai này bị chỉ trích. Vị ấy không chia sẻ5 không làm các công đức? do điều thứ ba này bị chỉ trích. Vị hưởng dục này, này gia chủ, có một điêu này được tán thán, và ba điêu này bị chỉ trích. Tại đây? này gia chủ, vị hưởng dục này, tâm câu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc? hân hoan, không chia sẻ và không làm các công đức. Vị hưởĩiệ dục này, này gia chủ, do hai điều được tán thán, và do hai điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy không chia sẻ? không làm các công đức, do điều thứ hai này bị chỉ trích. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều này được tán thán, và do hai điều này bị chỉ trích. Tại đây5 này gia chủ9 vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia

chủ9 do ba điều được tán thán, và do một điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh5 do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điêu thứ hai này được tán thán. Vị ây chia sẻ và làm các công đức, do điều thứ ba này được tán thán. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do ba điều này được tán thán, và do một điêu này bị chỉ trích. Tại đây5 này gia chủ, vị hưởng dục này5 tâm câu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ây không tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ và không làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ5 do một điều được tán thán, và do hai điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do một

điều này được tán thán. Vị ấy không tự mình an lạc9 hân hoan, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ây không chia sẻ, không làm các công đức, do điêu thứ hai này bị chỉ trích. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều này được tán thán, và do hai điều này bị chỉ trích. Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Vị hưởng dục này5 này gia chủ, do hai điều được tán than, và do một điều bị chỉ trích. Vị ây tâm câu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điêu thứ nhât này được tán thán. Vị ây tự mình an lạc5 hân hoan, do điêu thứ hai này được tán thán. Vị ấy không chia sẻ9 không làm các công dức, do một điều này bị chỉ trích. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều này được tán thán, và do một điều này bị chỉ trích. Tại đây, này gia chủ9 vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc? hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Và người ấy thọ hưởng các tài sản ây tham đăm, đăm say, mê loạn, không thây sự nguy hại, không có xuất ly với trí tuệ. Người hưởng dục này, này gia chủ, do ba điều được tán thán, và do một điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm càu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy chia sẻ và làm các công đức, do điêu thứ ba này được tán thán. Vị ây thọ hưởng các tài sản ây tham đăm, đăm say, mê loạn, không thây sự nguy hại, không có xuât ly với trí tuệ? do một điêu này bị chỉ trích. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do ba điêu này được tán thán, và do một điều này bị chỉ trích. Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy, không có tham đắm, không có đắm say, không có mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuât ly với trí tuệ. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do bôn điều được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy chia sẻ và làm các công dức, do điều thứ ba này được tán thán. Vị ấy thọ hưởng các tài sản ấy, không tham đắm? không có đắm say, không có mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ5 do điều thứ tư này được tán thán. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do bốn điều này

được tán thán.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1245

Này gia chủ5 mười hạng người hưởng dục này có mặt hiện hữu ở đời. Trong mười hạng người hưởng dục này, này gia chủ5 người hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp, không dùng sức mạnh. Sau khi tàm cầu tài sản đúng pháp, không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ9 làm các công đức, hưởng thọ các tài sản ấy không tham đắm, không đắm say, không mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ. Trong mười hạng người hưởng dục này, hạng người này là tối thượng, là tối thắng, là thượng thủ9 là vô thượng, là tối tôn.123124 Ví nhu, này gia chủ, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có tinh túy của thục tô? đề-hồ? tinh túy thục tô được xem như tối thượng ở đây. Cũn^ vậy, này gia chủ, trong mười hạng người hưởng dục này, vị hưởng dục này, tâm câu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức, thọ hưởng các tài sản ấy, không tham đắm5 không đắm say, không mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ. Trong mười hạng người hưởng dục này, hạng người này là tối thượng, tối thắng, thượng thủ, vô thượng và tối tôn. II. KINH SỢ HÃI (Bhayasutta)n4 (4 V. 182) 92. Bấy giờ, có gia chủ Anathapindika đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với gia chủ Anăthapindika đang ngồi xuống một bên: Này gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử làm cho lắng dịu năm sợ hãi hận thù,125 thành tựu bốn chi phần Dự lưu, khéo thấy, khéo thể nhập Thánh lý với trí tuệ; nếu vị ấy muốn, có thể tự trả lời với mình rằng: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận các cõi dữ9 ác thú? đọa xứ; ta đã chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chửng đạt cứu cánh giác ngO." Thế nào là năm sợ hãi hận thù được làm cho lắng dịu? Này gia chủ, sát sanh, do duyên sát sanh tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ tru. Người từ bỏ sát sanh, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh5 làm lắng dịu sợ hãi hận thù này. Này gia chủ, lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... đắm say rượu men rượu nấu, do duyên đắm say rượu men rượu nấu, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Người từ bỏ đắm say trong rượu men rượu nấu, không tạo ra sợ hãi

123 Xem 4 II. 95; 5. III. 264.

124 Bản tiếng Anh của PTS: Guilty Dread, nghĩa là Sợ hãi phạm tội. Tham chiếu: Tạp. (02.

0099.846. 0215al7).

125 XemKV. V. 333.

hận thù ngay trong hiện tại5 không tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, không khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Với người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù này được lắng dịu. Năm sợ hãi hận thù này được lăng dịu. Thế nào là thành

tựu bốn Dự lưu phần? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế T6n." Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đảnh lễ, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở d&i.” Vị ấy thành tựu với những giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy5 không bị bể vụn, không bị điểm chấm, không bị uế nhiêm, đưa đên giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chập trư&c, đưa đên thiền định. Đây là thành tựu bốn chi phần Dự lưu này. Thế nào là Thánh lý được khéo thấy, khéo thể nhập với trí tuệ? Ở dây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử quán sát như sau: "Do cái này c6, cái kia có. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không c6, cái kia không có. Do cái này diet, cái kia diệt. Tức là do duyên vô minh, có các hành. Do duyên các hành có thức. Do duyên thức có danh sắc. Do duyên danh sắc có sáu nhập. Do duyên sáu nhập có xúc. Do duyên xúc có thọ. Do duyên thọ có ái. Do duyên ái có thủ. Do duyên thủ có hữu. Do duyên hữu có sanh. Do duyên sanh có già? chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do vô minh diệt không có dư tàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh săc diệt. Do danh săc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diet. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu? bi, khổ5 ưu? não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này diệt. Đây là Thánh lý được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tue." Này gia chủ, khi nào với vị Thánh đệ tử, năm sợ hãi hận thù này được lắng dịu, bốn Dự lưu phần này được thành tựu, và Thánh lý này được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tuệ5 thời nếu muốn, vị ấy có thể tự mình trả lời về mình rằng: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ5 ác thú, đọa xứ; ta đã chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng đạt cứu cánh giác ngO.”

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1247

III. KINH CÓ KIẾN GÌ (Kimditthikasutta) 126 (4 V. 185) 93. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anãthapindika. Bấy giờ, có gia chủ Anãthapindika, vào buổi sáng thật sớm đi ra khỏi Sãvatthi để yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Anãthapinặika suy nghĩ: “Nay không phải thời để yết kiến Thế T6n, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng kh6ng phải thời đê yên kiên các vị Tỷ-kheo đang tu tập vê ý? các Tỷ-kheo tu tập vê ý đang thiên tịnh. Vậy ta hãy đi đên khu vườn các du sĩ ngoại dQO." Rồi gia chủ Anãthapindika đi đên khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Anãthapindika từ xa đi đến5 khi thấy vậy liền dặn dò, bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các Tôn giả! Chớ có làm ồn? các Tôn

giả! Gia chủ Anãthapindika này đang đên, một đệ tử trong những đệ tử của Sa-môn Gotama có gia đình, mặc áo trắng ở Sãvatthi, gia chủ Anãthapindika là một trong những vị ấy. Các vị ấy ít ưa ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở dây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng. Rồi gia chủ Anãthapindika đi đến các du sĩ đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Anãthapindika đang ngồi một bên: -Này gia chủ, hãy nói lên Sa-môn Gotama có kiến gì? Thưa các Tôn giả, tôi không biet tat cả kiên của The Tôn. -Này gia chủ, gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama. Vậy này gia chủ5 hãy nói các Tỷ-kheo có kiến gì? Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của các Tỷ-kheo. Này gia chủ? gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama, gia chủ có thể không biết tất cả kiến của các Tỷ-kheo. Vậy này gia chủ5 hãy nói về kiến của gia chủ. -Thưa các Tôn giả, thật không khó gì để tôi trả lời về kiến của tôi. Nhưng các Tôn giả hãy trả lời về kiến của các Tôn giả trước; rồi sau đó9 thật không khó gì đê tôi trả lời vê kiên của tôi. Khi được nghe nói vậy5 một du sĩ ngoại đạo nói với gia chủ Anãthapindika: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi.^, Một du sĩ ngoại đạo khác nói với gia chủ Anãthapindika: "V6 thường là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ5 như vậy là kiến của t6i."

126 Bản tiếng Anh của PTS: View, nghĩa là Kiến. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.968. 0248c06); Biệt Tạp. .02. 0100.201. 0448bl8).

Rồi một du sĩ ngoại đạo khác nói với gia chủ Anãthapindika: "C6 biên tế là thế giới... Không có biên tế là thế giới... Mạnệ sống127 và thân thể là một... Mạng sống và thân thê là khác... Như Lai128 có tôn tại sau khi chêt... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của t6i." Khi nghe nói vậy, gia chủ Anãthapindika nói với các du sĩ ngoại đạo ấy: —Thưa các Ton giả, Tôn giả nào nói như sau: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ? như vậy là kiến của t6i." Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp ly, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói.129 Kiến ấy như vậy được sanh, được tác thành [hữu vi] do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp trước [dính vào]; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp nhận. Thưa các Ton giả5 Tôn giả nào nói như sau: “V6 thường là thế giới này... Có biên tế là thế giới này... Khônậ biên tế là thế giới này.. Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tôn tại sau khi chêt... Như Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chêt... Như Lai không có tôn tại và không không tôn tại sau khi chêt. Kiên này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ5 như vậy là kiến của tôi.^,

Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến như vậy được sanh, được tác thành do tâm suy tư5 do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp trước; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp nhận. Khi được nghe nói vậy5 các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Anãthapindika: Này gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Này gia chủ, hãy nói lên kiến của gia chủ là gì? Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy là: “Cái này không phải của tôi5 cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i." Tôi có kiên như vậy5 thưa các Tôn giả. -Này gia chủ, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường5 cái ấy là khổ. Cái gì là khổ5 cái ấy, này gia chủ9 gia chủ lại chấp trước; cái ấy, này gia chủ, gia chủ lại chấp nhận.

12] Jĩva: Sinh mạng, về sau, trong Upanishad, thuật ngữ này dùng để gọi cho Tinh hồn,\ Chính jĩva nối liền atman với attabhãva (ngã tánh). 128 Tathãgata. Như Lai, một danh hiệu của đức Phật. Ở đây chỉ cho bất cứ người nào. Chú giải giải thích một cách chung chung "chí là một chúng sinh". 129 Paraghosa, phân biệt với parato ghoso trong GS. I. 79, có nghĩa là tiếng từ thế giới khác.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1249

Thưa các Tôn giả5 phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tu, do duyên được khởi lên9 cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của t6i.” Như vậy là như thật khéo thấy với chánh trí tuệ. Và từ nơi khổ ấy, tôi như thật rõ biết sự xuất ly hơn thế nữa. Khi nghe nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy ngồi im lặng? hoang mang, thụt vai, cúi đầu5 sững sờ không nói lên lời. Rồi gia chủ Anãthapindika, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi dầu, sững sờ không nói lên lòi, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đi đên Thê Tôn; sau khi đên, đảnh lê Thê Tôn roi xuông một bên. Ng6i xuông một bên9 gia chủ Anãthapindika, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào5 đều thuật lại tất cả cho Thế Tôn rõ. -Lành thay! Lành thay! Này gia chủ5 như vậy? những kẻ ngu si ấy thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp. Rồi Thế Tôn với một bài pháp thuyết giảng, khích lệ9 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ gia chủ Anãthapindika. Rồi gia chủ Anãthapindika, sau khi được Thế Tôn với bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế T6n, sau khi gia chủ Anãthapindika ra đi không bao lâu, bảo các vị Tỷ-kheo: -Tỷ-kheo nào dầu đã được đầy đủ một trăm năm an cư mùa mưa trong Pháp và Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như gia chủ Anãthapindika đã khéo bác bỏ. IV KINH VAJJIYAMAHITA (Vajjiyamãhitasuttă) (4 V. 189) 94. Một thòi, Thế Tôn trú ở Campã, trên bờ hồ Gaggarã. Rồi gia chủ Vajjiyamãhita5 vào buổi sáng sớm đi ra khỏi Campã, đến yét kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Vaijiyamahita suy nghĩ: “Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn

dang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các Tỷ- kheo đang tu tập vê ý5 các Tỷ-kheo đang tu tập vê ý đang thiên tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại dạo." Rồi gia chủ Vajjiyamahita đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội hop, đang tụ họp, ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Vajjiyamahita từ xa đi đến; khi thấy vậy5 liền dặn dò? bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các Tôn giả! Chớ làm ồn9 các Tôn giả! Gia chủ Vạjjiyamãhita này đang đến, một đệ tử của Sa-môn Gotama có gia đình5 mặc áo trắng ở Campã. Gia chủ Vajjiyamahita là một trong những vị ấy. Các vị ấy ưa ít ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở dây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

1250 KINH TĂNG CHI BỘ

Rồi gia chủ Vajjiyamahita đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy; sau khi đến5 nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Vajjiyamahita đang ngồi một bên: -Có đúng sự thật chăng, này gia chủ, Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đoi mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ? Thưa các Tôn giả, Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ. Thưa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán. Thưa các Tôn giả? Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy Thế Ton là người phân tích luận, không phải là người nhất hướng luận (nói một chiều). Được nghe nói vậy, một du sĩ nói với gia chủ Vajjiyamahita: -Thôi chờ ở đây, này gia chủ, gia chủ tán thán Sa-môn Gotama và Sa-môn Gotama là người hư vô9 một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng. Ở đây, thưa các Tôn giả, tôi nói với các Tôn giả đúng pháp: "Đây là thiện,\ thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. "Đây là bất thiện9\ thưa các Tôn giả, Thế Ton đã định nghĩa. "Bây là thiện, đây là bất thiện5\ Thế Tôn đã định nghĩa. Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng. Thế Tôn không phải là người chủ trương hư vô, không phải là người không có định nghĩa rõ ràng. Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu5 sững sờ không nói nên lời. Rồi gia chủ Vạjjiyamãhita9 sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai5 cúi đầu, sững sờ không nói nên lòi, từ chỗ ngồi đứng i A. * «4 rTĩĩ rr^ IT • 1 Ạ _ A rri A s Ạ * Ạ . . Ạ J Ĩ A dậy5 đi den The Ton; sau khi đen, đanh le The Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên. gia chủ Vajjiyamãhita? câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo như thế nào, tất cả đều thuật lại cho Thế Tôn rõ. -Lành thay! Lành thay! Này gia chủ? những kẻ ngu si ây thường cân phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả khổ hạnh càn phải hành trì; này gia chủ. Ta cũng không nói rằng tất cả khổ hạnh không cần phải hành trì. Này gia chủ9 Ta không nói rằng tất cả sự chập trì cân phải được chập trì; này gia chủ, Ta cũng không nói răng tât cả sự r , .VC \ r

chập trì không nên chập trì. Này gia chủ, Ta không nói răng tât cả sự tinh cân phải tinh cần; này gia chủ? ta cũng không nói rằng tất cả sự tinh cần không nên tinh cần. Này gia

chủ9 Ta không nói rằng tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ; này gia chủ, Ta cũng không nói rằng tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả sự giải thoát nên giải thoát; này gia chìỉ, Ta cũng không nói rằng tất cả sự giải thoát không nên giải thoát. Này gia chủ, phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, khổ hạnh ấy, Ta nói không nên hành trì; nhưng này gia

chiỉ, phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tổn giảm? các pháp thiện tăng trưởng, khổ hạnh ấy, Ta nói nên hành trì. Này gia chủ5 phàm châp hành châp trì nào, các pháp bât thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời chấp trì ấy, Ta nói không nên chấp _ Ju 1J • _ D 7 t J 7 D hành; phàm7 X

châp hành châp trì nào, các pháp bât thiện tôn giảm, các thiện pháp tăng trưởng, thời chấp trì ấy, Ta nói nên chấp hành. Này gia chủ, phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tôn giảm, thời tinh cân ây, Ta nói không nên tinh tân; phàm tinh cân nào được tinh tân, các pháp bât thiện tôn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời tinh cần ấy, Ta nói nên tinh tấn. Này gia chủ, phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời từ bỏ ấy, Ta nói không nên từ bỏ; phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tổn giảm5 các pháp thiện tăng trưởng, thời từ bỏ ấy, Ta nói nên từ bỏ. Này gia chủ, phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời giải thoát ấy, Ta nói không nên giải thoát; phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời giải thoát ấy, Ta nói nên giải thoát. Rồi gia chủ Vajjiyamãhita5 sau khi được Thế Tôn với một pháp thoại thuyết giảng, khích lệ5 làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ? từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế T6n, sau khi gia chủ Vajjiyamahita ra đi không bao lâu, bảo các Tỷ-kheo: -Phàm Tỷ-kheo nào, đã lâu ngày với trần cấu ít trong Pháp và Luật này, vị ấy hãy như vậy bài bác các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bài bác nhờ Chánh pháp, như gia chủ Vajjiyamahita đã làm. V. KINH UTTIYA (Uttiyasutta)^ (A. V. 193) 95. Bấy giờ, có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? du sĩ Uttiya _ r • r*Ạ rr^ __ nói với The Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Này Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vẹ)ng." -Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

130 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.965. 0247cl4); Biệt Tạp.(7.02. 0100.199. 0447Ồ19).

 Này ưttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vQĩig." Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như

Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chêt... Như Lai không tôn tại và không không tồn. tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? - Này Uttiya, Ta không có nói như sau: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chêt. Kiên này là sự thật, kiên nào khác là hư vọng.,, Thưa Tôn giả Gotama, có phải thê giới là thường còn, kiên này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy9 Thế Tôn trả lời: "Này Uttiya, Ta không có nói: 6Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.9,9 Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy9 Thế Tôn trả lời: "Này Uttiya, Ta không có nói: 'Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vQíig.'" Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... có phải thế giới không có biên tế... có phải sinh mạng và thân thể là một... có phải sinh mạng và thân thể là khác... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau chêt... có phải Như Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chêt5 kiên này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: “Này Uttiya, Ta không có nói: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.995 Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên? -Với thăng trí, này Uttiya. Ta thuyêt pháp cho các đệ tử đê họ được thanh tịnh? để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để Thánh lý được chứng dạt, để Niết-bàn được chứng ngộ. Nếu Tôn giả Gotama "thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngO”, thời do vậy? cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba? Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng. Rồi Tôn giả Ãnanda suy nghĩ như sau: "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: 6Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ưu, quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lòi, và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya.'" Rồi Tôn giả Ảnanda nói với du sĩ Uttiya: -Vậy này Hiên giả Uttiya, ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói. Ví nhu, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành trì biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy tháp canh vững chắc và chỉ có một cổng vào. Tại đây? người giữ

công là người sáng su6t, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy5 người ấy có thể không thấy một kẽ hở trong thành hay lỗ trống lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biet được: "Từng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này”; 131 nhưng điều này người ấy biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này, tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cổng thành này.” Cũng vậy? này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng [câu hỏi này của ông] là có phải toàn thế giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thê giới, hay là một phân ba. Nhưng điêu Như Lai nói là như sau: "Những ai đã được thoát ra khỏi thế giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiêm tâm5 làm yêu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên bôn niệm xứ; sau khi như thật tu tập bảy giác chi, như vậy các

vị ấy đã thoát khỏi5 đang thoát khỏi5 sẽ thoát khỏi thế gi&i." Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà ông đã hỏi Thế Tôn dứng trên một lập trường khác, đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho ông.

VI. KINH KOKANUDA (Kokanudasutta)131 132 (A. V. 196) 96. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Rậjagaha5 tại suối nước nóng Tapodãrãma. Rồi Tôn ơgiả Ãnanda khi đêm vừa mới sáng, • J thức dậy điA đến_ Tanodã •/để rửa tay chân. Rửa tay chân xong ở Tapodã, sau khi ra khỏi, Tôn giả đứng đăp một y đê phơi tay chân cho khô. Bấy giờ, có tu sĩ Kokanuda, khi đêm vừa mới sáng, thức dậy đi đến Tapodã để rửa tay chân. Du sĩ Kokanuda thấy Tôn giả Ãnanda từ xa đi đến5 sau khi thấy, nói với Tôn giả Ãnanda: Hiền giả là ai? Thưa Hiền giả5 tôi là Tỷ-kheo. Hiền giả, thuộc về các Tỷ-kheo nào? Là Sa-môn Thích tử. Này Hiền giả5 tôi muốn hỏi Hiền giả một vài vấn đề. Nếu Hiền giả cho tôi cơ hội để trả lời câu hỏi thì nay Hiền giả hãy hỏi đi. Sau khi nghe, tôi sẽ được biết. Thưa Hiền giả? có phải: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vong^, kiến là như vậy có phải không Hiền giả? Thưa Hiền ệiầ. tôi không có kiến như vậy: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiên nào khác là hư vọng.,, -Vậy có phải: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng,55 kiến là như vậy có phải không Hiền giả?

131 Câu này không có trong D. II. 83; KS. V. 139. 132 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.967. 0248bll); Biệt Tạp.(T.02. 0100.210. 0448a22).

—Thưa Hiền giả, tôi không có kiến như vậy: "Thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.,, Thưa Hiền giả, có phải: "Thế giới là có biên tế... Thế giới là không biên tế... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vQng", kiến là như vậy có phải không Hiền giả? Thưa Hiền giả9 tôi khônậ có kiến như vậy: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự that, kiến nào khác là hư vQng." -Vậy thưa Hiền giả, Hiền giả không biết, Hiền giả không thấy. —Thưa Hiền giả5 không phải toi không biết, không phải tôi không thấy. Thưa Hiền giả? tôi có biết, tôi có thấy. -Thưa Hiền giả, có phải: "Thế giới là thường còn. Kiến nay là sự thật, kiến nào khác là hư vQíig" Được hỏi vậy? Hiền giả nói: "Thua Hiền gi,tôi không có kiên như vậy: 'Thê giới là thường còn. Kiên này là sự thật, kiên nào là khác là hư vong.5,5 Có phải, thưa Hiền giả: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vpng... Thế giới là có biên tế... Thế giới là không biên tế... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vQng"? Được hỏi vậy? Hiền giả nói: "Thua Hiền giả9 tôi không có kiến như vậy: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.5,5 Vậy thưa Hiền giả: "Hiền giả không biết, Hiền giả khôĩiệ thấy"? Được hỏi vậy9

Hiền giả nói: 'Thưa Hiền giả, không phải tôi không biet? không phải tôi không thấy. Thưa Hiền giả, tôi có biết, tôi có thấy.,, Vậy thưa Hiền giả, cần phải hiêu như thê nào ý nghĩa lời nói này? "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vQng, thưa Hiền giả, đây là tà kiến. "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vQjig", thưa Hiền giả5 đây là tà kiến. "Thế giới có biên tế... Thế giới không biên tế... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự that, kiến nào khác là hư vQng", thưa Hiên giả, đây là tà kiến. Thưa Hiền giả, xa cho đến như vậy là các tà kiên. Xa cho đên như vậy là kiên xứ, kiên trú, kiên triên phược, kiên khởi, kiên diet/33 tôi co Diet điêu ây, tôi có thây điêu ây. Do tôi co Diet điêu ây, tôi có thấy điều ấy? làm sao tôi lại trả lời: “T6i không biết, tôi không thấy!” Thưa Hiền giả: "T6i có biết, tôi có thấy."133

133 Chủ giải: Đây chỉ là bậc Dự Lưu.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1255

Hiền giả tên là gì? Và như thế nào các vị đồng Phạm hạnh biết Hiền giả? Thưa Hiền giả, Ãnanda là tên của tôi. Và các vị đồng Phạm hạnh biết tôi là Ãnanda. Ôi? toi đang nói chuyện với Tôn giả Đại sư mà tôi không biết là Tôn giả Ãnanda. Nếu tôi biết là Tôn giả Ananda, tôi đã không nói nhiều như vậy, mong Tôn giả Ãnanda tha lỗi cho. VIL KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (Ẫhuneyyasutta) (A. V. 198) 97. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là mười? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt9 chấp nhận và học tập trong học pháp. Là vị nghe nhiêu, thọ trì điêu đã nghe, cât chứa điêu đã nghe. Các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghia, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; các pháp như vậy được vị ấy nghe hiểu5 được thọ trì, được tụng đọc bằng lời, được quán sát với ý, được khéo thể nhập với chánh kiến. Là người làm bạn với thiện hữu, là thân với thiện hữu, thân thiết với thiện hữu. Có chánh kiến, thành tựu chánh kiến. Chứng được nhiều loại thần thong:134 Một thân hiện ra nhiều thân5 nhiều thân hiện ra một thân; hiện hinh, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thô9 trôi lên đât liên như ở trong nước; đi trong nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già du hành trên hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Có Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần. Sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người, với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham.^, "Tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân.” "Tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si." "Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn.,, “Dại hành tâm biết là đại

hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm.,^ "Tâm vô thượng biêt là tâm vô thượng, tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng.^ "Tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không

134 Xem GS. I. 153,233.

thiền định biết là tâm không thiền djnh." "Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoat." Vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm dời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời? hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời? nhiều hoại kiếp, nhiêu thành kiêp. nhiêu hoại kiêp và thành kiêp. Vị ây nhớ răng: "Tại chô kia ta CÓ tên như thê này5 dòng họ như the này, giai câp như the này, đô ăn uông như thế này, thọ khổ lạc như thế này? tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ; tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thê này, giai cap như thê này, đô ăn như thê này, thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ở day?9 Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vị ây với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, biêt trí tuệ vê sanh tử của chúng sanh, thẩy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt5 kẻ cao sang; người đẹp đẽ9 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đêu do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiên giả, những vị này làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý? phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Này các Hiên gia, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh vê thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Như vậy9 vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ răng chúng sanh, người hạ liệt5 kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, thành tựu mười pháp này, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng? đáng được cúng dường, đáng được chăp tay, là vô thượng phước điên ở đời. VIII. KINH VỊ TRƯỞNG LÃO (Therasutta) (4 V. 201) 98. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão trú tại địa phương nào, vị ấy trú được an ổn. Thế nào là mười? Vị trưởng lão đã lâu ngày được biêt đên, xuât gia đã lâu ngày; Có giới... chập nhận và học hỏi trong các học pháp; Là vị nghe nhiêu... khéo thê nhập với chánh kiên; Cả hai Giới bôn (Pãtimokkha) được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiếu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiêt; Vị ây thiện xảo trong sự sanh khởi và châm dứt các tránh sự; Ưa thích pháp, dùng lời ái ngữ, hết sức hân hoan trong Thắng pháp, Thắng luật; Biết đủ với bất cứ vật dụng nào nhận được như y, đô ăn khât thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; Dễ mến, khéo chế ngự trong khi đi tới đi lui? khi ngồi trong nhà;

Chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bôn thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú; Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo vị trưởng lão trú tại địa phương nào5 vị ấy trú được an ổn. IX. KINH UPÃLI (Upãỉisutta) (4 V. 201) 99. Bấy giờ, có Tôn giả upãli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả upãli bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, con muôn sông trong rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng. - Này Ưpăli, không dễ dàng135 là sống tại các rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa văng; khó khăn là đời sông viên ly, khó ưa thích là đời sông độc cư. Ta nghĩ rằng: "Các khu rừng làm loạn ý136137Tỷ-kheo chưa được tìiiền djnh." Này upãli, ai nói như sau: "Dầu tôi chưa được thiền định? tôi sẽ sống tại các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vang"; thời người ây được chờ đợi như sau: ấy sẽ chìm xuống [đáy] hay nổi lên [mặt nước]?í37 Ví nhu, này Upãli, một hồ nước lớn, có con voi lớn đi đến, bảy thước hay tám thước cao. Con voi ấy suy nghĩ: "Ta hãy lặn vào hồ nước này, rồi chơi trò chơi rửa tai, rồi chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tăm? sau khi uông nước, sau khi từ hô bước lên9 ta đi đên chô nào ta muôn/5 Rôi con voi ây lặn vào hô nước ây, có thê chơi trò chơi rửa tai, có thê chơi trò chơi rửa limg; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tăm? sau khi uông nước, sau khi từ hô bước lên, nó đi đến chỗ nào nó muốn. Vì sao? Vì tự ngã to lớn tìm được chân đứng trong chỗ nước. Rồi có con thỏ hay con mèo đến5 nó suy nghĩ: "Ta là ai, con voi lớn là ai? Vậy ta sau khi lặn xuống hồ nước này, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta sẽ đi đến chỗ nào ta mu6n." Rồi nó nhảy vào hồ nước ấy lập tức, không có tính toán; với nó, được chờ đợi rằng: "N6 sẽ chìm hay nổi trên mặt nước.59 Vì sao? Này upăli, vì tự ngã nhỏ bé không tìm được chân đứng trong nước sâu. Cũng vậy, này upli, ai nói rằng: "Dầu tôi không được định, tôi sẽ sống trong các rừng núi5 cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng"; với vị ấy, được chờ đợi rằng: ấy sẽ chìm xuống hay nổi trên mặt nước.^,

135 Durabhỉsambhava. Xem s. V. 454; Sn. 75, 135. Trong AA. V. 67: Durabhỉsambhaỵãnĩtỉ sambhavitum dukkhãnỉ dussahãni, na sakkã appesakkhehi qjjhogahitunti yuttam hoti (4tKhông dê dàng" nghĩa là có nhiều khó khăn, khó chịu đựng đe thực hiện, ý nói không thể tiến hành do năng lực kém). 136 Harantỉ marine mano. Mano rất ít thấy được sử dụng trong đối cách, tuy nhiên cũng được thấy trong Sn. 137 Những tư tưởng tham ái làm cho vị ấy chìm xuống và những tư tưởng sân hận làm cho vị ấy nổi lên.

Ví như, này upãli, một đứa trẻ còn nhỏ, còn yêu, năm ngửa, chơi với phân và nước tiểu của mình. Ông nghĩ thế nào5 này upãli, trò chơi con nít này có thiệt là toàn diện, đây đủ không? FT^I_ _ ỉ ... A _ í_ FT-11 _ Ặ nn A Thưa có vậy, bạch The Ton. Này upãli,

đứa con nít ây, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thục, có được các đồ chơi của những con nít như trẻ con chơi khăng,138 chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đong bằnệ lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ5 và nó chơi với những đô chơi ây. Ong nghĩ thê nào5 này upãli5 trò chơi này so sánh với trò chơi trước, có đi đến thù diệu hơn, thù thắng hơn? rT-11 _ _ r A 1 -f Ấ rr\ A.

Thưa co vậy5 bạch The Ton. -Rồi này upãli, đứa trẻ ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc với các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái5 kích thúc lòng dục5 hấp dẫn; với các tiếng do tai nhận thức... với các hương do mũi nhận thức... với các vị do lưỡi nhận thức... với các xúc do thân cảm giác, khả lạc, khả hỷ, khả ý? khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Ông nghĩ thế nào? này upli, trò chơi này, so sánh với các trò chơi trước có thù diệu hơn5 thù thắng hơn không? r

Thưa có vậy, bạch Thê Tôn. -Ở đây5 này Upãli, Như Lai xuất hiện ở dời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thắng trí, tuyên bố cho biết về thế giới này, các chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn9 chư thiên và loài người. Như Lai thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, nêu rõ Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người gia chủ, hay con người gia chủ hay một người tái sanh trong một gia đình khác nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, vị ấy sanh lòng tin vào Như Lai. Vị ấy thành tựu với lòng tin ấy, suy xét như sau: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời5 đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đăp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia dinh, sông không gia dinh." Một thời gian sau, vị ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy9 thọ lãnh đầy đủ sự học tập và nếp sống của các Tỷ-kheo. Sau khi đoạn tận sát sanh, vị ấy sống từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tât cả chúng sanh và loài hữu tình. Sau khi đoạn tận lây của không cho, vị

138 Ghatika. Một loại trò chơi giống như chơi khăng.

ây sông từ bỏ lây của không cho, chỉ lây những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự mình sống thanh tịnh không có trộm cướp. Sau khi đoạn tận không Phạm hạnh, vị ấy sống Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo, nói lời chơn that, nói lời liên hệ đến chân thật, vững chắc, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi9 vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này? không đi đến nói ở chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến nói ở chỗ này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ bị chia rẽ, tăng trưởng những kẻ đã

hòa hợp, ưa thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời tác thành hòa hợp. Sau khi đoạn tận lời nói độc ác5 vị ấy sống từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, tai, dễ thương, thông cảm đến tâm5 tao nhã, đẹp lòng nhiều người, thích ý nhiêu người, vị ây nói những lời như vậy. Sau khi đoạn tận nói lời phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm, nói lời đúng thời? nói lời chân thật, nói lời có ý nghĩa, nói lời về Chánh pháp, nói lời về Luật? noi những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý5 có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Vị ấy sống từ bỏ làm hại các hạt giống và các loại cây cỏ; dùng mỗi ngày một bữa, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức băng vòng hoa, hương liệu5 dâu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà5 con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò5 ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ việc phái người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ5 gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn5 sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy, biết dủ, bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi thân, đi đến chỗ nào cũng mang theo. Cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị ấy bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi thân, đi đén chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu với thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm cảm thọ sự an lạc không có phạm lỗi. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nệuyên nhân gi, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên9 vị ây tự chê ngự nguyên nhân ây, hộ trì nhãn căn? thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, kh6ng năm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì ý căn không được chê ngự khiên tham ái, ưu bi, các ác, bât thiện pháp khởi lên? vị ây chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không có xen lẫn. Vị ấy khi đi tói, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép5 bình bát5

thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống? nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi di, đứng, ngồi, nằm, thức, nói5 yên lặng đều tỉnh giác. Vị ấy thành tựu với Thánh giới uẩn này, thành tựu với Thánh hộ trì các căn này, thành tựu với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, chọn một trú xứ thanh vắng như rừng, gốc cây, khe núi? chỗ hoang vu, hang dá, bãi tha ma, khu rừng xa văng5 ngoài trời, đông rơm. Vị ây đi đên rừng hay đi đên gôc cây, hay đi đên ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, limg thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy, sau khi đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm khỏi tham ái. Sau khi đoạn tận sân, vị ấy sống với tâm không sân hận? lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, sống với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên5 với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, vị ấy gột rửa tâm hết hôn trầm thụy

miên. Sau khi đoạn tận trạo cử hối tiếc, sống không trạo cử hối tiếc, với nội tâm trâm lặng, vị ây gột rửa hêt tâm trạo cử hôi tiêc. Sau khi đoạn tận nghi ngờ? vị ấy sống thoát ly nghi ngờ? không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp. Vị ấy sau khi đoạn tận năm triền cái này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm hèn yếu trí tuệ5 ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vì sao, này upãli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, thù thắng hơn? Thưa có vậy, bạch Thê Tôn. Này upãli, các đệ tử của Ta, thấy được pháp này trong tự ngã5 sống tại các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng, cho đến khi mục đích của mình chưa đạt5 thời họ vẫn trú [tại các chỗ ấy], [hay như mục đích của mình chưa đạt, tức là định chưa đạt; thời không sống trong rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng]. Lại nữa, này upãli, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Ông nghĩ thế nào, này Ưpãli, có phải sự an trú này sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn? Thưa co vậy5 bạch The Ton. Này Uf)ãli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy pháp này trên tự ngã, họ mới đến ạcậc rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được. Lại nữa, này upãli, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Ông nghĩ thế nào, này upãli, có phải sự an trú này sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn? __ _ _ . f __ 1 FT'i /V FT^ A -Thưa co vậy5 bạch The Ton. Này Ưpãli, các đệ tử của Ta, khi quán thây pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này upãli, Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Ong nghĩ thê nào? này upãli... mục đích của mình chưa đạt được. Lại nữa, này Upãli, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các tưởng đối ngại, không tác ý đến các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hu không là vô biên,\ chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Ông nghĩ thế nào, này Upãli... mục đích của mình chưa đạt được. Lại nữa, này Ưpãli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ9 nghĩ rằng: "Thức là vô biên,\ chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Ông nghĩ thế nào, này upãli... mục đích của mình chưa đạt được. Lại nữa, này upãli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Ông nghĩ thế nào, này Upãli... mục đích của mình chưa đạt được. Lại nữa, này upãli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Dây là tịch tịnh, đây là thù dieu", chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ong nghĩ thê nào, này upãli, có phải sự an trú này, sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn? Thưa có vậy5 bạch Thế Tôn... mục đích của mình chưa đạt được. -Lại nữa, này Ưpãli, Tỷ-kheo sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởnệ định, vị ây sau khi thây với trí tuệ5 các lậu hoặc được đoạn tận. Ong nghĩ thê nào, này Ưpãli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn? -Thưa có vậy5 bach The Ton. Này upãli, các đệ tử của Ta, sau khi quán thấy pháp này trên tự ngã đã đến ở trong các rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng, họ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được. Vậy này upãli,

ông hãy sông giữa chúng Tăng. Sông giữa chúng Tăng, ông sẽ được an ổn. X. KINH KHÔNG THẺ (Abhabbasutta) i39 (4 V. 209) 100. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận mười pháp này, khônậ có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là mười? Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận9 gièm pha, não hại, tật đố5 xan tham, mạn. Không đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là mười? Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận? gièm pha, não hại9 tật đố, xan tham, mạn. Đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

139 Bản tiếng Anh của PTS: Unfit to Grow, nghĩa là Không thể tăng trưởng.

1262 KINH TÁNG CHI Bộ

XI. PHẨM SA-MON TƯỞNG (SAMANASANNẴK4GGA)

I. KINH SA-MÔN TƯỞNG (Samanasannasutta)M() (Ắ. V. 210) 101. Có ba Sa-môn tưởng này5 này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ bảy pháp. Thế nào là ba? Ta nay đã đến tình trạng mất bản sắc; đời sống ta bị phụ thuộc vào người khác; hành vi của ta cần phải thay đổi. Ba Sa-môn tưởng này, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn? làm cho đầy đủ bảy pháp. Thế nào là bảy? Luôn luôn là người làm liên tục, thực hiện liên tục trong các giới luật; không có tham ái; không có sân; không có quá mạn; ưa thích học tập; đối với các vật dụng cần thiết cho đời sống, vị ấy nghĩ: Đây là mục đích; sống tinh cần tinh tấn. Này các Tỷ-kheo5 có ba Sa-môn tưởng này được tu tập5 được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ bảy pháp. II. KINH GIÁC CHI (Bojjhangasutta) (4 V. 211) 102. Bảy giác chi này5 này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ ba minh. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo5 được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ ba minh. Thế nào là ba? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời? ba đời... nhớ đến nhiều đời trước với các nét đại cương và các chi tiết. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy thuộc hạnh nghiệp của họ. Do đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng dạt, vị ấy an trú. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ Ba minh này. III. KINH TÀ TÁNH (Micchattasuttd)w (Ả. V. 211) 103. Do tà tánh? này các Tỷ-kheo, nên thất bại, không thành công. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là do tà tánh nên thất bại, không thành công?

140 Bản tiếng Anh của PTS: Ideas, nghĩa là Ỷ tưởng. 141 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.786. 0204al6).

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1263

Với người tà kiên, này các Tỷ-kheo9 có tà tư duy. Với người tà tư duy5 có tà ngữ. Với người tà ngữ, có tà nghiệp. Với người có tà nghiệp, tà mạng sanh. Với người có tà mạng, tà tinh tấn sanh. Với người có tà tinh tấn, tà niệm sanh. Với người có tà niệm? tà định sanh. Với người có tà định, tà trí sanh. Với người có tà trí, tà giải thoát sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do tà tánh đưa đến thất bại, không thành công. Do chánh tánh, này

các Tỷ-kheo, nên thành công, không thất bại. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là do chánh tánh nên thành c6ng, không that bại? Với người chánh kiến, này các Tỷ-kheo, có chánh tư duy. Với người chánh tư duy, có chánh ngữ. Với người chánh ngữ? có chánh nghiệp. Với người chánh nghiệp, có chánh mạng. Với người chánh mạng, có chánh tinh tấn. Với người chánh tinh tấn, có chánh niệm. Với người chánh niệm, có chánh định. Với người chánh định, có chánh trí. Với người chánh trí, có chánh giải thoát. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do chánh tánh đưa đến thành công5 không đưa đến thất bại. IV. KINH CHỦNG TỬ (Byasutta)^2 (A. V. 212) 104. Này các Tỷ-kheo5 với người đàn ông, với người có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp, có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm, có tà định, có tà trí, có tà giải thoát; phàm có thân nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có khẩu nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có ý nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có tư tâm sở nào, phàm có quyết định nào, phàm có ước nguyện nào? và phàm có các hành nào, tất cả các pháp ấy đưa đến bất khả lạc? bất khả hỷ? bất khả ý? bất hạnh, đau khổ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến ấy là ác. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây nimba, hay hạt giống cây kosãtaki (một loại dây leo), hay hạt giống cây tittakãlãbu (mướp đắng) được gieo vào đất ướt; phàm vị gì nó lấy lên từ đất9 phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đêu đưa đên tánh đăng, tánh cay, tánh không lạc của nó. Vì sao? Vì nó là tánh ác của hạt giống, này các Tỷ-kheo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 với người đàn ông, với người có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp, có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm? có tà định, có tà trí, có tà giải thoát; phàm có thân nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có khẩu nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có ý nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có tư tâm sở nào5 phàm có quyết định nào, phàm có ước nguyện nào, phàm có các hành nào, tất cả các pháp ấy đưa đến bất khả lạc? bất khả hỷ, bất khả ý, bất hạnh, đau khổ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì kiến ấy là ác.

142 Tham chiếu: Tạp.(T.Q2. 0099.787-788. 0204a22-b09).

Này các Tỷ-kheo5 với người đàn ông9 với người có chánh kiến, có chánh tư duy, có chánh ngữ, có chánh nghiệp, có chánh mạng, có chánh tinh tấn, có chánh niệm, có chánh định5 có chánh trí, có chánh giải thoát; phàm có thân nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy? phàm có khẩu nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có ý nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có tư tâm sở nào, phàm có quyết định nào, phàm có ước nguyện nào, phàm có các hành nào, tất cả các pháp ẩy đưa đến khả lạc, khả hỷ5 khả ý, hạnh phúc, an lạc. Vì sao? Này các Tỷ-kheo5 vì kiến ấy là hiền thiện. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giông cây mía, hay hạt giông cây lúa, hay hạt gi6ng cây nho được gieo vào đất ướt; phàm vị gì nó lây lên từ đất, phàm vị gì nó lây lên từ nước, tất cả vị ây đêu đưa đên tánh ngon, tánh ngọt, tánh thuân chất của nó. Vì sao? Này các Tỷ-kheo? vì hạt giống là hiền thiện. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người có chánh kiến... chánh

giải thoát, phàm mọi thân hành... vì tánh hiền thiện của kiến.

V. KINH MINH (Vyjasutta)^ (4 V 214) 105. Khi nào vô minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời vô tàm, vô quý nổi tiếp theo. Với kẻ bị vô minh chi phối? vô trí, này các Tỷ-kheo9 tà kiến sanh. Với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh. Với kẻ có tà tư duy, tà ngữ sanh. Với kẻ có tà ngữ, tà nghiệp sanh. Với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh. Với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh. Với kẻ có tà tinh tấn, tà niệm sanh. Với kẻ có tà niệm, tà định sanh. Với kẻ có tà định, tà trí sanh. Với kẻ có tà trí, tà giải thoát sanh. Khi nào minh dân dâu, này các Tỷ-kheo, đưa đên sự thành tựu các thiện pháp5 thời tàm, quý nối tiếp theo. Với vị được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo, chánh kiên sanh. Với vị có chánh kiên, chánh tư duy sanh. Với vị có chánh tư duy, chánh ngữ sanh. Với vị có chánh ngữ, chánh nghiệp sanh. Với vị có chánh nghiệp, chánh mạng sanh. Với vị có chánh mạng, chánh tinh tân sanh. Với vị có chánh tinh tấn, chánh niệm sanh. Với vị có chánh niệm, chánh định sanh. Với vị có chánh định, chánh trí sanh. Với vị có chánh trí, chánh giải thoát sanh. VL KINH TỔN GIẢM (Nijjarasutta)^ (4 V. 215) 106. Này các Tỷ-kheo? có mười tổn giảm sự này. Thế nào là mười? Với người có chánh tri kiên, này các Tỷ-kheo, tà kiên bị tôn giảm, và các pháp ác, bât thiện do duyên tà kiên sanh, các pháp ây bị tôn giảm; các pháp thiện do duyên chánh kiên sanh, các pháp ây đi đên viên mãn trong tu tập. Với nẹười có chánh tư duy, này các Tỷ-kheo9 tà tư duy bị tổn giảm, và các pháp ác, bât thiện do duyên tà tư duy sanh, các pháp ây bị tôn giảm; các pháp thiện do

143 Xem KS. VI. 1, không có hai pháp sau. 144 Bản tiếng Anh của PTS: Causes of Wearing out, nghĩa là Nguyên nhân khiến cho tổn giảm.

duyên chánh tư duy sanh, các pháp ấy đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh ngữ... có chánh nghiệp... có chánh mạng... có chánh tinh tấn... có chánh niệm... có chánh định... có chánh trí... có chánh giải thoát, này các Tỷ- kheo? tà giải thoát bị tôn giảm, và các ác, bât thiện pháp do duyên tà giải thoát sanh, các pháp ấy bị tổn giảm; các pháp thiện do duyên chánh giải thoát sanh, các pháp ấy đi đến viên mãn trong tu tập. Này các Tỷ-kheo5 có mười tổn giảm sự này. VII. KINH TẨY TRÀN (Dhovanasutta) (A. V. 216) 107. — Này các Tỷ-kheo9 tại các quốc độ miền Nam có lễ tẩy trần.145 Tại đấy, có các món ăn, có các thức uống, các đồ ăn loại cứng, các đồ ăn loại mềm, đồ nêm, đô uông, múa5 hát, nhạc. Này các Tỷ-kheo5 đây là lê tay trân, Ta tuyên bô rằng không phải là không có. Và này các Tỷ-kheo, lễ tẩy tràn ấy là hạ liệt, thô tục, phàm phu, không phải Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tẩy trần thuộc bậc Thánh, tẩy trần này đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do duyên tẩy trần này, các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ5 ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: -Va nay các Tỷ-kheo5 thế

nào là Thánh tẩy trần, do Thánh tẩy trần này đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn? Do duyên Thánh tẩy trần này, các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ? ưu, não. Với người có chánh kiên, này các Tỷ-kheo5 tà kiên bị tây sạch, và những pháp ác5 bất thiện nào do duyên tà kiến khởi lên, các pháp ấy của người ấy được tẩy sạch; và các pháp thiện do duyên chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, tà tư duy bị tẩy sạch... Với người có chánh ngữ5 này các Tỷ-kheo? tà ngữ được tẩy sạch... Với người có chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo. tà nghiệp được tẩy sạch... Với người có chánh mạng, này các Tỷ-kheo, tà mạng được tây sạch... Với người có chánh tinh tân, này các Tỷ-kheo? tà tinh tấn được tẩy sạch... Với người có chánh niệm, này các Tỷ-kheo, tà niệm được tẩy sạch... Với người có chánh định5 này các Tỷ-kheo5 tà định được tẩy sạch... Với người có chánh trí, này các Tỷ-kheo5 tà trí được

145 Dhovana. Chú giải giải thích là lễ rửa xưcrng, thân người chết không thiêu nhưng chôn, rồi xươmg được đào lên và lain lễ nỉa xương.

tẩy sạch... Với người có chánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, tà giải thoát được tẩy sạch và những pháp ác, bất thiện do duyên tà giải thoát khởi lên, các pháp ấy của người ấy được tẩy sạch; các pháp thiện do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập. Này các Tỷ-kheo, đây là Thánh tẩy trần ấy, tẩy trần này đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh9 thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do duyên tẩy trần này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ9 ưu, não. VIII. KINH Y THUẬT (Tikicchakasuttă)^ (4 V. 218) 108. Các y su, này các Tỷ-kheo, cho thuôc xô đê chặn đứng các bệnh khởi lên từ mật? để chặn đứng các bệnh khởi lên từ đàm? để chặn đứng các bệnh khởi lên từ gió.146 147 Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là thuốc xổ. Ta tuyên bố rằng đây không phải là không có, và này các Tỷ-kheo? thuốc xổ này có thành công và cũng có thất bại. Và này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết về thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này thành công? không có thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ? ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Hãy nghe và khéo tác ý9 Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. r rp 9 1 1 Ấ A 4- z rpi Á rp/X rpl A rp A r• 1 Cac Ty-kheo ay vâng dap The Ton. The Ton nói như sau: - Này các Tỷ-kheo? thế nào là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này chỉ thành công, không có thất bại. Do nhân này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh... các chúng sanh bị sầu, bi, khổ9 ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi5 khổ, ưu, não? Với người có chánh kiên? này các Tỷ-kheo, tà kiên bị xô ra. Các ác, bât thiện pháp do duyên tà kiến sanh khởi, các pháp ấy được xổ ra; và các pháp thiện do duyên với chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh tư duy, này các Tỷ-kheo5

tà tư duy bị xổ ra... Với người có chánh ngữ, này các Tỷ-kheo? tà ngữ bị xổ ra... Với người có chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, tà nghiệp bị xổ ra... Với người có chánh mạng, này các Tỷ-kheo9 tà mạng bị xổ ra... Với người có chánh tinh tấn, này các Tỷ-kheo5 tà tinh tấn bị xổ ra... Với người có chánh niệm, này các Tỷ-kheo9 tà niệm bị xổ ra... Với người có chánh định, này các Tỷ-kheo, tà định bị xổ ra... Với người có chánh trí, này các Tỷ-kheo, tà trí bị xổ ra... Với người có chánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, tà giải thoát bị xổ ra. Các pháp ác,

146 Tham chiếu: Phật thuyết Tích cốt kỉnh (T.02. 0150.45. 0882all); Tàng.(T02. 0125.21.7. 0604a28). 147 Xem KS. IV. 155.

bất thiện, do duyên tà giải thoát sanh khởi5 các pháp ấy được xổ ra; và các pháp thiện do duyên với chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập. Này các Tỷ-kheo5 đây là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này chỉ thành công, không thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. IX. KINH MỬA (Vamanasuttd) (A. V. 219) 109. (Như kinh 108, chỉ thay thế chữ "mỉra"). X. KINH CẢN PHẢI BÀI TIẾT (Niddhamanĩyasutta) (4 V. 220) 110. Có mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải bài tiết. Thế nào là mười? Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, tà kiến bị bài tiết ra... (Như kinh 107 và kinh 108, chỉ thay thế chữ "bài tiết"). XI. KINH VÔ HỌC THỨ NHẤT (PaỊhamaasekhasutta)^ (4 V. 221) 111. Bấy giờ, có một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: -Vô học, vô học5 bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế T6n, Tỷ-kheo là bậc Vô học? —Ở dây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học chánh tri kiến, thành tựu vô học chánh tư duy, thành tựu vô học chánh ngữ, thành tựu vô học chánh nghiệp, thành tựu vô học chánh mạng5 thành tựu vô học chánh tinh tấn, thành tựu vô học chánh niệm, thành tựu vô học chánh định5 thành tựu vô học chánh trí, thành tựu vô học chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo Vô học. XII. KINH VÔ HỌC THỨ HAI (Dutiyaasekhasuttd) (A. V. 222) 112. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp vô học này. Thế nào là mười? Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo? có mười pháp vô học này.

148 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.748. 0198b05).

XIL PHẢM ĐI XUỐNG (PACCOROHANIVAGGA)

I. KINH PHI PHÁP THỨ NHẤT (Pathamaadhammasutta)149150 (A. V. 222) 113. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích này cần phải hiểu biết, pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biêt pháp và mục đích, pháp như thê nào, mục đích như thê nào, như thê ây5 cân phải thực hành. Này các Tỷ-kheo,

thê nào là phi pháp và phi mục đích? Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm? tà định9 tà trí, tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là phi pháp và phi mục đích. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích? Chánh kiên, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tân5 chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp và mục dh Và này các Tỷ-kheo5 phi pháp và phi mục đích cân phải hiêu biêt, pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu biết phi pháp và phi mục đích, sau khi hiêu biêt pháp và mục đích, pháp như thê nào, mục đích như thê nào, như thê ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy là do duyên này được nói đến. II. KINH PHI PHÁP THỨ HAI (Dutiyaadhammasuttay5Q (A. V. 223) 114. Này các Tỷ-kheo9 phi pháp và pháp cân phải hiêu biêt, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp5 sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần ___ r: 9 r r

phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là phi pháp5 thê nào là pháp, thê nào là phi mục đích và thế nào là mục đích? Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh kiến là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà kiến được sanh, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh kiến đi đến đầy đủ trong tu tập? đây là mục đích. Tà tư duy, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh tư duy là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà tư duy được sanh, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh tư duy đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

149 Tên kinh này và kinh 115 trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Not Dhamma, nghĩa là Phi pháp. Xem GS. V. 155. 150 Bản tiếng Anh của PTS: Not Aim, nghĩa là Không phải mục đích. Xem GS. V. 155.

Tà ngữ, này các Tỷ-kheo? là phi pháp; chánh ngữ là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà ngữ sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh ngữ đi đến đầy đủ trong tu tập? đây là mục đích. Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo? là phi pháp; chánh nghiệp là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà nghiệp sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh nghiệp đi đến đầy đủ trong tu tập5 đây là mục đích. Tà mạng, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh mạng là pháp. Những pháp ác5 bất thiện do duyên tà mạng sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh mạng đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích. Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo5 là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà tinh tấn sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh tinh tân đi đên đây đủ trong tu tập, đây là mục đích. Tà niệm5 này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh niệm là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà niệm sanh khởi9 đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh niệm đi đến đầy đủ trong tu tập5 đây là mục đích. Tà định, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh định là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà định sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh định đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích. Tà trí, này các Tỷ-kheo5 là phi pháp; chánh trí là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà trí sanh

khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh trí đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích. Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà giải thoát sanh khởi, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện do duyên chánh giải thoát đi đến đầy đủ trong tu tập5 đây là mục đích. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích càn phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích5 pháp như thê nào9 mục đích như thê nào, như thê ây5 cân phải thực hành. Được nói như vậy5 do duyên này được nói đến như vậy. III. KINH PHI PHÁP THỨ BA (Tatìyaadhammasutta)ỉ5ì (4 V. 224) 115. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích càn phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Thế Tôn thuyết như vậy, thuyết như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và bước vào tinh xá. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, suy nghĩ như sau:*

151 Tham chiếu: A-dỉ-na kỉnh (roi. 0026.188. 0734a27). Xem GS. V. 156.

"Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này,152 không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy5 đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo? phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cân phải hiêu biêt. Sau khi biêt phi pháp và pháp, sau khi biêt phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành/Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? ai là người có thể phân tích một cách rộng ri?" Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau:
uTôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán 153 được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ananda, với lời thán,152 tuyên bố này được Thê Tôn nói lên một cách văn tăt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đên, sẽ hỏi Tôn giả Ananda vê ý nghĩa này. Tôn giả Ãnanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ tri." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ảnanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ãnanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, các Tỷ-kheo ây nói với Tôn giả Ãnanda: -Thưa Hiền giả Ãnanda, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứnẹ dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biêt, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích? pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.” Này Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, cpúng tôi suy nghĩ như sau: “Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cân phải hiêu biêt. Sau khi biêt phi pháp vàph^p, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thê nào? mục đích như thê nào, như

the ấy9 can phải thực hành? Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích một cách rộng r?" Rồi thưa Hiền giả, chứng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ãnanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thê phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ãnanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ãnanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ tri." Thưa Tôn giả Ãnanda, hãy phân tích cho. Chư Hiền, cũng ví như một người cần thiết lõi cây, tìm lõi cây, đi khắp

152 AA. V. 72: Uddesam uddỉsỉtvãtỉ mãtikam nikkhipỉtvã (t4Đã nói lên lời tuyên bố này" nghĩa là đã trình bày sơ lược). 153 AA. V. 72 viết rằng trong năm điều được xem là thượng thủ.

mọi nơi tìm lõi cây, đên một cây to lớn, đứng thăng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ5 bỏ qua thân cây, nghĩ răng: 'Thải tìm lõi cây ở nơi cành c&ig vậy, là hành độn^ của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, (juy vị bỏ qua The Tôn, nghĩ rằng cần phải hỏi tôi yề ý nghĩa này. Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị Có Mắt, trở thành vị Có Trí, trở thành Chánh Pháp, trở thành Phạm Thiên, vị Thuyết Giả, vị Diễn Giả, vị Đem Lại Mục Tiêu, vị Trao Cho Bất Tỉr, vị Pháp Chủ, Như Lai. Thế Tôn giải thích quý vị như thế nào, quý vị hãy như vậy thọ trì. Hiền giả Ãnanda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị Có Mắt, trở thành vị Có Trí, trở thành Chánh Pháp, trở thành Phạm Thiên, vị Thuyết Giả, vị Diễn Giả, vị Đem Lại Mục Tiêu? vị Trao Cho Bất Tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi? chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Hiền giả Ãnanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Hiền giả Ãnanda có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi. Mong Hiền giả Ãnanda giải thích, nếu không có sự gì phiên muộn.154 Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm ky, tôi sẽ giảng. Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda giảng như sau: Thưa chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? đã từ chỗ ngồi dứng dậy và đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cân phải hiêu biêt? phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy? cần phải thực hnh." Và này chư Hiền? thể nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích? Tà kiến, này chư Hiền, là phi pháp; chánh kiến là pháp. Những pháp ác, bất thiện gì do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện gì đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích. Tà tư duy, này chư Hiền, là phi pháp; chánh tư duy là pháp... Tà ngữ? này chư Hiền, là phi pháp; chánh ngữ là pháp... Tà nghiep, này chư Hiền, là phi pháp; chánh nghiệp là pháp... Tà mạng, này chư Hiên,

là phi pháp; chánh mạng là pháp... Tà tinh tấn, này chư Hiền, là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp... Tà niệm, này chư Hiền, là phi pháp; chánh niệm là pháp... Tà định, này chư Hiền, là phi pháp; chánh định là pháp... Tà trí, này chư Hiên, là phi pháp; chánh trí là pháp... Tà ẹiải thoát, này chư Hiền, là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Những pháp ác9 bât thiện nào do duyên tà giải thoát khởi lên, đây là phi mục đích. Và

154 Agarum katvã, không làm phiền phức cho người hỏi cũng như người đáp. Xem SA. II. 389.

những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tap, đây là mục đích. Thưa các Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố này một cách vắn tắt mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 từ chỗ ngồi đứng dậy5 đã đi vào tinh xá: "Nàỵ các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp càn phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào5 mục đích như thế nào, như thế ây, cần phải thực hành.,, Thưa các Hiên giả, lời tuyên bô văn tăt này của Thế Tôn mà không phân tích ỵ nghĩa một cách rộng rãi5 toi hiểu ý nghĩa rộng rãi như vậy. Thưa chư Hiền, nếu chư Hiền muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thê Tôn trả lời như thê nào, hãy như vậy thọ trì. -Thưa vâng, Hiền giả. Các Tỵ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Ton giả Ananda, từ chỗ ngồi đứng dậỵ? đi đen The Ton; sau khi đen, đanh le The Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngôi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo5 phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.,, Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo5 phi pháp và pháp... như thế ấy, cần phải thực hành/ Với lời tuyên bố van tắt này của Thế Tôn, không phân tích ý nghĩa một cách rộn^ rãi5 ai là người có thể phân tích ý nghĩa này một cách rộng I•i?" Rồi bạch Thê Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ãnanda được Thế Tôn tán than, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ãnanda với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi5 có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ãnanda và hỏi ý nghĩa nay?9 Bạch Thế Tôn, ý nghĩa của chúng được Tôn giả Ảnanda khéo phân tích với những lý do như thế này, với những chữ như thê này, với những câu văn như thê này. Lành thay! Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Ãnanda! Này các Tỷ-kheo5 Đại tuệ là Ãnanda! Này các Tỷ-kheo, nếu các ông đến hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như đã được Ảnanda trả lời. Đây là ý nghĩa của lời ấy, hãy như vậy thọ trì.

IV. KINH AJITA (Ajitasutta)155 (A. V. 229) 116. Bấy giờ5 có du sĩ Ajita đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những

lời chào đón hỏi thăm

155 Tham chiếu: A-dỉ-na kỉnh (roi. 0026.118. 0734a27). Xem GS. V. 159.

thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Ajita nói với FTÌĨ Ắ /y Thê Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có người đồng Phạm hạnh là vị hiền trí, vị này có nghĩ đến năm trăm tâm xứ. Với những tâm xứ ấy, các người ngoại đạo khi bị cật nạn, biết rằng: "Chúng tôi đang bị cật nạn." Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo, các ông có thọ trì những căn bản địa của bậc hiền trí không? -Bạch Thế Tôn5 nay đến thời, bạch Thiện Thệ, nay đến thòi, xin Thế Tôn thuyết pháp. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. ĩ _ . _ . f f Cac Ty-kheo ây vâng đáp The Ton. The Tôn nói như sau: Ở đây5 này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vihien trí!” Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp5 bài xích, công kích lời đúng pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí!” Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời đúng pháp và lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng:64Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí!" Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời đúng pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hien trí!” Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cân phải hiêu biêt? phi mục đích và mục đích cân phải hiêu biêt. Sau khi biêt phi pháp và pháp, sau khi biêt phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích? Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh kiến là pháp. Do duyên tà kiến, các pháp ác, bất thiện nào khởi lên9 đây là phi mục đích; do duyên chánh kiến, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích. Tà tư duy, này các Tỷ-kheo? là phi pháp; chánh tư duy là pháp... Tà ngữ, này các Tỷ-kheo5 là phi pháp; chánh ngữ là pháp... Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo, là phi pháp;

chánh nghiệp là pháp... Tà mạng, này các Tỷ-kheo? là phi pháp; chánh mạng là pháp... Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo5 là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp...Tà niệm, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh niệm là pháp... Tà định, này các Tỷ- kheo, là phi pháp; chánh định là pháp... Tà trí, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh trí là pháp... Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Do duyên tà giải thoát, các pháp ác? bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh giải thoát, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cân phải hiêu biêt? phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi

biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thê nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến như vậy. V. KINH SANGÃRAVA (Sangữravasutta)156 (4 V. 232) 117. Bấy giờ, có Bà-la-môn Saỗgãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến? nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saỏgãrava bạch Thế Tôn: —Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? -Tà kiến, này Bà-la-môn, là bờ bên này, chánh kiến là bờ bên kia. Tà tư duy, này Bà-la-môn, là bờ bên này, chánh tư duy là bờ bên kia. Tà ngữ*...chánh ngữ... Tà nghiệp... chánh nghiệp... Tà mạng... chánh mạng... Tà tinh tân... chánh tinh tấn... Tà niệm... chánh niệm... Tà định... chánh định... Tà trí... chánh trí... Tà giải thoát, này Bà-la-môn? là bờ bên này, chánh giải thoát là bờ bên kia. Này Bà-la-môn5 đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia. ít người giữa nhân loại5 Đen được bờ bên kia5 Còn số người còn lại, Xuôi ngược chạy bờ này. Những ai hành trì pháp, Theo Chánh pháp khéo dạy, Sẽ đến bờ bên kia, Vượt ma giới khó thoát. Kẻ trí bỏ pháp đen, Tu tập theo pháp trắng, Bỏ nhà, sống không nhà, Sống viễn ly khổ lạc. Hãy cầu vui Niết-bàn9 Bỏ dục không chướng ngại,

156 Xem s. I. 183; V. 121UI. 168; III. 230. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.771. Xuất diệu kinh, Songyếuphẩm (04. 0212.30. 0747c06).

Kẻ trí tự rửa sạch,
Cấu uế từ nội tâm.
Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Không lậu hoặc sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.157158

VL KINH BỜ BÊN NÀY (Orimatĩrasuttà)^ (4 V. 233)

118. Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bờ bên này và bờ bên kia. Hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

r _ 7
Ạ J. z _

A FT1 A
FTi*f Ạ rr\

1 ,
_ •

Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo? thế nào là bờ bên này và thế nào là bờ bên kia?

Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là bờ bên này, chánh kiến là bờ bên kia... Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo5 là bờ bên này, chánh giải thoát là bờ bên kia.

Này các Tỷ-kheo, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia.

ít người giữa nhân loại,

Đên được bờ bên kia,

Không lậu hoặc sáng chói, Sống tịch tịnh ở đời. VII. KINH LẺ XUẤT LY THỨ NHẤT (Pathamapaccorohamsutta)159 (A. V. 233) 119. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Janussoni, nhân ngày trai giới (Uposatha), sau khi gội đầu và mặc đôi áo lụa mới, tay cầm nắm cỏ kusa ướt, đứng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Thế Tôn thấy Bà-la-môn Janussoni, nhân ngày trai giới, sau khi gội đầu và mặc đôi áo lụa mới? tay cầm nắm cỏ kusa ướt, đứng một bên không xa bao nhiêu, thấy vậy liền nói với Bà-la-môn Janussoni: Này Bà-la-môn5 nhân ngày trai giới, ông gội dầu, mặc đôi áo lụa mới, tay cầm nắm cỏ kusa ướt5 đứng một bên để làm gì? Có phải hôm nay là ngày của gia đình Bà-la-môn? Thưa Tôn giả Gotama, hôm nay là ngày xuất ly của gia đình Bà-la-môn. Này Bà-la-môn? như thê nào là ngày xuất ly của gia đình Bà-la-môn?

157 Bài kệ này được tìm thấy trong Dh. V. 85-89; KS. V. 22. 158 Bản tiếng Anh của PTS: Hither and Further Shore, nghĩa là Bờ bên này và bờ bên kia. Tham chiếu: GS.N. 161; Xuất diệu kỉnh, Tâm ý phẩm Ểrĩủ (7.04. 0212.32. 0758C12). 159 Tên kinh này và kinh kế tiệp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Ariyan Descent, nghĩa là Sự xuất ly của bậc Thanh. Tham chiếu: GS. V. 161; Tạp.(T.02. 0099.1040. 0272al0).

Ở đây? thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn nhân ngày trai giới gội đầu5 mặc đôi áo lụa mới5 thoa sàn nhà với phân bò ướt, trải với cỏ kusa xanh, và nằm và nhà lửa. Đêm ấy, họ dậy ba làn, chắp tay đảnh lễ ngọn xuống giữa đống cát160161 lửa và nói: "Chúng tôi đi xuống đến Tôn giả" Roi họ đốt lửa với nhiều thục tô5 và sanh tô? và sau khi đêm ấy đã qua, họ cúng dường các Bà-la-môn với các món ăn thù diệu, loại cứng và loại mềm. Như vậy? thưa Tôn giả Gotama, là lễ đi xuống của các Bà-la-môn. Sai khác, này Bà-la-môn5 là lễ đi xuống của các Bà-la-môn. Sai khác là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh? Lành thay, nêu Tôn giả Gotama thuyêt pháp cho chúng tôi thê nào là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh! Này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. Thưa vâng, Tôn giả. Bà-la-môn Janussoni vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Ở đây, này Bà-la-môn, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Tà kiến đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến... Tà tư duy đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà ngữ đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà nghiệp đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà mạng đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà tinh tấn đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà niệm... Tà định... Tà trí... Tà giải thoát đưa đến ác quả dị

thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà giải thoát, ra khỏi tà giải thoát. Như vậy5 này Bà-la-môn, là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Sai khác? thưa Tôn giả Gotama, là lễ đi xuống của các Bà-la-môn. Sai khác là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thưa Tôn giả Gotama, sự xuất ly của các Bà-la-môn không bằng giá trị của một phần mười sáu so với sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. VIII. KINH LỄ XUẤT LY THỨ HAI (Dutìyapaccorohanĩsuttay61 (A. V. 236) 120. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về sự xuất ly của bậc Thánh. Hãy nghe... và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly của bậc Thánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Tà kiến đưa đến

160 Velã. AA. V. 73 viết vãỉikãrãsỉssa^ nghĩa là đống cát. 161 Xem GS. V. 163.

ác quả dị thục trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy5 vị ấy từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến. ...“Tà tư duy... "Tà ngữ... "Tà nghiệp... 'Tà mạng... “Tà tinh tấn... "Tà niệm... "Tà định... "Tà trí... "Tà giải thoát đưa đến ác quả dị thục trong đời này và trong đời sau." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà giải thoát, ra khỏi tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự xuất ly của bậc Thánh. IX. KINH ĐIỀM BÁO TRƯỚC (Pubbangamasuttay62 (A. V. 236) 121. Khi mặt trời mọc9 này các Tỷ-kheo, cái này là đi trước, cái này là tướng báo trước, tức là rạng đông. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? đối với các thiện pháp5 cái này là đi trước, cái này là tướng báo trước, tức là chánh tri kiến. Từ Chánh tri kiến, này các Tỷ-kheo, có chánh tư duy. Từ chánh tư duy, có chánh ngữ. Từ chánh ngữ, có chánh nghiệp. Từ chánh nghiệp, có chánh mạng. Từ chánh mạng, có chánh tinh tấn. Từ chánh tinh tấn, có chánh niệm. Từ chánh niệm, có chánh định. Từ chánh dinh, có chánh trí. Từ chánh trí, có chánh giải thoát. X. KINH ĐOẠN DIỆT LẬU HOẶC (Âsavakkhayasutíay63 (A. V. 237) 122. Có mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến các lậu hoặc được đoạn diệt. Thế nào là mười? Chánh kiến, chánh tư duy? chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định5 chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này5 này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến các lậu hoặc được đoạn diệt.*

162 Xem GS. V. 164. 163 Xem GS. V. 164. Bản tiếng Anh của PTS: Cankers, nghĩa là Các lậu hoặc.

Xin. PHẨM THANH TỊNH (PARISUDDHAVAGGA)

L KINH THỨ NHẤT (Paḷhamasutta)164 (4 V. 237) 123. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 thanh tịnh, trong sáng, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm5 chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh? trong sáng, chỉ có trong Luật của bậc Thiên Thệ. II. KINH THỨ HAI (Dutiyasutta)165 (Ả. V. 237) 124. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi, chỉ khởi

lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. IIL KINH THỨ BA (Tatìyasutta)i66167 (4 V. 238) 125. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 có quả lớn, có lợi ích, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm5 chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ. IV. KINH THỨ TƯ (Catutthasuttă)^ (4 V. 238) 126. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo? cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh

164 Xem GS. V. 165. Bản tiếng Anh của PTS: States of Perfect Purity, nghĩa là Các trạng thải thanh tịnh hoàn toàn. 165 Xem GS. V. 165. Bản tiếng Anh của PTS: States Not Yet Arisen, nghĩa là Các trạng thái chưa sanh khởi. 166 Bản tiếng Anh của PTS: States of Great Fruit, nghĩa là Các trạng thải có quả lởn. 167 Bản tiếng Anh của PTS: Ending ỉn Restraint, nghĩa là Cứu cảnh trong nhiếp phục.

nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. '

V. KINH THỨ NĂM (Pancamasutta)^ ụ. V. 238) 127. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham5 đoạn diet, an tịnh5 thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

VI. KINH THỨ SÁU (Chatthasutta)168 169 (4 V. 238) 128. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn5 chưa khởi len, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập? được làm cho sung mãn, chưa khởi lên, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. VII. KINH THỨ BẢY (Satíamasutta) (4 V. 239) 129. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng5 chánh tinh tấn, chánh niệm5 chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này? này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. VIII. KINH THỨ TÁM (AỊỊhamasutta) (A. V. 239) 130. Mười pháp này,

này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

168 Bản tiếng Anh của PTS: Conducive, nghĩa là Đưa đến. 169 Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (129-131) trong bản tiếng Anh của PTS: Made to Grow, nghĩa là Được làm cho tăng trưởng.

Mười pháp này5 này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. IX. KINH THỨ CHÍN (Navamasutta) (A. V. 239) 131. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Mười pháp này? này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết- bàn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. X. KINH THỨ MƯỜI (Dasamasutta)™ (4 V. 240) 132. Có mười tà tánh này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là mười? Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo, có mười tà tánh này. XI. KINH THỨ MƯỜI MỘT (Ekãdasamasutta)^ (A. V. 240) 133. Có mười chánh tánh này5 này các Tỷ-kheo. Thế nào là mười? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Có mười chánh tánh này? này các Tỷ-kheo.*

170 Bản tiếng Anh của PTS: Wrong, nghĩa là Tà. 171 Bản tiếng Anh của PTS: Right, nghĩa là Chảnh.

XIV PHẨM TÓT LÀNH (SÃDHUVAGGA)

I. KINH TỐT LÀNH (Sãdhusuttd)m (4 V. 240) 134. - Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết cho các ông về tốt lành và không tốt lành. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. ĩ _ rri 7 11 Ạ Ạ 4 _ rr^l Ạ fTĩ /K rrĩi A rrĩ A _ _ f • 1 Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: - Này các Tỷ-kheo9 thế nào là không tốt lành? Tà kiến... tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo, như vậy là không tốt lành. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là tốt lành? Chánh kiên... chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, như vậy là tôt lành. II. KINH PHÁP BẬC THÁNH (Aríyadhammasutta)113 (^. V. 241) 135. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng về Thánh pháp và phi Thánh pháp. Hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. — 9 1 1 Ạ 4 r I li A rr\ /\ r I li A rr~i A _ _ __ f _
Cac Ty-kheo ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: Và này các Tỷ-kheo5 thế nào

là phi Thánh pháp? Tà kiến... tà giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là phi Thánh pháp. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Thánh pháp? Chánh kiến... chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo5 gọi là Thánh pháp. III. KINH BẤT THIỆN (Akusalasuttd)^ (4 V. 241) 136. (Như kinh 135, chỉ thay thế "bất thiện và thiện,,). IV. KINH LỢI ÍCH (Atthasuttay15 (Ả. V. 241) 137. (Như kinh 135, chỉ thay thế "lợi ích và tai h@i").172 175 174 173

172 Bản tiếng Anh của PTS: Right and Wrong, nghĩa là Chảnh và tà. 173 Bản tiếng Anh của PTS: Arỉyan and Unarỉyan, nghĩa là Thảnh và phàm. 174 Bản tiếng Anh của PTS: Good and Bad, nghĩa là Thiện và bất thiện. 175 Bản tiếng Anh của PTS: Aim and Not Aim, nghĩa là Mục đỉch và phỉ mục đích.

V. KINH PHÁP (Dhammasuttay16 (4 V. 242) 138. (Như kinh 135? chỉ thay thế "pháp và phi pháp").

VI. KINH LẬU HOẶC (Sãsavasutta)Ỵ11 (4 V. 242) 139. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hữu lậu và vô lau^). VII. KINH CÓ TỘI (SãvaJJasutta)ils (4 V. 242) 140. (Như kinh 135, chỉ thay thế "c6 tội và vô tộr,). VIII. KINH LÀM CHO TÂM HỐI HẬN (Tapantyasutta)m (A. V. 243) 141. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hối hận và không hối han”). IX. KINH NHÂN TÍCH TẬP (Âcayagãmisutta)^ (A. V. 243) 142. (Như kinh 135, chỉ thay thế "tích tập và không tích tap"). X. KINH ĐƯA ĐẾN KHỔ (Dukkhudrayasuttà)m (4 V. 243) 143. (Như kinh 135, chỉ thay thế "dua đến khổ và lạc,5). XL KINH KHỔ DỊ THỤC (Dukkhavipakasutta)^2 (Ả. V. 244) 144. (Như kinh 135, chỉ thay thế "khổ dị thục và lạc dị thục,,).

176 Bản tiếng Anh của PTS: Dhamma and Not Dhamma, nghĩa là Pháp và phi pháp. 177 Bản tiếng Anh của PTS: With Cankers and Without^ nghĩa là Hữu lậu và vồ lậu. 178 Bản tiếng Anh của PTS: Blameworthy and Blameless, nghĩa là Có tội và vô tội. 179 Bản tiếng Anh của PTS: Remorse and Not Remorse, nghĩa là Hối hận và không hối hận. 180 Bản tiếng Anh của PTS: Given to heaping and Diminishing, nghĩa là Đi đến tích tập và không tích tập. 181 Bản tiếng Anh của PTS: Yielding Pain and Pleasure, nghĩa là Đưa đến khổ và lạc. 182 Bản tiếng Anh của PTS: Pain and Pleasure, nghĩa là Khổ dị thục và lạc dị thục.

XV PHẢM THÁNH ĐẠO (ARIYWAGGA)

I. KINH THÁNH ĐẠO (Ariyamaggasuttà)^ (4 V. 244) 145. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Thánh đạo và phi Thánh dạo"). IL KINH HẮC ĐẠO (Kanhamaggasutta)^ (A. V. 244) 146. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hắc đạo và bạch dạo"). III. KINH DIỆU PHÁP (Saddhammasuttd)^5 (4 V. 245) 147. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Diệu pháp và phi Diệu pháp"). IV KINH PHÁP BẬC CHÂN NHÂN (Sappurísadhammasutta)^ (AV.245) • 1

148. (Như kinh 135, chỉ thay thế "chân nhân pháp và phi chân nhân ph9p"). V KINH CÀN KHỞI LÊN (Uppãdetabbasutta) (Ắ. V. 245) 149. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần khởi lên và không cần khởi 18n”). VI. KINH CẦN THỰC HÀNH (Ẫsevitabbasutta) (4 V.

246) 150. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải thực hành và không cần phải thực hanh^

VII. KINH CẢN TU TẬP (Bhãvetabbasutta) (A. V. 246) 151. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải tu tập và không cần phải tu tap"). VIII. KINH CÀN LÀM SUNG MÃN (Bahuỉĩkãtabbasutta) (Ẩ. V. 246) 152. (Như kinh 135, chỉ thay thê "cân phải làm sung mãn và không cân phải làm sung mãn"). IX. KINH CÀN PHẢI NHỚ (Anussaritabbasutta) (4 V. 247) 153. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải nhớ và không cần phải nh<y‘)

183 Bản tiếng Anh của PTS: Arỉyan and ưnarìyan, nghĩa là Thảnh và phàm. 184 Bản tiếng Anh của PTS: Bright Way and Dark Way, nghĩa là Bạch đạo và hắc đạo. 185 Bản tiếng Anh của PTS: True Dhamma and False Dhamma, nghĩa là Diệu pháp và phỉ Diệu pháp 186 Bản tiếng Anh của PTS: Very Man Dhamma and Its Opposite, nghĩa là Chân nhân pháp và phỉ Chân nhân pháp.

1284 KINH TẢNG CHI Bộ

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (Sacchikãtabbasutta) (A. V. 247) 154. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ^,).

XVI. PHẨM NGƯỜI (PUGGALAK4GGA)

I. KINH NÊN THÂN CẬN (Sevitabbasutta)^1 (4 V. 247) 155. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Người có tà kiến, tà tư duy... tà giải thoát. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 là người không nên thân cận. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận. Thế nào là mười? Người có Chánh kiến... chánh giải thoát. Người thành tựu mười pháp này? này các Tỷ-kheo5 là người nên thân cận. II-XII. NHÓM KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH NÊN GIAO THIỆP (Bhạịitabbãdisuttãnỉ)187188 (A, V. 248) 156-166. Thành tựu với mười pháp này? này các Tỷ-kheo, không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hâu hạ... nên hâu hạ... không nên đảnh lê... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính... nên tỏ sự cung kính... không thành công... thành công... không thanh tịnh... có thanh tịnh... không chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... có tăng trưởng với trí tuệ... tạo nhiêu phi công đức... tạo nhiêu công đức. Thê nào là mười? Chánh kiến... chánh giải thoát. Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người tạo nhiều công đức.

187 Bản tiếng Anh của PTS: Not to Be Followed, nghĩa là Không nên thân cận. 188 Bản tiếng Anh của PTS: Various Persons, nghĩa là Nhiều người khác nhau.

1284 KINH TẢNG CHI Bộ

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (Sacchikãtabbasutta) (A. V. 247) 154. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ^,).

XVI. PHẨM NGƯỜI (PUGGALAK4GGA)

I. KINH NÊN THÂN CẬN (Sevitabbasutta)^1 (4 V. 247) 155. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Người có tà kiến, tà tư duy... tà giải thoát. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 là người không nên thân cận. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận. Thế nào là mười? Người có Chánh kiến... chánh giải thoát. Người thành tựu mười pháp này? này các Tỷ-kheo5 là người nên thân cận. II-XII. NHÓM KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH NÊN GIAO THIỆP (Bhaịitabbãdisuttãnỉ)187188 (A, V. 248) 156-166. Thành tựu với mười pháp này? này các Tỷ-kheo, không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hâu hạ... nên hâu hạ... không nên đảnh lê... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính... nên tỏ sự cung kính... không thành công... thành công... không thanh tịnh... có thanh tịnh... không chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... có tăng trưởng với trí tuệ... tạo nhiêu phi công đức... tạo nhiêu công đức. Thê nào là mười? Chánh kiến... chánh giải thoát. Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người tạo nhiều công đức.

187 Bản tiếng Anh của PTS: Not to Be Followed, nghĩa là Không nên thân cận. 188 Bản tiếng Anh của PTS: Various Persons, nghĩa là Nhiều người khác nhau.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1285

xvn. PHẢM JANUSSONI (JANUSSONIVAGGA)

I. KINH LẺ XUẤT LY CỦA BÀ-LA-MÔN (Brãhmanapaccorohanĩsuttà)ÌS9 (A. V. 249) 167. (Xem kinh 119, từ câu "Lúc bấy giờ9 Bà-la-môn Jãnussoni519°... cho đến "Thế Tôn nói như sau"). Ở đây, này Bà-la-môn, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: uSát sanh đưa đến ác dị thục trong đời này và trong đời sau." Sau khi suy xét như vậy5 vị ấy từ bỏ sát sanh, ra khỏi sát sanh. ... "Lấy của không cho đưa đến ác dị thục... từ bỏ lấy của không cho5 ra khỏi lấy của không cho. ... "Tà hạnh trong các dục, đưa đến ác dị thục trong đời này và trong đời sau... từ bỏ tà hạnh trong các dục, ra khỏi tà hạnh trong các dục. ... "Nói láo đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói láo, ra khỏi nói láo. ... “N6i hai lưỡi đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói hai lưỡi, ra khỏi nói hai lưỡi. ... “N6i ác khẩu đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói ác khẩu5 ra khỏi nói ác khẩu. ... í6Nói lời phù phiếm đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói lời phù phiếm, ra khỏi nói lời phù phiếm. ... “Tham dục đưa đến ác dị thục... từ bỏ tham dục, ra khỏi tham dục. ... "Sân đưa đến ác dị thục... từ bỏ sân, ra khỏi sân. ...uTà kiên đưa đên ác dị thục trong đời này và trong đời sau.” Vị ây sau khi suy xét như vậy? từ bỏ tà kiên, ra khỏi tà kiên. Như vậy5 này Bà-la-môn9 là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thưa Tôn giả, sai khác là sự xuất ly của các Bà-la-môn5 sai khác là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thưa Tôn giả Gotama, sự xuất ly của các Bà-la-môn không đáng giá một phần mười sáu so với sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

189 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: The Arỉyan Descent, nghĩa là Sự xuất ly của bậc Thanh. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1049.

0272al0). Xem A. V.231; GS. V. 161 (kinh 119Ở trước).

1286 KINH TĂNG CHI BỘ

II. KINH LỄ XUẤT LY CỦA BẬC THÁNH (Ariyapaccorohanĩsutta) (^4. V. 251) 168. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ giảng về sự xuất ly của bậc Thánh... Thế Tôn nói như sau: —Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly của bậc Thánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Sát sanh đưa đến ác dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy? vị ấy từ bỏ sát sanh, ra khỏi sát sanh. .."Tà kiến đưa đến ác dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến. Này các Tỷ-kheo9 đây là sự xuất ly của bậc Thánh.

III. KINH SANGÃRAVA (Sangãravasutta)m (4 V. 252) 169. Rồi Bà-la-môn Saõgãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saõgãrava bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là bờ bên này, thế nào là bờ bên kia? Này Bà-la-môn? sát sanh là bờ bên này, từ bỏ sát sanh là bờ bên kia. Lấy của không cho, này Bà-la-môn, là bờ bên này5 từ bỏ lấy của không cho là bờ bên kia. Tà hạnh trong các dục là bờ bên này5 từ bỏ tà hạnh trong các dục là bờ bên kia. Nói láo là bờ bên này, từ bỏ nói láo là bờ bên kia. Nói hai lưỡi là bờ bên này, từ bỏ nói hai lưỡi là bờ bên kia. Nói lời độc ác là bờ bên này, từ bỏ nói lời độc ác là bờ bên kia. Nói lời phù phiếm là bờ bên này, từ bỏ nói lời phù phiếm là bờ bên kia. Tham là bờ bên này, không tham là bờ bên kia. Sân là bờ bên này, không sân là bờ bên kia. Tà kiến là bờ bên này? chánh kiến là bờ bên kia. Này Bà-la-môn, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia. ít người giữa nhân loại, Đến được bờ bên kia, Còn sô người còn lại, Xuôi ngược chạy bờ này. Những ai hành trì pháp, Theo Chánh pháp khéo dạy, Sẽ đến bờ bên kia, Vượt ma giới khó thoát. Vị từ bỏ pháp đen, r

Tu tập theo pháp trăng, Bỏ nhà5 sống không nhà?

191 Xem A. V. 230; GS. V. 160 (kinh 117 ở trước). Tham chiếu: Xuất diệu kỉnh, Tâm ỷphẩm^ (b.04. 0212.32. 0758C12); Pháp tập yếu tụng kinh, Hộ tâm phẩm (0 0213.31. 0795ỒO6).

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1287

Sống viễn ly khổ lạc. Hãy cầu vui Niết-bàn9 Bỏ dục không chướng ngại, Kẻ trí tự rửa sạch, Cấu uế từ nội tâm. Những ai với chánh tâm, Khéo tu tập giác chi, Từ bỏ mọi ái nhiễm, r Hoan hỷ không chấp thủ5 Không lậu hoặc, sáng ch6i, Sống tịch tịnh ở đời.192193 194 IV. KINH BỜ BÊN NÀY (Ọrìmasuttd)m (A. V. 253) 170. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về bờ bên này và bờ bên kia, hãy nghe... và này các Tỷ-kheo9 thế nào là bờ bên này, và thế nào là bờ bên kia? Sát sanh, này các Tỷ-kheo, là bờ bên này... (Như kinh 169, kể cả bài kệ). V KINH PHI PHÁP THỨ NHẤT (PaḶhamaadhammasutta)^ (4 V. 254) 171. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết; pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biêt phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thê nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là phi pháp và phi mục đích? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác? nói lời phù phiếm, tham, sân? tà

kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không sân, chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây là pháp và mục đích. Này các Tỷ-kheo5 phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết, pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biêt phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục dích, pháp như thê nào, mục đích như thê nào, như thê ây, cân phải thực hành. Được nói như vậy, do duyên này được nói đến như vậy. VI. KINH PHI PHÁP THỨ HAI (Dutìyaadhammasutta) (A. V. 255) 172. (Như kinh 115, có hai sự sai khác: "Một là trong kinh trước nói đến

192 Xem kinh 117 ở trước và Dh. V. 85-9. 193 Bản tiếng Anh của PTS: Hither and Further Shore, nghĩa iảBỜ bên này vàbờ bên kia. Tham chiếu: Tạp.(Ò2. 0099.1051. 0274c06); Pháp củ kỉnh. Mmh triết phẩm (T.04. 0210.14. 0563c24). 194 Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (172, 173) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Dhamma and Not Dhamma, nghĩa là Pháp và phỉ pháp.

Tôn giả Ãnanda, trong kinh này nói đến Tôn ẹiả Mahãkaccãna. Hai là trong kinh trước nói đên phi pháp là chỉ cho tà kiên đên tà giải thoát, nói đên pháp là chỉ cho chánh kiến đến chánh giải thoát. Trong kinh này, nói đến phi pháp là chỉ cho sát sanh cho đến tham, sân và tà kiến; nói đến pháp là chỉ cho từ bỏ sát sanh cho đến không tham, không sân5 chánh kiến"). VII. KINH PHI PHÁP THỨ BA (Tatìyaadhammasutta) (A. V. 260) 173. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cân phải hiêu biêt5 phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục dích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là phi pháp, thế nào là pháp5 thế nào là phi mục đích, thê nào là mục đích? Sát sanh, này các Tỷ-kheo, là phi pháp, từ bỏ sát sanh là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên sát sanh khởi lên, đây là phi mục đích; những pháp thiện do duyên từ bỏ sát sanh đi đên viên mãn trong tu tập9 đây là mục đích. Lây của không cho... Tà hạnh trong các dục... Nói láo... Nói hai lưỡi... Nói lời độc ác... Nói phù phiếm... Tham... Sân... Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phi pháp, từ bỏ tà kiến là pháp. Những pháp ác, bất thiện, do duyên tà kiến khởi lên? đây là phi mục đích; những pháp thiện, do duyên chánh kiến đi đến viên mẫn trong tu tập5 đây là mục đích. Này các Tỷ-kheo5 phi pháp và pháp cân phải hiêu biêt5 phi mục đích và mục đích cần phải hiêu biêt. Sau khi biêt phi pháp và pháp, sau khi biêt phi mục đích và mục dích, pháp như thế nào5 mục đích như thê nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói như vậy9 do duyên này được nói đến như vậy. VIII. KINH NGUỒN GỐC CỦA NGHIỆP (Kammanidãnasutta)195 (Â. V. 261) 174. Này các Tỷ-kheo, Ta nói sát sanh có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo9 Ta nói lấy của không cho có ba: Do nhân tham, do nhân sân? do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói tà hạnh trong các dục có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói láo có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo9 Ta nói nói hai lưỡi có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói lời độc ác có ba: Do nhân tham, do nhân

sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói lời phù phiếm có ba: Do nhân tham, do nhân sân9 do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói tham dục có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo5 Ta nói sân có ba: Do nhân tham, do nhân sân9 do nhân si. Này các Tỷ-kheo9 Ta nói tà kiến có ba: Do nhân tham, do nhân sân? do nhân si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, tham là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi5 sân là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi, si là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi;

195 Bản tiếng Anh của PTS: Due to Lust, Malice and Delusion, nghĩa là Do tham, sân và si. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1049. 0274Ồ23).

do tham đoạn diệt là nhân duyên cho nghiệp đoạn diệt, do sân đoạn diệt là nhân duyên cho nghiệp đoạn diệt, do si đoạn diệt là nhân duyên cho nghiệp đoạn diệt. IX. KINH THOÁT LY (Parikkamanasuttă)^ (4 V. 262) 175. Pháp này, này các Tỷ-kheo, có con đường thoát ly, 197 pháp này không phải không có con đường thoát ly. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp này có con đường thoát ly, pháp này không phải không có con đường thoát ly? Từ bỏ sát sanh, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly sát sanh. Từ bỏ lấy của không cho, này các Tỷ-kheo5 là con đường thoát ly từ bỏ lấy của không cho. Từ bỏ tà hạnh trong các dục5 này các Tỷ-kheo5 là con đường thoát ly tà hạnh trong các dục. Từ bỏ nói láo, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói láo. Từ bỏ nói hai lưỡi, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói hai lưỡi. Từ bỏ nói lời độc ác, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói lời độc ác. Từ bỏ nói lời phù phiếm, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói lời phù phiếm. Không tham dục? này các Tỷ-kheo5 là con đường thoát ly tham dục. Không sân, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly sân. Chánh kiên, này các Tỷ-kheo? là con đường thoát ly tà kiến. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, pháp này có con đường thoát ly, pháp này không phải không có con đường thoát ly. X. KINH CUNDA (Cundasuíta)^ (A. V. 263) 176. Một thời, Thế Tôn trú ở Pãvã, trong vườn xoài của Cunda, con người thợ rèn. Rồi Cunda, con người thợ rèn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Cunda, con người thợ rèn, đang ngồi một bên: - Này Cunda, trong những tịnh hạnh196 199 của ai, ông cảm thấy thích thú? 198 197 Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này có tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con ưa thích những lễ tịnh hạnh của những người ấy. -Này Cunda, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ5 những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, như thế nào những người này có tổ chức những lễ tịnh hạnh?

196 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1050. 0274c01). 197 Saparỉkkamanam vã aparỉkkamanam được giải thích là saupacăram vã anupacqram^ khi một ngôi nhà được dựng lên cho vị Tỷ-kheo, xung quanh nhà phải có đủ chỗ một cái xe có thể chạy xung quanh. 198 Bản tiếng Anh của PTS: Cunda, the Silversmith, nghĩa là Cunda, người thợ rèn. Tham chiếu: Tạp. (7.02. 0^9.1039. 0271b01). 199 Soceyyãnỉ. Lễ tịnh hạnh. Xem s. IV. 312.

-Ở đây, bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ9 những người thờ lửa, những người đi xuông nước tăm, những người này khích lệ đệ tử như sau: "Hy đến, này bạn. Hãy dậy thật sớm và từ nơi giường chạm (amasatĩ) xuống đất. Neu bạn không chạm xuống đất thì chạm phân bò ướt; nếu bạn không chạm phân bò ướt thời bạn chạm cỏ xanh; nếu bạn không chạm cỏ xanh thời bạn hãy cúng dường lửa; nếu bạn không cúng dường lửa thời bạn hãy chắp tay đảnh lễ mặt trời; neu bạn không chắp tay đảnh lễ mặt trời thời bạn hãy xuống nước lần thứ ba vào buổi chiều.,, Như vậy, bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo VÒI1Ẹ hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuông nước tăm, những vị ấy tô chức những lễ tịnh hạnh. Con thích thú lễ tịnh hạnh của những vị ấy. Sai khác, này Cunda, là những lễ tịnh hạnh do những Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước; những nậười có đeo vòng hoa huệ? những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, tổ chức những lễ tịnh hạnh. Sai khác là lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh. -Như thế nào, bạch Thế Tôn, là lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh? Lành thay, bạch Thê Tôn, nêu Thê Tôn thuyêt pháp cho con vê lê tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh! Vậy này Cunda, hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cunda, con người thợ rèn, vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Này Cunda, thân không tịnh hạnh có ba, lời không tịnh hạnh có bốn, ý không tịnh hạnh có ba. Và này Cunda5 thê nào là thân không tịnh hạnh có ba? Ở đây, này Cunda5 có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại5 đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người ấy lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi9 không cho người ây, người ây lây trộm tài vật ây. Người ây sông tà hạnh trong các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở9 có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở,200 đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới]. Như vậy? này Cunda, bất tịnh hạnh về thân có ba. Và này Cunda, thế nào là bất tịnh hạnh về lời có bốn? Ở đây, này Cunda, có người nói láo đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc5 hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông bi§t." Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói::T6i biết"; hay dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "T6i không biết" hay dầu cho người ấy không

200 Dhammarakkhỉtã. M. I. 286 bỏ sót thuật ngữ này.

thấy, người ấy nói: "T6i thấy" hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo? hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyên lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói đê sanh chia rẽ ở những người này; nghe điêu gì ở cho kia, đen cho này nói đê sanh chia rẽ ở những người kia.

Như vậy, vị ây ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ9 vui thích chia rẽ5 thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ. Và người ấy là người nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo,201 thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp? nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ; vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, không có hệ thống, không có lợi ích. Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về lời có bốn. Và này Cunda, thế nào là không tịnh hạnh về ý có ba? Ở dây, này Cunda, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: ÍCÔi5 mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!,^ Có người có sân tâm, khởi lên hại ý5 hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tôn tại!,, Lại có người có tà kiên, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có tế lễ; các hành vi thiện, ác không có kết quả dị thục; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ? không có cha, không có các loại hóa sanh; trong đời không có các Sa-môn? Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về ý có ba. Nàỵ Cunda, có mười bất thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, với ai thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường nếu người ấy chạm dất, nguòi ấy vẫn bất tịnh; dâu cho người ây không chạm xuống dất, người ấy vân bât tịnh. Nêu người ây chạm phân bò ướt, người ây vân bât tịnh; nêu người ấy không chạm phân bò ướt, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy chạm cỏ xanh, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy không chạm cỏ xanh, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy Cling dường lửa, người ây vẫn bât tịnh; nêu người ây không cúng dường lửa, người ây vẫn bất tịnh. Nêu người ấy chăp tay đảnh lễ mặt trời, người ây vẫn bât tịnh; nêu người ây không chap tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy vào buổi chiều xuông nước lần thứ ba, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy vào buổi chiều không xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn bất tịnh. Vì sao? Này Cunda, mười bất thiện nghiệp đạo này là bất tịnh, không tạo ra tịnh. Này Cunda, do nhân thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, địa

201 Andakã'. Sự gai góc, cục, hòn, những phần mọc thừa trên cây. MA. viết gandakã.

ngục được chờ sẵn, bàng sanh được chờ sẵn, ngạ quỷ được chờ sẵn hay là ác thú khác. Này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba, tịnh hạnh về lời có bốn5 tịnh hạnh về ý có ba. Này Cunda, thê nào là tịnh hạnh vê thân có ba? Ở dây, này Cunda, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý5 có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúĩijg sanh và loài hữu tình. Đoạn tận lây của không cho? từ bỏ lấy của không cho; bât cứ vật của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, nếu không cho người ấy, người ấy không lấy với ý niệm trộm cắp. Đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở5 có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che

chở, có pháp che chở. đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới]. Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba. Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về lời có bốn? Ở đây. này Cunda có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đên chô chúng hội5 hay đên giữa các thân tộc, hay đên giữa các tô hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia5 hãy nói những gì người biết.,, Nếu không biết, n^ười ấy nói: 6íTôi không biết”; hay nếu biêt, người ấy nói: “T6i biếc hay neu không thấy, người ấy nói: "T6i không thấy"; hay nếu thấy5 người ấy nói: "Tôi thấy"; như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì minh, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận nói hai lưỡi5 từ bỏ nói hai lưỡi5 nghe điều gì ở chỗ này5 không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, ïiói những lời đưa đên hòa hợp. Đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiêu người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Đoạn tận lời nói phù phiếm, từ bỏ nói lời phù phiếm, nói đúng thòi, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ; vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý5 có mạch lạc, hệ thống, lợi ích. Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về lời nói có bốn. Và này Cunda, thê nào là tịnh hạnh vê ý có ba? Ở đây, này Cunda, có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Oi! Mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình.,, Không có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm, nhimg nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống lo tự ngã, không thù hận, không sân hận, không nhiễm loạn, được an lạc.” Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo: "C6 bố thí, có cúng thí, có tế lễ; các hành vi thiện, ác có kết quả dị thục, có đời

này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về ý có ba. Này Cunda, có mười thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, ai thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, nếu có dậy sớm và từ ẹiường chạm đất, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chạm xuông đât, người ấy vẫn trong sạch. Nếu người ấy chạm phân bò ướt? người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chạm phân bò ướt, người ấy vẫn trong sạch. Nếu người ấy chạm cỏ xanh, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chạm cỏ xanh, người ấy vẫn trong sạch. Nêu nguôi ây thờ lửa, người ây vân trong sạch; nêu người ây không thờ lửa, người ây vẫn trong sạch. Nếu người ây chăp tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn trong sạch; nếu ïiguòi ấy không chắp tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn trong sạch. Nếu vào buôi chiều, người ấy xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn trong sạch; nếu vào buổi chiều, người ấy không xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn trong sạch. Vì sao? Này Cunda, mười thiện nghiệp đạo này là trong sạch, tác thành trong sạch. Này Cunda, do nhân thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, cảnh giới chư thiên được chờ sẵn, loài người được chờ sẵn, hay bất cứ thiện thú nào khác. Được nghe nói vậy, Cunda, con

người thợ rèn, thưa với Thế Tôn: -Thật vi diêu thay, bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. XI. KINH JANUSSONI (Jãnussonisutta)2Q2 (4 V. 269) 177. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu5 liền ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: -Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là Bà-la-môn, cho bố thí, làm các lễ cúng cho người chết. Mong rằng, bố thí này cho bà con huyết thống đã chết được lợi ích. Mong rằnẹ các bà con huyết thống đã chết thọ hưởng bố thí này. Thưa Tôn giả Gotama, bô thí có lợi ích gì cho các bà con huyêt thông đã chêt không? Các bà con huyêt thông đã chêt có được thọ hưởng bô thí ây hay không? Này Bà-la-môn, nếu có tương ưng xứ thời có lợi ích, không có lợi ích nếu không có tương ưng xứ. -Thưa Tôn giả Gotama, thê nào là tương img xứ? thê nào là không tương ưng xứ? Ở đây, này Bà-la-môn5 có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân, có tà kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào địa ngục. Món ăn của chúng sanh ở địa ngục ăn, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy;

202 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1041. 0272Ồ08).

tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn5 đây là không tương ưng xứ? trú ở dấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy. Ở dây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... có tà kiến. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh vào loại bàng sanh. Món ăn của chúng sanh ở bàng sanh ăn, tại dấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy. Ở dây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục? từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có tâm sân hận5 có chánh kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh cộng trú với loài n^ười. Món ăn của loài người như thê nào5 tại đây, vị ây nuôi sông với món ăn ây; tại đây, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn5 đây là không tương ưng xứ, trú ở dấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy. Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên. Món ăn của chư thiên như thê nào, tại dây, vị ây nuôi sông với món ăn ây; tại đây? vị ây tôn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-m6n, đây là không tương ưng xứ, trú ở dây, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy. Ở dây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... có tà kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi ngạ quỷ. Món ăn của chúng sanh cõi ngạ quỷ như thế nào, tại dấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Món ăn nào các bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc bà COĨ1, hoặc người cùng huyêt thông từ đây muôn hướng cúng cho vị ây, tại đây? vị ây sông với món ăn ấy; tại dấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn9 đây là tương ưng xứ, trú ở dấy, vị ấy được lợi ích của bố thí ấy. Thưa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống ấy đã chết, không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy? Này Bà-la-môn, các bà con huyêt thông khác đã chêt, được sanh

vào chô ấy, những người ấy được hưởng bố thí ấy. Thưa Tôn giả Gotama, nêu bà con huyêt thông đã chêt, không sanh vào chỗ ấy, và các bà con huyết thống khác cũng không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy? - Không có trường hợp ấy, không có cơ hội ấy, này Bà-la-môn, rằng chỗ ấy có thể trống không trong một thời gian dài5 không có người bà con huyết thống đã chết. Nhưng này Bà-la-môn, người bố thí không phải không có hưởng quả. Có phải Tôn giả Gotama nói một giả thuyết không thể xảy ra? Này Bà-la-môn, Ta nói một giả thuyết không thể xảy ra. Ở đây, này Bà-la- môn? có người sát sanh? lây của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. Vị

ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn5 đồ uống, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh cộng trú với các loài voi, tại đây5 vị ấy được đồ ăn5 đô uông, vòng hoa, các loại trang sức khác. Vì răng, ở đây, này Bà-la-môn, có sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục5 nói láo, nói hai lưỡi5 nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến, do vậy người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh cộng trú với các loài voi. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn5 đồ uống, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, do vậy, tại đấy vị ấy được các món ăn, các đô uông, vòng hoa, các đô trang sức khác. Ở đây5 này Bà-la-môn5 có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo5 nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiên. Người ây có bô thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn? đồ uống, vải mặc5 xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm9 trú xứ, đèn đuốc. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh cộng trú với các loài ngựa... sanh cộng trú với các loài bò... sanh cộng trú với các loài gia cầm. Vị ây, tại dây, được các món ăn, các đô uông, vòng hoa, các đô trang sức khác. Vì rằng, này Bà-la-môn, có sát sanh, có lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục? có nói láo5 có nói hai lưỡi, có nói lời độc ác? có nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm5 có tà kiến, do vậy5 sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh vào cộng trú với các loài gia câm. Vì răng, vị ây có bô thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với các đô ăn5 đô uông, vải mặc, xe cộ5 vòng hoa, hương liệu, phân sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc5 do vậy, tại đấy vị ấy được đồ ăn5 đồ uống? vòng hoa, các loại trang sức khác. Ở đây, này Bà-la-môn5 có hạng người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiêm5 từ bỏ tham ái, từ bỏ sân tâm, có chánh kiên. Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn5 đồ uống, vải mặc, xe cộ9 các vòng hoa, hương liệu5 phấn sáp9 giường nằm? trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với loài người, tại dấy, vị ấy được năm dục công đức sai khác, thuộc về loài người. Vì rằng, này Bà-la-môn, vị ấy từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục5 từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có sân tâm5 có chánh kiến, sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy được sanh cộng trú với loài người. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đô ăn, đô uông? vải mặc, xe cộ, các vòng hoa,

hương liệu, phân sáp5 giường nằm, các trú xứ, đèn đuốc, do vậy5 tại đấy vị ấy được năm dục công đức của loài người. Ở dây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn9 đồ uống, vải mặc? xe cộ5 các vòng hoa, hương liệu, phân sáp, giường năm, trú xứ, đèn đuôc. Người ây sau khi thân

hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên. Vị ấy, tại đấy được năm dục công đức của chư thiên. Vì rằng, ở dây, này Bà-la-môn, vị ấy có từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, cho nên sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư thiên. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đô ăn, đô uông5 vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu5 phân sáp, giường năm, trú xứ? đèn đuôc? do vậy, tại đây vị ây được năm dục công đức của chư thiên. Như vậy9 này Bà-la-môn9 người bô thí không phải không có kêt quả. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Cho đến như thế này, thưa Tôn giả Gotama, là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để tổ chức các tín thí. Vì răng, ở đây, người bô thí không phải không có kêt quả [như đã được nói]. Như vậy5 này Bà-la-môn, người bố thí này không phải không có kết quả. Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XVIIL PHẨM TÓT LÀNH (SÂDHUVAGGA)

I. KINH TỐT LÀNH (SãdhusuttdÝ^ (4 V. 273) 178. - Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về tốt lành và không tốt lành. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Ty-kheo ay vang đáp The Tôn. The Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, thế nào là không tốt lành? Sát sanh, lấy của không cho... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là không tốt lành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tốt lành? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là tốt lành. II. KINH PHÁP BẬC THÁNH (AriyadhammasuttdÝ^ (4 V. 274) 179. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết về Thánh hạnh và phi Thánh hạnh. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh hạnh? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi Thánh hạnh. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Thánh hạnh? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là Thánh hạnh.

III. KINH THIỆN (Kusalasutía) (Ả. V. 274) 180. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về thiện và bất thiện. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là bất thiện? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là bất thiện. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thiện. IV. KINH LỢI ÍCH (Atthasutta) (Ả, V. 275) 181. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về lợi ích và tai hại. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo5 thế nào là tai hại? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là tai hại. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lợi ích? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lợi ích.

203 Bản tiếng Anh của PTS: Right and Wrong, nghĩa là Chảnh và tà. 204 Bản tiếng Anh của PTS chỉ liệt kê tên kinh.

V. KINH PHÁP (Dhammasuttam) (A. V. 275) 182. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp và phi pháp. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo5 thế nào là phi pháp? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi pháp. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là pháp? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là pháp. VI. KINH LẬU HOẶC (Âsavasutta) (A. V. 275) 183. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về hữu lậu và vô lậu. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu lậu? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là hữu lậu. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô lậu? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là vô lậu. VII. KINH PHẠM TỘI (Vajjasutta) (A. V. 275) 184. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ thuyết về phạm tội và vô tội. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo9 thế nào là phạm tội? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phạm tội. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô tội? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là vô tội. VIII. KINH LÀM CHO TÂM HỐI HẬN (Tapanĩỳasutía) (A. V. 276) 185. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết về khiến hối hận và không khiến hối hận. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo5 thế nào là khiến hối hận? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là khiến hối hận. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là không khiến hối hận? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là không khiên hôi hận. IX. KINH NHÂN TÍCH TẬP [LUÂN HỒI] (Ẵcayagãmisutta) (4 V. 276) 186. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về nhân tích tập [luân hồi] và nhân không tích tập [luân hồi]. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là nhân tích tập? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là nhân tích tập. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là nhân không tích tập? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là nhân không tích tập. X. KINH ĐƯA ĐẾN KHỔ (Dukkhudrayasutta) (A. V. 277) 187. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về đưa đến khổ và đưa đến lạc. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là đưa đến khổ? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là đưa đến khổ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đưa đến lạc? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là đưa đến lạc.

XI. KINH QUẢ DỊ THỤC(yipãkasuttă) (4 V. 277) 188. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về quả dị thục khổ và quả dị thục lạc. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo? thế nào là quả dị thục khổ? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là quả dị thục kho. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là quả dị thục lạc? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là quả dị thục lạc.

XIX. PHẢM THÁNH ĐẠO (ARIIAMAGGAVAGGAf^

I. KINH THÁNH ĐẠO (Ariyamaggasuttd) (A. V. 278) 189. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về Thánh đạo và phi Thánh đạo. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh đạo? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi Thánh đạo. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Thánh đạo? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đạo. II. KINH HẮC ĐẠO (Kanhamaggasutta) (A. V. 278) 190. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về hắc đạo và bạch đạo. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo? thế nào là hắc đạo? Sát

sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là hăc đạo. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bạch đạo? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là bạch đạo. III. KINH DIỆU PHÁP (SaddhammasuttdÝ^ (4 V. 278) 191. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về Diệu pháp và phi Diệu pháp. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo5 thế nào là phi Diệu pháp? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi Diệu pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Diệu pháp? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là Diệu pháp. IV. KINH PHÁP BẬC CHÂN NHÂN (Sappurisadhammasuttaÿ^ (A. V. 279) 192. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp của chân nhân và pháp của phi chân nhân. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo9 thê nào là pháp của phi chân nhân? Sát sanh... tà kiên. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp của phi chân nhân. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp của chân nhân? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp của chân nhân. V KINH CẦN LÀM CHO SANH KHỞI (Uppãdetabbadhammasutta) (A. V. 279) 193. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần đạt và pháp không cần đạt.

205 Bản tiếng Anh của PTS chỉ liệt kê tiêu đề. 206 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1052. 0274c 19). 207 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1054. 0275a08).

Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháR không cần đạt? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cân đạt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phấp càn đạt? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là pháp cần đạt. VI. KINH PHÁP CÀN THỰC HÀNH (�four;sevitabbadhammasutta) (Ả. V. 279) 194. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về pháp cần thực hành và pháp không cần thực hành. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo5 thế nào là pháp không cần thực hành? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần thực hành? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần thực hành. VIL KINH PHÁP CÀN TU TẬP (Bhãvetabbadhammasutta) (4 V. 280) 195. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về pháp cần tu tập và pháp không cần tu tập. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần tu tập? Sát sanh... tà kiên. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cân tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần tu tập? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo? đây gọi là pháp cần tu tập. VIII. KINH CẦN LÀM CHO SUNG MÃN (Bahuỉĩkãtabbasutta) (A. V. 280) 196. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyêt vê pháp cân làm cho sung mãn và pháp không càn làm cho sung mãn. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cân làm cho sung mãn? Sát sanh... tà kiên. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần làm cho sung mãn? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là pháp cần làm cho sung mãn. IX. KINH CẦN ỨC NIỆM (Anussaritabbasutta) (À. V. 280) 197. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần ức niệm và pháp không cần ức niệm. Hãy nghe... Này các Tỷ-kheo, thê nào là pháp không cân ức niệm? Sát sanh... tà kiên. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cân ức niệm. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là pháp cần ức niệm? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cân ức niệm. X. KINH CÀN CHÚNG NGỘ (Sacchikãtabbasuttaý1^ (4 V. 281) 198. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần chứng ngộ và pháp không cân chứng ngộ. Hãy

nghe... Này các Tỷ-kheo5 thê nào là pháp không cân chứng ngộ? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần chứng ngộ. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là pháp cân chứng ngộ? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần chứng ngộ.

208 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1060. 0275c06); Tạp.(T.02. 0099.1061. 0275c22).

XX. PHẨM CÁC HẠNG NGƯỜI (APARAPUGGALAVAGGA)

KINH KHÔNG NÊN THÂN CẬN (Nasevitabbãdisutta)2Q9 (Ắ. V. 281) 199. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi [nói lời đâm thọc]5 nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham ái9 sân tâm9 tà kiến. Này các Tỷ-kheo? người hội đủ mười pháp này là người không nên thân cận. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người nên thân cận. Thế nào là mười? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi [từ bỏ nói lời đâm thọc], từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham ái, không sân tâm, chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này5 là người nên thân cận. 200-209. Này các Tỷ-kheo? người hội đủ mười pháp này là người không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hầu hạ... nên hầu hạ... không nên đảnh lễ... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính [không nên vâng thuận]... nên tỏ sự cung kính [nên vâng thuận]... không thành công... thành công... không thanh tịnh... thanh tịnh... không có chinh phục mạn... có chinh phục mạn...không tăng trưởng với trí tuệ... tăng trưởng với trí tuệ... 210. Này các Tỵ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người tạo nhiều phi công đức... tạo nhiêu công đức. Thê nào là mười? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi [từ bỏ nói lời đâm thọc]? từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham ái, không sân tâm, chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người tạo nhiêu công đức.

209 Phần này trong bản tiếng Anh của PTS không trình bày nội dung.

XXI. PHẨM THÂN DO NGHIỆP SANH (KARAJAKAY4K4GGA)

I. KINH ĐỊA NGỤC VÀ THIÊN GIỚI THỨ NHẤT (Pathamanirayasaggasutta) (A. V. 283) 211. Thành tựu mười pháp, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là mười? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đôi với tât cả loài hữu tình và sinh vật. [Người này] lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở? có anh em che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám

cưới]. Người ấy nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc? hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc9 khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết"; dầu không biết, người ấy nói: "T6i biết"; dầu biết, người ấy nói: "T6i không biết"; hay dầu không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho thấy, người ấy nói: "T6i không thấy"; như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì minh, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia, như vậy, người ây ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ? vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ. Và người ấy là người nói lời thô ác; bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ? không đưa đến thiền định? người ấy nói những lời như vậy. Và người ây nói những lời phù phiêm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý? không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

Người ây có tham ái9 tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ răng: "Oi, mong răng mọi tài vật của người khác trở thành của minh!" Người ây có sân tâm5 khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong răng những loài hữu tình này bị giêt, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tôn tai!" Người ấy có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; các hành vi thiện ác, không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau; không có mẹ5 không có cha, không có các loại hóa sanh; trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí5 lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Thành tựu mười pháp này, người ấy như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là mười? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiêm; biêt tàm quý5 có lòng từ, sông thương xót đên hạnh phúc tât cả chúng sanh, các loài hữu tình và sinh vật. Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Có người đoạn tận tà hạnh trong các dục5 từ bỏ tà hạnh trong các dqc, không hành tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở5 có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chỏr, có pháp che chở. đã CÓ chông, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đên những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Người ấy đoạn tận nói láo? từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này ông kia, hãy nói những gì ông biết"; nếu biết, người ấy nÓK "Tôi biết; nếu không biết, người ấy nói: 'Tôi không piết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy" nếu thấy? người ấy nói: "T6i thấy"; như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì minh, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân

vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi5 nghe điều gì ở chỗ này. không đi đến chô kia nói đê sanh chia rẽ ở những người này; nghe điêu gì ở chô kia, không đi đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sông hòa hợp những kẻ lỵ gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đên hòa hợp. Đoạn tận lời nói thô ác, từ bỏ lời nói thô ác; những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiêu người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

Người ây đoạn tận lời nói phù phiêm5 từ bỏ nói lời phù phiêm; nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói đúng Pháp, nói đúng Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý5 có mạch lạc, hệ thông, có lợi ích. Ở đây, có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Oi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!,, Lại có người không có sân tâm5 không khởi lên hại ý9 hại niệm, nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân." Người ấy có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "C6 bố thí, có cúng thí, có tế tự5 các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau; có mẹ? có cha, có các loại hóa sanh; trong đời có các Sa-m6n, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. II. KINH ĐỊA NGỤC VÀ THIÊN GIỚI THỨ HAI (Putiyanirayasaggãsutíd)2^ (4 V. 285) 212. (Như kiZ 211).

III. KINH NỮ NHÂN (Mãtugãmasutta) (A. V. 286) 213. Này các Tỷ-kheo, thành tựu mười pháp này, nữ nhân như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là mười? Sát sanh... lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời thô ác... nói lời phù phiếm... tham ái... sân tâm... tà kiến... Thành tựu mười pháp này5 này các Tỷ-kheo5 nữ nhân như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là mười? Đoạn tận sát sanh... đoạn tận lấy của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo... đoạn tận nói hai lưỡi... đoạn tận nói lời thô ác... đoạn tận nói lời phù phiếm... đoạn tận tham ái... đoạn tận sân tâm... chánh kiến... Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. IV. KINH NỮ CƯ SĨ (Upãsikãsutta) (4 V. 287) 214. (Như kinh 212, chỉ thay thế "nữ cư si"). V. KINH KHÔNG sợ HÃI (Visãradasutta)2n (4 V. 288) 215. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. Thế nào là mười? Sát sanh... có tà kiến. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi.

210 Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.748. 0198b05). 211 Bản tiếng Anh của PTS: Diffident and Confident, nghĩa là Sợ hãỉ và vô ủy.

Thành tựu mười pháp này? này các Tỷ-kheo9 người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. Thế nào là mười? Đoạn tận sát sanh... có chánh tri kiến. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. VI. KINH PHÁP MÔN QUANH co (Samsappanĩyasuttà)2n (4 V. 288) 216. Này các Tỷ-kheo5 Ta sẽ thuyết về pháp môn quanh co và pháp môn Chánh pháp. Hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. ỉ _ _ r _ . r

Các Tỷ-kheo ay vang đáp The Ton. The Ton nói như sau: Thế nào là pháp môn quanh co,213 này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn Chánh pháp? Này các Tỷ-kheo5 chúng sanh là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nẹhiệp. Phàm họ làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ây. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, bạo ngược, bàn tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả loài hữu tinh, sinh vật. Vị ấy quanh co với thân, quanh co với lời5 quanh co với ý. Thân nghiệp của vị ấy quanh co, ngữ nghiệp của vị ấy quanh co, ý nghiệp của vị ấy quanh co, sanh thú quanh co, sanh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo? có sanh thành quanh co, Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các địa ngục nhất hướng đau khổ hay các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò? Loại rắn5 bò cạp, con rết, con chồn hôi, con mèo, con chuột, con cú? và bất cứ loài súc vật nào, khi thấy người, trườn bò mà đi. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là các sinh vật, sự sanh khởi của sinh vật. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người lấy của không cho... có tà hạnh trong các đục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời thô ác... nói lời phù phiếm... có tham ái... có sân tâm... có tà kiến, có kiến điên đảo rằng: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; không có kết quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh; ở đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, những vị này? sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ đời này, đời sau và tuyên bố. Người ấy quanh co với thân, quanh co với lời, quanh co với ý. Thân nghiệp quanh co, ngữ nghiệp quanh co, ý nghiệp quanh co, sanh thú quanh co, sinh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh

212 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1046. 0273c21). 213 Samsappa'. Loài bò sát trườn bò mặ đi, bò quanh co mà đi. Phụ chủ: Sự phân vân không quyết định của con nít. A. III. 354 và Chú giải viêtparỉpphandatÈ

thành quanh co, Ta nói răng... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói răng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình. Này các Tỷ-kheo, chúng sanh là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm làm nghiệp gì? thiện hay ác, họ thừa tự nghiệp ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ

kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và các loài hữu tình. Vị ấy không quanh co với thân, không quanh co với lời, không quanh co với ý? thân nghiệp của vị ấy chánh trực, ngữ nghiệp chánh trực, ý nghiệp chánh trực, sanh thú chánh trực5 sanh thành chánh trực. Với người có sanh thú chánh trực, này các Tỷ-kheo? có sanh thành chánh trực5 Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các thiên giới nhất hướng lạc5 hoặc các gia đình cao quý? các Sát-đế-lỵ đại gia, các Bà-la-môn đại gia, các gia chủ đại gia, giàu c6, tài sản lớn, vật thọ dụng lớn, vàng bạc nhiều, tài vật nhiều, tài sản lúa gạo nhiều. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sanh như thê nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo? Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình. Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi... đoạn tận nói lời thô ác, từ bỏ nói lời thô ác... đoạn tận nói lời phù phiếm, từ bỏ nói lời phù phiếm... không có tham dục... không có sân tâm... có chánh kiến, không có các kiến điên đảo: "C6 bố thí, có cúng thí, có tế tự; có kết quả dị thục các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau; có mẹ5 có cha, có các loài hóa sanh; ở đời có các Sa-môn9 Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, những vị này, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau.” Vị ấy không quanh co với thân, không quanh co với lời5 không quanh co với ý? thân nghiệp vị ấy chánh trực, ngữ nghiệp chánh trực, ý nghiệp chánh trực, sanh thú chánh trực, sanh thành chánh trực. Với người có sanh thú chánh trực, này các Tỷ-kheo? có sanh thành chánh trực, Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các thiên giới nhất hướng lạc, hoặc các gia đình cao quý, các Sát-đế-lỵ đại gia, các Bà-la-môn đại gia, các gia chủ đại gia, giàu c6, tài sản lớn, vật thọ dụng lớn, vàng bạc nhiều, tài vật nhiều, tài sản lúa gạo nhiều. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo? Ta nói rằng chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình. Này các Tỷ-kheo9 các chúng sanh là chủ nhân của nghiệp, là những kẻ thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ấy.

1308 KINH TĂNG CHI BỘ

VII. KINH Tư NIỆM THỨ NHẤT (Pathamasancetanikasutta)214 (A. V. 292) 217. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo5 các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời không có chấm dứt, dầu kết quả ấy sanh khởi ngay trong đời hiện tại hay trong đời sau. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời khổ không thể chấm dứt được. Ở đây, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự làm lỗi và phạm tội của thân nghiệp đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục. Bốn phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp, đã bât thiện tư niệm5 dân đên khô5 đưa đên khô dị thục. Ba phàn là sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba phần sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp, đã bât thiện tư niệm, dân đên khô, đưa đên khô dị thục? ơ đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh

hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả các loài hữu tình, các sinh vật. Lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. sống tà hạnh trong các dục, tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở5 có mẹ cha che chở, có anh em che chở5 có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở5 đã có chông, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đên những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới]. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự làm lỗi và phạm tội của thân nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục. Như thê nào, này các Tỷ-kheo, bôn phân là sự lâm lôi và phạm tội của ngữ nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục? Người ấy nói láo5 đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc? hay đên giữa các tô hợp, hay đên giữa các vương tộc, khi bị dân xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết"; dầu cho người ấy không biet5 người ấy nói: "T6i bier dầu cho người ấy biết, người ấy nói: 'T6i không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "T6i có thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; như vậy5 lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì minh, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi. Người ấy là người nói hai lưỡi5 nghe điêu gì ở chô này, đên chô kia nói, đê sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đên chô này nói5 đê sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ lỵ gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ? nói những lời đưa đên chia rẽ. Và người ây nói lời thô ác, bât cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiên người đau khô,

214 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Ruin and Prosperity, nghĩa là Tồn giảm và tăng trưởng. Tham chiêu: Tăng.(7.02. 0125.48.1. 0785c24); Tư kỉnh (T.Ol. 0026.15. 0437b24).

khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ5 không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ây nói những lời phù phiêm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đán^ gìn giữ; vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý5 không có mạch lạc, hệ thông, không có lợi ích. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 bốn phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục. Như thê nào, này các Tỷ-kheo, ba phân là sự lâm lôi và phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục?dây, này các Tỷ-kheo, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Oi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!,, Có sân tâm? khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại." Người ấy có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; các hành vi thiện ác không có kết quả dị thục, không có đời này? không có đời sau; không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì9 chơn chánh

thành tựu, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Như vậy9 này các Tỷ-kheo, ba phân là sự lâm lôi và phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ5 đưa đến khổ dị thục. Này các Tỷ-kheo5 do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp có ba phần5 các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là, này các Ty-kheo5 do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn ngọc ma-ni viên mãn,215 được quăng lên và rơi xuống chỗ nào, tại chỗ ấy nó khéo an lập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là5 này các Tỷ-kheo5 do nhân bất thiện tư niệm5 sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ? địa ngục. Hay là, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ. ác thú, đọa xứ, địa ngục.

215 Apannako mani. AA. V. 76: Apannako mariĩtỉ samantato caturasso pãsako (í4Hòn ngọc ma-ni viên mãn,, nghĩa là viên ngọc tròn trĩnh, đêu đặn).

Ta tuyên bố rằng? này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay trong đời sau. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm5 được tích tap, nêu không cảm thọ [kêt quả] thời khổ không có chấm dứt. ơ đây, này các Tỷ-kheo5 ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc đưa đến lạc dị thục; bốn phần là sự thành đạt của ngữ nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục; ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm5 dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục. Và như thê nào, này các Tỷ-kheo, ba phân là sự thành đạt của thân nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc? đưa đến lạc dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và các loài hữu tình. Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Đoạn tận sống tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở5 có anh em che chở5 có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở5 đã có chông, được hình phạt gậy gộc bảo vệ5 cho đên những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới]. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là bôn phân là sự thành đạt của ngữ nghiệp, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận nói láo5 từ bỏ nói láo5 đến

chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội5 hay đến giữa các thân tộc5 hay đên giữa các tô hợp, hay đên giữa các vương tộc, khi bị dân xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gi người biêt.„ Nêu biêt, người ấy nói: uTôi biết"; hay nếu không biết, người ay nói: :T6i không biếty hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy" hay nếu thấy, người ấy nói: "T6i thấy" như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì minh, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận lời nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Đoạn tận lời nói thô ác, từ bỏ lời nói thô ác; những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người? người ấy nói những lời như vậy. Đoạn tận lời nói phù phiếm, từ bỏ lời nói phù phiếm, nói đúng thòi, nói nhữnệ lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời vê Pháp, nói những lời vê Luật, nói những lời đáng được gìn giữ; vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý? có mạch lạc, hệ thống, có lợi ích.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1311

r \

Như vậy5 này các Tỷ-kheo, bôn phân là sự thành đạt của ngữ nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo? có nệười khôn^ tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không có nghĩ rằng: "Oi, mong răng món tài vật của người khác trở thành của mình!„ Lại có người không có sân tâm, khônệ khởi lên hại ý? hại niệm, nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sông không thù hận, không oán thù? không nhiêu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!59 Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo5 nghĩ rằng: "C6 bố thí, có cúng dường, có tế tự; các hành vi thiện ác, có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành tri, chơn chánh thành tựu, sau khi tự mình chứng ngộ với thăng trí, rôi tuyên bô cho đời này và cho đời sau." Như vậy? này các Tỷ-kheo, ba phân là sự thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục. Này các Tỷ-kheo, do nhân ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc? đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới5 cõi đời này. Này các Tỷ-kheo5 do nhân bốn phàn là sự thành đạt của ngữ nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc5 đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, do nhân ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp, đã thiện tư niệm? dẫn đên lạc, đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ví như, này các Tỷ-kheo, hòn ngọc ma-ni viên mãn được quăng lên và rơi xuống chỗ nào, tại chỗ ấy nó khéo an lập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do nhân thiện tư niệm, sự thành đạt của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại

mệnh chung sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Hay là do nhân thiện tư niệm, sự thành đạt của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào thiện thú5 thiên giới, cõi đời này. Hay là do nhân thiện tư niệm, sự thành đạt của ý nghiệp có ba phàn? các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập5 nêu chưa lãnh thọ [kêt quả] thời không châm dứt, dâu cho quả ây thuộc đời hiện tại, hay trong đời sau. Và này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu chưa lãnh thọ [kết quả] thời khổ không được chấm dứt. VIII. KINH TƯ NIỆM THỨ HAI (Dutiyasancetanikasutta)216 (4 V. 297) 218. (Như kinh 217).

216 Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.48.1. 0785c24); Tư kỉnh (roi. 0026.15. 0437b24).

IX. KINH THÂN DO NGHIỆP SANH (Karajakayasutta)211 (A. V. 299) 219. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm5 được làm, được Hch tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay thuộc trong đời sau. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời khổ không chấm dứt. Vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ- kheo5 như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ, an trú biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai, cũnẹ vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy phía trên, phía dưới, bê ngang, hết thảy phương xứ, cùng khăp vô biên giới, vị ây an trú biên mãn với tâm câu hữu với từ, quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy biết rõ như 218 không tu tập. Nhưng nay, tâm này của sau: "Trước kia, tâm này của ta là nhỏ,217 ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được làm có giới hạn? nay nó sẽ không sống trong giới hạn ấy nữa, nó sẽ không đứng trong giới hạn ấy nữa.,, Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? nếu đứa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập Từ tâm giải thoát, nó có thể làm nghiệp ác không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn5 từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được? Này các Tỷ-kheo9 từ tâm giải thoát này cân phải tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi mang đi. Này các Tỷ-kheo5 con người phải chết này ở giữa những tư Vị ấy rõ biết như sau: "Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái tưởng.219220 221 thân do nghiệp làm ra này? tất cả cần phải cảm thọ ở dây, nó không thể theo ta và được hiện hữu về sau.,22° Như vậy, này các Tỷ-kheo5 từ tâm giải thoát được tu tập đưa đến không có trở lui,221 đối với Tỷ-kheo có trí tuệ5 có được trong đời này, nhung vị ấy chưa thể nhập sự giải thoát hơn thế nữa. Với tâm câu hữu với bi... Với tâm câu hữu với hỷ... Với tâm câu hữu với xả9 vị ây biên mãn một phương và an trú; như vậy phương thứ hai, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư; như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ? cùng khắp vô biên giới, vị ây an trú biên mãn với tâm câu hữu với xả? quảng dại, vô biên? không hận5 không sân. Vị ấy biết rõ như sau:

217 Bản tiếng Ạnh của PTS: The Brahma-moods, nghĩa là Phạm thiên trủ. Brahmavỉhãvã'. Phạm thiên trú. Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.48.1. 0785c24); Tư kỉnh (T.OL 0026.15. 0437ỒỒ24). 218 Parỉtta. XemD. I. 251. 219 /4 V. 76: Cỉttantarotỉ cittakãrano, atha vã citteneva antarỉko (t4Giữạ những tư tưởng,, nghĩa là có thể trong sát-na tâm này con người ở đời này, hoặc trong sát-na tâm kế tiếp, tái sanh ở CÕI trời hoặc nơi đau khổ nào đó). 220 Na tam anugam bhavỉssatĩti. AA. V 78 viết anubhavỉssati (= na anugatam bhavissatí), chỉ cho một vị đang tu tập theo đạo lộ Tứ Thánh đế. 221AA. V. 78: Anãgãmitãyãti jhãnãnãgãmỉtãya. Đây là tầng thiền của bậc Bất Lai ụhãnãnãgãmỉtãyà).

"Trước kia, tâm này của ta là nhỏ5 không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được làm có giới hạn, nay nó sẽ không sống trong giới hạn ấy nữa, nó không đứng trong ẸÌỚi hạn ấy nữa." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đứa trẻ này, từ tuoi trẻ trở lên tu tập Xả tâm giải thoát, nó có thể làm nghiệp ác không? -Thưa không, bạch Thế Tôn. Do không làm điều ác5 nó có cảm giác khổ hay không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khô được? Này các T-kheo, xả tâm giải thoát này cần phải được tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi đem đi. Này các Tỷ-kheo, con người phải chết này ở giữa những tư tưởng. Vị ây rõ biết như sau: "Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây, nó không thể theo ta và được hiện hữu về sau." Như vậy5 này các Tỷ-kheo9 xả tâm này được tu tập, đưa đến không có trở lui, đôi với Tỷ-kheo có trí tuệ5 có được trong đời này, nhưng vị ấy chưa thể nhập sự giải thoát hơn thế nữa. X. KINH PHI PHÁP HÀNH (Adhammacariyãsutta)222 (4 V. 301) 220. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gi, ở đây có hạng chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Do nhân phi pháp hành và bất bình đẳng hành, này Bà-la-môn, như vậy ở đây? một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục. Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gi, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú? thiên giới, cõi đời này? Do nhân pháp hành và bình đẳng hành, này Bà-la-môn? như vậy ở đây? một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú5 thiên giới, cõi đời này. Lời tuyên bố vắn tắt này của Sa-môn Gotama, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama như vậy thuyết pháp cho con, để con có thể như vậy hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Sa-môn Gotama! Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. Thưa vâng, Tôn giả.

222 Bản tiếng Anh của PTS: After Death, nghĩa là Sau khỉ chết.

T* 5 [n Ấ A rpl Ấ rp/\ rpl Ấ rp/\ r • 1 Vi Ba-la-mon ay vang dap The Ton. The Ton nói như sau: - Này Bà-la-môn, phi pháp hành5 bất bình đẳng hành về thân có ba; phi pháp hành, bất bình đẳng hành về lời có bốn; phi pháp hành, bất bình đẳng hành về ý có ba. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp hành, bất bình đẳng hành về thân có ba?... (Xem kinh 217). Như vậy, này Bà-la-môn, phi pháp hanh, bất bình dẳng hành về thân có ba. Như the nào9 này Bà-la-môn? phi pháp hành, bất bình đẳng hành về lời có bốn?... (Xem kinh 217). Như vậy, này Bà-la-môn5 phi pháp hành, bất bình đẳng hành về lời có bốn. Và như thế nào, này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về ý có ba?... (Xem kinh 217). Như vậy9 này Bà-la-môn, phi pháp hành, bât bình đăng hành vê ý có ba. Như vậy, do nhân phi pháp hành, bất bình đẳng hành, này Bà-la-môn9 ở đây có các loại chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ5 địa ngục. Này Bà-la-môn5 pháp hành, bình đăng hành vê thân có ba; pháp hành, bình đẳng hành về lời có bốn; pháp hành, bình đẳng hành về ý có ba. Như thế nào, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về thân có ba?... (Như kinh 217). Như vậy, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về thân có ba. Và này Bà-la-môn9 như thế nào pháp hành, bình đẳng hành về lời có bốn?... (Như kinh 217). Như vậy5 này Bà-la-môn5 pháp hành? bình đẳng hành về lời có bốn. Và này Bà-la-môn, như thế nào pháp hành, bình đẳng hành về ý có ba?... (Như kinh 217). Như vậy, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về ý có ba. Như vậy9 này Bà-la-môn, do nhân pháp hành, bình đẳng hành, như vậy9 một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1315

XXIL PHẨM TƯƠNG Tự (SAMANNAVAGGA^23

L MƯỜI PHÁP223 224 (4 V. 303) 221. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là mười? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các due, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham ái, sân tâm, tà kiến. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là mười? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi5 từ bỏ nói lời thô ác, tù* bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không sân tâm, chánh kiến. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. II. HAI MƯƠI PHÁP225 (4 V. 304) 222. Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai mươi? Tự mình sát sanh và khuyến khích người khác sát sanh; tự mình lấy của không cho và khuyến khích người khác lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo và khuyến khích người khác nói láo; tự mình nói hai lưỡi và khuyến khích người khác nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác và khuyến khích người khác nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác nói lời phù phiếm; tự mình tham và

khuyến khích người khác tham; tự mình có sân tâm và khuyến khích người khác có sân tâm; tự mình có tà kiến và khuyến khích người khác có tà kiến. Thành tựu hai mươi pháp này5 này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

223 Bản tiếng Anh của PTS: Characteristics, nghĩa là Các đặc tỉnh. Trong bản tiếng Anh củạ PTS, 16 kinh (từ 221-236) được trình bày theo 7 nhóm vơi tiêu đề riêng: Ten Qualities (Mười phẩm chất), Twenty Qualities (Hai mươiphâm chât), Thirty Qualities (Ba mươiphâm chât), Forty Qualities (Bôn mươiphâm chất), Uprooted (Đoạn tận), After death (b) (Sau khi chef), Fool and Wise {Người ngu và bậc trĩ). 224 Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.47.1. 0780c21); Tạp.(T.02. 0099.1056. 0275a27). 225 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1057. 0275b05).

1316 KINH TĂNG CHI Bộ

Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai mươi? Tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lây của không cho và khuyên khích người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và khuyến khích người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời thô ác; tự minh từ bỏ nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm; tự mình không tham và khuyến khích người khác không tham; tự mình không có sân tâm và khuyến khích người khác không có sân tâm; tự mình có chánh kiến và khuyến khích người khác có chánh kiến. Thành tựu hai mươi pháp này5 này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. IIL BA MƯƠI PHÁP226 (Ả. V. 305) 223. Thành tựu ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo5 như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba mươi? Tự mình sát sanh, khuyến khích người khác sát sanh và tùy thuận sát sanh; tự mình lấy của không cho, khuyến khích người khác lấy của không cho và tùy thuận lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục và tùy thuận tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo5 khuyến khích người khác nói láo và tùy thuận nói láo; tự mình nói hai lưỡi, khuyến khích người khác nói hai lưỡi và tùy thuận nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác, khuyến khích người khác nói lời thô ác và tùy thuận nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm, khuyến khích người khác nói lời phù phiếm và tùy thuận nói lời phù phiếm; tự mình có tham, khuyến khích người khác có tham và tùy thuận có tham; tự mình có sân tâm, khuyến khích người khác có sân tâm và tùy thuận có sân tâm; tự mình có tà kiến, khuyến khích người khác có tà kiến và tùy thuận tà kiến. Thành tựu với ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu với ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là ba mươi? Tự mình từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh và không tùy thuận sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho. khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho và không tùy thuận lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục và không tùy thuận tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ n6i láo,

khuyến khích người khác từ bỏ nói láo và không tùy thuận nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi và không tùy thuận nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác5 khuyến khích

226 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1058. 0275Ồ17).

người khác từ bỏ nói lời thô ác và không tùy thuận nói lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm và không tùy thuận nói lời phù phiếm; tự mình từ bỏ tham, khuyến khích người khác từ bỏ tham và không tùy thuận tham; tự mình từ bỏ sân tâm, khuyến khích người khác từ bỏ sân tâm và không tùy thuận sân tâm; tự mình có chánh kiến, khuyến khích người khác có chánh kiến và tùy thuận chánh kiến. Thành tựu với ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. IV. BỐN MƯƠI PHÁP227 (4 V. 306) 224. Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thê nào là bôn mươi? Tự mình sát sanh, khuyên khích người khác sát sanh, tùy thuận sát sanh và tán thán sát sanh; tự mình lấy của không cho, khuyến khích người khác lấy của không cho, tùy thuận lấy của không cho và tán thán lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục? khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục5 tùy thuận tà hạnh trong các dục và tán thán tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo, khuyến khích người khác nói láo? tùy thuận nói láo và tán thán nói láo; tự mình nói hai lưỡi, khuyến khích người khác nói hai lưỡi5 tùy thuận nói hai lưỡi và tán thán nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác, khuyến khích người khác nói lời thô ác? tùy thuận nói lời thô ác và tán thán nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm, khuyến khích người khác nói lời phù phiếm, tùy thuận nói lời phù phiếm và tán thán nói lời phù phiếm; tự mình có tham, khuyến khích ngựời khác có tham, tùy thuận có tham và tán thán có tham; tự mình có sân tâm, khuyến khích nẹười khác có sân tâm, tùy thuận sân tâm và tán thán có sân tâm; tự mình có tà kiên5 khuyên khích người khác có tà kiến, tùy thuận có tà kiến và tán thán có tà kiến. Thành tựu bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là bốn mươi? Tự mình từ bỏ sát sanh, không khuyến khích người khác sát sanh, không tùy thuận sát sanh và không tán thán sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khuyến khích người khác lấy của không cho, không tày thuận lấy của không cho và không tán thán lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục? không khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục5 không tùy thuận tà hạnh trong các dục và không tán thán tà hạnh trong các dục; tự mình không nói láo, không khuyến khích người khác nói láo, không tùy thuận nói láo và không tán thán nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, không khuyến khích người khác nói hai lưỡi, không tùy thuận nói hai lưỡi và không tán thán nói hai lưỡi; tự mình không nói lời thô ác, không khuyến khích người khác nói lời thô ác, không tùy thuận nói lời thô ác và không tán thán nói

227 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1059. 0275c01).

lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm, không khuyến khích người khác nói lời phù phiếm, không tùy thuận nói lời phù phiếm và không tán thán nói lời phù phiêm; tự mình từ bỏ tham, không khuyến khích người khác tham, không tùy thuận tham và không tán thán tham; tự mình từ bỏ sân tâm, không khuyến khích người khác sân tâm, không tùy thuận sân tâm và không tán thán sân tâm; tự mình có chánh kiến, khuyến khích người khác có chánh kiến, tùy thuận có chánh kiến và tán thán có chánh kiến. Thành tựu bốn mươi pháp này? này các Tỷ-kheo? như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. V. TỔN HẠI (Ả. V. 307) 225-228. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại... đem theo mình một tự ngã không bị tổn hại, không bị hủy hoại... Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo... Thành tựu ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo... Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo? đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại... không đem theo mình một tự ngã bị tổn hại5 bị hủy hoại. VI. SAU KHI CHÉT THỨ NHẤT (4 V. 309) 229-232. Thành tựu với mười pháp, này các Tỷ-kheo5 ở dây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Với hai mươi pháp5 này các Tỷ-kheo... với ba mươi pháp, này các Tỷ- kheo... với bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo5 ở đây5 có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú9 đọa xứ, địa ngục... ở đây9 có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. VII. SAU KHI CHẾT THỨ HAI (A. V. 309) 233-236. Thành tựu với mười pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu cần phải được biết... người hiền trí cần phải được biết... với hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo... với ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo... với bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo? người ngu cần phải được biết... người hiền trí cần phải được biết. Thành tựu với bốn mươi pháp này? này các Tỷ-kheo? người hiền trí cần phải được biết.

xxni. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (RẴGAPEYYÂLAÿ^ (A. V. 309)

237. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo9 mười pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười? Bất tịnh tưởng, tưởng chêt? tưởng nhàm chán trong các món ăn? tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ, tưởng đoạn tận? tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Để thắng tri tham ải, này các Tỷ-kheo, mười pháp này cần phải tu tập. 238. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười? Tưởng vô thường, tưởng vô ngã? tưởng nhàm chán trong các món ăn? tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng bộ xương, tưởng trùng ăn, tưởng xanh ứ, tưởng nước mủ chảy ra, tưởng nứt nẻ, tưởng trương phồng lên. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo? mười pháp này cần phải tu tập. 239. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm? chánh định? chánh trí, chánh giải thoát. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo? mười pháp này cần phải tu tập. 240-266. Này các Tỷ-kheo5 để biến tri... để biến diệt... để đoạn tận... để trừ diệt... để hủy diệt... để ly tham... để đoạn diệt...

để an tịnh... để bỏ đi... để từ bỏ tham... mười pháp này cần phải tu tập. 267-746. Để biến tri... để biến diệt... để đoạn tận... để trừ diệt... để hủy diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để an tịnh... để bỏ đi... để từ bỏ sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha228229... não hại... tật đố... xan tham... mê hoặc.. gian trá... cứng đầu... bồng bột (hung hăng)... mạn... quá mạn... đắm say... phóng dật... mười pháp này cân phải tu tập.

228 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 237-746 được trình bày tiếp theo Phẩm XXII. Characteristics, nghĩa là Các đặc tỉnh. 229 Theo Sanskrit, makkho có hai nghĩa là giả dối và tức giận. Chú giải giải thích là gièm pha giới hạnh của người khác.

CHƯƠNG XI MƯỜI MỘT PHÁP ¡EKÃDASAKANIPÃTA)

L PHẢMYCHỈ (NISSAVAVAGGA)

I. KINH CÓ LỢI ÍCH GÌ (Kimatthiyasutta)1 (4 V. 311) 1. Như vầy tôi nghe. Một thời. Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana. khu vườn ông Anãthapindika. À: rrn - 7 T 1 Ấ J. 4-Ấ rrii rp j 1] • J* Ấ J. 9 Ấ___ 1 rp-1 Á rpĂ • * __ Roi Ton gia Ananda di den The Ton; sau khi đen, đảnh le Thê Tôn rôi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ảnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

-Có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. -Nhưng bạch Thế Tôn, không hối tiếc có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? Này Ãnanda, không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

—Bạch Thế Tôn, nhimg hân hoan có ý nghĩa gi, có lợi ích gì? —Này Ãnanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

-Này Ãnanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gi, có lợi ích gì?

-Này Ãnanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. Nhimg bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gi, có lợi ích gì?

-Này Ãnanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gi, có lợi ích gì?

-Này Ãnanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gi, có lợi ích gì?

-Này Ãnanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán. Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

Này Ảnanda, nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham. Nhưng bạch Thế Tôn, ly tham có ý nghĩa gi, có lợi ích gì?

1 Tham chiếu: Hà nghĩa kinh (T.01. 0026.42. 0485al3).

—Này Ãnanda, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ãnanda, các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan5 có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán. Nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham. Ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ãnanda, các thiện giới thứ lớp dẫn đến tối thượng. II. KINH NGHĨ VỚI DỤNG Ý (Cetanãkaraụĩyasutta)23(A. V. 312) 2. (Như kinh 2, chương Mười pháp, chỉ khác “nhàm chán ly tham" chia thành 2 y, nên thành 11 pháp). IIL KINH SỞ Y THỨ NHẤT (Pathamaupanisãsuttăý (4 V. 313) 3. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp4 chỉ khác "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý). IV. KINH SỞ Y THỨ HAI (Dutiyaupanisăsutta)5 (4 V. 315) 4. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp67chỉ khác ở đây là "T6n giả Sãriputta thuyết" và "nhàm chán ly tham^, được chia thành 2 ý). V. KINH SỞ Y THỨ BA (Tatìyaupanisãsutta)1 (4 V. 316) 5. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp, chỉ khác ở đây là “T6n giả Ãnanda thuyết" và “nhàm chán ly tham^, được chia thành 2 ý9 nên thành 11 pháp).

VI. KINH TAI HỌA (Byasanasutta) (A. V. 317) 6. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắng nhiếc, chỉ trích, quở trách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội rằng người ấy không gặp một trong mười một tai họa. Thế nào là mười một? Không chứng điều chưa chứng; đã chứng được thời mất đi; Diệu pháp không

2 Tham chiếu: Bất tư kỉnh (T.01. 0026.43. 0485ỒỒ19). 3 Bản tiêng Anh cua PTS: Lacking Basic (a) (by the Teacher), nghĩa là Không đủ điêu kiện căn bản (a) (ao bạc Đạo sư thuyet). Kinh nay va kinh ke tiep, tham emeu: Tam quỷ kỉnh (roi. 0026.45- 46. 0486aÒ5-a21); Giơi kỉnh (7.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); Cung kỉnh kỉnh (7.01. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); (T.02. 0099.495. 0129a09). 4Xem4 V.4. 5 Bản tiếng Anh của PTS: Lacking Basic (b) (by Sărỉputtă), nghĩa Không đủ điều kiện căn bản (b) (do Tôn giả Sărỉputta thuyết). 6 Xem ^.V. 5. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Lacking Basic (c) (by Ẫnandà), nghĩa là Không đủ điều kiện căn bản (c) (do Tôn giả Ananda thuyết).

được tỏ rõ; hay là tự kiêu trong Diệu pháp; hay là không hoan hỷ sống Phạm hạnh; hay phạm một tội ô uế; hay từ bỏ Phạm hạnh và hoàn tục; hay là thọ bệnh nặng; hay là đạt đến điên cuồng loạn tâm; hay là bất tỉnh khi mệnh chung; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo? nêu có Tỷ-kheo nào măng nhiêc? chỉ trích, quở ưách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội rằng người ấy không gặp một trong mười một tai họa này. VII. TƯỞNG KINH (Sannãsutta) (A. V. 318) 7. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Ton, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền

định như vậy5 vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến5 được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đên5 trong ây, vị ây không có tưởng đên; tuy vậy5 vị ây vân có tưởng? Này Ananda, có thể như vậy5 một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đên Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đên Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thê giới đời sau; và phàm điêu gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đên? trong ây, vị ây không có tưởng đên; tuy vậy, vị ây vân có tưởng. Nhưng bạch Thế Tôn, như thế nào một vị Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy có thể không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? Ở đây5 này Ãnanda, vị Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ananda, vị Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy9 vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đên nước... trong thê giới đời sau không tưởng đên thê giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

1324 KINH TĂNG CHI Bộ

Rồi Tôn giả Ãnanda, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh le The Tôn, thân bên hữu hướng vê Thê Tôn, rôi đi đên Tôn giả Sãriputta; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Sãriputta: —Thưa Tôn giả Sâriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều được thấy, được nghe, được cam giác5 được thức tri, được đạt đên5 được tâm câu đen, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy? vị ấy vẫn có tưởng? Này Ananda, có thể như vậy, một Tỵ-kheo khi chứng được thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đên? trong

ây, vị ây không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. Nhưng thưa Tôn giả Sãriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy... được ý suy nghĩ đên, trong ây, vị ây không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? Ở đây, này Hiền giả Ãnanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Dây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Hiền giả Ananda, Tỷ-kheo 1 _ 4.___ J W• 1 1 —_ / A 19 ___ _ Ạ _ 4-Ậ J khi chứng được thiên định như vậy. co thê trong đât không tưởng đên đât... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy5 vị ấy vẫn có tưởng. Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Sự giải

thích của Đạo sư và đệ tử tương hợp, tương hội, không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lời, tức là đối với câu tối thượng. Thưa Hiền gi vừa rồi tôi đã đi đến Thế Tôn và hỏi ỵ nghĩa này? Thế Tôn với những câu thế này, với những lời thế này, đã trả lời ve ý nghĩa này, giống như Tôn giả Sãriputta. Thật vi diệu thay, Hiền giả! Thật hy hữu thay, Hiền giả! Sự giải thích của Đạo sư và đệ tử tương hợp, tương hội, không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lòi, tức là đối với câu tối thượng. VIII. KINH TÁC Ý (Manasikãrasutta) (4 V. 321) 8. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Thế Tôn; sau khi dến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như

vậy, có thê không tác ý đên mat, có thê không tác ý đên săc, có thê không tác ý

đến tai, có thể không tác ý đến tiếng, có thể không tác ý đến mũi, có thể khônệ tác ý đến hương, có thể không tác ý đến lưỡi, có thể không tác ý đến vị5 có the khônạ tác ý đến thân, có thể khôn^ tác ý đến xúc, có thể không tác ý đến đất, có the không tác ý đến nước5 có thể không tác ý đến lửa, có thể kh6ng tác ý đến gió, có thể không tác ý đến ỈỌiông vô biên xứ, có thể không tác ý đến Thức vô biên xứ, có thể không tác ý đến Vô sở hữu xứ, có thể không tác ý đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có thể không tác ý đến đời này, có thể không tác ý đến đời sau, và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đên, được tâm câu đên5 được ý suy nghĩ đên9 vị ây có thê không có tác ý. Tuy vậy5 vị ấy vẫn có tác ý? Này Ãnanda, có thể như vậy: Một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định

như vậy, có thê không tác ý đên mat, có thê khônệ tác ý đên săc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ẩy vẫn có tác ý. Bạch Thế Tôn, nhưng thế nào5 một Tỷ-kheo khi chmig được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể khônệ tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đén, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ay vẫn có tác ý? Ở đây, này Ãnanda, Tỷ-kheo tác ý như sau: Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diet, Niết-bàn." Như vậy5 này Ãnanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy5 có thể kh6ng tác ý đến mắt, có thể khônẹ tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến5 vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy9 vị ẩy vẫn có tác ý.

IX. KINH SADDHA (Saddhasuttaỷ (4 V. 322) 9. Một thời, Thế Tôn trú ở Nãtika, tại ngôi nhà có lợp ngói. Rồi Tôn giả Saddha8 9 đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Saddha đang ngồi một bên: Này Saddha, hãy tu thiền với sự thiền định của con ngựa thuần thục, chớ có với thiền định của con ngựa chưa thuần thục. Và này Saddha, thế nào là thiền định của con ngựa chưa thuần thục? Con ngựa chưa thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, liền suy nghĩ: "C6 ăn5 cỏ an/9 Vì sao? Này Saddha, con Iiệựa chưa thuần thục, khi bị cột vào máng ăn5 không có nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo dáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, chỉ suy nghĩ: "C6 ăn5 cỏ ăn;,9 Cũng vậy, này Saddha, ở đay có hạng người chưa được thuần thục, khi đi đến khu rừng, hay khi đi đến gốc cây? hay khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham vào trong, rồi thiền tư, thiền lự? thiền liên tục, thiền quán, trú với tâm bị sân ám

8 Xem4 V. 336; GS. V.216 (kinh 15 ở sau); s. II. 153. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.926. 0235c27); Biệt Tạp.(7.02. 0100.151. 0430c 10). 9 Tồn giả Saddha còn được gọi tên là Sandha.

ảnh, bị sân chi phối... trú với tâm bị hôn trầm thụy miên ám ảnh, bị hôn trầm thụy miên chi phôi... trú với tâm bị trạo hôi ám ảnh, bị trạo hôi chi phôi... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh, bị nghi hoặc chi phôi, không như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong, rồi thiền tư, thiền lự5 thiền liên tục, thiền quán. Người ấy thiền tư y chỉ vào đất, thiền tư y chỉ vào nước, thiền tư y chỉ vào lửa, thiền tư y chỉ vào gi6, thiền tư y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư y chỉ vào đời này5 thiền tư y chỉ vào đời sau, và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt dến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào dấy, người ấy thiền tư. Như vậy5 này Saddha là người thiền tư không thuần thục. Và này Saddha, như thế nào là thiền tư như con ngựa thuần thục? Con ngựa hiền lương, này Saddha, con ngựa được thuần thục, khi bị cột vào máng ăn? không có suy nghĩ: "C6 ăn5 cỏ ăn?5 Vì sao? Này Saddha, con ngựa đã thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, suy nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo dáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, không có suy nghĩ: "C6 ăn9 cỏ n." Con ngựa hiền lương, này Saddha, được thuần thục? nhìn sự áp dụng cây gậy thúc ngựa như là món nợ, như là trói buộc5 như là một thiệt hại, như là một điềm xấu.10 Cũng vậy5 này Saddha, người hiền thiện, thuần thục, khi đi đến khu rừng, khi đi đến gốc cây? khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm không bị dục tham ám ảnh9 không bị dục tham chinh phục5 như thật quán tri sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Vị ấy an trú với tâm không bị sân ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị si ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị trạo hối ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị nghi hoặc ám

ảnh, không bị nghi hoặc chinh phục, như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Vị ấy thiền tư không y chỉ11 vào dất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gi6, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến5 được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ây; tuy vậy5 vị ây vân có thiên tư. Lại nữa, này Saddha, với vị ây thiên tư như vậy5 chư thiên với Thiên chiỉ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục: Chúng tôi đảnh lễ Ngài, Con người hiền9 thuần thục5

i0XemGS.II. 119. 11 Nã nissãya hay nỉẏantiyã abhãveneva, nghĩa là do không có sự chế ngự. Vị ấy chứng Niết-bàn với sự thành tựu các đe mục thiền định. Xem AA. V. 80.

Chúng tôi đảnh lễ Ngài, Con người bậc thượng thủ, Y chỉ gì Ngài thiền* Chúng tôi không được biết? Khi nghe nói như vậy5 Tôn giả Saddha bạch Thế Tôn: Thiền tư như thế nào, bạch Thế Tôn, là người hiền thiện thuần thục thiền tư? Vị ấy thiền tư không y chỉ vào đất, thiền tư không ẏ chỉ vào nước9 thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gi6, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu5 được đạt đến? được y suy tư, vị ấy thiền tư, không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn thiền tư. Thiến tư như thế nào? bạch Thế Tôn, là người hiền thiện thuần thục5 khiến chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục: Chúng tôi đảiứi lễ Ngài, Con người hiền, thuần thục, Chúng tôi đảnh lễ Ngài, Con người bậc thượng thủ, Y chỉ gì Ngài thiền, Chúng tôi không được biết? -Ở đây này Saddha, với người hiền thiện thuần thục, tưởng đất trong đất được sáng tỏ, tưởng nước trong nước được sáng tỏ5 tưởng gió trong gió được sáng tỏ5 tưởng lửa trong lửa được sáng tỏ, tưởng Không vô biên xứ trong Không vô biên xứ được sáng tỏ5 tưởng Thức vô biên xứ trong Thức vô biên xứ được sáng tỏ, tưởng Vô sở hữu xứ trong Vô sở hữu xứ được sáng tỏ, tưởng Phi tưởng phi phi tưởnẹ xứ trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ được sáng tỏ? tưởng thế giới này trong thê giới này được sáng tỏ, tưởng thê giới sau trong thê giới sau được sáng tỏ? và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu5 được đạt đến, được ý suy tư, tưởng ấy được sáng tỏ. Thiền tư như vậy, này Saddha, là người đã hiền thiện thuần thục, vị ấy thiền tư không y chỉ vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước5 thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gi6, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ? thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phàm cái ệì được thấy, được nghe, được cảm giác, được

thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy5 vị ấy vẫn thiền tư. Do thiền tư như vậy? này Saddha, là người hiền thiện thuần thục, khiến chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên dâu từ xa, đảnh lê người hiên thiện thuân thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài, Con người hiên, thuân thục, Chúng tôi đảnh lễ Ngài, Con người bậc thượng thiỉ, Y chỉ gì Ngài thiền, Chúng tôi không được biết? X. KINH RỪNG KHỔNG TƯỚC (Moranivãpasutta)n (4 V. 326) 10. Một thời, Thế Tôn trú ở Rậjagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng Khổng Tước ở khu vườn các du sĩ. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Thành tựu ba ph@p, này các Tỵ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Vô học giới uẩn, vô học định uẩn, vô học tuệ uẩn. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích5 bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượnệ giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Biến hóa thần thông, Ký thuyết than thông, Giáo hóa thần thông. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh5 cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tôi thượng giữa chư thiên và loài người. Thê nào là ba? Với chánh tri kiến, với chánh trí, với chánh giải thoát. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là hai? Với minh và với hạnh.

12 Tham khảo: A. I. 291; III. 143; Tạp.(7.02. 0099.925. 0235c06); Biệt Tạp.(7.02. 0100.149. 0429C11).

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh9 cứu cánh an ôn khỏi các khô ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo? đây là những bài kệ do Phạm thiên Sanankumãra nói lên: Sát-ly5 chúng tối thắng, Với người tin chủng tánh, Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ5 Tối thắng giữa nhân, thiên. Này các Tỷ-kheo? những bài kệ này được khéo hát lên5 không phải vụng hát, được khéo nói lên, không phải vụng nói, liên

hệ đên mục đích, không phải không liên hệ đến mục đích và được Ta chấp nhận. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói lên như vậy: Sát-ly, chúng tối thắng, Với người tin chủng tánh, Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ, Tối thắng giữa nhân, thiên.

n. PHẨM TÙY NIỆM (ANUSSATIVAGGA)

I. KINH MAHÃNÃMA THỨ NHẤT (Paịhamamahãnãmasuttdỳ3 (Ắ. V. 328) 11. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ5 nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra di." Mahãnãma dòng họ Thích được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế T6n, nghĩ rằng: 'Y làm xong, sau ba tháng,Thế Tôn £sẽ bộ hành ra di.”' Rồi_ Mahãnãma dòng họ ỉ _ s\A. rrrj- _ ĩ_ ỉ___ Ạ _ nni Ạ Ạ_ ryi _ _____ 1 r 12 _ 1 A _ _ỵ _ r rT-11^ FT1 Á • A _ _ J Thích13 14 di den The Ton;sau khi đên? đảnh le The Ton va ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Mahãnãma dòng họ Thích bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, con nghe nói? có nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn; nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra di." Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào? -Lành thay! Lành thay! Này Mahãnãma, như vậy thật xứng dáng cho thiện nam tử các người, sau khi đên Như Lai, đã hỏi5 như vậy: "Bạch Thê Tôn5 giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào?" Hãy nhập cuộc, này Mahãnãma. với lòng tin, không phải với không lòng tin. Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh tấn, không với biếng nhác. Hãy nhập cuộc với trú niệm5 không với thất niệm. Hãy nhập cuộc với định, không với không định. Hãy nhập cuộc với trí tuệ, không với liệt tuệ. Sau khi an trú trong năm pháp này, này Mahãnãma, hãy tu tập thêm sáu pháp nữa. Ở dây, này Mahãnãma, ông hãy tùy niệm Như Lai: "Bây là Thế Tôn, bậc A-la-hanChanh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật5 Thế Ton?5 Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy? tâm không bị tham ám ảnh5 tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh5 trong khi ây? tâm được chánh trực nhờ duyên Như Lai. Vị Thánh đệ tử5 này Mahãnăma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ9 có được pháp tín thọ, có được hân

13 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.942. 0238bl0); Biệt Tạp.(T.02. 0100.157. 0433b 10). 14 Mahãnãma được xem là vị Cư sĩ Bố thí đệ nhất.

hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân5 nhập được pháp lưu, tu tập Phật tùy niệm. Lại nữa, này Mahãnãma, ông hãy tùy niệm Pháp: "Khéo thuyết là pháp Thế Tôn thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thay, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh

đệ tử tùy niệm Pháp5 trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh5 tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên pháp. Vị Thánh đệ tử, này Mahãnãma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ5 có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ9 thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ5 tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân5 nhập được pháp lưu, tu tập Pháp tùy niệm. Lại nữa, này Mahãnãma5 ông hãy tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế T6n, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời/9 Này Mahãnãma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh5 tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Tăng. Vị Thánh đệ tử, này Mahãnãma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ? có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ9 thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ5 tâm được định tĩnh. Này Mahãnãma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sông đạt được bình đăng với chúng sanh không bình dẳng, sống đạt được vồ sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Tăng tùy niệm. Lại nữa, này Mahãnãma, ông hãy tùy niệm giới của mình: "Không có bể vụn, không có cắt xén5 không có vết nhơ, không có chấm đen9 đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chập trước, đi đên thiên djnh.” Này Mahãnãma, khi nào bậc Thánh đệ tử tùy niệm giới... trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên giới... nhập được pháp lưu, tu tập giới tùy niệm. Lại nữa5 này Mahãnãma, ông hãy tùy niệm thí của mình:15 "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! [Vì rằng] với quần chúng bị cấu uế, xan tham chi phôi, ta sông trong gia đình với tâm không bị câu uê5 xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ5 sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí.,, Này Mahãnãma, khi nào bậc Thánh đệ

15 Lời khuyên tương tự cho Mahãnãma được đề cập trong s. V. 395.

tử tùy niệm thí... trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên thí... nhập được pháp hru6 tu tập tùy niệm thí. Lại nữa, này Mahãnãma, ông hãy tùy niệm thiên: “C6 Bốn Thiên Vương thiên, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, có chư thiên Dạ-ma, có chư thiên Đâu- suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư thiên ấy5 sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy5 chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; thí như vậy

cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta." Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy; trong khi ấy, tâm vị ấy không bị tham ám ảnh? tâm vị ấy không bị sân ám ảnh5 không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư thiên... nhập được pháp lưu, tu tập chư thiên tùy niệm. II. KINH MAHẢNÃMA THỨ HAI (Dutiyamahãnãmasutta)yi (4 V. 332) 12. Một thòi, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ? Mahãnãma dòng họ Thích, mới khỏi bệnh? khỏi bệnh không bao lâu. Lúc bấy giờ5 nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, Thế Tôn sẽ ra di, bộ hành..." (Như kinh 11) "Khi có lạc thọ? tâm được định tĩnh. Tùy niệm Phật này, này Mahãnãma, ông cần phải tu tập khi đi, ông cần phải tu tập khi đứng, ông cần phải tu tập khi ngồi, ông cần phải tu tập khi nằm, ông cần phải tu tập khi chú tâm vào các công việc, ông cần phải tu tập khi ông sông tại trú xứ đây những con nít.95 Lại nữa, này Mahãnãma, ông cần phải tu tập tùy niệm Pháp... tùy niệm Tăng... tùy niệm giới của mình... tùy niệm thí của mình... tùy niệm chư thiên: "C6 Bốn Thiên Vương thiên, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba; có chư thiên Dạ-ma, có chư thiên Đâu-suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy5 chư thiên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy... Đầy đủ với trí tuệ như vậy5 chư thiên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh tại chỗ kia; trí tuệ như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta." Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới5 nghe pháp5 thí, tuệ của tự mình và chư thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh; trong khi ây, tâm không bị sân ám ảnh; trong khi ây, tâm không bị si ám ảnh; trong khi ấy,16 17

16 Có chỗ gọi là "ph nhĩ9', như trong GS. III. 206; có chỗ gọi là "pháp lưu", như trong GS. III. 248. 17 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.933. 0238c09).

tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư thiên. Này Mahãnãma, vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ5 có được hân hoan liên hệ đên pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tùy niệm chư thiên này, này Mahãnãma, ônạ cần phải tu tập khi di, ông cần phải tu tập khi dứng, ông cân phải tu tập khi ngôi5 ông cân phải tu tập khi năm, ông cân phải tu tập khi chú tâm vào các công việc, ông cần phải tu tap, khi ông sống tại trú xứ đầy những con nít.

III. KINH NANDIYA (Nandiyasutta)iS (4 V. 334) 13. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ5 Thế Tôn muốn an cư vào mùa mưa tại Sãvatthi. Nandiya, dòng họ Thích, được nghe: "Thê Tôn muôn an cư vào mùa mưa tại Savatthi." Nandiya, dòng họ Thích, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đến trú ở Sãvatthi vào mùa mưa. Tại dây, ta sẽ chăm lo công việc, và thỉnh thoảng có dịp được yết kiến Thế T6ĩi." Rồi Thế Tôn đến trú ở Sãvatthi trong mùa mưa; Nandiya, dòng họ

Thích, cũng đến trú ở Sãvatthi vào mùa mua, tại đấy chăm lo công việc, và thỉnh thoảng có dịp được yết kiến Thế Tôn. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra di." Nandiya, dòng họ Thích, được nghe: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra di." Nandiya, dòng họ Thích, đi đen The Ton; sau khi đen, đảnh le The Ton roi ngoi xuong mot ben. Ngồi xuống một bên, Nandiya, dòng họ Thích, bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, con nghe nói5 nhiều Tỷ-kheo làm y cho Thế Ton, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra di." Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú với các an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú của ai? Lành thay! Lành thay! Này Nandiya, như vậy thật xứng đáng cho thiện nam tử các ông, sau khi đi đến Như Lai, đã hỏi như vậy: "Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú với các an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú của ai?" Này Nandiya, hãy nhập cuộc với lòng tin, không phải với không có lòng tin. Hãy nhập cuộc với có giới, không phải với không giới.18 19 Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh tấn, không với biếng nhác. Hãy nhập cuộc với trú niệm5 không với thất niệm. Hãy nhập cuộc với định9 không phải với không định. Hãy nhập cuộc với trí tuệ, không với liệt tuệ. Sau khi an trú trong sáu pháp, này Nandiya, hãy tu tập thêm nữa năm pháp này. Ở dây, này Nandiya, ông hãy tùy niệm Như Lai: "Dây là Thế Tôn5 bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô

18 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.858. 0218bl3); Phật thuyết Nan-đề thích kinh (7.02. 113.0505bÌ8). 19 Pháp này được thêm vào, khác với kinh trước.

Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật? Thế Ton.59 Như vậy9 này Nandiya, duyên vào Như Lai, ông hãy an trú niệm trong nội tâm. Lại nữa, này Nandiya, ông phải tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo nói9 thiêt thực hiện tại? không có thời gian, đên đê mà thây5 có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiêu?5 Như vậy5 này Nandiya, duyên vào pháp, ông hãy an trú niệm trong nội tâm. Lại nữa, này Nandiya, ông cần phải tùy niệm bạn lành: "Thật có lợi cho ta! Thật khéo có lợi cho ta, rằng ta có các bạn lành biết thương mến ta, muốn ta được lọi ích, giáo giới giảng dạy." Như vậy5 này Nandiya, duyên vào bạn lành, ông hãy an trú niệm trong nội tâm. Lại nữa, này Nandiya, ông cân phải tùy niệm thí của mình: "Thật có lợi cho ta! Thật khéo có lợi cho ta, rằng ta sống an trú với tâm ly cấu uế, xan tham, cùng với quần chúng bị xan tham ám ảnh9 ta bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ9 sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí." Này Nandiya, như vậy duyên vào thí, ông hãy an trú niệm trong nội tâm. Lại nữa, này Nandiya, hãy tùy niệm chư thiên: "Các chư thiên ấy, vượt qua sự cộng trú với chư thiên dùng các món ăn đoàn thực,20 được sanh với thân do ý tác thành, các chư thiên ấy quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm. Ví nhu, này Nandiya, Tỷ-kheo được phi thời giải thoát21 quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm5 không cần phải làm lại những gì đã làm. Cũng vậy, này Nandiya, các chư thiên ấy vượt qua sự cộng trú với chư thiên dùng các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý tác thành, các chư thiên ây quán thây tự mình không có gì nữa phải làm, không cân phải làm lại những gì

đã lam.^ Như vậy, này Nandiya, duyên vào chư thiên, ông hãy an trú niệm trong nội tâm. Thành tựu mười một pháp này, này Nandiya, vị Thánh đệ tử từ bỏ các ác9 bất thiện pháp? không chấp thủ chúng. Ví nhu, này Nandiya, một cái ghè bị úp ngược, nước đã đổ ra, không thể đem hốt lại. Ví như ngọn lửa đốt một khóm rừng đầy cỏ khô đã được cháy lan tới, không có trở lui đốt lại vật đã bị cháy. Cũng vậy, này Nandiya, thành tựu mười một pháp này, vị Thánh đệ tử từ bỏ các ác, bất thiện pháp, không có chấp thủ chúng.

IV. KINH SUBHŨTI (Subhũtisuttd) (Ẩ. V. 337) 14. Rồi Tôn giả Subhũti,22 cùng với một Tỷ-kheo có lòng tin đi đến Thế Ton; sau khi đen, đảnh lê Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Thê Tôn nói với Tôn giả Subhũti đang ngồi một bên:

20 Tham khảo: A. III. 379 viết katassapatỉcayo natthỉ, karaniyam na vijjati. A. IV. 355 viết natthi kind uttarỉ karariĩỵam, natthỉ katassapaịỉcayo. UdA. 218 viêt na hỉ bhãvỉtamaggopuna bhãvĩyatỉ. 21AA. V. 82: Asamayavỉmuttotỉ asamayavimuttỉyã vỉmutto khĩnãsavo (44Được phi thời giải thoát" nghĩa là được giải thoát, lạu tận nhờ "phi thơi giải thSát"). Xem A. ÍIL 173; SA. I. 182-83. 22 Em trai của ông Anãthapindika. Xem Pss. Breth. 4. Chủ giải cho rằng Tôn giả còn có tên Saddha là cháu của ồng Anathapindika. Xem s. II. 153.

Này Subhũti, Tỷ-kheo này là ai? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này là [Saddha] người có lòng tin, con một nam cư sĩ có lòng tin, đã vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này Subhũti, Tỷ-kheo có lòng tin này, con một nam cư sĩ có lòng tin, đã xuất gia vì lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy có được thấy là sống trong những tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin không? -Bạch Thế Tôn, nay là thời cho vấn đề này! Bạch Thiện The, nay là thời cho vấn đề này, đế Thế Tôn thuyết các tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin, nay con sẽ biết được: Tỷ-kheo này có được thấy là sống trong những tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin hay không?^ Vậy này Subhũti, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Subhũti vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Ở đây? này Subhũti, Tỷ-kheo có giới,23 sống chế ngự với sự chế ngự của

Giới bôn (Pãtimokkhă). đây đủ oai nghi chánh hạnh, thây nguy hiêm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này Subhũti, vị Tỷ-kheo nào có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn9 đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa? này Subhũti, Tỷ-kheo nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, tích tập những gì đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời5 đã quán sát với ý? đã khéo thể nhập với chánh kiến. Này Subhũti, Tỷ-kheo nào nghe nhiều... với chánh kiến, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa5 này Subhũti, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu,

giao thiệp với thiện hữu. Này Subhnti, Tỷ-kheo nào làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo là người dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này Subhũti, Tỷ-kheo nào dễ nói9 thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa5 này Subhũti, Tỷ-kheo phàm có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ, đối với các vị đồng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự quán sát các phương tiện, vừa đủ để làm? vừa đủ để tổ chức.

23 Nhu4 V. 340; GS. V. 219 (kinh 17 ở sau).

Này Subhũti, Tỷ-kheo nào? phàm có những công việc gì... vừa đủ để tổ chức, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo ưa pháp, lời nói dễ thương, hân hoan lớn trong Thắng pháp9 trong Thắng luật. Này Subhũti, phàm Tỷ-kheo nào ưa pháp, lời nói dễ thương, hân hoan lớn trong Thăng pháp, trong Thăng luật5 này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đày đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên tri, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Này Subhũti, phàm vị Tỷ-kheo nào sống tinh cần tinh tân, đoạn trừ các pháp bât thiện, làm cho đây đủ các thiện pháp, nô lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo đôi với bôn thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này Subhũti, phàm vị Tỷ-kheo đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm5 hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời? hai đời, ba đời5 bốn đời, năm đời5 sáu đời, bảy đời5 tám đời5 chín đời, mười đời5 hai mươi đời? ba mươi đời5 bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời9 hai trăm đời5 một ngàn đời5 một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp9 nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khô lạc như thế này, tuổi thọ đên mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ây, ta có tên như thê này, dòng họ như thê này, giai câp như thê này? thọ khô lạc như thế này5 tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ5 ta được sanh ra ở đây.,, Như vậy. vị ây nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiêt. Này Subhũti, phàm Tỷ-kheo nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ như một đời, hai đời... vị ấy nhớ đến nhiều đời sốnệ quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết, này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác

hạnh về thân, ngữ và ý? phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ5 địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý? không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiên, tạo các nghiệp theo chánh kiên; những người này sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các thiện thú5 cõi trời,

cõi đời này. Này Subhũti, phàm Tỷ-kheo với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt? kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ... này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của người có lòng tin. Lại nữa, này Subhũti, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Subhũti, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc... này Subhũti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của người có lòng tin. Khi nghe nói vậy9 Tôn giả Subhũti bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn. các tiêu chuẩn về lòng tin của người có lòng tin này được r __ r r

Thê Tôn thuyêt giIg là có trong Tỷ-kheo này, và Tỷ-kheo này được thay là có chúng. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này là có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bôn, đây đủ uy nghi chánh hạnh, thây nguy hiêm trong những lôi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, chất chứa, tích tập những gì đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát với ý? đã khéo thể nhập với chánh kiến. Bạch Thế T6n, Tỷ-kheo này làm bạn với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này là người dễ nói5 thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này, phàm có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ? đối với các vị đồng Phạm hạnh9 ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự quán sát các phương tiện vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Bạch Thế Ton, Tỷ-kheo này ưa pháp, lời nói dễ thương, hân hoan lớn trong Thắng pháp, Thắng luật. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì5 không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này, đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm? hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời? hai đời... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết. Bạch Thế Tôn? Tỷ-kheo này với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy theo hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ5 chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Bạch Thế Tôn, các tiêu chuẩn về lòng tin này được Thế Tôn thuyết giảng là có trong Tỷ-kheo này, và Tỷ-kheo này được thấy là có chúng. Lành thay! Lành thay! Này Subhũti, ông hãy an trú với Tỷ-kheo có lòng tin này. Khi nào, này Subhũti, ônạ muốn yết kiến Như Lai, hãy cùng

với Tỷ- kheo có lòng tin này đi đến yết kiên Như Lai.

V. KINH TỪ TÂM (Mettãsutta)24 (4 V. 342) 15. Này các Tỷ-kheo5 từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thời được chờ đợi là mười một lợi ích. Thế nào là mười một? Ngủ an lạc; thức an lạc; không ác mộng; được loài người ái mộ; được phi nhân ái mộ; chư thiên bảo hộ; không bị lửa, thuốc độc, kiếm xúc chạm; tâm được định mau chóng; sắc mặt trong sáng; mệnh chung không hôn ám; nếu chưa thể nhập Thượng pháp (A-la-hán quả), được sanh lên Phạm thiên giới. Này các Tỷ-kheo5 từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo5 được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thời được chờ đợi là mười một lợi ích này. VI. KINH GIA CHỦ Ở THÀNH ATTHAKA (Atthakanagarasutta)25 (A. V. 342) 16. Một thời, Tôn giả Ãnanda trú ở Vesãli, tại Beluvagãmaka.26 Lúc bấy giờ? gia chủ Dasama, trú ở thành Atthaka, đã đi đến Pãtaliputta vì một vài công việc. Rồi gia chủ Dasama, dân ở thành Atthaka đi đến một Tỷ-kheo; sau khi đến, thưa với Tỷ-kheo ấy: —Thưa Tôn giả, Tôn giả Ãnanda nay trú ở đâu? Thưa Tôn giả, con muốn yết kiến Tôn giả Ãnanda. -Này gia chủ5 Tôn giả Ãnanda nay trú ở Vesãli, tại Beluvagãmaka. Rồi gia chủ Dasama, dân ở thành Atthaka, sau khi làm công việc xong ở Pãtaliputta, đi đến Vesãli, Beluvagãmaka, đi đến Tôn giả Ãnanda; sau khi đến9 đảnh lễ Tôn giả Ãnanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 gia chủ Dasama, dân ở thành Atthaka, thưa với Tôn giả Ãnanda: -Có một pháp nào, thưa Tôn giả Ãnanda, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo nói, chính ở noi dây, Tỷ-kheo trú không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát, hay sẽ đưa đến chấm dứt các lậu hoặc chưa được đoạn tận, hay đạt được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được? Này gia chủ, có một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết... hay đạt được vô thượng an on khỏi các khổ ách chưa đạt được. —Nhưng thưa Tôn giả Ãnanda, một pháp ấy là gi, được Thế T6n, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo thuyết, chính ở nơi đây5 Tỷ-kheo trú không phóng dật5 nhiệt tâm tinh cần, sẽ giải thoát tâm chưa

24 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.49.10. 0806al7); Phật thuyết Thập nhất tưởng tư niệm Như Lai kinh(T.02. 0138. 0861all). 25 Xem M. 1. 349, Atthakanagara Sutta.
Tham chiếu: Bạt thành kỉnh (roi. 0026.217. 0802all); Thập chỉ cư sĩ bát thành nhân kỉnh (T.01. 0092. 0916al7); 26 Chủ giải: Một làng ở dưới núi phía Nam thành Vesãli.

được giải thoát, hay sẽ đưa đên châm dứt các lậu hoặc chưa được đoạn tận, hay đạt được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được? Ở dây, này gia chủ? Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy quán sát như sau: "Thiền thứ nhất này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng lâm." Phàm cái gì thuộc tăng thượng tác thành,

thuộc tăng thượng tâm, vị ây quán tri: "Cái gì là vô thường, chịu sự đoạn diet." Vị ây an trú ở đây5 đạt được sự đoạn diệt các lậu hoặc. Nêu không đạt được sự đoạn diệt các lậu hoặc, -MI r- J. !_____ K , “97 “J A_____ a với qtham ái ây đôi với pháp,
với hoan hỷ ây đôi với pháp,27 với sự đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, kh6ng còn phải trở lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp này, được The Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được. Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai? một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... và an trú Thiền thứ ba... và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy quán sát như sau: "Thiền thứ tư này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm.,, Phàm cái gì... kh6ng còn phải trở lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp này, được The Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được. Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo với tâm câu hữu với từ, an trú, biến mãn một phương; như vậy phương thứ hai, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư,28 như vậy cùng khắp thế giới? trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ9 cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy quán sát như sau: "Từ tâm giải thoát này thuộc ng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm.”
Phàm cái gì... không còn trở lui thê giới này nữa. Này gia chiỉ, đây là một pháp, được Thế T6n, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được. Lại nữa? này gia chủ? Tỷ-kheo với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, an trú, biến mãn một phương; như vậy phương thứ hai, như vậy phươnệ thứ ba, như vậy phương thứ tu, như vậy cùng khăp thê giới, trên, dưới? bê ngang, hêt thảy phương xú*, cùng khắp vô biên giới? vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả5 quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy quán sát như sau: "Xả tâm giải thoát này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm?5 Phàm cái gì... không còn trở*

27 AA. V. 85: Dhammarãgena dhammanandỉyãtỉ padadvayenapỉ samathavỉpassanãsu chandarãgo vutto. Samathavỉpassanãsu hỉ sabbena sabbam chandarãgam pạrỉyãdỉyỉtum sakkonto arahã hoti, asakkonto anãganỉĩhotỉ (tcVới tham ái đối với pháp, với hoan hỷ đối với pháp,5 ý nói tham muốn thiền chỉ và thiền qiiắn bởi 2 cách thức. Bậc A-la-han có khả năng đoạn trừ hoàn toàn mọi tham muốn nhờ nơi thiền chỉ và thiền quán; bậc Bất Lai thì không thể). 28 Xem 4 V. 294; GS. V. 192 (kinh 208 ở trước).

lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được. Lại nữa, này gia chủ? Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, chấm dứt các tưởng chướng ngại, không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hu không là vô biên,\ chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy quán sát như sau: "Chứng đắc Không vô biên xứ này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tam." Phàm cái gì... không còn trở lui thê giới ây nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc

Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác... vô thượng an ôn khỏi các khô ách chưa đạt được. Lại nữa9 này gia chủ5 sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô bien9\ chứng đạt và an tru Thức vô biên xứ... sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "V6 sở hữu xứ", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy quán sát như sau: "Chứng đắc Vô sở hữu xứ này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm/5 Phàm cái gì... không còn trở lui thế giới ấy nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết? bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được. Khi nghe nói vậy, gia chủ Dasama, dân ở thành Atthaka, thưa với Tôn giả Ãnanda: -Thưa Tôn giả Ãnanda, ví như một người tìm một cái cửa vào chỗ chôn cất? trong một lúc tìm ra được mười một cái cửa; cũng vậy, thưa Tôn giả, trong khi đi tìm một cửa bất tử, trong một lúc con tìm ra mười một cái cửa bất tử. Ví như, thưa Tôn giả, trong một ngôi nhà chỉ có một cái cửa, và nhà ấy bị cháy, người ây chỉ có thê ra băng một cửa đê có thê được an toàn cho mình; cũng vậy5 thưa Tôn giả5 với mười một cửa bât tử này, con có thê tạo được sự an toàn cho con với chỉ một cửa bât tử. Thưa Tôn giả, đệ tử các ngoại đạo còn tìm câu tiên của cúng dường cho vị thầy của mình, sao con lại không đảnh lễ cúng dường cho Tôn giả Ãnanda! Rôi gia chủ Dasama, dân ở thành phô Atthaka, thỉnh cúng các Tỷ-kheo ở Vesãli và Pãtaliputta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, tự tay dâng cúng cho đến khi chúng Tăng được thỏa mãn và cúng một đôi y cho mỗi Tỷ-kheo. Nhưng riêng đối với Tôn giả Ananda, vị ấy cúng ba y đầy đủ và xây dựng một ngôi tinh xá giá trị năm trăm đồng tiên. VII. KINH NGƯỜI CHĂN BÒ (Gopãỉasutta)29 (4 V. 347) 17. Thành tựu mười một chi phân, này các Tỷ-kheo, một người chăn bò không thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Thế nào là mười một?

29 Xem M. 33, Mahãgopãỉaka Sutta (Đại kỉnh Người chăn bố)M I. 220. Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.49.1. 0704a07); Phật thuyết Phórìệ ngưu kmh\^ (T.02. 0123. 0546al3); Tợp.(T.02. 0099.1249. 0342c 11); Đại trí độ luận (T25. 1509.2. 0074a23).

CHƯƠNG XL MƯỜI MỘT PHÁP 1341

Ở dây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò không biết sắc; không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruồi; không băng bỏ vết thương; không có xông khói; không biêt chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống được; không biết đường; không thiện xảo chỗ bò có thể ăn; nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò dực, con bò cha, con bò lãnh dạo, không có đặc biệt kính trọng. Thành tựu mười một chi phân này, người chăn bò không thê lãnh đạo đàn bò và khiên đàn bò được tăng trưởng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo không thể được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết sắc; không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruồi; không băng bó vết thương; khônệ có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uổng được; không biêt đường; không thiện xảo chô bò có thê ăn; nặn sữa đến kiệt quệ; đối với Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, không có đặc biệt kính trọng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết sắc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo,

phàm sắc gì do bốn đại hay do bốn đại tác thành, vị ấy khônệ như thật quán tri sắc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết sac. Và này các Tỷ-kheo, như thê nào là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các tướng? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật quán tri nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy? này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các tướng. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không trừ khử trứng ruồi? o đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đôi với dục tâm được khởi lên, châp nhận? kh6ng từ bỏ, không tẩy sạch, không chấm dứt, không đưa đến không thể tái sanh ... đôi với sân tầm được khởi lên... đối với hại tầm được khởi lên, chấp nhận, không từ b6, không tẩy sạch, không chấm dứt, không đưa đến không thể tái sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không trừ khử trứng các loài ruồi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có băng bó vết thương? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc,30 nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tham, ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo không tự chê ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn căn, không thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nêm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gi, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác9 bât thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo

30 XemII. 16; D. I. 70; KS. IV. 63.

không chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì ý căn, không thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không băng bó vêt thương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không xông khói? 0 đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được hiêu biêt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không xông khói. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều,31 được trao truyen giáo điển, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, Tỵ-kheo thỉnh thoảng đến thăm những vị ấy, nhưng không đặt câu hỏi, không thẩm vấn: "Thua Tôn giả, vấn đề này thế nào? Nghĩa vấn đề này là gi?" Các vị Tôn giả ấy không có khai mở những gì chưa khai mở5 không có hiển lộ những gì chưa hiển lộ9 không có tẩy sạch sự nghi ngờ đối với các pháp còn chỗ nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua được. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước uống? Ở đây, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo trong khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không chứng được nghĩa tín thọ,32 không chứng được pháp tín thọ5 không được hân hoan liên hệ đến pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ- kheo không biết chỗ nước uống. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo không rõ biết con đường? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không như thật quán tri con đường Thánh đạo tám ngành. Như vậy? này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không rõ biết con đường. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật quán tri bốn niệm xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ. Và này các Tỷ-kheo5

như thế nào là Tỷ-kheo nặn sữa bò cho đến khô kiệt? Ở đây, này các Tỷ-kheo? khi các tín nam, tín nữ cúng dường, đem lại hết sức đầy đủ các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, ở đây, Tỷ-kheo không biết thâu nhận vừa phải. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo nặn sữa bò đến khô kiệt. Và này các Tỷ-kheo5 như thế nào, đối với các Tỷ-kheo trưởng lão? kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, không có đặc biệt kính trọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào là bậc trưởng lão5 kỳ cựu, xuất

31 Xem GS. I. 101. 32 Atthaveda và dhammaveda = somanassa. MA. I. 173 viết vedotỉ ganthopỉ nãnampỉ somanassampỉ, nghĩa là lòng tin bất động. Xem 4 V. 328; GS. V. 209 (kinh 12 ở trước).

gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy, không có đối xử với từ thân hành, trước mặt và sau lưng... với từ khẩu hành... với từ ý hành, trước mặt và sau lưng. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, là bậc cha trong Tăng chúng, là bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy không có đặc biệt tôn kính. Thành tựu mười một pháp này? Tỷ-kheo không thể tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. Thành tựu mười một chi phần, này các Tỷ-kheo, người chăn bò có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 người chăn bò biết sắc; thiện xảo trong tướng; trừ khử trứng ruồi; băng bó vết thương; có xông khói; biết chỗ nước có thể lội qua; biết chỗ nước uống được; biết đường; thiện xảo chỗ bò có thể ăn; không nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò đực, con bò cha, con bò lãnh dạo, có đặc biệt quý trọng. Thành tựu mười một chi phân này, người chăn bò có thê lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo có thể được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết sắc; thiện xảo trong tướng; trừ khử trứng ruồi; băng bó vết thương; có xông khói; biết chỗ nước có thể lội qua; biết chỗ nước uống được; biết đường; thiện xảo chỗ bò có thể ăn; không nặn sữa r # r .MV- ° đên kiệt quệ; đôi với với Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, có đặc biệt kính trọng. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo biết sắc? Ở đây. này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phàm sắc gì do bốn đại hay do bốn đại tác thành, vị ây như thật quán tri săc ây. Như vậy5 này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo biết sắc. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong các tướng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 là Tỷ-kheo thiện xảo trong các tướng. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào là Tỷ-kheo trừ khử trứng ruồi? Ở đây9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với dục tầm được khởi lên, không chấp nhận, từ bỏ5 tẩy sạch, chấm dứt, đưa đến không thể tái sanh... đối với sân tầm được khởi lên... đối với hại tầm được khởi lên, không chấp nhận, từ bỏ5 tẩy sạch, chấm dứt, đưa đến không thể tái sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử trứng ruồi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo

băng bó vết thương?

1344 KINH TĂNG CHI Bộ

Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tham, ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn được chế ngự, khiến tham ưu, các ác9 bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo băng bó vết thương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xông khói? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp rộng rãi cho các người khác, như đã được nghe, như đã được hiểu biết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ- kheo xông khói. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước có thể lội qua? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, được trao truyền giáo điển; là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, Tỷ-kheo thỉnh thoảng đến thăm những vị ấy5 đặt câu hỏi, thẩm vấn "Thua Tôn giả5 vấn đề này thế nào? Nghĩa vấn đề này là gl?" Các vị Tôn giả ấy có khai mở những gì chưa khai mở, hiển lộ những gì chưa hiển lộ, tẩy sạch nghi vấn trong những vấn đề còn nghi vân. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biêt chô nước có thê lội qua. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống được? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, chứng được nghĩa tín thọ5 chứng được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống được. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo rõ biết con đường? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri con đường Thánh đạo tám ngành. Như vậy, này các Tỷ-kheo? là Tỷ-kheo rõ biết con đường. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ? Ở dây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo như thật quán tri bốn niệm xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo nặn sữa bò còn để sữa lại? Ở dây, này các Tỷ-kheo, khi các tín nam, tín nữ cúng dường, đem lại hết sức đây đủ các vật dụng như y áo? đô ăn khât thực, sàng tọa5 dược phâm trị bệnh, ở đây, Tỷ-kheo biết thâu nhận vừa phải. Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo nặn sữa bò còn để sữa lại. Và này các Tỷ-kheo5 như thế nào5 đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, có đặc biệt kính trọng?

CHƯƠNG XI. MƯỜI MỘT PHÁP 1345

Ở đây5 này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào là bậc trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày? bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy, có đối xử với từ thân hành, trước mặt và sau lung... với từ khẩu hành... với từ ý hành, trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy, có đặc biệt tôn kính. Thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo có thể tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. VIII. KINH THIỀN

ĐỊNH THỨ NHẤT (PaḶhamasamãdhisuttd) (A. V. 353) 18. Bấy có một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn roi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bến, các Tỷ-kheo bạch ẠFT1 A _ Thê Tôn: -Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỵ-kheo chứng được thiền định như vậy9 vị ây có thê trong đất kh6ng tưởng đên đât; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đên lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại có thể không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau có thể không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy5 vị ấy vẫn có tưởng? Này các Tỷ-kheo, có thê như vậy9 một Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đên Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đên Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. -Nhưng bạch Thế Tôn, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât... trong thê giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy5 vị ấy vẫn có tưởng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái5 ly tham, đoạn diệt, Niết-ban.” Như vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât; trong nước không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến5 được tầm càu, được ý suy tư, tại dấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

IX. KINH THIỀN ĐỊNH THỨ HAI (Dutiyasamãdhisuttd) (4 V. 354) 19. Tại dấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, có thê chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy. vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước có thể không tưởng đên nước; trong lửa có thê không tưởng đên lửa; trong gió có thê không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ có thể không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ có thể không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ có thể không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ có thể không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại có thể không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau có thể không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không CÓ tưởng; tuy vậy5 vị ây vân có tưởng ỉ Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... được ý suy tư, tại đấy vị ấy không có tưởng; tuy vậy9 vị ấy vẫn có tưởng. Như thế nào9 bạch Thế Tôn? một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như A • Ạ À1 Ạ J _

F 4. Ạ J 1 1 _ 9 _ _ _ 4- Ạ _ 4 4- __ A J _ J _ • 4- Ạ • Ạ vậy5 vị ay co thê trong đât không tưởng đen đât... được ý suy tư, tại đây vị ây không có tưởng; tuy vậy5 vị ây vân có tưởng? -Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tưởng như sau: “Bây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái5 ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy5 này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât; trong nước không tưởng đến nước... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không _ r ?_ _ - J _ 1 • Ạ A_ _ _ ỉ ỉ9 J CO tưởng; tuy vậy5 vị ay van có tưởng. X. KINH THIỀN ĐỊNH THỨ BA (Tatiyasamãdhisutta) {A, V. 356) 20. Bấy giờ5 một số đông Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Sâriputta; sau khi đến5 nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo nói với Tôn giả Sãriputta: -Thưa Tôn giả Sãriputta, có thê chăng một Tỷ-kheo chứng được thiên định như vậy? vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất;... trong những gi được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu, được ý suy tư, tại dấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? —Này chư Hiền, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât;... trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu5 được ý suy tư, tại dấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. -Nhung thưa Tôn giả Sãriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy5 vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất;... trong những gì

được thấy5 được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến? được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy5 vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy9 vị ấy vẫn có tưởng? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niếtbn.” Như vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo khi chứng được thiên định như vậy, vị ây có thê trong đât không tưởng đên đât;... trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. XL KINH THIỀN ĐỊNH THỨ TƯ (Catutthasamãdhisuttă) (4 V. 357) 21. Tại đấy, Tôn giả Sãriputta nói với các Tỷ-kheo: —Này chư Hiền, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? Thưa Hiên giả? chúng tôi từ xa đi đên đê được biêt ý nghĩa của lời nói này từ Tôn giả Sãriputta. Lành thay, nếu ý nghĩa lời nói này được Tôn giả Sãriputta nói lên! Sau khi nghe Tôn giả Sãriputta nói, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này chư Hiền, hãy nghe và khéo tác ý9 tôi sẽ nói. Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này các Hiền giả, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy9 vị ấy có

thê trong đât không tưởng đên đât... được ý suy tư, tại đây vị ây có thê không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng. Như thế nào, thưa Hiền giả Sãriputta, một Tỷ-kheo khi

chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng? —Ở đây, này các Hiền giả5 Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham? đoạn diet, Niết-bàn.y Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy? vị ấy có thể trong đất, không tưởng đến đất; trong nước? có thể không tưởng đến nước; trong lửa, có thể không tưởng đến lửa; trong gió, có thể không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ, có thể không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ, có thể không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ, có thể không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có thể không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thê giới hiện tại, có thê không tưởng đến thê giới hiện tại; trong thế giới đời sau, có thể không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến; được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy? vị ấy vẫn có tưởng.

ni. PHẨM TƯƠNG Tự (SAMANNAE4GGA)33 (A. v*358)

22-29. Này các Tỷ-kheo? thành tựu mười một chi phần, người chăn bò không thể là người chăm sóc đàn bò và đưa đàn bò đến tăng trưởng. Thế nào là mười một? Ở đây? này các Tỷ-kheo, người chăn bò không biết sắc; không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruôi; không băng bó vêt thương; không có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống được; không biết đường; không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ; nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò đực? bậc cha đàn bò5 bậc lãnh đạo đàn bò, không có đặc biệt kính trọng. Thành tựu mười một chi phân này, này các Tỷ-kheo, người chăn bò không thể chăm sóc đàn bò và không thể khiến đàn bò được tăng trưởng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 thành tựu mười một pháp, vị Tỷ-kheo không thê trú tùy quán vô thường trong con măt... không thê trú tùy quán khô trong con mat., không thê trú tùy quán vô ngã trong con măt... không thê trú tùy quán hoại diệt trong con măt... không thê trú tùy quán hủy diệt trong con măt.. không thể trú tùy quán ly tham trong con mắt... không thể trú tùy quán đoạn diệt trong con mắt... không thể trú tùy quán từ bỏ trong con mắt. 30-69. ... trong lỗ tai... trong lỗ mũi... trong lưỡi... trong thân... trong ý... 70-117. ... trong các sắc... trong các thanh... trong các hương... trong các vị... trong các xúc... trong các pháp... 118-165. ...trong nhãn thức... trong nhĩ thức... trong tỷ thức... trong thiệt thức... trong thân thức... trong ý thức... 166-213. ... trong nhãn xúc... trong nhĩ xúc... trong tỷ xúc... trong thiệt xúc... trong thân xúc... trong ý xúc... 214-261.... trong thọ do nhãn xúc sanh... trong thọ do nhĩ xúc sanh... trong thọ do tỷ xúc sanh... trong thọ do thiệt xúc sanh... trong thọ do thân xúc sanh... trong thọ do ý xúc sanh... 262-309. ... trong sắc tưởng... trong thanh tưởng... trong hương tưởng... trong vị tưởng... trong xúc tưởng... trong pháp tưởng...

33 Bản tiếng Anh của PTS: Recapitulation, nghĩa là Tỏm lại. Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 22-501 có tiêu đề The Cowherd (b), nghĩa là Người chăn bò (b).

310-357. ... trong sắc tư... trong thanh tư... trong hương tư... trong vị tư... trong xúc tư... trong pháp tư... 358-405. ... trong sắc ái... trong thanh ái... trong hương ái... trong vị ái... trong xúc ái... trong pháp ái... 406-453. ... trong săc tâm... trong thanh tâm... hương tâm... trong vị tâm... trong xúc tâm... trong pháp tâm... 454-501. ... trong sắc tứ... trong thanh tứ... trong hương tứ... trong vị tứ... trong xúc tứ... trú tùy quán vô thường trong pháp tứ... trú tùy quán khổ... trú tùy quán vô ngã... trú tùy quán hoại diệt... trú tùy quán hủy diệt... trú tùy quán ly tham... trú tùy quán đoạn diệt... trú tùy quán từ bỏ. Thành tựu mười một pháp, này các Tỷ-kheo, người chăn bò có thể chăm sóc đàn bò và khiến đàn bò tăng trưởng. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò biêt săc... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp, Tỷ-kheo có thể trú r * 9 M í n

tùy quán vô thường trong con măt... có thê trú tùy quán từ bỏ trong pháp tứ.

IV PHẨM THAM LƯỢC THUYÉT (RẴGAPEYYÂLA)^ (A. V. 360)

502. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo? mười một pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười một? Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Từ tâm giải thoát, Bi tâm giải thoát, Hỷ tâm giải thoát, Xả tâm giải thoát, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ. Để thắng tri tham ái? này các Tỷ-kheo, mười một pháp này cần phải tu tập. 503-511. Để liễu tri tham ái, nàỵ các Tỷ-kheo5... để liễu diệt... để đoạn tận... để hoại diệt... để hủy diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để xả ly... để từ bỏ... mười một pháp cân phải tu tập. 512-671. Để thắng tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... tật đố... xan tham... man trá... lừa đảo... cứng đầu... hung hăng... mạn... quá mạn... say đăm... phóng dật... đê liêu tri... đê liêu diệt... đê đoạn tận... đê hoại diệt... để hủy diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để xả ly... để từ bỏ... mười một pháp này cân phải tu tập. Thế Tôn thuyết như vậy? các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

34 Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 502-671 được trình bày tiếp theo trong Chapter III. Recapitulation nghĩa là Tóm lại.

PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG

• THÁNH ĐIỂN THƯỢNG

• • Bộ

TỌA •

1. ĐÁNH SỐ THEO VRI Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống VRI nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pãli5 Anh, Việt hoặc các ngôn 2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIỂU HÁN VĂN Nhăm hô trợ cho việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pãli và bản Hán, bộ Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (ĐCT) 3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT

SỐ DỊCH GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bảii su", "chính niệm,\ "chúng sinh" đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư5\ "chánh niệm,\ "chúng sanh”... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thh Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ)5 Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân)? Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyên). 4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả9 dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm? dịch nghĩa. 4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa VI, chức vụ 4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết * Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở5 năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái5 mười phiền não, v.v...

* Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết Vô nhân luận, thuyết Luân hồi tịnh hóa, V.V... 4.1.2. Các khaỉ niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mana), thức (yinnănă). Tăng-già-lê (Sanghătí), v.v... 4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm tư tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt? dàn-tín, kiết-già5 v.v... 4.1.4. Các từ chỉ quả vị, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác? Nhất lai, Thiền thứ hai, Tôn giả9 Hiền giả, Thiền su, Pháp su, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô? Trụ trì, Giáo su, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn, v.v... 4.1.5. Đại từ chỉ đức Phát, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng..?5 4.1.6. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,.

4.2. Danh từ riêng 4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Au, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ5 nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề? Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,... 4.2.3 Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần man, Pancasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). 4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược “tiếp đầu ngữ*” được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận

vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-dà" sửa thành "A-di-da". 4.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "dức""bac", "dấng", thường

đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Nhất Lai, bậc Vô Sanh, bậc Đã Thấy Đã Biết. 4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm 4.4.1. Tựa kỉnh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kinh Căn bản pháp mônf Kinh Du hành. 4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Trường bộf Kinh Dược Sưf Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chỉ lược, 4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasangani). 4.5. Pháp số Phật học 4.5.1. Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đê, tam độc, tứ sinh, ngũ uân, lục can, that bảo, bát công đức thủy, cửu thiên, thập pháp giới. 4.5.2. Viết hoa từ đầu đối với các thuật ngữ quan trọng hoặc là lộ trình tu tập mà bài kinh đó đang nhấn mạnh. Ví dụ: - Hiền giả5 có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn? (Trích Kỉnh Trạm xe (số 24) thuộc Kinh Trung bộ). 5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. 5.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài Dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày? tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). 5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32. 5.6. Tỉnh lược số trang trong cước chú -Trang 254-256 được viết là 254-56. -M. I. 276-278 được viết là M. I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH 6.1. Chú thích theo ấn bản Pãli của PTS -S. I. 70. Nghĩa là Samyutta Nikãya, tập I, trang 70. -s. 56.25: 1. Nghĩa là Samyutta Nikãya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1. -Dh. 10. Nghĩa là Dhammapada. trang 10. -Sn. 140. Nghĩa là Suttanỉpãta. trang 140. -Thag. 10. Nghĩa là Theragãthã. trang 10. -J. I. 389. Nghĩa là Jataka. tập I, trang 389. -DA. I. 41-2. Nghĩa là Dĩgha Nỉkãya Atthakathã. tập I, trang 41 đến 42. -UdA, 217. Nghĩa là Udãna Atthakathã. trang 217. -Vin. II. 287. Nghĩa là Vinaya, tập II, trang 287. -Vbh. 351. Nghĩa là Vibhanga, trang 351. -Kvu. 401. Nghĩa là Kathãvatthu, trang 401. 6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả các ấn bản tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. -GS. II. 42. Nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, translated by F. L. Woodward, London: PTS, 1933, p. 42. -PC. 338, n. 1. Nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathãvatthu). London: PTS, 1915, p. 338, note 1. 6.3. Chú thích tên kinh theo ấn bản Pãli và tiếng Việt -D. 22, Mahãsatipatthãna Sutta (Kinh Đại niệm xứ), -M. 60, Apannaka Sutta (Kinh Không gì

chuyển hướng), 6.4. Trật tư của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pãli được viết như sau: Păli (viết tất là P)Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ãbhassara; s. Ãbhãsvara; H.;E. The Radian gods). 6.5. Chú thích theo Hán văn 6.5.1. Tên kinh biệt • được • dịch • nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhị kiến kinh (roi. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kinh (02. 0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b9 dòng thứ 12.

6.5.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kinh và Trung A-hàm kỉnh. -Phạm động kinh (E01. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kinh, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kinh (roi. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kỉnh. 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 6.5.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ TạpA-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàmf Tăng nhât A-hàm. vì nội dung kinh chỉ đê cập đên sô thứ tự, không có tựa đê kinh. -TạpM(r02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh. 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp.(r02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh. 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. -Ịy (N.15. 0006.28.1.0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc Nam truyền ĐCT, tập 15; 0006 là số hiệu của Kinh Tương ưng bộ tập III, nhóm 28, kinh số 1; trang 0345, cột a, dòng thứ 05. 6.5.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp cú kỉnh hoặc các bộ kinh Đại thừa. Pháp củ kinh, Nê-hoàn phẩm (T.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 04; 0210 là số hiệu của Pháp cú kinh. Nê-hoànphẩm thứ 36; trang 0573, cột a, dòng thứ 23. _ _ > 6.5.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phân lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn tủc luận(T26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc ĐCT. tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận, phâm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 6.5.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tdng.(r.O2. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kỉnh. 11 là số thứ tự của Bất đãi phẩm, số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

-Tạp.(0?. 0099.9-10. 0002a02-al2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh. 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-al2 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy bị

thiêu, sót, nhâm. Các từ, ngữ, đoạn được bô túc y \ e9 .\ r theo cách dịch của chính dịch giả đã sử dụng trong dịch phâm. Nhiêu chú thích vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ Đại Chánh tạng. Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục5 nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn tham chiếu của các cước chú.

PHỤ LỤC 2 TÀI LIỆU THAM KHẢO PÃLI & TIẾNG ANH (Được sử dụng trong các chú thích của bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PÃLI Anguttara Nikãya. 6 vols., ed. by Morris, R,Hardy, E,Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids c. A. F. (London: PTS, 1885-1910). Anguttara Nikãya Atthakatha (Manoratthapũraril), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.). Apadãna. 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-1927). Apadãna Atthakatha (Visuddhạịanavilãsỉnĩ). ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavarnsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakatha. ed. by Homer, I. B. (London: PTS, 1946). Cariyapitaka. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyapitaka Atthakatha, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939). Cũlanỉddesa, ed. by Stede, w. (London: PTS? 1918). Culavamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-1927). Dhammapada. ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda. (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakatha^ 5 vols., ed. by Smith, HNorman, H. Cand Tailang, L. s. (London: PTS, 1906. etc.). Dhammasangani. ed. by Muller, E, (London: PTS, 1985). Dhammasangam Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dĩgha Nỉkãya. 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910). Dĩgha Nỉkãya Atthakathã (Sumarìgaỉavilãsinĩ), 3 vols., ed. by Rhys David, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS? 1929-1932). Dĩpavamsa. ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Mahavamsa, ed. Geiger, w. (London: PTS, 1908). Mahavamsa. Extended, ed. Malalasekera, G. p. (London: PTS, 1937).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakatha, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-1936). Jataka. 7 vols.5 ed. by Fausboll, V. (London: PTS, 1877-1896). Kathãvatthu. 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-1897). Kathãvatthu Atthakatha. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979). Khuddakapatha. ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915). Majjhima Nikaya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-1899). Majjhima Nỉkãya Atthakatha (Papancasudarii), 5 vols., ed. by Woods, J. H, Kosambi, Dand Homer, I. B. (London: PTS, 1922-1838). Mahãnỉddesa, 2 vols.9 ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-1917). Milindapanha - Milinda Tika. ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880). Nettipakarana, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902). Niddesa Tikã (Saddhammapajjotika). 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahãthera A. p. (London: PTS, 1939-1940). Patisambhidamagga. 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1905-1907). Patisambhidãmagga Atthakathã (Saddhammappakãsiríĩ). 3 vols., ed. by Joshi, c. V. (London: Sts 1933-1947). Patthana, ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS,

1908). Petavatthu. ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Vimãnavatthu. ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Puggalapannatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). Pu22alapannatti Atthakatha. ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, c. F. (London: PTS, 1914). Samyutta Nỉkãya. 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). Samy Utta Nikãya (Loadnn: PTS,Atthakatha 1^9-1937)(Sãrattappakãsỉnĩ). p 3 vols., ed.y by Woodward, F. L.

Suttanỉpãta, ed. by Andersen, D. and Smith, H, (London: PTS, 1913). Suttanỉpãta Atthakatha (Paramatthajotika II), 3 vols.5 ed. by Smith. H. (London: PTS? 1916-1918). Theragãthã - Therĩgãthã. ed. by Oldenberg. H.,and Pischel. R. (London: PTS, 1883). Theragãthã Atthakatha (Paramatthajotika V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-1959).

Therĩgãthã Atthakathã (Paramatthajotika VI), ed. by Muller. E. (London: PTS, 1893,

Udãna, ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885). Udãna Atthakathã, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS5 1926). Vinaya Pitaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-1883). Vibhanga, ed. by Rhys David, c. A. F. (London: PTS, 1904). VibhangaAtthakatha, ed. by Buddhadatta, MahãtheraA. p. (London: PTS, 1923). B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS5 1900). Compendium ofPhilosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS9 1910). Dialogues ofthe Buddha, tr. by Rhys Davids, T. w., and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. PTSJ899). Divyãvadãna. ed. Cowell, E. B. and Neil, R.A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathãvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therĩgãthã), tr. by Mrs. Rhys Davids c. A. F. (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethen (A Translation of the Theragãthã). tr. by Mrs. Rhys Davids c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka). tr. by Homer, I. B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings. 5 vols.? tr. by Mrs Rhys Davids c. A. F. and Woodward, E L. (London: PTS, 1917-1930). The Book of the Gradual Sayings. 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS? 1932-1936). The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols., tr. Homer, I. B. (London: PTS, 1954-1959). The Jataka or Stories of the Buddha s Former Births (A Translation of the Jataka). 6 vols. and Index, tr. by Cowell, E. BChalmers, R.Rouse, w. H. Dand Francis, H. T. (London: PTS, 1895-1913). The Path ofPurity. 3 vols.? tr. by Pe5 Maung Tin (London: PTS5 1922-31). The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

c. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Mrs. Rhys Davids, c. A. FA Manual of Buddhism (London: Sheldon

Press, 1932).
Mrs. Rhys Davids, c. A. F., Buddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 1912).
Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: GP Putnam, 1896).
Mrs. Rhys Davids, c. A. F.5 Buddhism (London: PTS, 1912).
Warren, Henry Clarke, Buddhism in Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).
Rhys Davids, T. w.5 Buddhist Birth Stories, Triibner's Oriental Series (London: Triibner and Co.5 1880).
Rhys Davids, T. w., Buddhist India. Stories of the Nations (New York: GP Putnam, 1903).
Journal of the Pali Text Society (London: PTS, 1882, etc.).
Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).
Geiger, Wilhelm, Pali Literature und Sprache (Strassburg: Karl J. Trubner, 1916).
D. TỪĐIỂN
Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).
Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874).
A Critical Pali Dictionary, ed. Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).
Dictionary of Pali Proper Names. 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-1938).
Encyclopaedia ofBuddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. p, Buswell, R. E. Weeraratne. W.G. and others (Government of Ceylon, 1961-1999).
Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-1927).
English-Pali Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahãthera A. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).
Pãli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T.w. and Stede, William (London: PTS91921-1925).
SÁCH DAN A abahulīkatam 5 Aggikkhandhopamasutta 914 Abbhokāsikasutta 665 Aggisutta 689 Abbuda 271, 1237,1238,1239 Aggivessa 434, 435 Abhabbasutta 818, 1124, 1261 Āghātapativinayasutta 1093, 1224 Ābhassarā 651, 1168 Āghātavatthusutta 1093, 1224 Ābhassarūpago homi 888 Ahirājasutta 339 Ābhāsutta 398 Ahirikasutta 473, 476 Ābhāya 200, 201, 202, 452 Āhuneyyasutta 1068, 1146, 1255 Abhayappattasutta 1123 Ajapāla 288, 289 Abhayasutta 428, 1123 Ajātasattu 436, 842, 843, 844 Abhibhāyatanasutta 1021 Ajātasattu Vedehiputta 436 Abhibhū 205, 206, 651 Ajitasutta

1272 Abhidhamma 256, 347 Ājīvakasutta 198, 708 Abhijjhālusutta 495 ajjhosāna 64 Abhinhapaccavekkhitabbathānasutta 554 Akanittha 839 Abhiññāsutta 489 Ākañkhasutta 1212 Abhisandasutta 988 akaranīyo pāpimato 905 Abhivinaya 256 Akataññutāsutta 472, 475 Abyābajjhasutta 481 akiriyāya 160 Abyākatasutta 874 Akkhainasutta 584, 618 acakkhusso 689 Akkhanasutta 974 ācāma 263 Akkosakasutta 686, 1235 Ācayagāmisutta 1282, 1298 akkosati 770 Accayasutta 95 Akuppasutta 589 Accāyikasutta 217 Akusalamūlasutta 183 Acinteyyasutta 347 Akusalarāsisutta 549 Adhammacariyāsutta 1313 Akusalasutta 95, 261, 1281 Adhammikasutta 342 Alabbhanīyathānasutta 541 Adhigamasutta 813 alam 197 Adhikaranasamathasutta 924 Alamsutta 1015, 1038 adhimānam 812 Ālavī 83, 124, 421, 969, 970, 971 Adhimānasutta 1230 Ālokasutta 398 Ādhipateyyasutta 134 amasati 1290 Adhivuttipadasutta 1155 Amatappattasutta 1123 Adinnādāyīsutta 494 Amatasutta 1123 Ādiyasutta 533 Ambasutta 369 adutthullā āpattīti 21 Anāgāmiphalasutta 807 Āgamā 107,405, 767, 768, 1183 Ānanda 27, 56, 57, 120, 121, 156, 157, 196, 197, Āgatāgamā 405 198, 199, 200, 202, 203, 204, 205, 206, Aggadhammasutta 814 207, 347, 349, 381, 391, 392, 402, 403, aggaññā 296 404, 413, 419, 422, 423, 448, 483, 484, Aggappasādasutta 302 599, 600, 603, 604, 638, 639, 645, 650,

651, 660, 661, 662, 663, 723, 724, 737, Anupubbanirodhasutta 1094, 1123 738, 749, 753, 756, 757, 758, 766, 767, Anupubbapassaddhisutta 1123 768, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 794, Anupubbavihārasamāpattisutta 1095 795, 796, 797, 798, 799, 843 844, 857, Anupubbavihārasutta 1095 859, 963, 964, 1003, 1004, 1005, 1006, Anuruddhamahāvitakkasutta 976 1024,1025,1026,1027,1069,1105,1106, Anuruddhasutta 996 nil, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, anusañňātum 66 1118, 1119, 1133, 1134, 1136, 1137, 1155, Anusotasutta 273 1156,1175,1200,1201,1202,1216,1217, Anussaritabbasutta 1283, 1301 1218,1219,1225,1226,1252,1253,1255, Anussatitthānasutta 714, 732 1270,1271,1272,1288,1321,1322,1323, Anutappiyasutta 721 1324, 1325, 1338, 1340 Anuttariyasutta 714, 738 Ānandaacchariyasutta 391 āpadāsu 853 Ānandasutta 120, 419, 599, 766, 1105, 1225 Apannakasutta 104, 240 Ananussutasutta 505 Aparadutiyajhānasuttādisattaka 705 Ānanyasutta 336 Aparagoyāna 206, 1084 Anariyavohārasutta 1022 Aparapathamajhānasutta 705 Anāthapindika l, 28, 49, 61, 62, 93, 108, 196, Aparihāniyasutta 307, 731 233* 248, 288,315,319,330,332333 Āpattibhayasutta 484 336 339, 366, 455, 499, 521, 533, 535, Āpāyikasutta 237 538, 543, 548, 551, 652, 653, 654, 657, Appahāyasutta 817 711, 723, 743, 746, 753, 765, 826, 829, Appamādagāravasutta 851 855, 890, 931,991,996,1055, Í059,1069 Appamādasutta 380, 769, 1145 1072,1081,1091, 1133,1140,1162, 1172, Appameyyasutta 237 1188,1191,1200,1210,1212,1216,1241, Appamsupatisutta 617 1245, 1247, 1248, 1249, 1321, 1352 Appasādapavedanīyasutta 1049 Anattānupassīsutta 839 Appassutasutta 275 Anattasutta 821 appatikammam āpattim 21 anatthāya 5 appatissā 682 anavañňatti 228 appativibhattā 967 anavasesā āpattīti 21 apubbam acarimam 30 Anavatthitasutta 821 Ārabhatisutta 625 Andhakavinda 603 Arahāsutta 925 Andhakavindasutta 603

Arahattasutta 807, 812 Andhasutta 116 Arakasutta 920 Āneñjasutta 238 Ārakkhasutta 381 Añga 192, 868, 993, 1225, 1361 Arakkheyyasutta 883 Añgīrasa 668, 671,677, 869, 870 Arakkhitasutta 233 Aniccānupassīsutta 838 Ārāmadanda 64 Aniccasutta 820 Āraññakasutta 590 Ānisamsasutta 820 Araññasutta 493, 601 Annabhāra 298, 430 Āraññikasutta 664 Aññākondañña 25 Aratisutta 824 aññāpativedha 961 Ariyadhammasutta 1281, 1297 Aññatarabrāhmanasutta 144 Ariyamaggasutta 480, 1283, 1300 Aññatitthiyasutta 182 Ariyapaccorohanīsutta 1286 Antarāparinibbāyī 212, 839 Ariyasutta 925 Anubuddhasutta 269 Ariyavamsasutta 296 anuggahitacitto 629 Ariyavohārasutta 1023 Anuggahitasutta 513 Asaddhammasutta 926 Anukampasutta 695 Āsamsasutta 99

SÁCH DẪN 1363

Asañkhāraparinibbāyī 839 atinipātam 812 Asañkhatalakkhanasutta 139 Atinivāsasutta 690 asapatī 768 Atittisutta 233 Asappurisadānasutta 629 atiyācanako 602 asatā 148 Attabyābādhasutta 105 Āsavakkhayasutta 563, 1277 Attahitasutta 362 Āsavasutta 784, 1298 Attakārīsutta 747 asecanaka 35 attamanatam 675 Asekhasutta 600 attānam pariharati 50, 903 Āsevitabbadhammasutta 1301 Attantapasutta 457 Āsevitabbasutta 1283 attānuditthi 823 Āsīvisasutta 372 Attānuvādasutta 383 asmimāno 45 Atthaka 668, 671, 869, 870, 1338, 1340 assādaditthi 823 Atthakanāgarasutta 1338 Assādasutta 823 Atthamasutta 1279 Assaddhasutta 468, 584 Atthañgikasutta 469 assāham 485 Atthasutta 1281, 1297 Assājānīyasutta 258, 682, 954 Atthavasasutta 137 Assaka 192, 993 Avajānātisutta 624 Assakhaluñkasutta 256, 955, 1084 avakujja pañño 117 Assaparassasutta 257 Avakujjasutta 117 Asubhasutta 408 Avannārahasutta 350 asuci na muccati 685 Avanti 192, 993 Asucisutta 261 Āvaranasutta 548, 816 asurā 130, 961,963, 964, 965, 1108 Āvāsikasutta 694 Asurasutta 357 avassutāni 943 Atammayasutta 822 Aveccappasannasutta 1206 Atapanīyasutta 51 Avijjāsutta 1203 Ātappakaranīyasutta 140 Āyācanasutta 420 aticaritā 872 Ayonisosutta 95 atimānam 812 ayyasamā 890 r> R babbaja 461,462, 463 Bhaddiya 25, 444, 445, 446, 447, 448, 524 Bāhiya Dārucīriya 26 Bhaddiya Kāligodhāyaputta 25 Bahubhānisutta 687 Bhaddiyasutta 444 Bahukārasutta 111,488 Bhaggā 328,721,722,723,886,976,977,979,999 Bahulīkātabbasutta 1283, 1301 bhāgmī 330 Bahūpakārasutta 695 bhaginīsamā 890 bāhuvikkhepam karoti 957 Bhagu 668, 671, 869, 870 Bakulā 28 Bhaj itabbādisuttāni 1284 Balasutta 492, 683, 713,811, 1062 Bhallikādisuttāni 826 Balībaddasutta 370 Bhanda 269 Baliharana 244, 1182 Bhandanakārakasutta 686 Bārānasī 102, 249, 735, 788, 792 Bhandanasutta 245, 1188 Bhaddā 28, 544, 545, 547 Bhañña 299 Bhaddaji 650, 651 bhanti 1168 Bhaddajisutta 650 Bhāradvāja 668, 671, 869, 870 Bhaddā Kaccānā 28 Bharandu 246, 247 Bhaddā Kāpilānī 28 Bharandukālāmasutta 246 Bhaddakasutta 720 Bhariyāsutta 890 Bhaddā Kundalakesā 28 Bhattādakasutta 617

1364 KINH TĂNG CHI Bô

bhatti 624 Bhojanasutta 331, 529 Bhattuddesakasutta 286, 706 Bhūmicālasutta 1024 bhāva 431 Bījasutta 1263 Bhāvanāsutta 913 Bojjhañgasutta 480, 847, 1262 Bhavasutta 822 Bojjhasutta 996 Bhāvetabbadhammasutta 1301 Brahmacariyasutta 294

Bhāvetabbasutta 1283 Brāhmanapaccorohanīsutta 1285 Bhayasutta 93, 164, 731, 1010, 1245 Brāhmanasaccasutta 430 Bhesakalā 328, 721, 722, 723, 886, 976, 977, Brāhmanasutta 925 979, 999 Brahmasutta 337 Bhikkhunīsutta 402 Byagghapajjā 448, 449 Bhikkhunīsuttādichakka 708 Byākaranasutta 589, 1227 Bhikkhusutta 708, 925 Byāpannacittasutta 495 Bhoganagara 423 Byāpannasutta 234 Bhogasutta 692 Byasanasutta 610, 1322 Bhoja 315,317 C Cakkasutta 300 Cetokhilasutta 683, 1126, 1142 Cakkavattiacchariyasutta 391 Chabyāputta 339 Cakkavattisutta 101 Chalabhijātisutta 782 Candālasutta 654 Chalañgadānasutta 746 Candanaghatikain 675 chandā 208 Cañkamasutta 518 Channa 196 Carasutta 281 Channasutta 196 Cariyasutta 52 Chatthasutta 1279 Cātuddisasutta 600 Chatthavagga 28 Catumahārāj asutta 130 Chavālātasutta 360 Catutthaabhabbatthānasutta 819 Cintīsutta 94 Catutthaanāgatabhayasutta 581 Citta 28, 83, 421, 788, 791, 792, 826 Catutthahitasutta 508 cittālañkāram 870 Catutthakhatasutta 262 Citta Macchikāsandika 28, 826 Catutthapāpadhammasutta 471 cittaparikkhāram 870 Catutthasamādhiśutta 1347 Cīvarasutta 664 Catutthasutta 1278 Codanāsutta 646 Catutthavagga 27, 36 Corasutta 1046 Catutthavinayadharasobhanasutta 923 corīsamā 890 Catutthavinayadharasutta 923 Cūlanikāsutta 205 Catutthavohārasutta 488 Cūlapanthaka 25 Cavanasutta 503 Cunda 523, 1289, 1290, 1291, 1292, 1293 Cetanākaranīyasutta 1134, 1322 Cundasutta 1289 Cetanāsutta 415 Cundī 523, 524, 1051 cetaso vikkhepo 824 Cundīsutta 523 Cetasovinibandhasutta 1127, 1128, 1130 cunna 188 Ceti 192,762,976,977,978,979,981,993,1158,1228 D Dabba Mallaputtā 26 Dānamahapphalasutta 868 dabbhā 459 Dānānisamsasutta 528 daddula 263 Dānavatthusutta 982 dadhi 664 Dantakatthasutta 684 Dakkhinasutta 348 Dānūpapattisutta 984

SÁCH DẪN 1365

Dārukammikasutta 786 Duppativinodayasutta 639 Dārukkhandhasutta 750 Dussīlasutta 474, 512 Dasakammasutta 469 Dūteyyasutta 958 Dasamaggasutta 470 Dutiyaabhabbatthānasutta 818 Dasamasutta 1280 Dutiyaadhammasutta 1268, 1287 dāsīsamā 890 Dutiyaagāravasutta 504, 509 Datthabbasutta 506 Dutiyaagatisutta 286 datti 263 Dutiyaaggasutta 346 Devadatta 340,341,591, 592,794,795,937,939, Dutiyaaggisutta 859 1090, 1228 Dutiyaāghātapativinayasutta 640 Devadattasutta 340 Dutiyaāhuneyyasutta 712, 1012 Devadattavipattisutta 937 Dutiyaājānīyasutta 221, 492, 714 Devadūtasutta 125 Dutiyaakkhantisutta 688 Devalokasutta 105 Dutiyaambasutta 369 Devāsurasañgāmasutta 1108 Dutiyaanāgatabhayasutta 577 Devatāsutta 808, 1080 Dutiyaānandasutta 1179 Dhammadinnā 28 Dutiyaanāyussāsutta 609 Dhammakathikasutta 397 Dutiyaanuruddhasutta 251 Dhammaññūsutta 905 Dutiyaanusayasutta 835 Dhammānupassīsutta 825 Dutiyaaparihānasutta 743 Dhammapadasutta 297 Dutiyaapāsādikasutta 689 Dhammarāj āsutta 612 Dutiyaappiyasutta 934 Dhammasaññī 79 Dutiyaariyāvāsasutta 1150 Dhammassavanasutta 682 Dutiyaasekhasutta 1267 Dhammasutta 1282 Dutiyaassādasutta 232 Dhammasuttam 1298 Dutiyaavannārahasutta 696 Dhammikasutta 770 Dutiyabalasutta 973 dhamsati 334 Dutiyabandhanasutta 959

Dhanasutta 540 Dutiyabhavasutta 203 Dhava 184, 186 Dutiyabhayasutta 382 Dhovanasutta 1265 Dutiyacakkānuvattanasutta 611 Dīghajānusutta 1007 Dutiyacatumahārāj asutta 131 Ditthadhammanibbānasutta 1122 Dutiyacetovimuttiphalasutta 565 ditthinirodhā 874 Dutiyadānasutta 982 Ditthisutta 472, 475 Dutiyadhammavihārīsutta 567 Dona 305, 306, 667, 668, 669, 670, 671 Dutiyadīghacārikasutta 690 Donabrāhmanasutta 667 Dutiyaduccaritasutta 700 Donasutta 305 Dutiyadvebrāhmanasutta 143 Dosaabhiññādisuttāni 497 Dutiyahatthakasutta 971 dovacassatā 824 Dutiyahitasutta 507 Dovacassatāsutta 824 Dutiyaiddhipādasutta 562 dubbannakarano 689 Dutiyaidhalokikasutta 1001 Duccaritasutta 399, 475, 823 Dutiyajhānasuttādisattaka 704 Duccaritavipākasutta 989 Dutiyakālasutta 399 Dukkathāsutta 636 Dutiyakanhasappasutta 693 Dukkhānupassīsutta 839 Dutiyakathāvatthusutta 1211 Dukkhasutta 500, 812, 821 Dutiyakāyaduccaritasutta 700 Dukkhavipākasutta 1282 Dutiyakhamasutta 410 Dukkhudrayasutta 1282, 1298 Dutiyakhatasutta 262, 272 Dullabhasutta 237 Dutiyakodhagarusutta 314 Duppañña sutta 476 Dutiyakosalasutta 1172

Dutiyakulūpakasutta 691 Dutiyasanditthikasutta 764 Dutiyalokadhammasutta 935 Dutiyasaññāsutta 560, 863, 1198 Dutiyamacchariyasutta 697 Dutiyasāranīyasutta 717 Dutiyamaggasutta 473, 476 Dutiyasattakasutta 846 Dutiyamahānāmasutta 1332 Dutiyasekhasutta 587 Dutiyamahāpañhāsutta 1166 Dutiyasikkhāpadasutta 479 Dutiyamanoduccaritasutta 700 Dutiyasikkhāsutta 211 Dutiyamaranassatisutta 728, 1032 Dutiyasikkhattayasutta 213 Dutiyamettāsutta 389 Dutiyasīlasutta 395 Dutiyamittasutta 853 Dutiyasoceyyasutta 242 Dutiyamoranivāpasutta 260 Dutiyasovacassatāsutta 852 DutiyanaḶakapânasutta 1210 Dutiyasukhasutta 1207 Dutiyanānākaranasutta 388 Dutiyasutta 1278 Dutiyanāthasutta 1148 Dutiyatajjhānasutta 811 Dutiyanidānasutta 235 Dutiyatathāgataacchariyasutta 390 Dutiyaniddasasutta 856 Dutiyauggasutta 968 Dutiyanirayasaggasutta 1305 Dutiyaupanisasutta 1136 Dutiyanirayasutta 814 Dutiyaupanisāsutta 1322 Dutiyapaccorohanīsutta 1276 Dutiyaupatthākasutta 608 Dutiyapāpadhammasutta 471 Dutiyauruvelasutta 289 Dutiyapāpanikasutta 106 Dutiyavacīduccaritasutta 700 Dutiyaparihānisutta 848 Dutiyavaddhisutta 561 Dutiyapatisambhidāsutta 855 Dutiyavagga 25, 30, 33 Dutiyapatthanāsutta 616 Dutiyavalāhakasutta 367 Dutiyapiyasutta 830 Dutiyavasasutta 855 Dutiyapuññābhisandasutta 324 Dutiyaverasutta 1093 Dutiyarohitassasutta 316 Dutiyavinayadharasobhanasutta 923 Dutiyasaddhammasammosasutta 633 Dutiyavinayadharasutta 922 Dutiyasaddhāsutta 1029 Dutiyavisākhāsutta 999 Dutiyasamādhisutta 358, 1346 Dutiyavivādamūlasutta 1181 Dutiyasamajīvīsutta 329 Dutiyavohārapathasutta 473, 476 Dutiyasamayasutta 735 Dutiyavohārasutta 488 Dutiyasamayavimuttasutta 630 Dutiyavuddhapabbajitasutta 559 Dutiyasammattaniyāmasutta 632 Dutiyayodhājīvasutta 571 Dutiyasampadāsutta 589, 1034 dutthulla 1182 Dutiyasamvāsasutta 327 dutthullam āpattim 21 Dutiyasañcetanikasutta 1311 IT Hi Ekādasamasutta 1280 EḶeyya 434, 435 ekantanibbidāya 33 Erāpatha 339 Ekāsanikasutta 665 etadaggam 15 CL

Gadrabhasutta 208 Gavesīsutta 660 Gandasutta 1077 Gāvīupamāsutta 1100 Gandhabbā 434, 435 Gayāsīsasutta 1019 Gandhajātasutta 204 Ghosita 198, 349, 402, 413, 483, 591, 599, 638, Gandhāra 192, 993 650, 857, 996, 1105, 1119 garukam āpattim 21 Gihisāmīcisutta 332 Gatisutta 1126 Gihisutta 657 Gavesī 661, 662, 663 Gijjhakūta 169, 214, 298, 340, 430, 435, 750,

770, 771, 776, 777, 782, 842, 845, 878, 668, 671, 672,674, 675, 676, 709, 748, 879, 881,937, 939, 1066, 1067 750, 751, 764,765, 768, 769, 770, 843, Gilânasutta 109, 607 844, 859, 860,862, 865, 866, 867, 901, Girimãnandasutta 1200 944, 945, 946,948, 949, 950, 951, 952, Gĩtassarasutta 684 953 1010, 1047, 1106, 1162, 1163, 1171, Gomagga 124 1247,1249,1250,1251,1252,1273,1274, Gopâlasutta 1340 1275,1276,1285,1286,1293,1294,1296, Gotama 55, 56,61, 65, 105, 142, 143, 144, 145, 13131314 146, 147,148,150,151,152, 153, 155, Gotamakacetiyasutta 245 156, 157, 158, 159, 166, 167, 168, 169, Gotamīsutta 1002 170, 171, 172,245, 247, 269, 290, 303, Goyogapilakkha 249 304, 309, 310,364, 365, 428, 430, 431, Gundā 65 433, 434, 435,444, 447, 478, 519, 667, Gūthabhānīsutta 115 H hasamānakā 765 Hatthakasutta 124, 248 hatā 263 Hatthigāmaka Uggata 29 Hātaka 195, 995 Hatthisāriputtasutta 788 Hatthaka 28, 83, 124, 248, 249, 421, 826, 969, Himavantasutta 732 970, 971 Hirīgāravasutta 852 Hatthaka ÃĮavaka 28, 826 Hirīottappasutta 897 I Icchānañgala 519, 750, 751, 1047 Itthadhammasutta 1214 Icchāsutta 1014, 1036 itthākappam 867 Iddhipādasutta 496 itthālañkāram 867 Inasutta 758 Itthasutta 535 Indriyasamvarasutta 766 itthicchandam 867 Indriyasutta 400, 713 itthikuttam 867 Isipatana 102, 249, 788, 792 itthissaram 867 Issukinīsutta 605 itthividham 867 J Jambālīsutta 421 744, 745, 753, 765, 808, 809, 829, 851, Jambudīpa 36, 1084 852, 855, 931, 991, 996,1055,1059,1069, Jānussoni 55, 56, 146, 153, 428, 768, 865, 867, 1072, 1080, 1081,1133, 1162, 1172, 1188, 1275, 1276, 1285, 1293 1191,1200,1210, 1212, 1216, 1237, 1238, Jānussonisutta 153, 1293 1241, 1247, 1321, 1352 Javasutta 375 Jhānasutta 1102, 1137 Jetavana 1, 93, 108, 196,248, 288, 315, 316, Jigucchitabbasutta 114 319, 339, 366, 455,499, 521, 533 538, Jīvaka Komārabhacca 29, 826, 973 543, 548, 551, 652,711, 723, 742, 743, Jīvakasutta 973 K Kaccāna 64, 65, 66 Kālī 29, 1161 Kadali 124, 166, 893, 1082 Kājīsutta 1161 Kaddamadaha 64 Kāludāyī 27 Kākasutta 1223 kalyānavākkaranatā 40 Kakudhā 591,592 kāmā 431,502, 691 Kakudhatherasutta 591 Kāmabhogīsutta 1241 Kāladānasutta 528 Kāmagunasutta 1125 Kālaka 292, 1232 Kāmasutta 502 Kājakārāmasutta 292 Kamboja 192,349,993 Kāiāma 171, 172, 173, 174, 175, 246, 247 Kambojasutta 349

Kammanidānasutta 1288 Khujjuttarā 29, 83,421, 1051 Kammantasutta 241 Kimatthiyasutta 1133, 1321 Kammasutta 493 Kimbila 682, 749, 750, 885, 1363 Kañcana 194, 995 Kimbilā 682, 749, 885, 1363 Kandarāyana 65 Kimditthikasutta 1247 kanha 263 Kimilasutta 682, 749, 885 Kanhāgotamaka 339 Kiinpurisa 72 Kanhamaggasutta 1283, 1300 kiriyā 961 Kanhasutta 52 Kisāgotamī 28 Kañkhārevata 26 kitthādo 788 Kantakasutta 1213 Kodhagarusutta 351 Kapilavatthu 199, 246, 247, 449, 714, 972, 1002,

Kodhanasutta 892 1185, 1330, 1332, 1333 Kokālikasutta 1236 Kappasutta 401 Kokanudasutta 1253 kappiyasaññī 79 Koliya 448, 591, 592, 1007, 1051 Karajakāyasutta 1312 Kosala 166, 171, 192, 214, 246, 518, 521, 543, Kāranapālī 675, 676 660, 725, 750, 753, 794, 833, 914, 993 Kāranapālīsutta 674 1047, 1106, 1168, 1172, 1174, 1208, 1238 Kārandavasutta 941 Kosalasutta 543 Kāsi 132,192,222,223,537,787,993,1007,1168 Kosambī 198, 349, 402, 413, 483, 591, 599, 638, Kasinasutta 1161 650, 857, 996, 1105, 1119 Kassapa 26, 27, 215, 216, 661, 662, 663, 668, Kosātaki 34, 1263 671,782, 869, 870, 1106, 1200 Kotthikasutta 1074 Kassapagotta 214 Kotihita 788 Kathāpavattisutta 138 kuhakā 584 Kathāsutta 590 Kuhakasutta 584 Kathāvatthusutta 179 Kuhasutta 294 Kātiyānī 29 Kukkuta 544, 545 Katthīsutta 1228 Kulagharikā 29 katūpāsano 316 Kulasutta 491,680, 835, 1078 Katuviyasutta 249 Kulūpakasutta 602 Kavisutta 476 Kumāra Kassapa 26 Kāyānupassīsutta 825 Kumbhasutta 368 Kāyasakkhīsutta 1120 Kundadhāna 26 Kāyasutta 1156 Kuni 192, 993, 1150 Kesakambalasutta 255 kusa 218, 263 Kesamuttisutta 171 Kusalasutta 1297 Kesaputta 171, 172 Kusinārā 244, 346 Kesi 374, 375 Kusinārā 1182 Kesisutta 374 Kusinārasutta 244,346, 1182 Khalupacchābhattikasutta 665 Kusītārambhavatthusutta 1040 Khandhasutta 355 Kūtasutta 505 Khatasutta 96 Khattiyasutta 768 Khemā 28, 83,420, 1051 Khemappattasutta 1123 Khemasutta 765, 1123 Khettasutta 208, 982 Khīnāsavabalasutta 1239 Khippanisantisutta 361, 650 khīyadhammain āpajj anti 7o l

L lahukā āpattīti 21 Licchavī Ābhāya 452 Lakkhanasutta 94 Licchavī Bhaddiya 444 lapako 584 Licchavikumārakasutta 557 Lekhasutta 252 Licchavī Sālha 452 Licchavī 200, 201, 444, 447, 452, 557, 626, 627, Lokasutta 291 675, 676, 677, 841, 842, 948, 949, 1187, Lokāyatikasutta 1106 1213,1214 Lonakapallasutta 223 M Macchā 192, 993 Majjhesutta 792 Macchabandhasutta 725 Makkhali 35, 255, 748, 782 Maccharinīsutta 604 Makkhali Gosāla 35, 782 Maccharīsutta 691 Malasutta 97, 958 Macchariyappahānasutta 704 Mallā 346,993, nil Macchariyasutta 834, 1126 Mallikā 455,456, 543, 1051 Madhurā 65,325,689 Mallikādevīsutta 455 Madhurasutta 689 Mālukyaputtasutta 490 Magadha 192, 288, 303,428, 433,435,436, 591, Māluñkyaputta 490, 491 592, 603, 841, 842, 843, 844, 868, 886, māluvālatā 184 993, 1207 māna 812, 867 Maganda 709 mānābhisamayā 822 maggo 413 Manāpadāyīsutta 537 Mahācorasutta 140, 596 Manasikārasutta 1324 Mahācundasutta 762, 1158 Mandhātā 284, 285 Mahākaccāna 25, 64, 65, 723, 724, 733, 736, mantā 251, 672 1161,1288 mantāya 399, 921 Mahākaccānasutta 733 manussadobhagyam 985 Mahākappina 27, 723, 724 manussasobhagyam 985 Mahākassapa 25,723,724, 1230, 1231 Māra 285, 427, 447, 551, 552, 1023 Mahākotthikasutta 418 Mātāputtasutta 551 Mahākotthita 26,418,419, 1074 mātāsamā 890 Mahālisutta 1187 Mātikādharā 107 Mahāmoggallāna 25, 449, 591, 723, 724, 743, Mātugāmasutta 1305 7 745, 870, 879, 881, 886, 887, 964, Meghiyasutta 1057 1069, 1227 me khāyissanti 821 Mahāmoggallānasutta 411, 743 Mendaka 524, 525, 826 Mahānāma 28,199,200,246,247,557,558,714,715, Methunasutta 865 716,826,972,973,1330,1331,1332,1333 Mettasutta 888 Mahānāma Sakkā 28, 826 Mettāsutta 931, 1338 Mahānāmasakkasutta 199 Micchācārīsutta 494 Mahānāmasutta

714, 972 micchāditthi 823 Mahantattasutta 813 Micchāditthikasutta 605 Mahāpadesasutta 423 Micchāditthisutta 495 Mahāpajāpatī Gotamī 27, 1002, 1003, 1004, Micchattasutta 1262 1005, 1006 Micchāvācāsutta 605 Mahāpanthaka 26 Micchāvāyāmasutta 606 Mahāsālaputtasutta 531 Migāra 62, 63,176,186,437, 753, 833, 963, 995, Mahāsupinasutta 677 999, 1051 Mahāvana 444, 674, 676, 948 Migasālāsutta 756, 1216 mahāvipphāram 983 Mittasutta 254, 628, 807

Moggalla 434, 435 mukhādhānam vidhamsitvā 956 Moggallāna 83, 411, 412, 420, 478, 483, 592, Mūlakasutta 1045, 1198 593, 744, 745, 746, 871, 872, 879, 880, Munda 544, 545, 547 881, 886, 887, 888, 1236, 1237, 1238 muñja 461, 462, 463 Mogharājā 27 Musāvādasutta 350 Moneyyasutta 243 Musāvādīsutta 494 Moranivāpa 260 Mūsikasutta 369 Moranivāpasutta 1328 Mutthassatisutta 685 muddikā 35 N Nagaropamasutta 901 Nesajjikasutta 665 Nāgasutta 378, 753, 1110 Nhātakasutta 925 Nāgita 519, 520, 751, 752, 1047, 1048, 1049 Nibbānasukhasutta 1098 Nāgitasutta 518, 750 Nibbānasutta 422, 821, 839, 1122 Nakula 328, 329, 721, 722, 723, 1051 nibbedhikapañño 432 Nakulamātā 29, 999 Nibbedhikasutta 799 Nakulamātāsutta 999 Nibbidāsutta 562 Nakulapitā 29, 826 Nibbutasutta 146 Nakulapitusutta 721 Nidānasutta 122, 748 Namucī 283 Niddasavatthusutta 840 Nandā 27,83,746,782,871,872,873,940,941,1051 Niddhamanīyasutta 1267 Nandā 28,421 Niganthā 449,450,452, 948, 949, 952,953,1223 Nandaka 27, 176, 1059, 1060 Nigantha Nātaputta 948,949,1106 Nandakasutta 1059 Niganthasutta 200, 1223 Nandamātāsutta 870 Niganthasuttādinavaka 709 Nandana 528 Nigrodha 199, 449, 714, 972, 1002, 1185, 1330, Nandasutta 940 1332,1333 Nandiyasutta 1333 Nijjarasutta 1264 Nappiyasutta 1232 Nikatthasutta 396 Nārada 544, 545, 547 Nimba 34, 1263 Nāradasutta 544 Nimittasutta 229 Nasevitabbādisutta 1302 Nirabbuda 271, 1237, 1238 Ñātasutta 98 Nirayasutta 337, 628, 652 Navamasutta 1280 Nirodhasutta 644, 1123 Navañguposathasutta 1078 Nissāranīyasutta 680, 718 navanītam 664, 902 Nissayasutta 703, 1056, 1177 Nāvindakī 434, 435 Nitthañgatasutta 1206 nemittikā 584 Nīvaranasutta 1125 Nerañjarā 288, 289 Nivesakasutta 202 nesādakule 351 O Obhāsasutta 398 Orimasutta 1287 okāsapharana 617 Orimatīrasutta 1275 omānam 812 otāro 692 Onatonatasutta 352 Ovādasutta 1005 Orambhāgiyasutta 1126 Pabbai itaabhinhasutta 1187 P Pabbajjāsutta 1199 Pabhāsutta 398 Pabbatarājasutta 139 Pacalāyamānasutta 885 pabbate 1161 paccakkhātum 1067

Pacchāsamanasutta 602 Parisāsutta 219, 254, 472, 1023 Pacetana 102 pariyāye 122 Pācittiya 485 Pariyesanāsutta 489 padāletā 253, 1103 pāsānagulena 454 Padhānasutta 50,283,341,344 Pasenadi 455, 521, 543, 753, 1168, 1172, 1174 Padhāniyañgasutta 549 Passaddhisutta 1123 Paduma 1238 Patācārā 28 paggāha 229 Pāialiputta 544, 1338, 1340 Pahânasutta 834 Pathamaabhabbatthānasutta 818 Pahārādasutta 960 Pathamaadhammasutta 1268, 1287 Pahīnasutta 818 Pathamaagāravasutta 503, 509 Pajjotasutta 398 Pathamaagatisutta 286 pakkhahato 351 Pathamaaggasutta 346

Pakkhamānattam 1004 Pathamaaggisutta 859 Palokasutta 147 Pathamaāghātapativinayasutta 640 Pamsudhovakasutta 227 Pathamaāhuneyyasutta 711, 1011 Pānātipātasutta 350 Pathamaājānīyasutta 220, 491, 713 Pānātipātīsutta 473, 475, 494 Pathamaakkhantisutta 688 Pañcāla 192, 993, 1119 Pathamaanāgatabhayasutta 576 Pañcamacchariyasutta 703 Pathamaānandasutta 1178 Pañcamasutta 1279 Pathamaanāyussāsutta 609 Pañcamavagga 27 Pathamaanuruddhasutta 250 Pañcañgasutta 1141 Pathamaanusayasutta 835 Pañcañgikasutta 515 Pathamaaparihānasutta 742 Pañcasikha 1352 Pathamaapāsādikasutta 688 Panditakumāra 200, 201 Pathamaappiyasutta 934 Panditasutta 138 Pathamaariyāvāsasutta 1150 Pañhabyākaranasutta 313 Pathamaasekhasutta 1267 Pañhapucchāsutta 644 Pathamaassādasutta 231 Pañkadhā 214,215 Pathamaavannārahasutta 696 Paññābalasutta 400 Pathamabalasutta 973 Paññāsutta 932, 1089 Pathamabandhanasutta 959 Paññattisutta 284 Pathamabhavasutta 203 Paññāvimuttasutta 1121 Pathamabhayasutta 382 Paññāvuddhisutta 488 Pathamacakkānuvattanasutta 611 pāpamittatā 824 Pathamacetovimuttiphalasutta 564 Papatitasutta 270 Pathamadānasutta 982 Parābhavasutta 849 Pathamadhammavihārīsutta 566 Pārājikā 484 Pathamadīghacārikasutta 690 Parāyanā 121, 122, 313, 871, 872 Pathamaduccaritasutta 699 Paribbājakasutta 144, 298 Pathamadvebrāhmanasutta 142 paribhāsati 770 Pathamahatthakasutta 969 Pāricchattakasutta 908 Pathamahitasutta 507 Parihānasutta 1040, 1196 Pathamaiddhipādasutta 561 parihānim 1192 Pathamaidhalokikasutta 999 Parihānisutta 402 Pathamajhānasutta 704 Parikkamanasutta 1289 Pathamakālasutta 398 Parikuppasutta 610 Pathamakanhasappasutta 693 Parinibbānasutta 1122 Pathamakathāvatthusutta 1210 parinibbāpeti 542 Pathamakāyaduccaritasutta 699 Pariññādisuttāni 496 Pathamakhamasutta 409

Pathamakhatasutta 261, 270 Pathamasukhasutta 1207 Pathamakodhagarusutta 314 Pathamasutta 1278 Pathamakosalasutta 1168 Pathamatajjhānasutta 811 Pathamakulūpakasutta 691 Pathamatathāgataacchariyasutta 389 Pathamalokadhammasutta 935 Pathamauggasutta 966 Pathamamacchariyasutta 697 Pathamaupanisasutta 1135 Pathamamaggasutta 473, 476 Pathamaupanisāsutta 1322 Pathamamahānāmasutta 1330 Pathamaupatthākasutta 608 Pathamamahāpañhāsutta 1162 Pathamauruvelasutta 288 Pathamamanoduccaritasutta 699 Pathamavacīduccaritasutta 699 Pathamamaranassatisutta 726, 1029 Pathamavaddhisutta 560 Pathamamettāsutta 388 Pathamavagga 25, 30, 33 Pathamamittasutta 853 Pathamavalāhakasutta 366 Pathamamoranivāpasutta 260 Pathamavasasutta 855 Pathamanalakapānasutta 1208 Pathamaverasutta 1091 Pathamanānākaranasutta 386 Pathamavinayadharasobhanasutta 923 Pathamanāthasutta 1146 Pathamavinayadharasutta 922 Pathamanidānasutta 234 Pathamavivādamūlasutta 1181 Pathamaniddasasutta 855 Pathamavohārapathasutta 473, 476 Pathamanirayasaggasutta 1303 Pathamavohārasutta 488 Pathamanirayasutta 814 Pathamavuddhapabbajitasutta 559 Pathamapaccorohanīsutta 1275

Pathamayodhājīvasutta 568 Pathamapāpadhammasutta 470 Patibhānasutta 394 Pathamapāpanikasutta 105 Pātibhogasutta 427 Pathamaparihānisutta 847 Paticchannasutta 251 Pathamapatisambhidāsutta 854 Pātidesanīya 486 Pathamapatthanāsutta 614 patiggāha 59 Pathamapiyasutta 829 patighanimittam 3 Pathamapuggalasutta 1012 Patilīnasutta 308 Pathamapuññābhisandasutta 323 Pātimokkha 62, 90,200,282, 290, 307,426,492, Pathamasaddhammasammosasutta 633 1006, 1055, 1058,1147, 1148, 1175, 1176, Pathamasaddhāsutta 1028 1177, 1178, 1179, 1183, 1189, 1212, 1255, Pathamasamādhisutta 357, 1345 1256, 1335 Pathamasamajīvīsutta 328 Pātimokkhatthapanāsutta 1175 Pathamasamayasutta 734 Patisambhidāpattasutta 585 Pathamasamayavimuttasutta 630 Patisañkhānabalasutta 400 Pathamasammattaniyāmasutta 632 patisanthāragāravatā 851 Pathamasampadāsutta 589, 1033 Patisāranīyasutta 1050 Pathamasamvāsasutta 325 Patodasutta 376 Pathamasañcetanikasutta 1308 Pattakammasutta 333 Pathamasanditthikasutta 763 Pattanikiỳj anasutta 1049 Pathamasañññāsutta 560, 862, 1198 Pattapindikasutta 665 Pathamasāranīyasutta 717 Pātubhāvasutta 820 Pathamasattakasutta 845 Pavivekasutta 217 Pathamasekhasutta 587 Pekhuniya 176 Pathamasikkhāpadasutta 478 Pemasutta 463 Pathamasikkhāsutta 210 petā 530 Pathamasikkhattayasutta 213 Phaggunasutta 779 Pathamasīlasutta 395 Phandana 9, 184, 186 Pathamasoceyyasutta 242 Pharusavācāsutta 494 Pathamasovacassatāsutta 852 Phāsuvihārasutta 589, 598

phiyārittam 454 Pubbārāma 186, 437 phusitaggalāni 93 Pubbavideha 206, 1084 pihitavātapānāni 93 Pubbevasambodhasutta 231 Pilindavaccha 26 Puggalappasādasutta 701 Pindolabhāradvāja 25 Puggalasutta 836, 1068 Piñgiyānī 675, 676, 677 pukkusakule 351 Piñgiyānīsutta 676 Punakūtasutta 507 Pisunavācāsutta 494 Puññābhisandasutta 539 Pītisutta 654 Punnaka 121,313 pitta 353 Puññakiriyavatthusutta 985 Piyaka 544, 545, 547 Punna Mantāniputta 25 Piyasutta 694 Punniyasutta 1045, 1226 Potaliya 364, 365 Purisagatisutta 875 Potaliyasutta 364 Purisindriyañānasutta 794 Potthakasutta 221 puthupañño 117 Pubbañgamasutta 1277 Puttasutta 352, 530 Pubbanhasutta 262 R Rādha 27 rathakārakule 351 rāgā 407, 710 Ratthapāla 26 Rāgasutta 823 Rattidivasasutta 815 Rāgavinayasutta 360 Revata 26, 723, 724 Rāhu 284, 321,679 Revata Khadiravaniya 26 Rāhula 26, 421 Rogasutta 401 Rāhulasutta 421 Rohana 176,833 Rājagaha 169, 170, 214, 215, 260, 298, 303, 340, Rohitassa 315,316,317 427, 430, 433, 435, 523, 750, 770, 771, Rohitassasutta 315 776, 782, 842, 878, 937, 939, 973, 1066 rukkhadhamma 773 1067, 1089, 1098, 1230, 1253, 1328 Rukkhamūlikasutta 664 Rajanīyasutta 583 Rukkhasutta 371 Rāj antepurappavesanasutta 1183 Runnasutta 233 Rājāsutta 655 Rūpasutta 338 Rāmaputta 434, 435 S sabbalahuso 989 Sahampati 288, 289, 1237, 1238 sabhāgehi puggalehi 701 Sājīvasutta 561, 643 Sabrahmakasutta 120 Sajjhasutta 1067 Sabyābajjhasutta 96 sajjhāyakatā 672 saccāpeti 1050 Sākacchasutta 561, 643 Sacchikaranīyasutta 437 Sāketa 292, 627, 1106 Sacchikātabbasutta 1284, 1301 sakhīsamā 890 Sacetanasutta 102 Sakkā 28,31,131,423,449,730,772,773,826,888, Sacittasutta 1191

900,939,972,986,1002,1330,1332,1333 Saddhābalasutta 400 Sakkasutta 1185 Saddhammaniyato 820 Sakkhibhabbasutta 810 Saddhammasutta 926, 1283, 1300 Sāla 123, 125, 139, 166,168, 184, 185, 186, 198, Saddhasutta 529, 1325 199, 306, 309, 316, 317, 346, 448, 452 sādhāranam 833 453, 454, 464, 466 490, 531, 537, 564, Sādhusutta 1281, 1297 565, 566, 660, 834, 835, 899, 944, 945, Sāgata 27 946, 951,996, 1107, 1152, 1214

Sālha 176, 177, 178, 179, 452, 453, 454, 455 Sañgārava 155, 156, 157, 672, 674, 1274, 1286 Sālhasutta 176, 452 Sañgāravasutta 155, 672, 1274, 1286 sāli 35 Sañghabhedakasutta 483 samādapeti 36 Sañghabhedasutta 1178 Samādhibhāvanāsutta 312 Sañghādisesa 485 samadhiggayha 769 Sañghasāmaggīsutta 1178 Samādhiparikkhārasutta 859 Sañghāti 384, 942, 943, 1352 Samādhisutta 515, 809, 1136 Sañgho ukkhipati 701 Sāmakasutta 730 Sañkavāsutta 214 Samanabrāhmanasutta 232 sañkhā 1064 Samanasañññāsutta 1262 Sañkhārasutta 111 Samanasukhasutta 609 Sañkhatalakkhanasutta 139 Samanasukhumālasutta 597 Sañkhittūposathasutta 991 Samanasutta 208, 481, 925, 1046 Sañññāsutta 823, 847, 1078, 1323 Sāmanerasutta 703, 1177 Santavimokkhasutta 1138 samāpattīnam 805 santharitum 721 Samāpattisutta 501 Santutthisutta 295 Samathasutta 1193 Santutthitāsutta 824 Sāmāvatī 29, 1051 sappatikammam 21, 1182 samavatthacāre 690 sappatikammam āpattim 21 Samayasutta 550 sappi 664 Sambādhasutta 1119 sappimando 664 Sambodhisutta 1055 Sappinī Í69, 171,298, 430 Samiddhasutta 108 Sappurisadānasutta 629, 987 Samiddhisutta 1076 Sappurisadhammasutta 1283, 1300 Samkhittabalasutta 830 Sappurisanisamsasutta 482 Sarnkhittadhanasutta 831 Sappurisasutta 344, 534, 987 Samkhittasutta 407, 477, 499, 505, 1006, 1018 Sāpūga 448 Sammāditthisutta 344, 355 Sarabha 169, 170, 171 sammannitabbo 1006 Sarabhasutta 169 Sammappadhānasutta 496 Saradasutta 219 Sammāsamādhisutta 603 Sarāgasutta 338 Sammāvattanasutta 1050 Sārajjasutta 595, 638, 652 Sammukhībhāvasutta 137 sārambho 447 samodhānam 769 Sārandada 626, 841, 844, 1024 Sampadāsutta 256, 540 Sārandadasutta 626, 841 sampaticchitvā 679 Sāranīyasutta 98 Samphappalāpasutta 495 Sārasutta 399 Samsappanīyasutta 1306 Sāriputta 24, 25, 45, 62, 63, 83, 108, 109, 121, samudācarati 736 122,251,348,349,402,411, 416, 417, Sāmugiyasutta 448 418, 419,420, 422, 423, 483, 612, 640, Samvarasutta 283 643, 644,645, 646, 648, 649, 650, 655, Samvejanīyasutta 381 657, 658,659, 720, 721, 723, 724, 746, Samyogasutta 867 750, 766,767, 809, 852, 853, 855, 856, Samyojanasutta 52, 354, 393, 834, 1142 857, 868,869, 870, 871, 872, 873 910, Sanditthikadhammasutta 1122 911,912, 913,959, 973, 1036, 1038, 1063, Sanditthikanibbānasutta 1122 1069,1070,1071,1072,1073,1074,1075, Sañgahasutta 300 1076, 1089,1090,1098, 1136,1137, 1192, Sañgahavatthusutta 490 1196,1207,1208,1209,1210,1236,1237, sañganikāpavaddhano 689 1238 1239 1322, 1324, 1347 Sañganikārāmasutta 808 Sāriputtasutta 121, 411, 1137, 1192

Sanratthadhammasutta 1188 Sikkhādubbalyasutta 1125 saritā anussaritā 831 Sikkhānisamsasutta 486 Sasañkhāraparinibbāyī 839 Sikkhāpadasutta 362,467

Sasañkhārasutta 412 Sikkhasutta 1128, 1130 Sāsavasutta 1282 Sikkhāsutta 501 Satibalasutta 400 Sīlabbatasutta 204 Satipatthānasutta 496 Sīlasutta 282, 600, 649, 686 Satisampaj aññasutta 1044 Sīlavantasutta 138, 585 Satisūpatthitasutta 607 Silāyūpasutta 1089 sātiyaggāhāpako 707 Simsapā 124 Sattadhammasutta 885 Sineru 206, 898, 899, 1168 Sattakammasutta 468 Sītibhāvasutta 816 Sattamasutta 1279 Sīvali 26 Sattamavagga 29 Sivathikasutta 700 Sattasūriyasutta 898 Sobhanasutta 276, 695 Sattāvāsasutta 1088 Sobhita 27 Sattaviññānatthitisutta 858 Sokhummasutta 285 Satthusāsanasutta 923 Sona 26, 776, 777 Saupādisesasutta 1072 Sonā 28, 1051 Sāvajjasutta 96, 261, 395, 480, 1282 Sonakāyana 478 sāvasesa 1182 Sonakāyanasutta 478 sāvasesā āpattīti 21 Sona Kojivisa 26 Sāvatthi l, 49, 62, 64, 93, 108, 176, 186, 196, Sona Kutikanna 26 248, 288, 315, 319, 323, 339, 366, 437, Sonasutta 666, 776 455, 499, 521, 533 538, 543, 548, 551, Soppasutta 723 652, 711, 723, 743, 746, 753, 765, 829, Sosānikasutta 664 855, 856, 931, 963 991, 995, 996, 999, Sotānugatasutta 439 1055,1059, 1069,1072,1081,1106,1133, Sotasutta 621 1137, 1162, 1163, 1172, 1188, 1191, 1200, sotti 188 1210, 1212, 1216, 1241, 1247, 1321, 1333 Sottiyasutta 925 Savittha 108, 109 subhanimittam 3 Sekhāna 53 Subhūti 26, 1334, 1335, 1336, 1337 Sekhasutta 742 Subhūtisutta 1334 Sekkhasutta 209 Sucaritasutta 399 semhā 353 Sudatta Anāthapindika 28, 826 Senāsanapaññāpakasuttāditerasaka 706 Sudattasutta 330 Senāsanasutta 1140 Sudhammā 130 Setavyā 305 Sugatavinayasutta 404 setughātam 201 Sujātā 29, 890, 892 Sevanāsutta 1063 Sujātā Senānīdhītā 29 sevitabbā 1194 Sukhasomanassasutta 813 Sevitabbasutta 113, 1284 Sukhumālasutta 132 Seyyāsutta 487 Sukkasutta 52 Sīha 526, 527, 881, 882, 883, 948, 949, 950, 951, Sumanā 521, 522, 1051 952, 953, 954 Sumanasutta 521 Sīhanādasutta 804, 1069, 1153 Suinsumāragiri 721, 886, 976, 977, 979, 999 Sīhasenāpatisutta 526, 881 Sunettasutta 919 Sīhasutta 301, 591, 948 Suppavāsā 29, 330, 1051 Sikhā Moggallāna 478 Suppavāsā Koliyadhītā 29 Sikhī 205,206 Suppavāsāsutta 329 sikkhā 1128, 1130 suppavattīni 1176

Suppiyā 29, 1051 Sutadharasutta 590 Sūrā Ambattha 29, 826 Sutasutta 427 surabhigandham 675 Sutavāsutta 1066 Sussūsatisutta 817 Suvidūrasutta 318 T Tadañganibbānasutta 1122 Tatiyaupanisasutta 1136 Tamotamasutta 351 Tatiyaupanisāsutta 1322 tanhā 888 Tatiyavagga 26,31,35 Tanhāmūlakasutta 1088 Tatiyavinayadharasobhanasutta 923 Tanhāsutta 461, 822, 1205 Tatiyavinayadharasutta 922 Tanhuppādasutta 278 Tatiyavohārasutta 488 Tapanīyasutta 51, 1282, 1298 Tayodhammasutta 1219 Tapassu Bhallikā 28 thambham 812 Tapussasutta 825, nil Thānasutta 379, 441 Tatiyaabhabbatthānasutta 819 Therasutta 585, 1256 Tatiyaadhammasutta 1269, 1288 Thitisutta 1192 Tatiyaagatisutta 286 Thūpārahasutta 487 Tatiyaāj ānīyasutta 221, 714 Tikandakī 627 Tatiyaanāgatabhayasutta 579 Tikandakīsutta 627 Tatiyaavannārahasutta 697 Tikanna 150, 151 Tatiyahitasutta 508 Tikannasutta 150 Tatiyakhatasutta 262 Tikicchakasutta 1266 Tatiyamoranivāpasutta 260 tiracchānakathāpavattaniko 689 Tatiyapāpadhammasutta 471 tirītaka 218 Tatiyasaddhammasammosasutta 635 Tissabrahmāsutta 878 Tatiyasamādhisutta 359, 1346 Tithānasutta 137, 1084

Tatiyasammattaniyāmasutta 633 Titthāyatanādisutta 160 Tatiyasattakasutta 846 Todeyya 434 Tatiyasikkhāsutta 212 Tusitā 193,389,744,756,986,994,1026,1216,1217 Tatiyasutta 1278 U Ubbāhikāsutta 1176 Uggā Vesālikā 28 Ubhatobhāgavimuttasutta 1121 Ugghatitaññūsutta 394 Ubhayasutta 410 Ujjaya 309, 1010 ucchañga pañño 117 Ujjayasutta 309, 1010 Udakarahadasutta 369 Ukkalā 299 Udakūpamāsutta 836 ukkāmukha 229 Udaya 122 ukkāmukhe 166 Udāyī 206, 207, 310, 638, 644, 645, 736, 737, Ukkatthā 305 753,754, 1098, 1105, 1119 Ukkhittāsikasutta 821 Udāyīsutta 310,638,736 ūmibhayasutta 384 uddesam 209 Ummaggasutta 432 Uddhaccasutta 824 ummaggo 432 Uddhambhāgiyasutta 1126 upadamseti 696 Uggā 28, 434, 435, 537, 538, 826, 833, 966, 967, upādānakkhandhasutta 1126 968, 969 Upahaccaparinibbāyī 212, 839 Uggaha 524, 525 Upajjhāyasutta 552 Uggahasutta 524 Upaka Mandikāputta 435, 436 uggā rājaputtā 901 upakannakajappī 602 Uggasutta 833 Upakasutta 435

upakkilesasutta 321, 510 Uppādāsutta 254 Upāli 27,923,924,1175,1176,1177,1178,1257, Uppādetabbadhammasutta 1300 1258, 1260, 1261 Uppādetabbasutta 1283 Upālisutta 1175, 1257 uppalavannā 28, 83, 420 upaññātasutta 51 Umvelā 288, 289 upasampadāsutta 1176 Uruvela Kassapa 27 upasampādetabbasutta 703 Usīra 186 upasena Vañgantaputta 26 Ussañkitasutta 595 Upāsikāsutta 1305 Ussūrabhattasutta 692 upavāna 419, 645, 646 Uttarakurū 206 upavānasutta 419 Uttarā Nandamātā 29 Upavattana 346 Uttaravipattisutta 938 uposatha 130,186, 187, 190, 191,192, 194, 868, Uttarimanussadhammasutta 812 964, 1185, 1208, 1210, 1275, 1367 Utthānaphalasutta 394 Uposathasutta 186,437, 963 Uttiyasutta 1251 V Vācāsutta 679 Vassakārasutta 303, 433, 842 Vacchagotta 148, 166 Vassasutta 679 Vacchagottasutta 148 Vassūpanāyikasutta 52 Vaddhisutta 1215 Vedagūsutta 925 vadhakasamā 890 Vedalla 580 Vādīsutta 397 Vedehi 436, 842, 843, 844 Vāhanasutta 1225 Velāmasutta 1081 Vajirūpamasutta 112 Velukandakī 421, 746, 870, 871, 872 vajjabhīruno 50 Veḷuvana 303,427, 523, 682, 1098 Vajjasutta 49, 1298 Venāgapura 166 192,209,269,557,841,842,843,844,968,993 Venāgapurasutta 166 Vajjiputtasutta 209 venakule 351 Vajj iyamāhitasutta 1249 Verañjā 325, 944, 960 Vakkali 26 Verañjasutta 944 vālandupaka 190 Verasutta 653 vājayakkhā 689 Vesālī 200, 209, 245, 444, 452, 526, 537, 538, Vāmadeva 668, 671, 869, 870 557, 607, 626, 674, 675, 676, 826, 841, Vāmaka 668, 671, 869, 870 844, 881, 898, 948, 949, 953, 966, 968, Vamanasutta 1267 995, 1002, 1005, 1006, 1024, 1187, 1213, vanabhañga 959 1338, 1340 Vandanāsutta 262 Vesārajjasutta 277 Vañga 192 Vessāmittā 668, 671, 869, 870 Vañgīsa 26 Vibhattisutta 417 Vanijjasutta 348 vihimsati 770 Vanijjāsutta 655 Vijjābhāgiyasutta 745 Vannanāsutta 604 Vijjāsutta 1139, 1264 Vapakāsasutta 609 Vimokkhasutta 1022 Vappa 449,450, 451,452 Vimuttāyatanasutta 513 Vappasutta 449 vīnā 776 Varadhara 298, 430 Vinayasaññī 79 Varanā 64 Vinibandhasutta 683 Vāseitha 668, 671, 826, 869, 870, 996 Vipākasutta 1299 Vāsetthasutta 995 Vipallāsasutta 319 Vassa 299 Vipattisampadāsutta 239 Vassakāra 303,427,428, 433, 435, 842, 844 Vipattisutta 849

Virūpakkha 339 vissatthupasevī 602 Visākhā 319 Vitakkasutta 823 Visākhā 29, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, Vītarāgasutta 583 193, 194, 833, 890, 995, 999, 1000, 1001, Vitthārasutta 407, 477 1051 Vitthatabalasutta 830 Visākhā Migāramātā 29 Vitthatadhanasutta 832 Visākhā Pañcāliputta 319 Vitthatasutta 499, 506 Visākhasutta 319 Vitthatūposathasutta 992 Visākhāsutta 995 vitudati 770 visamā 140 Vivādamūlasutta 745 Visamasutta 261 Vivādasutta 1181 Visāradasutta 652, 1305 Voropitasutta 817 visesabhāgiyā 810 Vuddhisutta 256

Yāgusutta 684 Yathābhatasutta 501 Yakkhā 148 yathāsakam 793 Yāmā 125, 126, 127, 128, 129 Yathāsanthatikasutta 665 Yāmā 193,744,986,993 Yodhājīvasutta 253,426 Yamadaggi 668, 671,869, 870 yogā 278 Yamaka 434, 435 Yogasutta 278 Yasasutta 1047 yojana 898 Yassamdisamsutta 613 Yuganaddhasutta 413

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯ0NG PHẤP BÀO CAO QUÝ / ượng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử l đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các Tổ đình, tự viện, tịnh xá. Sau đây là các đơn vị ủng hộ: -Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc an hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

HÔI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHA XUAT bản hong đức
65 Tràng Thi- quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031
TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN PHẬT GIÁO VIỆT NAM 04
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA Bô 04
KINH TĂNG CHI BÔ
(Aftguttara Nikāya)

Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU
Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc BÙÍviỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung Tổng biên tập LY BA TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in SC.TN. Hạnh Thường, SC.TN. Tịnh Huệ, SC.TN. Liên Kỉnh, Liên Ngọc, Ngọc Thanh, Ngọc Hoa

Trình bày Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

In: 7.000 bản, khổ: 19x27 em, tại Công ty CPIn Khuyến học phía Nam (Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phủ Trung, Củ Chi, Thành phổ Hồ Chí Minh). SốXác nhân đăng kỷXB: 4596-2020/CXBIPH/02 - 91/HĐ. số QĐXB của NXB: 798/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 10/11/2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021. Mã sổ sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-189-0 ISBN: 978-604-318-189-0

l® 9II786043II1 81 89011

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.